

ĐẠI SƯ TÔNG BỔN

NGUYỄN MINH TIẾN dịch và chú giải

NGUYỄN MINH HIỂN hiệu đính Hán văn

歸元直指

QUY NGUYÊN TRỰC CHỈ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

LỜI NÓI ĐẦU

Quy nguyên trở chạ là một trong số rất ít tác phẩm văn học Phật giáo được truyền lại từ cách đây cả ngàn năm. Mặc dù mục đích chính của sách này là khuyên người tu tập, làm lành lánh dữ, niệm Phật cầu vãng sanh, nhưng với văn tài của các tác giả, tập sách này đã thực sự có được một giá trị văn chương rất độc đáo.

Sách ra đời vào triều đại Nam Tống của Trung Hoa, có lẽ đã được soạn trong khoảng cuối thế kỷ 11. Nhờ được lưu giữ trong **Nại tạng kinh**, nên văn bản có thể nói là khá hoàn chỉnh, không có nhiều nghi vấn. Ngược lại, một số đoạn văn trích dẫn trong sách này còn gợi ra những vấn đề khá thú vị cho việc nghiên cứu. Chẳng hạn, có đoạn dẫn sách **Tam giáo pháp** soá cho biết chính xác Lão tử sinh vào năm 605 trước Công nguyên. Dĩ nhiên, chúng ta không thể tin chắc vào một trích dẫn đơn thuần như thế này, nhưng với một vấn đề đã làm đau đầu các nhà nghiên cứu từ nhiều năm nay như niên đại của Lão tử, thì đây rõ ràng là một thông tin hết sức thú vị. Hoặ như bản kinh **Thi-ca-la-vie** **lũc phồông leābai** được khắc in nguyên vẹn trong sách này lại hoàn toàn khác hẳn với bản kinh cùng tên do ngài An Thế Cao dịch được lưu giữ trong **Nại tạng kinh**...

Với giá trị văn chương phong phú cũng như nội dung chứa đựng nhiều tư tưởng, lập luận sâu sắc, chúng tôi tin rằng bản dịch được giới thiệu lần này kèm theo nguyên tác Hán văn sẽ đóng góp được phần nào cho công việc nghiên cứu cũng như sự tu tập hành trì Phật pháp. Rất mong sớm nhận được sự góp ý xây dựng cũng như những lời chỉ giáo từ quý độc giả gần xa.

NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN

歸元直指序

延慶寺。沙門一元宗本編
 寶雲寺。沙門澹雲福慙較
 鹿園居士仝較
 空諸居士重閱
 沙門律傳音義

嘗謂教門之利害有四。一曰師授不明邪法增熾而喪其真。二曰戒法不行綱常紊亂而犯其禁。三曰教理未彰謬談非義而惑其眾。四曰行願不修迷入邪歧而墮於魔。

由是亂名改作聾瞽後學非止一端可傷乎哉。

噫。祖道之不傳也久矣。欲人之無惑者難矣。

吾雖不敏而實悲焉。是則詢求大教參考玄文楷定正宗破諸異說。

故此一卷謂之辨明真偽普勸修持。

QUY NGUYÊN TRỰC CHỈ TỰ

Diên Khánh tự, sa-môn Nhất Nguyên Tông Bản biên
Bảo Vân tự, sa-môn Đàm Vân Phước Ân giáo
Lộc Viên cư sĩ đồng giáo
Không Chư cư sĩ trùng duyệt
Sa-môn Luật Truyền âm nghĩa

Thồông vò, giào moãn chi lồi hải hõu tồu Nhaá vieá, sỏ
 thoí baá minh, taøphaøp taøng xí, nhi taøng kyøchaãn. Nhò vieá,
 giõuø phap baá hánh, cang thồông vaãn loaãn nhi phain kyø
 caãn. Tam vieá: giào lỳvò chồong, maũ ñam phi nghóa, nhi
 hoaẽ kyøchuøng. Tồuvieá, hánh nguyẽn baá tu, meãnhaøp taø
 kyø nhi ñoã ò ma.

Do thò loaãn danh caũ taũ, lung coãhaũ hoẽ, phi chãnhoũ
 ñoan, khaũthồong hoàtai!

Y, toãñaõ chi baá truyeãn daõcõu hyõ Duẽ nhaãn chi voã
 hoaẽ giaũnan hyõ

Ngoãtuỹ baá maũ, nhi thõr bi yeãn. Thò taẽ tuaãn caũ ñaĩ
 giào, tham khaũ huyeãn vaãn, giai ñòngh chính toãng, phaũchỏ
 dò thuyeá.

Coãthồũnhõu quyẽn, vò chi bieãn minh chaãn nguyỹ, phỏ
 khuyeãn tu trì.

LỜI TỰA SÁCH QUY NGUYÊN TRỰC CHỈ

*Sa-môn Nhất Nguyên Tông Bốn, chùa Diên Khánh
ghi chép*

*Sa-môn Đạm Vân Phước Ân, chùa Bửu Vân và cư
sĩ Lộc Viên đọc duyệt*

Cư sĩ Không Chư đọc duyệt lần thứ hai

Sa-môn Luật Truyền soạn phần âm nghĩa

Tôi⁽¹⁾ thường suy nghĩ: Chỗ lợi hại trong việc tu hành có bốn điều. Một là thầy dạy không sáng suốt, tà kiến phát triển, làm mất đi sự chân thật. Hai là không thực hành theo giới luật, khiến cho giềng mối rối loạn, phạm vào những điều nghiêm cấm. Ba là không thấu hiểu giáo lý, biện luận sai lệch ý nghĩa, làm cho kẻ khác mê lầm. Bốn là không tu các hạnh nguyện, mê lạc vào đường tà, rơi xuống đường ma.

Do những điều ấy mà rất nhiều nghĩa lý bị rối loạn, sửa đổi, làm cho những kẻ hậu học phải như đui như điếc,

⁽¹⁾ Lời ngài Nhất Nguyên Tông Bốn.

không còn thấy nghe được Chánh pháp, thật đáng xót thương thay!

Ôi! Đạo Tổ từ lâu đã không truyền nối,⁽¹⁾ muốn cho người ta không lầm lạc thật là rất khó!

Nhất Nguyên này tuy chẳng đủ tài trí nhưng thật sự có lòng thương xót, nên cố sức tìm cầu trong Chánh giáo, đọc khắp các bản văn hay, rồi theo đó mà xác định lại tông chỉ chân chánh, trừ phá những luận thuyết sai lệch.

Nhân đó mà soạn ra quyển sách này, với mục đích phân biệt rõ ràng mọi lẽ chánh tà, rộng khuyến mọi người cùng gắng sức tu trì.⁽²⁾

⁽¹⁾ Từ lâu đã không truyền nối: đây nói sự truyền nối theo cách trực tiếp như trước kia, lấy y bát làm tín vật. Cách truyền nối như thế đã dừng lại từ sau đời Lục Tổ Huệ Năng. Các Tổ sư đời sau chỉ còn “lấy tâm truyền tâm”, người chứng đạo tuy nhiều nhưng thấy đều tự biết, không lấy gì làm bằng cứ.

⁽²⁾ Trong bản khắc gỗ, lời tựa này được đặt ở đầu quyển hạ, còn ở đầu sách là lời tựa của những lần khắc bản in lại, do nhiều vị khác viết ra và đưa thêm vào mỗi lần in. Chúng tôi xem kỹ nội dung thấy lời tựa này tuy ngắn gọn nhưng đầy đủ ý nghĩa, và đặc biệt là do chính ngài Tông Bốn soạn ra, nên đã bỏ đi các bài khác mà thay vào bằng bài này.

歸元直指

卷上

念佛正信往生文

蓮宗寶鑑云。夫唯心樂國，普徧十方。自性彌陀圓融一智，妙應於色聲之境，流光於心目之間。就中，返妄歸真。直下，背塵合覺。

昔我法藏發弘誓，啟極樂之玄途。故佛世尊指西方，示韋提之妙域。示乃，廣長舌覆而同讚。諸餘經盡而獨留。

蓋以，利生之喜捨心增。應化之慈悲量大。教分九品，乃別開方便之門。觀明一心，實徑直還源之路。聖凡際會，如久客歸於家鄉。感應道交，似稚子投於慈母。

昧斯至理，觸類皆迷。信此圓談，事無不達。况復慈光願攝，佛力難思。順水乘船，不勞自力。推門落白，豈有他哉。有願必迎。無機不被。舟石可濟。獄火頓消。

QUY NGUYÊN TRỰC CHỈ

QUYỂN THƯỢNG

Niệm Phật chánh tín vãng sanh văn

Liên Tông Bảo Giám vân: Phụng duy tâm lạc quốc, phổ biền thập phương. Tự tính彌陀 viên dung nhất trí, diệu ứng ở sắc thanh chi cảnh, lưu quang ở tâm mục chi gian. Tựu trung, phản vọng quy chân. Trắc hải bố trần hiệp giác.

Tích ngã Pháp Tăng phát nguyện thế khai Cốt Lạc chi huyệch nã CoáPhả ThếToàn chạ Tây phông, thò Vi-nhệch chi diệu võch. Thò nã, quang trông thiệch phuñhi ñông tâm. Chỗ dĩ kinh tâm nhi ñoã lậu.

Cã dĩ, lợi sanh chi hyúxaítã tâm tăng. Ứng hoá chi từ bi lượng lớn. Giáo phân cửu phẩm, nã biệt khai phông tiền chi môn. Quán minh nhất tâm, thã kính trồch hoan nguyện chi lộ Thành phạm teãhoã, nhõ cửu khai quy ở gia hồng. Cảm ứng ñã giao, tở trí tở ñã ở tở mã.

Muõ tở chí lý xừ loại giai mã Tín thõuviệch ñã, sỡ vôãbã ñã. Huóng phứ tở quang nguyện nhiếp, Phả lữ nan tở. Thuã thuý thõ thuyệch, bã lao tở lữ. Suy môn lạc cửu, khõ hõ tha tai. Hõ nguyện tá nhĩnh. Vôc bã bõ. Chã thãch khãteã Ngũ hoã ñã tiã.

菩薩，聲聞生彼者無量無數。前賢後聖得道者可檢可尋。鸚鵡，頻伽，尚有法音演唱。娟飛蛭動悉蒙教化恩慈。

聖境非虛，佛言不妄。何乃，愛河浪底沈溺而不憂。火宅焰中焚燒而不懼。密織癡網，淺智之刃莫能揮。深種疑根，汎信之力焉能援。遂卽，甘心伏意，幸禍樂災。卻誹清淨之邦。貪戀煩惱之世。

焦蛾爛蠶，自處餘殃。籠鳥鼎魚，翻稱快樂。皆由，善力微而業力勝。信根少而罪根多。

是以，三界茫茫，四生擾擾。盡貪生而兀兀，孰解知歸。悉遂業以悠悠，不求出要。過去生死，劫石難窮。未來輪迴，芥城莫盡。

匪夙生之有幸，豈得遇於斯因。擊鼓開圜圜之門，宜應速出。逢舟濟沈淪之難，詎可遲疑。敬順金文善隨佛學。不聞不解者。可痛可傷焉。矧此，五濁惡世，四面火焚。唯佛一人力能救援。

既聞妙法，宜植淨緣。一念信誠，萬德因

BoàTàt, Thanh vañ sanh bəgiaiñoalōōng voàsoáTieñ hiềñ, hañ thanh, ñáé ñăb giaúkhaukieñ khaitàñ. Anh vuổ tầngià, thōōng hōū phạp àn dieñ xōōng. Quyềñ phi, nhuyềñ ñoàng, tá tá moàng giạò hoà àn tồ

Thành cảnh phi hồ. Phả ngôn bát võng. Hảnañ, ài hañ lañg ñeàtrañ nòch nhi bát ồ. Hoà trạch dieñ trung, phàn thiềñ nhi bát củ Mã chồ si võng, thiềñ trí chi nhàn mã ñaàng huy. Thañ chùng nghi càn, phiềñ tín chi lờc yeñ naàng vieñ. Toaï tồ, cam tâm phưc yù hảnh hoà lả tai. Khồu phạ thanh tồh chi bang. Tham luyềñ phiềñ ñoñ chi theá

Tieñ nga lañ kieñ, tồixōūdō oōng. Lung ñieñ ñanh ngō, phiềñ xōng khoañ lả. Giai do, thiềñ lờc vi nhi nghiềp lờc thaóng. Tín càn thiềñ nhi toá càn ña.

Thò dó, tam giồ mang mang, tồsinh nhieñ nhieñ. Tañ tham sanh nhi ngoñ ngoñ, thừc giañ tri quy. Tá toaï nghiềp dó du du, bát càn xuaá yeñ. Quaùkhōsinh tồu kiep thanh nan cung. Vô lai luañ hoà, giồ thanh mã tañ.

Phạtuệ sanh chi hōū hảnh, khồ ñáé ngoã tồ nhàn. Kích coàkhai linh ngōochi moñ, nghi oōng toá xuaá. Phung chañ teàtrañ luañ chi ñañ, cõi khauñtri nghi. Kính thuañ kim vañ thiềñ tuy Phả hỏ. Bát vañ bát giañ giañ Khaùthoàng khau thōong yeñ. Thañ thồu nguotrồc àu theá tồdieñ hoà phàn. Duy Phả nhạ nhàn lờc naàng cồu vieñ.

Kyùvañ dieñ phạp, nghi thừc tồh duyềñ. Nhạ ñieñ tín thanh, vañ ñồu nhàn chùng. Tồ teàtieñ triềc, hy ngoáchàn

種。思齊先哲，希悟真常。普皆如說奉行。盡心頂禮信受。

問曰。既言信者，未知信何法門。答曰。信憑經中佛說，念佛定生淨土。信念佛定滅諸罪。信念佛定得佛護。信念佛定得佛證。信念佛臨終定得佛來迎接。

信念佛往生，定得不退地。信念佛生淨土，定不墮三惡道。所以勸信念佛，受此法，持此念，則往生淨土必矣。

是故三世諸佛，諸大菩薩，歷代祖師，須諸功行，具大願力，入佛境界，成就菩提，未有不從這箇信字而入者。

華嚴經云。信為道元，功德母。信能長養諸善根。信能超出眾魔路。信能得入三摩地。信能解脫生死海。信能成就佛菩提。

嗟乎。今時齋人，信持戒而不信念佛。信奉佛而不信往生淨土。是皆自失其大利也。

故維摩云。深信堅固，猶如金剛。欲到西方，要由深信。

君看淨土恒沙佛。

盡是當年正信人。

thông. Phóngiại nhô thuyế phưng hành. Tãn tâm nãm leá tín thoi

Vãn viế: Kyùngôn tín giâu vò trí tín hạp pháp môn. Nạp viế: Tín bãng kinh trung Phã thuyế, niễ Phã nòn sinh Tòn nĩa Tín niễ Phã, nòn dieá chớ toá. Tín niễ Phã, nòn nĩa Phã hoá Tín niễ Phã, nòn nĩa Phã chòm. Tín niễ Phã, laãn chung nòn nĩa Phã lai nghinh tiếp.

Tín niễ Phã vãng sanh, nòn nĩa bá thóa nĩa. Tín niễ Phã sanh Tòn nĩa nòn bá nĩa tam à nĩa. Sôúđó khuyế tín niễ Phã, thoi thoi pháp, trí thoiniễ, táe vãng sanh Tòn nĩa tá hyó

Thò cóátam theáchớ Phã, chớ nĩa Bò Tá, lóch nĩa Toásó, tu chớ công hành, củ nĩa nguyễ lố, nạp Phã camh giou, thanh tৌ Bô-đề, vò hৌ bá tung giâu cútín tৌ nhi nạp giâu

Hoa Nghiễ kinh vãn: Tín vi nĩa nguyễ, công nৌ ma. Tín nãng trôm đom chớ thieá cá. Tín nãng sieá xua chum ma loá Tín nãng nĩa nạp Tam-ma nĩa. Tín nãng giâu thoá sanh tৌha. Tín nãng thanh tৌ Phã Bô-đề.

Ta hoá Kim thৌ trai nĩa, tín trí giou nhi bá tín niễ Phã. Tín phưng Phã nhi bá tín vãng sanh Tòn nĩa Thò giai tৌ thá kyonai loi daó

Cóá Duy-ma vãn: Thãn tín kieá cóá du nhô kim cang. Dư nĩa Tây phông, yeá do thãn tín.

Quân khán Tịnh độ hằng sa Phật.

Tận thị đương niên chánh tín nhân.

1. Chánh tín niệm Phật sẽ được vãng sanh⁽¹⁾

Sách Liên Tông Bảo Giám⁽²⁾ nói rằng: “Tâm thể chính là cõi Cực Lạc⁽³⁾ trải khắp mười phương.⁽⁴⁾ Tự tánh là đức Di-đà⁽⁵⁾ tròn đầy trí giác.⁽⁶⁾ Mẫu nhiệm ứng theo thanh sắc nơi ngoại cảnh,⁽⁷⁾ tỏa sáng nơi tự tâm.⁽⁸⁾ Bởi vậy, bỏ mê vọng liền về chân thật, thẳng lia trần ai tức là giác ngộ.”⁽⁹⁾

“Thuở trước ngài Pháp Tạng phát lời nguyện lớn, khai mở con đường nhiệm mẫu sang Cực Lạc.⁽¹⁰⁾ Cho nên đức

⁽¹⁾ Bài văn này nói ý nghĩa của việc niệm Phật, lấy chánh tín làm nhân, lấy vãng sanh Tịnh độ làm quả.

⁽²⁾ Liên tông bảo giám là bộ sách 10 quyển, của ngài *Ưu-đàm* Tông chủ (cũng có tên là Phổ Độ), giảng thuyết và xiển dương pháp tu Tịnh độ.

⁽³⁾ Kinh *Duy-ma* nói: “Tùy tâm mình tịnh thì cõi Phật tịnh.” (Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh. - 隨其心淨則佛土淨。)

⁽⁴⁾ Trải khắp mười phương: Mười phương hư không đều do nơi tâm mà hiển hiện ra; tâm thể bao quát tất cả các cõi thế giới nhiều như số hạt bụi nhỏ li ti.

⁽⁵⁾ Tự tánh là đức Di-đà: Tự tánh của mỗi chúng sanh tức là Phật, bởi vì hết thấy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh.

⁽⁶⁾ Tròn đầy trí giác: Tất cả các chúng sanh đều tự có sẵn trí huệ của Như Lai, chỉ do vô minh che lấp, mê muội nên không phát lộ được.

⁽⁷⁾ Mẫu nhiệm ứng theo thanh sắc nơi ngoại cảnh: Âm thanh và hình sắc là hai trong sáu yếu tố ngoại cảnh, gọi là sáu trần (lục trần): hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, xúc chạm, pháp trần. Nói thanh sắc là cách nói gọn, thật ý là muốn chỉ cả sáu trần. Nếu tâm thanh tịnh thì ứng hiện ra sáu trần cũng thanh tịnh, mẫu nhiệm như thật tướng.

⁽⁸⁾ Tỏa sáng nơi tự tâm: Nguyên văn là “*lưu quang ư tâm mục chi gian*”. Phần số giải có ghi: “*Cử tâm xúc mục tức thị Bồ-đề, cố viết lưu quang*” (舉心觸目即是菩提, 故曰流光。) Nói theo ý của câu trên, tức là khi tâm thể thanh tịnh, mọi sự xúc chạm, thấy nghe đều là cảnh trí giác ngộ. Nên nói là “*tỏa sáng nơi tự tâm*”.

⁽⁹⁾ Tự tánh trí giác vốn sẵn có xưa nay, chỉ cần dứt bỏ mê vọng, lia khỏi trần cấu thì trí tuệ tự nhiên hiển hiện. Nên Thiên tông nói: “*Tâm địa nhược thông, tuệ nhật tự chiếu*.” (心地若通, 慧日自照。)

⁽¹⁰⁾ Kinh Cổ Âm ghi rằng: “Về thời quá khứ cách nay vô số kiếp, có đức Phật Tự Tại Vương ra đời độ chúng sanh. Khi ấy có vị Luân vương tên *Kiều-thi-ca* nghe pháp giác ngộ, bèn bỏ ngôi vua, theo Phật xuất gia, hiệu là Pháp Tạng. Khi ấy, ngài Pháp Tạng đối trước Phật phát 48 lời nguyện lớn thanh

Thế Tôn mới chỉ về phương Tây mà dạy cho bà *Vi-đề-hy* biết rõ cõi diệu huyền.⁽¹⁾ Khi ấy, mười phương chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài mà xưng tán.⁽²⁾ Nên báo trước rằng khi các kinh khác đều đã mất, sẽ chỉ riêng lưu lại bộ kinh *A-di-đà*.⁽³⁾

“Bởi vì, tâm hỷ xả làm lợi ích chúng sanh càng nhiều thì lượng từ bi ứng hóa càng thêm lớn. Giáo pháp phân chia chín phẩm, riêng mở phép tu này làm phương tiện; một lòng xét rõ, thật đây là nẻo tắt quay về nguồn cội. Thánh phàm gặp gỡ là duyên, như khách phương xa trở về quê cũ; cảm ứng giao thông là đạo, như trẻ thơ quần quít mẹ hiền.

“Những ai mê muội không hiểu rõ lý này, đối trước ngoại cảnh thấy đều lầm lạc; những ai có lòng tin trọn vẹn, mọi sự ắt đều hiểu thấu. Huống chi lại còn được sức nguyện lực khôn lường của đức Phật, phóng hào quang

tịnh, tiếp dẫn chúng sanh về cõi Cực lạc. *Tỳ-kheo* Pháp Tạng thuở xưa, nay chính là đức Phật *A-di-đà*, quả thành như nguyện.”

⁽¹⁾ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật ghi rằng: “Thái tử *A-xà-thế* tại thành *Vương-xá*, nghe lời xúi giục của *Đề-bà-đạt-đa* nên giam cầm vua cha là *Tần-bà-sa-la*, chẳng cho ăn uống. Mẹ của thái tử là bà *Vi-đề-hy* đem bánh bột và nước lén dâng lên vua. Thái tử nghe biết chuyện ấy, muốn giết mẹ đi. Các quan đại thần ngăn cản, *A-xà-thế* bèn giam mẹ vào ngục tối. Phu nhân sầu khổ, lễ Phật, nguyện được sanh về thế giới không có sự ác nghịch. Phật vì bà mà phóng hào quang hiện cho thấy các cõi thế giới trong sạch mười phương để bà lựa chọn. Phu nhân vui mừng, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc ở phương tây. Phật nhân đó ngợi khen pháp môn niệm Phật, dạy bà chuyên tâm niệm danh hiệu đức Phật *A-di-đà*, sẽ được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật ấy.

⁽²⁾ Khi đức Phật *Thích-ca* giảng thuyết kinh *A-di-đà*, chư Phật trong mười phương đều hiện tướng lưỡi rộng dài bao trùm các cõi thế giới, tỏ lời xưng tán đức Phật *Thích-ca* và kinh *A-di-đà*. Tướng lưỡi rộng dài là tướng trạng hiện ra để minh chứng cho lời nói chân thật không hư dối.

⁽³⁾ Phật dạy rằng khi Chánh pháp sắp diệt mất, kinh Thủ Lăng Nghiêm sẽ bị mất trước nhất, sau đó các kinh khác cũng dần dần mất đi, duy chỉ còn kinh *A-di-đà* sẽ còn lại cho đến giai đoạn cuối cùng để cứu độ vô lượng chúng sanh.

từ bi tiếp độ, như thuyền xuôi theo nước, chẳng cần nhọc sức; cửa đẫy cối rơi, quyết chắc như vậy. Đã lập nguyện tất được đón về; không cơ duyên nào không ứng tiếp. Như tảng đá nặng nhờ thuyền có thể nổi trên mặt nước;⁽¹⁾ như lửa địa ngục có thể nhờ sức niệm Phật mà tức thì diệt mất.⁽²⁾

“Hàng Bồ Tát, Thanh văn vãng sanh về cõi ấy số nhiều không kể xiết. Bậc hiền thánh từ trước về sau, người đắc đạo có thể thấy biết rất nhiều. Chim anh vũ, tần-già⁽³⁾ mà còn diễn xướng pháp âm; nên những loài biết bay biết chạy, hẳn đều được nhờ ơn lành giáo hóa.

“Cảnh giới bậc thánh vốn không hư vọng; lời Phật nói ra không thể sai lầm. Vì sao lại chìm đắm giữa giòng

⁽¹⁾ Kinh *Tỳ-kheo* Na-tiên ghi đoạn vua Di-lan-đà hỏi ngài Na-tiên rằng: “Sa-môn các ngài dạy rằng: Người ta dù làm đủ các điều ác, cho đến lúc sắp chết quay lại niệm Phật. Như vậy sau khi chết liền được sanh về tịnh độ. Trẫm không tin điều ấy. Lại còn nói rằng: Chỉ cần giết hại một sanh mạng, khi chết phải đọa vào địa ngục. Trẫm càng không thể tin được!” Na-tiên hỏi vua: “Này đại vương, như có người cầm hòn đá nhỏ ném xuống mặt nước. Đá ấy nổi hay chìm?” Vua đáp: “Tất nhiên là chìm.” Na-tiên lại hỏi: “Như có người lấy cả trăm hòn đá to mà xếp lên thuyền lớn, thuyền ấy có chìm không?” Vua đáp: “Không chìm.” Na-tiên nói: “Hàng trăm hòn đá to nhờ có chiếc thuyền nên không bị chìm. Người ta cũng vậy, tuy có làm các điều ác nhưng nhờ biết hồi tâm niệm Phật nên không bị đọa vào địa ngục. Sau khi chết được sanh về tịnh độ. Chỉ một hòn đá nhỏ rơi xuống nước tất phải chìm, cũng như người làm việc ác nhưng không được học biết kinh Phật. Sau khi chết nhất định phải đọa vào địa ngục.”

⁽²⁾ Trương Thiện Hòa đời nhà Đường, làm nghề giết bò, lúc lâm chung thấy có chiếc xe toàn lửa hiện ra, mới vội vả thỉnh thầy tăng mà cầu cứu. Thầy tăng dạy cho niệm Phật *A-di-đà*. Hòa nói rằng: “*Địa ngục đến nơi rồi.*” Bèn cấp tốc đi kiếm chiếc lư hương và nâng lên trán. Niệm Phật vừa được mười lần, thì nói rằng: “*Có Phật đến rước tôi.*” Nói xong liền thác.

⁽³⁾ Theo kinh *A-di-đà* thì chim anh vũ (chim két) và chim *ca-lăng-tần-già* là những loài chim do Phật *A-di-đà* hóa hiện ở cõi Cực Lạc, ngày đêm thường hát lên âm thanh vi diệu và thanh nhã để diễn đạt những bài thuyết pháp về Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần, Bát chánh đạo. Người nghe chim diễn xướng liền sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

sông ái luyện⁽¹⁾ cuộn sóng mà chẳng biết lo; ở trong căn nhà lửa⁽²⁾ cháy bùng đốt thiêu hoại mà không sợ? Lưới si mê dày đặc, lưới gươm trí huệ nếu không sắc bén làm sao chém phá? Mối nghi ngại trồng sâu, đức tin nếu cạn cợt dễ đâu nhổ bỏ? Vậy nên cuối cùng rồi cam tâm nhứt chí, đành lòng mà nhận lấy tai ương. Với cõi thanh tịnh lại chê bai, với đời phiền não thì tham luyến!

“Bướm thiêu, kén cháy, toàn chốn tai ương; cá vạc, chim lồng, lấy làm khoái lạc! Thầy đều là do ác nghiệp nặng hơn căn lành; gốc tội sâu hơn đức tin.

“Cho nên ba cõi mênh mang, bốn loài⁽³⁾ lẫn lộn. Thầy đều vì tham sống mà lặn độn, nào biết đường về? Cuối cùng đều theo nghiệp mà lao đao, chẳng lo tìm cách thoát ra. Chết đi sống lại trong quá khứ đã vô số kiếp,⁽⁴⁾ đường luân hồi sắp đến cũng lâu xa không sao tính hết!⁽⁵⁾

⁽¹⁾ Sông ái luyện: *ái hà* (愛河) hay *ái dục hà* (愛欲河), nghĩa đen là con sông ái luyến, tham dục. Vì lòng ái luyến, tham dục của chúng sanh khiến cho người ta phải chìm đắm mãi trong đó, cũng như dòng sông cuộn sóng nhận chìm người, nên so sánh mà gọi tên như vậy.

⁽²⁾ Nhà lửa: *hỏa trạch* (火宅), căn nhà đang cháy. Trong kinh Phaps Hoa, Phật dạy rằng ba cõi (hay Tam giới, gồm có Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới) như căn nhà đang cháy đỏ. Chúng sanh ở trong ba cõi cũng như đang ở trong căn nhà cháy đỏ. Các mối phiền não: tham dục, sân hận, si mê trong ba cõi tỷ như những ngọn lửa nung đốt họ mãi, thế mà họ chẳng biết sợ mà tìm lối thoát ra. Muốn ra khỏi căn nhà lửa ấy, phải sớm biết tu tập theo pháp Phật.

⁽³⁾ Bốn loài (tứ sanh): các loài trong luân hồi thầy đều sanh ra bằng một trong bốn cách: thai sanh (sanh từ bào thai), noãn sanh (sanh ra từ trứng), thấp sanh (sanh ra do nơi ẩm thấp), hóa sanh (do biến hóa mà sanh), nên gọi chung là bốn loài.

⁽⁴⁾ Nguyên văn là “*kiếp thạch*”, kiếp đá. Thuật ngữ này có nghĩa là thời gian lâu xa vô cùng. Ví như có một hòn đá vuông vức 40 dặm; cứ một trăm năm dùng mảnh lụa mềm mà phất vào hòn đá một lần. Như vậy cho đến khi hòn đá phải mòn hết, đó là quãng thời gian một “*kiếp thạch*”, nên nói là vô số kiếp.

⁽⁵⁾ Nguyên văn là “*giới thành*”: thành hạt cải. Thuật ngữ này chỉ một khoảng thời gian lâu xa không tính hết được. Ví như có một cái thành lớn, bề cao

“Nếu chẳng nhờ duyên lành thuở trước, dễ đâu gặp được nhân này? Trống đánh mở cửa ngục tù, nên mau ra khỏi; gặp thuyền vớt nạn trầm luân, chớ nên chậm chạp. Kính thuận lời vàng, khéo nương học Phật. Những ai chẳng nghe, chẳng hiểu, thật đáng xót thương! Huống chi, cõi ác có năm món ô trược này,⁽¹⁾ lửa đốt bốn bề, muốn được nhờ cứu vớt ra khỏi, duy chỉ có Phật mà thôi!

“Đã được nghe pháp nhiệm mầu, nên trông lấy duyên thanh tịnh. Một niệm thành tín, muôn đức do đó vun bồi.⁽²⁾ Dù như hiền triết thuở xưa, cũng khó gặp được pháp chân thường. Mong sao mọi người đều theo như lời dạy, kính cẩn vâng làm, hết lòng đảnh lễ tin nhận.”



• Hỏi: Nói là tin, nhưng chưa biết tin ở pháp môn nào?

■ Đáp: Tin ấy là dựa vào Phật thuyết trong kinh: *Niệm Phật nhất định sanh về Tịnh độ*. Tin niệm Phật, chắc chắn diệt được tội lỗi. Tin niệm Phật, chắc chắn được Phật hộ trì. Tin niệm Phật, chắc chắn được Phật chứng biết. Tin niệm Phật, khi lâm chung chắc chắn được Phật tiếp độ.

và chu vi đều 40 dậm; bỏ đầy hạt cải vào trong thành ấy. Cứ qua một trăm năm thì lấy ra một hạt cải. Như vậy, chừng nào lấy hết hạt cải trong thành thì vừa trọn một kiếp. Nên nói là lâu xa không sao tính hết.

⁽¹⁾ Theo trong kinh *A-di-đà* thì “*ngũ trược ác thế*” là năm sự ô trược ở cõi ác này. Đó là: kiếp trược, kiến trược, chúng sanh trược, mạng trược, phiền não trược.

⁽²⁾ Trong pháp tu niệm Phật, lòng thành tín là *nhân*; còn việc được vãng sanh, thành Phật có đủ muôn đức là *quả*.

Tin niệm Phật vãng sanh, chắc chắn được địa vị không thối chuyển. Tin niệm Phật sanh Tịnh độ, chắc chắn không đọa vào ba nẻo dữ.⁽¹⁾ Vì vậy mà khuyên nên tin niệm Phật, tin nhận pháp này, thường niệm như thế này, chắc chắn được vãng sanh Tịnh độ.

Bởi vậy cho nên ba đời chư Phật,⁽²⁾ chư đại Bồ Tát, các đời Tổ sư tu các công hạnh, đủ nguyện lực lớn, vào cảnh giới của Phật, thành tựu quả *Bồ-đề*, chưa có ai chẳng nhờ nơi một chữ tin ấy mà được vào.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Lòng tin là gốc của đạo, sanh ra các công đức. Lòng tin có thể nuôi lớn các căn lành. Lòng tin có thể vượt khỏi các đường ma. Lòng tin có thể đắc nhập vào đại định. Lòng tin có thể giải thoát khỏi biển sanh tử. Lòng tin có thể thành tựu quả Phật *Bồ-đề*.”



Than ôi! Người đời nay biết ăn chay, tin vào việc giữ giới, mà chẳng tin pháp niệm Phật; tin thờ Phật mà chẳng tin việc vãng sanh Tịnh độ. Như vậy đều là tự mình bỏ mất đi một điều lợi lớn!

Cho nên kinh *Duy-ma* nói rằng: “*Lòng tin sâu vững kiên cố cũng như chất kim cương*.” Muốn đến cõi Tây phương, trước hết phải do lòng tin sâu vững.

Hãy nhìn xem nơi các cõi thế giới thanh tịnh, chư Phật số đông như cát sông Hằng, thấy đều là những người trước đây đã từng gieo nhân chánh tín.

⁽¹⁾ Ba nẻo dữ, hay *Tam ác đạo*, đó là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

⁽²⁾ Ba đời chư Phật: Chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai.

尊崇三寶教法篇

天上天下，三寶為尊。世出世間，三寶為最。何名三寶。佛法僧也。

三寶者，有三種。一曰同體三寶。謂真如之理，自性開覺，名為佛寶。德用軌則，自性真正，名為法寶。動無違諍自性清淨，名為僧寶。

二曰出世三寶。謂法報化身，隨類應現，是為佛寶。六度詮旨，四諦緣生，名為法寶。十聖三賢，五果四向，名為僧寶。

三曰世間住持三寶。謂泥龕塑像，名為佛寶。黃卷赤軸，名為法寶。剃髮染衣，名為僧寶。

歸依者，罪滅河沙。瞻仰者，福增無量。今有邪愚不解，偽撰真宗妙義經。妄言精是佛寶，氣是法寶，神是僧寶。致使入善門者，信其邪說，不敬三寶，實可憐愍。

若夫不敬世間三寶，則同體，出世三寶，何所得哉。自賺猶可，又賺他人。可謂，岐人天

Tôn sùng Tam bảo giáo pháp thiên

Thiên thông thiên hải Tam bảo vi toàn. Thế xuất thế gian, Tam bảo vi toàn. Hạo danh Tam bảo? Pháp, Pháp, Tăng đạo

Tam bảo giáo hữu tam chủng. Nhất việ Niệm thế Tam bảo. Vô chân nhô chi lý tởi tâm khai giải, danh vi Pháp bảo. Nỗu đưng quy tắc, tởi tâm chân chánh, danh vi Pháp bảo. Nỗng vô vi trành, tởi tâm thanh tịnh, danh vi Tăng bảo.

Nhò việ Xuất thế Tam bảo. Vô Pháp, Bảo, Hoà thân, tuy loại ồng hiện, thò vi Pháp bảo. Lục ão thuyên chạ tởi ãa đuyên sanh, danh vi Pháp bảo. Thập thành tam hiện, ngũ quá tởi hõng, danh vi Tăng bảo.

Tam việ Thế gian trụ trì Tam bảo. Vô ãa khảm toát ồng, danh vi Pháp bảo. Huyền quye ãi xích trũ, danh vi Pháp bảo. Thế pháp nhie ãi y, danh vi Tăng bảo.

Quy y giáo to ãi die ãi hãsa. Chie ãi ngõ ồng giáo phõu tăng vô ão ồng. Kim hõu ta ngu ba ãi giải, nguy so ãi “Chân tông die ãi nghóa kinh”. Vô ãi ngo ãi tinh thò Pháp bảo, khí thò Pháp bảo, thàn thò Tăng bảo. Trí sõu hãp thiên mo ãi giáo tín ky ãa thuyệ, ba ãi kính Tam bảo, thã khã ãi ãi mã.

Nhõ ãi phu ba ãi kính thế gian Tam bảo, ãe ão ãi thế xuất thế Tam bảo, hã ãi ãi tai. Tởi trã ãi du khã hõi trã ãi

之正路，瞎人天之眼目。毀因果之真教，澆定慧之淳風，無甚於此也。

佛言。一切眾生若不歸依三寶，永劫墮三惡道。

不見古教云。十方薄伽梵，圓滿修多羅，大乘菩薩僧，功德難思議。歸依佛者，不墮地獄。歸依法者，不墮餓鬼。歸依僧者，不墮旁生。

何以故。佛，為無上醫王。法，侍是除病良藥。僧，乃道人知識。竝為真淨福田。背之則邪。向之則正。凡見一切佛像，起如來想。見一切聖教，生難遭想。見一切比丘僧，起祖師想。禮拜供養無得輕欺。以佛莊嚴而自莊嚴。如此則一體三寶唯心備具矣。

諸仁者。若欲得道，當依佛語。違而得者，無有是處。

或曰。達磨西來不立文字。直指人心，見性成佛。何須看經教而悟道乎。

答曰。達磨老祖之說，實是應病之良藥。今人不達祖師宗旨，反以執藥成病矣。祖師

tha nhân. Khaùvò, hoãn nhân thiên chi chành loã hạt nhân thiên chi nhân mưc. Huý nhân quacchi chành giãv, kieũ ñinh hueächi thuañ phong, vôtham ò thõudaõ

Phaĩ ngoãn: Nhaĩ thieĩ chùng sanh nhõõc baĩ quy y Tam baũ, vónh kiep ñõa tam à ñã.

Baĩ kieãn coãgiãv vãn: Thap phõng Bạc-giã-phạm, viẽn mañ Tu-đa-la, Ñai thõa BoãTãu tañg, công ñõu nan tõ nghõ. Quy y Phaĩ giãv baĩ ñõa ñõa ngưc. Quy y Phap giãv baĩ ñõa ngã quy y Quy y Tañg giãv baĩ ñõa bang sanh.

Haõ dó coã Phaĩ, vi vôthõõng y vôõng. Phap, thõ trõ beñh lõng döõc. Tañg, naõ ñãõ nhân tri thõu. Tõnh vi chành tòn phõõu ñieñ. Boã chi taé taõ Höõng chi taé chành. Pham kieãn nhaĩ thieĩ Phaĩ tõõng, khõu Nhõ Lai tõõng. Kieãn nhaĩ thieĩ thành giãv, sanh nan tao tõõng. Kieãn nhaĩ thieĩ tỳ-kheo tañg, khõu Toãõ tõõng. Leãbaũ cùng döõng, vôñaé khinh khi. Dó Phaĩ trang nghiẽn, nhi tõitrang nghiẽn. Nhõ thõũtaé, nhaĩ theãTam baũ, duy tâm bò cũ hyõ

Chõ nhân giãv Nhõõc dư ñãc ñãõ, ñõõng y Phaĩ ngõõ Vi nhi ñãc giãv vôhõũ thõ xõu

Hoãc vieĩ: Đat-ma taỹ lai, baĩ lap vãn tõi Trõc chành nhân tâm, kieãn tành thanh Phaĩ. Haõtu khãm kinh giãv nhi ngõ ñãõ hoã

Ñap vieĩ: Đat-ma laõ toãchi thuyẽ, thaĩ thõ õng beñh chi lõng döõc. Kim nhân baĩ ñãt Toãõ tañg chẽ phãm dó chap döõc thanh beñh hyõ Toãõ yeũ nhân ngoãtãm hiep

要人悟心合教，故說此言。恐學泥於文字而不參求佛。亦恐滯指而迷月也。

六祖云。達磨道箇直指早是曲了也。何以故。要知不立兩字，亦是文字。豈可謂無文字乎。若真不立文字，人亦不合語言。只此語言亦是文字之相。豈可言其不立乎。愚人見說不立，就便一向執空。只說不立文字，反謗佛經。罪障深重，可不戒哉。

不見達磨傳法偈曰。

吾本來茲土，
傳法救迷情。
一花開五葉，
結果自然成。

祖又曰。吾有楞伽經四卷，亦用付汝。卽是如來心地要門。令諸眾生開示悟入。如此者。達磨豈無文字與人乎。

先德云。看經者，明佛之理也。則是藉教明宗，心與教合。以心印心，無二無別。故知嗜欲欲達真乘，須親教典。稟教，乃能明理。明理然後修行。行願無虧，道果可證。看教既有此益，焉可輕其教法乎。

giào, cóathuyệá thōùngoân. Khuêng hōi nhān neāo vān tōi nhi bāi tham cāi Phāi. Dieā khuêng trēachēnhi meānguyệá dāo

Lũc toāvān: *Đạt-ma* ñāo cāitrōc chạ tād thò khuē lieā dāo Hāođo cō? Yeāu tri *bát lập* löōng tōi dieā thò vān tōi Khōi khaivò voāvān tōiho? Nhōi: chān bāi lập vān tōi Nhān dieā bāi hieāp ngōōngōân. Chạthōùngōōngōân dieā thò vān tōi chi tōōng. Khōi khaingōân kyōbāi lập ho? Ngu nhān kieān thuyệá *bát lập*, tōi tiēn nhāi hōōng chạp kōng. Chạthuyệá bāi lập vān tōi phān bāng Phāi kinh. Toā chōōng thān trōng, khaubāi giōi tai!

Bāi kieān *Đạt-ma* truyēn phạp kēavieā:

Ngô bốn lai tư thổ,
Truyēn phạp cứu mê tình.
Nhất hoa khai ngũ diệp,
Kết quả tự nhiên thành.

Toāhōi vieā: “Ngoāhōi *Lăng-già* kinh tōuquyēn, dieā dūng phōnhōo Tōi thò Nhō Lai tām ñhā yeāu moān, linh chō chūng sanh khai thò ngoānhạp.” Nhō thōūgiai *Đạt-ma* khōi voāvān tōi dōōnhān ho?

Tiēn ñhōi vān: Khaēn kinh giaū minh Phāi chi lyūđāo Tāc thò tōch giào minh toāng, tām dōōgiaō hieāp. Dó tām ān tām, voānhò voābieā. Cōatri dūc ñāi chān thōā, tu thān giào ñiēn. Bām giào, ñāi ñāng minh lyū Minh lyū nhieān hāi tu hānh. Hānh nguyēn voākhuy, ñāo quāikhaichōng. Khaēn giào kyū hōi thōiich, dieā khaikhinh kyōgiaō phạp ho?

瀉山警策云。教理未嘗措懷，玄道無因契悟。及至年高臘長，空腹高心，不肯親附良朋，惟知倨傲。遂成疎野，觸事面牆。後學咨詢，無言接引。縱有談說，不涉典章。或被輕言，反責後生無禮。纔相覺察，便言我是山僧。人我貢高，欺壓後學。遂使一生空過，後悔無追。展轉輪迴，何時休息。

噫。若有中流之士，未能頓超。且於教法留心，溫尋貝葉，精搜義理，傳唱敷揚，接引後來，報佛恩德。時光亦不虛棄，必須以此扶持。住止威儀，便是僧中法器。豈不見，倚松之葛，上聳千尋。附託勝因，方能廣益。

如此者。豈可輕其教法乎。輕其知識乎。若輕其知識，即輕其教法。輕其教法，即輕其佛祖。輕其佛祖，則自欺其心。自欺其心，則反沈苦海矣。

嗚呼。釋迦世尊，尚捨全身，而求半偈。身為牀座，而求妙法。不見行願品云。剝皮為紙，析骨為筆，刺血為墨，書寫經典積如須彌，為重法故，不惜身命，何況王位，國城，妻

Quy sơn cảnh sách vân: “Giáo lý vô thông thoát, huyên nãi vô nhân khe ngoã Cap chí niên cao lập trồm, không phư cao tâm, bất kháng thân phui lông bàng, duy tri cồnggã...” “Toại thanh sô dã. xư sữ diên tồm, hãn hữ tồ tuân vô ngoãn tiếp dã. Tưng hũu nãm thuyế, bất thiệp niên chồm. Hoặ bồ khinh ngoãn, phạm trườ hãn sanh vô lẽ” “Tạ tồm giũ sữ, tiển ngoãn ngã thồ sôn tầg.” Nhân ngão cắg cao, khi yển hãn hữ. Toại sũn hãn sanh không quũ hãn hoặ vô truy. Triển chuyển luan hoặ, hã thồ hũ tồ?”

Y! “Nhữ hũ trung lữ chi sũ, vô nắg nũn siểu. Thũ ỗ giũ phũp lữ tâm, ôn tâm bũ diễ. Tinh sũu nghũ lyũ truyển xũm phũ dồm, tiếp dã hãn lai, bũ Phũ ân nũ. Thũ quang diễ bất hũ khí, tạ tu dó thũ phũ trũ. Trũ chũoai nghi, tiển thồ tầg trung phũp khí. Khũ bất kiển, yũ tung chi cũ thũm tũng thiển tâm, phũ thũ thũg nhũn, phũm nắg quắg ích.”

Nhũ thũ giũ khũ khũ khinh kyũ giũ phũp hoặ khinh kyũ trũ thũ hoặ Nhữ khinh kyũ trũ thũ, tũ khinh kyũ giũ phũp. Khinh kyũ giũ phũp, tũ khinh kyũ Phũ toả Khinh kyũ Phũ toả tá tũ khi kyũ tâm. Tũ khi kyũ tâm, tá phạm trũn khoũ hũ hũ

Oũ hoặ Thũch-ca Thũ Toũ thũm xũ toũn thũn, nhi cũn bũn kũ Thũn vi sang toũ, nhi cũn diễ phũp. Bất kiển Hãn ngyễn phạm vân: Bũ bì vi chũ thũ cũ vi bũ, thũ hũy vi mũ, thũ tũ khinh niên tích nhũ Tu-di, vô trũng phũp cũ

子，象馬，七珍。世尊重法既如此，凡夫可輕其教法乎。

藥王菩薩將身為燭而報佛深恩。常啼菩薩賣心肝而學般若。神光斷臂叅請。善財泣血南求。皆是為法亡軀。纔得了明大事。

圓覺經云。末世眾生欲修行者，當求一切正知見人。即得成就無上菩提。

智度論云。於諸導師生世尊想。若有能開釋深義，解散疑結，於我有益，則盡心恭敬，不念餘惡。如弊囊盛寶，不以囊惡故不取其寶。又如夜行險道，弊人執炬。不以人惡故不取其照。

華嚴經云。但於能說佛法之人，生難遭想。應於自身，生病苦想。於善知識生醫王想。於所說法，生良藥想。於所修行，生除病想。

若聞一句一偈，未曾有法，勝得三千大千世界滿中七寶，及釋梵轉輪王位。

法華經云。能說此經之人，應以如來供養而供養之。應持天寶而以散之。天上寶聚應

baí tích thân măng, haohuóng vôông vò, quoaí thanh, theátôü töông maõ thaí traân. TheáToân trông pháp kyínhõ thõu pham phu khaúkhinh kyøgiaò pháp hoả

Döör Vöông BoàTaù töông thân vi chuè nhi baò Phaí thân aân. Thöông ÑeàBoàTaù maí taâm can nhi hoè Bát-nhã. Thaân Quang ñoan tí tham thanh. Thiến Taó khaó huyet nam caù. Giai thò vò pháp vong khu. Taó ñaé lieâu minh ñai söi

Vieân Giàu kinh vaân: Maí theáchuèng sanh dưc tu hanh giaù ñöông caù nhaí thieá chành tri kieán nhaân, töü ñaé thanh töü voáthöông Bô-đê.

Trí Ñoãluañ vaân: Ö chö ñaò sö, sanh TheáToân töông. Nhöör höü naêng khai thích thân nghóa, giaù tam nghi kieá, ö ngaöhöü ích, taé tañ tañ cung kính, baí nieån dö óá Nhö teånang thanh baù, baí dó nang óacoábaí thuúkyøbaù. Höü nhö daí hanh yeån ñaò, teånhañ chap cöi Baí dó nhañ óacoá baí thuúkyøchieá.

Hoa Nghiêm kinh vaân: Ñaån ö naêng thuyet Phaí pháp chi nhañ, sanh nan tao töông. Öng ö töi thân, sanh beñh khoátöông. Ö thieån tri thöü, sanh y vôông töông. Ö söü thuyet pháp, sanh löông döör töông. Ö söütu hanh, sanh tröbeñh töông.

Nhöör vañ nhaí cuñhaí keä vò taèng höü pháp, thaéng ñaé tam thieån ñai thieån theágiòu mañ trung thaí baù, chap Thích pham Chuyean luañ vôông vò.

Pháp Hoa kinh vaân: Naêng thuyet thöükinh chi nhañ, öng dó Nhö Lai cùng döông nhi cùng döông chi, öng trì thieån

以奉獻。所以者何。是人歡喜說法，須臾聞之，即得究竟阿耨多羅三藐三菩提。

起信論云。如木中火性，是火正因。若無人知，不假方便，能自燒木者，無有是處。眾生亦爾。雖有正因熏習之力。若不遇諸佛菩薩經教，及一切善知識開示，能自成佛者，無有是處。

不聞先德云。生我者父母，成我者師友。豈不然哉。要知，大乘經典諸佛所師，佛果菩提皆從中出。觀經三種淨業，并上品上生者。皆言讀誦大乘，解第一義。能如是者，決定往生。

何名大乘經。即華嚴，法華，般若，涅槃，楞嚴，楞伽，圓覺等經。并觀無量壽佛等經。及一切專談等經。須淨業人當受持讀誦，如說須行。

問曰。識字之人可行，不識字者何為。答曰。雖不識字讀誦，亦可印施流通。再能頂禮歸依，有日自然通曉。不見善財一生證果，龍女八歲成佛。蓋因。致力於多生。豈能一朝成辯爾。

baò nhi dó tàm chi, thiêñ thöông baò tuïöng dó phưng hiêñ. Sôudó giaũhaø Thò nhaân hoan hyũthuyêá phap, tu-du vañ chi, tòu ñac cöu cãnh A-nậu-da-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Khôu tín luañ vañ: Nhö möø trung hoà tành, thò hoà chành nhañ. Nhööt voñhañ tri, baá giaũphöông tiêñ, nañg töi thiêñ möø giaũ voñhöu thò xöu Chuñg sanh dieã nhó, tuy höu chành nhañ huañ tap chi löc. Nhööt baá ngoächö Phaá BoàTàù kinh giaù, cap nhaá thiêá thiêñ tri thöu khai thò, nañg töi thanh Phaá giaũ voñhöu thò xöu

Baá vañ tiêñ ñöu vañ: Sanh ngaõgiaũphuĩmañ, thanh ngaõ giaũsö höu. Khôu baá nhiêñ tai. Yeáu tri, Ñaï thöa kinh ñiêñ chö Phaá sôüsö, Phaá quaũBồ-đề giai tung trung xuaá. Quan kinh tam chuñg tành nghiêp, tinh thöông phañ thöông sanh giaũ giai ngoñ ñöø tung Ñaï thöa giaũ ñeñhaá nghóa. Nañg nhö thò giaũ quyêá ñöñh vañg sanh.

Haødanh Ñaï thöa kinh? Töu Hoa Nghieãm, Phap Hoa, Bát-nhã, Niết-bàn, Lañg Nghieãm, Lãng-già, Vieñ Giaù ñaång kinh, tinh Quan VoãLöông ThoĩPhaá ñaång kinh, cap nhaá thiêá chuyêñ ñaam Tành ñöãñaång kinh. Tu tành nghiêp nhañ, ñöông thoĩtri ñöø tung, nhö thuyêá tu hañh.

Vañ vieá: Thöu töichi nhañ khaihañh, baá thöu töigiaũhaø vi? Ñap vieá: Tuy baá thöu töiñöø tung, dieã khaihañ thi löu thông. Tàù nañg ñaãm læquy y, höu nhaá töi nhiêñ thông hiêñ. Baá kieñ Thiêñ Tàù nhaá sanh chöng quaũ Long Nöø baù tueáthanh Phaá. Cäu nhañ: Trí löc ö ña sanh. Khôu nañg nhaá trieñ thanh bieñ nhó.

妙莊嚴王品云。若善男子，善女人，種善根故，世世得善知識。其善知識，能作佛事。示教利喜，令入阿耨多羅三藐三菩提。

諸大德當知。善知識者，是大人緣。所以化導令得見佛。豈小補哉。今生不明佛理之人。皆因前世輕慢佛法。今世再不尊崇，來生愈加愚困。

不見法華經云。於千萬億劫不聞佛名字。亦不聞正法。如是人難度。苦哉，苦哉。若是毀經教，謗法師，其罪過於罵佛。可不慎歟。若不信之，法師，火宅，二品中可見。

吾勸後之學者。欲須無上菩提，必須參禮明師，聽從教法。若遇盲師指示，要超昇反沈墜矣。可謂。渡河須用筏，到岸不須用船。

Dieu Trang Nghiênn Vôông phàm vaân: Nhöôc thiênn nam töuthiênn nöönhân, chuông thiênn cân coá theátheáñaé thiênn tri thöü. Kyöthiênn tri thöü, naâng taù Phaï söi Thò giav löi hyö linh nhaïp A-nâu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đê.

Chö ñaï ñöü ñöông tri: Thiênn tri thöü giav thò ñaï nhân duyênn. Sôúdó hoü ñaï linh ñaé kieán Phaï. Khôü tieü boátai. Kim sanh bá minh Phaï lyüchi nhân, giai nhân tiênn theá khinh mãnn Phaï phap. Kim theátai bá toân sung, lai sanh duôgia ngu khoán.

Bá kieán Phap Hoa Kinh vaân: Ö thiênn vañ öü theábá vañ Phaï danh töi dieü bá vañ chànn phap. Nhö thò nhân nan ñöä Khoátai, khoátai! Nhöôc thò huý kinh giav, bàng phap sö, kyötoá quavö mãPhaï, khai bá thañ dö! Nhöôc bá tín chi, Phap sö, Hoü trách nhö phàm trung khaikieán.

Ngoákhuyênn haü chi hoë giav düc tu voáthöông Bồ-đê, tá tu tham leáminh sö, thính tung giav phap. Nhöôc ngoá manh sö chæthò, yeü sieü thañg phàm tránn truy hyö Khaüvò: Ñöahastu düng phieü, ñav ngán bá tu düng thuyênn.

2. Tôn sùng Tam bảo và giáo pháp ⁽¹⁾

Thấp côi thiên hạ, Tam bảo là tôn quý. Trong ngoài côi thế, Tam bảo là trên hết. Tam bảo là gì? Là Phật, Pháp, Tăng vậy.

Tam bảo có ba cách hiểu. Một là Đồng thể Tam bảo.⁽²⁾ Theo lý chân như, tự tánh sáng tỏ gọi là Phật bảo. Giữ đức theo khuôn phép, tự tánh chân chánh gọi là Pháp bảo. Chỗ động không phạm, không tranh, tự tánh thanh tịnh, gọi là Tăng bảo.

Hai là Xuất thế Tam bảo.⁽³⁾ Pháp thân, Báo thân và Hóa thân tùy loại ứng hiện, gọi là Phật bảo. Lục độ, Tứ đế, Thập nhị nhân duyên,⁽⁴⁾ gọi là Pháp bảo. Những bậc

⁽¹⁾ Bài này ý nghĩa tiếp theo bài trước. Bài trước lấy phép “Niệm Phật vãng sanh, tin sâu tự tánh” làm chánh nhân, đó là tự lực. Còn bài này lấy sự “tôn sùng Tam bảo và giáo pháp” làm trợ duyên, đó là tha lực. Nhân và duyên hòa hợp, trợ với chánh xen nhau. Đó là lẽ: xuôi nước gương buồm; lại thêm chèo lái, chẳng nhọc công lao, chỉ khảy ngón tay cũng có thể về Tây phương Cực Lạc.

⁽²⁾ Phật, Pháp, Tăng, vốn đồng một thể, nên gọi là đồng thể. Thể ấy chính là tự tánh bản lai thanh tịnh. Tự tánh ấy ở nơi chúng sanh không bớt, ở nơi hiền thánh không thêm, chúng sanh với Phật vốn đồng một thể, khi mê tự tánh là chúng sanh, giác ngộ tự tánh là Phật. Cũng theo lý này nên gọi là Đồng thể Tam bảo. Cũng gọi là Nhất thể Tam bảo. Vì vậy mà tôn kính Tam bảo theo nghĩa này tức là quay về tôn kính tự tánh trong tâm, chuyên cần tu tập cho được thanh tịnh, sáng suốt, sẽ được như Phật không khác.

⁽³⁾ Phật, Pháp, Tăng hiện ra nơi thế gian để cứu độ chúng sanh, nên gọi là Xuất thế Tam bảo. Vì có hóa hiện nên có đủ Pháp thân, Báo thân, Hóa thân. Như ở cõi này là đức Thích-ca Mâu-ni dẫn sanh, lập giáo. Ngài đã tự mình thị hiện việc tu tập và thành Phật ngay nơi thế gian này, truyền dạy các giáo pháp cho Tam thừa là Pháp bảo, độ chúng sanh ngộ đạo, chứng thánh quả, được giải thoát số đông vô kể là Tăng bảo. Vì vậy nên cũng gọi là Hiện tiền Tam bảo, hay Biệt thể Tam bảo.

⁽⁴⁾ Lục độ, Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, tức là các giáo pháp cơ bản của ba thừa.

Tam hiền,⁽¹⁾ Thập thánh,⁽²⁾ Tứ hướng,⁽³⁾ Tứ quả,⁽⁴⁾ gọi là Tăng bảo.

Ba là Thế gian trụ trì Tam bảo.⁽⁵⁾ Tranh vẽ, ảnh tượng dùng thờ phụng, gọi là Phật bảo. Kinh quyển lưu truyền, gọi là Pháp bảo. Những vị cạo tóc mặc áo cà-sa, gọi là Tăng bảo.

Người quy y Tam bảo, diệt được vô số tội nghiệp; người chiêm ngưỡng thì phước báo được tăng vô lượng. Nay có kẻ tà ngu chẳng hiểu, giả tạo ra quyển “*Chân tông diệu nghĩa kinh*”, nói bậy rằng “*tin là Phật bảo, khí là Pháp*”

a) Lục độ, hay Lục *ba-la-mật*: Sáu pháp tu tập để đạt đến giải thoát. Đây là pháp môn hành trì của hàng Bồ Tát Đại thừa. Gồm có: 1. Bồ thí *ba-la-mật*, 2. Trì giới *ba-la-mật*, 3. Nhẫn nhục *ba-la-mật*, 4. Tinh tấn *ba-la-mật*, 5. Thiên định *ba-la-mật*, 6. Trí huệ *ba-la-mật*.

b) Tứ đế, hay Tứ diệu đế: Là bốn chân lý cần phải tin nhận và tu tập để đạt được giải thoát. Đây là pháp môn tu tập của Thanh văn thừa. Bốn chân lý ấy là: 1. Khổ đế, 2. Tập đế, 3. Diệt đế, 4. Đạo đế.

c) Thập nhị nhân duyên: Mười hai nhân duyên mà theo đó vạn pháp được sanh khởi. Gồm có: 1. Vô minh, 2. Hành, 3. Thức, 4. Danh sắc, 5. Lục nhập, 6. Xúc, 7. Thọ, 8. Ái, 9. Thủ, 10. Hữu, 11. Sanh, 12. Lão Tử. Giáo pháp Thập nhị nhân duyên là pháp môn quán xét và hành trì của Duyên giác thừa.

Tuy phân chia như thế, cũng chỉ là phương tiện giáo hóa để phù hợp với căn cơ của mỗi chúng sanh. Xét đến chỗ rốt ráo chân lý thì tất cả các pháp ấy đều là Phật thừa, đều từng bước dẫn dắt người tu đến quả vị giải thoát hoàn toàn là quả Phật. Chỉ những ai cố chấp vào các pháp môn, phương tiện tu tập mới thấy là Phật pháp chia ra có các thừa khác nhau, do đó mà bị trôi buột về cả sự và lý, không thể tiếp nhận được chân lý rốt ráo viên dung là Phật thừa.

⁽¹⁾ Tam hiền: Những bậc tu hành đạt các địa vị Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng.

⁽²⁾ Các thánh vị từ Sơ địa đến Thập địa Bồ Tát. Tam hiền và Thập thánh là thuộc về Đại thừa.

⁽³⁾ Tứ hướng: Những bậc tu hành hướng đến Tứ thánh quả.

⁽⁴⁾ Tứ quả: Bốn thánh quả là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Tứ hướng và Tứ quả là thuộc về Tiểu thừa.

⁽⁵⁾ Hình tượng Tam bảo để lưu giữ, thờ phụng trong cõi thế gian, nhân đó mà giáo pháp được lưu truyền, nên gọi là Thế gian trụ trì Tam bảo, cũng gọi Trụ trì Tam bảo hay Trụ thế Tam bảo.

bảo, thần là Tăng bảo”,⁽¹⁾ khiến cho những người đã bước vào nẻo lành, chỉ vì tin theo tà thuyết ấy mà chẳng tôn kính Tam bảo, thật đáng thương thay!

Như chẳng biết tôn kính Thế gian Tam bảo⁽²⁾ thì do đâu mà được Đồng thể Tam bảo và Xuất thế Tam bảo? Đã đành là tự dối mình, lại còn dối gạt cả người khác nữa! Điều đó chính là ngăn trở con đường chân chánh, che khuất tầm mắt của mọi người, hủy hoại giáo lý chân chánh về nhân quả, khuấy rối nếp lành định huệ. Thật không còn gì tệ hại hơn thế nữa!

Phật dạy rằng: “Hết thảy chúng sanh nếu chẳng quy y Tam bảo, mãi mãi phải chịu đọa trong ba nẻo dữ.”⁽³⁾ Chẳng nghe lời xưa dạy: “Chư Phật mười phương, Giáo pháp trọn đủ, với Bồ Tát tăng Đại thừa, ba ngôi ấy công đức khó nghĩ bàn.”

Người quy y Phật thì chẳng đọa địa ngục. Người quy y Pháp thì chẳng đọa ngạ quỷ. Người quy y Tăng thì chẳng đọa súc sanh. Tại sao vậy? Vì Phật là vị vua thầy thuốc,⁽⁴⁾ không ai hơn được. Pháp là thuốc hay trừ bệnh. Tăng là bậc tri thức dẫn đường. Ba ngôi ấy đều là ruộng phước chân chánh trong sạch. Đi ngược lại là tà, hướng theo

⁽¹⁾ Tinh, khí và thần ở đây chỉ 3 yếu tố trong con người. Luận thuyết này ảnh hưởng từ Đạo giáo.

⁽²⁾ Tức là Trụ trì Tam bảo đã nói trên, là các hình tướng đang lưu truyền trong cõi thế.

⁽³⁾ Ba nẻo dữ hay Tam ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Câu này ý nói, chỉ có quy y Tam bảo là lối thoát vĩnh viễn cho chúng sanh. Nếu chẳng quy y Tam bảo, thì luân chuyển mãi mãi trong ba cõi, tạo tác các nghiệp lành dữ, cho dù nhất thời được sanh ở cõi lành, rồi cũng có lúc sẽ phải đọa vào ba nẻo dữ. Nếu không quy y Tam bảo thì không do đâu mà thoát được ra.

⁽⁴⁾ Chúng sanh khổ não ví như bệnh tật, Phật có thể cứu độ cho thoát khổ, ví như vị thầy thuốc. Vì là thầy thuốc giỏi nhất, cao quý nhất, nên gọi là Vua thầy thuốc (Y vương).

đó là chánh. Phàm được thấy mỗi hình tượng của Phật, nên xem như chính đó là đức Như Lai. Thấy được mỗi phần Thánh giáo,⁽¹⁾ nên nghĩ tưởng rất là khó gặp.⁽²⁾ Gặp mỗi vị *tỳ-kheo* Tăng, nên xem như đó là bậc tổ sư. Vậy nên phải lễ bái cúng dường, không được khinh khi. Dùng những món trang nghiêm thân Phật mà trang nghiêm thân mình.⁽³⁾ Được như vậy thì tự tâm đã trọn đủ Nhất thể Tam bảo.⁽⁴⁾

Này các vị! Nếu muốn đắc đạo, nên y theo lời Phật dạy. Như trái lời Phật dạy mà đắc đạo, quyết không thể được.

• • •

Hoặc có kẻ hỏi rằng: “Ngài *Đạt-ma* từ Tây phương sang đây, chẳng lập văn tự. Chỉ thẳng vào tâm người, thấy tánh thì thành Phật. Như vậy cần gì phải xem kinh giáo rồi mới ngộ đạo sao?”

Đáp rằng: “Giáo thuyết của ngài *Đạt-ma* thật là món thuốc hay ứng theo bệnh mà trị. Người đời nay chẳng đạt tông chỉ của tổ sư, trở lại chấp lấy thuốc mà thành bệnh. Tổ sư vì muốn cho người ta ngộ được tự tâm, hòa hợp theo giáo pháp, cho nên thuyết ra lời ấy. Ngài sợ rằng người học đạo cố chấp nơi văn tự mà chẳng chịu suy xét cầu

⁽¹⁾ Tức là giáo pháp do đức Phật truyền dạy.

⁽²⁾ Vì biết là rất khó gặp, nên khi được gặp mới sanh lòng vui mừng, cung kính mà học hỏi, làm theo.

⁽³⁾ Chư Phật vốn trang nghiêm thân mình bằng các công đức thiện căn tích lũy từ vô số kiếp, không phải bằng những hình tướng như người thế gian tầm thường ưa thích. Người tu nên học theo đó, tu tập các công đức lành, nên gọi là trang nghiêm giống như Phật.

⁽⁴⁾ Nhất thể Tam bảo, tức là Đồng thể Tam bảo như đã nói ở trước.

Phật quả, cũng giống như kẻ mãi nhìn nơi ngón tay chỉ mà chẳng chịu ngó lên mặt trăng vậy!⁽¹⁾

Lục tổ nói: “Ngài *Đạt-ma* nói lý chỉ thẳng là cặn kẽ lắm. Vì sao vậy? Phải biết rằng, chỉ riêng hai chữ “chẳng lập” cũng đã là văn tự rồi. Sao lại bảo rằng không có văn tự? Nếu thật là chẳng lập văn tự, thì người ta chẳng nên nói năng gì. Chỉ việc nói năng cũng là cái tướng của văn tự rồi. Sao nói rằng chẳng lập được sao? Người ngu nghe nói rằng chẳng lập, liền chỉ một lòng chấp không. Chỉ nói chẳng lập văn tự, trở nên hủy báng kinh Phật. Tội chướng sâu nặng lắm, chẳng nên ngăn ngừa sao?”

Chẳng nghe kệ truyền pháp của ngài *Đạt-ma* rằng:

*Vốn ta lại đất này,
Truyền pháp cứu mê tình
Một hoa trở năm cánh,
Kết quả tự nhiên thành.*⁽²⁾

Tổ *Đạt-ma* còn nói rằng: “Ta có bốn quyển kinh *Lăng-già*, cũng đem trao cho người.⁽³⁾ Đây là pháp môn quan trọng của tâm địa Như Lai, khiến cho chúng sanh được mở thông, chỉ bày, hiểu đạo và nhập đạo.”⁽⁴⁾ Như vậy, ngài

⁽¹⁾ Bậc thánh hiền dùng văn tự trong kinh giáo mà chỉ bày đạo lý, chỉ rõ tánh Phật cho người đời, tỳ như người ta lấy ngón tay mà chỉ mặt trăng cho kẻ khác. Nhưng người mê chấp lấy văn tự mà chẳng thấy chân lý, cũng như kẻ nhìn nơi ngón tay mà chẳng chịu theo hướng chỉ của ngón tay để thấy mặt trăng.

⁽²⁾ Một hoa trở năm cánh: Một bông hoa có năm cánh hoa, chỉ cho giáo pháp mà ngài *Đạt-ma* truyền dạy, sau truyền lưu qua năm vị tổ, từ Nhị tổ cho đến Lục tổ thì việc giáo hóa được thành tựu hưng thịnh, Thiên tông lan rộng khắp nơi, người đạt đạo số nhiều không kể xiết.

⁽³⁾ Đây là lời nói với Nhị tổ Huệ Khả.

⁽⁴⁾ Đây tức là yếu chỉ của kinh, gồm trong bốn chữ: *khai, thị, ngộ, nhập*. *Khai*, tức là khai mở tri kiến Phật, mở ra chỗ thấy của chúng sanh cho đồng với chư Phật, tức là thấy được những chân lý mà chư Phật truyền dạy. *Thị*, tức là chỉ bày tri kiến Phật, chỉ bày cho chúng sanh thấy biết chỗ tri kiến của

Đạt-ma há lại không lấy văn tự truyền cho người đó sao?

Người xưa nói rằng: “Xem kinh là để hiểu rõ giáo lý của Phật.” Đó là nhờ giáo lý mà hiểu rõ tông chỉ, nên tâm mình với giáo pháp hiệp nhau. Lấy tâm truyền tâm, không hai không khác. Cho nên phải biết rằng, muốn đạt chân thừa, phải nên học hỏi giáo điển. Theo nơi giáo pháp mới rõ được lý. Rõ được lý rồi, sau đó mới tu hành. Hạnh và nguyện đều không thiếu sót, đạo quả có thể chứng đắc. Xem kinh giáo đã có lợi ích như thế, há nên khinh chê hay sao?

Quy sơn cảnh sách⁽¹⁾ nói: “Lời Phật dạy không chịu ghi lòng tạc dạ thì đạo nhiệm mầu không thể do đâu mà tỏ ngộ. Cho đến khi tuổi tác về già, dù xuất gia trải đã nhiều năm mà trong tâm thật chẳng được gì. Vì chẳng chịu gần gũi học người hiền đức, chỉ biết ngông nghênh cao ngạo... Cuối cùng rồi thành ra buông lung thô lỗ, gặp việc bế tắc như quay mặt vào tường. Người mới học đến thỉnh giáo, chẳng có gì để chỉ bày. Như có gương nói ra cũng chỉ là sai kinh lệch nghĩa. Vậy mà có bị khinh chê, lại trách rằng hậu sanh vô lễ. Chỉ vừa học biết được chút ít, liền tự xưng là bậc sơn tăng.⁽²⁾ Lòng cao ngạo chấp lấy nhân ngã, khinh khi ngăn trở kẻ hậu học. Uống phí cả một đời, khi ăn năn cũng chẳng cứu vớt lại được. Xoay chuyển mãi trong luân hồi, biết bao giờ mới dứt!

chư Phật. *Ngộ*, tức là chứng ngộ, hiểu được tri kiến Phật, khiến cho chúng sanh thấy rõ tâm Phật của mình, tự biết tự tin tự thấy mình cũng tự có chỗ tri kiến không khác chư Phật mười phương. *Nhập*, tức là nhập vào tri kiến Phật, khiến cho chúng sanh tu tập hết thấy các thiện nghiệp thanh tịnh, các giáo pháp huyền diệu, dắt nhập vào chỗ tri kiến đồng với mười phương chư Phật.

⁽¹⁾ Quy Sơn cảnh sách: Bài văn sách tấn việc tu tập của ngài Quy Sơn Linh Hựu thiền sư, là một bài văn rất có giá trị, nổi tiếng trong giới xuất gia.

⁽²⁾ Sơn tăng: vị tăng tu ở núi, ý nói là bậc chân tu đạt ngộ, đã dứt hẳn việc đời.

“Ôi! Như có người căn cơ chỉ ở mức bình thường, không thể nhất thời vượt thoát, thì nên hết sức chú tâm mà học hỏi giáo pháp.⁽¹⁾ Thông thuộc kinh điển, nghiên ngẫm cứu xét nghĩa lý tinh tường, rồi truyền rộng ra khắp nơi, dẫn dắt người hậu học, báo đáp ơn đức Phật. Thời gian trôi qua, chớ nên luống mất, phải nên lấy sự tu tập như trên mà làm chỗ dựa đời mình. Giữ lấy oai nghi, thành bậc pháp khí giữa chúng tăng. Chẳng thấy như dây leo kia, nhờ dựa vào thân cây tùng mà lên được đến tầng cao chót vót. Hãy chọn lấy tác nhân cao trời mà ký thác đời mình, mới có thể rộng làm lợi ích.”⁽²⁾

Như vậy, há có thể khinh thường giáo pháp, khinh thường bậc trí thức hay sao? Nếu khinh thường bậc trí thức, tức là khinh thường giáo pháp. Khinh thường giáo pháp tức là khinh thường chư Phật, chư Tổ. Khinh thường chư Phật Tổ tức là tự khinh thường tâm thức của mình. Khinh thường tâm thức của mình thì tự phải chìm đắm trong bể khổ vậy!

Than ôi! Đức Thế Tôn Thích-ca còn bỏ cả thân mạng mà cầu nghe nửa bài kệ,⁽³⁾ lấy thân mình làm chỗ nằm

⁽¹⁾ Nguyên văn là “ôn tâm bố thí diệt”, nghĩa là tìm tòi học hỏi nơi giáo pháp, kinh điển. Vì thuở xưa kinh Phật được viết bằng tiếng Phạn trên lá cây bói, một loại lá dài, rộng, sáng, mịn, được gọi tên theo tiếng Phạn là *bối-đa-la*.

⁽²⁾ Chúng tôi đã dịch theo đúng phần Hán văn được trích dẫn trong bản Quy nguyên trực chỉ này. Nếu so với nguyên tác của thiền sư Quy Sơn Linh Hựu thì có một vài khác biệt nhỏ. Xin tham khảo Quy Sơn cảnh sách văn, Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải, Nxb Tôn giáo.

⁽³⁾ Nửa bài kệ: Kinh *Niết-bàn*, quyển 14 ghi: Thuở xưa, đức Thế Tôn làm một thầy tu khổ hạnh trong núi. Vị Đế-thích hóa thành La-sát đọc nửa bài kệ rằng: 諸行無常，是生滅法。(Chư hành vô thường. Thị sanh diệt pháp. - Các hành vô thường, Là pháp sanh diệt.) Đức Phật vì muốn nghe trọn bài kệ, phải nguyện xả thân cho La-sát ăn thịt. La-sát đọc tiếp rằng: 生滅滅以，席滅為樂。(Sanh diệt diệt dĩ, Tịch diệt vi lạc. - Sanh diệt dứt rồi, Tịch diệt là vui.)

ngồi để cầu được pháp mầu.⁽¹⁾ Kia chẳng thấy trong phẩm Hạnh nguyện nói rằng: “Lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, trích máu làm mực, viết chép kinh điển,⁽²⁾ chất chứa như *Tu-di*,⁽³⁾ là vì kính trọng giáo pháp vậy.” Thân mạng còn chẳng tiếc, huống chi là ngôi vua, thành trì, vợ con, voi ngựa và bảy món báu? Đức Thế Tôn đã kính trọng giáo pháp như vậy, phàm phu lại có thể khinh thường giáo pháp sao?

Bồ Tát Dược Vương lấy thân mình làm đống để báo đền ân sâu của Phật,⁽⁴⁾ Bồ Tát Thường-đề bán tim gan mà học pháp *Bát-nhã*,⁽⁵⁾ ngài Thần Quang chặt tay cầu pháp,⁽⁶⁾

⁽¹⁾ Vì muốn được nghe pháp mầu nên tự nguyện lấy thân mình làm chỗ nằm ngồi (*thân vi sàng tòa*) cho vị pháp sư, để vị ấy giảng pháp cho nghe.

⁽²⁾ Đây chỉ nói là phẩm Hạnh nguyện, nếu gọi tên đầy đủ là phẩm *Nhập bất tư nghị giải thoát cảnh giới普賢行願品*, được trích từ kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ 40. “Lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, trích máu làm mực, viết chép kinh điển” là lấy ý từ bộ Đại luận có ghi rằng: “Thuở xưa, đức Phật Thích-ca còn làm Bồ Tát, tên là Nhạo Pháp. Vào lúc chẳng có Phật ra đời, ngài đi khắp bốn phương cầu pháp nhưng chẳng được. Lúc ấy, Ma vương hóa làm một thầy *bà-la-môn*, nói rằng: “Ta có pháp Phật, nếu người có thể lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, trích máu làm mực mà chép lấy, thì ta sẽ dạy cho.” Bồ Tát Nhạo Pháp tức thì lột da ra phơi. Ma vương biến mất. Đức Cổ Phật thấy biết Bồ Tát thành tâm, bèn hiện ra mà thuyết diệu pháp cho nghe. Ngài Nhạo Pháp nghe rồi liền chứng quả “*Vô sanh pháp nhẫn*”.

⁽³⁾ Chất chứa như *Tu-di*: Viết thành số kinh điển nhiều đến nỗi nếu chất lại sẽ cao như núi *Tu-di*, tức là quả núi cao lớn nhất trong cõi *Ta-bà*.

⁽⁴⁾ Ngài Dược Vương Bồ Tát lấy thân mình làm cây đuốc, tự thiêu cháy để cúng dường báo đáp ơn Phật. Chuyện này trích từ phẩm thứ 23 (Dược Vương Bồ Tát bốn sự phẩm) trong kinh Pháp Hoa.

⁽⁵⁾ Bồ Tát Thường-đề bán tim gan: Trong kinh ghi rằng: Ngài Thường-đề ở tại Hương thành học pháp *Bát-nhã*. Được pháp rồi, ân hận vì không có gì cúng dường đức Thế Tôn. Khi ấy gặp một người trưởng giả có bệnh, thầy thuốc bảo phải lấy tủy của người mà hòa với thuốc thì bệnh mới khỏi. Ngài Thường-đề tự hủy mình, đập xương lấy tủy, bán được tiền mà mua các thứ hương hoa cúng dường Phật.

⁽⁶⁾ Ngài Thần Quang đến xin học đạo với Sơ Tổ Bồ-đề Đạt-ma ở chùa Thiếu Lâm tại Tung Sơn, quỳ một đêm trước cửa động, tuyết rơi ngập đến quá gối. Tổ quở là chưa đủ thành ý, Thần Quang bèn tự lấy dao bén chặt một cánh tay để tỏ lòng chí thành cầu pháp. Tổ hỏi: “Người muốn cầu điều chi?”

ngài Thiện Tài đi tham học về hướng nam, khóc chảy máu mắt.⁽¹⁾ Đó đều là những bậc vì pháp quên mình. Nhờ vậy mới hiểu rõ được việc lớn sanh tử.⁽²⁾

Kinh Viên Giác dạy rằng: “Chúng sanh muốn tu hành ở đời mạt pháp, nên cầu được bậc có tri kiến chân chánh hiểu biết mọi sự, ắt sẽ được thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề.”

Luận Trí Độ viết: “Đối với các bậc thầy dạy đạo, nên cung kính như đức Thế Tôn. Như ai có thể vì mình mà giảng rõ nghĩa lý sâu xa, giải trừ được những mối ngờ vực trói buộc, đó là làm lợi ích cho mình, phải hết lòng cung kính, chẳng nên nghĩ đến những chỗ xấu bề ngoài của họ. Ví như cái túi xấu mà đựng của báu, chẳng nên vì chê túi xấu mà chẳng dùng của báu. Lại như khi đi đường hiểm lúc ban đêm, có người mặc áo rách cầm đuốc cùng đi, chớ nên vì vẻ ngoài rách rưới của người mà chẳng nhờ lấy ánh sáng.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Đối với người thuyết giảng pháp Phật, nên nghĩ biết là rất khó gặp. Đối với tự thân, nên

Thần Quang thưa: “Tâm đệ tử không an, xin thầy an tâm cho.” Tổ bảo: “Đưa tâm đây ta an tâm cho người.” Hồi lâu, Thần Quang lại thưa: “Đệ tử tìm tâm không thấy. Tổ bảo: “Ta an tâm cho người rồi đó.” Thần Quang khi ấy tỉnh ngộ, được Tổ đổi hiệu cho là Huệ Khả. Về sau nổi pháp làm Tổ thứ hai.

⁽¹⁾ Trong kinh chép rằng: Ngài Thiện Tài ở phía đông Phước Thành gặp đức Bồ Tát Văn-thù chỉ dạy phép phát tâm Bồ-đề trọn vẹn. Đức Văn-thù khuyến tấn rằng: “Nhà người được cái trí gốc rễ, chớ chưa được cái trí phân biệt.” Bèn chỉ cho tới cầu pháp nơi ngài Ty-kheo Đức Vân, lại theo con đường đi về phía nam, lần lượt trải qua 110 thành, ra mắt 53 vị thiện tri thức, đến cửa này sang cửa nọ, kham khổ nếm trải đủ mùi cay đắng, cho nên nói là “khóc chảy máu mắt”. Sau gặp đức Phổ Hiền, mới thành tựu trọn vẹn hạnh Bồ Tát.

⁽²⁾ Nguyên văn là “đại sự”, tức là việc lớn của đời người, việc giải thoát sanh tử. Ngài Huyền Giác nói “Sanh tử sự đại, vô thường tấn tốc.” (生死事大, 無常進速。 - Sanh tử là việc lớn, vô thường mau chóng lắm.)

nghĩ biết đó là bệnh khổ. Đối với bậc thiện tri thức, nên xem như bậc y vương. Đối với pháp được thuyết, nên xem như thuốc hay. Đối với việc tu hành, nên xem như phép trừ bệnh.

“Như nghe được một câu kinh, một bài kệ, đó là pháp chưa từng có, còn hơn là được bảy thứ báu chứa đầy trong cõi ba ngàn đại thiên thế giới, cùng là ngôi vị Đế-thích, Chuyển luân vương.”

Kinh Pháp Hoa nói: “Đối với người thuyết được kinh này,⁽¹⁾ nên cúng dường như đức Như Lai, nên lấy những vật báu cõi trời mà rải quanh xung tụng, nên dùng những kho báu cõi trời mà phụng hiến. Vì sao vậy? Vì người ấy hoan hỷ thuyết pháp, nếu nghe qua trong chốc lát thì đạt được chỗ cứu cánh là quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.⁽²⁾

Luận Khởi Tín nói: “Như trong cây có tánh lửa, lửa tức là *chánh nhân*. Nhưng nếu không ai biết đến, không nhờ dùng phương tiện mà tự tánh ấy thiêu cháy được cây, quyết không thể được! Chúng sanh cũng vậy. Cho dù sẵn có sức *chánh nhân* un đức lâu đời, nhưng nếu chẳng gặp kinh giáo của chư Phật, Bồ Tát, cùng sự khai thị của hết thầy thiện tri thức, mà tự mình có thể thành Phật, quyết không thể được!”

Người xưa nói: “Sanh ra ta là cha mẹ, giúp ta thành đạt là thầy với bạn.” Chẳng phải đúng như vậy sao?

Cần phải biết rằng, kinh điển Đại thừa là thầy của chư

⁽¹⁾ Tức là Kinh Pháp hoa.

⁽²⁾ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dịch từ tiếng Phạn là *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* (anuttarā-samyak-sambodhi) tức là quả Phật Thế Tôn.

Phật.⁽¹⁾ Quả vị *Bồ-đề* của chư Phật đều do đó mà ra.

Xem khắp những người tu ba tịnh nghiệp⁽²⁾ và được *Thượng phẩm thượng sanh*,⁽³⁾ đều thấy nói là có đọc tụng kinh điển Đại thừa, hiểu được chân lý tối thượng.⁽⁴⁾ Nếu có thể như vậy, chắc chắn được vãng sanh.

Kinh Đại thừa là gì? Đó là những kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, *Bát-nhã*, *Niết-bàn*, Lăng Nghiêm, *Lăng-già*, Viên Giác, Quán Vô Lượng Thọ Phật .v.v... cùng với tất cả những kinh chuyên luận về Tịnh độ. Người tu tịnh nghiệp nên thọ trì đọc tụng các kinh ấy, y theo lời dạy trong kinh mà tu hành.



Hỏi: Những người biết chữ có thể đọc kinh được, còn những kẻ không biết chữ thì làm sao?

Đáp: Tuy không biết chữ để đọc tụng, nhưng cũng có thể dự phần trong việc in ấn lưu hành. Lại nếu như thường xuyên lễ bái nương theo, sẽ có ngày tự nhiên thông hiểu.

⁽¹⁾ Chư Phật đều do tu tập kinh điển Đại thừa mà được thành Chánh quả, nên nói kinh điển Đại thừa là thấy chư Phật.

⁽²⁾ Tam chủng tịnh nghiệp: Ba loại tịnh nghiệp. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói ba loại tịnh nghiệp ấy là:

1. Hiểu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, lòng từ tâm chẳng giết hại, tu Mười điều lành.

2. Thọ trì Tam quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.

3. Phát *Bồ-đề* tâm, tin sâu lý nhân quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyến tấn người tu hành.

⁽³⁾ *Thượng phẩm thượng sanh*: Những người được vãng sanh về cõi Cực Lạc với phẩm vị cao nhất trong chín phẩm.

⁽⁴⁾ Nguyên văn là “đệ nhất nghĩa”, tức là chân lý tối thượng. Đệ nhất nghĩa để là nghĩa cao nhất, so với các nghĩa tùy thuận theo thế gian mà thuyết như Tục đế hoặc Thế đế.

Kìa chẳng thấy như Thiện Tài một đời chứng quả,⁽¹⁾ Long nữ tám tuổi thành Phật⁽²⁾ hay sao? Đó thật phải là nhờ đã gắng sức trong nhiều đời, há chỉ một ngày mà thành tựu được?

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương trong kinh Pháp Hoa nói rằng: “Như có những kẻ nam người nữ lòng lạnh, nhờ trồng sẵn thiện căn, nên đời đời thường gặp các bậc thiện tri thức. Các bậc thiện tri thức ấy có thể làm được Phật sự, chỉ bày dạy dỗ điều lợi ích vui vẻ cho mình, khiến cho đắc nhập quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Chư đại đức nên biết rằng: Bậc thiện tri thức, đó là nhân duyên lớn. Nhờ người chỉ dạy, dắt dẫn, giúp cho mình được thấy Phật, lại là chuyện lợi ích nhỏ hay sao? Đời nay, những người chẳng rõ lý Phật, đều là do đời trước khinh chê pháp Phật. Như đời nay cũng chẳng biết tôn sùng, đời sau lại càng thêm ngu si, khốn đốn.

Kinh Pháp Hoa dạy rằng: “Đối với những người mà trong ngàn muôn ức kiếp chẳng nghe danh hiệu Phật, cũng chẳng được nghe chánh pháp, thật rất khó cứu độ.” Chẳng nghe điều ấy sao?

Khổ thay! Khổ thay! Những kẻ chê bai kinh giáo và nhạo báng pháp sư như vậy, còn nặng tội hơn cả mạng Phật. Lại không biết sợ mà tránh đi sao? Nếu ai chẳng

⁽¹⁾ Thiện Tài nhờ chuyên cần cầu pháp, không nệ khó khăn, tìm cầu khắp chốn, nên chỉ trong một đời mà được chứng quả.

⁽²⁾ Long nữ tám tuổi thành Phật: Trong kinh Pháp Hoa, ở phẩm *Đề-bà-đạt-đa* có ghi: Bồ Tát Trí-tích hỏi Bồ Tát *Văn-thù* rằng: “Nhân giả tối Long cung mà giáo hóa, vậy có chúng sanh nào nghe kinh Pháp Hoa mau thành quả Phật?” *Văn-thù* đáp: “Có con gái của Long vương Ta-kiệt-la, mới được tám tuổi, thiện căn lợi trí, sẵn trồng cội đức, nghe kinh điển ấy trong giây lát liền thành Phật đạo...”

tin lẽ ấy, nên xem qua phẩm Hỏa trạch và phẩm Pháp sư trong kinh Pháp Hoa để rõ.

Nay ta khuyên người học đạo sau này, nếu muốn tu quá Vô thượng Bồ-đề, nên tham lễ bậc minh sư và nghe theo lời dạy bảo. Nếu gặp phải vị thầy kém cỏi,⁽¹⁾ thì người học

⁽¹⁾ Nguyên văn là “*manh sư*” tức ông thầy mù, ý nói người ngu dốt chẳng có đủ trí thức, tự mình chưa biết đường đi.

孝養父母報恩文

連宗寶鑑云。念佛，乃諸法之要。孝養，為百行之先。孝心即是佛心，孝行無非佛行。欲得道同諸佛，先須孝養二親。

故蹟禪師云。孝之一字，眾妙之門。佛語以孝為宗。佛經以孝為戒。言中不昧，口出戒光。直下分明，頓開心地。

夫孝者，有在家之孝，有出家之孝。在家孝者，父母愛之，喜而不忘。父母惡之，勞而不怨。承順顏色，以盡養生。出家孝者，割愛辭親，滄微契本。深入無之理。上酬罔極之恩。趣解脫之要途。報慈親之捷徑。非但未來獲益，亦於覲見世成功。

đạo dẫn muốn siêu thăng, hóa ra lại phải chịu chìm đắm mất vậy! Cho nên mới nói rằng:

Qua sông phải dùng bè.

Đến bờ cần chi ghe!

• • •

Hiếu dưỡng phụ mẫu báo ân văn

Liên Tông Bảo Giám văn: Nieãn Phaĩ, naõ chõ phạp chi yeá. Hieá döông, vi bành hành chi tieãn. Hieá taãn töø thò Phaĩ taãn, hieá hành voặphi Phaĩ hành. Dũc ñaé ñaõ ñoàng chõ Phaĩ, tieãn tu hieá döông nhò thaãn.

CoáTrạch Thiẽn sö văn: Hieá chi nhaít töi chùng dieá chi moãn. Phaĩ ngöödó hieá vi toång, Phaĩ kinh dó hieá vi giõu. Ngoãn trung baít muoá, khai xuaít giõu quang. Tröc hai phañ minh, ñoá khai taãn ñò.

Phuõhieá giaũhöũ tai gia chi hieá, höũ xuaít gia chi hieá. Tai gia hieá giaũ phuĩmaũ aũ chi, hyũnhĩ baít vong. Phuĩmaũ oáchi, lao nhi baít oãm. Thõa thuaãn nhan saé, dó taãn döông sanh. Xuaít gia hieá giaũ caũ aũ töøthaãn, xan vi kheáboãn. Thaãn nhạp voávi chi lýu Thõõng thuõvoõng cõc chi aãn. Thuũ giaũ thoát chi yeá ñò Bàõ töøthaãn chi kieãn kính. Phi ñaũ vò lai hoặch ích, dieá õ hieãn theáthanh công.

所以。如來子夜踰城，道圓雪嶺，盧能白金遺母，法繼黃梅。然而。以法斷恩，應恩報德。是以迦維省父。忉利寧親。至於貧乏無依，理合躬親給侍。

是故。畢陵伽起盡心之戒。忍大師有養母之堂。陳睦州織屨供親。朗法師荷擔遊學。然則出家者，以法味為甘旨。不忘反哺之心。以佛事為勤勞。未遺世諦之禮禮。非但一世父母，而多生父母皆報。不唯一身父母，而法界父母皆度。同登覺岸。

豈止周公之配天。普示迷津，故逾考叔之純孝。

出家之孝，其利溥哉。如或因緣未和，父母不聽。宜盡在家之孝，勸修出世之因。若能即俗而真，亦有成佛之路。

覲反嬰兒之行，無虧膝下之嚴。報雙親顧復之勞。致一乘圓滿之地。遂使在家菩薩，行解無疑。出俗高人，因斯可鑑。其有局於事佛，不能盡於事親。睹斯有感于中，可以克全其孝。

Sôudó Nhô Lai tôudai du thanh, ñaõ viên tuyeá laõh, Lô Naõng bảch kim di maõ, pháp keáHuyõnh Mai. Nhieân nhi, dó pháp ñoãn ân, õng ân baõ ñõõ. Thò dó *Ca-duy* thanh phui *Dao-ly* ninh thaân. Chí õ baõn pháp voây, lyùhiep cung thaân cấp thò.

Thò coá *Tất-lãng-già* khôõ taãn taãn chi giõõ. Nhaãn Ñai sô hõõ döõõng maõ chi ñõõõng. Traõ Muõ Chaõ, chõõ luõcung thaân. Laõng Pháp sô, haõñaõm du hoõ. Nhieân taé xuaá gia giaõ dó pháp vô vi cam chæ baá vong phãm boáchi taãn. Dó Phaá sõi vi caãn lao. Vô di theáñeáchi leá Phi ñaõn nhaá theáphui maõ, nhi ña sanh phui maõ giai baõ. Baá duy nhaá thaãn phui maõ, nhi pháp giõõ phui maõ giai ñõã Ñõõng ñaõng giaõ ngãn.

Khôõ chæ Chaõ công chi phoá thiãn. Phoáthò meátaãn, coá du Khaõ Thuõ chi thuaãn hieá.

Xuaá gia chi hieá, kyõlõõ phoátaí. Nhõ hoaõ nhaãn duyeãn vô hoa, phui maõ baá thính. Nghi taãn taĩ gia chi hieá, khuyeãn tu xuaá theáchi nhaãn. Nhõõõ naõng tõõ tuõ nhi chaãn, dieã hõõ thanh Phaá chi loã

Kyõphãm anh nhi chi haõnh, voákhuy taá haĩ chi nghiãn. Baõ song thaãn coáphui chi lao. Trí nhaá thõõ viên maõ chi ñõõ. Toã sõõtãĩ gia BoáTaũ hanh giaõ voãnghi. Xuaá tuõ cao nhaãn, nhaãn tõ khaõgiaãm. Kyõhõõ cuoõ õ sõi Phaá, baá naõng taãn õ sõi thaãn. Ñõátõ hõõ caãm vu trung, khaõdó khaé toãm kyõhieá.

嗚呼。光陰易往，父母難忘。有親在堂如佛在世。以此報親之德，圓成念佛之功。

是知，父母喜歡，則諸佛喜懽。此心清淨，則佛土清淨。可謂。

野色更無山隔斷，
天光直與水相連。

3. Hiếu dưỡng và báo ơn cha mẹ⁽¹⁾

Trong Liên Tông Bảo Giám có nói rằng: “Niệm Phật là pháp cốt yếu trong các pháp; hiếu dưỡng là hạnh đứng đầu trong trăm hạnh. Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu khác chi hạnh Phật? Muốn được đạo lớn như chư Phật, trước phải lo hiếu dưỡng song thân.”

Cho nên Trạch Thiên sư nói rằng: “Một chữ hiếu là cửa mọi đạo mầu.” Lời Phật lấy hiếu làm tông, kinh Phật lấy hiếu làm giới. Trong lời nói chẳng có điều ám muội, ngoài cửa miệng giữ gìn cho sáng suốt, thẳng suốt rõ ràng, mau khai tâm địa.

Phàm trong đạo hiếu, có cái hiếu của người tại gia, có cái hiếu của bậc xuất gia. Hiếu của người tại gia là: cha mẹ có yêu, mình mừng mà chẳng quên; cha mẹ có ghét,

⁽¹⁾ Bài trước đã nói về việc tôn sùng Tam bảo, đó là biết ơn trưởng dưỡng *pháp thân*. Bài này nói về việc hiếu dưỡng cha mẹ, đó là biết ơn sanh thành, nuôi nấng *sắc thân*. Có biết ơn Tam bảo, báo hiếu cha mẹ, thì công đức niệm Phật mới được thành tựu trọn vẹn.

Ôhoà Quang âm dò vaõng, phuimaãi nan vong. Hõu thân tai ñõõng, nhõ Phaĩ tai theá Dó thõubàõ thân chi ñõu. Viẽn thanh niên Phaĩ chi công.

Thò tri, phuimaãi hyùhoan, taé chõ Phaĩ hyùhoan. Thõu tâm thanh tõnh, taé Phaĩ thoáthanh tõnh. Khaivõ:

*Dã sắc cánh vô sơn cách đoạn.
Thiên quang trực dữ thủy tương liên.*

mình nhọc mà chẳng oán. Đem hết sức mà phụng dưỡng, lưu tâm thuận theo về mặt của mẹ cha.⁽¹⁾ Hiếu của bậc xuất gia là: cắt đứt tình ái, lia bỏ người thân, tiết chế việc ăn uống mà quay về hợp với bản tính, hiểu sâu lý vô vi, trên đáp đền ơn đức cao dày, nương theo đường giải thoát, báo hiếu mẹ cha theo cách mạnh mẽ và nhanh chóng, chẳng những được lợi ích trong tương lai, mà ngay đời hiện tại cũng được phần công quả.

Cho nên, đức Như Lai vượt thành lúc nửa đêm, thành đạo trên núi Tuyết;⁽²⁾ tổ Lư Năng để tiền cho mẹ, nối pháp

⁽¹⁾ Nghĩa là phải biết tùy theo sự buồn vui của cha mẹ mà hết lòng chiều chuộng, để cho cha mẹ được hài lòng.

⁽²⁾ Đức Như Lai vượt thành lúc nửa đêm: Đức *Thích-ca* Như Lai khi còn làm thái tử, đi ra bốn cửa thành, xem thấy bốn tướng khổ (*sanh, lão, bệnh, tử*), liền phát tâm cầu đạo giải thoát. Vua cha là Tịnh-phạn không thuận theo ý ngài, nên cố tìm mọi cách để giữ ngài lại trong cung vua. Vì thế, thái tử phải nhân lúc đêm khuya mà vượt thành để ra đi theo con đường xuất gia cầu đạo. Về sau ngài tu hành và thành đạo trên Hy-mã-lạp sơn. (*Himalaya*). Dãy núi này quanh năm tuyết phủ nên cũng được gọi là Tuyết sơn.

tại Hoàng Mai.⁽¹⁾ Nhưng dù đã tu hành dứt lòng ái luyến, cũng phải lo việc báo đáp ân đức mẹ cha. Bởi vậy nên Phật lên cung *Đao-ly* thăm mẹ,⁽²⁾ về đền *Ca-duy* viếng cha.⁽³⁾ Dầu cho nghèo khó không chỗ nương nhờ, cũng nên đích thân phụng dưỡng hầu hạ. Cho nên, vì ông *Tất-lăng-già* tận hiếu mà Phật chế giới,⁽⁴⁾ Nhẫn Đại sư làm nhà nuôi mẹ,⁽⁵⁾ Trần Mục châu may dép nuôi mẹ,⁽⁶⁾ Lãng Pháp

⁽¹⁾ Tở Lu Năng để bạc cho mẹ: Theo kinh Pháp Bảo Đàn, Lục tổ Đại sư họ Lu tên Huệ Năng, người xứ Lãn Nam. Cha mất sớm, nhà nghèo thường đi đốn củi bán lấy tiền nuôi mẹ. Một ngày kia đến chỗ bán củi, nghe người ta tụng kinh Kim Cang bỗng nhiên tỉnh ngộ, liền hỏi thăm mới biết có Ngũ tổ đang truyền pháp ở huyện Hoàng Mai. Ngài muốn tìm đến học đạo, nhưng nhà nghèo và còn có mẹ già nên không biết làm sao ra đi. Khi ấy có người khách tặng cho mười lượng bạc. Ngài để bạc ở nhà cho mẹ, rồi tìm đến huyện Hoàng Mai tham học với Ngũ tổ. Sau được truyền pháp thành Tổ thứ sáu (Lục Tổ).

⁽²⁾ Phật lên cung Đao-ly thăm mẹ: Trong Ma-da Kinh có ghi lại chuyện Phật lên cảnh trời Đao-ly, đến trong vườn Hoan Hỷ, an cư nơi cội cây *Ba-ly-chất-đa-la* trong ba tháng. Mẹ ngài trước đây là hoàng hậu *Ma-già* nay đã sanh lên cõi trời này. Ngài liền đến thăm hỏi và thuyết pháp giúp mẹ tiêu trừ phiền não, chứng đạo giải thoát.

⁽³⁾ Về đền *Ca-duy* viếng cha: Trong *Phật thuyết Tịnh phạn vương bát Niết-bàn kinh* (佛說淨飯王般涅槃經) có ghi rằng: Lúc ấy, đức Thế Tôn ngự tại núi Linh Thứu, nhìn về thành *Ca-duy* (hay *Ca-duy-vệ*, phiên âm từ *Kapilavastu*, thường gặp hơn là cách đọc *Ca-tì-la-vệ*), thấy phụ vương nằm trên giường bệnh sắp băng. Phật liền phóng ra ánh đại quang minh, dùng phép Thần túc mà bay về thành *Ca-duy*, có *A-nan* và nhiều vị đệ tử khác cùng đi theo. Phật thăm viếng và thuyết pháp với cha, nhờ đó mà vua Tịnh phạn thăng hà một cách an ổn.

⁽⁴⁾ Trong bộ Đại luận có ghi việc ông *Tất-lăng-già-bà-tá* (*Pilingavatsa*) xuất gia làm *tỳ-kheo* nhưng cha mẹ nghèo khó, không có gì ăn uống. Ông *Tất-lăng-già* chẳng dám đem của tín thí mà nuôi cha mẹ, mới đem việc ấy bạch với Phật. Phật thấy ông hết lòng hiếu thảo, liền dạy ông khuyên cha mẹ thọ Tam quy, Ngũ giới, rồi sau đó mỗi khi khát thực được phép mang thức ăn về cúng dường cha mẹ. Phật nhân đó chế thành điều giới, dạy chư *tỳ-kheo* rằng: “Từ nay về sau, nếu ai chẳng làm đúng như vậy mà dùng của tín thí để nuôi cha mẹ thì phạm giới.”

⁽⁵⁾ Nhẫn Đại sư nuôi mẹ có nhà: Tức là Ngũ tổ Hoàng Nhẫn Đại sư, được tâm pháp của Tổ Đạo Tín. Ngài từ nhỏ đã sớm không có cha. Khi được Tổ truyền pháp rồi, ngoài việc thuyết pháp độ sanh, ngài cũng không quên cất riêng một căn nhà để sớm hôm phụng dưỡng mẹ già.

⁽⁶⁾ Trần Mục Châu: Tức là sư Đạo Minh, họ Trần, vì ở tại thành Mục Châu,

sư gánh cha mẹ đi tham học.⁽¹⁾

Vậy nên, bậc xuất gia lấy pháp vị làm mùi ngon ngọt, cũng không quên báo đáp công ơn nuôi dưỡng tự ấu thời; dù lấy Phật sự làm việc cần lao, cũng chẳng bỏ lễ nghi đúng đắn của thế tục.

Chẳng những cha mẹ một đời, mà cha mẹ nhiều đời cũng đều phải lo báo đáp; chẳng những cha mẹ của một thân này, mà cha mẹ ở khắp pháp giới cũng đều độ thoát, cùng đến bờ giác ngộ.

Há chỉ có Châu công thuận với đạo trời,⁽²⁾ cảnh tỉnh kẻ lầm mê còn có Khảo Thúc được tôn thuần hiếu.⁽³⁾

nên gọi là Trần Mục châu. Sư gốc người Giang Nam, lúc mới sanh ra có hào quang màu hồng tía chiếu khắp nhà, trên mặt có bảy ngôi sao, hình tướng khác người. Nhân khi đến chùa Khai Quang lễ Phật, liền phát tâm xuất gia, được cha mẹ cho phép. Ngài giữ giới hạnh tinh nghiêm, học thông Ba tạng kinh điển. Khi ở chùa Khai Quang, ngài may dép cỏ bồ đề bán lấy tiền nuôi mẹ.

⁽¹⁾ Lãng Pháp sư gánh cha mẹ đi tham học: Tức là Tôn giả Tả Khê Lãng, ngài mặc một chiếc áo cà sa bảy miếng đến bốn mươi năm chưa bỏ, dùng một cái tọa cụ trọn đời không đổi. Khi Ngài rửa bát, có bảy khí theo bung; khi ngài tụng kinh, có bảy chim bay tụ đến quanh đàn. Trong khi đi tham học, ngài đặt cha mẹ ngồi ở hai đầu gánh mà gánh đi theo để chăm sóc, phụng dưỡng.

⁽²⁾ Châu công thuận với đạo trời: Châu công họ Cơ tên Đán, là em của Võ vương Cơ Phát, (1134-1116 trước Công nguyên), người đã diệt nhà Thương của vua Trụ mà lên ngôi, lập ra nhà Châu trị vì trong khoảng 900 năm. Võ vương truy tôn cha là Cơ Xương hiệu Văn vương và phong cho Cơ Đán tước công, nên gọi là Châu công. Châu công giúp Võ vương chế ra nghi lễ của nhà Châu, đặt điều lệ tế tự trời đất, xem vua là bậc Thiên tử (con trời) thuận theo đạo trời mà cai trị thiên hạ. Sau khi Võ vương băng hà, Thành vương nối ngôi cha lại dùng Châu công làm nhiếp chính. Trong sách Hiếu kinh, đức Khổng tử khen Châu công là bậc đại hiếu.

⁽³⁾ Khảo Thúc được tôn thuần hiếu: Trong sách Tả truyện có ghi rằng: Trang công tên Mục Sanh là con trưởng của Võ công. Mẹ là Khương thị thương con nhỏ là Thúc Đoạn, em của Trang công, bèn bày mưu cho Thúc Đoạn cướp ngôi vua. Việc bất thành, Trang công liền giết em và dày mẹ ra đất Dĩnh. Có một vị quan là Khảo Thúc biết chuyện ấy, nói rằng: “Đành rằng mẹ chẳng ra mẹ, nhưng con không lẽ chẳng ra con!” Bèn kiếm lấy đầu con chim cú dâng lên vua. Trang công hỏi chim gì, Khảo Thúc thưa rằng: “Đó

Đạo hiếu của hàng xuất gia, lợi ích phổ cập lớn thay! Còn như nhân duyên chưa hòa, cha mẹ chẳng thuận, thì nên gắng hết sức giữ tròn đạo hiếu tại gia, khuyến khích cha mẹ tu trì để tạo mối nhân duyên xuất thế. Nếu có thể biết tục là chân, cũng là con đường thẳng lên cõi Phật.

Những mong noi theo nét cũ, trở lại làm trẻ thơ,⁽¹⁾ đừng rời xa giường gối mẹ cha.⁽²⁾ Đáp đền ơn nuôi dưỡng sanh thành, cũng là đến Nhất thừa trọn vẹn. Nếu người tại gia thật sự giữ tròn được hạnh Bồ Tát, thì những bậc xuất

là chim cú, ban ngày nó chẳng nhìn thấy núi Thái sơn, nhưng ban đêm có thể trông rõ mây lông mùa thu. Vậy nên nó sáng về việc nhỏ mà tối về việc lớn. Lúc nó nhỏ, mẹ nó nuôi nấng, tới chừng lớn lên nó cắn lại và mổ mắt mẹ. Nó là giống chim bất hiếu cho nên phải giết.” Vua ngồi lặng thinh. Bỗng có người đầu bếp dâng lên món thịt dê. Vua sai lấy một miếng vai mà ban cho Khảo Thúc. Thúc lựa lấy chỗ ngon mà gói vào ống tay áo. Vua lấy làm lạ, bèn hỏi duyên cớ. Khảo Thúc thưa rằng: “Thần ở nhà còn có mẹ già, thường ngày ăn đồ phụng dưỡng của tiểu thần chớ chưa hề được hưởng ơn vua. Cho nên thần cất đi một miếng dâng đem về dâng cho mẹ.” Vua khen rằng: “Khanh đáng gọi là hiếu thảo!” Nói xong, vua thở dài. Khảo Thúc hỏi duyên cớ, vua đáp rằng: “Khanh còn có mẹ già để phụng dưỡng, như quả nhân đây thật chẳng bằng.” Khảo Thúc vỗ như không biết, hỏi rằng: “Quốc thái phu nhân còn đó, cố sao lại nói là chẳng bằng?” Vua đem việc đã làm ra kể lại. Khảo Thúc thưa rằng: “Thúc Đoạn đã mất không bàn đến, nay Quốc thái phu nhân hãy còn, nếu không phụng dưỡng, có khác gì chim cú!” Vua nói: “Trước ta có lời thề rằng, nếu chẳng tới tuổi vàng thì không nhìn nhau nữa. Vậy phải làm sao?” Khảo Thúc đáp: “Thần có một kế có thể giải lời thề ấy. Xin đào đất thành hầm sâu, làm một con suối vàng dưới đó, đưa Thái phu nhân xuống nơi ấy rồi vua mới đến mà ra mắt, xin ăn năn tội. Như vậy có thể chẳng trái với lời thề, rồi mới rước mẹ về phụng dưỡng.” Vua mừng rỡ làm y theo lời ấy, mẹ con mới gặp nhau. Vua rước mẹ về triều mà phụng dưỡng như xưa. Người trong nước khen rằng: “Khảo Thúc là bậc thuần hiếu, cảm hóa được Trang công.”

(1) Trở lại làm trẻ thơ: Sách Nhị thập tứ hiếu kể chuyện ông Lão Lai tử đời nhà Châu là bậc cao sĩ, thờ cha mẹ chí hiếu, thường dâng lên những món ngon ngọt. Tuổi ông đã bảy mươi nhưng chẳng tỏ vẻ già yếu, sợ cha mẹ thấy vậy rầu buồn. Ông thường mặc áo năm màu sắc sỡ, giả như trẻ thơ múa hát, đùa cợt bên cạnh cha mẹ để làm vui. Lại có khi bung nước lên thêm, giả vờ trượt chân ngã rồi khóc oa oa để cha mẹ phải bật cười.

(2) Cha mẹ tuổi già phải chăm sóc mỗi ngày, mỗi giờ, không được rời đi nơi xa. Người xưa nói: “Phụ mẫu tại đường bất khả viễn du. – 父母在堂不可遠遊” (Cha mẹ còn sống, con chẳng được đi xa.) Cũng chính là ý này.

gia cao quý cũng nên noi theo gương ấy. Chẳng nên chăm chăm giữ việc tu hành theo Phật mà chẳng hết lòng hiếu dưỡng mẹ cha. Như ai có hiếu và cảm nhận được lẽ này, nên xét kỹ lại mình cho tròn đạo hiếu.

Than ôi! Ngày tháng trôi qua thắm thoát, công ơn cha mẹ há dễ quên sao? Còn được thấy cha mẹ hiện tiền, khác nào như có Phật tại thế. Lấy sự báo hiếu mẹ cha làm đức, đó chính là niệm Phật thành công.

Nên biết, cha mẹ vui lòng thì chư Phật hoan hỷ, tâm này trong sạch thì cõi Phật thanh tịnh. Có thể nói là:

Đồng nội trái xa không đòi núi.

Nắng soi nước chiếu chẳng phân hai!



行腳求師開示字

弟子宗本，生于四明，陳氏。承感雙親撫恤，請師訓誨。入學攻書，父教師嚴，頗通詩禮。

年十五時，有族兄朽木處士，因恙棄世，屍臥空堂。余經堂門而過。乃見亡兄四大。驚怖憂疑，自嘆歎曰。

世相非堅，命如風燭，無常忽到，難躲難逃。遂欲出家學道，超脫輪迴。不識修行路頭，心中猶豫。到於本境茶亭禮佛。偶見一僧危然端坐。

余乃叩問。是何大德。僧曰。吾是遊方禪和子也。余見此說不勝喜悅。遂即迎請歸家，具辦香齋供養。

飯食已訖，拜問禪師。弟子欲逃生死，不知依何法修。禪師問我，是何姓名，是何年紀。

宗本答曰。弟子姓陳，名靜修，年十五歲也。禪師讚歎曰。年已幼而發心高，世之希有。陳善男子，一心寂靜聽吾所說。

Hành cước cầu sư khai thị tự

ÑeätöüToàng Boán, sanh vu TòuMinh, Traàn thò. Thòam cam song thân phuítuaá thanh sô huan hoá. Nhạp hoặ công thô, phuigià sô nghiêân, pháuthoàng thi leá

Nieân thaþ nguõthôá, hõu toá huynh, HuûMoá xõúsó, nhaân daing khí theá thi ngoã khoàng ñõõng. Dõ kinh ñõõng moân nhi quaù Naõ kieán vong huynh töüñai. Kinh boáõu nghi, töi thàm vieá.

Theátõõng phi kieán, maing nhõ phong chuê, voáthõõng hoá ñaõ, nan ñoà nan ñaõ. Toái dư xuaá gia hoặ ñaõ, sieân thoá luaân hoá. Baá thõu tu hanh loãñaù, taâm trung do dõ Ñaõ õ boán camh traõñinh leáPhaá, ngaá kieán nhaá taing nguy nhieân ñoan toá.

Dõ naõ khai vaán, thò haõñai ñõu? Taing vieá: Ngoáthò du phõõng thieân hoá töüdaõ Dõ kieán thõüthuyeá baá thaing hyü duyeá, toái töü nghinh thanh quy gia, cùi bieân hõng trai cùng döõng.

Phaân thõr dó ngaá, baí vaán thieân sô. Ñeätõüduê ñaõ sanh töübaá tri y haõphaþ tu. Thieân sô vaán ngaõ thò haõtañh danh, thò haõnieân kyü

Toàng Boán ñaþ vieá, ñeätõütamh Traàn, danh Tõnh Tu, nieân thaþ nguõtueádaõ Thieân sô taâm thàm vieá: Nieân kyüaá nhi pháü taâm cao, theáchi hy hõu. Traàn thieân nam töü nhaá taâm tòch tónh thính ngoáõthuyeá.

唯有徑路修行，但念阿彌陀佛。宗本問。
念阿彌陀佛，焉得便超生死乎。

禪師答曰。信憑佛說，脫苦良方，無如念佛。若不念佛，生死難逃。

問曰。念佛法門有何所出。

答曰。念佛法門非止一經一教之中所載。蓋大千恒沙經卷之內，無一不具念佛法門也。若依此法而修，決定往生淨土。

問。念佛有幾許功德，可以往生淨土。

答。若人以四天下七寶，供養佛及菩薩，緣覺，聲聞等，其福甚多。不如勸人念佛一聲，其福勝彼。

問。一聲佛名，云何能勝。

答。佛國往生論云。譬如有人，初生墮地，即能一日行千里，足一千年，滿中七寶奉施於佛。不如有人，於後惡世能稱一聲阿彌陀佛，其福過彼。自念尚以如此，何兄勸人。

Duy hõu kinh loätu hanh, ñaõn nieãn A-di-đà Phaï. Toång Boãn vaãn: Nieãn A-di-đà Phaï, yeãn ñaé tieãn sieãn sanh tõi hoã

Thieãn sö ñaõp vieãt: Tín baõng Phaï thuyeãt, thoãt khoãloång phõng, voãnho nieãn Phaï. Nhõõc baãt nieãn Phaï, sanh tõi nan ñaõ.

Vaãn vieãt: Nieãn Phaï phaõp moãn hõu haõsõuxuaãt?

Ñaõp vieãt: Nieãn Phaï phaõp moãn phi chànhãt kinh nhaãt giaõ chi trung sõutaũ. Caũ ñaĩ thieãn haõng sa kinh quyẽn chi noã, voãnhaãt baãt cũ nieãn Phaï phaõp moãn daõ Nhõõc y thoũ phaõp nhi tu, quyẽt ñõnh vaõng sanh Tõnh ñõã

Vaãn: Nieãn Phaï hõu kyũhõã công ñõu, khaũdó vaõng sanh Tõnh ñõã?

Ñaõp: Nhõõc nhaãn dó tõi thieãn haĩ thaãt baõu, cuõng döõng Phaï, caõp BoãTãt, Duyeãn giaũ, Thanh vaãn ñaõng, kyõphõõu thaãn ña. Baãt nhõ khuyeãn nhaãn nieãn Phaï nhaãt thanh, kyõphõõu thaõng bæ

Vaãn: Nhaãt thanh Phaï danh, vaãn haõnaõng thaõng?

Ñaõp: Phaï quoaãt Vaõng sanh luaãn vaãn. Thí nhõ hõu nhaãn, sõ sanh ñõã ñõã, tõi naõng nhaãt nhaãt hanh thieãn lý tuũ nhaãt thieãn nieãn, maõn trung thaãt baõu, phũng thí õ Phaï, baãt nhõ hõu nhaãn, õ haũ aũ theãnaõng xõng nhaãt thanh A-di-đà Phaï, kyõphõõu quaũbã Tõnieãn thõõng dó nhõ thoũ haõ huõng khuyeãn nhaãn.

問。佛德雖然如是，凡夫罪業所多。云何一世念佛便得往生淨土。

答。十六觀經云。至心念南無阿彌陀佛一聲，滅八十億劫生死重罪。有人平生造五逆十惡，臨終十念阿彌陀佛，尚得往生。況一世齋戒念佛乎。

問。阿彌陀佛，何故有如是廣大功德，廣大行願。

答。大阿彌陀經云。釋迦佛一日容顏異常。侍者阿難恠而問之。佛言。善哉汝所問者，勝於供養一天下聲聞緣覺及布施諸天下人民，以至蝸飛蟻動之類。雖至累劫，猶百千萬億倍，不及所問功德。

所以者何。以諸天帝王人民，乃至蝸飛蟻動之類，皆因汝所問而得度脫。以此觀之，是釋迦佛初欲說阿彌陀佛之時，其存於心而形於色者。以異於平日，則阿彌陀佛所以感諸佛者，固已非常。況於感一切眾生乎。

Vaán: Phaĩ ñòt tuy nhiên nhò thò. Phạm phu toã nghiệp sôũna. Vaãn haønhaá theánieãn Phaĩ tieãn ñaé vaõng sanh Tònh ñoã

Ñạp: Thaþ luĩ quàm kinh vaãn: Chí tâm niẽm Nam mô A-di-đà Phaĩ nhaá thanh, dieã baũ thaþ òt kieþ sanh tũ trong toã. Hõũ nhaãn bình sanh taõ nguõnghòch, thaþ àũ, laãn chung thaþ niẽm A-di-đà Phaĩ, thõõng ñaé vaõng sanh. Huóng nhaá theátraì giõũ niẽm Phaĩ hoà

Vaãn: A-di-đà Phaĩ, haøcoáhöũ nhò thò quám ñaĩ công ñòt, quám ñaĩ haĩnh nguyẽn.

Ñạp: Ñaĩ A-di-đà kinh vaãn: Thích-ca Phaĩ nhaá nhaá dung nhan dò thõõng. Thò giaũA-nan quàm nhi vaãn chí. Phaĩ ngoãn: Thieãn tai nhõõsõuvaãn giaũ thaõng ò cùng döõng nhaá thieãn haĩThanh vaãn, Duyeãn giaũ cặp boáthí chõ thieãn nhaãn daãn, dó chí quyẽn phi nhuyeãn ñõõng chí loaĩ. Tuy chí luyĩ kieþ, du baũh thieãn vaãn òt boã, baá cặp sõuvaãn công ñòt.

Sõúdó giaũhaø Dó chõ thieãn ñeávõõng nhaãn daãn, naõ chí quyẽn phi nhuyeãn ñõõng chí loaĩ, giai nhaãn nhõõsõuvaãn, nhi ñaé ñoãthoãũ. Dó thõũquàm chí thò Thích-ca Phaĩ sô dưc thuyeã A-di-đà Phaĩ chí thõũ, kyõtoãn ò tâm nhi hình ò saé giaũDó dò ò bình nhaã, taé A-di-đà Phaĩ, sõúdó caãm chõ Phaĩ giaũ coá dó phi thõõng. Huóng ò caãm nhaá thieã chùng sanh hoà

何則。觀其阿彌陀佛，初發願云。

我至成佛時，
 名聲超十方。
 人天欣得聞，
 俱來生我刹。

 地獄鬼畜生，
 亦生我刹中。

是則，凡在三界，六道輪迴之內者，無所不度，可知矣。阿彌陀佛現在西方極樂世界，又在十方世界教化無央數人天，以至蝸飛蠕動之類。蝸飛者，謂微細蛆蟲也。若此者佛尚化度，況於人乎。

阿彌陀佛又有願云。若稱我名必生我國。若不爾者，誓不作佛。是以廣度眾生，無有窮極。而人一念歸依，遂生其國。由此推之，念佛功德實不可思議也。

阿彌陀佛又云。若有眾生，欲生我國，上品者，須用慈悲不殺，愛護含靈，具諸戒行，讀誦大乘，解第一義，諦理深明，供養三寶，孝敬雙

Haṣṭaś? Quam kya A-di-đà Phaī, sô phat̄i nguyēn vañ:

*Ngã chí thành Phật thời.
 Danh thanh siêu thập phương.
 Nhân thiên hân đắc văn.
 Câu lai sanh ngã sát,

 Địa ngục, quỷ, súc sanh.
 Diệc sanh ngã sát trung.*

Thò taé, pham̄ tai tam giôù lưē ñã luân hoà chi noã giâu voasôubá ñoã khai tri hyô A-di-đà Phaī hiēn tai Tây phông Cờ laē theá giôù, hõu tai thập phông theá giôù giâu hoà vô ôông soánhân thiēn, dó chí quyēn phi nguyēn ñoãng chi loai. Quyēn phi giâu vô vi teá phi trung đã Nhuyēn ñoãng giâu vô vi teá thõ trung đã Nhõõc thõugiaũ Phaī thõõng hoà ñoã huóng õ nhân hoà

A-di-đà Phaī, hõu hõu nguyēn vañ: Nhõõc xõng ngão danh, tai sanh ngão quac̄. Nhõõc bá ñó giâu theá bá tai Phaī. Thò dó quám̄ ñoã chùng sanh, vô hõu cung cõc̄. Nhi nhân nhát̄ niēn quy y, toai sanh kyø quac̄. Do thõu suy chi, niēn Phaī công ñõc̄, thát̄ bá khai tõ nghò đã

A-di-đà Phaī hõu vañ: Nhõõc hõu chùng sanh, dưc̄ sanh ngão quac̄, thõõng pham̄ giâu tu đung tõ bi bá sát, ài hoã ham̄ linh, cũ chõ giôù hành, ñoã tũng Nãi thõa, giâu ñeã nhát̄ nghóa, ñeã lýu thãm̄ minh, cung dõong Tam bá, hiēn

親，悲憐貧苦，教化有情，加持法食，普施鬼神，諸惡莫作，眾善奉行。若能如是念佛者，決定上品上生，直至成佛。

其或力量未充，且自堅持齋戒，一心念佛。若能念念無間，亦不在下品生矣。

況此法門不揀賢愚，不擇貴賤，不在貧富，不分男女，不問老幼，不拘僧俗，不論久近，皆可念佛。

念佛軌則亦以不拘，或高聲念，低聲念，流水念，頂禮念，攝心念，參究念，觀想念，輪珠念，行道念，佝住立念，靜坐念，側臥念，默念，明念，千念，萬念，皆同一念，唯要決定信心，求生淨土。果能如是行持，何用別尋知識。

可謂。

行船盡在把梢人，
達者同登安養國。

宗本問曰。世間之人多說家緣縈絆，世務纏身。且待老來，然後念佛。此等之人，唯願釋之。

kính song thân, bi lân bañ khoạ giaò hoà hõu tình, gia trì pháp thõit, phoathí quyúthañ, chõ àu mãc taù, chùng thiẽn phũng hañh. Nhõõit naeng nhõ thõ niẽn Phañ giaù quyey ñõnh thõõng phañ thõõng sanh, trõc chí thanh Phañ.

Kyõhoacẽ lõc lõõng vò sung, thaùtõikieñ trì trai giõu, nhaù tañ niẽn Phañ. Nhõõit naeng niẽn niẽn voãgiañ, dieã baù tai haìphañ sanh hyõ

Huóng thõùphap moñ, baù giañ hieñ ngu, baù trach quyù tieñ, baù tã bañ phuù baù phañ nam nõp baù vañ laõ aù, baù caù taeng tũc, baù luañ cõu cañ, giai khaùniẽn Phañ.

Niẽn Phañ quyõtaẽ dieã dó baù caù, hoacẽ cao thanh niẽn, ñeãthanh niẽn, lõu thuyẽ niẽn, ñañh leãniẽn, nhieù tañ niẽn, tham cõu niẽn, quañ tõõng niẽn, luañ chaù niẽn, hañh ñaõ niẽn, truilaù niẽn, tónh toã niẽn, traẽ ngoã niẽn, mãc niẽn, minh niẽn, thiẽn niẽn, vañ niẽn, giai ñõng nhaù niẽn, duy yeù quyey ñõnh tín tañ, caù sanh Tõnh ñõa Quaùnaeng nhõ thõ hañh trì, haõdung bieã tañ tri thõu.

Khaùvò:

Hành thuyền tận tại bả sao nhân.
Đạt giả đồng đăng An Dưỡng quốc.

Toång Boñ vañ vieã: Theágian chi nhañ ña thuyey gia duyey oanh bañ, theávũ trieñ thañ, thaùñaõ laõ lai nhieñ haù niẽn Phañ. Thõũnaeng chi nhañ, duy quyeyñ thích chí.

禪師曰。苦哉。苦哉。何等愚謬之言也。豈不見死心禪師云。世間之人，財寶如山，妻妾滿室。日夜歡樂，他豈不要長生在世。爭柰前程有限，暗裏相催，符到便行，不容遲滯。

閻羅老死不順人情，無常鬼王有何面目。且據諸人眼裏親見，耳裏親聞，前街後巷，親情眷屬，朋友兄弟，強壯後生，死卻多少。

豈不聞古人云。

莫待老來方學道，
孤墳盡是少年人。

又云。自從早年，索養妻子。經營家計，受盡萬千辛苦。忽然三寸氣斷，未免一旦皆休。若是孝順兒孫，齋得幾僧，看得部經，燒得陌紙。春三秋九，做得碗羹飯，哭得幾聲。猶是記憶爺娘。

若是不肖之子，父母方死，骨頭未冷。作撻財產，出賣田園，恣意作樂。以此較之，著甚麼急。兒孫自有兒孫福，莫與兒孫作遠憂。

復引古德云。

Thiên số viết: Khoátai! Khoátai! Hạoñang ngu maũ chi ngoãn daõ Khôũ baĩ kieãn TôũTaãn thiên số vaãn: Theágian chi nhaãn, taĩ baũ nhõ sôn, theathiep maũ thaĩ, nhaĩ daĩhoan laĩ, tha khôũ baĩ yeũ trõõng sanh taĩ theá Tranh nãi tiẽn trình hõũ haĩ, àm lyùtõõng thoã, phuõnaõ tiẽn haũh, baĩ dung trì treã

Dieãn La laõ töubaĩ thuaãn nhaãn tình, voãthõõng quyũ võõng hõũ haõdieãn mũ? Thaucõuchõ nhaãn nhaãn lyùthaãn kieãn, nhõ lyùthaãn vaãn, tiẽn nhai haũ haĩng, thaãn tình quyeaãn thuõũ, baõng hõũ huynh ñeã cõõng traõng haũ sanh, töũkhõũ ña thieũ.

Khôũ baĩ vaãn coãnhaãn vaãn:

Mạc ãĩ laõ lai phương học đạo.
Cô phần tận thị thiếu niên nhân.

Hõũ vaãn: Tôĩ tung taũ nieãn, saũh döõõng theãtõũ kinh doanh gia kế thõĩ taũ vaãn thieãn taãn khoã Hoã nhieãn tam thoãn khí ñoãn, vò mieãn nhaĩ ñaĩm giai hõũ. Nhõõũ thõ hieũ thuaãn nhi toãn, trai ñaĩ kyũtaõng, khai ñaĩ boãkinh, thieũ ñaĩ mãch chã Xuaãn tam, Thu cõũ, toãñaẽ uyeãn canh phaãn, khoã ñaĩ kyũthanh, do thõ kyũõũ gia nõõng.

Nhõõũ thõ baĩ tieũ chi töũ phuĩmaũ phõõng töũ coã ñaũ vò laõh. Tãũ thaũ taũ saũ, xuaĩ maĩ ñieãn vieãn, töũyũtaũ laũ. Dó thõũgiaũ chi, trõõũ thaãn ma caũp. Nhi toãn töĩhõũ nhi toãn phõõũ, mãũ döõnhĩ toãn taũ vieãn õũ.

Phuĩ ãũ coãõũ vaãn:

冷笑富家翁，
營生忙似箭。
園內米生蟲，
庫中錢爛貫，
日裏把秤稱，
夜間點燈算。
形骸如傀儡，
莫教繩索斷。

死心，如此苦口勸人。曾許爾，且做世業，待老來方念佛乎。當思人生在世，能有幾時。石火電光，眨眼便過。趁此未老無病之前，抖擻身心，撥棄塵事。得一日光景，念一日佛名。得一時工夫，修一時淨業。

由他臨命終時，好死惡死。只要我之盤纏，預辯了也。我之前程，穩穩當當了也。若不如此，後悔難追，思之，思之。

且喜。彌陀甚易念，淨土甚易生。世人雖然，難免營辯家緣。亦須早晚焚香念佛。況此念佛法門人皆可以通行。譬如千年暗室，一燈

Lãnh tiếu phú gia ông.
Doanh sanh mang tợ tiễn.
Độn nội mễ sanh trùng.
Khố trung tiền lạn quán.
Nhật lý bả sủng xưng.
Đạ gian điểm dăng toán.
Hình hài như ôi lồi.
Mạc giáo thằng sách đoạn.

Tôutâm, nhö thöukhoàkhài khuyén nhân. Tàng hõa nèa thaútoátheánghiep, ñaõ laõ lai phõng niếm Phái hoà Ñõng tö nhân sanh tại theá naõng hõu kyúthõu. Thách hoà ñiếm quang, biếm nhai tiên quai Saán thõuvò laõ voabeñh chi tiên, ñaõu taũ thaũ taũ, baũ khí trau sõi Ñaé nhai nhai quang caũh, niếm nhai nhai Phái danh. Ñaé nhai thõu công phu, tu nhai thõu tòngh nghiệp.

Do tha laũ mãng chung thõu, haũ töuóatõu Chayeu nõgõ chi baũ trieũ, dõi bieũ lieũ giaũ Ngaõchi tiên trìn, oũ oũ ñõng ñõng lieũ daõ Nhõõc baũ nhõ thõu haũ hoá nan mieũ, tö chi, tö chi.

Thaũyũ Di-đà thaũn dò niếm, Tòngh ñõathaũn dò sanh. Theá nhân tuy niếm, nan mieũ doanh bieũ gia duyên. Dieũ tu taũ vaũ phaũ hõng niếm Phái. Huóng thõuniếm Phái phap moãn nhân giai khauđó thõng haũh. Thí nhõ thieũ niếm àm

照之則爲明矣。故雖殺牛屠馬之人，放下屠刀，亦可以修。

所以修者不難，亦不妨一切俗事。在官者，不妨職業。在士者，不妨修讀。在商賈，不妨販賣。在農夫，不妨耕種。在婦人，不妨女工。在公門，不妨事上。在僧衲徒，不妨參禪。凡一切所爲，皆不相妨。

或在晨昏禮念，或在忙裏偷閑。每日或念千聲百聲，或念三五百聲，或念十聲，唯要回向發願，願往西方。誠能如是，決定往生矣。

陳善男子。爾若齋戒精嚴，一心念佛。不生淨土者，某甲當墮拔舌地獄。

我見禪師發誓深重，是則驚駭拜，蒙感開示念佛法門也。

禪師曰。若言淨土教門，億劫之中，說不能盡。是以略舉數言耳。

古德云。

上士一決一切了，
中下多聞多不信。

thái, nhất năng chiếu chi tác vi minh hyō Coátuy saū ngōu ñòamaōchi nhân, phōng hải chōōñao, dieē khaūdó tu.

Sōudó tu giaūbaí nan. Dieē baí phōōng nhất thiéi tūc sōi Tai quan giaū baí phōōng chōū nghiệp. Tai só giaūbaí phōōng tu ñoā. Tai thōōng coabaí phōōng phiéi mai. Tai noāng phu baí phōōng canh chuōng. Tai phuinhān baí phōōng nōōcoāng. Tai coāng moān, baí phōōng sōi thōōng. Tai taēng ñoā baí phōōng tham thiéi. Phạm nhất thiéi sōuvi, giai baí tōōng phōōng.

Hoac̣e tai thān hoān leānieān, hoac̣e tai mang lyūtieān nham. Moā nhāi hoac̣e nieām thiéi thanh baūh thanh, hoac̣e nieām tam nguōbaūh thanh, hoac̣e nieām thaṭṭ thanh, duy yeāu hoā hōōng phaṭi nguyēn, nguyēn vaōng Tây phōōng. Thanh naēng nhō thō, quyēi ñōnh vaōng sanh hyō

Trān thiéi nam tōū Nhō nhōōc̣i trai giōū tinh nghiēn, nhất taān nieām Phaī, baí sanh Tōnh ñoāgiaū moāgiaṭṭ ñōōng ñoā Baí thiéi ñoā nguīc̣.

Ngaōkieān thiéi sō phaṭi theāthān trōng, thō tác kinh quyē baū, moāng caān khai thō nieām Phaī phaṭi moān daō

Thiēn sō vieā: Nhōōc̣i ngoān Tōnh ñoāgiaū moān, oū kieṭṭ chi trung thuyēi baí naēng taān. Thō dó lōōc̣i cōusoāngoān nhó.

Coāñōū vaān:

Thượng sĩ nhất quyết nhất thiết liễu.

Trung hạ đa văn đa bất tín.

誠哉是言也。夫真信修行之士，要生西方淨土，不是說了便休。須是把做一件大事相似。

若是信得及便從今日去，發大勇猛，發大精進，莫問會與不會，見性不見性，但只執持一句。南無阿彌陀佛。

如靠著一座須彌山，搖撼不動。只此一念是汝本師。只此一念即是化佛。只此一念是破地獄之猛將。只此一念是斬羣邪之寶劍。只此一念是開黑暗之明燈。只此一念是渡苦海之大船。只此一念是脫生死之良方。只此一念是出三界之徑路。只此一念是本性彌陀。只此一念是唯心淨土。

但只要記得，這一句阿彌陀佛在念，莫教失落。念念常現前，念念不離心。無事也如是念，有事也如是念。安樂也如是念，病苦也如是念。生也如是念，死也如是念。

如是一念分明，又何必問人覓歸程乎。可謂。

一句彌陀無別念，
不勞彈指到西方。

Thanh tai thò ngoân daõ Phuøchaân tín tu hanh chi só, yeâu sanh Tây phõng Tõnh nõa baá thò thuyéa lieâu tieân hõu. Tu thò baútoánhaá kieân ñaĩ sõi tõng tõi

Nhõõc thò tín ñaé cạp tieân tuõng kim nhaá khõu phau ñaĩ duõng maõnh, phau ñaĩ tinh taân, maõ vaân hoã dõõbaá hoã, kieân taõnh baá kieân taõnh, ñaõn chạchạp trì nhaá cuõ Nam-moã A-di-đà Phaá.

Nhõ khau trõõu nhaá toã Tu-di sõn, dieâu haõm baá nõõng, chạ thõu nhaá nieãm, thò nhõõ boã sõ. Chạ thõu nhaá nieãm, tõi thò Hoã Phaá. Chạ thõu nhaá nieãm, thò phau ñõa nguõ chi maõnh tõõng. Chạ thõu nhaá nieãm, thò traõn quaõn taõchi baõ kieân. Chạ thõu nhaá nieãm, thò khai haé aõm chi minh ñaõng. Chạ thõu nhaá nieãm, thò nõõkhoaõaõ chi ñaĩ thuyéaõn. Chạ thõu nhaá nieãm, thò thoau sanh tõõchi lõõng phõõng. Chạ thõu nhaá nieãm, thò xuaá tam giõu chi kinh loã Chạ thõu nhaá nieãm, thò boã taõnh Di-đà. Chạ thõu nhaá nieãm, thò duy taõn Tõnh nõa

Ñaõn chạyeâu kyõõnaé, giaõnhaá cuõA-di-đà Phaá tai nieãm, maõ giaõ thaá laõ. Nieãm nieãm thõõng hieã tieãn, nieãm nieãm baá ly taõn. Voãõdaõnhõ thò nieãm, hõõ sõi daõnhõ thò nieãm. An laõ daõnhõ thò nieãm. Beõnh khoãdaõnhõ thò nieãm. Sanh daõnhõ thò nieãm, tõõdaõnhõ thò nieãm.

Nhõ thò nhaá nieãm phaõn minh, hõõ haõtaá vaân nhaõn mòch quy trình hoã Khaõvõ:

Nhất cú Di-đà vô biệt niệm.

Bất lao đàn chỉ đão Tây phõng.

禪師叮嚀再告曰。陳善男子。今將十法戒之法，付囑與汝。汝將此法，亦以開示後人。精進修行，同成佛果。

宗本答曰。用廣發揮於後世，庶幾有補於將來。

禪師曰。善哉。善哉。十法戒者。佛法戒，菩薩法戒，緣覺法戒，聲聞法戒，天法戒，人法戒，修羅法戒，餓鬼法戒，畜生法戒，地獄法戒。

夫十法戒者，一心具足。隨造隨受。據爾所作因，還爾所作果。是以善行惡行，世間之因也。三界六道，世間之果也。持戒念佛，出世間之果也。淨土成佛，出世間之果也。

人天路上，作福為先。生死海中，念佛第一。今有欲快樂人天，而不修福。欲出離生死，而不念佛。是猶鳥無翼而欲飛，木無根而欲茂，然可得哉。

要將念佛為正因，作福為助道。福慧雙修，成等正覺。所以因該果海，果徹因源，因果無差，始終不昧。何以故。形直影端，聲和

Thiền sơ nình ninh tại cao việ: Trañ thiēn nam tồ kim tōng thaḥ phạḥ giôḥ chi phạḥ, phoḥchưē dōō nhōō Nhōō tōng thōūphạḥ, dieē dó khai thò haḥ nhân. Tinh táñ tu hañh, ñoàng thañh Phaḥ quāu

Toāng Boāñ ñạḥ việ: Duñg quāng phạḥ huy ồ haḥ theá thōūkyūhōū boāō tōng lai.

Thiền sơ việ: Thiēn tai, thiēn tai. Thaḥ phạḥ giôḥ giaḥ Phaḥ phạḥ giôḥ, BoāTat phạḥ giôḥ, Duyeñ giạḥ phạḥ giôḥ, Thanh vañ phạḥ giôḥ, Thiēn phạḥ giôḥ, Nhân phạḥ giôḥ, Tu-la phạḥ giôḥ, Ngāi quyúphạḥ giôḥ, Suē sanh phạḥ giôḥ, Nōa nguē phạḥ giôḥ

Phuḥthaḥ phạḥ giôḥ giaḥ nhạḥ tâm củi tuē. Tuy táḥ tuy thōi cōnhó sōūtaḥ nhân, hoañ nhó sōūtaḥ quāu Thò dó thiēn hañh àḥ hañh theágian chi nhân daō Tam giôḥ lưē ñāḥ, theá gian chi quāūdaō Trì giôḥ nieñ Phaḥ, xuaḥ theágian chi nhân daō Tònh ñoāthañh Phaḥ, xuaḥ theágian chi quāūgiaḥ

Nhān thiēn loḥthōōng tại phōōū vi tieñ. Sanh tōūhaḥ trung, nieñ Phaḥ ñēñhaḥ. Kim hōū dưē khoaḥ lāḥ nhān thiēn, nhi baḥ tu phōōū. Dưē xuaḥ ly sanh tồ nhi baḥ nieñ Phaḥ. Thò do ñieñ voādōr nhi dưē phi, moḥ voācāñ dưē maḥ, nhieñ khaḥñāé tai.

Yeñ tōng nieñ Phaḥ vi chañh nhân, tại phōōū vi trōi ñāḥ. Phōōū hueāsong tu, thañh ñāng chañh giaḥ. Sōūdó nhān cai quāūhaḥ, quāūtrieñ nhān nguyēñ, nhān quāūvoāsai, thuyē chung baḥ muoḥ. Hāđó coḥ Hinh trōē aḥñ ñoan, thanh hoa

響順。應知因實，果則不虛。如今是人臨終是果。作惡而惡境現前。念佛而佛界自至。

豈不見華嚴經云。

若人欲了知，
三世一切佛。
應觀法戒性，
一切唯心造。

是也。

宗本問曰。依何法修，得到佛法果。

禪師曰。當知六道眾生皆有佛性真如平等。一體同觀如諸佛想，如父母想。無問冤親，悉皆濟度。盡未來世，行普賢行。能於此法而修，即與諸佛齊等。

問。依何法修，得到菩薩法界。

答。布施度慳貪。持戒度毀犯。忍辱度瞋恚。精進度懈怠。禪定度昏散。智慧度愚癡。能依此法而修，即與菩薩同等。

問。依何法修，只到緣覺法界。

答。中乘之人，樂獨善寂。雖知諸因緣，不行普度。是以只到緣覺法界。

hồông thuañ. Öng tri nhân thañ, quaítac bát hö. Nhö kim thò nhañ, lañ chung thò quaú Taù àù, nhi àù camh hieñ tieñ. Nieñ Phañ, nhi Phañ giöù töichí.

Khôù bát kieñ Hoa Nghiêñ kinh vañ:

Nhuợc nhân dục liễu tri.

Tam thế nhất thiết Phật.

Ứng quán pháp giới tánh.

Nhất thiết duy tâm tạo.

Thò daõ

Toång Boañ vañ vieñ: Y haøphaø tu, ñac ñaò Phañ phaø quaũ

Thieñ sö vieñ: Nõông tri lữ ñaò chung sanh, giai höñ Phañ tamh chañ nhö bình ñaóng. Nhañ theañoàng quañ nhö chö Phañ töông, nhö phuĩmañ töông. Voávañ oan thañ, tañ giai teañoã Tañ vô lai theñ hanh PhoñHieñ hañh. Nañg ö thöù phaø nhi tu, töù döõchö Phañ teañaóng.

Vañ: Y haøphaø tu, ñac ñaò BoñTaù phaø giöù.

Ñaø: Boáthí ñoãxan tham. Trì giöù ñoãhuý phañ. Nhañ nhưñ ñoãsañ nhueá Tinh tañ ñoãgiañ ñaõ. Thieñ ñöñh ñoãhoñ tam. Trí hueañoàngu si. Nañg y thöùphaø nhi tu, töù döõBoñ Taù ñoàng ñaóng.

Vañ: Y haøphaø tu, chaññàò Duyeñ giaø phaø giöù?

Ñaø: Trung thöñ chi nhañ, nhaò ñoã thieñ tòch. Tuy trì chö phaø nhañ duyeñ, bát hanh phoñoã Thò dó chañ ñaò Duyeñ giaø phaø giöù.

問。依何法修，只致聲聞法界。

答。小乘之人，怕怖生死如獐獍跳，不顧後羣。欲速出三界，自求涅槃。是以只到聲聞法界。

問。依何法修，只生天道。

答。修十善業，得生天法界。

問。依何法修，復得人倫。

答。五戒堅持，得生人法界。

問。造何罪業，墮落修羅。

答。若人雖修善業，常懷勝負瞋慢之心，墮在修羅法界。

問。造何惡業，墮落餓鬼。

答。慳貪不捨，慢眾獨食，墮在餓鬼法界。

問。造何惡業，墮落畜生。

答。造作愚癡邪惡之業，決墮畜生法界。

問。造何惡業，墮落地獄。

答。毀謗三寶，造作眾惡，定墮地獄法界。

此上十法界者，蓋隨人所作所修。

Vaán: Y haøphaø tu chàtrí Thanh vaân phap giôù?

Ñàp: Tieâu thöa chi nhaân, pháï boá sanh töûnhö ñoàng chöông khiêu, báí coáhaäu quaân. Duïc toáí xuaáí tam giôù, töi caäu Niết-bàn. Thò dó chàñaò Thanh vaân phap giôù.

Vaán: Y haøphaø tu chàsanh Thieân ñaò?

Ñàp: Tu thaøp thieân nghiêø, ñaé sanh thieân phap giôù.

Vaán: Y haøphaø tu phuïc ñaé nhaân luaân?

Ñàp: Nguõgiôù kieân trì, ñaé sanh nhaân phap giôù.

Vaán: Taò haøtoá nghiêø ñoã laï tu-la?

Ñàp: Nhöõc nhaân tuy tu thieân nghiêø, thöông hoái thaøng phuïsaân mañ chi taâm, ñoã taï tu-la phap giôù.

Vaán: Taò haøaù nghiêø ñoã laï ngai quyú?

Ñàp: Xan tham báí xaù mañ chuùng ñoã thöc, ñoã taï ngai quyúphaø giôù.

Vaán: Taò haøaù nghiêø ñoã laï suïc sanh?

Ñàp: Taò taù ngu si taøaù chi nghiêø, quyéí ñoã suïc sanh phap giôù.

Vaán: Taò haøaù nghiêø ñoã laï ñoã ngu?

Ñàp: Huý baùng Tam baù, taò taù chuùng aù, ñoñh ñoã ñoã nguïc phap giôù.

Thöüthöõng thaøp phap giôù giaù caù tuy nhaân söütaù söü tu.

宗本頂禮，謝師曰。若非宿生慶幸，焉得遇於明師開示也。

禪師告辭而又曰。汝若有疑未決，可看蓮宗寶鑑，淨土指歸，龍舒淨土文，萬善獐同歸集，智者大師十疑論，天如則禪師或問，神棲安養賦，淨土決疑論。凡所讚揚淨土經教者，皆可看之。

宗本曰。恭稟師命，信受奉行。出家叅學事理，文長不錄。

4. Trên đường cầu thầy học đạo⁽¹⁾

Tông Bốn tôi sanh ở nhà họ Trần nơi xứ Tứ Minh, nhờ ơn cha mẹ nuôi dưỡng và rước thầy dạy dỗ từ nhỏ. Đến lúc vào trường đèn sách, cha nghiêm huấn, thầy chỉ bảo, nên cũng hiểu thông được văn chương lễ nghĩa.

Năm 15 tuổi, có người anh họ là Hủ Mộc,⁽²⁾ nhân có bệnh nhẹ mà qua đời, thi thể còn đặt nơi nhà trống. Tôi

⁽¹⁾ Bài này là lời tự thuật của ngài Tông Bốn, ghi lại lúc mới phát tâm xuất gia tu tập và gặp thầy dẫn dắt, nhờ đó mới tỉnh ngộ và đắc nhập pháp môn niệm Phật với Mười pháp giới.

⁽²⁾ Nguyên văn là Hủ Mộc xử sĩ. Xử sĩ là những người có học nhưng vì lý do nào đó không muốn tham gia việc đời, cũng có nghĩa như ẩn sĩ, cư sĩ. Hủ Mộc có lẽ là tên hiệu chứ không phải tên thật. Người này tự cho rằng thân mình không ra giúp đời, cũng như cây gỗ mục chẳng làm được gì, mới tự xưng là Hủ Mộc xử sĩ.

Toâng Bốn ñanh lạ taisö vieät: Nhöôit phi tuù sanh khám hành, yeân ñaé ngoão minh sö khai thò daõ

Thieân sö caù töø nhi höü vieät: Nhöõnhöôit höü nghi vò quyeät, khâukhâm Lieân Toâng Baù Giãm, Tònh ñoãchæ quy, Long Thö Tònh ñoãvaên, Vaân thieân ñoàng quy tap, Trí Giâu Ñai sö thaþ nghi luaân, Thieân Nhö Taé Thieân sö hoacé vaân, Thaân Theân Döông phuü Tònh ñoãquyeät nghi luaân. Pham söütam döông Tònh ñoãkinh giaù giaü giai khâukhâm chi.

Toâng Bốn vieät: Cung baâm sö maäng, tín thoïphuäng hành. Xuaät gia tham höc söilyü vaân tröông baü lüç.

đi ngang qua cửa, thấy cái thân tứ đại⁽¹⁾ của anh mình thì sợ sệt, lo buồn, tự than rằng: “Ôi! Hình tướng ở đời không hề bền chắc, mạng sống chỉ như ngọn đèn trước gió. Vô thường xảy tới, trốn tránh khó thay!” Liền muốn xuất gia học đạo, cầu được siêu thoát luân hồi.

Nhưng chẳng biết khởi sự tu hành như thế nào, nên lòng còn do dự. Liền đến ngôi chùa nhỏ trong vùng mà lễ Phật. Bỗng gặp một vị tăng đang ngồi thẳng lưng dáng

⁽¹⁾ Cái thân tứ đại: Theo quan niệm xưa thì thân thể con người hợp bởi bốn chất, gọi là bốn đại hay tứ đại. Bốn đại ấy là: 1. Địa đại, hay chất đất, cũng chỉ chung những yếu tố thuộc về thể rắn. 2. Thủy đại, hay chất nước, cũng chỉ chung những yếu tố thuộc về thể lỏng. 3. Hỏa đại, hay chất lửa, cũng chỉ chung những yếu tố thuộc về sức nóng, hơi ấm. 4. Phong đại, hay chất gió, cũng chỉ chung những yếu tố thuộc về sự chuyển động. Khi bốn đại tan rã thì thân xác con người không còn tồn tại nữa.

vẻ uy nghi, tôi liền cúi đầu làm lễ thưa hỏi rằng: “Đại đức là ai?”

Vị tăng đáp: “Tôi là người tu thiền⁽¹⁾ đi du phương.”⁽²⁾

Tôi nghe được lời ấy, mừng khôn kể xiết. Tức thì thỉnh vị tăng ấy về nhà, sắm đủ hương hoa và các thứ vật thực cúng dường.

Lễ cúng dường đã xong, tôi quỳ lạy thiền sư mà thưa hỏi rằng: “Đệ tử muốn thoát khỏi vòng sanh tử, chưa biết nên tu theo pháp gì?”

Thiền sư liền hỏi rõ họ tên và tuổi tác. Tông Bổn này thưa rằng: “Đệ tử họ Trần, tên là Tĩnh Tu, năm nay được mười lăm tuổi.”

Thiền sư khen ngợi rằng: “Tuổi còn nhỏ mà phát tâm cao, thật là ít có trong đời! Nay thiện nam tử họ Trần, hãy giữ một lòng tịch tĩnh mà nghe ta nói đây: Duy có một pháp tu thẳng tắt là chỉ cần niệm đức Phật A-di-đà mà thôi.”

Tông Bổn này hỏi lại: “Niệm Phật A-di-đà có thể vượt thoát được sanh tử hay sao?”

Thiền sư đáp: “Cứ tin theo lời Phật dạy thì trong các pháp tu thoát khổ, chẳng pháp nào bằng niệm Phật. Nếu chẳng niệm Phật, khó mà vượt thoát được sanh tử.”

⁽¹⁾ Nguyên văn là “*thiền hòa tử du phương*”. Cách dùng “*thiền hòa tử*” ở đây cũng giống như “*thiền tăng*”. Từ điển Đình Phúc Bảo ghi: “Thiền hòa, cũng viết là thiền hòa tử. Thiền hòa tức là người tham thiền.” (禪和, 又曰禪和子。禪和者, 參禪之人也。 - *Thiền hòa, hựu viết thiền hòa tử. Thiền hòa giả, tham thiền chi nhân dã.*)

⁽²⁾ Du phương: đi nhiều nơi. Vị tăng du phương là người chọn cách du hóa khắp nơi, vừa để hóa độ những kẻ hữu duyên, vừa để tham học với những bậc cao tăng thạc đức.

Tông Bổn lại hỏi: “Pháp môn niệm Phật này do đâu mà có?”

Thiền sư đáp: “Pháp môn niệm Phật chẳng phải chỉ có dạy trong một kinh mà thôi. Trong vô số kinh điển, không có kinh nào lại chẳng nói đủ về pháp môn niệm Phật. Nếu y theo phép này mà tu, chắc chắn sẽ được vãng sanh về Tịnh độ.”

Lại hỏi: “Công đức niệm Phật được bao nhiêu mà có thể vãng sanh về Tịnh độ?”

Đáp rằng: “Nếu có người đem bảy món báu trong bốn cõi thiên hạ⁽¹⁾ mà cúng dường chư Phật, Bồ Tát, Duyên giác, Thanh văn, La hán, phước đức rất nhiều. Như có người khuyên người khác niệm Phật một tiếng, phước đức lại còn nhiều hơn thế nữa.”

Lại hỏi: “Niệm Phật một tiếng, làm sao phước đức lại có thể nhiều hơn?”

Thiền sư đáp: “Sách *Vạn thiện đồng quy* dẫn lời trong Trí luận nói rằng:⁽²⁾ ‘Ví như có người vừa sanh ra rơi xuống đất đã có thể đi được mỗi ngày ngàn dặm, đi như vậy trọn ngàn năm, dùng hết thấy bảy món báu trong các cõi thế giới mình đã đi qua mà dâng cúng Phật, cũng không bằng có người ở đời ác trước về sau xưng niệm được một câu

⁽¹⁾ Bốn cõi thiên hạ: Chỉ chung cõi thế gian này. Theo quan niệm xưa là gồm có bốn châu: 1. Phương bắc là Câu-lô châu, 2. Phương nam là Thiệm-bộ châu, 3. Phương đông là Thắng thân châu, 4. Phương tây là Ngưu-hóa châu.

⁽²⁾ Nguyên văn ghi là “*Phật quốc Vãng sanh luận*”. Tuy nhiên, cho đến nay chúng tôi chưa biết có bộ luận nào mang tên này, nhưng thực sự có tìm được đoạn trích dẫn trên đây trong sách *Vạn thiện đồng quy*, nói là trích từ bộ Trí luận. Có lẽ đây là nhầm lẫn của người biên soạn Quy nguyên trực chỉ. Vì thế chúng tôi xin điều chỉnh lại để tạo sự dễ dàng cho quý độc giả nào muốn tra khảo các văn bản gốc.

Nam mô A-di-đà Phật. Phước của người niệm Phật còn hơn cả phước của người kia. Tự mình niệm Phật còn được như thế, huống chi còn khuyên người khác niệm?”

Lại hỏi: “Tuy biết là đức độ của Phật lớn lao như thế, nhưng kẻ phàm phu nghiệp ác vốn đã nhiều, làm sao chỉ niệm Phật trong một đời mà có thể vãng sanh về Tịnh độ?”

Đáp: “*Kinh Thập lục quán*⁽¹⁾ nói: “Chỉ tâm niệm một tiếng *Nam mô A-di-đà Phật* có thể diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Có người trọn đời tạo năm tội nghịch,⁽²⁾ làm mười điều ác,⁽³⁾ nhưng lúc lâm chung niệm được mười câu *Nam mô A-di-đà Phật* còn được vãng sanh. Huống chi người trọn đời ăn chay, giữ giới và niệm Phật?”

Tông Bổn lại hỏi: “Do đâu mà đức Phật *A-di-đà* lại có công đức và hạnh nguyện rộng lớn như vậy?”

Đáp: “*Long Thư Tăng Quảng Tịnh độ văn*⁽⁴⁾ có dẫn kinh

⁽¹⁾ Thập Lục Quán Kinh, tức là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

⁽²⁾ Năm tội nghịch, hay ngũ nghịch: Năm tội được xem là nặng nề nhất, ngộ nghịch nhất, và vì thế mà quả báo cũng nặng nề nhất. Đó là: 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết *A-la-hán*, 4. Phá hòa hợp tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu.

⁽³⁾ Mười điều ác, hay thập ác, ngược lại với mười điều thiện hay thập thiện. Mười điều ác là: 1. Sát sanh, 2. Trộm cướp, 3. Tà dâm, 4. Nói dối, 5. Nói hai lưỡi, đâm thọc, 6. Nói điều ác, gây tổn hại 7. Nói lời trau chuốt, 8. Tham dục, 9. Sân nhuế, 10. Si mê, tà kiến.

⁽⁴⁾ Nguyên tác ghi là “*Đại A-di-đà kinh vân...*”, nhưng chúng tôi tìm thấy chính xác là nguyên văn đoạn trích dẫn ở đây được trích lại từ *Long Thư Tăng Quảng Tịnh độ văn* (龍舒增廣淨土文) của Vương Nhật Hữu đời Tống, nên đã có điều chỉnh để dễ dàng hơn cho sự tra cứu. Trong *Phật thuyết Đại A-di-đà kinh* (Đại chánh tạng, quyển 12, trang 326, số hiệu 364), nội dung của trích đoạn này được trình bày ở phần thứ hai: *A-nan phát vấn* (阿難發問分第二 – *A-nan phát vấn đệ nhị phần*), nhưng kinh văn có một vài khác biệt nhỏ.

Đại *A-di-đà*⁽¹⁾ nói rằng: ‘Một ngày nọ, đức Phật Thích-ca dung nhan khác thường. Thị giả⁽²⁾ là *A-nan* lấy làm lạ, bèn thưa hỏi. Phật dạy rằng: ‘Lành thay câu hỏi của nhà ngươi, còn hơn là cúng dường cho các vị Thanh văn và Duyên giác trong một cõi thiên hạ, cùng là bố thí cho chư thiên, nhân dân, cho đến những loài chúng sanh nhỏ bé nhất. Dầu cho trải qua rất nhiều kiếp cúng dường và bố thí như vậy, lại đem công đức ấy nhân lên gấp trăm, ngàn, muôn, ức lần, cũng chẳng bằng công đức của câu hỏi này. Tại sao vậy? Bởi vì chư thiên, vua chúa, nhân dân, cho đến những loài chúng sanh nhỏ bé nhất đều sẽ do nơi câu hỏi này mà được độ thoát.’

“Theo đó suy ra, đây chính là lúc Phật *Thích-ca* muốn khởi thuyết về đức Phật *A-di-đà*. Ngài vừa khởi lên điều ấy trong tâm, mà đã hiện ra vẻ mặt khác với ngày thường, thì mối giao cảm của đức Phật *A-di-đà* đối với chư Phật đã là phi thường, huống chi là chỗ giao cảm với hết thầy chúng sanh.

“Vi sao vậy? Xét theo lời phát nguyện ban sơ của đức Phật *A-di-đà* có nói rằng:

Nguyện khi ta thành Phật.

Danh vang khắp mười phương.

Trời, người vui được nghe.

Cùng sanh về nước Phật.

... ..

⁽¹⁾ Tức là kinh Vô lượng Thọ.

⁽²⁾ Thị giả: người đệ tử thường xuyên theo hầu bên cạnh một vị thầy, để phục vụ những công việc thường ngày cũng như để thầy sai bảo. Mỗi vị tôn sư đều có một thị giả tự nguyện theo hầu. Thị giả của đức Phật Thích-ca là ngài *A-nan*.

Địa ngục, quỷ, súc sanh.

Cũng sanh về nước Phật.

“Theo đó thì đã có thể biết rằng hết thảy những chúng sanh đang luân hồi trong ba cõi, sáu đường,⁽¹⁾ không một ai mà ngài chẳng muốn cứu độ. Đức Phật A-di-đà hiện ở tại thế giới Cực Lạc bên phương tây và các cõi thế giới trong mười phương mà giáo hóa hàng trời, người số đông không kể xiết, cho đến những loài chúng sanh nhỏ bé nhất. Như đến các loài chúng sanh nhỏ bé nhất mà Phật còn hóa độ, huống chi là loài người!

“Đức Phật A-di-đà lại có phát nguyện như thế này: ‘*Như ai niệm danh hiệu ta, tất sanh về cõi Phật của ta. Nếu chẳng được như vậy, ta thề không làm Phật.*’ Do đó mà ngài rộng độ khắp chúng sanh, không có giới hạn. Người phát tâm quy y chỉ trong một niệm, rốt lại cũng được sanh về cõi Phật của ngài. Theo đó mà suy ra, công đức niệm Phật thật không thể nghĩ bàn hết được.

“Đức Phật A-di-đà lại có dạy rằng: Nếu chúng sanh nào muốn sanh về cõi Phật của ta vào hàng *thượng phẩm*,⁽²⁾ thì nên tu tập hạnh từ bi, không giết hại, thương xót che chở hết thảy mọi sanh linh, giữ tròn giới hạnh, đọc tụng

⁽¹⁾ Ba cõi, sáu đường (Tam giới, Lục đạo) Ba cõi là: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Sáu đường là: cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Hết thảy chúng sanh trôi lăn trong cõi luân hồi, tùy theo nghiệp lực mà thọ sanh vào một trong ba cõi, sáu đường này.

⁽²⁾ Theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật thì người được vãng sanh về cõi Phật, tùy theo công đức niệm Phật và tu tập mà chia làm ba bậc là thượng phẩm, trung phẩm và hạ phẩm; trong mỗi bậc ấy lại chia ra ba bậc nữa là thượng sanh, trung sanh và hạ sanh. Như vậy, cả thảy có chín bậc khác nhau, gọi là *cửu phẩm*. Được kể ra cụ thể theo thứ tự từ bậc cao nhất đến thấp nhất là: thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, thượng phẩm hạ sanh, trung phẩm thượng sanh, trung phẩm trung sanh, trung phẩm hạ sanh, hạ phẩm thượng sanh, hạ phẩm trung sanh và hạ phẩm hạ sanh.

kinh điển Đại thừa, hiểu thấu nghĩa chân thật, rõ thông lý sâu xa, cúng dường Tam bảo, hiếu kính mẹ cha, thương xót những kẻ nghèo khổ, giáo hóa hết thảy hữu tình, ăn uống giữ theo đúng pháp,⁽¹⁾ rộng làm việc bố thí cho quý thân, không làm các điều ác, thường làm các việc lành. Nếu ai niệm Phật được như vậy, chắc chắn vãng sanh vào hàng *Thượng phẩm thượng sanh*, thẳng đến quả vị Phật.

“Còn như chưa đủ sức làm như vậy, tự mình hãy bền chí ăn chay giữ giới, nhất tâm niệm Phật. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật không gián đoạn, thì cũng có thể vãng sanh ở vào hàng *Trung phẩm*.

“Pháp niệm Phật này chẳng phân biệt kẻ hiền người ngu, kẻ sang người hèn, kẻ giàu người nghèo, cũng chẳng phân biệt nam nữ, già trẻ, tăng tục, chẳng kể xa gần, hết thảy đều có thể niệm Phật.

“Phương thức niệm Phật cũng chẳng có chi bó buộc: hoặc niệm lớn tiếng, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm liên tục như nước chảy, hoặc niệm khi đánh lễ, hoặc nhiếp tâm mà niệm, tham cứu mà niệm, quán tưởng mà niệm, hoặc lần chuỗi hạt niệm, hoặc đi nhiều quanh điện Phật mà niệm, hoặc đứng thẳng niệm, hoặc ngồi yên niệm, hoặc nằm nghiêng mà niệm, hoặc niệm thầm hay niệm rõ tiếng, hoặc niệm ngàn lần, muôn lần, thảy đều là một niệm. Điều quan trọng nhất là phải có lòng tin chắc quyết và cầu sanh Tịnh độ. Nếu hành trì được như vậy, cần gì phải cầu tìm bậc tri thức khác?

“Như vậy có thể nói là:

⁽¹⁾ Pháp thực: ăn uống theo đúng pháp, nghĩa là không ăn phi thời (ngày chỉ ăn một bữa vào giữa trưa) và không ăn các thức ăn chẳng trong sạch.

*Thuyền đi quyết định do người lái,
Nước Phật đón người rõ phép tu.*

Tông Bổn lại hỏi rằng: “Thế gian có nhiều người thường nói rằng: Việc nhà bận rộn, việc đời vương vít, đợi lúc tuổi già rồi sẽ lo niệm Phật. Xin thầy nói cho nghe về hạng người ấy.”

Thiền sư đáp rằng: “Khổ thay! Khổ thay! Lời nói ấy thật ngu muội, sai lầm biết bao! Chẳng nghe thiền sư Tử Tâm nói đó sao? Những người thế gian có của báu như núi, thê thiếp đầy nhà, ngày đêm vui thỏa, há lại chẳng muốn sống hoài ở đời hay sao? Nhưng ngặt nỗi đời sống có giới hạn, cái chết luôn chờ chực, mạng đứt phải đi, chẳng thể trì hoãn được. Diêm vương chẳng thuận tình người, quỷ vô thường chợt đến có ai thấy mặt?”

“Hãy cứ xét nơi những việc mắt thấy tai nghe của hết thấy mọi người: đường trước ngõ sau, họ hàng thân thích, bạn hữu anh em, có biết bao người chết vào độ tuổi xuân cường tráng! Chẳng nghe người xưa đã nói sao:

*Chớ đợi tuổi già theo học đạo,
Mồ hoang bao kẻ mái đầu xanh!*

“Từ những năm tuổi trẻ, vất vả bon chen để nuôi dưỡng vợ con, tạo lập nhà cửa, nếm đủ muôn cay ngàn đắng. Chợt khi hơi đứt mạng vong, cũng chưa thể nhất thời dứt sạch.⁽¹⁾ Nếu như con cháu hiếu thuận, biết lo thỉnh thầy làm chay, tụng kinh siêu độ, lại giữ lệ mùa xuân tháng

⁽¹⁾ Người đời có khi vẫn nói: “Chết là hết.” Nhưng thật ra thì nghiệp báo thiện ác vẫn luôn đeo đuổi như bóng theo hình, nên ở đây nói là “chưa thể nhất thời dứt sạch”.

ba,⁽¹⁾ mùa thu tháng chín,⁽²⁾ vọng cúng vài chén cơm canh, khóc thương mấy tiếng, cũng gọi là thương cha nhớ mẹ. Nếu gặp phải đứa con ngỗ nghịch thì cha mẹ vừa mới qua đời, xương đầu còn ấm nó đã phá tan tài sản, bán sạch ruộng vườn, thỏa ý ăn chơi.

“Lấy đó mà suy ra thì việc tu niệm cần phải gấp rút, khẩn thiết biết bao! Con cháu vốn tự có nghiệp báo thiện ác riêng của chúng, chẳng cần phải vì chúng mà lo xa tính toán.

“Cổ đức có thơ rằng:

*Đáng cười lão nhà giàu.
Đời bon chen hối hả.
Gạo trong bồ sanh mọc.
Tiền để mục trong kho.
Ngày cân đong đo đếm.
Tối chong đèn tính số.
Thân gây mòn ốm yếu,
Khư khư giữ nét cũ.⁽³⁾*

“Thiền sư Tử Tâm đã hết lòng khuyên dạy như thế, há lại có thể cho rằng nên đắm mê thế tục, đợi đến lúc già mới niệm Phật hay sao? Phải thường suy xét rằng, đời sống con người thật chẳng được bao lâu, chỉ thoáng qua như nháng lửa, như điện xẹt, vừa chớp mắt đã qua rồi! Vậy

⁽¹⁾ Tức là lễ cúng vào tiết Thanh minh.

⁽²⁾ Tức là lễ cúng vào dịp Trung thu, mùng 9 tháng 9.

⁽³⁾ Bài này muốn nói lên tính cách tham lam, mê muội của một người nhà giàu, chỉ biết tích góp, vun bồi tài sản mà chẳng biết được ý nghĩa thực sự của đời sống. Thực ra, đây là một tính cách được phóng đại, nhưng ở một mức độ nào đó thì nhiều người trong chúng ta đôi khi cũng rất dễ rơi vào khuynh hướng này.

nên phải nhân khi tuổi già chưa đến, còn đang độ thanh xuân tráng kiện mà phấn phát thân tâm, dẹp bỏ việc đời. Được sáng suốt một ngày thì niệm Phật một ngày, được công phu một lúc thì tu nghiệp lành một lúc. Cho dù lúc phút lâm chung có lành hay dữ, chỉ quan trọng nhất là hành trang đã chuẩn bị được đầy đủ, thì con đường sắp tới chắc chắn được yên ổn. Nếu chẳng lo liệu từ trước, sau ăn năn chẳng kịp, hãy suy ngẫm cho kỹ điều đó!

“Đáng mừng là, *Di-đà* rất dễ niệm, Tịnh độ rất dễ vãng sanh! Tuy rằng làm người rất khó tránh khỏi những lo toan tính toán việc nhà, nhưng cũng nên sớm chiều đốt hương niệm Phật.

“Pháp môn niệm Phật này, ai ai cũng có thể làm theo. Ví như căn nhà tắm tối lâu năm, chỉ cần một ngọn đèn thấp lên liền sáng tỏ; dầu là những người giết bò mổ heo, buông dao xuống liền có thể tu tập.”⁽¹⁾

“Phép tu này không khó, lại cũng không ngăn trở những sự nghiệp của người ta trong thế sự. Người làm quan niệm Phật cũng không trở ngại cho chức nghiệp, hàng trí thức niệm Phật cũng không trở ngại việc học hỏi, người thương gia niệm Phật cũng không trở ngại việc buôn bán, người nông dân niệm Phật cũng không trở ngại việc cấy trồng. Người phụ nữ niệm Phật cũng không trở ngại bốn phận trong gia đình. Nơi cơ quan Nhà nước, niệm Phật không làm trở ngại việc vâng lệnh cấp trên. Nơi chùa chiền, niệm Phật không làm trở ngại việc tham thiền.

⁽¹⁾ Trong kinh Đại Bát Niết-bàn, quyển 19, có nói việc Quảng Ngạch (廣額) làm nghề đồ tể, ngày ngày sát sanh hại vật. Sau bỏ nghề, phát tâm Bồ-đề, tại gia chuyên tâm tu hành, được Phật thọ ký cho sẽ là một trong số một ngàn đức Phật lần lượt ra đời trong Hiền kiếp này.

“Nói chung, người tu theo pháp niệm Phật thì hết thấy mọi công việc đều không ngăn trở. Hoặc có thể lễ bái niệm Phật vào lúc sáng sớm hoặc chiều hôm, hoặc cũng có thể trong lúc đang làm việc, dù là gấp rút hay chậm rãi đều có thể niệm Phật. Mỗi ngày hoặc niệm trăm ngàn tiếng, hoặc niệm năm ba trăm tiếng, hoặc niệm mười tiếng... Cốt yếu là phải phát nguyện hướng về việc vãng sanh Tây phương. Nếu được lòng thành như vậy, việc vãng sanh có thể xem như chắc chắn.

“Này thiện nam tử họ Trần! Nếu như người ăn chay giữ giới tinh nghiêm, một lòng niệm Phật mà chẳng sanh về Tịnh độ, thì ta đây ắt phải đọa vào Địa ngục rút lưỡi.”⁽¹⁾

Tôi thấy thiền sư phát lời thề rất nặng nên sợ hãi quì lạy, cảm tạ ơn ngài đã mở mang chỉ bảo cho pháp môn niệm Phật.

Thiền sư dạy rằng: “Nếu nói về pháp môn Tịnh độ, cho dầu có nói trong trăm ngàn kiếp cũng chẳng cùng. Cho nên ta chỉ lược nói ra đây những điều cơ bản nhất mà thôi.

“Người xưa nói rằng:

Kẻ trí một lòng tin chắc.

Mọi việc tức thì hiểu rõ.

Người ngu chẳng dứt mối nghi.

Nghe nhiều lại càng thêm nghi.

Lời ấy đúng thật biết bao!

⁽¹⁾ Ý của thiền sư khi nói câu này là muốn xác quyết những điều mình đã nói về pháp môn niệm Phật không hề có chút gì gian dối, sai lệch. Địa ngục rút lưỡi (Bạt thiết địa ngục): cảnh giới địa ngục mà những người tạo khẩu nghiệp nặng nề phải bị đọa vào. Tại đây, tội nhân phải chịu sự hành hạ đau đớn và lưỡi bị rút ra.

Những ai đã thật lòng tin chắc tu hành, muốn được vãng sanh Tây phương Tịnh độ, chẳng thể chỉ nói suông rồi bỏ qua. Cần phải ôm ấp trong lòng như việc lớn của một đời, quyết chí phải làm cho được!

Như có thể phát khởi được lòng tin, thì từ nay trở đi phải hết sức dũng mãnh, hết sức tinh tấn, chẳng cần lưu tâm đến việc biết hay là chẳng biết, thấy tánh hay không thấy tánh, chỉ bền giữ trong lòng một câu *Nam mô A-di-đà Phật* mà thôi, như dựa vào ngọn núi *Tu-di*, dù có bị quấy rối hay lay chuyển cũng vẫn giữ yên chẳng động. Chỉ một niệm ấy là vị thầy dắt dẫn. Chỉ một niệm ấy là đức Phật hóa thân. Chỉ một niệm ấy là vị tướng mạnh mẽ phá tan địa ngục. Chỉ một niệm ấy là lưỡi gươm báu chém lũ tà ma. Chỉ một niệm ấy là ngọn đèn sáng soi vào chỗ tối. Chỉ một niệm ấy là con thuyền lớn vượt qua biển khổ. Chỉ một niệm ấy là vị thuốc hay cứu thoát sanh tử. Chỉ một niệm ấy là con đường tắt ra khỏi Ba cõi. Chỉ một niệm ấy là Phật A-di-đà trong tự tánh. Chỉ một niệm ấy là cõi Tịnh độ ngay trong tâm mình.

Cốt yếu là phải luôn nghĩ nhớ đến một câu *A-di-đà Phật*, chẳng lúc nào xao lãng. Lúc nào cũng duy trì niệm ấy, lúc nào cũng có niệm ấy trong tâm. Lúc vô sự cũng niệm như vậy, lúc hữu sự cũng niệm như vậy, lúc yên vui cũng niệm như vậy, lúc đau khổ cũng niệm như vậy, lúc đang sống cũng niệm như vậy, lúc sắp chết cũng niệm như vậy. Một niệm sáng suốt rõ ràng như vậy, cần gì phải hỏi thăm đường về ở nơi người khác?

Như vậy có thể nói là:

*Một niệm Di-đà không xen tạp,
Thảnh thơi phút chốc đến Tây phương.⁽¹⁾*

Thiền sư lại dặn kỹ rằng: “Này thiện nam tử họ Trần! Nay ta đem pháp môn nói về mười pháp giới mà truyền giao cho người, người phải dùng pháp môn này mà mở mang chỉ bảo cho người sau, cùng nhau tinh tấn tu hành cho đến khi thành tựu quả Phật.”

Tông Bổn thưa rằng: “Con xin mang pháp ấy giảng rộng cho người sau, mong rằng sẽ mang lại lợi ích trong tương lai.”

Thiền sư dạy rằng: “Lành thay, lành thay! Mười pháp giới ấy là: pháp giới của chư Phật, pháp giới của các vị Bồ Tát, pháp giới của hàng Duyên giác, pháp giới của hàng Thinh văn, pháp giới của chư thiên, pháp giới của loài người, pháp giới của loài *a-tu-la*, pháp giới của loài ngạ quỷ,⁽²⁾ pháp giới súc sanh và pháp giới địa ngục.

“Mười pháp giới ấy, trong tâm mỗi người đều có đủ. Tùy nơi chỗ đã tạo ra mà tự thọ nhận lấy, nhân nào quả nấy không sai chạy. Việc làm lành, làm dữ là *nhân* thế gian, mà ba cõi, sáu đường là *quả* thế gian vậy. Việc giữ giới, niệm Phật là *nhân* ra khỏi thế gian, mà cõi Tịnh độ, được thành Phật, đó là *quả* ra khỏi thế gian.

Trong cõi trời người, việc tu phước là nên làm trước nhất. Trong biển khổ sanh tử, việc niệm Phật là hơn hết. Như muốn hưởng sự khoái lạc trong cõi trời người mà

⁽¹⁾ Nguyên văn là: *Nhất cú Di-đà vô biệt niệm, bất lao đàn chỉ đáo Tây phương.*
Dịch sát nghĩa là: “Chỉ một câu Di-đà, chẳng có niệm nào khác, không cần nhọc sức đến như khảy móng tay đã có thể đến được cõi Tây phương.”

⁽²⁾ Ngạ quỷ: loài quỷ đói, do nghiệp lực mà không lúc nào được no đủ.

không tu phước, muốn ra khỏi biển khổ sanh tử mà không niệm Phật, chẳng khác nào chim không cánh mà muốn bay, cây không rễ mà muốn được tươi tốt, há có thể được sao?

Cho nên, điều cốt yếu là phải lấy việc niệm Phật gieo trồng nhân chính, lấy việc tu phước làm pháp hỗ trợ. Phước đức và trí huệ đều cùng tu mới có thể thành bậc Chánh đẳng Chánh giác.⁽¹⁾ Đó chính là nhân tạo thành quả, quả hoàn toàn phụ thuộc ở nhân; nhân quả không sai khác, trước sau chẳng hề nhầm lẫn. Vì sao vậy? Hình thặng thì bóng ngay, âm thanh hài hòa thì tiếng vang dễ nghe. Nên biết rằng nhân chân thật thì quả không hư dối. Như cuộc sống thường ngày là nhân, phút lâm chung là quả. Thường ngày làm việc ác, khi lâm chung cảnh ác hiện ra trước mắt; thường ngày niệm Phật, khi lâm chung cõi Phật tự nhiên hiện đến.

Kinh Hoa Nghiêm nói rằng:

*Nếu ai muốn rõ biết,
Ba đời, mười phương Phật,⁽²⁾
Nên thấy tánh pháp giới,
Thấy đều do tâm tạo.*

Chính là nói lên nghĩa ấy đó.

Tông Bồn hỏi rằng: “Bạch thầy, tu theo pháp nào thì được quả Phật?”

⁽¹⁾ Tức là quả vị Phật.

⁽²⁾ Ba đời là chỉ chung hết thảy thời gian, bao gồm quá khứ, hiện tại và vị lai, mười phương là chỉ chung hết thảy không gian, bao gồm các phương đông, tây, nam, bắc, đông nam, đông bắc, tây nam, tây bắc và hai phương trên, dưới.

Thiền sư đáp: “Nên biết rằng chúng sanh trong sáu đường đều sẵn có chân như Phật tánh, bình đẳng như nhau. Đối với hết thảy chúng sanh đều quán xét rằng đó là chư Phật, đó là các bậc cha mẹ của mình. Không phân biệt oán thù hay thân thích, đều nguyện cứu độ hết thảy. Từ nay mãi mãi về sau luôn thực hiện theo hạnh nguyện của đức Bồ Tát Phổ hiền.⁽¹⁾ Nếu tu hành được như vậy là có thể ngang bằng với chư Phật.”

Lại hỏi: “Bạch thầy, tu theo pháp nào có thể đạt đến pháp giới của các vị Bồ Tát?”

Thiền sư dạy: “Tu theo hạnh bố thí trừ được lòng tham lam, bủn xỉn; giữ theo giới hạnh trừ được sự hủy phạm; thực hành nhẫn nhục trừ được lòng sân nhuế; nỗ lực tinh tấn trừ được sự giải đãi, lười nhác; thực hành thiền định trừ được sự hôn mê, tán loạn; tu dưỡng trí huệ trừ được ngu si. Nếu tu hành được như vậy là có thể ngang bằng với các vị Bồ Tát.”

Lại hỏi: “Bạch thầy, tu theo pháp nào chỉ có thể đạt đến pháp giới của hàng Duyên giác?”

Thiền sư dạy: “Những người trong hạng Trung thừa, vui thích cảnh tịch tĩnh một mình, tuy rõ biết nhân duyên các pháp nhưng chẳng thực hành việc cứu độ chúng sanh, cho nên chỉ có thể đạt đến pháp giới của hàng Duyên giác mà thôi.”

⁽¹⁾ Hạnh nguyện của đức Bồ Tát Phổ hiền có mười điều: 1. Nguyện thường lễ bái chư Phật. 2. Nguyện thường phụng sự và xưng tán chư Phật. 3. Nguyện thường sám hối các nghiệp chướng. 4. Nguyện thường tu hạnh cúng dường. 5. Nguyện thường vui theo công đức của người khác. 6. Nguyện thường cầu thỉnh bậc đạo sư thuyết pháp. 7. Nguyện thường cầu thỉnh Phật trụ thế để giáo hóa chúng sanh. 8. Nguyện thường theo Phật tu học. 9. Nguyện thường tùy theo ý muốn của chúng sanh mà diu dắt, hóa độ. 10. Nguyện thường hồi hướng công đức để mình và chúng sanh cùng thành Phật đạo.

Lại hỏi: “Bạch thầy, tu theo pháp nào chỉ có thể đạt đến pháp giới của hàng Thanh văn?”

Thiền sư dạy: “Những người trong hạng Tiểu thừa, khiếp sợ sanh tử như loài hươu nai trốn chạy, chẳng dám ngó lại. Vì chỉ muốn mau mau ra khỏi Ba cõi, cầu lấy cảnh giới *Niết-bàn* cho riêng mình,⁽¹⁾ cho nên chỉ có thể đạt đến pháp giới của hàng Thanh văn, *La-hán*⁽²⁾ mà thôi.”

Lại hỏi: “Bạch thầy, tu theo pháp nào chỉ có thể được sanh lên cõi trời?”

Thiền sư dạy: “Tu theo Mười thiện nghiệp⁽³⁾ sẽ được sanh lên cõi trời.”

Lại hỏi: “Bạch thầy, tu theo pháp nào chỉ có thể được sanh ở cõi người?”

Thiền sư dạy: “Tu theo Ngũ giới⁽⁴⁾ sẽ được sanh ở cõi người.”

⁽¹⁾ Ba cõi, hay Tam giới, bao gồm Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

⁽²⁾ La-hán: Cách nói tắt của *A-la-hán*, thánh quả thứ tư, cao nhất trong Tứ thánh quả của hàng Thanh văn.

⁽³⁾ Mười thiện nghiệp, hay Thập thiện nghiệp, tức là Mười điều lành, có thể tạo ra thiện nghiệp cho chúng sanh. Bao gồm:

1. Không sát sanh, phải làm việc tha thứ và phóng sanh.
2. Không trộm cắp, phải tu hạnh bố thí, cúng dường.
3. Không tà dâm, phải chung thủy một vợ một chồng.
4. Không nói dối, phải luôn nói lời chân thật.
5. Không nói trau chuốt, thô tục, phải nói những lời có ý nghĩa, có ích lợi.
6. Không nói đâm thọc, gây chia rẽ, phải nói những lời tạo ra sự đoàn kết, thương yêu nhau,
7. Không nói lời độc ác, gây tổn hại, phải nói những lời ôn hòa, nhu thuận.
8. Không tham lam, phải thấy rằng mọi thứ của cải vật chất đều chỉ là giả tạm, không thường tồn.
9. Không sân nhuế, phải có tu tập hạnh từ bi, nhẫn nhục.
10. Không ngu mê, tà kiến, phải sáng suốt tu tập theo chánh kiến.

⁽⁴⁾ Ngũ giới, tức là năm cấm giới của hàng Phật tử tại gia. Bao gồm: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà dâm, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu. Về ý nghĩa chi tiết và việc hành trì theo Ngũ giới, xin tìm đọc trong sách *Về mái chùa xưa* của Nguyên Minh, Nxb Tôn giáo.

Lại hỏi: “Bạch thầy, tạo tội nghiệp gì phải đọa lạc vào cảnh giới của loài *A-tu-la*?”⁽¹⁾

Thiền sư dạy: “Những ai tu theo thiện nghiệp mà còn giữ lòng tranh chấp hơn thua, hờn giận, khinh ngạo kẻ khác, sẽ đọa vào cảnh giới của loài *A-tu-la*.”

Lại hỏi: “Bạch thầy, tạo tội nghiệp gì phải đọa lạc vào cảnh giới của loài ngựa quý?”⁽²⁾

Thiền sư dạy: “Những ai không xả bỏ được tâm tham lam, bôn sển, khinh thường đạ chúng, giành lấy miếng ăn cho riêng mình, sẽ đọa vào cảnh giới của loài ngựa quý.”

Lại hỏi: “Bạch thầy, tạo tội nghiệp gì phải đọa lạc vào cảnh giới của loài súc sanh?”⁽³⁾

Thiền sư dạy: “Những ai tạo các nghiệp ngu si, tà ngục, độc ác, chắc chắn phải đọa vào cảnh giới của loài súc sanh.”

Lại hỏi: “Bạch thầy, tạo tội nghiệp gì phải đọa lạc vào cảnh giới địa ngục?”⁽⁴⁾

⁽¹⁾ *A-tu-la* là một hạng chúng sanh có phép thần thông như chư thiên cõi trời, nhưng không có oai đức và hình tướng tốt đẹp như chư thiên. Họ mang tâm sân hận và hiếu chiến, thường xuyên gây gỗ, đánh nhau và sống triền miên trong sự hận thù, ganh ghét.

⁽²⁾ Ngựa quý, hay quý đỏi, là hạng chúng sanh do ác nghiệp mà phải chịu cảnh đỏi khổ triền miên. Dù họ có được ban cho các món vật thực cũng không thể nào ăn vào để no đủ, hoặc vì có cổ họng rất nhỏ, không thể nuốt thức ăn, hoặc vì nghiệp lực của họ làm cho thức ăn vừa đến miệng đã hóa thành than lửa cháy rực, không sao ăn vào được.

⁽³⁾ Súc sanh: chỉ chung các loài súc vật, cầm thú.

⁽⁴⁾ Địa ngục: chỉ chung các cảnh giới mà những chúng sanh tạo ác nghiệp nặng nề phải thọ sanh vào. Có nhiều cảnh địa ngục khác nhau tùy theo ác nghiệp mà chúng sanh đã tạo, nhưng nói chung đều là những cảnh giới mà chúng sanh phải chịu những sự đau đớn, khổ sở, tương ứng với những ác nghiệp mà họ đã tạo.

Thiền sư dạy: “Những ai chê bai phỉ báng Tam bảo,⁽¹⁾ làm các điều dữ, nhất định sẽ đọa lạc vào cảnh giới địa ngục.

“Mười Pháp giới như vừa nói đó, thấy đều là do nơi việc làm và sự tu tập của mỗi người.”

Tông Bản liền đánh lễ, cảm tạ thầy và nói rằng: “Nếu chẳng phải duyên may từ đời trước, làm sao được gặp bậc minh sư mở mang chỉ bảo như thế này?”

⁽¹⁾Tam bảo: Ba ngôi báu, tức là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Về ý nghĩa cụ thể và chi tiết của Tam bảo, xin tìm đọc trong sách *Về mái chùa xưa* của Nguyễn Minh, Nxb Tôn giáo.

開示叅禪龜鏡文

學道之門，別無奇特。洗滌根塵，以悟爲則。

諸人者。欲修無常菩提，必用堅持齋戒。戒行若不嚴持，菩提終不成就。

何以故。戒爲萬行之先鋒，六度之基址。如造屋宅，先固其基。若無基址，徒架虛空。

夫戒者，大乘僧三聚戒也。攝律儀戒，無惡不斷，卽諸惡莫作也。攝善法界，無善不積，

Khi từ biệt, thiền sư lại còn dạy rằng: “Nếu như người còn có điều gì nghi nan chưa dứt, nên tìm đọc những bộ sách như: Liên Tông Bảo Giám, Tịnh độ chỉ qui, Long Thư Tịnh độ văn, Vạn thiện đồng qui tập, Trí Giả Đại sư Thập nghi luận, Thiên Như Tắc Thiền sư hoặc vấn, Thần Thê An Dưỡng phú, Tịnh độ quyết nghi luận. Nói chung, hết thấy những kinh sách tán dương pháp môn Tịnh độ đều nên tìm đọc.”

Tông Bản thưa rằng: “Kính vâng lời thầy, con xin tin nhận và hết lòng làm theo như vậy.”

Khai thị tham thiền quy kính văn

Hoer ñaõ chi moãn, bieã voãkyõñaẽ. Tay ñõch caãn traãn, dó ngoãvi taẽ.

Chõ nhaãn giaũ Duẽ tu voãthõõng Bõ-đẽ, taã duõng kieãn trì trai giõũ. Giõũ haõnh nhõõc baã nghiãn trì, Bõ-đẽ chung baã thanh tõũ.

Haõdõ co? Giõũ vi vaãn haõnh chi tieãn phong, luẽ ñõachi cô chæ Nhõ taõ oã traõch, tieãn coãkyõcõ. Nhõõc voãcõ chæ ñõa giaũhõ khoãg.

Phuõgiõũ giaũ Ñaĩ thõa tam tuĩ giõũ daõ Nhieõp luaã nghi giõũ, voãaũ baã ñõaãn, tõũ chõ aũ mãc taũ daõ Nhieõp thieãn phaõp giõũ, voãthieãn baã tích, tõũ chuõng thieãn phuõng haõnh

卽眾善奉行也。饒益有情戒，無生不度，卽普度眾生也。

此三聚戒者，是菩薩成佛之戒也。若人具此三戒，方可修禪。不發此心，叅禪何益。

不見梵網經云。眾生受佛戒，卽入諸佛位。豈不然哉。

佛頂經云。戒能生定，定能發慧，慧則明心。明心見性，見性成佛。成佛作祖者，莫不由斯戒也。

夫叅禪一事，極是向上玄機，不是等閑小可。須當發大勇猛，發大精進。亦要息慮忘緣，收視反聽。將平時好惡知見，蹭愛是非，盡情掃蕩。

如利刀割一握絲，一斬一切斷。亦如斬纜放船，徑望前去。亦如一人與萬人鬪戰，不容貶眼，那可遲疑。果能發此決烈之志，纔有叅禪氣象。

既有叅禪氣象，執持一句南無阿彌陀佛，如靠一座須彌山相似，茭搖撼不動。專其心，一其意，或念三聲五聲，回光目看云。問著念佛

daō Nhieâu ích hōũ tình giōũ, vôasanh baá ñoã tồũ phoãñoã chuõng sanh daō

Thōũtam tuĩ giōũ giaũ thò BoãTat thanh Phaĩ chi giōũ daō Nhōõc nhaãn củithōũtam giōũ, phōõng khaũtu thieãn. Baá phat thōũtaãn, tham thieãn haõich?

Baá kieãn Phaĩm vōõng kinh vaãn: Chuõng sanh thoi Phaĩ giōũ, tồũ nhaõp chõ Phaĩ vò. Khôũ baá nhieãn tai.

Phaĩ ñaũnh kinh vaãn: Giōũ naõng sanh ñõnh, ñõnh naõng phat hueã hueãtaẽ minh taãn. Minh taãn kieãn tamh, kieãn tamh thanh Phaĩ. Thanh Phaĩ tũ Toãgiaũ mãc baá do tũ giōũ daō

Phuõtham thieãn nhaũ sõi cõc thò hōõng thōõng huyeãn cô, baá thò ñaũng nhaũ tieãn khaũ Tu ñõõng phat ñaĩ duõng maõnh, phat ñaĩ tinh taãn. Dieã yeũ tồũ lõivong duyeãn, thaũ thò phaũ thính. Tōõng bình thõũ haũ aũ tri kieãn, taõng aũ thò phi, taãn tình taũ ñaõng.

Nhõ lõĩ ñao caũ nhaũ oã ty, nhaũ traũnh nhaũ thieã ñoãn. Dieã nhõ traũnh laõnh phõng thuyeãn, kình vōõng tieãn khõũ Dieã nhõ nhaũ nhaãn dõõvaãn nhaãn ñaũ chieãn, baá dung bieãn nhaũ, na khaũtri nghi. Quaũnaõng phat thõũquyeũ lieã chi chí, taũ hõũ tham thieãn khi tōõng.

Kyũhõũ tham thieãn khi tōõng, chap trì nhaũ củiNam moã A-di-đà Phaĩ, nhõ khaũ nhaũ toã Tu-di sõn tōõng tõi dieãn haũm baá ñoãng. Chuyeãn kyũtaãn, nhaũ kyũyũ hoãc nieãn tam thanh nguõthanh, hoã quang muĩ khaũ vaãn, vaãn trõõũ nieãn Phaĩ ñeãthò thuy. Tham yeũ kieãn giaũnhaũ nieãn, tung haõxõũ

底是誰。叅要見這一念，從何處起。良久覷破這一念。疑上又加疑。

又問。問念佛底是誰。畢竟是誰。到這裏，緊顧繩頭，不得放捨。如見生死冤家，扭著就，要了當不容擬議，不待商量。

如此叅禪，尅期取辯。未能如是，更聽饒舌剩。

夫叅究下工之法，如人墮在千尺井底。朝思想，暮思量，單單只用求出之心，再無異念。又如失了，要緊物事相似。朝也尋，暮也尋，橫也尋，豎也尋。尋之不見，細想沈吟。

亦猶猫捕鼠，內外一如。亦如過獨木橋，愈加仔細。若也。如此用心，昏散自然而退。行住坐臥，如護嬰兒，不可卒暴。

所以探珠宜浪靜，動水取應難。定水澄清，心珠自現。

古人云。

開池不待月，
池成月自來。

khô^u. Lôông cồ^u khô^u phạ^u gia^unhá^u nie^um. Nghi thồ^ung hờ^u gia nghi.

Hờ^u va^un: Va^un nie^um Pha^u ñe^uathồ^u thuy^u? Ta^u cá^unh thồ^u thuy^u? Ña^uo gia^uly^ukhá^un co^uáthà^ung ña^uu, bá^u ña^ue phồ^ung xa^uNhồ^u kie^un sanh tồ^uoan gia, tra trồ^uu tồ^uu, ye^uu lie^uu ñồ^ung, bá^u dung nghó^u nghò, bá^u ña^u thồ^ung lô^ung.

Nhồ^u thồ^utham thie^un, khá^ue ky^uthườ^ubie^un. Vô^u na^ung nhồ^u thồ^u, cá^unh thính nhie^uu thie^u thà^ung ngồ^u

Phu^utham cồ^u há^uco^ung chi phá^up, nhồ^u nha^un ño^ua tá^ui thie^un xích tanh ñe^ua Trie^uu tồ^uô^ung, mo^uttồ^u lô^ung, ñôn ñôn chà^udu^ung ca^uu xa^uu chi ta^un, ca^uu vo^udồ^u nie^um. Hờ^uu nhồ^u thá^u lie^uu, ye^uu khá^un va^u ñe^u sồ^utồ^ung tồ^ui trie^uu da^uta^um, mo^uda^uta^um. Ho^uanh da^u ta^um, thu^uida^uta^um. Ta^um chi bá^u kie^un, te^uátồ^ung tra^un ngà^un.

Die^u do mie^uu bo^uathồ^u no^ua ngo^ua^u nha^u nhồ^u. Die^u nhồ^u qua^u ño^ue mo^ue kie^uu, du^ugia tồ^ute^ua Nhồ^uo^ut da^u Nhồ^u thồ^uđu^ung ta^un, ho^un ta^um tồ^ui nhie^uu nhi thó^ua. Ha^unh tru^ui tồ^ua ngo^ua, nhồ^u ho^uanh nhi, bá^u khá^utho^ua bá^u.

Sồ^udồ^u thà^um chá^uu nghi la^ung tónh, ño^ung thuy^u thườ^ung nan. Ñồ^un^uh thuy^u trồ^ung thanh, ta^un chá^uu tồ^ui hie^un.

Co^uan^uha^un va^un:

Khai trì bát đái nguyệt.

Từ thành nguyệt tự lai.

故圓覺經云。

無礙清淨慧，
皆依禪定生。

果能如是行持，工夫定得入手。縱得禪定現前，不可住在枯定。須叅大事了明，圓成一切種智。

先德云。

莫只忘形與死心，
此箇難醫病最深。
直須坐究探淵源，
始得見性識天真。

正所未。百尺竿頭，更進一步。直待懸崖撒手，絕後再蘇，方可謂之了事人。

雖決此一則，又有一則疑。或有話頭，提起，提不起，分明，不分明，得力，不得力，輕安，不輕安。此等得失有無，盡不可著。但存叅究之意，卽是工夫。

決了此一則，又有一則疑。 或有好境現前，不要歡喜。恐歡喜魔入心。或有惡境現前，不要煩惱。恐煩惱魔入心。要知此等境

CoáVieân Giàu kinh vaân:

Vô ngại thanh tịnh huệ.
Giai y thiền định sanh.

Quatnaêng nhô thò hanh trì, công phu ãnh ãac nhạp thuậ
Tuông ãac thiền ãnh hiệñ tieñ, baát khai trúitai khoãñh. Tu
tham ãai sôilieñ minh, vieñ thanh nhấ thiế chùng trí.

Tieñ ãiồ vaân:

Mạc chỉ vong hình dữ tử tâm.
Thử cá nan y bệnh tối thâm.
Trực tu tọa cứu thám uyên nguyên.
Thủy đắc kiến tánh thức thiên chân.

Chành sôivò, bành xích can ãai, cãnh táñ nhấ boả Tröc
ñai huyeñ nhai tàm thuậ tieñ hañ tàm toạ phông khai vò chi
lieñ sô nhañ. Tuy quyế thõnhaít ác, hõu hõu nhấ ác
nghi.

Hoặ hõu thoã ãai, ãekhõu, ãebaít khõu, phãn minh,
baít phãn minh, ãac löc, baít ãac löc, khinh an baít khinh an.
Thõñãung ãac thaít hõu vô táñ baít khai trõi. ãai toản tham
cõu chi yù tõi thò công phu. Quyế lieñ thõnhaít ác, hõu
hõu nhấ ác nghi.

Hoặ hõu hañ cãnh hiệñ tieñ, baít yeá hoan hyü khùng
hoan hyüma nhạp tâm. Hoặ hõu àu cãnh hiệñ tieñ, baít
yeá phieñ ãai, khùng phieñ ãai ma nhạp tâm. Yeá tri thõu

界，非是外來。皆是昏沈所生，或是業識所感。凡有眼見，耳聞者，盡是虛妄，俱不要著，精進做去。

古德云。汝之伎倆有盡，我之不採無盡。真是色身上有病者，這箇不可強為。急須禮佛懺悔，念佛消遣過時，病源脫體，然後又參。

若有智慧之人，亦可參究。要知四大本空，五蘊非有。病從何來。是誰受病。果能如是覺照，亦有發明之時。此則雖決了，又有一則疑。

儻有見解聰明現前，切莫認著，急須掃過。若也住在知見境界，埋沒本來面目。

先德云。佛法不是死魚，那怕爛卻。如剝芭蕉相似，剝一層又一層。剝一層又一層，直要剝到無下手處。纔得打成一片，然後著衣喫飯，屙屎放尿，一動一靜，一語一默，無不是一箇阿彌陀佛。

自此心花燦發，洞照十方，如果日麗天，明鏡當臺。不越一念，頓成正覺。非惟明此一大

ñáng camh giôù phi thò ngoãi lai. Giai thò hoân tràn sôûsanh, hoac̣ thò nghiêp thòu sôûcam. Phạm hõu nhañ kieñ, nhó vañ giaù tañ thò hõ voing, cañ baá yeá trôôù, tinh tañ toákhòu

Coañòù vañ: Nhõõchi kyõnhó hõu tañ, ngaõchi baá thaù voã tañ. Chañ thò saé thañ thõõng hõu beñh giaù giaùcaubaá khai cõõng vi. Cap tu leãPhaá sañm hoá, nieñ Phaá tieñ khiẽñ quaù thõu, beñh nguyẽñ thoaṭ theã nhiẽñ hañ hõu tham.

Nhõõr hõu trí hueãchi nhañ, dieã khaiñtham cõu. Yeá tri tõiñai boñ khoñg, nguõuañ phi hõu. Beñh tung haolai? Thò thuy thõibeñh? Quaũnañg nhõ thò giaù chieá, dieã hõu phaù minh chi thõu. Thõutaé tuy quyẽá lieã, hõu hõu nhaá taé nghi.

Thaung hõu kieñ giaù thoang minh hieñ tieñ, thieá mañ nhañ trôôù, cap tu tañ quaù Nhõõr daõtrui tañ tri kieñ camh giôù, mai moã bañ lai dieã muẽ.

Tieñ ñõu vañ: Phaá phaùp baá thò tõiñgõ, na phaì lañ khõu. Nhõ baù ba tieñ tõiñg tõi baù nhaá tañg hõu nhaá tañg. Baù nhaá tañg hõu nhaá tañg, trõc yeá baù ñaù voã hañthuõxõu Taõ ñaé ñaũthanh nhaá phieñ, nhiẽñ hañ trôôù y khiẽá phañ, a thãphoing thã nhaá ñoing nhaá tõiñh, nhaá ngõõ nhaá maẽ, voãbaá thò nhaá caùA-di-đà Phaá.

Tõi thõutañm hoa xañ phaù, ñoing chieá thãp phõng, nhõ caù nhaá leãthieñ, minh camh ñõõng ñaá. Baá vieã nhaá nieñ, ñoãñ thanh chañh giaù. Phi duy minh thõũnhaá ñaì sõi Tung thõõng nhõõr Phaá nhõõr Toá nhaá thieá sai bieã nhañ

事。從上若佛若祖，一切差別因緣，悉皆透頂透底。佛法世法無不明了。

雖到這般田地，亦未可住著。須求證悟作家，投機印可。印可之後，聖凡不立，取捨兩忘。說甚麼天堂地獄，分甚麼南北東西。徧法界是箇自己彌陀。盡虛空是箇唯心淨土。

便可以一毫端上，現寶王刹。坐微塵裏轉大法輪。接引未來，扶持末運。如斯禪者，方是出格丈夫，超羣烈漢。

如或未然，且仗彼佛願力，求生淨土。何則。恐怕臨終陰境現前，手忙腳亂。此時作不得張主，不巧免又逐業緣去也。

還要確實念佛，福慧兼修，送想樂邦，一心待盡。可謂。雖然舊閣閑田地，一度贏來方始休。

嗟乎。去聖時遙，源流益別。近有一等泛泛之流。智眼又不明，淨土又不信。錯會祖師機語，謬談聖意施為。

不知參究一心，一向著於四大。今日兩，明

duyên, tại giai thái nãnh thái ãa Phái pháp theáp pháp vô bát minh lieã.

Tuy ãaò giãubang ãiẽn ãiũa, dieã vò khãitruitrõõu. Tu cãu chõng ngoãtaò gia, ãaù cô aãn khãu Aãn khãuchi hãu thãm phãm bát læp thuũxaũlõõng vong. Thuyẽ thãm ma thiẽn ãõõng ãiũa nguẽ, phãn thãm ma nam bæ ãõng tãy. Biẽn pháp giõu thò cãutõikyũDi-dã. Tãn hõ khoãng, thò cãuduy tãn Tõnh ãiũa

Tiẽn khãudó nhãt hão ãõan thõõng, hiẽn bãu võõng sãu. Toã vi trãn lỹ chuyẽn ãi pháp luaãn. Tiẽp dãn vò lai, phõ trĩ mãt vã. Nhõ tõ thiẽn giãu phõõng thò xuaã cãuh trõõng phu, siẽu quãn lieã hãm.

Nhõ hoã vò nhieãn, thãitrõõng bæPhái nguyẽn lõc, cãu sanh Tõnh ãiũa Hãstãc. Khuõng phãilãm chung aãn cãmh hiẽn tiẽn, thuũmang cõõu loãn. Thõũthõũ taũ bát ãiũa trõõng chuũ bát miẽn hõũ trũ nghieũp duyẽn khõũdã

Hoãn yeũ thoã thã ãiẽn Phã, phõõu hueãkieãn tu, toãng tõõng Lãc bang, nhãt tãn ãiũa tãn. Khãuvò. Tuy nhieãn cõu cãu nhãm ãiẽn ãiũa, nhãt ãiũadoanh lai phõõng thuyũ hõu.

Ta hoã Khõũthãm thõũ dieũ, nguyẽn lõu ích bieã. Cãn hõũ nhãt ãiũa phieãn phieãn chi lõu. Trí nhãm hõũ bát minh, Tõnh ãiũa hõũ bát tín. Thoãhoã Toãõ cõ ngõõ mãu ãiũa thãm yũthi vi.

Bãt trĩ tham cõu nhãt tãn, nhãt hõõng trõõu õ tõũñãi. Kim nhãt lõõng, minh nhãt tam, giãu nhãm nõũ nieã toã

日三，教人扭捏做作。顛蹶奔馳。定慧不得現前，遂致反成狂妄。

虛消信施，孤負已靈。輪轉三塗，受諸苦楚。只為打頭不遇作家，到老翻成骨董。此等盲修瞎煉之蠢徒，縱然弄到彌勒下生，亦無出頭日了。

正所謂。

無禪無淨土，
鐵牀并銅柱。
萬劫與天生，
沒箇人依怙。

苦哉。苦哉。

勸誠後學高賢，切宜仔細。我今分明說破。說破又被人憎。智者，知是醍醐。迷者，反成毒藥。若也。差之毫釐失之千里。

嗚呼。

天晴日頭出。
雨下地上濕。
盡情多說破。
只恐信不及。

珍重。

taù. Nĩn quyeá boãn trì. Nĩnh hueábaá ñáe hieãn tieãn, toaĩ trí phaãn thanh cuoàng vớng.

Hõ tieãn tín thí, coáphui dó linh. Luaãn chuyeãn tam ñoà thoĩ chõ khoásõu Chæ và ñaũñaũ baá ngoãtaù gia, ñaũ laõ phiẽãn thanh coá ñoàng. Thõũñaung manh tu haĩ luyeãn chi ñoã tuõng nheãn loãng ñaũ Di-lặc haĩsinh, dieũ voãxuaá ñaũ nhaũ lieũ.

Chamh sôuvò:

Vô thiên, vô Tịnh độ.
Thiết sàng tinh đồng trụ.
Vạn kiếp dữ thiên sanh.
Một cá nhân y hỗ.

Khoàtai, khoátai!

Khuyeãn thanh haũ hoĩ cao hieãn, thieá nghi töũteá Ngaõ kim phaãn minh thuyeá phaũ Thuyeá phaũhõũ bò nhaãn taõg. Trí giaũ trí thõ ñeãhoà Meãgiaũ phaãn thanh ñoã döõ. Nhõõr daõ sai chi hao ly thaá chi thieãn lyù

OÃhoá

Thiên tình nhật đầu xuất.
Vũ há địa thượng thấp.
Tận tình đa thuyết phá.
Chỉ khủng tín bất cập.

Traãn troĩng!

5. Bài văn qui kính chỉ rõ phép tham thiền⁽¹⁾

Ưỡ vào đạo vốn cũng chẳng có chi kỳ lạ, chỉ cần tẩy sạch căn trần,⁽²⁾ lấy sự đạt ngộ làm chuẩn tắc.

Này quý vị! Nếu muốn tu hành đạt đến quả Vô thượng Bồ-đề, ắt phải kiên trì trai giới. Nếu không nghiêm giữ theo giới luật, quả Bồ-đề rốt cuộc không thể thành tựu. Vì sao vậy? Giới hạnh đi đầu trong muôn hạnh, lại là nền móng của sáu pháp *ba-la-mật*. Như muốn xây nhà, trước phải lo nền móng. Nếu không nền móng, chỉ xây dựng trên khoảng không thì thật là vô ích!

Giới luật là nói chung ba nhóm giới Đại thừa, bao gồm:

1. Nhiếp luật nghi giới:⁽³⁾ Dứt hết các điều ác, tức là mọi điều ác đều chẳng làm.

⁽¹⁾ Qui kính (龜鏡): Qui là con rùa, xưa dùng mu rùa để bói nên xem là một con vật thiêng. Người xưa bói mu rùa để biết sự lành, dữ. Kính là tấm gương soi, giúp cho mỗi người có thể biết được sự đẹp, xấu của chính mình. Bài văn gọi là văn qui kính, là ví như mu rùa thiêng có thể dùng để chỉ ra điều lành nên làm, điều dữ nên bỏ, lại như tấm gương soi có thể giúp thấy được chỗ tốt xấu của chính mình để tự hoàn thiện. Trong bài trước, ngài Tông Bồn đã tự thuật cơ duyên gặp gỡ bậc minh sư trước khi xuất gia, bài này nêu rõ những việc chân chánh phải tu tập sau khi xuất gia.

⁽²⁾ Căn trần: Tức là sáu căn ở trong đối với sáu trần ở ngoài. Sáu căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sáu trần là hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp, hay đối tượng của ý. Người tu học cốt yếu phải giữ cho sáu căn không đắm nhiễm nơi sáu trần. Khi các căn ở trong được thanh tịnh thì các trần ở ngoài cũng tự nhiên thanh tịnh.

⁽³⁾ Nhóm giới này tạo thành oai nghi của người tu học. Bồ Tát giới có 10 trọng giới và 48 khinh giới, hàng cư sĩ có 5 giới hoặc 8 giới tùy theo phát nguyện, hàng sa-di có 10 giới, tỳ-kheo có 250 giới, tỳ-kheo ni có 348 giới.

2. Nhiếp thiện pháp giới:⁽¹⁾ Tích chứa các điều lành, tức là mọi điều lành đều vâng làm theo.

3. Nhiêu ích hữu tình giới:⁽²⁾ Không một chúng sanh nào mà không cứu độ, tức là rộng độ hết thảy chúng sanh.

Ba nhóm giới ấy giúp cho hàng Bồ Tát tu hành thành Phật. Người giữ đủ ba nhóm giới ấy mới có thể tu thiền. Nếu không phát tâm như vậy, việc tham thiền có ích gì?

Kinh Phạm Võng nói rằng: “Chúng sanh thọ giới của Phật tức là nhập vào địa vị chư Phật.” Há chẳng phải vậy sao?

Kinh Phật Đảnh nói rằng: “Giới có thể sanh ra định, định có thể phát sanh trí huệ. Có trí huệ thì tâm sáng suốt, tâm sáng suốt thì thấy được tự tánh, thấy được tự tánh thì thành Phật.” Chưa từng có ai không do nơi giới mà được thành Phật, thành Tổ.

Chỉ riêng một việc tham thiền thật là then chốt nhiệm mầu để vươn lên, chẳng phải là chuyện nhỏ nhoi tầm thường. Cần phải phát tâm hết sức dũng mãnh, hết sức tinh tấn. Cốt yếu cũng phải dứt sạch lo toan tính toán, đoạn tuyệt hết thảy trần duyên, đem sự thấy nghe quay về quán xét tự tánh, chỗ thấy biết thường ngày như tốt xấu, thương ghét, phải quấy đều quét bỏ đi cho sạch hết. Ví như lấy con dao bén cắt một nắm tơ, dứt mạnh một nhát là dứt sạch. Lại cũng như cắt neo phóng thuyền, thẳng đường mà lao tới. Lại cũng như một người đánh với muôn người, phải nhanh nhạy đến chẳng kịp nháy mắt,

⁽¹⁾ Nhóm giới này tạo ra các thiện nghiệp, bao gồm cả việc tu học các pháp môn do Phật dạy, đọc tụng kinh điển...

⁽²⁾ Nhóm giới này làm sanh khởi và nuôi dưỡng tâm từ bi, làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

không thể chậm chạp trì hoãn. Nếu có thể phát khởi được cái ý chí quyết liệt như thế, mới gọi là có cái khí tượng tham thiên.

Đã có cái khí tượng tham thiên, giữ lấy một câu *Nam mô A-di-đà Phật*, như dựa vào ngọn núi *Tu-di*, dù có bị quấy rối hay lay chuyển cũng vẫn giữ yên chẳng động. Chuyên tâm, nhất ý, hoặc niệm ba tiếng, năm tiếng, rồi quay con mắt sáng suốt trở lại quán xét chính mình, hỏi rằng: *Ai đang niệm Phật?*⁽¹⁾

Chỗ nghiên ngẫm cốt yếu là phải thấy được một niệm ấy từ đâu sanh khởi. Lâu ngày khám phá ra được, lại cũng là một niệm ấy. Đã nghi lại càng thêm nghi. Lại tự hỏi rằng: Hỏi rằng ai đang niệm Phật, vậy *ai đang hỏi đó?* Cứ như vậy xét tới, cuối cùng là ai? Đạt được chỗ ấy rồi, phải bám lấy cho đến tận đầu mối, chẳng được buông bỏ. Như gặp được kẻ oan gia đã nhiều đời, phải bám chặt ngay lấy manh mối mà phăng theo cho đến khi biết rõ, không còn có thể nghĩ ngợi, không đợi bàn bạc, cân nhắc gì nữa. Tham thiên được như vậy, ắt phải có ngày được rõ thông.

Còn như chưa được như vậy, cần phải lắng nghe thêm mấy lời này. Người ra công tham cứu phải như kẻ bị rơi xuống giếng sâu ngàn thước, sớm chiều suy tư nghiên ngẫm cũng chỉ duy nhất một lòng cầu thoát ra khỏi giếng, hoàn toàn không có ý tưởng nào khác nữa.

⁽¹⁾ Hỏi rằng: “Ai đang niệm Phật?” Đó là quay lại mà quán xét cái “bản ngã” từ lâu nay mình vẫn chấp giữ, tự cho cái thân tử đại này là “ta”. Ngay khi “cái ta” đó đang niệm Phật, liền dùng trí tuệ sáng suốt mà quán xét xem có phải thật sự là “ta” đó chẳng? Do chỗ quán xét này mà thấy được sự giả hợp của “bản ngã”, mới hé mở được chỗ thấy biết về chân như bản tánh.

Lại như kẻ bị mất đi một vật gì rất là cần yếu, sáng cũng tìm, chiều cũng tìm, đi ngang cũng tìm, đi dọc cũng tìm; tìm mà không thấy thì lúc nào cũng luôn âm thầm nghĩ tưởng đến.

Lại như con mèo rình chuột, thân tâm kết thành một khối.

Lại như kẻ đi trên cầu độc mộc, luôn phải hết sức thận trọng.

Nếu dụng tâm được như vậy, sự hôn trầm và tán loạn sẽ tự nhiên mất đi. Trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, lúc nào cũng như đang bế đứa hài nhi, không một chút vội vàng, lơ đãnh.

Muốn tìm hạt châu rơi dưới nước, phải chờ lúc sóng yên nước lặng. Đang khi mặt nước xao động mà tìm thì khó lòng lấy được. Mặt nước định đã lắng trong thì hạt châu tâm thể sẽ tự nhiên hiện rõ.

Người xưa nói rằng:

*Đào ao chẳng đợi trăng,
Ao thành trăng tự hiện.*

Cho nên, kinh Viên Giác nói rằng:

*Trí thanh tịnh không ngại.
Do nơi thiền định sanh.*

Nếu quả hành trì được như vậy, chỗ công phu chắc chắn có thể nắm được. Như có đạt được thiền định trong hiện tại, cũng không nên trụ chết vào nơi đó. Phải nghiên ngẫm việc lớn sanh tử cho sáng rõ thấu đáo, thành tựu cho được trọn vẹn cái trí hiểu biết tất cả.

Người xưa nói:

*Đâu chỉ quên thân, tâm chết lặng,
 Ấy là bệnh trọng càng thêm nặng.
 Ngồi yên xét thấu nơi nguồn cội,
 Mới mong thấy tánh, rõ thiên chân.*

Đó chính là:

*Đầu sào trăm thước, thêm bước nữa;
 Sườn núi buông tay, chết lại sống.*

Như vậy mới có thể gọi là người đã xong việc.

Nhưng tuy đã xong được điều ấy, thì lại có điều khác còn nghi. Hoặc có câu thoại đầu⁽¹⁾ nêu lên hoặc chẳng nêu lên, phân biệt rõ hoặc không phân biệt rõ, mạnh mẽ hay không mạnh mẽ, nhẹ yên hay chẳng nhẹ yên, hết thấy những điều ấy, cho dầu được hay mất, có hay không đều chẳng để tâm chấp trước, chỉ giữ một lòng tham cứu mà thôi, đó chính là công phu.

Nhưng tuy đã xong được điều ấy, thì lại có điều khác còn nghi. Hoặc có cảnh tốt đẹp hiện ra trước mắt, chẳng nên vui mừng, e rằng chìm đắm theo chỗ vui mừng đó. Hoặc có cảnh xấu ác hiện ra trước mắt, chẳng nên phiền não, e rằng con ma chìm đắm theo chỗ phiền não đó. Phải biết rằng những cảnh tốt xấu ấy chẳng phải từ bên ngoài đến, đều là do tâm bị hôn trầm mà sanh ra, hoặc do nghiệp thức chiêu cảm mà có. Hết thấy những gì tai nghe,

⁽¹⁾ Thoại đầu: Chỗ đầu mới giúp người tham thiền tập trung tâm ý. Thường thì câu thoại đầu hay công án là do vị tôn sư đưa ra để dắt dẫn đệ tử, nhưng cũng có khi thiền giả tự chọn lấy. Thiền giả khi đã tham thoại đầu thì dồn hết thân tâm vào đó, không còn bị chi phối bởi bất cứ vấn đề nào khác, cho đến khi thấu tóm được hết thấy mọi sự việc, tự thấy được chân như bản tánh.

mắt thấy đều là hư vọng, chẳng nên chấp trước. Cần phải tinh tấn mà thẳng tiến.

Người xưa nói: “Tài nghệ của người có giới hạn, điều ta chẳng nhận vốn không cùng.”⁽¹⁾

Nếu như thân có bệnh, chớ nên gắng gượng mà tham thiền. Nên lễ Phật sám hối, niệm Phật cho qua lúc ấy, chờ khi bệnh khỏi sẽ tiếp tục tham thiền.

Nhưng nếu là người trí huệ, cũng có thể nhân khi có bệnh mà suy ngẫm. Nên biết rằng bốn đại vốn là không, năm uẩn⁽²⁾ chẳng thật có. Bệnh từ đâu đến? Người đang bệnh đây là ai? Nếu có thể soi rọi như vậy, cũng có lúc bừng sáng được.

Nhưng tuy đã xong được điều ấy, thì lại có điều khác còn nghi. Hoặc như tự thấy mình rõ biết thông suốt mọi việc, không nên đắm chấp vào đó, phải gấp rút mà vượt qua. Nếu trụ yên nơi cảnh giới của sự thấy biết ấy, mặt mũi chân thật xưa nay⁽³⁾ ắt sẽ bị vùi lấp mất.

⁽¹⁾ Chỗ tâm thức loạn động, sai lạc tuy nhiều nhưng vẫn có giới hạn. Chỉ cần không mê đắm, chấp trước, một lòng hạ thủ công phu, lâu ngày tự nhiên vọng niệm lắng đọng dứt trừ. Cho nên nói rằng “điều chẳng nhận” – không đắm chấp – mới là vô cùng, không có giới hạn.

⁽²⁾ Năm uẩn (ngũ uẩn, 五蘊 - pañca-skandha), cũng gọi là năm ấm, bao gồm: 1. Sắc uẩn (thân thể và tất cả những hình sắc được nhận biết bên ngoài), 2. Thọ uẩn (thọ cảm vui hay buồn hoặc không vui không buồn), 3. Tưởng uẩn (nhận biết các cảm giác nội tâm và hình sắc bên ngoài), 4. Hành uẩn (khởi tâm ham muốn hoặc ghét giận), 5. Thức uẩn (Hiểu biết và phân biệt).

⁽³⁾ Nguyên văn: “bản lai diện mục” – mặt mũi từ thuở ban sơ – cách nói của Thiền tông dùng để chỉ chân như, bản tánh hay tự tánh chân thật.

Người xưa nói: “*Pháp Phật chẳng phải con cá chết, há sợ nó thối nát đi sao?*”

Cũng giống như bóc thân cây chuối, bóc ra một lớp, lại còn lại một lớp. Bóc ra lớp nữa, lại còn một lớp nữa. Cứ bóc mãi cho đến khi nào không còn có chỗ đặt tay vào, mới trợn thành một khối. Sau đó thì mặc áo, ăn cơm, đi tiêu, đi tiểu, khi động, khi tịnh, lúc nói, lúc nín, không lúc nào không xuyên suốt một niệm *A-di-đà Phật*.

Từ đó hoa tâm bừng sáng, chiếu khắp mười phương, như mặt nhật giữa trời quang đãng, như gương sáng trên đài, ngay trong một niệm đã thành bậc Chánh giác. Chẳng những sáng tỏ được việc lớn sanh tử, mà hết thấy các nhân duyên sai biệt từ trước của chư Phật, chư Tổ cũng đều thấu hiểu cặn kẽ; pháp Phật, pháp thế gian cũng đều thấu biết sáng suốt.

Tuy đã đạt tới địa vị ấy, cũng chẳng nên trụ yên, chấp trước. Cần phải chứng biết, thấu rõ nhân duyên tạo tác, chỗ thấy hợp thiên cơ, có thể được ấn khả. Sau khi được ấn khả thì phàm thánh vốn chẳng có, lấy bỏ thấy đều quên, nói chi thiên đường, địa ngục, phân chi nam, bắc, đông, tây? Khắp pháp giới chỉ một tự tánh *Di-đà*, tận hư không chỉ một tâm Tịnh độ!

Khi ấy liền có thể trên đầu sợi lông hiện ra cõi Phật quý báu, ngồi trong hạt bụi nhỏ chuyển bánh xe Pháp,⁽¹⁾ dẫn dắt tiếp độ đời vị lai, gìn giữ cứu giúp thời pháp mạt. Người tham thiền được như thế mới là bậc trượng phu thoát ngoài khuôn khổ, riêng một mình vượt trên muôn người.

⁽¹⁾ Chuyển bánh xe pháp (Chuyển pháp luân): tức là thuyết giảng pháp Phật để cứu độ chúng sanh.

Nếu chưa được như vậy, hãy nương nhờ nguyện lực của đức Phật *A-di-đà* để cầu sanh Tịnh độ. Vì sao vậy? E rằng trong phút lâm chung, cảnh chết hiện ra trước mắt, tâm thần bấn loạn, chẳng thể tự chủ lấy mình, không khỏi bị nghiệp duyên lôi cuốn. Vậy nên cần phải xác thật niệm Phật, phước huệ cùng tu, một lòng hướng về Tịnh độ, nhất tâm đợi phút cuối đời.

Như vậy có thể nói là:

*Lâu xưa đất cũ đành là vậy,
Về đó một phen dạ mới yên.*

Than ôi! Bậc thánh ra đời đã lâu, pháp Phật ngày thêm chia biệt! Gần đây có một đám người bông lông, mắt trí đã chẳng sáng, Tịnh độ lại không tin; hiểu sai lời then chốt của Tổ sư, luận bậy ý Phật xưa đã dạy. Chẳng biết hết lòng tham cứu, chỉ một bề chấp trước nơi thân tứ đại. Ngày nay hai buổi, ngày mai ba thời, dạy người làm lụng lãng xãng, tới lui hối hả. Hiện thời tâm không định, trí không sáng, sau rồi phải đi đến chỗ điên cuồng, rối loạn. Chẳng đáng nhận của tín thí, uống phụ linh giác của tự tâm, trôi lăn trong ba đường ác,⁽¹⁾ chịu lấy muôn điều khổ sở. Chỉ bởi trước đây không gặp được bậc thầy thấu đáo, nên tu đến già cũng chỉ là món đồ vô dụng! Những kẻ tu đui luyện mù ấy, dầu cho có trôi lăn đến lúc Phật *Di-lặc* ra đời, cũng không có ngày tỏ ngộ sáng suốt.

Đó chính là:

*Không thiền, không Tịnh độ,
Giường sắt, cột đồng chờ.*

⁽¹⁾ Ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

*Ngàn muôn kiếp trôi lăn,
Trọn không người cứu hộ.*

Khổ thay! Khổ thay!

Lời thành thật khuyên người hậu học, phải hết sức thận trọng, tinh tế. Nay ta đã phân biệt nói rõ phá trừ; phá trừ lại bị người ghét. Đối với người có trí thì là món đề-hồ ngon quý, đối với kẻ ngu mê không biết lại hóa

禪宗淨土難易說

或問曰。世間有人，別執公案，使人做作工夫。只期參禪悟道，不願往生淨土。此法何如。

答曰。利根上智之人可以真參實悟。略有差訛，便成大錯。

曰。何以知其為錯。

曰。錯處在於未悟，依舊展轉輪迴。不若持誦修行，必得徑生淨土。

善知識。非不教汝參禪，惟恐爾不念佛。何以故。參禪悟心者難。念佛往生者易。

thành thuốc độc! Như vậy đó, sai lệch trong gang tấc, lạc xa đến ngàn dặm.

Than ôi!

*Trời tạnh, vàng dương chiếu sáng,
Mưa xuống, lầy lội đất bùn.
Hết lòng phá trừ mê chấp,
Sợ người chẳng đủ sức tin.*

Trân trọng!

Thiền tông Tịnh độ nan dị thuyết

Hoặc vấn viêt: Thế gian hữu nhân biệt chấp công an, sôunhân toátừ công phu. Chækýotham thiềnn ngoãñãb, báa nguyềnn vaõng sanh Tồnn ñoã Thôũphãp haõnhõ?

Ñãp viêt: Lôii cãnn thõõng trí chi nhãnn, khãũdó chãnn tham thãũ ngoã Lõõõr hõõi sai ngoa, tiềnn thãnh ñãĩ thoá

Vieĩt: Haõdó tri kyõvi thoũ

Vieĩt: Thoáxõũtãĩ õ vò ngoã y cõũu triềnn chuyềnn luãnn hoã. Báa nhõõr trì tũng tu haõnh, táũ ñãe kinh sanh Tồnn ñoã

Thiềnn tri thõũ, phi báũ giãũ nhõõtham thiềnn, duy khũng nhõõbãũ niềnn Phãũ. Haõdó cõũ Tham thiềnn ngoãñãb giãũnnã, niềnn Phãũ vaõng sanh giãũdũ.

汝不聞古德云。叅禪要了生死，百無二三。念佛求生淨土，萬不失一。

正所謂。有禪無淨土，十人九錯路。豈不然乎。況以，叅禪不礙念佛，念佛不礙叅禪。禪宗淨土異難，今日分明直指。

法門。固有八萬四千，總不如一句阿彌陀佛。公案，雖有一千七百，亦不如一句阿彌陀佛。

何則。阿彌陀佛教門，有頓，有漸，有理，有迹。上根智人，直下承當，見性成佛。中下之流，未能頓超者，仗彼佛力，亦得往生。

是以念佛教門，勝過一切教門也。其餘公案功德，要及念佛公案功德，百分不及一，百千萬億分，亦不及一。

何以故。若是功德同等，十方三世諸佛不應讚歎阿彌陀佛。恒沙經典之中，不應指歸西方淨土。

豈不聞歷代祖師，箇箇念佛。於今名賢，人人念佛。僧俗男女悉皆念佛。

Nhồbaát vañ coảnồ vañ: Tham thiền yeá lieá sanh töü baùh voánhò tam. Niếñ Phaá caù sanh Tồh ñoặ vañ baát thaát nhaát.

Chảnh sôuvò, hõu thiềñ voáTồh ñoặ thaáp nhañ cõu thoá loả Khõu baát nhieñ ho? Huóng dó, tham thiền baát ngai niếñ Phaá, niếñ Phaá baát ngai tham thiền. Thiềñ toàng Tồh ñoặđò nan, kim nhaát phañ minh trõc chà

Phaáp moañ, coảhõu baù vañ töüthieñ, toàng baát nhõ nhaát cuùA-di-đà Phaá. Công àñ, tuy hõu nhaát thiềñ thaát baùh, dieá baát nhõ nhaát cuùA-di-đà Phaá.

Haáté, A-di-đà Phaá giaù moañ, hõu ñoáñ, hõu tieñ, hõu lýù hõu tích. Thõõng cañ trí nhañ, trõc haít hõu ñõõng kieñ tamh thanh Phaá. Trung haít chi löu vò nañg ñoáñ sieü giaù trõõng bæPhaá löc dieá ñaé vañg sanh.

Thò dó niếñ Phaá giaù moañ, thaóng quañnhaát thié giaù moañ daó Kyóđò công àñ công ñõù, yeá caáp niếñ Phaá công àñ công ñõù, baùh phañ baát caáp nhaát, baùh thiềñ vañ õù phañ dieá baát caáp nhaát.

Hađó co? Nhõõc thò công ñõù ñoàng ñaóng, thaáp phõõng tam theáchõ Phaá baát õng tam thàn A-di-đà Phaá. Hañg sa kinh ñieñ chi trung, baát õng chàquy Tây phõõng Tồh ñoặ

Khõu baát vañ löch ñaí Toásõ, caùcaùniếñ Phaá. Õ kim danh hiềñ, nhañ nhañ niếñ Phaá. Taóng tuí nam nõp taát giai niếñ Phaá.

若是法門平等，何不別舉法門哉。汝且觀於世人，開口發聲，必一念阿彌陀佛。

何者。要知阿彌陀佛願力無邊，是以獨稱獨舉也。

不見讚佛偈云。

十方三世佛，
阿彌陀第一。
四十八願度眾生，
九品咸令登彼岸。

由此推之，念佛公案實是超過一切公案也。

我今再說。九十六種外道，俱為生死修行，只是不得解脫。何也。皆因遇著盲師，將正法作邪法解，佛法作魔法說。似此錯賺者多矣。自賺猶可，又賺他人。正所謂。一盲引眾盲，相牽落火坑也。

昔日，如來告目連言。譬如萬川長流，有浮草木，前不顧後，後不顧前，都會大海。世間亦爾。雖有豪貴富樂自在，悉不得免生老病死。

Nhōōt̄ thò phap̄ mōn bình ñaung, hābāt̄ biē cōuphap̄ mōn tai. Nhōōthāiquām ò theánhān, khai khai phat̄ thanh, tāt̄ nhāt̄ niēm A-di-đà Phāi.

Hāgiāi Yēu tri A-di-đà Phāi nguyēn lō̄c vōabiēn, thò dó ñōō xōng ñōō cōudāo

Bāt̄ kiēn tam Phāi kēvān:

Thập phương tam thế Phật.

A-di-đà đệ nhất.

Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh.

Cửu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn.

Do thō̄usuy chi, niēm Phāi công àn thāt̄ thò siēu quān nhāt̄ thiēt̄ công àn dāo

Ngāokim tāt̄ thuyē̄t̄. Cōm̄ thāp̄ lưc̄ chūng ngoāi ñāō cāu vò sanh tō̄utu hanh, chǣthò bāt̄ ñāc̄ giāi thoat̄. Hāgiāi Giāi nhān ngōatrō̄ū manh sō, tō̄ong chanh̄ phap̄ tāt̄ tāōphap̄ giāi, Phāi phap̄ tāt̄ ma phap̄ thuyē̄t̄. Tō̄ithō̄uthoat̄rām giāūña hyō̄ Tō̄itrām do khaīhō̄i trām thā nhān. Chanh̄ sō̄uvò: Nhāt̄ manh dān̄ chūng manh, tō̄ong khiē̄n lă̄ hōā khanh dāo

Tích nhāt̄ Nhō̄ Lai cāō Mūc̄ Liēn ngōn: Thí nhō̄ vān xuyē̄n trō̄ong lō̄u, hō̄i phuothāō mōi, tiēn bāt̄ cōahāi, hāi bāt̄ cōatiēn, ñōahōā ñāi hāi. Thēagian diē̄ nhú. Tuy hō̄i hāō quyē̄phuulăc̄ tō̄itai, tāt̄ bāt̄ ñāc̄ miēn sanh lāō bēnh tō̄u

祇由不信佛經，不能得生千佛國土。是故我說阿彌陀佛國土，易往易取，而人不能修行往生。反事九十六種外道。我說是人名無眼人，名無耳人。

且如往生錄內，高僧傳中。賢愚竝生，今古皆備。盡拋穢土，俱趣淨方，孕七寶池，捨胞胎苦。超凡入聖，得道證真。不歷三祇，便成佛道。豈非佛力難思也。

若欲永超生死輪迴，得涅槃樂者，無出往生法門矣。

何以故。娑婆濁境，眾苦集而求道難成。淨土樂邦，諸善聚而位登不退。稱名號者，諸佛護念而往生。發菩提者，彌陀光照而增進。菩薩羅漢與其同儔。水鳥樹林悉皆念佛。耳畔常聞妙法，心中頓絕貪瞋。快樂無窮。壽量何極。

一生彼土，便獲阿惟。豈比人天道中。觸目多諸違順。權乘路上，善根希有周圓。地前三賢，尚未見道而失念。舍利六住，尚遇惡緣而退心。

Chædo baá tín Phaá kinh, baá naêng ñaé sanh thiæn Phaá quoaá ñoã Thò coángaõthuyé A-di-ðà Phaá quoaá ñoã dò vaõng dò thuü nhi nhaân baá naêng tu haanh vaõng sanh. Phaâm söicõu thaþ luü chuõng taõñab. Ngaõthuyé thò nhaân danh voãnhõ nhaân, danh voãnhõ nhaân.

Thaûnhõ vaõng sanh luü noã, Cao taêng truyeãn trung. Hiæn ngu tõnh sanh, kim coágiai nhó. Taãn phao ueáñoã caû thuü tõnh phõõng, döng thaá baû trì, xaûbaõ thai khoá Sieû pham nhaþ thaûnh, ñaé ñaõ chaûnh chaûn. Baá löch tam kyø tieãn thaûnh Phaá ñaõ. Khõu phi Phaá löch nan tö daõ

Nhõõc dưc vónh sieû sanh töõluaân hoã, ñaé Niết-bàn læ giaü voãxuaá vaõng sanh phaþ moãn hyõ

Haõcõ coã Ta-bà trõõc caûnh, chuõng khoãtaþ nhi caû ñaõ nan thaûnh. Tõnh ñoãlæ bang, chõ thiæn tuï nhi vô ñaêng baá thoá. Xõng danh hiæu giaü chõ Phaá hoãnieãn nhi vaõng sanh. Phaá Bõ-ðé giaü Di-ðà quang chieáu nhi taêng taãn. BõTaû La-hán dó kyõõng truõ Thuý ñieü thoilaâm taá giai nieãn Phaá. Nhó bãñ thõõng vañ dieü phaþ, taãn trung ñoãn tuyeá tham saãn. Khoã læ voãcung. Thoilaæ haõcõc.

Nhaá sanh bæñoã tieãn hoãch a duy. Khõu tyûnhãñ thiæn ñaõ trung, xuü muü ña chõ vi thuaãn. Quyæn thõõ loãthõõng, thiæn cañ hy hõu chaû vieãn. Ñõa tieãn tam hiæn, thõõng vô kieãn ñaõ nhi thaá nieãn. Xaûlì luü truü thõõng ngoãat duyẽn nhi thoá taãn.

所以法華會上，退席者五千。寶積經中，失道者猶眾。觀佛世尚爾，何今時不然。是知三乘之士，歷僧祇劫，而功行無成。念佛之門，於彈指頃而位皆不退。

是以生淨土者有進無退，決定成佛。故阿彌陀經云。極樂國土，眾生者皆是阿鞞跋致。阿鞞跋致者，不退轉地，是也。

嗟乎。初心信淺，非他力難以進修。我佛願深，但有緣悉皆攝受。

諸仁者。從上佛祖立教，開示念佛法門。何況今之禪流不信往生淨土。

凡修淨土者，不礙於叅禪。何叅禪者，乃薄淨土而不修也。

Sôudô Pháp Hoa hoā thōng, thoá tồc giâunguổ thiề. Baô Tích kinh trung, thaá ão giâuđo chùng. Quan Phái theá thōng nhó, haokim thoi baá nhie. Thò tri tam thóa chi só, lèch taeng kyokiep, nhi công hành vôthanh. Niề Phái chi moân, ô ãan chækhoanh nhi vô giai baá thoá.

Thò dó sanh Tồh ãoagiai hoi taán vôthoá, quyề ãnh thanh Phái. Có Di-đà kinh vaân: Cõr Lã quoa ão chùng sanh sanh giâugiai thò A-bệ-bạt trí. A-bệ-bạt trí giâu baá thoá chuyề ãn, thò daõ

Ta hoá Sô tâm tín thiề, phi tha lờc nan dó taán tu. Ngã Phái quyề ãn, ão hoi duyề taá giai nhiep thoi

Chò ãn giâu Tung thōng Phái toaláp giâu, khai thò niề Phái pháp moân. Hãhuóng kim chi thiề lờ baá tín vaung sanh Tồh ão?

Pham tu Tồh ãoagiai baá ngai ô tham thiề. Hãtham thiề giâuão bã Tồh ãoãhi baá tu daõ

6. Chỗ khó dễ của phép tu thiền và Tịnh độ⁽¹⁾

Có người hỏi rằng: “Thế gian có kẻ chấp vào công án, dạy người theo đó công phu, chỉ cốt tham thiền ngộ đạo, chẳng nguyện vãng sanh Tịnh độ. Pháp ấy thế nào?”

Đáp rằng: “Người căn tánh sáng suốt, trí huệ cao sâu có thể thật tham thật ngộ. Nhưng có đôi chút sai sót liền rơi vào chỗ sai lầm rất lớn.”

Hỏi: “Làm sao biết là sai lầm?”

Đáp rằng: “Sai lầm là ở chỗ nếu như chưa chứng ngộ thì vẫn trôi lăn trong cõi luân hồi, chẳng bằng việc trì giới niệm Phật tu hành, chắc chắn sẽ được thẳng đường về Tịnh độ.

“Này thiện tri thức! Ta chẳng ngăn việc tham thiền, chỉ sợ người không niệm Phật mà thôi! Vì sao vậy? Tham thiền ngộ đạo là việc khó, niệm Phật vãng sanh là việc dễ.

Người xưa nói rằng: “Chỗ cốt yếu của việc tham thiền là thấu rõ lý sanh tử, trong trăm người chưa có được vài ba người đạt đến. Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, muôn người đều thành tựu.” Cho nên nói rằng: “Tu thiền mà không tu

⁽¹⁾ Bài trước nói rõ về phép tham thiền và niệm Phật, bài này thâm nhiếp chỗ tinh yếu trong phép niệm Phật và tham thiền để phân biệt chỉ rõ: Hai phép tu vốn chẳng ngăn ngại nhau. Đối với bậc thượng trí, tham thiền và niệm Phật vốn không sai khác, tham là niệm, niệm là tham. Đối với hạng trung bình thì có thể vừa tham thiền vừa niệm Phật, tham giúp cho niệm, niệm giúp cho tham. Đối với hàng căn nhỏ trí thấp thì chuyên tâm niệm Phật cũng có thể đạt đến giải thoát. Đó là nhờ nguyện lực của Phật A-di-đà giúp cho, nên việc hành trì có thể nói là dễ dàng mà kết quả rất chắc chắn.

Tịnh độ, mười người có đến chín người lạc đường.” Chẳng đúng như vậy sao?

Hướng chỉ việc tham thiền và niệm Phật đều không ngăn trở lẫn nhau. Nay xin nêu rõ sự khó dễ của hai phép tu thiền và Tịnh độ.

Tám mươi bốn ngàn pháp môn, thâm tóm lại không qua một câu *Nam mô A-di-đà Phật*; một ngàn bảy trăm công án, cũng không qua một câu *Nam mô A-di-đà Phật*. Vì sao vậy? Trong pháp niệm Phật có nhanh, có chậm, có lý ngày nay, có tích ngày xưa. Bậc trí huệ thượng căn có thể ngay tức thời thấy tánh thành Phật. Những kẻ trung bình và thấp kém chưa thể siêu thoát tức thời, nhưng nương nhờ sức Phật cũng sẽ được vãng sanh.

Cho nên phép niệm Phật vượt hơn tất cả các pháp môn. Như lấy niệm Phật làm công án, công đức so với tất cả các công án, công đức khác vượt trội hơn đến trăm ngàn muôn ức lần. Vì sao vậy? Vì nếu công đức như nhau thì chư Phật ba đời, mười phương đã không cần phải tán thán đức Phật A-di-đà, và trong vô số kinh điển cũng chẳng cần chỉ bày phép tu để được về cõi Tịnh độ phương tây. Há chẳng nghe rằng các đời Tổ sư ai ai cũng đều niệm Phật hay sao? Cho đến các bậc danh hiền đời nay, người người cũng đều niệm Phật. Dầu tăng hay tục, dầu nam hay nữ, hết thấy đều niệm Phật. Nếu các pháp môn đều như nhau, sao chẳng nêu riêng biệt? Hãy xem, hết thấy những người tu hành, dù theo pháp môn nào, khi mở miệng cất tiếng cũng đều niệm một câu *A-di-đà Phật*. Vì sao vậy? Nên biết rằng nguyện lực của đức Phật A-di-đà là vô biên, cho nên chỉ xưng, chỉ niệm riêng một danh hiệu của ngài.

Hãy nghe bài kệ tán Phật rằng:

*Ba đời, mười phương Phật,
A-di-đà bậc nhất.
Bốn mươi tám nguyện độ sinh,
Tòa sen chín phẩm hàm linh nương về.*

Do đó suy ra thì công án niệm Phật thật là vượt hơn hết thảy các công án khác.

Lại nói, chín mươi sáu phái ngoại đạo đều vì muốn thoát sanh tử mà tu hành, nhưng đều không được giải thoát. Vì sao vậy? Đều do gặp phải những vị thầy ngu tối, đem pháp chánh giảng giải thành pháp tà, đem pháp Phật thuyết thành pháp ma. Người sai lầm như thế rất nhiều. Tự mình đã sai lầm, lại còn dẫn dắt người khác phải sai lầm theo. Quả thật là:

*Người mù dắt lối kẻ đi,
Cùng nhau rơi xuống hầm sâu lửa trần!*

Có lần đức Như Lai dạy ngài *Mục-kiên-liên* rằng: “Vị như muôn con sông cùng chảy, có nhiều cây gỗ nổi trôi theo dòng nước, dù trước dù sau cũng chẳng biết gì đến nhau, nhưng hết thảy đều quy tụ về biển cả. Người thế gian cũng vậy, dầu có những kẻ giàu sang sung túc, thảy đều chẳng khỏi những nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết. Chỉ vì chẳng tin kinh Phật nên chẳng được sanh về nơi ngàn cõi Phật. Vì thế ta nói rằng cõi Phật *A-di-đà* là dễ đến, dễ được, nhưng vì người ta chẳng chịu tu hành để được vãng sanh, ngược lại đi thờ phụng chín mươi sáu phái ngoại đạo, nên ta nói rằng những kẻ ấy là không có mắt, không có tai!”⁽¹⁾

⁽¹⁾ Đoạn này trích ở sách *Vạn thiện đồng quy*.

Hơn nữa, trong các sách *Vãng sanh truyện*⁽¹⁾ và *Cao tăng truyện* có ghi lại những trường hợp kẻ hiền người ngu đều được vãng sanh, xưa nay đều có, thảy đều lìa bỏ nơi uế trước này mà về cõi nước thanh tịnh, sanh ra trong ao thất bảo, lìa được nỗi khổ ở trong bào thai, siêu phàm nhập thánh, đắc đạo chứng chân, không phải trải qua vô số kiếp mà dc thành quả Phật. Há chẳng phải là nhờ nương sức Phật khó nghĩ lường đó sao?

Như muốn vĩnh viễn siêu thoát sanh tử luân hồi, hưởng vui *Niết-bàn*, thì không pháp nào hơn được pháp môn vãng sanh.

Vì sao vậy? Cõi Ta-bà uế trước, hội đủ các nỗi khổ nên cầu đạo khó thành, còn nơi Tịnh độ, hội đủ các điều lành nên dễ lên hàng *Bát thối*.⁽²⁾ Người xưng niệm danh hiệu Phật, chư Phật hộ niệm vãng sanh; người phát tâm Bồ-đề, nhờ đức *Di-đà* chiếu soi càng thêm tinh tấn. *Bồ-tát*, *La-hán* cùng làm bạn; cây rừng, chim nước thảy đều niệm Phật. Bên tai thường nghe diệu pháp, trong lòng dứt sạch tham sân. Khoái lạc vô cùng, thọ mạng không dứt.

Một khi sanh qua cõi ấy liền được địa vị *Bát thối*,⁽³⁾ nào phải như trong cõi trời người, trước mắt biết bao điều trái

⁽¹⁾ Nguyên tác ghi là *Vãng sanh lục* (往生錄), e là nhầm, vì trong các bộ lục xưa không thấy có tên này, chỉ có sách *Vãng sanh truyện* (往生傳), gọi đủ là *Vãng sanh Tây phương Tịnh độ thụ ứng truyện* (往生西方淨土瑞應傳), chính là tập sách kể lại những câu chuyện về những người niệm Phật được vãng sanh.

⁽²⁾ *Bát thối*: nói đủ là *Bát thối chuyển*, nghĩa là các quả vị mà người tu tập vĩnh viễn không còn thối lui nữa, chỉ tiếp tục tu tiến cho đến khi trọn thành quả Phật.

⁽³⁾ Nguyên tác dùng *A-duy* (阿惟), nói đủ là *A-duy-việt-trí* (阿惟越致), thường gặp hơn là *A-bệ-bạt-trí* (阿鞞跋致), đều là do phiên âm từ tiếng Phạn là *Avivartika*, chỉ địa vị *Bát thối chuyển* của người tu học.

ngịch. Trên đường tu tập *Quyền thừa*,⁽¹⁾ cần lành hiêm khi được trọn vẹn. Ba bậc hiền chưa vào *Thập địa*⁽²⁾ còn chưa hiểu đạo nên mất niệm; *Xá-ly-phất* trụ ở địa vị thứ sáu còn gặp duyên ác mà thối tâm.⁽³⁾ Cho nên trong hội Pháp Hoa có năm ngàn người lui ra.⁽⁴⁾ Trong kinh Bảo Tích, kể thất đạo cũng rất nhiều. Xem như lúc Phật còn tại thế mà còn như vậy, huống chi đời nay lại chẳng thế sao? Cho nên biết rằng, người tu hành trong ba thừa⁽⁵⁾ trải

⁽¹⁾ Quyền thừa là chỉ chung những pháp môn do quyền biến theo căn cơ người tu mà tạm lập ra. Có hai nghĩa chính: Nếu chỉ xét trong pháp Đại thừa thì có Quyền thừa và Phật thừa. Như các pháp môn thẳng hướng đến quả Phật gọi là Phật thừa, còn các pháp môn tu chứng dần dần qua các địa vị theo hạnh Bồ Tát gọi là Quyền thừa. Nếu nói rộng ra thì ngoài Phật thừa ra, tất cả các pháp môn tạm lập khác thì đều gọi là Quyền thừa, như ba thừa Thanh văn, Duyên giác, và Bồ Tát đều gọi chung là Quyền thừa. Phật thừa cũng gọi là Nhất thừa hay Thật thừa.

⁽²⁾ Ba bậc hiền chưa vào Thập địa (*Địa tiền tam hiền*): tức là các vị Bồ Tát đang tu Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng trong Đại thừa. Vì chưa chứng thánh quả, nên gọi là hiền.

⁽³⁾ Thập trụ là: 1. Phá tâm trụ, 2. Trì địa trụ, 3. Tu hành trụ, 4. Sanh quý trụ, 5. Phương tiện cụ túc trụ, 6. Chánh tâm trụ, 7. Bất thối trụ, 8. Đồng chân trụ, 9. Pháp vương tử trụ, 10. Quán đỉnh trụ. *Xá-ly-phất* tu chứng đến địa vị thứ sáu trong Thập trụ, thực hành pháp bố thí. Có người bà-la-môn đến xin đổi mắt, ông liền móc mắt ra cho. Người ấy xin được rồi, bèn nhổ nước miếng. *Xá-ly-phất* nhân đó sanh lòng giận, liền thối tâm, trở lại địa vị thấp hơn.

⁽⁴⁾ *Xá-ly-phất* đã ba lần thỉnh Phật giảng Kinh Pháp Hoa. Khi Phật hứa giảng kinh ấy, có năm ngàn người trong chúng hội vì thấy không thích hợp nên chẳng muốn nghe, bèn lễ Phật và lui ra. Đức Phật lặng thinh để cho họ ra đi.

⁽⁵⁾ Ba thừa: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ Tát thừa.

vô số kiếp mà công hạnh không thành; còn trong pháp môn niệm Phật chỉ như búng móng tay đã được địa vị *Bất thối*.

Vì thế, sanh về Tịnh độ chỉ có tiến mà không lùi, quyết định sẽ thành Phật. Cho nên trong kinh *A-di-đà* có dạy rằng: “Những chúng sanh sanh về cõi Cực Lạc đều là bậc *A-bệ-bạt-trí*.” *A-bệ-bạt-trí* nghĩa là địa vị *Bất thối*.

Than ôi! Kẻ mới phát tâm, lòng tin còn cạn cợt, nếu chẳng nương nhờ sức Phật giúp thêm, thật khó mà tu hành tiến tới. Phật A-di-đà có lời nguyện sâu, hết thấy những ai có duyên⁽¹⁾ đều được tiếp độ.

Này các vị! Ngay từ khi đức Phật tổ vừa lập đạo, còn chỉ bày pháp môn niệm Phật, huống chi những người tu thiền đời nay lại chẳng tin việc vãng sanh Tịnh độ hay sao?

Người tu Tịnh độ vốn chẳng hề ngăn ngại việc tham thiền, sao kẻ tham thiền lại chê bỏ pháp Tịnh độ mà chẳng tu?

⁽¹⁾ Những ai có duyên: chỉ những người phát tâm niệm Phật. Bởi chính việc niệm Phật đó là kết duyên với Phật A-di-đà, do đức Phật này đã có lời nguyện lớn là sẽ tiếp độ tất cả những chúng sanh nào niệm Phật.

辯明邪正決疑文

明教大師曰。能仁之垂教也，必以禪爲宗，而佛爲祖。祖者，乃其教之大範。宗者，乃其教之大統。大統不明則天下不得一其所詣。大範不正，則天下不得質其所證。

夫古今之學佛者，競以各立門庭，是非相勝。蓋由宗不明，祖不正，而爲患也。

嗟乎。近世有等邪師，造成魔外妖言。倚號寶林法輪，僞撰真宗妙義，經，僭稱無常法寶。或得後人，十錯九訛。使得迷流，七顛八倒。不識本來淨土法身。一向著於膿血皮袋。盡將夢境印證工夫。

反謗叅禪念佛皆是小乘。布施結緣亦是濁福。教人佛不用禮，香不用燒，戒不用持，經不用誦。自此邪解佛言，妄談聖意。說道婬慾不礙菩提。殺盜無妨般若。混吾教中遞相傳習。不守清規，壞亂正法。

Biện minh tà chánh quyết nghi văn

Minh Giáo nãi sơ viết: Năng nhân chi thuy giáo đạo tại đó thiên vi tông, nhi Phật vi tổ Toà giáo nãi ky giáo chi nãi phạm. Tông giáo nãi ky giáo chi nãi thông. Nãi thông bất minh, tại thiên hĩ bất nãi nhất ky sô ứng hĩ Nãi phạm bất chánh, tại thiên hĩ bất nãi nhất ky sô ư chông.

Phu sô kim chi hữ Phật giáo cảnh đó cầu lập môn nĩn, thò phi tông thong. Cầu do tông bất minh, to bất chánh, nhi vi hoãn đả

Ta hoá Cầu thế hữ nĩng tã sô, tại thanh ma ngoĩ yeu ngoĩ. Y hĩ ba hĩ pháp luân, ngũy soĩn chĩn tông dieu nhĩa, kinh, tiĩn xĩng vĩa hĩng pháp bĩ. Hoĩ nĩc hĩn nhĩn, thĩp thoĩc ư ngoĩ. Sũ nĩc meĩlũ, thĩ nĩn bĩ nĩ. Bĩ thũ boĩn lai Tĩn nĩĩ pháp thĩn. Nhĩ hĩng trũ ư ò noĩng hũyĩ bì nĩ. Tĩn tĩng mĩng cĩnĩn ấ chĩng cĩng phu.

Phĩn bĩng tham thĩn nĩn Phật giai thò Tĩn thĩ. Bĩ thĩ kĩ dũyĩ dieĩ thò trũĩ phũ. Giáo nhĩn Phật bĩ dũng lĩ hĩng bĩ dũng thĩn, giũ bĩ dũng trĩ, kinh bĩ dũng tũng. Tũ thũĩn giĩ Phật ngoĩ, vĩng nĩn thanh yũ Thũyĩ nĩĩ dũn dũ bĩ ngĩ Bũ-đĩ, sũ nĩĩ vĩ phũng Bĩ-nĩ. Cĩn ngoĩ giáo trung nĩĩ tĩng trũyĩn tĩp. Bĩ thũ thanh quy, hoĩ loĩn chĩn pháp.

此是妖精鬼恠，夜聚曉散。假稱官法堂堂，佛法隱藏。宜用吹滅燈燭，暗傳妙法。汝等依我行持，七日見性悟道。

又教入社弟子，罰誓寫疏，印合天條。燒上天庭方得成佛。此是絕妙好事，不許外人得知。若也泄漏天機，汝等定墮此願。再著幾人，屋後門前，巡風打擄，恐怕有人，隔壁視聽，宜用謹防。

嗚呼。何勞如此。若是真正佛法，鐘鼓陞堂，雲集大眾，敷座演揚，明日開示。豈有隱藏之理也。唯恐傳之不廣，豈怕人得知也。

因是事魔之徒，故以瞞人瞞己也。年復年來，多有此樣。扇動人家，清信男女，不覺不知，鼓入魔道。

呼。賺卻路頭猶可恕。又妄說六祖云，寧度白衣千千萬，不度空門半個僧。如斯之輩非特惑於後，是亦誣於先聖。

豈不聞永嘉云。

第一迦葉首傳燈，
二十八代西天記。

Thòuthò yeà tinh quyûquai, dai tui hieàu tam. Giaûxông quan pháp ãông ãông, Phaï pháp an tang. Nghi dùng xuy dieã ãang chue, àm truyeàn dieàu pháp. Nhõõñaúng y ngaõ hanh trì, thaï nhaï kieán tamh ngoãñaõ.

Hõu giaõ nhạp xaõñeätõu phẩ theãtaúsõu an hiệp thiên ãieàu. Thieàu thõõng thieàu ãinh phõõng ãaé thanh Phaï. Thõu thò tuyeã dieàu haõ sõi baï hõa ngoaï nhaïn ãaé trì. Nhõõñ daõ tieã laũ thieàu cô, nhõõñaúng ãõnh ãõa thõõnguyeã. Tai trõõu kyûnhaïn, oá haũ moãn tieãn, tuaãn phong ãaũloã khuõng phaïhõũ nhaïn, caũh bích thò thính, nghi dùng caãn phong.

Oãhoã Haõlao nhõ thõu Nhõõñ thò chaãn chaãn Phaï pháp, chung coãbeãñõõng, vaãn tap ãaï chung, phu toa dieã ãõng, minh bãch khai thò. Khõũ hõũ an tang chi lyũdaũ Duy khuõng truyeàn chi baï quãng, khõũ phaïnhaïn ãaé trì daõ

Nhaïn thò sõi ma chi ãõa coãdó man nhaïn man kyûgiaũ Nieãn phuũ ãieãn lai, ãa hõũ thõũdaũng. Phieãn ãõng nhaïn gia, thanh tín nam ãõ baï giaũ baï trì, coãnhaõp ma ãaõ.

Hoã Traãm khõõu loãñaũ do khaũthõu Hõũ võng thuyeã Luũ toãvaãn: “Ninh ãõbãch y thieãn thieãn vaãn, baï ãõkhõang moãn bãm caũtaũng.” Nhõ tö chi boã phi ãaé hoã õ haũ nhaïn, thò dieũ vu õ tieãn thanh.

Khõũ baï vaãn Võnh Gia vaãn:

Đệ nhất Ca-diếp thủ truyền đăng.
Nhị thập bát đại Tây thiên ký.

法東流入此土，
菩提達磨為初祖，
六代傳衣天下聞，
後人得道無窮數。

又豈有度白衣而不度空門乎。

此言實是謗三寶，壞宗風，行其邪，犯其禁。一朝事露，天理難容。生遭王法，死墮阿鼻。千佛出世不通懺悔。何以故。阿鼻地獄罪畢，復墮諸地獄中。受得地獄業消，復入畜生餓鬼。展轉受苦，無有休息。

正所謂。

欲得不招無閒業，
莫謗如來正法輪。

豈不見古聖道。見一魔事如萬箭攢心，聞一魔聲如千錐劄耳。速須遠離，不可見聞，各自究心，慎莫容異。

諸仁者。此等邪魔只為宿熏業種，生遇邪師。善力易消，惡根難拔。况此眷屬世之甚多。今以略舉幾種，破汝等疑。

Pháp đông lưu nhập thử độ,
Bồ-đề Đạt-ma vi sơ tổ.
Lục đại truyền y thiên hạ vãn.
Hậu nhân đắc đạo vô cùng số.

Höü khôü höü ñoäbäch y nhi baü ñoäkhöng mön hoä

Thöüngoän thäü thö baüng Tam baü, hoäi töng phong, hánh kyotä phäim kyöcän. Nhäü trieü söi löä thieän lyünan dung, sanh tao vôöng pháp, töüñoä A-työ Thieän Phäü xuäü theäbaü thông säm hoä. Häü dó cö A-työñoä nguü töä taü, phüü ñoä chö ñoä nguü trung. Thöi ñäé ñoä nguü nghiép tieü, phüü nhäü süü sanh ngäi quyü Trieü chuyeän thöikhoä vôhöü höü töü.

Chähnh söüvö:

Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp.
Mạc báng Như Lai chánh pháp luân.

Khöü baü kieü cöthähnh ñäü: Kieü nhäü ma söi nhö vãn tieän toän täm. Vän nhäü ma thanh nhö thieän chuyü träp nö. Toä tu vieän ly, baü khäükieü vän. Cäü töü cöü täm, thäü mäü dung dö.

Chö nhäü giäü Thöüñoäng töm, chävö tüü huan nghiép chüüg, sanh ngoätäsö. Thieän löc dö tieü, äü cäü nan baü. Huöng thöüquyü thuöü, theächi thäü ñä. Kim dó löü cöü kyüchüüg, pháühöüñoäng nghi.

又有邪師，妄稱達磨正教，令人看箇佛無二字，呼吸運用。又教努力高提，逼氣衝頂。胡說笨籬之法，勇猛加功。此等之人皆是邪見異道。縱經塵劫不出輪迴。

又有邪師說道，丹田是極樂國土，又是諸佛安宅，令人觀照。扭捏做作，搬精運氣，毀過三關。言稱反本還源，見性成佛。聽得肚中一響，又言六種震動，師子作吼。此等之人年老成魔，永沈鬼窟。

又有邪師，不識大聖洪名，不知念佛功德。謬說坎男離女，水火既濟。妄將南無阿彌陀佛六字，分開六種邪解，誑惑迷人，輕慢大聖，罪同割截肢體，出佛身血。是等之人，師及弟子俱入地獄。

又有邪師說道頓悟法門，令人不用念佛，偽辯陰陽之理，脫衣仰臥觀空。又言夾脊雙關，指名曹谿一派。教人縮腳運氣，妄稱發大慧光。如此做作施為，盡是鬼家活計。不知諸佛皆是積功累德而成。豈可著空便成佛道。佛

Höü höü taosö võng xöng Đạt-ma chánh giáo, linh nhân khám cầu Pháp vônhò tởi hoảhạp vãn dưỡng. Höü giáo noảlở cao ñeà bởu khí xung ñamh. Hoàthuyệ tráu ly chí pháp, dưỡng mañh gia công. Thởũnámg chi nhân giai thò taokieán dò ñaõ. Tuồng kinh trañ kiệp bá xuaá luañ hoả.

Höü höü taosö thuyệ ñaõ, ñan ñieñ thò Cở Lả quoa ñoả höü thò chò Pháp an trách, linh nhân quañ chieá. Nởũ nieá toátà, bang tinh vãn khí, huỷ quautam quan. Ngoñ xöng phañ boñ hoam nguyề, kieán tành thanh Pháp. Thính ñaé ñoảtrung nhaá höông, höü ngoñ luỷ chumg chañ ñoảg, sỏ tởtàu hoảg. Thởũnámg chi nhân, nieñ laõ thanh ma, vónh trañ quyúquaá.

Höü höü taosö bá thở ñaí thành hoảg danh, bá tri nieñ Pháp công ñở. Mañ thuyệ khám nam ly nỏ thuy hoả kyuteá Võng tởng Nam-moảA-di-đà Pháp luỷ tởi phañ khai luỷ chumg taogiaũ, cuoảg hoả meñhañ, khinh mañ ñaí thanh, toả ñoảng cầu tieá chí theá xuaá Pháp thân huyệ. Thỏ ñámg chi nhân, sỏ caỏ ñeátởi cầu nhạ ñoả nguỷ.

Höü höü taosö thuyệ ñaõ ñoả ngoảpháp moñ, linh nhân bá dưỡng nieñ Pháp, nguy bieñ añm döông chí lyủ thoat y ngởõng ngoả quañ khoáng. Höü ngoñ giạp tích song quan, chædanh Tao Kheñhaá phañ. Giạu nhân suỷ cởở vãn khí, võng xöng phañ ñaí hueảquang. Nhỏ thỏtởtàu thi vi, tañ thò quyúgia hoảt keá Bá tri chò Pháp giai thò tích công luỷ ñở ñhi thanh, khỏu khaũtrởở khoáng tieñ thanh Pháp ñaõ?

法猶爲塵障，豈可存得陰揚。此等之人與魔作伴，永劫沈淪。

又有邪師妄傳一百八字，號曰百八摩尼。徧身肢節安名，上下左右表法。令人轉過一遍，便當一叅工夫。雖拜日月北斗，亦不嚴整衣冠。或裸露身形，或輕衣唐突。不敬祖宗父母，障人供佛齋僧。

反說泥佛不能度水，木佛不能度火，今銀銅像亦不能度爐。經是葛藤，不須讀誦。自此輕法慢法，胡亂施爲。須是人人丹霞，方許燒佛。箇箇百丈方可道無。其或未然，入地獄如箭。

又有邪師偽設種種多法，妄指性命雙修，又稱大道金丹。欺誑世間男女。不識真叅實悟，一向鬼恠行持。將一年十二箇月，按作十二度工夫。將眼耳鼻舌身意，按作諸佛菩薩。將皮肉血脈骨節，按作八部天龍。

耳邊忽聞有聲，表作聲聞羅漢果位。眼前忽見昏魔，表作描畫不成境界。或見金沙布

Phaï pháp do vi tràm chöông, khôû khai toãn ñaé ân döông? Thöüñamg chö nhân döõma tâu bãñ, vónh kiep tràm luaân.

Höü höü taosö, võng truyeãn nhaï bãñh bãñ töj hiêu vieï bãñh bãñ ma-ni. Bieãn thaãn chi tieï an danh, thöõng hai taũhöü bieäu phaïp. Linh nhân chuyeãn quaũnhaï bieãn, tieãn ñöõng nhaï tham công phu. Tuy bãñ nhaï nguyẽ Baé ñaũ, dieï bãñ nghiãn chanh y quan. Hoacë loã loãthaãn hình, hoacë khinh y ñöõng ñoã. Bãñ kính toã toãng phuï mãũ, chöõng nhân cùng Phaï trai taũg.

Phãm thuyeï neãPhaï bãñ naũg ñoãthuỹ, möã Phaï bãñ naũg ñoãhoã, kim ngaãn ñoãng töõng dieï bãñ naũg ñoãloã Kinh thö caũ ñaũg, bãñ tu ñoã tuũg. Töithöũkhinh Phaï mãñ phaïp, hoãloãn thi vi. Tu thö nhân nhân Ñôn Haõ phöõng höũ thieũ Phaï. CaũcaũBãñh Tröõng, phöõng khaiñãõ vôã Kyõ hoacë vò nhieãn, nhaïp ñoã nguĩ nhö tieãn.

Höü höü taosö, nguyï thieï chuũg chuũg ña phaïp, võng chà taũh mãng song tu, höü xöng ñaï ñãõ kim ñôn, khi cuoãg theãgian nam nõõ Bãñ thöũ chàñ tham thaï ngoã nhaï höõng quyũquaũ hanh trì. Töõng nhaï nieãn thaïp nhö caũ nguyẽ, aũ tâu thaïp nhö ñoãcoãg phu. Töõng nhãn nhö tyũ thieï thaãn yũ aũ tâu chö Phaï BõãTaũ. Töõng bì nhưĩ huyeï mãch coã tieï, aũ tâu bãñ bõãthieãn long.

Nhó bieãn hoã vaũ höũ thanh, bieäu tâu thanh vaũ, La-hãm quaũvò Nhaũ tieãn hoã kieãn hoãn ma, bieäu tâu mieũ hoã bãñ thaũh camh giõũ. Hoacë kieãn kim sa bõãñoã, hoacë kieãn thieãn

地，或見千葉寶蓮，或見樓臺殿閣，或見師子象王，或見龍吟虎嘯，或見日月竝明，或見十方諸佛，或見百億化身。自號釋迦，彌勒。僭稱無上法王。此等之人，永墮地獄，無有出期。

又有邪師，或習成幻術，或靜坐暗想。年深日久，自有一般精靈鬼恠，入其心腑。此人善能談論，便言我得五眼六通，我知過去未來。妄說人間吉凶禍福。今日某人來，明日某事至。見有災禍人家，詐稱坐斷，貪求財利。

又言我是某佛轉世，特來救度汝等。汝等不必堅持齋戒，不用再禮別師。但能供養得我，教爾自然成佛。有等愚癡男女，信入骨髓，望風歸附。自此作隊成羣，私行邪事。此等之人永作魔家眷屬，長為地獄種子。

不見楞嚴經云。修行之人，若不斷婬殺盜妄，而欲得道者，猶如蒸砂作飯，經無量劫，終不能成。

diep baø lieân, hoaë kieán laâu ñaø ñieãn caø, hoaë kieán sö töü töông võông, hoaë kieán long ngâm hoà phieäu, hoaë kieán nhaï nguyêï tönh minh, hoaë kieán thaïp phöông chö Phaï, hoaë kieán baøh öø hoà thaân. Töïhieäu Thich-ca, Di-lặc. Tieán xöng Voáthöông Phaïp võông. Thöüñaúng chi nhaân, vónh ñoã ñoã nguï, voáhöü xuaï kyø

Höü höü taosö, hoaë taïp thaønh huyeãn thuaï, hoaë tönh toã àm töông. Nieãn thaân nhaï cöü, töï höü nhaï ban tinh linh quyüquaü, nhaïp kyøtaân phuü Thöünhân thieãn naêng ñam luañ, tieãn ngoãn ngaõñaé nguõnhañ lüç thaøng, ngaõtri quaü khöüvò lai. Võng thuyeï nhaân gian kieï hung hoà phöü. Kim nhaï moãnhañ lai, minh nhaï moäsöi chí. Kieán höü tai hoà nhañ gia, trauxöng toã ñoãm, tham caü taü löi.

Höü ngoãn ngaõthö möPhaï chuyeãn theá ñaé lai cöü ñoã nhöõñaúng. Nhöõñaúng baï taï kieán trì trai giöü, baï düng taü leäbieï sö. Ñaãn naêng cüng döông ñaé ngaõ giaø nhó töinhieãn thaønh Phaï. Höü ñaúng ngu si nam nöï tín nhaïp coá tuy, võng phong quy phuï Töïthöütaü ñoã thaønh quañ, tö hañh taosöi Thöüñaúng chi nhaân, vónh taü ma gia quyêïn thuoë, tröông vi ñoã nguï chung töü

Baï kieán Laøng nghiêm kinh vañ. Tu hañh chi nhañ nhöüç baï ñoãn dañ, saü, ñaë, võng, nhi düç ñaé ñaë giaü do nhö chöng sa taü phañ, kinh voälöông kieïp, chung baï naêng thaønh.

諸仁者。若看楞嚴經，盡識一切邪魔外道。

復有盲師，雖教人念阿彌陀佛，佛祖大理不明，一向胡說亂道。不識指歸淨土，不發正願往生。只貪來世富貴，豈知富貴有期，福盡依舊輪迴，多劫漂流惡道。此等之人可悲可痛。哀哉，苦哉。

復有盲師不付念佛公案。開堂集眾，坐禪參究。道路不識，便言幾地工夫。今日也，說禪說道。明日也，說禪說道。今日身子重，昨日身子輕。或逼得氣喘，而言精進。或吐得痰血，而當去塵，或昏沈死坐而言禪定。或顛蹶步跳而當發揚。或眼中見佛圍繞說法。或耳聞音樂，任意逍遙。此等之人虛延歲月，孤負己靈，永受輪迴，無由解脫。

噫。參禪學道本是醍醐。遇斯等人翻成毒藥。豈不聞歷代祖師，直指心宗，見性成佛。迷人不知自心是佛，可悲也哉。

諸佛祖師，但為眾生根有利鈍，悟有遲疾。所以種種方便譬喻說法。世人不悟，將如之

Chô nhân giới Nhôôt khám Lăng Nghiêm kinh, tañ thòu nhá thiá taoma ngoã ñãb.

Phuê hõu manh sô, tuy gião nhân niãn A-di-đà Phã. Phã toãñai lyùbaá minh, nhá hõông hoàthuyé loãn ñãb. Baá thòu chà quy Tình ñoã baá phã chàmh nguyã vãng sanh, chà tham lai theáphuèquyù khôu tri phuèquyühõu kyø phõou tañ y cõu luaãn hoã, ña kiép phieãu lõu àu ñãb. Thõu ñãng chi nhân, khaubi khaúthoáng, ai tai, khoátai!

Phuê hõu manh sô baá phuèniãn Phã công àm. Khai ñõông tap chung, toã thieãn tham cõu. Ñãb loãbaá thòu, tieãn ngoãn kyũñoã công phu. Kim nhã daõ thuyé thieãn thuyé ñãb. Minh nhã daõ thuyé thieãn thuyé ñãb. Kim nhã thaãn tõutrong, tañ nhã thaãn tõukhinh.

Hoãe bõu ñãe khí suyã, nhi ngoãn tinh taãn. Hoãe thoã ñãe ñãm huyé, nhi ñõông khõutraãn. Hoãe hoãn traãn tõutoãn nhi ngoãn thieãn ñõnh. Hoãe ñieãn quyé boãkhieãn nhi ñõông phãu dõông. Hoãe nhãn trung kieãn Phã vi nhieãn thuyé phãp. Hoãe nhó vaãn àm nhã, nhãn yùtieãn dieãn. Thõuñãng chi nhân, hõ dieãn tueánguyé, cõaphuikyũlinh, vónh thoiluaãn hoã, voãdo giãu thoãu.

Y! Tham thieãn hõ ñãb, boãn thõ ñeãhoã Ngoãtõ ñãng nhân phieãn thanh ñoã dõõc. Khõu baá vaãn lõch ñãi Toãsõ: Trõc chàtaãn toãn, kieãn tàmh thanh Phã. Meãnhaãn baá tri tõitaãn thõ Phã, khaubi daõtai.

Chõ Phã, Toãsõ, ñãn vò chung sanh caãn hõu lõi ñõn, ngoãhõu trì taãn. Sõudó chung chung phõông tieãn, thí dui

何。卻被塵勞所縛，轉入輪迴去也。那時懊悔，遲則遲矣。

吾勸學道之者，若不能頓悟，且把一句阿彌陀佛，常憶常念常覺常照。何以故。此時縱然未悟，命終上品往生。既得往生，何愁不悟。

諸仁者。要知念佛一門，實乃超出餘門之上。不見蓮宗寶鑑云。信餘門學道，如蟻子上於高山。淨土往生似風帆行於順水。

彌陀接引直趣菩提。眾聖提攜，高超三界。上品即登佛果，下生猶勝天宮。普請勿疑，同修不退。

若人欲生淨土，須辦淨土資糧。何謂淨土資糧。信，行，願，三字也。三字具足，淨土必生。

又云。

從是西方過，
超超十萬程。
資糧若具足，
何愁去不成。

thuyê pháp. Theánhân bá ngoạ tōng nhō chi hō Khōōt bō trān lao sōuphōōt, chuyēn nhāp luān hoā khōōdaō Na thōi àn hoā, trī táe trī hyō

Ngoākhuyēn hōt nāb chi giānhōōt bá nāng nōn ngoā thaūbāunhāi cuūNam-moāA-di-đā Phāi, thōōng òt thōōng niēn, thōōng giāt thōōng chieū. Hāđó cō Thōūthōi tūng nhieñ vō ngoạ mǎng chung thōōng phān vañg sanh. Kyūñāe vañg sanh, hāssañ bá ngoā

Chō nhān giāt Yēi trī niēn Phāi nhāi moñ, thāi nāi siēu xuāi dō moñ chi thōōng. Bá kiēn Liēn Tōng Bāu Giām vañ. Tín dō moñ hōt nāb, nhō nghō tōūthōōng ò cao sōn. Tōnh ñōavañg sanh tōiphong phām hānh ò thuañ thuy.

Di-đā tiēp đān, trōt thuūBō-đē. Chūng thānh ñēahueā cao siēu tam giōi. Thōōng phān tōt ñāng Phāi quaū hai sanh du thāng thiēn cung. Phoāthanh vañ nghi, ñōng tu bá thoā.

Nhōōt nhān dưc sanh Tōnh ñōa tu biēn Tōnh ñōātō löông. Hāvō Tōnh ñōātu löông: Tín, hānh, nguyēn, tam tōiđā Tam tōicūitūi, Tōnh ñōātāi sanh.

Hōu vañ.

Tùng thị Tây phương quá.

Siêu siêu thập vạn trình.

Tư lương nhược cụ túc.

Hà sầu khứ bất thành.

勢至圓通云。憶佛念佛，現前當來必定見佛。憶念者，必無間斷也。現前者，現世得見佛也。當來者，來世得見佛也。

所以精勤懈怠，在乎當人。但辦肯心，必不相賺。

7. Phân biệt lẽ chánh tà để dứt lòng nghi⁽¹⁾

Đại sư Minh Giáo có dạy rằng: “Đức Thích-ca để lại giáo pháp, lấy thiên làm tông chỉ, lấy Phật làm Tổ. Tổ là khuôn thước lớn của đạo; tông chỉ tức là giếng mối lớn của đạo. Giếng mối chẳng sáng rõ thì thiên hạ không thể theo về một đường; khuôn thước chẳng ngay thẳng thì thiên hạ không thể do đâu mà tin chắc.”

Những người học Phật từ xưa nay đua nhau lập môn phái riêng, tranh việc phải trái, ấy đều là do tông chỉ không sáng rõ, khuôn thước chẳng ngay thẳng mà gây ra nạn ấy.

Than ôi! Lúc gần đây có bọn tà sư tự đặt ra những lời quái gở như tà ma ngoại đạo, nương theo hiệu Bảo Lâm Pháp Luân,⁽²⁾ giả soạn tông chỉ chân thật, ý nghĩa mầu

⁽¹⁾ Bài trước đã so sánh hai pháp thiên và Tịnh độ để phân biệt chỉ rõ việc khó dễ trên đường tu. Bài này giảng rõ pháp chánh, chỉ rõ các pháp tà, khiến cho người tu dứt hẳn lòng nghi để tăng trưởng đức tin.

⁽²⁾ Lúc bấy giờ thường gọi là Viên hoạt luận.

TheáChí vieân thoâng vaân: ÖÙ Phaï nieâm Phaï, hieän tieän nŏông lai taï ñhình kieán Phaï. ÖÙ nieâm giaû taï voàgiaim ñoan daõ Hieän tieän giaû hieän theáñaé kieán Phaï daõ Nŏông lai giaû lai theáñaé kieán Phaï daõ

Sôúdó tinh caàn giaû ñaõ, taï hoàñông nhaân. Ñaõ bieän khaúng taâm, taï baí töông traàm.

nhiệm trong kinh điển, lạm xưng là Pháp bảo vô thượng, lừa dối người sau, gây nhiều nhầm lẫn, sai sử kẻ mê, lăm chuyệן đảo điên. Chẳng biết pháp thân Tịnh độ xưa nay, một lòng chấp giữ cái túi da đựng máu mủ.⁽¹⁾ Đem cảnh mộng ấn chứng công phu, trở lại chê bai tham thiên, niệm Phật đều là Tiểu thừa, bố thí, tạo duyên lành cũng là phước không thanh tịnh.

Họ dạy người rằng: Phật chẳng cần lễ, hương chẳng cần thấp, giới chẳng cần trì, kinh chẳng cần tụng. Do đó hiểu sai lời Phật, luận nhầm ý thánh, nói rằng dâm dục chẳng ngăn giác ngộ, sát sanh, trộm cắp chẳng ngại trí huệ. Họ trà trộn trong đạo ta, lần lượt truyền tập cho nhau, chẳng giữ thanh qui, nhiều loạn chánh pháp.

Đó là bọn yêu tinh quỷ quái, tối nhóm sáng tan, mạo xưng quan pháp đảng hoàng, Phật pháp bí mật. Họ nói

⁽¹⁾ Tức là thân thể bằng xương thịt này, khác nào cái túi bằng da, bên trong đựng máu mủ. Ý nói là vật bất tịnh, không bền chắc.

rằng cần phải thổi tắt đèn đuốc để truyền ngầm phép mầu. Lại bảo rằng người theo họ hành trì chỉ bảy ngày là thấy tánh ngộ đạo.

Họ lại dạy đệ tử vào đền thờ phải thề thốt, viết sớ, gọi là hợp với luật trời, rồi đốt dâng lên Thiên đình, như vậy mới được thành Phật. Lại dạy rằng đó là việc mầu nhiệm tốt đẹp, không được để cho người ngoài biết được. Nếu ai để lộ cơ trời, nhất định phải bị đọa vì lời nguyện ấy. Họ lại sai người ngăn giữ ở nhà sau, cửa trước, sợ là có kẻ cách vách thấy nghe nên dùng sự canh phòng cẩn mật.

Than ôi! Sao lại phải khó nhọc như vậy? Nếu là phép Phật chân chánh, thì cứ việc khua chuông, gióng trống, lên thêm nhóm cả Đại chúng, bày tòa diễn giảng, khai thị rõ ràng. Há có lẽ giấu giếm như vậy sao? Chỉ lo không truyền bá được rộng rãi, lẽ nào lại sợ nhiều người được biết?

Do nơi thờ phụng tà ma, nên đi đến chỗ dối người, dối mình. Năm này qua năm khác, họ có nhiều hình thức, gây xáo động nhà người khác, những ai có lòng tin mà chẳng rõ, chẳng biết nên cùng đua nhau chạy theo đường ma.

Ôi! Chỉ dối người ở bước đầu thì còn có thể tha thứ, họ lại còn nói bậy rằng Lục tổ có dạy: “*Thà độ muôn ngàn kẻ tục, chẳng độ nửa ông tăng cửa không.*”⁽¹⁾ Bọn người như vậy chẳng những lừa dối những người đời sau, còn là

⁽¹⁾ Nguyên văn đoạn biện luận này trích ở *Lô sơn Liên tông bảo giám niệm Phật chánh luận* (廬山蓮宗寶鑑念佛正論), quyển 10, trong phần *Biện minh Tào Khê lộ* (辯明曹溪路). Hai câu được cho là do Lục tổ nói ở đây quả là không thấy trong kinh *Pháp bảo đàn* cũng như trong bất cứ bộ ngữ lục nào của Thiền tông.

vu oan cho các thánh đời trước. Há chẳng nghe thiền sư Vĩnh Gia⁽¹⁾ dạy rằng:

*Đèn pháp thấp lên từ Ca-diếp.
Hai mươi tám Tổ cõi Tây thiên.
Truyền pháp sang đông đến cõi này,
Bồ-đề Đạt-ma là Sơ tổ.
Sáu đời truyền nói ai cũng rõ,
Người sau được đạo nhiều vô số.*

Như vậy, há có cái lý độ kẻ tục mà chẳng độ người xuất gia hay sao? Lời ấy thật là hủy báng Tam bảo, làm bại hoại nền nếp tông môn, làm việc tà, phạm luật cấm. Một ngày kia việc đã rõ ràng, lẽ trời khó dung tha. Khi sống ắt bị pháp luật trừng trị, lúc thác rồi đọa địa ngục Vô gián, cho đến một ngàn đức Phật lần lượt ra đời cũng chẳng nhận cho họ sám hối. Vì sao vậy? Khi chịu tội trong địa ngục Vô gián đã hết, lại đọa vào các địa ngục khác. Đến khi nghiệp địa ngục hết rồi, lại chịu nghiệp súc sanh, ngựa quỉ, trôi lăn khổ não, không có lúc nào dừng nghỉ. Quả thật là:

*Muốn khởi rơi vào ngục Vô gián,
Xin đừng báng bổ pháp Như Lai.*

Thánh nhân dạy rằng: “Nhìn thấy một điều sai trái như tên xuyên qua tim; nghe biết một điều sai trái, như dùi đâm thủng tai. Hãy mau mau tránh xa, chớ nhìn, chớ nghe những điều ấy. Mỗi người nên tự quán xét tâm mình, không được buông thả.”

⁽¹⁾ Túc thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác (永嘉玄覺), tác giả *Chứng đạo ca* (證道歌) rất nổi tiếng trong Thiền tông. Đoạn trích ở đây là lấy từ sách này.

Này các vị! Những kẻ tà đạo ấy, chỉ vì nghiệp ác từ đời trước nên sanh ra gặp phải tà sư. Nỗ lực làm lành rất khó, trừ dứt tâm ác không dễ. Huống chi những kẻ lầm lạc trong đời này có rất nhiều hình thức. Nay chỉ xin nói qua một số để phá tan sự nghi ngờ cho người học đạo.

Có hạng tà sư mạo xưng là học đạo của ngài *Đạt-ma*, dạy người học đạo chỉ quan sát chữ *Phật* (佛) với chữ *vô* (無) và vận dụng hơi thở vào ra. Họ lại dạy người gắng sức đưa hơi thở lên cao, ép hơi lên đỉnh đầu, bảo đó là phép tinh luyện,⁽¹⁾ cần dưỡng mãnh gia công. Những người ấy đều là tà kiến ngoại đạo, cho dù trải qua vô số kiếp cũng chẳng thoát khỏi luân hồi.

Lại có hạng tà sư dạy rằng vùng đan điền⁽²⁾ là cõi nước Cực lạc, là nơi trú ngụ của chư Phật, dạy người học phải quán chiếu nơi ấy, nắm bóp xoa nắn, dời tinh chuyển khí, đưa qua ba cửa,⁽³⁾ nói là trở về nguồn cội, thấy tánh thành Phật. Nghe được một tiếng dội trong bụng, họ nói đó là sáu thứ chấn động,⁽⁴⁾ là tiếng sư tử hống. Hạng người như vậy đến già thành ma, chìm mãi trong đường qui.

Lại có hạng tà sư chẳng rõ danh hiệu cao cả của Đại Thánh,⁽⁵⁾ chẳng biết công đức của việc niệm Phật, dạy

⁽¹⁾ Nguyên văn dùng *tráo ly* (茱萸) chỉ cái sàng, cái rổ hay cái vớt đan bằng tre, dùng để sàng gạo, hoặc tách riêng các loại hạt lớn, nhỏ.

⁽²⁾ Đan điền: Những người luyện chân khí theo Đạo gia cho rằng từ lỗ rốn trở lên ba tấc (khoảng 12 cm) là *thượng đan*, từ lỗ rốn trở xuống ba tấc (khoảng 12 cm) là hạ đan. Cả vùng quanh rốn gọi chung là đan điền.

⁽³⁾ Ba cửa (tam quan), cũng là một khái niệm của Đạo gia. Theo họ thì mắt là cửa trời (thiên quan), tay là cửa người (nhân quan), chân là cửa đất (địa quan), gọi chung là ba cửa.

⁽⁴⁾ Sáu cách chấn động (Lục chủng chấn động): 1. động (động cựa), 2. khởi (vùng dậy), 3. dộng (phun ra); 4. chấn (vang dội), 5. hống (gào lên), 6. kích (đánh ra). Ba cách trước là biến hóa về hình thể, ba cách sau là biến hóa về âm thanh.

⁽⁵⁾ Tức là đức Phật A-di-đà.

người những việc xằng bậy chẳng liên quan như quẻ Khảm là nam, quẻ Ly là nữ... Họ đem sáu chữ *Nam mô A-di-đà Phật* mà giải thích thành sáu thứ khác nhau,⁽¹⁾ đối gạt kẻ mê lầm, khinh mạn Đại Thánh. Tội ấy đồng với tội cắt xẻ thân thể Phật hay làm thân Phật chảy máu.⁽²⁾ Hạng người như vậy, cả thầy lẫn trò đều đọa vào địa ngục.

Lại có hạng tà sư tự xưng là dạy pháp môn đốn ngộ, bảo người tu chẳng cần niệm Phật. Họ giải thích sai lệch lý âm dương, cởi áo nằm ngửa mà quán lẽ không. Họ lại chỉ hai đường dọc theo xương sống mà nói rằng đó là phái Tào Khê.⁽³⁾ Họ dạy người ta co chân vận khí, mạo xưng là phát quang lớn. Những chuyện lớn nhỏ bịa đặt như vậy đều là kế sanh nhai của bọn ma quỷ. Họ chẳng biết rằng chư Phật đều đã từng tích chứa công đức mà thành, há chỉ dựa theo chỗ không mà thành Phật được sao? Phật pháp còn bị cảnh trần che lấp, há có thể ở nơi lý âm dương? Những người như thế làm bạn với ma, trầm luân mãi mãi.

Lại có hạng tà sư dối truyền 108 chữ gọi là 108 hạt châu *ma-ni*.⁽⁴⁾ Họ đặt tên cho các đốt xương trên khắp

⁽¹⁾ Chẳng hạn như, có khi họ giải thích rằng: *Nam* là trời, *Mô* là đất, *A* là cha, *Di* là mẹ, *Đà* là vua, *Phật* là thầy...

⁽²⁾ Tức là một trong năm tội nghịch (*ngũ nghịch tội*), gồm có: 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết *A-la-hán*, 4. Phá hòa hiệp tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu.

⁽³⁾ Một số người luyện phép tu tiên, tin rằng khi nín hơi ngồi lặng, tự nhiên sẽ có một điểm chân khí linh quang diệu minh xuyên qua hai đường dọc xương sống, thấu lên đỉnh đầu, thông vào tim, cật, trên suốt tới *thiên cốc*, dưới đạt tới *khúc giang*. Nhưng đó là ảnh hưởng thuật Du-già ở Ấn Độ ngày trước, không phải do phái Tào Khê của Lục tổ Huệ Năng truyền dạy.

⁽⁴⁾ *Ma-ni* châu (摩尼珠), phiên âm tiếng Phạn là *cintāmaṇi*, dịch nghĩa là như ý châu hay như ý bảo châu. Người niệm Phật thường dùng xâu chuỗi có 108 hạt để lần tay khi niệm Phật, mỗi câu niệm lần qua một hạt. Vì thế, xâu chuỗi ấy được xem như biểu trưng cho việc niệm Phật, được người ta quý trọng mà gọi là 108 hạt châu *ma-ni*.

thân mình: trên, dưới, tả, hữu đều có biểu pháp; họ khiến người ta lặn hết các đốt xương ấy một bận, gọi là bằng với công phu một buổi tham thiền! Tuy họ quỳ lạy mặt trời, mặt trăng, sao Bắc đẩu, nhưng cũng chẳng nghiêm chỉnh y phục, hoặc lỏa lồ thân hình, hoặc mặc áo nhẹ mỏng hở hang. Họ chẳng kính tổ tiên, cha mẹ, ngăn cản người cúng Phật, trai tăng. Họ nói ngang ngược rằng: “Phật đất chẳng qua được nước, Phật gỗ chẳng qua được lửa, tượng vàng, tượng bạc, tượng đồng cũng chẳng qua được lò nung. Kinh điển là dây sắn, dây bìm, chẳng cần đọc tụng.” Họ khinh Phật, ngạo Pháp dường ấy, chỉ làm chuyện bậy bạ mà thôi. Giá như người người đều giống Đan Hà mới cho thiêu Phật,⁽¹⁾ nơi nơi đều là Bách Trượng, mới nên nói không.⁽²⁾ Còn như chưa được như vậy thì đọa vào địa ngục trong chớp mắt.

Lại có hạng tà sư bịa đặt ra nhiều pháp, dạy bậy là phải tu cả tánh và mạng, xưng là Đại đạo Kim đan,⁽³⁾ đối

⁽¹⁾ Đan Hà, tức là thiền sư Đan Hà Thiên Nhiên. Một hôm ngài ghé lại chùa Bảo Lâm, nhằm tiết đông lạnh lẽo, liền lấy một tượng Phật gỗ chẻ ra đem đốt đặng sưởi ấm. Thấy trụ trì thấy vậy thấy vậy hỏi duyên cớ, ngài nói: “Ta đốt lấy xá-ly đó.” Thấy trụ trì hỏi: “Phật gỗ làm sao có xá-ly?” Ngài Đan Hà nói: “Vậy thỉnh thêm một vị nữa.” Thấy trụ trì bỗng nhiên rụng cả râu và lông mày. Nên biết việc làm của ngài Đan Hà là nhằm phá bỏ những kiến chấp của người tu vào hình tướng mà quên mất yếu tố tự tâm, chứ thật ra không hề bài xích chuyện thờ kính hình tượng Phật.

⁽²⁾ Bách Trượng, tức là thiền sư Bách Trượng Hoài Hải. Vì ngài tu tại núi Bách Trượng nên thường gọi là Bách Trượng Đại sư. Ngài đắc Pháp với Mã Tổ Đạo Nhất, sau dựng tông lâm, đặt qui cũ. Phàm những ai đến hỏi đạo đều lấy một chữ Không để dẫn dắt.

⁽³⁾ Đại đạo Kim đan: một khái niệm của Đạo gia. Phái này tin rằng người tu luyện Kim đan nên trở lại nguồn cội, khôi phục bản tánh, có thể làm cho long, hổ về ở trong vạc luyện thuốc, khiến tánh mình hợp với việc làm. Họ cho rằng, long từ trong lửa ra, hổ từ trong nước sanh. Long, hổ giao nhau, liền thành một khí chân nguyên, làm nên luyện đan. Trước ngưng thần ở hỗn độn, sau tịch diệt hàm không, là đạo mâu nhiệm của đệ nhất Kim đan. Đây chỉ là niềm tin và lập luận của Đạo gia, chẳng liên quan gì đến chánh giáo của Phật.

gạt những người thế gian có lòng tin. Họ chẳng biết đến sự tham cứu chân chánh, chứng ngộ đích thật, chỉ chạy theo việc hành trì quỷ quái, lấy mười hai tháng trong năm gọi là mười hai độ công phu; lấy mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý gọi là chư Phật, Bồ Tát; lấy da, thịt, mạch máu, đốt xương, gọi là Tám bộ thiên long.⁽¹⁾ Khi bên tai chợt nghe có tiếng, liền gọi đó là quả vị Thanh văn, La-hán. Khi trước mắt chợt thấy tối tăm ma mị, liền gọi đó là tô vẽ không thành cảnh giới. Hoặc thấy cát bằng vàng đầy đất, hoặc thấy hoa sen báu ngàn cánh, hoặc thấy lầu đài, cung điện, hoặc thấy sư tử, voi chúa, hoặc thấy rồng ngâm, cọp gầm, hoặc thấy mặt trời, mặt trăng đều sáng, hoặc thấy chư Phật mười phương, hoặc thấy trăm ức Hóa thân lại tự nhận là Thích-ca, Di-đà, tiếm xưng là đấng Vô thượng Pháp vương! Những người như thế, vĩnh viễn đọa nơi địa ngục, chẳng có ngày ra.

Lại có hạng tà sư luyện thành huyền thuật, hoặc ngồi lặng tưởng thâm, kéo dài lâu năm chiêu cảm một loài tinh linh quỷ quái đến nhập vào tâm họ. Do đó họ có tài đàm luận, liền khoe khoang rằng: “Ta có ngũ nhãn,⁽²⁾ lục thông,⁽³⁾ biết được quá khứ, vị lai.” Rồi họ nói bậy những việc lành, dữ, họa, phước chốn nhân gian; ngày nay nói rằng có người này lại, ngày mai lại bảo có việc kia đến. Thấy nhà nào có tai họa thì nói dối rằng có thể trừ được.

⁽¹⁾ Tám bộ thiên long (thiên long bát bộ): Tám loài chúng sanh, bao gồm: 1. Chư thiên ở các cõi trời, 2. Loài rồng, 3. Loài Dạ-xoa, 4. Loài Càn-thát-bà, 5. Loài A-tu-la, 6. Loài Ca-lâu-la, 7. Loài Khẩn-na-la, 8. Loài Ma-hầu-la-già.

⁽²⁾ Ngũ nhãn: Năm thứ mắt, gồm có 1. Nhục nhãn, 2. Thiên nhãn, 3. Huệ nhãn, 4. Pháp nhãn, 5. Phật nhãn.

⁽³⁾ Lục thông: Sáu phép thần thông, bao gồm: 1. Thiên nhãn thông, 2. Thiên nhĩ thông, 3. Túc mạng thông, 4. Tha tâm thông, 5. Thần túc thông, 6. Lậu tận thông.

Đó là vì tham cầu tài lợi. Họ còn dám tự xưng là Phật này, Phật nọ ra đời để cứu độ những kẻ tin theo. Họ dạy người chẳng cần phải kiên trì trai giới, chẳng cần phải lễ thầy nào khác, chỉ cần cúng dường cho họ, họ sẽ dạy cho tự nhiên thành Phật. Có những kẻ ngu si, ngưỡng mộ và tin sâu đến tận xương tủy, gần xa tìm về theo họ. Nhân đó nhóm họp đông đúc, chuyên làm những việc sai trái. Những người như vậy, vĩnh viễn là quyến thuộc của ma, mãi mãi tạo nhân địa ngục.

Trong kinh Lăng Nghiêm có dạy rằng: “Những người tu hành, nếu chẳng dứt dâm dục, sát hại, trộm cướp, nói dối mà muốn đắc đạo thì cũng như nấu cát làm cơm, dầu trải qua vô số kiếp, rốt cuộc cũng chẳng bao giờ thành được.”

Này các vị! Nếu học kinh Lăng Nghiêm sẽ rõ biết hết thấy các hạng tà ma ngoại đạo.

Lại có hạng thầy dốt nát, tuy dạy người niệm Phật *A-di-đà* mà chẳng rõ thông đạo lý cao sâu của Phật tổ, nói những điều rối loạn mỗi đạo, chẳng biết hướng về Tịnh độ, chẳng phát chánh nguyện vãng sanh, chỉ tham cầu được giàu sang trong đời tới. Họ chẳng biết rằng giàu sang cũng có kỳ hạn, khi hết phước vẫn phải luân hồi, nhiều kiếp bị trôi lăn trong các đường ác. Những người như vậy thật đáng đau xót, đáng thương thay!

Lại có hạng thầy dốt nát, chẳng dạy người công án niệm Phật. Mở trường họp chúng dạy việc ngồi thiền tham cứu. Đường lối đã chẳng biết, lại bày ra lắm bậc công phu. Ngày này sang ngày khác chỉ toàn là nói thiền nói đạo. Hôm nay thân thể nặng nề, hôm qua thân thể nhẹ nhõm. Hoặc nín được hơi thở, liền nói là tinh tấn. Hoặc mửa ra

đàm huyết, liền nói là khử trần. Hoặc ngồi mê như chết, liền nói là thiền định. Hoặc té ngã nhảy nhót, liền nói là phát dương. Hoặc trong mắt thấy có Phật vây quanh thuyết pháp, hoặc tai nghe tiếng nhạc tùy ý thỏa thích. Những người như thế, năm tháng trôi qua uổng phí, cô phụ tánh linh, phải chịu luân hồi mãi mãi, không do đâu mà được giải thoát.

Than ôi! Tham thiền học đạo vốn là vị *đề-hồ*⁽¹⁾ ngon quý, gặp phải những hạng người ấy lại hóa thành thuốc độc! Há chẳng nghe các đời tổ sư đều chỉ thẳng tâm tông, thấy tánh thành Phật hay sao? Người mê chẳng biết tự tâm là Phật, khá thương lắm thay!

Chỉ vì chúng sanh căn tánh cao thấp khác nhau, việc chứng ngộ cũng nhanh chậm khác nhau, nên chư Phật Tổ mới bày ra vô số phương tiện, thí dụ thuyết pháp. Như người đời không ngộ được lẽ đạo thì những việc ấy có ích gì? Lại bị tình trần buộc trói, trôi lăn trở lại trong chốn luân hồi. Bấy giờ ăn năn cũng đã muộn rồi!

Nay khuyên những người học đạo, như không đủ sức đốn ngộ thì hãy giữ chặt lấy một câu *Nam mô A-di-đà Phật*, luôn luôn nhớ đến, nghĩ đến, luôn luôn tỉnh giác chiếu soi. Vì sao vậy? Trong lúc tu niệm cho dù chưa được ngộ đạo, nhưng lúc mạng chung sẽ được vãng sanh vào hàng Thượng phẩm. Đã được vãng sanh, còn lo gì không ngộ đạo?

Này các vị! Nên biết là chỉ một pháp môn niệm Phật quả thật vượt hơn hết thấy các pháp môn khác. Sách *Liên tông bảo giám* có dạy rằng: “Tin theo các pháp môn khác

⁽¹⁾ *Đề-hồ*: món ăn được tinh chế từ sữa bò tươi, được xem là ngon và quý nhất trong các món được làm ra từ sữa.

mà học đạo như kiến bò lên núi cao, còn pháp môn Tịnh độ vãng sanh như thuyền buồm xuôi dòng thuận gió. *Di-đà* tiếp dẫn, thẳng tới *Bồ-đề*, các thánh dắt dìu, vượt ra ngoài ba cõi. Hàng *Thượng phẩm* liền lên quả Phật, dù *Hạ sanh*⁽¹⁾ cũng hơn cõi trời. Xin mọi người đừng nghi ngờ, cùng nhau tu hành tiến lên địa vị Bất thối.

Như người muốn sanh về Tịnh độ, nên chuẩn bị hành trang. Hành trang là những gì? Đó là ba món: đức tin, đạo hạnh và chí nguyện. Có đủ ba món ấy, ắt được sanh về Tịnh độ. Sách *Liên tông bảo giám* có dạy rằng:

*Từ đây sang phương Tây,
Mười muôn dặm xa thay!*

⁽¹⁾ Trong Cửu phẩm vãng sanh thì Thượng phẩm thượng sanh là bậc cao nhất, còn Hạ phẩm hạ sanh là bậc thấp nhất. Đây lấy bậc cao nhất và thấp nhất để chỉ rõ chỗ thù thắng của pháp môn Tịnh độ cầu vãng sanh.

勸發真正大願決定往生說

慈照宗主云。有行無願，其行必孤。有願無行，其願必虛。無行無願，空住閻浮。有行有願，直入無爲。此乃佛祖修淨業之根本也。

何以故。理由智導。行由願興。行願得均。理智兼備。夫願者，樂也欲也。欲生西方

*Hành trang chuẩn bị đủ,
Lo gì chẳng đến ngay?*

Thế Chí Viên Thông⁽¹⁾ có dạy rằng: “*Nhớ Phật, niệm Phật, ngay trong đời này hoặc đời sau, chắc chắn được thấy Phật.*” Nhớ Phật, niệm Phật, nghĩa là trong tâm nhớ nghĩ không lúc nào gián đoạn. Được như vậy thì ngay trong đời này được thấy Phật hiện ra trước mắt, hoặc trong đời sau được nhìn thấy Phật.

Cho nên, tinh tấn hay giải đãi cũng đều do ở chính mình. Chỉ cần có lòng tin chắc thì những gì đã nói đều không sai dối.

⁽¹⁾ Đây là đoạn trích từ sách *Lạc bang văn loại* (樂邦文類), phần *Thủ Lăng Nghiêm Kinh Thế Chí hoạch niệm Phật viên thông* (首楞嚴經勢至獲念佛圓通), soạn giả gọi tắt là Thế Chí viên thông.

Khuyến phát chân chánh đại nguyện, quyết định vãng sanh thuyết

TồChieá Tông Chuáivân: Hôũ hành vônguyềñ, kyõhành táí coá Hôũ nguyềñ vôhành, kyõnguyềñ táí hõ. Vôhành vônguyềñ, không trui dieãm phuõ Hôũ hành hôũ nguyềñ, trở nhạp vôvi. Thõũnaõ Phaĩ Toátu tồnh nghiệp chi cầñ boáñ dàõ

Hãđó cở Lyùdo trí ñãõ. Hành do nguyềñ hõng. Hành nguyềñ ñãe quañ. Lyùtrí kieãm bò. Phuõnguyềñ giaũ nhãõ dàõ dưõ dàõ Dũc sanh Tây phõng Tônh ñõạ nhãõ kieãm A-di-đà

淨土，樂見阿彌陀佛。必須發願，方得往生。
若無願心，善根沈沒。

華嚴經云。不發大願魔所攝持。一切佛華
從大願起。欲成無上道故，須得願波羅蜜。所
以普賢廣無邊願海，彌陀有六八願門。是知十
方諸佛上古先賢，皆因願力，成就菩提。

智度論第八卷，問曰。諸菩薩行業清淨，自
得勝報。何必要立誓願，然後得之。且如田家
得穀，豈復待願耶。

答曰。作福無願，無所標立。願為導御，
能有所成。如佛所說。若人修少福少戒，不知
解脫正因。聞說人天之樂，心常願樂。命終
之後，各生其中，此皆願力所致。菩薩求生淨
土，在乎志願堅強，然後得之。

又云。雖修少福，有願力故，得大乘報。

大莊嚴論云。佛國事大，獨行功德不能成
就。要修願力資助，方得往生，隨願見佛。

Phaĩ. Taĩ tu phat̃ nguyẽn, phõng ñaé vaõng sanh. Nhõõc
voànguyẽn tâm, thiẽn cãn trãm moĩ.

Hoa Nghieãm kinh vaãn: Baĩ phat̃ ñaĩ nguyẽn ma sôũnhiep̃
tri. Nhaĩ thiẽt Phaĩ hoa tung ñaĩ nguyẽn khôũ. Duĩ thanh
voãthõõng ñaõ coá tu ñaé nguyẽn ba-la-maĩ. Sôũdó PhoãHieãn
quaõng voãbieãn nguyẽn haũ, Di-đà hõũ luĩ baũ nguyẽn moãn.
Thõ tri thaþ phõõng chõ Phaĩ thõõng coãtieãn hieãn, giai nhaãn
nguyẽn lõc, thanh tõũ Bõ-đẽ.

Trĩ Nõãluaãn ñeãbaũ quyẽn vaãn vieĩ: Chõ BoãTaũ hãnh
nghieþ thanh tõnh, tõĩ ñaé thaõng baũ. Haõtaĩ yeũ laþ theã
nguyẽn nhieãn haũ ñaé chi? Thaũnhõ ñieãn gia ñaé coã, khôũ
phuĩ ñaõ nguyẽn da?

Ñãp vieĩ: Taũ phõõc voànguyẽn, voãõũphieũ laþ. Nguyẽn
vi ñaõ ngõĩ naõng hõũ sôũthanh. Nhõ Phaĩ sôũthuyeĩ: Nhõõc
nhaãn tu thiẽu phõõc tieũ giõũ, baĩ tri giaũ thoã chãnh nhaãn,
vaãn thuyeĩ nhaãn thiẽn chi laĩ, tâm thõõng nguyẽn nhaõ.
Maõng chung chi haũ, cãn sanh kyõtrung, thõũgiai nguyẽn
lõc sôũtri. BoãTaũ cãn sanh Tõnh ñõã taĩ hoãchĩ nguyẽn kieãn
cõõng, nhieãn haũ ñaé chi.

Hõũ vaãn: Tuy tu thiẽu phõõc, hõũ nguyẽn lõc coãñaé
Ñaĩ thõã baũ.

Ñaĩ Trang Nghieãm luaãn vaãn: Phaĩ quoaĩ ñaĩ sõĩ ñõã hãnh
coãng ñõũ baĩ naõng thanh tõũ. Yeũ tu nguyẽn lõc tõ trõĩ
phõõng ñaé vaõng sanh, tuy nguyẽn kieãn Phaĩ.

阿彌陀經云。若有信者，應當發願，願生彼國。

華嚴，行願品云。是人臨命終時，最後剎那，一切諸根悉皆散壞，一切親屬悉皆捨離，一切威勢悉皆退失。乃至象馬車乘，珍寶伏藏，如是一切無復相隨。唯此願王不相捨離。於一切時引導其前，一剎那中即得往生極樂世界。

由此推之，宜當時時發願，樂慕往生，日日禱祈，勿令退失。

故云。法門廣大，無願不從。是以佛隨人之心，滿人之願也。

嗟乎。備觀今時信人，歸投佛會。或為病苦而發心，或為報親而舉意，或為保扶家宅，或為怖患持齋。雖有信心，而無行願。雖云念佛，不達本根。

凡修善緣，皆為了還心願。罕有為自己生死，發願念佛求生淨土者，往往香燭道場。祝願回向之辭，皆是表獻神明，消災延壽而已。

A-di-dà kinh vaân: Nhôôt hōũ tín giaũ òng ñông phat̃ nguyēñ, nguyēñ sanh bəquốá.

Hoa Nghieâm, Hănh Nguyēñ phăm vaân: Thò nhăn lâm maĩng chung thōũ, toá haũ saũ-na. Nhaá thieá chõ caũ, táı giai taũ hoai. Nhaá thieá thaũ thuoũ, táı giai xaũly. Nhaá thieá oai theátáı giai thoá thaá. Naũ chí tōõng maõxa thōũ, traũ baũ phuĩ taĩng, nhõ thò nhăá thieá voũphuĩ tōõng tuy. Duy thōũnguyēñ vōõng, baá tōõng xaũly. Ō nhaá thieá thōũ, daũ ñăũ kyotieũ. Nhaá saũ-na trung tōũ ñăũ vaũg sanh Cōũ laĩ theágiōũ.

Do thōũsuy chi, nghi ñông thōũ thōũ phat̃ nguyēñ, nhaũ moãvaũg sanh. Nhaũ nhaũ ñăũ kyũ vaũ linh thoá thaá.

Coávaân: Phap̃ moãn quăng ñăĩ, vônguyēñ baá tung. Thò dó Phaĩ tuy nhăn chi taũn, maũ nhăn chi nguyēñ daũ

Ta hoá Bò quăm kim thōũ tín nhăn, quy ñăũ Phaĩ hoá. Hoaẽ vò beũh khoãnhi phat̃ taũn, hoaẽ vò baũ thaũ nhi cōũ yũ Hoaẽ vò baũ phoũgia traũch. Hoaẽ vò boáhoãn trũ trai. Tuy hōũ tín taũn, nhi vōhănh nguyēñ. Tuy vaũn nieũn Phaĩ, baá ñăũ boãn caũ.

Phăm tu thieũn duyēñ, giai vò lieũ hoãm taũn nguyēñ. Hănh hōũ vò tōũ kyũsanh tōũ phat̃ nguyēñ nieũn Phaĩ caũ sanh Tònh ñoãgiaũ vaũg vaũg hōõng chuũ ñăũ trang. Chuũ nguyēñ hoá hōõng chi tōũ giai thò bieũ hieũn thaũn minh, tieũ tai dieũn thōĩnhĩ dó.

故與經懺本意相違，不合諸佛本願。縱使一生修誦，不明理趣，錯用工夫。是謂終日數他寶，自無半錢分也。臨終所以不得往生淨土者，蓋無行願故也。

又有一等癡人，投佛受戒，乃於三寶前焚香誓願云。我若破戒，甘當惡病纏身，永墮地獄。或言。左眼出血，右眼出膿，自肯自甘，自願受報。多見有口無心，破齋犯戒。殃禍及身受諸惡報。或現世遭王法，官司。或死去墮三塗地獄。

嗚呼。殊不知佛祖，興慈運悲，何常教人如此。皆是邪師過謬，錯將罰呪，以為發願耳。何惑之甚哉。余常愍念，勸令同發正願，求生淨土。願同作佛。

彼則曰。我是凡夫，豈敢望生淨土，要做佛耶。我有此心，又成妄想。

余應之曰。不然。善知識。佛，是覺也。淨土，是心也。此心，誰不有之。覺則佛也。迷則眾生也。世人背覺合塵，輪迴三界四生六

Coáđöökinh saim boai yütöông vi, baá hiệp chö Phaá boai nguyêñ. Tuông söñhaá sanh tu tuông, baá minh lyùthuì thoá duông coâng phu. Thò vò chung nhaá soátha baù, töi vôabai tiêñ phaân daõ Laím chung söúđó baá ñaé vaông sanh Tònh ñoã giaü cái vôahaih nguyêñ coádaõ

Höü höü nhaá ñaúng si nhaân, ñaü Phaá thoi giöü. Naõ ö Tam baù tiêñ phañ höông theänguyêñ vañ: Ngaõnhöör phaü giöü, cam ñöông àü beñh triêñ thañ, vónh ñoã ñoã nguë. Hoaë ngoân tañhañ xuaá huyeá, höü nhañ xuaá noàng, töi khang töi cam, töi nguyêñ thoi baù. Ña kieñ höü khai vô tañ, phaürai phañ giöü. Öông hoã caü thañ thoiçhö àü baù. Hoaë hiêñ theátao vôông phaü, quan ty, hoaë töükhöüñoã tam ñoãñoã nguë.

Oãhoá Thuobaá tri Phaá Toá höng tövavñ bi, hasthöông giaü nhañ nhö thöü Giai thò taosö quaümaü, thoátöông phaü chuüđó vi phaü nguyêñ nhó. Haçhoaë chi thañ tai. Dö thöông mañ nieñ, khuyeñ linh ñoàng phaü chàñh nguyêñ cái sanh Tònh ñoã nguyêñ ñoàng taü Phaá.

Baéaé vieá: Ngaõthò phañ phu, khöü cam vöng sanh Tònh ñoã yeü toáPhaá da? Ngaõhöü thöütañ, höü thanh vöng töông.

Dö öng chi vieá: Baá nhieñ. Thiêñ tri thöü! Phaá, thò giaü daõ Tònh ñoã thò tañ daõ Thöütañ, thay baá höü chi. Giaü taé Phaá daõ meátaé chùng sanh daõ Theañhañ boá giaü hiệp trañ, luañ hoã tam giöü töüsinh lüç ñaõ. Thiêñ àü nghiêp

道。善惡業緣，受報好醜。皆因妄認四大爲我身，六塵爲實有。隨他幻境，日夜流轉。未常暫省回光，齋戒念佛。

從生至老，唯憂家緣不辦，財不稱心。愈多愈求，愈貪不足。雖日積善，奉佛禮拜，作福燒香。只願富貴榮華，長生不死。纔做些小好事，便有伏願數般。要保穀米盈倉，蚕蠶絲倍萬，子孫光顯，牛馬孳生。纔有一不如意，便怨佛不保全。日日財喜增漆，始道天龍感應。如此貪謀正是妄想。

卻言念佛求生淨土之說，作妄想者，豈不大顛倒乎。凡曰作福盡屬有爲。蓋世間有漏之因，非出世無爲之道。

修行佛子，宜善思惟。今日有緣得逢佛法。當須究本莫競枝條。一念回光，修出世法。願捨娑婆，願生淨土。亦如久客在於他鄉，思欲歸于故里也。此願生淨土，願作佛之心，豈可同凡夫妄想哉。

不見懺中云。

duyên thời baò haò xuê Giai nhân võng nhai tounai vi ngaõ thân. Lũc trau vi thai hoi. Tuy tha huyen camh, nhai dai lou chuyen. Vô thong tam tinh hoai quang, trai giou niem Phai.

Tung sanh chi lao, duy ou gia duyen bai bien, tai bai xomg tam. Duõna duõcaai, duõtham bai tuu. Tuy nhai tích thien, phung Phai leabai, tai phoiu thien hong changuyen phuiquyuvinh hoa, troõng sanh bai tou Tai toata tien haõ soõ tien hoi phur nyuen soabang. Yeai bau coa meãdoanh thong, tam ty bai van, touõn quang hien, ngou maõto sanh. Tai hoi nhai bai nhõ yu tien oam Phai bai bau toam. Nhai nhai tai hyutaeng tai, thuy nãb thien long cam ong. Nhõ thõutham mou chanh thõ võng toõng.

Khoõu ngoan niem Phai cai sanh Tonh noachi thuyai, tai võng toõng giãu khõu bai nai niem nãb hoõ Pham viei tai phoiu tam thuõ hoi vi. Cam theagian hoi lai chi nhan, phi xuai theavoavi chi nãb.

Tu hanh Phai tou nghi thien to duy. Kim nhai hoi duyen nae phung Phai phap. Nõõng tu cou boan maõ camh chi niem. Nhai niem hoai quang, tu xuai theaphap, nyuen xauTa-baõ nyuen sanh Tonh noã Dieõ nhõ cou khach tai õ tha hong, to duõ quy vu coalyudaõ Thõunguyen sanh Tonh noã nyuen tai Phai chi tam, khõu khauthõõõõng pham phu võng toõng tai?

Bai kien sam trung van:

願我臨欲命終時，
盡除一切諸障礙。
面見彼佛阿彌陀，
即得往生安樂刹刹。

者是也。可謂。

一朝踏著來時路，
始覺從前錯用心。

8. Khuyên người phát nguyện chân chánh, quyết định vãng sanh⁽¹⁾

Ngài Từ Chiếu Tông chủ⁽²⁾ dạy rằng: “Có hạnh, không nguyện, hạnh ấy ắt là không thành. Có nguyện, không hạnh, nguyện ấy ắt là yếu ớt. Không hạnh, không nguyện, ở mãi chốn Diêm-phù vô nghĩa. Có hạnh,

⁽¹⁾ Bài trước chỉ rõ các lẽ chánh tà, giúp cho người tu hành chân chánh quyết định dứt nghi, phát khởi chánh nguyện. Bài này khuyên lấy sự chánh nguyện vững bền, mạnh mẽ để được vãng sanh.

⁽²⁾ Từ Chiếu Tông chủ, hiệu Tử Nguyên, cao tăng đời Nam Tống, sáng lập Bạch Liên tông, người đất Côn Sơn, Bình Giang. Ngài họ Mao, nên cũng được gọi là Mao Tử Nguyên, trước có tên là Phật Lai, hiệu là Vạn Sự Hư. Từ nhỏ đã theo học với ngài Chí Thông ở chùa Diên Tường, thường tụng đọc kinh Pháp Hoa. Năm 19 tuổi cạo tóc xuất gia, tu tập pháp thiền chỉ quán. Sau đó hâm mộ giáo pháp Tịnh độ của ngài Huệ Viễn ở Lô sơn truyền lại, rộng khuyên mọi người quy y Tam bảo, thọ trì Ngũ giới, niệm Phật A-di-đà. Sau đến núi Vu Diển sáng lập Bạch Liên sám đường, tu tập và truyền giảng pháp môn Tịnh độ. Không rõ năm sinh, chỉ biết ngài viên tịch năm 1166, niên hiệu Long Hưng thứ 4 đời Tống Hiếu Tông.

Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời.
Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại.
Diện kiến bỉ Phật A-di-đà.
Túc đắc vãng sanh An Lạc sát.

Giaùthò daõ Khaùvò.

Nhất triều đạp trước lai thời lộ.
Thủy giác tùng tiền thố dụng tâm.

có nguyện, thẳng nhập vào cõi vô vi. Đó là cái căn bản tu nghiệp thanh tịnh của chư Phật Tổ.

Vì sao vậy? Lý do trí dẫn đường, hạnh do nguyện khởi lên. Hạnh và nguyện được như nhau thì lý và trí đều gồm đủ.

Nguyện tức là điều ưa thích, mong muốn. Như mong muốn được sanh về cõi Tịnh độ phương tây; ưa thích được thấy đức Phật A-di-đà. Cần phải phát nguyện, sau mới được vãng sanh. Nếu không có tâm nguyện, căn lành rồi sẽ tiêu mất.

Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Nếu chẳng phát nguyện lớn, ắt bị ma dắt dẫn.”⁽¹⁾ Hết thầy quả Phật đều do từ

⁽¹⁾ Câu này trích từ quyển thứ 42, phẩm thứ 33 (Ly thế gian phẩm - 離世間品) trong kinh Hoa Nghiêm, gọi đủ là Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (大方廣佛華嚴經).

nguyện lớn khởi lên, nên muốn được quả Vô thượng Bồ-đề, phải có nguyện *ba-la-mật*. Vì vậy, ngài Phổ Hiền khơi rộng biển nguyện vô biên, đức *Di-đà* mở ra bốn mươi tám cửa nguyện. Cho nên biết rằng mười phương chư Phật cho đến thánh hiền xưa nay đều do nơi nguyện lực mà thành tựu *Bồ-đề*.

Luận *Trí độ*, quyển tám,⁽¹⁾ có câu hỏi rằng: “Chư Bồ-đề hạnh nghiệp thanh tịnh, tự nhiên được báo phần hơn, cần gì phải lập thệ nguyện, rồi sau mới được thọ báo? Vả lại, như người làm ruộng tất có lúa, há phải đợi có nguyện hay sao?”

Đáp rằng: “Làm phước không có nguyện, không có chỗ hướng về. Nguyện là sức dẫn dắt, quy hướng, nhờ đó mà thành tựu. Như Phật có dạy rằng: Như người tu hành ít phước, ít giới, chẳng rõ biết chánh nhân giải thoát, nghe nói về sự vui sướng ở cõi người, cõi trời nên thường mong cầu. Sau khi thác đều sanh về những cõi ấy. Đó đều là do nguyện lực dẫn dắt đến. Bồ Tát cầu sanh Tịnh độ là nhờ ở chí nguyện bền vững mạnh mẽ, mới được vãng sanh.” Lại dạy rằng: “Tuy tu ít phước, nhưng nhờ có nguyện lực nên được thọ báo Đại thừa.”

Luận *Đại trang nghiêm* dạy rằng: “Sanh về cõi Phật là chuyện lớn, nếu chỉ nhờ vào công đức thì không thể thành tựu được. Cần phải có nguyện lực giúp vào mới được vãng sanh, do nơi nguyện mà được thấy Phật.”⁽²⁾

⁽¹⁾ Tức là *Đại trí độ luận*. Nhưng nguyên tác bị sai ở đây, vì đoạn này được trích lại từ sách *Liên tông bảo giám*, nhưng sách này lại ghi nhầm, vì thật ra đoạn này trong *Đại trí độ luận* nằm ở quyển 7 chứ không phải quyển 8. Ngoài ra, sách *Liên tông bảo giám* cũng đã lược bỏ một số câu khi trích lại đoạn này từ *Đại trí độ luận*. Xin lưu ý để quý độc giả tiện tra khảo.

⁽²⁾ Đoạn này được trích từ sách *Vạn thiện đồng quy* (萬善同歸集), quyển trung, ghi rõ là trích từ *Đại trang nghiêm luận*. Ngoài ra cũng thấy đoạn trích

Kinh *A-di-đà* dạy rằng: “Như người có lòng tin, nên phát nguyện sanh về cõi ấy.”⁽¹⁾

Kinh Hoa nghiêm, phẩm Hạnh nguyện⁽²⁾ có dạy rằng: “Vào thời khắc cuối cùng trước lúc mạng chung, hết thấy các căn đều hoại mất, hết thấy thân thuộc đều lìa bỏ, hết thấy oai thế đều không còn, cho đến voi, ngựa, xe cộ, của báu, kho tàng đều không còn nữa. Duy chỉ có nguyện lớn là không lìa bỏ, luôn luôn dẫn đường phía trước, nên chỉ trong khoảnh khắc liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.”

Do đó mà suy ra, nên thường xuyên phát nguyện, mong muốn được vãng sanh, ngày ngày đều cầu mong, đừng để thối mất chí nguyện.

Cho nên nói rằng: Pháp môn dù rộng lớn, không có nguyện cũng chẳng theo. Do đó mà Phật tùy theo lòng người, giúp người được như nguyện.

Than ôi! Nhìn khắp những người đời nay có lòng tin theo về cửa Phật, hoặc vì bệnh tật khổ não mà phát tâm, hoặc vì báo ơn cha mẹ mà khởi ý, hoặc vì muốn giữ lấy cửa nhà, hoặc vì sợ tai họa mà ăn chay. Dầu cho có lòng tin, nhưng chẳng có hạnh nguyện; tuy nói là niệm Phật, nhưng không đạt đến chỗ cội gốc của chính mình.

này ở các sách *Pháp uyển châu lâm* (法苑珠林), quyển 16 và Chư kinh yếu tập (諸經要集), quyển 1. Nguyên tác *Quy nguyện trực chỉ* ghi 4 chữ đầu đoạn này là 佛國大事, chúng tôi căn cứ vào sự thống nhất của cả 3 sách vừa dẫn trên để sửa lại là 佛國事大. Như thế hợp lý hơn, vì chữ 大 được dùng như một trạng từ chứ không phải tính từ. Phần dịch nghĩa cũng căn cứ trên sự chỉnh sửa này.

⁽¹⁾ Tức là cõi Cực Lạc, nơi Phật *A-di-đà* đang thuyết pháp.

⁽²⁾ Nói đủ là kinh *Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm* (大方廣佛華嚴經), quyển 40, phẩm *Nhập bất tư nghị giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh nguyện* (入不思議解脫境界普賢行願品).

Phàm những kẻ làm việc thiện đều là mong được thỏa sự mong cầu, hiếm hoi lắm mới có người vì luân hồi sanh tử mà phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Thường khi người ta dâng hương đèn nơi đạo tràng, những lời cầu nguyện đều là hướng đến chỗ bực bạch với thần minh để cầu cho được tai qua nạn khỏi, tuổi thọ dài lâu. Do đó mà trái ngược với ý nghĩa kinh sám, không phù hợp với bản nguyện của chư Phật. Dầu cho trọn đời tu hành tụng niệm cũng chẳng rõ lý thú, vận dụng công phu sai lầm. Cho nên mới nói là: “Suốt ngày tính đếm châu báu của người, còn tự mình chẳng được lấy nửa đồng tiền!” Đến khi lâm chung chẳng được vãng sanh Tịnh độ, đều chỉ là do chẳng có hạnh nguyện mà thôi!

Lại có những kẻ ngu si, khi về thọ giới theo Phật liền đối trước Tam bảo mà dâng hương phát lời thề rằng: “Nếu tôi phá giới, xin chịu bệnh dữ đeo đuổi nơi thân, mãi mãi đọa nơi địa ngục.” Hoặc thề rằng: “Nếu tôi phá giới, xin chịu nơi mất trái chảy máu, mất phải chảy mủ; tự mình cam chịu thọ báo.”

Đã từng thấy nhiều người miệng nói ra như vậy mà lòng không nhớ nghĩ, vẫn phá trai, phạm giới, rồi phải chịu tai ương hoạn họa, thọ các ác báo. Hoặc trong hiện tại chịu sự trừng trị của pháp luật, hoặc khi chết rồi phải đọa vào ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Than ôi! Thật chẳng biết rằng Phật Tổ khởi lòng đại từ bi, có bao giờ dạy người những chuyện như vậy? Đó đều là chỗ lầm lỗi của bọn tà sư, lẫn lộn những thuật chú phạt mà cho là phát nguyện, thật là lầm lẫn biết bao!

Nghĩ mà thương xót, xin khuyên hết thảy mọi người đồng phát chánh nguyện, cầu sanh Tịnh độ, cùng nhau thẳng đến quả Phật.

Hắn có người nói rằng: “Tôi là phàm phu, đâu dám mong cầu sanh về Tịnh độ, được làm Phật hay sao? Nếu mong cầu như vậy, lại thành ra hoang tưởng mà thôi.”

Xin thưa rằng: “Không phải vậy. Này quý vị! Phật tức là giác, Tịnh độ là tâm. Tâm này, ai mà chẳng có? Nếu tâm giác ngộ tức tự mình là Phật, còn khi tâm mê, ấy là chúng sanh. Người đời vì trái với giác, hợp với trần, cho nên phải luân hồi trong ba cõi,⁽¹⁾ sanh ra theo bốn cách⁽²⁾ trong sáu đường.⁽³⁾ Nghiệp duyên thiện ác, thọ báo tốt xấu, đều do nhận lầm bốn đại⁽⁴⁾ là thân, sáu trần⁽⁵⁾ thật có. Vì thế mà nương theo những cảnh huyễn ảo bên ngoài, ngày đêm lưu chuyển, chẳng lúc nào chịu quay lại quán chiếu, ăn chay niệm Phật.

Suốt đời từ trẻ đến già chỉ lo việc nhà chẳng xong, tiền bạc của cải chưa được như ý, nhưng càng được nhiều lại càng mong cầu, lòng tham không thỏa! Dầu cho cũng có làm lành làm phước, thờ Phật thắp hương lễ bái, nhưng

⁽¹⁾ Ba cõi (Tam giới), bao gồm Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Hết thảy chúng sanh trong cõi luân hồi đều không ra ngoài ba cõi này.

⁽²⁾ Sanh ra theo bốn cách (Tứ sanh), bao gồm: thai sanh (sanh ra từ bào thai), noãn sanh (sanh ra từ trứng), thấp sanh (sanh ra từ chỗ ẩm thấp) và hóa sanh (sanh ra do sự biến hóa). Chúng sanh trong ba cõi đều sanh ra theo một trong bốn cách này.

⁽³⁾ Sáu đường (Lục đạo), bao gồm: thiên (cõi trời), nhân (cõi người), a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Chúng sanh do nghiệp lực chiêu cảm, đều phải thác sanh vào một trong sáu đường này.

⁽⁴⁾ Bốn đại (tứ đại), bao gồm đất, nước, gió, lửa (địa, thủy, hỏa, phong), được cho là bốn yếu tố vật thể cấu thành vật chất, thân thể, nhưng thật ra chúng chỉ là giả hợp, không thường tồn, nên không phải là bản ngã chân thật.

⁽⁵⁾ Sáu trần (lục trần), bao gồm: hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, xúc chạm và các pháp (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

chỉ mong cầu được phú quý vinh hoa, sống lâu không chết. Vừa làm được đôi chút việc tốt đã khởi tâm mong cầu nhiều việc, muốn cho lúa gạo đầy kho, con cháu hiển đạt, trâu ngựa sanh nhiều... Vừa có một điều không như ý, liền oán trách Phật chẳng phù hộ. Còn như ngày ngày được thêm của cải, gặp nhiều chuyện vui, họ mới gọi là được cảm ứng! Tính toán tham lam như vậy, quả thật là những ý tưởng sai quấy.

Còn nói ngược lại rằng niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là ý tưởng sai quấy, há chẳng phải là điên đảo lắm sao? Phàm những việc làm phước hằng ngày đều thuộc về pháp hữu vi,⁽¹⁾ đó là cái nhân hữu lậu thế gian, chẳng phải đạo vô vi xuất thế.

Người Phật tử tu hành nên khéo suy xét. Ngày nay có duyên gặp được Phật pháp, nên tham cứu đến tận cội gốc, đừng vướng nơi những cành nhánh nhỏ nhặt. Chỉ trong

⁽¹⁾ Pháp hữu vi: những gì thuộc về hình tướng, chỉ theo nhân duyên giả hợp mà thành, không thường tồn, không thật có. Kinh Kim cang có dạy: "Hết thấy các pháp hữu vi đều như mộng ảo, như bọt nước." (Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng ảo bào ảnh. - 一切有為法，如夢幻泡影。)

慈照宗主示念佛人發願偈

彌陀節要云。念佛之人最急一事，不善相應。

何以故。雖云持戒，念佛，不曾發心願生淨土。皆是埋頭過日，自失善利。

một niệm quay về quán chiếu tự tâm, tu theo pháp xuất thế, phát nguyện lìa bỏ cõi Ta-bà, cầu sanh về Tịnh độ. Khác nào như người khách tha hương đã lâu, nay nhớ nghĩ muốn quay về quê cũ. Cái tâm nguyện muốn sanh về Tịnh độ, muốn thành quả Phật, sao có thể đồng với những ý tưởng sai quấy của kẻ phàm phu?

Trong bài sám Tịnh độ có nói rằng:

*Nguyện khi tôi xả bỏ thân này,
Trừ được hết thấy mọi chướng ngại.
Trước mắt thấy Phật A-di-đà,
Liền được vãng sanh về Tịnh độ.*

Nên có lời rằng:

*Một khi thẳng bước trên đường chánh,
Mới hay từ trước dụng tâm tà.*

Từ chiếu Tông Chủ thị niệm Phật nhân phát nguyện kệ

Di-đà tiếu yếu văn: Niệm Phật chi nhân, toạ cấp nhất sớ bát thiên tông ông.

Hạo có? Tuy văn trì giới, niệm Phật, bát tạng pháp tâm nguyện sanh Tịch nã Giai thò mai nãu quànha, tởi thá thiên lồi.

大凡念佛先要發心欲超生死，往生淨土。須以大願自爲主意。常須念佛，早晚專心禮拜彌陀。如朝帝主，兩不失時。日近日親，心口與佛相應。去佛不遠，口念心想，心願見佛，發深重願，決信無疑。

日久歲深，工夫純熟，自然三昧成就。臨命終時，彌陀接引，淨土現前。更願現在之內常遇善知識，不值邪見師。無惑我心，不生懈怠。若也。如此念佛，深信，發願，是信行願，三不虧也。

臨終見佛即非外來，盡是唯心顯現。猶如種子在地，逢春發生。豈是外來，皆從地出也。今之修行，亦爾念佛，信願納在八識心地。臨終發現淨土，彌陀，即非外來，皆從自心出也。

偈云。

萬法從心生，
萬法從心滅。
我佛大沙門，
常作如是說。

Nhĩ phàm niệ̃m Phả̃ tiề̃n yế̃u phậ̃t tầ̃m dữc siề̃u sinh tồ̃i vắ̃ng sinh Tồ̃nh nỏ̃a Tu dó̃ nhĩ̃ nguyề̃n tồ̃i vi chuyề̃n tầ̃m lế̃bạ̃i Di-đầ̃. Nhỏ̃ triề̃n nể̃achuệ̃ lố̃oồ̃ng bắ̃i thắ̃i thồ̃i. Nhaĩ̃ cầ̃n nhaĩ̃ thắ̃i tầ̃m khaĩ̃ đố̃o Phả̃ tồ̃ng ồ̃ng. Khồ̃u Phả̃ bắ̃i viề̃n, khaĩ̃ niệ̃m tầ̃m tồ̃oồ̃ng, tầ̃m nguyề̃n kiế̃n Phả̃, phậ̃t thắ̃m trồ̃ng nguyề̃n, quyề̃t t ín vồ̃ng hi.

Nhaĩ̃ cồ̃u tưở̃ethắ̃m, cồ̃ng phu thuậ̃n thữ̃c, tồ̃i nhiẽn Tam-muộ̃i thắ̃m tồ̃i. Lầ̃n mắ̃ng chung thồ̃i, Di-đầ̃ tiế̃p đắ̃n, Tồ̃nh nỏ̃a hiề̃n tiề̃n. Cầ̃nh nguyề̃n hiề̃n sinh chi nỏ̃a, thồ̃ng ngoắ̃thiẽn tri thồ̃i, bắ̃i trồ̃ tắ̃khiế̃n sỏ̃. Vồ̃a hoắ̃c nằ̃o tầ̃m, bắ̃i sinh giaĩ̃ nằ̃o. Nhỏ̃o đắ̃o Nhỏ̃ thồ̃i niệ̃m Phả̃, thắ̃m t ín, phậ̃t nguyề̃n, thồ̃ t ín hắ̃nh nguyề̃n, tam bắ̃i khuy đắ̃o

Lầ̃n chung kiế̃n Phả̃, tồ̃i phi ngoắ̃i lai, tầ̃n thồ̃ duy tầ̃m hiề̃n hiề̃n. Du nhỏ̃ chừ̃ng tồ̃i tắ̃i nỏ̃a, phung Xuãn phậ̃t sinh. Khồ̃u thồ̃ ngoắ̃i lai, giai tượ̃ng nỏ̃a xuãi đắ̃o Kim chi tu hắ̃nh, diẽ nhỏ̃ niệ̃m Phả̃, t ín, nguyề̃n, nặ̃p tắ̃i bắ̃i thồ̃ tầ̃m nỏ̃a. Lầ̃n chung phậ̃t hiề̃n Tồ̃nh nỏ̃a Di-đầ̃, tồ̃i phi ngoắ̃i lai, giai tượ̃ng tồ̃i tầ̃m xuãi đắ̃o

Kẽavãn:

Vạn pháp tùng tâm sanh,
Vạn pháp tùng tâm diệt.
Ngã Phật đại sa-môn,
Thường tác như thị thuyết.

持戒無信願，
不得生淨土。
唯得人天福，
福盡受輪迴，
展轉難脫離。

看經無慧眼，
不識佛深意。
後世得聰明，
亂心難出離。

不如念佛好，
現世無名利，
行坐不多羅，
則是阿彌陀。

發願持戒力，
回向生樂國，
正是合行持，
千中不失一。

*Trì giới vô tín nguyện,
Bất đắc sanh Tịnh độ.
Duy đắc nhân thiên phước,
Phước tận thọ luân hồi,
Triển chuyển nan thoát ly.*

*Khán kinh vô huệ nhãn.
Bất thức Phật thâm ý,
Hậu thế đắc thông minh,
Loạn tâm nan xuất ly.*

*Bất như niệm Phật hảo,
Hiện thế vô danh lợi,
Hành tọa bất đa-la,
Tức thị A-di-đà.*

*Phát nguyện trì giới lực,
Hồi hướng sanh Lạc quốc.
Chánh thị hiệp hành trì,
Thiên trung bất thất nhất.*

釋迦金口說，
 彌陀親攝受。
 諸佛皆護念，
 諸天善護持。

見此念佛人，
 與佛不相遠。
 應當坐道場，
 轉於大法輪，
 普度無邊眾。

譬如貧家女，
 腹孕轉輪王。
 諸天常愛護，
 貧女不自知，
 腹中有貴子。

今此念佛人，
 其意亦如是。
 億佛常念佛，
 不久當成佛。

*Thích-ca kim khẩu thuyết,
 Di-đà thân nhiếp thọ,
 Chư Phật giai hộ niệm,
 Chư thiên thiện hộ trì.*

*Kiến thử niệm Phật nhân,
 Dữ Phật bất tương viễn,
 Ứng đương tọa đạo tràng.
 Chuyển ư đại pháp luân,
 Phổ độ vô biên chúng.*

*Thí như bần gia nữ,
 Phúc dựng Chuyển luân vương.
 Chư thiên thường ái hộ.
 Bần nữ bất tự tri,
 Phúc trung hữu quý tử.*

*Kim thử niệm Phật nhân,
 Kỳ ý diệc như thị.
 Ưc Phật thường niệm Phật,
 Bất cửu đương thành Phật.*

諸佛常護持，
其人自不知，
我當生淨土。
卻要來後世，
再得生人中。

譬如貧人家，
地中有伏藏。
藏神常守護，
不令其有失。

貧人自不知，
家內有寶藏。
逐日趨客作，
求衣食自濟。

今此念佛人，
其意亦如是。
不知念佛人，
具足如來藏，

Chư Phật thường hộ trì,
Kỳ nhân tự bất tri,
Ngã đương sanh Tịnh độ.
Khước yếu lai hậu thế,
Tái đắc sanh nhân trung.

Thí như bần nhân gia,
Địa trung hữu phục tàng,
Tạng thần thường thủ hộ,
Bất linh kỳ hữu thất.

Bần nhân tự bất tri,
Gia nội hữu bảo tàng.
Trục nhật sấn khách tác,
Cầu y thực tự tế.

Kim thử niệm Phật nhân,
Kỳ ý diệc như thị.
Bất tri niệm Phật nhân,
Cụ túc Như Lai tạng,

自說我無分，
反要生人中。

譬如病人家，
自有真妙藥，
不知妙藥性，
不能自治病。
每日牀枕邊，
痛苦受無量。

今此念佛人，
其意亦如是。
不知念佛心，
能滅貪瞋病。
能為大醫王，
能為大寶藏
利濟一切人。

能為大法王，
覆護一切眾。

*Tự thuyết ngã vô phần.
Phản yếu sanh nhân trung.*

*Thí như bệnh nhân gia,
Tự hữu chân diệu dược,
Bất tri diệu dược tánh,
Bất năng tự trị bệnh.
Mỗi nhật sàng chẩm biên,
Thống khổ thọ vô lượng.*

*Kim thử niệm Phật nhân,
Kỳ ý diệt như thị.
Bất tri niệm Phật tâm,
Năng diệt tham sân bệnh,
Năng vi đại y vương.
Năng vi đại bảo tạng,
Lợi tế nhất thiết nhân.*

*Năng vi đại pháp vương,
Phú hộ nhất thiết chúng.*

將謂是凡夫，
不得生淨土。

且自持齋戒，
後世願為人。
展轉竟修行，
方可生彼國。

多見修行人，
常作如是說。
不證彌陀願，
不合淨土經。

邪見障覆心，
畢竟難出離。
非是他人障，
皆是自障心。

今世不得生，
一蹉是百蹉。

*Tương vị thị phàm phu.
Bất đắc sanh Tịnh độ.*

*Thả tự trì trai giới,
Hậu thế nguyện vi nhân.
Triển chuyển cánh tu hành,
Phương khả sanh bỉ quốc.*

*Đa kiến tu hành nhân,
Thường tác như thị thuyết.
Bất chứng Di-đà nguyện,
Bất hiệp Tịnh độ kinh.*

*Tà kiến chướng phú tâm,
Tất cánh nan xuất ly.
Phi thị tha nhân chướng,
Giai thị tự chướng tâm.*

*Kim thế bất đắc sanh,
Nhất tha thị bách tha.*

勸汝修行人，
信我如來說。

佛無不實語，
豈是虛誑言。
但當自精勤，
一心求淨土。

因風吹於火，
用力不消多。
幸有念佛心，
回願超三界。

逢寶不取寶，
遇食受饑寒。
咄哉大丈夫，
不見真實意。

我今略勸讚，
展轉傳與人，

*Khuyến nhữ tu hành nhân,
Tín ngã Như Lai thuyết.*

*Phật vô bất thật ngữ,
Khởi thị hư cuống ngôn?
Đãn đương tự tinh cần,
Nhất tâm cầu Tịnh độ.*

*Nhân phong xuy ư hỏa,
Dụng lực bất tiêu đa,
Hạnh hữu niệm Phật tâm,
Hồi nguyện siêu tam giới.*

*Phùng bảo bất thủ bảo,
Ngộ thực thọ cơ hàn.
Đốt tai đại trượng phu,
Bất kiến chân thật ý.*

*Ngã kim lược khuyến tán,
Triển chuyển truyền dữ nhân,*

代我廣流通，
作於如來使。

真是諸佛子，
真名報佛恩。
普願如說行，
同生極樂國。

Đại ngã quảng lưu thông,
Tác ư Như Lai sứ.

Chân thị chư Phật tử,
Chân danh báo Phật ân.
Phổ nguyện như thuyết hành,
Đồng sanh Cực lạc quốc.

9. Bài kệ dạy người niệm Phật, phát nguyện

Sách *Di-đà tiết yếu* dạy rằng: “Điều đáng lo nhất của người niệm Phật là chẳng khéo tương ứng.”

Vì sao vậy? Tuy nói là trì giới, niệm Phật mà chưa từng phát tâm nguyện sanh về Tịnh độ. Như vậy đều là tự che lấp bản tâm qua ngày, bỏ mất điều lợi ích.

Cho nên, nói chung thì người niệm Phật trước hết phải phát tâm muốn thoát sanh tử, vãng sanh về Tịnh độ, nên lấy đại nguyện làm chủ ý của mình. Thường nên niệm Phật, sớm chiều chuyên tâm lễ bái đức *Di-đà*, không một ngày nào bỏ sót. Mỗi ngày lại càng trở nên gần gũi hơn, trong tâm ngoài miệng đều tương ứng với Phật. Như vậy chẳng còn xa Phật, miệng niệm Phật, tâm tưởng đến Phật, mong được thấy Phật, phát nguyện sâu nặng, lòng tin chắc không nghi.

Qua nhiều năm công phu thuần thực, *Tam-muội* tự nhiên thành tựu. Khi mạng chung được đức *Di-đà* tiếp dẫn, cảnh Tịnh độ hiện ra trước mắt.

Lại nguyện trong đời hiện tại được gặp bậc thiện tri thức, không gặp những thầy tà kiến. Chẳng khởi lòng ngờ, chẳng sanh biếng nhác. Như niệm Phật, tin sâu, phát nguyện đều được như vậy, đó là được đầy đủ cả tín, hạnh và nguyện.

Khi lâm chung được thấy Phật, đó chẳng phải từ ngoài mà đến, đều chỉ là do tâm khởi hiện. Cũng như hạt giống nằm trong lòng đất, chờ gặp mùa xuân thì nảy mầm, đầu phải từ bên ngoài mà đến, vốn là sẵn có trong lòng đất mọc lên.

Nay người tu hành cũng lấy việc niệm Phật, đức tin và sự phát nguyện mà gieo vào đất tâm là thức thứ tám,⁽¹⁾ đến khi lâm chung phát hiện ra thành Tịnh độ, Di-đà. Chẳng phải từ bên ngoài đến, đều là từ trong tâm hiện ra.

Nên có kệ rằng:

*Muôn pháp từ tâm sanh,
Lại cũng tùy tâm diệt.
Đức Phật Đại sa-môn,
Thường thuyết dạy như vậy.*

*Trì giới không tín, nguyện,
Không thể sanh Tịnh độ.
Hưởng phước cõi trời người,
Hết phước lại tái sanh,
Luân hồi khó thoát ra.*

*Xem kinh thiếu trí huệ,
Chẳng hiểu nghĩa thâm sâu.
Đời sau dù thông minh,
Khó thoát khỏi tâm loạn.*

*Chẳng bằng chuyên niệm Phật,
Dứt sạch hết lợi danh.
Đứng ngồi không lìa niệm,
Mới thật A-di-đà.*

*Dùng sức nguyện và giới,
Hồi hướng sanh Cực Lạc.
Hành trì đúng như vậy.
Muôn người đều thành tựu.*

*Thích-ca dạy niệm Phật,
Di-đà tự tiếp dẫn.
Chư Phật đều giúp sức,
Chư thiên cùng hộ trì.*

*Thấy người tu niệm Phật,
Biết rằng Phật chẳng xa.
Rồi sẽ ngồi đạo tràng,
Thuyết giảng pháp Vô thượng,
Độ khắp vô số chúng.*

*Như có cô gái nghèo,
Mang thai vua Chuyển luân.
Chư thiên thường yêu giúp,
Nhưng tự cô chẳng biết,
Đang mang thai quý tử.*

*Người niệm Phật cũng vậy,
Tự họ không biết được.
Thường tưởng Phật, niệm Phật
Không lâu sẽ thành Phật.*

⁽¹⁾ Thức thứ tám (đệ bát thức), hay a-lại-da thức, cũng gọi là tạng thức, được xem là nơi tích chứa hết thấy các chủng tử thiện ác trong đời người.

Được chư Phật hộ trì,
Mà tự mình chẳng biết,
Sẽ được sanh Tịnh độ.
Lại mong cầu đời sau,
Được sanh trong cõi người!

Lại như người nghèo khó,
Đất nhà sẵn của báu.
Có thần kho gìn giữ,
Không để mất vật gì.
Mà tự mình chẳng biết.
Trong nhà có kho báu.
Hằng ngày mãi làm khách,
Tảo tần lo ăn mặc!

Người niệm Phật cũng vậy,
Tự mình không biết được,
Rằng người chuyên niệm Phật,
Tự đủ kho Như Lai.
Vì ngỡ mình không phân,
Nên muốn sanh cõi người!

Lại như người có bệnh,
Tự có phương thuốc hay,
Chẳng biết dùng thuốc ấy,
Nên không trị được bệnh.
Hằng ngày chịu đau đớn,
Lăn lộn, khổ vô cùng!

Người niệm Phật cũng vậy,
Tự mình không biết được,
Rằng chuyên tâm niệm Phật.
Trị dứt được tham sân.

Là vua trị các bệnh,
Là kho báu lớn lao,
Làm lợi khắp mọi người;
Là đấng Đại pháp vương,
Che chở khắp chúng sanh.

Vì ngỡ mình phạm phu,
Chẳng được sanh Tịnh độ.
Nguyện ăn chay, giữ giới,
Mong sao lại làm người.
Tiếp tục tu hành nữa,
Mới được về cõi ấy.

Biết bao người tu hành,
Vẫn thường nghĩ như thế.
Chẳng xứng nguyện Di-đà,
Chẳng hợp kinh Tịnh độ!

Tà kiến che phủ tâm,
Rốt cuộc khó giải thoát.
Trở ngại chẳng bên ngoài,
Điều tự trong tâm mình.
Đời này không vãng sanh,
Trăm đời cũng chẳng được!

Khuyên những người tu hành,
Phải tin lời Phật dạy.
Lời Phật luôn chân thật,
Nào dối gạt ai đâu?

Chỉ tự mình tinh cần,
Một lòng cầu Tịnh độ.
Như thổi lửa, nhờ gió,
Chẳng phải dùng sức nhiều.
May được tâm niệm Phật,
Phải nguyện thoát luân hồi.

Gặp của báu, không nhận!
Trước bàn ăn, chịu đói!

天台智者大師勸人專修淨土

設問曰。諸佛菩薩以大慈爲業。若欲救度眾生，祇應願生三界，於五濁三塗中，救苦眾生。因何求生淨土，自安其身，捨離眾生。則是無大慈悲，專爲自利，障菩提道。

答曰。菩薩有二種。一者久修行菩薩道，

Lạ thay bậc trượng phu!
Chẳng hiểu ý chân thật.

Nay có đôi lời khuyên,
Nghe qua hãy rộng truyền,
Để người người đều biết,
Đều làm sứ Như Lai.
Vậy mới là con Phật,
Vậy là báo Phật ân.
Nguyện mọi người làm đúng,
Cùng sanh về cõi Phật!

Thiên Thai Trí Giả Đại sư khuyên nhân chuyên tu Tịnh độ

Thiêi vaán vieát: Chô Phaí BoàTàu dó ñaĩ töövi nghiêp. Nhöôc dư cöu ñoächuùng sanh, kyöông nguyêñ sanh tam giöu, ö nguötröôc tam ñoàtrung, cöu khoächuùng sanh. Nhañ haöcau sanh Tònh ñoä töian kyöthañ, xaüly chuùng sanh. Taé thò voaññai tööbi, chuyêñ vi töilöi, chöông Bô-dê ñaõ.

Ñap vieát: BoàTàu höu nhö chuùng. Nhaí giaücöu tu hanh

得無生忍者，實當斯責。二者未得已還，及初發心凡夫。

凡夫菩薩者，要須常不離佛。忍力成就。方堪處三界內，於惡世中救苦眾生。

故智度論云。具縛凡夫，有大悲心，願生惡世，救苦眾生者，無有是處。

何以故。惡世界，煩惱強，自無忍力，心隨境轉，聲色所縛。自墮三塗，焉能救眾生。假令得生人中，聖道難得。或因持戒修福，得生人中，得作國王大臣，富貴自在。縱遇善知識，不肯信用。貪迷放逸，廣造眾罪。乘此惡業，一入三塗，經無量劫。從地獄出，受貧賤身。若不逢善知識，還墮地獄，如此輪迴，至於今日，人人皆如是。此名難行道者。

故維摩經云。自疾不能救，而能救諸疾人，無有是處。

又智度論云。譬如二人，各有親屬，為水所溺。一人情急，直入水救。為無方便力故，彼此俱沒。一人有方便，往取船筏，乘之救接，

BoàTat ñab, ñac voàsinh nhañ giaù thañ ñông tồ trauh. Nhò giaùvò ñac dó hoan, cap sô phat tâm pham phu.

Pham phu BoàTat giaù yeá tu thöông baá ly Phaá. Nhañ löc thanh töü, phöông kham xöutam giöü noá, ö àù theátrung cöü khoáchuùng sanh.

CoáTrí ñoáluañ vañ: Cui truyeñ pham phu, höü ñai bi tâm, nguyëñ sanh àù theá cöü khoáchuùng sanh giaù voáhöü thò xöü

Hardó co? Aở theágiöü, phieñ naö cöông. Töivoanhañ löc, tâm tuy camh chuyeñ, thanh saé sôütruyeñ. Töiñoá tam ñoá yeá nañg cöü chuùng sanh? Giaùlinh ñac sanh nhañ trung, thanh ñab nan ñac. Hoac nhañ trì giöü tu phöüü, ñac sanh nhañ trung, ñac taù quoa vôông ñai thanh, phuiquyütöi tai. Tung ngoáthieñ trì thöü, baá khang tín dung. Tham meá phöng daá, quang taö chuùng toá. Thöa thöüaù nghieç, nhaá nhaç tam ñoá kinh voälöông kieç. Tung ñoá nguë xuaá, thoi bañ tieñ thanh. Nhöüç baá phung thieñ trì thöü, hoan ñoá ñoá nguë, nhö thöüluañ hoá, chí ö kim nhaá, nhañ nhañ giai nhö thò. Thöüdanh nan hanh ñab giaù

CoáDuy-ma kinh vañ: Töitaá baá nañg cöü, nhi nañg cöü chö taá nhañ, voáhöü thò xöü

Höü Trí ñoáluañ vañ: Thí nhö nhö nhañ, caù höü thanh thuoa, vi thuy sôünoçh. Nhaá nhañ tình cap, tröç nhaç thuy cöü, vò voáphöông tieñ löc coá bethöücañ moá. Nhaá nhañ höü phöông tieñ, vañg thuüthuyeñ phieá, thöa chi cöü tieç,

悉皆得脫水溺之難。新發意菩薩，亦復如是。未得忍力，不能救眾生。爲此常須近佛，得無生忍已，方能救眾生，如得船者。

又論云。譬如嬰兒不得離母，或墮坑井，渴乳而死。又如鳥子，翅羽未成，祇得依樹附枝，不能遠去。翅翮成就，方能飛空，自在無礙。

凡夫無力，唯得專念阿彌陀佛，使成三昧。以業成故，臨終念念得生，決定不疑。見彌陀佛，證無生忍已，還來三界，乘無生忍船，救度眾生，廣施佛事，任意自在。

故論云。遊戲地獄行者，生彼國以，得無生忍，還入生死國中，教化地獄，救苦眾生。以是因緣，宜用專修淨土，求願往生。

諸人者。願識其教。故十住婆沙論名易行道也。

taí giai ñáe thoat̄ thuȳ nòch chi nãñ. Tañ phat̄ yùBoàTat̄ dieñ phūc nhõ thò. Vô ñáe nhañ lȫc, baí nañg cõu chùng sanh. Vô thõũthõõng tu cañ Phaí, ñáe voãsanh nhañ dó, phõng nañg cõu chùng sanh, nhõ ñáe thuyen̄ giaũ

Hõu luañ vañ: Thí nhõ anh nhi baí ñáe ly maũ, hoac̄ ñõã khanh tónh khaū nhuõnhi tõi Hõu nhõ ñieũ tõi sí vuõvò thanh, chi ñáe y thõi phuĩ chi, baí nañg vieñ khõu Sí cañh thanh tõi, phõng nañg phi khoñg, tõi taí voñgai.

Pham̄ phu voãlȫc, duy ñáe chuyen̄ nieñ A-di-đà Phaí, sõi thanh Tam-muõi. Dó nghiẽp thanh coá lañ chung nieñ nieñ ñáe sanh, quyẽ ñõnh baí nghi. Kieñ Di-đà Phaí, chõng voãsanh nhañ dó, hoan lai tam giõũ, thõã voãsanh nhañ thuyen̄, cõu ñõãchùng sanh, quañg thi Phaí sõi nhañ yütõitai.

Coáluañ vañ: Du hyũñõã nguĩ hanh giaũ sanh bæ quoc̄ dó, ñáe voãsanh nhañ, hoan nhap̄ sanh tõi quoc̄ trung, giao hoã ñõã nguĩ, cõu khoãchùng sanh. Dó thõ nhañ duyẽñ, nghi duyẽ chuyen̄ tu Tõnh ñõã caũ nguyẽñ vañg sanh.

Chõ nhañ giaũ nguyẽñ thõũ kyõgiaũ. CoáThap̄ trũ baõsa luañ danh dò hanh ñãõ daõ

10. Đại sư Trí Giả khuyên người chuyên tu tịnh độ⁽¹⁾

Như có người hỏi rằng: “Chư Phật, Bồ Tát vốn lấy đức đại bi làm nghiệp. Như muốn cứu độ chúng sanh, chỉ nên nguyện sanh trong ba cõi, ở giữa ba đường dữ, năm sự uế trước⁽²⁾ mà cứu khổ. Tại sao lại cầu sanh về Tịnh độ, yên lấy thân mình, lìa bỏ chúng sanh? Đó là không có đức đại từ bi, chuyên lo việc lợi mình, ngăn trở đạo Bồ-đề.”

Đáp rằng: “Bồ Tát có hai hạng: Hạng thứ nhất đã tu hành đạo Bồ Tát từ lâu, chứng đắc *Vô sanh nhẫn*,⁽³⁾ đủ sức thực hiện việc cứu độ chúng sanh. Hạng thứ hai là những người chưa chứng đắc đã thoái lui, cùng là hạng phạm phu mới phát tâm.

Người hành đạo Bồ Tát nếu vẫn còn là phạm phu thì chẳng nên rời xa Phật. Khi nào sức nhẫn đã thành tựu,

⁽¹⁾ Thiên thai Trí Giả Đại sư: Ngài là Sơ tổ tông Thiên Thai, sanh năm 538, mất năm 597. Vì ngài ở dựng chùa giảng pháp ở núi Thiên Thai nên người đời gọi là Thiên Thai Đại sư. Năm 591, Tấn Vương Dương Quảng (tức Tùy Dạng Đế) ra sắc chỉ tôn xưng ngài là Trí Giả Đại sư. Sau khi ngài viên tịch, đến đời vua Thế Tông nhà Hậu Chu (954-958) lại truy phong ngài là Pháp Không Bảo Giác Tôn Giả. Đến niên hiệu Khánh Nguyên thứ 3 đời Ninh Tông triều Nam Tống (1197) lại gia phong thụy hiệu ngài là Linh Tuệ Đại sư. Trước tác của ngài còn để lại trong Đại tạng kinh có cả thảy 28 bộ, tất cả đều là các tác phẩm soạn thuật, số giải.

⁽²⁾ Năm sự uế trước (Ngũ trước). Theo kinh A-di-đà, năm sự uế trước này là: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước. Đây là năm sự uế trước ở cõi Ta-bà, không có ở những cõi Tịnh độ.

⁽³⁾ Vô sanh nhẫn, hay Vô sanh pháp nhẫn, là đức nhẫn nhục của người tu nhờ sự thấu nhập thật tánh của các pháp, thấy được rằng vạn vật vốn không sanh, không diệt. Do thấu triệt được chân lý này mà tự nhiên dứt hết các sự buồn, giận, phiền não, trải qua hết thảy mọi hoàn cảnh biến động đều giữ được tâm như nhiên bất động, nên gọi là *Vô sanh nhẫn*.

mới có thể vững vàng trong ba cõi, ở giữa đời uế trước mà cứu khổ chúng sanh.

Cho nên, Trí độ luận dạy rằng: “Như kẻ phạm phu phiền não trôi buộc mà có lòng đại bi, nguyện sanh giữa cảnh uế trước để cứu khổ chúng sanh, thật không có lý như vậy.”

Vì sao vậy? Ở cõi đời uế trước, phiền não mạnh mẽ, nếu tự mình không có sức nhẫn thì tâm bị chuyển theo trần cảnh, bị âm thanh, hình sắc trôi buộc. Như vậy tự mình phải đọa vào ba đường dữ, làm sao có thể cứu độ chúng sanh? Ví như được sanh làm người, cũng khó chứng đạo giải thoát. Hoặc nhờ có tri giới, tu phước mà được sanh làm người, có quyền uy thế lực, giàu sang và tự tại, nhưng khi gặp bậc thiện tri thức lại chẳng chịu tin dùng, chỉ biết tham mê buông thả, tạo các tội lỗi. Do nghiệp ác như thế, một khi sa vào ba đường dữ, phải trải qua vô số kiếp. Khi ra khỏi địa ngục lại phải chịu kiếp nghèo hèn. Nếu chẳng gặp được bậc thiện tri thức, thế nào rồi cũng quay trở lại địa ngục. Luân hồi như vậy cho tới ngày nay, người người đều như thế cả. Đó gọi là khó hành đạo vậy.

Cho nên kinh *Duy-ma* dạy rằng: “Bệnh mình không tự cứu được mà cứu được bệnh người khác, thật không có lý như vậy.”

Trí độ luận cũng dạy rằng: “Ví như hai người kia, đều có người thân bị rơi xuống nước. Một người vì quá nóng lòng, nhảy ngay xuống nước để cứu, nhưng vì không đủ sức nên cả hai đều phải chết chìm. Người kia biết nghĩ tìm phương tiện, lấy được thuyền chèo ra, cứu được người thân khỏi chết đuối. Cũng vậy, hàng Bồ Tát mới phát ý chưa đủ sức

nhẫn, chẳng thể cứu độ chúng sanh, nên cần phải ở gần Phật. Khi đã được Vô sanh pháp nhẫn rồi, mới có thể cứu độ chúng sanh, như người tìm được thuyền kia vậy.”

Luận ấy còn nói rằng: “Ví như trẻ thơ, chẳng nên rời xa mẹ, sợ rằng có thể té xuống hầm, xuống giếng, hoặc khát sữa mà chết. Lại như con chim con, lông cánh chưa đủ, chỉ nên nương cây, dựa cành mà thôi, chẳng bay xa được. Chờ cho lông cánh đủ rồi, mới có thể bay lên trên không, tự nhiên vô ngại.”

Phàm phu không có sức, chỉ cần chuyên niệm Phật A-di-đà, nhờ đó mà thành tựu Tam-muội. Khi thành tựu rồi, thì lúc lâm chung niệm niệm được vắng sanh, chắc chắn

永明壽禪師戒無證悟人，勿輕淨土

或問曰。但見性悟道，便超生死。何用繫念彼佛求生他方。

答曰。真修行人應自審察。如人飲水，冷暖自知。今存龜鑑以破多惑。

諸因者。當觀自己行解，實得見性悟道，受如來記。紹祖師位，能如馬鳴，龍樹否。得無礙辯才，證法華三昧，能如天台智者否。宗說

không nghi. Được thấy Phật A-di-đà, chứng Vô sanh nhẫn rồi, có thể trở lại Tam giới, cưỡi thuyền Vô sanh nhẫn mà cứu độ chúng sanh, rộng làm Phật sự, tùy ý tự tại!

Cho nên Luận Trí độ còn nói rằng: “Hành giả dạo chơi các cảnh địa ngục, sanh qua cõi Phật rồi, được Vô sanh nhẫn, lại trở vào trong cõi sanh tử, giáo hóa ở địa ngục, cứu khổ cho chúng sanh.” Vì nhân duyên ấy nên phải chuyên tu Tịnh độ, cầu nguyện vắng sanh.

Này các vị! Nguyện cho hết thảy mọi người đều hiểu được giáo pháp này. Cho nên luận *Thập trụ Bà-sa* gọi đây là pháp dễ hành trì vậy.

Vĩnh Minh Thọ Thiên sư giới vô chứng ngộ nhân, vật khinh Tịnh độ

Hoặc vân viêt: Nãn kiến tâm ngoãnãb, tiẽn sieũ sanh tũu Hãduĩng heãnĩĩm bẽPhãĩ, cãũ sanh tha phũũng?

Nãp viêt: Chãũ tu hãũ nhãũ ũng tũũ thãũ sãũ. Nhũ nhãũ àũ thũũ, lãũh noãn tũũtri. Kim toũ quy giãũm dũ phãũ ãũ hoãũ.

Chũ nhãũ giãũ Nũũng quãũ tũũ kyũhãũ giãũ, thãũ ãũ kiẽn tâm ngoãnãb, thũũ Nhũ Lai kyũ Thiẽũ toãũ vũ, nãũg nhũ MãũMinh, Long Thũũphũũ Nãũ voũgãũ biẽũ tãũ, chũũng Phãũp Hoa Tam-muũũ, nãũg nhũ Thiẽũ Thai Trí Giãũphũũ

皆通，行解兼修，能如忠國師否。此諸大士，皆明垂言教，深勸往生。蓋是自利利他，豈肯悞人自悞。

况大雄讚歎，金口丁寧，希從昔賢，恭稟佛教，定不謬悞也。仍往生傳所載，古今高士，事迹顯著非一，宜勤觀覽，以自照知。

又當自度，臨命終時，生死去住，定得自在否。自無水以來，惡業重障，定不現前否。此一報身，定脫輪迴否。三塗惡道，異類中行，出沒自由，定無苦惱否。天上人間，十方世界，隨意寄托，定無滯否。若其未也，莫以一時貢高，卻致永劫沈淪，自失善利，將復尤誰。嗚呼。哀哉。何嗟及矣。

四料揀云。

一曰。

有禪無淨土，
十人九錯路。
陰境若現前，
瞥爾隨他去。

Toàng thuyệá giai thoàng, hành giai kiên tu, năng nhô Trung Quốá sô phuữ Thôũchô ãnã só giai minh thuyệ ngoãn giaò, thân khuyệá vaòng sanh. Cại thò tồilôi lồi tha, khôũ khàng ngoãnhaân tồingô

Huóng Ñãi Hung tam thàm, kim khai ãnh ninh, hy tuợng tích hiệàn, cung bản Phaĩ saé, ãnh baĩ maũ ngoãdaõ Nhõng vaòng sanh truyệãn sôũtaũ, còakim cao số, sôĩ tích hiệàn trồũ phi nhaĩ, nghi càn quàm laõn, dó tồichieũ tri.

Hõũ ãõng tồĩ ãõ laãn maĩng chung thõũ, sanh tồũkhõũ trũ ãõnh ãã tồĩtaũ phuữ Tồivõathuyệ dó lai, àõ nghieự trõng chõõng, ãõnh baĩ hiệàn tiệàn phuữ Thõũnhaĩ baũ thân ãõnh thoũ luaãn hoả phuữ Tam ãõaũ ãã, dò loaĩ trung haõh, xuaĩ mỗũ tồĩdo, ãõnh voãkhoãnaõ phuữ Thiệàn thõõng nhaãn gian, thaự phõõng theágiõũ, tuy yũyũthũ, ãõnh voãtreãnghi phuữ Nhõõĩ kyõvò daõ mãĩ dó nhaĩ thõũ cõng cao, khõõũ trí vớnh kieự traãm luaãn, tồĩthaĩ thiệàn lồi, tồõng phuĩ vồ thuyệ. Oãhoã ai tai! Hãõta cặự hyõ

Tồũlieũ giam vaãn.

Nhaĩ vieĩ:

Hõũ thiệàn vô Tịnh độ.

Thậự nhãn cứu thố lộ.

Ấm cảnh nhựợc hiệàn tiệàn.

Miếĩ nhĩ tùy tha khũ.

謂。單明理性，不願往生，流轉娑婆，則有退墮之患。陰境者，於禪定中，陰魔發現也。如楞嚴經所明。於五陰境，起五十種魔事。其人初不覺知魔著，亦言自得無常涅槃，迷惑無知，墮無間獄者。是也。

二曰。

無禪有淨土，
萬修萬人去。
但得見彌陀，
何愁不開悟。

謂。未明理性，但願往生。乘佛力故，決定無疑。

三曰。

有禪有淨土，
猶如戴角虎，
現世為人師，
來生作佛祖。

既深達佛法，故可為人天師。又發願往生，速登不退。

Vô: Nôn minh lýtàmh, bảỉ nguyễn vaõng sanh, lờu chuyễn ta-bạợ táe hờũ thỏa ãõa chi hoẫn. Ấm cầmh giầũ Ồ thiền ãõnh trung, ảm ma phầũ hiền đảõ Nhỏ Laõng Nghieẫn kinh sỏũminh. Ồ nguỏảảm cầmh, khỏũ nguỏthạợ chũng ma sỏĩ Kyỏ nhaẫn sỏ bảỉ giầũ tri ma trỏõũ, dieẫ ngoẫn tỏĩ ãảe voầthỏõng Niềt-bần, meẫhoẫ voầtri, ãõa voầgiaẫ nguừ giầũ Thỏ đảõ

Nhỏ vieẫ:

Vỏ thiền hửũ Tịch độ.

Vạn tu vạn nhần khứ.

Đẫn đắc kiển Di-đầ.

Hầ sầũ bắt khai ngộ.

Vỏ: Vỏ minh lýtàmh, ãẫn nguyễn vaõng sanh. Thỏả Phầũ lỏũ coặ quyễn ãõnh voầnghi.

Tam vieẫ:

Hửũ thiền hửũ Tịch độ.

Du nhừ đỏi giầc hỏ.

Hiền thế vi nhần sư.

Lầi sanh tác Phật Tỏ.

Kyừthần ãầt Phầũ phậợ, coặkhầũvi nhần thiền sỏ. Hỏũ phầũ nguyễn vaõng sanh, tỏe ãầng bảỉ thỏa.

可謂。

腹纏十萬貫，
騎鶴上揚州。

四曰。

無禪無淨土，
鐵牀并銅柱，
萬劫與千生，
沒箇人依怙。

既不明佛理，又不願往生，永劫沈淪，何由出離。

諸因者。欲超生死，速證菩提，於此四種，擇善行之。

11. Thiên sư Vĩnh Minh Thọ răn người chưa ngộ dừng kinh Tịnh độ

Có người hỏi rằng: “Chỉ cần thấy tánh ngộ đạo liền vượt qua sanh tử, cần chi phải chuyên tâm niệm đức Phật kia để cầu sanh qua phương khác?”

Đáp rằng: “Người tu hành chân chánh nên tự mình xem xét, cũng như người uống nước tự biết nóng hay lạnh. Nay còn có bài văn quy kính⁽¹⁾ này, có thể dùng để phá đi nhiều sự sai lầm.

⁽¹⁾ Văn qui kính (龜鏡): Xem chú giải ở trang 110.

Khâuvò:

Phúc triền thập vạn quán.

Ky hạc thượng Dương châu.

Tòivieát:

Vô thiên vô Tịnh độ.

Thiết sàng tinh đồng trụ.

Vạn kiếp dữ thiên sanh.

Một cá nhân y hử.

Kyùbaát minh Phaã lyù höü baát nguyẽn vaõng sanh, vónh kiep traàn luaân, haødo xuaát ly?

Chõ nhaân giaũ Duừ sieâu sanh tõi toát chõng Bô-đê, ò thõu tòuchuõng, traõh thieãn haõnh chi.

Này các vị! Nên tự xét chỗ hiểu biết và việc làm của mình, có thật được thấy tánh ngộ đạo, được Như Lai thọ ký, được nối ngôi vị Tổ sư, được như các ngài Mã Minh, Long Thọ⁽¹⁾ hay chăng? Được tài biện thuyết không ngại, được Tam-muội Pháp Hoa như ngài Thiên Thai Trí Giả

⁽¹⁾ Bồ Tát Mã Minh (Ásvaghoṣa - 馬鳴) là tổ thứ 12 của Thiên Ấn Độ. Ngài tên là Anabodhi (A-na Bô-đê - 阿那菩提), sống vào khoảng đầu thế kỷ 2. Bồ Tát Long Thọ (Nāgārjuna - 龍樹) là tổ thứ 14, cũng sống vào thế kỷ 2. Cả hai vị đều có những trước tác Phật học nổi tiếng để lại đến ngày nay.

hay chẳng? Tông chỉ và giảng thuyết đều thông, chỗ hiểu biết và việc làm đều đầy đủ như ngài Trung Quốc sư hay chẳng? Các vị đại sĩ ấy đều để lại lời dạy rõ ràng, hết lòng khuyên bảo pháp vãng sanh. Đó thật là lợi mình lợi người, nào phải đầu đối người đối ta? Huống chi đức Phật đã ngợi khen, tự thân dặn dò cặn kẽ. Noi theo các bậc hiền xưa, kính vâng lời Phật dạy, quyết định không thể sai lầm. Lại như trong *Vãng sanh truyện* có ghi lại, xưa nay nhiều bậc cao sĩ, sự tích rõ rệt, nên thường đọc kỹ các truyện ấy để tự mình soi tỏ.

Lại nữa, phải thường tự biết mình, liệu rằng đến lúc mạng chung, sống chết gần kề, có chắc chắn sẽ được tự tại hay chẳng? Nghiệp ác nặng nề từ vô thủy đến nay, liệu sẽ không hiện ra nữa chẳng? Báo thân này liệu có chắc chắn được thoát khỏi luân hồi hay chẳng? Trong ba đường dữ với các loài chúng sanh khác nhau, liệu có thể tự mình vào ra tự do, thoát mọi khổ não hay chẳng? Trong mười phương thế giới, khắp cõi trời người, liệu có thể tùy ý thác sanh không ngăn ngại hay chẳng? Nếu mình chưa được như vậy, đừng vì một lúc tự cao mà đến nỗi phải chịu chìm nổi nhiều kiếp. Tự mình bỏ mất điều lợi tốt đẹp, rồi sẽ trách ai? Hỡi ôi! Thương thay! Than vãn cũng không kịp nữa!

Việc tu hành thường rơi vào một trong bốn trường hợp, xin chọn nêu ra dưới đây.

Một là:

*Tu thiền, không Tịnh độ,
Mười người, làm đến chín.
Cảnh âm vừa hiện ra,
Liếc qua, liền theo đó.*

Nghĩa là: Nếu chỉ hiểu rõ lý tánh mà chẳng phát nguyện vãng sanh thì sẽ lưu chuyển trong cõi *Ta-bà*, chịu cái họa sa đọa. Cảnh âm đó là trong khi thiền định có ma ám phát hiện ra. Như trong kinh Lăng Nghiêm có nói rõ: Do năm ám mà sanh ra năm mươi cảnh ma. Người tu thiền khi mới thấy những cảnh ấy không rõ biết, nên tự nghĩ rằng đã chứng được Vô thượng *Niết-bàn*. Bị mê hoặc không biết, nên phải đọa vào địa ngục Vô gián.

Hai là:

*Không thiền, chuyên Tịnh độ,
Muôn người không sai một.
Chỉ cần được thấy Phật,
Lo gì không chứng ngộ?*

Nghĩa là: Nếu chưa rõ lý tánh, chỉ nên nguyện vãng sanh. Nhờ nương theo Phật lực, chắc chắn sẽ được về Tịnh độ, chẳng còn gì phải nghi ngờ.

Ba là:

*Tu thiền, tu Tịnh độ,
Như cọp mọc thêm sừng.
Đời nay dạy dỗ người,
Đời sau làm Phật Tổ.*

Đã hiểu sâu pháp Phật nên có thể làm bậc thầy dạy dỗ người khác. Lại phát nguyện vãng sanh, nên càng nhanh chóng lên địa vị Bất thoái. Có thể nói là:

Lưng đeo tiền mười vạn,
Cưỡi hạc lên Dương châu.⁽¹⁾

Bốn là:

Không thiên, không Tịnh độ,
Giường sắt, cột đồng chờ.

⁽¹⁾ Xứ Dương Châu có núi Bồng Lai tương truyền là nơi thần tiên ở, nên câu này có ý nói là đã được giàu sang lại còn được lên đến cảnh tiên, không còn gì khoái lạc hơn nữa! Ví như người tu thiền đã thông hiểu pháp Phật, lại thêm tu pháp môn Tịnh độ nên được về cõi Phật, chỗ sở đắc trong pháp Phật lại càng sâu rộng hơn.

長蘆蹟禪師勸叅禪人兼修淨土

夫以念爲念，以生爲生者，常見之所失也。
以無念爲無念，以無生爲無生者，邪見之所惑也。
念而無念，生而無生者，第一義諦也。

是以實際理地，不受一塵。則上無諸佛之可念，
下無淨土之可生。佛事門中不捨一法。則總攝諸根，
蓋有念佛三昧。還源要術，示開往生一門。

所以終日念佛，而不乖於無念。熾然往

Ngàn muôn kiếp trôi lăn,
Trọn không người cứu hộ.

Nghĩa là: Người đã chẳng rõ lý Phật, lại không nguyện
vãng sanh thì muôn kiếp phải trầm luân, không do đâu
mà ra khỏi.

Này các vị! Muốn vượt thoát sanh tử, mau chứng đạo
Bồ-đề, trong bốn trường hợp nêu trên xin hãy chọn lấy
trường hợp nào là tốt nhất để làm theo.

Trương Lô Trạch Thiên sư khuyến tham thiền nhân kiêm tu Tịnh độ

Phuôđó niễn vi niễn, đó sanh vi sanh giaü thồông kieán
chi sôuthaá daó Đó voàniễn vi voàniễn, đó voànsanh vi voànsanh
giaü taókieán chi sôühoaë daó Niễn nhi voàniễn, sanh nhi voà
sanh giaü ñeánhaá nghĩa ñeádaó

Thò đó thaá teályũnò, baá thoi nhaá trañ. Taé thồông voà
chò Phaá chi khaúniễn, haá voàTònñ ñoächi khaúnsanh. Phaá
sõi moán trung, baá xaúnhaá pháp, taé toàng nhieáp chò cañ,
cañ hõu niễn Phaá Tam-muội. Hoan nguyêñ yeá thuaá, thò
khai vañg sanh nhaá moán.

Sôüđó chung nhaá niễn Phaá, nhi baá quai ố voàniễn. Xí
nhieán vañg sanh, nhi baá quai ố voànsanh. Coánañg pham

生，而不乖於無生。故能凡聖各住自位，而感應道交。東西不相往來，而神遷淨成。

故經云。若人聞說阿彌陀佛，執持名號，乃至是人終時心不顛倒，即得往生阿彌陀佛極樂國土。

嗟乎。淺信之人，橫生疑謗。則不信諸佛誠言，不信往生淨土，豈不甚迷哉。

若信佛言，而生淨土者，則累繫之業不能絆，劫燒之火不能焚。謝人間之八苦，無天上之五衰。上無惡道之名，何況有實。

經云。彼國眾生無有眾苦，但受諸樂，故名極樂。

今以娑婆對而比之。此則血肉形軀有生皆苦，彼則蓮華化生無生苦也。

此則時序代謝衰老日侵，彼則寒暑不遷無老苦也。

此則四大難調多生病患，彼則化體香潔無病苦也。

此則七十者希無常迅速，彼則壽命無量無死苦也。

thành cầu trui töivò, nhi cảm òng ão giao. Nõng Tây bái
tông vaõng lai, nhi thàn thièn tòn thanh.

Coákinh vaân. Nhöôc nhân vaân thuyet A-di-dà Phái, chấp
tri danh hieäu, naõ chí thò nhân chung thòõ, tâm bái ñieän ñaõ.
Töõ ñaé vaõng sanh A-di-dà Phái Cöc læ quoaõ ñoã

Ta hoá Thièn tín chi nhân, hoảnh sanh nghi bång. Tæc
bái tín chõ Phái thanh ngoân, bái tín vaõng sanh Tòn ñoã
khõu bái thãm meätai. Nhöôc tín Phái ngoân, nhi sanh Tòn
ñoãgiaü tæc luy heächi nghiệp, bái ñaõng bãm, kiep thièn chi
hoã bái ñaõng phañ. Tãi nhân gian chi bâu khoã voãthièn
thöõng chi nguõsuy. Thöõng voãaü ñaõ chi danh, haõhuoàng
höõu thãi.

Kinh vaân: Bæ quoaõ chùng sanh voãhöõu chùng khoã ñaõ
thõichõ læ, coá danh Cöc Læ.

Kim dó Ta-baõñoã nhi tyüchi. Thöütaéc huyet nhưc hình
khu höõu sanh giai khoã Bætaéc lieän hoa hoã sanh, voã sanh
khoãdaõ

Thöütaéc thõ töi ñaõ taõsuy laõ nhaõ xaãn, bætaéc han thõu
bái thièn voãlaõ khoãdaõ

Thöütaéc töüñaõ nan ñieäu ña sanh beñh hoãn, bætaéc hoã
theãhöõng khieät voãbeñh khoãdaõ

Thöütaéc thãi thap giaühy voãthöõng taõn toã, bætaéc thõ
maõng voãlöõng voãtõukhoãdaõ

此則親情愛戀有愛必離，彼無父母妻子無愛別離苦也。

此則仇敵冤讐有冤必會，彼則上善聚會無怨憎會苦也。

此或困苦饑寒貪求不足，彼皆衣食珍寶受用現成。

此或醜穢形骸根多缺漏，彼則端嚴相貌體有光明。

此則輪轉生死，彼則永證無生。

此則丘陵坑坎荆棘為林土石之山穢惡充滿，彼則黃金為地寶樹叅天樓聳七珍，華敷四色。

此則雙林已滅龍華未來，彼則阿彌陀佛現在說法。

此則觀陰勢至徒仰嘉名，彼則與二上人親為勝友。

此則羣魔外道惱亂正修，彼則佛化一統魔外絕蹤。

Thõũtaé thaân tình ài luyéa, hõũ ài tá ly, bævoâphui maũ theátõũ voaai bieã ly khoadaõ

Thõũtaé cõm ñõch oan thuõ hõũ oan tá hoã, bætaé thõõng thieãn tuĩ hoã voaõam táng hoã khoadaõ

Thõũhoãe khoãn khoãcõ ham tham caũ bá tuũ, bægiai y thõõc traãn baũ thõõidũng hieãn thanh.

Thõũhoãe xuũeãhình haũ, caũ ñã khuyéa laũ, bætaé ñõan nghiêãn tõõng mã, theãhõũ quang minh.

Thõũtaé luaãn chuyéãn sanh tõũ bætaé vớnh chõng voã sanh.

Thõũtaé khõu laõg khanh khaũ kinh cõũ vi laãn, thoã thaõch chi sõn ueãũ sung mãũ, bætaé huyõnh kim vi ñõa, baũ thõõtham thieãn, laũ tuũg thaũ traãn, hoa phu tõũsaé.

Thõũtaé song laãn dó dieã Long Hoa vò lai, bætaé A-di-đã Phaã hieãn tai thuyéa phãp.

Thõũtaé Quãn Âm TheãChí ñõangõõng gia danh, bætaé dõõnhõ thõõng nhaãn thaãn vi thaõg hõũ.

Thõũtaé quãn ma ngoã ñãõ naõ loãn chành tu, bætaé Phaã hoã nhaũ thõõng ma ngoã tuyéa tung.

此則媚色妖姪迷惑行者，彼則正報清淨實無女人。

此則惡獸魑魅交扇邪聲，彼則水鳥樹林咸宣妙法。

二土較量，境緣迴別。而樂邦之勝其數無窮未暇悉舉也。是以了義大乘無不指歸淨土。前賢後聖，自他皆願往生。凡欲度人，先須自念佛也。

嗚呼。

人無遠慮，
必有近憂。
一失人身，
萬劫難復。

故率大海眾，各念阿彌陀佛。百聲千聲，乃至萬聲，回向同緣，願生彼國。

切冀蓮池勝會，金地法明。綺互相資，必諧斯願。操舟順水，更加艣桌棹之功。則十萬遙程不勞而至矣。

Thõũtaé mì saé yeâu daân meáhoaé hanh giaũ bætáé chành baũ thanh tònħ thaũ voãnõnhaân.

Thõũtaé àũ thuũly mì giao phiếũ taũ thanh, bætáé thuũy ñieũ thoĩlaân haũm tuyềũ dieũ phạũp.

Nhò ñõagiaũ lõõng, cãmħ duyềũ hoả biếũ. Nhi Lãĩ bang chi thaũg kyõsoávoácũng và haũtaũ cõũdaũ Thò dó lieũ nghóa Ñãĩ thõũ voãbaũ chà quy Tònħ ñõũ Tìềũ hieũ haũ thanh, tõi tha giaũ nguyềũ vàũg sanh. Phãm dư ñõãnhãũ, tiềũ tu tõi ñieũ Phãũ daũ

OÂhoả

Nhân vô viễn lộ,

Tất hữu cận ưu.

Nhất thất nhân thân,

Vạn kiếp nan phục.

Coásuaũ ñãĩ haũ chũng, cũũ ñieũ A-di-đã Phãũ, baũh thanh thiềũ thanh, naũ chí vàũ thanh, hoả hõõũg ñõũg duyềũ, nguyềũ sanh bæquốũ.

Thieũ kyũlieũ trũ thaũg hoả, kim ñõũ phãũ minh. Yũhoả tõũg tõi, taũ haũ tõi nguyềũ. Thaũ chàũ thuaũ thuũy, cãmħ gia loãtrũ chi cõũg, taũ thaũ vàũ dieũ trìnħ báũ lao nhi chí hyõ

元祐四年，冬，宗蹟夜夢一男子，烏巾白衣，可三十許，丰貌清美，舉措閑雅，揖謂宗蹟曰。欲入公彌陀會告上一名。

宗蹟乃取蓮華勝會錄，秉筆問曰。公何名。曰。普慧。

宗蹟書已，白衣又云。家兄亦告上名。

宗蹟問曰。令兄何名。云。普賢。

言訖遂隱。宗蹟覺而詢諸耆宿皆云。華嚴，離世間品，有二大菩薩名。宗蹟以爲佛子，行佛事，助佛揚化，必有賢聖幽贊。然則預此會者，豈稍小緣哉。今將二大菩薩爲此會首。

嗚呼。淨土一法，大聖尊崇。叅禪凡流，豈宜輕忽。

Nguyen Hôu tònien ñông, Tông Trách dai moing nha nam tâu ñieu cân bách y, khautam thaõ hõa, phong mã thanh myõ cõuthoánhan nhaõ áp vô Tông Trách viet: Dũc nhaõ công Di-đà hoã, caõ thõõng nhaõ danh.

Tông Trách naõ thuLieân Hoa thaõng hoã lữc, bành bui vaõ viet: Công haõdanh? Viet: PhoãHueã

Tông Trách thõ dó, bách y hõu vaõ: Gia huynh dieã caõ thõõng danh.

Tông Trách vaõ viet: Lõnh huynh haõdanh? Vaõ: Phoã Hieã.

Ngoãn ngaã toã aã. Tông Trách giaõ nhi tuaõ chõ kyõtuõ giai vaõ: Hoa Nghieãn, Ly TheãGian phaõn, hõu nhõ ñã Boã Taõ danh. Tông Trách dó vi Phaõ tõu hanh Phaõ sõi trõi Phaõ döõng hoã, taõ hõu hieã thanh u taõ. Nhieãn taõ döi thõõhoã giaõ khõu tieõ duyeãn tai! Kim tõõng nhõ ñã Boã Taõ vi thõõ hoã thuõ

Oãhoã Tõnh ñõanhaõ phaõ, ñã thanh toã sung. Tham thieã phaõn lõu khõu nghi kinh hoã.

12. Thiền sư Trương Lô Trạch khuyên người tham thiền tu Tịnh độ

Như chỉ thấy rằng niệm là niệm, sanh là sanh, ấy là chỗ sai lệch của kẻ chấp thường;⁽¹⁾ còn như thấy rằng không niệm là không niệm, không sanh là không sanh, ấy là chỗ lầm lẫn của kẻ tà kiến.⁽²⁾ Như có thể niệm mà không niệm, sanh mà không sanh, đó mới là nghĩa lý chân thật cao tột nhất.⁽³⁾

Cho nên, xét theo chân lý thật tánh thì không có một mảy trần nào thọ lấy; trên chẳng có chư Phật để xưng niệm, dưới cũng chẳng có Tịnh độ để vãng sanh! Việc trong của Phật chẳng bỏ pháp nào, nhưng muốn thâm nhiếp các căn phải nhờ phép niệm Phật *Tam-muội*. Vì quay về nguồn cội, cốt yếu phải mở mang chỉ bảo pháp môn vãng sanh.

Vì thế mà cả ngày niệm Phật nhưng chẳng trái với không niệm, rõ ràng vãng sanh nhưng chẳng trái với vô sanh. Cho nên, phạm thánh cương vị khác nhau nhưng có thể cảm ứng giao hòa mỗi đạo, hai phương đông tây chẳng hề qua lại nhưng thần thức đi về cõi tịnh. Cho nên, kinh *A-di-đà* dạy rằng: “Như những kẻ nam, người nữ có lòng lành, nghe giảng nói về Phật *A-di-đà*, bèn chuyên tâm niệm danh hiệu ngài, hoặc một ngày, hoặc hai ngày,

⁽¹⁾ Chấp thường, hay Thường kiến, là quan điểm cho rằng các pháp đều thường trụ, chắc thật.

⁽²⁾ Tà kiến: những quan điểm sai lầm, không đúng thật.

⁽³⁾ Nghĩa lý chân thật cao tột nhất (Đệ nhất nghĩa đế): chân lý đúng với thật tánh các pháp, không biến đổi theo thời gian hay không gian, vượt ngoài những kiến chấp sai lệch của người thế gian.

hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, tâm không tán loạn. Người ấy khi lâm chung liền có đức Phật *A-di-đà* cùng với các vị thánh chúng hiện ra trước mắt. Khi mạng chung tâm không điên đảo, liền được sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật *A-di-đà*.”

Than ôi! Những kẻ lòng tin nông cạn, ngang ngạnh nghi ngờ, chê bai chẳng tin lời thành thật của chư Phật, chẳng tin sự vãng sanh về Tịnh độ, há chẳng mê lầm lắm sao?

Như tin lời Phật, được sanh về Tịnh độ, thì không còn bị ràng buộc bởi nghiệp duyên, cho đến lửa nạn trong kiếp cũng chẳng thiêu đốt được. Dứt được tám nỗi khổ⁽¹⁾ cõi người, tránh khỏi năm tướng suy⁽²⁾ cõi trời. Đối với các đường dữ,⁽³⁾ tai còn không nghe nhắc đến tên, huống là có thật?

Kinh *A-di-đà* dạy rằng: “Nơi cõi ấy chúng sanh không có những sự khổ não, chỉ hưởng các điều vui sướng, nên gọi là Cực Lạc.”

Nay đem cõi Ta-bà đối chiếu so sánh với cõi Cực Lạc: Ở cõi này, thân thể là máu thịt, sanh ra thì phải khổ. Ở cõi kia, do hoa sen hóa sanh, không có sự khổ vì sanh.

⁽¹⁾ Tám nỗi khổ (Bát khổ): 1. Sanh, 2. Già, 3. Bệnh, 4. Chết, 5. Chia cách với người thương yêu, 6. Gắn gũi, tiếp xúc với người không ưa thích, 7. Mong cầu không được thỏa mãn, 8. Năm ấm xí thạnh.

⁽²⁾ Năm tướng suy (Ngũ suy): 1. Y phục thường dơ nhớp, 2. Đầu tóc rối bời, 3. Thân thể có mùi hôi, 4. Dưới nách thường ra mồ hôi, 5. Không thích ngồi vị của mình. Năm tướng suy này hiện ra khi chư thiên sắp hết phúc ở cõi trời.

⁽³⁾ Tức là ba đường dữ (Tam ác đạo): địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Ba đường dữ này, nơi cõi Cực Lạc không hề nghe nhắc đến tên, nên người vãng sanh về đó không còn biết đến nữa.

Ở cõi này, thời tiết đổi thay, già suy ngày càng đuổi đến. Ở cõi kia, chẳng có sự thay đổi nóng lạnh, không có sự khổ vì già.

Ở cõi này, bốn đại khó điều hòa, sanh ra nhiều bệnh hoạn. Ở cõi kia, hình thể biến hóa thơm sạch, không có sự khổ vì bệnh.

Ở cõi này, sống đến bảy mươi tuổi đã là ít có, vô thường nhanh chóng. Ở cõi kia, đời sống dài vô lượng, không có sự khổ vì chết.

Ở cõi này, những người thân thuộc yêu thương, có luyến ái là có biệt ly. Ở cõi kia, không cha mẹ vợ con, không có sự khổ vì ly biệt.

Ở cõi này, những người cừ địch hiểm thù, oán ghét nhau mà có lúc vẫn phải gần nhau. Ở cõi kia, tụ hội toàn những kẻ hiền lành, không có sự khổ vì phải gần kẻ mình oán ghét.

Ở cõi này, khốn khổ vì đói rét, tham cầu chẳng bao giờ thỏa ý. Ở cõi kia, đồ ăn đồ mặc cho đến trên châu, bảo vật đều tùy chỗ cần dùng mà tự hiện ra.

Ở cõi này, hình hài xấu xa như nhớp, sáu căn thường khiếm khuyết. Ở cõi kia, tướng mạo đoan trang nghiêm chỉnh, thân thể chói sáng rực rỡ.

Ở cõi này, trôi lăn chìm nổi trong sanh tử. Ở cõi kia, vĩnh viễn được phép Vô sanh.

Ở cõi này, gò đống hầm hồ, gai góc thành rừng, núi đất núi đá, dơ nhớp đầy đầy. Ở cõi kia, vàng ròng làm đất, cây báu ngất trời, lầu cao bảy báu, hoa nở bốn mùa.

Ở cõi này, đức Thích-ca đã nhập Niết-bàn nơi rừng Sa-la song thọ, đức Di-lặc chưa đản sanh ở hội Long Hoa. Ở cõi kia, đức Phật A-di-đà đang làm Giáo chủ, hiện thời thuyết pháp.

Ở cõi này, kính ngưỡng các vị Quán Âm và Thế Chí. Ở cõi kia, được cùng hai vị ấy kết làm bạn tốt.

Ở cõi này, tà ma ngoại đạo khuấy rối những bậc tu hành chân chánh. Ở cõi kia, đức Phật giáo hóa gom về một mối, dứt sạch tà ma ngoại đạo.

Ở cõi này, ma sắc quỷ dâm mê hoặc người tu hành. Ở cõi kia, chánh báo trong sạch, chẳng có nữ nhân.

Ở cõi này, thú dữ, quỷ ma quấy rộn tiếng tà. Ở cõi kia, chim nước với cây rừng đều nói pháp mầu.

So sánh giữa hai cõi, cảnh duyên khác nhau rất xa. Mà những chỗ vượt trội của Lạc Bang thật là vô cùng, không thể kể ra hết được.

Vì thế mà trong các kinh điển Đại thừa, không kinh nào không chỉ về Tịnh độ. Các vị hiền nhân đời trước cho đến các bậc thánh về sau, hết thấy đều tự mình phát nguyện vãng sanh. Cho nên, muốn độ người thì trước phải nên tự mình niệm Phật.

Than ôi!

Người không lo xa.

Ắt có nạn gần.

Thân người mất đi.

Muôn kiếp khó được.

Cho nên thôi thúc hết thảy đại chúng, ai nấy đều nên niệm Phật *A-di-đà*, trăm, ngàn cho tới muôn ngàn tiếng. Hồi hướng cùng một duyên, nguyện sanh về Tịnh độ.

Gắng cầu Thắng hội Liên trì, đất vàng pháp sáng, dìu dắt lấy nhau ắt mãn nguyện ấy. Ví như bơi thuyền xuôi nước, lại thêm sức người chèo lái, dù đường xa muôn dặm, chẳng nhọc sức cũng tới nơi!

Mùa đông năm Nguyên Hựu thứ tư,⁽¹⁾ Tông Trạch⁽²⁾ này nằm mộng thấy một người đội khăn đen, mặc áo trắng, chừng ba mươi tuổi, dung mạo thanh tú, cử chỉ khoan thai, chấp tay vái Tông Trạch này mà thưa rằng: “Tôi muốn vào hội *Di-đà*, xin ngài ghi tên tôi.” Tông Trạch này liền lấy ra cuốn sổ Liên hoa Thắng hội, cầm bút hỏi rằng: “Ngài tên chi?” Người ấy đáp rằng: “Tôi tên Phổ Huệ.”

⁽¹⁾ Tức là năm 1089 (Kỷ Ty), vào đời vua Tống Triết Tông.

⁽²⁾ Thiên sư Trương Lô Trạch tự xưng.

龍舒王居士勸人徑修淨土文

世有專於參禪者，只說唯心淨土，豈復更有淨土。自性彌陀，不必更有彌陀。

皆失之矣。何則。此言甚高，切恐不易到。彼西方淨土無貪無戀無瞋無癡。吾心能無貪無戀無瞋無癡乎。

Tông Trạch ghi tên xong, người ấy lại nói: “Tiện thể cũng xin ghi tên anh tôi.” Tông Trạch này hỏi rằng: “Anh ngài tên chi?” Đáp rằng: “Tên là Phổ Hiền.” Nói xong, liền biến mất.

Tông Trạch này tỉnh giấc, tìm hỏi những vị đạo đức cao niên, đều nói rằng: Ở phẩm Ly thế gian trong kinh Hoa Nghiêm⁽¹⁾ có tên hai vị Đại Bồ Tát ấy. Tông Trạch nghĩ rằng: “Người Phật tử làm Phật sự, tuyên dương pháp Phật giúp vào việc giáo hóa, ắt có thánh hiền ngầm giúp. Vậy thì người dự Hội này, há phải duyên nhỏ hay sao? Nay tôn hai vị Đại Bồ Tát đứng đầu trong Hội này.

Than ôi! Bậc Đại Thánh còn tôn sùng pháp Tịnh độ, huống chi hạng phàm phu đang tu pháp tham thiền, há lại nên khinh thường mà bỏ qua hay sao?

⁽¹⁾ Tức là phẩm thứ 33, thuộc quyển 36, kinh Hoa Nghiêm (大方廣佛華嚴經).

Long Thư Vương cư sĩ khuyến nhân kính tu Tịnh độ văn

Theáhöü chuyean ö tham thien giaü chàthuyea duy taän Tònh ñoã khöü phuë caành höü Tònh ñoã töi taành *Di-đà*, baá taá caành höü *Di-đà*.

Giai thaá chi hyö Haaäé? Thöüngoän thaän cao, thieá khüng baá dò ñaü. BæTaý phöông Tònh ñoã voátham, voäluyean, voâ saän, voâsi. Ngoátaän naüng voátham, voäluyean, voâsaän, voâsi hoá

彼西方淨土思衣得衣，思食得食。欲靜則靜，欲去則去。吾思衣而無衣，則寒惱其心。思食而無食，則饑惱其心。欲靜而不得靜，則羣動惱其心。欲去而不得去，則繫累惱其心。

是所未唯心淨土者，誠不易到也。

彼阿彌陀佛福慧具足，神通廣大，變地獄為蓮華，易於反掌。觀無盡之世界，俱在目前。吾之障重，恐墮地獄，況能變作蓮華乎。隔壁之事，猶不能見，況能見無盡世界乎。

是所謂自性阿彌者，誠不易到也。

今之叅禪之人，烏得忽淨土而不修，捨阿彌而不欲見乎。

大阿彌陀經云。十方有無量菩薩往生阿彌陀佛國。彼菩薩尚欲往生，我何人哉不欲生彼。是果勝於諸菩薩乎。

由此言之，唯心淨土，自性彌陀者，大而不要，高而不切。修未到者，誤人多矣。

略舉數條，以為證之。

Bæ Taÿ phông Tờn ãoặ tồ y ãe y, tồ thớ ãe thớ, dưc tónh tæc tónh, dưc khõutæc khõu Ngoặtồ y nhi voặy, tæc hæn naõ kyotæn. Tồ thớc nhi voặthớc, tæc cô naõ kyotæn. Dưc tónh nhi bæc ãe tónh, tæc quæn ãoặng naõ kyotæn. Dưc khõunhi bæc ãe khõu tæc heặluỷ naõ kyotæn.

Thồ sôuvò duy tâm Tờn ãoặgiặ thanh bæc dò ãoặ daõ

Bæ A-di-đà Phaỷ, phõồừ hueặcủi tuừ, thanh thớng quặng ãaỷ, biệc ãoặ ngư vi liệc hoa, dò õ phæn chõồng. Quæn voặ tæn chi theặgiồừ, caừ tæc muỷ tiec. Ngoặchi chõồng trớng, khừng ãoặ ãoặ ngư, huợng nặng biệc tæc liệc hoa hoặ Cặch bích chi sớ du bæc nặng kiệc, huợng nặng kiệc voặ tæn theặgiồừ hoặ

Thồ sôuvò tồitành A-di giặ thanh bæc dò ãoặ daõ

Kim chi tham thiec chi nhaỷ, ãieặ ãe hoặ Tờn ãoặnhỉ bæc tu, xấu A-di nhi bæc dưc kiệc hoặ

Ñaỷ A-di-đà Kinh vặn: Thặp phông hõừ voặlõồng Bặ Taừ vặng sanh A-di-đà Phaỷ quặc. Bæ Bặ Taừ thõồng dưc vặng sanh, ngặohặnhặn tæc bæc dưc sanh bæ Thồ quặthặng õ chõ Bặ Taừ hoặ

Do thõồngặ chi, duy tâm Tờn ãoặ tồitành Di-đà giặ ãaỷ nhi bæc yeặ, cao nhi bæc thieặ. Tu vồ ãoặ giặ ngoặnhặ ãa hyồ

Lõồừ cõूसोऽऱिेऱ, dó vi chõồng chi.

青草堂，後身曾魯公。詰老，後身多憂苦。
古老，後身耽富貴。法華尼，後身作官妓。皆
是不信西方，展轉輪迴受苦。

此等若修西方，決定上品上生。祇因不
信，反成弊矣。不若腳踏實地，持誦修行，則
得徑生淨土，直脫輪迴。與虛言無實者，天地
相遠矣。

或曰。叅禪固難見性，學仙何如。

答曰。不修淨土而欲學仙。是捨目前之美
玉，而求不可必得之碲碲，豈不惑哉。

何則。按楞嚴經云。有十種仙，皆壽千萬
歲，數盡復入輪迴，為不曾了得真性。故與六
道眾生同名七趣，是皆輪迴中人也。

世人學仙者，萬不得一。縱使得之，亦不免
輪迴。為著於形神，而不能捨去也。且形神
者，乃真性中所現之妄想，非為真實。

故寒山詩云。

Thanh Thảo ñôông, haũ thân Tạng LôCoâng. Triết Lão,
haũ thân ña ous khoá Coalaõ, haũ thân ñam phuquyù Pháp
Hoa ni, haũ thân tâu quan kyõ Giai thò baát tín Tây phông,
trieãn chuyean luaãn hoả thoihoa

Thouñang nhöör tu Tây phông, quyết ñinh thöông
phaãn thöông sanh. Kyonhaãn baát tín, phaãn thanh teahyõ Baát
nhöör cöör ñap thaĩ ña, trì tưng tu haanh. Taé ñaé kính
sanh Tành ñoạ tröer thoaũ luaãn hoả. Dööhö ngoãn voãthaĩ giaũ
thieãn ña töông vieãn hyõ

Hoæ vieã: Tham thieãn coãnán kieãn tành, hoĩ tieãn hao
nhõ?

Ñap vieã: Baát tu Tành ñoạ nhi dưc hoĩ tieãn. Thò xaũmuĩ
tieãn chi myõngöer, nhi caũ baát khaũtaĩ ñaé chi vuõphu, khöũ
baát hoæ tai?

Haõtaé? Aũ Laãng Nghieãn kinh vaãn, höũ thaũ chung
tieãn, giai thoi thieãn vaãn tueá soátain phuĩ nhaũ luaãn hoả, vò
baát taãng lieũ ñaé chaãn tành. Coá döölũc ñaõ chung sanh,
ñoàng danh thaũ thuĩ thò giai luaãn hoả trung nhaãn daõ

Theãnhaãn hoĩ tieãn giaũ vaãn baát ñaé nhaũ. Tưng söũñaé
chi, dieã baát mieãn luaãn hoả. Vò tröör ö hình thaãn, nhi baát
naãng xaũkhöüdaõ Thaũhình thaãn giaũ naõ chaãn tành trung söũ
hieãn chi võng töông, phi vi chaãn thaĩ.

CoáHang Sôn thi vaãn:

饒汝得仙人，
恰似守屍鬼。

非若佛家之生死自如，而無所拘也。近自數百年來得仙者唯鍾離，呂公。而學鍾離，呂公者，豈止千萬。自予親知間，數亦不少。終皆死亡，埋于下土。是平生空費心力，終無所益也。

豈不聞洞賓飛劍斬黃龍，卻被黃龍降伏。及見黃龍禪師，方悟真性了道。

遂說一偈云。

棄卻瓢囊擊碎琴，
如今不戀汞中金。
自從一見黃龍後，
始覺從前錯用心。

是也。

又不聞後魏，曇鸞法師，初自陶隱君⁽¹⁾得仙經十卷。鸞欣然自得，以為神仙必可致也。

後遇僧菩提流支，問曰。佛道有長生乎。能卻老為不死乎。

支曰。長生不死，吾佛道也。

⁽¹⁾ Trong các bản khắc gỗ hiện có đều khắc chỗ này là Đào ẩn cư (陶隱居), và do đó các bản dịch cũ đều dịch là “ở ẩn tại đất Đào”. Gần đây chúng tôi được đọc một tài liệu của Thái Hư Đại sư có trích dẫn đoạn này nhưng viết là Đào Ẩn Quân, là một tên người. Xét thấy chữ quân và chữ cư quả là quá dễ nhầm với nhau, và nếu là chữ quân sẽ rõ nghĩa câu văn và hợp lý hơn cách hiểu trước đây. Tiếc rằng Thái Hư Đại sư không nói rõ đã trích dẫn từ đâu nên chúng tôi cứ chú tại đây để độc giả mình xét.

Nhiều như đấng tiên nhân.

Cáp tợ thủ thi quý.

Phi nhôõr Phaĩ gia chi sanh töütöi nhö, nhi voäsôucañ daõ Cañ töisoabañh nieñ lai, ñaé tieñ giañ duy Chung Ly, Löö Coång. Nhi hoĩ Chung Ly, LööCoång giañ khöñ chæthieñ vañ. Töĩ dö thañ tri gian, soádieñ baĩ thieñ. Chung giai töüvong, mai vu haĩ thoá Thò bình sanh khoång phí tañ löĩ, chung voã söüich daõ

Khöñ baĩ vañ Ñoång Tañ phi kieñ trañ Huyñh Long, khöñ bò Huyñh Long hañg phuĩ. Cáp kieñ Huyñh Long thieñ sö, phöông ngoächañ tañh lieñ ñaõ.

Toaĩ thuyeañ nhaĩ keávañ:

Khí khước biểu nang kích toái cầm.

Như kim bất luyến công trung kim.

Tự từng nhất kiến Huỳnh Long hậu.

Thủy giác từng tiền thổ dụng tâm.

Thò daõ

Höñ baĩ vañ Hañ Ngüy, Ñaam Loan Phañ sö. Sö töĩ Ñaam Añ Quañ ñaé tieñ kinh thañ quyeañ. Loan hañ nhieñ töĩñaé, dö vi thañ tieñ taĩ khautri daõ

Hañ ngoãtañg Bô-dê Liu-chi, vañ vieñ: Phaĩ ñaõ höñ tröông sanh hoĩ Nañg khöñ laõ vi baĩ töühoĩ

Chi vieñ: Tröông sanh baĩ töü ngoãPhaĩ ñaõ daõ

遂以十六觀經與之，云。汝可誦此，則三界無復生，六道無復往。盈虛消息，禍福成敗，無得而至。其為壽也，有劫石焉。有河沙焉。沙石之數有限，壽量之數無窮。此吾金仙氏之長生也。

鸞深信之，遂焚仙經，而專修觀經，雖寒暑之戀，疾病之來，亦不解怠。

魏主憐其志尚。又嘉其自行化他，流傳甚廣，號為神鸞。

一日告弟子曰。地獄諸苦，不可以不懼。九品淨業，不可以不修。

因令弟子高聲念阿彌陀佛，鸞西向閉目，叩頭而亡。是時僧俗同聞管絃絲竹之聲，從西而來，良久乃止。

由此觀之，淨土法門最為捷徑。况神仙者，有所得則甚秘而不傳，以謂泄天機而有罪。佛法門唯恐傳之不廣，直欲度盡眾生而後已。是其慈悲廣大，不易測量，非神仙之可比也。

Toāi dó Thap̄ lưc quān kinh döochi, vaân: Nhöökhaütung thöu taé tam giöu vôaphư sanh, lưc ñāb vôaphư vaông. Doanh hö tieâu töu, hoā phöôu thanh bai, voāñae nhi chí. Kyö vi thoidaö höu kiep̄ thanh yeân, höu haosa yeân. Sa thanh chi soáhöu hañ, thoilöông chi soávoacung. Thöungoâkim tieân thö chi tröông sanh daö

Loan thaân tín chi, toāi phañ tieân kinh, nhi chuyeân tu quān kinh, tuy hañ thöuchi luyeân, tañ beñh chi lai, dieä bañ giañ ñaö.

Nguȳ Chuä lañ kyöchí thöông. Höu gia kyötöi hañh hoä tha, löu truyeñ thañ quāng, hieäu vi Thañ Loan.

Nhañ nhañ caö ñeätöüvieät: Ñöa nguïc chö khoä bañ khaüdó bañ cuí Cöü phañ tönh nghiep̄, bañ khaüdó bañ tu.

Nhañ linh ñeätöücaö thanh nieñ A-di-dà Phañ, luyeân Taȳ höông beämuïc, khaü ñaü nhi vong. Thö thöü taüg tuïc ñoàng vañ quān huyeñ ti trüè chi thanh, tung taȳ nhi lai, löông cöü naö chà

Do thöuquān chi, Tönh ñöäphañ moñ toá vi tiep̄ kinh. Huóng thañ tieñ giañhöu söüñae taé thañ bí nhi bañ truyeñ, dó vò tieä thieñ cô nhi höu toä. Phañ phañ moñ duy khùng truyeñ chi bañ quāng. Tröc duïc ñöatañ chùng sanh nhi hañ dó. Thö kyötöübi quāng ñaï, bañ dò traé löông, phi thañ tieñ chi khaütüdaö

13. Long Thư Vương cư sĩ khuyên người tu pháp Tịnh độ thẳng tắt⁽¹⁾

Trong đời có những kẻ chuyên tu tham thiền, luôn nói rằng chỉ riêng tâm này là Tịnh độ, ngoài ra không còn Tịnh độ nào khác, tự tánh vốn là *Di-đà*, ngoài ra chẳng có *Di-đà* nào khác.

Nói như vậy đều là sai lầm. Vì sao vậy? Lời ấy rất cao siêu, chỉ e nói được mà chẳng dễ gì đạt tới. Cõi Tịnh độ bên phương tây, không còn tham, luyến, sân, si. Tâm chúng ta hiện nay, liệu có thể thật không tham, luyến, sân, si hay chẳng? Cõi Tịnh độ bên phương tây, chuyện ăn mặc chỉ nghĩ đến là có, muốn tĩnh lặng thì tĩnh lặng, muốn đi thì đi. Chúng ta thì nghĩ đến chuyện mặc mà chẳng có áo, nên rét buốt làm cho khổ não; nghĩ đến chuyện ăn mà chẳng có cơm, nên đói khát làm cho khổ não; muốn tĩnh lặng mà chẳng được tĩnh lặng, nên sự xáo động làm cho khổ não; muốn đi mà chẳng đi được, nên những trói buộc làm cho khổ não. Như thế mà nói rằng chỉ riêng tâm này là Tịnh độ, thật chẳng dễ đạt tới.

Đức Phật *A-di-đà*, phước huệ gồm đủ, thần thông quảng

⁽¹⁾ Bài trước so sánh cảnh khổ Ta-bà với cảnh vui Cực Lạc để khuyên người ta tu cả tham thiền và Tịnh độ. Bài này chỉ thẳng con đường tắt Tây phương, khuyên người chuyên niệm Phật, nhờ đức tin và nguyện lực mà được vãng sanh. Tác giả bài văn này là Vương Nhật Hữu, người đất Long Thư, nên gọi là Long Thư Vương cư sĩ. Ông đậu tiến sĩ triều nhà Tống, học rộng kinh sử, thường giáo huấn người trong nước. Một ngày kia bỏ việc giáo huấn, nói rằng: “Đó đều là những việc tạo nghiệp, chẳng phải cứu cánh.” Từ đó, tinh tấn niệm Phật, hằng ngày lễ Phật đến ngàn lạy. Ông có trước tác mười quyển văn Tịnh độ, khuyên người niệm Phật. Người tu Tịnh độ lúc bấy giờ, phần nhiều là theo thuyết của ông. Khi ông lâm chung, thần nhiên niệm Phật mà đi.

đại, biến địa ngục làm hoa sen dễ như trở bàn tay, nhìn khắp các thế giới vô tận dường như trước mắt. Chúng ta nghiệp chướng nặng nề, tự thân còn lo phải đọa địa ngục, huống chi có thể biến ra hoa sen được sao? Chuyện xảy ra cách vách còn không thấy được, huống chi thấy khắp các thế giới vô tận hay sao? Như thế mà nói rằng tự tánh vốn là *Di-đà*, thật chẳng dễ đạt tới.

Người tu thiền đời nay, sao có thể quên Tịnh độ mà chẳng tu? Sao có thể bỏ Phật *Di-đà* mà chẳng muốn thấy? Kinh Đại *A-di-đà* dạy rằng: “Trong mười phương có vô số Bồ Tát vãng sanh về cõi Phật *A-di-đà*.” Các vị Bồ Tát còn muốn vãng sanh, chúng ta sao lại chẳng muốn? Liệu ta có thể hơn được các vị Bồ Tát hay sao? Theo như lời ấy thì cái lý “duy tâm Tịnh độ, tự tánh *Di-đà*” thật là rộng lớn nhưng không trọng yếu, cao siêu mà chẳng cần thiết. Những kẻ tu hành chưa chứng ngộ, lầm lạc rất nhiều.

Nay xin kể ra đôi chuyện để làm chứng cứ.

Thiền sư Thanh Thảo Đường tái sanh là Tăng Lão công,⁽¹⁾ thiền sư Triết Lão tái sanh chịu nhiều lo âu, khổ não,⁽²⁾ Cổ Trưởng lão tái sanh sa vào phú quý,⁽³⁾ ni sư trì kinh Pháp

⁽¹⁾ Theo truyền tích kể lại thì thiền sư Thanh Thảo Đường đời nhà Tống, chuyên tu thiền định, thọ đến hơn chín mươi tuổi. Khi ấy, có người đàn bà nhà họ Tăng thường đến cúng dường, thưa thỉnh rằng: “Chẳng hay sau khi thấy trăm tuổi, có chịu đến nhà tôi nữa chẳng?” Thiền sư mỉm cười. Sau đó thai làm con nhà họ Tăng, tức là Tăng Công Lượng, đỗ tiến sĩ, làm quan tới chức Thái phó, tước Lão quốc công, nên gọi là Tăng Lão công.

⁽²⁾ Thiền sư Triết Lão trụ trì một ngôi chùa lớn ở kinh thành, bốn mươi năm ngôi thiền chẳng ngủ, sau khi viên tịch để lại ngọc xá-ly. Nhưng vì không phát nguyện vãng sanh Tây phương, nên tái sanh vào nhà giàu sang, trọn đời phải chịu nhiều sự lo âu, khổ não.

⁽³⁾ Trưởng lão Huệ Cổ trụ trì một chùa lớn tại Triết Giang, chuyên tu thiền định. Sau khi thác tái sanh vào nhà quan Tể tướng, đam mê phú quý công danh, tham đắm sắc dục.

Hoa lại sanh làm kỹ nữ nhà quan.⁽¹⁾ Đó đều là những người chẳng tin Tây phương, nên phải trôi lăn trong luân hồi mà chịu khổ não. Nếu họ tu trì pháp môn Tịnh độ, chắc chắn đã được dự hàng *Thượng phẩm thượng sanh!* Chỉ tại chẳng tin, thành ra xấu tệ. Chi bằng đứng trên đất thật, trì tụng tu hành, ắt được thăng sanh về Tịnh độ, thoát khỏi luân hồi. Như vậy, sánh với lời nói hư vọng chẳng thiệt kia, xa nhau như trời với đất!

Hoặc có kẻ hỏi rằng: “Tham thiền vẫn khó thấy tánh, còn học đạo tiên thì sao?”

Đáp rằng: “Chẳng tu Tịnh độ mà muốn học đạo tiên, đó là bỏ hòn ngọc đẹp trước mắt để đi tìm thứ đá giả ngọc mà chưa chắc có. Thật sai lầm lắm thay! Vì sao vậy? Kinh Lăng Nghiêm dạy rằng: Có mười hạng tiên, thầy đều sống được ngàn muôn tuổi. Nhưng khi tận số phải trở lại luân hồi, chưa từng hiểu được chân tánh, cho nên cũng đồng với sáu đường chúng sanh mà thành ra bảy đường,⁽²⁾ vẫn là trong vòng luân hồi vậy.

Người đời học đạo tiên, muôn người chẳng thành được một. Nhưng dù có thành, cũng chẳng thoát luân hồi. Vì lẽ bám chấp vào hình thần, nên chẳng bỏ được. Nhưng hình thần đó cũng là vọng tưởng do chân tánh hiện ra, chẳng phải chân thật. Cho nên thơ Hàn Sơn nói rằng:

⁽¹⁾ Âu Dương Tu đời Tống, khi đi Dĩnh Châu gặp một kỹ nữ nhà quan trong miệng tỏa ra hương sen thơm ngát. Lại gặp một vị tăng nói rằng: “Người kỹ nữ này đời trước làm ni sư, tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, chỉ vì khởi một niệm sai quấy nên phải thọ thân như ngày nay.” Nói rồi liền đưa kinh Pháp Hoa cho người kỹ nữ ấy tụng, thì thông suốt như nước chảy. Thử đưa những kinh khác thì đều không tụng được.

⁽²⁾ Bảy đường (Thất thú): Trong hầu hết các kinh đều chỉ kể có sáu đường trong luân hồi. Riêng trong kinh Lăng Nghiêm, có kể thêm hạng thần tiên mà thành bảy đường. Đó là: 1. Địa ngục, 2. Ngạ quỷ, 3. Súc sanh, 4. Người, 5. Thần tiên, 6. A-tu-la, 7. Chư thiên.

*Cho dù tu được thành tiên,
Khác nào như giữ xác chết.*

Chẳng bằng người học Phật tự rõ lẽ sống chết, không gì trói buộc được.

Trong khoảng mấy trăm năm nay, người học đạo thành tiên duy chỉ có Chung Ly và Lữ công mà thôi. Nhưng người theo học Chung Ly và Lữ công, đâu phải chỉ có ngàn muôn người?⁽¹⁾ Chỉ những người mà ta quen biết, số ấy cũng đã chẳng ít, nhưng rốt cuộc thầy đều chết mất, vùi thân dưới ba tấc đất! Đó là uổng phí tâm lực bình sanh, rốt lại chẳng ích gì cả. Há chẳng nghe chuyện Đồng Tân ném kiếm chém Hoàng Long, trở lại bị Hoàng Long hàng phục đó sao?⁽²⁾ Đến khi gặp được thiền sư Hoàng Long, Đồng Tân mới ngộ được chân tánh và hiểu đạo, đọc kệ rằng:

*Bỏ bầu, bỏ túi, đập đàn bễ,
Chẳng tham vàng bạc nhiều vô kể.
Từ gặp Hoàng Long được chỉ dạy,
Mới hay từ trước đã sai đường.*

Lại chẳng nghe chuyện pháp sư Đàm Loan đời Hậu Ngụy hay sao? Trước nhận được mười quyển kinh tiên nơi

⁽¹⁾ Nghĩa là còn nhiều hơn thế nữa.

⁽²⁾ Theo Liệt tiên truyện, Lữ Đồng Tân là người đời Đường, ở phủ Kinh Triệu, họ Lữ, tên Nham, tự là Đồng Tân, theo học đạo tiên với thầy là Chung Ly. Sau được thầy trao cho cây kiếm báu, chu du khắp thiên hạ. Một hôm nghe tiếng thiền sư Huệ Nam ở núi Hoàng Long, Đồng Tân tìm đến chất vấn. Vì đối đáp không bằng thiền sư nên sanh tâm tức giận, liền dùng phép tiên ném kiếm báu để chém thiền sư. Chẳng ngờ bị thiền sư khuất phục. Đồng Tân bái lạy nhận làm thầy, cầu được khai ngộ. Thiền sư thấu nhận, chỉ bày cho đạo chân chánh để tu tập. Đồng Tân nhân đó được khai ngộ, bỏ tiên thuật mà quy y Tam bảo.

Đào Ân Quân, tỏ ra hớn hở tự đắc, cho rằng có thể đạt tới địa vị thần tiên. Sau gặp ngài *Bồ-đề Lưu-chi*,⁽¹⁾ thưa hỏi rằng: “Đạo Phật có thuật trường sanh chăng? Người tu có thể trừ bỏ sự già, chết được chăng?”

Ngài *Bồ-đề Lưu-chi* đáp rằng: “Sống hoài không chết là đạo Phật của ta.” Liền đưa cho bộ kinh *Thập lục quán* và nói rằng: “Người nên tụng đọc kinh này, thì chẳng còn phải sanh trong ba cõi, chẳng còn đi vào sáu đường, những cuộc thăng trầm, họa phúc, thành bại đều chẳng động tới mình, đời sống dài lâu không cùng. Cho nên, đó là thuật trường sanh của đạo ta vậy.”

Đàm Loan tin sâu lời dạy của thầy, bèn đốt kinh tiên mà chuyên tu kinh *Thập lục quán*, cả những khi thời tiết

⁽¹⁾ Ngài là cao tăng miền bắc Ấn Độ, tên Phạn ngữ là *Bodhiruci*, Hán dịch nghĩa là *Đạo Hỷ*, dịch âm là *Bồ-đề Lưu-chi* (菩提流支). Không rõ năm sanh, chỉ biết là ngài đến Trung Quốc vào năm 508 (niên hiệu Vĩnh Bình đời Tuyên Võ Đế, triều Bắc Ngụy) và dịch nhiều kinh điển sang Hán ngữ. Tài liệu cũ cho biết khoảng niên hiệu Thiên Bình (534 – 537) ngài vẫn còn sống, nhưng về sau ra sao và thị tịch năm nào không ai rõ. Theo Lịch Đại Tam Bảo Ký thì ngài đã dịch được 38 bộ kinh, gồm 127 quyển. Tuy nhiên, hiện trong Đại Tạng Kinh chỉ còn ghi lại được 29 bộ.

丞相鄭清之勸修淨土聞

人皆謂修淨土，不如禪教律。余獨謂禪教律法門，莫如修淨土。夫真淨明妙，虛徹靈通，凡在智愚，皆具此性。根塵幻境，相與淪胥，生死輪迴，窮劫不斷。

thay đổi hay thân có tật bệnh cũng không biếng trễ. Vua Ngụy cảm vì chí cao thượng của ông, lại khen ông tự mình tu hành và giáo hóa cho đời, lưu truyền rất rộng, nên ban hiệu là Thần Loan.

Ngày kia, pháp sư bảo đệ tử rằng: “Mọi cảnh khổ địa ngục phải biết sợ, chín phẩm vị tịnh nghiệp⁽¹⁾ phải lo tu.” Rồi dạy đệ tử lớn tiếng niệm Phật *A-di-đà*. Ngài Thần Loan quay mặt về hướng tây, nhắm mắt, cúi đầu mà tịch. Lúc ấy, tăng chúng và cư sĩ đều nghe có tiếng nhạc vi diệu từ phương tây đến, giây lâu mới ngừng.

Theo đó mà xét thì pháp môn Tịnh độ rất là thẳng tắt. Như phép thần tiên, có được điều chi thì giấu kín mà chẳng truyền, bảo rằng tiết lậu thiên cơ có tội. Còn pháp môn nhà Phật thì chỉ e truyền ra chẳng được rộng, những muốn độ hết chúng sanh mới thôi. Đó là từ bi rộng lớn, chẳng dễ suy lường, chẳng phải đạo thần tiên có thể so sánh được.

⁽¹⁾ Tức là cửu phẩm vãng sanh, từ thượng phẩm thượng sanh cho đến hạ phẩm hạ sanh. Xem chú giải ở trang 84.

Thừa tướng Trịnh Thanh Chi khuyến tu Tịnh độ văn

Nhân giai vô tu Tịnh độ bất nhĩ thiên giai luận. Dĩ nãi vô thiên giai luận pháp môn, mãc nhĩ tu Tịnh độ Phưcchân tòng minh diệu, hồ triệc linh thông, phạm tai trí ngu, giai củithoũtành. Cãn trãn huyệc cãm, tồong dồoluãn tồ, sanh tồluãn hoả, cung kiếp bá nỏãn.

故釋氏以禪教律，假設方便，使之從門而入，俱得超悟。唯阿彌陀佛獨出一門，曰修行淨土如單方治病，簡要直截。一念之專即到彼岸。不問緇白皆可奉行。但知為化愚俗，淺近之說，其實則成佛道捷徑之途。

今之學佛者，不過禪教律，究竟圓頓莫如禪，非上根利器神領意解者，則未免墮頑空之失。研究三乘莫如教，非得魚忘筌因指見月者，則未免鑽故紙之病。

護善遮惡莫如律，非身心清淨表裏一如者，則未免自纏縛之苦。

總而觀之。論其所入則禪教律，要其所歸則戒定慧。不由禪教律而得戒定慧者，其唯淨土之一門乎。

方念佛時，口誦心惟諸惡莫作，豈非戒。繫念淨境幻塵俱滅，豈非定。念實無念，心華湛然，豈非慧。

人能屏除萬慮，一意西方。則不施棒喝，而悟圓頓機。不閱大藏經，而得正法眼。不持四

CoáThích thò dó thieàn giaò luaã, giaùthieát phöông tieàn, söüchi tung moàn nhi nhạp, caâu ñaé sieâu ngoã Duy A-di-đà Phaã ñoã xuaát nhaát moàn, vieát tu hanh Tònh ñoã nhö ñôn phöông trò beänh, giaùm yeáu tröïc tieát. Nhaát nieäm chi chuyeän, töü ñaò bæ ngaän. Baát vaán tri bách, giai khaùphung hanh. Ñaän tri vi hoà ngu tuõ, thieàn caän chi thuyeát, kyøthaát taé thaanh Phaã ñaò, tiep kính chi ñoà

Kim chi hoã Phaã giaù baát quaùthieàn giaò luaã, cöü camh vieän ñoän mãc nhö thieàn, phi thöông caän löi khí thaän laõh yù giaùm giaù taé vò mieän ñoã ngoan kông chi thaát. Nghieän cöü tam thöä mãc nhö giaò, phi ñaé ngö vong thuyeän nhaän chà kieän nguyẽ giaù taé vò mieän toan coáchachì beänh.

Hoãthieän giaùat mãc nhö luaã, phi thaän taän thanh tònh bieäu lyùnháat nhö giaù taé vò mieän töi trieän phöõc chi khoa

Toàng nhi quan chi. Luaän kyøsoùnhạp taé thieàn giaò luaã, yeáu kyøsoù quy taé giöü ñònh hueã Baát do thieàn giaò luaã nhi ñaé giöü ñònh hueãgiaù kyøduy Tònh ñoächì nhaát moàn hoà

Phöông nieäm Phaã thöü, khaù tung taän duy chö àu mãc taù, khöü phi giöü? Heänieän tònh camh huyeän traän caâu dieã, khöü phi ñònh? Nieäm thaát voänieän, taän hoa traüm nhieän, khöü phi hueã?

Nhaän naäng bình tröövän löi nhaát yùTaý phöông. Taé baát thi boäng haù, nhi ngoãvieän ñoän cô. Baát duyeát Ñaä taäng kinh nhi ñaé chành phạp nhaän. Baát trì töüoai nghi, nhi ñaé ñaä

威儀，而得大自在。不垢不淨，無縛無脫。當是時也，孰爲戒定慧。孰爲禪教律。

我心佛心一無差別，此修淨土之極致也。八功德水，金蓮華臺，又何必疑哉。淨土樞要之作，勤矣。

14. Thừa tướng Trịnh Thanh Chi khuyên tu Tịnh độ

Người ta đều bảo rằng tu Tịnh độ chẳng bằng thiên, giáo, luật.⁽¹⁾ Riêng tôi cho rằng các pháp môn thiên, giáo, luật chẳng bằng tu Tịnh độ.

Chân tánh sáng suốt mâu nhiệm, rỗng rang thấu suốt, dù kẻ trí hay người ngu, không ai là không sẵn có đầy đủ. Chỉ do căn trần huyễn cảnh mà cùng nhau chìm đắm, sanh tử luân hồi, cùng kiếp chẳng dứt.

Cho nên đạo Phật lấy thiên, giáo, luật mà tạm làm phương tiện, khiến cho người ta theo cửa mà vào, đều được siêu thoát, giác ngộ. Duy có đức Phật A-di-đà riêng mở một pháp môn. Ngài dạy rằng: “Tu hành Tịnh độ như phương thuốc trị bệnh, giản dị mà cốt yếu, thẳng thắn rõ ràng. Chỉ chuyên một niệm liền đạt giải thoát. Dù là xuất

⁽¹⁾ Thiên, giáo, luật: ba hướng tu trì, chuyên sâu về ba khía cạnh. Thiên là chuyên tu thiên định, giáo là chuyên nghiên tâm giáo điển, luật là chuyên trì giới luật. Do ba hướng tu trì mà thành ra các tông, phái khác nhau.

tối tại. Ba cái ba tình, vô phôi vô thoát. Nông thò thò đạo phư vi giới nòn huea Phư vi thiên giáo luật.

Ngaotâm Phái tâm nhất vô sai biệt, thòtu Tịnh ãochi cõr trí giãu Ba công ãõu thuy, kim liên hoa ãã, hõu haotã nghi tai. Tịnh ãõxu yeu chi ta, can hyõ

gia hay tại gia cũng đều có thể làm theo. Người ta chỉ cho rằng đây là giáo thuyết thiên cận để hóa độ những kẻ ngu tục, nhưng thật ra đây chính là con đường tắt nhanh chóng để thành tựu quả Phật.

Người học Phật ngày nay chẳng ngoài ba môn thiên, giáo, luật. Cứu cánh rốt ráo thì thiên là vượt trội, nhưng nếu không phải bậc thượng căn lợi khí, thần lãnh ý hội, thì chẳng khỏi sa vào chỗ chấp không. Nghiên cứu ba thừa thì giáo là vượt trội, nhưng nếu không phải đạt đến chỗ được ý quên lời thì chưa khỏi cái bệnh học suông trong đồng giấy cũ! Ngăn ác khuyến thiện thì luật là vượt trội, nhưng nếu không phải bậc thân tâm trong sạch, trong ngoài như một, thì chưa khỏi cái khổ tự ràng buộc.

Nói chung thì cửa vào đạo là thiên, giáo, luật, mà chỗ nhắm đến là giới, định, huệ. Nếu không do thiên, giáo, luật mà đạt được giới, định, huệ thì chỉ duy có một pháp môn Tịnh độ mà thôi!

Đang khi niệm Phật, ngoài miệng niệm, trong lòng nghĩ nhớ, các điều ác chẳng thể sanh khởi, chẳng phải là *giới* đó sao? Một lòng nghĩ đến cảnh thanh tịnh, các huyễn trần đều diệt mất, chẳng phải là *định* đó sao? Niệm mà thật là không niệm, hoa tâm sáng rõ, chẳng phải là *huệ* đó sao?

Như trừ bỏ được mọi suy tư lo lắng, một lòng hướng về Tịnh độ, thì chẳng dùng lối đánh hét cũng ngộ cơ viên đốn,⁽¹⁾ chẳng đọc qua ba tạng kinh điển cũng vẫn được mất pháp chân chánh, chẳng giữ bốn oai nghi cũng được đại tự tại.⁽²⁾ Khi ấy không còn cấu uế hay thanh tịnh, trói buộc

⁽¹⁾ Đánh và hét là hai phương tiện thường được các thiện sư dùng để khai ngộ cho người học khi đủ cơ duyên. Đây nói người tu Tịnh độ nếu được nhất tâm thì không dùng phép thiện cũng ngộ được thiện cơ.

⁽²⁾ Bốn oai nghi: Tức là bốn việc đi, đứng, ngồi, nằm của người tu tập. Người tu thọ đủ giới luật mọi việc đi, đứng, nằm, ngồi đều theo đúng khuôn thước, tự nhiên tạo thành oai nghi tế hạnh. Đây nói phép tu Tịnh độ khi đã được nhất tâm thì dù không quan tâm đến giới luật mà oai nghi vẫn tự đầy đủ.

辯明六祖大師西方淨土說

禪者問曰。師言念佛定生西方，六祖言西方是自性，何用更求生。兩家之言，云何不一。

宗本曰。六祖之言以理奪事，終無事外之理。吾之所言以事顯理，終無理外之事。要知

hay giải thoát, thì có gì là giới, định, huệ, có gì là thiên, giáo, luật?

Tâm mình và tâm Phật chẳng sai khác nhau, đó là chỗ tốt cùng trong phép tu Tịnh độ. Có nước tám công đức,⁽¹⁾ có đài sen vàng, cần chi phải nghi ngờ nữa? Chỗ cốt yếu nhất trong pháp môn Tịnh độ là phải gắng sức mà thực hành.

⁽¹⁾ Bát công đức thủy: Nước có tám công đức, đó là:

1. Trừng tịnh: lắng gạn trong sạch
2. Thanh lãnh: trong trời mát lạnh
3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt
4. Khinh nhuyển: nhẹ nhàng mềm mại
5. Nhuận trạch: thấm nhuần tươi mát
6. An hòa: yên ổn hòa nhã
7. Trừ được đói khát và vô số khổ não
8. Trưởng dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn

Biện minh Lục Tổ Đại sư Tây phương Tịnh độ thuyết

Thiền gia vuân viết: Sở ngôn niệm Phật nình sanh Tây phương. Lục Tổ ngôn: Tây phương thò tởi tâm, hạo dụng cảnh cao sanh? Lỗông gia chi ngôn, vuân hảo ba nhất?

Toang Boan viết: Lục Tổ chi ngôn đó lýu oạt sỡi chung vô sỡi ngoai chi lýu Ngô chi sỡi ngoan đó sỡi hien lýu chung vô lýu ngoai chi sỡi Yeau tri taan ngoai vô caamh, camh toan thò taan.

心外無境，境全是心。心法徧周，事理平等。祇因人有利鈍，遂成見有差殊。

果能到六祖地位，尚無佛可念，有何淨土可生。其或未然，聽吾究竟。

曰。願聞。

曰。六祖大師，乃是再來古佛。非今凡夫所能及也。六祖說法專談性理。要人放下諸緣，立地成佛。今人不解他義，只學他言，猶鸚鵡無異也。鸚鵡但能學得人語，不能行得人事。此所謂無異也。未到祖師田地，先談祖師語句，可笑其不揣己也。

問。六祖又言東方人造罪，念佛求生西方。西方人造罪，念佛求生何國。

答。六祖只說僧俗，喻於東西，何曾說無佛國。不見壇經云。在家能行，如東方人無罪。出家不修，如西方人有愆。今人不窮古教，強要狐言鳥語。

况以六祖開示教人，斷除妄想心，貪瞋心，疾妒心，愚癡心，煩惱心，諂誑心，邪偽心，憎愛心，散亂心，是非心，貢高心，能所心，染著

Tâm pháp biến châu, sớilyùbình ãáng. Chặnhạnh nhạnh hõu lờĩ ãoã, toãĩ thanh kịẻn hõu sai thuø

Quaũnaõng ãaũ Luĩ Toãĩnõa vò, thõõng voãPhaĩ khaũnieãn, hõu haøTõnh ãõkhaũsinh? Kyøhoaẽ vò nhieãn, thính ngoãcõm cãmh.

Vieĩ: Nguyẽn vaũ.

Vieĩ: Luĩ ToãĩNãĩ sõ, naõ thò taũ lai coãPhaĩ, phi kim phãm phu sõũnaõng caõp daũ Luĩ Toãthuyeĩ phãp chuyeãn ããm tãmh lyũ Yeũ nhạnh phõng haĩchõ duyeãn, lãp ãõa thanh Phaĩ. Kim nhạnh baĩ giaũ tha nghõa, chặhõĩ tha ngoãn, du anh vuõvoãdõ giaũ Anh vuõããĩ ããng hõĩ ããc nhạnh ngõõ baĩ ããng hãmh ããc nhạnh sõĩ Thõũsõũvò voãdõ giaũ Vò ããũ Toãõ ãĩeãn ãõa, tieãn ããm Toãõ ngõõcuũ khaũtieũ kyøbaĩ suy kyũgiaũ

Vaũ: Luĩ Toãhõũ ngoãn: Ñõng phõng nhạnh taũ toã, ãieãn Phaĩ caũ sanh Taỹ phõng. Taỹ phõng nhạnh taũ toã, ãieãn Phaĩ caũ sanh haøquoã?

Ñãp: Luĩ Toãchãthuyeĩ taũng tuĩ, duĩõ ãõng taỹ, haøtaũng thuyeĩ voãPhaĩ quoã? Baĩ kịẻn Ñãm kinh vaũ: Taĩ gia ããng hãmh, nhõ Ñõng phõng nhạnh voãtoã. Xuaĩ gia baĩ tu, nhõ Taỹ phõng nhạnh hõũ khieãn. Kim nhạnh baĩ cung coãgiaũ, cõõng yeũ hoãngoãn ãieũ ngõũ

Huãng dõ Luĩ toãkhai thò giaũ nhạnh, ãõã trõõ võng tõõng taãm, tham saũ taãm, taĩ ãõãtaãm, ngu si taãm, phieãn ãõ taãm, sieãn cuãng taãm, taøngũy taãm, taũg aũ taãm, taũ loãn taãm, thõ phi taãm, coãng cao taãm, ããng sõũtaãm, nhieãn trõõũ

心，人我心，取捨心，有無心，修證心。除卻此等之心，方許見性成佛。

問。君除得那一心乎。

再問。汝等神通妙用，差別見解，智慧道德，能如六祖大師否。若也，纖毫未到，不許說如此話。

若說此話，是為魔說。斷佛種故。後來阿鼻地獄，決然放爾不過。

何則。若有初修行人信汝一向所說，阿彌陀佛不念得，西方淨土不生得，生死輪迴不出得，地獄苦楚不免得。自墮地獄猶且可，連累他人入地獄，其罪可勝乎。比於常人之罪，愈加一等，所以阿鼻有分也。

又不聞古德云。若人排謗淨土，不信往生者，當受拔舌之苦。

何以故。要知淨土法門，十方諸佛同口敷揚。天下禪宗一音演暢。如何後學，略不聽從。自毀正因，反行魔說。

taâm, nhân ngãtaâm, thuĩxaũtaâm, hõũ voãtaâm, tu chõng taâm. Trõõkhõõũ thõũñaĩng chi taâm, phõõng hõũ kiẽĩn tãm thanh Phaĩ.

Vaãn: Quaãn trõõñaẽ na nhaĩ taâm hoã

Taũ vaãn: Nhõõñaĩng thãm thõng dieũ dung, sai bieĩ kiẽĩn giaũ, trí hueãñaõ ñõũ, naĩng nhõ Luĩ Toãñaĩ sõ phuĩ Nhõõũ daõ tieĩn haõ vò ñaũ, baĩ hõũ thuyẽĩ nhõ thõũthoãĩ.

Nhõõũ thuyẽĩ thõũthoãĩ, thõ vi ma thuyẽĩ. Ñoãĩn Phaĩ chuĩng coã haũ lai A-tyõõĩnõa nguĩ, quyẽĩ nhieĩn phõng nhõ baĩ quaũ

Haõtaẽ? Nhõõũ hõũ sõ tu haĩnh nhaĩn, tín nhõõnhaĩ hõõĩng sõũthuyẽĩ A-di-đã Phaĩ baĩ nieĩn ñãc, Taỹ phõõng Tõnh ñõã baĩ sanh ñãc, sanh tõũluaĩn hoã baĩ xuaĩ ñãc, ñõa nguĩ khoa sõũbaĩ mieĩn ñãc. Tõĩ ñõã ñõa nguĩ du thaũkhaũ lieĩn luyĩ tha nhaĩn nhaũ ñõa nguĩ, kyõtoã khaũthãĩng hoã

Tyũõ thõõĩng nhaĩn chi toã, duõgia nhaĩ ñãĩng, sõũdõ A-tyõõ hõũ phaĩn dã

Hõũ baĩ vaĩn coãñõũ vaĩn, nhõõũ nhaĩn baũ baĩng Tõnh ñõã baĩ tín vaĩng sanh giaũ ñõõĩng thõĩbaĩ thieĩ chi khoã

Haõdõ coã Yeũ tri Tõnh ñõãphaũ moãĩn, thaũ phõõng chõ Phaĩ ñõõĩng khaũ phu dõõĩng. Thieĩn haĩ thieĩn toãĩng nhaĩ aĩn dieĩn sõõĩng. Nhõ haõhaũ hoũ, lõõũ baĩ thĩnh tung. Tõĩ huỹ chàĩnh nhaĩn, phaĩn haĩnh ma thuyẽĩ.

既不能自修，又障他人修。此入地獄如箭射，誠可愍也。汝當速急懺悔，一心念佛。他日蓮華化生，方知我今日之不虛言也。

於是禪者悚然惶怖，受教奉行。

15. Biện minh thuyết Tây phương Tịnh độ của Lục tổ đại sư

Có người tu thiền hỏi rằng: “Như thầy nói rằng niệm Phật chắc chắn sanh về Tây phương. Còn ngài Lục tổ dạy rằng: Tây phương là tự tánh của mình, chẳng cần cầu sanh về đó nữa. Lời nói của hai vị sao chẳng phù hợp nhau?”

Tông Bản này đáp rằng: “Lời dạy của Lục tổ là dùng lý để quyết định sự, nhưng rất ráo cũng không có lý nào ngoài sự. Còn lời của ta đây là dùng sự để làm rõ lý, nhưng rất ráo cũng không có sự nào ngoài lý.

“Cần phải biết rằng, ngoài tâm không có cảnh, hết thấy cảnh đều là tâm. Tâm, pháp biến hóa khắp cùng; sự lý đều bình đẳng. Chỉ bởi có kẻ lợi căn, có người chậm trí, nên mới thành có chỗ thấy sai khác.

“Như thật đến được địa vị của Lục tổ thì không có Phật nào để niệm, làm gì có Tịnh độ để vãng sanh? Còn như chưa được như vậy, hãy lắng nghe chỗ cứu cánh của ta.”

Kyubai nang tõi tu, hõu chõong tha nham tu. Thõunhap nõa ngưi nhõ tiẽn xai thanh khaũmãn dã Nhõõnõong toĩ cap sam hoĩ, nham tam niẽn Phai. Tha nham liẽn hoa hoĩ sanh, phõng tri ngaõkim nham chi bai hõ ngoĩ dã

Ồ thõ thien giũ tung nham hoang boĩ thõi giũ phung hãm.

Người ấy nói rằng: “Tôi xin được nghe.”

Tông Bản nói: “Đại sư Lục tổ là Phật tái thế, chẳng phải kẻ phàm phu đời nay sánh kịp. Lục tổ thuyết pháp chuyên bàn về tánh lý, cốt yếu muốn cho người học buông bỏ hết các duyên, ngay nơi đó thành Phật. Người đời nay chẳng hiểu được nghĩa chân thật, chỉ học theo lời nói, có khác gì con vẹt. Chim vẹt chỉ học nói theo được tiếng người, không thể làm được những việc như người. Người chưa đạt tới chỗ tâm địa như Tổ sư mà đã lấy câu nói của ngài để bàn giải, đó là chỗ giống như con vẹt, thật đáng cười những kẻ ấy chẳng tự biết mình.”

Người tu thiền lại hỏi: “Lục tổ dạy rằng: Người phương Đông gây tội, niệm Phật cầu sanh phương Tây; người phương Tây gây tội, niệm Phật cầu sanh cõi nào?”⁽¹⁾

Tông Bản đáp: “Lục tổ chỉ lấy hai phương đông, tây làm thí dụ so sánh với hai giới tăng, tục, chưa từng nói là

⁽¹⁾ Những đoạn trích lời Lục tổ ở đây đều lấy từ kinh Pháp bảo đàn.

không có cõi Phật. Cứ xem trong kinh Pháp bảo đàn còn nói: “Tại gia biết hành trì, như người phương đông không có tội, xuất gia chẳng tu, như người phương tây có lỗi.” Người đời nay chẳng hiểu thấu được lời dạy của người xưa, khiến cho những lời ấy thành ra ma mị.

“Lục tổ dạy người phải dứt trừ tâm vọng tưởng, tâm tham sân, tâm tật đố, tâm ngu si, tâm phiền não, tâm đối nghịch, tâm tà ngụy, tâm yêu ghét, tâm tán loạn, tâm thị phi, tâm cống cao, tâm năng sở, tâm nhiễm trước, tâm nhân ngã, tâm lấy bỏ, tâm có không, tâm tu chứng. Trừ sạch được những tâm ấy, mới có thể thấy tánh thành Phật.”

Người tu thiên hỏi: “Như thầy đã trừ được một tâm nào trong số đó chẳng?”

Tông Bốn hỏi lại: “Các người thân thông diệu dụng, kiến giải đặc biệt, trí huệ đạo đức được như đại sư Lục tổ hay chẳng? Như chưa được thì chẳng nên nói ra lời ấy. Bằng nói lời như vậy, tức là thuyết của ma. Vì cứ dứt mất hạt giống Phật, sau này địa ngục Vô gián chẳng buông tha. Vì sao vậy? Nếu có người mới tu hành, một lòng tin

諸祖指歸淨土文

明師指歸淨土者，如微塵數。今略引諸祖以證之。

天如和尚云。多見今之叅禪者，不究如來

theo thuyết ấy của người thì chẳng niệm được đức Phật A-di-đà, chẳng về được Tịnh độ, chẳng ra khỏi sanh tử luân hồi, chẳng tránh khỏi các khổ địa ngục. Tự mình đọa địa ngục đã đành, làm cho người khác phải vào địa ngục, tội ấy không gì hơn. So với tội của người thường, lại nặng thêm một bậc. Cho nên địa ngục Vô gián sẵn chờ.

“Lại chẳng nghe người xưa dạy rằng: Nếu người chê bai Tịnh độ, chẳng tin vãng sanh, sẽ chịu tội khổ kéo lười. Vì sao vậy? Phải biết rằng chư Phật mười phương cùng một lời khen ngợi pháp môn Tịnh độ, Thiên tông thiên hạ đồng thanh diễn xướng, sao kẻ hậu học lại chẳng nghe theo? Tự mình chê bỏ nhân giải thoát, trở lại làm theo thuyết của ma. Đã chẳng tự mình tu, lại ngăn cản người khác tu, người như thế đọa địa ngục trong chớp mắt. Thật đáng thương thay!

“Nhà người nên sám hối cho mau, một lòng niệm Phật, mai này được hóa sanh từ hoa sen, mới biết lời ta nói hôm nay không sai đối.”

Người kia nghe vậy rồi sanh lòng sợ sệt, nguyện vâng theo lời dạy mà làm.

Chư Tổ chỉ quy Tịnh độ văn

Minh số chæ quy Tịnh độ nhö vi trần soá Kim lôôc dañ chö toadó chöng chi.

Thiên Nhö Hoa thöông vân: Nã kiến kim chi tham thiên giaü baü cöu Nhö Lai chi lieü nghúa, baü tri Đạt-ma chi

之了義，不知達磨之玄機，空腹高心，習為狂妄。見修淨土之人，則笑之曰。彼學愚夫愚婦之所為，何其鄙哉。余嘗謂，非彼愚夫愚婦也。乃鄙文殊，普賢，馬鳴，龍樹等也。

此等之人，非特自迷正道，自斷佛種，反成謗法之業，又招鄙聖之殃，可不戒哉。

其餘教法，生死難逃。念佛修持，輪迴易脫。但畱阿彌陀佛名號，救度眾生。其有不信而毀謗者，當墮地獄，具受眾苦。

靈芝法師云。博地凡夫業惑纏縛，流轉五道，百千萬劫受諸苦惱。忽聞淨土，志願求生。一日稱名即超彼國。可謂。

萬劫難逢，
千生一遇。

若人肯念阿彌陀佛，超過一切善根，縱然能行施戒禪誦，亦不如念佛功德。

何則。雖修一切福業，若無正信求生淨土，皆為小善根也。若念阿彌陀佛發願求生淨土，是名大善根也。

huyền cô, không phứt cao tâm, tạp vi cuồng vọng. Kiến tu Tịnh ãoachi nhân, tặc tiểu chi viết: Bãhõ ngu phu ngu phũ chi sôuvi, haõkyõbãtai? Dõ thõõng và, phi bãngu phu ngu phũ dã Nã bã Vãn-thù, Phõ Hiẽn, Mã Minh, Long Thũ ãng dã

Thõũãng chi nhân, phi ãc tõi meãchãnh ãb, tõi ãoã Phã chũng, phãm thanh bãng phãp chi nghiẽp, hõũ chieũ bãthãnh chi õng, khaũbã giõũ tai?

Kyõdõ giãũ phãp, sanh tõũnan ãõ. Nieãn Phã tu trì, luaũ hoã dò thoãũ. Nãũ lõu A-di-dã Phã danh hieũ, cõũ ãõ chũng sanh. Kyõhõũ bã tin nhi huỹ bãng giãũ ãõng ãõ ãõ nguũ, cũ thõũ chũng khoã

Linh Chi Phãp sõ vaũ: Bã ãõ phãm phu, nghiẽp hoãc triẽn phõõ, lõu chuyẽn nguõãb, bãthieũ vaũ kiẽp thõũchõ khoããõ. Hoã vaũ Tịnh ãõ chí nguyẽn caũ sanh. Nhaũ nhaũ xõng danh tõũ sieũ bãquõũ. Khaũvũ:

Vãn kiếp nan phũng,
Thiên sanh nhất ngộ.

Nhõõr nhân khaũg nieãn A-di-dã Phã, sieũ quaũnhã thieũ thieũ caũ. Tuũg nghiẽn ãõng hãnh thĩ giõũ thieũ tuũg, dieũ bã nhõ nieãn Phã công ãõũ.

Haũc? Tuy tu nhaũ thieũ phõõũ nghiẽp, nhõõr vôchãnh tín caũ sanh Tịnh ãõ giai vi tieũ thieũ caũ dã Nhõõr nieãn A-di-dã Phã phãũ nguyẽn caũ sanh Tịnh ãõ thõ danh ãũ thieũ caũ dã

孤山法師云。夫求生淨土者，是假他力。彌陀願攝，釋迦勸讚，諸佛護念，三者備矣。苟有信心，往生極易。如度大海，既得巨航，仍有良導，加以順風，必能速到彼岸矣。若其不肯登舟，遲留險道者，誰之過歟。

揚提形云。有佛釋迦，是大導師，指清淨土，是安樂國。阿彌陀佛，是淨土師。爾諸眾生，若生彼土則無諸苦。不聞知者，固可哀憐。

亦有善士，發三種心不求生者，尤可嗟惜。一曰，吾當超佛越祖，淨土不足生也。二曰，處處皆淨土，西方不必生也。三曰，極樂聖域，我輩凡夫不能生也。

夫行海無量，普賢願見彌陀，佛國雖空，維摩常修淨土。十方如來有廣舌之讚。十方菩薩有同往之心。試自忖量，孰與諸聖。謂不足生者，何其自欺哉。

至如龍猛祖師也，楞伽經有預記之文。天親教宗也，無量論有求生之偈。慈恩通讚，首

CoàSôn Pháp số vaân: Phuøcau sanh Tành ñoãgiaù thò giaù tha lờ. Di-đà nguyêñ nhieáp, Thích-ca khuyeán tâm, chồ Phaï hoãnieãn, tam giaùbò hyô Caù hõu tín tâm, vaõng sanh cõr dò. Nhõ ñoãñaï haù, kyùñaé cõi hang, nhõng hõu löõng ñaõ, gia dó thuañ phong, toá naõng toá ñaõ bæ ngañ hyô Nhõõr kyøbaá khaùg ñaõng chaù, trì löu hieãm ñaõ giaù thuy chi quaùdõ?

Dõng ÑeãHinh vaân: Hõu Phaï Thích-ca thò ñaï ñaõ số, chàthanh Tành ñoã thò An Laë Quoaë. A-di-đà Phaï thò Tành ñoã số. Nhõ chồ chuõng sanh, nhõõr sanh bæ ñoã taé voãchõ khoá Baá vañ trì giaù coákhaùai lañ.

Dieã hõu thieãn số, phaù tam chuõng tâm, baá caù sanh giaù võu khaùta tích. Nhaá vieá, ngoãñõõng sieãu Phaï vieá Toá Tành ñoãbaá tuè sanh daõ Nhõ vieá, xõuxõugiai Tành ñoã Taý phõõng baá taá sanh daõ Tam vieá, Cõr Laë thanh võr, ngaõboá pham phu baá naõng sanh daõ

Phuøhanh haù voãlöõng, PhoãHieãn nguyêñ kieãn Di-đà, Phaï quoaë tuy khoãng, Duy-ma thõõng tu Tành ñoã Thaþ phõõng Nhõ Lai, hõu quãng thieã chi tâm. Thaþ phõõng Boá Taù hõu ñoãng vaõng chi tâm. Thí töithoã löõng, thur döõchõ thanh. Vô baá tuè sanh giaù haøkyõtõiki tai.

Chí nhõ Long Mãñh Toã số daõ Lãng-giã kinh hõu döikyù chi vañ. Thieãn Thañ giaù toãng daõ voãlöõng luañ hõu caù sanh chi keã TõøAñ thõõng tâm, thuyõng thaþ thaùg. Trí Giaù

稱十勝。智者析理，明辯十疑。彼皆上哲，精進往生，謂不必生者，何其自慢哉。

火車可滅，舟石不沈。現花報者莫甚於張馗，十念而超勝處。入地獄者莫速於雄俊，再蘇而證妙因。世人愆尤未必若此，謂不能生者，何其自棄哉。

中峰祖師云。

娑婆苦。

娑婆苦。

娑婆之苦誰能數。

世人反以苦為樂。

甘住其中多失所。

臭皮袋裡出頭來，

長養無明病成蠱。

驀然三寸氣消亡，

化作寒灰埋下土。

五趣遷流不暫停，

百劫千生受淒楚。

諸因者。何如及早念彌陀，捨此娑婆苦。

tích lý minh biếu thập nghi. Bạt giai thông triếu, tinh táan vaông sanh, vò bát táan sanh giâu haokyoitôi mãn tai?

Hoà xa khaiđiếu, châu thach bát tràm. Hiếu hoa bát giâu mãn thãm ở trông quy thập niếu nhi siếu thấng xâu Nhaip ñò người giâu mãn toái ở hung tuấn, táan toánh chông điếu nhâm. Thế nhâm khiếu vêu, vò táan nhôit thৌ vò bát naông sanh giâu haokyoitôi khí tai?

Trung Phong Toasô vân:

Ta-bà khổ!

Ta-bà khổ!

Ta-bà chi khổ thùy năng số?

Thế nhâm phản dĩ khổ vi lạc.

Cam trụ kỳ trung đa thất số.

Khítu bì đại lý xuất đầu lai.

Trưởng dưỡng vô minh bệnh thành cố.

Mạch nhiên tam thốn khí tiêu vong.

Hóa tác hàng hôi mai hạ thổ.

Ngũ thú thiên lưu bất tạm đình.

Bách kiếp thiên sanh thọ thê số.

Chò nhâm giâu Haonhò cap táan niếu Di-đà, xaithৌTa-bao
khóa

西方樂。
 西方樂。
 西方之樂誰能覺。
 人民國土總殊勝，
 了無寒暑并三惡。
 蓮華胎裡出頭來，
 時聽法音與天樂。
 珊瑚地瑩絕纖塵，
 金銀珠寶成樓閣。
 化衣化食自然榮，
 壽命無量難籌度。

諸因者。何如及早念彌陀，取彼西方樂。

辯秀律師云。吾專於律，而念於佛，以淨土為安養之歸。不達禪宗之人，或云念佛是權門小教，或云是有相大乘。此乃蓬心不直之談，非是徹透高明之說。

何耶。夫出言即性，發意皆如。而一色一香無非中道，况我正念乎。

寂室大師示淨土實見云。不修淨業之人，

Tây phương lạc!
 Tây phương lạc!
 Tây phương chi lạc thùi năng giác?
 Nhân dân quốc độ tổng thùi thắng.
 Liễu vô hàn thử tinh tam ác.
 Liên hoa thai lý xuất đầu lai.
 Thời thính pháp âm dữ thiên nhạc.
 Lưu ly địa oánh tuyệt tiêm trần.
 Kim ngân châu bảo thành lâu các.
 Hóa y hóa thực tự nhiên vinh.
 Thọ mạng vô lượng nan trừ độ.

Chỗ nhân giới Hạonhỗ cặp taô niễn Di-đà, thuôbê Tây phương lạc!

Bieñ Tuôluaï sö vañ. Ngoáchchuyêñ ö luaï, nhi niễn ö Phaï, dó Tồh ñoavi an döông chi quy. Baï ñaï thiềñ toàng chi nhañ, hoặ vañ niễn Phaï thò quyềñ moñ tieu giaò, hoặ vañ thò hõu töông Ñaï thõa. Thõuñoñ boàng tañ baï trưc chi ñam, phi thò triệñ thaù cao minh chi thuyệñ.

Hạoda? Phuoaxuaï ngoñ töù tañh, phatù yùgiai nhõ. Nhi nhaï saé nhaï hõng voñphi Trung ñaõ, huóng ngaõchamñ niễn hoã

Tồch Thaï Ñaï sö, thò Tồh ñoathañ kieñ vañ: Baï tu tồh

妄稱遊心禪定，悟性真宗。或聞說淨土，必曰淨土唯心，我心既淨則國土淨，何用別求生處。

寂室曰。且維摩經中云，如來以足指按地，見娑婆國土悉皆嚴淨，而眾會不見。唯螺髻梵王得知。今之說悟性者，能如梵王所見淨土否。况汝居卑室陋屋，必羨之以大厦高堂。脫粟藜羹者。必羨之以珍饈上味。弊袍短褐者，必羨之以綾羅輕縠。

若云心淨土淨，則不消如是分別也。况當老病死苦世間違情之時，顏色與未悟者同。是則口唱心淨土淨之言，身被穢土煩惱之縛，其自欺之甚也。不然，應須信教仰理，於淨土從而修之。

真歇了禪師云。捷徑法門唯有念佛。功高易進，念佛為先。若不念佛而求出離者，終無所獲。普勸清信一心念佛，求願往生，決不悞矣。

nghep chi nhân, vọng xông du tâm thiền nòng, ngoätành chân tông. Hoặc vãn thuyệc Tòng ñoã tá viet Tòng ñoãduy tâm, ngoätâm kyùtòng, táe quoa ñoätòng, haødung bieã caù sanh xöü

Tòch Thá viet: TháuDuy-ma kinh trung vãn, Nhö Lai dó tuø chàam ñoã, kieán Ta-baøquoa ñoãtaá giai ngheâm tòng, nhi chung hoã bá kieán. Duy Loa KeáPháim võong ñaé tri. Kim chi thuyệc ngoätành giaü naøng nhö Pháim võong sôukieán Tòng ñoãphuü Huoáng nhöõcö ty thá laü óá, táe tieñ chi dó ñaã haïcao ñoõng. Thoát tuø leãcanh giaü táe tieñ chi dó trañ tu thöõng vò. Teãbaø ñoãm caù giaü táe tieñ chi dó laøng la khinh hoã.

Nhöõc vãn tâm Tòng ñoätòng, táe báe tieñ nhö thò phañ bieã daø Huoáng ñoõng laø beñh töükhoãtheagian vi tình chi thöõ, nhan saé döövò ngoãgiaüñoàng. Thò táe khai xöõng tâm Tòng ñoätòng chi ngoãn, tháñ bò ueãñoãphieñ naø chi phöõc, kyötöi khi chi tháñ daø Báe nhieñ. Öng tu tín giaø, ngöõng lyü ö Tòng ñoätung nhi tu chi.

Cháñ Yeá Lieñ Thieñ sö vãn: Tiep kính pháp môn duy höü niãm Phá. Công cao dò táñ niãm Phá vi tieñ. Nhöõc báe niãm Phá, nhi caù xuaá ly giaü chung voãsôühoãch. Phoa khuyeñ thanh tín nhá tâm niãm Phá caù nguyeñ vaøng sanh, quyệc báe ngoãhyö

古音禪師云。

一句阿彌陀佛，
宗門頭則公案。
譬如騎馬拄杖，
把穩生涯一段。
不拘四眾人等，
持之悉有應驗。
現生長福消災，
報滿永除罪難。
若人立地受持，
無不隨心滿願。
幸生中土爲人，
如上寶山一徧。
切莫空去空回，
所務急宜早辦。
閻王不貴金珠，
唯重彌陀一卷。
一生富貴如雲，
百歲光陰若電。
知音切莫遲延，

Coà Âm Thiền số vaân:

Nhất cú A-di-đà Phật.
Tông môn đầu tắc công án.
Thí như kỵ mã trụ trượng.
Bả ổn sanh nhai nhất đoạn.
Bất câu tứ chúng nhân đẳng.
Trì chi tất hữu ứng nghiệm.
Hiện sanh trưởng phước tiêu tai.
Báo mãn vĩnh trừ tội nạn.
Nhược nhân lập địa thọ trì.
Vô bất tùy tâm mãn nguyện.
Hạnh sanh trung thổ vi nhân.
Nhu thường bảo sơn nhất biến.
Thiết mạc không khứ không hồi.
Sở vụ cấp nghi tảo biện.
Diêm vương bất quý kim châu.
Duy trọng Di-đà nhất quyển.
Nhất sanh phú quý như vân.
Bách tuế quang âm nhược điện.
Tri âm thiết mạc trì diên.

急早作箇轉變。
 佛為苦海舟航，
 勸君早渡彼岸。
 一用齋戒為先。
 二用改惡向善。
 三用明師善友。
 四用解脫正願。
 五用知因識果。
 六用有諸方便。
 七用積功為德。
 八用福緣相贈。
 行住坐臥之中，
 一向彌陀莫斷。
 須信因深果深，
 直教不念自念。
 若能念念不空，
 管取念成一片。
 當念認得念人，
 彌陀與我同現。
 便入念佛三昧，

Cấp tảo tác cá chuyển biến.
 Phật vi khổ hải châu hàng.
 Khuyến quân tảo độ bỉ ngạn.
 Nhất dụng trai giới vi tiên.
 Nhị dụng cải ác hướng thiện.
 Tam dụng minh sư thiện hữu.
 Tứ dụng giải thoát chánh nguyện.
 Ngũ dụng tri nhân thức quả.
 Lục dụng hữu chư phương tiện.
 Thất dụng tích công vị đức.
 Bát dụng phước duyên tương tặng.
 Hành trụ tọa ngọa chi trung.
 Nhất cú Di-đà mạc đoạn.
 Tu tín nhân thâm quả thâm.
 Trực giáo bất niệm tự niệm.
 Nhược năng niệm niệm bất không.
 Quản thủ niệm thành nhất phiến.
 Đương niệm nhận đắc niệm nhân.
 Di-đà dữ ngã đồng hiện.
 Tiện nhập Niệm Phật Tam-muội.

親證極樂內院。
 蓮胎標的姓名，
 極功之者自見。
 親見彌陀受記，
 便同菩薩作伴。
 直至無常菩提，
 永劫隨心散誕。
 依得此道歸來，
 決定成佛不欠。

白樂天頌云。

余年七十一，
 不復事吟哦。
 看經費眼目，
 作福畏奔波。
 何以度心眼。
 一聲阿彌陀。
 行也阿彌陀，
 坐也阿彌陀。
 縱饒忙似箭，
 不離阿彌陀。

Thân chứng Cực Lạc nội viện.
Liên thai phiêu đích tánh danh.
Cực công chi giả tự kiến.
Thân kiến Di-đà thọ ký.
Tiện đồng Bồ Tát tác bạn.
Trực chỉ vô thượng Bồ-đề.
Vĩnh kiếp tùy tâm tán dãn.
Y đắc thử đạo quy lai.
Quyết định thành Phật bất khiếm.

Bạch Lão Thiệu Tung văn:

Dư niên thất thập nhất.
Bất phục sự ngâm nga.
Khán kinh phí nhãn mục.
Tác phước úy bồn ba.
Hà dĩ độ tâm nhân.
Nhất thanh A-di-đà.
Hành dã A-di-đà.
Toạ dã A-di-đà.
Túng nhiều mang tợ tiền.
Bất ly A-di-đà.

達人應笑我，
 多卻阿彌陀。
 達又作麼生，
 不達又如何。
 普勸法戒眾，
 同念阿彌陀。
 要脫輪迴苦，
 須念阿彌陀。

無盡居士云。自歎身居相位，意樂空門。思此世界，五濁亂心。眾惡雜性，無正觀力，無了因力。本性彌陀，唯心淨土，不能悟達。謹遵釋迦世尊金口之教，專念西方極樂世界阿彌陀佛。求彼世尊大願大力，加被攝受。待報滿時，往生極樂。猶如順水乘舟，不勞自力而到矣。

遠公祖師云。禪宗見念佛修西方者，皆言著相修行，未足為妙。不如叅禪見性，頓悟真常。淺根之人，信彼一惑。佛又不念，經又不看。在塵務中，口談叅禪，心不行道。輕毀淨土，不信往生，其失大矣。不知阿彌陀佛，是無常甚深禪也。

Đạt nhân ứng tiếu ngã.
 Đa khước A-di-đà.
 Đạt hựu tác ma sanh.
 Bất đạt hựu như hà.
 Phổ khuyến pháp giới chúng.
 Đồng niệm A-di-đà.
 Yếu thoát luân hồi khổ.
 Tu niệm A-di-đà.

VôãTãm cõ só vaãn: Tõithãm thãm cõ tõiõng vò, yulãr khõng moãn. Tõ thõũtheágiõũ, nguõtrõõr loãn taãn. Chuõng àũ tap tãm, voãchãmh quãm lõr, voãlieũ nhaãn lõr. Boãn tãmh Di-đà, duy taãn Tõnh nõã baã naõng ngoããã. Cãm tuaãn Thich-ca Theã Toãn, kim khai chi giaõ, chuyeãn nieãn Tây phõõng Cõr læ theágiõũ A-di-đà Phaã. Caũ bæTheãToãn ñãi nguyẽ ñãi lõr, gia bò nhiệp thõ Ñãõ baõ mãõ thõũ, vaõng sanh Cõr læ. Du nõõ thuaãn thuỹ thõã chaũ, baã lao tõi lõr nhi ñãõ hyõ

Vieãn Coãng Toãsõ vaãn: Thieãn Toãng kieãn nieãn Phaã tu Tây phõõng giaũ giai ngoãn trõõũ tõiõng tu hãmh, vò tuũ vi dieũ. Baã nõõ tham thieãn kieãn tãmh, ñõã ngoãchaãn thõõõng. Thieãn cãm chi nhaãn, tín bæ nhaã hoaẽ. Phaã hõũ baã nieãn, kinh hõũ baã khai. Tai traãn vui trung, khai ñãm tham thieãn, taãn baã hãmh ñãõ. Kinh huỹ Tõnh nõã baã tín vaõng sanh, kyõthã ñãi hyõ Baã tri A-di-đà Phaã, thõ voãthõõng thãm thãm thieãn dãõ

今人不窮大理，妄生分別。欲要參禪見性，不須別舉話頭。但持一句阿彌陀佛，自參自念，自究自疑。久久自有所得。此時縱然不悟，命終亦得上品上生。何患不得悟哉。

且如百丈大智海禪師，是江西馬祖傳道之的子。天下叢林，依他建立，從古至今無一人敢議其非。天下清規依他舉行，從始至末無一事敢違其法。

看他為病，僧念誦之規云。集眾同聲舉揚一偈，稱讚阿彌陀佛。復同聲稱念南無阿彌陀佛，或百聲，或千聲。回向伏願云。諸緣未盡早遂輕安，大命難逃，徑登安養。此非淨土之指歸乎。

又看他津送亡僧，大眾念誦，回向復願云。神超淨域，業謝塵勞。蓮開上品之花，佛授一生之記。此非淨土之指歸乎。

至於茶毗之際，別無所為。但令維那引聲高唱。南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛。如是十唱，而大眾十和，總名之曰十念

Kim nhân bất cùng nãi lý vãng sanh phân biệt. Dục yểu tham thiền kiến tánh, bất tu biệt cõuthoại nãi. Nãi trì nhất câu A-di-đà Phật, tĩ tự niệm, tĩ tự nghi, cõu cõu tĩ hõu sũnãe. Thõuthõu tũng nhiãn bất ngoã mạng chung dieĩ nãe thõõng phãm thõõng sanh, hãhoãn bất nãe ngoãtai.

Thaũnhõ Bãuh Trõõng Nãi Trí Hãu Thiãn sũ, thõ Giang Tây MãToãtruyẽn nãb chỉ nĩch tũ Thiãn hãitũng laãn, y tha kiến lãp, tũng coáchĩ kim vãn nhất nhân cãm nghõ kyõphi. Thiãn hã thanh quy y tha cõuhãnh, tũng thuy chí mãi vãn nhất sũ cãm vi kyõphãp.

Khãm tha vò beãn, tãng niãn tũng chỉ quy vãn, tãp chũng ãõng thanh cõudõng nhất kẽ xõng tãm A-di-đà Phật. Phũ ãõng thanh xõng niãn Nam-moãA-di-đà Phật, hoã bũ thanh, hoã thiãn thanh. Hoã hõõng phũ nguyẽn vãn, chõ duyẽn vò tãm, tã toã kinh an, nãi mãng nan não, cãm ãõng An Dõõng. Thõũphi Tũnh ãõchĩ chã quy hoã

Hõu khãm tha tãm tãng vãng tãng, nãi chũng niãn tũng, hoã hõõng phũ nguyẽn vãn, thãn siãn tũnh võc, nghiẽp tã trãn lao. Liãn khai thõõng phãm chỉ hoa, Phật thõ nhất sanh chỉ kỳ Thõũphi Tũnh ãõchĩ chã quy hoã

Chĩ õ trãtyõchĩ teã biệt vãn sũvi. Nãn linh duy-na dã thanh cao xõõng: Nam-moã Tây phõng Cõc lã theãgiõn nãi tũõnãi bi A-di-đà Phật. Nhõ thõ thãp xõõng, nhi nãi chũng thãp hoã, tãng danh chỉ viã thãp niãn dã Xõõng tã phũ

也。唱畢，復回向云。上來稱揚十念，資助往生。此非淨土之指歸乎。

自百丈以來，凡所以津送亡僧，皆衣此法。然則，所謂合五家之宗派，盡天下之禪僧，無有一人不歸淨土者。

以余觀老宿之言，皆有所據，而指歸淨土。今之叅禪之人，既不會祖師之意，又自不發省覺之心。妄謂悟達之士，不願往生，後悔無所逃矣。

16. Các vị Tổ sư hướng về Tịnh độ

Các vị minh sư chỉ dạy đường về Tịnh độ số nhiều không kể xiết, nay chỉ lược nói về các vị Tổ sư để làm chứng cứ.

Hòa thượng Thiên Như dạy rằng: “Thường thấy những kẻ tham thiền đời nay, chẳng xét nghĩa tốt cùng của Phật Như Lai, chẳng biết cơ huyền diệu của Tổ Đạt-ma, bụng trống rỗng mà tâm cao ngạo, quen theo thói công điền hư vọng. Thấy người tu Tịnh độ thì cười chê rằng: Ấy là người học theo chuyện làm của kẻ ngu. Thật hèn kém lắm thay!

hoà hõông vañ, thõõng lai xõng döõng thạp nieãm, tö trõi vañg sanh. Thõõphi Tõnh nõõchi chà quy hoả

Tõi Baùh Trõõõng dö lai, phãm sõudõ tañ toång vong tañg, giai y thõõphap. Nhieãm taé, sõivõ hieþ nguõgia chi toång phañ, tañ thieñ hañchi thieñ tañg, voñhõu nhañ nhañ bañ quy Tõnh nõõgiaù

Dõ dö quãm laõ tuõ chi ngoãn, giai hõu sõucõu nhi chà quy Tõnh nõõ Kim chi tham thieñ chi nhañ, kyùbañ hoñ Toasõ chi yù hõu töibañ phañ tanh giai chi tañ. Voñg võ ngoãñat chi số, bañ nguyẽñ vañg sanh, hañ hoñ voasõũñaõ hyõ

“Như vậy chẳng phải là khinh chê kẻ ngu, mà là khinh bỉ các vị Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ. Những kẻ ấy chẳng những tự mình mê tối đối với chánh đạo, tự mình dứt mất hạt giống Phật, lại còn tạo cái nghiệp chê bai chánh pháp, chuốc cái họa khinh bỉ bậc thánh. Há chẳng nên tránh đi sao?

“Các giáo pháp khác, sanh tử vẫn là khó tránh. Niệm Phật tu trì, luân hồi thật dễ thoát khỏi. Cho nên đời mạt pháp chỉ còn lưu lại danh hiệu Phật A-di-đà để cứu độ chúng sanh. Những ai chẳng tin mà hủy báng sẽ bị đọa địa ngục, chịu đủ mọi sự khổ.”

Pháp sư Linh Chi nói rằng: “Phàm phu khắp trần gian này bị nghiệp sai lầm ràng buộc, lưu chuyển luân hồi, trải trăm ngàn muôn kiếp chịu mọi khổ não. Bỗng nhiên được nghe pháp môn Tịnh độ, chí nguyện cầu vãng sanh. Một ngày xưng danh hiệu Phật, liền được sanh về cõi Phật. Quả thật là:

*Muôn đời khó gặp,
Ngàn kiếp một lần.*

“Người tin nhận và niệm Phật *A-di-đà* thì vượt hơn hết thấy các điều lành. Ví như có người làm các hạnh bố thí, trì giới, thiền định, tụng kinh, cũng chẳng bằng công đức niệm Phật. Vì sao vậy? Dầu tu hết thấy phước nghiệp, nhưng nếu không có lòng tin chân chánh cầu sanh Tịnh độ, cũng đều là căn lành nhỏ. Còn như niệm Phật *A-di-đà*, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, đó mới gọi là căn lành lớn.”

Pháp sư Cô Sơn dạy rằng: “Cầu sanh Tịnh độ, đó là nương nhờ tha lực.⁽¹⁾ Phật *Di-đà* có nguyện dắt dẫn, Phật *Thích-ca* khuyến khích ngợi khen, hết thấy chư Phật cùng hộ niệm, ba điều ấy đều sẵn đủ. Nếu có thêm đức tin, vãng sanh rất dễ. Như người vượt biển, nhờ có thuyền lớn, được người hoa tiêu giỏi, lại thêm thuận chiều gió, ắt có thể mau tới bờ bên kia. Còn như kẻ chẳng chịu lên thuyền, chậm trễ ngừng nghỉ nơi đường hiểm, hãy nghĩ xem đó là lỗi của ai?”

⁽¹⁾ Tự mình tu tập mọi pháp lành, thành tựu quả Phật, đó là tự lực. Nguyện lực của chư Phật cứu độ chúng sanh, đó là tha lực. Người tu hành nếu tự mình có sức tinh tấn, cộng thêm với sự nương nhờ vào nguyện lực của đức Phật thì cả tự lực và tha lực đều có đủ, có thể nhanh chóng đạt được sự giải thoát.

Quan Đê hình họ Dương nói rằng: “Có đức Phật *Thích-ca* là bậc thầy dẫn dắt, chỉ rõ đường sang cõi thanh tịnh, tức là nước An Lạc,⁽¹⁾ Phật *A-di-đà* là bậc thầy nơi Tịnh độ. Nay các vị! Nếu sanh về Tịnh độ, ắt không còn các khổ não. Những kẻ không nghe biết pháp môn này, thật đáng thương xót lắm thay!

“Cũng có những người hiền thiện, vì khởi lên ba cách nghĩ mà chẳng cầu vãng sanh, càng đáng tiếc thay! Một là nghĩ rằng mình sẽ hơn Phật, vượt Tổ, nên cõi Tịnh độ chẳng đáng sanh về. Hai là nghĩ rằng nơi nơi đều là Tịnh độ, chẳng cần phải sanh qua phương Tây. Ba là nghĩ rằng Cực Lạc là cõi thánh, mình là phàm phu không thể sanh về đó.

“Đức Phổ Hiền tu hạnh vô biên như biển cả, mà còn nguyện thấy Phật *Di-đà*, nước Phật tuy là trống không, ngài *Duy-ma* vẫn thường tu Tịnh độ. Mười phương chư Phật đều hiện tướng lưới rộng dài⁽²⁾ mà khen ngợi, chư Bồ Tát mười phương cũng phát tâm muốn sanh về Tịnh độ. Hãy tự xét mình, có ai sánh bằng các vị thánh? Nói rằng Tịnh độ chẳng đáng sanh về, lời ấy thật là tự dối mình quá lắm thay!

“Đến như Tổ sư Long Mãn,⁽³⁾ trong kinh Lăng già có

⁽¹⁾ An lạc, hay Lạc bang, Cực lạc, đều là những tên khác để chỉ cõi Tịnh độ phương Tây, nơi Phật *A-di-đà* hiện đang thuyết pháp.

⁽²⁾ Hiện tướng lưới rộng dài: là tướng lành chư Phật hiện ra để minh chứng rằng lời chư Phật nói ra không hề sai dối.

⁽³⁾ Tức là Tổ Long Thọ (Nāgārjuna - 龍樹). Bài kệ dự ký về sự ra đời của ngài được ghi trong kinh Nhập Lăng Già như sau: “Sau khi Như Lai diệt độ rồi, trong tương lai sẽ có người... ở nước lớn phía nam có vị tỳ-kheo đại đức là Bồ Tát Long Thọ, có thể phá bỏ các kiến chấp hữu và vô, vì chúng sanh mà thuyết giảng giáo pháp của Như Lai, pháp Đại thừa cao trổi nhất.” (如來滅度後, 未來當有人... 於南大國中, 有大德比丘, 名龍樹菩薩, 能破有無見, 為人說我法, 大乘無上法。 - *Như Lai diệt độ hậu, vị*

dự báo trước, Tổ Thiên Thân là bậc giáo tông, soạn biết bao nhiêu luận, thấy đều có kệ cầu vãng sanh. Tổ Từ Ân ai nấy đều khen, cũng cúi đầu xưng mười cảnh thặng.⁽¹⁾ Đại sư Trí Giả giỏi việc phân tích nghĩa lý, còn biện rõ mười điều nghi. Các vị ấy đều là những bậc thượng căn sáng suốt, còn tinh tấn trong việc vãng sanh. Nói rằng chẳng cần phải sanh qua phương Tây, lời ấy thật là tự mình sanh ra ngạo mạn lắm thay!

“Xe lửa mạnh có thể tắt, thuyền chở đá không thể chìm. Hiện báo hoa sen, chẳng ai hơn Trương Cầu,⁽²⁾ mười niệm liền sang cõi thánh. Đọa vào địa ngục, chẳng ai nhanh hơn Hùng Tuấn,⁽³⁾ còn sống lại mà được nhân mẫu nhiệm. Người đời nay lắm lỗi, chưa chắc đã đến như hai người ấy.

lai dương hữu nhân... ư nam đại quốc trung, hữu đại đức tỷ-kheo, danh Long Thọ Bồ Tát, năng phá hữu vô kiến, vị nhân thuyết ngã pháp, Đại thừa vô thượng pháp.

⁽¹⁾ Nêu lên mười cảnh vượt trội để tán thán ngợi khen cõi Tịnh độ, khuyến khích mọi người cầu được vãng sanh về đó.

⁽²⁾ Trương Cầu, tức Trương Chung Cầu đời Đường, làm nghề giết gà. Ngày kia, Cầu bỗng thấy một người mặc áo lụa đỏ, xua bầy gà lại và la lớn rằng: “Mổ nó đi! Mổ nó đi!” Rồi bầy gà bốn phía nhảy lên mổ vào người Cầu, hai mắt chảy máu ra, đau đớn khắp người. Thành linh, Cầu nghĩ thấy mùi hương lạ đầy nhà, rồi thấy một vị tăng bày tượng Phật và thắp hương, niệm Phật. Vị tăng dạy Cầu niệm Phật. Cầu đang lúc sợ hãi, hết lòng niệm Phật, được mười niệm liền vãng sanh.

⁽³⁾ Hùng Tuấn, người đời Đường, có sức mạnh và gan dạ, hung bạo hơn người, theo nghiệp chinh chiến. Sau rời quân ngũ, xuất gia học Phật, nghe trong kinh dạy rằng: “Niệm danh hiệu Phật một lần, diệt được các tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử.” Tuấn mừng rỡ nói rằng: “Chỉ nhờ nơi pháp này thôi.” Từ đó, sửa đổi tánh tình, bỏ việc rong chơi, ngày đêm niệm Phật không biếng trễ. Khoảng niên hiệu Đại Lịch (766 – 779), triều vua Đường Đại Tông, Tuấn chết. Qua một đêm sống lại kể chuyện đã sắp phải vào địa ngục, nhờ công đức niệm Phật mà thoát khỏi, được sống lại. Từ đó Tuấn vào ở trong núi, ăn chay, trì giới, niệm Phật. Qua đến bốn mươi năm, một hôm bỗng nói với những người tăng, kẻ tục quanh mình rằng: “Ta sắp vãng sanh. Các vị nên về thành, nói với những người thân thuộc của ta rằng: Hùng Tuấn nhờ niệm Phật mà được vãng sanh Tịnh độ, đừng nói là người lọt lưới địa ngục.” Dặn dò như vậy rồi, vẫn cười nói như thường, ngời ngay thẳng mà hóa.

Nói rằng mình chẳng thể vãng sanh cõi Phật, lời ấy thật là tự hạ mình quá lắm thay!

Tổ sư Trung Phong có kệ rằng:

Ta-bà khổ! Ta-bà khổ!

Nỗi khổ Ta-bà, ai kể số?

Người đời lại lấy khổ làm vui.

Đành lòng cam chịu nhiều mất mát.⁽¹⁾

Trong túi da hôi đầu lộ ra,

Nuôi lớn vô minh thành mê hoặc.

Mật mù ba tấc khí tiêu vong,

Tro nguội chôn vùi nơi đất lạnh.

Năm nẻo xuống lên chẳng tạm ngừng,

Trăm kiếp ngàn đời chịu cực khổ!

Này các vị!

Chi bằng sớm niệm Di-đà.

Lìa xa cảnh khổ Ta-bà siêu thặng.

Tây phương vui! Tây phương vui!

Cảnh vui Tây phương, ai rõ biết?

Nhân dân, cõi nước đều tuyệt vời.

Không cả nóng, lạnh cùng ba ác!⁽²⁾

Từ trong hoa sen vừa sanh ra,⁽³⁾

⁽¹⁾ Bởi đành lòng ở mãi trong chốn khổ Ta-bà, không biết phát nguyện sanh về Tịnh độ nên không được hưởng hết thấy những điều lợi lạc, tốt đẹp. Do đó mà nói là mất mát rất nhiều.

⁽²⁾ Ba ác: hay ba đường ác, bao gồm: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Ở cõi Tịnh độ không có sự khổ vì thời tiết nóng quá hay lạnh quá, cũng không có các cảnh địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

⁽³⁾ Ở Tịnh độ, chúng sanh không sanh ra từ bào thai mà do hoa sen hóa sanh.

*Thường nghe giảng pháp với nhạc trời.
Đất sáng lưu ly, không bụi trần,
Vàng bạc châu báu thành lầu các!
Ăn mặc tự đủ tùy ý muốn,
Thọ mạng kéo dài khôn tính kể!
Này các vị!
Chi bằng sớm niệm Di-đà.
Lạc bang Tịnh độ lên tòa hoa sen.*

Ngài Luật sư Biện Tú dạy rằng: “Ta chuyên về luật mà vẫn niệm Phật, ấy là dùng cõi Tịnh độ làm nơi về an dưỡng. Những kẻ trong Thiên tông chưa đạt ngộ thường nói rằng: Niệm Phật là pháp môn quyền tạm nhỏ hẹp. Hoặc nói rằng: Đó là tông Đại thừa chấp tướng. Ấy là lời bàn của những kẻ bông bột, thiếu cận, chẳng phải lý thấu triệt của bậc cao minh. Vì sao vậy? Lời nói ra tức là tánh, ý niệm khởi lên đều như như, trong chỗ sắc hương mà đâu đâu cũng là Trung đạo. Hướng chi là chánh niệm?”

Đại sư Tịch Thất chỉ ra chỗ thấy chân thật về Tịnh độ, dạy rằng: “Những kẻ chẳng tu tịnh nghiệp nói bậy rằng: Tâm đạo chơi thiên định, ngộ tánh Chân tông. Hoặc nghe giảng về Tịnh độ, liền nói rằng: Tịnh độ chỉ ở nơi tâm. Tâm tịnh thì cõi nước tịnh, cần gì cầu sanh cõi khác?”

“Tịch Thất này nói rằng: Trong kinh Duy-ma có nói rằng: Khi đức Như Lai dùng ngón chân nhấn xuống đất, đại chúng liền thấy trọn cõi *Ta-bà* trở nên nghiêm tịnh. Nhưng trước đó cả chúng hội chẳng ai thấy được sự nghiêm tịnh này, duy chỉ có ngài Phạm vương *Loa-kế* thấy được mà thôi. Ngày nay, những kẻ xưng rằng mình ngộ tánh,

vậy có được như Phạm vương kia, thường thấy cõi này là Tịnh độ hay chăng?

“Nay ở cõi này, những người ở nhà thấp nóc dột, ắt muốn tòa rộng thêm cao; kẻ ăn gạo lúc canh rau, ắt thêm món ngon vị quý; người mặc áo rách tay cụt, ắt ham quần mát áo the! Nếu bảo rằng tâm tịnh là Tịnh độ, thì chẳng cần phân biệt như vậy. Hướng chi đương lúc chịu những nỗi khổ về già, bệnh, chết, thế gian trái ý, kẻ chứng ngộ cùng kẻ chưa ngộ thân sắc đều như nhau; trong khi miệng nói “*tâm tịnh là Tịnh độ*” thì thân này vẫn bị các mối khổ não ở cõi uest trước này trói buộc, thì chẳng qua là tự dối mình mà thôi. Chẳng theo như vậy thì nên tin vào giáo pháp, kính ngưỡng nghĩa lý, y theo pháp môn Tịnh độ mà tu hành.”

Thiền sư Chân Yếu Liễu dạy rằng: “Pháp môn thẳng tắt nhanh chóng, duy chỉ có niệm Phật; muốn tu hành được kết quả cao, dễ tiến tới, phải lấy niệm Phật làm đầu. Những ai cầu giải thoát mà không niệm Phật, rốt cuộc sẽ chẳng được gì. Khuyến hết thảy những ai có lòng tin, hãy một lòng niệm Phật, phát nguyện vãng sanh, chắc chắn không thể sai lầm.”

Thiền sư Cổ Âm dạy rằng:

*Một câu niệm Phật Di-đà.
Tông môn đệ nhất công án.
Như người cưỡi ngựa nương gậy.
Vững vàng một cuộc sanh nhai.
Chẳng phân nam nữ tăng tục,
Niệm Phật liền thấy ứng nghiệm.
Hiện tại được phước, khỏi nạn.*

Hậu thân dứt sạch tội khổ.
 Nếu ai tin nhận thọ trì.
 Mỗi mỗi được tùy tâm nguyện.
 Được làm người, gặp pháp Phật.
 Như lên núi báu một lần,⁽¹⁾
 Lẽ nào đi không về không?
 Việc ấy cần sớm lo liệu.
 Diêm vương chẳng cầu ngọc quý.
 Chỉ trọng một quyển Di-đà.
 Giàu sang chỉ như mây nổi.
 Trăm năm chỉ chớp mắt qua.
 Xin đừng do dự chần chờ.
 Gấp gấp sớm tu chuyển biến.
 Phật kia là thuyền vượt khổ.
 Khuyên người mau đến bờ kia.
 Một là trai giới làm đầu.
 Hai là đối ác theo thiện.
 Ba là thầy sáng bạn hiền,
 Bốn là chánh nguyện giải thoát.
 Năm là rõ biết nhân quả.
 Sáu là đủ mọi phương tiện.
 Bảy là tích chứa công đức.
 Tám là phước duyên giúp sức.
 Trong khi đi đứng ngồi nằm.
 Một câu Di-đà thường niệm.

⁽¹⁾ Trong kinh dạy rằng: “Thân người rất khó được, pháp Phật rất khó gặp.” (人身難得, 佛法難遇。 - Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan ngộ.) Vì thế ở đây ví với người được lên núi có châu báu chỉ một lần duy nhất, không thể trở về tay không.

Phải tin nhân sâu quả dày.
 Dạy người không niệm tự niệm.
 Niệm niệm chẳng vào cảnh không,
 Lâu ngày niệm thành một khối.
 Đang niệm, nhận biết người niệm.
 Người niệm với Phật đồng hiện.
 Liền chứng niệm Phật Tam-muội.
 Tự biết Cực Lạc trong ta.
 Tòa sen ghi rõ họ tên.⁽¹⁾
 Thành tựu tự mình thấy biết.
 Tự mình được Phật thọ ký.
 Cùng chư Bồ Tát kết bạn.
 Thăng lên quả vị Bồ-đề.
 Mãi mãi tùy tâm sanh hóa.
 Y theo chánh đạo quay về.
 Chắc chắn thành Phật chẳng sai.

Ông Bạch Lạc Thiên có bài tụng rằng:

Nay đã ngoài bảy mươi,
 Chẳng thích việc ngâm nga.
 Xem kinh e mỏi mắt,
 Làm phước sợ bôn ba.
 Biết làm gì thoát khổ?
 Chỉ một câu Di-đà.
 Đi cũng niệm Di-đà.
 Ngồi cũng niệm Di-đà.

⁽¹⁾ Trong kinh dạy rằng: Người phát nguyện vãng sanh, niệm Phật thành tựu, tự nhiên cảm ứng có một hoa sen nơi cõi Cực Lạc ghi rõ tên họ người ấy, đến khi xả bỏ thân hiện tại liền được hóa sanh từ hoa sen đó.

Dầu khi gặp việc gấp,
 Chẳng ngưng niệm Di-đà.
 Kẻ biết nhiều cười ta:
 Sao niệm mãi Di-đà!
 Biết nhiều để làm chi?
 Chẳng biết lại có gì?
 Khuyên hết thầy mọi người,
 Cùng nhau niệm Di-đà.
 Muốn thoát khổ luân hồi,
 Phải niệm Phật Di-đà.

Cư sĩ Vô Tận nói rằng: “Thân dù ở ngôi tướng, ý lại thích cửa không. Nghĩ vì cõi này có năm thứ uế trước loạn tâm, các việc ác lẫn lộn, không có sức xem xét chân chánh, không có sức rõ biết nhân quả.

“Tánh mình vốn là Di-đà, chỉ riêng tâm này là Tịnh độ. Nhưng nếu ai chưa ngộ được nghĩa lý ấy, hãy kính vâng lời Phật dạy, chuyên tâm niệm Phật A-di-đà, ở cõi Cực Lạc phương Tây, cầu đại nguyện đại lực của ngài giúp sức cho mình, bảo vệ cho mình. Chờ khi xả bỏ thân này, sẽ được vãng sanh Cực Lạc. Cũng như đi thuyền xuôi dòng nước, không nhọc sức mà được đến nơi.”

Tổ Sư Viễn Công dạy rằng: “Có người tu thiền thấy những người niệm Phật cầu vãng sanh liền nói rằng: Đó là hạng tu hành chấp tướng, chẳng phải pháp nhiệm mầu. Không bằng tham thiền thấy tánh, đốn ngộ chân thường.

“Những kẻ căn trí cạn cợt, tin theo điều lầm lạc ấy nên chẳng tu niệm Phật, cũng chẳng học kinh điển. Sống giữa

cõi trần tục, miệng nói tham thiền mà tâm chẳng theo chánh đạo, khinh chê hủy báng Tịnh độ, chẳng tin việc vãng sanh. Lỗi ấy lớn thay!

“Chẳng biết rằng, một câu niệm A-di-đà Phật là phép thiền sâu thẳm không gì qua được. Người nay chẳng rõ nghĩa sâu rộng, sanh ra phân biệt sai lầm. Như muốn tham thiền thấy tánh, cũng chẳng cần nêu lên thoại đầu⁽¹⁾ nào khác, chỉ một câu A-di-đà Phật là đủ. Tự mình tham, tự mình niệm, tự mình xét, tự mình nghi, lâu ngày rồi tự nhiên có chỗ sở đắc. Dẫu cho lúc này chưa ngộ, khi mạng chung cũng sẽ được *Thượng phẩm Thượng sanh*. Khi ấy lo gì chẳng được ngộ?

“Hãy xem như thiền sư Bách Trượng Đại Trí Hải là đệ tử đích truyền của Mã Tổ ở đất Giang Tây, người tu thiền khắp thiên hạ đều y theo lời chỉ dạy của ngài, xưa nay chưa ai dám cho là sai quấy. Thanh qui trong thiên hạ cũng y theo chỗ dựng lập của ngài, hết thầy không một việc gì dám trái phép tắc.⁽²⁾ Ngài đặt ra quy thức rằng, khi một vị tăng có bệnh, nên tụng niệm như sau:

“Trước hết tập trung đại chúng, đọc lên một bài kệ xưng tán đức Phật A-di-đà, rồi đồng thanh xưng niệm *Nam mô A-di-đà Phật* đến trăm hoặc ngàn câu. Sau đó hồi hướng phục nguyện rằng: Nếu các duyên chưa hết, nguyện sớm được khỏe mạnh như xưa. Như mạng số đã đến, nguyện

⁽¹⁾ Thoại đầu: đề mục quán chiếu của người tu thiền, dùng để tập trung mọi ý tưởng, sau đó tiến đến dứt sạch mọi ý tưởng.

⁽²⁾ Ngài Bách Trượng là người đầu tiên soạn ra Thanh quy để áp dụng trong các thiền viện, thường gọi là Bách trượng Thanh quy, và từ đời ngài về sau, Thiên tông vẫn lấy bộ Thanh quy này làm phép tắc căn bản trong sanh hoạt của các thiền viện.

được thẳng lên An Dưỡng.⁽¹⁾ Đó chẳng phải là chỉ đường về Tịnh độ đó sao?

“Lại khi một vị tăng qua đời, đại chúng tụng niệm xong thì hồi hướng phục nguyện rằng:

*Thần thức siêu thăng Tịnh độ.
Nghiệp quả dứt hẳn trần lao.
Sen nở lên ngôi Thượng phẩm.
Phật thọ ký bậc Nhất sanh.⁽²⁾*

“Đó chẳng phải là chỉ đường về Tịnh độ đó sao?

“Đến khi an táng người chết, không có nghi lễ nào khác, chỉ khiến vị *Duy-na*⁽³⁾ khởi xướng rằng: *Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới Đại từ Đại bi A-di-đà Phật.*

⁽¹⁾ An Dưỡng: Tên khác của cõi Cực Lạc hay Tịnh độ.

⁽²⁾ Nhất sanh, nói đủ là Nhất sanh bổ xứ, là vị Bồ Tát chỉ còn một lần tái sanh nữa sẽ chứng quả Phật.

⁽³⁾ Duy-na, hay Kiết ma, là vị tăng phụ trách về nghi lễ, phép tắc trong một ngôi chùa.

諸經指歸淨土文

淨土教門如恒河沙，略引數則以破疑也。

大無量壽經云。佛告彌勒，於此世界有七百二十億不退菩薩往生極樂國土。諸小行菩薩，不可稱計，皆得往生。又不但我國，乃至

Xương như vậy mười lần, đại chúng cũng hòa niệm theo đủ mười lần, gọi là *Thập niệm*. Sau đó hồi hướng rằng: “Mười lần xưng hiệu Phật, nguyện giúp được vãng sanh.” Đó chẳng phải là chỉ đường về Tịnh độ đó sao?

“Kể từ ngài Bách Trưng trở về sau, khi tổ chức tang lễ cho các vị tăng đều vãng theo nghi thức như vậy. Như vậy được gọi là hợp với cả năm tông phái.⁽¹⁾ Như vậy là hết thấy người tu thiền, cũng không một người nào chẳng tin theo Tịnh độ.

“Cứ theo lời dạy của các bậc lão thành tôn túc, thấy đều cho thấy là các ngài đều chỉ rõ đường về Tịnh độ.

“Những kẻ tham thiền đời nay, đã chẳng hiểu được ý tổ sư, lại chẳng phát tâm tỉnh giác, xưng bậy rằng mình ngộ đạo, chẳng cần nguyện vãng sanh. Sau này ăn năn cũng không trốn khỏi được luân hồi.”

⁽¹⁾ Thường gọi là Ngũ gia, gồm các tông Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn.

Chư kinh chỉ quy Tịnh độ văn

Tõnh ñoãgiaið moãn nhõ Haøng haøsa, löõr daãn soãtaeé dó phaùnghi giaũ

Ñai VoãLöõng Thoĩkinh vaãn: Phaĩ caũ *Di-lặc*: Ö thoũtheá giõũ hõũ thaĩ baũh nhõ thaþ öũ baĩ thoĩ BoãTaũ, vaũg sanh Cõr Lãr quoaĩ ñoã Chõ tieũ haũh BoãTaũ baĩ khaũxõng keã giai ñaé vaũg sanh. Hõũ baĩ ñaũ ngaõquoaĩ, naũ chí thaþ

十方世界無量大菩薩眾盡念阿彌陀佛，願生阿彌陀佛國土。

彌陀經云。若有善男子，善女人，聞說阿彌陀佛，執持名號。以稱名故，諸罪消滅。其人臨命終時，即得往生阿彌陀佛極樂國土。

釋迦佛云。汝等皆當信受我語，及諸佛所說。若有眾生聞是說者，應當發願生彼國土。

十六觀經云。若善男子，及善女人，但聞佛名，二菩薩名，除無量劫生死之罪，何況憶念。念南無阿彌陀佛一聲，滅八十億劫生死重罪。若念佛者，當知此人，是人中芬陀利華。觀世音菩薩，大勢至菩薩，為其勝有。

藥王菩薩本事品云。聞是經典，如說修行，於此命終即往安樂世界。阿彌陀佛，大菩薩眾圍繞住處。生蓮華中寶座之上。不復為貪欲所惱，亦復不為瞋恚愚癡所惱，亦復不為驕慢嫉妒諸垢所惱。得菩薩神通，無生法忍。

大智度論云。佛是無上法王，諸大菩薩以為法臣。諸臣所尊重者，唯佛法王也。有諸

phông theágiôù, voàlôông ñai BoàTàù chung tañ nieãm A-di-đà Phaï, ngayeãn sanh A-di-đà Phaï quoaï ñoã

Di-đà kinh vaãn: Nhôôïc hõù thieãn nam tồù thieãn nõõnhaãn, vaãn thuyeá A-di-đà Phaï, chấp trì danh hieãn. Dó xõng danh coáchõ toã tieãn dieã. Kyõnhaãn laãn maĩng chung thõù, tồù ñaé vaõng sanh A-di-đà Phaï Cõr Laë quoaï ñoã

Thích-ca Phaï vaãn: Nhõõ ñaĩng giai ñõõng tín thõi ngaõ ngõõ cạp chõ Phaï sôũthuyeá. Nhôôïc hõù chung sanh vaãn thõ thuyeá giaũ õng ñõõng phat ngayeãn sanh bæquoaï ñoã

Thạp Lũc Quan kinh vaãn: Nhôôïc thieãn nam tồũcạp thieãn nõõnhaãn, ñaãn vaãn Phaï danh, nhõ BoàTàù danh, trõõvoàlôông kiep sanh tồũchi toã, haõhuoáng òù nieãm. Nieãm Nam-mô A-di-đà Phaï nhaá thanh dieã baũ thạp òù kiep sanh tồũtrõng toã. Nhôôïc nieãm Phaï giaũ ñõõng trì thõũnhaãn thõ nhaãn trung phãn-đà-ly hoa. Quan TheáAẤn BoàTàù, Ñaĩ TheáChí BoàTàù, vi kyõthaõng hõù.

Dõõc Võõng BoàTàù Boãn Sõi phãm vaãn: Vaãn thõ kinh ñieãn, nhõ thuyeá tu haõh. Ò thõũmaĩng chung, tồù vaõng An Laë theágiôù, A-di-đà Phaï, ñaĩ BoàTàù chung vi nhieũ trũi xõũ sanh lieãn hoa trung, baũ toã chi thõõng. Baũ phũc vi tham dưc sôũnaõ, dieã phũc baũ vi saãn nhueángu si sôũnaõ, dieã phũc baũ vi kieũ maĩn taũ ñoáchõ caũ sôũnaõ. Ñaé BoàTàù thaãn thõng, voãsinh phap nhaãn.

Ñaĩ Trí Ñõãluaãn vaãn: Phaï thõ voãthõõng Phap võõng, chõ ñaĩ BoàTàù dó vi Phap thaãn. Chõ thaãn sôũtoãn trõng giaũ duy Phaï Phap Võõng daũ Hõù chõ BoàTàù tồĩ nieãm, vaõng

菩薩自念往昔謗般若，墮惡道受無量苦，復經無量劫來，雖修餘行，不能得出苦海，後遇善知識教我念阿彌陀佛，即得滅除罪障，超生淨土。

我今應當禮謝阿彌陀佛。何以故。父母親友，人天王等，不能度我，出離苦海。唯阿彌陀佛願力攝受，是以得出苦海。

偈云。

若人願作佛，
心念阿彌陀。
即得為現身，
故我歸命禮。

又云。佛世一老人求出家，舍利弗不許。佛觀此人，曩劫採樵為虎所逼，上樹失聲念南無佛。有此微善遇佛得度，獲羅漢果。吁，一稱其名，尚得解脫，況終身念佛乎。

蓮宗寶鑑云。恒河沙數眾如來，彌陀第一。十方微塵諸佛刹，極樂是歸。深信極樂，真解脫之妙門。諦想彌陀，實眾生之慈父。是以一念興而萬靈知，信心生而諸佛現。纔稱

tích bạng *Bát-nhã*, ñoã à ñã thoivôlôông khoạ phư kinh vôlôông kiếp lai, tuy tu dô hành, bá năng ñãe xuất khoả haũ, haũ ngoãthiẽn tri thừ giãw ngaõnieãm *A-di-đà* Phã, tồ ñãe dieã trổtoã chồông, sieũ sanh Tồnh ñoã

Ngaõkim ông ñoông leãtaĩ *A-di-đà* Phã. Hãdó cõ Phũ maũ thãn hõũ, nhaãn thiẽn vôông ñãng, bá năng ñoãngão xuất ly khoảhaũ. Duy *A-di-đà* Phã nguyẽn lữ tiếp thữ thồ dó ñãe xuất khoảhaũ.

Keãvaãn:

Nhược nhân nguyện tác Phật.

Tâm niệm A-di-đà,

Túc đắc vi hiện thân,

Cố ngã quy mạng lễ.

Hõũ vaãn: Phã theãnhã laõ nhaãn cãũ xuất gia, *Xã-ly-phất* bá hõũ. Phã quãm thõũnhãn, năng kiếp thãm tiẽn vi hoãisõũbõũ, thõõng thoĩthã thanh niẽn *Nam-mô* Phã. Hõũ thõũvi thiẽn, ngoãPhã ñãe ñoã hoãch *La-hãn* quãũ Hoãnhaũ xõng kyõdanh, thõõng ñãe giãũ thoãũ, huãng chung thãn niẽn Phã hoã

Lieãn Tông Bãũ Giãm vaãn: Hãng hãsa sốãchũng Nhõ Lai, *Di-đà* ñeãnhãũ. Thãp phõõng vi trãn chõ Phã saũ, Cõũ Lãũ thõ quy. Thãn tín Cõũ Lãũ, chãn giãũ thoãũ chi dieũ moãn. Ñeãtõõng *Di-đà*, thãũ chũng sanh chi tõõphũ Thồ dó nhãũ niẽn hõng nhi vãn linh tri, tín tâm sanh nhi chõ Phã

寶號，以投種於蓮胎。一發菩提，即標名於金地。

有緣斯遇，自悟自修。淺信不持，大愚大錯。堪歎時逢末代，多有邪見迷流。貶淨業為權乘。唾誦持為麤行。豈非耽溺火宅，自甘永劫之沈輪。悖悞慈親，深痛一生之虛喪

須信，匪憑他力，截業惑以無由。不遇此門，脫生死而無路。是則輕者，全是自輕，毀者，還成自毀。妄情易習，正法難聞。輪轉三惡道中，長劫不得出離。

淨土境觀要門云。夫淨土法門者，乃末世眾生，出生死之要路，截苦海之舟航。一生彼處，永毋無退轉。以金色身，飛行自在，衣食自然，得見佛聞法，速入聖未。

無虎狼獅子，蚊蟲蚤蟲之所逼惱。無雷霆風雨寒熱饑渴之所煎熬。蓮華化生，壽命無量。既無生老病死等苦，是為極樂世界。

故我釋迦如來，欲令此土在迷眾生出離眾苦，開折伏之門。彌陀慈父示攝受之路。所

hieän. Taø xöng baø hieäu, dó ñaàu chuøng ö lieän thai. Nhaät pháø Bô-đề, töø phieäu danh ö kim ñià.

Höü duyeän tö ngoä töi ngoätöi tu. Thieän tín baät trì, ñaï ngu ñaï thoá Kham tham thôøi phung mãø ñaï, ña höü taøkieän meälöu. Bieäm tình nghiệp vi quyên thöa. Thoä tuøng trì vi thoähänh. Khöü phi ñam nòch hoä träch, töi cam vónh kiep chi traän luaän. Bøä læätöøthaän, thaän thoäng nhaät sanh chi hö taøng.

Tu tín phábaøng tha löc, tieä nghiệp hoäc dó voädo. Baät ngoäthöümoän, thoät sanh töünhi voälöä Thö taé kinh giäu toan thö töikinh. Huý giäu hoan thanh töihuý. Voøng tình dò tap. Chành pháp nan vaän. Luaän chuyeän tam àü ñaø trung, tröøng kiep baät ñaé xuaät ly.

Tình ñoäCañh Quan Yeäu Moän vaän: PhuøTình ñoäpháp moän giäu naø mãø theächuøng sanh xuaät sanh töüchi yeäu löä tieä khoähäü chi chaäu hang. Nhaät sanh bæxöü vónh voäthoä chuyeän. Dó kim saé thaän, phi hanh töitai, y thöc töiñhiän. Ñäc kieän Phäät vaän pháp, toä nhäp thanh và.

Voähoälång sö töü mãø manh taø saé chi söüböü naø. Voä löä ñinh phong vuøhan ñhiä cô khai chi söütieän ngao. Lieän hoa hoä sanh, thöimaøng voälöøng. Kyüvoäsanh læø beäh töü ñaüøg khoä thö vi Cöc Läc theägiöü.

CoängaøThích-ca Nhö Lai, dưc linh thöüñoätai meächuøng sanh xuaät ly chuøng khoä khai chieät phuü chi moän. Di-đà töø

以苦口丁寧，仟偏讚淨土，普勸往生，良由於此。

是故聖賢道俗，念佛往生者，不可勝數。但下劣凡夫，耽著塵勞，不求出離，甘心流浪生死，深可痛傷。

安樂集云。能念阿彌陀佛，卽斷一切業障，得生淨土。何則。譬如有人用獅子筋爲琴絃，其聲一奏，一切餘絃悉斷。若人於菩提心中，能念阿彌陀佛，一切煩惱重障皆悉斷滅。

亦如有人，取牛羊驢馬諸乳，置一器中。若將獅子乳一滴投之，一切諸乳悉化爲水。若人於菩提心中，能念阿彌陀佛，一切惡魔諸障自然消滅，得生淨土矣。

決疑論云。人身難得，淨土易生。何以故。五戒不持，人天路絕。五戒清淨，方得爲人。况以五戒難持，亦無願力攝受。此所謂人身難得也。修淨土者，未必持戒全與不全。但念阿彌陀佛名號，縱有罪業亦許懺悔。臨命終時，阿彌陀佛，觀音，勢至，清淨海眾，各有願力，共來接引攝受。此所謂淨土易生也。

phụ thò nhieḗp thòi chí loã Sôudó khoàkhaù ñinh ñinh, thiề̃n tàm Tồh ñoã phoàkhuyề̃n vaṅg sanh, lông do ô thòu

Thò coáthành hiề̃n ñiã tuĩ, ñiề̃n Phaĩ vaṅg sanh giãu báĩ khaũthoáng soá Ñiã ñiề̃n pham phu, ñam trồu trãn lao, báĩ caù xuã ly, cam tãm lờu laṅg sanh tồu thãm khaũthoáng thồng.

An Lã tap vaṅ: Naṅg ñiề̃n A-di-đà Phaĩ, tồu ñoã ñhã thiề̃n nghiề̃p chồomg, vaṅg sanh Tồh ñoã Hãtae? Thĩ nhõ hõu ñhã ñuĩng sô tồucañ vi cam huyề̃n, kyóthanh ñhã táu, ñhã thiề̃n dõ huyề̃n tá ñoã. Nhõõc ñhã ñ Bô-đề tãm trung, naṅg ñiề̃n A-di-đà Phaĩ, ñhã thiề̃n phiề̃n ñoã trõng chồomg giã tá ñoã ñiề̃.

Điề̃ nhõ hõu ñhã, thũngõu dõng lõ mãchõ nhuõ trí ñhã khí trung. Nhõõc tồng sô tồunhuõ ñhã tích ñiã chí, ñhã thiề̃n chõ nhuõ tá hoã vi thuy. Nhõõc ñhã ñ Bô-đề tãm trung, naṅg ñiề̃n A-di-đà Phaĩ, ñhã thiề̃n àu ma chõ chồomg, tồ ñhiề̃n tiề̃ ñiề̃, ñãc sanh Tồh ñoãhyõ

Quyề̃ nghi luañ vaṅ: Ñhã ñhã ñan ñiãc, Tồh ñoãdò sanh. Hãdó cõ? Nguõgiõ ñhã trĩ, ñhã ñhiề̃n loãtuyề̃. Nguõ giõ ñhã thanh tồh, phõng ñiãc vi ñhã. Huoáng dó nguõgiõ ñan trĩ, ñiề̃ voãnguyề̃n lõ nhieḗp thòi Thõusõuvò ñhã ñhã ñan ñiãc dã Tu Tồh ñoãgiãuvò tá trĩ giõ ñhã toã ñõbã toã. Ñiã ñiề̃n A-di-đà Phaĩ ñanh hiề̃, tũng hõu tã nghiề̃p ñiề̃ hõu sãm hoã. Lãm mãng chung thõu, A-di-đà Phaĩ, Quãm Âm, Thẽ Chí, thanh tồh ñhã chũng, cã hõu ñuyề̃n lõ cõng lai tiề̃ ñã ñhiề̃p thòi thõusõuvò Tồh ñoãdò sanh dã

淨行法門云。懺悔，似勤磨古鏡，旋消歷劫之昏塵。念佛如私遇明君，頓獲他時之拯拔。春夏秋冬之內，行住坐臥之間，勤思淨土莊嚴，常憶阿彌陀佛。如是念佛，則三昧現前，生淨土不須疑矣。

大集月藏經云。末法時中，億億眾生起行修道，未有一得者，皆因五濁惡世。雜學難成，唯有念佛一門可通入路。當知自行難圓，他力易就。如劣士附輪王之勢，飛遊四天。凡質假仙藥之功，昇騰三島。實為易行之道，疾得相應。慈旨丁寧須銘肌骨。

寶王論云。欲大海者，已用於百川。念佛名者，必成於三昧。亦猶清珠下於濁水，濁水不得不清。念佛投於亂心，亂心不得不佛。

大品經云。若人散心念佛，亦得離苦，其福不盡。況定意念佛也。上至一心不亂，下至十念成功。

法華經云。

若人散亂心，
入於塔廟中，

Tỳnh Hành Pháp môn văn: Sám hối, tởi càn ma còakính, triền tiêu lịch kiếp chi hoàn trản. Niêm Phẩ, nhỗ tỗ ngoa minh quaân, ãoân hoặch tha thỗi chi chỗng bẩ. Xuaân hẩ thu ãoâng chi noãi, hẩnh trũi toã ngoa chi gian, càn tỗ Tỳnh ão trảng nghiêân, thỗoâng ừ A-di-dầ Phẩ. Nhỗ thỗ niêm Phẩ, tẩ Tam-muội hiêân tiêân, sanh Tỳnh ão bẩ tu nghi hỷ

Ñại Tập Nguyễn Tẩng kinh văn: Mẩt phẩp thỗi trung, ừ ừ chũng sanh khỗi hẩnh tu ão, vỗ hỡi nhẩ ão giẩu giai nhẩn nguỗ trỗi ừ thẩ Tập hỡ nan thẩnh, duy hỡi niêm Phẩ nhẩi mỗn, khẩi thỗng nhẩp lỗ Ñỗng tri tỗi hẩnh nan viêân, tha lỡi dỗ tỗi. Nhỗ liêi số phũi luaân vỗng chi thẩ phi du tỗi thẩi. Phẩn chẩi giẩu tiêân dỗi chi cỗng, thẩng ão ng tam ão. Thẩ vi dỗ hẩnh chi ão, tẩ ão tỗng ỡng. Tỗ chẩnh ninh, tu minh cỗ cỗ.

Bẩ Vỗng luaân văn: Dũ ãi hẩ giẩu dỗ dũng ỗ bẩ h xuyêân. Niêm Phẩ danh giẩu tẩ thẩnh ỗ Tam-muội. Diê du thẩnh chẩi hẩi trỗi thũy, trỗi thũy bẩ ão bẩ thẩnh. Niêm Phẩ ão ỗ loãn tẩn, loãn tẩn bẩ ão bẩ Phẩ.

Ñại Phẩn kinh văn: Nhỗi nhẩn tẩn tẩn niêm Phẩ, diê ão ly khỗi kyỗ phỗi bẩ tẩn. Huớng ão nhỹ yũ niêm Phẩ dẩ thỗi chẩ nhẩ tẩn bẩ loãn, hẩ chẩ thẩp niêm thẩnh cỗng.

Phẩp Hoa kinh văn:

Nhực nhân tán loạn tâm.

Nhập ư tháp miếu trung.

一稱南無佛，
皆以成佛道。

又云。

佛名聞十方，
廣饒益眾生。
一切具善根，
以助無上心。

華嚴經云。

一切威儀中，
常念佛功德。
晝夜無暫斷，
如是業應作。

又云。

寧受地獄苦，
得聞諸佛名。
不受無量樂，
而不聞佛名。

寶積經云。他方眾生聞阿彌陀如來名，乃至能發一念，淨信歡喜愛樂。所有善根回向願生彼國者，隨願往生，得不退轉，直至成佛。

Nhất xưng Nam-mô Phật.

Giai dĩ thành Phật đạo.

Höu vân:

Phật danh văn thập phương.

Quảng nhiều ích chúng sanh.

Nhất thiết cụ thiện căn.

Dĩ trợ vô thượng tâm.

Hoa Nghiêm kinh vân:

Nhất thiết oai nghi trung.

Thường niệm Phật công đức.

Trú dạ vô tạm đoạn.

Như thị nghiệp ứng tác.

Höu vân:

Ninh thọ địa ngục khổ.

Đắc văn chư Phật danh.

Bất thọ vô lượng lạc.

Nhi bất văn Phật danh.

Baù Tích kinh vân: Tha phöông chùng sanh, vân A-di-đà Nhö Lai danh, naö chí naeng phau nhai niem, tonh tin hoan hyuai nhai. Söuhöu thien can hoai höông nguyän sanh bæ quoc giaü tuy nguyän vaöng sanh, ñac bai thoi chuyen, troc chi thanh Phaü.

正法難聞品云。佛說世間人民，得聞阿彌陀佛名號，若慈心喜悅，至意清淨，毛髮聳然，淚卽出者。皆是累世常行佛道，或他方佛所行菩薩道，故非凡人也。

若不信佛語者，不信念佛者，不信往生者，皆從惡道中來，餘殃未盡，愚癡不解，未當解脫。

多有菩薩欲聞此經而不得聞。若得聞者，於無上道永不退轉。故當信受持念，如說修行。

今爲汝等說此大法，令見阿彌陀佛及其國土。我以哀愍眾生特畱此法。

偈曰。

若不往昔修福慧
於此正法不能聞
已曾供養諸如來
故有因緣聞此義。
彼佛刹樂無邊際，
唯佛與佛乃能知。
聲聞緣覺滿世間，

Chành pháp nan văn phạm văn: Phải thuyết thế gian nhân dân, ãac văn A-di-đà Phải danh hiệ, nhöör töotâm hyüduye, chí yùthanh tòn, mao phải tung nhiên, leätöu xuaı giâu Giai thö luy theathöong hành Phải ãac, hoac tha phöong Phải söuhanh BồTà ãac, cóphi phạm nhân daö

Nhöör baı tin Phải ngöögiaü baı tin nieın Phải giaü baı tin vaöng sanh giaü giai tung àu ãac trung lai, dö öong vö taın, ngu si baı giaü, vö ãöong giaü thoäu.

Ña höü BồTà, dưc văn thöükinh nhi baı ãac văn. Nhöör ãac văn giaü ö voathöong ãac, vónh baı thoá chuyeın. Có ãöong tin thöıtrì nieın, nhö thuyết tu hành.

Kim vö nhöönám thuyết thöüñai pháp, linh kieın A-di-đà Phải cap kyöquoá ãö Ngaödó ai mãı chung sanh, ãac löu thöüpháp.

Keävieı:

*Nhược bất trụ tích tu phước huệ,
Ư thử chánh pháp bất năng văn.
Dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai,
Cố hữu nhân duyên văn thử nghĩa.
Bỉ Phật sát lạc vô biên tế,
Duy Phật dữ Phật nãi năng tri.
Thanh văn, Duyên giác mãn thế gian,*

盡其神智莫能測。
大聖法王宣妙法，
濟度一切脫沈淪。
若有受持揚說者，
真是菩提殊勝友。

佛說此經以，爾時菩薩，聲聞，天龍八部咸皆歡悅，信受奉行。

17. Các kinh hướng về Tịnh độ⁽¹⁾

Ước kinh dạy về Tịnh độ nhiều như số cát sông Hằng, nay chỉ lược nói ra đây một số để phá bỏ lòng nghi.

Trong kinh Đại Vô Lượng Thọ,⁽²⁾ đức Phật bảo ngài Di-lặc rằng: Ở thế giới Ta-bà có bảy trăm hai mươi ức Bồ Tát ở địa vị không còn thối chuyển sanh về thế giới Cực Lạc. Số Bồ Tát ở địa vị thấp hơn thì nhiều không kể xiết, cũng đều được vãng sanh. Không riêng gì thế giới Ta-bà này, cho đến các thế giới trong khắp mười phương cũng có vô

⁽¹⁾ Bài trước nói việc chư Tổ chỉ dạy đường về Tịnh độ. Tiếp theo, bài này giảng thêm rằng các kinh cũng thường dạy về Tịnh độ của đức Phật A-di-đà, khuyên người phát nguyện sanh về nơi đó.

⁽²⁾ Đại Vô Lượng Thọ Kinh: Tức kinh Vô Lượng Thọ, nhưng thường gọi là Đại Vô Lượng Thọ để phân biệt với kinh A-di-đà. Cả 2 bản kinh này đều dạy về đức Phật A-di-đà và nguyện lực tiếp dẫn của ngài, nhưng kinh A-di-đà ngắn hơn nhiều so với kinh Vô Lượng Thọ, nên gọi là Đại Vô Lượng Thọ để phân biệt.

Tận kỳ thân trí mạc năng trắc.
Đại thánh Pháp Vương tuyên diệu pháp,
Tế độ nhất thiết thoát trầm luân.
Nhược hữu thọ trì dương thuyết giả,
Chân thị Bồ-đề thù thắng hữu.

Phaṃ thuyēṃ thōṃkinh dā, nōthōṃ BōṃTāṃ, Thanh vaṃ, thiēṃ long baṃ bōṃhaṃ giai hoan duyēṃ tín thōṃphūng haṃh.

số các vị Đại Bồ Tát đều niệm Phật A-di-đà, phát nguyện vãng sanh về cõi Phật ấy.

Kinh A-di-đà dạy rằng, nếu những kẻ nam, người nữ có lòng lành, nghe giảng nói về Phật A-di-đà, bèn chuyên tâm niệm danh hiệu ngài. Nhờ niệm danh hiệu Phật nên các tội nghiệp đều diệt hết. Người ấy khi lâm chung liền được sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật A-di-đà.

Cũng trong kinh A-di-đà, đức Phật Thích-ca dạy rằng: Hết thấy các ông đều nên tin theo lời dạy của ta và chư Phật. Những chúng sanh nào được nghe pháp này, nên phát nguyện sanh về thế giới của đức Phật A-di-đà.

Kinh Thập lục quán⁽¹⁾ dạy rằng: Nếu kẻ nam, người nữ có lòng lành, chỉ cần nghe danh hiệu Phật và hai vị Bồ Tát⁽²⁾ đã có thể trừ dứt được tội nghiệp trong vô số kiếp

⁽¹⁾ Tức kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

⁽²⁾ Chỉ đức Phật A-di-đà và 2 vị Bồ Tát là Quán Thế Âm, Đại Thế Chí.

sanh tử, hướng chi là nhớ tưởng, thường niệm. Niệm một câu Nam mô *A-di-đà* Phật có thể trừ được những tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Nếu có người niệm Phật thì nên biết rằng người ấy là đóa hoa *phân-đà-ly*⁽¹⁾ trong cõi người, là bạn tốt của các vị Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí.

Kinh Diệu pháp Liên hoa, phẩm Dược vương Bồ Tát Bốn sự dạy rằng: Người nào nghe được kinh này, theo như lời dạy mà tu hành, đến khi mạng chung liền đến cõi thế giới An Lạc của Phật *A-di-đà*, hóa sanh trong hoa sen, ngồi trên tòa báu, có các vị Đại Bồ Tát vây quanh. Người ấy chẳng còn bị các tâm tham lam, sân hận, ngu si làm cho khổ não, cũng không còn bị những sự xấu xa của lòng tự cao, ngã mạn, ganh ghét, đố kỵ làm cho khổ não, đạt được các phép thần thông của hàng Bồ Tát và chứng đắc *Vô sanh Pháp nhẫn*.⁽²⁾

Luận *Đại trí độ* dạy rằng: Đức Phật là bậc Pháp vương cao cả nhất, chư Đại Bồ Tát là những bề tôi trong Chánh pháp của ngài. Những bề tôi này chỉ tôn trọng duy nhất bậc Pháp vương là đức Phật mà thôi. Có những vị Bồ Tát tự nhớ lại thuở xưa, vì chê bai pháp *Bát-nhã* nên đọa vào các đường ác, chịu vô số nỗi khổ. Lại trải qua vô số kiếp tu tập các hạnh khác⁽³⁾ nhưng cũng không thể thoát khỏi biển khổ. Sau nhờ gặp bậc thiện tri thức dạy cho pháp

⁽¹⁾ *Phân-đà-ly*: tức là loại hoa sen màu trắng rất ít có, nên cũng gọi là hoa *hy hūu* (hoa ít có). Lại vì hoa ấy rất lớn, rất thơm, có cả trăm cánh nên cũng gọi là hoa *bách diệp*.

⁽²⁾ *Vô sanh Pháp nhẫn*: Pháp nhẫn nhục của hàng Bồ Tát do chứng đắc được lý vô sanh, không thấy có các hữu tình gây hại cho mình. Bồ Tát chứng đắc pháp nhẫn này thì tâm bình đẳng không phân biệt đối với tất cả chúng sanh.

⁽³⁾ Nghĩa là ngoài pháp môn niệm Phật.

niệm Phật *A-di-đà*, liền được dứt trừ tội chướng, sanh về Tịnh độ.

Nay ta nên lễ tạ đức Phật *A-di-đà*. Vì sao vậy? Vì tất cả cha mẹ, thân quyến, bạn bè, cho đến các bậc vua chúa trong cõi trời, người cũng không ai có thể cứu độ ta thoát khỏi biển khổ. Chỉ có đức Phật *A-di-đà* dùng nguyện lực mà tiếp nhận, nhờ đó ta mới được thoát khỏi biển khổ.

Nên có kệ rằng:

*Nếu ai muốn thành Phật,
Hãy niệm A-di-đà,
Ngay đời này toại nguyện,
Nên cúi đầu kính lễ.*

Lại cũng dạy rằng: “Thời Phật còn tại thế, có một ông già xin xuất gia, ngài *Xá-ly-phát* không thuận cho. Đức Phật quán xét thấy người ấy trong kiếp trước khi đi kiếm củi trên rừng bị cọp đuổi, chạy leo lên cây, sợ quá nên niệm *Nam-mô Phật* không thành tiếng. Nhờ việc lành nhỏ nhoi ấy mà sau được gặp Phật, được cứu độ và đắc quả *A-la-hán*. Ôi! Chỉ một lần xưng danh hiệu Phật mà còn được giải thoát, hướng chi là trọn đời niệm Phật?

Sách Liên tông bảo giám chép rằng: Trong vô số đức Như Lai nhiều như cát sông Hằng, đức *A-di-đà* là bậc nhất; trong vô số cõi Phật mười phương nhiều như số hạt bụi nhỏ, cõi Cực Lạc là nơi hướng về. Vững tin vào cõi Cực Lạc là pháp môn giải thoát chân chánh, nhiệm mầu; xét kỹ về đức *A-di-đà* thật là bậc cha lành của tất cả chúng sanh. Vì thế, một niệm khởi lên mà thần linh đều biết, lòng tin sanh ra mà chư Phật đều hiện. Vừa xưng niệm

danh hiệu Phật là đã gieo hạt giống vào thai trong hoa sen;⁽¹⁾ một khi phát tâm *Bồ-đề* là đã nêu tên nơi cõi đất vàng.⁽²⁾

Nhờ có duyên lành mới được gặp, tự mình hiểu ra, tự mình tu tập. Những ai lòng tin cạn cợt không thể tin nhận pháp này, thật rất ngu si, lầm lạc; chỉ biết than vãn rằng gặp thời mạt pháp, quá nhiều những cách hiểu sai lầm, tà vạy, chê bỏ pháp Tịnh nghiệp, cho đó là phép quyền biến tạm dùng, khinh rẻ sự trì tụng, cho đó là việc làm thô thiển. Như vậy há chẳng phải là chìm đắm trong căn nhà đang bốc cháy,⁽³⁾ tự mình cam chịu mãi mãi trôi lăn; làm trái lời Phật dạy, phải chịu khổ đau mà uổng phí mất một đời đó sao?

Hãy tin rằng: nếu không nương nhờ sức Phật,⁽⁴⁾ không thể dứt trừ nghiệp lực; không gặp được pháp môn này,⁽⁵⁾ không có đường nào vượt thoát khỏi sanh tử. Cho nên những kẻ khinh rẻ, chê bỏ pháp môn này là tự khinh rẻ, chê bỏ chính bản thân mình. Những việc sai lầm rất dễ huân tập, giáo pháp chân chánh rất khó được nghe. Vì thế phải trôi lăn mãi mãi trong ba đường ác, nhiều kiếp không thể thoát ra!

Sách *Tịnh độ cảnh quán yếu môn* dạy rằng: Pháp môn Tịnh độ chính là con đường thoát ra khỏi sanh tử của

(1) Thai trong hoa sen: người vãng sanh về cõi Cực Lạc không sanh ra từ bào thai trong bụng mẹ mà sanh từ hoa sen, nên gọi là thai trong hoa sen (liên thai).

(2) Cõi đất vàng: chỉ cõi thế giới Cực Lạc, vì Phật dạy rằng cõi ấy đất đai bằng vàng ròng, nên gọi là cõi đất vàng.

(3) Căn nhà đang bốc cháy: Lấy ý trong kinh Pháp hoa, Phật dạy rằng ba cõi như căn nhà đang bốc cháy (Tam giới như hỏa trạch), ý nói đến sự khẩn thiết phải tu hành thoát ly sanh tử.

(4) Nguyên văn dùng tha lực, chỉ sức hộ trì, nhiếp thọ của đức Phật *A-di-đà*.

(5) Tức pháp môn niệm Phật.

chúng sanh thời mạt pháp, là con thuyền vững vàng để vượt qua biển khổ. Một khi được sanh về Cực Lạc thì mãi mãi không còn thối chuyển, được thân màu vàng ròng, bay đi tự tại, việc ăn mặc tự nhiên có đủ, được thấy Phật, nghe pháp, mau chóng chứng đắc Thánh quả.

Ở đó không có bị quấy rối bởi cạp, sói, sư tử, muỗi, ruồi, sâu bọ; không bị khổ vì sấm sét, gió mưa, lạnh, nóng, đói, khát. Hóa sanh từ hoa sen, tuổi thọ vô lượng. Không có mọi nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Cho nên, đức *Thích-ca* Như Lai vì muốn chúng sanh mê muội ở cõi này được thoát khổ mới chỉ bày pháp môn đối trị. Đức cha lành *A-di-đà* lại chỉ cho con đường tiếp dẫn. Vì thế mới khổ công mỗi miệng ngợi khen nghiêng về Tịnh độ, rộng khuyên mọi người phát nguyện vãng sanh, nguyện do là như thế.

Vì thế, các bậc hiền thánh, kẻ tăng người tục, nhờ niệm Phật mà được vãng sanh số nhiều không kể xiết. Chỉ vì kẻ phàm phu hèn kém, đắm say vướng mắc nơi trần tục, chẳng cầu ra khỏi, cam chịu trôi giạt trong sanh tử, thật đáng thương lắm thay!

Sách *An Lạc* tập dạy rằng: Nếu có thể niệm Phật *A-di-đà* thì dứt hết nghiệp chướng, sanh về Tịnh độ. Vì sao vậy? Ví như có người dùng gân con sư tử làm dây đàn, tiếng đàn ấy vừa khảy lên thì âm thanh của những cây đàn khác đều phải dứt. Nếu người phát tâm *Bồ-đề*, thường niệm Phật *A-di-đà* thì hết thấy nghiệp chướng phiền não nặng nề đều phải dứt.

Lại cũng như có người dùng các loại sữa bò, sữa dê, sữa lừa, sữa ngựa cho vào trong một cái chén. Nếu lại cho vào đó chỉ một giọt sữa sư tử thì các loại sữa kia đều hóa thành nước lã.

Nếu có ai phát tâm *Bồ-đề*, thường niệm Phật *A-di-đà* thì hết thấy những ma chướng xấu ác đều tự nhiên tiêu diệt, được sanh về Tịnh độ.

Trong luận *Quyết nghi* dạy rằng: Thân người khó được, Tịnh độ dễ sanh về. Vì sao vậy? Nếu không giữ được năm giới thì không thể sanh trong hai cõi trời, người. Năm giới có giữ gìn trong sạch mới được sanh ra làm người. Nhưng năm giới thật khó giữ trọn, lại không có nguyện lực dắt dẫn, cho nên nói rằng thân người khó được.

Người tu pháp Tịnh độ, chưa nói đến việc giữ giới có được trọn vẹn hay không, chỉ cần niệm danh hiệu đức Phật *A-di-đà* thì dù đang mang tội nghiệp cũng có thể sám hối. Đến khi lâm chung, đức Phật *A-di-đà* cùng các vị Quán Âm, Thế Chí và vô số thánh chúng đều có nguyện lực nên cùng hiện đến tiếp độ, dắt dẫn, cho nên nói rằng Tịnh độ dễ sanh về.

Trong *Tịnh hạnh Pháp môn* dạy rằng: Sám hối cũng giống như siêng lau chùi tấm gương cũ, dần dần làm sạch đi những bụi bặm bám từ lâu ngày. Niệm Phật cũng giống như may mắn gặp được bậc vua hiền, tức thời được ra tay cứu vớt. Suốt bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, trong những lúc đi, đứng, nằm, ngồi, thường nghĩ về cảnh Tịnh độ trang nghiêm, thường nhớ tưởng đức Phật *A-di-đà*. Niệm Phật được như vậy thì tức thời được pháp *Tam-muội*, việc sanh về Tịnh độ chẳng cần phải nghi ngờ gì nữa.

Kinh *Đại Tập Nguyệt Tạng* dạy rằng: Thời mạt pháp, vô số chúng sanh thực hành tu tập, chưa chắc đã có được

một người thành tựu. Đó đều do nơi cõi đời xấu ác có đủ năm sự uế trước, việc học hỏi lẫn lộn khó thành. Chỉ riêng một pháp niệm Phật là có thể khai thông đường vào. Nên biết rằng, việc tự mình làm thật khó trọn vẹn, nhờ sức hỗ trợ bên ngoài thì dễ thành tựu. Ví như kẻ hèn kém nhưng nhờ sức của bậc Luân vương⁽¹⁾ mà có thể bay lên chơi ở bốn cõi trời, như kẻ phàm tục nhờ có liều thuốc tiên mà đến được miền Tam đảo.⁽²⁾ Như vậy thật là đạo dễ thực hành mà mau chóng được thành tựu. Lời lành đã chỉ bày tỏ rõ, nên hết lòng khắc sâu trong xương thịt.

Luận *Bảo vương*⁽³⁾ dạy rằng: Người tắm trong biển cả là đã dùng nước của trăm sông; người trì niệm danh hiệu Phật ắt phải thành tựu *Tam-muội*. Ví như hạt châu quý có thể làm nước lắng trong, khi thả vào trong nước đục, nước ấy không thể không lắng trong. Cũng vậy, tiếng niệm Phật gieo vào tâm tán loạn, tâm ấy không thể không có Phật.

Kinh *Đại phẩm* dạy rằng: Nếu người niệm Phật mà tâm tán loạn cũng được thoát khổ, được phước không cùng. Huống chi là những người niệm Phật với tâm an định, trên đạt mức *nhất tâm bất loạn*,⁽⁴⁾ dưới cũng được *thập niệm thành công*.⁽⁵⁾

(1) Luân vương: tức Chuyển luân Thánh vương, vị vua có nhiều thần lực nhờ vào phước báu tích tụ nhiều đời.

(2) Tam đảo: Ba hòn đảo của các vị thần tiên, theo niềm tin của Đạo giáo, đó là đảo Bồng Lai, đảo Phương Trượng và đảo Doanh Châu.

(3) Luận *Bảo vương*: tức luận *Bảo vương Tam-muội*.

(4) *Nhất tâm bất loạn*: tâm chuyên nhất không còn bất cứ tạp niệm nào, không bị tán loạn, chỉ chú tâm duy nhất vào việc niệm Phật.

(5) *Thập niệm thành công*: cũng gọi là *thập niệm thành tựu* hay *thập niệm nghiệp thành*, chỉ trường hợp niệm Phật với tâm tương tục, niệm nối tiếp niệm, không xen tạp, không rối loạn, nhờ đó mà vừa đủ mười niệm đã được vãng sanh, xem như thành tựu sự nghiệp tu tập.

Kinh *Pháp hoa* dạy rằng:

*Dù cho tâm tán loạn.
Bước vào nơi tháp miếu.
Xưng niệm một hiệu Phật.
Đều đã thành Phật đạo.*

Lại cũng dạy rằng:

*Phật hiệu vang mười phương.
Lợi ích khắp chúng sanh.
Trọn đủ mọi căn lành.
Tâm bồ-đề thêm lớn.*

Kinh *Hoa nghiêm* dạy rằng:

*Trong tất cả oai nghi,⁽¹⁾
Thường niệm công đức Phật.
Ngày đêm không tạm dứt.
Việc như thế nên làm.*

Lại cũng dạy rằng:

*Thà chịu khổ địa ngục.
Được nghe danh hiệu Phật;
Còn hơn muôn cảnh vui.
Không nghe danh hiệu Phật.*

Kinh *Bảo Tích* dạy rằng: Chúng sanh ở các phương khác được nghe danh hiệu đức Phật *A-di-đà*, chỉ cần có thể sanh khởi một niềm tin trong sạch, vui vẻ, ưa muốn, có bao nhiêu việc lành đã làm đều hồi hướng phát nguyện

⁽¹⁾ Oai nghi: chỉ chung mọi hành vi, cử động của người tu tập, bao gồm cả những việc đi, đứng, nằm, ngồi. Vì mỗi mỗi đều tuân theo giới luật nên tạo thành oai nghi, khiến người khác kính phục.

sanh về cõi Phật *A-di-đà*, liền được theo đúng ý nguyện mà vãng sanh, đạt địa vị không còn thối chuyển, thẳng dần lên quả vị Phật.

Trong kinh *Đại A-di-đà*, phần *Văn pháp nhân duyên*,⁽¹⁾ Phật dạy rằng: Người thế gian được nghe danh hiệu đức Phật *A-di-đà*, nếu khởi lòng từ mà vui mừng, cho đến tâm ý được thanh tịnh, xúc động rơi lệ, đều là những người đã trải nhiều kiếp tu hành đạo Phật, hoặc đã từng tu hành đạo Bồ Tát ở các cõi Phật nơi phương khác, nên chẳng phải hạng người phàm.

Nếu có người không tin lời Phật, không tin việc niệm Phật, không tin vào việc vãng sanh, đó đều là những kẻ từ nơi các đường ác⁽²⁾ sanh về, nghiệp ác cũ vẫn chưa dứt sạch, vì ngu si không hiểu nên chưa thể được giải thoát.

Có nhiều vị Bồ Tát muốn nghe kinh này mà chẳng được nghe. Nếu được nghe rồi thì đối với đạo *Vô thượng* mãi mãi không còn thối chuyển. Cho nên phải tin nhận mà trì niệm, theo như lời dạy mà tu hành.

Nay ta vì các ông mà thuyết giảng pháp này, khiến các ông được thấy đức Phật *A-di-đà* và cõi nước của ngài. Ta vì thương xót chúng sanh nên mới đặc biệt truyền lại pháp này.

Phần *Chánh pháp nan văn* có kệ rằng:⁽³⁾

⁽¹⁾ Nguyên bản dùng *Chánh pháp nan văn phẩm*, là sự nhầm lẫn của soạn giả, vì câu kinh được trích ở đây nằm ở phần *Văn pháp nhân duyên* thứ 25, không có trong phần *Chánh pháp nan văn* thứ 26, đều ở trong kinh *Đại A-di-đà* (Đại Chánh Tạng, quyển 12, kinh số 364).

⁽²⁾ Các đường ác: chỉ 3 cảnh giới là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

⁽³⁾ Câu này do chúng tôi thêm vào cho đúng với kinh văn, vì nguyên tác đã nhầm lẫn cả phần trên với bài kệ này đều thuộc phần *Chánh pháp nan văn*. Thật ra, chỉ có bài kệ này là thuộc phần này mà thôi.

Nếu chẳng nhiều đời tu phước huệ,
 Không thể được nghe chánh pháp này.
 Đã từng cúng dường các đức Phật,
 Nên đủ nhân duyên hiểu nghĩa sâu.
 Cõi Phật Di-đà vui vô hạn,
 Chỉ riêng chư Phật mới rõ biết.
 Thanh văn, Duyên giác khắp thế gian,
 Dù cố hết sức không thể hiểu.
 Pháp mâu của bậc Đại Pháp vương,
 Cứu độ muôn loài thoát bể khổ.

阿彌陀佛因地事理說

或問曰。師常勸念阿彌陀佛，未知阿彌陀佛有因地否。

宗本曰。阿彌陀佛因地，載於藏教甚多。今略引一二，以訓子之所問。

鼓音王經云。過去久遠劫中，有國名妙喜，王名憍尸迦，祖父清泰國王，父月上轉輪王，母殊勝妙顏。王后生三子，長曰月明，次曰憍尸迦，三曰帝眾。

Nếu ai thường xưng tán, thọ trì,
 Ấy thật bạn tốt trên đường đạo.⁽¹⁾

Phật thuyết kinh này rồi, các vị Bồ Tát, Thanh văn, và tám bộ chúng⁽²⁾ thấy đều vui mừng, tin nhận vâng làm theo.

⁽¹⁾ Chúng tôi tìm thấy bài kệ này trong phẩm Chánh pháp nan văn, kinh Đại A-di-đà, có nội dung tương tự nhưng cách diễn đạt khác hơn và dài hơn so với phần trích ở đây. Chúng tôi vẫn chưa thể xác định đây là sự lược trích có thay đổi từ bài kệ này, hay có thể nào đã từng có một bản dịch khác của kinh này lưu hành vào thời điểm biên soạn sách này chăng?

⁽²⁾ Tám bộ chúng: Nguyên bản dùng *thiên long bát bộ* (天龍八部), chỉ tám loài chúng sanh thường đến nghe Phật thuyết pháp, gồm có: chư thiên (chúng sanh ở các cõi trời), loài rồng, loài *dạ-xoa*, loài *cân-thát-bà*, loài *a-tu-la*, loài *ca-lâu-la* (cũng gọi là *kim sí điểu*), loài *khẩn-na-la* và loài *ma-hầu-la-già*.

A-di-đà Phật nhân địa sự lý thuyết

Hoặc vấn viê: Sở thõng khuyêñ nieãn A-di-đà Phaĩ, và tri A-di-đà Phaĩ hõu nhân ñà phuĩ

Toâng Boãn viê: A-di-đà Phaĩ nhân ñà, taũ õ tăng giao thãm ña. Kim lôõx daãn nhaĩ ñhõ, đó thuõtõuchi sõuvaãn.

CoãẤn Võông kinh vaãn: Quaũkhõucõu viêñ kiep trung, hõu quõc danh Dieũ Hyũ võông danh *Kiêu-thi-ca*, toãphui Thanh Thaũ quõc võông, phuĩNguyeĩ Thõõng Chuyêñ luaãn võông, maũ ThuõThaõng Dieũ Nhan. Võông haũ sanh tam tõi trõõng viê Nguyeĩ Minh, thõũviê *Kiêu-thi-ca*, tam viê ÑeãChũng.

時有一佛出世，號世自在王如來。憍尸迦棄捨王位，投佛出家，名曰法藏比丘。恭對如來，發四十八種廣大行願，普度十方一切眾生。若一願不滿者，誓不作佛。是時諸天散花，大地震動，空中讚言決定成佛。

又悲華經云。往昔劫中，有轉輪王，名無諍念。大臣寶海為善知識。同於寶藏佛所發菩提心。

輪王發願云。我作佛時，在於清淨安樂世界，攝受一切眾生。

大臣發願云。我作佛時，在於五濁苦惱世界，度脫一切眾生。

無諍念王者，阿彌陀佛是也。寶海大臣者，釋迦牟尼佛是也。似此君臣道，名為折攝二門。是故阿彌陀佛在彼淨土接引眾生，釋迦牟尼佛在此娑婆教化眾生。

又於塵點劫前，大通智勝佛時，彌陀，釋迦曾為十六王子，覆講法華，度生發願。因此無量劫來不違本誓。

諸仁者。要知彌陀，釋迦，二師之恩，分身碎未足為報。

Thò hõu nhá Phã xuá theá hiẽu TheáTõ̃ Tai Võng Nhõ Lai. *Kiêu-thi-ca* khí xâu võng và, ñãu Phã xuá gia, danh viẽ Phãp Tãng Tỳ-kheo. Cung ñoá Nhõ Lai, phat tồthap̃ bàu chùng quang ñai hãnh nguyẽn, phoãñoãthap̃ phõng nhá thiẽ chùng sanh. Nhõõr nhá nguyẽn bá mã̃n giãu theá bá tũ Phã. Thò thõ̃ chõ thiẽn tãm hoa, ñai ñiã chãñ ñoãng, khõng trung tãm ngoãn, quyẽ ñõnh thanh Phã.

Hõu Bi Hoa kinh vãn: Vãng tích kiẽp trung, hõu Chuyẽn luãn võng, danh Voã Trãm Niẽn. Ñai thãn Bãu Hãu, vi thiẽn tri thõ̃. Ñoãng õ Bãu Tãng Phã sũ phat̃ Bõ-đẽ tãm. Luãn võng phat̃ nguyẽn vãn: Ngaõ tũ Phã thõ̃, tai õ thanh tòñh An Lã̃ theá giõ̃, nhiẽp thõ̃ nhá thiẽ chùng sanh. Ñai thãn phat̃ nguyẽn vãn: Ngaõ tũ Phã thõ̃, tai õ nguõ trõõ khoãnaõ theá giõ̃, ñoãthoã nhá thiẽ chùng sanh.

Voã Trãm Niẽn Võng giãu A-di-đà Phã thõ daõ Bãu Hãu ñai thãn giãu *Thích-ca Mâu-ni* Phã thõ daõ Tõ̃ thõ̃ quãn thãn ñão hiẽp, danh vi chiẽ nhiẽp nhõ moãn. Thõ coá A-di-đà Phã, tai bẽ Tòñh ñoã tiẽp dã chùng sanh. *Thích-ca Mâu-ni* Phã, tai thõũ Ta-bà giãu hoã chùng sanh.

Hõu õ trãm ñiẽn kiẽp tiẽn, Ñai Thoãng Trí Thoãng Phã thõ̃, *Di-đà*, *Thích-ca* tãng vi thap̃ lũc võng tũ phuõ giãng Phãp Hoa, ñoã sanh phat̃ nguyẽn. Nhãn thõũ voã lõõng kiẽp lai bá vi boãn theã

Chõ nhãn giãu Yẽu tri *Di-đà*, *Thích-ca*, nhõ sũ chi ãn, phãn thãn toã coá vò tũ vi bãu.

又問。十方諸佛甚多，世人唯念阿彌陀佛，何耶。

答。阿彌陀佛，有理同事異，是以特念耳。推其理，念一佛即是念多佛。何以故。諸佛體同故。

華嚴經云。一切諸佛一法身，真如平等無分別，豈不然乎。

我今再將喻法，決汝之疑。譬如一室之中，懸百千鏡。內安一燈照之，則諸鏡皆有燈光涉入。如人稱一阿彌陀佛，一切諸佛悉念念盡。

不見般舟三昧經云。跋陀和菩薩問釋迦牟尼佛。未來眾生，云何得見十方諸佛。佛教令念阿彌陀佛即見十方諸佛。是以諸佛體同，故稱同名同號也。

非唯諸佛同名同號，要知四聖六凡皆同此理。何則。諸佛悟此性成聖，眾生迷此性為凡。是以亦同此理也。

舉其事。阿彌陀佛慈悲廣大，行願弘深，是以特念以。

Höu vaân: Thap phöông chö Phaï thaân ña, theánhaân duy nieâm A-di-đà Phaï, haøda?

Ñap: A-di-đà Phaï, höu lyùñoàng söi dò, thò dó ñaë nieâm nhó. Suy kyølyù nieâm nhaï Phaï tòu thò nieâm ña Phaï. Nieâm ña Phaï tòu thò nieâm nhaï Phaï. Haødó co? Chö Phaï theañoàng coá

Hoa Nghieân kinh vaân: Nhaï thieá chö Phaï nhaï phap thaân, chaân nhö bình ñaúng voáphaân bieï, khôu baï nhieân ho?

Ngaõkim taù töông duï phap, quyêú nhöõchi nghi. Thí nhö nhaï thaï chi trung, huyeân baùh thieân kính. Noã an nhaï ñaúng chieáú chi, taé chö kính giai höu ñaúng quang thieþ nhap. Nhö nhaân xöng nhaï A-di-đà Phaï, nhaï thieá chö Phaï taï nieâm nieâm taân.

Baï kieán Baù Chaù Tam-muõï kinh vaân: Bạt-đà-hòa Bồ Tát vaân Thích-ca Mâu-ni Phaï: Vô lai chùng sanh, vaân haø ñaë kieán thap phöông chö Phaï? Phaï giao linh nieâm A-di-đà Phaï, tòu kieán thap phöông chö Phaï. Thò dó chö Phaï theañoàng, coáxöng ñoàng danh ñoàng hieäu daõ

Phi duy chö Phaï ñoàng danh ñoàng hieäu, yeáú tri tòuthành lưc pham giai ñoàng thöülyù Haøtaé? Chö Phaï ngoáthöütành, thanh thành. Chùng sanh meáthöütành, vi pham. Thò dó dieä ñoàng thöülyùdaõ

Cöukyø söi A-di-đà Phaï töøbi quang ñaï, hañh quyêân hoàng thaân, thò dó ñaë nieâm dó

不見大阿彌陀經云。我作佛時，我刹莊嚴殊勝，超過十方國土。不得是願，終不作佛。

又云。我作佛時，說經行道，十倍於諸佛。不得是願，終不作佛。

又云。稱我名號，定生我國。不得是願，終不作佛。

是以願廣緣強，感動世人皆念以。

又不見大慈菩薩讚偈云。

十方三世佛，
阿彌陀第一。

豈不然哉。非但菩薩稱讚，十方諸佛亦稱讚之，况我輩下劣凡夫也。由此推之，專念彼佛有何疑哉。

又問。念佛之人臨終佛來接引。十方世界有無量人念佛，焉能悉知時，盡能接引乎。

且日月是一小世界，光明猶能普照萬類，况佛光明乎。不見彌陀經云。彼佛何故號阿彌陀。舍利弗，彼佛光明無量，照十方國無所障礙，是故號為阿彌陀。應知佛之光明廣大無

Baá kien Nãi A-di-đà kinh vaân: Ngaõtaù Phaá thõá, ngaõ saù trang nghiêm thuõthaõng, sieu quaiùhaùp phõng quoaõ ñõa Baá ñaé thõ nguyẽn, chung baá taù Phaá.

Hõu vaân: Ngaõtaù Phaá thõá, thuyẽ kinh haõnh ñaõ, thaùp boá õ chõ Phaá. Baá ñaé thõ nguyẽn, chung baá taù Phaá.

Hõu vaân: Xõng ngaõdanh hieã, ñõnh sanh ngaõquoaõ. Baá ñaé thõ nguyẽn, chung baá taù Phaá.

Thõ dó nguyẽn quauõg duyẽn cõõng, cam ñõõng theãnhãn giai nieãn dó.

Hõu baá kien Nãi TôõBoáTaù taù Phaá keãvaân:

Thập phương tam thế Phật,
A-di-đà đệ nhất.

Khõu baá nghiẽn tai? Phi ñaõn BoáTaù xõng taù, thaùp phõng chõ Phaá dieã xõng taù chi, huõng ngaõboá hãilieã phaõm phu daõ Do thõusuy chi, chuyẽn nieãn bæPhaá, hõu haõngghi tai?

Hõu vaân: Nieãn Phaá chi nhaân, laõn chung Phaá lai tieùp daõn. Thaùp phõng theãgiõu hõu voãlõõng nhaân nieãn Phaá, yẽn naõng taù tri kyõthõu, taõn naõng tieùp daõn hoã

Ñaùp: Thaõnhãi nguyẽ thõ nhaá tieãu theãgiõu, quang minh du naõng phõchieã vaõn loaõi, huõng Phaá chi quang minh hoã Baá kien Di-đà kinh vaân: BæPhaá haõcoãhieãu A-di-đà. Xá-ly-phát, bæPhaá quang minh voãlõõng chieãu thaùp phõng quoaõ, voãsõuchõõng ngai, thõ coãhieãu vi A-di-đà. Ông tri

比。小乘羅漢，尚有三明六通，隨類化現，況佛之神通妙用乎。

何則。身常禮佛，佛則見之。天眼通故。口常念佛，佛則聞之。天耳通故。心常憶佛，佛則知之。他心通故。

諸仁者。只要自己虔切修持，不須疑佛無能接引。

又問。佛有無量光明，我何不見。

杲日麗天，瞽夫不睹。非日無光，是盲者咎。眾生黑業障重，不見佛之光明。如處覆盆之下，非日光之不照也。

若人齋戒精嚴，一心念佛佛，臨終面見彌陀，即得往生淨土。

又問。既有如是功德，何必連聲舉念。譬如叫我名字，不過一二三聲。若呼之不止，則吾心反成瞋恚，何如。

答。汝之邪說惑亂迷人。且諸佛大聖之洪名，非凡愚常見之可比。前不云乎。稱我名號定生我國。

Phaĩ chi quang minh quang ñai voатыú Tieủi thõa La-hán, thõõng hõu tam minh, lữ thõng, tuy loai hoà hieĩn. Huoáng Phaĩ chi thàn thõng dieủi đũng ho?

Haotae? Thãn thõõng leãPhaĩ, Phaĩ taé kieĩn chi. Thieĩn nhaĩn thõng coá Khaĩn thõõng nieĩn Phaĩ, Phaĩ taé vaĩn chi. Thieĩn nhõ thõng coá Taĩn thõõng õu Phaĩ, Phaĩ taé tri chi. Tha taĩn thõng coá

Chõ nhaĩn giaĩ Chæyeủi töikyũkieĩn thieĩ tu trì, baĩ tu nghi Phaĩ voĩnaĩng tiep đẫĩn.

Hõu vaĩn: Phaĩ hõu voĩlõõng quang minh, ngaõhaõbaĩ kieĩn?

Ñạp: Caõ nhaĩ leãthieĩn, coá phu baĩ ñoá Phi nhaĩ voĩ quang, thõ manh giaũcõũ. Chũng sanh haé nghieĩp chõõng trõng, baĩ kieĩn Phaĩ chi quang minh. Nhõ xõũphuũboĩn chi haĩ phi nhaĩ quang chi baĩ chieủi đẫ

Nhõõĩ trãn trai giõũ tinh nghieĩn, nhaĩ taĩn nieĩn Phaĩ, laĩn chung dieĩn kieĩn Di-đà, tũ ñaé vaĩng sanh Tõnh ñoá

Hõu vaĩn: Kyũhõu nhõ thõ coĩng ñõu, haõtaĩ lieĩn thanh cõũnieĩn? Thĩ nhõ khieủi ngaõdanh tũ baĩ quaĩnhaĩ nhõ tam thanh. Nhõõĩ hoĩchi baĩ chæ taé ngoĩtaĩn phaĩn thanh saĩn quaĩ, haõnhõ?

Ñạp: Nhõõchi taõthuyeủi hoĩ loĩn meĩnhaĩ. Thũchõ Phaĩ ñai thàn chi hoĩng danh, phi phaĩn ngu thõõng kieĩn chi khaũtyũ Tieĩn baĩ vaĩn ho? Xõng ngaõdanh hieủi, ñõnh sanh ngaõquoĩ.

觀經云。念阿彌陀佛一聲，滅八十億劫生死重罪，况連聲不斷乎。

彌陀經云。以稱名故，諸罪消滅。

勢至圓通云。憶佛念佛，必定見佛。上至一心不亂，專持名號。下至十念成功，往生淨土。

豈容汝饒舌非言哉。我今勸人常稱佛號，何也。要先滌其口業，然後可淨其身心矣。

嗚呼。凡夫念佛之時，還有妄想現起，况不念佛乎。今我觀之，非唯念彼之佛，即是喚醒主人，不迷本性。既能一性不迷，三業自然清淨。

到此之時，彌陀與我一體無殊。我與彌陀本來不二。正是感應道交，母子相見。事理分明，性相兼備矣。

Quam kinh van: Nieam A-di-da Phaï nhat thanh, dieï baù thaþ òu kieþ sanh töütröng toã, huóng lieän thanh baï ñoan hoã

Di-da kinh van: Dó xöng danh coá chö toã tieäu dieï.

TheáChí Vieän Thöng van: Öü Phaï nieäm Phaï, taá ñöh kieän Phaï. Thöông chí nhat tâm baï loän, chuyeän trì danh hieäu. Hai chí thaþ nieäm thanh công, vaöng sanh Tönh ñoã

Khöü dung nhöü nhiều thieï phi ngoän tai? Ngaõ kim khuyeän nhat thöông xöng Phaï hieäu, haõdaõ Yeäu tieäu ñöch kyõkhaü nghieþ, nhieän haü khaütönh kyõthaän tâm hyõ

Oãhoã Pham phu nieäm Phaï chi thöü, hoam höü vöng töông hieän khöü, huóng baï nieäm Phaï hoã Kim ngaõquam chi, phi duy nieäm bæchi Phaï, töü thö hoäm tanh chuünhaän, baï meãboän tâm. Kyünaöng nhat tâm baï meã tam nghieþ töi nhieän thanh tönh.

Ñäü thöüchi thöü, Di-da döõngaõnhat theävöathuõ Ngaõdöõ Di-da boän lai baï nhö. Chaih thö cam öng ñäü giao, maü töü töông kieän. Söilyüphaän minh, tâm töông kieän bò hyõ

18. Luận về nguyên nhân, sự, lý của việc niệm Phật⁽¹⁾

Có người hỏi: Thầy thường khuyên người niệm Phật *A-di-đà*, vậy đức Phật ấy có nguyên nhân quá khứ như thế nào tôi chưa được biết?

Tông Bồn đáp rằng: “Nguyên nhân quá khứ của đức Phật *A-di-đà* được ghi chép rất nhiều trong kinh điển. Nay xin lược dẫn đôi điều để trả lời cho câu hỏi này.

Trong kinh *Cổ Âm Vương* có chép rằng: Trong kiếp quá khứ lâu xa, có nước tên Diệu Hỷ. Vua nước ấy tên *Kiều-thi-ca*, ông nội là quốc vương Thanh Thái, cha là Chuyển luân vương Nguyệt Thượng, mẹ là Thù Thắng Diệu Nhan. Vương hậu sanh được ba người con trai: con trưởng là Nguyệt Minh, con thứ là *Kiều-thi-ca*, con thứ ba là Đế Chúng.

Khi ấy, có Phật ra đời hiệu là Thế Tự Tại Vương Như Lai. *Kiều-thi-ca* bỏ ngôi vua, xuất gia theo Phật, hiệu là *tỳ-kheo* Pháp Tạng. Ngài cung kính đối trước đức Như Lai phát bốn mươi tám lời nguyện lớn, rộng độ tất cả chúng sanh trong khắp mười phương. Nếu một trong các lời nguyện ấy không thành tựu trọn vẹn, ngài quyết sẽ không thành Phật.

Khi ấy, chư thiên rảy hoa trời, mặt đất chấn động, giữa hư không có tiếng ngợi khen, nên biết chắc ngài sẽ thành Phật.

⁽¹⁾ Trong 2 bài trước nói rõ pháp tu Tịnh độ, bài này kể ra nguyên nhân quá khứ của đức Phật *A-di-đà*, cùng luận về các vấn đề sự, lý. Bài này nói tóm lại về chánh tín, chánh nguyện và chánh hạnh của việc niệm Phật. Trước chư Phật đã giảng dạy Pháp môn Tịnh độ, lại có chư Tổ chỉ bày, như vậy là rất ráo từ gốc đến ngọn. Bài này nhằm dứt sạch những chỗ nghi của người niệm Phật.

Lại trong kinh *Bi Hoa* có chép rằng: Trong kiếp quá khứ có vị Chuyển luân vương tên là Vô Tránh Niệm, có quan đại thần tên Bảo Hải, là bậc thiện tri thức của vua. Cả hai đều đến cúng dường đức Phật Bảo Tạng, phát tâm *Bồ-đề*. Chuyển luân vương phát nguyện rằng: Khi tôi thành Phật, sẽ ở tại cõi thế giới thanh tịnh và an vui mà nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Quan đại thần phát nguyện rằng: Khi tôi thành Phật, sẽ ở tại cõi thế giới xấu ác có năm sự uế trước khổ não mà độ thoát tất cả chúng sanh. Vua Vô Tránh Niệm chính là đức Phật *A-di-đà*, còn quan đại thần Bảo Hải chính là đức Phật *Thích-ca Mâu-ni*. Từ thuở ấy đã có sự hòa hợp giữa vua tôi, gọi là hai pháp môn điều phục và tiếp dẫn.⁽¹⁾ Bởi vậy, đức Phật *Thích-ca Mâu-ni* ở tại cõi *Ta-bà* mà điều phục chúng sanh, còn đức Phật *A-di-đà* ở tại cõi Tịnh độ mà tiếp dẫn chúng sanh.

Kinh *Pháp hoa* có ghi lại chuyện này: Vào thời quá khứ cách đây số kiếp nhiều như số hạt bụi nhỏ, khi đức Phật Đại Thông Trí Thắng ra đời, đức *A-di-đà* và đức *Thích-ca* từng ở trong số 16 vị vương tử thường giảng rộng kinh *Pháp hoa*, phát nguyện cứu độ chúng sanh. Từ đó trải qua vô lượng kiếp, hai ngài chẳng hề làm trái lời nguyện cũ.

Này các vị! Nên biết rằng ơn sâu của hai vị *Di-đà*, *Thích-ca*, dầu cho tan xương nát thịt cũng chưa đủ báo đáp.

Lại hỏi: Trong mười phương có rất nhiều đức Phật, vì sao người đời chỉ niệm riêng đức Phật *A-di-đà*?

⁽¹⁾ Đức Phật Thích-ca theo sự phát nguyện từ quá khứ nên thị hiện ở cõi *Ta-bà* chỉ dạy các pháp môn điều phục chúng sanh xấu ác, trong khi đức Phật *A-di-đà* tại cõi thế giới Cực Lạc ở phương tây dùng nguyện lực mà tiếp dẫn những chúng sanh nguyện sanh về đó.

Đáp: Đức Phật *A-di-đà*, xét về lý cũng đồng với chư Phật nhưng về sự thì có khác. Vì thế nên chỉ niệm riêng danh hiệu ngài.

Xét về lý, niệm một đức Phật cũng là niệm nhiều đức Phật, niệm nhiều đức Phật cũng là niệm một đức Phật. Vì sao vậy? Vì chư Phật đồng một bản thể. Kinh Hoa nghiêm dạy rằng: “Hết thấy chư Phật đồng một pháp thân chân như bình đẳng không phân biệt.” Chẳng phải là nói nghĩa này đó sao?

Nay tôi xin đưa ra một thí dụ để dứt lòng nghi cho ông. Như trong một căn nhà có treo trăm ngàn tấm gương. Giữa nhà đặt một ngọn đèn chiếu sáng, tức thì trong tất cả các tấm gương đều có ánh sáng của ngọn đèn. Cũng vậy, nếu người niệm một danh hiệu Phật *A-di-đà* tức là niệm đủ tất cả chư Phật.

Kinh *Bát Châu Tam-muội* dạy rằng: “Bồ Tát *Bạt-đà-hòa* hỏi đức Phật *Thích-ca Mâu-ni*: Chúng sanh đời vị lai làm sao được thấy chư Phật mười phương? Phật dạy nên niệm Phật *A-di-đà* thì sẽ được thấy chư Phật mười phương.”

Vì chư Phật đồng thể, cho nên nói là đồng danh đồng hiệu. Chẳng những chư Phật đồng danh đồng hiệu mà thôi, phải biết rằng trong hàng *Tứ thánh, Lục phàm*⁽¹⁾ cũng đồng lý ấy. Vì sao vậy? Chư Phật ngộ tánh ấy nên là *thánh*, chúng sanh mê tánh ấy nên là *phàm*. Cho nên hết thấy đều đồng lý ấy.

⁽¹⁾Tứ thánh, Lục phàm: Bốn địa vị thuộc về bậc thánh và sáu địa vị thuộc về phàm tục. Tứ thánh là Phật, Bồ Tát, Duyên giác và *A-la-hán*; Lục phàm là chư thiên, loài người, A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Tứ thánh và Lục phàm cũng gọi chung là Thập Pháp giới.

Xét về sự, đức Phật *A-di-đà* khởi lòng từ bi rộng lớn, hạnh nguyện sâu dày, cho nên riêng niệm danh hiệu của ngài. Kinh *Đại A-di-đà* ghi lời nguyện của ngài rằng: “Sau khi ta thành Phật, cõi đất nơi thế giới của ta trang nghiêm thù thắng hơn hết so với các cõi nước trong mười phương. Nếu không được vậy, ta quyết không thành Phật.”

Lại nguyện rằng: “Sau khi ta thành Phật, sự thuyết giảng kinh điển và tu hành đạo pháp đều nhiều hơn gấp mười lần so với chư Phật. Nếu không được vậy, ta quyết không thành Phật.”

Lại nguyện rằng: “Sau khi ta thành Phật, chúng sanh nào xưng niệm danh hiệu ta, chắc chắn sẽ sanh về nước ta. Nếu không được vậy, ta quyết không thành Phật.”

Vì sự phát nguyện lớn lao, nhân duyên mạnh mẽ, nên cảm động người đời, khiến ai nấy đều xưng niệm danh hiệu ngài.

Lại không nghe bài kệ xưng tán Phật của Bồ Tát *Đại Từ* đó sao? Kệ rằng:

*Ba đời, mười phương Phật,
A-di-đà bậc nhất.*

Chẳng phải đúng như vậy sao? Chẳng những hàng Bồ Tát xưng tán, mà chư Phật mười phương cũng đều xưng tán, huống chi bọn chúng ta chỉ là hạng phàm phu hèn kém? Bởi đó suy ra, việc chuyên niệm danh hiệu Phật *A-di-đà* còn có gì phải nghi ngờ nữa?

Lại hỏi: Nói rằng những người niệm Phật khi lâm chung được Phật đến tiếp dẫn. Nhưng trong mười phương thế giới có vô số người niệm Phật, làm sao biết được tất cả mà đúng lúc hiện đến tiếp dẫn?

Đáp: Ví như mặt trời, mặt trăng trong một tiểu thế giới, ánh sáng còn chiếu soi được khắp muôn loài, hướng chi là hào quang của đức Phật? Kinh *A-di-đà* chép rằng: “Vì sao đức Phật ấy có hiệu là *A-di-đà*? Nay *Xá-ly-phát*! Đức Phật ấy hào quang sáng suốt vô lượng, chiếu khắp các cõi mười phương, không gì ngăn che được, vậy nên có hiệu là *A-di-đà*.”

Nên biết rằng hào quang của Phật tỏa rộng không chi so sánh được. Những vị *A-la-hán* hàng Tiểu thừa còn có được *Tam minh*, *Lục thông*,⁽¹⁾ có thể tùy ý hóa hiện, hướng chi là thần thông diệu dụng của Phật. Vì sao vậy? Thân thường lễ Phật thì được Phật nhìn thấy, vì Phật có thiên nhãn thông. Miệng thường niệm Phật thì được Phật nghe biết, vì Phật có thiên nhĩ thông. Lòng thường nhớ nghĩ đến Phật thì được Phật thấu biết, vì Phật có tha tâm thông.

Này các vị! Chỉ cốt tự mình bền chí, kính cẩn tu trì, không nên nghi ngờ Phật không đủ sức tiếp dẫn.

Lại hỏi: Phật có hào quang vô lượng, vì sao tôi không nhìn thấy?

Đáp: Mặt trời sáng rực nhưng kẻ mù không nhìn thấy. Đó chẳng phải do mặt trời thiếu sáng, mà do kẻ ấy bị mù. Chúng sanh bị nghiệp ác sâu dày che lấp nên không thấy được hào quang của Phật. Như sự tối tăm bên trong cái chậu úp là do bị ngăn che, không phải do ánh sáng mặt trời không muốn chiếu đến.

⁽¹⁾ Tam minh, Lục thông: Tam minh là Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, và Lưu tận minh. Lục thông gồm có Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Túc mạng thông, Tha tâm thông, Thần túc thông và Lưu tận thông. Các phép thần thông và sự sáng suốt này đều do tu tập giác ngộ mà có được.

Nếu người giữ gìn trai giới tinh nghiêm, hết lòng niệm Phật thì lúc lâm chung được nhìn thấy Phật *A-di-đà*, liền được vãng sanh Tịnh độ.

Lại hỏi: Đức Phật đã có công đức như vậy, cần gì phải cất tiếng niệm liên tục? Ví như có ai gọi tên tôi, bất quá cũng chỉ gọi một, hai hay ba tiếng mà thôi. Nếu gọi mãi không ngừng ắt phải làm cho tôi sanh bực tức, chẳng phải vậy sao?

Đáp: Lập luận của ông như thế là sai lầm, khiến cho người khác phải lẫn lộn, mê hoặc. Danh hiệu của chư Phật là bậc Đại thánh, làm sao có thể so sánh như hạng phàm tục ngu si đăm chấp trong thường kiến? Trước đây đã có nói rõ lời nguyện của Phật rằng: “Xưng niệm danh hiệu của ta, chắc chắn được sanh về cõi nước của ta.”

Trong *Quán kinh*⁽¹⁾ dạy rằng: “Niệm một câu *Nam-mô A-di-đà* Phật có thể diệt được tất cả tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử.” Hướng chi là niệm liên tục không dứt!

Kinh *A-di-đà* dạy rằng: “Nhờ xưng danh hiệu Phật nên các tội đều diệt mất.” Sách *Thế chí viên thông* dạy rằng: “Nhớ tưởng đến Phật, niệm Phật, chắc chắn được thấy Phật. Trên là bậc *nhất tâm bất loạn*, chuyên trì danh hiệu; dưới cũng đạt đến *thập niệm thành công*, vãng sanh Tịnh độ.”

Lẽ nào có thể để cho những kẻ nhiều chuyện nói ra lời sai trái? Nay vì sao mà tôi khuyên người thường niệm danh hiệu Phật? Trước hết là để gột sạch nghiệp ác nơi miệng, rồi sau mới có thể làm cho trong sạch thân tâm.

⁽¹⁾ Quán kinh: tức kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Than ôi! Kẻ phàm phu khi niệm Phật mà còn có những ý tưởng xấu khởi lên, hướng chi là không niệm Phật? Nay tôi quán xét thấy rằng, chẳng những là niệm tưởng đến đức Phật bên ngoài, mà cũng chính là tự thức tỉnh bản tâm, đừng mê muội không thấy được bản tánh. Ngay khi không còn mê muội bản tánh thì *ba nghiệp*⁽¹⁾ tự nhiên

⁽¹⁾ Ba nghiệp: tức khẩu nghiệp, nghiệp tạo do lời nói; thân nghiệp, nghiệp tạo

龍舒居士口業勸戒文

居士曰。口誦佛名，如吐珠玉，天堂佛國之報。口說善事，如噴清香。稱人長同。口宣教化，如放光明，破人迷暗。口語誠實，如舒布帛。實濟人用。

口談無益，如嚼木屑，不如默以養氣。口言欺詐，如蒙陷穽，行則悞人。口好戲謔，如掉刀劍，有時傷人。口稱惡事如出臭氣。說人短同。口道穢語如流蛆蟲，地獄畜生之報。

人生不過身口意業。殺，盜，婬，為身三業。妄言，綺語，兩舌，惡口為口四業。貪，

thanh tịnh. Khi ấy, Phật *A-di-đà* với ta đồng một thể, không khác gì nhau; ta với Phật *A-di-đà* xưa nay vốn chẳng phải hai, chưa từng phân biệt. Đó chính là sự cảm ứng tương thông trong đạo, như mẹ con gặp nhau; sự và lý đều rõ ràng, tánh và tướng đều gồm đủ.

do hành động; và ý nghiệp, nghiệp tạo do ý tưởng.

Long Thư Cư sĩ khẩu nghiệp khuyến giới văn

Cổ số viết: Khẩu tụng Phật danh, nhờ thoát khỏi cõi. Thiên nòng Phật quốc chi báo. Khẩu thuyết thiên sở nhờ phàm thanh hồng, xông nhân trời nòng. Khẩu tuyên giáo hoá, nhờ phàm quang minh, phàm nhân mệnh.

Khẩu ngôn thanh thản, nhờ thơ báo. Thản tán nhân dung. Khẩu niệm vô ích, nhờ từ miệng tiếng, báo nhờ miệng đó dồng khí. Khẩu ngôn khi trau nhờ miệng hân tanh, hành tác ngôn nhân. Khẩu hành hy hữu, nhờ niệm nào kiến hữu thọ thông nhân. Khẩu xông từ sở nhờ xưa xuê khí, thuyết nhân nào nòng. Khẩu niệm uế ngữ nhờ lời thơ trung, nhà ngữ sự sanh chi báo.

Nhân sanh báo quả thân khẩu y nghiệp. Sát, niệm, dâm vi thân tam nghiệp. Vô ngôn, y nghiệp lộng tiếng, từ khẩu

瞋，癡爲意三業。總謂之十惡。若持不犯，乃謂之十善。

據佛所言，口業果報多於身，意二業。何則。發意，則未形於外。出言，則遂見矣。舉身爲惡，猶有時艱阻，不若口之易發，故也。

未問隔世之事，且以現世言之。今人有一言稱人，其人終身受賜，福及子孫者。有一言陷人，其人終身受害，累及子孫者。

口業豈不重哉。出乎爾者，反乎爾，在彼固可畏矣。然在己，怨天者窮，怨人者無智。唯當戒慎，可也。故述聖賢之意，特勸戒焉。

19. Bài văn của cư sĩ Long Thư khuyên giữ gìn khẩu nghiệp

Ư sĩ Long Thư nói rằng: “Miệng niệm danh hiệu Phật như nhả ra châu ngọc, sẽ được phước báo sanh về cõi trời, nước Phật. Miệng nói việc lành như phun ra hương thơm, đồng với việc khen ngợi ưu điểm của người khác. Miệng nói lời giáo hóa như phóng hào quang, phá tan sự mê tối cho người khác. Miệng nói lời thành thật như tấm vải lụa vuốt phẳng, thật là có ích cho người khác.

vi khai tồnghiep. Tham, sañ, si vi yutam nghiep. Toàng vò chi thaþ àù. Nhөө̀x trì baá pham, naó vò chi thaþ thieñ.

CòuPhaã sôungoan, khai nghiep quaibaò ña ö thañ, yùnhò nghiep. Haøtaé? Phaù yù taé vò hình ö ngoaï. Xuaá ngoan, taé toaï kieán hyõ Còuthañ vi àù, du hөө̀x thөө̀ gian trồu baá nhөө̀x khai chi dò phaù, coádaó

Vò vañ caùh theáchi sөө̀ thaùdó hieñ theángoan chi. Kim nhañ hөө̀x nhaá ngoan xõng nhañ, kyønhañ chung thañ thoi tòu phөө̀x caþ tồutoan giaù Hөө̀x nhaá ngoan haøm nhañ, kyø nhañ chung thañ thoihaï, luyệ caþ tồutoan giaù

Khai nghiep khөө̀ baá trong tai? Xuaá hoànhó giaù pham hoànhó, taï bæ coákhauuý hyõ Nhieñ taï kyù oam thieñ giaù cung, oam nhañ giaùvoátri. Duy ñoàng giөө̀ thañ, khauádaó Coá thuaá thañh hieñ chi yù ñaë khuyeán giөө̀ yeñ.

“Miệng bàn luận điều vô ích như nhai mạt cưa, không bằng lặng thinh để nuôi dưỡng hơi thở. Miệng nói lời dối trá như che bít hầm bẫy, bước đi ắt phải hại người. Miệng ưa nói lời giễu cợt như múa gươm đao, ắt có lúc phải làm tổn thương người. Miệng nói ra việc dữ như bốc mùi hôi thối, đồng với việc chê bai khuyết điểm của người khác. Miệng nói lời dơ nhớp như có giòi bọ bên trong, sẽ bị tội báo nơi địa ngục hoặc sanh làm súc sanh.

“Đời sống con người không gì ngoài các nghiệp *thân*, *miệng* và *ý*. Giết hại, trộm cướp, tà dâm là 3 nghiệp ác

của *thân*. Nói dối trá, nói lời trau chuốt vô nghĩa, nói lời đâm thọc chia rẽ, nói lời hung dữ độc ác là 4 nghiệp ác của *miệng*. Tham lam, sân hận, si mê là 3 nghiệp ác của *ý*. Gọi chung là *Mười nghiệp ác*. Nếu giữ gìn không phạm vào các điều trên thì gọi là *Mười nghiệp lành*.

Theo lời Phật dạy thì quả báo do nghiệp của *miệng* nhiều hơn so với hai nghiệp *thân* và *ý*. Vì sao vậy? Ý tưởng phát khởi trong tâm, chưa hiện ra ngoài, nhưng lời nói ra thì người khác đã biết ngay. Đến như thân làm việc ác còn có lúc bị ngăn trở, không giống như miệng rất dễ nói ra lời ác. Nguyên nhân là như vậy.

Không nói chi việc đời trước, chỉ nói việc đời này. Như nay có người khen ngợi kẻ khác một lời, kẻ ấy trọn đời chịu ơn, phước đức còn lưu lại cho đến con cháu. Như nói một lời hăm hại kẻ khác, kẻ ấy trọn đời bị hại, còn liên lụy tới cháu con. Nghiệp của miệng như vậy há chẳng phải là nặng lắm hay sao?

Nói ra điều gì rồi đều phải tự mình nhận lại, nên nghiệp của miệng thật đáng sợ lắm thay! Hết thấy đều do nơi

chính mình, nên oán trách trời là bết tắc, còn oán trách người khác là ngu si. Chỉ nên tự mình cẩn thận gìn giữ lời nói mới là hợp lý.

Cho nên tôi mới dẫn lại theo ý các bậc thánh hiền, đặc biệt khuyên răn việc giữ gìn khẩu nghiệp.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Sách Quy nguyên trực chỉ, riêng quyển thượng này có tất cả 19 bài. Từ bài 1 đến bài 7 khuyên người phát lòng tin (khuyến tín). Hai bài 8 và 9 khuyên người phát nguyện vãng sanh (khuyến nguyện). Từ bài 10 đến bài 14 khuyên người thực hành pháp niệm Phật cầu vãng sanh (khuyến hành). Như vậy là gồm đủ cả tín, nguyện, hành, ba món hành trang tối cần thiết cho người trên đường về Tịnh độ.

Từ bài 15 đến bài 18 nhằm dứt sạch những sự hiểu biết sai lầm hoặc nghi ngại của người tu Tịnh độ, nhằm củng cố, quyết định đức tin.

Vì sao đặt nặng việc khuyến tín hơn so với khuyến hành? Vì lòng tin là căn bản và rất khó sanh khởi. Nếu lòng tin không sanh khởi thì chẳng những không thể phát nguyện mà cũng không thể thực hành, lại sanh ra chê bai, phỉ báng. Cho nên cuối cùng lại có một bài khuyên răn giữ gìn khẩu nghiệp.

Quyển thượng này riêng dẫn những lời dạy của Thiên tông về pháp môn Tịnh độ, nhằm dứt lòng nghi ngờ cho những bậc thượng căn. Hai quyển sau sẽ gồm dẫn cả Đạo giáo (Lão giáo) và Nho giáo để giải trừ sự nghi ngờ cho những kẻ thuộc hàng trung, hạ.

西方百詠

西方古教世尊宣，
東土開宗號白蓮。
十八大賢為上首，
虎溪三笑至今傳。

西方大道理優長，
功德巍巍不可量。
非但釋迦開此路，
恒沙諸佛盡稱揚。

西方教啟感牟尼，
諸佛稱揚共所知。
十六觀經親指示，
修行最上念阿彌。

西方初觀要精虔，
落日之形似鼓懸。
送想樂邦歸一處，
是名無上甚深禪。

Tây phương bách vịnh

1.

*Tây phương cổ giáo Thế Tôn tuyên,
Đông độ khai tông hiệu Bạch Liên.
Thập bát đại hiền vi thượng thủ,
Hổ Khê tam tiếu chí kim truyền.*

2.

*Tây phương đại đạo lý ưu trường.
Công đức nguy nguy bất khả lượng.
Phi dân Thích-ca khai thử lộ,
Hằng sa chư Phật tận xưng dương.*

3.

*Tây phương giáo khả cảm Mâu-ni,
Chư Phật xưng dương cộng sở tri.
Thập lục quán kinh thân chỉ thị,
Tu hành tối thượng niệm A-di.*

4.

*Tây phương sơ quán yếu tinh kiên,
Lạc nhật chi hình tự cổ huyền.
Tống tưởng Lạc bang qui nhất xứ,
Thị danh vô thượng thậm thâm thiền.*

西方二觀甚分明，
定水無波徹底清。
心月孤圓全體現，
結跏趺坐想成冰。

西方三觀地琉璃，
法樂鳴空了了知。
眾相莊嚴光映徹，
一心決定永無疑。

西方四觀樹成行，
百寶莊嚴盡放光。
受用現成長快樂，
諸人何不早乘當。

西方五觀大家知，
四色華開七寶池。
德水靈禽宣法語，
洗除煩惱證菩提。

西方六觀總包含，
塵世繁華莫要貪。

5.

*Tây phương nhị quán thậm phân minh,
Định thủy vô ba triệt để thanh.
Tâm nguyệt cô viên toàn thể hiện
Kiết già phu tọa tưởng thành băng.*

6.

*Tây phương tam quán: địa lưu ly,
Pháp nhạc minh không liễu liễu tri.
Chúng tướng trang nghiêm quang ánh triệt,
Nhất tâm quyết định vĩnh vô nghi.*

7.

*Tây phương tứ quán: thọ thành hàng,
Bá bảo trang nghiêm tận phóng quang.
Thọ dụng hiện thành trường khoái lạc,
Chư nhân hà bất tảo thừa đương?*

8.

*Tây phương ngũ quán đại gia tri,
Tứ sắc hoa khai thất bảo trì.
Đức thủy, linh cầm tuyên pháp ngữ,
Tẩy trừ phiền hoặc, chứng Bồ-đề.*

9.

*Tây phương lục quán tổng bao hàm,
Trần thế phiền hoa mạc yếu tham.*

本性彌陀皆具足，
現成公案不須探參。

西方七觀始相應，
寶座巍巍願力成。
大聖端居恒自在，
聲聞小果不能昇。

西方八觀要分明，
諸佛皆從心想生。
託像凝真融理事，
何愁淨土不圓成。

西方九觀紫金身，
相好光明無等輪。
攝取眾生歸極樂，
天真父子最相親。

西方十觀用成心，
常念慈悲觀世音。

Bốn tánh Di-đà giai cụ túc,
Hiện thành công án bất tu tham.

10.

Tây phương thất quán, thủy tương ứng,
Bảo tòa nguy nguy, nguyện lực thành.
Đại Thánh đoan cư hằng tự tại,
Thanh văn tiểu quả bất năng thăng.

11.

Tây phương bát quán yếu phân minh,
Chư Phật giai tùng tâm tưởng sanh.
Thác tượng ngưng chân dung lý sự,
Hà sâu Tịnh độ bất viên thành?

12.

Tây phương cửu quán: tử kim thân,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân!
Nhiếp thủ chúng sanh qui Cực lạc,
Thiên chân phụ tử tối tương thân.

13.

Tây phương thập quán dụng thành tâm,
Thường niệm từ bi Quán Thế Âm.

但得聞名多獲福，
良哉大士誓洪深。

西方十一觀難量，
勢至光中佛讚揚。
處處分身弘教化，
誓為苦海作津梁。

西方十二觀融通，
一念精誠密下功。
當想自身生極樂，
巍巍端坐寶華中。

西方化佛放光明，
無量分身度有情。
依正莊嚴皆具足，
十三觀裏悉圓成。

西方教主大慈悲，
接引眾生號道師。

*Đãn đắc văn danh, đa hoạch phước,
Lương tai Đại sĩ thệ hồng thâm!*

14.

*Tây phương thập nhất quán nan lương,
Thế Chí quang trung Phật tán dương.
Xứ xứ phân thân hoằng giáo hóa,
Thệ vi khổ hải tác tân lương.*

15.

*Tây phương thập nhị quán dung thông,
Nhất niệm tinh thành mật hạ công.
Đương tưởng tự thân sanh Cực lạc,
Nguy nguy đoan tọa bảo hoa trung.*

16.

*Tây phương Hóa Phật phóng quang minh,
Vô lượng phân thân độ hữu tình.
Y, chánh trang nghiêm giai cụ túc,
Thập tam quán lý tất viên thành.*

17.

*Tây phương Giáo chủ đại từ bi.
Tiếp dẫn chúng sanh hiệu Đạo sư.*

九品咸令登彼岸，
永無退轉證菩提。

西方一路向前行，
圓發三心諦理明。
上品上生彈指到，
最先見佛悟無生。

西方快樂實奇哉，
觀想精誠華易開。
上品中生隨願往，
端然自在坐金臺。

西方但發道心堅，
普願同登般若船。
上品下生終有分，
每人一朵大金蓮。

西方明白不矇矓，
齋戒堅持達苦空。

Cửu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn,
Vĩnh vô thoái chuyển, chứng Bồ-đề.

18.

Tây phương nhất lộ hướng tiền hành,
Viên phát tam tâm, đế lý minh.
Thượng phẩm thượng sanh đàn chỉ đáo,
Tối tiên kiến Phật ngộ Vô sanh.

19.

Tây phương khoái lạc thật kỳ tai!
Quán tưởng tinh thành, hoa dị khai.
Thượng phẩm trung sanh, tùy nguyện vãng,
Đoan nhiên tự tại tọa kim đài.

20.

Tây phương đãn phát đạo tâm kiên,
Phổ nguyện đồng đặng Bát-nhã thuyền.
Thượng phẩm hạ sanh chung hữu phận,
Mỗi nhân nhất đóa đại kim liên.

21.

Tây phương minh bạch, bất môn lung,
Trai giới kiên trì, đạt khổ không.

中品上生三昧力，
阿羅漢果獲神通。

西方宜用戒香修，
一念華開預聖流。
中品中生經半劫，
無生妙果不須求。

西方助道孝為先，
行世仁慈種福田。
中品下生聞妙法，
早逢知識是前緣。

西方化主願無邊，
一念歸依滅罪愆。
下品下生聞佛號，
蒙師指示大因緣。

西方大道古通今，
無奈當人罪業深。

*Trung phẩm thượng sanh Tam-muội lực,
A-la-hán quả hoạch thần thông.*

22.

*Tây phương nghi dụng giới hương tu,
Nhất niệm hoa khai dự thánh lưu.
Trung phẩm trung sanh kinh bán kiếp,
Vô sanh diệu quả bất tu cầu.*

23.

*Tây phương trợ đạo: hiếu vi tiên,
Hành thế nhân từ: chủng phước điền.
Trung phẩm hạ sanh, văn diệu pháp,
Tảo phùng tri thức, thị tiền duyên.*

24.

*Tây phương hóa chủ nguyện vô biên:
Nhất niệm qui y, diệt tội khiên.
Hạ phẩm thượng sanh, văn Phật hiệu,
Mông sư chỉ thị, đại nhân duyên.*

25.

*Tây phương Đại đạo cổ thông kim,
Vô nại đương nhân tội nghiệp thâm.*

下品中生知識力，
一聞法語便回心。

西方一著在臨終，
知識相逢活路通。
下品下生稱十念，
罪消塵劫福無窮。

西方精進莫遲延，
一墮疑城五百年。
大聖放光來照破，
重歸淨土禮金僊。

西方初地發心堅，
歡喜行檀種福田。
身命資財俱棄捨，
高登上品坐金蓮。

西方二地要虔誠，
念佛先須理觀明。

Hạ phẩm trung sanh tri thức lực,
Nhất văn Pháp ngữ tiện hồi tâm.

26.

Tây phương nhất trước tại lâm chung:
Tri thức tương phùng hoạt lộ thông.
Hạ phẩm hạ sanh xưng thập niệm,
Tội tiêu trần kiếp, phước vô cùng.

27.

Tây phương, tinh tấn mạc trì diên,
Nhất đọa nghi thành ngũ bá niên.
Đại thánh phóng quang lai chiếu phá,
Trùng qui Tịnh độ lễ Kim Tiên.

28.

Tây phương sơ địa phát tâm kiên,
Hoan hỷ hành đàn chủng phước điền.
Thân mạng tư tài câu khí xả,
Cao đẳng thượng phẩm tọa kim liên.

29.

Tây phương nhị địa yếu kiên thành,
Niệm Phật tiên tu lý quán minh.

持戒精嚴離垢穢，
心田清淨道圓成。

西方三地意根清，
忍辱柔和化有情。
種種神通皆具足，
紫磨金相發光明。

西方四地體空虛，
煩惱心魔盡掃除。
精進自然生燄慧，
始終不二證真如。

西方五地最難登，
見解明通勝二乘。
清淨法身知大意，
深修禪定顯真情。

西方六地得圓融，
左右逢原觸處通。

*Trì giới tinh nghiêm, lý cấu uế,
Tâm điền thanh tịnh, đạo viên thành.*

30.

*Tây phương tam địa ý căn thanh,
Nhẫn nhục nhu hòa hóa hữu tình.
Chủng chủng thần thông giai cụ túc,
Tử ma kim tướng phát quang minh.*

31.

*Tây phương tứ địa thể không hư,
Phiền não, tâm ma, tận tảo trừ.
Tinh tấn, tự nhiên sanh diễm tuệ,
Thủy chung bất nhị, chứng chân như.*

32.

*Tây phương ngũ địa tối nan đăng,
Kiến giải minh thông thắng nhị thừa.
Thanh tịnh Pháp thân tri đại ý,
Thâm tu thiền định, hiển chân tình.*

33.

*Tây phương lục địa đắc viên dung,
Tả hữu phùng nguyên xúc xúc thông.*

般若現前無阻滯，
全身手眼大開宗。

西方七地始分明，
菩薩悲心在遠行。
念念貫通差別智，
若無方便不圓成。

西方八地悟無生，
諸佛如來作證明。
不動法身遊苦海，
廣弘大願救迷情。

西方九地法無邊，
大士弘揚至力堅。
宗說皆通稱善慧，
四無礙辯悉周圓。

西方十地智為先，
法雨慈雲徧大千。

Bát nhã hiện tiền vô trở trệ,
Toàn thân thủ nhãn đại khai tông.

34.

Tây phương thất địa thủy phân minh,
Bồ Tát bi tâm tại viễn hành.
Niệm niệm quán thông sai biệt trí,
Nhược vô phương tiện, bất viên thành.

35.

Tây phương bát địa ngộ vô sanh,
Chư Phật Như Lai tác chứng minh.
Bất động Pháp thân du khổ hải,
Quảng hoàng đại nguyện cứu mê tình.

36.

Tây phương cửu địa pháp vô biên.
Đại sĩ hoàng dương chí lực kiên.
Tông thuyết giai thông xưng Thiện huệ,
Tứ vô ngại biện tất châu viên.

37.

Tây phương thập địa trí vi tiên,
Pháp vũ từ vân徧 đại thiên.

師子吼時羣獸伏，
一生補處證金先。

西方等覺佛同肩，
行願難思號普賢。
面受如來親付囑，
利生接勿起無緣。

西方妙覺果周圓，
具眼文殊福智全。
盧舍那身功德備，
脫珍著弊為施權。

西方圓覺聖中師，
同體觀音具大悲。
十號三身俱滿足，
是為無上佛菩提。

西方遠祖最先知，
猶向山中禮六時。

*Sư tử hống thời quần thú phục.
Nhất sanh bổ xứ chứng kim tiên.*

38.

*Tây phương đẳng giác Phật đồng kiên,
Hạnh nguyện nan tư hiệu Phổ Hiền.
Diện thọ Như Lai thân phó chúc,
Lợi sanh tiếp vật, khởi vô duyên.*

39.

*Tây phương diệu giác quả châu viên,
Cụ nhãn Văn-thù phước trí toàn.
Lô-xá-na thân công đức bị,
Thoát trần trước tệ vị thi quyền.*

40.

*Tây phương viên giác thánh trung sư,
Đồng thể Quán Âm cụ đại bi.
Thập hiệu tam thân câu mãn túc,
Thị vi vô thượng Phật Bồ-đề.*

41.

*Tây phương viễn tổ tối tiên tri,
Du hướng sơn trung lễ lục thì.*

一百念三人結社，
同生淨土證菩提。

西方大聖法中王，
接引羣迷放寶光。
不憚疲勞弘願重，
常遊苦海駕慈航。

西方易到莫沈吟，
只要當人辦肯心。
彈指已超生死海，
有緣得遇芥投鍼。

西方不遠莫他求，
一句彌陀作話頭。
但得盡生無別念，
蓮華佛國任君遊。

西方用力不消多，
十念圓成在刹那。

Nhất bá nhị tam nhân kết xã,
Đồng sanh Tịnh độ, chứng Bồ-đề.

42.

Tây phương Đại thánh Pháp trung vương,
Tiếp dẫn quần mê, phóng bảo quang.
Bất đán bì lao, hồng nguyện trọng,
Thường du khổ hải, giá từ hàng.

43.

Tây phương dị đáo, mạc trầm ngâm,
Chỉ yếu đương nhân biện khẳng tâm.
Đàn chỉ dĩ siêu sanh tử hải,
Hữu duyên đắc ngộ giới đầu châm.

44.

Tây phương bất viễn, mạc tha cầu,
Nhất cú Di-đà tác thoại đầu.
Đãn đắc tận sanh, vô biệt niệm.
Liên hoa Phật quốc nhậm quân du.

45.

Tây phương dụng lực bất tiêu đa,
Thập niệm viên thành tại sát na.

佛祖指明歸去路，
一生當得脫娑婆。

西方慈父動悲哀，
接引迷流歸去來。
早向蓮臺親託質，
莫投凡世入胞胎。

西方諦信莫生疑，
念佛修行要及時。
有限光陰宜早辦，
骷髏著地幾人知。

西方根本戒為先，
戒若精兮定亦堅。
定力不枯生妙慧，
慧明心了即今先。

西方不用學多端，
一句彌陀在反觀。

*Phật tổ chỉ minh qui khứ lộ.
Nhất sanh đương đắc thoát Ta-bà.*

46.

*Tây phương từ phụ động bi ai,
Tiếp dẫn mê lưu qui khứ lai.
Tảo hương liên đài thân thác chất,
Mạc đầu phàm thế nhập bào thai.*

47.

*Tây phương đế tín, mạc sanh nghi,
Niệm Phật tu hành, yếu cập thì.
Hữu hạn quang âm, nghi tảo biện.
Khô lâu trước địa, kỷ nhân tri!*

48.

*Tây phương căn bản giới vi tiên,
Giới nhược tinh hê, định diệt kiên,
Định lực bất khô, sanh diệu huệ,
Huệ minh tâm liễu, tức kim tiên.*

49.

*Tây phương bất dụng học đa đoan,
Nhất cú Di-đà tại phản quan.*

見得本來真面目，
始知生死即泥洹。

西方徑到莫徜徉，
全要當人自主張。
但得一心專念佛，
蓮華國內性名香。

西方池內寶蓮開，
寶物莊嚴自化來。
百寶光中親見佛，
巍巍端坐寶蓮臺。

西方淨土果奇哉，
優鉢羅華徧界開。
種種現成真富貴，
一華臺上一如來。

西方佛號我同名，
直下承當了不驚。

*Kiến đắc bản lai chân diện mục,
Thủy tri sanh tử tức Nê-hoàn.*

50.

*Tây phương kính đáo, mạc thẳng dương,
Toàn yếu đương nhân tự chủ trương.
Đãn đắc nhất tâm chuyên niệm Phật,
Liên hoa quốc nội tánh danh hương.*

51.

*Tây phương trì nội bảo liên khai,
Bảo vật trang nghiêm tự hóa lai.
Bá bảo quang trung thân kiến Phật,
Nguy nguy đoan tọa bảo liên đài.*

52.

*Tây phương Tịnh độ quả kỳ tai!
Ưu-bát-la hoa biến giới khai.
Chủng chủng hiện thành chân phú quý,
Nhất hoa đài thượng nhất Như Lai.*

53.

*Tây phương Phật hiệu ngã đồng danh,
Trực hạ thừa đương liễu bất kinh.*

若得一聲親喚醒，
何勞十萬八千程。

西方化主度迷情，
佛力加持道易成。
撒手便行無異路，
最初一步要分明。

西方門路甚分明，
一句彌陀速趲程。
早到金剛臺上坐，
同名同號證無生。

西方彈指悟無生，
上品金臺佛掃成。
面見彌陀親授記，
當來說法度羣情。

西方富貴樂安然，
受用隨心在面前。

*Nhược đắc nhất thanh thân hoán tỉnh,
Hà lao thập vạn bát thiên trình.*

54.

*Tây phương hóa chủ độ mê tình,
Phật lực gia trì, đạo dị thành.
Tán thủ tiện hành, vô dị lộ,
Tối sơ nhất bộ, yếu phân minh.*

55.

*Tây phương môn lộ thậm phân minh,
Nhất cú Di-đà tốc toán trình.
Tảo đáo kim cang đài thượng tọa,
Đồng danh, đồng hiệu chứng vô sanh.*

56.

*Tây phương đàn chỉ, ngộ Vô sanh.
Thượng phẩm kim đài, Phật tảo thành,
Diện kiến Di-đà thân thọ ký,
Đương lai thuyết pháp độ quần tình.*

57.

*Tây phương phú quý, lạc, an nhiên,
Thọ dụng tùy tâm tại diện tiền.*

天上人間難比賽，
巍巍端坐紫金蓮。

西方佛國勝生天，
亦勝蓬萊有漏仙。
亦勝王侯并富戶，
要知亦勝坐癡禪。

西方快樂勝天宮，
壽命難量福不窮。
無信眾生顛倒謗，
有緣佛子得相逢。

西方佛子具神通，
放去收來頃刻中。
隨類現身施妙用，
開權顯實振宗風。

西方景致勝蓬萊，
服氣餐霞養禍胎。

*Thiên thượng, nhân gian nan tỷ trại,
Nguy nguy đoan tọa tử kim liên.*

58.

*Tây phương Phật quốc thắng sanh thiên,
Diệc thắng Bồng lai hữu lậu tiên.
Diệc thắng vương hầu tinh phú hộ,
Yếu tri diệc thắng tọa si thiền.*

59.

*Tây phương khoái lạc thắng Thiên cung.
Thọ mạng nan lường, phúc bất cùng.
Vô tín chúng sanh điên đảo báng,
Hữu duyên Phật tử đắc tương phùng.*

60.

*Tây phương Phật tử cụ thần thông,
Phóng khứ, thu lai khoảnh khắc trung.
Tùy loại hiện thân, thi diệu dụng,
Khai quyền, hiển thật, chấn tông phong.*

61.

*Tây phương cảnh trí thắng Bồng lai,
Phục khí, xan hà, dưỡng họa thai.*

莫學出神修煉法，
直教枯木放華開。

西方淨土有蓮胎，
普勸眾生歸去來。
一念華開親見佛，
永無八難及三哉。

西方富貴勝王侯，
種種莊嚴事事周。
但辦肯心求彼國，
輪迴惡道一齊休。

西方及早向前修，
閑是閑非一筆勾。
放下身心勤念佛，
也無煩惱也無憂。

西方受用勝豪家，
七寶池中四色華。

*Mạc học xuất thần, tu luyện pháp,
Trực giao khô mộc phóng hoa khai.*

62.

*Tây phương Tịnh độ hữu liên thai,
Phổ khuyến chúng sanh qui khứ lai.
Nhất niệm hoa khai, thân kiến Phật,
Vĩnh vô bát nạn cập tam tai.*

63.

*Tây phương phú quý thắng vương hầu,
Chủng chủng trang nghiêm, sự sự châu.
Đãn biện khảng tâm cầu bỉ quốc,
Luân hồi ác đạo nhất tề hưu.*

64.

*Tây phương cập tảo hướng tiền tu,
Nhàn thị, nhàn phi nhất bút câu.
Phóng hạ thân tâm, cần niệm Phật,
Dã vô phiền não, dã vô ưu.*

65.

*Tây phương thọ dụng thắng hào gia,
Thất bảo trì trung tứ sắc hoa.*

衣食現成非造作，
光明相好絕纖瑕。

西方滿眼是蓮華，
百寶莊嚴富可誇。
諸上善人俱一處，
不知其數倍恆沙。

西方捷徑勝叅禪，
一句彌陀快著鞭。
十萬億程彈指到，
為人只欠自心堅。

西方只要辦心堅，
努力勤修速向前。
順水行船加艣棹，
導師接引願繩牽。

西方不擇富和貧，
不揀賢愚貴賤人。

*Y thực hiện thành phi tạo tác,
Quang minh tướng hảo, tuyệt tiêm hà.*

66.

*Tây phương mãn nhãn thị liên hoa,
Bá bảo trang nghiêm, phú khả khoa.
Chư thượng thiện nhân câu nhất xứ,
Bất tri kỳ số, bội Hằng sa.*

67.

*Tây phương tiện kính thẳng tham thiền,
Nhất cú Di-đà khoái trước tiên.
Thập vạn ức trình đàn chỉ đạo.
Vị nhân chỉ khiếm tự tâm kiên.*

68.

*Tây phương chỉ yếu biện tâm kiên,
Nỗ lực cần tu tốc hướng tiền.
Thuận thủy hành thuyền gia lỗ trạo,
Đạo sư tiếp dẫn nguyện thẳng khiên.*

69.

*Tây phương bất trạch phú hòa bản,
Bất giản hiền ngu quý tiện nhân.*

不問女男并老幼，
不分僧俗及冤親。

西方法眷最相親，
盡是修行念佛人。
我等欲歸安養國，
即今便種往生因。

西方啟教感能仁，
一句彌陀淨土因。
六道四生皆具足，
要知作佛在人倫。

西方功德水無痕，
念佛先須達本根。
非但人倫生淨土，
蜎飛蠕動也霑恩。

西方今古鎮長存，
慈父哀憐度子孫。

Bất vấn nữ nam tinh lão ấu,
Bất phân tăng tục cập oan thân.

70.

Tây phương pháp quyến tối tương thân,
Tận thị tu hành niệm Phật nhân.
Ngã đẳng dục qui An Dưỡng quốc,
Túc kim tiện chủng vãng sanh nhân.

71.

Tây phương khả giáo cảm Năng Nhân,
Nhất cú Di-đà, Tịnh độ nhân.
Lục đạo tứ sanh giai cụ túc,
Yếu tri tác Phật tại nhân luân.

72.

Tây phương, công đức thủy vô ngân,
Niệm Phật, tiên tu đạt bản căn.
Phi dân nhân luân sanh Tịnh độ,
Quyên phi, nhuyển động dã triêm ân.

73.

Tây phương kim cổ trấn trường tồn,
Từ phụ ai liên độ tử tôn.

八萬四千門路別，
彌陀一句眾中尊。

西方極樂眾稱尊，
普勸諸人入此門。
有口不須閑講論，
單提佛現度朝昏。

西方有佛號彌陀，
普度眾生出愛河。
六八願門通九品，
人人可到莫蹉跎。

西方在近路無多，
直下承當在刹那。
觸目遇緣皆極樂，
水流風動演摩訶。

西方徑路好修行，
勇猛加功速趨程。

*Bát vạn tứ thiên môn lộ biệt.
Di-đà nhất cú, chúng xưng tôn.*

74.

*Tây phương Cực Lạc, chúng xưng tôn,
Phổ khuyến chư nhân nhập thử môn.
Hữu khẩu bất tu nhân giảng luận,
Đan đề Phật hiện độ triều hôn.*

75.

*Tây phương hữu Phật hiệu Di-đà,
Phổ độ chúng sanh xuất ái hà.
Lục bát nguyện môn thông cửu phẩm,
Nhân nhân khả đáo, mạc sa đà.*

76.

*Tây phương tại cận, lộ vô đa,
Trực hạ thừa đương tại sát-na.
Xúc mục, ngộ duyên giai Cực Lạc,
Thủy lưu, phong động diễn Ma-ha.*

77.

*Tây phương kính lộ hảo tu hành,
Dũng mãnh gia công tốc toán trình.*

九品蓮臺都有分，
華開早晚悟無生。

西方捷徑易求生，
只在當人一念誠。
精進再加修福慧，
金臺上品得標名。

西方步步踏蓮華，
指路開門謝釋迦。
三復丁寧無別說，
一心念佛早歸家。

西方端的是吾家，
一句彌陀路不差。
信得及時行得實，
直教鐵樹也開華。

西方易往少人知，
徑路修行不用疑。

*Cửu phẩm liên đài đô hữu phân,
Hoa khai tảo vãn ngộ vô sanh.*

78.

*Tây phương tiệp kính dị cầu sanh,
Chỉ tại đương nhân nhất niệm thành.
Tinh tấn, tái gia tu phúc, huệ,
Kim đài thượng phẩm đắc tiêu danh.*

79.

*Tây phương bộ bộ đạp liên hoa,
Chỉ lộ, khai môn tạ Thích-ca.
Tam phúc đĩnh ninh, vô biệt thuyết,
Nhất tâm niệm Phật, tảo quy gia.*

80.

*Tây phương đoan đích thị ngô gia,
Nhất cú Di-đà lộ bất sai,
Tín đắc cập thời, hành đắc thật,
Trực giao thiết thọ dã khai hoa.*

81.

*Tây phương dị vãng, thiếu nhân tri,
Kính lộ tu hành, bất dụng nghi.*

六字真經純熟了，
金蓮臺上禮阿彌。

西方慈父號阿彌，
接引人生九品池。
捷徑法門容易到，
可憐多是自狐疑。

西方啟教號蓮宗，
東土興緣謝遠公。
念佛參禪無別路，
本來妙有即真空。

西方弘誓廣流通，
一句彌陀好用功。
歷歷分明無間斷，
聲聲喚醒主人翁。

西方直指易修持，
本性彌陀孰得知。

Lục tự chân kinh thuần thực liễu.

Kim liên đài thượng lễ A-di.

82.

Tây phương từ phụ hiệu A-di,

Tiếp dẫn nhân sanh cứu phẩm trì.

Tiếp kính pháp môn dung dị đáo,

Khả liên đa thị tự hồ nghi!

83.

Tây phương khả giáo, hiệu Liên Tông,

Đông độ hưng duyên, tạ Viễn Công.

Niệm Phật, tham thiền vô biệt lộ,

Bổn lai diệu hữu, tức chân không.

84.

Tây phương hoàng thệ quảng lưu thông,

Nhất cú Di-đà hảo dụng công.

Lịch lịch phân minh vô gián đoạn,

Thanh thanh hoán tỉnh chủ nhân ông.

85.

Tây phương trực chỉ dị tu trì,

Bổn tánh Di-đà thực đắc tri.

六道三塗生死轉，
思量怎不痛傷悲。

西方公案早行持，
寂寂惺惺著意疑。
疑到情忘心絕處，
元來自己是阿彌。

西方一句是單傳，
不假修持已現前。
諸上善人如見性，
阿彌陀佛便同肩。

西方大道兩無偏，
一句彌陀，事理全。
明得箇中微妙旨，
始知念佛即參禪。

西方眾苦不能侵，
先要當人了自心。

*Lục đạo, tam đồ sanh tử chuyển,
Tu lương chằm bắt thống thương bi?*

86.

*Tây phương công án, tảo hành trì,
Tịch tịch tinh tinh trước ý nghi.
Nghỉ đảo tình vong, tâm tuyệt xứ,
Nguyên lai tự kỷ thị A-di.*

87.

*Tây phương nhất cú, thị đan truyền.
Bất giả tu trì, dĩ hiện tiền,
Chư thượng thiện nhân như kiến tánh,
A-di-đà Phật tiện đồng kiên.*

88.

*Tây phương đại đạo, lưỡng vô thiên,
Nhất cú Di-đà, sự lý toàn.
Minh đắc cá trung vi diệu chỉ,
Thủy tri niệm Phật tức tham thiền.*

89.

*Tây phương chúng khổ bất năng xâm.
Tiên yếu đương nhân liễu tự tâm.*

會得目前真極樂，
拈來赤土是黃金。

西方大地是黃金，
寶樹參天演法音。
如此名為安樂國，
三塗八難永無侵。

西方一句上乘機，
莫信邪師說是非。
昔日世尊親付囑，
修行徑路念阿彌。

西方功德實難思，
反謗彌陀是蕨提。
地獄墮身無量劫，
不知何日出頭時。

西方有路少人登，
一句彌陀最上乘。

*Hội đắc mục tiền chân Cực Lạc,
Niêm lai xích thổ thị hoàng kim.*

90.

*Tây phương đại địa thị hoàng kim,
Bảo thọ tham thiên diễn pháp âm.
Nhu thử danh vi An Lạc quốc,
Tam đồ, bát nạn vĩnh vô xâm.*

91.

*Tây phương nhất cú, thượng thừa cơ,
Mạc tín tà sư thuyết thị phi.
Tích nhật Thế Tôn thân phó chúc,
Tu hành kính lộ niệm A-di.*

92.

*Tây phương công đức thật nan tư,
Phản báng Di-đà thị xiển-đề.
Địa ngục đọa thân vô lượng kiếp,
Bất tri hà nhật xuất đầu thời.*

93.

*Tây phương hữu lộ, thiếu nhân đăng,
Nhất cú Di-đà, tối thượng thừa.*

把手牽他行不得，
但當自肯乃相應。

西方易到可修行，
十念精專便往生。
奉勸世間男共女，
大家速急趨歸程。

西方故國早回還，
人命無常呼吸間。
有限光陰當愛惜，
今生蹉過出頭難。

西方不到果然難，
一失人身力拔山。
分付世間英烈漢，
急須採寶莫空還。

西方歸去莫遲疑，
一句彌陀早受持。

*Bả thủ khiên tha hành bất đắc,
Đãn đương tự khăng nãi tương ứng.*

94.

*Tây phương dị đáo, khả tu hành,
Thập niệm tinh chuyên, tiện vãng sanh.
Phụng khuyến thế gian nam cộng nữ,
Đại gia tốc cấp toán quy trình.*

95.

*Tây phương cố quốc, tảo hồi hoàn,
Nhân mạng vô thường, hô hấp gian.
Hữu hạn quang âm, đương ái tích,
Kim sanh sa quá, xuất đầu nan.*

96.

*Tây phương bất đáo quả nhiên nan,
Nhất thất nhân thân, lực bạt san.
Phân phó thế gian anh liệt hán,
Cấp tu thái bảo, mạc không hoàn.*

97.

*Tây phương qui khứ, mạc trì nghi,
Nhất cú Di-đà, tảo thọ trì.*

高著眼兮忙下手，
不勞彈指證菩提。

西方急急早修持，
生死無常不可期。
窻外日光彈指過，
為人能有幾多時。

西方一著莫遲延，
抖抖精神速向前。
休待渴來纔掘井，
只宜早趨白蓮船。

西方百詠已周圓，
普勸諸人上法船。
不為自身求活計，
大家歸去面金僊。

*Cao trước nhãn hê, mang hạ thủ,
Bất lao đàn chỉ chứng Bồ-đề.*

98.

*Tây phương cấp cấp tảo tu trì,
Sanh tử vô thường bất khả kỳ.
Song ngoại nhật quang đàn chỉ quá,
Vi nhân năng hữu kỷ đa thời.*

99.

*Tây phương nhất trước mạc trì diên.
Đẩu tẩu tinh thần tốc hướng tiền.
Hữu dãi khát lai tài quật tỉnh,
Chỉ nghi tảo sấn bạch liên thuyền.*

100.

*Tây phương bách vịnh dĩ châu viên,
Phổ khuyến chư nhân thượng pháp thuyền.
Bất vị tự thân cầu hoạt kế,
Đại gia quy khứ diện Kim tiên.*

PHỤ LỤC

TRĂM BÀI THƠ VỊNH TÂY PHƯƠNG

Ngài Tông Bồn trong khi biên soạn sách này có trước tác 100 bài thơ vịnh Tây phương, mỗi bài đều bắt đầu bằng hai chữ *Tây phương* nên gọi là *Tây phương bách vịnh*, được đưa vào làm phụ lục của quyển thượng này.

1.

*Pháp xưa Phật dạy tại Tây thiên,⁽¹⁾
Sang Đông lập giáo hiệu Bạch Liên.⁽²⁾
Mười tám bậc hiền cùng tiếp nối,⁽³⁾
Khe Cọp cười vang, tích lũy truyền.⁽⁴⁾*

2.

*Đạo lớn Tây phương lý rộng sâu,
Công đức vô biên dễ biết đâu!*

⁽¹⁾ Câu này nêu việc xưa kia đức Phật Thích-ca truyền dạy pháp môn niệm Phật A-di-đà tại Ấn Độ (phương Tây).

⁽²⁾ Câu này nêu việc pháp Tịnh độ truyền sang Trung Hoa (phương Đông) ngài Huệ Viễn (tức Viễn công) sáng lập Liên tông (Bạch Liên xã), quy tụ những người thực hành Pháp môn niệm Phật ở Trung Hoa (Đông độ).

⁽³⁾ Từ ngài Viễn công về sau có 18 vị Đại hiền cùng nối nhau kiến dương pháp Tịnh độ.

⁽⁴⁾ Ngài Huệ Viễn ẩn tu trong núi sâu, chẳng hề bước chân về chốn phố thị. Đường lên núi có cây cầu nhỏ bắc ngang qua con suối gọi là Hồ Khê (Suối cọp). Từ khi lên núi rồi, ngài thể chẳng bao giờ bước chân qua suối ấy nữa. Một hôm, có hai ông Lục Tu Tĩnh và Đào Uyên Minh đến thăm chơi, cùng nhau đàm đạo rất hợp ý. Lúc đưa khách về, mãi vui chuyện nên ngài bước luôn lên cầu, nhìn thấy bóng mình soi dưới nước bỗng nhớ lại lời thể. Cả ba người cùng phá lên cười về việc ấy. Người sau kể lại chuyện này gọi là Hồ Khê tam tiểu (Ba người cùng cười nơi suối Cọp).

*Nào phải Thích tôn riêng chỉ lối,
Chư Phật đều khen pháp nhiệm mầu.⁽¹⁾*

3.

*Ôn sâu Phật chỉ hướng về Tây,
Chư Phật ngợi khen rõ pháp này.
Mười sáu phép quán, kinh ghi rõ,⁽²⁾
Niệm Phật Di-đà, tối thượng thay!⁽³⁾*

4.

*Tây phương Sơ quán phải tinh chuyên,
Hình mặt nhật rơi tợ trống huyền.
Chỉ hướng tâm về An Lạc quốc,⁽⁴⁾
Là pháp thâm sâu Vô thượng thiên.⁽⁵⁾*

5.

*Tây phương Nhị quán rõ ràng thay,
Nước đứng trong veo chẳng sóng lay.
Tâm nguyệt tròn vành toàn thể hiện,
Ngồi ngay quán tưởng lớp băng dày.⁽⁶⁾*

⁽¹⁾ Bài này tiếp theo ý bài 1, nêu rõ giáo lý Tịnh độ rộng sâu, đầy đủ, người tu tập được công đức không thể đo lường. Khi đức Phật Thích-ca chỉ bày pháp Tịnh độ bằng cách giảng kinh A-di-đà thì chư Phật mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng đều ngợi khen pháp môn này.

⁽²⁾ Đây nói đến 16 phép quán tưởng được Phật dạy trong Quán kinh, tức kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

⁽³⁾ Trên đã nói rõ về giáo lý Tịnh độ, bài này nói việc y theo lý mà lập hạnh, phát nguyện niệm Phật A-di-đà.

⁽⁴⁾ Nguyên tác dùng Lạc bang, chỉ cõi Tịnh độ, cũng là An Lạc quốc.

⁽⁵⁾ Bài trước có nêu 16 phép quán được chỉ dạy trong Quán kinh. Từ bài này cho đến bài 26 sẽ lần lượt nêu đủ 16 phép quán tưởng này. Bài này nói phép quán tưởng đầu tiên (sơ quán): quán tưởng cho thấy hình mặt trời lặn, dường như cái trống treo ở hư không về phương Tây. Về sự, phép quán này giúp người tu xác định chắc chắn chỗ qui hướng của mình. Về lý, đó là mặt trời trí tuệ phá tan sự mê ám của vô minh.

⁽⁶⁾ Phép quán thứ hai là quán tưởng nước. Thấy nước rồi, lại quán tưởng nước đông thành băng.

6.

Tây phương Tam quán: đất lưu ly,
Nhạc pháp vang rền, khắp liễu tri.
Mọi tướng trang nghiêm đều sáng suốt,
Một lòng quyết định dứt hẳn nghi.⁽¹⁾

7.

Tây phương Tứ quán: cây thành hàng,
Trăm báu trang nghiêm tỏa hào quang.
Thọ dụng hiện thành thường khoái lạc,
Ai ơi sao chẳng sớm thừa đang?⁽²⁾

8.

Tây phương Ngũ quán thấy lâu lâu,
Ao thất bảo khai hoa bốn màu.
Nước đức, chim thiêng rền tiếng pháp,
Tiêu phiền, chứng đạo, pháp thêm mau.⁽³⁾

9.

Tây phương Lục quán thấy bao hàm,
Cõi tục hoa phiền chó đấm tham.
Tánh thật Di-đà đầy đủ cả,
Hiện thành công án chẳng cần tham.⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Đây là phép quán thứ ba: quán tưởng thấy đất bằng lưu ly, từ mặt đất có dựng lên một cây cờ bằng bảy báu, trên không có bảo đài, gió mát thổi khuếch động những nhạc khí làm trở lên tiếng nhạc như tiếng thuyết pháp. Người thành tựu phép quán này xem như được thấy sơ qua cõi Cực Lạc, chắc chắn sẽ được vãng sanh.

⁽²⁾ Bài này nói về phép quán tưởng thứ tư, quán tưởng những hàng cây báu ở cõi Cực Lạc, cho đến khi thấy rõ ràng thân, lá, hoa, trái của cây.

⁽³⁾ Bài này nói về phép quán tưởng thứ năm, quán tưởng nước tám công đức trong ao thất bảo, dưới ao có các tòa sen. Tiếng nước chảy trong khoảng hoa và tiếng chim kêu vang lên thành tiếng thuyết pháp nhiệm mầu.

⁽⁴⁾ Bài này nói về phép quán tưởng thứ sáu, là quán tưởng quát về cõi Cực lạc. Trụ ở phép quán tưởng này, người tu nhìn thấy hết thấy cây báu, đất báu,

10.

Tây phương Thất quán vừa tương ứng:
Tòa báu nguy nga, nguyện lực thành.
Đại Thánh ngồi trên thường tự tại,
Thanh văn quả thấp, sức chẳng thành.⁽¹⁾

11.

Tây phương Bát quán cần rõ phân,
Chư Phật đều từ tâm tưởng sanh.
Mượn tượng gửi chân, hòa sự lý,
Lo gì Tịnh độ chẳng viên thành?⁽²⁾

12.

Tây phương Cửu quán thân vàng ròng,
Tướng hảo quang minh chẳng chi bằng.
Nhiếp độ chúng sanh về Cực Lạc,
Tình thân như thể đấng cha lành.⁽³⁾

ao báu nơi cõi Cực Lạc. Vì thế chẳng cần tham cứu pháp môn nào khác, chẳng cần tu tập phép thiền nào khác, chỉ y theo phép tổng quán này để vãng sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật A-di-đà.

⁽¹⁾ Bài này nói về phép quán thứ bảy, quán tưởng tòa sen của đức Phật A-di-đà. Đại Thánh ở đây chỉ đức Phật. Thanh văn quả kém là chỉ các quả vị Tiểu thừa từ A-la-hán trở xuống.

⁽²⁾ Bài này nói về phép quán tưởng thứ tám, quán tưởng lần lượt đức Phật A-di-đà ngồi trên tòa sen ở giữa, các vị Bồ Tát Quán Thế Âm ngồi trên tòa sen bên trái, Bồ Tát Đại Thế Chí ngồi trên tòa sen bên phải. Người tu tập nếu quán tưởng thấy Phật tức là được phép Niệm Phật Tam-muội.

⁽³⁾ Bài này nói về phép quán tưởng thứ chín, quán tưởng sắc thân đức Phật A-di-đà, thấy rõ tướng hảo trang nghiêm (tức là 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp). Muốn quán tưởng đức Phật A-di-đà, trước hết nên quán tưởng chòm lông trắng giữa hai chân mày. Khi thấy rõ được tướng lông trắng ấy thì tự nhiên các tướng tốt đều sẽ hiện ra. Ai thấy được thân Phật thì cũng thấy được tâm Phật, tức là lòng đại từ bi, thương tất cả chúng sanh. Và ai thấy được đức Phật A-di-đà tức là thấy được tất cả vô lượng chư Phật trong Mười phương và Ba đời.

13.

Tây phương Thập quán nhờ tâm thành.
 Thường niệm Quán Âm đấng Đại từ,
 Vừa nghe danh, được vô lượng phước,
 Lành thay Đại sĩ nguyện rộng sâu!⁽¹⁾

14.

Tây phương Thập nhất quán khôn lường,
 Thế Chí hào quang Phật tán dương.
 Vì chúng bắc cầu qua biển khổ,
 Phân thân giáo hóa khắp muôn đường.⁽²⁾

15.

Tây phương Thập nhị quán dung thông,
 Một niệm tinh thành tự thành công.
 Nên tưởng tự thân sanh Cực Lạc.
 Nghiêm trang ngồi tịnh giữa sen hồng.⁽³⁾

16.

Tây phương Hóa Phật phóng hào quang,
 Phân thân vô số độ chúng sanh.

⁽¹⁾ Bài này nói về phép quán tưởng thứ mười, quán tưởng thân sắc đức Phật A-di-đà rồi, người tu nên quán tưởng đức Quán Thế Âm ở bên trái đức Phật A-di-đà. Muốn quán tưởng đức Quán Thế Âm, trước hết nên quán tưởng tướng nhục kế trên đỉnh đầu ngài, sau đó sẽ dần dần thấy được trọn thân tướng của ngài. Do nguyện lực của ngài sâu rộng, nên chúng sanh chỉ cần nghe đến danh hiệu ngài đã được vô lượng phước báo, hưởng chi là quán tưởng thấy được hình tượng ngài!

⁽²⁾ Bài này nói về phép quán tưởng thứ mười một, quán tưởng đức Bồ Tát Đại Thế Chí ở bên phải đức Phật A-di-đà. Nếu quán tưởng thấy được Bồ Tát Đại Thế Chí thì không còn phải thọ sanh vào thai bào, thường được thấy khắp các cõi Tịnh độ của chư Phật.

⁽³⁾ Bài này nói về phép quán thứ mười hai, quán tưởng tự thân sanh về cõi Cực Lạc, ngồi giữa tòa sen báu, nhìn thấy đức Phật A-di-đà và chư Bồ Tát.

Y, chánh trang nghiêm đều đủ cả,
 Phép quán mười ba lý viên thành.⁽¹⁾

17.

Tây phương Giáo chủ đại từ bi.
 Đạo sư tiếp dẫn chúng sanh quy.
 Chín phẩm đều cho lên Bến giác,
 Mãi không thối chuyển, chúng Bồ-đề.⁽²⁾

18.

Một nẻo Tây phương thẳng bước nhanh,
 Trọn phát ba tâm, chân lý thành.
 Thượng phẩm thượng sanh trong chớp mắt,
 Sanh ra gặp Phật, chúng Vô sanh.⁽³⁾

19.

Tây phương khoái lạc thật kỳ thay!
 Quán tưởng tinh thành, hoa nở ngay,

⁽¹⁾ Bài này nói về phép quán thứ mười ba, quán tưởng thấy đức Phật A-di-đà, đức Bồ Tát Quán Thế Âm và đức Bồ Tát Đại Thế Chí. Người tu được thấy cả Chánh báo (tức Phật, Bồ Tát) và Y báo (tức cảnh giới Cực Lạc).

⁽²⁾ Từ bài 17 đến bài 26 lần lượt nói về Chín phẩm vãng sanh nơi cõi Tịnh độ của đức Giáo chủ A-di-đà. Chín phẩm này bao gồm 3 hạng: Thượng phẩm, Trung phẩm và Hạ phẩm; mỗi hạng lại chia ra 3 bậc: Thượng sanh, Trung sanh và Hạ sanh. Như vậy cả thảy là 9 phẩm, từ cao nhất là Thượng phẩm thượng sanh cho đến thấp nhất là Hạ phẩm hạ sanh. Riêng 3 bài 18, 19 và 20 nói về các trường hợp vãng sanh thuộc về Thượng phẩm là phép quán thứ mười bốn trong Quán kinh.

⁽³⁾ Có ba hạng chúng sanh được vãng sanh: 1. Người có lòng từ không giết hại, giữ tròn giới luật. 2. Người đọc tụng kinh điển Đại thừa, hiểu thấu nghĩa lý. 3. Người tu tập sáu niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên) và hồi hướng công đức, phát nguyện sanh về Cực lạc. Những người tu hành được như vậy, nếu phát khởi đủ ba loại tâm là: 1. Tâm chí thành, 2. Tâm sâu vững, 3. Tâm phát nguyện hồi hướng, liền tức thời được vãng sanh về cõi Cực Lạc, vào hàng Thượng phẩm thượng sanh, tức là bậc cao nhất trong các bậc vãng sanh. Khi ấy, người vãng sanh vừa hóa sanh từ hoa sen liền được thấy Phật trước hết, chúng ngộ pháp Vô sanh.

*Thượng phẩm trung sanh, tùy nguyện đến,
Trang nghiêm ngôi tịnh, đóa sen bày.⁽¹⁾*

20.

*Tây phương lòng đạo nếu kiên trì.
Thượng phẩm hạ sanh có khó chi,
Nguyện thấy cùng lên thuyền Bát-nhã.
Sen vàng đã sẵn đợi người đi.⁽²⁾*

21.

*Tây phương sáng rõ chẳng mơ hồ,
Kiên trì trai giới, thấu Khổ, Không.
Trung phẩm thượng sanh, nhờ sức Định,
Quả A-la hán được thân thông.⁽³⁾*

22.

*Tây phương tu Giới được trọn lành,
Một niệm hoa khai, Thánh quả thành.*

⁽¹⁾ Bài này nói về trường hợp Thượng phẩm trung sanh (bậc thứ nhì). Người tu tuy không thọ trì kinh điển Đại thừa nhưng hiểu rõ nghĩa lý, giữ tâm an định, tin sâu nhân quả, dùng công đức ấy mà hồi hướng phát nguyện sanh về Cực lạc. Sau khi lâm chung được đức Phật A-di-đà và chư Bồ Tát tiếp dẫn, hóa sanh vào trong đài sen vàng, trải qua một đêm thì đài sen nở ra. Trong bảy ngày chứng được địa vị không còn thối chuyển.

⁽²⁾ Bài này nói về trường hợp Thượng phẩm hạ sanh (bậc thứ ba). Người tu tin sâu nhân quả, kính ngưỡng kinh điển Đại thừa, phát tâm cầu thành Phật đạo. Khi lâm chung được đức Phật tiếp dẫn về Cực lạc, hóa sanh vào hoa sen, qua một ngày một đêm hoa sen mới nở. Lại qua bảy ngày mới bắt đầu được thấy Phật. Lại qua ba lần bảy ngày mới thấy rõ được thân Phật, được nghe thuyết pháp, chứng ngộ.

⁽³⁾ Bài này nói về trường hợp Trung phẩm thượng sanh (bậc thứ tư). Người tu kiên trì giữ theo giới luật (hoặc Ngũ giới, hoặc Bát trai giới, hoặc Cự túc giới), hồi hướng công đức phát nguyện vãng sanh. Nhờ đó khi sắp mạng chung được hào quang của Phật soi chiếu đến, thấu rõ được những lý: Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, liền được vãng sanh, hóa sen vào hoa sen. Sau đó tòa sen dần dần nở ra, hành giả được nghe giảng pháp Tứ diệu đế, liền chứng quả A-la-hán, có đủ Lục thông.

*Trung phẩm trung sanh, chờ nửa kiếp,
Diệu quả Vô sanh ắt tự thành.⁽¹⁾*

23.

*Tây phương giúp Đạo: hiểu làm đầu,
Xử thế nhân từ: ruộng phước mầu.
Trung phẩm hạ sanh, nghe diệu pháp,
Nhờ duyên đời trước gặp bạn lành.⁽²⁾*

24.

*Tây phương Hóa chủ, nguyện vô biên:
Một niệm qui y, diệt tội khiên.
Hạ phẩm thượng sanh, nghe hiệu Phật.
Nhờ thầy chỉ bảo, đại nhân duyên.⁽³⁾*

25.

*Tây phương Đạo lớn từ xưa nay,
Chẳng bỏ người tạo nghiệp sâu dày.*

⁽¹⁾ Bài này nói về trường hợp Trung phẩm trung sanh (bậc thứ năm) Người tu chỉ cần giữ trọn giới luật qua một ngày một đêm, nhờ sự thành tựu ấy mà hồi hướng phát nguyện vãng sanh thì khi lâm chung được hóa sanh vào hoa sen nơi cõi Cực Lạc. Qua bảy ngày bảy đêm hoa sen nở ra, được nghe Phật thuyết pháp, liền chứng được Thánh quả đầu tiên, tức là Sơ quả. Trải qua nửa kiếp mới chứng quả Vô sanh, tức quả A-la-hán.

⁽²⁾ Bài này nói về trường hợp Trung phẩm hạ sanh (bậc thứ sáu), nhờ những công đức hiểu dưỡng cha mẹ, thường làm việc nhân từ, nên lúc lâm chung gặp được bạn lành giảng nói cho nghe Pháp môn Tịnh độ. Nghe rồi hoan hỷ tin theo, liền được hóa sanh vào hoa sen bên cõi Cực Lạc. Qua bảy ngày, được nghe giảng Diệu pháp mà chứng Sơ quả. Lại trải qua một Tiểu kiếp sẽ chứng quả A-la-hán. Các bài số 21, 22 và 23 đều nói về phép quán tưởng thứ mười lăm trong Quán Kinh.

⁽³⁾ Bài này nói về trường hợp Hạ phẩm thượng sanh (bậc thứ bảy). Những người tuy tạo tội ác nhưng lúc sắp mạng chung được nghe bậc Thiện tri thức giảng pháp Đại thừa và dạy niệm Phật bền tin theo, thực hành niệm Phật cung kính, chí thành, liền được Hóa Phật và Hóa Bồ Tát hiện đến tiếp dẫn về Cực Lạc, đó là hàng Hạ phẩm thượng sanh.

Hạ phẩm trung sanh nhờ chỉ dạy,
Vừa nghe pháp Phật vững tin ngay.⁽¹⁾

26.

Tây phương quyết định lúc lâm chung:
Nhờ gặp bạn lành đường mở thông,
Hạ phẩm hạ sanh trong mười niệm,
Tội trừ bao kiếp, phước vô cùng.⁽²⁾

27.

Tây phương tinh tấn chớ trì hoãn,
Nghĩ thành chờ đợi nửa nghìn năm.
Hào quang Đại Thánh soi chiếu đến,
Được về Tịnh độ lễ Kim Tiên.⁽³⁾

28.

Tây phương, Sơ địa phát tâm kiên,
Bố thí lòng vui, gieo phước điền.

⁽¹⁾ Bài này nói về trường hợp Hạ phẩm trung sanh (bậc thứ tám), gồm những người tuy đã tạo nhiều ác nghiệp nặng nề nhưng nhờ nghe lời chỉ dạy của bậc thiện tri thức, vừa được nghe giáo pháp của Phật đã sanh lòng tin kính làm theo, nhờ đó mà hết thấy tội nghiệp đều được tiêu trừ, khi lâm chung nhờ sức tiếp dẫn của đức A-di-đà Phật mà hóa sanh vào hoa sen nơi cõi Cực Lạc, thuộc về hàng Hạ phẩm trung sanh.

⁽²⁾ Bài này nói về trường hợp Hạ phẩm hạ sanh (bậc thứ chín), gồm những kẻ phạm vào các tội Ngũ nghịch, Thập ác, đáng phải rơi vào địa ngục, nhưng lúc sắp lâm chung nhờ gặp được bậc thiện tri thức chỉ bày cho pháp niệm Phật liền phát khởi lòng tin. Dù khi đã sắp dứt hơi, không còn niệm được ra tiếng nhưng vẫn cố sức niệm đủ mười lần, liền được vãng sanh về cõi Cực lạc, thuộc vào hàng Hạ phẩm hạ sanh. Ba bài số 24, 25 và 26 trên đây nói về phép quán tưởng thứ mười sáu trong Quán kinh.

⁽³⁾ Bài này nói về những trường hợp niệm Phật cầu vãng sanh nhưng còn có lòng nghi ngờ, chưa thực sự vững tin. Nhờ công đức niệm Phật kiên trì mà được vãng sanh, nhưng phải hóa sanh tại Nghi thành, tức là nơi ở của những người còn nghi hoặc. Ở đó đến 500 năm, hưởng các sự vui sướng nhưng không được thấy Phật, nghe pháp. Sau nhờ đức Phật soi chiếu hào quang phá sạch lòng nghi mới được hóa sanh về cõi trung tâm Tịnh độ, được thấy Phật, nghe pháp, chứng đắc Thánh quả.

Thân mạng, của tiền đều bỏ hết,
Được lên thượng phẩm giữa tòa sen.⁽¹⁾

29.

Tây phương, Nhị địa phải tâm thành,
Niệm Phật trước nên quán lý minh.
Trì giới tinh nghiêm, lìa cấu uế,
Ruộng tâm thanh tịnh, đạo viên thành.⁽²⁾

30.

Tây phương, Tam địa ý căn thành,
Nhẫn nhục nhu hòa, dạy chúng sanh.
Mọi phép thân thông đều đủ cả,
Tướng thân vàng rực tỏa quang minh.⁽³⁾

31.

Tây phương, Tứ địa thể không hư,
Phiền não, lòng ma, thấy quét trừ.
Tinh tấn, tự nhiên sanh trí tuệ,
Xưa nay không khác, chứng chân như.⁽⁴⁾

32.

Tây phương, Ngũ địa khó tột thành,
Thấy biết hai thừa đâu dễ sánh.

⁽¹⁾ Bài này và chín bài tiếp theo nói về mười địa vị tu chứng của hàng Bồ Tát. Địa vị đầu tiên nói trong bài này là Hoan hỷ địa, được chứng đắc nhờ hoan hỷ thực hành hạnh bố thí, dứt bỏ hết thấy tài sản và thân mạng.

⁽²⁾ Bài này nói về địa vị tu chứng thứ hai của hàng Bồ Tát, gọi là Ly cấu địa (địa vị lìa khỏi sự uế trước), nhờ nơi việc trì giới tinh nghiêm mà thành tựu.

⁽³⁾ Bài này nói về địa vị tu chứng thứ ba của hàng Bồ Tát, gọi là Phát quang địa (địa vị tỏa hào quang), nhờ nơi việc tu hạnh nhẫn nhục mà thành tựu.

⁽⁴⁾ Bài này nói về địa vị tu chứng thứ tư của hàng Bồ Tát, gọi là Diễm huệ địa (địa vị có trí huệ sáng chói), nhờ tu hạnh tinh tấn mà thành tựu.

*Pháp thân thanh tịnh, rõ ý chính,
Tu sâu thiền định, lộ chân tình.⁽¹⁾*

33.

*Tây phương, Lục địa đạt viên dung,
Bốn phía toàn chân, mọi việc thông.
Bát-nhã hiện tiền không vướng mắc,
Toàn thân tay mắt mở toang dòng.⁽²⁾*

34.

*Tây phương, Thất địa vừa rõ phân,
Bồ Tát vượt xa nhờ lòng lành.
Mỗi niệm rõ thông, sai biệt trí,
Nếu không phương tiện, chẳng viên thành.⁽³⁾*

35.

*Tây phương, Bát địa ngộ Vô sanh,
Chư Phật Như Lai thấy chứng thành.
Chẳng động Pháp thân qua biển khổ,
Nguyện sâu rộng cứu khắp chúng sanh.⁽⁴⁾*

36.

*Tây phương, Cửu địa pháp vô biên,
Đại sĩ hoàng dương chí lực kiên.*

⁽¹⁾ Bài này nói về địa vị tu chứng thứ năm của hàng Bồ Tát, gọi là Tối nan thắng địa hay Cực nan thắng địa (Địa rất khó đạt và thù thắng), nhờ tu thiền định mà đạt được.

⁽²⁾ Bài này nói về địa vị tu chứng thứ sáu của hàng Bồ Tát, gọi là Hiện tiền địa, nhờ tu tập cả thiền định và trí huệ mà thành tựu.

⁽³⁾ Bài này nói về địa vị tu chứng thứ bảy của hàng Bồ Tát, gọi là Viễn hành địa, nhờ tu tập phương tiện trí huệ mà thành tựu.

⁽⁴⁾ Bài này nói về địa vị tu chứng thứ tám của hàng Bồ Tát, gọi là Bất động địa, nhờ tu tập nguyện lực sâu rộng mà thành tựu.

*Tông, thuyết đều thông, xưng Thiện huệ,
Biện tài bốn đức thầy châu viên.⁽¹⁾*

37.

*Tây phương, Thập địa trí trước tiên,
Mưa pháp mây từ khắp Đại thiên.
Su tử gấm vang, muông thú phục.
Nhất sanh bổ xứ, quả Phật thành.⁽²⁾*

38.

*Tây phương giác ngộ, Phật sánh vai,
Vô biên hạnh nguyện xứng Phổ Hiền.
Đối diện Như Lai nhận giao phó,
Lợi sanh tiếp vật, khởi Vô duyên.⁽³⁾*

39.

*Tây phương Diệu giác, quả châu viên,
Đủ mất Văn-thù phước trí nguyên.
Thân Lô-xá-na, đủ công đức.
Bỏ lành, mặc rách, phương tiện truyền.⁽⁴⁾*

⁽¹⁾ Bài này nói về địa vị tu chứng thứ chín của hàng Bồ Tát, gọi là Thiện huệ địa, nhờ tu tập đủ Tứ biện tài mà thành tựu. Tứ biện tài là: 1. Pháp vô ngại biện, 2. Nghĩa vô ngại biện, 3. Từ vô ngại biện, 4. Lạc thuyết vô ngại biện. Bồ Tát nhờ có Tứ biện tài nên có thể tùy cơ duyên, tùy đối tượng mà thuyết giảng Chánh pháp không ngăn ngại.

⁽²⁾ Bài này nói về địa vị tu chứng thứ mười của hàng Bồ Tát, gọi là Pháp vân địa, nhờ tu tập trí tuệ rốt ráo mà thành tựu. Bồ Tát ở địa vị này cũng gọi là Nhất sanh bổ xứ, nghĩa là chỉ còn một lần thọ sanh cuối cùng trước khi thành quả Phật.

⁽³⁾ Bài này nói về hạnh nguyện của ngài Bồ Tát Phổ Hiền, nghĩa là nhân quả đầy đủ, trọn vẹn. Chữ Vô duyên trong câu cuối chỉ Vô duyên tử, nghĩa là lòng từ không có sự vướng mắc theo ngoại cảnh.

⁽⁴⁾ Bài này nêu rõ nghĩa Diệu giác quả mãn, tức là phước đức và trí huệ của ngài Văn-thù. Tuy đã tu hành viên mãn, nhưng ngài Văn-thù vẫn thị hiện dùng quyền nghi mà hỗ trợ Phật pháp, tùy phương tiện mà hóa độ chúng sanh.

40.

Tây phương Viên giác, bậc thánh sư,
 Đồng Thể Quán Âm đủ đại bi.
 Mười hiệu, Ba thân đều trọn vẹn,
 Ấy ngôi Vô thượng Phật Bồ-đề.⁽¹⁾

41.

Tây phương Viễn tổ sớm tiên tri,
 Còn hướng về non lễ sáu thì.
 Một hội trăm hai mươi ba vị,
 Cùng sanh Tịnh độ, chứng Bồ-đề.⁽²⁾

42.

Tây phương Đại Thánh, vua các pháp,
 Tiếp dẫn chúng mê, phóng hào quang.
 Mỗi nhọc chẳng nề hoằng nguyện nặng.
 Thường chơi biển khổ, cứu thuyền từ.⁽³⁾

43.

Tây phương dễ tới, đừng ngần ngại,
 Chỉ cốt người tu phải quyết tâm.

⁽¹⁾ Bài này nêu rõ nghĩa Viên giác, nhân gồm, quả suốt, như đức Quán Âm vì lòng đại bi mà thị hiện ra mọi hình tướng khác nhau để hóa độ chúng sanh. Trong ba bài 38, 39 và 40 trên đây, lần lượt nêu lên đủ ba ý nghĩa tu tập quan trọng nhất: Đại hạnh của ngài Phổ Hiền, Đại trí của ngài Văn-thù và Đại bi của ngài Quán Âm

⁽²⁾ Ngài Huệ Viễn sáng lập Tịnh độ tông ở Trung Hoa, tu tập đạt phép Niệm Phật Tam-muội. Mỗi ngày đêm sáu thời ngài thường quay về hướng Tây mà lễ bái đức Phật A-di-đà. Ngài lập ra hội Liên xã, gồm 123 vị đồng tu tập pháp Niệm Phật, phát nguyện vãng sanh.

⁽³⁾ Bài này xưng tán đức Phật A-di-đà, bậc vua pháp ở cõi Tây phương. Ngài chẳng nề mệt nhọc, theo đại nguyện mà thường hiện đến nơi biển khổ để tiếp dẫn chúng sanh.

Chớp mắt vượt qua dòng sanh tử,
 Có duyên ắt gặp việc khó tầm.⁽¹⁾

44.

Tây phương gần đó, chớ cầu xa,
 Một niệm Di-đà hãy thiết tha,
 Giữ được suốt đời không niệm khác,
 Hoa sen nước Phật đợi người qua.⁽²⁾

45.

Tây phương chẳng phải phí sức nhiều,
 Mười niệm viên thành, chốc lát siêu.
 Phật tổ chỉ đường nhanh bước tới,
 Đời này ắt được thoát trầm phiêu.⁽³⁾

46.

Tây phương Từ phụ cảm thương đời,
 Tiếp dẫn chúng mê về tận nơi.
 Sớm tới tòa sen vui gửi thể,
 Đừng vào cõi tục gá bào thai.

47.

Tây phương tin chắc, chớ ngờ đây,
 Niệm Phật tu hành mau kịp ngày.

⁽¹⁾ Bài này nêu rõ ý vãng sanh Tịnh độ là việc dễ dàng, không cần phải ngần ngại, chỉ cần hạ đủ quyết tâm tu tập ắt sẽ thành tựu. Nếu đủ lòng tin mà niệm Phật thì có thể trong chớp mắt đã vượt qua được biển khổ sanh tử.

⁽²⁾ Đối với người đủ lòng tin niệm Phật, cõi Tây phương thật chẳng xa. Chỉ thiết tha quán niệm duy nhất một câu Nam mô A-di-đà Phật là đủ, đừng cho xen dấy bất cứ một niệm nào khác thì chắc chắn sẽ được sanh ra từ hoa sen nơi cõi Phật.

⁽³⁾ Bài này nêu ý nghĩa việc tu Tịnh độ nhờ nơi nguyện lực của đức Phật A-di-đà nên không phải mất nhiều công sức như các pháp môn khác. Chỉ cần mười niệm thành tựu cũng đủ thoát khỏi cõi Ta-bà ngay trong đời này.

Ngày qua ngắn ngủi nên sớm liệu.
Xương khô vùi đất, máu người hay!⁽¹⁾

48.

Tây phương cội rễ, giới trước tiên,
Giới luật tinh nghiêm, định cũng kiên,
Sức định chẳng khô, sanh trí sáng,
Trí sáng, tâm thông, tức Kim tiên.⁽²⁾

49.

Tây phương chẳng đợi học đa đoan:
Một tiếng Di-đà trở mối sang.
Thấy được ban sơ mây mặt thật,
Mối hay sanh tử tức Niết-bàn.⁽³⁾

50.

Tây phương thẳng đến, chớ lân la,
Thành bại nay đều do chính ta.
Chỉ cần niệm Phật không xen tạp,
Hoa sen Cực Lạc sẵn chờ ta.⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Bài này khuyên người sớm tỉnh ngộ mà niệm Phật tu hành, vì thời gian qua nhanh, đời sống có hạn, mà cái chết có thể đến không báo trước.

⁽²⁾ Bài này nói về ba môn Vô lậu học là: Giới, Định, Huệ. Nhờ trì giới nên có thể đạt được sức định; nhờ sức định mới phát sanh trí huệ. Trí huệ sáng suốt, tâm thức khai thông tức thành tựu quả Phật (Kim tiên).

⁽³⁾ Bài này nêu ý người tu Tịnh độ chẳng cần phải tham học nhiều nơi, nhiều pháp, chỉ cần để hết tâm ý vào một câu niệm Phật mà thôi. Nếu nhân đó mà thấy được cái “bản lai chân diện mục” của mình, tức là thấu đạt chân tánh, thì sẽ thấy được rằng luân hồi với Niết-bàn vốn không phải hai, không phải khác.

⁽⁴⁾ Bài này nêu ý pháp môn Tịnh độ là con đường thẳng tắt đạt đến giải thoát, người tu chớ nên phân tâm theo những con đường khác. Chỉ cần hết lòng niệm Phật thì sự vãng sanh về Cực Lạc có thể xem như chắc chắn.

51.

Tây phương ao báu nở hoa sen,
Vật báu trang nghiêm tự hóa thành.
Hiện giữa hào quang, tự thấy Phật,
Trang nghiêm ngồi giữa đóa sen lành.⁽¹⁾

52.

Tây phương Tịnh độ diệu kỳ thay!
Hoa ưu-bát-la khắp cõi khai.
Muôn việc hiện thành nền phú quý,
Mỗi đài hoa báu, mỗi Như Lai.⁽²⁾

53.

Tây phương danh hiệu Phật đồng mình,
Nghe biết tin sâu chẳng khiếp kinh.
Nếu nhân một niệm bình tỉnh dậy,
Nhọc chi mười vạn tám ngàn trình.⁽³⁾

54.

Tây phương Hóa chủ độ mê tình,
Sức Phật gia trì đạo dễ thành.

⁽¹⁾ Bài này mô tả người được vãng sanh về Cực Lạc. Khi hoa sen giữa ao báu nơi cõi Cực Lạc vừa nở ra thì người được vãng sanh từ trong hoa sen ấy hóa sanh, các món báu vật trang nghiêm tự nhiên hiện đến đầy đủ. Ở giữa trăm đạo hào quang chói sáng, người ấy tự mình được thấy Phật, nghe pháp, và bản thân cũng được ngồi trang nghiêm trên một tòa sen báu.

⁽²⁾ Bài này mô tả cảnh diệu kỳ nơi Cực Lạc, có giống hoa ưu-bát-la nở khắp mọi nơi và mọi thứ đều trang nghiêm, xinh đẹp, trên mỗi tòa sen báu đều có một đức Như Lai.

⁽³⁾ Bài này nêu lý viên dung trong pháp môn Tịnh độ, nếu người ngộ được thì đồng một danh hiệu với Phật. Nhờ tin sâu lý ấy nên khi nghe biết không sanh lòng khiếp sợ, kinh hãi. Nếu có thể nhân nơi việc niệm danh hiệu Phật một lần mà được tỉnh ngộ thì cõi Phật như ở ngay trước mắt, không cần phải nhọc công vượt qua mười muôn tám ngàn dặm (ý nói khoảng cách rất xa).

*Buông tay thẳng tiến không đường khác,
Bước đầu phải thấu rõ ý kinh.⁽¹⁾*

55.

*Tây phương giáo pháp đã đành rành,
Một niệm Di-đà cất bước nhanh.
Quyết định sớm lên tòa Sư tử,
Đồng danh, đồng hiệu chứng Vô sanh.⁽²⁾*

56.

*Tây phương chớp mắt ngộ Vô sanh,
Lên ngôi Thượng phẩm, quả Phật thành.
Từ phụ Di-đà, thân thọ ký,
Về sau thuyết pháp độ chúng sanh.⁽³⁾*

57.

*Tây phương nghiêm tịnh chốn an vui,
Vật dùng tùy ý hóa hiện thôi.
Các cõi trời, người không sánh kịp,
Trang nghiêm tòa báu hiện ngồi trên.⁽⁴⁾*

⁽¹⁾ Bài này nêu rõ ý nghĩa tha lực trong pháp môn Tịnh độ. Nhờ có sức gia trì của đức Phật nên việc tu đạo có thể dễ dàng thành tựu, nhưng người tu ngay từ khi mới phát tâm cần phải xác lập một niềm tin chắc chắn và sự hiểu biết thấu đáo về pháp môn Tịnh độ, không sai lệch với lời dạy của Phật như trong kinh ghi lại.

⁽²⁾ Bài này nêu rõ ý nghĩa thành tựu của pháp môn Tịnh độ, nếu theo đúng sự chỉ dạy trong giáo pháp thì chỉ một câu niệm Di-đà cũng có thể quyết định được về cõi Phật, ngôi tòa Sư tử (tòa kim cang), chứng quả Vô sanh, cùng với Phật đồng một danh hiệu.

⁽³⁾ Bài này nói về việc người được vãng sanh vào hàng Thượng phẩm ắt sẽ được nhanh chóng chứng quả Vô sanh, sớm thành quả Phật, được đức Phật A-di-đà đích thân thọ ký, về sau lại tiếp tục việc thuyết pháp độ sanh.

⁽⁴⁾ Bài này mô tả cảnh thanh tịnh, trang nghiêm và an vui ở cõi Tây phương. Nơi đó mọi vật cần dùng như thức ăn, y phục... đều tùy ý hiện ra đầy đủ. Sự an vui đó không một cõi trời, cõi người nào có thể sánh kịp. Mỗi người lại có một tòa sen báu hiện ra làm chỗ ngồi.

58.

*Tây phương cõi Phật vượt chư thiên,
Hơn cả Bồng Lai cõi chư tiên;
Hơn cả giàu sang cùng vua chúa.
Và hơn cả hạng ngu si thiên.⁽¹⁾*

59.

*Tây phương vui khoái vượt Thiên cung,
Tuổi thọ khôn lường, phúc chẳng cùng.
Kẻ thiếu niềm tin nghịch báng bổ,
Phật tử đủ duyên được về chung.⁽²⁾*

60.

*Tây phương Phật tử đủ thần thông,
Thâu lại, buông ra phút chốc xong.
Tùy loại hiện thân, dùng phép lạ,
Mở quyền, hiển thật, dậy tông phong.*

61.

*Tây phương cảnh trí vượt Bồng Lai,
Uống khí, ăn mây, nuôi họa thai.*

⁽¹⁾ Bài này nêu rõ sự thù thắng của cõi Cực Lạc phương Tây, vượt xa các cõi trời của chư thiên, cũng hơn cả cảnh Bồng Lai tiên giới mà người đời thường mơ tưởng. Nếu so với hiện cảnh nhân gian thì dù được giàu sang hay làm bậc vua chúa cũng không thể sánh bằng đời sống ở Cực Lạc. Điều quan trọng hơn nữa là những người tu thiên mà không có trí tuệ (ngu si) thì càng không thể sánh kịp người tu pháp môn niệm Phật.

⁽²⁾ Bài này nêu rõ những niềm vui và tuổi thọ, phúc báu của người được sanh về Cực Lạc. Tuy vậy, những kẻ không đủ đức tin thường điên đảo báng bổ, bài xích. Chỉ những người Phật tử có đủ duyên lành mới phát khởi được đức tin, chắc chắn sẽ được cùng nhau sanh về cõi Phật.

Đừng học xuất thần, tu luyện phép,
Cây khô há khiến được hoa khai?⁽¹⁾

62.

Tây phương Tịnh độ sen hóa sanh,
Khuyên khắp chúng sanh niệm Phật danh.
Hoa nở tức thời được thấy Phật,
Dứt trừ mãi mãi điều chẳng lành.⁽²⁾

63.

Tây phương phú quý vượt vương hầu,
Mọi thứ trang nghiêm, tự đủ đầy.
Chỉ quyết một lòng cầu Tịnh độ,
Dứt ngay nẻo dữ chốn trầm luân.

64.

Tây phương đường trước sớm tu trì,
Muôn việc thị phi chẳng lo chi.
Buông xả thân tâm, chuyên niệm Phật,
Đã không phiền não, dứt lo âu.

65.

Tây phương thọ dụng kém ai đâu,
Ao bảy báu đầy bốn sắc hoa.⁽³⁾

⁽¹⁾ Bài này dùng cách so sánh để bác bỏ những kẻ ngu mê tu luyện theo tiên đạo, chỉ theo đuổi mãi việc uống khí, ăn mây, rốt cuộc cũng không khỏi luân hồi khổ não. Dù học lấy những cách xuất thần hay phép lạ thì cũng chẳng ích gì cho việc giải thoát sanh tử, như cây khô không thể nào nở hoa.

⁽²⁾ Bài này nói về cách hóa sanh nơi Tịnh độ. Chúng sanh được hóa sanh vào hoa sen, chờ khi sen nở cũng là lúc sanh ra, liền được tự thân gặp Phật, nghe pháp, mãi mãi không còn phải chịu những tai nạn như ở cõi Ta-bà.

⁽³⁾ Bốn sắc hoa: chỉ bốn loại hoa sen quý, có đủ bốn màu. Bốn thứ hoa sen ấy là: hoa ưu-bát la màu xanh, hoa câu-vật-đầu màu vàng, hoa ba-đầu-ma màu đỏ, hoa phân-đà-lỵ màu trắng.

Thức ăn, y phục tự hóa hiện,
Vẹn toàn tướng hảo với quang minh.

66.

Tây phương nhìn khắp thấy hoa sen,
Trăm báu trang nghiêm trọn pho bày.
Chư thượng thiện nhân cùng hội tụ,
Số nhiều vô lượng vượt cát sông.⁽¹⁾

67.

Tây phương lối tắt vượt tham thiền,
Một niệm Di-đà, pháp trước tiên.
Chớp mắt vượt qua mười vạn ức,⁽²⁾
Chỉ e người chẳng nhận tin liền.

68.

Tây phương chỉ sợ thiếu kiên trì,
Gắng sức chuyên cần thẳng bước đi.
Như thuyền xuôi nước, chèo lái đủ,
Di-đà tiếp dẫn có khó chi!⁽³⁾

69.

Tây phương chẳng luận kẻ nghèo, giàu,
Sang, hèn, khôn, dại chẳng khác nhau.

⁽¹⁾ Bài này nêu rõ một trong những ưu điểm của người vãng sanh Cực Lạc là được sống chung với các bậc thượng thiện nhân, tức là những người đã trọn tu tất cả các pháp lành. Những người như vậy số nhiều không thể tính đếm, nhiều hơn cả số cát sông Hằng.

⁽²⁾ Nguyên tác dùng “đàn chỉ”, dịch sát nghĩa là “khay móng tay”, dùng với ý chỉ một khoảng thời gian rất ngắn, cũng hàm ý việc rất dễ dàng, nên chúng tôi dịch là “chớp mắt”. Người chuyên tâm niệm Phật thì chỉ trong khoảnh khắc đã có thể vãng sanh về Cực Lạc, vượt qua cả đường xa mười vạn ức dặm.

⁽³⁾ Bài này nhấn mạnh yếu tố kiên trì trong việc tu tập pháp môn niệm Phật. Chỉ cần có thể gắng sức chuyên cần, cộng với nguyện lực tiếp dẫn của đấng Đạo sư A-di-đà thì việc vãng sanh không có gì là khó, cũng giống như con thuyền

*Chẳng luận gái, trai, già với trẻ,
Chẳng phân tăng, tục, oán hay thân.⁽¹⁾*

70.

*Tây phương quyển thuộc cùng dòng pháp,⁽²⁾
Cùng tu niệm Phật, kết tình thân.
Cùng phát nguyện sanh về nước Phật,
Nên cùng gieo cấy vãng sanh nhân.*

71.

*Tây phương mở đạo cảm Thích-ca,
Gieo nhân Tịnh độ niệm Di-đà.
Ba cõi sáu đường đều trải khắp,
Mới hay quả Phật, cõi người ta.⁽³⁾*

72.

*Tây phương công đức nước trong ngần,
Thấu triệt cõi nguồn niệm Phật nhân.
Không chỉ riêng người sanh Tịnh độ,
Muôn loài bay chạy cũng nhờ ân.*

⁽¹⁾ Bài này nêu rõ pháp môn Tịnh độ là dành cho tất cả mọi người, không phân biệt địa vị hay tuổi tác, ai cũng có thể phát tâm tu tập. Tuy nhiên, cần chú ý rằng sự không phân biệt này không có nghĩa là ai ai cũng sẽ đạt kết quả tu tập như nhau. Điều đó còn tùy thuộc vào sự nỗ lực tự thân của mỗi người cũng như những căn lành mà họ đã gieo trồng từ những đời trước.

⁽²⁾ Quyển thuộc cùng dòng pháp: những người cùng tu tập một pháp môn nên kết nhân duyên thân tình với nhau như quyển thuộc ở thế gian. Nguyên tác gọi là “pháp quyển”.

⁽³⁾ Bài này nhắc việc khi đức Phật Thích-ca khai mở pháp môn Tịnh độ bằng cách giảng kinh A-di-đà thì sự giao cảm giữa hai đức Phật hiện ra nơi sắc mặt của ngài. Vì thế, người tu Tịnh độ có thể tin chắc việc gieo nhân Tịnh độ chỉ cần chuyên niệm Phật A-di-đà là đủ. Hơn nữa, cần biết rằng trong khắp muôn loài chúng sanh chỉ có loài người mới là đủ nhân duyên để tu tập chứng thành quả Phật, vì không quá sung sướng (như chư thiên...) cũng không quá khổ não (như các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ...). Tuy nhiên, đối với pháp môn Tịnh độ, như bài tiếp theo sẽ nói rõ, thì không chỉ riêng loài người được lợi ích, mà khắp muôn loài chúng sanh cũng đều được hưởng nhờ ân đức.

73.

*Tây phương kim cổ mãi thường còn,
Cha lành thương xót độ cháu con.
Tám vạn bốn ngàn phương tu tập,
Di-đà một tiếng vượt trội hơn.⁽¹⁾*

74.

*Tây phương Cực Lạc vượt trội hơn,
Rộng khuyến hết thầy tu pháp này.
Giữ miệng chớ nên bàn chuyện nhảm,
Niệm Phật sớm chiều chẳng đổi thay.*

75.

*Tây phương có Phật hiệu Di-đà,
Sông mê độ hết chúng sanh qua.
Bốn mươi tám nguyện bày chín phẩm,
Sẵn đợi muôn người, chớ luống qua.*

76.

*Tây phương duy một nẻo không xa,
Một niệm vững tin phút chốc qua.
Chạm mắt, gặp duyên đều Cực Lạc,
Gió lay, nước chảy giảng Ma-ha.⁽²⁾*

77.

*Tây phương đường tắt khéo tu hành,
Dùng mãnh chuyên cần tiến bước nhanh.*

⁽¹⁾ Bài này nêu ý pháp môn Tịnh độ được xem là thù thắng nhất trong tất cả các pháp môn. Đó là nhờ có nguyện lực của đức Phật A-di-đà trợ giúp, khác nào như người cha lành luôn thương xót cứu giúp cháu con.

⁽²⁾ Bài này khuyên xác lập tín tâm để phát nguyện vãng sanh về Cực Lạc, nơi đó mọi sự xúc chạm đều không có khổ não, mọi âm thanh được nghe đều diễn giảng pháp Đại thừa (Ma-ha).

Chín phẩm đài sen đều sẵn đợi,
Hoa khai chắc chắn ngộ Vô sanh.

78.

Tây phương mau tắt dễ cầu sanh,
Chỉ tại đời nay một niệm thành.
Tinh tấn lại thêm tu phước, huệ,
Đài vàng thượng phẩm được nêu danh.

79.

Tây phương mỗi bước đạp liên hoa,
Tạ đức Thích-ca mở lối qua.
Ba lần thuyết giảng, không sai khác,
Một lòng niệm Phật, sớm về nhà.⁽¹⁾

80.

Tây phương đích thật ấy nhà ta,
Một niệm Di-đà đúng nẻo qua.
Tin sâu, niệm vững, được quả thật,
Dẫu cho cây sắt cũng nở hoa.

81.

Tây phương dễ đến mấy ai hay?
Đường tắt chớ ngờ, quyết tu ngay.
Chân kinh sáu chữ khi thuần thực,
Trên đài sen báu lễ Di-đà.⁽²⁾

⁽¹⁾ Người phát nguyện vãng sanh xem cõi Phật A-di-đà là nơi chốn duy nhất để hướng về, nên được vãng sanh về đó cũng như được quay về nhà, không còn lưu lạc nữa. Sớm về nhà tức là sớm được vãng sanh về cõi Phật.

⁽²⁾ Người tu pháp môn Tịnh độ lấy việc niệm sáu chữ “Nam-mô A-di-đà Phật” làm công hạnh tu hành, cũng như tụng đọc chân kinh, nên khi thuần thực niệm ấy thì việc vãng sanh xem như chắc chắn, có thể lên đài sen báu lễ Phật A-di-đà.

82.

Tây phương Từ phụ hiệu Di-đà,
Chín phẩm hoa sen dẫn người qua.
Tu tập dễ dàng, nhanh chóng đến,
Đáng thương kẻ nghi ngại thành xa!

83.

Khuyên tu Tịnh độ, lập Liên tông,
Tôn sư Huệ Viễn hoàng cõi Đông.
Niệm Phật, tham thiền chung một đích,
Xưa nay diệu hữu tức chân không.⁽¹⁾

84.

Tây phương nguyện lớn khắp mênh mông,
Một niệm Di-đà khéo dụng công.
Niệm niệm dành rành không dứt đoạn,
Lời lời thức tỉnh Chủ nhân ông.⁽²⁾

85.

Tây phương thẳng hướng dễ tu trì,
Mấy ai rõ biết tánh A-di?
Ba cõi sáu đường mê sanh tử,
Suy cùng, sao chẳng xót thương chi?

86.

Tây phương công án sớm hành trì,
Lặng lặng ngồi yên, khởi tâm nghi,

⁽¹⁾ Bài này nhắc việc ngài Huệ Viễn ở Trung Hoa (Đông độ) hoàng truyền pháp môn Tịnh độ, lập một hội niệm Phật là Bạch Liên xã, sau gọi là Liên tông, cũng tức là Tịnh độ tông. Ngài cũng đề xướng quan điểm thiền tịnh song tu, kết hợp và dung hòa cả hai phương pháp niệm Phật và thiền tọa để đạt đến giải thoát.

⁽²⁾ Chủ nhân ông: chỉ cho tự tánh thanh tịnh xưa nay của mỗi chúng sanh, chỉ vì mê muội chạy theo trần cảnh nên đánh mất đi sự tự chủ của mình.

*Nghi đến tình quên, tâm dứt tuyệt,
Hiểu ra, ta vốn thật Di-đà.⁽¹⁾*

87.

*Tây phương một tiếng ấy riêng truyền,
Chẳng mượn tu hành, tâm hiện tiền,
Các bậc thiện nhân nếu thấy tánh,
A-di-đà Phật sánh vai liền.⁽²⁾*

88.

*Tây phương đạo lớn chẳng pháp riêng,
Một niệm Di-đà, sự, lý kiêm.
Thấu rõ ý mẫu tinh tế ấy,
Mới hay niệm Phật tức tham thiền.⁽³⁾*

89.

*Tây phương muôn khổ nào không còn,
Người tu cần thấu triệt tự tâm.
Trước mắt thấy liền chân Cực Lạc,
Biết đất nơi đây thật vàng ròng.⁽⁴⁾*

⁽¹⁾ Bài này nêu ý dùng câu niệm Phật như một công án thiền, là một trong những biểu hiện của phương pháp thiền tịnh song tu. Người tu chú tâm vào câu niệm Phật cho đến khi dứt sạch mọi vọng niệm, trực nhận được tự tánh xưa nay của chính mình vốn cùng với Phật không hai, không khác.

⁽²⁾ Bài này nêu rõ ý “thấy tánh thành Phật” của Thiền tông, nên nói người thấy tánh thì cùng đức Phật A-di-đà sánh vai, không hai, không khác.

⁽³⁾ Bài này nêu rõ ý tương đồng giữa hai pháp niệm Phật và tham thiền, thật ra không phải là hai pháp khác nhau, chỉ vì người tu sanh tâm phân biệt hành trì sai khác. Nếu thấu rõ được ý chỉ nhiệm mầu trong việc niệm Phật, vốn gồm đủ cả sự và lý, thì việc niệm Phật cũng không khác với tham thiền.

⁽⁴⁾ Bài này nêu ý liễu ngộ tự tánh chân tâm thì cảnh Cực Lạc hiện tiền, chẳng do cầu bên ngoài mà được.

90.

*Tây phương mặt đất thật vàng ròng,
Vang trời cây báu giảng Pháp Không.
Như thế xưng danh là Cực Lạc,
Bao nhiêu nạn khổ hóa thành không.*

91.

*Tây phương niệm Phật: pháp tối cao,
Chớ tin tà thuyết lòng động xao.
Thuở trước Thế Tôn ân cần nhắc,
Đường tắt là đây, đúng lối vào.⁽¹⁾*

92.

*Tây phương công đức thật khôn lường,
Không tin, báng bỏ chuốc tai ương.
Địa ngục đọa vào vô số kiếp,
Biết bao giờ thoát khỏi đau thương?⁽²⁾*

93.

*Tây phương đường rộng ít người qua,
Vì pháp môn này rất cao xa.
Kẻ chẳng chịu đi, ai kéo được?
Chỉ người tin chắc mới giao hòa.⁽³⁾*

⁽¹⁾ Bài này nêu rõ ý pháp môn Tịnh độ do chính đức Phật Thích-ca ân cần thuyết dạy và xác nhận là con đường tu tập nhanh chóng nhất, dễ dàng nhất đối với những chúng sanh còn nhiều nghiệp chướng.

⁽²⁾ Bài này nêu ý nhắc nhở những kẻ không có lòng tin, chớ nên báng bỏ pháp môn Tịnh độ mà tự chuốc lấy ác nghiệp nặng nề. Nguyên văn dùng “xiển-đê” tức “nhất-xiển-đê”, chỉ những kẻ mất hẳn lòng tin vào chánh pháp.

⁽³⁾ Bài này giải thích vì sao pháp môn Tịnh độ dễ dàng như con đường lớn mà chỉ có ít người lên được. Chính vì sự cao xa của pháp môn này nằm ở chỗ xác quyết lòng tin. Người không chịu tin nhận thì giống như kẻ chẳng chịu đi, dù có người khác lôi kéo cũng không thể đến nơi. Chỉ khi tự mình có lòng tin chắc chắn thì mới tương ứng giao hòa cùng Phật lực tiếp dẫn, liền nhanh chóng được vãng sanh về cõi Phật.

94.

Tây phương dễ tới, khá tu hành,
 Mười niệm tinh chuyên, ắt vãng sanh.
 Khuyên khắp thế gian nam cùng nữ,
 Hãy mau sớm liệu việc tu hành.

95.

Tây phương quê cũ sớm về thôi,
 Mạng sống vô thường, thở một hơi!
 Ngày tháng có chừng, nên tiếc lấy,
 Đời nay bỏ luống, khó trông vời.

96.

Tây phương chẳng tới khó lòng thay,
 Súc tợ đời non, lỡ kiếp này.
 Nhấn nhủ thế gian người trí thức,
 Sẵn kho báu vật, chớ về không!⁽¹⁾

97.

Tây phương trở lại, chớ trì nghi,
 Một tiếng Di-đà sớm thọ trì.
 Nhường mắt lên cao, tay xuống vội,
 Chẳng nhọc, không lâu, chứng Bồ-đề.⁽²⁾

98.

Tây phương gấp gấp sớm tu trì,

⁽¹⁾ Bài này nêu ý pháp môn Tịnh độ quý giá vô cùng, nếu không tin nhận tu tập để được phần lợi ích thì có khác nào kẻ tìm được đến kho báu mà lại ra về tay không.

⁽²⁾ Bài này khuyên người tu pháp môn Tịnh độ cần yếu là phải hạ quyết tâm và nỗ lực (nhường mắt lên cao) rồi khởi sự thực hành ngay (tay xuống vội). Nếu được như vậy thì không cần phải mệt nhọc, không cần phải chờ đợi trải qua thời gian lâu xa, có thể ngay trong hiện kiếp được vãng sanh, chứng quả Bồ-đề.

Sống thác vô thường, chớ hện chi.
 Ngày tháng qua nhanh như tia chớp.
 Thân người há dễ được mấy khi?

99.

Tây phương một nẻo chớ dần dà,
 Tinh thần phấn chấn thẳng đường qua.
 Đào giếng đừng chờ khi khát nước,
 Lên thuyền Tịnh độ sớm đi xa.

100.

Thơ vịnh trăm bài đã trọn vần,
 Rộng khuyên tất cả sớm tu thân.
 Đừng sá thân mình tìm kế sống,
 Tây phương về được, hưởng Phật ân.



歸元直指

卷中

辯明三教大理贊翊治化論

夫三界之內，三教流行。三教者儒，釋道也。三教立法，俱以使人改惡向善，返歸正。世人不達本根，妄分枝葉。便言窮理治天下，莫大於儒。盡性超生死，莫大於釋。復命御三才，莫大於道。又謂之釋之寂滅，不近人情。道之虛無，不足以治天下。儒之名義，不能以超生死。都各執一儒，而互相謗也。耶不若，服儒之服，誦儒之言，行儒之行，是儒而已矣。服釋之服，誦釋之言，行釋之行，是釋而已矣。

惑曰。佛氏之教，本是異端，不是信也。一元曰。子識異端之教，可道之乎。曰。無暇讀彼之書。曰。既不會彼之書，則安知有異端之法。今子只讀孔子之書，而遂疑彼之非，是舜

QUY NGUYÊN TRỰC CHỈ

QUYỂN TRUNG

Biện minh Tam giáo đại lý, tán dục trị hóa luận

Phu Tam giôu chi nô, tam giâu lêu hanh. Tam giâu giâu Nho Thích Nã đa Tam giâu lập pháp, caù dó sôunhan caù àu hõông thiên, phâm tao quy chành. Theánhan bá ñai boàn caù, vong phâm chi diep. Tiên ngoân cung lyutrô thiên hai mã ñai ô Nho. Tãn tành sieu sanh tôu mã ñai ô Thích. Phu mãng ngõitam taù, mã ñai ô Nã. Hõu vô chi Thích chi tòch dieù, bá cañ nhand tình. Nã chi hõ voạ bá tuù dó trò thiên hai Nho chi danh nghóa, bá nañg dó sieu sanh tôu Nõ caù chap nhá thiên, nhi hoátông bang daù Da bá nhõõ, phu Nho chi phu, tuñg Nho chi ngoân, hanh Nho chi hanh, thò Nho nhi dó hyô Phu Thích chi phu, tuñg Thích chi ngoân, hanh Thích chi hanh, thò Thích nhi dó hyô

Hoæ vieù: Phaù thò chi giâu, boàn thò dò ñoan, bá tuù tín daù Nhaù Nguyeân vieù: Tôuthõu dò ñoan chi giâu, khaùñab chi hoà Vieù: Voàhai ñõù bæchi thô. Vieù: Kyùbaù tañg ñõù bæchi thô, taé an tri hõu dò ñoan chi pháp. Kim tôuchãnoù

犬也。聞人以爲非，而遂非之，是妄婦也。

彼怒色而厲聲曰。佛氏之教，無父無君，豈不是異端也。

余曰。盲者摸象，謂之異端。只爲不見象之真體，無足怪也。佛氏立教，與人臣言，必依於忠。與人子言，必依於孝。法華經云。我等與眾生，皆共成佛道。而況於君臣父子哉。

彼曰。不孝有三，無後爲大，豈不是異端也。

余曰。子言過矣。孔孟取之以義，不持取之以迹。曩時夷齊不嗣，巢許無後，而孔子稱其聖之清，未聞譏其不孝。況吾宗弘道利生，自他兼濟，出世之孝，功莫大焉。今子只知凡世胎生，安知佛國有化生也。況佛之說教，有權實之方，頓漸之法。出家者，降伏身心，精修梵行。處俗者，夫婦有別，不犯邪非。只要清心寡欲，豈禁人生養嗣續哉。

彼曰。一髮一膚，皆是父母所生。父母全而生之，子全而歸之，可謂孝矣。今見其僧，毀除鬚髮，是何孝歟。

Khoảng töüchi thô, nhi toai nghi bæchi phi, thò Thuaán khuyeán daõ Vañ nhañ dó vi phi, nhi toai phi chi, thò thieáp phuế daõ

Bænoäsaé nhi læthanh vieá: Phaã thò chi giaù, voâphui voâ quañ, khôñ baá thò dò ñoan daõ

Dõ vieá: Manh giaùmaë töông, vò chi dò ñoan. Chævò baá kieán töông chi chañ theá voátuè quañ daõ Phaã thò læp giaù, döñhañ thañ ngoñ, taá y ö trung. Döñhañ töüngoñ, taá y ö hieá. Phaáp Hoa kinh vañ: Ngaõñaúng döõchuàng sanh, giai coàng thanh Phaã ñaõ. Nhi huóng ö quañ thañ phuítöütai.

Bævieá: Baá hieá höñ tam, voâhañ vi ñaí. Khöñ baá thò dò ñoan daõ

Dõ vieá. Töüngoñ quaùhyõ Manh töüthuüchi dó nghóa, baá tri thuüchi dó tích. Naúng thôñ Di Teabaá töi Sao Höñ voâhañ, nhi Khoảng töüxông kyøthành chi thanh, vò vañ ky kyøbaá hieá. Huóng ngoátöông hoàng ñaõ löi sanh, töi tha kieán teá xuaá theáchi hieá, coàng mãc ñaí yeñ. Kim töüchætri phañ theáthai sanh, an tri Phaã quoaá höñ hoà sanh daõ Huóng Phaã chi thuyeá giaù, höñ quyèñ thaá chi phöông, ñoán tieán chi phaáp. Xuaá gia giaù hang phuế thañ tañ, tinh tu phaím hañh. Xöütuë giaù phu theáhöñ bieá, baá phaím taøphi. Chævè thanh tañ quaüduë, khôñ cañ nhañ sanh döông töi tuë tai.

Bævieá: Nhaá phaù nhaá phu, giai thò phuimañ söüsinh. Phuimañ toañ nhi sanh chi, töütoañ nhi quy chi, khaüvò hieá hyõ Kim kieán kyøtaàng, huý tröøtu phaù, thò haøhieá dö?

余曰。子之所說，實是知近而不知遠，見小而不見大也。昔秦伯文身，荊軻殞命，比干剖腹，介子焚軀，盡是毀之甚也，而聖賢皆稱至忠至德。豈可以不全身體而見責耶。况我沙門，持戒行，修佛道，度迷情，超苦海。方於焚身之類，亦以遠矣，奚在鬚髮之小事哉。

彼曰。佛氏之徒，不耕而食，不蠶而衣，何也。

余曰。未及佛者，蠶食於人猶可。今有未能如孔孟者，亦蠶食於人，何也。

彼曰。儒者蠶食於人，有功於天下。

余曰。佛化亦有益於天下也。何則，釋氏之所以孜孜訓世人者，無非戒惡勸善。孰不知儒教，亦復然乎且以目前言之。佛以殺生，偷盜，邪淫，為身三業。而孔子言勝殘去殺，舜好生惡殺，詩人言文王德及鳥獸昆蟲，是豈不戒殺哉。盜固不在所言矣。夫子之時，路不拾遺，一草一葉不與不取，何況竊盜。孔子言。吾未見好德如好色者也。詩人刺不好德而悅美色，是豈不戒邪淫哉。

Dö vieát. Töüchi söüthuyéát, thaát thò tri cãn nhi baát tri vieán, kieán tieán nhi baát kieán ñaí daó Tích Taán Baùvaán thaán, Kinh Kha vaán maing, TyúCan phaú phuè, Giôü Tôûphaán khu, taán thò huý chi thaán daó nhi thaán hieán giai xông chí trung chí ñöü. Khôü khaúdo baát toán thaán theánhi kieán traùh da. Huóng ngaõsa moán, trì giôü hañh, tu Phaít ñaó, ñoãmeátinh, sieá khoáhaü. Phöông ö phaán thaán chi loaí, dieä dó vieán hyö heátai tu phaú chi tieán söítai.

Bævieát: Phaít thò chi ñoá baát canh nhi thöë, baát taán nhi y, haódaó

Dö vieát: Vô caó Phaít giaü taán thöë ö nhaán du khaü Kim höü vô naing nhö Khoáng Mañh giaü dieä taán thöë ö nhaán, haódaó

Bævieát: Nho giaütáán thöë ö nhaán, höü coáng ö thieán hai

Dö vieát: Phaít hoà dieä höü ích ö thieán hai daó Haótaé? Thích thò chi söüdo tö tö huaán theánhaán giaü voáphi giôü àü khuyéán thieán. Thuít baát tri Nho giaü, dieä phuít nhieán hoá Thaúdo muít tieán ngoán chi. Phaít dó saü sanh, thaán ñaó, taó daán, vi thaán tam nghiép. Nhi Khoáng töúngoán thaóng taán khöusaü, Thuaán haü sanh óasaü, Thi nhaán ngoán Vaán vöông ñöü caó ñieáü thuücoán trung, thò khöü baát giôü saü tai? Ñaó coábaát taí söúngoán hyö Phu töüchi thöü loábaát thaó di, nhaát thaó nhaát diep baát döóbaát thuü haóhuóng thieát ñaó. Khoáng töúngoán: Ngoávö kieán haü ñöü nhö haü saé giaüdaó Thi nhaán thích baát haü ñöü nhi duyéá myösaé, thò khöü baát giôü taó daán tai?

佛以妄言, 綺語, 兩舌, 惡口, 為口四業。孔子謂人而無信不知其可, 豈不戒妄言也。謂巧言令色鮮矣仁, 豈不戒綺語也。書稱爾無面從退有後言, 豈不戒兩舌也。惡口, 謂之惡怒之聲, 尚未至於穢語。荀子謂傷人之言深於矛戟, 是豈不戒惡怒之口也。

佛又以貪, 瞋, 癡, 為意三業。孔子謂見得思義, 是則戒貪矣。謂伯夷叔齊不念舊惡, 是則戒瞋矣。謂困而不學民斯為下, 是則戒癡矣。

由此言之, 儒, 釋未嘗不同也。其不同也, 唯儒家止於世間法, 釋氏是又有出世間法。儒家獨言一世而歸之於天, 釋氏知累世業緣之本末。此其所不同耳。

欲知釋氏之所長, 須看楞嚴, 楞伽, 圓覺, 及曉金剛經之理。若能如是, 可以超出輪迴生死也。未能如是而遂非之, 則孔子所謂不知而作之者, 可不戒哉。誠如是, 則釋氏為可信矣。其言淨土鳥可以不信哉。所謂出世間法, 淨土尤其要者, 不可以不勉也。

Phaĩ dó võng ngoân, yungõp löõng thieĩ, àu khai, vi khai tònghiep. Khoàng töuvò nhaân nhi voátin baĩ tri kyøkhaiu khõu baĩ giõu võng ngoân daĩ Vô xaõ ngoân linh saé tieãn hyõnhaân, khõu baĩ giõu yungõõdaĩ Thõ xõng nhõ voãdieãn tung thoã hõu haũ ngoân, khõu baĩ giõu löõng thieĩ daĩ Aũ khai, vò chi àu noãchi thanh, thõõng vò chí õ ueángõõ Tuaân töuvò thõõng nhaân chi ngoân thaãn õ maũ kích, thõ khõu baĩ giõu àu noãchi khai daĩ

Phaĩ hõu dó tham, saãn, si vi yutam nghiep. Khoàng töuvò kieãn ñaé tö nghóa, thõ taé giõu tham hyõ Vô BàuDi, Thuũ Teã baĩ nieãn cõu àu, thõ taé giõu saãn hyõ Vô khoãn nhi baĩ hoĩ daãn tö vi haĩ thõ taé giõu si hyõ

Do thõungoân chi, Nho, Thích vò thõõng baĩ ñõng daõ Kyø baĩ ñõng daõ duy Nho gia chæ õ theágian phap, Thích thõ hõu hõu xuaĩ theágian phap. Nho gia ñõõ ngoân nhaĩ theã nhi quy chi õ thieãn, Thích thõ tri luy theánghiep duyeãn chi boãn mãt. Thõũkyõsõubaĩ ñõng nhá

Dũc tri Thích thõ chi sõutrõõng, tu kham Laõng Nghieãn, Laõng Giaø Duyeãn Giaũ, cap hieũ Kim Cang kinh chi luy Nhõõc naõng nhõ thõ, khaũdó sieũ xuaĩ luaãn hoã sanh töũdaõ Vô naõng nhõ thõ nhi toã phi chi, taé Khoàng töũsõuvò baĩ tri nhi taũ chi giaũ khõu baĩ giõu tai. Thanh nhõ thõ, taé Thích thõ vi khaũtin hyõ Kyøngoân Tõnh ñõõõakhaũdó baĩ tín tai. Sõu vò xuaĩ theágian phap, Tõnh ñõõlõu kyøyeũ giaũ baĩ khaũdó baĩ mieãn daõ

又云。佛家五戒，殺，盜，邪，妄，酒。儒教五常，亦復如是。

不殺，仁之大。不盜，義之廉。不邪，禮之正。不酒，智之明。不妄，信之至是也。

先德云。百家之鄉，十人持五戒，則十人淳謹。千室之色，百人行十善，則百人和睦。夫能行一善，則去一惡。去一惡，則息一刑。一刑息於家，萬刑息於國。故我能仁殺教，大有補於治化矣。

吁。假若人人持五戒，修十善。國家刑罰可以不用，太平可以坐致也。果能如是。况又感得諸天八部，下降閻浮，衛護凡世，風調雨順，五穀豐登，火盜潛消，災殃殄滅。如斯利益，非但補於治化，抑亦利於存亡矣。

蓮宗寶鑑云。使一人能行是道以訓於家，家以導於鄉，鄉以達於邦，以至於無窮。則天下之民，涵道泳德，融神實相，高步無何而極佛境界，豈止以為善人君子而已哉。夫如是，則何患乎忠孝不修，禮讓不著歟。

Höu vaân: Phaï gia nguõgiôù, saù, ñaõ, taø voäng, töù. Nho giaù nguõthõõng, dieä phuï nhõ thò

Baá saù, nhaân chi ñaï. Baá ñaõ, nghóa chi lieân. Baá taø leächi chañh. Baá töù, trí chi minh. Baá voäng, tín chi chí thò daõ

Tieân ñöù vaân: Baùh gia chi höông, thaþ nhaân trì nguõ giôù, taé thaþ nhaân thuañ cañ. Thieân thaá chi aþ, baùh nhaân hañh thaþ thieân, taé baùh nhaân hoa muï. Phuõnañg hañh nhaá thieân, taé khöünhaá aù. Khöünhaá aù, taé töù nhaá hình. Nhaá hình töù ö gia, vañ hình töù ö quoá. CoángaõNañg Nhaân thuyeá giaù, ñaï höù boáõ trò hoà hyõ

Hu. Giaùnhöõc nhaân nhaân trì nguõgiôù, tu thaþ thieân. Quoá gia hình phaï khaùdó baá duñg, thaù bình khaùdó toà trí daõ Quaùnañg nhõ thò. Huóng höù cañ ñaé chõ thieân baù boá haï giañg Dieân-phuõveähoáphañ theá phong ñieñ voõthuañ, nguõcoá phong ñañg, hoà ñaõ tieñ tieñ tai öng ñieñ dieä. Nhõ tö löi ích, phi ñañ boáõ trò hoà, öù dieä löi ö toà vong hyõ

Lieñ Toñ Baù Giaù vaân: Söünhaá nhaân nañg hañh thò ñaõ dó huañ ö gia, gia dó ñaõ ö höông, höông dó ñaá ö bang, dó chí ö voácung. Taé thieñ haïchi dañ, hañ ñaõ vònh ñöù, dung thañ thaá töõng, cao boávoáhañhi cõc Phaï cañh giôù, khöü chädó vi thieñ nhaân quañ töñhi dó tai. Phuõhõ thò, taé haõhoañ hoàtrung hieñ baá tu, leñhöõng baá tröõù dö.

以此觀之，豈非能人之道與仲尼之道共為表裏以訓于民耶。

今之人，多不察其所由，視其徒之不肖者，而遷怒於善人殺法焉。豈可以道士不肖，而輕老子。士人不肖，而輕孔子。智者尚不以人廢言，況可以其徒而輕其教乎。亦何異乎，以丹朱而罪堯，因商均而過舜，服藥失度歸咎於神農，縱火致焚反怨於燧人也耶。

愚乃不佞，學佛之道有年矣。既麤領其旨，而頗有扶顛之心。非敢私於己，而欲公於眾，以救其弊也。

但願。一人在上，高而不危。三教周流，通而無滯。有一人，故奉三教之興。有三教，故助一人之理。猶天之三光，世之三綱，鼎之三足，皆闕一不可也。況為僧莫若道安，與習鑿齒交游，崇儒也。為僧莫若慧遠，遠送陸修靜過虎溪，重道也。余慕二高僧好儒，重道，釋子猶或非之。我既重他，他豈輕我。請信安遠行事，其可法也。詩曰。伐柯伐柯，其則不遠。孟子曰。天時不如地利，地利不如人和。斯之謂歟。

Dó thòuquan chi, khôu phi Naêng Nhat chi ñaõ döõTroïng Ni chi ñaõ coïng vi bieâu lyùdó huaân vu daân da?

Kim chi nhat, ña baát saù kyôsôudo, thò kyõñoàchi baát tieâu giaù nhi thieân noã thieân nhat giaù phap yeân. Khôu khaùdó ñaõ só baát tieâu, nhi kinh Laõ töu Só nhat baát tieâu, nhi kinh Khoàng töu Trí giaùthoõng baát dó nhat pheângoân, huông khaùdó kyõñoànhi kinh kyõgiaù ho? Dieâu khaùdó ho? Dó Ñan Chaâu nhi toã Nghieâu, nhat Thõông Quaân nhi quaù Thuaân, phuõ döõr thaát ñoãquy cõu ö Thaân Noâng, tuïng hoã trí phap phap oam ö Toai Nhat daõda?

Ngu naõ baát nõnh, hoõ Phaít chi ñaõ höu nieân hyõ Kyùthoã laõnh kyõchæ nhi phaùhöu phoõkhuyñh chi taâm. Phi huý tö ö kyù nhi duõ coïng ö chung, dó cõu kyõteãdaõ

Ñaõn nguyên: Nhat nhat tai thõõng, cao nhi baát nguy. Tam giaù chaâu löu, thoàng nhi voãtreã Höu nhat nhat, coã phuïng Tam giaù chi höng. Höu Tam giaù, coãtrõinhát nhat chi lyù Du thieân chi tam quang, theáchi tam cang, ñaõnh chi tam tuù, giai khuyéa nhat baát khaùdaõ Huông vi taêng mãc nhõõr Ñaõ An döõTaõp Taõ Xægiau du, sung Nho daõ Vi taêng mãc nhõõr HueãVieân, Vieân toáng Luõ Tu Tónh quaù Hoákheã troïng Ñaõ daõ Dõ moãnhò cao taêng haõ Nho troïng Ñaõ, Thích töüdu hoã phi chi. Ngaõkyùtroïng tha, tha khôu kinh ngaõ Thanh tín An, Vieân hanh söi kyõkhaùphap daõ Thi vieát: Phaít kha phat kha, kyõtaé baát vieân. Mãnh töüvieát: Thieân thõu baát nhõ ñõa löi, ñõa löi baát nhõ nhat hoã. Tõ chi vò dö.

1. Tam giáo đều hướng đến giáo hóa cho người cuộc sống tốt đẹp

Trong thế gian hiện có Tam giáo lưu hành. Tam giáo đó là: Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Những lời dạy của Tam giáo thấy đều hướng đến việc khiến người nghe bỏ ác làm lành, bỏ tà theo chánh.

Người đời không hiểu thấu cội nguồn, sai lầm phân chia theo cành nhánh, cho rằng: “Xét về lý lẽ cai trị thiên hạ, không chi bằng Nho giáo; xét về tâm tánh siêu thoát sanh tử, không chi bằng Phật giáo; xét về việc thuận theo tự nhiên và chế ngự cả trời đất, con người thì không chi bằng Đạo giáo.” Lại cũng cho rằng: “Thuyết *tịch diệt* của Phật giáo xa cách tình người, thuyết *hư vô* của Đạo giáo chẳng đủ dùng để trị thiên hạ, còn thuyết *danh nghĩa* của Nho giáo chẳng vượt ra khỏi luân hồi.” Những cách hiểu ấy đều chỉ là sai lệch, do thiên kiến mà chê bai hết thảy. Chi bằng mặc áo nhà Nho, đọc sách Nho, thực hành đạo Nho, chỉ nên biết mình là nhà Nho mà thôi; như đắp y nhà Phật, tụng kinh Phật, thực hành lời Phật dạy, chỉ nên biết mình là người tu Phật, vậy thôi!

Có kẻ ngờ vực nói rằng: “Giáo lý đạo Phật vốn là dị đoan, chẳng đủ để tin.”

Nhất Nguyên⁽¹⁾ hỏi lại rằng: “Ông biết giáo lý ấy là dị đoan, vậy có thể nói ra giáo lý ấy được chăng?”

Đáp: “Tôi không có thời gian rảnh rỗi mà đọc kinh sách của họ.”

Tông Bồn nói: “Ông chưa hề đọc kinh sách của họ, làm

⁽¹⁾ Nhất Nguyên: tức ngài Nhất Nguyên Tông Bồn, người soạn sách này.

sao biết trong đó có chỗ dị đoan? Nay ông chỉ đọc sách Khổng tử, liền nghi ngờ đạo Phật là sai quấy, chỉ như con chó của vua Thuấn!⁽¹⁾ Nghe người ta nói là quấy, liền theo đó mà chê bai, chỉ là hẹp hòi thiên cận thôi!

Người kia nghe vậy nổi giận, lớn tiếng rằng: “Giáo lý nhà Phật không có nghĩa vua tôi, không có tình cha con, chẳng phải là dị đoan đó sao?”

Tông Bồn đáp: “Người mù sờ voi, cho đó là dị đoan, chỉ vì không thấy được toàn thân con voi, việc ấy cũng chẳng có gì là lạ. Đạo Phật đối với kẻ làm tôi ắt sẽ dạy nương theo đạo trung; đối với kẻ làm con ắt sẽ dạy nương theo đạo hiếu. Kinh Pháp Hoa có nói: “Cầu cho ta và tất cả chúng sanh đều cùng thành Phật đạo.” Đối với tất cả chúng sanh còn có tình, huống chi lại không có tình cha con, nghĩa vua tôi?”

Người kia lại hỏi: “Tội bất hiếu có ba điều, không con nổi dôi là tội nặng nhất.⁽²⁾ Đạo Phật dạy người tu không lập gia đình, như vậy không phải là dị đoan sao?”

Ngài Tông Bồn đáp rằng: “Ông nói vậy là sai rồi. Khổng Mạnh dựa theo nghĩa lý chứ chẳng dựa theo biểu hiện bên ngoài. Thuở xưa, hai ông Bá Di, Thúc Tề đều không con nổi dôi, hai ông Sào Phủ với Hứa Do cũng chẳng lưu lại giống dòng,⁽³⁾ thế mà đức Khổng tử khen là những bậc thánh có

⁽¹⁾ Ý nói do sự trung thành mù quáng với Nho giáo mà chê bai Phật giáo, không có sự phân biệt, lập luận gì.

⁽²⁾ Đây nói theo ý trong Kinh Lễ: Có ba điều bất hiếu: 1. Thuận theo ý sai quấy, đẩy cha mẹ vào chỗ lán điều bất nghĩa. 2. Nhà nghèo nhưng không chịu ra làm quan để lấy bổng lộc phụng dưỡng cha mẹ. 3. Không có con để nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên. Trong ba tội ấy, tội thứ ba được xem là nặng nhất.

⁽³⁾ Bá Di, Thúc Tề, Sào Phủ, Hứa Do đều là những bậc cao sĩ không màng danh lợi. Về sau đều vào ẩn cư trong rừng núi, không người nào có con

đức thanh khiết chứ không chê là bất hiếu. Huống chi đạo Phật mở rộng pháp mầu, lợi ích chúng sanh, cứu mình, cứu người. Cái đạo hiếu xuất thế đó, công đức chẳng phải lớn lắm sao? Nay ông chỉ biết cách sanh ra từ bào thai của người đời, chẳng biết rằng ở nước Phật còn có cách hóa sanh! Huống chi giáo lý nhà Phật có phương tiện linh hoạt, có quyền biến, có thật đích, có pháp đốn ngộ, có pháp tiệm tu. Người xuất gia thì hàng phục thân tâm, dứt hẳn việc dâm dục; còn người thế tục thì vợ chồng chung thủy, chẳng phạm việc tà dâm. Mục đích là giữ lòng trong sạch, dứt bỏ ham muốn, nào đâu có cấm việc sanh dưỡng nối dòng?”

Người kia lại nói rằng: “Một mảnh da, một sợi tóc đều là do cha mẹ sanh ra. Cha mẹ sanh ta ra toàn vẹn, phận làm con phải giữ gìn cho toàn vẹn trở về mới có thể gọi là hiếu. Nay thấy các thầy tăng đạo Phật cạo bỏ râu tóc thì hiếu ở chỗ nào?”

Tông Bồn đáp rằng: “Lời của ông thật chỉ biết lẽ gần mà chẳng biết lẽ xa, thấy việc nhỏ mà không thấy việc lớn. Xưa kia ông Thái Bá vẽ mình,⁽¹⁾ ông Kinh Kha liêu

cả. Tương truyền vua Nghiêu (2357–2256 trước Công nguyên) nghe tiếng Hứa Do là bậc hiền sĩ nên tìm đến, muốn giao phó ngôi vua. Hứa Do không nhận, nghe chuyện ấy rồi bèn đi xuống suối rửa tai. Gặp lúc Sào Phủ dắt trâu đi uống nước dưới suối, thấy lạ liền hỏi: “Ông vì sao phải rửa tai?” Hứa Do nói: “Vua Nghiêu muốn nhường ngôi vua cho tôi. Tôi lỡ nghe chuyện danh lợi ấy nên xuống đây rửa tai.” Sào Phủ nghe rồi liền nói: “Nếu ông thật không màng danh lợi thì vua Nghiêu sao biết đến ông?” Nói rồi không cho trâu uống nước nơi ấy mà dắt ngược lên đầu dòng, vì sợ trâu uống phải nước rửa tai của Hứa Do. Về sau, đức Khổng tử nghe việc ấy khen cả hai người là: “Thánh chi thanh.”

⁽¹⁾ Thái Bá là con trưởng vua Thái vương nước Châu. Biết ý cha muốn truyền ngôi cho con út là Quý Lịch, ông liền vẽ mình, cắt tóc, lánh qua xứ rợ Kinh Man để nhường ngôi cho em. Đức Khổng tử khen ông là hiếu, biết thuận lòng cha.

chết,⁽¹⁾ ông Tỹ Can mổ bụng,⁽²⁾ ông Giới Tử thiêu thân,⁽³⁾ đều là những sự hủy mình quá sức, nhưng thánh hiền đều khen là chí trung chí đức. Há nên vì sự chẳng bảo toàn thân thể mà trách được sao? Huống chi các vị *sa-môn* chuyên trì Giới hạnh, tu tập đạo pháp, cứu người si mê, độ người khổ não, và những việc thiêu thân, mổ bụng kia cũng đã xa xôi lắm rồi, nay còn nệ gì những chuyện nhỏ nhoi như râu tóc?

Người kia hỏi rằng: “Tăng đồ nhà Phật chẳng cày cấy mà ăn, chẳng nuôi tằm dệt vải mà mặc, là nghĩa lý gì?”

Tông Bồn đáp: “Vì chưa bằng Phật nên tạm ăn nhờ người khác, còn có thể được. Nay có những kẻ chưa được như Khổng Mạnh mà cũng ăn nhờ người khác thì sao?”

Đáp: “Nhà Nho ăn nhờ người khác là vì có công với thiên hạ.”

Tông Bồn nói: “Sự giáo hóa của đạo Phật cũng là có ích cho thiên hạ. Vì sao vậy? Những điều mà đạo Phật ân cần dạy dỗ người đời, không gì khác hơn là ngăn ngừa điều

⁽¹⁾ Kinh Kha là người nước Vệ vào đời Đông Châu (255–247 trước Công nguyên). Thái tử Đan nước Yên oán vua nước Tần bạo ngược, cầu người dũng sĩ làm thích khách, thành tâm cầu được Kinh Kha. Kinh Kha nhận lời hành thích vua Tần, sau việc bất thành nhưng vẫn biểu lộ dũng khí khiến người đời sau kính phục.

⁽²⁾ Tỹ Can là chú của vua Trụ (1154–1122 trước Công nguyên). Vua Trụ vô đạo, say mê Đắc Kỷ làm nhiều điều sằng bậy, Tỹ Can hết lời can gián. Vua Trụ không nghe còn nổi giận, muốn giết ông. Ông không chút sợ sệt, tự tay mổ bụng mà chết trước mặt vua.

⁽³⁾ Giới tử, tức Giới Tử Thôi, theo hầu công tử Trùng Nhĩ trong lúc lưu vong, có công lao rất lớn, đã từng tự tay cắt thịt đùi nấu cho Trùng Nhĩ ăn trong lúc đói. Sau Trùng Nhĩ về nước làm vua, tức là Tấn Văn công, khi ban thưởng quần công của Giới Tử Thôi. Ông không chút oán hận, lại muốn nhân đó tránh xa vòng danh lợi, liền cùng mẹ đi ẩn vào Miền sơn. Khi Tấn Văn công nhớ lại sai người tìm kiếm không được, biết ông đã vào núi bèn sai đốt núi, nghĩ rằng ông ắt phải công mẹ chạy ra. Không ngờ cả hai mẹ con cùng ôm nhau chết cháy chứ không chịu trở ra khỏi núi.

ác, khuyến khích điều lành. Ông không biết là Nho giáo cũng giống như vậy sao? Nay hãy đem chuyện trước mắt mà nói, đạo Phật dạy rằng những việc giết hại, trộm cắp, tà dâm là ba nghiệp ác của thân, còn Khổng tử thì nói: ‘Thắng sự bạo tàn, bỏ sự giết hại.’ Vua Thuấn lại chuộng đức hiếu sanh, ghét sự giết hại. Người học Kinh Thi nói rằng: Đức độ của Văn vương bao trùm cả chim muông, sâu bọ. Đó chẳng phải đều là ngăn việc giết hại hay sao?

“Việc ngăn ngừa trộm cắp thì chẳng cần xem ở lời nói. Vào thời đức Khổng tử làm quan, ngoài đường của rơi không có người nhặt, dù một lá cây, ngọn cỏ, nếu không được người trao cho thì chẳng xâm phạm đến. Như vậy làm gì còn có trộm cắp?

“Đức Khổng tử nói rằng: ‘Ta chưa thấy ai chuộng đức hạnh như chuộng sắc đẹp.’⁽¹⁾ Kinh Thi lại chê kẻ ưa chuộng đức hạnh vui thú với sắc đẹp. Đó chẳng phải đều là ngăn ngừa việc tà dâm hay sao?

“Phật dạy rằng những lời nói sai sự thật, nói thêu dệt, nói đâm thọc, nói xấu ác là bốn nghiệp ác của miệng. Còn Khổng tử nói: ‘Người mà không thể tin được, thật chẳng biết còn làm nên việc gì.’ Đó chẳng phải là ngăn ngừa việc nói sai sự thật hay sao? Ngài nói: ‘Kẻ nào trau chuốt lời nói và hình sắc hẳn là kém lòng nhân.’ Chẳng phải là ngăn ngừa lời nói thêu dệt đó sao? Kinh Thư dạy rằng: ‘Người chớ hòa theo trước mặt mà có lời xấu sau lưng.’ Chẳng phải là ngăn ngừa lời nói đâm thọc đó sao?

Lời nói xấu ác là chỉ chung từ những bộc lộ sự giận dữ,

⁽¹⁾ Ý nói khuynh hướng chung của người đời ai cũng ưa thích sắc đẹp mà ít quan tâm đến đức hạnh. Khổng tử nói câu này là có ý răn đe, nhắc nhở người đời.

hung ác, cho đến những lời nhơ nhớp, tục tĩu? Tuân tử nói rằng: ‘Lời nói tổn hại người, sâu độc hơn gươm giáo.’ Chẳng phải là ngăn ngừa lời nói xấu ác đó sao?

“Phật dạy rằng lấy tham lam, sân hận, si mê là ba nghiệp ác của ý. Khổng tử nói: ‘Thấy điều lợi, nhớ điều nghĩa.’ Đó chính là ngăn ngừa lòng tham. Ngài nói: ‘Bá Di, Thúc Tề chẳng nhớ đến việc xấu ngày trước của người.’ Đó chính là ngăn ngừa sân hận, chẳng để tâm giận người khác. Ngài lại nói: ‘Đã ngu si mà chẳng chịu khó học tập, đó là hạng người thấp kém vậy.’ Đó chính là ngăn ngừa si mê.

“Theo đó mà nói, Nho giáo với Phật giáo chưa hẳn là bao giờ cũng khác nhau. Nếu có chỗ khác nhau, đó là Nho giáo chỉ dừng ở pháp thế gian mà thôi, còn Phật giáo lại có thêm pháp xuất thế gian nữa. Nho giáo chỉ nói có một đời sống này và mọi việc đều quy về cho trời, còn Phật giáo thì thấu rõ được ngọn nguồn của nghiệp duyên nhiều kiếp. Đó là chỗ khác nhau vậy.

“Nếu muốn biết những chỗ sâu xa vi diệu của đạo Phật, nên tìm đọc những kinh Lăng Nghiêm, Lăng-già, Viên giác và phải hiểu thấu được giáo lý kinh Kim cang. Nếu được vậy, có thể vượt ra khỏi vòng luân hồi sanh tử. Còn chưa được như vậy mà đã vội bác bỏ, ắt phải rơi vào chỗ đức Khổng tử cho là: ‘Kẻ không biết mà vẫn làm.’ Há chẳng nên tự răn lấy mình sao? Nếu thật được vậy, ắt sẽ thấy đạo Phật là đáng tin theo. Như nói về Tịnh độ, lẽ nào lại không tin sao? Nói về pháp xuất thế gian thì Tịnh độ càng là pháp môn cốt yếu, không thể không gắng sức làm theo.

“Lại nữa, *Năm giới* của đạo Phật là không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, cũng như *Ngũ thường* của Nho giáo là *nhân, nghĩa, lễ, tín, trí*.

“Không giết hại là chỗ cao tốt của *nhân*, không trộm cắp là sự liêm chính của *nghĩa*, không tà dâm là lễ đúng của *lễ*, không nói dối là chỗ đạt đến của *tín*, không uống rượu là sự sáng suốt của *trí*.

“Người xưa nói: ‘Trong một làng có trăm nhà, nếu mười người giữ theo *Năm giới* thì có mười người thuần phác, cần trọng. Trong một ấp có ngàn nhà, nếu trăm người tu theo *Mười điều lành* thì có trăm người được hòa hợp, thuận thảo. Cho nên, làm được một điều lành thì trừ được một điều xấu, trừ được một điều xấu thì dứt được một hình phạt, mỗi nhà dứt được một hình phạt thì cả nước dứt được muôn vạn hình phạt! Như vậy thì lời dạy của đức Phật quả là rất lợi ích cho việc giáo hóa đời sống tốt đẹp.

“Ôi! Nếu như người ta ai cũng giữ theo *Năm giới*, tu theo *Mười điều lành*, thì mọi hình phạt trong nước có thể bỏ đi không dùng đến, người người đều có thể ngồi yên hưởng cảnh thái bình. Nếu được như vậy thì còn có thể cảm động đến trời xanh, khiến cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, hỏa hoạn chẳng sanh, giặc cướp tiêu tan, tai ương dứt hết. Những lợi ích như vậy chẳng những là đối với sự giáo hóa đời sống nhân dân, mà còn là có lợi cho sự tồn vong của đất nước nữa.

“Sách Liên tông bảo giám chép rằng: ‘Nếu một người có thể thực hành theo đạo Phật, đem đạo ấy mà dạy trong nhà, một nhà dạy cho một làng, một làng truyền ra một

nước, truyền mãi ra khắp nơi thì người trong thiên hạ đều thấm nhuần đạo đức, tinh thần chói sáng, hình tướng chân thật, có thể thẳng đường tiến lên đến cảnh giới của chư Phật, há chỉ là làm kẻ thiện nhân, người quân tử thôi sao? Được như vậy thì còn lo gì không có những sự trung hiếu, lễ nghĩa?

“Theo đó mà xét, chẳng phải lời dạy của đức Phật với lời dạy của đức Khổng tử là trong ngoài hợp nhau để cùng giáo hóa sự tốt đẹp cho người đó sao?

“Người đời nay phần nhiều chẳng xét chỗ nguyên do, chỉ thấy kẻ hư hỏng trong đạo Phật mà giận lây tới Chánh pháp. Há nên vì một đạo sĩ hư hỏng mà khinh đức Lão tử, vì một nhà Nho thoái hóa mà khinh đức Khổng tử hay sao? Người có trí tuệ không vì sự hèn kém của một người mà chê bỏ lời nói đúng của người ấy, huống chi có thể vì một đệ tử xấu mà khinh chê cả Giáo pháp hay sao? Như vậy có khác chi vì Đan Châu, mà đổ tội cho vua Nghiêu, vì Thương Quân mà đổ lỗi cho vua Thuấn,⁽¹⁾ hoặc vì uống thuốc chẳng đúng liều lại trách vua Thần Nông,⁽²⁾ vì nhóm lửa cháy nhà lại oán vua Toại Nhân⁽³⁾ đó sao?

“Kẻ ngu này chẳng có tài, chỉ học đạo Phật được mấy năm thôi, đã lãnh hội được tôn chỉ một cách thô sơ, nhưng

(1) Vua Nghiêu (2357–2256 trước Công nguyên) là bậc Thánh vương nhưng sanh con là Đan Châu hư hỏng, nên vua Nghiêu truyền ngôi cho ông Thuấn. Vua Thuấn trị vì từ năm 2255 đến 2206 trước Công nguyên, cũng là bậc Thánh vương nhưng sanh con là Thương Quân kém cỏi, nên vua Thuấn lại truyền ngôi cho Đại Vũ.

(2) Vua Thần Nông (2697–2598 tr. CN) vì thương dân nhiều bệnh tật nên tự mình nếm thử tất cả các loại cây cỏ, hoa trái, tìm ra công năng trị bệnh của từng loại. Người đời sau tôn xưng ngài là ông Tổ phát minh ra ngành y học phương Đông.

(3) Vua Toại Nhân là người dạy cho dân biết dùng cây lấy lửa và dùng để nấu nướng thức ăn.

có lòng muốn nâng đỡ kẻ vấp ngã, chẳng dám để riêng ở mình mà muốn làm của chung cho mọi người, mong cứu lấy những mối nguy hại sau này.

“Chỉ ước mong sao, người cai trị muôn dân chẳng gây sự nguy hại, Tam giáo cùng truyền bá khắp nơi không ngưng trệ. Nhờ có người cai trị nên giúp cho Tam giáo được hưng thịnh. Nhờ có Tam giáo nên giúp cho sự cai trị giáo hóa của người. Cũng như trời có *Tam quang*,⁽¹⁾ như người có *Tam cang*,⁽²⁾ như cái vạc có ba chân, không thể thiếu một.

“Hơn nữa, trong hàng tăng sĩ chẳng ai được như ngài Đạo An, mà giao du với ông Tập Tạc Xỉ là vì tôn kính Nho

⁽¹⁾ Tam quang: Ba nguồn ánh sáng, chỉ mặt trời, mặt trăng và các vì sao.

⁽²⁾ Tam cang: Ba giềng mối, chỉ đạo vua tôi, cha con và chồng vợ.

毒峰善禪師三教一理述

夫空劫之先，無相有覺，虛明寂照，為天地之根。降本流末，為萬道之祖。還源返本，為一法之宗。追之不見其首。伺之不聞其後。不可以智知。不可以相睹。唯真聖者，自內所證而知。

昔有僧問香巖云，如何是道。

巖云。枯木裏龍吟。

giáo; chẳng ai được như ngài Huệ Viễn, mà ân cần tiễn ông Lục Tu Tĩnh đi quá cầu Suối Cọp⁽¹⁾ là vì trân trọng Đạo giáo. Tôi ngưỡng mộ hai vị cao tăng tôn trọng Nho giáo và Đạo giáo, biết đâu trong hàng Phật tử lại chẳng có người chê trách? Nhưng mình đã tôn trọng họ, lẽ nào họ lại khinh khi mình sao? Xin hãy tin vào việc làm của hai ngài Đạo An và Huệ Viễn, ấy là điều nên noi theo vậy. Kinh Thi chép rằng: ‘Muốn đẽo cán búa, phải noi theo cái cán búa cũ thì không khó.’ Mạnh tử nói: “Thuận theo thời không bằng lợi về địa thế; lợi về địa thế chẳng bằng hòa hợp lòng người.’ Thật đúng là như vậy!

⁽¹⁾ Ngài Huệ Viễn ẩn cư có lời thể không theo đường xuống núi qua khỏi cầu Suối Cọp (Hồ Khê). Khi có đạo sĩ Lục Tu Tĩnh và Đào Uyên Minh đến thăm chơi, ngài ân cần tiễn khách về, vô tình đi quá cầu Suối Cọp. Khi nhìn xuống thấy bóng mình soi dưới nước mới nhớ lại lời thể. Khi ấy cả ba người cùng phá lên cười về việc ấy.

Độc Phong Thiện Thiên sư: Tam giáo nhất lý thuật

Phuởkhoàng kiếp chi tiên, voátôông hõu giầu, hồ minh tồch chieá, vi thiến nũa chi cầ. Giàng boả lờu maít, vi vàn ãnõ chi toả Hoan nguyênn phầm boả, vi nhấ phạp chi tồng. Truy chi baá kiế kyothuú Tôuchi baá vàn kyõhañ. Baá khau dó trí tri. Baá khau dó tồông ãoá Duy chầ thành giầu tõi ão sôuchồng nhi tri.

Tích hõu taàng vàn Hõng Nham vàn: Nhõ haòthò ãnõ?

Nham vàn: Khoảmoả lyùlong ngầm.

僧云。如何是道中人。

巖云。骷髏裏眼睛。

具得這手段，可以論三教。故如如居士，三教一理論云。

硬似綿團軟似鐵。

六月炎天一點露。

柱燈籠笑點頭。

啞子得夢向誰說。

古來三教強安名。

釋迦掩室於摩竭。

夫子謂點而識之。

老聃謂大辨若納。

直饒剖破作一家。

不免落在第二月。

翻憶東坡居士言。

盡把三教俱漏泄。

山色無非清淨身。

溪聲便是廣長舌。

便恁麼去，非特法堂前草深一丈，至盡法界無一人堪為種草。

Taêng vaân: Nhö haøthò ñaõ trung nhaân.

Nham vaân: Khoâlaân lyùnhân tình.

Cuï ñaé giaùthuûñoãn, khaùdó luaân Tam giaù. CoáNhö Nhö cö só Tam giaù nhaá lyùluaân vaân:

Ngạnh tợ miên đoàn nhuyễn tự thiết.

Lục nguyệt viên thiên nhất điểm tuyết.

Lộ trụ đặng lung tiểu điểm dầu.

Á tử đắc mộng hướng thùy thuyết.

Cổ lai tam giáo cường an danh.

Thích-ca yếm thất ư Ma-kiệt.

Phu tử vị mặc nhi thức chi.

Lão Đam vị đại biện nhược nạp.

Trực nhiều phẫu phá tác nhất gia.

Bất miễn lạc tại đệ nhị nguyệt.

Phiên úc Đông Pha cư sĩ ngôn.

Tận bả Tam giáo câu lậu tiết.

Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân.

Khê thanh tiện thị quảng trường thiết.

Tieân nhaân ma khòu phi ñaõ phạp ñoông tieân thaù thaân nhaá tröông, chí taân phạp giòu voânhaá nhaân kham vi chùng thaù.

從上聖人，興慈運悲，愍世流浪。不免捺下雲頭，於第二門淺近處，誘引諸子。使當去古漸邈之時，若不為通一綫路。斯民詭譎日甚，且將為魑為魅而不返。是以三聖人同生於有周，主盟正教。儒教，教之以窮理盡性。釋教，教之以明心見性。道教，教之以修真煉性。唯此一事實，餘二則非真。是各人胷中自有三教渾然，切不可向外，騎牛覓牛去也。

故前輩云。

一釋一道一儒流。
三人共話幾春秋。
不知說箇何蓮事。
直至如今笑未休。

此詩渾無一點食烟火氣味，始於三教無負。

若曰齊家治身，致君澤民，此特儒者之餘事。若曰嗇精養神，飛仙上昇，此特道家之麤迹。若曰越死超生，自利利人，此特釋氏之筌第耳。

吁。一字三寫，烏焉成馬。後世傳訛，將謂三教止於麤迹。往往承虛接響，忘本逐末。

Tung thōông thành nhân, hōng tōovăn bi, mǎn theälou laōng. Bǎi miǎn nǎi hǎivăn nǎi, ǒ nēnhò mòn thiǎn cǎp xōu dui dǎn chō tōu Sōũnōōng khōucoatiēm mǎ chi thōu, nhōōc bǎi vò thōng nhǎi tuyǎn lǎ Tō dǎn quyūquyēi nhǎi thǎm, thaütōōng vi vōōng vi mò nhi bǎi phǎm. Thò dó tam thành nhân nōōng sanh ǒ hōũ chǎu, chuūminh chǎnh giǎu. Nho giǎu, giǎu chi dó cung lyūtaǎn tǎnh. Thích giǎu, giǎu chi dó minh tǎm kiǎn tǎnh. Nǎo giǎu, giǎu chi dó tu chǎn luyēn tǎnh. Duy thōūnhǎi sōi thǎi, dō nhò tǎc phi chǎn. Thò cǎu nhǎn hung trung tōihōũ tam giǎu hoàn nhieūn, thiǎi bǎi khǎu hōōng ngoǎi, kī ngōu mòch ngōu khōūdaō

Coatiēm boǎ vǎn:

Nhất thích nhất Đạo nhất Nho lưu.
Tam nhân cộng thoại kỷ xuân thu.
Bất tri thuyết cá hà niên sự.
Trực chí như kim tiểu vị hưu.

Thōūthi hoàn vōanhǎi nīēn thōc yēn hoũ khí vò, thuyē ǒ Tam giǎu vōaphui

Nhōōc viǎi teǎgia trò thǎn, trí quǎn trǎch dǎn, thōūnǎc Nho giǎuchi dō sōi Nhōōc viǎi sǎc tinh dōōng thǎn, phi tiēn thōōng thōng, thōūnǎc Nǎo gia chi thōátich. Nhōōc viǎi viǎi tōūsieū sanh, tōilōi lōi nhǎn, thōūnǎc Thích thò chi thuyēn nēnhó

Hu. Nhǎi tōi tam tǎi oǎ yēn thǎnh mǎo Hǎi theátruyēn ngoa, tōōng vò tam giǎu chǎo thōátich. Vǎng vǎng thōa hō

但以耳目所可接者，爭是較非。甚至言戟交攻，辭鋒競射。豈不見聖門有云。我之大賢也，於人何所不容。况三教聖人，各有門戶。要其至極處，未始不一。是皆不能容人之量，是己非人。

及言自己性命者，盡指為虛無恠誕之語。終日喚假為真，認賊為子。至於每日承他恩力一點子，問著全未有正見正語。既無見悟。一旦翻身歸去，且道路頭向甚處去。轉見如癡如醉，不識下落。如是見解，又卻不謂之虛無恠誕也。

若善論三教，當略去其糠粃，別覓轉身一著，可也。呼。我知之矣。運甕者，必在甕外。若坐甕中，不能運甕。既自埋沒於是非境中，終不謂之善論三教者。

須是具活捉長鯨底手段，生擒猛虎底機鋒，迴然獨脫於三教之表。始可出坎井，而語東海也。苟區區拾前人之喀唾，竊紙上之陳言。而欲是此非彼，其不見笑於大方者，鮮矣。

tiếp hōông, vong boan trưc maĩ. Nãĩn dó nhó muc sôukhaũtiếp
giaũ tranh thò giaũ phi. Thaĩn chí ngoĩn kích giao coĩng, tồ
phong cãnh xãĩ Khôũ baĩ kieĩn thãm hãm hõũ vaĩn. Ngaĩchi
ĩĩĩ hieĩn daĩ ỗ nhĩn haosũbaĩ dung. Huoĩng tam giaũ thãm
nhĩn, cãũ hõũ moĩn hoĩ Yeũ kyũchĩ cõĩ xõũ vò thuỹ baĩ nhĩn.
Thò giai baĩ naĩng dung nhĩn chi lõĩng, thò kyũphi nhĩn.

Caĩp ngoĩn tũĩ kyũtãm hãm giaũ taĩn chãvi hõ voĩquũ
ĩĩĩn chi ngõũ Chung nhĩn hoãm giaũvi chãĩn, nhĩn taĩ vi tũũ
Chĩ ỗ moĩ nhĩn thõũ tha aĩn lõĩ nhĩn nĩĩn tũũ vaĩn trõũũ
toãm vò hõũ chãĩn kieĩn chãĩn ngõũ Kyũvoĩkieĩn ngoĩ Nhaĩ
ĩĩĩn phiĩn thãm quy khõũ thaũĩĩn loĩĩĩn hõĩng thãm xõũ
khõũ Chyeĩn kieĩn nhõ si nhõ tuyũ, baĩ thõũ haĩlaĩ. Nhõ thò
kieĩn giaũ, hõũ khõũũ baĩ vò chi hõ voĩquũ nĩĩn daĩ

Nhõũũ thieĩn luaĩn Tam giaũ, nĩĩng lõũũ khõũkyũkhang
chuyũ, bieĩ mòch chyeĩn thãm nhĩn trõũũ, khaũdaũ Hu. Ngaĩ
tri chi hyũ Vaĩn ùng giaũ taĩ taĩ ùng ngoĩĩ. Nhõũũ toũ ùng
trung, baĩ naĩng vaĩn ùng. Kyũtũĩ mai moĩ ỗ thò phi cãnh
trung, chung baĩ vò chi thieĩn luaĩn tam giaũ giaũ

Tu thò cũĩ hoũĩ trũũ trõũũng kinh nĩĩthũũĩnoĩn, sanh cãm
maĩn hoĩĩĩcô phong, hoĩ nhieĩn nĩũ thõũũ ỗ tam giaũ chi
bieĩũ. Thuỹ khaũxuaĩ khaĩn tanh, nhi ngõũũNoĩng haĩ daũ Caũ
khu khu thaũp tieĩn nhĩn chi khaũũ thõũũ, thieĩ chãũhõĩng chi
traĩn ngoĩn. Nhi duĩ thò thõũũphi bũ kyũbaĩ kieĩn tieũũ ỗ nĩĩ
phõũng giaũ tieĩn hyũ

又有一說。書曰。非知之難，行之唯難。當老病未至之時，誰不能高談闊論。說心說性，毀斥古人。談玄說妙，出人意表。及觀十二時中，行持履踐。寧無一念貪愛喜怒，芥蒂於胸中。寧無一念酒色財氣，聾聵於正見。

仰視夫子之默識一貫，顏子之心齋坐忘，老子之抱一守朴，莊子之鵬鷖逍遙，世尊之拈華為笑，達磨之得皮得髓，恐古聖人未必如是行持也。故夫子曰。先行然後從之以言。未聞如患腳法師，能說而不能行也。

所以雪峰云。過了須是行持。若不行持謂之乾慧。臨生死利害處，終不得力。是知不在多言，顧力行之何如耳。

自古鼎分三教，相資為用。正如國家用丘器，豈得已哉。

使後世人相於忘隣牆不相往來之域，清風颯至，無日不是羲皇上人。

吾知三聖人，决不向平地上起風波。爭柰今人不古，見地不古，踐履不古。所謂。

Höü höü nhá thuyé. Thi vieá: Phi tri chi nan, hánh chi duy nan. Nõông laõ beäh và chí chi thõ, thuy bá nàng cao ñam khoat luañ? Thuyé tâm thuyé tâm, huý xích cóa nhân. Nãm huyen thuyé dieü, xuat nhân yubieü. Cap quan thap nhõ thõ trung, hánh trì lyütieñ. Ninh voánhá nieñ tham aü hyünoä giõü ñeáo hung trung. Ninh voánhá nieñ töü saé taü khí, lung coáo chành kieñ.

Ngõõng thõ Phu töüchi mã thõ nhá quãm, Nhan töüchi tâm trai toái võng, Laõ töüchi baõ nhá thuúphaü, Trang töüchi báng yeñ tieü dieü, TheáToán chi nieñ hoa vi tieü, Nãtma chi ñaé bi ñaé tuy, khuñg coáthành nhân và táü nhõ thõ hánh trì daõ CoáPhu töüvieá: Tieñ hánh nhieñ haü tung chí dó ngoñ. Và vãn nhõ hoãn cõõü phap sõ, nàng thuyé nhi bá nàng hánh daõ

Sõudó Tuyé Phong vãn: Ngoälieü tu thõ hánh trì. Nhõõc bá hánh trì, và chí cam hueä Lañ sanh töülõü hai xõü chung bá ñaé löc. Thõ tri bá tai ña ngoñ, coälöc hánh chí hánh nhõ

Tõi coáñanh phañ Tam giaõ, töng tö vi düng. Chành nhõ quoa gia düng binh khí, khõü ñaé dó tai.

Sõühaü theánhân nhân töng õ vong lañ töõng bá töng vaõng lai chí võc, thanh phong tap chí, voánhá bá thõ Hy, Hoang thõõng nhân.

Ngoá tri tam thành nhân, quyé bá höõng bình ñõ thõõng khõü phong ba. Tranh ña kim nhân bá coá kieñ ñõ bá coá tieñ yubaá coá Sõüvè.

口頭說得千般妙，
下腳難忘一點塵。

聖人不得不曲垂一隻手。

嘗觀宋朝，無垢居士張狀元，一自登科之後，未嘗不遊戲禪林三昧。忽朝謁妙喜禪師，論格物之旨。喜云。公只知格物，不知有物格。公曰。師豈無方便耶。喜與明皇幸蜀以劍擊閬守像話。公聞之，頓悟玄旨，遂作偈云。

子韶格物，
妙喜物格。
要識一貫，
兩箇五陌。

果是具眠知音，但看這般公案，豈三教之所能窒礙於人者乎。不然，更聽亂說一偈。

三教由來古有之，
休將黃葉止兒啼。
衝開碧落松千尺，
截斷紅塵水一溪。

*Khẩu đầu thuyết đắc thiên ban diệu.
Hạ cước nan vong nhất điểm trần.*

Thành nhân bất nại bất khuê thuy nhất chỉch thuê

Thôngh quan Tông triêu, VôCaâu cõ số Trõng Trãng
nguyeân, nhất tõi ñaêng khoa chi haäu, vô thõng baü du hyü
Thiën laâm Tam-muõì. Hoá triêu yeá Dieäu Hyüthiën sõ, luañ
caüh vaü chi chà Hyüvaân: Công chàtri caüh vaü, baü tri hõu
vaü caüh. Công vieát: Sõ khõu vôphõng tieñ da. Hyücõu
Minh Hoang hanh Thuë dó kieãm kích Laõng thuëtõõng thoai.
Công vañ chi, ñoán ngoähuyeñ chà toai taù keävân:

*Tử thiêu cách vật.
Diệu hỷ vật cách.
Yếu thức nhất quán.
Lưỡng cá ngũ mạch.*

Quaùthõ chàñ nhañ tri aâm, ñañ khãm giaùban công aâm,
khõu Tam giaù chi sõunaêng traü ngai ò nhañ giaùhoà Baü
nhieñ, caüh thính loañ thuyet nhất keä

*Tam giáo do lai cổ hữu chi.
Hưu tương hoàng diệp chỉ nhi đề.
Xung khai bích lạc tùng thiên xích.
Tiệt đoạn hồng trần thủy nhất Khê.*

余嘗謂眾曰。儒吾履也。道吾冠也。釋吾衣也。於斯三者苟闕其一，猶跣其足而強行千里，露其首而欲見大賓，裸其形而擬朝天子，其爲君子乎。

余固，豈能盡三聖人之道。幸蚊蚋欲海，亦預其味。遂敬繪是像隨身瞻禮，表全圓極無外之誠。仍述斯文，要人各復自性之實。爲是故，敘之云耳。

2. Độc Phong Thiện Thiên sư: Tam giáo đồng một lý

Trước khi vũ trụ này hình thành vốn không có hình tướng, chỉ có cái trí giác, sáng suốt rỗng không, lặng lẽ soi chiếu, là cội nguồn của trời đất. Sa xuống thành gốc, chảy lên thành ngọn, là thủy tổ của muôn vật; quay về nguồn, trở lại gốc, là tông chỉ của một pháp. Tìm theo cũng chẳng thấy phần trước, xét kỹ cũng chẳng rõ phần sau, không thể lấy trí suy xét mà biết, không thể dùng hình tướng mà thấy, duy chỉ có bậc chân thánh do chỗ chứng đắc trong lòng mà tự biết được.

Xưa có một vị tăng hỏi ngài Hương Nham: “Thế nào là Đạo?”

Dö thöông vò chùng vieät: Nho ngoalyudaõ Nãb ngoâquan daõ Thích ngoây daõ Ö tö tam giaucaai khuyeä kyønhai, du tieän kyøtuè nhi cöông hanh thieän lyù löäkyøthuñhi dưë kieän ñaï taän, loã kyøhình nhi nghó trieäu Thieän töü kyøvi quaän töü hoà

Dö coá khöü naäng taän tam thanh nhân chi ñaõ. Hành vañ nhueáam hañ, dieä döi kyøvò. Toaï kính hoã thò töông tuy thaän chieän læ bieäu toam vieän cöc voangoai chi thanh. Nhöng thuaä tö vañ, yeäu nhân caù phuë töitämh chi thaä. Vi thò coá töichi vañ nhó.

Ngài đáp: “Rỗng ngâm trong cây khô.”

Lại hỏi: “Thế nào là người trong đạo?”

Đáp: “Tròng mắt trong sọ khô.”

Nếu đạt được như vậy mới có thể bàn luận về Tam giáo. Cho nên, trong bài luận *Tam giáo nhất lý* của cư sĩ Như Như có viết:

*Cứng tợ bông gòn, mềm tợ sắt,
Tháng sáu dương nóng, trời rơi tuyết,
Cây trụ lồng đèn gật đầu cười,
Người cầm chiêm bao nói với ai?*

Tam giáo xưa nay gương đặt tên!
 Thích-ca đóng cửa ở Ma-kiệt,⁽¹⁾
 Khổng tử từng bảo: Lặng mà ghi.
 Lão tử dạy: Lặng yên đại biện.
 Mặc cho phá bể làm một nhà,
 Chẳng khỏi rút ra hai mặt nguyệt.
 Lại nhớ lời cư sĩ Đông Pha:
 Dem cả Tam giáo mà thổ lộ,
 Sắc núi hấn là thanh tịnh thân,
 Tiếng suối thật là lưỡi dài rộng.

Nếu thấu hiểu rõ ràng như thế, thì chẳng những ngay trước Pháp đường cỏ cao một trượng, mà cho đến khắp cõi pháp giới cũng không còn một người nào có thể trông cỏ nữa.

Từ trước, Phật Thánh ứng lòng từ, vận lòng bi, thương xót người đời trôi giạt, chẳng khỏi bị nhận dưới đầu mây, bèn ở nơi cửa thứ hai là chỗ cạn dần mà dạy dỗ họ, khiến họ bỏ những việc xa cách lâu đời. Nếu Phật Thánh chẳng khai thông cho người đời một nẻo đường, thì những người này ngày càng giả dối, sẽ làm ma làm quỷ mà chẳng quay đầu lại được.

Bởi vậy cho nên ba vị thánh nhân đều sanh ra nhằm đời Hữu Chu,⁽²⁾ chủ trương hòa hiệp Chánh giáo. Nho giáo dạy

⁽¹⁾ Đức Phật sau khi thành Chánh giác, nhận thấy rằng người đời rất khó nhận hiểu được Chánh pháp nên ngài lặng thinh suy nghĩ mà không Chuyển pháp luân. Sau vì có Phạm vương nhiều lần khuyến thỉnh nên ngài mới bắt đầu tùy nghi phương tiện mà phân ra thuyết thành Tam thừa, dẫn dắt chúng sanh từ dễ đến khó để thể nhập dần dần vào Chánh pháp.

⁽²⁾ Ba vị Thánh nhân đều sanh ra nhằm đời nhà Chu của Trung Hoa: Đức

người đời cùng lý tận tánh; Phật giáo dạy người đời mình tâm kiến tánh; Đạo giáo dạy đời tu chân luyện tánh. Chỉ một việc ấy là thật, nếu nói khác đi thì chẳng phải thật. Đó là tự nơi lòng mọi người đều sẵn có Tam giáo, không thể hướng ra bên ngoài mà tìm được, cũng như người cưỡi trâu mà đi kiếm trâu thì không khi nào thấy được.

Người xưa có thơ rằng:

Một Phật, một Lão, một Khổng Khâu,
 Ba ông trò chuyện đã bao lâu?
 Chẳng hay nói việc năm nào đó?
 Mãi đến hôm nay cười chẳng thôi!

Bài thơ không có một mảy ý vị ăn khói nuốt lửa,⁽¹⁾ như vậy mới không trái với Tam giáo!

Nếu nói “*tu sửa tự thân, chấn chỉnh gia đình, giúp vua trị dân*”, đó chẳng qua là những việc thừa của nhà Nho mà thôi. Nếu bảo “*chứa tình dưỡng thân, thành tiên bay cao*”, đó chẳng qua là vết thô của nhà Đạo mà thôi. Nếu nói “*siêu sanh thoát tử, lợi mình lợi người*”, đó cũng chẳng qua là phương tiện của nhà Phật mà thôi.

Than ôi! Một chữ viết lại ba lần, chữ ô (烏) thành chữ yên (焉) rồi thành chữ mã (馬)! Người đời sau truyền trao lầm lạc, đều chỉ nói được chỗ hình tích thô phác của Tam

Lão tử sanh vào đời Chu Định Vương (năm 605 trước Công nguyên), đức Thích-ca sanh vào đời Chu Tương Vương (năm 624 trước Công nguyên); đức Khổng tử sanh vào đời Chu Linh Vương (năm 551 trước Công nguyên, như vậy là đều nhằm đời nhà Chu của Trung Hoa.

⁽¹⁾ Không có một mảy ý vị ăn khói nuốt lửa: Ý nói không liên quan, dính dấp gì đến việc tu đạo.

giáo mà thôi. Thường chỉ là theo chỗ trống không mà tiếp lấy tiếng dội, quên gốc theo ngọn. Họ chỉ lấy chỗ tai nghe mắt thấy mà tiếp nhận, mà giành phải so quấy thôi. Thậm chí dùng lời nói như ngọn giáo mà đâm nhau, dùng văn từ như mũi tên mà bắn nhau! Thánh nhân nói: “*Ta là bậc đại hiền chẳng? Vậy có ai mà ta chẳng bao dung?*”⁽¹⁾ Huống chi, thánh nhân trong Tam giáo đều có tông môn, mà chỗ cao viễn cùng tột chưa từng sai khác! Nhưng người đời chẳng có lượng bao dung kẻ khác, lấy mình làm phải, cho người là quấy. Gặp khi bàn đến chuyện sống chết của chính bản thân mình thì lại thốt ra những lời rỗng tuếch quái gở! Suốt ngày lấy giả làm thật, nhận giặc làm con. Cho đến mỗi ngày thường nhận lấy ân điển, sức lực từ kẻ khác, khi hỏi đến thì chẳng có lấy một lời chân chánh, một chút thấy biết chân chánh! Đã không có chỗ thấy biết, chứng ngộ, thì một ngày kia đến lúc ra đi⁽²⁾ biết đường nào mà thẳng tiến? Khi ấy mới trở thành ngu si, mê muội, dù đọa lạc đến đâu cũng không tự biết. Kiến giải như vậy chẳng phải là rỗng không quái gở lắm sao?

Như thật giỏi luận về Tam giáo thì nên bỏ những điều cặn bã, riêng tìm lấy một chỗ để quay mình, như vậy mới được. Ôi! Ta đã biết lẽ ấy rồi! Như người muốn đời cái lu, ắt phải ở bên ngoài. Nếu đứng vào trong lu thì làm sao đời đi được? Tự mình đã vướng chìm vào trong sự phải quấy, rốt cuộc chẳng đáng gọi là kẻ giỏi luận về Tam giáo!

⁽¹⁾ Câu này do ngài Tử Trương nói ra, ghi trong sách *Luận ngữ*, chương 19, tiết 3.

⁽²⁾ Ý nói khi lìa bỏ kiếp sống này, tái sinh về cảnh giới khác.

Cần phải có được cái phương cách bắt lấy cá kinh dài, cái cơ phong bắt sóng được cộp dũ, riêng thoát ra khỏi cái vẻ ngoài của Tam giáo; cũng như trước phải ra khỏi hầm giếng, rồi sau mới nói tới chuyện biển Đông! Nếu chỉ bo bo nhặt lấy đồ khạc nhổ của tiền nhân, học những lời cũ ghi trên giấy mà muốn nhận lấy điều này, bác bỏ điều kia thì chẳng khỏi bị thiên hạ chê cười!

Kinh Thư nói rằng: “*Biết chẳng phải là khó, thực hành mới khó.*” Khi sự già nua, bệnh tật còn chưa đến, ai ai cũng có thể nói hay nói giỏi. Nào là giảng tâm nói tánh, chê bai cổ nhân, luận huyền thuyết diệu, lỗi lạc hơn người. Đến khi quan sát kỹ mọi hành vi trong ngày, há không có một niệm tham lam, yêu thích, mừng vui, tức giận bám chặt trong lòng đó sao? Há không có một ý nghĩ về rượu thịt, nữ sắc, tài khí làm che mờ sự thấy biết chân chánh đó sao?

Đức Khổng tử dạy lắng nghe mà ghi nhận, xét một lẽ mà rõ thông tất cả. Ngài Nhan Hồi muốn giữ lòng trong sạch, Khổng tử dạy rằng đừng nghe bằng tai, chỉ nghe bằng tâm, nên suốt ngày ngồi lặng thính mà quên đi hết thảy. Lão tử dạy giữ lấy một lý để trong sạch tinh thần, tự mình giữ lấy thể chất của mình. Trang tử dạy giữ lòng không hệ lụy, như cánh chim bằng bay một mạch chín muôn dặm từ biển Bắc qua biển Nam. Đức Thế Tôn trong pháp hội cầm một cành hoa đưa lên mà chỉ có ngài *Ca-diếp* nhoẻn miệng cười. Ngài *Đạt-ma* truyền pháp, Đạo Phó được phần da, Huệ Khả được phần tủy. Chỉ e rằng

những bậc thánh trước kia chưa hẳn đã hành xử giống như các vị. Cho nên đức Khổng tử dạy rằng: “Hãy làm trước, rồi sau mới nói theo chỗ đã làm.” Chưa từng nghe như kẻ què chân giảng pháp, chỉ nói được mà không làm được!

Thế nên ngài Tuyết Phong dạy: “Hiểu biết rồi, cần phải hành trì. Nếu chẳng hành trì thì sự hiểu biết ấy chỉ là cái trí chết khô. Gặp khi đối mặt với sống chết, rốt cùng chẳng có chút sức lực.” Cho nên biết rằng, chẳng do sự nói nhiều, chỉ xem việc làm được thế nào mà thôi.

Từ xưa, Tam giáo phân ra như ba chân của cái vạc, chỗ dùng nương nhau, chính như nước nhà dùng binh khí, há có thể bỏ được sao? Nếu đời sau ai nấy đều quên mất cái tường ngăn cách tình làng nghĩa xóm, thì mỗi khi gió mát thổi đến, không ngày nào chẳng là ngày thái bình như đời Phục Hy, Hoàng Đế!⁽¹⁾

Ta biết rằng ba vị Thánh nhân quyết chẳng có ý gây sự tranh chấp thị phi, chỉ vì người đời nay khác người đời xưa, chỗ kiến thức khác xưa, mà sự hành xử cũng khác xưa. Cho nên có lời này:

*Đầu miệng nói ra ngàn tiếng đạo,
Dưới chân khó mất chút bụi trần!*

⁽¹⁾ Phục Hy, Hoàng Đế là hai vị Thánh vương đời Thái cổ ở Trung Hoa. Vua Phục Hy giáo hóa nhân dân, vạch ra Bát quái và sáng lập văn tự. Hoàng Đế mở mang nghề làm thuốc. Người dân sống trong hai đời vua ấy được hưởng cảnh thái bình, an vui.

Cho nên, Thánh nhân không thể không đưa tay cứu vớt người đời!

Đời nhà Tống có cư sĩ Vô Cấu là Trạng nguyên họ Trương, sau khi thi đậu thường dạo chơi khắp các chốn thiền lâm, học phép *Tam-muội*. Một sớm kia đến ra mắt thiền sư Diệu Hỷ bàn về ý nghĩa “cách vật”. Ngài Diệu Hỷ nói: “Ông chỉ biết nghĩa *cách vật*, chẳng biết nghĩa *vật cách*.” Trương công hỏi: “Sư há không có phương tiện hay sao?” Ngài Diệu Hỷ liền thuật chuyện Đường Minh Hoàng đến đất Thục chém bức chân dung quan Thái thú châu Lăng.⁽¹⁾ Nghe chuyện ấy, Trương công ngộ được ý chỉ huyền diệu, bèn đọc kệ rằng:

*Tử Thiệu nói cách vật,
Diệu Hỷ nói vật cách.
Nên biết một râu tiên,
Là hai lần năm trăm.⁽²⁾*

Như vậy quả là đủ mắt tri âm. Chỉ xem nơi công án này, há Tam giáo có chỗ ngăn ngại người hay sao? Nếu chẳng vậy, hãy nghe thêm bài kệ này:

*Tam giáo từ xưa vẫn có nghe,
Lá vàng đỏ trẻ thôi khóc nhè.*

⁽¹⁾ Vua Minh Hoàng nhà Đường, khi có loạn An Lộc Sơn phải chạy tránh vào đất Thục, đi ngang qua châu Lăng. Thái thú châu Lăng là bạn của An Lộc Sơn, sợ vua bắt tội mới trốn qua Thiểm Tây, để lại một bức chân dung. Vua sai đem chém bức tranh ấy.

⁽²⁾ Một râu tiên tức là một quan, gồm một ngàn đồng tiền dùng dây khâu lại. Nguyên bản dùng ngũ mạch (五陌) là cách viết cổ của ngũ bách (五百).

Mở toang mây biếc, từng ngàn thước,
Chặt đứt bụi hồng, nước một khe.

Tôi thường nói với đồ chúng rằng: “Nho giáo như giày dép dưới chân, Đạo giáo như mào đội trên đầu, Phật giáo như y phục mặc ngoài. Trong ba món ấy, không thể thiếu một món. Ví như có người chân không giày dép mà gượng đi ngàn dặm, đầu không đội mào mà ra mắt khách sang, hoặc để mình trần mà triều kiến Thiên tử, như vậy há có thể gọi là quân tử hay sao?”

姚少師佛法不可滅論

或問少師曰。佛胡人也，其法爲中國之患害久矣，其可不滅乎。

少師對曰。佛法不可滅也。

或曰。胡爲而不可滅也。

曰。非唯不可滅也，莫之能滅也。

或曰。佛法爲中國之患害，甚於洪水，早曠，其不可滅而命其張主乎。譬如洪水，治之有道亦能疏決。早曠，禱之有靈亦能消弭。佛是人也，有勢力者必能滅之矣。

Như tôi đây cũng chẳng phải dễ gì thấu hết đạo lý của ba vị Thánh nhân! Chỉ là may mắn được ném qua đôi chút mùi vị, khác nào như con ruồi uống nước biển. Nhân đó phác họa ra văn này, đem theo mình mà chiêm lễ, để tỏ tấm lòng thành trọn vẹn không chi khác. Việc trước thuật bài văn này là cầu cho ai nấy đều lấy lại được tự tánh chân thật sẵn có của mình. Vì cơ ấy mà soạn ra vậy thôi!

Diêu Thiếu sư: Phật pháp bất khả diệt luận

Hoặc vấn thiếu sư viết: Phật, Hoàn nhân đạo kỳ pháp vi Trung quốc chi hoạn hải cữu hy vọng kỳ pháp bất diệt hòa

Thiếu sư đáp viết: Phật pháp bất khả diệt đạo

Hoặc viết: Hoàn nhi bất khả diệt đạo

Viết: Phi duy bất khả diệt đạo mà chi năng diệt đạo

Hoặc viết: Phật pháp vi Trung Quốc chi hoạn hải, thiên ồ hoàng thủy, hãn hãn, kỳ pháp bất khả diệt nhi linh kỳ trường chu hòa Thí nhữ hoàng thủy, trò chi hữu ngã diệt năng sâu quyết. Hãn hãn, ngã chi hữu linh diệt năng tiêu nhữ. Phật thò nhân đạo hữu thế lực gia tăng diệt chi hy vọng

少師笑而謂曰。有勢力者，汝不聞三武與宋徽乎。隨滅而隨興也。非性隨滅而隨興，況興之愈盛也。縱有其勢力而能滅，但能滅其所主之地耳。能滅其普天率土者哉。

或曰。人之有勢力者不能滅，天能滅之乎。

曰。天能滅而不敢滅也。

或曰。子之言何其誕歟。天何爲而不敢滅也。

曰。孔老二教法天，故不敢違天。佛之教，諸天奉行，況敢言滅乎。何哉。佛在世時，梵王，帝釋，諸天，龍神，會於佛前發大誓願。但有教法處，我當擁護。況敢言滅也。若論諸天神力，可能滅也。使其一時運行雷火疾疫，盡世界內外，所有教法僧徒廬舍，悉皆消殞，有何難哉。然諸天奉行佛之教法，唯恐不逮，況敢言滅也。

或曰。以子之言，佛法斷不可滅也。子更爲我詳言之。

少師曰。然，吾語汝，汝其諦聽焉。佛乃西方出世間聖人也。生于維衛國，淨飯王家，年

Thieá sô tieá nhi vô vieá: Höü theálor: giaü nhöbá vá tam VoödöoToáng huy hoà Tuy dieá nhi tuy höng daõ Phi duy tuy dieá nhi tuy höng, huóng höng chi duõthañh daõ Tung höü kyõtheálor nhi nañg dieá, ñañ nañg dieá kyõsôüchuüchi ñõa nhó. Nañg dieá kyõphoáthieñ suaá thoágiaütai.

Hoæ vieá: Nhañ chi höü theálor giaübaá nañg dieá, thieñ nañg dieá chi hoá?

Vieá: Thieñ nañg dieá nhi baá cam dieá daõ

Hoæ vieá: Tôüchi ngoñ haõkyõñañ dö. Thieñ haõvi nhi baá cam dieá daõ?

Vieá: Khoàng, Laõ nhò giaõ phap thieñ, cóbaá cam vi thieñ. Phaá chi giaõ, chõ thieñ phung hañh, huóng cam ngoñ dieá hoá Haõtai. Phaá tai theáthõü, Phañ võõng, Ñéa thích, chõ thieñ, long thañ, tañg ö Phaá tieñ phaü ñaí theá nguyeñ: Ñañ höü giaõ phap xõü ngaõñõõng uñg hoá Huóng cam ngoñ dieá daõ Nhöõr luañ chõ thieñ thañ lõr, khañnañg dieá daõ Söükyõnhaá thõü váñ hañh loá hoá tai dòch, tañ theá gian noá ngoai, söühõü giaõ phap tañg ñõaloáxaütai giai tieñ váñ, höü hañnan tai? Nhieñ chõ thieñ phung hañh Phaá chi giaõ phap, duy khuñg baá ñaõ, huóng cam ngoñ dieá daõ

Hoæ vieá: Do töüchi ngoñ, Phaá phap ñõañ baá khaüdieá daõ Tôücamh vô ngaõttõõng ngoñ chi.

Thieá sô vieá: Nhieñ. Ngoàngõñnhõõ nhöõkyõñeáthính yeñ. Phaá naõ Taý phõõng xuaá theágian Thañh nhañ daõ Sanh vu Duy-veáquoá, Tñh-phañ võõng gia, nieñ thaõ cõu

十九捨王位出家，居雪山修道。日食馬麥充饑，苦行六年而成正覺。山河大地悉皆震動。恒以慈悲為心，等觀世間眾生，猶如一子。教令改惡從善，離苦得樂，成一切種智。況佛之化導於人，而無所求也。既捨王位出家，非為求富貴也。日食馬麥，苦行修證，非為求利養也。既無所求於人，其法唯以化人為善，寧中國之患害乎。汝之無知之言，何其甚歎。

使世間聖人如孔子，若見佛則必尚而師之矣。豈不聞孔子師老聃，鄭子，萇弘，師襄。要知此等聖賢，能及佛乎。況佛之大道，水不能漂，火不能燒，桎械不能拘，刀劍不能刃，毒藥不能中。生而不生，不生而生。滅而不滅，不滅而滅。在凡而不滅，在聖而不增。猶太虛空，其可能滅乎。

唐之韓愈，宋之歐陽修輩，以空言欲滅之。正如精衛之欲填東海，螻蛄之欲穴泰山，可笑其不自量也。

或乃聞余言，赧赧然，拜謝而退。作佛法不可滅論。

xaùvông vò xuaá gia, cö Tuyeá sôn tu ñaõ. Nhaá xan maõ maõh sung cô, khoahãnh lưc nieân nhi thanh Chãnh giãu. Sôn haõñaĩ ñiã taá giai chãnh ñoãng. Hãng dó töõbi vi taãn, ñãng quan theágian chũng sanh du nhõ nhaá töu Giãp linh caũ àũ tung thieãn, ly khoãñaé laũ, thanh nhaá thieá chũng trí. Huóng Phaá chi hoã ñaõ ö nhaãn, nhi voãsôucaũ daõ Kyù xaùvông vò xuaá gia, phi vi caũ phuùquyũdaõ Nhaá xan maõ maõh, khoahãnh tu chõõng, phi vò caũ löi döõng daõ Kyù voãsôucaũ ö nhaãn, kyõphãp duy dó hoã nhaãn vi thieãn, ninh Trung quoaá chi hoã hai hoã Nhõõchi voãtri chi ngoãn, haõ kyõthãn dö.

Sõutheágian thanh nhaãn nhõ Khoãng töu nhõõĩ kieãn Phaá taé taá thõõng nhi sõ chi hyõ Khõũ baá vaãn Khoãng töüsõ Laõ Ñãm, Ñãm töu Trõõng Hoãng, Sõ Tõõng. Yeáu tri thõũñaãng Thanh hieãn, ñãng caõ Phaá hoã Huóng Phaá chi ñaĩ ñaõ, thuy baá ñãng phieũ, hoã baá ñãng thieũ, sõũ giõũ baá ñãng caũ, ñão kieãn baá ñãng nhaãn, ñõũ döõĩ baá ñãng trung. Sanh nhi baá sanh, baá sanh nhi sanh. Dieã nhi baá dieã, baá dieã nhi dieã. Taĩ phãm nhi baá giaãn, taĩ thanh nhi baá taõng. Du thaũ hõ khoãng, kyõkhaũnaõng dieã hoã

Ñõõng chi Hãm Duõ Toãng chi Aũ Dõõng Tu boã, dó khoãng ngoãn dưc dieã chi. Chãnh nhõ Tinh Veãchi dưc ñieãn Ñõãng haũ, laũ nghó chi dưc huyeã Thaũ Sõn, khaũtieũ kyõbaá töilõõng daõ

Hoãe naõ vaãn dö ngoãn, noãn noãn nhieãn, baũ taĩnhĩ thoã. Tãũ Phaá phãp baá khaũdieã luaãn.

3. Điều thiếu sự: Phật pháp không thể diệt mất

Có người hỏi Thiếu sư rằng: “Phật là người Hồ,⁽¹⁾ đạo của ông ấy gây hại cho Trung quốc đã lâu lắm rồi, há chẳng nên diệt đi hay sao?”

Thiếu sư đáp: “Phật Pháp không thể diệt được.”

Người kia nghi ngờ hỏi: “Là đạo của người Hồ, tại sao không thể diệt được?”

Thiếu sư nói: “Chẳng những không thể diệt, mà còn là không ai có khả năng diệt được.”

Người kia nói: “Phật pháp làm gây hại cho Trung quốc còn quá hơn nạn nước lụt, nắng hạn, nếu như không thể diệt, chẳng lẽ để cho phát triển mãi sao? Ví như nạn nước lụt còn có cách đối trị, làm cho nước rút đi; như nắng hạn cầu đảo được linh ứng cũng có thể dứt trừ. Phật cũng là người, nếu gặp người có thế lực ắt sẽ trừ diệt được.”

Thiếu sư cười đáp rằng: “Về những người có thế lực, ông chẳng nghe chuyện của ba vua Võ⁽²⁾ và Huy Tông nhà Tống⁽³⁾ hay sao? Nếu có diệt rồi cũng sẽ hưng thịnh lại. Chẳng những hưng thịnh lại mà còn phát triển mạnh hơn nữa! Vả lại, dù là người có thế lực diệt được, chẳng qua cũng chỉ diệt ở nơi họ cầm quyền mà thôi, làm sao diệt được khắp trong trời đất?”

⁽¹⁾ Người Hồ: người Trung Hoa xưa gọi người Ấn Độ là người Hồ, thậm chí còn xem là mọi rợ nên gọi là rợ Hồ.

⁽²⁾ Ba vua Võ là vua Thái Võ đời Ngụy, vua Võ đế đời Châu và vua Võ Tông đời Đường. Cả ba người này đều thi hành việc phá Phật diệt tăng, nên đời sau gọi ba thời kỳ này là pháp nạn Tam vô.

⁽³⁾ Huy Tông nhà Tống, tức Tống Huy Tông, cai trị từ năm 1101 cho đến năm 1125. Vua từ trước vẫn kính thờ Tam Bảo, sau tin lời Lâm Linh Tố, xuống chiếu đối Phật giáo làm Đạo giáo.

Người kia lại hỏi: “Người có thế lực không diệt được, thì trời có diệt được chăng?”

Đáp: “Trời có thể diệt, nhưng thật không dám diệt.”

Hỏi: “Lời ngài nói sao quá ỉm vậy? Vì sao mà trời lại không dám diệt?”

Đáp: “Như đạo Khổng và đạo Lão bắt chước theo trời, nên chẳng dám trái với trời. Còn đạo của Phật, các vị trời đều kính cẩn làm theo, sao dám nói đến chuyện diệt đi? Vì sao vậy? Khi Phật còn trụ thế, các vị Phạm vương, *Đế-thích*, chư thiên đều đã từng đối trước Phật phát nguyện lớn rằng: ‘Chánh pháp ở đâu thì chúng tôi đều xin đến đó bảo vệ, ủng hộ.’ Sao dám nói đến chuyện diệt pháp? Nếu nói về thần lực của chư thiên thì có thể diệt được. Một khi các vị hóa hiện những nạn sấm sét, lửa cháy, tật dịch khắp cõi thế giới từ trong đến ngoài, như chỗ nào có Giáo pháp, Tăng chúng, chùa am đều làm cho tiêu tán hết đi thì cũng chẳng khó gì! Nhưng chư thiên vốn hết lòng kính cẩn làm theo Giáo pháp của Phật còn sợ là chưa đủ, sao dám nói đến chuyện diệt pháp?”

Lại hỏi: “Cứ như lời ngài dạy thì Phật pháp quyết không thể diệt mất. Vậy dám xin ngài giảng giải tường tận cho tôi nghe.”

Thiếu sư nói: “Được, ta sẽ nói đây, vậy ông hãy lắng nghe. Đức Phật là bậc thánh nhân xuất thế gian ở phương Tây.⁽¹⁾ Ngài sanh tại thành Xá-vệ, trong dòng vua Tịnh-phạn. Năm hai mươi chín tuổi từ bỏ ngôi vua mà xuất

⁽¹⁾ Phương Tây: đây chỉ Ấn Độ, vì Ấn Độ nằm về hướng tây của Trung Hoa. Cũng vì thế mà các bản sơ giải kinh điển thường dùng danh từ Đông độ để chỉ Trung Hoa, nghĩa là nằm về phương đông của Ấn Độ.

gia,⁽¹⁾ lên núi Tuyết sơn tu đạo, trải qua sáu năm khổ hạnh,⁽²⁾ sau mới tu thành Chánh giác. Khi ấy khắp cõi đất đều chấn động. Ngài thường lấy tâm từ bi thương yêu tất cả chúng sanh như con một của mình, dạy cho họ bỏ ác làm lành, lìa khổ được vui, đạt đến trí huệ hiểu biết tất cả. Huống chi, Phật giáo hóa chúng sanh không có lòng mong cầu. Ngài đã bỏ ngôi vua mà xuất gia nên chẳng phải mong cầu phú quý. Trải qua sáu năm khổ hạnh, tu tập tinh cần mới chứng đạo, nên chẳng phải vì cầu lợi dưỡng. Đã không có chỗ mong cầu nơi người khác, chỉ giáo hóa người khác làm việc lành, vậy có thể gây hại cho Trung quốc được sao? Lời nói không hiểu biết của ông thật là quá đáng lắm!

“Bậc thánh của thế gian như Khổng tử, nếu được gặp Phật ắt đã phải tôn làm thầy rồi! Ông chẳng nghe chuyện đức Khổng tử thờ các vị Lão Đam, Đàm tử, Trường Hoàng,

⁽¹⁾ Nguyên bản Hán văn ghi 19 tuổi, e có sai lầm, vì theo hầu hết các tư liệu hiện có thì đức Phật xuất gia năm 29 tuổi.

⁽²⁾ Trong nguyên bản có nói đến chuyện ăn lúa ngựa (mã mạch) nhưng không đúng, vì điều này xảy ra về sau khi Phật đã thành đạo, và cũng chỉ trong một thời gian ngắn mà thôi.

靜齋劉學士三教平心論

嘗觀中國之有三教也。自伏羲氏畫八卦，而儒教始於此。自老子著道德經，而道教始於此。自漢明帝夢金人，而佛教始於此。此中國有三教之序也。

Sư Tương làm thầy đó sao?⁽¹⁾ Phải biết rằng, các vị ấy làm sao bằng Phật được? Huống chi đạo lớn của Phật, nước chẳng thể trôi, lửa chẳng thể cháy, gông cùm chẳng thể giữ, gươm đao chẳng thể đâm, thuốc độc không thể làm hại; đạo ấy sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh mà sanh, diệt mà chẳng diệt, chẳng diệt mà diệt, ở nơi phàm không giảm bớt, ở nơi thánh cũng chẳng tăng thêm, dường như hư không, vậy làm sao mà diệt được?

Kìa những kẻ như Hàn Dũ đời Đường, Âu Dương Tu đời Tống, dùng những lời rỗng tuếch mà muốn hủy diệt đạo Phật, khác gì chim tinh vệ muốn lấp biển Đông, kiến vàng muốn đào hang chôn núi Thái, thật đáng chê cười là không biết tự lượng sức.”

Người kia nghe lời giảng giải, ra vẻ hổ thẹn, liền bái tạ mà lui. Nhân đó mới viết ra bài luận này.

⁽¹⁾ Đức Khổng tử năm 25 tuổi đến kinh đô nhà Châu hỏi lễ ở ngài Lão Đam (Lão tử), kính vào bậc thầy, khen rằng Lão Đam hiểu thông việc cổ kim. Năm 38 tuổi, ngài học việc quan ở Đàm tử, lại học nhạc ở Trường Hoàng. Về sau còn học đàn cầm với Sư Tương.

Tĩnh Trai Lưu học sĩ: Tam giáo bình tâm luận

Thơông quan Trung quốc chi hõu Tam giáo daõ Tõiphũ Hy thõ hoã baũ quaũ, nhi Nho giáo thuy õ thõu TõiLaõ tõi trõõũ Nãõ ãõũ kinh, nhi Nãõ giáo thuy õ thõu TõiHãm Minh Ñeãmoõng kim nhaãn, nhi Phaĩ giáo thuy õ thõu ThõuTrung quốc hõũ Tam giáo chi tõi daõ

大抵，儒以正設教，道以尊設教，佛以大設教。觀其好生惡殺，則同一仁也。視人猶已，則同一公也。懲忿窒慾，禁過防非，則同一操修也。雷霆眾贖，日月羣盲，則同一風化也。

由麤迹而論，則天下之理不過善惡二途。而三教之意，無非欲人之歸于善耳。故孝宗皇帝製原道辨曰。以佛治心，以道治身，以儒治世。誠知心也，身也，世也，不容有一之不治，則三教豈容有一之不立。無盡居士作護法論曰。儒療皮膚，道療血脈，佛療骨髓。誠知皮膚也，血脈也，骨髓也，不容有一之不療也。如是則三教豈容有一之不行焉。

儒教在中國，使綱常以正，人倫以明。禮樂刑政，四達不悖。天地萬物，以位以育。其有功於天下也，大矣。故秦皇欲去儒，而儒終不可去。

道教在中國，使人清虛以自守，卑弱以自持。一洗紛紜轆轤之習，而歸於靜默無為之境。其有裨於世教也，至矣。故梁武帝欲除道，而道終不可除。

Nãi ñeãNho dó chành thiá giã, Ñãb dó toãn thiá giã, Phaã dó ñãi thiá giã. Quan kyøhãb sanh óásã, táe ñoàng nhaã nhaãn dã Thò nhaãn du tí, táe ñoàng nhaã công dã Tröng phaãn trái dưc, cáãm quaùphong phi, táe ñoàng nhaã thao tu dã Loã chành chùng hoã nhaã nguyẽa quãn manh, táe ñoàng nhaã phong hòã dã

Do thoátich nhi luaãn, táe thiãn hái chi lýbãt quaùthiãn àu nhò ñoã Nhi tam giãb chi yù voãphi dưc nhaãn chi quy vu thiãn nhó. CoáHieã Toãng hoãng ñeãcheãNguyeãn ñãb bieãn vieã: Dó Phaã trò taãn, dó Ñãb trò thaãn, dó Nho trò theã Thanh tri taãn dãb thaãn dãbtheã dãb bãt dung hõu nhaã chi bãt trò, táe Tam giãb khõu dung hõu nhaã chi bãt lãp. VoãTaãn cõ só tàù Hoãphaã luaãn vieã: Nho lieãn bì phu, Ñãb lieãn huyeã mãch, Phaã lieãn coã tuy. Thanh tri bì phu dãb huyeã mãch dãb coã tuy dãb bãt dung hõu nhaã chi bãt lieãn dãb Nhò thò táe Tam giãb khõu dung hõu nhaã chi bãt hãnh yeãn.

Nho giãb taĩ Trung quốã, sõucõng thõõng dó chành, nhaãn luaãn dó minh. Leãnhãc hình chành, tõuñãt bãt bã. Thiãn ñoã vãb vãb, dó vò dó dưc. Kyøhõu công õ thiãn hái dãb ñãi hyõ CoãTaãn hoãng dưc khõuNho, nhi Nho chung bãt khãukhõu

Ñãb giãb taĩ Trung quốã, sõunhãn thanh hõ dó tõithuỹ ty nhõõc dó tõitri. Nhaã tay phaãn vãb giao cãt chi tap, nhi quy õ tónh mãe voãvi chi cãmh. Kyøhõu tì õ theãgiãb dãb chí hyõ CoãLõõng Voõñeãdũc trõõÑãb, nhi Ñãb chung bãt khãutrõõ

佛教在中國，使人棄華而就實，背偽而歸真。由力行而造於安行，由自利而至於利彼。其為生氏之所依歸者，無以加矣。故三武之君欲滅佛，而佛終不可滅。

隋，李士謙之論三教也，謂佛日也，道月也，儒五星也。豈非三光在天闕一不可，而三教在世亦缺一不可。雖其優劣不同，要不容於偏廢歟。

然而人有異心，心有異見。慕道者，謂佛不如道之尊。向佛者，謂道不如佛之大。儒家以正自處，又兼斥道，佛以為異端。是是非非，紛然淆亂，蓋千百年于此矣。

吾將明而辯之。切不可以私心論，不可以愛憎之心論。唯平其心念，究其極功，則可以渙然水釋也。蓋極功者，收因結果處也。天下事事物物皆有極功。沾體塗足，耕者之事也。至於倉廩充實，則耕者之極功也。草行露宿，商者之事也。至於黃金滿籬，則商者之極功也。

唯三教亦然。儒有儒之極功，道有道之極

Phaĩ giãu tã Trung quốc, sôunhãn khí hoa nhi töu thaĩ, boã nguyĩ nhi quy chãn. Do löc hãnh nhi tã õ an hãnh, do töilöi nhi chí õ löi bæ Kyövi sanh dãn chi sôuy quy giãu voãdö gia hyõ Coátam Voõchi quãn dưc dieĩ Phaĩ, nhi Phaĩ chung bã khaũdieĩ.

Tuy, LyùSó Khieãm chi luañ Tam giãu dã vò Phaĩ nhaĩ dã Ñão nguyẽ dã Nho nguõntinh dã Khõu phi tam quang tã thieãn, khuyẽ nhaĩ bã khaũ nhi Tam giãu tã theãdieũ khuyẽ nhaĩ bã khaũ Tuy kyõu lieũ bã ñoàng, yeũ bã dung õ thieãn pheãdö.

Nhieãn nhi nhaãn höũ dò tâm, tâm höũ dò kieãn. MoãÑão giãu vò Phaĩ bã nhö Ñão chi toãn. Höõng Phaĩ giãu vò Ñão bã nhö Phaĩ chi ñãi. Nho gia dó chãnh töi xõu höũ kieãn xích Ñão, Phaĩ dó vi dò ñoan. Thò thò phi phi, phaãn nhieãn hã loãn, cã thieãn bãh nieãn vu thõũhyõ

Ngoãtõng minh nhi bieãn chi. Thieĩ bã khaũdö tö tâm luañ, bã khaũdö aũ táng chi tâm luañ. Duy bình kyõtãm nieãn, cõu kyõcõc công, táe khaũdö hoãm nhieãn thuyĩ thích dã Cã cõc công giãu thãu nhaãn keĩ quãuxõudaõ Thieãn hã söi söi vã vã giai höũ cõc công. Trieãm theãñoãtuũ, canh giãuchi söi dã Chí õ thõõng laãn sung thaĩ, táe canh giãuchi cõc công dã Thã hãnh löãtuũ, thõõng giãuchi söi dã Chí õ hoãng kim mãn doanh, táe thõõng giãuchi cõc công dã

Duy Tam giãu dieũ nhieãn. Nho höũ Nho chi cõc công, Ñão höũ Ñão chi cõc công, Phaĩ höũ Phaĩ chi cõc công. Do

功，佛有佛之極功。由其極功觀其優劣，則有不待辯而明者，自今觀之。

儒家之教，自一身而一家，自一家而一國，自一國而放諸四海，彌滿六合，可謂守約而施博矣。若夫四海六合之外則何如哉。其說曰。東漸西被，訖于四海。是極遠不過至四海，訖則止於此，而更無去處矣。是儒家之教然也。故學儒者，存心養性，蹈仁履義，粹然為備道全美之士。而見諸施設，措諸事業，可以致君，可以澤民，可以安國家而利社稷，可以扶世教而致太平。功成身老，名存青史。儒之極功如此而已。曾子曰。死而後已，不亦遠乎。蓋至於死而極矣。

道家之教，自吾身而通乎幽冥，自人間而超乎天上，自山林巖穴而至於渺渺大羅，巍巍金闕，可謂超凡而人聖者。若夫天地造化之外，則何如哉。其說曰。大周天界，細人微塵。是極大不過周天界，界則限於此。而外此者，非所與知矣。是道家之教然也。故學道者，精神專一，動合無形，翹然於清淨寡欲之

kyōcōr coāng quan kyōōu lieā. Taē hōū baā nāō bieān nhi minh giaū tōikim quan chi.

Nho gia chi giaò, tōinhaā thaān nhi nhaā gia, tōinhaā gia nhi nhaā quoa, tōinhaā quoa nhi phōng chō tōuhaū, di maōn lưc hieḗp, khaūvò thuūōōt̄ nhi thi baū hyō Nhōōt̄ phuōtōuhaū lưc hieḗp chi ngoaī taē haōnhō tai. Kyōthuyea viet: Nōāng tieān taŷ bō, ngaā vu tōuhaū. Thō cōr vieān baā quaūchī tōuhaū, ngaā taē chāō thōū nhi caānh voākhōūxōūhyō Thō Nho gia chi giaò nhieān daō Coāhōr Nho giaū toān taān dōōng taānh, nāō nhaān lŷnghóa, tuȳ nhieān vi bō nāō toān myōchi sá. Nhi kieān chō thi thieā, thoāchō sōi nghieḗp. Khaūdó trí quaān, khaūdó traḗh daān, khaūdó an quoa gia nhi lōi xaōtaē, khaūdó phōtheāgiaò nhi trí thaū binh. Coāng thaānh thaān laō, danh taī thanh sōū Nho chi cōr coāng nhō thōūnhi dó. Taēng Tōūvieā: Tōūnhi haū dó, baā dieā vieān hoā Cai chí ō tōūnhi cōr hyō

Nāō gia chi giaò, tōi ngoāthaān nhi thoāng hoāu minh, tōi nhaān gian nhi sieā hoāthieān thōōng, tōi sōn laān nham huyea nhi chí ō dieā dieā nāi la, nguy nguy kim khuyea, khaūvò sieā phaān nhi nhaḗp thaānh giaū Nhōōt̄ phuōthieān nōa taō hoā chi ngoaī, taē haōnhō tai. Kyōthuyea viet: Nāi chaū thieān giōū, teānhaḗp vi traān. Thō cōr nāi baā quaūchaū thieān giōū, giōū taē hañ ō thōū Nho ngoaī thōūgiaū phi sōūdōōtri hyō Thō Nāō gia chi giaò nhieān daō Coāhōr nāō giaū tinh thaān chuyea nhaā, nōāng hieḗp voāhinh, kieān nhieān ō thanh tōnh quaūduē chi caānh. Nhi thoācoānap taān, tích coāng lŷy haānh. Khaūdó thi giaū, khaūdó phi thaāng, khaūdó dōch quyūthaān nhi

境。而吐故納新，積功累行。可以尸解，可以飛昇，可以役鬼神而召風雨，可以贊造化而立玄功。壽量無窮，快樂自在，道之極功如此而已。黃庭經云。長生久眎乃飛去。蓋至長生則極矣。

佛家之教，一佛出現則以三千大千世界為報剎。姑以一世界言之。一世界之中，有須彌山從大海峙，出于九霄之上。日月循環于山之腰而分晝夜。須彌四面為四洲，東曰弗于逮，西曰瞿耶尼，南曰閻浮提，北曰鬱單越。四大洲之中，各有三千洲。今此之世界，則閻浮提也。今此之中華，則南洲三千洲中之一洲也。

釋迦下生於天竺，乃南洲之正中也。須彌四旁上隣日月之處，謂之四天王。又上則謂之帝釋天。又上於虛空之中朗然而住，雲層四重天，總名欲界。又上雲層十八重天，總名色界。又上空層四重天，總名無色界。

如是三界中，諸眾生輩，有生老病死，是為一世界也。如此一千世界，謂之小千。如此一千小世界，謂之中千，即百萬也。如此一千中千

triệu phong vũ khải độ tam taò hoà nhi lập huyệñ công. Thời lōng voácung, khoañ lã töi tai, ñã chi cōc công nhō thōi nhi dó. Hoang Ñinh kinh vañ: Trōng sanh cōm thō nañ phi khōu Cañ chí trōng sanh taé cōc hyñ

Phañ gia chi giaò, nhañ Phañ xuañ hieñ taé dó tam thieñ ñã thieñ theágiōi vi baò sañ. Coá dó nhañ theágiōi ngoñ chí. Nhañ theágiōi chí trung, hōi Tu-di sôn tung ñã hañ trú, xuañ vu cōm tieñ chí thōng. Nhañ nguyệñ tuañ hoam vu sôn chí yeñ nhi phañ truđai Tu-di töüdieñ vi töüchañ, ñoàng vieñ Phát-vu-đãi, taý vieñ Cù-da-ni, nam vieñ Diêm-phù-đê, baé vieñ Uát-đan-việt. Tōüñã chañ chí trung, cañ hōi tam thieñ chañ. Kim thōuchi theágiōi, taé Diêm-phù-đê dañ Kim thōi chí Trung Hoa, taé nam chañ tam thieñ chañ trung chí nhañ chañ dañ Thích-ca hañ sanh ò Thieñ Truñ, nañ nam chañ chí chañh trung dañ

Tu-di töübañ thōng lañ nhañ nguyệñ chí xōi vò chí töi thieñ vōng. Hōi thōng taé vò chí Đê-thích thieñ. Hōi thōng ò hōi khoñg chí trung lañg nhieñ nhi trú vañ tañg töütrung thieñ, tañg danh Duñ giōi. Hōi thōng vañ tañg thañ bañ trung thieñ, tañg danh Saé giōi. Hōi thōng khoñg tañg töütrung thieñ, tañg danh Voásáé giōi.

Nhō thō tam giōi trung, chō chùng sanh bañ, hōi sanh lañ beñh töi thō vi nhañ theágiōi dañ Nhō thōinhañ thieñ theágiōi, vò chí tieñ thieñ. Nhō thōinhañ thieñ tieñ thieñ theágiōi, vò chí trung thieñ, töü bañh vañ dañ Nhō thōinhañ thieñ trung thieñ theágiōi, vò chí ñã thieñ, töü bañh òü dañ

世界，謂之大千，即百億也。以三次言千，故云三千大千世界，其實一大千爾。

一大千之中，有百億須彌山，百億日月，百億四天下。如小錢一百萬貫，每一界置一錢，盡此一百萬貫，方為大千世界，此一佛報利也。

一佛出現，則百億世界中，有百億身同時出現。故梵網經云。

一華百億國，
一國一釋迦，
各坐菩提樹，
一時成佛道。

如是千百億盧舍那本身，千百億釋迦，各接微塵眾。是之謂千百億化身也。

以千百億化身，而化度千百億世界，其中胎，卵，濕，化，無足，二足，四足，多足，有色，無色，有想，無想，乃至非想，非非想，皆令得度。是佛家之教然也。

故學佛者，識五蘊之皆空，澄六根於清淨。遠離十惡，修行十善。觀四念處，行四正勤。

Dó tam thòungoân thieân, cóavân tam thieân ñaĩ thieân theágiôù, kyøthaĩ nhaĩ ñaĩ thieân nhó.

Nhaĩ ñaĩ thieân chi trung, hõũ baùh ồu Tu-di sôn, baùh ồu nhaĩ nguyẽ, baùh ồu tồuthieân haĩ Nhõ tieâu tieâu nhaĩ baùh vaĩn quàn, moả nhaĩ giôù trí nhaĩ tieâu, taĩn thõũnhaĩ baùh vaĩn quan, phõng vi ñaĩ thieân theágiôù, thõũnhaĩ Phaĩ baùh saù daõ

Nhaĩ Phaĩ xuaĩ hieân, taé baùh ồu theágian trung, hõũ baùh ồu thaĩn ñoàng thõũ xuaĩ hieân. CóaPhaĩm Voõng kinh vaĩn:

*Nhất hoa bách ức quốc.
Nhất quốc nhất Thích-ca.
Các tọa Bồ-đề thọ.
Nhất thời thành Phật đạo.*

Nhõ thò thieân baùh ồu Lô-xá-na boản thaĩn, thieân baùh ồu Thích-ca, caũ tiep vi traĩn chuõng. Thò chi vò thieân baùh ồu hoả thaĩn daõ

Dó thieân baùh ồu hoả thaĩn, nhi hoả ñoảthieân baùh ồu theágiôù, kyøtrung thai, noaũ, thaþ, hoả, voátuũ, nhò tuũ, tồutuũ, ña tuũ, hõũ saé, voảsaé, hõũ tồõng, voátõõng, naũ chí phi tồõng, phi phi tồõng, giai linh ñaé ñoả Thò Phaĩ gia chi giao nhieân daõ

Cóahõr Phaĩ giaũ thõũ nguõuaĩn chi giai khoảng, trõng luĩ caĩn õ thanh tòn. Vieĩn ly thaþ aũ, tu haũh thaþ thieân. Quàn tồũnieĩn xõũ haũh tồũchaũh caĩn. Trõõluĩ thaþ nhò kieĩn nhi

除六十二見，而邪偽無所容。斷九十八使，而煩惱莫能亂。三千威儀，八萬細行，無不謹守。四無量心，六波羅蜜，常用熏修。

其間為法忘軀，則如剥皮刺血書經，斷臂投身參請，而不怯不疑。為物忘己，則如忍苦割肉餒鷹，捨命將身飢虎，而不懼不畏。錢財珍寶，國城妻子，棄之如弊屣。支節手足，頭目髓腦，捨之如遺蛻。

從生至生，經百千萬億生，而此心不退轉也。從劫至劫，經百千萬億劫，而此心愈精進也。由是三祇果滿，萬德功圓。

離四句，絕百非。通達無量無邊法門。善人無量無邊三昧。成就五根，五力。具足三洞，三明。圓顯四智，三身。超證六通，五眼。得四無礙辯，而演說無窮。人四如意分，而神通而自在。八勝處，八解脫，常得現前。四無畏，四攝法，受用無盡。八聖道支，十八不共法，不與三乘同等。

三十二相，八十種好，莊嚴微妙法身。過

taønguyï voàsôudung. Nôañ côm thaḗ baḗ sôunhi phièn nãø mãc naøng loañ. Tam thieñ oai nghi, baḗ vañ teáhañh, voá baḗ cañ thuú Tôivoälöøng tañ, lưc Ba-la-mật, thöøng dung huañ tu.

Kyøgian vô phaḗ vong xu, taé nhö baḗ bì thích huyeaḗ thö kinh, ñoañ tyùñaù thañ tham thanh, nhi baḗ khiéḗ baḗ nghi. Vô vañ vong kyü taé nhö nhañ khoacat nhưc uy öng, xaumañg töøng thañ cô hoặ nhi baḗ cuibaḗ uy. Tieu taḗ trañ baḗ, quoaḗ thanh theätöü kí chi nhö teätä Chi tieá thuútu, ñaù muḗ tuý naḗ, xauchi nhö di thueá

Tung sanh chí sanh, kinh baḗh thieñ vañ öü sanh, nhi thöütañ baḗ thoá chuyeaḗ daḗ Tung kieḗ chí kieḗ, kinh baḗh thieñ vañ öü kieḗ, nhi thöütañ duötinh tañ daḗ Do thò tam kì quaumañ, vañ ñöü công vieñ.

Ly töücuü tuyeá baḗh phi. Thoàng ñaḗ voälöøng voábieñ phaḗ moañ. Thieñ nhaḗ voälöøng voábieñ tam-muöi. Thanh töü nguöcañ, nguölöc. Cui tuḗ tam ñoäng tam minh. Vieñ hieñ töütrí, tam thañ. Sieñ chöøng lưc thoàng, nguõnhañ. Ñaé töüvoàngaḗ bieñ, nhi dieñ thuyeaḗ voácung. Nhaḗ töühö yù phañ nhi thañ thoàng töi taḗ. Baḗ thaéng xöü baḗ giaḗ thoat, thöøng ñaé hieñ tieñ. Tôüvoauy, töühieḗ phaḗ, thoḗ dung voátañ. Baḗ Thañh ñaḗ chí, thaḗ baḗ baḗ công phaḗ, baḗ döḗ tam thöñ ñoàng ñaḗng.

Tam thaḗ nhö töøng, baḗ thaḗ chuñg haḗ, trang nghièñ vi dieḗ phaḗ thañ. Quaükhöütrañ sa kieḗ, vô lai trañ sa kieḗ,

去塵沙劫，未來塵沙劫，無不洞見。現在塵沙界，眾生塵沙心，無不了知。

圓明十號之尊。超出三界之上。是為天中之天，是為聖中之聖。是為無上法王。是為正等正覺。超諸方便成十力，還度法界諸有情。佛之極功，如此而已。

法華經云。如來為一大事因緣故，出現於世。普欲令眾生亦同得此道。蓋其大願大力，誓與一切含靈，皆證無上涅槃妙果者也。

是故辯三教者，不可以私心論，不可以愛憎之心論。唯平其心念，究其極功。則知世之學儒者，到收因結果處，不過垂功名者。世之學道者，到收因結果處，不過得長生也。世之學佛者，到收因結果處，可以斷滅生死，究竟涅槃，普度眾生，俱成正覺也。其優劣豈不顯然可見哉。

故嘗試譬之。儒教之所行者，中國也。道教也之所行者，天上人間也。佛教之所行者，盡虛空徧法界也。

voábaá ñoãng kieán. Hieán tai traán sa giôù, chung sanh traán sa taán, voábaá lieá tri.

Vieán minh thaáp hieá chi toán. Sieá xuaá tam giôù chi thöông. Thò vi Trung thieán chi thieán, thò vi Thành trung chi thành, thò vi Voáthöông pháp võông, thò vi Chành ñaúng chành giaù. Sieá chö phöông tieán thanh thaáp löc, hoan ñoã pháp giôù chö höù tình. Phaá chi cöc công nhö thöünhi dó.

Pháp Hoa kinh vân: Nhö Lai vô nháá ñaí söinhan duyeán coá xuaá hieán ö theá Phoáduc linh chung sanh dieá ñoàng ñaé thöünã. Caú kyöñai nguyén ñaí löc, theádoónhá thieá hanh linh, giai chöng Voáthöông Nieá-ban dieá quaúgiaúdaó

Thò cóabieán Tam giaù giaù baá khaú dó tö taán luaán, baá khaú dó ài táng chi taán luaán. Duy bình kyötaán nieán, cöu kyö cöc công. Taé tri theáchi hoè Nho giaù ñaù thaú nhân ké quaúxöü baá quaúthuy công danh daó Theáchi hoè Ñaó giaù ñaù thaú nhân ké quaúxöü baá quaúñaé tröông sanh daó Theá chi hoè Phaá giaù ñaù thaú nhân ké quaúxöü khaú dó ñoán dieá sanh töü cöu chành Niét-bàn, phoáñoáchung sanh, caú thanh chành giaù daó Kyöü lieá khöü baá hieán nhieán khaú kieán tai.

Cóáthöông thí thí chi. Nho giaù chi söúhanh giaù Trung quó daó Ñaó giaù chi söúhanh giaù thieán thöông nhân gian daó Phaá giaù chi söúhanh giaù taán hö khaúg bieán pháp giôù daó

儒猶治一家，威令行於藩牆之內。若夫藩牆之外，則不可得而號召也。道猶宰一邑，政教及於四境之中。若夫四境之外，則不可得而控制也。佛猶奄有四海為天下君，溥天率土莫非臣民，禮樂征伐悉自我出也。此三教廣狹之辯也。

學儒者，死而後已，蓋百年間事也。學道者，務求長生，蓋千萬年也。學佛者，永斷生死，湛然常住，蓋經歷塵沙劫數，無有窮盡也。

儒，猶一盞之燈光照一夕，鍾鳴漏盡則油竭燈滅也。道，猶阿闍世王作百歲燈照佛舍利，經百歲已，其燈乃滅也。佛，猶皎日照曜萬古常明，西沒東升循環不息也。此三教久近之辯也。

略說三教大意，其詳備在本論。

Nho du trò nhất gia, oai linh hành ở phiên tường chi nội. Nhữc phu phiên tường chi ngoai, tác bác khaũnác nhi hiệu triệu đảo Nãb du teánhác áp, chành giãb cãp ở tồucãnh chi trung. Nhữc phu tồucãnh chi ngoai, tác bác khaũnác nhi khoãng cheáđã Phaĩ du yeãm hõu tồhãũ vi thiệnh hã quãnh phoãthiệnh suã thõmãc phi thãnh đãnh, leãn hãc ching phã tác tõi ngãoxuã đã Thõũ Tam giãb quãnh hiệp chi biệnh đãb

Hoĩ Nho giãu tõi nhĩ hãũ đõ, cãũ bãũh niệnh gian sõi đãb Hoĩ Nãb giãu vui cãũ trõõng sanh, cãũ thiệnh vãnh niệnh đãb Hoĩ Phaĩ giãu vớnh ñoãnh sanh tõi trãĩnh nhiệnh thõõng trũy cãũ kinh lờch trãnh sa kiệp soã voã hõũ cung tãnh đãb

Nho, du nhất trãũ chi ñãnh quang chieũ nhất tồch, chung ninh laũ tãnh tác du kiệũ ñãnh dieũ đãb Nãb, du A-xà-thế võõng tãũ bãũh tueã ñãnh chieũ Phaĩ xá-lợi, kinh bãũh tueã đõ, kyõ ñãnh ñã dieũ đãb Phaĩ, du kiệũ nhã chieũ dieũ vãnh cõã thõõng minh, tãũ mõi ñõnh thãnh tuãnh hoãnh bá tõi đãb Thõũ Tam giãb cõũ cãnh chi biệnh đãb

Lõõc thuyệũ Tam giãb ñãĩ yũ kyõ tõõng bõ tãĩ bõnh luãnh.

4. Luận về Tam giáo một cách công bằng

Tại Trung Hoa có Tam giáo. Từ vua Phục Hy vạch ra tám quẻ mà Nho giáo khởi thủy;⁽¹⁾ từ đức Lão tử soạn ra Đạo đức kinh⁽²⁾ mà Đạo giáo khởi thủy; từ Hán Minh đế mộng thấy người vàng mà Phật giáo khởi thủy.⁽³⁾ Đó là sự tuần tự xuất hiện của Tam giáo tại Trung Hoa.

⁽¹⁾ Theo kinh Thượng thư, vua Phục-Hy (khoảng 4500 trước Công nguyên) dùng đức độ mà giao hòa với trời đất, cai trị đất nước thái bình, thịnh vượng. Ngài nhìn thấy con long mã hiện ra ở sông Hà có những gạch thành họa đồ, nhân đó hiểu được lẽ huyền diệu của trời đất, liền bắt chước mà vạch ra tám quẻ là: cần, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài, khởi thành Bát quái. Lại chế định mỗi quẻ có sáu hào, chồng lấp 8 quẻ với nhau thành 64 quẻ. Tới đời nhà Châu, vua Văn vương (khoảng 1200 năm trước Công nguyên) căn cứ vào tượng quẻ của vua Phục Hy mà đặt ra lời hào, ông Châu công là con vua Văn vương do tượng hào của vua Phục Hy mà đặt ra lời hào. Về sau, cũng trong đời nhà Châu, đức Khổng tử (551-479 trước Công nguyên) nghiên cứu hệ thống lại tất cả mà soạn thành kinh Dịch, có 12 thiên, gồm 2 thiên kinh và 10 thiên truyện. Vì thế mà ở đây nói Nho giáo khởi thủy từ khi vua Phục Hy chế quẻ. Đây cũng chỉ là ý kiến chủ quan của tác giả, vì Dịch học thật ra không hề đồng nghĩa với Nho giáo, xét theo ý nghĩa như một học thuyết hoàn chỉnh do đức Khổng tử định hình.

⁽²⁾ Lão tử được ước định niên đại vào khoảng 570-490 trước Công nguyên, tác giả quyển Đạo đức kinh hiện vẫn còn lưu hành. Tuy nhiên, về lai lịch, con người thật sự của ông thì đến nay chúng ta vẫn chưa được biết chính xác nhiều lắm. Về nội dung quyển Đạo đức kinh, thật ra không hề dạy phép tu tiên luyện đan như các đạo sĩ của Đạo giáo về sau. Người ta chỉ đồng hóa những tư tưởng siêu việt trong Đạo đức kinh và nhân cách thoát tục của ông - theo lời truyền tụng - với mục đích tu tiên của Đạo giáo rồi tôn ông làm Giáo tổ. Nhưng Lão tử thật ra không hề sáng lập Đạo giáo theo ý nghĩa như một tôn giáo.

⁽³⁾ Vua Minh đế nhà Đông Hán của Trung Hoa (58-75) lên ngôi được ba năm thì vào đêm mồng tám tháng tư mộng thấy hình người vàng rực, cao hơn một trượng, đầu có hào quang chói sáng như mặt trời, ngực có hình chữ vạn (卐), bay bổng trước cung. Sáng ra vua hỏi bá quan, có Vương Tuân là người thông bác, dẫn chuyện đức Phật Thích-ca dẫn sanh ở Thiên Trúc (Ấn Độ) vào ngày mồng tám tháng tư, đời vua Linh vương nhà Châu (khoảng 563 trước Công nguyên). Vua bèn cử một phái đoàn 18 người, do hai ông Thái Hàm và Vương Tuân dẫn đầu, sang Thiên Trúc thỉnh Kinh, tượng Phật và Tăng. Phái đoàn này mời được hai vị cao tăng sang truyền pháp là Ca-diếp Ma-đăng (Kacyapa-Matanga) và Pháp Lan (Dharma-Aranya). Vì thế, nhiều người cho rằng đạo Phật khởi thủy tại Trung Hoa kể từ sự kiện này.

Về đại thể, Nho giáo lấy sự chánh trực mà lập giáo; Đạo giáo lấy chỗ tôn kính mà mở đạo; Phật giáo lấy sự quan trọng lớn lao nhất mà dạy người.

Nếu xét ở những điểm như chuộng đức hiếu sanh, ghét sự giết hại, thì cũng đồng với một đức nhân; đối đãi với người khác như với chính mình, thì cũng đồng một lẽ công bằng; kiểm chế sân hận, giảm bớt tham muốn, ngăn ngừa những sự lỗi lầm, sai trái, thì cũng đồng một nghĩa giữ gìn phẩm hạnh, tu sửa thân tâm. Nổ tiếng sấm lớn giữa đám người điếc, hiện mặt trời sáng giữa đám người mù,⁽¹⁾ thì cũng là đồng một phong hóa vậy.

Theo chỗ đại lược mà nói thì lý lẽ trong thiên hạ không ngoài hai đường thiện ác, mà chủ ý của Tam giáo cũng không ngoài việc khiến cho người ta theo về đường thiện. Cho nên Hoàng đế Hiếu Tông⁽²⁾ ngự chế bài *Nguyên đạo biện* có đoạn rằng: “Dùng Phật giáo mà tu sửa tâm, dùng Đạo giáo mà tu sửa thân, dùng Nho giáo mà tu sửa cách ứng xử với đời.” Như vậy thật là biết tâm, biết thân, biết ứng xử. Trong ba điều ấy, chẳng nên bỏ điều nào mà chẳng tu sửa. Và trong ba đạo ấy, lẽ nào có thể bỏ đi một đạo nào?

Cư sĩ Vô Tận soạn bài Hộ pháp luận có nói rằng: “Nho giáo chữa bệnh da thịt, Đạo giáo chữa bệnh huyết mạch, Phật giáo chữa bệnh xương tủy.” Thật là biết da thịt, biết huyết mạch và biết xương tủy vậy. Trong ba thứ ấy, chẳng nên bỏ thứ nào mà chẳng liệu trị. Và trong ba đạo ấy, lẽ nào có thể bỏ đi một đạo nào mà không thực hành?

⁽¹⁾ Nổ tiếng sấm lớn giữa đám người điếc, hiện mặt trời sáng giữa đám người mù: tức là truyền dạy những đạo lý sáng suốt, chân chánh để thức tỉnh người đời đang ngu muội, mê đắm.

⁽²⁾ Tức Tống Hiếu Tông, trị vì từ năm 1163 đến năm 1189.

Nho giáo giữ cho cang thường ngay thẳng, nhân luân sáng tỏ; lễ, nhạc, hình, chánh, bốn phép ấy đều có được không sai lệch; trời đất, muôn vật phân rõ trật tự, sanh trưởng tốt đẹp. Thật có công với thiên hạ lớn thay! Cho nên Tần Thủy Hoàng muốn bỏ đạo Nho⁽¹⁾ mà rốt cùng đạo Nho không thể bỏ!

Đạo giáo dạy người dùng đức trong sạch rỗng rang mà ngăn giữ lấy mình, luôn giữ sự khiêm cung, nhún nhường, trừ hết những thói tật rồi ren, lộn xộn từ lâu ngày mà theo về cảnh giới vô vi tịch tịch. Thật là rất có ích cho sự giáo hóa người đời! Cho nên Lương Võ Đế muốn trừ Đạo giáo⁽²⁾ mà rốt cùng Đạo giáo chẳng bị trừ!

Phật giáo dạy người dứt bỏ vẻ ngoài hoa mỹ mà đạt đến sự thành thật, lìa sự giả dối mà quay về chân chánh, nhờ gắng sức tu tập mà đạt đến chỗ an nhiên tự tại, nhờ được lợi mình mà đạt đến chỗ ích lợi cho kẻ khác. Thật là chỗ cho người đời quay nương dựa vững chắc thay! Cho nên ba vua Võ muốn diệt Phật mà rốt cùng Phật chẳng bị diệt!

Đời Tùy, Lý Sĩ Khiêm trong bài Tam giáo luận có viết: “Phật là mặt trời, Đạo là mặt trăng, Nho là năm ngôi sao sáng. Trên bầu trời phải có đủ ba loại ánh sáng ấy, không thể thiếu một. Trong thế gian phải có đủ Tam giáo, không thể thiếu một. Tuy có chỗ hơn kém khác nhau, nhưng đâu có thể vì thiên lệch chẳng dung mà phế bỏ được sao?”

⁽¹⁾ Vua Tần diệt nhà Châu và sáu nước chư hầu, lên ngôi xưng là Thủy Hoàng đế, trị vì 37 năm (246-210 trước Công nguyên), nghe theo lời Lý Tư mà xuống chiếu đốt hết sách Nho giáo, chôn sống những người học theo đạo Nho.

⁽²⁾ Vua Võ Đế (502-549) sáng lập nhà Lương, trước theo Đạo giáo, sau tin theo Phật giáo, có xuống chiếu cấm hẳn các hoạt động của Đạo giáo.

Nhưng vì người đời tâm ý khác nhau, quan điểm khác nhau, nên kẻ mộ Đạo giáo thì bảo rằng Phật chẳng đáng tôn kính như Đạo, còn kẻ theo Phật lại nói rằng Đạo chẳng lớn lao như Phật, rồi nhà Nho tự mình hành xử theo lẽ chánh trực, lại bài xích cả Đạo giáo và Phật giáo mà cho là dị đoan. Chuyện thị phi phải quấy chỉ tổ làm rối loạn lòng người, dù qua trăm ngàn năm cũng vẫn như vậy mãi!

Nay tôi muốn phân biện cho rõ những lẽ này, quyết chẳng đem lòng riêng tư mà luận, chẳng đem lòng yêu ghét mà luận, chỉ lấy tâm công bằng mà cứu xét những chỗ thành tựu cao nhất của mỗi đạo, như vậy mới có thể làm cho hết thảy những thành kiến vốn có đều tan rã như băng tuyết dưới nắng.

Chỗ thành tựu cao nhất là nói đến chỗ kết quả cuối cùng đạt được. Trong thiên hạ, mỗi sự việc đều có chỗ thành tựu cao nhất. Chân lấm tay bùn là việc của người làm ruộng, đến khi lúa thóc đầy bồ, đó là chỗ thành tựu cao nhất của người làm ruộng. Lặn lội đường xa, dầm sương dãi nắng là việc của người đi buôn, đến khi vàng bạc đầy đủ, đó là chỗ thành tựu cao nhất của người đi buôn.

Tam giáo cũng vậy. Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo đều có những chỗ thành tựu cao nhất của mỗi đạo. Dựa vào chỗ thành tựu cao nhất mà xét chỗ hơn kém thì không cần biện luận cũng có thể thấy rõ ngay.

Chỗ giáo hóa của đạo Nho, từ một người mà đến một nhà, từ một nhà cho đến một nước, từ một nước cho đến khắp bốn biển, rồi đầy khắp sáu phương, có thể gọi là giữ gìn khuôn thước mà thi hành rộng rãi. Còn như ở ngoài

bốn biển, sáu phương thì làm sao? Thuyết của Nho giáo dạy rằng: tận cùng hai phương đông, tây là bốn biển. Nên chỗ xa nhất chẳng qua chỉ là bốn biển, biết đến đó thì ngừng chứ không còn chỗ nào xa nữa. Chỗ biết của nhà Nho là như vậy đó.

Cho nên, kẻ học Nho thì tu tâm dưỡng tánh, theo đường nhân nghĩa, thuần giữ trọn theo lẽ đạo, làm một con người hoàn toàn tốt đẹp, rồi từ đó mới thực hành công việc, dựng lập sự nghiệp, có thể dốc sức giúp vua, làm lợi ích muôn dân, khiến cho quốc gia được an ổn, nước nhà được hưng thịnh, giúp ích xã tắc, giúp việc giáo hóa muôn dân mà dốc sức vì sự thái bình, đem trọn cuộc đời để thành tựu sự nghiệp, lưu danh trong sử sách. Chỗ thành tựu cao nhất của nhà Nho đến đó là cùng. Tăng tử nói: “Lấy cái chết làm mốc cuối cùng, chẳng phải là xa lắm sao?”⁽¹⁾ Cho nên nhà Nho xem cái chết là cuối cùng rồi vậy.

Chỗ thuyết dạy của Đạo giáo thì từ nơi tự thân mà cảm thông được tận chốn mịt mù, từ nơi nhân gian mà vượt thấu đến cõi trời cao, từ chốn núi rừng hang hố mà lần cho đến cõi mịt mù giăng bủa, lầu gác cao vời, có thể gọi là siêu phàm nhập thánh. Còn như ở ngoài cõi trời đất vạn vật thì sao? Thuyết của Đạo giáo dạy rằng: “Lớn đến khắp cõi trời, nhỏ như hạt bụi.” Vậy thì chỗ lớn nhất chẳng qua cũng là khắp cõi trời, nghĩa là cũng có giới hạn, mà ngoài cái giới hạn ấy thì không còn biết đến nữa. Chỗ thuyết dạy của Đạo giáo là như vậy.

Cho nên, kẻ học Đạo thì tinh thần chuyên nhất, chỗ động chỗ hợp đều không hình tích, vươn đến chỗ trong sạch, ít ham muốn, bỏ điều cũ, tiếp thu điều mới, tích lũy

⁽¹⁾ Câu này trích từ sách *Luận ngữ*, chương 8 (Thái bá), tiết 8.

công hạnh, có thể ra khỏi xác phàm, bay lượn trên không trung, sai khiến quỷ thần làm mưa làm gió, giúp theo tạo hóa mà làm nên những việc huyền diệu, tuổi thọ vô cùng, khoái lạc tự tại. Chỗ thành tựu cao nhất của Đạo giáo đến đó là cùng. Bởi vậy, kinh Huỳnh đình nói: “Sống lâu, nhìn lâu cho đến bay lượn được.” Cho nên, chỗ thành tựu cao nhất của Đạo giáo là đạt đến sự sống lâu.

Theo Phật giáo, một đức Phật xuất hiện thì lấy Tam thiên đại thiên thế giới làm một cõi giáo hóa. Nay chỉ tách riêng một thế giới mà nói. Trong một thế giới có núi Tu-di từ mặt biển mà vươn lên cao khỏi chín tầng mây. Mặt trời, mặt trăng xoay quanh lưng núi mà phân ra ngày đêm. Bốn phía núi Tu-di có bốn châu. Phía đông là châu *Phát-vu-đại*; phía tây là châu *Cô-da-ni*, phía nam là châu *Diêm-phù-đề*, phía bắc là châu *Uất-đan-việt*.

Trong bốn châu lớn ấy, mỗi châu đều có ba ngàn châu nhỏ. Thế giới này là chính châu *Diêm-phù-đề*, và nước Trung Hoa là một trong ba ngàn châu của cõi *Diêm-phù-đề* phía nam này vậy. Đức *Thích-ca* đản sanh ở Thiên Trúc là khoảng trung tâm của châu này.

Bốn phía núi *Tu-di*, lên đến gần mặt trời, mặt trăng là cảnh giới của bốn vị Thiên vương.⁽¹⁾ Trên nữa là cảnh giới của vị *Đế-thích*. Lại trên nữa, giữa chốn hư không xán lạn tự nhiên có bốn tầng trời,⁽²⁾ đều có mây bao phủ. Hết thấy những cảnh giới vừa kể đều thuộc về một cõi, gọi chung

⁽¹⁾ Trì Quốc Thiên vương ở phương đông, Quảng Mục Thiên vương ở phương tây, Tăng Trưởng Thiên vương ở phương nam, Đa Văn Thiên vương ở phương bắc.

⁽²⁾ Bốn tầng trời ấy là: Tô-dạ-ma Thiên, Đâu-suất Thiên, Hóa-lạc Thiên, Tha-hóa tự tại Thiên.

là *Dục giới*. Lên cao hơn nữa có mười bảy tầng trời,⁽¹⁾ gọi chung là *Sắc giới*. Lại cao hơn nữa, giữa chốn hư không vô biên có bốn tầng trời,⁽²⁾ gọi chung là *Vô sắc giới*.

Trong ba cõi ấy,⁽³⁾ tất cả chúng sanh đều phải chịu sanh, già, bệnh, chết, như vậy là một thế giới. Một ngàn thế giới như thế tạo thành một Tiểu thiên thế giới; một ngàn Tiểu thiên thế giới thành một Trung thiên thế giới, tức là gồm một trăm vạn thế giới. Lại một ngàn Trung thiên thế giới tạo thành một Đại thiên thế giới, tức là gồm một trăm ức thế giới. Vì theo thứ lớp hình thành có ba bậc nên gọi là Tam thiên Đại thiên thế giới, nhưng thật ra chỉ là một Đại thiên thế giới mà thôi.

Như vậy, trong một Đại thiên thế giới có trăm ức núi Tu-di, trăm ức mặt trời, mặt trăng, trăm ức Bốn cõi thiên hạ.⁽⁴⁾ Nếu như dùng một trăm vạn xâu tiền nhỏ,⁽⁵⁾ cứ mỗi thế giới chỉ đặt một đồng tiền nhỏ, thì phải dùng hết một trăm vạn xâu tiền ấy mới đặt trọn hết một Đại thiên thế giới. Đó là một cõi giáo hóa của một đức Phật vậy.

⁽¹⁾ Nguyên bản ghi mười tám tầng trời, nhưng chúng tôi căn cứ số mục liệt kê sau đây thấy trong cõi Sắc giới chỉ có 17 tầng trời. Riêng 5 tầng trời cao nhất còn được gọi là Ngũ tịnh cư thiên. Mười bảy tầng trời bao gồm: 1. Phạm chúng thiên, 2. Phạm phụ thiên, 3. Đại phạm thiên (3 tầng trời này thuộc Sơ thiên), 4. Thiếu quang thiên, 5. Vô lượng quang thiên, 6. Cực quang tịnh thiên (3 tầng trời này thuộc Nhị thiên), 7. Thiếu tịnh thiên, 8. Vô lượng tịnh thiên, 9. Biến tịnh thiên (3 tầng trời này thuộc Tam thiên), 10. Vô vân thiên, 11. Phước sanh thiên, 12. Quảng quả thiên, 13. Vô phiến thiên, 14. Vô nhiệt thiên, 15. Thiện hiện thiên, 16. Thiện kiến thiên, 17. Sắc cứu cánh thiên (8 tầng trời này thuộc Tứ thiên).

⁽²⁾ Bốn tầng trời này là: 1. Không vô biên xứ thiên, 2. Thức Vô biên xứ thiên, 3. Vô sở hữu xứ thiên, 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên.

⁽³⁾ Tức là ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

⁽⁴⁾ Bốn cõi thiên hạ: chỉ bốn châu nằm về bốn phía núi Tu-di như đã nói trên.

⁽⁵⁾ Mỗi xâu tiền (nhất quán) ngày xưa có một nghìn đồng tiền nhỏ, dùng dây xâu lại.

Khi mỗi một đức Phật xuất hiện thì trong trăm ức thế giới cũng có trăm ức hóa thân Phật đồng thời xuất hiện. Cho nên, kinh Phạm Võng chép rằng:

*Một hoa trăm ức cõi,
Mỗi cõi một Thích-ca.
Đều ngồi cõi Bồ-đề,
Thấy đồng thành Phật đạo.*

Như vậy, trăm ngàn ức thân Phật *Lô-xá-na*, trăm ngàn ức Phật *Thích-ca*, thấy đều tiếp độ chúng sanh nhiều như số hạt bụi nhỏ. Như vậy gọi là trăm ngàn ức hóa thân của Phật. Dùng trăm ngàn ức hóa thân ấy mà hóa độ trăm ngàn ức thế giới, trong đó có các loài sanh ra từ bào thai, sanh ra từ trứng, sanh ra từ chỗ ẩm thấp, hoặc do biến hóa mà sanh ra, gồm đủ các loài không có chân, có hai chân, bốn chân, hoặc nhiều chân, hoặc các loài có hình sắc, không hình sắc; hoặc có tư tưởng, không tư tưởng, cho tới loài chẳng phải có cũng chẳng phải không có tư tưởng, thấy đều được hóa độ. Đó là chỗ giáo hóa của đạo Phật.

Cho nên, người học Phật hiểu được rằng năm uẩn⁽¹⁾ đều là không, thanh lọc sáu căn cho thanh tịnh,⁽²⁾ xa lìa Mười điều ác,⁽³⁾ tu hành Mười điều thiện,⁽⁴⁾ quán xét Bốn chỗ

⁽¹⁾ Năm uẩn (ngũ uẩn gồm có): sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Đây là 5 yếu tố cấu thành của mỗi một chúng sanh.

⁽²⁾ Sáu căn (Lục căn) gồm có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đây là sáu giác quan, sáu cửa ngõ tiếp xúc với ngoại cảnh.

⁽³⁾ Mười điều ác (Thập ác) gồm có: 1. Giết hại, 2. Trộm cắp, 3. Tà dâm, 4. Nói dối, 5. Nói lời vô nghĩa, không trong sạch, 6. Nói đâm thọc, 7. Nói lời xấu ác, 8. Tham lam, 9. Sân hận, 10. Si mê.

⁽⁴⁾ Mười điều thiện (Thập thiện), ngược lại với Mười điều ác, gồm có: 1. Không giết hại, thường làm việc phóng sanh. 2. Không trộm cắp, thường làm việc bố thí. 3. Không tà dâm, thường giữ lòng chung thủy trong đạo vợ chồng. 4. Không nói dối, chỉ nói những lời đúng với sự thật. 5. Không nói lời vô nghĩa, chỉ nói những điều có lợi ích cho bản thân và người khác. 6. Không nói

nhớ nghĩ,⁽¹⁾ thực hành *Bốn chánh cần*,⁽²⁾ trừ bỏ *Sáu mươi hai tà kiến*⁽³⁾ nên không còn chỗ cho những điều sai lệch, lầm lẫn. dứt hẳn *Chín mươi tám điều sai sử*⁽⁴⁾ nên phiền não không thể làm rối loạn. Thường cẩn trọng giữ gìn *ba ngàn oai nghi*, *tám muôn tế hạnh*. Thường tu tập hành trì *Bốn tâm vô lượng*⁽⁵⁾ và sáu pháp *ba-la-mật*.⁽⁶⁾

Trong thời gian tu học thường vì pháp mà quên cả thân mạng, như có thể lột da làm giấy, chích máu làm mực để viết kinh; chặt tay, gieo mình mà tham thỉnh, không chút sợ hãi, nghi ngờ. Hoặc vì chúng sanh mà quên thân mình, như chịu đau đớn mà cắt thịt cho chim ưng; xả bỏ mạng

đảm thọc, thường nói những lời tạo sự đoàn kết, hòa hợp giữa mọi người.

7. Không nói lời xấu ác, chỉ nói những lời hiền hòa, êm dịu, làm vui lòng người. 8. Không tham lam, thường quán xét tính vô thường, bất tịnh của mọi vật chất. 9. Không sân hận, thường tu hạnh nhẫn nhục, tha thứ. 10. Không si mê, tà kiến, thường tu tập chánh tín, chánh kiến.

⁽¹⁾ Bốn chỗ nhớ nghĩ (Tứ niệm xứ) gồm có: 1. Quán thân bất tịnh: thường quán xét thấy thân thể là bất tịnh. 2. Quán thọ thị khổ: thường quán xét thấy mọi cảm thọ, xúc chạm đều là khổ. 3. Quán tâm vô thường: thường quán xét thấy mọi tâm niệm là vô thường, liên tục sanh diệt và thay đổi trong từng sát-na. 4. Quán pháp vô ngã: thường quán xét thấy trong tất cả các pháp không hề có một bản ngã thật sự tồn tại độc lập, chỉ là sự tan hợp của các nhân duyên mà thôi.

⁽²⁾ Bốn chánh cần (Tứ chánh cần), bốn sự siêng năng, chuyên cần chân chính, gồm có: 1. Cố gắng trừ dứt những điều ác đã sanh khởi. 2. Cố gắng ngăn ngừa những điều ác chưa sanh khởi. 3. Cố gắng phát triển những điều lành đã sanh khởi. 4. Cố gắng làm cho những điều lành chưa sanh khởi được sớm sanh khởi.

⁽³⁾ Sáu mươi hai tà kiến (Lục thập nhị kiến): chỉ chung tất cả những kiến giải, quan điểm sai lầm, không đúng thật về bản thân và thế giới chung quanh.

⁽⁴⁾ Chín mươi tám điều sai sử (Cửu thập bát sử), cũng gọi là Cửu thập bát tùy miên, gồm 98 điều nhận thức sai khiến chúng sanh thực hiện những hành động sai lầm. Tại Dục giới có 4 điều là tham, sân, si và mạn; tại Sắc giới và Vô sắc giới đều có 3 điều là tham, sân và si. Cộng trong ba cõi có 10 điều, cùng với 88 nhận thức sai lầm phổ biến trong cả Ba cõi, hợp thành 98 điều sai sử.

⁽⁵⁾ Bốn tâm vô lượng (Tứ vô lượng tâm): là các tâm từ, bi, hỷ và xả.

⁽⁶⁾ Sáu pháp ba-la-mật (Lục ba-la-mật hay Lục độ): là các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ.

sống, đem thân nuôi cạp đói; cũng chẳng hề lo lắng, sợ sệt. Đối với các thứ như tiền tài, trân bảo, thành quách, cõi nước, vợ con... đều vất bỏ như đôi dép xấu; đối với thân thể, tay chân, đầu mắt, tủy não... đều xả bỏ như xác ve lột ra. Từ đời này sang đời khác, trải qua trăm, ngàn, vạn, ức kiếp mà tâm chẳng thối chuyển, lại ngày càng tinh tấn hơn. Nhờ đó mà trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp được trọn vẹn kết quả, muôn đức hạnh đầy đủ.

Người tu tập thành tựu thì lìa khỏi bốn sự vương mắc,⁽¹⁾ dứt hẳn trăm điều sai lệch, thông đạt vô số pháp môn, đắc nhập vô số *tam-muội*, thành tựu *Năm căn*,⁽²⁾ *Năm sức*,⁽³⁾ đầy đủ *Ba sự thông suốt*,⁽⁴⁾ *Ba sự sáng tỏ*,⁽⁵⁾ hiển bày trọn vẹn *Bốn trí*,⁽⁶⁾ *Ba thân*,⁽⁷⁾ chứng đắc *Sáu thần thông*,⁽⁸⁾

⁽¹⁾ Bốn sự vương mắc: Bốn quan điểm sai lầm khi nhận thức về sự vật, cố chấp theo một định kiến nhất định, gồm có: 1. Chấp sự vật là có. 2. Chấp sự vật là không. 3. Chấp sự vật là vừa có vừa không. 4. Chấp sự vật là chẳng phải có cũng chẳng phải không. Các quan điểm sai lầm này được diễn đạt khái quát thành bốn câu: Hữu nhi bất không, Không nhi bất hữu, Diệc hữu diệc không, Phi hữu phi không. Vì thế thường gọi là Tứ cú.

⁽²⁾ Năm căn (Ngũ căn), là 5 điều căn bản làm phát sanh tất cả các pháp lành, gồm có: 1. Tín căn, 2. Tinh tấn căn, 3. Niệm căn, 4. Định căn, 5. Huệ căn.

⁽³⁾ Năm sức (Ngũ lực), do thành tựu Năm căn mà có được sức mạnh phá trừ phiền não, tăng trưởng pháp lành, nên các sức ấy gồm có: 1. Tín lực, 2. Tinh tấn lực, 3. Niệm lực, 4. Định lực, 5. Huệ lực.

⁽⁴⁾ Ba sự thông suốt, tức Tam đồng, gồm có: đồng chân, đồng huyên và đồng thân.

⁽⁵⁾ Ba sự sáng tỏ (Tam minh), rõ biết tất cả mọi sự việc, bao gồm: 1. Túc mạng minh (rõ biết việc trong nhiều đời, quá khứ, hiện tại và vị lai), 2. Thiên nhãn minh (rõ biết mọi việc ở khắp nơi, không bị giới hạn bởi không gian), 3. Lậu tận minh (rõ biết và dứt trừ được tất cả phiền não).

⁽⁶⁾ Bốn trí (Tứ trí): ở đây chỉ bốn trí của chư Phật là: 1. Đại viên cảnh trí, 2. Bình đẳng tánh trí, 3. Diệu quán sát trí, 4. Thành sở tác trí.

⁽⁷⁾ Ba thân (Tam thân): Ba thân của chư Phật gồm có Pháp thân, Báo thân và Ứng hóa thân.

⁽⁸⁾ Sáu thần thông (Lục thông), gồm có: 1. Thiên nhãn thông, 2. Thiên nhĩ thông, 3. Túc mạng thông, 4. Tha tâm thông, 5. Thần túc thông, 6. Lậu tận thông.

đủ Năm thứ mắt,⁽¹⁾ được Bốn biện tài không ngăn ngại⁽²⁾ nên diễn thuyết vô cùng; chúng nhập Bốn phần như ý⁽³⁾ nên được thần thông tự tại. Hiện tại thường ở trong Tám chỗ thù thắng,⁽⁴⁾ Tám cảnh giới giải thoát,⁽⁵⁾ sẵn có đầy đủ Bốn pháp không sợ sệt⁽⁶⁾ và Bốn pháp nhiếp phục.⁽⁷⁾ Thành tựu Tám thánh đạo,⁽⁸⁾ Mười tám pháp chẳng chung cùng với Ba thừa.⁽⁹⁾ Có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi

(1) Năm thứ mắt (Ngũ nhãn), gồm có: 1. Nhục nhãn, 2. Thiên nhãn, 3. Huệ nhãn, 4. Pháp nhãn, 5. Phật nhãn.

(2) Bốn biện tài không ngăn ngại (Tứ vô ngại biện), gồm có: 1. Pháp vô ngại biện, 2. Nghĩa vô ngại biện, 3. Từ vô ngại biện, 4. Nhạo thuyết vô ngại biện.

(3) Bốn phần như ý (Tứ như ý túc), gồm có: 1. Dục như ý túc, 2. Niệm như ý túc, 3. Tinh tấn như ý túc, 4. Từ duy như ý túc.

(4) Tám chỗ thù thắng (Bát thắng xứ), tám trạng thái tinh thần thù thắng, vượt trội, đạt được do sự tu tập quán tưởng, gồm có: 1. Nội hữu sắc tưởng, quán ngoại sắc thiểu, 2. Nội hữu sắc tưởng, quán ngoại sắc đa, 3. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại sắc thiểu, 4. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại sắc đa. 5. Nội vô sắc tưởng quán ngoại chư sắc thanh, 6. Nội vô sắc tưởng quán ngoại chư sắc hoàng, 7. Nội vô sắc tưởng quán ngoại chư sắc xích, 8. Nội vô sắc tưởng quán ngoại chư sắc bạch.

(5) Tám cảnh giới giải thoát (Bát giải thoát), bao gồm: 1. Sơ thiền, 2. Nhị thiền, 3. Tam thiền, 4. Tứ thiền, 5. Không vô biên xứ định, 6. Thức vô biên xứ định, 7. Vô sở hữu xứ định, 8. Phi tưởng phi phi tưởng xứ định.

(6) Bốn pháp không sợ sệt (Tứ vô sở úy), gồm có: 1. Nhất thiết trí vô sở úy, 2. Lậu tận vô sở úy, 3. Thuyết chướng đạo vô sở úy, 4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy.

(7) Bốn pháp nhiếp phục (Tứ nhiếp pháp), bốn phương pháp thu phục lòng người, bao gồm: 1. Bố thí nhiếp, 2. Ái ngữ nhiếp, 3. Lợi hành nhiếp, 4. Đồng sự nhiếp.

(8) Tám Thánh đạo, cũng gọi là Tám chánh đạo (Bát chánh đạo), gồm có: 1. Chánh tri kiến, 2. Chánh tư duy, 3. Chánh ngữ, 4. Chánh nghiệp, 5. Chánh mạng, 6. Chánh tinh tấn, 7. Chánh niệm, 8. Chánh định.

(9) Mười tám phép chẳng chung cùng với Ba thừa (Thập bát bất cộng pháp), là các pháp chỉ có chư Phật đạt đến, không giống như hàng Thanh văn, Duyên giác. Các pháp này gồm có: 1. Thân vô thất (Thân không lỗi), 2. Khẩu vô thất (Miệng không lỗi), 3. Niệm vô thất (Ý tưởng không lỗi), 4. Vô dị tưởng (Không có ý tưởng xen tạp), 5. Vô bất định tâm (Không có tâm xao động), 6. Vô bất tri đi xả (Chẳng phải không biết chuyện đã bỏ), 7. Dục vô diệt (Sự mong muốn không diệt), 8. Tinh tấn vô diệt (Sự tinh tấn không diệt), 9. Niệm vô diệt (Ý tưởng không diệt), 10. Huệ vô diệt (Trí huệ không diệt), 11. Giải vô diệt (Giải thoát không diệt), 12. Giải thoát tri kiến vô diệt

vẻ đẹp, pháp thân trang nghiêm vi diệu! Đối với các kiếp quá khứ, vị lai nhiều như số hạt bụi cát, thấy đều rõ biết; đối với các cõi thế giới trong hiện tại nhiều như số hạt bụi cát, trong đó có vô số tâm chúng sanh cũng nhiều như số hạt bụi cát, thấy đều rõ biết.

Trọn thành Mười hiệu chói sáng,⁽¹⁾ được tôn kính; cao vút vượt ngoài Ba cõi. Đó là bậc trời trên các vị trời, bậc thánh trên các vị thánh. Đó là bậc Vô thượng pháp vương, bậc Chánh đẳng Chánh giác, vượt qua phương tiện, thành tựu đủ Mười sức,⁽²⁾ trở lại cứu độ hết thấy chúng sanh trong cõi pháp giới. Chỗ thành tựu cao nhất của đạo Phật là như vậy.

Kinh Pháp Hoa dạy rằng: “Đức Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời.” Đại sự nhân duyên đó là rộng độ cho tất cả chúng sanh đều đắc đạo. Nói chung, đại nguyện lớn lao đó là: quyết sẽ cùng với hết thấy chúng sanh chúng đắc quả Vô thượng Niết-bàn.

(Giải thoát tri kiến không diệt), 13. Nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành (Hết thấy nghiệp của thân tùy theo trí huệ mà thi hành), 14. Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành (Hết thấy nghiệp của miệng tùy theo trí huệ mà thi hành), 15. Nhất thiết ý nghiệp tùy trí huệ hành (Hết thấy nghiệp của ý tùy theo trí huệ mà thi hành), 16. Trí huệ tri quá khứ thế vô ngại (Trí huệ rõ biết đời quá khứ không ngại.), 17. Trí huệ tri vị lai thế vô ngại (Trí huệ rõ biết đời vị lai không ngại.), 18. Trí huệ tri hiện tại thế vô ngại (Trí huệ rõ biết đời hiện tại không ngại.)

(1) Mười hiệu (Thập hiệu), là mười danh hiệu tôn xưng đức Phật, gồm có: 1. Như Lai, 2. Ứng cúng, 3. Chánh biến trí, 4. Minh hạnh túc, 5. Thiện thế, 6. Thế gian giải, 7. Vô thượng sĩ, 8. Điều ngự trượng phu, 9. Thiên nhân sư, 10. Phật Thế Tôn.

(2) Mười sức (Thập lực), mười khả năng siêu việt của chư Phật, gồm có: 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực, 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực, 3. Tri chư thiên giải thoát tam-muội trí lực, 4. Tri chúng sanh tâm tánh trí lực, 5. Tri chủng chủng giải trí lực, 6. Tri chủng chủng giới trí lực, 7. Tri nhất thiết sở đạo trí lực, 8. Tri thiên nhân vô ngại trí lực, 9. Tri túc mạng vô lậu trí lực, 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.

Cho nên, muốn biện luận về Tam giáo, chẳng nên đem lòng riêng tư mà luận, chẳng nên đem lòng yêu ghét mà luận. Chỉ nên lấy tâm công bình mà cứu xét chỗ thành tựu cao nhất của mỗi đạo. Như vậy ắt sẽ biết rằng: người đời học theo Nho giáo, kết quả cuối cùng không ngoài sự nghiệp công danh; kẻ học theo Đạo giáo, kết quả cuối cùng không ngoài việc được sống lâu. Còn người đời học theo đạo Phật, kết quả cuối cùng có thể dứt hẳn vòng luân hồi, đạt đến *Niết-bàn*, rộng độ khắp thấy chúng sanh đều thành Chánh giác. Như vậy, chỗ hơn kém giữa Tam giáo há chẳng đã thấy rõ ràng lắm sao?

Cho nên tôi thường dùng cách nói thí dụ rằng: Chỗ thực hành của Nho giáo chỉ giới hạn trong một nước. Chỗ thực hành của Đạo giáo chỉ giới hạn trong hai cõi trời, người. Còn chỗ thực hành của Phật giáo thì cùng khắp hư không, khắp cả Pháp giới.

Lại nữa, Nho giáo ví như cai trị trong một gia đình, ảnh hưởng không ra khỏi tường rào. Đối với việc bên ngoài tường rào thì chẳng thể tạo được ảnh hưởng gì. Đạo giáo ví như cai trị trong một ấp, ảnh hưởng không ra ngoài

đường biên giới bốn phía. Đối với việc bên ngoài biên giới ấy thì không thể khống chế được nữa. Phật giáo ví như cai trị khắp bốn biển, như vị vua đứng đầu trong thiên hạ, cùng trời cuối đất không ai không là thần dân, lễ nhạc chinh phạt đều do lệnh vua ban ra. Đó là chỗ bàn về chỗ rộng hẹp của Tam giáo.

Kẻ học đạo Nho chết rồi thì hết, nên sự nghiệp không quá trăm năm. Kẻ học Đạo cầu được sống lâu, sự nghiệp cũng không quá ngàn vạn năm. Kẻ học Phật dứt đường sanh tử, lặng lẽ an nhiên thường còn, nên trải qua vô số kiếp nhiều như số hạt bụi cát, không bao giờ cùng tận.

Nho giáo ví như ngọn đèn nhỏ chiếu sáng trong một đêm, qua đêm rồi thì cạn dầu, đèn tắt. Đạo giáo ví như ngọn đèn trăm năm do vua *A-xà-thế* làm ra để soi sáng *xá-ly* Phật, qua hết trăm năm thì đèn cũng tắt. Phật giáo ví như mặt trời sáng tỏ, soi chiếu muôn đời, lặn ở phương tây lại mọc ở phía đông, tuần hoàn chẳng dứt. Đó là bàn về chỗ lâu mau của Tam giáo.

Trên đây chỉ là lược nói sơ qua chỗ đại ý về Tam giáo, nhưng cũng đã thấy được rõ ràng đầy đủ.

北齊黃門侍郎歸心辯惑篇

三世之事信而有徵。家業歸心勿輕慢也。其間妙旨具諸經論，不復於此少能讚述。但懼汝曹猶未牢，固略重勸誘爾。

Bắc Tê Huỳnh môn Thị lang: Quy tâm biện hoặc thiên

Tam theáchi sõi tín nhi hõu trông. Gia nghiệp quy tâm vài khinh mãn dã Kyogian dieu chæcũ chõ kinh luãn, báiphũc õ thõũthieũn nãng tàm thuaũ. Nãũn cũnhõõtaũ du vò lao coáloũt trung khuyẻn du nhũ.

原夫四塵五陰剖析形有。六舟三駕運載羣生。萬行歸空，千門人善。辯才智慧豈徒七經。百氏之博哉。明非堯，舜，周，孔所及也。

內外兩教本爲一體。漸極爲異深淺不同。內典初門設五種禁。外典仁，義，禮，智，信皆與之符。

仁者不殺之禁也。義者不盜之禁也。禮者不邪之禁也。智者不酒之禁也。信者不妄之禁也。

至如畋狩軍旅，燕享，刑罰，因民之性不可卒除。就爲之節使不淫濫爾。歸周，孔而背釋宗何其迷也。

俗之謗者，大抵有五。其一，以世界外事及神化無方爲迂誕也。其二，以吉凶禍福或未報應爲欺誑也。其三，以憎尼行業多不精純爲姦慝也。其四，以糜費金寶減耗課役爲損國也。其五，以縱有因緣如報善惡安能辛苦，今日之甲利後世之乙乎，爲異人也。今竝釋之于下云。

釋一曰。夫遙大之物寧可度量。今人所知莫若天地。天爲積氣。地爲積塊。日爲陽

Nguyên phươctôutraàn nguõaán pháán tích hình hõu. Lục châu tam giáuvãn táu quàn sanh. Vãn hành quy khoáng thiên môn nhập thiển. Biển táu trí hueákhôu ñoáthá kinh bành thò chi ñoan tai. Minh phi Nghieâu, Thuaán, Châu, Khoáng sôucaõp daõ

Noã ngoã löông giáu boãn vi nhá theá Tieãn cõc vi dò thaãn thiển bá ñoàng. Noã ñieãn sô môn thuyé nguõchùng cáán. Ngoã ñieãn nháãn, nghóa, lệá trí, tín giai döõchi phuo

Nhãn giáubaá saũ chi cáán daõ Nghóa giáubaá ñaõ chi cáán daõ Leãgiáubaá táuchi cáán daõ Trí giáubaá töũ chi cáán daõ Tín giáubaá voõng chi cáán daõ

Chí nhõ ñieãn thuùquãn löõ Yeãn phanh hình pháãn nhãn dân chi tánh bá kháuthoá trõs Tõũ vi chí tié sôubaá dân daã nhó. Qui Chu, Khoáng nhi boá Thích Tông haõkyõmeádaõ

Tũc chi bãng giáũ ñaĩ ñeáhõũ nguõ Kyõnhá: Dó theágiõũ ngoã sõiçaõp thaãn hoã vôphõng vi vu ñãm daõ Kyõnhò: Dó caũ hung hoã phõõu hoãc vô baw õng vi khi cuóng daõ Kyõ tam: Dó táng ni hành nghiệp ña bá tinh thuaãn vi gian theá daõ Kyõtõũ Dó mi phí kim baw giáũ hao khoã dòch vi toãn quóa daõ Kyõnguõ Dó tũng hõũ nhãn duyeãn nhõ baw thiển àu an naõng táãn khoã Kim nhá chi Giáũ löi haũ theáchi Áã hoã vi dò nhãn daõ Kim tũnh thích chí vu haĩvãn.

Thích nhá vieá: Phuođieũ ñaĩ chí vaĩ ninh kháũñoãlöõng. Kim nhãn sôũtri mãc nhõõc thiển ñoã. Thiển vi tích khí. Ñoã

精。月爲陰精。星爲萬物之精。儒家所安也。

精有墮落乃爲石矣。精若是石不得有光。性又質重，何所繫屬。一星之徑大者石里。一宿首尾相去數萬。百里之物，數萬相連。闊狹從科，常不盈縮。又星與日月形色同爾。但以大小，爲其等差。

然而日月，又當石也。石既牢密，烏兔焉容。石在氣中，豈能獨運。日月星辰，若皆是氣。氣體輕浮，當與天合。往來循環不得錯違。其間遲疾，理宜一等。何故日月，五星，二十八宿，各有度數，移動不均。寧當氣墮，忽變爲石。

地既滓濁，法應沈厚。鑿土得泉，乃浮水上。積水之下，復有何物。江河百谷，從何處生。東流到海，何爲不溢。歸墟尾閭，溲何所到。沃焦之石何氣所然。潮汐去還，誰爲節度。天漢懸指，那不散落。水性就下，何故上騰。天闢地開，便有星宿。九州未劃，列國未分。剪疆區野，若爲躔次。封土以來，誰所制

vi tích khoá. Nhaĩ vi dōng tinh. Nguyēĩ vi âm tinh. Tinh vi vãn vãn chi tinh. Nho gia sôũan daũ

Tinh hōũ truyĩ laĩ naũ vi thaĩch hyō Tinh nhōōĩ thō thaĩch baĩ ñaē hōũ quang. Tành hōũ chaĩ trōng, haosōũheāthuoā. Nhaĩ tinh chi kình ñaĩ giaũbaũh lyũ Nhaĩ tuũthũvũ, tōng khōũsōũvãn. Baũh lyũchi vaĩ, soávan tōng lieĩn. Khoũ hiēp tung taũ thōōng baĩ doanh suũ. Hōũ tinh dōũnhaĩ nguyēĩ, hình saē ñoàng nhũ. Ñaũ dó ñaĩ tieũ, vi kyōñang sai.

Nhieĩn nhi nhaĩ nguyēĩ, hōũ ñōng thaĩch daũ Thaĩch kyũ lao maĩ, ñieũ thoáyēĩ dung. Thaĩch tũ phi trung, khōũ naĩng ñoũ vaũ. Nhaĩ nguyēĩ tinh thaĩn, nhōōĩ giai thō khí. Khí thea khinh phuō ñōng dōũthieĩn hiēp. Vaũng lai tuaĩn hoan baĩ ñaē thoávi. Kyōgian trì taĩ, lyũnghi nhaĩ ñaĩng. Haoscoánhaĩ nguyēĩ, nguōtinh, nhō thaĩp baũ tuũ caũ hōũ ñoãsoá di ñoàng baĩ quaĩn. Ninh ñōng khí truyĩ, hoá bieĩn vi thaĩch.

Ñoũ kyũchetrōōĩ, phaĩp òng traĩn haũ. Taĩ thoãñāē tuyeĩn, naũ phuōthuỹ thōōng. Tích thuỹ chi haĩ phuĩ hōũ haovãĩ? Giang haosbaũh coá, tung haosxōũsanh? Ñoàng lōũ ñaũ haũ, haovi baĩ daĩ? Quy hō vó lö, tieĩ haosōũñāũ. Oá tieũ chi thaĩch, haokhĩ sōũnhieĩn. Trieũ tōch khōũhoan, thuỹ vi tieĩ ñoũ Thieĩn haũ huyeĩn chạ na baĩ taũ laĩ. Thuỹ tành tōũ haĩ haoscoáthōōng ñaĩng. Thieĩn tōch ñoũ khai, tieĩ hōũ tinh tuũ Cōũ chaũ vò hoāch, lieĩ quoa vò phaĩn. Tieĩ cōng khu daũ nhōōĩ vi trieĩn thōũ phong thoádó lai, thuỹ sōũcheácaũ. Quoaĩ

割。國有增減，星無進退。災祥禍福，就中不差。

乾象之大，列星之夥。何為分野，止繫中國。昴為旄頭，匈奴之次。西胡，東越，彫題，交趾，獨棄之乎。以此而求，迄無了者。豈得以人事尋常，抑必宇宙外也。凡人之信，唯耳與目。耳目之外，咸致疑焉。

儒家說天，自有數義。或渾或蓋，乍宣乍安。斗極所周，管維所屬。若所親見，不容不同。若所測量，寧足依據。何故信凡人之臆說，迷大聖之妙旨，而欲必無恒沙世界，微塵數劫也。而鄒衍亦有九州之談。山中人不信有魚大如木。海上人不信有木大如魚。漢武不信弦膠。魏文不信火布。胡人見錦，不信有蟲食樹，吐絲所成。昔在江南，不信有千人氈帳。及來河北不信有一萬斛船。皆實驗也。

世有祝師及諸幻術，猶能履火，蹈刃，種瓜，移井，倏忽之間，十變五化。人力所為，尚能如此，何況神通感應，不可思量。千里寶幢，百由旬座，化成淨土，湧出妙塔乎。

hồu taêng giãm, tinh voàtaán thoá. Tai töông hoà phöù, töu trung bá sai.

Cam töông chi ñai, lieã tinh chi khoa. Hævi phaân daõ ChæheãTrung quoa. Mã vi mao ñaai, hung noächi thöu Tay Hoà Ñoàng Vieã, Ñieã Ñeã Giao Chæ ñoã khí chi hoà Dó thöu nhi caai, haã voãlieãu giaũ Khöu ñaé dó nhaân söi taãn thöông, öu taã vuõtruïngoã daõ Phaom nhaân chi tín, duy nhó dömuũ. Nhó muũ chi ngoã, haom trí nghi yeã.

Nho gia thuyé thieãn, töi höu soãnghóa. Hoaë Hoãn hoaë Cai, sai Tuyeãn sai An. Ñaai cöõ söüchaãu, quaãn duy söüthuoã. Nhöõr söüthaãn kieãn, bá dung bá ñoàng. Nhöõr söütraé löông, ninh tuè y cöu Hæcoátin phaom nhaân chi öu thuyé, meãñai thaãn chi dieãu chæ nhi dưc taã voãhaêng sa theãgiöu, vi traãn soãkiep daõ Nhi Traãn Dieãn dieã höu cöu chaũ chi ñam. Sôn trung nhaân bá tín höu ngö ñai nhö mö. Haũ thöông nhaân bá tín höu mö ñai nhö ngö. Haũ Voõbaã tín huyèã giao. Nguyã Vaãn bá tín hoà boã Hoãnhaãn kieãn cam, bá tín höu trung thöõ thöi thoãty söüthaanh. Tích taã Giang Nam, bá tín höu thieãn nhaân chieãn tröông. Caõp lai HæBaé, bá tín höu nhaã vaãn hoã thuyèã. Giai thaã nghiãm daõ

Theãhöu chuè sö caõp chö aũ thuaã, du naêng lyũhoã, ñaõ ñao, chuùng qua, di tanh, thuè hoã chi gian, thaõp bieãn nguõ hoã. Nhaãn löõ söüvi, thöông naêng nhö thöu hæhuoáng thaãn thông cam öng, bá khai tö löông. Thieãn lyũbaũ trang, baũh do tuãn toã. Hoà thaãn tòn ñoã duõng xuaã dieãu thaõp hoà

釋二曰。夫信謗之微，有如影響。耳聞眼見，其事已多。或乃精誠不深，業緣未感。時儻差闌，終當獲報耳。善惡之行，禍福所歸。九流百氏皆同此論。豈獨釋典為虛妄乎。

項橐，顏回之短折。原憲，伯夷之凍餒。盜跖，莊躄之福壽。齊景，桓魋之富強。若引之前業，冀以後生，更為通耳。

如以行善而偶鍾禍報。為惡而儻值福徵。便可怨尤，即為欺詭。則亦堯舜之云虛，周孔之不實也。又欲安所依信而立身乎。

釋三曰。開闢以來，不善人多而善人少。何由悉責其精潔乎。見有名僧高行，棄而不說。若睹凡僧流俗，便生非毀。且學者之不勤，豈教者之為過。俗僧之學經律，何異士人之學詩禮。

以詩禮之教，格朝廷之人，略無全行者。以經律之禁，格出家之輩，而獨責無犯哉。且闕行之臣，猶求祿位。毀禁之侶，何慚供養乎。其於戒行，自當有犯。一披法服，已墮僧數。

Thích nhò vieát: Phuoátin baùng chi vi, hõu nhõ aính hõõng. Nhõ vaân nhaân kieán, kyõsõi dó ña. Hoaẽ naõ tinh thaanh baát thaân, nghiẽp duyêân vô caâm. Thõõ thaùng sai lan, chung ñõõng hoaõch baõ nhõ. Thieân aù chi haanh, hoã phõõu sõu quy. Cõu löu baùh thõ giai ñõõng thõõluaân. Khõu ñõõ Thích ñieân, vi hõ võng hoã

Haõng Thaù, Nhan Hoã chi ñõõm chieát. Nguyêân Hieân, Baù Di chi ñõõng nõã. Ñãõ Chích, Trang Kieâu chi phõõu thõ Teã Caâm, Hoãm Ñõã chi phuõcõõng. Nhõõc dãõn chi tieân nghiẽp, kyüdo haã sanh, caâm vi ñõõng nhõ

Nhõ dó haanh thieân nhi ngaã chung hoã baõ. Vi aù nhi thaùng trò phõõu trõng. Tieân khaũhoãm võu, tõu vi khi quyü Taé dieã Nghieâu, Thuaân chi vaân hõ, Chaũ, Khoãng chi baát thaã dãõ Hõu duõ an sõuý tín nhi læp thaân hoã

Thích tam vieát: Khai tõch dó lai, baát thieân nhaân ña nhi thieân nhaân thieâu. Haõdo taát traùh kyõtinh khieát hoã Kieán hõu danh taùng cao haõnh, khí nhi baát thuyeát. Nhõõc ñõã phaãm taùng löu tuõ, tieân sanh phi huý. Thaũhoõ giaũchi baát caàn, khõu giaõ giaũchi vi quaũ Tuõ taùng chi hoõ kinh luaân, haõdõ só nhaân chi hoõ Thi Leã

Dó Thi Leãchi giaõ, caùh trieäu ñiõnh chi nhaân, löõc vã toãm haõnh giaũ Dõ kinh luaã chi caãm, caùh xuaã gia chi boã, nhi ñõõ traùh voãphaãm tai. Thaũkhuyeát haõnh chi thaân, du caũ loã vô. Huý caãm chi löõ haõtam cuõng döõõng hoã Kyõ giõu haõnh, tõ ñõõng hõu phaãm. Nhaát phi phaõ phuõ, dó

歲中所計，齋講誦持。比諸白衣，猶不啻山海也。

釋四曰。內教多途，出家自是其一法耳。若能誠孝在心，仁惠爲本。須遠，流水不必剃落鬚髮。豈令罄井田而起塔廟。窮編戶以爲僧尼也。皆由爲故不能節之。遂使非法之寺，妨民稼穡。無業之僧，空國賦算，非大覺之本旨也。

抑又論之。求道者，身計也。惜費者，國謀也。身計，國謀不可兩遂。誠臣狗主而棄親。孝子安家而忘國。各有行也。儒有不屈王侯，高尚其事。隱有讓王，辭相，避世山林。安可計其賦役，以爲罪人。

若能偕化黔首，悉人道場。如妙樂之世，穰佉之國，則有自然稻米，無盡寶藏。安求田蠶之利乎。

釋五曰。形體雖死，精神猶孝。人生在世，望於後身，似不相屬。及其歿後則與前身，似猶老少朝夕耳。

世有魂神，示現夢想。或降童妾，或感妻孥。求索飲食，徵修福祐，亦爲不少矣。今能

ñoã taêng soá Tueátrung sôukeá trai giaêng tuêng trì. Tyúchö bãch y, du baá thí sôn haũ daõ

Thích töüvieát: Noã giaò ña ñoà xuaá gia töi thò kyønhuá pháp nhó. Nhöõr naêng thanh hieáu tai taâm, nhaõn hueävi boãn. Tu Ñãt, Löu Thuý baá taá theálař tu phau. Khôũ linh khãm thanh ñiẽn nhi khôũ thap mieáu. Cung bieãn hoädó vi taêng ni daõ Giai do vò coábaá naêng tieá chi. Toãi söũphi pháp chi töi phöông dân giausaé. Voãnghiep chi taêng, khoãng quoa phui toãm, phi Ñãi giaù chi boãn chædaõ

Öh höũ luañ chi. Caũ ñãõ giaũ thaãn keádaõ Tích phí giaũ quoa möu daõ Thaãn keáquoa möu, baá khaũlöõng toãi. Thanh thaãn tuañ chuũnhí kí thaãn. Hieáu töũan gia nhi vong quoa. Caũ höũ hanh daõ Nho höũ baá khuaá vöông haũ, cao thöõng kyøsoĩ Aũ höũ nhöõng vöông, töõtöõng, tí theáson laãn. An khaũkeákyøphuüdöch, dó vi toã nhaãn?

Nhöõr naêng giai hoã kieãm thuũtaá nhap ñãõ trang. Nhö Dieũ Lař chi theá Höõng Khö chi quoa, taé höũ töi nhieãn ñãõ meã voãtaãn baũ taêng. An caũ ñiẽn tam chi löi hoã

Thích nguõvieát: Hình theátuy töü tinh thaãn du toãn. Nhaãn sanh tai theá vöng ö haũ thaãn, töibaá töõng thuoa. Cap kyø möi haũ taé döõtieãn thaãn, töidu laõ thieáu trieäu tòch nhó

Theáhöũ hoãn thaãn, thò hieãn möng töõng. Hoaë giãng ñoãng thieáp, hoaë caũn theãnoa. Caũ saũh aãm thöë, tröng tu phöõu hoã dieã vi baá thieäu hyõ Kim nhaãn baãn tieãn taá khoã

貧賤疾苦，莫不怨尤前世不修功業。以此而論，安可不爲之作地乎。

夫有子孫，自是天地間一蒼生耳。何預身事，而乃愛護遺其基址。况於己之神爽，頓欲棄之哉。

凡夫蒙蔽，不見未來。故言彼生與今非一體耳。若有天眼鑒其念念隨滅，生生不斷。豈可不怖畏耶。

又君子處世，貴能克己復禮，濟時益物。治家者，欲一家之慶。治國者，欲一國之良。僕妾臣民，與身竟何親也，而爲勤苦修德乎。亦是堯舜，周孔虛失愉樂耳。

一人修道濟度幾許蒼生，免脫幾身罪累。幸熟思之，汝曹若顧俗計，樹立門戶不棄妻子，未能出家，但當兼修戒行。畱心誦讀以爲來世津梁。人身難得，勿空過也。

儒家君子，尚離庖廚。見其生不忍其死，聞其聲不食其肉。高柴折像，未知內教，皆能不殺。此乃仁者，自然用心。含生之徒，莫不愛命。去殺之事，必勉行之。好殺之人，臨死報

mạc bạt oạn v̄oụ tiẹn thẹabạt tu cọng nghịep̄. Dó th̄oụnhi luạn, an khạubạt vi chi tạụ ñọa họa

Phụsh̄ọụ tȫutọan, tȫi th̄ọ thiẹn ñọa gian nhạt th̄ọng sanh nh̄o. Hạōd̄ōi thạn sȫi nhi nāo āu hōadi kȳoc̄ō ch̄e Huōng ö kȳu chi thạn sạng, ñōa dụ kh̄i chi tai.

Pham phu mōng tēa bāt kiẹn v̄o lai. Cōangōn b̄e sanh dȫokim phi nhāt thẹanh̄o. Nh̄ōōc h̄ōu thiẹn nhạn giam kȳo niẹm niẹm tuy diẹt, sanh sanh bāt ñōạn, kh̄ōu khạubāt bōa uȳ da?

H̄ōu quạn tȫux̄ōuthēa quȳunāng khāc kȳuphūc lēa tēath̄ōi ich vāi. Tr̄o gia giāu dūc nhāt gia chi khānh. Tr̄o quōc giāu dūc nhāt quōc chi lȫng. Bōt thiēp thạn dạn, dȫōthạn cạnh hạōthạn dāo nhi v̄o cạn khōatu ñōu hōa Diēc th̄ō Nghiēu, Thuān, Chu Khōng, h̄o thāt du lāc nh̄o.

Nhāt nhạn tu ñāo tēañōakȳoh̄ōa th̄ōng sanh, miẹn thōat kȳōthạn tōa luȳ. Hānh thūc tȫ chi, nh̄ōotāo nh̄ōōc cōatūc kēa th̄ōi lāp mōn hōa bāt kh̄i thēatȫu v̄o nāng xuāt gia, ñān ñōng kiẹm tu gīōi hānh. Lȫu tạn tūng ñōā, dó vi lai thēa tạn lȫng. Nhạn thạn nan ñāc, vāi khōng quāudāo

Nho gia quạn tȫu th̄ōng ly bāo trūc Kiẹn kȳōsanh bāt nhạn kȳōtȫu vān kȳōthanh bāt th̄ōc kȳonhūc. Cao tȫuchiēt tȫong, v̄o tri nōā giao, giai nāng bāt sāu. Th̄ōunāo nhạn giāu tȫi nhiẹn dūng tạm. Ham sanh chi ñōā mạc bāt āu māng. Kh̄ōusāu chi sȫi tāt miẹn hānh chi. Hāo sāu chi nhạn, lān tȫu

驗。子孫殃禍，其數甚多，不能悉錄耳。且示數條於末。

近世有人，常以雞卵白和沐。云使髮光，每沐輒破二三十枚。臨死髮中，但聞啾啾數千雞雛聲。

江陵，劉民，以賣鰾羹爲業。後生一兒，頭是鰾，自頸已下方爲人耳。

王克爲永嘉郡守。有人餉羊，集賓而讌。忽羊繩解來投一客。先跪兩拜，便人衣中。此客竟不言之，固無救請。須臾宰羊爲炙，先行至客。一齧人口，便下皮內，周行徧體，痛楚號叫，遂作羊鳴而死。

梁孝元，在江州，時有人爲望蔡縣令。經劉敬躬亂，縣廨被焚，寄寺而住。民將牛酒作禮，縣令以牛繫刹柱，屏除形像，鋪設牀座。於堂上接賓，未殺之頃。牛解徑來，至堦而拜。縣令大笑，命左右宰之。飲噉醉飽，便臥簷下，稍醒而覺體痒，爬搔隱疹，因爾成癩，十許年死。

baò nghiệãm, tồitoãn ôông hoã, kysoáthaãm ña, baá naêng taá lữc nhó. Thauùthò giaò ñieàu ô maí.

Caãn theáhhôũ nhaãn, thôông dó kênoaãn baích hoã moã. vaãn sôũphaù quang, moã moã trieáp phaùnhò tam thaáp mai. Laãn tồũphaù trung, ñaãn vaãn thu thu soáthieãn kêasoáthanh.

Giang Laêng, Lôu thò, dó maí thieãn canh vi nghiệáp. Haũ sanh nhaá nhi, ñaàu thò thieãn, tồicãmh dó haiphôông vi nhaãn nhó.

Vôông Khaéc vi Vónh Gia quaãn thuũ Hôũ nhaãn hõông dõông, tap khaùh nhi yeãn. Hoá dõông thaêng giaũ lai ñaàu nhaá khaùh. Tieãn quyølõông baũ, tieãn nhaáp y trung. Thõũ khaùh caùh baá ngoãn chí, coávoácõũ thanh. Tu du teádõông vi chích, tieãn haũh chí khaùh. Nhaá luyeãn nhaáp khaũ, tieãn haĩbì noã, chaũ haũh bieãn theá thóng sôũhaũ khieàu, toaĩ taũ dõông minh nhi tồũ

Lõông Hieàu Nguyeãn, taĩ Giang Chaũ, thõũ hõũ nhaãn vi võng thaũ huyeãn leãh. Kinh Lôu Kính Cung loãn, huyeãn giaũ bò pham, kyùtõĩ nhi truĩ Daãn tồông ngõu tồũ taũ leã huyeãn leãh dó ngõu heãsaũ truĩ bình trõhình tồông, phoá thieá sang toã. Ô ñõông thõông tieáp taãn, vò saũ chí khoãmh. Ngõu giaũ kính lai, chí giai nhi baũ. Huyeãn lòngh ñaĩ tieàu, maĩng taũhõũ teáchi. Aãn ñaĩm tuy baũ, tieãn ngoã dieãm haĩ saũ tanh nhi giaũ theádõông, ba tao aãn chaãn, nhaãn nhó thanh lai, thaáp hõũ ñieãn tồũ

楊思達，爲西陽郡守。值侯景亂，時復旱儉，飢民盜田中麥。思達遣一部曲守視。所得盜者，鉏截手腕，凡戮十餘人。部曲後生一男，自然無手。

齊有一奉朝請，家甚豪侈。非手殺牛，噉之不美。年三十許病篤，大見牛來，舉體如被刀刺，叫呼而終。

江陵高偉隨吾入齊，凡數年。向幽州淀中補魚。後病每見羣魚齧之而死。

世有癡人，不識仁義。不知富貴，竝由修種。爲子娶婦恨其生資不足，倚作舅姑之尊。蛇虺其性，毒口加誣，不識忌諱。罵辱婦之父母卻云教以婦道。不孝已身，不顧他恨。但憐己之子女，不愛己之兒婦。如此之人，陰紀其過，鬼奪其算。慎不可與爲隣，仍不可與爲援，宜遠之哉。

Dông Tô Nãi, vi Tây Dông quãn thuú Trò Hài Cảnh loan, thòi phuê hãn kiếm, cô đản ãi ãi trung mãch. Tô Nãi khiếm nhắ boákhũ thuúthò. Sôũnăc ãi giậu triếp tái thuúoãm, phãm lưc thắp dô nhãn. Boákhũ hãn sanh nhắ nam, tõi nhieãm voáthuú

Teáhõũ nhắ phũng triêu thanh, gia thãm hao xê Phi thuú saũ ngõu, ãiãm chi bá myõ Nieãn tam thắp hõũ beãn ãi, ãi kiếm ngõu lai, cõũtheãn hõ bò ãi thích, khiếm hoãnhi chung.

Giang Laêng, Cao Vó, tuy Ngoãnhaũ Teà phãm soãnien. Hõông U chãũ ãien trung boãngõ. Hãn beãn moã kiếm quãn ngõ nieãm chi nhi tõi

Theáhõũ si nhãn, bá thõũ nhãn nghóa. Bá tri phuúquyũ tòngh do tu chũng. Vò tõi thuú phuĩ hãn kyõsanh tõi bá tuũ, yũ táũ cõũ coáchi toãn. Xaõhuũ kyõtãm, ãi khaũ gia vu, bá thõũ kũ huũ. Mãnhuũ phuĩchi phuĩmaũ, khõũ vaãn giaũ dó phuĩ ãi. Bá hieũ kyũthãn, bá coátha hãn. ãi laãn kyũchi tõiũõ bá aũ kyũchi nhi phuĩ Nhõ thõũchi nhãn, aãm kyũkyõ quaũ quyũnoat kyõtoãm. Thãm bá khaũdõvi laãn, nhõng bá khaũdõvi vieãn, nghi vieãn chi tai.

5. Hoàng môn Thị lang đời Bắc Tề:⁽¹⁾ Bài luận trừ những chỗ sai lầm

Tin có việc trong ba đời⁽²⁾ là vì thật có chứng cứ. Nghiệp nhà quay về nơi tâm chớ nên khinh mạn. Ý chỉ nhiệm mầu ấy có đủ trong kinh luận, nếu chẳng xem lại trong đó thì cũng rất khó thuật lại mà xưng tán. Chỉ e rằng có những người còn chưa được vững chắc nên tôi lược nói lại đôi điều ở đây mà khuyên nhủ đó thôi.

Ban sơ, khi bốn trần⁽³⁾ và năm ấm⁽⁴⁾ phân tách hữu hình; sáu thuyền⁽⁵⁾ và ba xe⁽⁶⁾ chuyên chở muôn loại chúng sanh. Hết thấy các hạnh đều quy về lẽ không, hết thấy các môn tu đều là việc thiện. Biện tài trí huệ há chỉ có bảy kinh?⁽⁷⁾ Trăm họ rộng lớn lắm thay, dẫu có trí sáng như Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng cũng không kịp được!

⁽¹⁾ Bắc Tề (479–501), Nguyên là nhà Tề, vì đặt kinh đô ở đất Kiến Nghiệp về phía Bắc nên gọi là Bắc Tề.

⁽²⁾ Ba đời: tức là quá khứ, hiện tại và vị lai. Ở đây nói tin có việc trong ba đời là muốn nói đến những kiếp sống quá khứ trước đây và những kiếp sống sau này trong tương lai, hay nói cách khác là tin có sự luân hồi, có sự tái sanh chứ không phải sau khi chết là dứt hết.

⁽³⁾ Bốn trần (Tứ trần, tức là Tứ đại), gồm địa, thủy, hỏa, phong (đất, nước, lửa, gió), được xem là 4 yếu tố tạo thành vật chất.

⁽⁴⁾ Năm ấm (Ngũ ấm, cũng gọi là Ngũ uẩn), gồm sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm.

⁽⁵⁾ Sáu thuyền (Lục châu), chỉ sáu pháp ba-la-mật, tức Lục độ, ví như sáu chiếc thuyền đưa người vượt qua biển khổ, gồm có: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

⁽⁶⁾ Ba xe (Tam giá), chỉ Tam thừa trong đạo Phật, theo ý kinh ví với ba loại xe là xe dê, xe nai và xe trâu. Tam thừa là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ Tát thừa. Đức Phật thuyết dạy giáo pháp Tam thừa là đủ các phương tiện để đưa tất cả chúng sanh đạt đến Niết-bàn, giải thoát.

⁽⁷⁾ Bảy kinh: chỉ bảy bộ sách của Nho giáo, gồm kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Lễ, kinh Nhạc, kinh Xuân thu và Hiếu kinh.

Hai đạo trong ngoài⁽¹⁾ vốn là một thể, dần dần thành khác đi, chỗ sâu cạn chẳng đồng. Kinh điển đạo Phật dạy Năm giới⁽²⁾ cho người mới học, cũng là phù hợp với kinh sách Nho giáo nêu lên Ngũ thường.⁽³⁾ Nhân cũng chính là không giết hại, *ngĩa* cũng chính là không trộm cắp, *lễ* cũng chính là không tà dâm, *trí* cũng chính là không uống rượu, *tín* cũng chính là không nói dối.

Cho đến như những việc săn bắn, giết chóc, vì là tánh nét lâu ngày của dân, không thể nhất thời dứt được, nên khiến cho bớt dần đi, đừng lạm dùng quá lắm. Như thế mà lại cho rằng Châu công, Khổng tử là nghịch với thuyết Phật, há chẳng sai lầm lắm sao?

Người đời kích bác đạo Phật, nhìn chung không ngoài năm điều này:

1. Cho rằng những việc ở ngoài cõi thế cùng những việc thần hóa vô phương là những chuyện viễn vông, không thật.
2. Cho rằng những việc lành, dữ, họa, phúc hoặc sự báo ứng chưa đến là những việc đối trá, lừa phỉnh.
3. Cho rằng hạnh nghiệp của tăng ni phần nhiều chẳng trong sạch, thuần khiết, thường là đối trá, gian tà.
4. Cho rằng đạo Phật lãng phí vàng bạc, châu báu, làm giảm bớt những sự đóng góp công quỹ nên có hại cho nước nhà.

⁽¹⁾ Hai đạo trong ngoài (nội giáo và ngoại giáo), đây nói theo cách của người theo đạo Phật, thường gọi đạo mình là nội giáo, gọi Nho giáo là Ngoại giáo; cũng như kinh điển đạo Phật gọi là Nội điển, kinh sách thế tục gọi là Ngoại điển.

⁽²⁾ Năm giới (Ngũ giới): Năm giới căn bản của người tin theo Phật, gồm không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

⁽³⁾ Ngũ thường: gồm nhân, nghĩa, lễ, trí và tín.

5. Cho rằng dầu có nhân duyên, quả báo lành dữ cũng chẳng cần phải khó nhọc khổ sở, vì việc làm của ta trong đời này chỉ có lợi cho kẻ khác ở đời sau, vì khi tái sanh đã là một người khác rồi!

Nay tôi sẽ lần lượt giải thích tất cả năm điều ngờ vực ấy.

Về điều thứ nhất, phàm những sự vật xa xôi, to lớn, há có thể đo lường được sao? Điều mà người nay được biết không gì xa và lớn hơn trời đất. Trời là do khí tích tụ, đất là do khối tích tụ, mặt trời là tinh của khí dương, mặt trăng là tinh của khí âm, các vì sao là tinh của muôn vật. Đó là theo sự sắp xếp của nhà Nho.⁽¹⁾ Dù vậy, có biết bao điều trong vũ trụ mà chúng ta vẫn không sao hiểu biết hết được.

Đất vẫn là chất nặng và rắn, chìm xuống thành khối dày, thế mà đào xuống đất thì gặp mạch nước, hóa ra đất lại nổi trên nước? Sông suối lớn nhỏ hàng trăm dòng đều xuôi chảy về biển, vì sao biển chẳng đầy tràn? Thủy triều lên xuống có chừng mực là do đâu vậy? Trời đất bao la rộng lớn, tại sao phân vạch bờ cõi chỉ chú trọng riêng có Trung Hoa là chính? Chẳng phải còn có các nước Hung Nô, nước Hồ ở phía tây, nước Việt ở phía đông, nước Điều Đề, nước Giao Chỉ nữa đó sao? Lấy đó mà xét, còn có rất nhiều việc mà không bao giờ ta hiểu cho hết được. Há nên dùng việc tầm thường của người mà suy lường hết ngoài vòng vũ trụ hay sao? Chỗ tin nhận của người phàm chỉ là do tai nghe, mắt thấy mà thôi. Ngoài những điều tai nghe, mắt thấy thì tất cả đều nghi ngờ!

⁽¹⁾ Từ đây trở xuống chúng tôi có lược bỏ một số đoạn vì không còn phù hợp với kiến thức hiện nay.

Nhà Nho mô tả về trời, thường dùng nhiều nghĩa. Hoặc cho đó là *hỗn*, hoặc là *cái*, hoặc là *tuyên*, hoặc là *an*,⁽¹⁾ thấy đều do dùng trí suy diễn mà biết, chẳng phải dùng mắt thấy, tai nghe. Vì sao có thể tin lời ước đoán của phàm phu mà không thấu hiểu ý nghĩa mầu nhiệm của bậc Đại thánh, lại cho rằng không có số thế giới nhiều như cát sông Hằng, không có số kiếp nhiều như số hạt bụi nhỏ? Xưa ông Trâu Diễn đời Chiến quốc luận về chín châu, nói rằng người ở miền núi chẳng tin loài cá có thể lớn như cây đại thụ, còn người sống ở vùng biển lại chẳng tin rằng có những cây lớn bằng loài cá to. Hán Võ đế không tin là có loại keo dùng nối được dây cung đứt,⁽²⁾ Ngụy Văn đế chẳng tin rằng có thể dùng lửa mà giặt vải chống lửa.⁽³⁾ Người Hồ nhìn thấy vải lụa, chẳng tin rằng do con tằm ăn lá dâu, nhả tơ mà dệt nên. Xưa ở Giang Nam, người ta chẳng tin có tấm trướng long chiên chứa được ngàn người; trên miền Hà Bắc, dân chúng chẳng tin có chiếc ghe chở đến muôn hộc! Thế mà tất cả những điều ấy đều có thật.

Các pháp sư, nhà ảo thuật thường làm được những chuyện dị kỳ như bước vào lửa, đi trên lưỡi dao sắc... biến

⁽¹⁾ Hỗn, cái, tuyên, an: Vua Chuyên Húc soạn sách *Hỗn thiên*, *hỗn* nghĩa là một khối to lớn, có tri giác nhưng còn hỗn độn, chưa có khai tịch. Vua Hoàng Đế soạn sách *Cái thiên*, *cái* nghĩa là che trùm tất cả. Nhà Hạ và nhà Ân soạn sách *Tuyên thiên*, *tuyên* nghĩa là bày tỏ cho mọi người đều biết. Nhà Hậu Ngụy soạn sách *An thiên*, *an* nghĩa là làm cho yên định, an ổn. Cả bốn sách ấy đều mở rộng các nghĩa trên mà mô tả về trời.

⁽²⁾ Đời Hán Võ đế, có một nước ở bờ biển miền Tây dâng cho vua thứ keo có mùi thơm, sứ giả nói rằng có thể dùng keo ấy mà nối dây cung đứt. Vua không tin, sai người cắt vào kho ngoài. Về sau, vua bắn cung tại điện Cam Tuyên, dây cung bị đứt. Vua chợt nhớ liền sai người lấy keo ấy ra nối, quả nhiên dây cung liền được như cũ.

⁽³⁾ Đời Ngụy Văn đế có một nước Tây vực dâng lên vua loại áo bằng vải chống lửa. Sứ giả nói rằng mặc áo ấy vào lửa thì chẳng bị lửa đốt, và khi áo bị bắn phải dùng lửa mà giặt. Vua không tin, sau thử nghiệm thấy quả đúng như vậy.

hóa ra vật này, vật khác. Sức người thường còn làm được như vậy, huống chi là sự thần thông cảm ứng, chẳng thể suy lường như lọng báu che ngàn dặm, như tòa báu rộng trăm do-tuần, như hóa thành cõi Tịnh độ, như đột nhiên mọc lên tháp báu?

Về điều thứ hai, nên biết những sự thành tín hay hủy báng dù nhỏ nhặt cũng đều có ảnh hưởng. Tai nghe mắt thấy những việc như vậy đã có rất nhiều. Nhưng đôi khi vì sự thành tín chưa đủ sâu xa, vì nghiệp duyên chưa đủ cảm ứng nên chưa thấy được. Hoặc có khi xảy ra vào lúc khác, muộn màng hơn, nhưng rốt cuộc thì mọi hành vi đều sẽ có quả báo. Làm thiện thì phước đến, làm ác thì họa theo, tất cả học giả trong thiên hạ⁽¹⁾ đều nói như vậy, đâu chỉ riêng trong kinh điển Phật giáo mà gọi là hư vọng?

Những việc như Hạng Thác, Nhan Hồi chết yểu, Bá Di, Nguyên Hiến phải chịu đói lạnh,⁽²⁾ Đạo Chích, Trang Kiêu được hưởng phước thọ, vua Tề Cảnh, tướng Hoàn Khôi được cường thịnh, giàu sang,⁽³⁾ nếu muốn thấu hiểu được thì cần phải rõ biết những nghiệp đời trước, vì do đó mới chiêu cảm quả báo đời sau. Bằng như thấy người làm thiện bỗng chịu tai họa, kẻ làm ác lại gặp phước lành, rồi đem lòng oán trách cho rằng trời đất chẳng công minh, chẳng hóa ra vua Nghiêu, vua Thuấn nói bậy, các vị Châu, Khổng dạy sai? Vậy còn biết tin vào đâu mà lập thân?

Về điều thứ ba, nên biết xưa nay những người làm ác thì nhiều, người làm lành rất ít, như vậy lẽ nào lại đòi

⁽¹⁾ Nguyên văn dùng “cửu lưu, bách thị” (trăm họ chín phái), chỉ cho tất cả các học thuyết đương thời. Chín phái gồm có: 1. Phái Nho gia, 2. Phái Đạo gia, 3. Phái Âm dương gia, 4. Phái Pháp gia, 5. Phái Danh gia, 6. Phái Mặc gia, 7. Phái Tung hoành, 8. Phái Tạp gia, 9. Phái Nông gia.

⁽²⁾ Đây là những trường hợp người làm việc thiện mà chịu khổ nạn, tai họa.

⁽³⁾ Đây là những trường hợp người làm việc ác mà được hưởng phước lành.

hỏi tất cả mọi người đều phải trong sạch, tinh khiết cả hay sao? Người đời khi thấy hàng danh tăng đức hạnh thì bỏ qua mà không nói đến, còn gặp những kẻ phàm tăng tục nết thì sanh lòng hủy báng, chê bai. Hơn nữa, người học nếu không chuyên cần, há đổ lỗi cho khoa giáo hay sao? Hàng tăng sĩ học kinh luật nào có khác chi nhà Nho học Kinh Thi, kinh Lễ? Những lời dạy trong kinh Thi, kinh Lễ đều là để giúp người trở nên chân chánh, thế mà người học chẳng có ai được hoàn toàn cả! Cũng vậy, giới luật nhà Phật là để giúp người xuất gia tu sửa, nhưng lẽ nào lại chẳng có ai phạm vào? Những người làm quan, dù không đủ đức độ vẫn cầu được bổng lộc tước vị, huống chi hàng tăng lữ hủy cấm, đâu lẽ từ chối sự cúng dường? Cho nên, đối với giới hạnh cũng không khỏi có kẻ hủy phạm. Nhưng một khi đã mặc áo cà-sa là được tính vào hàng tăng lữ, chỉ tính trong khoảng một năm trai giới, tụng trì kinh luật thì so với những người thế tục cũng đã là hơn xa rồi vậy.

Về điều thứ tư, nên biết kinh luận Phật giáo dạy rất nhiều đường tu tập mà xuất gia chỉ là một trong số đó thôi. Nếu người có lòng thành hiếu, lấy nhân huệ làm gốc, như ông *Tu-đạt*, ông Lưu Thủy, thì chẳng cần cắt tóc cạo râu, há phải bán hết ruộng vườn mà tạo tháp miếu, bỏ cả nhà cửa mà làm tăng ni hay sao? Chỉ vì không có sự tiết chế, quản lý, để cho những ngôi chùa phi pháp dựng lên, hại mất chỗ cày cấy của dân, để cho những thầy tăng không hạnh nghiệp vào đó trốn thuế sưu của Nhà nước. Nhưng đó đâu phải là chủ ý của đấng Đại giác.

Lại nữa, việc cầu đạo là giải thoát thân mình, phát triển kinh tế là việc của Nhà nước. Trong hai đường ấy

không thể đồng thời thực hiện. Như bề tôi theo giúp vua thì phải bỏ mẹ cha, con hiếu lo việc nhà thì bỏ việc nước. Mỗi người phải chọn đường riêng của mình. Nho giáo cũng có những người chẳng lòn cúi bậc vương hầu, giữ tiết khí cao thượng. Các vị danh sĩ cũng có kẻ nhường ngôi vua, từ quan chức, lánh thế tục vào sống trong rừng núi, lẽ nào cũng cho rằng những bậc ấy là trốn sưu thuế, có tội với xã hội hay sao?

Nếu có thể khai hóa cho dân, độ cho tất cả đều vào đạo tràng, như vua Hướng Khư ở cõi Diệu Lạc,⁽¹⁾ thì tự nhiên đất nước sẽ được sung túc, giàu có vô tận, cần chi những mối lợi nhỏ mà buộc người tu phải lo việc làm ruộng, nuôi tằm?

Về điều thứ năm, nên biết rằng hình thể dù chết mà tinh thần vẫn còn. Người đời khi đang sống nghĩ đến kiếp sau thấy dường như chẳng có sự liên hệ, phụ thuộc. Nhưng đến khi chết rồi thì đối với kiếp trước cũng gần gũi tựa như già với trẻ, sớm với chiều.

Trong cuộc sống đôi khi cũng thấy có thần hồn hiện ra trong mộng tưởng, hoặc giáng đồng thiếp, hoặc cảm ứng vợ con hay tôi tớ, đòi hỏi việc cúng kính... những việc như vậy chẳng phải là ít. Những kẻ đời nay nghèo hèn, bệnh hoạn, khốn khổ, đều tự trách mình đời trước chẳng tu phước nghiệp. Theo lẽ đó mà luận, há chẳng nên lo việc tu hành tinh tấn hay sao?

Như khi ta sanh ra con cháu, chỉ là tự nhiên mà có giữa khoảng trời đất này, nào có liên quan gì đến ta mà lại yêu

⁽¹⁾ Vua Hướng Khư: Trong kinh *Di-lặc* hạ sanh thành Phật và nhiều Kinh khác có nói rằng: Vào thuở đức *Di-lặc* ra đời làm Phật, sẽ có vị Luân vương tên là Hướng Khư, rộng làm mười điều thiện, tự nhiên trong nước dân được no đủ, vui sướng.

thương, bảo bọc, lo kiến tạo nền móng để lại. Hướng chi phần tinh thần của chính mình lại muốn bỏ đi hay sao?

Kẻ phàm phu ngu muội, chẳng thấy đời vị lai, nên nói rằng thân sanh ở đời sau với đời này là khác nhau. Nếu được có thiên nhân sẽ thấy rằng mỗi một giây phút tiếp nối nhau đều có sự sống liên tục, đời này truyền sang đời khác, chẳng bao giờ dứt, chẳng phải là đáng sợ lắm sao?

Lại nữa, người quân tử sống trong đời quý ở chỗ biết bỏ thân mình mà theo lẽ phải, giúp ích cho xã hội. Giữ việc nhà thì muốn cho gia đình thịnh vượng, giúp việc nước thì muốn cho đất nước an lành. Xét lại, những kẻ tôi tớ, thê thiếp, quần thần, dân chúng đối với mình có quan hệ gì mà mình phải vì họ cần khổ tu đức? Lẽ nào đó cũng là các bậc thánh nhân như Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng bỏ phí mất sự an lạc của thân mình đó sao?

Một người tu hành đạo Phật tế độ cho bao nhiêu kẻ thoát khỏi nhiều đời tội lụy! Hãy nghĩ kỹ mà xem. Nếu những ai còn phải lo liệu việc đời, gầy dựng nhà cửa, chẳng bỏ vợ con, chưa thể xuất gia, thì hãy thường tu giới hạnh, lưu tâm đọc tụng kinh điển, lấy đó làm chỗ hướng đến cho đời sau. Thật rất khó được sanh làm người, vậy chớ nên bỏ luống qua!

Người quân tử của đạo Nho còn xa việc bếp núc, thấy con thú sống chẳng nở làm nó chết, nghe tiếng nó kêu la thì không ăn thịt nó. Cao Sài,⁽¹⁾ Chiết Tượng tuy chưa biết đạo Phật nhưng đều không giết hại. Đó là người

⁽¹⁾ Cao Sài là học trò đức Khổng tử. Trong sách Tiểu học có chép: “Tử Cao (tức Cao Sài) khi đi chẳng đạp lên bóng người khác, vào mùa thú vật đang sanh nẩy chẳng giết vật sống, về mùa cây đang lớn không chặt bẻ cành lá...”

có nhân, dụng tâm một cách tự nhiên. Muôn loài sanh linh thấy đều tham tiếc mạng sống, cho nên mình phải cố gắng tránh việc giết hại. Những kẻ ưa thích làm việc giết hại, khi lâm chung thì quả báo hiện ra, rồi về sau con cháu còn phải chịu tai ương. Những trường hợp như vậy nhiều không kể xiết, dưới đây chỉ tạm ghi ra một số trường hợp:

Gần đây có người thường lấy lòng trắng trứng gà hòa với nước mà gội đầu cho mượt tóc. Suốt đời không biết đã dùng đến biết bao nhiêu là trứng gà. Đến lúc sắp chết bỗng nghe trong mái tóc có tiếng gà con kêu chíp chíp.

Lại ở Giang Lăng có người họ Lưu làm nghề bán canh lươn. Về sau sanh ra một đứa con, đầu mặt như lươn, từ cổ trở xuống mới là hình người.

Quan thái thú quận Vĩnh Gia là Vương Khắc. Một hôm có người đem biếu một con dê. Vương Khắc bày tiệc mời khách đến ăn thịt dê. Khi ấy, sợi dây buộc con dê bị sút ra, dê chạy tới trước một người khách, quì xuống, lạy hai lần và chun vào núp trong áo của người ấy. Nhưng người ấy không nói gì, cũng không xin cứu mạng dê. Liên đó, nhà bếp bắt lấy con dê, làm thịt mang lên đãi khách. Người khách ấy vừa nuốt một miếng thịt vào miệng thì hơi nóng lan ra khắp thân thể, làm đau đớn vô cùng. Người ấy rên la hồi lâu, phát thành tiếng kêu như dê rồi chết!

Đời Hiếu Nguyên nhà Lương, tại Giang Châu có quan huyện lệnh Vọng Thái. Khi có loạn Lưu Kính Cung, dinh quan huyện bị đốt cháy, quan phải tạm trú ở một ngôi

chùa. Dân trong vùng đem bò và rượu đến làm lễ. Quan huyện lệnh sai người buộc con bò vào cột chùa, dẹp hết tượng Phật, sắp đặt bàn ghế làm chỗ ngồi tiếp khách và ăn uống trước chánh điện. Lúc chưa bị giết, con bò bỗng sút dây chạy thẳng tới thêm mà lạy. Quan huyện lệnh cả cười, sai quân bắt đi làm thịt. Ăn uống no say rồi, liền nằm dưới bức rèm mà ngủ. Chừng tỉnh dậy, thấy trong mình phát ngứa, móng tay cào gãi những mụn chỗ kín, nhân đó phát thành bệnh cùi, đau đớn kéo dài hơn mười năm rồi chết.

Dương Tư Đạt làm quan thái thú quận Tây Dương, nhằm lúc có loạn Hầu Cảnh (548 - 552), lại thêm nắng hạn mất mùa, dân đói khổ đi ăn trộm lúa trong ruộng. Tư Đạt sai một viên bộ khúc đem quân giữ lúa, bắt được kẻ trộm liền chặt cánh tay và giết hơn mười người. Về sau, viên bộ khúc ấy sanh ra một đứa con trai không có cánh tay.

Đời nhà Tề có người nhà giàu xa xỉ, thích ăn thịt bò, nhưng phải tự tay giết bò thì ăn mới ngon. Đến khoảng ba mươi tuổi bỗng mắc bệnh nặng, nhìn thấy cả bầy bò kéo đến. Liên đó, khắp cả người như bị dao đâm, kêu gào mà chết.

Cao Vĩ quê ở Giang Lăng, theo tôi⁽¹⁾ vào sống ở nước Tề nhiều năm, thường đến châu U, vào trong đầm lạch mà bắt cá. Về sau bị bệnh, thường thấy có bầy cá cắn xé mình, cảm thấy đau đớn cho đến chết.

⁽¹⁾ Tác giả, tức quan Thị Lang tự xưng.

三教真如本性說

真如本性者。父母未生前，一真無妄之體，謂之本來面目。禪宗則曰正法眼藏。蓮宗則曰本性彌陀。孔子則曰天理。老子則曰谷神。易道則曰太極。名雖有異，其實同一。

真如本性也。此性，虛而靈，寂而妙。天地未分，先有此理。歷塵劫而不朽，世界壞而不遷。

祖師亦云。有物先天地，無形本寂寥。能為萬象主，不遂四時凋。正謂此也。

嗟乎。人不能任其自如之真，而梏於地水火風和合之質。方其受形也，已為陰血濁氣，昏其本然清淨之體。及其生也，六塵五欲之迷倒，昧於本有之天真。

是故佛說八萬四千法門，皆是導人反妄而歸真也。其捷徑易行者，唯念佛一門。修之者，心不散亂，三昧現前。是復其本性也。

孔子教人克去己私，復還天理。私欲淨盡，天理流行。老子令人去爾欲，寧爾神，正是

Tam giáo chân như bản tánh thuyết

Chân như bản tánh giaû phũ maũ vô sanh tiền, nhưa chân vôvõng chi thea vô chi bản lai dieãn muỗ. Thiẽn tông taé vieá chành pháp nhưn tạng. Liẽn tông taé vieá bản tánh Di-não Khoãng tồutaé vieá thiẽn lýu Laõ tồutaé vieá coá thàn. Dìch ãaõ taé vieá thàn cõc. Danh tuy hõu dò, kyõthã ãoãng nhưa.

Chân như bản tánh dã Thõũtãm, hõ nhi linh tồch nhi dieãn. Thiẽn ãõa vô phaãn, tiẽn hõu thõũlyù Lõch trãn kiep nhi baá huũ Theágiõu hoã nhi baá thiẽn.

Toãso dieã vã: Hõu vã tiẽn thiẽn ãõa, vôhình bản tồch lieãn. Naõg vi vã tõõng chuũ baá trũc tồũthõ ãiẽn. Chàm vô thõũdaõ

Ta hoã Nhưn baá naõg nhưn kyõtõ ãõ chi chành, nhi coá õ ãõa thũy hoũ phong hoã hiep chi chà. Phõõng kyõthõ hình dã dó vi aãn hũyã trõõc khí, hoãn kyõbãn nhưn thanh tòn chi thea Cãp kyõsanh dã lũc trãn nguõduũ chi meããũ, muõ õ bản hõu chi thiẽn chành.

Thõ coáPhã thũyã baũ vã tồũthiẽn pháp mõi, giai thõ ãõ nhưn phaãn võng nhi quy chành dã Kyõtiep kình dò hãm giaũ duy niẽn Phã nhưa mõi. Tu chi giaũ taãn baá tãm loãn, tam-muõi hieãn tiẽn. Thõ phũc kyõbãn bản dã

Khoãng tõũgiaõ nhưn khãc khõũkyũtõ, phũc hoãn thiẽn lýu Tõ duũ tòn taãn, thiẽn lýũlõ hãm. Laõ tõũlinh nhưn khõũ

谷神不死也。谷者，虛也。神者，靈也。謂之虛靈不昧也。虛靈不昧者，即毀不滅性也。

書云。自誠明謂之性。自明誠謂之教。誠則明矣。明則誠矣。唯天下至誠，謂能盡其性。能盡其性，則能盡人之性。能盡人之性，則能盡物之性。能盡物之性，則知聖凡之性同體也。

金剛經云。是法平等，無有高下。是法者，指其本性也。本性喻乎金剛，言其堅固不壞也。無有高下者，上至諸佛菩薩，下至蠢動含靈，謂其皆有佛性。故曰平等也。

心經云。不增不減。此性在聖不增，在凡不減，故曰不增不減也。

豈不見儒云。一切含靈，各其一太極。亦此理也。

嗚呼。聖凡人物，本乎一性。只因迷悟之殊，染淨之別。所以有成聖也，有成凡也。有爲人也，有爲物也。夫如是則物命之類，豈可殺而食之乎。今時若殺他而食之，他時必殺汝亦食之。

nhó dưc, ninh nhó thàn, chành thò cóc thàn bá töüdaõ Coác giaü hö daõ Thàn giaü linh daõ Vô chi hö linh bá muoã daõ Hö linh bá muoã giaü töü huý bá dieä tành daõ

Thö vaân: Töi thanh minh vô chi tành. Töi minh thanh vô chi giaü. Thanh tác minh hyö Minh tác thanh hyö Duy thiên hai chí thanh, vô năng täñ kyotành. Năng täñ kyotành, tác năng täñ nhân chi tành. Năng täñ nhân chi tành, tác năng täñ vaä chi tành. Năng täñ vaä chi tành, tác tri thanh phạm chi tành ñoàng theadaõ

Kim Cang kinh vaân: Thò pháp bình ñáng, vôahöü cao hai Thò pháp giaü chäkyöboän tành daõ Boän tành duïhoäkim cang, ngoän kyökien cóabá hoaï daõ Vôahöü cao hai giaü thöông chí chö Phaä, Boätatü, hai chí xuän ñoäng ham linh, vô kyögiai höü Phaä tành, cóavieä bình ñáng daõ

Taân kinh vaân: Bá táng bá giaüm. Thöütành täi thanh bá táng, täi phạm bá giaüm. Cóavieä bá táng bá giaüm daõ

Khöü bá kieän Nho vaân: Nhaä thieä ham linh, caü höü nhaä thäü cöc. Dieä thöülyüdaõ

Oãhoä Thanh phạm nhân vaä, boän hoän nhaä tành. Chä nhân meängöchi thuø nhieän tành chi bieä. Sôüdó höü thanh thanh daõ höü thanh phạm daõ Höü vi nhân daõ höü vi vaä daõ Phuønhö thò tác vaä mäng chi loaï, khöü khaüsaü nhi thöc chi hoä Kim thöü nhöör saü tha nhi thöc chi, tha thöü táü saü nhöödieä thöc chi.

不見楞嚴經云。人死爲羊，羊死爲人，遞相吞噉。豈可逃哉。

或曰。天生萬物，所以養人也。若不殺不食，使禽獸之逾多，將何以治之。

答曰。因是殺食者多，墜墮者亦多。若能不殺不食，則無遞償之患矣。何則，世間男女盡持齋戒，則自然不食。不食，則不殺。不殺，則不墜。不墜，則地獄變爲天堂，凡夫成乎佛也。

梵網經云。持戒比丘不殺生草，而況於有情乎。有情者，佛命含靈也。無情者，草木瓦礫也。由是推之，則大小物命之類皆不可殺也。

汝等諸人，切宜仔細，究心念佛，啟悟真源。若也了了自見，法法現前，是名見性成佛，超出輪迴。若也一念差遲，永沈苦海。可謂。披毛從此得，作佛也由他。

Baí kián Laṅg Nghiêṅ kinh vaṅ: Nhaṅ tōuvi dōng, dōng tōuvi nhaṅ, ñeätōng thoṅ ñaṅ. Khôṅ khaṅṅ tai.

Hoă vieṅ: Thieṅ sanh vaṅ vaṅ, sôudó dōōng nhaṅ daṅ Nhôôṅ baí saṅ baí thōṅ, sôucaṅ thuṅchi du ña, tōōng haṅdò trò chi?

Ñap vieṅ: Nhaṅ thò saṅ thōṅ giaṅṅ, truy ñoṅ giaṅdieṅ ña. Nhôôṅ naṅg baí saṅ baí thōṅ, taé voṅñeṅthōōng chi hoṅ hyô Haṅtaé, theagian nam nōōtaṅ trì trai giôṅ, taé tōi nhieṅ baí thōṅ. Baí thōṅ, taé baí saṅ. Baí saṅ, taé baí ñoṅ. Baí ñoṅ, taé ñoṅ nguṅ bieṅ vi thieṅ ñōōng, phaṅ phu thanh hoṅPhaṅ daṅ

Phaṅ Voṅg kinh vaṅ: Trì giôṅ tỳ-kheo baí saṅ sanh thaṅ, nhi huóng ô hōṅ tình hoṅ Hōṅ tình giaṅ Phaṅ maṅg haṅ linh daṅ Voṅtình giaṅ thaṅ moṅ ngoṅ lèch daṅ Do thò suy chi, taé ñaṅ tieṅ vaṅ maṅg chi loaṅ, giai baí khaṅsaṅ daṅ

Nhōṅ ñaṅg chò nhaṅ, thieṅ nghi tōuteṅ cōṅ taṅn nieṅ Phaṅ, khaṅ ngoṅchaṅ nguyêṅ. Nhôôṅ daṅlieṅ lieṅ tōi kieṅ phaṅ phaṅ hieṅ tieṅ, thò danh kieṅ taṅh thanh Phaṅ, sieṅ xuaṅ luaṅ hoṅ. Nhôôṅ daṅnhaṅ nieṅ sai trì, vónh traṅ khoaṅ haṅ. Khaṅvò phi mao tung thōṅñae, taṅ Phaṅ daṅdo tha.

6. Tam giáo dạy về chân như bốn tánh

Chân như bốn tánh là cái thể hoàn toàn chân thật, không một mảy may hư vọng, sẵn có từ khi cha mẹ còn chưa sanh ra, cũng gọi là *bổn lai diện mục*. Thiên tông gọi đó là *Chánh pháp nhơn tạng*; Liên tông⁽¹⁾ gọi là *Bổn tánh Di-đà*. Khổng tử gọi là *thiên lý*. Lão tử gọi là *cốc thân*. Kinh Dịch gọi là *thái cực*. Tên gọi tuy khác mà kỳ thật cũng đồng như nhau.

Tánh ấy rỗng không mà linh diệu, vắng lặng mà mầu nhiệm. Từ thuở trời đất chưa phân đã có cái lý ấy rồi. Trải qua nhiều kiếp như số hạt bụi nhỏ cũng chẳng mất; dầu cho thế giới có hư hoại cũng chẳng thay đổi.

Tổ sư dạy rằng: “Có một vật hiện hữu trước cả trời đất, vắng lặng cô tịch không hình tướng, thường làm chủ mọi hiện tượng, không thay đổi theo bốn mùa.” Chính là nghĩa của *chân như bốn tánh* vậy.

Than ôi! Người ta chẳng biết gìn giữ cái chân tánh tự nhiên sẵn có của mình nên bị buộc trói vào cái thể xác vật chất do bốn món đất, nước, lửa, gió hợp thành. Đang khi thọ lấy hình hài đã bị âm huyết và trược khí làm cho mê tối thể tánh bổn nhiên thanh tịnh. Đến lúc sanh ra đời lại mê say, điên đảo với năm món dục, sáu trần cảnh, nên đối với cái thiên chân sẵn có càng thêm mờ mịt! Vì thế, Phật dạy tám muôn bốn ngàn pháp môn đều nhằm dắt dẫn người đời bỏ vọng về chân. Trong đó, pháp môn thẳng tắt và dễ thực hành hơn hết là pháp môn niệm Phật. Người tu tập pháp này, lòng không tán loạn thì *tam-muội* hiện tiền. Đó là trở về với bốn tánh vậy.

⁽¹⁾ Tức Tịnh độ tông.

Đức Khổng tử dạy người kiếm chế lòng tham muốn của riêng mình để trở lại với thiên lý. Chỗ tham muốn của riêng mình đã dứt sạch thì thiên lý tự sẽ lưu hành.

Đức Lão tử dạy người ta bỏ lòng tham muốn, giữ yên thần trí, đó chính là *cốc thân* không hư hoại. *Cốc* là nghĩa rỗng không, *thân* là nghĩa linh diệu. *Cốc thân* nghĩa là rỗng không linh diệu không mê tối. Đó chính là cái chân tánh không thể hủy diệt.

Kinh Thư dạy rằng: Do thành thật mà được sáng suốt, đó gọi là *tự tánh*; do sáng suốt mà được thành thật, đó gọi là *chỉ dạy*. Cho nên, thành thật ắt được sáng suốt, sáng suốt ắt được thành thật. Chỉ người chí thành trong thiên hạ mới thấu hiểu được tự tánh. Thấu hiểu được tự tánh thì thấu hiểu được tánh của người khác. Thấu hiểu được tánh của người khác thì thấu hiểu được tánh của muôn vật. Thấu hiểu được tánh của muôn vật thì biết được rằng tánh của thánh nhân với phàm phu cũng đồng một thể.

Kinh Kim Cang dạy rằng: “*Pháp này bình đẳng, không có sự cao thấp.*” Nói “*pháp này*” là chỉ cho bốn tánh. Bốn tánh ấy ví như kim cương, là vì nó rắn chắc, không thể hư hoại. Nói “*không có sự cao thấp*” là vì, trên từ chư Phật, Bồ Tát, dưới cho đến các loài sâu bọ, côn trùng thảy đều có tánh Phật, cho nên nói là bình đẳng.

Tâm kinh dạy rằng: “*Không thêm không bớt.*” Chân tánh ấy ở nơi bậc thánh cũng không thêm, ở nơi phàm phu cũng không bớt, cho nên nói là “*không thêm không bớt*”.

Nho giáo cũng dạy rằng: “Muôn loài có sự sống, thảy đều có đủ một khí thái cực.” Đó cũng là lý chân như bốn tánh vậy.

Than ôi! Thánh, phàm, người, vật vốn đồng một tánh. Chỉ bởi mê, ngộ mà khác nhau; chỉ tại nhiễm ô hay thanh tịnh mà thành phân biệt! Cho nên mới có thánh, có phàm, có người, có vật. Như vậy thì đối với các loài vật, lẽ nào lại nên giết để ăn thịt hay sao? Ngày nay nếu giết nó mà ăn, ngày sau ắt nó cũng sẽ giết mình mà ăn lại. Kinh Lăng Nghiêm dạy rằng: “Người chết làm dê, dê chết làm người, ăn nuốt lẫn nhau.” Lẽ nào trốn tránh được sao?

Có kẻ nói rằng: “Trời sanh muôn vật là để nuôi người. Nếu mình chẳng giết đi mà ăn, thì cầm thú ngày càng nhiều biết làm sao mà trị?”

Đáp rằng: “Bởi số người giết vật ăn thịt quá nhiều, cho nên phải đọa làm vật cũng nhiều. Nếu người ta chẳng giết hại, chẳng ăn thịt, thì khỏi bị cái nạn phải lần hồi thường mạng. Vì sao vậy? Nếu mọi người khắp thế giới đều giữ theo trai giới, tự nhiên chẳng còn ăn thịt. Không ăn thịt

東坡學士飲食說

夫天地之間，陰陽之內，發生萬靈，并以萬物。然其萬物滋益萬靈，萬靈之中人爲第一。雖云第一，還依食本。食本已具，然後可以立身，可以立行。

其立行者何用禾黍稷麥菽，及瓜果蔬菜之物

thì không còn giết hại. Không giết hại thì không phải sa đọa. Khi ấy, địa ngục sẽ hóa thiên đường, phàm phu cũng thành Phật Thánh.”

Kinh Phạm Võng dạy rằng: “Bậc tỳ-kheo giữ giới không làm chết cây cỏ, huống chi là đối với loài hữu tình! Hữu tình là các loài vật sẵn có tánh Phật, vô tình là các loại cỏ cây, ngôi sỏi. Theo đó mà suy ra thì hết thảy các loài vật có mạng sống, dầu lớn, dầu nhỏ cũng chẳng nên giết hại.

Các người nên chín chắn chuyên tâm niệm Phật, thấu rõ cội nguồn chân thật. Nếu tu tập đến mức tự mình thấu suốt tất cả, muôn pháp hiển bày trước mắt, đó gọi là kiến tánh thành Phật, vượt thoát luân hồi. Chỉ cần một niệm sai lệch chậm chạp thì muôn kiếp phải chìm trong biển khổ. Có thể nói rằng: “Mở lòng từ đó được, thành Phật cũng do đây.”

Đông pha học sĩ ẩm thực thuyết

Phuothieân nũa chi gian, âm döông chi noã, phau sanh van linh tinh dó van vaã. Nhieân kyovañ vaã tö ích van linh, van linh chi trung nhaân vi ñeãnhaã. Tuy van ñeãnhaã, hoan y thöc boãn. Thöc boãn dó cuĩ nhieân haũ khaudó lap thaân, khaũ dó lap hañh.

Kyølap thaân giaũhaø düng hoa thuũñaõ mãch thuũ, cap qua quaũgia thaũ chi vaã daõ Kyølap hañh giaũhaø hañh nhaân

也。其立行者何行仁義福智信，作士農工商之業也。所以人作隨其意而成立之。

且如畜類，皆是萬靈之數，亦有五常之理。喜怒哀樂，動淨昇沈，痛痒饑飽，孳生愛護，如我亦然。堪嗟世人以為食噉，橫加炮炙，深可悲哉。

嗚呼。形雖我不同，命亦吾無異。烹他身而養我身，宰他命而生我命，實非仁恕之心，乃是愚癡之意。凡食肉者，皆犯五常。

屠戮他身，肥甘自己，為不仁也。離他眷屬，延我親朋，為不義也。將他肉體，供獻神人，為不禮也。稱言食祿，當受刀砧，為不智也。設餌粧謀，引人陷穽，為不信也。

噫。人居塵世，全藉五常。知而故犯，不足為人。

又曰。世有常言。欠我錢債，作畜還償。當我食祿，俱無過咎。

余慎思之，亦不然也。緣眾生靈，即人性命。命為己命，債為世財。債可以捐，命不可捨。展轉冤讎，更相互受。今將為食，可不愍乎。

nghĩa lễ trí tín, tài số năng công thông chi nghiệp đạo Sôu đó thể nhân cầu tụy kỳ yù nhi thanh lập chi.

Thaân hō suừ loaĩ, giai thò vãn linh chi soá dieã hōũ nguõ thōông chi lý Hyûnoãai lãc, ñoãng tồnh thaãng traãm, thoãng dōông cô baõ, tồ sanh aũ hoãnhõ ngaõdieã nhieãn. Kham tu thể nhân đó vì thõc ñaĩm, hoãnh gia phãp chích, thaãn khai bi tai.

Oãhoã Hinh tuy ngaõbaã ñoãng, mãng dieã ngoãvoãdồ. Phanh tha thaãn nhi dōông ngaõthaãn, teãtha mãng nhi sanh ngaõmãng, thaã phi nhân thõuchi taãn, naõ thò ngu si chi yù Phãm thõc nhưc giai giai phãm nguõthōông.

Ñoãlũc tha thaãn, baõ cam tõi đó, vì baã nhân đãõ Ly tha quyẽn thuoã, duyeãn ngaõthaãn baõng, vì baã nghĩa đãõ Tôông tha nhưc theã cung hieãn thaãn nhân, vì baã leãdaõ Xõng ngoãn thõc loã, ñõông thõĩnao chaãn, vì baã trí đãõ Thieã nhò trang mõi, đããn nhân haãm tãnh, vì baã tín đãõ

Y. Nhân cõ traãn theã toãn tã nguõ thōông, tri nhi có phãm, baã tuừ vì nhân.

Hõu vieã: Theãhõũ thōông ngoãn: Khieãn ngaõtieãn traũ, tài suừ hoãn thōông. Ñõông ngaõthõc loã, caũ voãquãucõũ.

Dõ thaãn tồ chi, dieã baã nhieãn đãõ Duyeãn chũng sanh linh, tõi nhân tãnh mãng. Mãng vì kyũmãng, traũ vì theãtai. Traũ khaũdó quyẽn, mãng baã khaũxãũ Trieãn chuyeãn oan cõũ, cãmh tōông hoãthõĩ Kim tōông vì thõc, khaũbaã mãĩ hoã

於戲。食之者，不仁人。仁人者，不食矣。
明道先生曰。人吾同胞，畜吾同氣。

裴相國云。血氣之屬，必有知。凡有知者，必同體。

孟子曰。見其生，不忍見其死。聞其聲，不忍食其肉。

是故君子所當深戒也。

7. Đông Pha Học sĩ thuyết về việc ăn uống

Giữa khoảng âm dương trong vòng trời đất phát sanh muôn loài muôn vật. Muôn vật đều có ích cho sanh linh, mà trong tất cả sanh linh thì con người là cao trổi nhất. Tuy là cao trổi nhất nhưng vẫn phải nương vào việc ăn uống làm gốc. Có ăn uống no đủ rồi mới có thể lập thân, lập hạnh.

Muốn nuôi thân cần phải dùng những vật như lúa, nếp, bắp, đậu cùng là dưa, trái, cà, rau... Muốn lập hạnh, ắt phải thực hành những đức nhân, nghĩa, lễ, trí, tín và theo những nghề nghiệp thuộc các giới sĩ, nông công, thương. Cho nên, người đời đều có thể tùy ý mà lập thân và lập hạnh.

Vả lại, loài vật cũng là sanh linh, cũng có mạng sống, cũng có cái lý Ngũ thường, cũng biết vui mừng, nóng giận,

Oân hoà Thờ chi giaù baá nhân nhân. Nhân nhân giaù baá thờ hyõ Minh Nãb tieãn sanh vieát: Nhân ngoãñoàng baø, suõ ngoãñoàng khí.

Buá Tôõmng quoaá vaãn: Khí huyeaá chi thuoaá, taá hõu tri. Phãm hõu tri giaù taá ñoàng theá

Mañh töüvieát: Kieãn kyøsanh baá nhaãn kieãn kyøtõu Vaãn kyø thanh, baá nhaãn thờ kyønhuã.

Thò coáquaãn töüsõuñõõng thaãn giõu daõ

buồn đau, sợ sệt, cử động tới lui, lên xuống. Chúng cũng biết đau đớn, ngứa ngáy, biết no, biết đói, có sự sanh sản, trù mến, đùm bọc nhau như ta vậy. Than ôi! Người đời vì tham ăn uống nên bắt chúng mà nướng, mà trui, thật đáng thương thay!

Ôi! Hình thể tuy chẳng đồng với ta, nhưng mạng sống vẫn không khác! Nấu nướng thân xác chúng để nuôi dưỡng thân ta, giết hại mạng sống của chúng để nuôi sống mạng mình, thật không phải là lòng nhân, chính là ý tưởng ngu si. Phàm những kẻ ăn thịt đều là phạm vào Ngũ thường.

Giết mổ thân chúng để được miếng ăn ngon béo, đó là không có nhân. Chia lìa quyến thuộc chúng, nhóm họp người thân của mình, đó là không có nghĩa. Đem xác thịt chúng mà hiến cúng thần linh của mình, đó là không có lễ. Nói rằng được hưởng lộc mà chúng phải chịu nạn đao

thốt bầm vằm, đó là không có *tri*. Đặt mỗi nhử, mưu mô lừa phỉnh, khiến chúng phải sa vào hầm bẫy, đó là không có *tín*.

Than ôi! Người sống ở đời đều phải nương theo ngũ thường, biết mà vẫn cố ý phạm vào, thật chẳng đáng làm người!

Lại nữa, người đời thường nói rằng: “Vì thiếu nợ tiền bạc nên phải làm thú để trả. Đó là lộc đáng hưởng, không có tội lỗi.”

Xét kỹ ra, lời ấy chẳng đúng. Nhân vì các loại sanh linh đều có đồng mạng sống như con người. Mạng là mạng của riêng mình, nợ là chuốc lấy ở đời. Nợ có thể bỏ được,

優曇祖師戒殺文

卵,胎,濕,化,飛走蟲魚,皆未來諸佛之流,或過去多生父母。

至於,顛顛怖死,汲汲貪生。避苦而樂其身,此情一等。求安而養其命,斯理萬均。何乃聲哀哀而牽上刀砧。眼盼盼而驅就死地。或張羅亘野布網連山,火逐嶺以高低,烟隨處而疎密。疾電之鷹爭舉,追風之馬競前。猿睹箭以魂飛,雁看弓而膽落。解頭陷腦之酸,難

nhưng mạng thì không thể bỏ. Nếu cứ luân chuyển oán thù, thay nhau mà chịu hại; nay sắp bị giết thịt chẳng đáng thương sao?

Ôi! Kẻ ăn thịt là bất nhân. Người có nhân thì chẳng ăn thịt! Tiên sanh Minh Đạo nói rằng: “Người là đồng bào với ta, thú là đồng khí với ta.” Bùi Tướng quốc nói: “Những loại có huyết khí đều có tri giác, hễ có tri giác thì đồng thể với ta.” Mạnh tử dạy rằng: “Đã thấy con thú đang sống, chẳng nỡ nhìn nó chết; nghe tiếng nó kêu la, chẳng nỡ ăn thịt nó.”

Cho nên, người quân tử phải thường kiêng tránh việc giết hại.

Ưu đàm Tổ sư giới sát văn

Noãn thai thập hoà, phi tài trung ngô, giai vô lai chổ
Phải chi lêu, hoặc quai khố ùnã sanh phui mã.

Chí ơ ngưng ngưng bát ồ cấp cấp tham sanh. Tỉ khoa
nhi lã kyøthần, thồutinh nhấ ãnng. Caừ an nhi dồông kyø
mãng, tồ lyừvãn quầ. Hầnaồ thanh ai ai nhi khiềnthồông
ñao chầ. Nhầ phầ phầ nhi khu tồu tồ ùa. Hoặ ãông
la tuyề ão boávoõng liề sơn. Hoầ trứ lóh dó cao ãe uyeầ
tuy xồnhồ sồ mã. Tầ ãiề chi ồng tranh tồ Truy phong
chi mãcầnh tiề. Viề ãoátiề dó hoầ phi. Nhầ khầ cung
nhi ãầ ãlã. Giầ ãầ hầ ãồ chi toan, nan ãe ãoõng

抵。洞胸徹骨之痛，奚禁。况斯等，共禀五行，俱含四象。同沾佛性，共有神明。

何乃，陳此肉山，樹斯炮烙。克其口復，委彼心肝。殊不知斷其命者，是出佛身之血。食其肉者，寧非父母之身。造殺害之深尤，斷慈悲之種性。生前福壽，暗裏消磨。死後沈淪，刀山劍樹。還作雞猪魚兔，次第填償。至於宰割烹炮，因果相似。諦觀食肉，可謂寒心。

縱售易於屠門，亦難逃於重罪。菩薩寧當破骨，終不食噉眾生。是以白兔焚身，而仙人不顧也。草尚不拔，肉豈容嘗。

遠彼庖廚，有聞聲不忍之訓。養他出賣，同口殺心食之尤。大聖垂慈，所以制戒。永斷殺生，其德大也。修淨土人，故當持守。

可謂。

不貪香餌味，
始是碧潭龍。

hung triệi cói chi thóng, heacaân. Huóng tö ñaúng, công baim nguõhanh, caû ham töütöông. Ñoàng trieân Phaïi tamh, công höü thàn minh.

Haõnaõ, trañ thöünhuë sôn, thoi tö phaù laë. Khaé kyø khai phuè, uy bætaâm can. Thuõbaï tri ñoan kyømañg giâu thò xuaï Phaïi thaân chi huyeï; thöë kyønhuë giâu ninh phi phuïmañ chi thaân. Taõ saù hai chi thaân vöu, ñoan töõbi chi chuñg tamh. Sanh tieñ phöõu thoi àm lyütieäu ma. Töühañ trañ luañ, ñao sôn kieñ thoi Hoan taù keächöngö thoi thöü ñeãñieñ thöõng. Chí ö teacau phanh phaù, nhañ quaütöông töi Ñeáquan thöë nhuë. Khaüvò ham tañ.

Tuñg thuïdöch ö ñoamoñ. Dieë nan ñao ö tröng toã. Boa Taù ninh ñöông phaùcoï, chung baï thöë ñaïm chuñg sanh. Thò dó bãch thoáphan thañ, nhi tieñ nhañ baï cóadaõ Thaù thöõng baï baï, nhuë khöü dung thöõng.

Vieñ bæ baõ truø höü vañ thanh baï nhañ chi huañ. Döõng tha xuaï maï, ñoàng khai saù tañ thöë chi cöu. Ñaï thanh thuy töø söüdó cheágiöü. Vónh ñoan saù sanh, kyøñöü ñaï daõ Tu Tònh ñoanhañ, cóañöông trì thuü

Khaüvò:

Bất tham hương nhị vị,
Thủy thị bích đàm long.

8. Bài văn giới sát của Tổ sư Ưu Đàm

Tất cả những loài sanh ra từ trứng, từ bào thai, từ nơi ẩm thấp, từ sự biến hóa, bao gồm các loài biết bay trên trời, biết chạy dưới đất, cá lặn trong nước, cho đến côn trùng, sâu bọ... hết thấy đều là chư Phật trong tương lai,⁽¹⁾ hoặc là cha mẹ nhiều đời của ta trong quá khứ.

Lại xét cho đến lẽ hết lòng sợ chết, gấp rút tham sống, tránh điều khổ, tìm điều sung sướng, thì giữa ta và muôn vật đều như nhau cả. Cầu được yên thân nuôi dưỡng mạng sống, lẽ ấy muôn loài đều không khác. Vì sao đã nghe tiếng kêu thảm thiết mà còn lôi dắt đến chỗ giết mổ; đã thấy mắt nhìn sợ sệt van cầu mà lại đẩy xô đến nơi phải chết?

Lại bầy rập đầy núi, lưới giăng khắp đồng, đốt lửa đầy non; khói xông khắp chốn; ngựa khỏe rượt theo, chim ưng bắt lấy.⁽²⁾ Vượn nhìn mũi tên bay mất hồn; chim thấy dây cung buông khiếp vía! Nổi chua cay nát óc bể đầu, làm sao chịu nổi? Niềm khổ đau mổ bụng lóc xương, thật khá thương thay! Hướng chi, muôn loài đều chẳng khác với ta, đều quý thân mạng, đều có tánh Phật, cũng đủ tâm tình cảm xúc, cũng đủ tánh linh.

Sao nữ bày việc giết hại, thịt xương chất thành núi, nấu nướng chiên xào? Miếng ngon ở miệng mình mà hủy hoại tim gan chúng! Chẳng biết rằng giết hại chúng sanh tức là làm thân Phật chảy máu; ăn thịt chúng sanh chính là

⁽¹⁾ Vì Phật có dạy rằng: “Tất cả chúng sanh đều là Phật sẽ thành.”

⁽²⁾ Ở đây mô tả cảnh đi săn ngày xưa, người đi săn cưỡi ngựa bắn tên, có mang theo chó săn và chim ưng để lùa sục, bắt mồi.

ăn thịt cha mẹ đời trước của mình. Dứt mất hạt giống từ bi, tạo thêm tội nghiệp sát hại. Phước thọ trong đời này phải tiêu mòn, đứt đoạn; sau khi chết còn phải chìm đắm trong rừng kiếm, núi đao; rồi phải sanh trở lại làm gà, heo, cá, thỏ... lần lượt trả nợ, cũng sẽ bị nấu nướng, mổ xẻ, nhân quả tương tự. Cho nên, xét kỹ việc ăn thịt thật đáng khiếp sợ!

Cho đến như kẻ chuyên mua bán thịt cũng không tránh khỏi tội nghiệp nặng nề. Bồ Tát thà chịu nát xương chứ không ăn nuốt xương thịt chúng sanh. Cho nên, thỏ trắng tự thiêu để cúng dường mà tiên nhân không thọ dụng.⁽¹⁾ Đến cây cỏ còn không nhổ hại, há lại ăn thịt chúng sanh hay sao?

Có lời dạy rằng: Nên xa chỗ bếp núc, nghe tiếng kêu la của con vật thì chẳng nữ ăn thịt.⁽²⁾ Nuôi dưỡng súc vật để bán thì cũng đồng tội như kẻ giết hại, ăn thịt. Đức Phật rủ lòng từ bi nên chế định giới không giết hại. Như dứt hẳn được việc giết hại, thật là đức lớn thay! Người tu Tịnh độ phải gắng giữ gìn.

Nên có thể nói rằng:

Chẳng tham mùi hương nhữ,

Mới thật bậc chân tu!

⁽¹⁾ Thuở xưa, có một vị tiên nhân tu hành trong một động đá trên núi. Đến năm trời hạn, trong núi chẳng còn hoa, quả và nước. Ông muốn đi xuống chợ hóa trai. Có con thỏ trắng ở đó, không muốn ông bỏ việc tu tập nên tự nhào mình vô lửa thiêu mình để cúng dường cho ông ăn. Ông chạy đến lấy con thỏ ra khỏi lửa, dù đã chết rồi mà vẫn chẳng nữ ăn thịt nó, rồi ông quyết chí ở lại trong núi mà tu hành.

⁽²⁾ Đây là lời dạy của Nho gia, nguyên ý là: Người quân tử chẳng gần việc bếp núc, nghe tiếng kêu của con vật khi bị giết thì không ăn thịt của nó.

佛印禪師戒殺文

鱗甲羽毛諸品類，
 眾生與佛心無二。
 只為當初錯用心，
 致使今生頭角異。
 水中游林裏戲，
 何忍將來克日計。
 須臾活捉在砧牀，
 口不能言，眼還覷。
 或椎搥，或刀刺。
 牽入鑊湯深可畏。
 推毛捋羽刮皮鱗，
 剖脊剜心猶吐氣。
 美君喉誇好味，
 勸子勸妻同噉嗜。
 只知恣性縱無明，
 不懼陰司毫髮記。
 命纔終冤業至，
 面對閻王爭敢諱。
 從頭一一報無差，

Phật Ấn Thiên sư giới sát văn

Lâm giáp vũ mao chư phẩm loại.
 Chúng sanh dĩ Phật tâm vô nhị.
 Chỉ vị đương sơ thố dụng tâm.
 Trí sử kim sanh đầu giác dị.
 Thủy trung du lâm lý hý.
 Hà nhãn tương lai khắc nhật kế.
 Tu du hoạt tróc tại châm sàng.
 Khẩu bất năng ngôn nhãn hoàn thú.
 Hoặc trung áp hoặc đao thích.
 Khiên nhập hoạch than thâm khả úy.
 Thôi mao loát vũ quát bì lân.
 Phẩm quyển oan tâm du khổ khí.
 Mỹ quân hầu khoa hảo vị.
 Khuyến tử khuyến thê đồng đạm thị.
 Chỉ tri tứ tánh túng vô minh.
 Bất cụ âm ty hào phát ký.
 Mạng tài chung oan nghiệp chí.
 Diện đối Diêm vương tranh cảm hứy.
 Tùng đầu nhất nhất báo vô sai.

爐炭鑊湯何處避。
 勸賢豪須戒忌，
 莫把眾生當容易。
 貪他一鬻鬻還他，
 古聖畱言終不偽。
 戒殺念佛兼放生，
 決到西方上品會。

9. Văn giới sát của Thiền sư Phật Ấn

Hết thấy muôn loài lông, cánh, vảy...
 Chúng sanh cùng Phật đồng một tâm.
 Chỉ bởi xưa kia dụng tâm nhâm,
 Nay mới thọ hình hài muôn thú.
 Từng nước thăm, rừng xa vui thừa,
 Sao nữ đem làm bữa hằng ngày?
 Phút đâu bắt sống về đây,
 Hoặc dùi đập, hoặc là dao mổ,
 Nồi chảo đun, cực khổ xót xa!
 Cạo lông, nhổ cánh, lột da,
 Róc xương, rạch ruột, thở ra hơi tàn.
 Nấu nướng dọn lên bàn vừa miệng,
 Khuyên vợ con no miếng ngon lành.

Lô thán hoạch than hà xứ ty.
 Khuyến hiền hào tu giới kỵ.
 Mạc bả chúng sanh đương dung dịch.
 Tham tha nhất luyến luyến hoàn tha.
 Cổ thánh lưu ngôn chung bất ngụy.
 Giới sát niệm Phật kiêm phóng sanh.
 Quyết đáo Tây phương thượng phẩm hội.

Chỉ thường buông thả vô minh,
 Tạo nhân, tác nghiệp có ngày khổ thân.
 Oan nghiệp để tới khi chung mạng,
 Chạy đường nào thoát lưới nghiệp nhân?
 Xưa nay quả báo tỏ tường,
 Vạc dầu, lò lửa, không đường tránh qua!
 Khuyên thiện hữu để lòng răn giữ,
 Chớ xem thường sanh mạng chúng sanh.
 Miếng ăn, miếng trả ắt chẳng sai,
 Lời chư thánh xưa không hư dối:
 Giới sát, niệm Phật, thường phóng sanh,
 Quyết về Tây phương, bậc Thượng phẩm.

真歇禪師戒殺文

堪嘆世人大錯，
 卻將苦事爲樂。
 迎賓待客安排，
 殺害生靈造作。
 耳畔痛聲未絕，
 便把沸湯淋淥。
 不是鑊裏烹炮，
 便向火中炙烙。
 堂上聚集親朋，
 堂下喧喧鼓樂。
 恣其一世奢華，
 豈覺千生墮落。
 一朝壽盡報終，
 索命冤家尋捉。
 直饒抵諱分舒，
 其柰鬼神執縛。
 或上刀山劍樹，
 或入燄爐沸鑊。
 依次償他宿債，

Chân Yết Thiên sư giới sát văn

Kham thân thế nhân đại thố.
Khuốc tương khổ sự vi lạc.
Nghinh tân thị khách an bài.
Sát hại sanh linh tạo tác.
Nhĩ bạn thống thanh vị tuyệt.
Tiền bả phát than lâm lục.
Bất thị hoạch lý phanh pháo.
Tiền hưởng hỏa trung chích lạc.
Đường thượng tụ tập thân bằng.
Đường hạ huyên huyên cổ lạc.
Tứ kỳ nhất thế xa hoa.
Khởi giác thiên sanh đọa lạc.
Nhất triều thọ tận báo chung.
Tác mạng oan gia tâm tróc.
Trực nhiều để húy phân thư.
Kỳ nại quỷ thân chấp phược.
Hoặc thượng đao sơn kiếm thọ.
Hoặc nhập diêm lô phát hoạch.
Y thứ thường tha túc trái.

卻被刀傷斧斫。
 此時痛苦自當，
 人情都使不著。
 縱然受苦出期，
 未免透入別殼。
 若非啣鐵負鞍，
 必定披毛帶角。
 奉勸諸善男女，
 各自回頭相度。
 何如改悔身心，
 庶免沈淪三惡。
 若教賺卻路頭，
 萬劫難為轉腳。
 但念阿彌陀佛，
 求生西方極樂。

Khước bị đao thương phủ chước.
 Thử thời thống khổ tự đương.
 Nhân tình đô sử bất trước.
 Túng nhiên thọ khổ xuất kỳ.
 Vị miễn thấu nhập biệt xác.
 Nhược phi hàm thiết phụ an.
 Tất định phi mao đới giác.
 Phụng khuyến chư thiện nam nữ.
 Các tự hồi đầu tương độ.
 Hà như cải hối thân tâm.
 Thứ miễn trầm luân tam ác.
 Nhược giáo trảm khước lộ đầu.
 Vạn kiếp nan vi chuyển cước.
 Đãn niệm A-di-đà Phật.
 Cầu sanh Tây phương Cực lạc.

10. Văn giới sát của Thiên sư Chân Yết

Đáng thương trần thế lắm to!
 Thường đem việc khổ làm trò vui chơi.
 Tiệc bày đãi khách tơ bời,
 Sanh linh giết hại để mời người ăn.
 Bên tai còn tiếng kêu than,
 Liền đem nước nóng xối thân nữ nào!
 Hoặc là nồi chảo nấu xào,
 Hoặc là than lửa đưa vào nướng quay.
 Trên thêm nhóm hạp đủ đầy,
 Dưới thêm âm nhạc vui vầy đờn ca;
 Một đời buông thả xa hoa,
 Biết đâu tội nghiệp đấm sa ngàn đời?
 Một mai tuổi thọ dứt rồi,
 Oan gia đòi mạng khắp nơi đuổi tìm.
 Dầu cho chối cãi lẽ cùng,
 Quỷ thần bắt trói, khỏi vòng được sao?

普菴祖師戒殺文

堪嘆諸人不較量，
 卻將造罪當燒香。
 處處神壇社廟，
 盡是作業之場。

Hoặc rơi rình kiếm núi đao,
 Hoặc vào vạc nấu, hoặc vào lò nung.
 Trả y nợ cũ trong đời,
 Dao đâm búa bổ không lời biện minh!
 Bấy giờ đau đớn một mình,
 Xót vay nào kẻ thân tình là ai?
 Đến chùng măn tội đọa đầy,
 Súc sanh lại phải đầu thai mới vùa;
 Mang yên, ngậm sắt, ngựa, lừa..
 Tớ tôi phận chó, cày bừa thân trâu!
 Thiện nam, tín nữ đâu đâu,
 Khuyên mau trở gót, quay đầu đường ngay.
 Sao bằng tu sửa thân tâm,
 Khởi ba đường ác, khởi đây trầm luân.
 Nhược bằng lỡ bước sa chân,
 Muôn đời đọa lạc khó phần thoát ra,
 Chỉ chuyên niệm Phật Di-đà,
 Cầu sanh Cực Lạc, thoát về Tây phương.

Phổ Am Tổ sư giới sát văn

Kham thán chư nhân bất giảo lượng.
 Khước tương tạo tội đương thiêu hương.
 Xứ xứ thần đàn xã miếu.
 Tận thị tác nghiệp chi trường.

筒筒燒鶩煮鴨，
 每每宰殺豬羊。
 巧者持刀出血，
 拙者便去燒湯。
 向前起來下手，
 推毛破肚搜腸。
 煮得半生半熟，
 諸人鬪割分張。
 一似夜叉羅刹，
 猶如虎豹豺狼。
 祭賽邪神野鬼，
 正神豈可來嘗。
 鬼又何會飽滿，
 反遭觸犯天堂。
 貓兒無人殺喫，
 收拾被下安藏。
 豬羊廣有人殺，
 只見成隊成行。
 禽獸時時遭戮，
 殺者定去承當。

Cá cá thiên nga chũ áp.
 Mỗi mỗi tế sát trư dương.
 Xảo giả trì đao xuất huyết.
 Chuyết giả tiện khứ thiên thang.
 Hướng tiền khởi lai hạ thủ.
 Thôi mao phá đổ sừ tràng.
 Chử đắc bán sanh bán thực.
 Chư nhân đấu cát phân trương.
 Nhất tự dạ-xoa, la-sát.
 Du như hổ báo sài lang.
 Tế tái tà thân dã quỷ.
 Chánh thần khởi khả lai thường.
 Quỷ hựu hà tăng bão mãn.
 Phản tao xúc phạm thiên đường.
 Miêu nhi vô nhân sát khiết.
 Thâu nhập bị hạ an tàng.
 Trư ngưu quảng hữu nhân sát.
 Chỉ kiến thành đội thành hàng.
 Cầm thú thời thời tao lục.
 Sát giả định khứ thừa đương.

因此三荒兩旱，
爲人豈不思量。
若要報答天地，
除非齋戒賢良。

諸仁者。

殺他一命還他殺，
一念回光免禍殃。

偈曰。

畜生本是人來做，
人畜輪迴古到今。
不要披毛并戴角，
勸君休使畜生心。

11. Văn giới sát của Tổ sư Phổ Am

*Thương thay kẻ tục nhân ngu muội,
Tạo nhiều tội ác lại thấp hương!
Đình thần, miếu vũ khắp làng,
Thấy đều là chốn đàn tràng gây oan.
Nơi nơi giết vịt, mổ bò.
Chốn chốn quay gà, luộc lợn;
Kẻ khéo cầm dao đâm cổ.
Người vụng nấu nước, quạt than.*

*Nhân thử tam hoang lưỡng hạn.
Vi nhân khởi bất tư lương.
Nhuộc yếu báo đáp thiên địa.
Trừ phi trai giới hiền lương.*

Chỗ nhân giới

*Sát tha nhất mạng hoàn tha sát.
Nhất niệm hồi quang miễn họa ương.*

Keävieä:

*Súc sanh bốn thị nhân lai tổ,
Nhân súc luân hồi cổ đáo kim.
Bất yếu phi mao tịnh đối giác,
Khuyến quân hưu sử súc sanh tâm.*

*Việc giết hại lãng xãng, nhộn nhịp,
Cùng cạo lông, mổ bụng toi bời.
Nấu ra rồi nửa sống, nửa chín,
Lại tranh nhau xẻ lấy ít nhiều.
Thật chẳng khác dạ-xoa, la-sát,
Cũng không thua cọp dữ, hùm beo.
Cúng dâng quỷ dữ, thần tà,
Những thần chánh trực ắt là tránh xa!
Quỷ thần biết có dùng no chán?*

Mà thân mang tội ác ngút trời!
 Mèo kia khỏi nạn giết ăn,
 Thì yên một chỗ thân tàng thành thoi.
 Heo, dê lắm kẻ quen mùi,
 Tái sanh chen chúc vào đường súc sanh.
 Muôn loài bị giết thảm thương,
 Mà người giết cũng không đường thoát thân.
 Tội giết hại, tai ương trời giáng,
 Được thân người sao chẳng nghĩ suy?

天地神明戒殺文

或問曰。聞師慈悲，特來辯惑。

宗本曰。吾乃凡愚但以直答。

或曰。師言勸善念佛，戒殺行慈。世之祭天地，殺其牛馬牲犧。獻神明，宰其猪羊六畜。何如。

答曰。天地仁慈，好生為大。神明忠正，惡殺為先。何以逆天理而顛倒做耶。若顛倒行之，反遭禍矣。正所謂，獲罪於天無所禱也。

曰。不殺固為上矣，將何為祭禮乎。

曰。祭禮只在誠敬，非在物命。不聞孔子

Nếu cần báo đáp thân mình,
 Thì nên trai giới giữ mình hiền lương.
 Khuyên mọi người hãy suy xét kỹ,
 Mạng đổi mạng lẽ kia khó tránh,
 Sớm hồi tâm chuyển được tai ương.
 Súc sanh vốn trước là người,
 Người nay làm ác sau thành súc sanh.
 Muốn thân khỏi rơi vào loài thú,
 Chớ hoài mang tâm địa súc sanh.

Thiên địa thần minh giới sát văn

Hoac̣ vạṇ viẹt: Vạṇ sộ tọ̈obi, ñạc̣ lai biẹṇ hoac̣.

Tọng̣ Bọṇ viẹt: Ngọanạọ phạṃ phu, ñạṇ dọ́ trọ̈c̣ ñạp.

Hoac̣ viẹt: Sộ ngọạṇ khuyẹạṇ thiẹṇ niẹṃ Phại, giộụ sạụ hạnḥ tọ̈ Thẹachi tẹathiẹṇ ñạ, sạụ kyong̣oụ mạoṣanḥ hy. Hiẹạṇ thạṇ minh, tẹakyọ̈trọ̈ dọ̈ng̣ lục̣ sục̣. Hạnḥhọ̈?

Ñạp̣ viẹt: Thiẹṇ ñạ nhạṇ tọ̈ hiẹụ sạnḥ vị ñại. Thạṇ minḥ trung̣ chạnḥ, ọasạụ vị tiẹṇ. Hạọdọ́ nghọ̈cḥ thiẹṇ lỵuṇhi ñiẹṇ ñạụ tọada? Nhọ̈ọc̣ ñiẹṇ ñạụ hạnḥ chi, phạṃ taọ họạ hyọ̈ Chạnḥ sọ̈ụvọ̈, hoac̣ḥ tọạ ọ̈ thiẹṇ vọasọ̈ụñạụ dạọ

Viẹt: Bạị sạụ cọavị thọ̈ọ̈ng̣ hyọ̈ tọ̈ng̣ hạọvị tẹalẹạhọạ

Viẹt: Tẹalẹạcḥatạị thạnḥ kính, phị tạị vạị mạng̣. Bạị vạṇ Khọng̣ tọ̈ụviẹt: Tuỵ sộ thọ̈c̣ thạṇ canḥ quạ tẹạ tạị tẹanhọ̈ dạọ

曰。雖蔬食菜羹爪祭，必齊如也。禹，吾無間然矣。菲飲食而致孝乎鬼神。洋洋乎，如在其上，如在其左右，豈不然乎。

大藏經云。佛告諸國王曰。欲得雨暘時若，穀果豐登，必須修道德，恤萬民，施善政，戒殺生，可全天下之太平也。

不見華嚴經云。閻浮提內，五濁眾生，不修十善，專作惡業，殺盜邪淫，妄言綺語，兩舌惡口，貪瞋邪見，不孝父母，不敬沙門，更相忿諍，互相毀辱，任情起見，非法謀求。以是因緣，風雨不時，苗稼不登，人民匱乏，多諸疫病，馳走四方，無所依怙。

嗚呼。世人能依佛說，改過自新，必得庶事禎祥，諸緣吉慶矣。

又不見邵堯夫祝香文曰。

每日晨昏一炷香，
謝天謝地謝三光。
所祈處處田禾熟，
但願人人壽命長。
國有忠臣扶社稷，

Vuộ ngoavôgiai^m nhieân hyộ phæa^m thốt nhi trí hieáⁱ hoàquyúⁱ thaⁿ. Dông dông hoà nhôⁱ tai ky^othoông, nhôⁱ tai ky^otaⁱ hõⁱ. Khõⁱ báⁱ nhieân ho^a

Nãⁱ tã^{ng} kinh vaⁿ: Phaⁱ ca^o chõ^o quoa^t vông^o vie^t: Duⁱ ña^e vu^odông thõⁱ nhõ^ot, co^t qua^uphong ña^{ng}, taⁱ tu tu ña^o ñõ^u, tua^t vaⁿ daⁿ, thi thieⁿ cha^mh, giõⁱ sa^t sanh, khai toaⁿ thieⁿ haⁱchi thaⁱ bình da^o

Báⁱ kieⁿ Hoa Nghieⁿ kinh vaⁿ: Die^m-phu^oñe^ono^a, ngu^o trõ^ot chum^g sanh, báⁱ tu tha^p thieⁿ, chuyeⁿ ta^u à^u nghie^p, sa^t ña^o ta^odaⁿ, vông ngoⁿ yungõ^o lö^ong thieⁱ à^u khai, tham saⁿ ta^okieⁿ, báⁱ hieⁱ phuⁱmaⁱ, báⁱ kính sa moⁿ, ca^mh tõ^ong phaⁿ tranh, ho^atõ^ong hu^y như^t, nha^m tình khõⁱ kieⁿ, phi pha^p mõ^u ca^u. Dó^t thõ^o nhaⁿ duyeⁿ, phong vu^obá^t thõ^o, mie^u gia^ubá^t ña^{ng}, nhaⁿ daⁿ quyõ^opha^p, ña^o chõ^o taⁱ beⁿh, trì taⁱ tõ^uphõ^ong, vo^asõ^uy ho^a

O^aho^a The^anhaⁿ na^{ng} y Phaⁱ thuye^t, caⁱ qua^utõⁱ taⁿ, taⁱ ña^e thõ^osõⁱtrinh tõ^ong, chõ^o duyeⁿ kie^t khai^m hyõ

Hõⁱ báⁱ kieⁿ Thie^u Nghie^u Phu Chu^u hõ^ong vaⁿ vie^t:

Mỗi nhật thần hôn nhất chú hương.

Tạ thiên tạ địa tạ tam quang.

Sở kỳ xú xú điều hòa thực.

Đãn nguyện nhân nhân thọ mạng trường.

Quốc hữu trung thần phò xã tắc.

家無逆子惱爺娘。
四方平定干戈息，
我若貧時也不妨。

大哉言也。假若人人具此心，發此願，自然感動上帝垂慈，天龍護祐，風調雨順，國泰民安矣。

正所謂。禍因惡積，福緣善慶，理必然也。

諸仁者。且嶽帝至神，道通天地，尚且受聞神師之戒，去血食，響齋素，况蠢爾凡夫，乃恣殺物命以祀淫祠，求福得殃矣。

豈不聞嶽帝云。天地無私，神明暗察，不為享祭而降福，不為失禮而降禍。至哉言也。

奉勸祀神者，能具素饌，為之誦經回向，則神與我俱獲善福，何必殺生以祭乎。不然，更聽古人一偈。

偈曰。

一切眾生無殺業，
十方何處動刀兵。
家家戶戶常修善，
天下何愁不太平。

*Gia vô nghịch tử não gia nưong.
Tứ phương bình định can qua túc.
Ngã nhực bần thời dã bất phương.*

Nãi tai ngoãn đả Giaũnhồõc nhãn nhãn cũthồũtaãn, phãu thồũnguyeãn. Tồĩ nhieãn cũm nồõng thồõng ãethuy tồp thieãn long hoãhồũ, phong ãieũ voũthuaãn, quốc thãu đãn an hyõ

Chãnh sồũvò, hoã nhãn àũ tích, phồõũ duyeãn thieãn khãnh, lyũbaũ nhieãn đã

Chồ nhãn giãu ThãuNhãc ãeãchĩ thãn, ããb thồũng thieãn ãũa, thồõng thãuthoĩ vaũ thieãn sồ chi giồũ, khồũhuyẽ thõc, hõõng trai toã huốg xuaũ nhó phãn phu, nãũ tồũsãũ vaũ mãng dó tồĩ đãn tồp cãũ phồõũ ããc õng hyõ

Khồũ baũ vaũ Nhãc ãeãvaũ: Thieãn ãũa voãtõ, thãn minh àũn sãũ, baũ vò hõõng teãnhi giãng phồõũ, baũ vò thãũ leãnhi giãng hoã. Chĩ tai ngoãn đã

Phũng khuyẽn tồĩ thãn giãũ nãũg cũtoãsoãn, vò chi tũng kinh hoã hõõng, taẽ thãn dõõngaõcãũ hoãch thieãn phồõũ, hãũ taũ sãũ sanh dó teãhoã Baũ nhieãn, cũnh thĩnh cõnhaũ nhãũ keã

Keãvieã:

*Nhất thiết chúng sanh vô sát nghiệp.
Thập phương hà xứ động đao binh.
Gia gia hộ hộ thường tu thiện.
Thiên hạ hà sầu bất thái bình.*

12. Răn việc sát sanh để cúng tế trời đất

Ưó kể nói rằng: “Nghe sư từ bi nên đến đây nhờ chỉ rõ chỗ sai lầm.”

Tông Bồn đáp: “Tôi là kẻ phàm ngu, chỉ biết đem lễ ngay thẳng mà nói thôi.”

Liên hỏi: “Sư khuyên làm lành, dạy người niệm Phật, tránh sự giết hại, làm việc từ bi. Nhưng người đời tế trời đất thì dùng trâu, ngựa làm vật hy sanh; hiến thần minh thì giết heo, dê, súc vật. Việc ấy thế nào?”

Đáp: “Trời đất nhân từ, lấy đức hiếu sanh làm chính; thần linh trung chánh, lấy sự ghét việc giết hại làm đầu. Tại sao lại nghịch với lễ trời mà làm chuyện giết hại điên đảo? Nếu làm chuyện điên đảo, ắt phải gặp tai họa. Vì vậy nên nói rằng: Đắc tội với trời không thể cầu đảo mà thoát được.”

Hỏi: “Không giết hại là tốt rồi, nhưng biết lấy gì tế lễ?”

Đáp: “Tế lễ cốt ở sự thành kính chứ không nằm ở việc giết vật. Đức Khổng Tử dạy: Dù cúng tế bằng cơm gạo lúc với canh rau, nhưng sự nghiêm trang, tề chỉnh không khác. Đối với vua Vũ nhà Hạ, ta không có chỗ chê. Ngài ăn uống đạm bạc nhưng cung kính quỷ thần. Trong chốn mênh mông, dường như là ở trên, lại dường như ở khắp quanh ta, chẳng phải vậy sao?”

“Trong kinh có nhắc việc đức Phật dạy các vị quốc vương rằng: Muốn được mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, ắt phải tu hành đạo đức, thương mến muôn dân, cai trị hiền lành, răn cấm việc giết hại. Nếu mỗi vị đều làm như

vậy, thì toàn cảnh thiên hạ đều hưởng thái bình. Kinh Hoa nghiêm dạy: Chúng sanh cõi *Diêm-phù-đề* chìm trong năm sự uế trước, chẳng tu Mười điều lành, chuyên làm các nghiệp ác như: giết hại, trộm cắp, tà dâm, dối trá, nói lời trau chuốt, đâm thọc, độc ác, lại tham lam, sân hận, tà kiến; chẳng hiếu thảo với cha mẹ, chẳng cung kính bậc tu hành, lại giận dữ tranh đoạt với nhau, chê bai sỉ nhục nhau, mặc tình sanh khởi các kiến giải, mưu cầu những chuyện phi pháp. Vì những nhân duyên ấy nên mưa gió trái thời, mùa màng thất kém, nhân dân đói thiếu, sanh ra nhiều tật bệnh, chạy khắp bốn phương cũng không có nơi nương dựa.

“Than ôi! Nếu người đời biết nghe theo lời Phật dạy mà sửa lỗi, đổi mới tự thân thì sẽ được mọi việc tốt lành, bình an tốt đẹp.

Trong bài văn Chúc hương, Thiệu Nghiêu Phu viết rằng:

*Hai buổi sớm chiều dâng hương cao.
Cảm tạ đất trời khắp trăng sao.
Cầu cho chốn chốn vườn ruộng tốt.
Người người phước thọ tuổi càng cao.
Nước có tôi trung yên xã tắc,
Nhà không nghịch tử khiến lao đao.
Bốn phương bình định, can qua dứt,
Ta dẫn nghèo cùng cũng chẳng sao!*

“Lời nguyện ấy to tát thay! Nếu như ai nấy đều có tấm lòng như thế, đều phát nguyện như thế, tự nhiên cảm động thấu trời đất, khiến cho chư thiên đều ủng hộ, ắt được mưa thuận gió hòa, đất nước yên ổn.

“Có thể nói rằng: Tai họa là do tạo ác, phước đức nhờ việc làm lành.

“Đó là lẽ tất nhiên vậy. Xin khuyên hết thảy mọi người, đến như Nhạc đế là bậc chí thần, đạo thông trời đất, mà còn nghe lời răn của thiên sư, bỏ ăn đồ huyết, hưởng sự chay lạt, hướng chi bọn phàm phu ngu dại như chúng ta lại theo việc giết hại sanh mạng loài vật mà tế lễ tà thần! Hóa ra cầu phước mà gặp họa vậy. Nhạc đế dạy rằng: Trời đất không tư vị, thần minh ngầm xét rõ. Chẳng phải vì kẻ

事親大孝戒殺文

或曰。父母年高，須當良肉。若不殺生，將何奉養。

答曰。凡俗鄙見如此，大聖則不然乎。行孝非在乎殺生，只在乎勸善。若父母有過，則當諫之。三諫不從，則當號泣。若不如斯，雖日用三牲之養，猶為不孝也。

亦如孝子經言。子之養親，甘露百味，以恣其口。天樂眾音，以娛其耳。名衣上服，以耀

cúng tế mà ban phước, cũng chẳng vì kẻ không tế lễ mà giáng họa. Lời ấy chí lý thay!

Dám khuyên những kẻ cúng tế thần minh nên làm cỗ chay, tụng kinh hồi hướng siêu độ. Như vậy, thần với mình đều được phước lành. Cần gì phải giết hại vật mạng mà cúng tế? Chẳng tin, hãy lắng nghe bài kệ của cổ nhân như dưới đây:

*Hết thảy chúng sanh không giết hại,
Mười phương sao có chỗ đao binh?
Muôn nhà ví phỏng thường tu thiện,
Thiên hạ lo chi chẳng thái bình?*

Sự thân đại hiếu giới sát văn

Hoặc viê: Phũ maũ niêñ cao, tu ñông thờ như. Nhõõr baũ saũ sanh, tõng haõphũng dõõng?

Ñãp viê: Phãm tửc bækieñ nhõ thờ ñai thãm táe baũ nhiêñ hoà Hãm hiêũ phi tã hoàsaũ sanh, chetaĩ hoàkhuyeã thieñ. Nhõõr phũ maũ hõũ quai táe ñông giam chi. Tam giam baũ tung, táe ñông hao khãp. Nhõõr baũ nhõ tõ, tuy nhaũ dũng tam sanh chi dõõng, du vi baũ hiêũ dã

Dieñ nhõ Hieũ tõũkinh ngoãn: Tõũchi dõõng thãn, cam lòà baũh vò dó tõũkyõkhài, thieñ nhaũ chũng aãn dó ngaũ kyõnhó, danh y thờõng phũ, dó dieũ kyõthẽ Lõõng kieñ haõphũ

其體。兩肩荷負，周流四海。惟孝之大，莫尚乎茲。佛言未為孝矣。

若親頑暗，不奉三寶，兇虐殘戾，作諸惡業，子當諫之。令發信心，歸依正道，常行六度，慈悲喜捨。於善知識，時常恭敬，聽從教法，念佛修行。願出苦輪，願生樂土。依此行孝，方名報恩。若不如斯，徒為人子。

不見長蘆蹟禪師作勸孝文，一百二十篇。前百篇言孝行甘旨為世間之孝。後二十篇勸父母修淨土，為出世之孝。世間之孝，一世而止。出世之孝，無時而盡。能使父母生淨土，莫大之孝也。父母現在，而不以此勸勉，他日徒爾傷心，徒為厚禮。

觀經前後兩說，孝養父母為淨業，即此意也。

又曰。父母信知念佛，蓮池下種時也。一心念佛，蓮華出水時也。念佛功成，華開見佛時也。

孝子察其往生時至，預以父母平生眾善，聚為一疏。時時對父母讀之，要令父母心生歡

chaû löu töuhaû. Duy hieáu chi ñaï, maïc thöông hoätö. Phaï ngoân vò vi hieáu hyö

Nhööc thaân ngoan àm, baï phuïng Tam baü, hung ngöôc tam leätàc chö àc nghiêp, töüñöông giam chi. Linh phaï tín tâm, quy y chành ñaï. Thöông hánh lục ñoä tööbi hyúxaü Ö thieän tri thöü, thöü thöông cung kính. Thính tung giao pháp, niêñ Phaï tu hánh. Nguyêñ xuaï khoaluaân, nguyêñ sanh Läc ñoä Y thöühánh hieáu, phöông danh baü àn. Nhööc baï nhö tö, ñoävi nhaân töü

Baï kieän Tröông LoãTraïc thieän sö taü Khuyeän hieáu vaü, nhaï baüch nhö thaïp thieän. Tieän baüch thieän, ngoân hieáu hánh cam chà vi theágian chi hieáu. Haü nhö thaïp thieän, khuyeän phuïmaü tu Töñh ñoävi xuaï theáchi hieáu. Theágian chi hieáu, nhaï theánhi chà Xuaï theáchi hieáu, voáthöü nhi taü. Naüg söü phuïmaü sanh Töñh ñoä maïc ñaï chi hieáu daö Phuïmaü hieän tai, nhi baï dó thöükhuyeän mieñ, tha nhaï ñoänhö thöông tâm, ñoävi haü leä

Quam kinh tieän haü lööng thuyé hieáu döông phuïmaü vi töñh nghiêp, töü thöüyüdaö

Höü vieä: Phuïmaü tín tri niêñ Phaï, lieän trì haï chüng thöü daö Nhaï tâm niêñ Phaï, lieän hoa xuaï thuyé thöü daö Niêñ Phaï công thanh, hoa khai kieän Phaï thöü daö

Hieáu töüsaü kyövaüng sanh thöü chí, döü dó phuïmaü bình sanh chüng thieän, tuïvi nhaï söü Thöü thöü ñoä phuïmaü ñoä chi, yeäu linh phuïmaü tâm sanh hoan hyü Höü thanh phuï

喜。又請父母生臥向西，而不忘淨土。設彌陀像，然香鳴磬，眾生助念不絕。氣斷之時，愈加用意，無以哀哭，失其正念。父母得生淨土，豈不嘉哉。平生孝養，正在此時。

寄語孝子順孫，無忘此事。若要盡其世禮，直待氣斷多時，方何哀泣。正斷之時，甚為不可。

又況從古以來，念佛往生西方者非一。略舉數條，以為念佛者鑒。

所以烏菴國主睹眾聖以來迎。隋文皇后乘異香而西邁。妙行婆，請佛相待。宋世子侍母同歸。可謂，一超直人如來地矣。

或曰。依此行持，實為大孝。若無魚肉，將何養親。

答曰。汝之愚癡，深為可愍。世間香潔，素味極多。何必腥羶臭穢魚肉。

曰。師言明矣。

曰。切在奉行。

mañ toā ngoā hōông taý nhi baá vong Tònh ñoã Thiá Di-đà tōông, nieñ hōông minh khám, chùng nhañ trōi nieñ baá tuyeñ. Khí ñoãñ chi thōñ, duōgia duing yù Voáđó ai khoá, thaá kyøchành nieñ. Phuĩmañ ñáe sanh Tònh ñoã khōñ baá gia tai. Bình sanh hieá dōōng, chành tañ thōũthōñ.

Kyungōohieá tōũthuañ toñ, voāvong thōũsōi Nhōōr yeá tañ kyøtheáleá trōr ñañ khí ñoãñ ña thōñ, phōông khaúai khañ. Chành ñoãñ chi thōñ, thañ vi baá khañ

Hōũ huóng tung coáđó lai, nieñ Phaá vaóng sanh Taý phōông giaúphi nhaá. Lōōr cōũsoãñieñ, dó vi nieñ Phaá giaú giam.

Sōudó OãTrōōng quoa chuũñoáchuùng thanh dó lai nghinh. Tuy Vañ hoang hañ thōñ dò hōông nhi taý mañ. Dieñ Hãnh baøthanh Phaá tōông ñañ. Toáng theátōũthò mañ ñoàng quy. Khaúvò nhaá sieá trōr nhañ Nhō Lai ñoã hyō

Hoáe vieá: Y thōũhãnh trì, thañ vi ñañ hieá. Nhōōr voã ngō nhuẽ, tōông hañdōōng thañ.

Ñãp vieá: Nhōōchi ngu si, thañ vi khaũmañ. Theágian hōông khiéá toá vò thañ ña. Haøtaá tinh thieñ xuũueángō nhuẽ.

Vieá: Sō ngoñ minh hyō

Vieá: Thiá tañ phung hãnh.

13. Con hiếu thờ cha mẹ không sát sanh

Có người hỏi rằng: “Cha mẹ tuổi cao cần phải ăn thịt cá. Nếu chẳng làm việc sát sanh, lấy gì mà phụng dưỡng?”

Đáp rằng: “Đó là cách nghĩ của kẻ phàm tục, còn bậc Đại thánh thì không như thế. Thực hành đạo hiếu chẳng phải ở nơi việc sát sanh, mà cốt ở sự khuyến thiện. Nếu cha mẹ có lỗi, ắt phải can gián; nếu can gián ba lần mà chẳng nghe, ắt phải buồn khóc. Nếu chẳng làm được như vậy, cho dù hằng ngày phụng dưỡng thịt cá linh đình cũng gọi là bất hiếu.

“Kinh Hiếu tử dạy: Làm con nuôi dưỡng cha mẹ dùng trăm vị ngon ngọt để làm vừa miệng, dùng mọi thứ nhạc hay để làm vui tai, dâng y phục quý tốt để làm đẹp hình thể, một vai công mẹ, một vai công cha dạo chơi khắp bốn biển. Người đời thực hành đạo hiếu mà được như vậy thật là to tát, khó làm hơn nữa. Nhưng Phật dạy rằng đó cũng chưa phải là hiếu. Nếu cha mẹ ngang ngược tối tăm, chẳng kính thờ Tam bảo, ngỗ nghịch bạo tàn, tạo các nghiệp ác, thì kẻ làm con phải can gián, khiến cho phát lòng tin, qui y Chánh đạo, thường thực hành sáu pháp ba-la-mật, phát tâm từ bi hỷ xả, đối với bậc thiện tri thức thường cung kính, nghe theo giáo pháp, niệm Phật tu hành, nguyện thoát khỏi luân hồi khổ não, sanh về Cực Lạc. Nếu y theo như vậy mà thực hành đạo hiếu mới có thể gọi là báo ân. Nếu chẳng làm được như vậy chỉ là đứa con tầm thường mà thôi.

“Trong văn *Khuyến hiếu* của thiên sư Trương Lô Trạch có một trăm hai mươi bài, một trăm bài trước nói về nét

hiếu bằng phụng dưỡng miếng ăn ngon ngọt, tức là nét hiếu của thế gian; hai mươi bài sau dạy kẻ làm con nên khuyên cha mẹ tu Tịnh độ, tức là nét hiếu xuất thế gian. Nét hiếu của thế gian chỉ một đời mà thôi. Nét hiếu xuất thế gian chẳng bao giờ hết. Có thể khiến cha mẹ được vãng sanh Tịnh độ thì không còn nét hiếu nào hơn được. Khi cha mẹ còn sống, nếu làm con chẳng khuyến khích việc tu hành, đến khi cha mẹ qua đời, dù có khóc than thảm thiết, lễ cúng trọng hậu, phỏng có ích gì?

“Trong Quán kinh,⁽¹⁾ trước sau đều nói rằng việc hiếu dưỡng cha mẹ là nghiệp lành thanh tịnh, cũng là một ý như vậy.

“Lại nữa, nếu cha mẹ biết phát khởi lòng tin niệm Phật, đó chính là gieo trồng hạt giống xuống ao sen nơi cõi Cực Lạc. Hết lòng niệm Phật, ắt sẽ đến lúc hoa sen mọc lên khỏi mặt nước. Khi công phu niệm Phật được thành tựu, chính là lúc hoa sen nở ra, liền được gặp Phật!

“Người con hiếu, xét thấy lúc cha hoặc mẹ sắp vãng sanh, bèn ghi chép tất cả những việc thiện cha, mẹ đã làm được trong lúc bình sanh, rồi thường đối trước cha hoặc mẹ mà đọc lên, khiến cho được sanh tâm hoan hỷ. Lại thỉnh cha hoặc mẹ khi ngồi hoặc nằm đều quay mặt về phương Tây, lúc nào cũng nghĩ đến cõi Tịnh độ. Lại bài trí tượng Phật *A-di-đà*, thắp hương, đánh chuông, nhờ người trợ niệm không dứt tiếng. Cho đến khi cha hoặc mẹ tắt hơi, càng tập trung tâm ý, đừng khóc kể bi ai mà thất lạc chánh niệm. Như cha mẹ được vãng sanh Tịnh độ, há chẳng đáng vui mừng sao? Suốt một đời hiếu dưỡng, cốt ở lúc ấy mà thôi!

⁽¹⁾Tức kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

“Khuyên tất cả những người con hiếu đừng quên việc ấy. Còn như cần làm trọn lễ theo thế gian, hãy chờ cho hơi tắt giờ lâu, mới nên khóc kể bi ai. Ngay trong lúc cha mẹ vừa tắt hơi, rất nên tránh việc ấy.

“Từ xưa nay, những kẻ niệm Phật vãng sanh về Tây phương đâu phải chỉ có ít người? Dưới đây nhắc sơ một vài tích cũ để làm gương cho người niệm Phật:

“Quốc vương Ô Trường nhìn thấy chư vị Thánh chúng đến rước mình; hoàng hậu Tùy Văn theo mùi hương lạ mà về cõi Tây phương; bà Diêu Hạnh thỉnh Phật đội mình; thế tử triều Tống hầu mẹ cùng về Cực Lạc. Những trường

待客解嘲戒殺文

或曰。賓客親友到來，若不殺生禮待，則大逆人情，皆譏笑其迂濶慳吝矣。

答曰。愚夫不明，便懷畏縮。若明佛理之人，反勸親友齋戒念佛，同往西方，何懼其譏笑之言乎。只是主人自貪口腹，故出此言。若明因果罪福，此事斷不肯為。何以故。要知所食之肉，皆是累世六親，多生眷屬。祇因改頭換面，各不相知。

嗚呼。使食肉者有宿命智，則其心苦痛，食亦不下咽矣。

hợp ấy đều có thể gọi là tức thời được thẳng tới cảnh giới đức Như Lai.”

Người kia lại hỏi: “Theo đó hành trì thật là đại hiếu. Nhưng nếu chẳng dùng cá thịt, biết lấy gì phụng dưỡng cha mẹ?”

Đáp: “Chỗ mê lầm của ông thật rất đáng thương thay! Trong đời có biết bao món đồ chay tinh sạch, thơm ngon, cần chi đến những món thịt cá tanh hôi, nhơ nhớp?”

Người kia thưa: “Lời sư dạy thật đã rõ lắm.”

Đáp: “Vậy ông nên hết lòng làm theo.”

Đãi khách giải trào giới sát văn

Hoặc viết: Tâm khải thân hữu nào lai, nhữc bá sảu sanh lã nã, tác nãi nghòch nhân tình, giai ky tiếu kyvu khoa xan lãn hy

Ñáp viết: Ngu phu bá minh, tiếu hoả uy sừ. Nhữc minh Phả lýuchi nhân, phạm khuyến thân hữu trai giới niếm Phả, ñông vãng Tây phông, hơcũ kyoky tiếu chi ngoãn hoà Chæthò chuânhan tởi tham khai phũ, cóaxua thũ ngoãn. Nhữc minh nhân quaũto phũ, thũsũ ñoãn bá khang vi. Hơdó cở Yeũ tri sũthũ chi nhưc, giai thò luy theũlũ thân, ña sanh quyến thuũ. Kyonhan caũ ñaũ hoãn dieũ, caũ bá tũng tri.

Ôhoả Sũthũ nhưc giũhũ tuũ mãng trí, tác kyotân khoathũng, thũ dieũ bá hũhũ hy

或曰。世人聞此言，多疑駭不信。且眾生無邊，豈必所食者恰值往昔親屬耶。

答曰。佛智見無量劫事，眾生累劫輪迴，處處受生，皆會互為親屬，但凡眼不見，故食之何知。傳記商紂囚西伯，密烹其子餉之，西伯食之不知。紂喜曰。孰謂西伯聖，食其子肉而不知。

噫，以西伯之聖，尚不能辯其子之肉。况凡眼豈能識其往劫六親乎。

不見楞伽經云。佛觀眾生，輪迴六道，同在生死，遞相食噉，無非親者。

又云。為利殺眾生，以財網諸肉，二俱是惡業，死墮號叫獄。故知殺害，及以食噉，真地獄中之罪人也。

嗟乎。作一時之容易，受萬劫之艱難。果報到頭，無所逃矣。

諸仁者。若順眾生之妄情，則逆諸佛之大智。能具大覺之悲智，使賓主皆解脫矣。若盡凡夫之世情，令彼此俱沈墜矣。

嗚呼。其輕重得失為何如，智者審擇焉。

Hoac̣ vieṭ: Theánhaân vaân thõungoân, ña nghi haõ baá tìn. Thaũchùng sanh voábieân, khôũ taá sôũthõṛ giaũkhaþ trò vaõng tích thaân thuoã da?

Ñap̣ vieṭ: Phaĩ trí kieán voãlõõng kieþ sõi chùng sanh luỹ kieþ luaân hoã, xõuxõũthõisanh, giai taeng hoãvi thaân thuoã. Ñaõn phaṃ nhaõn baá kieán, coáthõṛ chi haõtri. Truyeân kyũ Thõõng TruĩtuõTaỹ baũ maã phanh kyõtõũhõõõng chi, Taỹ Baũ thõṛ chi baá tri. Truĩhyũvieṭ: Thuĩṛ vò Taỹ baũthaṃh, thõṛ kyõ tõũnhuĩṛ nhi baá tri.

Y. Dó Taỹ baũchi thaṃh, thõõng baá naeng bieân kyõtõũchi nhuĩṛ. Huoãng phaṃ nhaõn khôũ naeng thõũ kyõvaõng kieþ luĩṛ thaân hoã?

Baá kieán Lãng-giã kinh vaân: Phaĩ quãm chùng sanh luaân hoã luĩṛ ñaõ, ñoàng taĩ sanh tõũ ñeãtõõng thõṛ ñaĩm, voãphi thaân giaũ

Hõũ vaân: Vò lõĩ saũ chùng sanh, dó taõ voõng chõ nhuĩṛ, nhò caũ thò àũ nghieþ, tõũñoã haõ khieũ nguĩṛ. Coátri saũ hai, caþ dó thõṛ ñaĩm, chaân ñòã nguĩṛ trung chi toã nhaân daõ

Ta hoã Taũ nhaũ thõũ chi dung dò, thõivãn kieþ chi gian nan. Quaũbaũ ñaũ ñaũ, voãsõũñaõ hyõ

Chõ nhaân giaũ nhõõṛ thuaân chùng sanh chi voõng tình, taẽ nghòch chõ Phaĩ chi ñaĩ trí. Naeng cuiÑaĩ giaũṛ chi bi trí, sõũtaân chuõgiai giaũ thoãũ hyõ Nhõõṛ taã phaṃ phu chi theã tình, linh bæthõũcaũ traãm truỹ hyõ

Oãhoã Kyõkhinh trõng ñaẽ thaũ vi haõnhõ, trí giaũthaṃ traũh yeân.

14. Răn việc giết thịt đãi khách

Có người nói: “Khách khứa, họ hàng, bè bạn đến thăm chơi, nếu mình chẳng giết thịt mà thết đãi thì ngược với tình đời, sẽ bị chê cười là keo kiệt hoặc tin chuyện vu vơ.”

Đáp rằng: “Kẻ phàm phu chẳng rõ nên mang lòng e sợ việc ấy. Như người hiểu rõ lý Phật thì còn khuyên họ hàng, bè bạn trai giới niệm Phật, cùng về Tây phương, sợ gì lời chê cười như thế? Chỉ vì người chủ vốn cũng tham ăn cho ngon miệng, nên mới nói ra lời như thế. Nếu hiểu rõ được lẽ nhân quả, tội phước, thì chắc chắn chẳng làm việc ấy. Tại sao vậy? Phải biết rằng những con thú mà họ ăn thịt đó, thấy đều là những họ hàng, quyến thuộc trong nhiều đời. Chỉ vì thay hình đổi dạng nên chẳng nhận biết được nhau đó thôi!

“Than ôi! Nếu kẻ ăn thịt có được trí biết rõ việc đời trước, ắt trong lòng sẽ phải đau đớn lắm, làm sao có thể nuốt cho trôi xuống họng?”

Người kia lại nói: “Đa số người đời nghe như vậy đều nghi ngờ, kinh sợ mà chẳng tin. Xét rằng chúng sanh nhiều vô số, chắc gì con vật mình ăn đó là thân thuộc thuở xưa?”

Đáp: “Trí tuệ của đức Phật thấy biết được trong vô lượng kiếp. Chúng sanh dẫu nhiều nhưng vì luân hồi qua vô lượng kiếp, thọ sanh trải khắp mọi nơi, nên đều đã từng là thân thuộc với nhau, chỉ vì mắt phàm không thấy việc ấy, nên ăn mà chẳng biết đó thôi. Truyện chép lại rằng Vua Trụ nhà Thương cầm tù Tây bá hầu, bí mật giết

thịt đưa con trai Tây bá hầu rồi đem cho ông ấy ăn. Tây bá hầu ăn mà chẳng biết. Vua Trụ cười, nói rằng: ‘Ai bảo Tây bá hầu là bậc thánh? Đến ăn thịt con mình mà chẳng biết!’

Than ôi! Bậc thánh như Tây bá hầu mà còn không biết, đến ăn thịt con mình, huống chi con mắt phàm phu há nhận ra được những cha mẹ, anh em, vợ con từ nhiều kiếp trước hay sao?

“Kinh *Lăng-già* dạy rằng: ‘Phật quán xét thấy chúng sanh luân hồi sáu nẻo, ở trong vòng sanh tử mà ăn nuốt lẫn nhau, thật chẳng có chúng sanh nào lại chẳng phải là thân thuộc của nhau.’

“Kinh ấy cũng dạy rằng: Vì lợi mà giết mổ chúng sanh, vì tiền mà giăng lưới, bẫy để bắt thú, cả hai cách ấy cũng đều là ác nghiệp, sẽ phải đọa vào địa ngục *Hào khiêu*.⁽¹⁾ Cho nên, phải biết rằng những kẻ giết hại và những kẻ ăn thịt đều thật là những tội nhân trong địa ngục.

“Than ôi! Làm cái việc dễ dàng trong một lúc mà phải chịu cái họa khó khăn trong muôn kiếp! Quả báo đáo đầu, không trốn chạy đi đâu được.

“Này các vị! Nếu buông thả theo cái vọng tình của chúng sanh thì nghịch với đại trí của chư Phật. Nếu có đủ lòng từ bi và trí tuệ của đấng Đại giác thì cả chủ và khách đều giải thoát. Còn chỉ biết theo cái tình của thế tục phàm phu thì cả người và ta đều sa đọa.

“Ôi! Cái lẽ được mất, nặng nhẹ như thế nào, người có trí hẵn đã phân biệt rõ.”

⁽¹⁾ Địa ngục Hào khiêu: cảnh địa ngục không lúc nào ngưng tiếng tội nhân kêu la vì bị hành hạ đau đớn.

分產解冤戒殺文

或曰。世之分產者，有難生乎，有易生乎。易生者，則不問。難生者，多有殺生保救，何如。

答曰。將油救火，其火愈焚。世之難生者，皆從殺業中來。前冤尚解不徹，後冤豈可復結。

不見經懺云。宿無冤債者，頃刻生下，令其產母不覺不知。若是冤家，三朝兩日，不即與娘分解。使其產母腹中，猶如刀割。一人痛苦難當，合家驚惶憂懼。

又有多種難生，愈加苦痛。或拗芽生，或踏蓮華生，或推腸生，或先是左手左腳生，或是右手右腳生，或橫倒生，或把嬰兒割碎而生。如此多種難生，實從殺業所感。

冤尤重者，或子以得生，母因產絕。或母雖得命，子便傾殂。再有冤業重者，母子俱亡，同入地獄。如此者，皆因殺生并眾惡也。

Phân sản giải oan giới sát văn

Hoặc viết: Thếchỉ phân sản giai hữu nan sinh hoà hữu dò sanh hoà Dò sanh giai táe bá vaán. Nan sanh giai ña hữu sát sanh baù cõu, haonhõ?

Ñáp viết: Tôông du cõu hoà, kyõhoà duõphan. Thếchỉ nan sanh giai giai tung sát nghiệp trung lai. Tiẽn oan thõõng giai bá trieã, haũ oan khôũ khaiphũc kieã?

Bá kieã kinh saim vaán: Tuừ voáoan traũ giai khoaũh khoe sanh haĩ linh kyõsaũ maũ bá giai bá tri. Nhõõr thõ oan gia, tam trieũ löõng nhaã, bá tồũ döõnõõng phân giai. Sõũ kyõsaũ maũ phuũ trung, du nhõ ñao caũ. Nhaã nhaũ thoãng khoãnã ñõõng, hieũ gia kinh hoang õu cui

Hõũ hõũ ña chũng nan sanh, duõgia khoãthoãng. Hoặ aũ mao sanh, hoặ ñáp lieũ hoa sanh, hoặ thoã trang sanh, hoặ tieũ thõ taũthũtaũcõũ sanh, hoặ thõ hõũ thuũhõũ cõũ sanh, hoặ hoãnh ñaũ sanh, hoặ baũanh nhi caũ toũ nhi sanh. Nhõ thõũña chũng nan sanh, thaũ tung sát nghiệp sõũ cam.

Oan võũ trõng giai hoặ tõũdõ ñaẽ sanh, maũ nhaũ saũ tuyeã. Hoặ maũ tuy ñaẽ mãng, tõũtieũ khuynh trõũ Taiũ hõũ oan nghiệp trõng giai maũ tõũcaũ vong, ñõõng nhaũ ñaũ nguũ. Nhõ thõũgiaũ giai nhaũ sát sanh tinh chũng aũ daũ

或曰。師理甚明，乞傳保命解冤之法，與世間亦是一大方便。

曰。如是，如是。若要保其母子雙全，聽從吾之教法。一切懷妊婦人，不得喫狗肉鱔魚鳥雀螺螄之類。惟要預先齋戒精嚴，頂禮陀羅尼經三五部，或觀音經五七卷。懺罪解冤，祈福保命。再能作諸善事，買命放生，必得母子雙全，消災延壽。若不如此，後悔難追。

又問。世之把兒女浸死者，如何。

答。愚人理性不明，造此殺業。且人之生來者，富貧壽夭皆前定也。何苦將兒女淹棄血盆，實為可痛。

嗚呼。寧可不長成，而自死者，無有冤愆。若故意而浸死者，必然受報。

諸仁者。若不改過自新，作為謀殺之論。莫說佛法中有罪，律法中亦不容矣。

Hoac̣ viẹt: Sô lyùthaãn minh, khai truyeãn baù mãng giaũ oan chi phap̣p, döotheágian diẹt thò nhaịt ñaịt phöông tieãn.

Viẹt: Nhö thò, nhö thò. Nhöõc̣ yeáu baù kyõmaũ töusong toan, thính tung ngoächi giaũ phap̣p. Nhaịt thiẹt hoac̣ nhaịn phuĩnhaịn, baĩ ñac̣ khiẹt caũ nhuĩ thiẹt nõ ñieũ töõu loa sô chi loaĩ. Duy yeáu döitieãn trai giõu tinh nghiãn, ñaịnh leã Ñaõla-ni kinh tam nguõboã hoac̣ Quan Âm kinh nguõthaịt quyean. Saṃ toã giaũ oan, kyõphöõu baù mãng. Taị naõng taị chõ thiẹt söi maũ mãng phöng sanh, taị ñac̣ maũ töusong toan, tieũ taị dieãn thõ Nhöõc̣ baĩ nhö thõu haũ hoĩ nan truy.

Höũ vaãn. Theächi baũnhĩ nõõtaĩn töũgiaũ nhö haũ

Ñap̣: Ngu nhaịn lyùtaĩnh baĩ minh, taị thõusaũ nghiẽp. Thaịnhaịn chi sanh laị giaũ phuũbaũ thõthieãn giai tieãn ñõnh daõ Haõkhoatõõng nhi nõõyeãn khí huyẽt boãn, thaị vi khaị huõng.

Oãhoã Ninh khaịbaũ tröõng thanh nhi töitõũgiaũ voãhöũ oan khieãn. Nhöõc̣ coãyũnhĩ taịn töũgiaũ taị nhieãn thõibaũ.

Chõ nhaịn giaũNhöõc̣ baĩ caũ quaũtõitaịn, taị vi möu saũ chi luaãn. Mãc̣ thuyẽt Phaị phap̣p trung höũ toã, luaĩ phap̣p trung diẹt baĩ dung hyõ

15. Răn việc giết hại để sanh nở được an ổn

Có kẻ hỏi rằng: “Ở đời, trong việc sanh sản có kẻ sanh khó, có người sanh dễ. Người sanh dễ thì chẳng nói gì, còn như kẻ sanh khó thì có nhiều nhà làm việc sát sanh để cầu được an ổn, việc ấy thế nào?”

Đáp: “Dùng dầu chữa lửa, lửa càng cháy thêm. Ở đời, những kẻ sanh đẻ khó khăn đều là do nghiệp giết hại báo ứng. Oán trước còn chưa giải trừ, oán sau há lại buộc thêm?”

“Trong kinh sám dạy rằng: Người không có oan trái, chỉ trong giây lát liền sanh ra, khiến cho người mẹ chẳng hay chẳng biết. Còn nếu là oan gia thì đến hai, ba ngày vẫn chưa ra khỏi lòng mẹ, khiến cho đau đớn như dao cắt. Người mẹ thì đau đớn không chịu nổi, mà cả nhà đều phải kinh hoàng lo lắng và sợ sệt.

“Trong việc sanh khó còn có nhiều trường hợp khác nhau, càng thêm sự đau đớn, khổ sở. Hoặc trong tư thế bứt cổ tranh mà sanh, hoặc đạp hoa sen mà sanh, hoặc khi sanh đùn đẩy cả ruột gan, hoặc đưa tay trái, chân trái ra trước, hoặc đưa tay phải, chân phải ra trước, hoặc là sanh ngược, đưa cả hai chân ra trước, hoặc khi đưa trẻ ra khỏi lòng mẹ thì thân thể rách nát. Có nhiều trường hợp sanh khó như thế, đều là do nghiệp giết hại chiêu cảm mà có.

“Như oan trái nặng nề thì khi đưa con sanh ra được người mẹ đã bỏ mạng, hoặc người mẹ còn sống sót thì đứa trẻ lại phải chết. Nếu oan nghiệp nặng hơn nữa thì cả hai mẹ con đều chết, cùng sa vào địa ngục. Những việc như thế là do nghiệp giết hại kết hợp với nhiều tội ác khác.”

Người kia nói: “Lời sư giảng giải rất hợp lý, rõ ràng. Vậy xin sư truyền dạy cách bảo vệ mạng sống, giải trừ oan nghiệp. Đối với người thế gian thì đây cũng là một phương tiện lớn vậy.”

Đáp: “Đúng vậy, đúng vậy. Nếu muốn giữ cho mẹ con được song toàn, nên nghe theo những lời dạy này. Những người phụ nữ khi mang thai không nên ăn tất cả các loại thịt, dù là chó, lươn, chim sẻ hay sò, ốc.... Chỉ nên trai giới tinh nghiêm, đánh lễ trì kinh *Đà-la-ni* mười lăm lần, hoặc tụng đọc kinh Quán Âm ba mươi lăm lần, cùng tác lễ sám hối, giải oan, cầu phước bảo mạng. Lại cũng phải làm nhiều điều thiện, bỏ tiền mua vật mạng phóng sanh... Nếu làm được như vậy ắt sẽ được mẹ con song toàn, nạn tai tiêu mất, mạng sống an ổn. Nếu không làm như vậy, về sau hối tiếc cũng không còn kịp nữa.”

Người kia lại hỏi: “Người đời có những kẻ sanh ra con gái thì dìm cho chết, việc ấy thế nào?”

Đáp rằng: “Người mê muội chẳng rõ lý tánh mới tạo nghiệp giết hại như vậy. Vả lại, người sanh ra ở đời, dù là trai, gái, giàu, nghèo, sống thọ hay chết yểu đều do nghiệp trước. Sao lại đem con gái mà dìm cho chết? Thật đau đớn thay!

“Than ôi! Thà rằng đứa trẻ chẳng được trưởng thành mà tự nó chết đi thì chẳng có oan khiên. Còn như cố ý mà dìm cho nó chết, tất nhiên phải có quả báo.

“Này các vị! Nếu không sớm lo sửa lỗi, đổi mới tự thân, còn rơi vào những việc giết hại thì chẳng những đối với pháp Phật là có tội, mà ngay cả luật pháp thế gian cũng chẳng dung tha.”

慶生報本戒殺文

或曰。人逢生日，只說慶生。廣殺物命生靈，嚴設笙歌酒禮。招邀鄉鄰親友，連日暢飲歡娛，何如。

答曰。愚夫之見如此，賢者則不然乎。若要慶生延生，必須好生放生。殺生慶生，無有是處。

要知己之生日，是母之難日。不思報答親恩，反以造罪作樂。當思慈母，十月懷胎，三年乳哺。受了多少辛苦，擔了多少憂勞。及至產時，命若風燭，血暈在地，久乃方蘇。爾時其母不顧自身，且問生下孩兒是男是女，得圓滿否，身相具足否。果得具足，始乃心安。

家有辦者，覓妳代養。家若無力，娘自喚養。甘乳飲飲，抱惜如珠。不淨汙體亦不生嫌。寒暑逼身，還自洗滌。推乾就濕，嚙苦吐甘。撫養成人，至年長大。

正所謂。哀哀父母，生我劬勞。欲報深恩，昊天罔極。

Khánh sanh báo bản giới sát văn

Hoặc viết: Nhân phùng sanh nhật, chạ thuyệ khảnh sanh. Quang sát vãi măng sanh linh, nghiêm thiệ sanh ca tồu lã Chiêu yeu hông lan thân hõu, liên nhạ xõông an hoan ngâu, hảnhõ?

Ñạp viết: Ngu phu chi kiến nhõ thõu hiên giaútaé baá nhieân hoà Nhõõc yeu khảnh sanh dieân sanh, tá tu hiệu sanh phõng sanh. Sát sanh khảnh sanh, voãhõu thõ xõu

Yeau tri kyúchi sanh nhạ, thõ mãu chi nãn nhạ. Baá tõ baõ ñạp thân an, phãm dó tá toã táu lã. Nõông tõ tõmãu thạp nguyệ hoã thai, tam niêân nhuõboã Thoilieâu ña thieâu táân khoã ñaõn lieâu ña thieâu õu lao. Cạp chí sãm thõ. Măng nhõõc phong chuõ. Huyệ huaân tá ñõa, cõu naõ phõng toã Nhó thõ kyõmãu baá coátõi thân, thaúvaân sanh hai haõ nhi thõ nam thõ nõ ñaé vieân mãu phuü thân tõõng cũtuõ phuü Quaũñáé cũtuõ, thuy ná taân an.

Gia hõu biẽn giaü mịch naõ ña ñaõ döõng. Gia nhõõc voã löc, nõông tõi hoãm döõng. Cam nhuõam tõi baõ tích nhõ chaü. Baá tõnh oãthệ dieü baá sanh hiẽm. Hãm thõübõr thân, hoãm tõitay ñõch. Thoã cam tõu thạp, yeân khoãthoãcam. Phuü döõng thanh nhạ, chí niêân trõõng ña.

Chảnh sõuvõ: Ai ai phuĩ mãu, sanh ngaõcuõlao. Duõ baõ thân an, haõ thieân voõng cõc.

是故胎骨經言。阿難白佛言。世尊。大千界內，何事最大。願佛慈悲，方便解說。佛言。世間萬法，莫過父母劬勞恩大。

諸仁者。由此觀之，粉骨碎身，未足為報。

不聞彌勒勸孝偈云。

堂上有佛二尊，
 懊惱世人不識。
 不用金彩粧成，
 亦非梅檀雕刻。
 只看現在爺娘，
 便是釋迦彌勒。
 若能供養得他，
 何用別作功德。

嗚呼。大聖尚致此言，况凡下乎。為人報親恩，不如禽畜。更不聞之，羊能跪乳，鳥能返哺。豈虛誑哉。

或曰。師言切當，敢不聽從。何以行持，可名報德。

Thò cóáThai còt kinh ngoân: A-nan bách Phaĩ ngoân: Theá toân! Nãi thiêñ giôñ noã, haosôi toã ñãi. Ngyeñ Phaĩ tööbi, phông tieñ giañ thuyê. Phaĩ ngoân: Theá gian vañ phap, mã quaphuĩ mã cuolao añ ñãi.

Chö nhañ giâu Do thöũquan chi. Phañ cóá toañ thañ, vò tuè vi baò.

Baí vañ Di-lặc khuyeñ hieñ keãvañ:

Đường thượng hữu Phật nhị tôn.
 Áo não thế nhân bất thức.
 Bất dụng kim thỏi trang thành.
 Diệc phi chiên đàn điêu khắc.
 Chỉ khán hiện tại gia nương.
 Tiệñ thị Thích-ca, Di-lặc.
 Nhược năng cúng dường đấc tha.
 Hà dụng biệt tác công đức?

Oãhoá Nãi Thành thöông trí thöũngoân, huóng pham hai ho? Vi nhañ baí baò thañ añ, baí nhö cam suừ. Camh baí vañ chi, döông nañg quĩ nhuõ ñieñ nañg pham boặ khôñ hö cuóng tai?

Hoæ vieñ: Sö ngoân thiêñ ñöông, cam baí thính tung. Haó dó hañh trì, khaũdanh baò ñöù?

答曰。人之生日到來，修要預先齋戒，嚴潔道場。或供佛齋僧，或誦經念佛。或至誠禮懺，或買命放生。果能如是，名報親恩。存者福樂百年，亡者超昇佛國。非但利益父母，抑亦自增福田。若不如斯，是爲大逆。

16. Răn sát sanh trong việc mừng sanh nhật

Có người hỏi: “Người đời đến sanh nhật luôn nói rằng mừng ngày sanh, rồi giết hại nhiều vật mạng để bày tiệc rượu linh đình, mời thỉnh họ hàng, thân quyến, bè bạn, láng giềng, suốt ngày ăn uống vui mừng, việc ấy thế nào?”

Đáp: “Kẻ phàm phu mê muội ắt suy nghĩ vậy, nhưng bậc hiền giả thì không như thế. Nếu thật mừng ngày sanh, cầu trường thọ, ắt phải tỏ đức hiếu sanh, phóng sanh. Nếu giết hại vật mạng sanh linh để mừng ngày sanh của mình thì thật là vô lý.

“Nên biết rằng, ngày sanh của mình chính là ngày khó nhọc nguy nan của mẹ. Sao chẳng suy nghĩ việc báo đáp công ơn cha mẹ, còn ngược lại lấy sự tạo tội làm vui? Nên nhớ nghĩ đến mẹ hiền chín tháng cưu mang, ba năm bú mớm, chịu đựng biết bao nhiêu khó khăn cay đắng, nếm trải biết bao sự khổ nhọc, lo âu! Đến kỳ sanh nở thì mạng sống như ngọn đèn dưới gió, xuất huyết dầm dề, mê man

Nấp viet: Nhân chi sanh nhai não lai, tu yeu doi tien trai giou, nghien khiea não trang. Hoaẽ cung Phaã trai taang, hoaẽ tuing kinh nieãn Phaã, hoaẽ chí thanh leãsaãn, hoaẽ maõ maing phong sanh. Quaũnaang nhõ thõ, danh baõ thaãn aãn. Toãn giaũphõõu laũ baũh nieãn, vong giaũsieũ thaang Phaã quoaẽ. Phi nãõn lõĩ ích phuĩmaũ, õũ dieũ töĩtaang phõõũ nieãn. Nhõõũ baũ nhõ tö, thõ vi nãĩ nghõch.

hồi lâu mới tỉnh! Bấy giờ mẹ không hề nghĩ đến bản thân, chỉ lo lắng tự hỏi không biết con sanh ra là trai hay gái, thân hình có được trọn vẹn, đầy đủ hay chẳng? Nếu quả được đầy đủ thì lòng mẹ mới yên.

“Nếu nhà khá giả ắt lo thuê người chăm sóc. Gặp cảnh nhà nghèo thì mẹ phải tự nuôi dưỡng, bú mớm, nâng niu như hòn ngọc trên tay, như nhớp chẳng ngại, nóng lạnh bức bách cũng phải lo việc giặt giũ; chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo dành cho con, ngậm đắng nuốt cay, nhường hết ngọt bùi, nuôi dưỡng cho đến khi khôn lớn nên người.

“Quả thật là:

Thương thay cha mẹ.

Sanh ta nhọc thay!

Muốn báo ân sâu.

Trời rộng khôn cùng!

“Bởi vậy, kinh *Thai cốt* có đoạn: “A-nan bạch Phật: “Thế tôn! Trong khắp cõi đại thiên, việc gì là lớn nhất?”

Xin Phật từ bi, phương tiện giảng rõ.’ Phật dạy: ‘Trong tất cả các pháp ở thế gian, không gì lớn bằng công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ.’

“Này các vị! Do đó mà suy ra, dầu tan xương nát thịt cũng chưa đủ để báo đền công ơn cha mẹ.

“Bồ Tát Di-lặc có bài kệ *Khuyến hiếu* rằng:

*Trong nhà có hai vị Phật,
Thương thay người đời chẳng biết.
Chẳng dùng vàng son tô điểm,
Cũng không chạm trổ chiên-đàn!
Được thấy cha mẹ hiện tiền.
Ấy là Thích-ca, Di-lặc.
Chỉ lo phụng dưỡng song thân,
Cần chi muôn công đức khác!*

許願保安戒殺文

或曰。世人許願殺生者不一，略舉幾種以陳之。或因官訟者，或為病苦者，或禳水火者，或求名利者，或鎮家宅者，或保途路者，或安鄉鎮者，或祈五禾者。有先殺而保安，有後殺而還願，何如。

“Than ôi! Bậc Đại thánh còn nói ra lời ấy, huống chi những kẻ phàm phu thấp kém? Làm người chẳng biết báo đền công ơn cha mẹ thật chẳng bằng cầm thú. Chẳng nghe những chuyện dê biết quì bú, quạ biết mớm trả, há có phải là chuyện đối trá đâu?”

Người kia thưa rằng: “Lời sư dạy thật thích đáng, đâu dám chẳng vâng theo? Vậy phải hành trì thế nào mới gọi là báo đền ân đức cha mẹ?”

Đáp: “Vào dịp sanh nhật của mình, nên trai giới từ trước đó, chuẩn bị đạo tràng, hoặc cúng Phật, trai Tăng, hoặc tụng kinh, niệm Phật, hoặc chí thành lễ sám, hoặc mua vật mạng phóng sanh. Nếu làm được như vậy gọi là báo ân cha mẹ, hiện tiền được phước lạc trăm năm, như đã mất cũng được siêu thăng cõi Phật. Chẳng những lợi ích cho cha mẹ, mà cũng bồi thêm ruộng phước của mình. Nếu chẳng làm như vậy, chính là đại nghịch.”

Hứa nguyện bảo an giới sát văn

Hoặc viết: Thếánhân hõn nguyẽn sãu sanh giaũbaít nháít, lờõit cõukyũchũng dó trãn chí. Hoặc nhãn quan tũng giaũ hoặ vò beñh khoặgiaũ hoặ nhõng thũy hoặ giaũ hoặ cãu danh lờĩ giaũ hoặ trãn gia trãch giaũ hoặ baũ ñoặloặgiaũ hoặ an hõng trãn giaũ hoặ kyõngũhoặ giaũ Hõũ tiẽn sãu nhi baũ an, hõũ haũ sãu nhi hoặ nguyẽn, haõnhõ?

答曰。汝之一說，使我嗚噓不能言也。

曰。然雖如是，伏乞開明。

曰。向不云乎。人遭災禍年荒者，皆從殺業所感也。何則。十惡之中，殺業極重。

不見正法念經云。造一所寺不如救一命。故諺有之曰。救人一命，勝造七級浮屠。卽此意也。要知人與畜，形則異，命則同矣。

涅槃經云。

一切惜身命，
無不畏刀杖。
恕己可爲喻，
勿殺勿行杖。

雖復禽獸之殊，保命畏死。且人有微小痛癢，尚不能忍，況可受其刀砧耶。噫。令他痛苦，保我平安，無有是處。

先德云。悞傷悞殺尚荅餘殃。故作故爲，寧逃業跡。

嗟乎。若欲保安許願，修將衆善奉行。或供佛齋僧，或印經造像，或買命放生，或濟貧救

Nạp viết: Nhööchi nhất thuyêá, söüngaõ oá éa báá naêng ngoân daõ

Viết: Nhieân tuy nhö thò, phuõ khai khai minh.

Viết: Höông báá vaân hoá Nhaiân tao tai hoã nieân hoang giaû giai tung saù nghiệp söücaâm daõ Haõtaé? Thap àù chi trung, saù nghiệp cõr trõng.

Báá kieân Chaih pháp nieân kinh vaân: Taõ nhất söütõj báá nhö cõm nhất mãng. Coángañ höõ chi viết: Cõm nhất nhất mãng, thaug taõ tháá cáp phuõnõá töü thõuyüdaõ Yeá tri nhất döõsuè, hình taé dò, mãng taé ñoàng hyõ

Niết-bàn kinh vaân:

Nhất thiết tích thân mạng.

Vô bất úy đao trượng.

Thứ kỷ khả vi dụ.

Vật sát vật hành trượng.

Tuy phuõ cãm thuèchi thuo báõ mãng uyý töü Thaiñhaiñ höõ vi tieü thaug döông, thõõng báá naêng naiñ, huóng khaiithõikyõñao chaiñ da. Y! Linh tha thaug khoa báõ ngaõ bình an, voãhöõ thò xõü

Tieân ñõü vaân: Ngoãthõõng ngoãsaù, thõõng ñap dö õõng; coátaù coávi, ninh ñao nghiệp tích.

Ta hoá Nhööc dưc báõ an hòã nguyêñ, tu töõng chùng thieñ phung hamh. Hoã cùng Phái trai taêng, hoã áá kinh taõ töõng, hoã mã mãng phõng sanh. Hoã teábàn cõm

苦，或念經禮懺，或露罪解冤，或修橋砌路，或普施茶湯。果能如是行之，必得隨心滿願。

吁。今人欲遂心願者，何不觀古人之行事哉。至如于公治獄，大興駟馬之門。竇氏活人，高折五株之桂。渡蟻，有狀元之報。護鶯，獲菩薩之因。楊生掾雀，報以玉環。孔氏放歸，酬之金印。

正所謂。行慈不求果報，自是果報不忘。皆得富貴綿，子孫昌盛。

又孫真人解衣贖蛇，得水府活人之方，遂登仙籍。壽禪師盜庫大善知識掾生，為宗門大善知識，證佛菩提。

嗚呼。世人不知戒殺放生，反以顛倒造作，實可悲哉。

khoá Hoaē nieān kinh leāsām. Hoaē loātoā giaū oan. Hoaē tu kieān theāloā Hoaē phoāthí traōthang. Quaūnaāng nhō thō hañh chi, taī ñāē tuy taām mañ nyueān.

Hu! Kim nhañ duē toāi taām nyueān giaū haōbaī quan coā nhañ chi hañh sōitai. Chí nhō Vu coāng trō nguē, ñāi hōng tōi maōchi moān. Ñāū thō hoāi nhañ, cao chieā nguōchu chi queā Ñoānghó, hōū trañg nyueān chi bañ. Hoānga, hoāñh BoāTaū chi nhañ. Dōng sanh cōū tōōū, bañ dó ngoē hoāñ. Khoāng thō phōng quy, thuōchi kim aān.

Chañh sōuvō: Hañh tōōbaī caū quaūbañ, tōi thō quaūbañ baī vong. Giaī ñāē phuūquyūmieān trōōng, tōūtoān xōng thañh.

Hōū Toān chañ nhañ giaū y thuē xaō ñāē thuē phuūhoāi nhañ chi phōng, toāi ñāng tieān tōch. Thoīthieān sō ñāñ khoá cōū sanh, vi toāng moān ñāi thieān tri thōū, chōng Phaī Boā ñēā

Oāhoā Theānhañ baī tri giōū saū phōng sanh, phañ dó ñieān ñāñ tañ taū. Thaī khaūbi tai!

17. Răn việc sát sanh để cầu được thỏa nguyện

Có người hỏi: “Chuyện sát sanh để cầu nguyện của người đời chẳng giống nhau. Lược kể ra đây mấy ý tiêu biểu như sau: hoặc nhân có việc kiện tụng; hoặc nhân có bệnh khổ; hoặc cầu cho khỏi nạn nước, lửa; hoặc cầu được danh lợi; hoặc muốn yên nhà cửa, hoặc cầu đi đường xa bình an, hoặc cầu xóm làng an ổn, hoặc cầu được mùa màng... Có người thì sát sanh trước để cầu được thỏa nguyện, có người sau khi được việc lại sát sanh để hoàn nguyện, những việc ấy thế nào?”

Tông Bồn nói: “Việc ông vừa nói đó thật làm cho tôi ghen ngào không nói được nên lời.”

Người kia nói: “Tuy là như vậy, cũng xin sư làm sáng tỏ cho.”

Đáp: “Trước đây, chẳng phải tôi đã nói rồi sao? Người đời gặp phải tai họa, hoặc bị thất mùa, thấy đều là do nghiệp giết hại chiêu cảm mà có. Vì sao vậy? Trong mười nghiệp ác thì nghiệp giết hại là nặng hơn hết.

“Kinh Chánh pháp niệm dạy rằng: ‘Tạo lập một cảnh chùa không bằng cứu sống một sanh mạng.’ Cho nên có câu ngạn ngữ rằng: ‘Dẫu xây tháp Phật chín tầng, không bằng cứu sống một lần sanh linh.’ Chính là nghĩa ấy vậy. Nên biết rằng, con người so với loài vật, hình thể tuy có khác mà sanh mạng cũng đồng như nhau.

“Kinh Niết-bàn dạy rằng:

Ai cũng sợ đao trượng.

Không ai không tham sống.

Suy mình ra người khác.

Đừng giết hại, đánh đập.

“Tuy mang hình thể của loài cầm thú nhưng cũng biết tham sống, sợ chết. Vả lại, thân ta chỉ đau ngứa đôi chút mà còn khó chịu, huống chi phải chịu đựng dao thớt bằm vằm? Ôi! Làm cho sanh linh phải đau đớn khổ sở để cầu được sự bình yên cho mình, thật là vô lý biết bao!

“Người xưa dạy rằng: ‘Vô tình mà giết hại còn phải chịu quả báo tai ương, huống chi cố ý giết hại thì trốn chạy đâu cho khỏi họa?’

“Than ôi! Nếu muốn cầu được thỏa nguyện, nên làm các việc thiện. Hoặc cúng Phật, trai Tăng, hoặc in kinh, tạo tượng, hoặc mua vật mạng phóng sanh, hoặc bố thí, cứu giúp người nghèo khổ, hoặc tụng kinh, lễ sám, hoặc xưng tội, giải oan, hoặc sửa cầu, làm đường xá, hoặc bố thí thuốc men, nước uống... Nếu làm được những việc như thế, ắt sẽ tùy chỗ mong cầu mà được thỏa nguyện.

“Người đời nay muốn được toại nguyện, sao chẳng xét việc làm của người xưa? Kia như Vu công làm cai ngục, tu sửa cổng nhà rộng lớn;⁽¹⁾ họ Đậu cứu người, sanh được năm con vinh hiển;⁽²⁾ vì lòng thương cứu ngỗng mà thành

⁽¹⁾ Vào đời Hán Tuyên đế (73-49 trước Công nguyên), Vu công làm quan hình án, xử quyết hình ngục công minh, tích nhiều âm đức. Ngày kia, cổng nhà ông nơi cổ hương bị sập, nhân khi sửa lại, ông bảo thợ làm cho cao lớn hơn để xe tứ mã và lọng cao có thể vào được, vì ông tin chắc rằng nhờ âm đức của ông mà con cháu ông sẽ được hưng thịnh. Quả nhiên, về sau con ông là Vĩnh Lữ làm quan đến chức Ngự sử.

⁽²⁾ Vào đời Ngũ đại, khoảng thế kỷ 10, có người họ Đậu hiệu là Yên Sơn, ba mươi tuổi chưa có con. Chiều mồng một Tết đi dâng hương tại chùa Diên Thọ, nhặt được cửa rơi 100 lượng bạc và 30 lượng vàng. Sáng sớm hôm sau có người đến chỗ đó mà khóc than rằng: ‘Cha tôi bị tội chết, đi vay mượn của bà con được một số vàng bạc để chuộc tội cho cha, chẳng may làm rơi mất, nay mạng cha ắt không qua khỏi.’ Người họ Đậu liền mang

tự đạo Bồ Tát;⁽¹⁾ cứu thoát đàn kiến được quả báo đở trạng nguyên;⁽²⁾ họ Khổng thả rùa, được đáp đền kim ấn;⁽³⁾ chàng Dương cứu chim sẻ được đền trả bằng vòng ngọc.⁽⁴⁾

vàng bạc đến trả lại. Đêm ấy nằm mộng thấy ông nội đã mất về mách bảo rằng, nhờ ân đức ấy nên tuổi thọ được tăng thêm 24 năm, sau sanh được 5 con trai, cha con đều đỗ đạt làm quan lớn. Về sau quả nhiên ứng nghiệm đúng như lời ấy.

⁽¹⁾ Luận Trang nghiêm có ghi lại rằng: Thuở xưa có một vị tỳ-kheo đi khất thực, đến nhà người thợ kim hoàn. Chủ nhà đang xâu một hạt châu quý, để đó mà đi lấy cơm cho tỳ-kheo. Khi ấy, có con ngỗng chạy ngang, dớp lấy hạt châu quý mà nuốt đi. Chủ nhà trở lên thấy mất hạt châu, gạn hỏi vị tỳ-kheo. Tỳ-kheo nhìn thấy con ngỗng nuốt hạt châu nhưng không nỡ nói ra, vì e con ngỗng phải chết; lại không muốn nói phạm giới nói dối, nên chỉ lặng thinh không nói gì cả. Chủ nhà thấy vậy sanh nghi, cho rằng tỳ-kheo đã lấy trộm hạt châu. Gạn hỏi nhiều lần không nói, liền nổi giận đánh tỳ-kheo bị thương đến chảy máu ra sàn nhà. Con ngỗng nghe mùi tanh chạy đến uống máu, anh ta giận quá đập chết con ngỗng. Thấy ngỗng chết rồi, vị tỳ-kheo mới nói ra sự thật. Chủ nhà mổ bụng con ngỗng lấy lại được hạt châu. Bấy giờ mới ăn năn sám hối, hết lời xin lỗi vị tỳ-kheo. Tỳ-kheo hoan hỷ bỏ qua và thuyết pháp cho anh ta nghe. Vị tỳ-kheo nhân đó mà được tròn hạnh nguyện Bồ Tát.

⁽²⁾ Vào đời nhà Tống, có hai anh em là Tống Giao và Tống Kỳ cùng đi học, trên đường gặp một ổ kiến bị mưa lớn trôi đi theo dòng nước. Hai anh em liền bẻ cành cây thả xuống nước cho kiến bò lên, cứu thoát tất cả lên bờ. Khi ấy có một thầy tăng đi qua, thấy việc ấy liền nói: Nhờ công đức này, về sau hai anh em đều sẽ thi đỗ trạng nguyên. Sau quả nhiên ứng nghiệm đúng như lời ấy.

⁽³⁾ Trong sách Cối kê lục có ghi lại chuyện Khổng Du, lúc còn hàn vi thấy người ta nhốt một con rùa, bèn mua lấy mà thả xuống nước. Con rùa ngoái đầu nhìn lại ba, bốn lần rồi mới bò đi. Về sau, Du được phong đến tước hầu, sai thợ đúc ấn vàng. Khi đúc xong, bỗng thấy quả ấn có hình như con rùa, lại biết động đây, ngoái đầu nhìn lại, hệt như con rùa khi trước được ông cứu sống. Bấy giờ ông mới biết rằng việc được phong hầu chính là phước báo của việc thả rùa ngày xưa.

⁽⁴⁾ Vào đời Hậu Hán, có Dương Bảo là người nhân từ. Lúc chín tuổi, đi qua Hoa sơn thấy một con chim sẻ bị chim cú đánh rớt xuống đất, có bầy kiến bu lại cắn. Bảo cứu lấy đem về nuôi sống rồi thả ra. Ngày kia, chim hóa làm một thiếu niên mặc áo vàng, mang đến tặng cho Bảo bốn chiếc vòng ngọc màu trắng, nói rằng: Đeo vòng ngọc này sẽ khiến cho con cháu được trong sạch và đời đời làm quan tới bậc Tam công. Về sau, lời ấy quả nhiên ứng nghiệm.

“Đó chính là: Làm việc lành chẳng cầu quả báo, mà tự nhiên quả báo chẳng mất. Những người ấy đều được phú quý lâu dài, cháu con xương thịnh.

“Lại như vị chân nhân họ Tôn, cởi áo chuộc rắn, được Thủy phủ truyền cho phương thuốc cứu người, sau được thành tiên;⁽¹⁾ thiền sư Diên Thọ trộm kho cứu vật mạng, thành bậc đại thiện tri thức trong tông môn, chứng Phật Bồ-đề.⁽²⁾

“Than ôi! Người đời không biết tránh việc giết hại, thường hành phóng sanh, ngược lại chỉ chuyên tạo tác những việc điên đảo, thật đáng thương thay!

⁽¹⁾ Sách Tiên truyện chép rằng: Tôn Tử Diêu là người Kinh triệu, tinh học Lão Trang, thông lẽ âm dương. Vua Thái tông muốn phong làm quan mà ông không chịu, về ở ẩn trong núi Thái Bạch. Ông có chuộc mạng một con rắn xanh, là con của Long Vương. Sau được truyền cho 30 bài thuốc của Thủy phủ, làm thành 30 quyển sách Dược phương truyền dạy trong đời. Ông dùng thuốc ấy cứu người nhiều năm, sau được thành tiên.

⁽²⁾ Thiền sư Diên Thọ, trụ trì chùa Vĩnh Minh, quê ở Đơn dương. Khi chưa xuất gia làm quan Tri huyện, xuất tiền công khổ mua vật mạng phóng sanh. Sau có người báo lên vua, vua xử tội chết chém. Ngài nhận tội, chịu chết mà thần sắc không biến đổi. Nhà vua thấy lạ, truyền hoãn việc hành hình và gọi đến tra hỏi. Ngài nói: Tôi tuy chịu tội chết nhưng đã cứu sống được rất nhiều sanh mạng, nên chẳng có gì hối tiếc. Vua nghe lời ấy liền đặc xá tha tội chết cho ông. Ông lại phát nguyện xin xuất gia, vua cũng chuẩn y. Từ đó về sau tu hành tinh tấn, cảm được đức Quán Âm rót nước cam lộ vào miệng, nên được tài biện luận linh thông. Ngài có biên soạn nhiều tác phẩm như Vạn Thiện đồng qui, Tông kính lục. Ngài trụ trì hai chùa Tuyết Đậu và Vĩnh Minh, đồ chúng có đến vài ngàn. Về sau ngài chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Đến lúc lâm chung, ngài an nhiên ngổ niệm Phật mà viên tịch.

救患諂祭戒殺文

或曰。世之染病者，見服藥無効，遂殺猪羊六畜，諂祭鬼神求安，何如。

答曰。雪上加霜，苦中添苦。不知因果經云。今生短命多病者，皆從殺業中來。何不懺悔前愆，反以加增後罪。殺他死，掙吾生，人心安在。苦他身，保我命，天理不容。

問。亦有殺生諂祭而病痊者，何也。

答。命當不死而病痊，非殺生而病痊也。何則。若殺命掙得命，世間王侯，將相，富貴人民，應得長生在世。何期又有多病夭促耶。只要知命樂天，自得無災少病。縱有禍患臨身，皆是宿業所感。

不見論語云。死生有命，富貴在天。又云。非其鬼而祭之，諂也。子疾病，子路禱。子曰。丘之禱久矣。

嗚呼。能依孔子行事，何必諂祭邪神。若不如斯，反損壽矣。

Cứu hoạn siểm tế giới sát văn

Hoặc viết: Thếchỉ nhiễm bệnh giại kiện phứt dõơc vô hieũ, toại sát trở dõng lữc sự, siếm teáquyũthần cầũ an, hỏnhỏ?

Ñạp viết: Tuyẻt thõõng gia sõng, khoátrung thieũn khoá Baá tri Nhaũn quaũkinh vẫũ: Kim sanh ñoảũ mãng ña bệnh giại giai tung sát nghiệp trung lai. Hỏbaá sầm hoả tiẽn khiẽn, phẫũ dó gia táng hẫũ toả. Sát tha tũũ cõũ ngoảsanh, nhaũn tâm an táĩ. Khoátha thẫũ, baũ ngoảmãng, thieũn lýũbaá dung.

Vẫũ: Dieũ hõũ sát sanh siếm teảnhi bệnh thuyẽn, hỏ daũ

Ñạp: Mãng ñõõng baá tũũnhi bệnh thuyẽn, phi sát sanh nhi bệnh thuyẽn đả Hỏtaẻ? Nhõõc sát mãng cõũ ñẻ mãng, theágian võõng hẫũ, tõõng tõõng, phũũquyũnhaũn daũ, õng ñẻ trõõng sanh táĩ theá hỏkyõhõũ hõũ ña bệnh yeũ xuẻ da? Chẻyeũ tri mãng lữ thieũn, tũũ ñẻ vồtai thieũn bệnh. Tũũng hõũ hoả hoảĩn lẫũn thẫũ, giai thỏ tũũ nghiệp sỏũ cam.

Baá kiện Luận ngữ vẫũ: Tũũsanh hõũ mãng, phũũquyũtảĩ thieũn. Hõũ vẫũ: Phi kyõquyũnhi teáchĩ, siếm đả Tũũtảĩ bệnh, tũũloỏthanh ñaũ. Tũũviẻt: Khaũ chi ñaũ cõũ hỹ

Oỏhoả Naũg y Khoảng tũũhạnh sỏĩ hỏtaẻ siếm teảtaỏthẫũ. Nhõõc baá nhỏ tũũ, phẫũ toảĩ thỏĩ hỹ

不見藥師經云。世人不知行善積德，反信邪魔外道，妖孽之師，妄說禍福，便生恐動，心不自安。卜問覓禍，殺種種衆生，解奏神明，呼諸魍魎。請乞福祐，欲冀延年，終不能得。愚癡迷惑，信邪倒見。遂令橫死，入於地獄，無有出期。

正所謂。求榮而反辱，非君子之行事也。

或曰。若不保掇於心何安。

答曰。若要保掇，非在殺生。修用全家齋戒，淨厨淨壇。或誦經禮懺，或買命放生，或粧畫佛像。如斯行事，佛祖許之。

何以故。行了善事，命終也，得超生善道。非但死者超昇，亦使見存獲福。若不信之，吾末如之何也。以矣。

Baí kien Dōōt sō kinh vañ: Theánhañ baí tri hanh thieñ tích ñōū, phañ tín taoma ngoai ñaō yeñ nghieñ chi sō, vōng thuyéñ hoā phōōū, tieñ sanh khuñg ñōñg, tañ baí tōi an, boá vañ mōch hoā, sañ chuñg chuñg chuñg sanh, giañ tañ thañ minh, hoächō vōng lōōng. Thanh khá phōōū hōū, dư kyüdieñ nieñ, chung baí nañg ñaé. Ngu si meāhoāé, tín tañ ñaō kien. Toai linh hoāñh tōi nhañp ò ñōa nguñ, voāhōū xuañ kyø

Chañh sōuvò: Cañ vñnh nhi phañ nhuñ, phi quañ tōichi hanh sōi daō

Hoāé vieñ: Nhōōñ baí bañ cōū, ò tañ hañan.

Ñap vieñ: Nhōōñ yeñ bañ cōū, phi tañ sañ sanh. Tu dñng toañ gia trai giōū, tōnh truōtōnh ñañ. Hoāé tuñg kinh leāsañ, hoāé mañ mañg phōñg sanh, hoāé trang hoā Phañ tōōñg. Nhō tō hanh sōi Phañ toāhōā chi.

Hađó coñ Hanh lieñ thieñ sōi mañg chung dañ ñaé sieñ sanh thieñ ñaō. Phi ñañ tōgiañsieñ thañg, dieñ sōūkieñ toñ hoāñh phōōū. Nhōōñ baí tín chi, ngoāmañ nhō chi hađađ Dó hyō

18. Răn việc sát sanh cầu quỷ thần cứu nạn

Có người hỏi: “Người đời có những kẻ khi bị bệnh uống thuốc chẳng lành liền giết heo, dê, súc vật mà cúng tế quỷ thần, cầu được yên lành, việc ấy thế nào?”

Đáp: “Cũng như trên tuyết lại thêm sương, đã khổ càng thêm khổ! Trong kinh Nhân quả có dạy rằng: ‘Người đời chết yểu hoặc nhiều bệnh tật, đều là do nghiệp giết hại mà ra.’ Sao chẳng sám hối tội trước, lại còn gây thêm tội sau? Giết hại sanh mạng kẻ khác để cứu sống mạng mình, lòng người để ở đâu? Làm khổ thân kẻ khác để giữ lấy mạng sống của mình, lẽ trời chẳng dung tha.”

Lại hỏi: “Cũng có những kẻ giết hại vật mạng cúng tế mà khỏi bệnh, đó là tại sao?”

Đáp: “Mạng sống chưa dứt thì bệnh tự khỏi, chẳng phải nhờ giết hại mà được khỏi bệnh. Vì sao vậy? Nếu nhờ giết hại mà cứu được mạng sống thì những bậc vương hầu, quan tướng cùng những kẻ giàu sang ở thế gian ấy phải được sống mãi ở đời, vì sao lại phải chịu nhiều bệnh tật và chết yểu? Nên rõ biết căn mạng, vui theo đạo trời, tự nhiên sẽ được không tai họa, ít bệnh nã. Dẫu có họa hoạn xảy đến, đó cũng là vì nghiệp trước chiêu cảm.”

“Sách *Luận ngữ* nói: ‘Sống thác có mạng, giàu sang do trời. Không phải tổ tiên mình mà mình cúng tế, đó là nịnh bợ.’ Đức Khổng Tử có bệnh nặng, Tử Lộ thỉnh ngài làm lễ cầu đảo. Ngài nói: ‘Khâu này cầu đảo đã lâu rồi.’

“Than ôi! Nếu có thể làm theo như Khổng tử thì cần chi phải cúng bợ tà thần? Bằng chẳng được như vậy, ngược lại chỉ tổn thọ mà thôi.”

“Kinh Dục sư dạy rằng: ‘Có những chúng sanh tin theo những tà ma ngoại đạo ở thế gian; nghe các thầy yêu nghiệt nói bậy việc họa phước, sanh ra sợ sệt, dao động, chẳng giữ được lòng chân chánh, bói toán hỏi việc tai họa, giết hại các loại chúng sanh, tâu bày lên các đấng thần minh, kêu gọi các loài quỷ thần sông, rạch, núi, hồ; thỉnh cầu ban phước, hy vọng kéo dài mạng sống, nhưng rốt cuộc chẳng thể được. Kẻ ngu si mê hoặc tin theo tà kiến điên đảo đành phải chết uổng. Đọa vào địa ngục chẳng biết lúc nào ra khỏi.’”

“Như thế quả thật là cầu vinh mà hóa nhục, chẳng phải việc làm của bậc quân tử.”

Người kia lại hỏi: “Nếu chẳng cúng bái cầu an, làm sao được yên lòng?”

Đáp: “Nếu cầu an ổn, chẳng phải do nơi việc giết hại. Cả nhà nên trai giới, giữ sạch bếp núc, lập đàn thanh tịnh, hoặc tụng kinh, lễ sám, hoặc mua vật mạng phóng sanh, hoặc trang nghiêm, tô vẽ hình tượng Phật... Nếu làm được những việc ấy thì Phật Tổ chứng cho. Vì sao vậy? Vì nếu làm trọn việc lành thì lúc mạng chung sẽ được siêu sanh về cảnh giới lành. Chẳng những người chết được siêu thăng, mà cũng khiến cho người sống được thêm phước. Nếu chẳng tin theo lẽ ấy thì tôi cũng không còn biết làm sao hơn nữa.”

利益亡人戒殺文

或曰。多見世人死亡，不信佛法行事，反以殺生，辦酒接客出喪。何如。

答曰。仁者之言甚善，吾亦不能掇之。

曰。何謂也。

曰。貪食酒肉者多，諸佛掇他不得，况我一人乎。

曰。然雖如是，亦有信者行之。

曰。善哉，善哉。不見地獄經云。爾時地藏菩薩白佛言。世尊。我觀閻浮衆生，舉足動步，無非是罪。縱修善事，多退初心。若遇惡緣，念念增長。不逢知識，勸化修持，展轉受苦不息。

又云。若人父母眷屬命終，宜爲設福以資前路。或懸幡蓋，及然油燈。或轉讀尊經。或供養佛像。乃至念佛，菩薩名號，歷在亡人耳根。縱有罪業亦得消除。

Lợi ích vong nhân giới sát văn

Hoặc viết: Nã kiến theánhân tồuvong, bá tín Phả pháp hành sữ phạm dó sát sanh biển tồu tiếp khẩch xuấ tang, hẩnhỗ?

Ńạp viết: Nhân giẩuchi ngoãn thẩm thiển, ngoẩdieũ bá nẩng cồu chi.

Viết: Hẩvò đẩ

Viết: Tham thữ tồu nhưc giẩũn, chổ Phả cồu tha bá nẩc, huẩng ngẩnhẩ nhẩn hoẩ

Viết: Nhẩn tuy nhổ thổ, dieũ hữu tín giẩhẩnh chi.

Viết: Thiển tai, thiển tai. Bá kiến Ńổa nguỷ kinh vẩn: Nhổ thổ Ńổa Tẩng BỏTẩu bẩch ngoãn: TheẩToãn, ngẩquẩ Diểm-phủ chũng sanh, cồutũ nẩng bỏvỏphi thổ toẩ. Tũng tu thiển sữ nẩ thỏ sỏ tẩn. Nhổũ ngoẩũ duỷển, niển niển tẩng trổũng. Bá phũng tri thữ khỷển hoẩ tu trỉ, triển chỷển thỏkhỏbẩ tồu.

Hữu vẩn: Nhổũ nhẩn phũ mẩu quỷển thuổ mẩng chung, nghi vổ thiể phỏũ dó tổ tiển lỏ Hoẩ hỷển phẩn cẩ, cẩp nhẩn du nẩng. Hoẩ chỷển nỏ toãn kinh. Hoẩ cũng đổũng Phả tổũng. Nẩ chí niển Phẩ, BỏTẩu danh hiể, lỏ tẩ vong nhẩn nhổ cẩn. Tũng hữu toẩ nghiểp, dieũ nẩc tiể trổ

更爲身死之後，七七日內，修齋念佛。能使亡者超昇，見存獲益。是故我今對佛世尊，及天龍八部人等，勸於閻浮提眾生。臨終之日，慎勿殺害，拜祭鬼神。

何以故。無纖毫之力，利益亡人。但結罪緣，轉增深重。假使亡人在生修善，應得超昇，遇此陽眷惡緣，反墮惡道。何況不修之人能得脫苦。譬如有人，從遠地來，絕糧三日。所負擔物強過百斤。忽遇鄰人，更附少物。轉復困重。

說是語時會中有一長者名曰大辦，合掌恭敬問地藏菩薩言。大士。南閻浮提眾生，命終之後，小大眷屬，爲修功德，乃至設齋，是命終人得解脫否。

地藏答言。長者。我今爲未來現在一切眾生，乘佛威力，略說是事。

汝今再問，利益愈多。若人命終之時得聞一佛名，一菩薩名，或經中一偈一句，不問有罪

Cành vò thân tồchi haũ, thá thá nhá nõ, tu trai niễn Phaĩ. Nang sôivong giaũsieũ thaêng, kiế toãn hoặch ích. Thò cóangaõkim nõá Phaĩ Theátôn, cặ thieãn long bậ boãnhaãn ñang, khuyeãn ò *Diêm-phù-đề* chùng sanh. Lãm chung chi nhá, thãn vaĩ sậ haĩ, bậ teáquyũthãn.

Haõdó có? Voátieãn haõ chi lữ lữ ích vong nhãn. Nễn keá toã duyeãn, chuyeãn táng thãn trờng. Giaũsôivong nhãn tai sanh tu thieãn, ỡng ñáe sieũ thaêng. Ngoãthồũdồng quyến àũ duyeãn, phãm ñõa àũ ñãb. Haõhuoáng bậ tu chi nhãn nằng ñáe thoặ kho? Thĩ nhõ hõũ nhãn, tung vieãn ñõa lai, tuyeã lờng tam nhá, sôũphũ ñãm vaĩ, cồõng quaũbậh cãn. Hoá ngoãlãm nhãn, cãm phũthieũ vaĩ. Chuyeãn phũt khoãn trờng.

Thuyeã thò ngõothõũ, hoã trung hõũ nhá trồõng giaũ danh vieã Nãi Bieãn, hieũ chồõng cung kỉnh vaãn Nõa Tạng Bòatậ ngoãn: Nãi số, Nam *Diêm-phù-đề* chùng sanh, mặng chung chi haũ, tieũ ñãĩ quyến thuoặ, vò tu cõng ñõũ, nã chí thieã trai, thò mặng chung nhãn ñáe giaũ thoặ phũ

Nõa Tạng ñặ ngoãn: Trồõng giaũ Ngaõkim vò vò lai hieãn tai, nhá thieã chùng sanh, thõa Phaĩ oai lữ, lữũ thuyeã thò số

Nhõõ kim tậ vaãn, lữ ích duõ ñã. Nhõũ nhãn mặng chung chi thõũ ñáe vaãn nhá Phaĩ danh, nhá Bòatậ danh, hoặ kỉnh trung nhá keãnhaũ cuậ bậ vaãn hõũ toã voãtoã, tá ñáe giaũ thoặ. Tuy ñáe giaũ thoặ, thá phãn chi trung nhi

無罪，悉得解脫。雖得解脫，七分之一而乃獲一。六分功德生者自受。吾勸善男女等，聞健自修，分分已獲。

長者。若修度亡佛事，宜用嚴潔香羞，殷勤禮敬。若不如斯，存亡少益。

爾時長者歡喜，合掌而退。

嗚呼。先聖慈悲方便，只要後人信行。後人不信行，孤負先聖遺訓。

噫。世人慎終追遠，正在此時，不可不謹。

19. Răn việc giết hại vì người chết

Có người hỏi: “Tôi thường thấy người đời khi gia quyến có người chết thường chẳng tin làm theo Phật pháp, ngược lại còn giết hại vật mạng, bày rượu thịt mà đãi khách đến viếng tang, việc ấy thế nào?”

Đáp: “Quả thật có như lời ông nói, nhưng tôi cũng chẳng biết làm sao mà cứu họ!”

Hỏi: “Vì sao vậy?”

Đáp: “Những kẻ tham ăn thịt uống rượu nhiều vô kể, chư Phật còn không cứu được họ, huống chi là một mình tôi?”

nao hoạch nhất. Lục phần công nôi, sanh giaütôi thời Ngôa khuyen thien nam nöõnang, van kien töi tu, phan phan kyü hoach.

Tröông giät Nhööt tu nöa vong Phä söi nghi dung nghiem khieä höng tu, an caän leäkinh. Nhööt baä nö tö, toän vong thieäu ich.

Nhö thöi tröông giäühoan hyü hiep chöông nhi thoä.

Oähöä Tieän Thành tööbi phöông tieän, chäyeäu häü nhân tín hanh. Häü nhään baä tín baä hanh, côphüitieän thành di huan.

Y! Theänhän thaän chung truy vieän, chänh tai thöüthöi, baä khaiübaä caän.

Người kia nói: “Đành là như vậy, nhưng vẫn còn có nhiều người biết tin tưởng làm theo.”

Tông Bổn nói: “Lành thay, lành thay! Như trong kinh Địa Tạng có ghi lại: ‘Khi ấy, Đại Bồ Tát Địa Tạng bạch Phật: Thế Tôn! Con xem thấy chúng sanh trong cõi *Diêm-phù* này, khua tay động chân đều phạm vào tội lỗi. Giá như có những người tu tập điều lành thì đa phần là thối lui ngay từ lúc mới phát tâm. Nếu gặp các ác duyên thì nhanh chóng tăng trưởng. Nếu chẳng gặp bậc tri thức khuyên dạy việc tu trì thì phải xoay vần chịu khổ mãi không thôi.’”

“Cũng trong kinh Địa Tạng, còn có đoạn dạy rằng: ‘Như cha mẹ, quyến thuộc mãn phần, nên làm các điều phước thiện để hồi hướng giúp ích cho họ trên con đường sắp tới. Hoặc treo cờ phướn, thắp đèn nhang, tụng đọc kinh Phật; hoặc cúng dường trước tượng Phật, cho đến niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát nhiều lần bên tai người chết. Nhờ đó mà người chết dù có tội nghiệp cũng được tiêu trừ.

‘Lại vì người đã chết mà trong vòng bốn mươi chín ngày tinh chuyên trai giới niệm Phật. Như vậy có thể giúp cho người chết được siêu thăng, mà người còn sống cũng được nhiều lợi ích. Vì thế, hôm nay con đối trước đức Phật Thế Tôn và đại chúng mà khuyên dạy tất cả chúng sanh trong cõi *Diêm-phù-đê*, khi có người thân qua đời, phải thận trọng tránh việc giết hại sanh linh mà bá tánh quý thân. Vì sao vậy? Việc ấy thật chẳng có chút lợi ích nào cho vong linh người chết, chỉ kết thêm tội duyên, càng thêm nặng tội. Ví như lúc bình sanh người chết đã từng tu tập phước thiện, lẽ ra sẽ được siêu thăng, nhưng gặp những ác duyên do thân quyến còn sống tạo ra, liền phải rơi ngay vào nẻo ác. Huống chi đối với những người không có tu hành thì làm sao thoát được cảnh khổ? Cũng giống như có người từ phương xa đến, đã ba ngày không có gì ăn, lại phải gánh vác vật nặng hơn trăm cân, chợt có người bên cạnh lại nhờ vác thêm một ít đồ nữa. Thật càng thêm khốn khổ, nặng nề.’

“Khi Bồ Tát Địa Tạng nói ra những lời ấy rồi, trong pháp hội có một vị trưởng giả tên là Đại Biện, chấp tay cung kính thưa hỏi Bồ Tát Địa Tạng rằng: ‘Bạch Đại sĩ! Những chúng sanh trong cõi Nam *Diêm-phù-đê*, sau khi

chết rồi, nếu có họ hàng thân quyến vì họ mà tu các công đức, cho đến thiết trai cúng dường, thì những người chết ấy có được giải thoát hay chăng?’

“Bồ Tát Địa Tạng đáp: ‘Trưởng giả! Nay tôi sẽ nương oai lực của Phật, vì hết thấy chúng sanh đời này và đời sau mà nói sơ qua việc ấy. Câu hỏi của ông thật mang lại rất nhiều lợi ích. Nếu người trong lúc lâm chung mà được nghe người sống đọc tụng danh hiệu của một đức Phật hay Bồ Tát, hoặc một bài kệ, một câu kinh, thì cho dù có tội hay không có tội cũng đều được giải thoát. Tuy được giải thoát, nhưng trong bảy phần công đức thì người chết ấy chỉ được hưởng có một phần thôi, còn sáu phần thuộc về người sống. Vì thế, ta khuyên tất cả thiện nam, tín nữ nghe biết rồi phải gắng sức tự tu thì tự mình được hưởng phần lợi ích.

“Này trưởng giả! Nếu muốn theo pháp Phật mà cứu độ vong linh, phải dùng hương hoa tinh khiết trang nghiêm, ân cần lễ kính. Nếu không làm theo như vậy thì kẻ sống người chết đều chẳng được phần lợi ích.

“Bấy giờ, trưởng giả Đại Biện vui mừng chấp tay lui xuống.

“Than ôi! Bạc Thánh từ xưa đã từ bi bày phương tiện, người sau chỉ cần tin nhận, vâng làm. Nếu chẳng tin, chẳng làm, thật đã phụ lòng bạc Thánh để lại lời dạy dở.

“Ôi! Phút lâm chung của người đời, phải hết sức thận trọng như tiễn người đi xa. Chính là vào lúc này, không thể không cẩn trọng.”

預修超薦戒殺文

或曰。世之預修者頗多，立志持齋者不一。或持三年者，或持周年者。或持正，五，九者。或持正，七，十者。或持佛誕日者，或持十齋者。或持六齋者。或持朔，望，三，八者。此等，未齋之先，多有殺生買肉以關素。後至年月日時未滿，就便殺生買肉以破齋。何如。

答曰。發心固為美矣，只緣理不明。不知持齋者，正為戒殺也。何故。福未修而罪先作。善未圓而惡就加。此等亂作胡行，焉可謂之齋也。莫說無功，惟恐有罪。若肯一心長齋念佛，決定往生淨土。若不如此，依舊輪迴。遂使來生有罪，有福，有苦，有樂。

何則。受苦受患之時，是殺生造業之報。受福受樂之時，是持齋積善之報。子若不信吾言，現有四種之人可驗。今生或有福有壽者，有福無壽者，無福有壽者，無福無壽者。

或曰。此上四種之疑，乞師明矣。

Dự tu siêu tiến giới sát vãn

Hoặc viết: Thế chi dõ tu giãuphãũa, lập chí trì trai giãu baít nhất. Hoặc trì tam niên giãu hoặc trì chu niên giãu Hoặc trì chãm, ngũ cõu giãu Hoặc trì chãm, thất, thập giãu Hoặc trì Phãĩ năm nhất giãu Hoặc trì thập trai giãu Hoặc trì lục trai giãu Hoặc trì sũ, vãng, tam, bát giãu Thõũnãung, vò trai chi tiẽn ãa hõũ sát sanh, mã nhưĩ dó quan toã Hãũ chí niẽn nguyẽ nhất thõũ vò mãũ, tõũ tiẽn sát sanh mã nhưĩ dó phãũ trai, hãnhõ?

Ñãp viết: Phãũ tâm cõvi myõhyõ chãduyẽn lyũbaít minh. Baít trì trì trai giãu chãm vi giõũ sát dã Hãco? Phõõũ vò tu nhi toã tiẽn tãũ, thiẽn vò viẽn nhi àũ tõũ gia. Thõũnãung loãn tãũ hoãhãnh, yeãn khaũvò chi trai dã Mã thuyẽ voãcõng, duy kũng hõũ toã. Nhõõc kãng nhất tâm trõõng trai niẽn Phãĩ, quyẽ ãnh vãng sanh Tõnh ãõ Nhõõc baít nõ thõũ y cõũ luãn hoã. Toã sũlai sanh, hõũ toã hõũ phõõũ, hõũ khoãhõũ lã.

Hãtã? Thõĩ khoã thõĩ hoãn chi thõũ, thõ sát sanh tãũ nghiẽp chi bãũ. Thõĩ phõõũ thõĩ lã chi thõũ, thõ trì trai tích thiẽn chi bãũ. Tõũnhõõc baít tín ngoãngoãn, hiẽn hõũ tõũ chũng chi nhãũ kãũnghiẽn. Kim sanh hoặc hõũ phõõũ hõũ thõĩ giãũ hõũ phõõũ vò thõĩ giãũ vò phõõũ hõũ thõĩ giãũ vò phõõũ vò thõĩ giãũ

Hoặc viết: Thõũthõõng tõũchũng chi nghi, kãũ sõ minh hyõ

今生有福有壽者，前世布施及齋戒也。有福無壽者，雖布施不戒殺也。無福有壽者，專持齋不捨財也。無福無壽者，又慳貪又殺生也。

或曰。此疑雖決，再問一端。世之或修延生功德者，或為度亡佛事者，多有未做功果之前，盡說請人扶持，先殺生辦酒以待眾。後至功果未了，妄稱關當安神，就殺生置酒以開筵。何如。

答曰。此等愚夫可悲可痛。譬如有人以血汙身，還將血洗，能得淨乎。此等因果不知，反加存亡罪苦。

故寒山拾得云。

昨日方設齋，
今朝宰六畜。
一度造天堂，
百度造地獄。

嗚呼。持齋功德未滿一分，而殺生之罪已具百分矣。如此者，焉得利益存亡，陰超陽慶。若修功果，酒尚不應飲破，況殺生食肉乎。

Viet: Kim sanh hõu phõu hõu thõ giaũ tiẽn theáboáthi cãp trai giõu daõ Hõu phõu voáthõ giaũ tuy boáthi bá giõu saũ daõ Voáphõu hõu thõ giaũ chuyẽn trõ trai bá xaũtaũ daõ Voáphõu voáthõ giaũ hõu xan tham hõu saũ sanh daõ

Hoac viet: Thõnghĩ tuy quyẽ, taũ vaãn nhaũ ñoan. Theá chi hoac tu duyẽn sanh công ñõu giaũ Hoac vi ñõavong Phaũ sõi giaũ Ña hõu vò toá công quaũchi tiẽn, taũ thuyẽ thanh nhaũ phõtrõ, tiẽn saũ sanh biẽn tõu dó ñaũ chũng. Haũ chí công quaũvò lieũ, võng xõng quan ñõõng an thaũ, tõu saũ sanh trõ tõu dó khai dieũ. Haũnhõ?

Ñap viet: Thõũñaĩng ngu phu, khaũbi khaũthoãng, thõ nhõ hõu nhaũ, dó huyẽ oáthaũ, tõõng huyẽ tạỹ, ñaũg ñaũ tòn hõ? Thõũñaĩng nhaũ quaũbaũ trõ, phaũ gia toãn vong toã khoa

CoáHãn Sõn Thap Ñaũ vaũ:

Tạc nhật phương thiết trai.

Kim triều tế lục súc.

Nhất độ tạo thiên đường.

Bách độ tạo địa ngục.

Oãhoã Trõ trai công ñõu vò maũ nhaũ phaũ, nhi saũ sanh chi toã dó cũ baũphaũ hyõ Nhõ thõũgiaũ yeũ ñaũ lõĩ ích toãn vong, aũ sieũ dõõng khaũh? Nhõõtr tu công quaũ tõu thõõng bá õng aũn phaũ huõng saũ sanh thõũ như hõ?

金光明經因果云。宋朝，紹興年間，淮陰有小民喪女，經寒飲恨，無以為薦。其母截髮，買錢六百，將欲請僧做佛事。

忽有五僧門前經過，遂迎請入。其僧轉相推托，良久一僧肯之。即訪諸鄰得金光明經一部。讀誦以竟，回向就齋而去。

街上忽偶向之四僧，邀共酒家就座。忽聞窗外有聲呼轉經僧莫飲酒。僧問何人。遂泣曰。我看經家亡女也。淪滯冥途日久。今蒙師課經功德，方得脫罪超生。師若飲酒，破齋，令我依前沈墜。言以不見。僧慚而退。

其後五僧 全持齋戒，念佛參禪，皆得果，證菩提，咸作人天眼目。

吁。一鬼度五僧，正此謂也。如是因果昭然，豈可飲酒食肉。若不齋戒精嚴，功果亦無益矣。

Kim Quang Minh kinh nhân quảvân: Tống triều, Thiệu Hưng niên gian, Hoài Âm hâu tiểu dân tằng nữ kinh hãm ấm hãm, vô dồ vi tiếu. Kỳ mãu tiếu phát, mai tiền lục bách, tồng dư thanh tằng toá phá sỡ Hoá hâu nguõ tằng môn tiền kinh quai toai nghinh thanh nhạp. Kỳ tằng chuyên tồng thoả thừ, lờng cõu nhá tằng kháng chi. Tờ phõng chõ lãn, ãé Kim Quang Minh kinh nhá bạ ãõ tưng dồ cãnh, hoả hõng tõu trai nhi khõu

Nhai thõng hoả ngãu hõng chi tõu tằng, yâu công tõu gia tõu toả. Hoả vân song ngoã hõu thanh hoả Chuyên kinh tằng mã ấm tõu. Tằng vãn hãm nhãn. Toai khạp viếu: Ngã khãm kinh gia vong nõ dã Luãn trãm minh ão nhá cõu, kim mông sỡ khõ kinh công ãõ, phõng ãé thoả toả siếu sanh. Sỡ nhõõ: ấm tõu phãu trai, linh ngãy tiền trãm truy. Ngõn dồ bá kiếu, tằng tam nhi thoả.

Kỳ hâu nguõ tằng, toan trì trai giõu, niãm phá tham thiển. Giai ãé quai chõng Bõ ãe hãm tã nhãn thiển nhãn mũ.

Hu. Nhá quy ãõ nguõ tằng, chãm thõu vò dã Nhõ thõ nhãn quã chieũ nhieũ, khõu khãu ấm tõu thõ nhũ? Nhõõ: bá trai giõu tinh nghieũ, công quã dieũ vô ích hyõ

20. Răn việc giết hại trước khi cầu siêu, trai giới

Có người hỏi: “Người đời muốn theo việc tu tập cũng nhiều, nhưng phát nguyện ăn chay chẳng giống nhau. Có người phát nguyện ăn chay ba năm, có người trọn một năm, có người nguyện ăn chay tháng giêng, tháng năm, tháng chín, lại có người ăn chay tháng giêng, tháng bảy, tháng mười; hoặc có kẻ ăn chay trong ngày Phật đản; hoặc có người ăn chay mỗi tháng mười ngày, hoặc sáu ngày; lại cũng có người ăn chay vào các ngày rằm, mồng một, hoặc mồng tám, mười tám và hai mươi tám. Trong số những người phát nguyện ăn chay như thế, có nhiều người trước khi bắt đầu ăn chay lại giết súc vật hoặc mua thịt về làm tiệc trước lúc ăn chay, no say thỏa thích một bữa để hôm sau bắt đầu ăn chay. Rồi đến khi kỳ hạn phát nguyện ăn chay còn chưa dứt, lại làm việc giết hại súc vật hoặc mua thịt về chuẩn bị làm tiệc phá trai. Việc ấy thế nào?”

Đáp: “Sự phát tâm như vậy tất nhiên là tốt đẹp. Chỉ vì không hiểu rõ lý chân thật, không biết rằng việc ăn chay chính là vì để tránh giết hại sanh mạng. Sao vậy? Phước chưa tu mà đã phạm tội trước, việc thiện chưa tròn mà việc ác lại tăng thêm? Những kẻ hành động rối loạn xằng bậy như vậy sao có thể gọi là trai giới? Đừng nói chẳng được công đức mà e là còn thêm tội lỗi. Nếu có thể hết lòng ăn chay niệm Phật lâu ngày, chắc chắn sẽ được vãng sanh Tịnh độ. Bằng chẳng như vậy, phải chịu luân hồi như cũ. Rồi trong những kiếp sắp tới sẽ phải trải qua đủ điều tội, phước, khổ, vui.

“Vì sao vậy? Khi phải chịu khổ não, hoạn nạn, ấy là quả báo của tội giết hại. Khi được hưởng phước lộc, vui vẻ, đó là quả báo của việc ăn chay làm thiện. Nếu ông chẳng tin lời ta, có thể tự nghiệm thấy trước mắt có bốn hạng người khác nhau. Có hạng người được hưởng đủ phước lộc và sống lâu; có hạng người được hưởng phước mà không sống lâu; có hạng người không được hưởng phước nhưng sống lâu; và có hạng người chẳng được hưởng phước, cũng chẳng được sống lâu.

Người kia thưa rằng: “Tôi có chỗ chưa rõ về bốn hạng người ấy, xin thầy dạy cho.”

Đáp: “Trong đời này, người được hưởng đủ phước lộc và sống lâu là nhờ đời trước đã bố thí và trai giới. Người được hưởng phước mà không sống lâu là vì xưa kia có bố thí nhưng chẳng tránh việc giết hại. Người không được hưởng phước nhưng sống lâu là vì thưở trước có trì trai mà chẳng làm việc bố thí. Kẻ chẳng được hưởng phước, cũng chẳng được sống lâu là do đời trước tham lam, keo lạt và giết hại chúng sanh.”

Lại nói: “Chỗ nghi ngờ ấy đã dứt, xin hỏi thêm một việc nữa. Ở đời có những kẻ tu công đức để cầu sống lâu, hoặc có những kẻ làm Phật sự cầu siêu độ vong linh, nhưng trước khi làm công quả lại nghĩ rằng vì cầu thỉnh người giúp việc cho mình nên phải giết gia súc lấy thịt, bày tiệc rượu thết đãi. Sau đó, khi công quả chưa rồi lại nói bậy là đóng cửa an thần, lại giết mổ gia súc và bày tiệc rượu nữa. Việc ấy thế nào?”

Đáp: “Thật đáng thương xót, đau đớn thay cho những kẻ mê muội ấy! Ví như có người bị máu làm dơ mình, lại dùng máu để rửa thì có sạch được chăng? Những người ấy không biết lẽ nhân quả nên ngược lại càng làm tăng thêm tội lỗi và khổ não cho cả người sống lẫn người chết.

“Cho nên, trong tập thơ của Hàn Sơn và Thập Đắc có bài nói rằng:

*Hôm trước vừa làm chay,
Hôm sau giết súc vật.
Một đường lên cõi lành,
Trăm nẻo xuống địa ngục.*

“Than ôi! Công đức của việc ăn chay chưa được một phần, mà tội giết hại đã đủ trăm phần! Làm như vậy thì sao có thể đạt được lợi ích, sao có thể khiến cho cho người sống được hưng thịnh, người chết được siêu độ? Nếu thật tu công quả thì đến rượu cũng không được phá giới mà uống, huống chi lại còn làm việc giết hại, ăn thịt?

“Về lẽ nhân quả liên quan đến kinh Kim Quang Minh, có tích xưa kể lại rằng:⁽¹⁾ “Triều Nam Tống, vào khoảng niên hiệu Thiệu Hưng (1131 - 1161), ở đất Hoài Âm có một người con gái nhà dân nghèo qua đời. Nghèo khó

⁽¹⁾ Nguyên bản ghi là Kim Quang Minh kinh nhân quả, nhưng theo nội dung ở đây thì không thể có trong kinh Kim Quang Minh, e có sự nhầm lẫn khi khắc bản. Chúng tôi đã chỉnh lại cho hợp lý.

không lấy gì làm tuần thất, bà mẹ liền cắt mái tóc đem bán được sáu trăm đồng tiền, định dùng thỉnh Tăng đến làm Phật sự siêu độ cho con. Bỗng có năm thầy tăng đi ngang qua, bà liền ra rước vào nhờ tụng kinh siêu độ. Ban đầu, các thầy đùn đẩy mãi cho nhau, chẳng ai chịu nhận, hồi lâu mới có một thầy đồng ý. Bà lão chạy sang các nhà hàng xóm, hỏi mượn được một bộ kinh Kim Quang Minh. Thầy tụng kinh xong, hồi hương và tự trai rồi đi.

“Trên đường gặp lại bốn thầy tăng trước đó, cả năm người cùng vào quán rượu mà ngồi. Bỗng nghe ngoài cửa có tiếng kêu lớn rằng: “Thầy tăng vừa mới tụng kinh, xin đừng uống rượu!” Thầy tăng liền hỏi: ‘Ai đó?’ Liền nghe có tiếng khóc và đáp rằng: ‘Tôi là đứa con gái đã chết vừa được thầy tụng kinh siêu độ. Tôi bị trầm luân sa đọa, nay nhờ công đức khóa kinh của thầy mà được thoát tội siêu sanh. Bây giờ nếu thầy uống rượu, phá trai giới, ắt tôi sẽ bị đọa lạc như trước.’ Nói xong liền biến mất. Thầy tăng hổ thẹn, ra đi. Về sau, cả năm thầy tăng ấy đều nghiêm trì trai giới, niệm Phật tham thiền, đều được đắc quả, chứng Bồ-đề, làm bậc sáng suốt lỗi lạc trong hai cõi trời, người.

“Ôi! Đó quả thật là một hồn ma mà độ được năm thầy tăng. Nhân quả đã rõ rệt như vậy, há nên ăn thịt uống rượu hay sao? Nếu chẳng trai giới tinh nghiêm, công quả cũng thành ra vô ích!

慈心不殺放生文

或曰。持齋不食肉，勝如放生，何如。

不食肉者，但能絕殺緣。僅免一己之過，而無濟物之功也。佛所以教人持齋者，正欲僧其慈悲心也。今之齋者，雖自不食肉，亦不肯放生。是名無慈悲之人也。

十方諸佛憐愍眾生如子。今見人殺佛之子，力可救而坐視不救，雖不食其肉，亦名大破齋矣。

戒經有三種淨戒。攝律儀戒，無惡不斷，即諸惡莫作也。攝善法戒，無善不積，即眾善奉行也。饒益有情戒，無生不度，即普救一切眾生也。若不能放生救眾生苦，即名大破戒矣。

嗟乎。終年素食，曾無濟物救苦之功。一旦捨財，便有贖命放生之德。昔我佛尚割身肉以貸鴿。為佛弟子者，不能捨幻財以贖命，有何面目以見佛哉。

Từ tâm bất sát phóng sanh văn

Hoặc viê: Trì trai bát thức như, thắng nhờ phóng sanh, hãnhõ?

Ñãp viê: Bát thức như giới ãn ãng tuyê saù dụcê. Cãn miê nhá kyúchi quã nhi vôteáva chi công đã Phã sôúó giã nhãn trì trai giã chãm dưc tãng kyötöbi tãn đã Kim chi trì giã tuy tõi bát thức như, điã bát khãng phóng sanh, thò danh vôteöbi chi nhãn đã

Thãp phõng chõ Phã lãn mãn chũng sanh nhõ tũ Kim kiãn nhãn saù Phã chi tũ lữ khãücũ nhi tũ thõ bát cũ. Tuy bát thức kũnhũ, điã danh ãi phãutrãi hyõ

Giũ kinh hũ tam chũng tũnh giũ. Nhiêp luã nghi giũ, vôte bát ãn, tũ chõ ã mãc tũ đã Nhiêp thiãn phãp giũ, vôtehiãn bát tích, tũ chũng thiãn phũng hãm đã Nhiãn ích hũ tũnh giũ, vôte sanh bát ãoã tũ phoãcũ nhã thiã chũng sanh đã Nhõũc bát ãng phóng sanh cũ chũng sanh khoã tũ danh ãi phãugiũ hyõ

Ta hoã Chung niãn toãthũ, tãng vôteáva cũ khoãchi công. Nhã ãn xũtã, tiãn hũ thũ mãng phóng sanh chi ãũ. Tích ngã Phã, thõũng cã thãn như dó thũ cãp. Vi Phã ãtũgiã bát ãng xũhuyê tã dó thũ mãng, hũ hã điãn mũc dó kiãn Phã tai!

問。放生固爲慈悲。云何不放鷄鵝猪鴨牛羊等。偏放鰵鱈禽魚螺螄之類耶。

答。世間有二種畜生。一者，受決定殺果，如鷄鵝牛羊等，是也。緣其前世決定不信因果，歡喜決定行殺，無懺悔心。故今世爲畜生，受決定殺果，無所逃而待烹矣。雖遇放生之人，亦不能救之矣。

二者，受不定殺果。如魚等，是也。緣其前世雖作惡業，或出於不得以，或殺已生悔，故今生爲畜生，受不定殺果。若遇好殺之人，必遭烹殺。若遇慈悲之人，臨死亦得活也。

今有一等邪見之徒，自不能斷殺，反勸人行殺。此等之輩先入地獄，受無量苦。後墮畜生受決定殺。雖遇慈悲者，亦不能救也。

若要放生必須財力。若無財力，將如之何。

曰。富貴之人，民心風俗所係，最可攝化。若能廣興佛教，大振慈風，真可移風易俗。不聞顏魯公，隨所守郡立放生池。張無盡作監司，撤淫祠，禁殺業。施華嚴論。此皆菩薩之行也。

Vaán: Phòng sanh cóavi tồbi. Vaân haóbaá phòng kênga trồ aþ ngôu döông ñaúng, thieân phòng thu, thieân cànm ngồ loã sö chi loaï da?

Ñaþ: Theágian höü nhò chuúng suừ sanh. Nhaá giaü thoi quyeyá ñònñ saü quaü nhö kê nga, ngôu, döông ñaúng, thò daõ Duyeân kyotieân theá quyeyá ñònñ baá tín nhaân quaü hoan hyü quyeyá ñònñ hanh saü, voásaim hoá taâm. Coákim theávi suừ sanh, thoi quyeyá ñònñ saü quaü voásôũñaõ nhi ñaõ phanh hyõ Tuy ngoãphòng sanh chi nhaân, dieã baá naêng cõu chi hyõ

Nhò giaü thoi baá ñònñ saü quaü nhö cànm, ngồ ñaúng, thò daõ Duyeân kyotieân theátuy taü àü nghieþ hoaë xuaá ö baá ñaë dó, hoaë saü dó sanh hoá, coákim sanh vi suừ sanh, thoi baá ñònñ saü quaü Nhöõr ngoãhieá saü chi nhaân, taá tao phanh saü. Nhöõr ngoãtõbi chi nhaân, laâm töüdieã ñaë hoá daõ

Kim höü nhaá ñaúng taõkieân chi ñoã töibaá naêng ñoan saü, phaân khuyeán nhaân hanh saü. Thöũñaúng chi boá, tieân nhaþ ñoã nguõ, thoi voãlöõng khoá Haü ñoã suừ sanh, thoi quyeyá ñònñ saü. Tuy ngoãtõbi giaü dieã baá naêng cõu daõ

Vieá: Nhöõr yeá phòng sanh, taá tu taá löë. Nhöõr voãtaá löë, töõng nhö chi haõ

Vieá: Phuùquyüchi nhaân, daân taâm phong tuừ söüheã toá khaünhieþ hoá. Nhöõr naêng quáng höng Phaá giaõ, ñaï chaán töõphong, chaân khaüdi phong dích tuừ. Baá vaân Nhan Loãcoâng, tuy söüthuüquaân læp phòng sanh trì. Tröõng Voã Taân taü giam ty, trieá daâm töõ cànm saü nghieþ, thí Hoa Nghieân luaân. Thöügiai BoãTaü chi hanh daõ

若無財力者，則當廣說佛語，種種勸化。見放生者，隨喜讚歎。常發大願。願我財力充足，廣行方便。願如觀世音菩薩，救眾生苦。願如普賢菩薩，隨順眾生。眾生界盡，我願無窮。果能如是行持，現世肉身菩薩。

21. Lòng từ bi không giết hại, thường phóng sanh

❶ Có người hỏi: “Ăn chay không ăn thịt, so với làm việc phóng sanh thì hơn kém như thế nào?”

Đáp: “Người không ăn thịt chỉ dứt được cái duyên giết hại, khỏi được cái lỗi của riêng mình nhưng chưa có cái công cứu giúp loài vật. Đức Phật sở dĩ dạy người ăn chay, chính là muốn giúp được tăng thêm lòng từ bi. Người đời nay ăn chay, tuy tự mình không ăn thịt nhưng cũng chẳng chịu làm việc phóng sanh. Như vậy gọi là người không có lòng từ bi.

“Chư Phật mười phương thương yêu chúng sanh như con. Nay nhìn thấy người ta giết con của Phật, sức mình có thể cứu được mà ngồi yên chẳng cứu, như vậy tuy chẳng ăn thịt nhưng cũng gọi là phạm vào trai giới một cách nghiêm trọng.

“Trong Giới kinh dạy rằng có ba loại giới thanh tịnh. Giới *Nhiếp luật nghi* là đoạn trừ tất cả mọi điều ác, nghĩa

Nhõõc voatai löc giaitac ñông quang thuyet Phaï ngõp chũng chũng khuyen hoà. Kien phõng sanh giat tuy hyutam than. Thõng phat ñai nguyen. Nguyen ngaõtaï löc sung tuu, quang hanh phõng tien. Nguyen nõ Quan TheaAn BoãTat, cõu chũng sanh khoa Nguyen nõ PhoãHien BoãTat, tuy thuañ chũng sanh. Chũng sanh giõu tañ, ngaõnguyen voacung. Quañang nõ thõ hanh trì, hien theanhũc than Boã Tat.

là không làm bất cứ điều ác nào. Giới *Nhiếp thiện pháp* là tích chứa tất cả mọi điều lành, nghĩa là không có việc lành nào mà không thực hành. Giới *Nhiều ích hữu tình* là không có chúng sanh nào không cứu độ, nghĩa là rộng độ hết thấy mọi chúng sanh.

“Nếu không làm việc phóng sanh, không cứu thoát nạn khổ cho chúng sanh, đó gọi là phạm giới một cách nghiêm trọng.

“Ôi! Quanh năm ăn chay mà chưa từng có công cứu khổ, cứu vật, sao bằng chỉ một ngày xả bỏ tiền của liền được đức lớn chuộc mạng phóng sanh! Đức Phật của chúng ta thuở xưa từng xẻ thịt mình mà thí cho chim bồ câu; chúng ta là đệ tử Phật mà không xả bỏ được tiền của giả tạm để chuộc mạng phóng sanh, như vậy còn mặt mũi nào thấy Phật?”

“Phóng sanh tất nhiên là từ bi, nhưng vì sao chẳng thả những loài gà, vịt, ngỗng, heo, dê... mà chỉ thả toàn những loài chim, cá, lươn, rùa, ốc...?”

Đáp: “Thế gian có hai loại súc sanh. Một loại chịu quả báo nhất định phải bị giết hại. Đó là những loài gà, ngỗng, bò, dê... Do đời trước khăng khăng chẳng tin nhân quả, dứt khoát vui vẻ mà làm việc giết hại, không có lòng hối tiếc, cho nên đời này phải làm súc sanh, chịu quả báo nhất định phải bị giết hại, không trốn chạy đàng nào được, chỉ đợi ngày chịu xẻ thịt nấu nướng mà thôi. Dẫu có gặp được người muốn phóng sanh cũng không thể cứu được loại súc sanh này. Loại súc sanh thứ hai chịu quả báo không nhất thiết phải bị giết hại. Đó là những loài chim, cá, lươn, rùa... Do đời trước tuy làm việc ác nhưng chỉ là bất đắc dĩ, hoặc sau khi giết hại rồi có lòng hối hận, nên đời này phải làm súc sanh, chịu quả báo không nhất thiết phải bị giết hại. Đối với loại súc sanh này, nếu gặp những kẻ ưa giết hại ắt sẽ bị mổ thịt nấu nướng, còn nếu gặp được người có lòng từ bi thì lúc sắp chết cũng có thể được cứu sống.

“Đời nay có một hạng tà kiến, tự mình không dứt bỏ việc giết hại, ngược lại còn khuyến khích người khác làm việc giết hại. Những kẻ ấy, trước tiên là sa vào địa ngục, chịu vô số khổ não, sau đó lại đọa làm súc sanh, chịu quả báo nhất định phải bị giết hại. Dù có gặp được người có lòng từ bi cũng không thể cứu thoát họ được.”

Lại hỏi: “Muốn làm việc phóng sanh thì phải có nhiều tiền của. Nếu không có tiền của thì phải làm sao?”

Đáp: “Những người giàu sang có mối quan hệ ảnh hưởng chặt chẽ đến phong tục, lòng người, có thể thu phục, giáo hóa được nhiều nhất. Nếu họ biết mở mang Phật giáo, nổi trận gió lớn từ bi, thật có thể làm cho lòng người thay đổi. Hãy nghe như chuyện Nhan Lỗ công, mỗi khi trấn nhậm nơi nào đều cho đào ao phóng sanh, còn Trương Vô Tận làm quan Giám ty thường triệt phá những miếu thờ tà mỵ, cấm hẳn việc giết hại súc vật, thí luận Hoa Nghiêm. Đó đều là những bậc có hạnh Bồ Tát.

“Còn như người không có tiền của thì nên rộng thuyết lời Phật, tìm mọi cách khuyên bảo, dạy dỗ, thấy kẻ phóng sanh thì tùy hỷ ngợi khen, lại thường phát khởi những đại nguyện. Nguyện có tiền của dồi dào sẽ rộng làm mọi phương tiện cứu độ. Nguyện như đức Bồ Tát Quán Thế Âm, cứu khổ chúng sanh. Nguyện như đức Bồ Tát Phổ Hiền, tùy thuận chúng sanh. Dù cho thế giới, chúng sanh đều dứt hết, nguyện lớn cũng chẳng cùng. Nếu có thể hành trì được như vậy, đó chính thật là những bậc Bồ Tát hiện xác phàm trong đời nay.”

普勸戒殺決疑文

或曰。聞師之言，凡冠婚喪祭等事，皆不可殺生。

曰。然。

世人不信，將如之何。

答曰。盡在吾之本心，由他自作自受。且佛只能度有緣，不能度無緣。佛能度信者，不能度不信者。

何以故。把手牽他行不得。令人自肯乃相應。不見遺教經云。佛如良醫，知病說藥。服與不服，非醫咎也。又如導師，導人善道。聞之不行，非導過也。佛尚如此，何況吾乎。

先德云。

天堂地獄門相對。

任君那往一條行。

誠哉是言也。

或曰。如師之說，實有六道三塗，輪迴受苦。

Phổ khuyến giới sát quyết nghi văn

Hoặc viết: Văn số chi ngôn, phạm quan hoàn tang tế năng số, giai bất khả sát sanh?

Viết: Nhiên.

Theánhân bất tín tông nhữ chi hạo

Nạp viết: Tả tại ngô chi tâm tâm, do tha tội tại tội thời Thái Phái chạ năng nã hữu dục, bất năng nã vô dục. Phái năng nã tín giai bất năng nã bất tín giai

Hạo có? Bả thuê kien tha hạnh bất nã, linh nhân tội khang nã tông ơng. Bất kiến Di giáo kinh văn: Phái nhữ lờng y, tri bệnh thuyết dõ. Phức dõ bất phức, phi y cõ daõ Hữu nhữ nã số, nã nhân thiên nã. Văn chi bất hạnh, phi nã qua daõ Phái thõng nhữ thõ hạo ngoã ho?

Tiên nử văn:

Thiên đường địa ngục môn tương đối.

Nhậm quân ná vãng nhất điều hành.

Thanh tai thõ ngôn daõ

Hoặc viết: Nhữ số chi thuyết, thã hữu lục nã tam nã luân hoã thời khoa

曰。若無六道輪迴，三塗八難，老僧亦不肯持齋戒，斷酒肉，苦叅禪，勤念佛。因是有輪迴苦楚，纔有念佛修行，願捨娑婆，願生淨土。

我以直告仁者，要見世上之人，誰不愛色欲，不好酒肉，不貪名利，不願富貴。吾知此是輪迴苦本，是以不謀不求也。法華經云。諸苦所因，貪欲爲本。若滅貪欲，無所依止。

或曰。世人皆說不生不滅，師何以專勤戒殺也。

答曰。此等邪解謗法之言。阿鼻地獄饒他不得。何則。不生不滅之言，是最上一乘道理，豈容世人反經非聖哉。要知色相有壞有成，佛性不生不滅。

不生不滅者，又是真真如性中之體用也。

真空之體不生，妙有之用不滅。

先天之道即不生，後天之道即不滅。

寂然不動是不生，感而遂通是不滅。

Vieät: Nhöôc voâlũc ñãb luaân hoã, tam ñoàbaù nañ, laõ taêng dieã baá khaúng trì trai giòù, ñoãñ töù nhuõc, khoãtham thieãn, cañ nieãm Phaã. Nhaãn thò höü luaân hoã khoãsoù taõ höü nieãm Phaã tu hañh. Nguyeãn xaùTa-bà, ngyeãn sanh Tõnh ñoã

Ngaõdó tröc caù nhaãn giaù Yeáù kieãn theãthöông chi nhaãn thuy baá aù saé duõc, baá haù töù nhuõc, baá tham danh löi, baá ngyeãn phuùquyũ Ngoãtri thöüthò luaân hoã khoãboãn, thò dó baá möu baá caù daõ Phaùp hoa kinh vaãn: Chõ khoãsoù nhaãn tham duõc vi boãn. Nhöôc dieã tham duõc, voãsöüy chæ

Hoãc vieät: Theãnhaãn giai thuyé baá sanh baá dieã, sö haù dó chuyeãn cañ giòù saù daõ

Ñãp vieät: Thöüñaúng taõgiaù baùng phaùp chi ngoãn, A-tý ñoã nguõ nhieũ tha baá ñãc. Haõtaé? Baá sanh baá dieã chi ngoãn, thò toã thöông Nhaã thöõ ñãb lýù khöü dung theãnhaãn phaãn kinh phi thañh tai? Yeáù tri saé töông höü hoã höü thañh, Phaã tañh baá sanh baá dieã.

Baá sanh baá dieã giaù höü thò chaãn nhö tañh trung chi theãduõng daõ

Chaãn khoãng chi theã baá sanh. Dieã höü chi duõng, baá dieã.

Tieãn thieãn chi ñãb, töù baá sanh. Haũ thieãn chi ñãb, töù baá dieã.

Töc nhieãn baá ñoãg, thò baá sanh. Caãn nhi toã thaõg, thò baá dieã.

諸惡莫作謂不生。衆善奉行謂不滅。是也。

嗚呼。如斯至妙之理，非具眼人，熟能達此哉。

曰。師善辦焉。

曰。豈好辦哉。不得已也。如我之心，普願十方皆極樂矣。一切眾生盡成佛矣。

師之悲願，久已知之。吾之疑或，今已斷除。卽此拜辭之後，一心念佛修行。

宗本曰。善哉，善哉。但願如是。汝若有疑未決，可看仁孝勸善書，慈心功德錄。

曰。奉命受持。

22. Rộng khuyên tất cả mọi người đừng giết hại

Uó người hỏi: “Theo lời thầy dạy, phạm trong các việc quan, hôn, tang, tế, đều chẳng nên giết hại gia súc. Phải vậy chăng?”

Đáp: “Đúng như vậy.”

Lại hỏi: “Nhưng người đời không tin nhận thì biết làm thế nào?”

Chô aù mãc taù, vò baá sanh. Chùng thiën phưng hánh, vò baá dieã, thò daõ

Oãhoã Nhõ tö chí dieãu chi lyù phi cuì nhaõn nhaãn, thuë naõng ñaã thõütai?

Vieãt: Sõ thiën bieãn yeãn.

Vieãt: Khõu haõn bieãn tai, baá ñaé dó daõ Nhõ ngaõchi taãn, phoànguyeãn thaõ phõông giai cõc laõ hyõ Nhaã thieã chùng sanh taãn thanh Phaã hyõ

Hoãe vieãt: Sõ chi bi nguyẽn, cõu dó tri chi. Ngoãchi nghi hoãe, kim dó ñoãn trõõ Tõu thõubaõ töõchi haã, nhaã taãn nieãn Phaã tu hánh.

Toãng Boãn vieãt: Thiën tai, thiën tai! Ñãõn nguyẽn nhõ thõ Nhõõnhõõc hõõ nghi vò quyẽa, khaõkhaõn nhaãn hieãu khuyeãn thieãn thõ, töõtaãn công ñõu lữ.

Vieãt: Phưng mãng thoãtri.

Đáp: “Chỉ cố gắng hết lòng mà thôi, còn người khác tự làm thì tự chịu. Phật cũng chỉ độ được người hữu duyên, chẳng độ được kẻ vô duyên. Phật cũng chỉ độ được người tin nhận, chẳng độ được kẻ chẳng tin. Tại sao vậy? Dù nắm tay mà lôi dắt đi cũng chẳng được, phải làm cho họ tự nhận hiểu thì việc làm mới phù hợp.

“Kinh Di giáo dạy rằng: ‘Phật như vị lương y, biết bệnh mà cho thuốc. Còn chịu uống thuốc hay không, chẳng phải

do lỗi của lương y! Lại nữa, Phật như người chỉ đường, chỉ cho người con đường tốt đẹp, nhưng nghe biết rồi mà chẳng đi theo thì chẳng phải lỗi của người chỉ đường.' Phật còn như vậy, huống chi là ta đây?

“Người xưa dạy rằng:

*Thiên đường, địa ngục chia hai cửa,
Mỗi người chọn một tùy ý thôi.*

Lời ấy thật đúng thay!

Người kia lại hỏi: “Theo lời thầy nói đó, quả thật có *Sáu nẻo*,⁽¹⁾ *Ba đường ác*,⁽²⁾ chúng sanh luân chuyển chịu khổ trong đó?”

Đáp: “Nếu không có *Sáu nẻo* luân hồi, *Ba đường ác* và *Tám nạn xứ*,⁽³⁾ thì lão tăng này chẳng cần phải giữ theo trai giới, bỏ rượu thịt, nhọc công tham thiền, siêng năng niệm Phật để làm gì! Nhân vì có luân hồi khổ não nên mới phải niệm Phật tu hành, nguyện bỏ cõi *Ta-bà*, cầu sanh về *Tịnh độ*.

“Nay xin lấy lời thẳng thắn mà nói với ông. Nên biết, trên đời này có ai lại chẳng ưa muốn sắc dục, chẳng ham thích rượu thịt, chẳng tham cầu danh lợi, chẳng mong

⁽¹⁾ Sáu nẻo (Lục đạo): sáu cảnh giới khác nhau mà chúng sanh thọ nghiệp phải thác sanh vào, gồm có cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ và cõi súc sanh. Ba cõi được kể sau cũng chính là Ba đường ác.

⁽²⁾ Nguyên bản dùng Tam đồ, chỉ Hỏa đồ, Huyết đồ và Dao đồ, là tên khác của các cảnh giới địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ, nên cũng dịch là Ba đường ác.

⁽³⁾ Tám nạn xứ: Tám hoàn cảnh khó khăn của chúng sanh khi thọ sanh, vì là những điều kiện bất lợi cho sự tu tập, thuận tiện cho sự tăng trưởng các điều ác. Tám hoàn cảnh ấy là: địa ngục (naraka), súc sanh, ngạ quỷ, cõi trời Trường thọ, vùng biên địa, căn khuyết, tà kiến, không có Phật ra đời.

được giàu sang? Nhưng ta biết rằng đó là nguồn gốc của khổ não luân hồi nên chẳng để tâm mưu cầu.

“Kinh Pháp Hoa dạy rằng: Nguyên nhân của khổ não chính là lòng tham dục. Nếu dứt trừ tham dục thì khổ não không dựa vào đâu mà phát sanh.”

Người kia lại hỏi: “Người đời đều nói lẽ không sanh không diệt, tại sao thầy chỉ cố giữ việc không giết hại?”

Đáp: “Đó đều là những lời tà my, báng bổ chánh pháp. Những kẻ nói như vậy chẳng khỏi phải đọa vào địa ngục *A-tỳ*. Vì sao vậy? Lời nói không sanh không diệt ấy là đạo lý cao trổi bậc nhất của Nhất thừa, há lại để cho người đời dùng đó mà nói nghịch ý kinh, phủ nhận chư thánh hay sao?

“Cần phải biết rằng, hình sắc tướng mạo có thành, có hoại, còn tánh Phật thì không sanh, không diệt.

“Không sanh không diệt đó cũng là *thể* và *dụng* trong tánh chân như. *Thể* của *cái không chân thật* là không sanh; *dụng* của *cái có nhiệm mầu* là không diệt.

“Đạo khi trời đất chưa sanh, đó là không sanh; đạo sau khi trời đất đã sanh, đó là không diệt. Lặng thình mà chẳng động là không sanh, cảm ứng mà thông suốt là không diệt. Không làm các điều ác, gọi là không sanh; làm theo các điều lành, gọi là không diệt.

“Ý nghĩa không sanh không diệt là như thế. Ôi! Lý huyền diệu đến thế, nếu là người chưa đủ huệ nhãn thì làm sao thấu đến?”

Người kia khen: “ Sư thật khéo biện giải!”

Đáp: “Nào ta có muốn biện giải đâu, chỉ vì bất đắc dĩ đó thôi. Như thật lòng ta muốn, ấy là muốn cho khắp cả mười phương đều là Cực Lạc, khắp cả chúng sanh đều thành Phật đạo.”

Người kia nói: “Nguyện lớn từ bi của sư, từ lâu tôi đã biết; chỗ nghi hoặc của tôi, nay đã được trừ dứt. Từ nay xin bái biệt sư, trở về chuyên tâm niệm Phật tu hành.”

身為苦本，覺悟早修

三界無安，猶如火宅。三界苦緣，猶如牢獄。三界之內，六道所居。六道者，何也。天仙道，人倫道，修羅道，餓鬼道，畜生道，地獄道。依佛理而言之，六道無非是苦。

不見法華經云。
我以佛眼觀，
見六道眾生，
貧窮無福慧，
入生死險道，
相續苦不斷。

是也。

Tông Bản đáp: “Lành thay, lành thay! Ta cũng nguyện cho ông được như vậy mà thôi. Nếu ông còn có chỗ nghi ngờ chưa quyết, nên tìm xem các sách *Nhân hiếu khuyến thiện thư*, *Từ tâm công đức lục*.”⁽¹⁾

Người kia nói: “Xin kính cẩn vâng làm theo lời dạy.”

⁽¹⁾ Từ tâm công đức lục là sách do Trần tiên sanh, hiệu Hoa Nghiêm Đệ Tử, trước thuật vào đời nhà Tống. Còn Nhân hiếu khuyến thiện thư chúng tôi chưa rõ là của ai.

Thân vi khổ bản, giác ngộ tảo tu

Tam giới vô an, du nhô hoả trạch. Tam giới khổ duyên, du nhô lao ngục. Tam giới chi nội, lục đạo sở cư. Lục đạo giả, thiên tiên đạo, nhân luân đạo, tu-la đạo, ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo. Y Phật lý nhi ngôn chi, lục đạo vô phi thị khổ:

Ngã dĩ Phật nhãn quán.
Kiến lục đạo chúng sanh.
Bần cùng vô phúc huệ.
Nhập sanh tử hiểm đạo.
Tương tục khổ bất đoạn.

Thò daõ

天道雖是樂因，不出輪迴苦本。人道之中其苦無量。何況四惡道之苦乎。

今將人中所見之苦，略說幾種以示之。只這色身，誰信身為苦本。盡貪世樂，不知樂是苦因。浮生易度，豈是久居。幻質非堅，總歸磨滅。

何謂也。衆等各觀自身，從頭至足，其中但有三十六物。髮，毛，爪，齒，眇，淚，涕，唾，垢，汙，二便，皮，膚，血，肉，筋，脈，骨，髓，肪，膏，腦，膜，脾，腎，心，肺，肝，膽，腸，胃，赤白痰，瘡，生熟二臟，如是九孔長流。

是故經言。此身衆苦所集，一切皆是不淨。何以故。人身之內有八萬尸蟲在中而住。

靜地思之，甚可患厭。且夫六根完具者猶可。其中又有眼瞎，耳聾者。腳跛，手折者。腰駝，背曲者。口啞，舌短者。鼻爛，嘴斜者，唇缺，齒呿者。頭癩髮黃者。頂頰上生癩者。足不能行而手移者。生瘡毒流膿出血者。生麻瘋癩癬臭穢者。

Thiên ãa tuy thò lạc nhạn, bạt xuạt luạn họa khọa bọạn. Nhạn ãạ chi trung kỵo khọa vọạl ọọng, hạo huạọng tọ̄uạ ãạ chi khọa họạ

Kim tọ̄ọng nhạn trung sọ̄u kiẹn chi khọa lọ̄ọc thuyeạ kỵu chụ̄ng dọ̄ thò chi. Cḥa giạusạc thạn, thuỵ tin thạn vi khọa bọạn. Tạn tham thẹalạc, bạt tri lạc thò khọa nhạn. Phụo sanh dọ̄ ãọạ khọ̄i thò cọ̄u cọ̄. Huyeạn chạt phi kiẹn, tọạng quy ma diẹạ.

Hạo vọ̄ dạ? Chụ̄ng ãạng cạt quan tọ̄i thạn, tụ̄ng ãạu chí tục, kỵo trung ãạn họ̄u tam thạp lục vạt, phạt, mao, trạo, x̣a si, lẹa thẹạ thọa, cạu, ọa nhọ̀ tiẹn, bì, phu, huyeạ, nhục, cạn, mạch, cọa, tuỵ, phọ̄ọng, cao, nạo, mạc, tỵo thạn, tạn, phẹa can, ãạm, trọ̄ọng, vọ̄, xich bạch ãạm, ạm, sanh thục nhọ̀ tạng, nhọ̀ thò cọ̄u khọạng trọ̄ọng lọ̄u.

Thò cọa kinh ngọạn: Thọ̄u thạn chụ̄ng khọa sọ̄u tạp, nhạt thiẹạ giai thò bạt tọ̄nh. Hạo dọ̄ cọ? Nhạn thạn chi nọa, họ̄u bạt vạn thi trung tại trung nhi truị

Tọ̄nh ãọa tọ̄ chi, thạn khaị họạn yẹạn. Thạu phụo lục cạn họạn cụi giạu dụ khaị Kỵo trung họ̄u họ̄u nhạn hạt, nhọ́ lung giạu cọ̄ọt bạt thục kiẹạ giạu yẹạ ãạo bọạ khục giạu khaị ạu thiẹạ ãọạm giạu tỵulạn, chuỵ tạo giạu thạn khuyeạ, x̣a qua giạu ãạu laị, phạt họạng giạu ãạm ḥ giạp thọ̄ọng sanh lọ̄u giạu tục bạt nạng hạnh nhi thục dị giạu sanh sang ãọạ lọ̄u nọạng xuạt huyeạ giạu sanh lạm phong quai, tiẹn xụu ẹạ giạu

生爲奴婢而恆受打罵者。生在邊地下賤，與畜類無異者。所言身中之苦，說不能盡。復有八苦交煎，無時暫。何未八苦。生苦，老苦，病苦，死苦，怨憎會苦，愛別離苦，求不得苦，五陰熾盛輪轉苦。是謂八苦也。八苦之中其苦無數，智者自明之。

復有多種橫死之苦，不能保耶。或餓死者，凍死者，炎熱逼惱而死者，飲食過度而死者。爲酒而死者，爲色而死者，爲財而死者，爲氣而死者，火焚而死者，水溺而死者，山崖石壁而壓死者，屋倒牆頹而壓死者，家遭劫賊而殺死者，路逢強盜而殺死者，車輾馬踏而死者，入陣戰鬥而死者，犯王法而死者，染時疫而死者。

夢魘而死者，鬼迷而死者，入邪而死者，癡癲而死者，虎齧而死者，蛇傷而死者，天雷而誅死者，惡神而打死者，毒藥蠱物而暗害死者，負屈難伸而呪咀死者。

中風而死者，產難而死者，疝腸沙而急死者，擲瓦石悞死者，上高而跌死者，驚怖而憂死

Sanh vi noátýø nhi haeng thoi ñaumaĩgiaũ Sanh tai bieãn ñòa haĩ tieãn döøsuũ loaĩ voådò giaũ Sôũngoaĩ thaãn trung chi khoã thuyé baĩ naeng taãn. Phuũ höũ baũ khoãgiao tieãn, voãthoũ taĩm töũ. Haøvò baũ khoã Sanh khoã laõ khoã beãn khoã töũ khoã oaĩ taeng hoã khoã aũ bieãn ly khoã caũ baĩ ñaé khoã nguõ aãm xí thaãn luaãn chuyeaĩ khoã thò vò baũ khoãdaõ Baũ khoãchi trung kyøkhoãvoãsoã trí giaũtöĩ minh chi.

Phuũ höũ ña chung hoãnh töũchi khoã baĩ naeng baũ da. Hoaé ngai töũgiaũ ñoãng töũgiaũ vieãn nhieãn böũ naõ nhi töũ giaũ aãm thöũ quaũñoãnhĩ töũgiaũ vò töũ nhi töũgiaũ vò saé nhi töũgiaũ vò taũ nhi töũgiaũ vò khí nhi töũgiaũ hoã phaãn nhi töũ giaũ thuy nõch nhi töũgiaũ sôn nhai thaãn bích nhi aũp töũgiaũ oã ñaõ töõng ñoã nhi aũp töũgiaũ gia tao kieũp taé nhi saũ töũ giaũ loãphung cõõng ñaõ nhi saũ töũgiaũ xa nieãn maõñaũp nhi töũgiaũ nhaũp traãn chieãn ñaũ nhi töũgiaũ phaĩm võõng phaũp nhi töũgiaũ nhieãn thõũ döch nhi töũgiaũ

Moãng yeãn nhi töũgiaũ Quyũmeãnhĩ töũgiaũ Nhaũp taõnhĩ töũgiaũ Si ñieãn nhi töũgiaũ Hoãnieã nhi töũgiaũ Xaõthõõng nhi töũgiaũ Thieãn loaĩ nhi tru töũgiaũ Aũ thaãn nhi ñaũtöũgiaũ Ñoã döõũ coãvaũ nhi aãm haĩ töũgiaũ Phuũkhuaũ nan thaãn nhi chuũ trõũtöũgiaũ

Truõng phong nhi töũgiaũ Saũ nan nhi töũgiaũ Ñaũ trang sa nhi caũp töũgiaũ Trõch ngoã thaãn nhi ngoãtöũgiaũ Thõõng cao nhi ñieãn töũgiaũ Kinh boãnhĩ öũ töũgiaũ Caũ danh baũ

者，求名不遂而死者。謀利不得而死者，自縊刺劓而死者，自投水火而死者。復有多種不能盡述於戲。

復有處世作做家之苦，再示幾端。有貧窮男女之苦。有富貴男女之苦。富貴者，恐失所而憂。者，貧窮欲所得而憂。貧富憂苦雖不同，然其跋涉則一也。

何哉。人生世間男婚女嫁，官司門戶人情往來，迎賓待客。創造房屋，置賣田園。建立墳塋，春秋祭祀。殺生害命禱鬼求神。

士農工商，生涯活計，播秧下種，運水搬柴，洗染縫紉，紡綿績苧，收曬舂磨，煮飯調羹。洗面梳頭，登廁澡浴。去塵掃地，整漏遮修。執捉施為，辛勤顧管。奔波勞碌，日用所須。曉夜尋思，千方萬計。若說當家之事，違微細端，筆不能盡。

吁。富貴猶可措辦，貧窮揭債支撐。何以故。其中或有典賣房屋基址者，典賣山園田地者，典賣衣裳什物者，典賣妻妾兒女者。如此因由，無不是苦。

toai nhi tōugiaū Mōu lōi baí ñac nhi tōugiaū Tōi aū thōuvañ
nhi tōugiaū Tōi ñaū thuý hoā nhi tōugiaū Phuñ hōū ña chumg,
baí nañg tañ thuañ ò hyù

Phuñ hōū xōutheátōgia chi khoá tañ thò kyũñoan. Hōū
bañ cung nam nōochi khoá Hōū phuñquýnam nōochi khoá
Phuñquýgiaū khuñg thaí sōunhi ous. Bañ cung giaū duñ sōu
ñac nhi ous. Bañ phuñou khoatuy baí ñoàng. Nhieñ kyøbañ
thieþ taé nhaí dañ

Haøtai. Nhañ sanh theágian, nam hoñ nōogiaū quan ty
moñ hoñhañ tình vañg lai, nghinh tañ ñañ khaih. Sañg tañ
phong oá, trí mãi ñieñ vieñ. Kieñ laþ phañ doanh, xuañ thu
teátōi Sañ sanh haí mañg, ñañ quyúcañ thañ.

Só noñg công thōong, sanh nhai hoat keá baũōong hau
chumg, vañ thuý ban saí, taý nhieñ phung lieñ, phōomg
mieñ tích chōþ thañ sañ thung ma, chōþphañ ñieñ canh. Taý
dieñ sō ñañ, ñañg xí thañ duñ. Khōutrañ tañ ñoà, chanh lañ
giaùtu. Chap trōu thi vi, hañh cañ cóaquam. Boñ ba lao luñ,
nhañ duñg sōutu, hieñ dañ tañ tö, thieñ phōong vañ keá
Nhōõr thuyé ñōong gia chi sōi vi teña ñoan, buñ baí nañg
tañ.

Hu! Phuñquýdu khaiþhoábieñ. Bañ cung yeá trañ chi
sanh. Haðó coñ Kyøtrung hoac hōū ñieñ mãi phong oá cô
chægiaū Ñieñ mãi sōn vieñ ñieñ ñoà giaū Ñieñ mãi y thōomg
thaþ vañ giaū Ñieñ mãi theathieþ nhi nōogiaū Nhō thōunhañ
do, voabaí thò khoá

復有多種，再說數般。饑渴又是苦。痛痒又是苦。熱極又是苦。寒極又是苦。蚊蠅蚤蟲叮咬又是苦。蜈蚣惡犬傷殘又是苦。雨多又是苦。旱多又是苦。蝗蟲來侵又是苦。荒年來到又是苦。狂風卒至又是苦。雷電驚人又是苦。家眷不安又是苦。地方反亂又是苦。復有苦中之苦，難可悉陳。

噫。此上苦緣，還是人中小苦。若作惡業罪障，永墮地獄，餓鬼，畜生，受其大苦，況人間之小苦乎。

悲夫。世人不知是苦，反要亂作胡行。不忠，不孝，不仁，不義，以強陵弱，以貴輕賤，以富輕貧，以曲枉直，以大壓小，以下慢上。如此非為，展轉沒在苦海矣。

嗟乎。我今重重苦口，三復丁寧。欲令天下人盡持齋戒，齊念彌陀，同出苦輪共登樂土。

諸仁者。要知病來死來，那件替得你也。縱有父母公婆，夫妻兒女，富貴功名，金銀錢寶，盡皆無用處也。唯當各自努力，預辦前

Phức hữu ña chúng, tại thuyết soãban. Cô khát hữu thọ
khả Thọãg đõng hữu thọ khả Nhiệã cõc hữu thọ khả Hãm
cõc hữu thọ khả Vãn đãng tãt sãt ñinh giãp hữu thọ khả
Ngoãcoãng àu khuyẽn thõng tãn hữu thọ khả Vuõña hữu thọ
khả Hãn ña hữu thọ khả Hoãng trung lai xãm hữu thọ khả
Xung niẽn lai ñãt hữu thọ khả Cuõng phong thoã chí hữu
thỏ khả Loã ñiẽn kinh nhãm hữu thọ khả Gia quyẽn bãt an
hữu thọ khả Ñũa phõng phãm loãn hữu thọ khả Phức hữu
khoãtrung chi khả nan khãtãt trãn.

Y! Thõuthõõng khả duyẽn, hoãm thỏ nhãm trung tiẽu
khả Nhõõc tãt àu nghiẽp toã chõõng, vónh ñõã ñõã nguĩ,
ngã quyũ suũ sanh, thõi kyõ ñãi khả huõng nhãm gian chi
tiẽu khảhoã

Bi phũ Theãnhãm bãt tri thỏ khả phãm yẽu loãn tãt hoã
hãm. Bãt hiẽu, bãt nhãm, bãt nghõa. Dõ cõõng laõng nhõõc,
dõ quyũkhinh tiẽn, dõ phũkhi bãn, dõ khũũ uõng trõc, dõ ñãi
yẽn tiẽu, dõ hã mãn thõõng. Nhõ thõũphi vi, triẽn chuyẽn
mõã tãi khảhãm hyõ

Ta hoã Ngaõkim trung trung khảkhãm, tã phũc ñinh
ninh. Dũc linh thiẽn hãmnhãm tãn trũ trũ giõũ, tẽniẽm Di-đã,
ñõõng xuãt khảlũaãm, cõõng ñãõng lãc ñõã

Chõ nhãm giãt Yẽu tri bẽnh lai tõũlai, ña kiẽn theãããc ñẽ
đã Tũng hữu phũ mãũ cõõng bã phũ theãnhĩ nõõ phũquyũ
cõõng danh, kim ngãm tiẽn bãt, tãn giãi võũduõng xõũđã Duy
ñõõng cãũ tõĩ ñõũlõc, dõĩ biẽn tiẽn trũnh. Huõng dõ quãng

程。况以光陰有限，時不待人。生死無常，呼吸難定。

故先德云。

休休休，
及早修。
晴乾不肯去，
直待雨淋頭。

誠哉是言也。若人知此而不信行，實孤負吾之苦勸爾。

23. Thân là cội khổ, giác ngộ sớm tu

Ba cõi⁽¹⁾ không yên, như căn nhà đang cháy. Ba cõi là duyên khổ, như chốn ngục tù. Trong ba cõi có sáu nẻo luân chuyển. Sáu nẻo ấy là gì? Một là cõi trời, cảnh giới của chư thiên, hai là cõi người, ba là cảnh giới *a-tu-la*, bốn là cảnh giới ngạ quỷ, năm là cảnh giới súc sanh, sáu là cảnh giới địa ngục. Cứ theo lời Phật dạy thì trong sáu nẻo ấy, không đâu là không khổ!

Trong kinh Pháp Hoa, Phật dạy rằng:

⁽¹⁾ Ba cõi: chỉ các cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tất cả chúng sanh thọ nghiệp luân chuyển không ra ngoài ba cõi này. Chỉ khi chứng ngộ hoàn toàn, giải thoát được sanh tử mới không còn thọ sanh trong ba cõi.

aân hõu hañ, thôi baá ñaõ nhañ. Sanh töüvôathõõng, hoahap nan ñõnh.

Coátieñ ñõu vañ:

Hưu hưu hưu.

Cập tảo tu!

Tình can bất khắng khí.

Trực đãi vũ lâm đầu.

Thanh tai thò ngoñ ñaõ Nhõõc nhañ tri thõõnh baá tín hañh, thaá coaphuñ ngoñchi khoakhueñ ñhó.

*Ta dùng mắt Phật nhìn,
Chúng sanh trong sáu nẻo.
Bần cùng không phước huệ.
Vào đường hiểm sanh tử.
Khổ chất chồng không dứt!*

Quả thật là như vậy!

Cảnh giới chư thiên tuy là sung sướng, cũng không thoát khỏi gốc khổ luân hồi. Trong cõi người cũng là vô số khổ não, hướng chi bốn nẻo dữ từ *a-tu-la* cho đến địa ngục?

Nay hãy nói sơ qua những nỗi khổ thấy được trong cõi người. Chỉ riêng một cái thân xác này, có ai tin rằng nó là cội gốc của khổ não? Ai nấy đều tham đắm những niềm

vui thế tục, đâu biết rằng vui ấy là nguyên nhân của khổ? Cõi đời như mây nổi qua nhanh, nào sống được lâu? Thể chất huyền hóa không bền, tất cả đều phải hư mòn, diệt mất!

Vì sao lại nói như vậy? Mỗi người hãy tự quán xét nơi thân mình, từ đầu đến chân chỉ có ba mươi sáu thứ: tóc, lông, móng tay, răng, tròng mắt, nước mắt, ghèn, nước bọt, cấu bần, mồ hôi, hai đường đại tiểu tiện, da dẻ, máu thịt, gân, mạch, xương, tủy, óc, màng mỡ, lá lách, cật, tim, phổi, gan, mật, ruột, màng cách, lá mỡ, dạ dày, đàm đỏ, đàm trắng, tạng sống, tạng chín. Từ trong chín lỗ thường chảy ra các chất.

Cho nên trong kinh dạy rằng: ‘Thân này là nơi nhóm họp của các nỗi khổ, thấy đều chẳng sạch.’ Tại sao vậy? Trong thân người có tám vạn loài trùng nhỏ thường sanh sống. Tinh táo mà xem xét, thật đáng ghê sợ, nhơm gớm lấm thây!

Vả lại, như những ai giác quan trọn đủ cũng còn tạm được. Nhưng lại có những người mắt mù, tai điếc, chân què, tay cụt, lưng khòm, vai cong, miệng câm, lưỡi thụt, mũi trĩ, miệng méo, môi sứt, răng hư, đầu hói, tóc vàng. Có những kẻ mọc bướu trên đầu, trên cổ; có những người chân đi không được phải bò bằng tay; hoặc có kẻ mọc ung nhọt độc chảy ra máu mủ; hoặc có người mắc những bệnh lậu, phong cùi, ghẻ lở thối tha. Có người sanh ra làm tôi tớ, thường chịu đánh chửi; có kẻ sanh ra số phận hèn hạ nơi vùng hoang dã, so với súc vật chẳng khác gì. Nếu kể ra những sự khổ nơi thân người thì kể mãi cũng không cùng!

Lại có tám nỗi khổ cùng nhau hành hạ, không có lúc tạm dừng. Tám nỗi khổ ấy là gì? Ấy là những nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết, gần gũi với kẻ oán thù, chia lìa với người thương yêu, mong cầu mà không đạt được, và năm ấm trong thân xung khắc chẳng hòa hợp. Đó gọi là tám nỗi khổ. Nhưng trong tám nỗi khổ ấy lại còn vô số các nỗi khổ khác, người trí có thể tự mình xét thấy.

Lại có nhiều cảnh khổ vì phải chết bất ngờ mà không thể tự giữ lấy mình. Như chịu đói mà chết, lạnh mà chết, nóng nẩy ngộp hơi mà chết, ăn uống quá độ mà chết, vì say rượu mà chết, vì mê sắc dục mà chết, vì tham của cải mà chết, vì ngộp khí mà chết, vì lửa đốt mà chết, vì chìm trong nước mà chết, vì núi lở đá lăn mà chết, vì nhà sập vách dè mà chết, vì giặc cướp đến nhà mà chết, đi đường gặp cướp giết chết, xe cán ngựa đạp mà chết, ra trận chiến đấu mà chết, vi phạm luật pháp mà chết, mắc bệnh dịch mà chết, mộng my kinh hãi mà chết, ma quỷ làm mê muội mà chết, tà my nhập vào mà chết, điên dại mà chết, bị cọp ăn mà chết, bị rắn cắn mà chết, bị sét đánh mà chết, bị ác thần hại chết, bị trúng thuốc độc mà chết, bị kẻ oán ghét dùng bùa chú thư ếm, trừ ẻo mà chết...

Lại có những người trúng gió mà chết, sanh nở khó khăn mà chết, đau ruột đau gan mà chết, gạch đá rớt nhằm mà chết, trèo cao té ngã mà chết, kinh sợ lo âu mà chết, cầu danh chẳng được mà chết, mưu lợi không thành mà chết, treo cổ đâm họng mà chết, vào lửa xuống nước mà chết... Lại còn biết bao cách chết oan uổng nữa, dầu cho nói mãi cũng không cùng.

Than ôi! Lại còn có lắm nỗi khổ trong việc đối nhân xử thế. Ở đây chỉ nêu vài điều sơ lược. Có nỗi khổ của hạng

người nghèo hèn; có nỗi khổ của hạng người giàu sang. Giàu sang thì vì sợ mất mát tài sản mà sanh lo lắng, nghèo hèn thì khao khát thêm muốn mà phải buồn phiền. Chỗ lo lắng buồn phiền giữa người nghèo với kẻ giàu tuy chẳng giống nhau, nhưng sự nhọc nhằn chạy vạy vẫn là không khác!

Nhọc nhằn lắm thay! Người ta sanh ra ở đời, trai thì cưới vợ, gái phải gả chồng, việc nước việc nhà, nhân tình qua lại, khách khứa đón đưa, xây dựng nhà cửa, mua bán ruộng vườn, bồi đắp mồ mả, xuân thu tế tự, sát sanh hại mạng, cúng quỷ cầu thần. Lại phân ra các ngành sĩ, nông, công, thương, làm ăn sanh hoạt, gieo giống, cấy lúa, tát nước, lượm củi, giặt giũ, may vá, kéo chỉ, quay tơ, phơi phong, xay giã, nấu cơm nấu canh, rửa mặt chải đầu, đi tiêu, tắm gội, phủ bụi, quét nhà. Làm ăn lo lắng, đặng cay sấn sóc, lao lực bôn ba, xây dựng hằng ngày, sớm hôm tìm kiếm, trăm kế ngàn phương... Nếu nói ra cho hết những việc lo toan trong đời thì nhỏ nhặt nhiều mối, bút mực nào ghi chép cho hết được?

Ôi! Người giàu sang còn có thể tự mình sắp xếp trù liệu, chứ kẻ nghèo túng thì phải luôn vay mượn xoay sở. Vì sao vậy? Những kẻ bần cùng thường phải cầm bán cửa nhà cơ nghiệp, vườn ruộng đất đai, lại có người cầm bán cả áo quần đồ đạc... Những việc như thế đều toàn là khổ não!

Lại còn rất nhiều nỗi khổ khác nữa, như đói khát là khổ, đau ốm là khổ, nóng bức là khổ, rét lạnh là khổ, muỗi mòng, chí, rận cắn chích là khổ, rắn rết, chó dữ cắn hại là khổ, mưa dầm lũ lụt là khổ, nắng hạn lâu ngày là khổ, sâu bọ cắn phá là khổ, mùa màng thất thu là khổ, giông bão lốc xoáy là khổ, sấm sét kinh hồn là khổ, gia

quyển chẳng yên là khổ, xứ sở loạn lạc là khổ... Trong các nỗi khổ ấy lại chất chứa nhiều nỗi khổ khác, thật khó mà kể hết.

Ôi! Những nỗi khổ vừa kể trên đó cũng chỉ là những nỗi khổ nhỏ trong kiếp người mà thôi. Đến như những kẻ tạo nhiều ác nghiệp tội chướng, sẽ đọa mãi trong những cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, phải chịu những nỗi khổ lớn lao hơn nhiều, nếu so ra thì những nỗi khổ nhỏ nhoi ở cõi người nào có đáng chi!

Thương thay! Người đời chẳng biết tất cả những điều ấy là khổ, ngược lại còn làm ra biết bao việc xằng bậy, mê muội: bắt trung, bắt hiếu, bắt nhân, bắt nghĩa, ý mạnh hiếp yếu, ý sang khinh hèn, cậy giàu khinh nghèo, cậy lớn hiếp nhỏ, lấy cong lẩn thẳng, lấy dưới phạm trên... Vì những việc làm như thế nên phải mãi mãi trôi lăn chìm đắm trong biển khổ.

Than ôi! Ta nay nhọc sức nói nhiều, đĩnh ninh khuyên bảo, là muốn cho người khắp trong thiên hạ đều ăn chay giữ giới, niệm Phật *Di-đà*, cùng thoát ra khỏi vòng khổ não, lên cảnh giới an vui.

Này các vị! Nên biết rằng khi cái bệnh, cái chết tìm đến thì không thể dùng vật gì mà chống đỡ, cũng không ai có thể lãnh chịu thay cho mình được. Dù cho là cha mẹ, ông bà, vợ chồng, con cái, phú quý, công danh, bạc vàng, châu báu... tất cả đều là vô dụng. Vậy nên ai nấy phải gắng sức tu hành, chuẩn bị chu đáo cho con đường sắp tới. Huống chi, ngày tháng qua nhanh chẳng đợi, kiếp người ngắn ngủi trong gang tấc, hơi thở này khó giữ, việc sống chết không sao lường trước!

Cho nên, người xưa dạy rằng:

*Thôi thôi, dứt hết cho hay,
Sớm ngày tu tỉnh, sớm ngày an vui.
Trời quang mây tạnh ngủ vùi,
Đến khi mưa gió ngậm ngùi ướt thân!*

永明壽禪師警世文

夫不體道本，沒溺生死，處胎卵濕化之流，受橫豎飛沈之類。於中失人身者，如大地之土。得人身者，如爪上之土。縱得人身，多生邊夷下賤。及處中國，或受女身，或為男子癱殘百疾。設得丈夫十相具足者，亦有多般之苦。

何則。處恐懼世，生五濁時。以肉為身，以氣為命。一報之內，如石火風燈，逝波殘照，瞬息而已。

於中橫夭者，不計其數。或有得天年極耳順，世間亦是鮮矣。脫得古希之壽，猶似童稚無知。不思返照回光，但識好生惡死。

Lời ấy thật đúng thay! Nếu người ta đã biết như vậy mà không chịu tin tưởng làm theo, thật ổng phụ công ta nhọc nhằn khuyên bảo.

Vĩnh Minh Thọ thiền sư cảnh thế văn

Phu^oba^o the^oñab^o bo^on, mo^oi^o n^och^o sanh^o t^ou^o X^ou^othai^o no^on^o tha^op^o ho^oa^o chi^o l^ou. Tho^oi^o ho^oanh^o thu^oi^ophi^o tra^om^o chi^o lo^oa^oi. O^o trung^o tha^ot^o nha^on^o tha^on^o gia^ou^o nh^o ñ^oa^oi^o ñ^ou^oa^o chi^o tho^oa^o ñ^oa^oe^o nha^on^o tha^on^o gia^ou^o nh^o tra^om^o tho^oo^ong^o chi^o tho^oa^o Tu^ong^o ñ^oa^oe^o nha^on^o tha^on^o, ñ^oa^o sanh^o bie^on^o di^o ha^oi^o tie^on^o. Ca^op^o x^ou^otrung^o qua^oc^o, ho^oa^oe^o tho^oi^o n^oo^otha^on^o, ho^oa^oe^o vi^o nam^o t^ou^olung^o ta^om^o ba^ou^oh^o ta^oi. Thi^oe^ot^o ñ^oa^oe^o tr^oo^ong^o phu^o tha^op^o t^oo^ong^o cu^oi^o tu^oe^o gia^ou^o die^o h^ou^o ñ^oa^o ban^o chi^o khoa^o

Ha^ota^oe^o? X^oo^okh^ou^ong^o u^oy^o the^oa^o sanh^o ngu^oo^otr^oo^or^o tho^oi. Do^o nhu^oc^o vi^o tha^on^o, do^o khi^o vi^o ma^ong^o. Nha^ot^o ba^om^o chi^o no^oi, nh^o th^oa^och^o ho^oa^o phong^o ñ^oa^ong^o, the^oba^o ta^om^o chie^oa^oi, thua^on^o t^ou^o nhi^o do^o.

O^o trung^o ho^oanh^o ye^ou^o gia^ou^o ba^ot^o ke^oky^oso^oa^o Ho^oa^oe^o h^ou^o ñ^oa^oe^o thie^on^o nie^on^o co^or^o nh^o thu^oa^on^o, the^oag^oian^o die^o th^oo^o tie^on^o hy^o Tho^oa^ot^o ñ^oa^oe^o co^oah^oy^o chi^o tho^oi^o du^o t^oo^o ñ^oo^ong^o tr^oo^o vo^oat^ori. Ba^ot^o t^oo^o pha^om^o chie^oa^oi ho^oa^o quang^o, ñ^oa^on^o tho^oi^o ha^om^o sanh^o o^oat^oo^o

嗚呼。假若三十豪，四十富。且約其間三十年，於中有疾病災禍，愁憂苦惱，居強半矣。所以昔人有言。浮生一月之中，可開口而笑只四五日矣。

故知憂長喜促，樂少苦多，如在萬仞之危峰，似處千尋之滄海。縱得少樂，畢慮漂沈。

且夫。有生，勞我處胎。有老，奪我壯色。有病，損我形貌。有死，追我神靈。有榮，縱我驕奢。有辱，敗我意氣。有貴，使我僑倨。有賤，挫我行藏。有富，恣我貪婪。有貧，乏我依報。有樂，動我情地。有苦，痛我精神。有讚，起我高心。有毀，滅我聲價。

乃至寒，則逼切我體。熱，則煩悶我襟。渴，則乾我喉。饑，則羸我腹。驚，則懾我魄。懼，則喪我魂。憂，則撓我神。惱，則敗我志。順，則長我愛。逆，則起我憎。親，則牽我歡。疎，則生我恨。害，則損我體。愁，則結我腸。

乃至遇境生心，隨塵動念。或美或惡俱不稱懷。皆長業輪，盡喪道本。

Oãhoá Giaũnhööt tam thaḗ haḗ, töuthaḗ phuù Thaũöòù kyø gian tam thaḗ nieãn, ö trung höũ cöũ beãn tai hoã, saũ öu khoanaḗ, cö cöõng baũ hyö Söũdó tích nhaãn höũ ngoãn: Phuø sanh nhaũ nguyẽũ chi trung, khaũkhai khaũ nhi tieũ chàtöu nguõnhaũ hyö

Coãtri öu tröõng hyũxuũ, laũ thieũ khoaãna, nhö taĩ vaãn nhaãn chi nguy phong. Töi xöũthieãn taũ chi thöõng haũ. Tuũg ñaẽ thieũ laũ, taũ löi phieũ traũ.

Thaũphuø Höũ sanh, lao ngaõxöũthai. Höũ laũ, ñoãĩ ngaõ traũg saẽ. Höũ beãn, toãn ngaõhình maũ. Höũ töũ truy ngaõ thaũ linh. Höũ vinh, tuũg ngaõkieũ xa. Höũ nhuũ, baĩ ngaõyũ khí. Höũ quyũ söũngaõkieũ cöũ Höũ tieãn, toã ngaõhanh tang. Höũ phuũ töũngaõtham lam. Höũ baũ, phaḗ ngaõy baũ. Höũ laũ, ñoãng ngaõtình ñoã. Höũ khoã thoãng ngaõtình thaũ. Höũ taũ, khöũ ngaõcao taũ. Höũ huỹ, dieũ ngaõthanh giaũ

Naũ chí haũ, taẽ böũ thieũ ngaõtheã Nhieũ, taẽ phieũ muoãn ngaõkhaũ. Khaũ, taẽ can ngaõhaũ. Cö, taẽ luy ngaõ phuũ. Kinh, taẽ nhieḗp ngaõphaũh. Cuĩ taẽ taũg ngaõhoãn. Öu, taẽ naũ ngaõthaũ. Naũ, taẽ baĩ ngaõchĩ. Thuaũ, taẽ tröõng ngaõ aũ. Nghöch, taẽ khöũ ngaõtaũg. Thaũ, taẽ khieãn ngaõ hoan. Sö, taẽ sanh ngaõhaũ. Haũ, taẽ toãn ngaõtheã Saũ, taẽ kieũ ngaõtraũg.

Naũ chí ngoãcaũh sanh taũ, tuy traũ ñoãng nieãn. Hoaẽ myõhoãẽ oã caũ baũ xöũg hoãũ. Giaũ tröõng nghiẽḗp luaũ, taũ taũg ñaũ boãn.

其或更詭於君，悖於父。傲其物，趨其時。獸其心，狐其意。苟其利，徇其名，誑其人，諂其行。附其勢，欺其孤。淵其殃，崇其業。扇其火，吹其風。驟其塵，背其覺。邪其種，睽其真。但顧前，非慮後。只謀去，靡思回。唯求生，焉知滅。則念念燒煮。步步溝隍矣。

如今或得剎那在世，須蘊仁慈，積功累德，齋戒念佛，願生西方。依此修行，乃能脫苦。可謂高三界外，諸苦不相干。

24. Văn cảnh tỉnh của Thiền sư Vĩnh Minh Thọ

Nếu chẳng nương theo gốc đạo, ắt chìm trong biển luân hồi, phải thọ sanh theo bốn cách: sanh từ bào thai, sanh từ trứng, sanh từ chỗ ẩm thấp và sanh từ sự biến hóa, rồi thọ thân các loài chúng sanh khác nhau.

Trong số những chúng sanh ấy, số được thân người chỉ như đất bám trên đầu móng tay, mà số sanh vào các loài khác nhiều như đất trên khắp thế giới. Nhưng dù được làm người, lại có nhiều kẻ sanh ra chịu phạt hèn hạ nơi chốn hoang dã. Nếu may mắn được sanh ra nơi văn minh hội tụ, thì cũng có nhiều người sanh vào nữ giới chịu lắm sự khó khăn, thua thiệt. Nếu được thân nam tử, lại có nhiều người bị sức khỏe yếu kém, tàn phế tật nguyên.

Kyøhoaē camh quyũo quaân, boã ö phuũ. Ngaõ kyøvaã, xu kyøthõũ. Thuũkyøtaân, hoãkyøyũ Caũ kyølõũ, tuañ kyødanh, cuoáng kyønhãñ, sieãn kyøhañh. Phuũkyøtheã khi kyøcoã Uyeãn kyøõong, sung kyønggiep. Phieãn kyøhoã, xuy kyøphong. Saũ kyøtrañ, boã kyøgiaũ. Taøkyøchuũng, kheãkyøchañ. Nãñ coã tieãn, phi lõĩhaũ. Chãmoũ khõũ mó tõ hoã. Duy caũ sanh, yeãn tri dieã. Taē nieãn nieãn thieũ chõp boãboãcaũ hoang hyõ

Nhõ kim hoaē ñãe saũ na taĩ theã tu uañ nhañ tõp tích công luyỹ ñõũ, trai giõũ nieãn Phaĩ, nguyẽñ sanh Taỹ phõong. Y thõũtu hañh, naõ naõng thoãũ khoã Khaũvõ cao sieũ tam giõũ ngoaĩ, chõ khoãbaũ tõong can.

Lại như may mắn hơn nữa, được làm bậc trượng phu hình tướng đầy đủ, thì cũng không khỏi phải chịu nhiều khổ não.

Vì sao vậy? Sống trong cõi đời đáng sợ này, sanh vào thời có năm sự ướ trước⁽¹⁾ này, lấy thịt làm thân thể, lấy khí làm mạng sống. Đời người chẳng qua chỉ như tia lửa chớp lóe, như ngọn đèn chong trước gió, như con sóng nước tràn qua, như bóng chiều tàn lụi, chỉ trong một cái chớp mắt, một hơi thở mà thôi!

Trong nhân loại lại có biết bao người vắn số yếu mạng! Nếu được hưởng trọn tuổi trời mà sống đến sáu mươi thì

⁽¹⁾ Năm sự ướ trước (ngũ trước): gồm kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, mạng trước và chúng sanh trước.

đã là hiếm có. Còn như thọ được đến tuổi bảy mươi thì thường là lú lẫn, như đứa trẻ thơ, chẳng còn biết gì! Thế mà người đời chẳng tự suy xét, xem lại chính mình, chỉ luôn một bề tham sống sợ chết.

Than ôi! Ví như đến ba mươi tuổi thành đạt, bốn mươi tuổi giàu sang, thì thử xét trong một khoảng thời gian ba mươi năm đã có biết bao nhiêu là tật bệnh, tai họa, ưu sầu, khổ não, hẳn phải chiếm đến quá một nửa thời gian ấy rồi. Cho nên người xưa nói: “Trong cõi đời giả tạm này, mỗi tháng chỉ mỉm miệng cười được khoảng bốn, năm ngày mà thôi!”

Vậy nên biết rằng, lo lắng kéo dài, mừng vui ngắn ngủi, sung sướng thì ít, khổ não thì nhiều, khác nào như đang ở giữa biển cả mênh mông, đứng trên núi cao vọi vọi, dù có được đôi chút vui sướng cũng phải luôn lo sợ bị té ngã, chết chìm!

Thêm nữa, sự sanh khiến ta khổ nhọc trong bào thai, già yếu cướp mất sự tráng kiện, bệnh tật làm cho hư hao hình thể, cái chết đuổi bắt tinh thần, linh giác. Được vinh hiển thì thêm phần xa hoa, kiêu ngạo; chịu nhục nhằn thì ý chí thành ra bại nhược; được sang quý thì thêm phần kiêu căng, ngỗ ngược; chịu hèn kém thì mất đường tiến thối; được giàu có thì thêm phần tham lam; chịu nghèo túng thì đói cơm rách áo. Gặp chuyện vui thì tâm tình xao động; gặp chuyện khổ thì tinh thần đau đớn; được ngợi khen thì thêm phần cao ngạo; bị chê bai thì tiếng tăm, phẩm giá phải tiêu mất.

Cho đến sự rét lạnh cũng làm cho thân thể khó chịu; nóng bức thì làm cho tâm tư phiền muộn; khát thì khô

họng, đói thì thất ruột; khiếp sợ thì hồn phách tiêu tán; lo buồn thì thần khí rối loạn; phiền não thì ý chí lụn bại; gặp người chiều chuộng thuận ý thì thêm yêu thích; gặp người trái nghịch thì sanh lòng ghét giận; người đối với ta thân thiết thì thêm vui; người đối với ta qua loa, sơ sài thì đem lòng oán hận; bị hại thì hao tổn thân thể; buồn rầu thì đau xé ruột gan.

Cho đến tâm tình đều do *cảnh* mà sanh, ý niệm đều theo *trần* mà khởi,⁽¹⁾ hoặc tốt hoặc xấu đều chẳng đáng ôm giữ lấy, chỉ làm tăng thêm nghiệp lực, tiêu tan gốc đạo.

Còn như những kẻ gian trá với nước nhà, trái nghịch ý cha, ngạo mạn, xu nịnh, lòng dạ cằn thú, bám theo lợi lộc, đeo đuổi danh vọng, lường gạt người này, bợ đỡ kẻ kia, xu phụ người thế lực, khinh khi kẻ thế cô, đào sâu tai ương, đắp cao nghiệp chướng, khác nào như quạt lửa, thổi gió, chạy theo trần lao, phé bỏ tri giác, gieo hạt giống tà mỵ, ngăn trở tánh chân thật. Những kẻ ấy chỉ thấy việc trước mắt, chẳng lo nghĩ về sau; chỉ mưu tính việc đi, chẳng lo việc trở lại; chỉ cầu sự sanh, nào biết đến sự diệt. Như vậy, càng lúc càng bị cháy thiêu, mỗi bước mỗi vào hầm hố.

Như may còn được sống ở đời, nên chất chứa nhân từ, gom góp công đức, ăn chay niệm Phật, nguyện sanh về *Tây phương*. Y theo phép ấy tu hành mới có thể thoát khổ.

Như vậy có thể gọi là vượt thoát ra ngoài ba cõi, bao nhiêu khổ não cũng chẳng còn xâm hại được!

⁽¹⁾ Cảnh và trần ở đây chỉ chung tất cả pháp tướng, là đối tượng tiếp xúc của các giác quan (sáu căn).

圓修淨土決疑論

或曰。自性彌陀本具。唯心淨土現成。何須念彼佛而求生他土乎。若是念佛求生，反捨方寸之近而求十萬億刹之遠，豈不謬哉。

一元曰。仁者雖說唯心之言，實未達唯心之理，極可爲癡迷矣。

要知心外無法，法外無心。十方諸佛國土，虛空萬象森羅，皆在吾之性中，豈有心外之法乎。

不見楞嚴經云。空生大覺中，如海一漚發。

又云。十方虛空，生汝心內，猶如片雲點太清裏。如此者，豈以十萬億爲遠乎。

華嚴經云。一句之內，包法界之無邊。一毫之中。置刹土而非隘。

李長者云。無邊刹海，自他不隔於毛端。十世古今，始終不離於當念。豈以十萬億爲遠乎。

昔時善財童子於普賢菩薩毛孔刹中行一步，超過不可說不可說佛刹微塵數世界。步步

Viên tu Tịnh độ quyết nghi luận

Hoặc viết: Tõitành Di-đà bản củ Duy tâm Tành ãoahieñ thanh. Hảtu niễn bẻPhả nhi cầu sanh tha ãoảhoả Nhõõc thõ niễn Phả cầu sanh, phẩm xũphõng thỏn chi cầu, nhi cầu thập vẫ òừ sậ chi vẫ, khõu bả mẫu tai?

Nhả Nguyễn viết: Nhãn giấutuy thuyệ duy tâm chi ngoãn, thả vò ãấ duy tâm chi lý cõr khấu vi si meãhyõ

Yếu tri tâm ngoã vớphậ, phậ ngoã vớatâm. Thậ phõng chõ Phả quố ãoả hõ khõng vẫ tõõng sum la giai tai ngoãchi tành trung, khõu hõu tâm ngoã chi phậ hoả

Bả kiế Laँग Nghieñ kinh vẫ: Khõng sanh ãấ giấu trung, nhõ hầ nhả ãu phầ.

Hõu vẫ: Thậ phõng hõ khõng, sanh nhõõtâm nõ. Du nhõ phieñ vẫ, ãieñ thầ thanh lý Nhõ thõũgiaũ khõu dó thậ vẫ òừ vi vẫ hoả

Hoa Nghieñ kinh vẫ: Nhả củuchi nõ, bao phậ giõu chi vớbieñ. Nhả hầ chi trung, trí sậ ãoãnhĩ phi ãu.

LýTrõõng giấuvẫ: Vớbieñ sậ hầ, tõitha bả cầh õ mao ãoan. Thậ theỏcỏkim, thuyệ chung bả lý õ ãõõng niễn. Khõu dó thậ vẫ òừ vi vẫ hoả

Tích thõ Thiến Tả ãõng tõũ PhỏHiệ BỏTầ mao khõng sậ trung hầ nhả bở sieũ quầbả khấuthuyệ bả khấuthuyệ Phả sậ vi trầ sỏatheãgiõũ. Bỏbỏquầnhỏ hõ

過爾許世界，復經爾許劫。猶不能知一毛孔中刹海邊際。十萬億土，云乎哉。

要見他之唯心與汝之唯心，是同乎，是異乎。

或曰。道無今古，豈有二哉。

曰。既然如是，何苦局於方寸裏是唯心，徧法界不是唯心乎。

觀汝之言。但只隨順吾語，實非己之智分。如能識得妙明心理，不墮偏枯。又不執參禪以為是，又不謗念佛以為非。

要知參禪亦是唯心，念佛亦是唯心，參禪爲了生死，念佛亦爲了生死。參禪，念佛其理是同。若說念佛不是，參禪亦非。禪佛之理既不通，唯心之理亦窒塞。焉可妄稱悟達唯心耶。

維心淨土者，常寂光是也。真達寂光之人，亦不執此，亦不著彼。在在是西方，處處爲淨土。能令大地作黃金。能攪長河爲酥酪。舉一音而皆是圓音。行一事而無非佛事。若到這般田地，除佛能知，餘無知者。

theágiôù, phữ kinh nhó hõù kiẽp, du baá nãng tri, nhaá mao khõng trung, saù haù biẽn teá Thãp vãn òù ñõa vãn hoàtai?

Yeáù kiẽn tha chi duy tãm, dõnhõõchi duy tãm, thò ñõng hoà thò dò ho?

Hoac̃ viẽt: Ñaõ voákim coạ khõù hõù nhò tai?

Viẽt: Kyùnhiẽn nhò thò, haokhoácữ ò phõng thõn lyùthò duy tãm, biẽn phãp giõù baá thò duy tãm ho?

Quan nhõõchi ngõn, ñaõ chætuỹ thuãn ngõngõõ thã phi kyùchi trí phãn. Nhõõnãng thõù ñac̃ diẽu minh tãm lyù baá ñõa thiẽn khoá Hõù baá chap̃ tham thiẽn dó vi thò, hõù baá bãng niẽm Phã dó vi phi.

Yeáù tri tham thiẽn diẽ thò duy tãm, niẽm Phã diẽ thò duy tãm. Tham thiẽn vô liẽu sanh tõù niẽm Phã diẽ vô liẽu sanh tõù Tham thiẽn, niẽm Phã kyõlyùthò ñõng. Nhõõc̃ thuyẽt niẽm Phã baá thò, tham thiẽn diẽ phi. Thiẽn Phã chi lyùkyùbaá thõng, duy tãm chi lyùdiẽ traá taé. Diẽn khai võng xõng ngõñãi duy tãm da?

Duy tãm Tõnh ñõgiaù thõõng tồch quang thò daõ Chãn ñãi tồch quang chi nhãn, diẽ baá chap̃ thõù diẽ baá trõõu bæ Tai tai thò Tãy phõng, xõùxõvi Tõnh ñõa Nãng linh ñãi ñõa tãi hõng kim. Nãng giaù trõõng hãvi tõlãc. Cõunhaá ãn nhi giai thò viẽn ãn. Hãnh nhaá sõi nhi vôphi Phã sõi Nhõõc̃ ñaõ giaùban ñiẽn ñõa, trõõPhã ñãng tri, dõ voãtri giaù

不見法華經云。

不退諸菩薩，
其數如恆沙，
一心共思求，
亦復不能知。

唯弗與佛乃能究盡。况我輩下劣凡夫乎。

若達寂光之境，則一法不可得，有何淨土可生。不獨無淨土，而自心亦不可得。此不可得亦不可得，况可又執自性彌陀，唯心淨土哉。

固雖唯心淨土，自性彌陀，人人本具。未到此地者，不許說此話也。

我以反問於汝。汝見娑婆世界是黃金七寶蓮華乎。是坑坎瓦礫荆棘乎。一切六道四生，三塗八難是諸佛受樂乎。是眾生受苦乎。

彼阿彌陀佛國土不思議。光明不思議。壽量不思議。慈悲不思議。願力不思議。神通不思議。智慧不思議。三昧不思議。辯才不思議。分身不思議。說法不思議。度生不思議。依正二嚴，種種具足。

Bát kiến Pháp Hoa kinh văn:

Bất thoái chư Bồ Tát.
Kỳ số như hằng sa.
Nhất tâm cộng tư cầu.
Diệc phục bất năng tri.

Duy Pháp đōPháp nāo nāng cōm tām, huóng ngāōbā hai lieā phām phu hoā

Nhōōc nāi tōch quang chi cām, tae nhat pháp bát khai nāc, hōū haTōnh nōākhaūsinh? Bāt nōc vōTōnh nōā nhi tōi tām dieā bát khai nāc. Thōūbāt khai nāc, dieā bát khai nāc. Huóng khai hōū chap tōi tām Di-đā, duy tām Tōnh nōātai?

Cóatuy duy tām Tōnh nōā tōi tām Di-đā, nhân nhân bōn cuī vō nāo thōūnōa giāu bát hōā thuyē thōūthoāi dā

Ngāōdó phām vām ō nhōō Nhōōkieā Ta-bā theágiōū, thō hoang kim thāt bāo lieān hoa hoā Thō khanh khām ngoā lōch kinh cōt hoā Nhat thiat luc nāb, tōūsinh, tam nōā bāt nān thō chō Pháp thōi lāc hoā Thō chūng sanh thōi khoāhoā

BēA-di-đā Pháp quōc nōābāt tō nghō. Quang minh bát tō nghō. Thōi lōng bát tō nghō. Tōōbi bát tō nghō. Nguyēn lōc bát tō nghō. Thān thōng bát tō nghō. Trí hueābāt tō nghō. Tam-muōi bát tō nghō. Biēn tai bát tō nghō. Phān thān bát tō nghō. Thuyē pháp bát tō nghō. Nōāsanh bát tō nghō. Y chānh nhō nghiēm, chūng chūng cuī tuē.

汝等今具足乎。未具足乎。若其未也，速須至誠禮佛，念佛求生淨土。

何則。執偏迷而修者，如跛足人行陸路，一日不過數里。禮念往生如乘船入水路，加以風帆，須臾便是千里。亦如劣夫從轉輪王，一日一夜周行四天下。非是自力，輪王力也。

又如世人在官難中，若自無力得脫，須假有力之人揀拔。若人牽拽重物，自力不任，須假衆他之力，方能移動。禮念求生淨土亦復如是。

永明受禪師云。且禪定一法，乃四辯六通之本，是革凡蹈聖之因。攝念少時，故稱上善。然須明沈掉，消息知時。

經云。如坐禪昏昧，須起行道念佛，或至誠洗懺，以除重障。策發身心，不可確執一門以爲究竟。

有念佛誦經而得度者，有禮佛懺罪而得度者，有見佛光明而得度者，有供養三寶而得度者，有粧望金容而得度者，有彩畫佛像而得度

Nhồõñaáng kim củitừ hoặ vò củitừ hoặ Nhồõc kyòvò daõ toá tu chí thanh leãPhaã, nieãn Phaã caũ sanh Tồnh ñoã

Haøtaé? Chạp thieãn meãnhi tu giaũ nhõ baũtử nhãn hãm lữ loã nhá nhá baũ quaũsoãlyũ Leãnieãn vaõng sanh, nhõ thõa thuyeãn nhập thuyẽ loã gia dó phong phãm, tu du tiẽn thò thieãn lyũ Dieã nhõ lieã phu tung chuyeãn luaãn vồng, nhá nhá nhá daũchu hãm tồthieãn hã Phi thò tồilõc, luaãn vồng lõc daõ

Hõu nhõ theãnhaãn tãi quan naãn trung, nhồõc tồivoãlõc ñãc thoã, tu giaũhõu lõc chi nhãn cõu baũ. Nhồõc nhãn khiẽn dueãtroĩng vaũ, tồilõc baũ nhãn, tu giaũchũng tha chi lõc, phõng naõng di ñoãng. Leãnieãn caũ sanh Tồnh ñoã dieã phuẽ nhõ thõ.

Võnh Minh Thoĩthieãn sõ vaãn: Thaũthieãn ñõnh nhá phập, naõ tồubieãn lữ thoãng chi boãn, thõ caũh phãm ñãb thanh chi nhãn. Nhieũp nieãn thieũ thõũ, coãxõng thõõng thieãn. Nhieãn tu minh traãn ñieũ, tieũ tồũ tri thõũ.

Kinh vaãn: Nhõ toã thieãn hoãn muoã, tu khõu hãm ñãb nieãn Phaã, hoãc chí thanh tạũ saũm dó trõstroĩng chõõng. Saũh phập thaãn taãn, baũ khaũxũ chạp nhá moãn dó vi cõu caũh.

Hõu nieãn Phaã tũng kinh nhi ñãc ñõgiaũ hõu leãPhaã saũm toã nhi ñãc ñõgiaũ hõu kieãn Phaã quang minh nhi ñãc ñõgiaũ hõu cũng dõõng Tam baũ nhi ñãc ñõgiaũ hõu trang võng kim dung nhi ñãc ñõgiaũ hõu thaũ hoã Phaã tõõng

者，有布施行善而得度者，有戒殺放生而得度者，有一心聞法而得度者，而得度者。是知無邊教網，了即歸真。塵沙度門入皆解脫。譬如涉遠，以到為期。不首取途中，強分難易。

故法華經云。乃至散心念佛，小音讚歎，指甲畫像，聚沙成塔，漸積功德，皆成佛道。豈況明了一心，兼修萬行而不成佛乎。

諸仁者。欲識圓頓修行道理，須看華嚴，法華二經。不達圓修，徒稱佛子。

故慈愍三藏云。聖教所說正禪定者。制心一處。念念相續。離於昏掉。平等持心。若睡眠覆障即須策動念佛，誦經，禮拜行道，講經說法，教化眾生萬行無廢。所修行業迴向往生西方淨土。若能如是修習禪定者，是佛禪定與聖教合。是眾生眼目。諸佛印可。

一切佛法等無差別。皆乘一如成最正覺。盡說念佛是菩提因，何得妄生邪見矣。

nhi ñaé ñoăgiaù hõu boáthí hánh thiềñ nhi ñaé ñoăgiaù hõu khuyeán nhaân nieăñ Phaï nhi ñaé doăgiaù hõu giõu saù phõng sanh nhi ñaé ñoăgiaù hõu nhaá taâm vañ phap̄ nhi ñaé ñoă giaù Thò tri voăbieñ giaù voăng, lieău tòu quy chaân. Trañ sa ñoămoân, nhaùp giai giaù thoat̄. Thí nhõ thiếp vieñ, dó ñaù vi kyø Baá thuũñoàtrung, cõõng phaân nan dà

CoáPhap̄ Hoa kinh vañ: Naõ chí tañ taâm nieăñ Phaï, tieăñ aâm tañ thañ, chà giaùp hoă töõng, tuí sa vi thaùp, tieăñ tích công ñõu, giai thanh Phaï ñaù. Khõu huóng minh lieău nhaá taâm, kieăñ tu vañ hánh nhi baá thanh Phaï hoă

Chõ nhaân giaù Duĩ thõu vieñ ñoăñ tu hánh ñaù lyù tu kham̄ Hoa Nghieăñ, Phap̄ Hoa nhò kinh. Baá ñaù vieñ tu, ñoă xõng Phaï tòu

CoáTõoMañ Tam Tañg vañ: Thañh giaù sõuthuyeá, chành thiềñ ñõnh giaù Cheátaâm nhaá xõu nieăñ nieăñ töõng tuĩ, ly õ hoăñ tañ, bình ñaúng trì tañ. Nhõõc thuyĩ mieăñ phuùchõõng, tòu tu saùh cañ nieăñ Phaï tuñg kinh, leăbañ hánh ñaù, tuñg kinh thuyeá phap̄, giaù hoă chùng sanh vañ hánh voăpheá Sõutu hánh nghieùp, hoă hõõng vaõng sanh Taý phõõng Tõnh ñoă Nhõõc naõng nhõ thò tu tap̄ thiềñ ñõnh giaù thò Phaï thiềñ ñõnh, döõthañh giaù hieùp. Thò chùng sanh nhañ muĩ, chõ Phaï añ khai

Nhaá thieá Phaï phap̄, ñaúng voăσαι bieá. Giai thõa nhaá nhõ, thanh toá chành giaù. Tañ thuyeá nieăñ Phaï thò Bõ-đề chành nhañ, haõñaé võng sanh taõkieăñ hyĩ

今時有一般顛頂人，經教又不明，玄關又不透，因果又不知，罪福又不懼。也要粧箇大漢子，做箇善知識，圓修道理不通，只說禁口不語。聾瞽後學之徒，盡陷黑山鬼窟。見人拜佛念佛，誦經講教，廣行衆善，反言著相修行，轉求轉遠，不如執箇念頭，不氣努力，即是現成自己彌陀。何必求生他方淨土。

此等之人，可悲可痛，可愍可笑。美則甚美，了則未了。余知鈍根凡夫參禪，不是昏沈便是散亂。一日不知幾多妄想，幾多昏困。縱遇得力之時，還有意識現起。及乎出期而後，仍復攀緣附物，依前染著塵勞。口談是非，心存憎愛。

如此參禪，莫說彌勒下生要了明，千佛出世已盡，未有了日在。焉可便說現成自己彌陀，不必求生西方淨土。此等盲人，如庶人稱國王，自取誅滅。

又有一等愚夫，雖進禪堂參學，門路不識，三毒不除。見他勝進便生嫉妒。自不能

Kim thõu hõu nhá ban man han nhá. Kinh giã hõu bá minh, huyẽn quan hõu bá thá, nhá quã hõu bá tri, toã phõu hõu bá cuĩ daõyẽu trang caũnã hãm tõi toã caũthiẽn tri thõu. Viẽn tu ñã lyũbá thõng, chãthuyẽu cáu khaũ bá ngõo Lung coãhãu hoĩ chi ñõ táu hãm hãc sôn quyũquã. Kiẽn nhá bá Phã niẽn Phã, tũng kinh giãng giã, quãng hãm chũng thiẽn. Phãm ngoãn trõu tõõng tu hãm, chuyẽn caũ chuyẽn viẽn, bá nhõ chap caũniẽn ñãu, bá khí nõlõc, tõi thõ hiẽn thanh tõi kyũDi-đã, hãtã caũ sanh tha phõng Tõnh ñõ?

Thõũnãng chi nhá, khaũbi khaũhoãng, khaũmã khaũtiẽu. Myõtaẽ thãm myõ Lieũ táẽ vò lieũ. Dõ tri ñõn cáu phãm phu tham thiẽn, bá thõ hoãn trãm, tiẽn thõ tãm loãn. Nhá nhá bá tri kyũña võng tõõng, kyũña hoãn khoãn. Tũng ngoãnãc lõc chi thõ, hoãn hõu yũthõu hiẽn khõu. Cap hoãxua kyoçi hãu, nõng phuĩ phãn duyẽn phuĩ vã, y tiẽn nhiẽn trõu trãm lao. Khaũ ñãm thõ phi, táu toãn táng aũ.

Nhõ thõũthãm thiẽn, mã thuyẽ Di-lãc hãisanh yẽu lieũ minh, thiẽn Phã xua theádó táu, vò hõu lieũ nhã tá. Yẽn khaũtiẽn thuyẽ hiẽn thanh tõi kyũDi-đã, bá tá caũ sanh Tã phõng Tõnh ñõ? Thõũnãng mãnh nhá, nhõ thõũnhãn xõng quõ võng, tõi thuũtru dieũ!

Hõu hõu nhá ñãng ngu phu, tuy táu thiẽn ñõõng tham hoĩ, mã loãbã thõu, tam ñõ bá trõs Kiẽn tha thãng táu, tiẽn sanh tá ñõá Tõi bá nãng hãm, bá nãng tuy hyũ Bá thõu Phõa Hiẽn hãnh nguyẽn phãm, bá thõu Vãn thiẽn

行，不能隨喜。不識普賢行願品，不識萬善同歸集，不識八溢聖解脫門。反以障人禮佛念佛，障人誦經講教，障人供佛齋僧，障人造殿立像，障人布施結緣，障人廣修衆善。

如此賊人，假佛衣穿，偷佛飯潔。實乃外道波旬，地獄種子。

且夫。雲光法師，又能說法，又能入定，禪定不計歲月，世之以爲希罕。只因貪瞋不斷，徑墮奔牛。况我輩昏散參禪，反輕拜佛念佛。

鬱頭藍弗，利根聰明，能伏煩惱至於非非想天，人間以爲希有。只因障礙不斷，後墮飛狸。障礙塵境尚如此，可障人拜佛念佛哉。

善星比丘能說十二部經，獲四禪果。因狎邪友，一向著空，妄言無佛無法，無有涅槃，遂遭生陷地獄，永入阿鼻。我等可不寒心，速急懺悔。

永嘉云。

豁達空，
撥因果。

ñòng quy tạp, bát thòu bát daĩ Thành giaũ thoat moãn. Phãm dó chòomg nhân leãPhaĩ nieãm Phaĩ, chòomg nhân tũng kinh giaũg giaũ, chòomg nhân cũmng Phaĩ trai taũg, chòomg nhân taũ nieãm lap tũomg, chòomg nhân boathĩ keĩ duyeãn, chòomg nhân quaũg tu chũmng thieãn.

Nhõ thõutaẽ nhân, giaũPhaĩ y xuyeãn, thaũ Phaĩ phãn khieĩ. Thaĩ naõ ngoaĩ ñaõ Ba-tuaãn, ñõa nguĩ chũmng tũũ

Thaũphuõ Vaãn Quang Phaũp sũ, hõũ naũg thuyeĩ phap hõũ naũg nhaũp ñõnh, thieãn ñõnh bát keátueãnguyeĩ, theachi dó vi hy haũ. Chæ nhân tham saãn bát ñõaãn, kinh ñõa boãn nõũ. Huoãg ngaõboã hoãn tam tham thieãn, phãm khinh baũ Phaĩ nieãm Phaĩ.

Uát-dâu-lam-phát, lũi cãn thõng minh, naũg phuĩ phieãn naõ chí õ Phi phi tũomg thieãn, nhân gian dó vi hy hõũ. Chæ nhân chòomg ngai bát ñõaãn, haũ ñõa phi li. Chòomg ngai traãn cãmh thõomg nhõ thõũ khaũchòomg nhân baũ Phaĩ nieãm Phaĩ tai?

Thieãn Tinh Tý-kheo naũg thuyeĩ thaũp nhõ boãkinh, hoãch Tũũthieãn quaũ Nhaãn hieũp taũhõũ, nhaũ hõomg trõõũ khoãg, voĩng nõãn voãPhaũ voãphaũp, voãhõũ Niết-bãn. Toaĩ tao sanh haũ ñõa nguĩ, vónh nhaũp A-tỳ. Ngaõñaũg khaũbã ham tam, toã cãp saũm hoã?

Vónh Gia vaãn:

*Khoát đạt không.
Bát nhân quả.*

莽莽蕩蕩招殃禍。
棄有著空病亦然，
還如避溺而投火。

斯之謂也。

經云。

諸佛說空法，
為度於有故。
若復著於空，
諸佛所不化。

又云。

寧可說有
如須彌山。
不可說無
如芥子許。

何以故。昔有淨命比丘，住於正見，持花供養諸佛，而得受記。又一法行比丘，雖得四禪，住於邪見，著於偏空。反謗淨命法師云。淨命所受諸花，不持供養而自受用。坐此一言，於六萬世常無舌根。

Mãng mãng dǎng dǎng chiêu ương họa.

Khí hữu trước không bệnh diệc nhiên.

Hoàn như ty nịch nhi đầu hỏa.

Tò chi vò daõ

Kinh vaân:

Chư Phật thuyết không pháp.

Vị độ ư hữu cố.

Nhược phục trước ư không.

Chư Phật sở bất hóa.

Höu vaân:

Ninh khả ty hữu.

Như Tu-di sơn.

Bất khả thuyết vô.

Như giới tử húa.

Hạo dó coả Tích höu Tành Mãng Tý-kheo, truĩ ö chành kieán. Trì hoa cùng döông chõ Phaĩ nhi ñaé thõi kyù Höu nhà Phạp Hãnh tý-kheo, tuy ñaé töùthiẽn, truĩ ö taokieán, trõöü ö thieán khoâng. Phaũ bàng Tành Mãng phạp sö vaân: Tành Mãng söuthõi chõ hoa, baĩ tri cùng döông, nhi töĩ thõi düng. Toã thõinhaĩ ngoãn, ö lữc vaĩn theáthõông voáthieĩ caĩn.

佛言。以惡眼視發菩提心人，故得無眼報。以惡口謗發菩提心人，故得無舌報。若人執偏空爲是，謗修萬行爲非，是人當墮地獄多百千劫。何以故。斷佛種故。

不見法華經云。

若人散亂心，
乃至以一華，
供養於畫像，
漸見無數佛。

豈虛語哉。

像法決疑經云。佛言。若復有人見他修福，及施貧窮。譏毀之言。此邪命人，求覓名利。出家之人，何用布施。但修禪定智慧之業。何用紛動無益之事。作是念者，是魔眷屬。其人命終墮大地獄，經歷受苦。從地獄出，墮餓鬼中。於五百身墮在狗中。從狗出已。五百世中常生貧賤，受種種苦。何以故。由於前世，見他施時不隨喜故。

豈不見護口經說。有一餓鬼形狀醜惡，見者毛豎，莫不畏懼。身出猛焰，猶如火聚。口

Phaĩ ngoãn: Dó ài nhaãn thò phat Bô-đề tâm nhaãn coãnae voãnhaãn baò. Dó ài khai bãng phat Bô-đề tâm nhaãn coãnae voãthieĩ baò. Nhöõr nhaãn chap thieãn khoãng vi thò, bãng tu vaãn haãn vi phi, thò nhaãn ñoõng ñoã ñoã nguĩ, ña baũthieãn kiep. Haødó coã Ñoãn Phaĩ chung coá

Baĩ kieãn Phap Hoa kinh vaãn:

Nhược nhân tán loạn tâm.

Nãi chí dĩ nhất hoa.

Cúng dường ư họa tượng.

Tiêm kiến vô số Phật.

Khôũ hõ ngöõtai?

Töõng phap quyẽ nghi kinh vaãn: Phaĩ ngoãn: Nhöõr phuĩ hõũ nhaãn, kieãn tha tu phöõr cap thí baãn cung, ky huỹ chi ngoãn: Thöõtaõmaõng nhaãn, caũ mòch danh löi. Xuaĩ gia chi nhaãn, haøduõng boáthí. Ñaũ tu thieãn ñoõnh trí hueächi nghiẽp, haøduõng phaãn ñoõng voãich chi söi Taũ thò nieãn giaũ thò ma quyẽn thuoũ, kyõnhaãn mãng chung, ñoã ñaĩ ñoã nguĩ, kinh lòch thoi khoã tung ñoã nguĩ xuaĩ, ñoã ngai quyũ trung. Ö nguõbaũh thaãn, ñoã taĩ caũ trung, tung caũ xuaĩ dó, nguõbaũh theãtrung, thöõng sanh baãn tieãn, thoi chung chung khoã Haødó coã Do ö tieãn theãkieãn tha thí thõi, baũ tuy hyũcoá

Khôũ baĩ kieãn Hoãkhaũ kinh thuyẽ: Hõũ nhaũ ngai quyũ hình traõng xuaũ. Kieãn giaũmao thoi mãc baũ huỹ cui Thaãn

出蛆虫，無有窮盡。膿血諸衰以自嚴身。臭氣遠徹不可親近。或口吐焰支節火起。舉聲號哭東西馳走。是時，滿足羅漢問餓鬼曰。汝宿何罪今受此苦。

餓鬼答言。吾往昔時曾作沙門。出一惡言阻他修善，今遭此苦，要脫無門。寧以利刀自截其舌，終不敢阻他善根。尊者還闍浮提。以我形狀。誡諸比丘敕諸弟子。見人修毫髮善事，只宜歡喜讚助，勿令毀逆不成。吾墮鬼形以來，數千萬劫受苦。設使脫得鬼形，復入地獄。

爾時餓鬼說此語已，號哭投地如太山崩。聞斯之說，實可寒心。此鬼出一惡言，尚遭多劫之苦。我等不懼罪福，豈可亂作胡行。毫髮善事不容毀逆，況可障人拜佛念佛哉。

佛言。障人修善罪無可逃。等覺菩薩如十四夜月，謂有一分無明未盡，猶如微烟。亦用禮佛懺滌，圓滿無上菩提。況我等業繫凡夫，便輕拜佛念佛。佛尚不棄貫鍼之福，凡夫可輕拜佛念佛哉。

xuá mañh dieñ, du nhö hoñ tuí khai xuá thö trung, voá höñ cung tañ. Nung huyé chö suy dó töinghiêm thañ. Xuú khí vieñ trieñ. Cöüthanh hieñ khoá, ñoàng taý trì tañ. Thö thöñ Mañ Tuñ La-hán vañ ngai quyú vieñ: Nhöotuñ haotoñ, kim thoi thöukho?

Ngai quyúñap vieñ: Ngoávañg tích thöñ, tañg tañ sa-môn. Xuá nhañ àu ngoñ, tröütha tu thieñ, kim tao thöukhoá yeñ thoá voamoñ. Ninh dó löi ñao töi tieñ kyöthieñ, chung bañ huý tröütha thieñ cañ. Toñ giaúhoam Diem-phü-dê, dó ngao hình trañg, giöñ chö ty-kheo, saé chö ñeätöñ Kieñ nhañ tu hañ phañ thieñ söi chænghi hoan hyütam tröi vañ linh huý nghöch bañ thañh. Ngoañöñ quyühình dó lai, soáthieñ vañ kieñ thoi khoá Thieñ söüthoá ñaé quyühình, phucñhap ñöñgü.

Nhö thöñ ngai quyúthuyé thöüñgöódó, hieñ khoá ñaü ñöñ nhö thañ sön bañg. Vañ tö chi thuyé, thañ khaihañ tañ. Thöü quyúxuá nhañ àu ngoñ, thöñg tao ña kieñ chi khoá Ngaoññang bañ cũ toñ phööü, khöñ khaihoñ tañ hoahañ? Hañ phañ thieñ söibañ dung huý nghöch. Huóng khai chöñg nhañ bañ Phañ nieñ Phañ tai?

Phañ ngoñ: Chöñg nhañ tu thieñ, toñ voákhaññao. Ñang giañ BoñTañ nhö thañ töüdañnguyé, vö höñ nhañ phañ voá minh vö tañ, du nhö vi yeñ. Dieñ düñg leñPhañ sañ ñöch, vieñ mañ voáthöñg Bô-dê. Huóng ngaoññang nghieñ heñ phañ phu, tieñ khinh bañ Phañ nieñ Phañ. Phañ thöñg bañ khí quañ chañ chí phööü, phañ phu khai khinh bañ Phañ nieñ Phañ tai?

昔日釋迦世尊，口讚弗沙佛，身禮弗沙佛。如是七日七夜，即能頓超九劫。豈以著相馳求為遠乎，拜佛不成佛乎。

三千諸佛在凡之時，結為同學法侶，各各異口同音，稱念禮拜五十三佛。皆得一時成道。

三千諸佛既如是。十方諸佛亦如是。今人何不效彼修持，反輕拜佛念佛。

阿闍世王造五逆罪，後知禮佛懺悔，就得滅罪證果。

憍梵波提昔為牛身，追求水草右遶精舍，見佛黃相好，因發一念歡喜之心，遂得轉生成道。况人拜佛念佛不成佛乎。

昔有二天帝壽終。一人將入驢腹，一人將墮猪胎。各各愁懼不安，往詣佛所求拯。佛令歸依三寶，遂得脫彼苦殃。後奉三寶精勤，復證道果。

不見涅槃經云。有人聞常住二字，七劫不墮地獄，况禮念功德乎。

Tích nhài Thích-ca TheáToân, khai tâm Phất-sa Phaï, thân lễPhất-sa Phaï. Nhõ thõ thấ nhài thấ đại tồ ñàng ñoãn sieãn cõm kiep. Khõu dó trõõu tõõng trì caũ vi vieãn hoặ baũ Phaï baũ thanh Phaï ho?

Tam thieãn chõ Phaï tai phãm chi thõu, kieãn vi ñoàng hoặ phap löõ Caũ caũ dò khai ñoàng aãn, xõng nieãn leãbaũ nguõ thap tam Phaï, giai ñaé nhài thõu thanh ñaõ.

Tam thieãn chõ Phaï kyõnhõ thõ, thap phõõng chõ Phaï dieãn nhõ thõ. Kim nhàn haõbaũ hieãn bætũ trì, phãm khinh baũ Phaï nieãn Phaï?

A-xà-thế võõng taõ nguõnghõch toã, haũ trì leãPhaï saãm hoã, tõu ñaé dieãn toã chõõng quaũ

Kiêu-phạm-ba-đề tích vi ngõu thân, truy caũ thuy thõu hõu nhieãn tinh xũ kieãn Phaï hoang kim tõõng haũ, nhàn phat nhài nieãn hoan hyũchi tâm, toã ñaé chyeãn sanh thanh ñaõ. Huoáng nhàn baũ Phaï nieãn Phaï, baũ thanh Phaï ho?

Tích hõu nhõ thieãn ñeãthõichung. Nhài nhàn tõõng nap lö phuũ, nhài nhàn tõõng ñoã trõ thai. Caũ caũ saũ cuĩbaũ an, vaõng ngheãPhaï sõucaũ cõm. Phaï linh quy y Tam baũ, toã ñaé thoũ bækhoãõõng. Haũ phũng Tam baũ tinh caũ, phuũ chõõng ñaõ quaũ

Baũ kieãn Niết-bàn kinh vaãn: Hõu nhàn vaãn thõõng trui nhõ tõi thấ kiep baũ ñoã ñoã nguũ. Huoáng leãnieãn coãg ñõu ho?

正所謂。聞名睹相罪滅河沙，禮念歸依福僧無量。豈可不遵佛祖之言乎。豈容胡行亂作乎。

業報差別經云。禮佛一拜，從其膝下至金剛際。一塵一轉輪王位。復獲十種功德。一得妙色身。二出言人信。三處眾無畏。四諸佛護念。五具大威儀。六眾人親附。七諸天愛敬。八具大福報。九命終往生。十速證涅槃。一拜尚獲如是功德，况多拜乎。

不見法華經云。

或有人禮拜，
或復但合掌，
乃至舉一手，
或復小低頭，
以此供養像，
漸見無量佛，
自成無上道，
廣度無數眾。

豈虛語哉。

Chành sôuvò: Vañ danh ñoátôômng toā dieñ haosa, leānieñ quy y phôôu tañg voālôông. Khôñ khaubañ tuañ Phañ Toachi ngoān ho? Khôñ dung hoāhnh loān tañ ho?

Nghiep bañ sai bieñ kinh vañ: LeāPhañ nhañ bañ, tung kyø tañ hañ chí kim cang teñ nhañ trañ nhañ Chyeñ luañ vôông vò. Phuñ hoāñh thañp chuñg coāng ñôù. Nhañ ñaé dieñ saé thañ. Nhò xuañ ngoān nhañ tín. Tam xôuchuñg voāuỳ. Tôù Phañ sôuhoānieñ. Nguñcui ñaì oai nghi. Lũc chuñg nhañ thañ phuñ Thañ chò thieñ añ kính. Bañ cui ñaì phôôu bañ. Côm mãng chung vañg sanh. Thañp toā chòmng Niết-bàñ. Nhañ bañ thôông hoāñh nhò thò coāng ñôù, huóng ña bañ ho?

Bañ kieñ Phañ Hoa kinh vañ:

Hoặc hũu nhān lễ bái.

Hoặc phục đān hiệp chửơng.

Nāi chí cử nhất thủ.

Hoặc phục tiểu đê đầu.

Dĩ thủ cúng dường tượng.

Tiệt kiến vô lượng Phật.

Tự thành vô thượng đạo.

Quảng độ vô số chúng.

Khôñ hõ ngôôtai?

十六觀經云。至誠念南無阿彌陀佛，滅八十億劫生死重罪。五逆十惡之人，臨終十念彌陀，尚得往生淨土，況齋戒久遠念佛哉。

昔日張善和一生殺牛。臨終自見地獄相現。遇僧教令念阿彌陀佛。念未十聲見佛接引往生淨土。豈非佛力難知乎。

地藏經云。若人命終之時，或聞得一佛名，一菩薩名，或經中一句一偈。即得超生善道，徑脫苦輪。

諸仁者。聽聞尚多利益，況持念功德乎。

大藏經云。若人以四事極好之物，供養三千大千世界，滿中阿羅漢，辟支佛。所得福德。不如有人合掌一稱佛名功德。百千萬億分，算數譬喻所不及。一稱佛名功德尚爾，況念念不絕乎。

不見法華經云。

一稱南無佛，
皆已成佛道。

豈虛語哉。

Thập lục quán kinh vân: Chí thành niệm Nam-mô A-di-đà Phật nhất thanh, diệt bách thập ức kiếp sanh tử trong cõi. Ngũ nghịch thập ác之人, lâm chung thập niệm弥陀, thượng đặng vãng sanh Tịnh thổ Hoàng trạch giới cõi. Viển niệm Phật tại?

Tích nhất Trùng Thiên Hoa nhất sanh sát ngũ, lâm chung tối kiến nã người cõi. Ngoại tạng giáo linh niệm A-di-đà Phật. Niệm vô thập thanh, kiến Phật tiếp dẫn vãng sanh Tịnh thổ Khô phi Phật lực nan tỏ hoá?

Nã tạng kinh vân: Nhữ nhơn nhất mạng chung chi thời, hoặc văn nã Phật danh, nhất Bồ Tát danh, hoặc kinh trung nhất cú nhất kệ. Tức nã siêu sanh thiên nã, kinh thoát khổ luân.

Chữ nhơn giáo Thính văn thông nã lợi ích, hoàng trì niệm công nã hoá?

Nã tạng kinh vân: Nhữ nhơn nhất cú tam thiên thế giới, mãn trung A-la-hán, Bích-chi Phật, số nã phật nã, bách nhữ nhữ nhơn hiệp chôn nhất xưng Phật danh công nã, bát thiên văn ức phạm toan số thí duy số bách nã. Nhất xưng Phật danh công nã thông nhữ, hoàng niệm niệm bách tuy hoá?

Bách kiến Pháp Hoa kinh vân:

Nhất xưng Nam-mô Phật.
Giai dĩ thành Phật đạo.

Khô hộ ngồ tại?

業報差別經云。高聲念佛誦經，有十種功德。一能排睡眠。二天魔驚怖。三聲遍十方。四三塗息苦。五外聲不入。六心不散亂。七勇猛精進。八諸佛歡喜。九三昧現前。十往生淨土。

念佛誦經既得成佛。焉可言其著相馳求乎，輕小事乎。

上古明眼高僧多有專持華嚴經者，專持法華經者，專持阿彌陀佛者，皆得往生淨土，直至成佛。豈以誦經念佛為小事乎。為著相乎。

昔有一婦人，常念青蓮花香，白蓮花香，花樹香，果樹香。乘此四句之功，亦得往生淨土。況誦全部而不生乎。

曇翼法師前身為雉，聽得僧人誦法華經，便得轉生為僧成道。況人誦經說法而不成佛。

昔有一鸚鵡，二鳩鵲，念阿彌陀佛尚得往生淨土。況人念佛而不生乎。

或曰。有何憑據。

Nghiệp báo sai biệt kinh vân: Cao thanh niệm Phật tụng kinh, hữu thập chủng công đức. Nhất năng trừ睡眠. Nhị天魔驚怖. Tam thanh âm phổ độ十方. Tứ tam塗息苦. Ngũ ngoại thanh bất nhập. Lục tâm bất tán loạn. Thất dũng mãnh tinh tiến. Bát chư Phật hoan hỷ. Cửu tam muội hiện tiền. Thập往生淨土.

Niệm Phật tụng kinh, 豈可言其著相馳求乎, 輕小事乎?

Thiền sư minh nhãn cao tăng, xưa hữu chuyên trì Hoa Nghiêm kinh giáo chuyên trì Pháp Hoa kinh giáo chuyên trì A-di-đà Phật giáo Giới đức vãng sanh Tịnh độ trở chí thanh Phật. Khôn đó tụng kinh niệm Phật vì tiểu sự ho? Vì trồ trồ tồ tồ ho?

Tích hữu nhất phu nhân, thường niệm thanh liên hoa hồng, bạch liên hoa hồng, hoa thùy hồng, quất thùy hồng. Thừa thối tứ hương công, đức đức vãng sanh Tịnh độ huáng tung toan bôn nhi bất sanh ho?

Nam Dữ pháp sư, tiền thân vì tró, thỉnh đức tăng nhân tụng Pháp Hoa kinh, tiền đức chuyên sanh vì tăng thanh niên. Huáng nhân tụng kinh thuyết pháp nhi bất thanh Phật?

Tích hữu nhất anh vưu nhô cưu dư, niệm A-di-đà Phật, thiền đức vãng sanh Tịnh độ huáng nhân niệm Phật nhi bất sanh ho?

Hoa đức viê: Hữu ha bạng cữu

一元曰。汝不知阿彌陀佛發願偈云。

我至成佛時，
名聲超十方，
人天欣得聞，
俱來生我刹。

又云。

地獄鬼畜生，
亦生我刹中。

豈虛誑哉。

金剛科儀云。野狐尚聽百丈法。螺螄猶護金剛經。十千遊魚聞佛號化爲天子。五百蝙蝠聽法音，總作聖賢。蟒聞懺以生天。龍聽法而悟道。彼物尚能領悟，況人何不回心。

或有埋頭契飯，而空過一生。或有錯路修行而不省這意。如此者，豈以講經說法爲小事乎。爲無功乎。

不見法華經云。

乃至聞一偈，
皆成佛無疑。

Nhất Nguyên viết: Nhỗ bát tri A-di-đà Phật phát nguyện keāvañ:

*Ngã chí thành Phật thời.
Danh thanh siêu thập phương.
Nhân thiên hân đắc văn.
Câu lai sanh ngã sát.*

Höu vañ:

*Địa ngục, quỷ, súc sanh.
Diệc sanh ngã sát trung.*

Khôñ hö cuóng tai?

Kim cang khoa nghi vañ: Daō hoà thōōng thính Bành Trōōng pháp. Loa si du hoả Kim cang kinh. Thập thiên du ngō vañ Phật hiệñ, hoà vi thiên tōu Nguỗ bành biệñ bōu thính pháp âm, tong taut thàm hiệñ. Mōng vañ saim dó sanh thieñ. Long thính pháp nhi ngoññ. Bə vañ thōōng nāng lañh ngoñ huóng nhañ haō bát hoà tâm?

Hoặ höñ mai ñaù khiệñ phañ, nhi không quañ nhañ sanh. Hoặ höñ thoáloätu hānh, nhi bát tành giayù Nhỗ thōūgiaù khōñ dó giāng kinh thuyệñ pháp vi tieñ sōi hoà vi voacōng hoà

Bát kiệñ Pháp Hoa kinh vañ:

*Nāi chí văn nhất kệ.
Giāi thành Phật vô nghi.*

若有聞是法，
皆已成佛道。
若有聞法者，
無一不成佛。

豈虛語哉。

嗚呼。異類聞法尚得證果。況人拜佛念佛，誦經，講教，廣修衆善不成佛乎。

略引數則，破汝等疑。普菴，覽華嚴而悟道。永嘉，看涅槃以明心。圭峰，讀圓覺忽意地開通。智者，誦法華見靈山未散。如斯利益，豈可輕其教法乎。

法華經云。供養四百萬億阿僧祇世界眾生。乃至皆得阿羅漢道，盡諸有漏，於深禪定，皆得自在，具八解脫。不如第五十人，聞法華經一偈隨喜。功德百千萬億分不及其一。聽聞隨喜一偈，功德不可思議。況誦持全部乎。

華嚴感應賦云。有人聞得大方廣佛華嚴經七字者，不墮地獄，餓鬼，畜生，修羅。況持念功德乎。

Nhược hữu văn thị pháp.

Giai dĩ thành Phật đạo.

Nhược hữu văn pháp giả.

Vô nhất bất thành Phật.

Khôū hō ngōōtai?

Oāhoá Dò loai vaēn pháp, thōōng ñāē chōng quau huóng nhaēn baū Phaī niēn Phaī, tūng kinh giaēng giaē, quāng tu chūng thiēn, baī thanh Phaī ho?

Lōōr daēn soātaē, phaēnhōōñāng nghi. PhoāAm, laēn Hoa Nghieēn nhi ngoāñāō. Vōnh Gia, khām Niēt-bān dó minh taēn. KheāPhong, ñoā Vieēn Giaē hoá yūñōa khai thōng. Trí Giaū tūng Pháp Hoa kieēn Linh Sōn vō taēn. Nhō tō lōi ích, khōū khai khinh kyōgiaē pháp ho?

Pháp Hoa kinh vaēn: Cūng dōōng tōūbaēh vaēn òū a-tāng-kỳ theāgiōū chūng sanh, naē chí giai ñāē A-la-hán ñāē, taēn chō hōū laū, ò thaēn thiēn ñōnh, giai ñāē tōi taī, cū baū giaū thoat. Baī nhō ñēng uōthap nhaēn, vaēn Pháp Hoa kinh nhaī keātuy hyū công ñōū baēh thiēn vaēn òū phaēn baī cap kyōnhaī.

Thính vaēn tuy hyūnhaī keā công ñōū baī khai tō nghē, huóng tūng trì toan boāho?

Hoa Nghieēn cam òng phuivaēn: Hōū nhaēn vaēn ñāē Nāi phōng quāng Phaī Hoa Nghieēn kinh thaī tōi giaū baī ñōā ñōa nguē, ngāi quyū suē sanh, tu-la. Huóng trì niēn công ñōū ho?

昔有一僧專持華嚴。天帝特來請齋。法師到彼坐定。須臾五百羅漢翔空而集。師欲下座相迎。天帝曰。今日齋意在師一人。雖五百羅漢臨期請請耳。師持華嚴是佛境界，何得與小聖下座。齋罷便得飛昇，一時超凡越聖。

又有一僧受持華嚴。天帝與修羅鬪戰，特請此僧登座誦經。騰空而行，即使天帝得勝。修羅怖走藕絲孔中。天帝歡喜，欲奉長生之藥。師叱曰。無上佛道不修，長生豈得不死。

如此者。豈以誦經為小事乎。

西域記云。有一梵僧，手轉華嚴。洗手之水滴滴的滴錕滴蟻身上。蟻子就得生天。

佛在世時，迦羅池中有一蛤子，聞佛說法亦得生天。豈以看經講教為無益乎。念佛不生淨土乎。

再引幾則，決疑作證。十方恆河沙數諸佛，各於其國，出廣長舌相，徧覆三千大千世界，說誠實言。共讚阿彌陀佛，功德不可思

Tích hõu nhá táng, chuyê trì Hoa Nghieâm. Thieân ñeá ñeá lai thanh trai, phap sô ñaò batoã ñõnh, tu du nguõbaùh La-hán töông khoâng nhi tap, sô dưc háitoã töông nghinh. Thieân ñeávieá: Kim nhá trai yù taí sô nhá nhá. Tuy nguõ baùh La-hán, laâm kyõthanh nhó. Sô trì Hoa Nghieâm, thò Phaá camh giõu, haõñaé döõtieâu thanh háitoã? Trai baõ tieân ñeá phi thaõng, nhá thõu sieâu pham vieá thanh.

Hõu hõu nhá táng, thõ trì Hoa Nghieâm. Thieân ñeádõõ Tu-la ñaú chieán, ñeá thanh thõutaõng ñaõng toã tuõng kinh, ñaõng khoâng nhi hamh. Tõu sõuThieân ñeáñaé thaõng, Tu-la boátaú ngaú ti khoâng trung. Thieân ñeáhoan hyù dưc phũng trõõng sanh chi döõ. Sô saá vieá: Voáthõõng Phaá ñaò baá tu, trõõng sanh khõu ñeá baá töu

Nhõ thõugiaú khõu dó tuõng kinh vi tieâu söi hoá?

Taý võc kyùvaân: Hõu nhá Phaím táng, thuichuyê Hoa Nghieâm. Taý thuúchi thuý, trích nghó thaân thõõng. Nghó töu töu ñeá sanh thieân.

Phaá taí theáthõu, Ca-la trì trung hõu nhá cap töu vaân Phaá thuyé phap, dieá ñeá sanh thieân. Khõu dó khãm kinh giaõng giaõ vi voách hoá Nieâm Phaá baá sanh Tõnh ñoãhoá?

Taú dañ kyùtaé, quyé nghi taú chõõng. Thap phõõng haõng haõsa soáchõ Phaá, caù õ kyõquoá, xuaá quaõng trõõng thieá töõng, bieán phuütam thieân ñaí thieân theágiõu, thuyé thanh thaá ngoân. Coõng tañ A-di-đà Phaá. Coõng ñõu baá khaütõ nghò, cap quoa ñoãtrang nghieâm thuõthaõng. Thap

議, 及國土莊嚴殊勝。十方諸大菩薩尚念阿彌陀名號, 願生阿彌陀佛國土。况我輩愚濁凡夫。

佛在世時, 文殊, 普賢。佛滅度後馬鳴, 龍樹。華嚴會上, 德雲比丘。楞嚴會上勢至菩薩。

此土遠公祖師, 元公祖師, 智者大師, 清涼國師, 法智祖師, 慈恩法師, 善導和尚, 少康法師, 慈雲懺主, 忠國大師, 懷感法師, 懷玉禪師, 道安和尚, 道綽禪師, 省常大師, 法照大師, 草堂法師, 孤山法師, 大智律師, 宗坦法師, 願信禪師, 義淵法師, 萬年一祖師, 長蘆蹟禪師, 天衣懷禪師, 圓照本禪師, 永明壽禪師, 圓辦琛法師, 中峰普應國師, 天如惟則和尚, 廬山十八大賢, 普度優曇宗主。如上佛祖知識, 皆修此道, 又轉以化人。

我等何不效彼修持, 願生極樂世界。此等佛祖知識還是未透禪關乎。著相馳求乎。

古今多少尊宿, 歷代多少名賢, 皆念阿彌陀佛求生淨土。况我等下劣凡愚乎。

phông chõ ñai BoàTàu, thõõng nieãm A-di-dà danh hieũ, nguyẽn sanh A-di-dà Phaĩ quoã ñoã Huoáng ngaõboá ngu trõõr pham phu?

Phaĩ tai theáthõũ, Vãn-thù, PhoáHieãn. Phaĩ dieĩ ñoãhaũ MaõMinh, Long Thuĩ Hoa Ngieãm hoã thõõng, Ñõũ Vaãn Tý-kheo. Laãng Nghieãm hoã thõõng, TheáChí BoàTàu.

ThõũñoãVieãn Coãng Toasõ, Nguyẽn Coãng Toasõ, Trí Giãũ Ñai sõ, Thanh Löông Quoã sõ, Phạp Trí Toasõ, TôãAãm Phạp sõ, Thiẽn Ñãõ Hoã thõõng, Thiẽu Khang Phạp sõ, TôãVaãn Saãm chuũ Trung Quoã Ñai sõ, Hoã Caãm Phạp sõ, Hoã Ngoĩ Thiẽn sõ, Ñãõ An Hoã thõõng, Ñãõ Xõõũ Thiẽn sõ, Tanh Thõõng Ñai sõ, Phạp Chieũ Ñai sõ, Thâu Ñõõng Phạp sõ, CoãSõn Phạp sõ, Ñai Trí Luaĩ sõ, Toãng Thãm Phạp sõ, Nguyẽn Tín Thiẽn sõ, Nghóa Uyeãn Phạp sõ, Vaãn Nieãn Nhaĩ Thiẽn sõ, Trõõng LoãTraũ Thiẽn sõ, Thiẽn Y Hoã Thiẽn sõ, Vieãn Chieũ Boãn Thiẽn sõ, Vính Minh Thoĩ Thiẽn sõ, Vieãn Bieãn Saãm Phạp sõ, Trung Phong PhoáOũng Quoã sõ, Thiẽn Nhõ Duy Taẽ Hoã thõõng, LoãSõn thaõp baũ ñai hieãn, PhoãÑoãUu-dãm Toãng chuũ Nhõ thõõng Phaĩ, Toạ tri thõũ, giai tu thõũñaõ, hõũ chuyeãn dó hoã nhaãn.

Ngaõñaũng haõbaĩ hieũ bætu trì, nguyẽn sanh Cõĩ laẽ theá giõũ? Thõũñaũng Phaĩ, Toạ tri thõũ, hoãm thõ vò thaũ thiẽn quan hoã Ñoãn caãn pham phu hoã Trõõũ töõng trì caũ hoã

歎今五濁惡世，餘學難成。唯有念佛往生，實為經捷。人而不知，真可悲焉。知而不修，愈可悲焉。

嗚呼。我今丁寧苦口，實無他故。止要諸人痛念生死，速急念佛，求生淨土為主。

兼參本性禪那，若得開悟，猶如錦上添花，非為分外。不能明了，仗佛願力亦得往生。既得往生，何愁不悟。

得見彌陀之後，方知禪，佛，心三無差別。空，假，中三觀融通。既達圓融之理，纔識念而無念，生而無生，修而無修，證而無證。說而無說，無說而說。事即是理，理即是事。

相即非相，非相即相。無量為一，一為無量。他佛即我佛，我佛即他佛。佛說法即我說法，我說法即佛說法。是為共一鼻孔喜得任意卷舒。果到這箇時節，始信吾今日之不誣言矣。

Coàkim ña thieàu toân tuồ, lòch ñaĩ ña thieàu danh hieàu, giai nieãm A-di-dà Phaĩ caàu sanh Tồnh ñoã huông ngaõñaing haĩlieũ pham ngu hoã

Tham kim nguõtrồc àu theá dö hoẽ nan thanh. Duy hõũ nieãm Phaĩ vaõng sanh, thaĩ vi kinh tiep. Nhaãn nhi baĩ tri, chaãn thi bi dieãn. Tri nhi baĩ tu, duõkhaũbi yeãn.

Oãhoã Ngaõkim ñinh ninh khoãkhaũ, thaĩ voãtha coá Chae yeũ chõ nhaãn thoãng nieãm sanh tồu toã cap nieãm Phaĩ, caàu sanh Tồnh ñoãvi chũ

Kieãm tham boãn tamh thieãn-na, nhõõc ñaẽ khai ngoã du nhõ caãm thõõng thieãm hoa, phi vi phãm ngoaĩ. Baĩ naeng minh lieũ, trõõng Phaĩ nguyẽn lõc, dieũ ñaẽ vaõng sanh. Kyù ñaẽ vaõng sanh, haõsaũ baĩ ngoã

Ñaẽ kieãn Di-dà chi haũ, phõõng tri thieãn, Phaĩ, tam, tam voãsai bieũ. Khoãng, giaũ, trung, tam quãm dung thoãng. Kyù ñaĩ vieãn dung chi lyũ taũ thõũ nieãm nhi voãnieãm, sanh nhi voãsanh, tu nhi voãtu, chõõng nhi voãchõõng, thuyeũ nhi voã thuyeũ, voãthuyeũ nhi thuyeũ, sõitõũ thõ lyũ lyũtõũ thõ sõi

Tõõng tõũ phi tõõng, phi tõõng tõũ tõõng. Voãlõõng vi nhaũ, nhaũ vi voãlõõng. Tha Phaĩ tõũ ngaõPhaĩ, ngaõPhaĩ tõũ tha Phaĩ. Phaĩ thuyeũ phap tõũ ngaõthuyeũ phap, ngaõthuyeũ phap tõũ Phaĩ thuyeũ phap. Thõ vi coãng nhaũ tĩ khoãng, hyũ ñaẽ nhaãn yũquyeãn thõ. Quaũñaõ giaũcaũthõ tieũ, thuyũ tín ngoãkim nhaũ chi baũ vu ngoãn hyõ

25. Dứt sạch lòng nghi, tu theo Tịnh độ

Có người hỏi rằng: “Tự tánh *Di-đà* vốn sẵn đủ, chỉ một tâm này chính là Tịnh độ hiện thành. Như vậy cần gì phải niệm đức Phật kia để cầu sanh về cõi nước của ngài? Nếu niệm Phật để cầu vãng sanh, hóa ra lại bỏ chỗ gần trong gang tấc mà cầu về chốn xa xôi cách đây đến mười vạn ức cõi, chẳng phải sai lầm lắm sao?”

Nhất Nguyên này đáp: “Ông tuy nói ra lời duy tâm nhưng chưa thấu đạt lẽ duy tâm. Thật là si mê lắm thay!”

“Phải biết rằng: Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Các quốc độ của chư Phật trong mười phương, từ hư không cho đến vô số cảnh tượng, thấy đều là ở trong tự tánh của chúng ta, há lại có pháp ở ngoài tâm hay sao?”

“Kinh Lăng Nghiêm dạy rằng: ‘Hư không sanh trong tánh giác chỉ như chút bọt nổi trên mặt biển.’ Lại dạy rằng: ‘Hết thấy hư không mười phương sanh trong tâm, chỉ như một áng mây điểm giữa bầu trời xanh bao la.’ Xét theo lẽ ấy thì mười vạn ức cõi há gọi là xa xôi hay sao?”

“Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: ‘Trong một câu gồm cả pháp giới không cùng tận; trong một mảy lông chứa trọn cõi thế giới mà không chật chội.’ Lý Trưởng giả nói: ‘Thế giới không cùng tận, với ta cũng không cách một mảy lông. Xưa nay mười đời,⁽¹⁾ trước sau không lìa ý niệm hiện

⁽¹⁾ Mười đời (Thập thế): căn cứ theo giáo thuyết của Hoa Nghiêm tông, ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, mỗi đời đều phân ra quá khứ, hiện tại và vị lai, như quá khứ của quá khứ, quá khứ của hiện tại, quá khứ của vị lai... Tổng cộng thành chín đời, cả chín đời đều dung thông trong một ý niệm đương thời, thành ra cả thấy mười đời. Giáo thuyết này xuất hiện trong kinh Hoa Nghiêm bản Tân dịch, quyển 53; Hoa Nghiêm kinh số quyển 51, Hoa

tại.’ Như vậy, cách nhau mười vạn ức cõi há gọi là xa xôi hay sao?”

“Thuở xưa, đồng tử Thiện Tài đi một bước trong lỗ chân lông của Bồ Tát Phổ Hiền mà vượt qua các cõi thế giới Phật nhiều như số hạt bụi nhỏ, không thể nói hết. Lại đi tiếp nhiều bước cũng vượt qua số thế giới như thế, trải qua vô số kiếp cũng nhiều như thế, vẫn không biết được chỗ tận cùng của một lỗ chân lông ấy! Thế thì mười vạn ức cõi có đáng gì!”

“Vậy phải biết rằng cái lý duy tâm vừa nói kia so với cái lý duy tâm của ông có giống nhau chẳng, hay là khác nhau?”

Người kia lại hỏi: “Đạo xưa nay không khác, lẽ nào có phân hai sao?”

Đáp: “Đã biết như vậy, sao lại cố hạn cuộc cái lý duy tâm ấy vào trong gang tấc? Cùng khắp pháp giới đâu chẳng là duy tâm?”

“Xét lời ông nói đó chỉ là tùy theo lời nói của tôi, thật chẳng có chỗ tri thức của riêng ông. Nếu ông thấu hiểu được cái lý tâm nhiệm mầu sáng suốt, hẳn đã không rơi vào chỗ sai lệch cạn kiệt, cũng chẳng cố chấp cho rằng pháp tham thiền là đúng, cũng chẳng chê bỏ pháp niệm Phật mà cho là sai.

“Nên biết rằng, tham thiền vốn do nơi tâm, niệm Phật cũng do nơi tâm. Tham thiền là để thoát khỏi sanh tử; niệm Phật cũng để thoát khỏi sanh tử. Tham thiền, niệm Phật cũng đồng một lý. Nếu nói niệm Phật là không đúng,

Nghiêm kinh vấn đáp quyển thượng... và nhiều kinh luận khác của tông Hoa Nghiêm.

thì tham thiền cũng là sai. Cái lý tham thiền, niệm Phật đã không rõ biết, mà lý duy tâm cũng bế tắc, sao dám đối xứng là ngộ được lý duy tâm?

“Chỗ duy tâm của Tịnh độ là thường vắng lặng sáng tỏ. Người thật sự đạt đến chỗ vắng lặng sáng tỏ ấy thì không nắm giữ bên này, cũng chẳng vướng mắc bên kia; nơi nào cũng là Tây phương, chốn nào cũng là Tịnh độ; có thể hóa mặt đất thành vàng ròng, biến dòng sông thành sữa ngọt; nói ra mỗi lời đều trọn vẹn, thực hành mỗi việc đều là Phật sự. Đạt đến cảnh giới ấy, chỉ riêng có Phật mới rõ biết mà thôi, ngoài ra chẳng còn ai biết được.

“Kinh Pháp Hoa dạy rằng:

Hàng Bồ Tát bất thối.

Nhiều như cát sông Hằng.

Cùng hết lòng dốc sức.

Cũng không thể rõ biết.

“Chỉ riêng Phật với Phật mới đủ sức rõ biết, huống chi bọn chúng ta đây chỉ là những kẻ phàm phu thấp kém?

“Nếu đạt đến cảnh giới vắng lặng sáng tỏ ấy thì không còn một pháp nào có thể chứng đắc, làm gì có Tịnh độ để sanh về? Chẳng những không có Tịnh độ, mà tự tâm cũng không thể chứng đắc. Chỗ không chứng đắc này cũng không thể chứng đắc, huống chi lại có thể chấp rằng tự tánh vốn *Di-đà*, ngay nơi tâm này là Tịnh độ hay sao?

“Vì thế, tuy mỗi người đều có tự tánh *Di-đà*, ngay nơi tâm này là Tịnh độ, nhưng nếu chưa đạt đến cảnh giới ấy thì không thể nói ra lời ấy.

“Nay tôi hỏi lại ông: Ông có nhìn thấy cõi thế giới *Ta-*

bà này là vàng ròng với hoa sen bằng bảy báu hay chăng? Hay là một cõi toàn hầm hố, đá gạch, gai góc? Thấy hết thấy những cảnh giới *Lục đạo*, *Tứ sanh*, *Tam đồ*, *Bát nạn*⁽¹⁾ đều là chỗ chư Phật hưởng sự an vui hay chăng? Hay là những chốn chúng sanh chịu khổ?

“Cõi nước của đức Phật *A-di-đà* kia là không thể nghĩ bàn, hào quang chiếu sáng không thể nghĩ bàn, thọ mạng dài lâu không thể nghĩ bàn, đức từ bi không thể nghĩ bàn, nguyện lực không thể nghĩ bàn, trí huệ không thể nghĩ bàn, *Tam-muội* không thể nghĩ bàn, biện tài không thể nghĩ bàn, phân thân không thể nghĩ bàn, thuyết pháp không thể nghĩ bàn, cứu độ chúng sanh không thể nghĩ bàn; *y báo*⁽²⁾ và *chánh báo*⁽³⁾ đều trang nghiêm, mọi sự đều đầy đủ.

“Như các ông hiện nay có được đầy đủ như vậy hay chưa? Nếu chưa thì hãy mau mau chí thành lễ Phật, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Vì sao vậy? Nếu ôm giữ sự mê muội sai

(1) Lục đạo: sáu đường luân hồi, bao gồm cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh; Tứ sanh: chỉ chung tất cả chúng sanh, vì hết thấy đều được sanh ra bởi một trong bốn cách: sanh từ bào thai (thai sanh), sanh từ trứng (noãn sanh), sanh từ chỗ ẩm ướt (thấp sanh), do biến hóa mà sanh ra (hóa sanh). Tam đồ: ba cảnh xấu ác, chỉ địa ngục (hỏa đồ), súc sanh (huyết đồ) và ngạ quỷ (đao đồ). Bát nạn: Tám trường hợp sanh ra gặp khó khăn, ngăn trở, không thể tu tập Phật pháp, gồm có: 1. Địa ngục, 2. Súc sanh, 3. Ngạ quỷ, 4. Cõi trời Trường thọ, 5. Vùng biên địa, kém văn minh, 6. Căn khuyết, tàn tật, 7. Tà kiến, 8. Không có Phật ra đời.

(2) Y báo: chỉ hoàn cảnh chung quanh do nghiệp báo chiêu cảm mà sanh ra, như môi trường sống, gia đình, y phục, thức ăn... Y báo của một đức Phật là kết quả vô số phước báo mà đức Phật ấy đã tạo ra trong quá khứ, nên tạo thành cõi nước trang nghiêm tốt đẹp nơi đức Phật ấy hóa sanh, như cõi Cực Lạc là y báo của đức Phật A-di-đà.

(3) Chánh báo: chỉ thân tâm sanh mạng là kết quả của nghiệp nhân trong quá khứ. Chánh báo của một đức Phật là thân tướng trang nghiêm có được do vô số điều lành mà đức Phật ấy đã làm trong quá khứ, như chánh báo của đức Phật A-di-đà là thân tướng trang nghiêm có đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp.

lệch mà tu hành thì khác nào người què đi bộ, mỗi ngày không quá một hai dặm đường. Còn như lễ Phật, niệm Phật cầu vãng sanh, ví như kẻ chèo thuyền xuôi theo dòng nước, lại thêm sức gió thổi xuôi, chỉ trong giây lát vượt qua ngàn dặm. Lại như kẻ hèn yếu đi theo vua Chuyển luân, chỉ trong một ngày đêm đi khắp bốn cõi thiên hạ; đó chẳng phải nhờ sức mình, mà là nhờ sức của vua Chuyển luân. Lại như người lâm nạn ở cửa quan, nếu tự mình không đủ sức ra khỏi, ắt phải cậy người có thể lực cứu giúp. Lại như kẻ khuân vác vật nặng, nếu tự mình không làm nổi ắt phải mượn nhiều người giúp sức mới có thể dời đi được. Lễ Phật, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ cũng giống như vậy.

“Thiền sư Vĩnh Minh Thọ có nói rằng: ‘Chỉ một pháp thiền định là gốc của Bốn biện tài,⁽¹⁾ Sáu thần thông,⁽²⁾ chính là nhân duyên bỏ phàm theo thánh. Chỉ thấu nhiếp được tâm niệm một đôi lúc cũng đáng gọi là việc lành cao cả, nhưng cần phải sáng tỏ những lúc nặng nề u ám, rõ biết hơi thở ra vào.’

“Cho nên kinh dạy rằng: ‘Như lúc ngồi thiền mà mê muội u ám, cần phải đứng dậy đi quanh lễ Phật, niệm Phật, hoặc chí thành sám hối để hóa trừ nghiệp chướng nặng nề. Cần phải sách tấn thân tâm, chớ nên cố chấp riêng một pháp môn mà cho đó là cứu cánh.

“Có kẻ niệm Phật tụng kinh mà được giải thoát; có

⁽¹⁾ Bốn biện tài: Tức là bốn khả năng biện thuyết không ngăn ngại, gồm có: 1. Pháp vô ngại biện, 2. Nghĩa vô ngại biện, 3. Từ vô ngại biện, 4. Nhạo thuyết vô ngại biện.

⁽²⁾ Sáu thần thông (Lục thông): Sáu năng lực siêu phàm của bậc chứng ngộ, gồm có: 1. Thiên nhãn thông, 2. Thiên nhĩ thông, 3. Túc mạng thông, 4. Tha tâm thông, 5. Thân túc tông, 6. Lậu tận thông.

người lễ Phật sám hối mà được giải thoát. Có kẻ nhờ thấy hào quang Phật mà được giải thoát; có người nhờ cúng dường Tam bảo mà được giải thoát. Có kẻ chiêm ngưỡng hình dung Phật mà được giải thoát; có người lại nhờ tô vẽ tượng Phật mà được giải thoát. Có kẻ nhờ bố thí, làm lành mà được giải thoát; có người khuyên người khác niệm Phật mà được giải thoát. Có kẻ tránh việc giết hại, thường làm việc phóng sanh mà được giải thoát; có người nhờ hết lòng nghe pháp mà được giải thoát.

“Thế mới biết rằng, giáo pháp mênh mông như tấm lưới phủ khắp không cùng tận, nhưng vừa khi thấu rõ liền quay về được cội nguồn chân thật. Các pháp môn tu tập nhiều vô số như cát bụi, nhưng dù theo pháp môn nào cũng đều được giải thoát. Ví như kẻ đi đường xa, lấy sự đến nơi làm mục đích, chẳng cần quan tâm đến những đoạn đường đi qua mà gượng phân khó dễ.

“Cho nên, kinh Pháp Hoa dạy rằng: ‘Cho đến kẻ dùng tâm tán loạn mà niệm Phật, nhỏ giọng tán thán, hoặc dùng ngón tay mà vẽ hình Phật, dù cát làm tháp Phật, cũng lần hồi chất chứa được công đức, cuối cùng đều thành Phật đạo.’ Huống chi những người một lòng sáng suốt, tu tập đầy đủ muôn đức hạnh lại chẳng thành Phật hay sao?

“Này các vị! Nếu muốn thấu rõ đạo lý tu hành trọn vẹn và nhanh chóng, nên xem qua hai bộ kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Nếu không tu hành trọn vẹn, thật chỉ uống xưng mình là Phật tử!

“Cho nên, ngài Từ Mãn Tam Tạng có dạy rằng: ‘Theo lời Phật dạy, người tu thiền định chân chánh là chế phục

tâm ý vào một nơi, niệm niệm nối nhau không dứt, lia khỏi sự hôn muội tán loạn, giữ tâm một cách bình đẳng. Như bị cơn buồn ngủ che lấp, cần phải tự sách tấn chuyên cần niệm Phật tụng kinh, lễ bái đi quanh tượng Phật, tụng kinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh, muôn hạnh đều làm đủ không bỏ sót. Hết thấy những chỗ tu hành thiện nghiệp đều hồi hưởng cầu được vãng sanh Tây phương Tịnh độ. Nếu có thể tu tập thiền định được như vậy thì đúng là pháp thiền định do Phật dạy, phù hợp với chánh pháp, trở thành bậc nêu gương dẫn dắt chúng sanh, được chư Phật ấn chứng.

“Hết thấy pháp Phật đều không có sự khác biệt, thấy đều nương theo chỗ nhất như mà thành bậc giác ngộ chân chánh rốt ráo. Tất cả các pháp đều dạy rằng: ‘Niệm Phật là nhân lành chân chánh của *Bồ-đề*’, sao có thể mê lầm khởi sanh tà kiến?”

“Đời nay có một hạng người si mê lầm lạc, kinh điển giáo pháp không hiểu rõ, cửa huyền diệu chẳng thấu qua, nhân quả không biết, tội phước chẳng sợ. Thế mà cũng ra vẻ người cao cả, lên mặt thiện tri thức! Đạo lý tu hành trọn vẹn không thông đạt, chỉ dạy người ngậm miệng không nói, khiến cho kẻ hậu học như đui, như điếc, ai nấy đều sa vào chỗ vướng mắc thức tình phân biệt.

“Những kẻ ấy thấy người khác lạy Phật, niệm Phật, tụng kinh, giảng pháp, rộng làm đủ mọi điều lành thì phản bác chê bai, bảo đó là tu hành chấp tướng, càng cầu lại càng xa, không bằng giữ lấy một mối niệm, chẳng cần gắng sức mà tự thân hiện thành *Di-đà*, cần chi phải cầu sanh về cõi Tịnh độ phương khác?”

“Hạng người như vậy thật đáng thương hại đau xót, cũng thật đáng chê cười. Vì nghe nói thì rất hay, nhưng hiểu thì chưa thật hiểu. Những kẻ phàm phu căn tánh chậm lụt mà tu pháp tham thiền, nếu chẳng rơi vào mê muội chìm đắm thì cũng là tán tâm rối loạn. Trong một ngày chẳng biết được bao nhiêu là vọng tưởng, bao nhiêu là chỗ bế tắc mê muội. May ra được đôi lúc mạnh mẽ, rồi cũng trở lại hiện khởi ý thức. Sau khi ra khỏi thiền định, lại đeo bám phụ thuộc ngoại cảnh, nhiễm trước trần lao như xưa. Miệng bàn những chuyện thị phi, trong lòng chưa dứt sự yêu ghét.

“Những người tham thiền như vậy, đừng nói là chờ đến khi đức *Di-lặc* ra đời mới mong được sáng rõ, mà dầu cho một ngàn đức Phật có ra đời cả rồi cũng chưa có ngày được hiểu thấu. Sao có thể nói rằng tự thân hiện thành *Di-đà*, cần chi phải cầu sanh về Tịnh độ? Những kẻ đui mù ấy, khác nào như dân thường dám tự xưng là quốc vương, tự mình chuốc lấy họa tru diệt!”

“Lại có một hạng ngu si, tuy đến thiền đường tham học nhưng chẳng rõ biết đường lối cách thức, chẳng trừ bỏ ba độc tham, sân, si; thấy kẻ khác hơn mình thì sanh lòng ganh ghét; tự mình không làm được nhưng chẳng biết mừng thay cho kẻ khác; không học hỏi trong phẩm *Phổ Hiền hạnh nguyện*,⁽¹⁾ cũng không học sách *Vạn thiện đồng quy*,⁽²⁾ chẳng biết *Tám cửa vào đạo giải thoát của*

(1) Phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện: phẩm kinh giảng rõ về mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, trong đó có hạnh tùy hỷ (vui theo cái vui của kẻ khác) vừa nói ở trên.

(2) Sách Vạn thiện đồng quy: sách được biên soạn gồm nhiều bài sách tấn việc tu tập, nhất là khuyến khích pháp môn Tịnh độ.

bạc thánh,⁽¹⁾ trở lại ngăn cản người khác lễ Phật, niệm Phật; ngăn cản người khác tụng kinh, giảng pháp; ngăn cản người khác cúng Phật, trai Tăng; ngăn cản người khác xây chùa, tạc tượng; ngăn cản người khác bố thí kết duyên; ngăn cản người khác rộng tu các điều lành. Hạng người ngỗ nghịch ấy, chỉ mượn áo Phật mà mặc, trộm cơm Phật mà ăn, thật là bọn Ma vương, ngoại đạo, gieo hạt giống địa ngục.

“Kìa như Pháp sư Vân Quang,⁽²⁾ có tài thuyết pháp, thường nhập thiền định, mỗi khi nhập định chẳng còn biết đến năm tháng, trong đời thật ít có. Chỉ vì chưa dứt được tham sân mà phải đọa làm con trâu chạy rông khắp chốn. Huống chi bọn chúng ta đây, khi tham thiền còn mê muội chìm đắm, tán tâm rối loạn, sao dám trở lại khinh chê người lay Phật, niệm Phật?

“Lại như ông *Uất-đầu-lam-phất*, căn tánh lạnh lợi thông minh, chế phục được phiền não, thần trí đã lên đến cảnh trời Phi phi tướng, là người hiếm có trong chốn nhân gian. Chỉ vì chưa dứt tình chướng ngại, sau phải đọa làm giống chồn bay.⁽³⁾ Ngăn ngại với cảnh bên ngoài còn như vậy,

⁽¹⁾ Tám cửa vào đạo giải thoát của bậc thánh (Bát dật Thánh giải thoát môn): là 8 pháp tu tập giúp đạt đến sự giải thoát, bao gồm: 1. Lễ Phật, kính đức, 2. Niệm Phật, cảm ân, 3. Trì giới, thực hành các hạnh, 4. Xem kinh, thấu rõ nghĩa lý, 5. Tọa thiền, đạt cảnh, 6. Đắc ngộ, chứng đạo, 7. Thuyết pháp, tròn nguyện, 8. Tham thiền, hội nhập chân tâm.

⁽²⁾ Pháp sư Vân Quang : một vị cao tăng sống vào đời nhà Lương của Trung Hoa.

⁽³⁾ *Uất-đầu-lam-phất* là một vị tiên nhân ngoại đạo cùng thời với đức Phật. Ông tu tập thiền định chứng đắc Ngũ thông, bay tới trước mặt vua nước Ma-kiệt-đà. Vua vui mừng đánh lễ dưới chân ông, cúng dường trân trọng, lại dặn phu nhân rằng: Như ta đi vắng mà tiên nhân có đến, phải lễ kính và cúng dường giống như ta vậy. Phu nhân vâng lời, khi ông đến liền lễ bái dưới chân. Ông trông thấy phu nhân, trong lòng sanh khởi dục tình, liền mất hết phép thần thông, phải đi bộ về núi. Từ đó, ông nhập định trên núi thì luôn nghe tiếng chim thú kêu la; xuống gần bờ nước mà tọa thiền thì bị cá

huống chi là ngăn cản người khác lay Phật, niệm Phật?

“Xem như *Tỳ-kheo* Thiện Tinh, có tài thuyết giảng đủ *Mười hai bộ kinh*,⁽¹⁾ chứng quả *Tứ thiền*. Chỉ vì thân cận bạn tà, vướng mắc cố chấp vào lẽ không, nói bậy là không có Phật, không có Pháp, không có *Niết-bàn*, về sau phải sanh vào địa ngục *A-tỳ*. Chúng ta nghe chuyện ấy há chẳng rùng mình khiếp sợ, mau mau sám hối đi sao?

“Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói rằng:

*Chấp vào lẽ không,
Bác lý nhân quả,
Trong chốn mịt mù tự chuốc họa.
Bỏ cố lấy không chẳng khỏi bệnh,
Khác nào tránh nước sa vào lửa!*

“Chính là nghĩa ấy vậy.

“Kinh dạy rằng:

*Chư Phật thuyết pháp không,
Vì độ người chấp có.
Nếu lại chấp vào không,
Chư Phật chẳng độ được.*

Lại dạy rằng:

*Thà chấp vào pháp có,
Lớn như núi Tu-di.*

tôm làm rối. Tâm thần bất định, sân hận nổi lên, phát lời thể làm con chồn bay để giết hại chim, cá. Vừa nghĩ như vậy rồi thì tự mình ăn năn sám hối, tu tập rất lâu mới đạt lại mức định Phi tướng phi phi tướng. Sau khi mất, ông sanh lên cõi trời Vô sắc giới, đến khi hưởng hết phước trời lại đọa làm giống chồn bay đúng như lời thể trước.

⁽¹⁾ Mười hai bộ kinh (Thập nhị bộ kinh): cũng gọi là Mười hai phần giáo, chỉ toàn bộ giáo pháp của đức Phật thuyết giảng, được phân ra theo nội dung và đối tượng nghe pháp, bao gồm cả kinh điển Tiểu thừa và Đại thừa.

*Chẳng nên chấp pháp không,
Dù nhỏ như hạt cải.*

“Vì sao vậy? Thuở xưa có *tỳ-kheo* Tịnh Mạng tu tập theo chánh kiến. Nhờ dâng hoa cúng Phật liền được thọ ký. Lại có một *tỳ-kheo* khác tên là Pháp Hạnh, tuy chứng đắc *Tứ thiên* nhưng theo tà kiến, vướng mắc nghiêng lệch theo lẽ không, lại gièm pha Pháp sư Tịnh Mạng rằng: “Tịnh Mạng nhận hoa, chẳng biết mang đi cúng dường, chỉ tự mình thọ hưởng.” Vì một lời nói ấy mà trải qua sáu vạn kiếp, mỗi khi sanh ra đều không có lưỡi!

“Phật dạy: ‘Lấy mắt dữ nhìn người phát tâm *Bồ-đề*, sẽ bị quả báo không có mắt. Dùng miệng dữ chê bai người phát tâm *Bồ-đề*, sẽ bị quả báo không có lưỡi.’⁽¹⁾

“Như ai cố chấp nghiêng lệch theo lẽ không mà tự cho là phải, chê bai người tu các hạnh lành mà cho là sai trái, kẻ ấy sẽ đọa địa ngục nhiều đến trăm ngàn kiếp. Vì sao vậy? Vì đoạn dứt hạt giống Phật.

“Kinh Pháp Hoa dạy rằng:

*Như người tâm tán loạn.
Dù mang một cành hoa.
Cúng dường trước tượng Phật.
Sau gặp vô số Phật.*

“Lẽ nào đó lại là lời hư dối hay sao?

“Kinh *Tượng pháp quyết nghị* có đoạn dẫn lời Phật dạy: Như có người thấy người khác tu phước và bố thí cho kẻ bần cùng, lại chê bai rằng: Đó là kẻ tà mạng, tìm cầu lợi danh. Thật người xuất gia cần gì bố thí? Chỉ tu nghiệp

thiền định trí huệ, cần chi những việc lộn xộn vô ích ấy? Kẻ nào có ý tưởng, lời nói như vậy, ắt là quyến thuộc của ma. Khi mạng chung phải đọa địa ngục, chịu nhiều khổ não. Sau khi ra khỏi địa ngục lại đọa làm ngạ quỷ liên tiếp qua năm trăm kiếp, rồi sanh ra làm kiếp chó. Hết kiếp làm chó lại trải qua năm trăm kiếp phải làm kẻ nghèo hèn, chịu nhiều nỗi khổ. Vì sao vậy? Vì đời trước thấy người khác bố thí chẳng sanh lòng tùy hỷ.⁽¹⁾

“Lại trong kinh *Hộ khẩu* có kể chuyện một ngạ quỷ kia, hình trạng xấu xa ghê gớm, ai trông thấy cũng phải khiếp sợ. Toàn thân quỷ có lửa dữ bốc ra, giống như một đám lửa; trong miệng lại có giò bọ bò ra, nhiều không biết bao nhiêu mà kể; máu mủ dầm dề, mùi tanh hôi bay thấu ra xa. Ngạ quỷ ấy kêu la, khóc lóc thảm thiết, chạy qua chạy lại bên này bên kia, chẳng lúc nào được đứng yên.

“Lúc ấy, ngài La-hán Mãn Túc nhìn thấy hỏi rằng: ‘Đời trước ngươi phạm tội gì mà nay phải thọ khổ như vậy?’

“Ngạ quỷ đáp: ‘Thuở trước tôi làm *sa-môn*, nói một lời ác ngăn trở người khác tu thiện, nên nay phải chịu cảnh khổ như thế này, chẳng biết làm sao thoát ra! Từ nay về sau tôi thà lấy dao cắt lưỡi mình đi chứ không dám ngăn trở người khác làm việc lành nữa! Khi Tôn giả trở về cõi *Diêm-phù-đề*, nên đem hình trạng của tôi mà răn nhắc các vị *tỳ-kheo*, dạy các đệ tử: Nếu thấy người khác tu tập hạnh lành, dầu nhỏ như sợi tóc mảy lông, cũng nên vui mừng tán trợ, đừng chê bai cản trở. Từ khi tôi bị đọa làm thân quỷ tới nay, đã vài ngàn muôn kiếp thọ khổ. Dẫu cho

⁽¹⁾ Phật ngôn này được trích từ kinh *Tổng trì* (Đại thừa phương quảng Tổng trì kinh – Đại chánh tạng, quyển 9, kinh số 275).

⁽¹⁾ Chúng tôi đã đối chiếu đoạn trích này trong kinh *Tượng pháp quyết nghị* (Đại chánh tạng, quyển 85, kinh số 2870), thì thấy nội dung tương tự nhưng văn từ có khác. Không biết do ngài Nhất Nguyên đã sử dụng một bản dịch Hán văn khác mà đến nay không còn nữa, hay do sự trích dẫn theo trí nhớ nên không phù hợp hoàn toàn với kinh văn.

thoát khỏi thân quỷ, lại phải sa vào địa ngục!’ Nói xong mấy lời ấy, ngạ quỷ lại khóc lóc, gieo mình xuống đất.

“Ai nghe chuyện ấy mà chẳng thấy lạnh mình? Chỉ nói ra một lời ác, bao kiếp phải làm thân ngạ quỷ chịu khổ! Chúng ta há chẳng sợ tội hay sao mà dám làm chuyện quấy bậy? Đối với việc lành, dầu nhỏ nhất như sợi tóc mảy lông, cũng không được chê bai bài bác, huống chi lại dám ngăn cản người khác lạy Phật, niệm Phật hay sao? Phật dạy: ‘Ngăn cản người khác tu thiện, tội ấy không thể tránh khỏi.’

Hàng Bồ Tát Đẳng giác⁽¹⁾ ví như mặt trăng đêm mười bốn,⁽²⁾ nghĩa là vẫn còn một phần vô minh chưa dứt hết, nhỏ yếu như làn khói mỏng, cũng nhờ vào việc lễ Phật, sám hối để được trọn vẹn quả Vô thượng Bồ-đề. Huống chi chúng ta đây, nghiệp nặng phạm phu còn trói buộc, sao lại dám khinh chê việc lạy Phật, niệm Phật hay sao? Cho đến đức Phật còn chẳng bỏ qua chút phước xỏ kim,⁽³⁾ kẻ phạm phu há nên khinh chê việc lạy Phật, niệm Phật?

“Thuở xưa, đức Thế Tôn Thích-ca miệng xưng tán đức Phật Phất-sa, thân lễ bái đức Phật Phất-sa, như vậy trong suốt bảy ngày bảy đêm, liền tức thời vượt qua chín kiếp

⁽¹⁾ Bồ Tát Đẳng giác: vị Bồ Tát đạt đến quả vị cao nhất, công hạnh viên mãn, sắp sửa thành Phật.

⁽²⁾ Mặt trăng đêm rằm, mười sáu mới thật sự tròn đầy, nên ví hàng Bồ Tát Đẳng giác chỉ như mặt trăng đêm mười bốn, vẫn còn khuyết đôi chút.

⁽³⁾ Chút phước xỏ kim: Vào thời Phật tại thế, có vị tỳ-kheo tên A-nâu-tát-đa có tật hay buồn ngủ, Phật thường quở trách. Tôn giả tinh tấn tu tập, bảy ngày không ngủ, chứng đắc Kim cang Tam-muội, được thiên nhân nhưng mặt nhục nhãn. Ngày kia, trong khi vá áo, tôn giả niệm rằng: ‘Ai hay tích phước, xin xỏ kim dùm ta!’ Đức Phật đi ngang qua, dừng chân nói rằng: ‘Để ta xỏ kim cho ông.’ Tôn giả bạch rằng: ‘Thế Tôn là bậc đại nhân, sao làm chút phước nhỏ?’ Phật đáp: ‘Phước đức vô cùng, đâu phân lớn nhỏ?’ Tôn giả bèn đánh lễ tán phục.

tu tập. Sao có thể nói đó là vương mắc nơi hình tướng tìm cầu mà xa đạo? Sao có thể nói rằng lạy Phật không thành Phật?

“Xưa có ba ngàn đức Phật khi còn là người phạm, kết bạn tu học, một lúc cùng nhau xưng niệm, lễ bái năm mươi ba đức Phật, nhờ đó mà cùng lúc thành đạo. Ba ngàn đức Phật xưa đã như vậy, chư Phật trong mười phương cũng như vậy. Người đời nay sao chẳng bắt chước đó mà tu hành, lại dám khinh chê việc lạy Phật, niệm Phật?

“Vua A-xà-thế phạm vào Năm tội nghịch,⁽¹⁾ sau nhờ biết lễ Phật sám hối, liền được diệt tội, chứng quả. Ông Kiều-phạm-ba-đề đời trước làm thân con bò, chỉ vì tìm theo chỗ có cỏ và nước uống mà đi quanh về bên phải một ngôi tinh xá,⁽²⁾ nhân đó được thấy thân tướng tốt đẹp của Phật, sáng rực như vàng ròng, liền sanh ra một niệm hoan hỷ, nhờ đó về sau được chuyển kiếp làm người và tu hành chứng đạo. Loài vật còn được vậy, huống chi con người lạy Phật, niệm Phật lại chẳng thành Phật hay sao?

“Thuở xưa có hai vị Thiên đế thọ mạng nơi cõi trời sắp dứt, biết trước rằng một vị sẽ đầu thai làm lừa, một vị sẽ đầu thai làm heo. Cả hai đều lo sợ chẳng yên, tìm đến lễ Phật cầu cứu. Phật dạy hai vị qui y Tam bảo, liền được

⁽¹⁾ Năm tội nghịch: gồm các tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá sự hòa hợp của chúng tăng và làm thân Phật chảy máu. Người phạm vào một trong 5 tội này phải đọa địa ngục Vô gián. Vua A-xà-thế vì muốn tranh ngôi vua mà giết chết vua cha là Tần-bà-sa-la, nên phạm vào một trong Năm tội nghịch.

⁽²⁾ Đi quanh về bên phải, còn gọi là đi nhiều, là một hình thức bày tỏ sự tôn kính, nên người ta thường đi quanh tượng Phật, tháp Phật hoặc chùa chiền, tinh xá... Trong trường hợp này, con bò chỉ vì vô tình đi theo những chỗ có cỏ ăn, nước uống mà thành nhiều quanh tinh xá. Hành vi vô tình như vậy mà vẫn có được phước báo, huống chi là làm với tâm cung kính.

thoát khỏi nạn khổ kia. Về sau, hai vị ấy tin kính Tam bảo, tinh cần tu tập, chứng được đạo quả.

“Kinh Đại Bát Niết-bàn dạy rằng: ‘Ai nghe được hai tiếng Thường trụ thì trong bảy kiếp khỏi đọa địa ngục.’ Huống chi là công đức của việc lễ bái, niệm Phật? Như vậy, đối với Tam bảo có thể nói là:

*Nghe danh, thấy tướng, diệt vô số tội,
Lễ niệm, qui y, tăng vô lượng phước.*

“Há chẳng nên vâng theo lời Phật Tổ hay sao? Há nên làm những chuyện sai quấy hay sao?

“Kinh Nghiệp báo sai biệt dạy rằng: ‘Lễ Phật một lạy thì từ gối cho chí đỉnh đầu, mỗi một hạt bụi là một ngôi vị Chuyển luân vương. Lại còn được mười công đức:⁽¹⁾

1. Được thân tướng tốt đẹp, tiếng nói trong trẻo;
2. Lời nói ra được người khác tin cậy.
3. Sống giữa đại chúng không sanh tâm lo sợ.
4. Được chư Phật hộ niệm.
5. Có đủ oai nghi lớn.
6. Được mọi người thân cận, từng phục;
7. Được chư thiên yêu mến, kính trọng;
8. Có đủ phước đức lớn;

⁽¹⁾ Về mười công đức này, chúng tôi đã đối chiếu đoạn trích này với kinh Nghiệp báo sai biệt (Đại chánh tạng, quyển 1, kinh số 80), bản Hán dịch của ngài Pháp Trí, và thấy nội dung có khác biệt một số điều. Chẳng hạn, không có câu nói về phước báo làm Chuyển luân vương, điều số 4 là được chư thiên và loài người yêu mến, bảo vệ, điều số 5 là được có đủ oai thế (không phải oai nghi), điều số 7 là thường được thân cận với chư Phật, Bồ Tát... Tuy nhiên, vì tôn trọng nguyên tác nên chúng tôi vẫn dịch đúng theo nguyên văn được ghi trong sách này, chỉ nêu ra đây để quý độc giả tiện lưu ý đối chiếu.

9. Sau khi mạng chung sẽ được vãng sanh;

10. Mau chóng chứng đắc Niết-bàn.

“Chỉ một lạy còn được công đức như vậy, huống chi là nhiều lạy?

“Kinh Pháp Hoa dạy rằng:

*Như có người lễ bái.
Cúng dường trước tượng Phật
Bằng cách chắp hai tay.
Hoặc đưa một tay lên
Hoặc cúi đầu cung kính.
Sẽ gặp vô số Phật.
Rồi tự thành Phật đạo.
Rộng độ khắp chúng sanh.*

“Lễ nào đó lại là lời hư dối hay sao?

“Trong kinh Thập lục quán⁽¹⁾ có nói: ‘Chí thành niệm một tiếng Nam-mô A-di-đà Phật diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử... Những kẻ phạm vào Năm tội nghịch, Mười điều ác, lúc lâm chung chỉ niệm được mười lần Nam-mô A-di-đà Phật cũng được vãng sanh Tịnh độ.’ Huống chi những người ăn chay niệm Phật lâu năm?

“Thuở xưa, Trương Thiện Hòa suốt đời giết bò, đến khi lâm chung thấy tướng địa ngục hiện ra. Bỗng gặp một thầy tăng dạy niệm Phật A-di-đà. Niệm chưa dứt mười lần, đã được thấy Phật đến tiếp dẫn, vãng sanh Tịnh độ. Há chẳng phải là sức Phật khó lường đó sao?

⁽¹⁾ Tức kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

“Kinh *Địa Tạng* dạy rằng: ‘Nếu có người vào lúc mạng chung được nghe danh hiệu một đức Phật, danh hiệu một đức Bồ Tát, hoặc một câu kinh, một bài kệ, liền được sanh về cảnh giới tốt đẹp, thoát mọi khổ não.’

“Này các vị! Chỉ được nghe thôi mà có nhiều lợi ích như thế, huống chi là công đức của việc trì niệm?”

“Kinh dạy rằng: ‘Như có người đem vật tứ sự⁽¹⁾ rất tốt mà cúng dường cho tất cả các vị *A-la-hán* và Phật *Bích-chi* trong khắp cõi Tam thiên Đại thiên thế giới này, công đức ấy cũng không bằng người chấp tay xưng danh Phật một lần. Công đức xưng danh Phật nhiều hơn gấp trăm ngàn vạn ức lần, dầu cho có dùng bao nhiêu cách tính toán, tỷ dụ cũng không nói hết.’

“Công đức xưng danh Phật một lần còn vậy, huống chi là niệm hoài chẳng dứt?”

“Kinh *Pháp Hoa* dạy: ‘Những ai đã một lần xưng niệm *Nam-mô Phật*, về sau đều sẽ thành Phật đạo.’ Lẽ nào lại là lời hư dối hay sao?”

“Kinh *Nghiệp báo sai biệt* dạy rằng: ‘Người lớn tiếng niệm Phật tụng kinh sẽ được mười công đức:

1. Trừ được sự buồn ngủ;
2. Khiến thiên ma kinh sợ;
3. Tiếng niệm vang khắp mười phương;
4. Dứt mọi sự khổ trong Ba đường ác;
5. Âm thanh từ ngoài chẳng vào được;
6. Lòng không tán loạn;

⁽¹⁾ Tứ sự: bốn món cúng dường căn bản giúp chư tăng tu tập, gồm có y phục, thức ăn uống, chỗ ở và thuốc men trị bệnh.

7. Dững mãnh, tinh tấn;

8. Chư Phật hoan hỷ;

9. Túc thời chứng đắc Tam-muội;

10. Được vãng sanh Tịnh độ.

“Nhờ niệm Phật tụng kinh mà được thành Phật, há nên cho đó là vướng mắc nơi tướng mà tìm cầu hay sao? Há nên khinh chê đó là việc nhỏ mọn hay sao?”

“Vào thuở xa xưa, trong hàng cao tăng sáng suốt, có nhiều vị chuyên trì kinh Hoa Nghiêm, hoặc chuyên trì kinh Pháp Hoa, hoặc chuyên niệm Phật *A-di-đà*, thấy đều được vãng sanh Tịnh độ, thẳng tới quả vị Phật. Há có thể cho rằng tụng kinh niệm Phật là việc nhỏ nhặt, là vướng mắc nơi hình tướng hay sao?”

“Xưa có người đàn bà muốn trì tụng kinh *A-di-đà* mà không thuộc, chỉ niệm mãi bốn câu:

Hoa sen xanh thơm.

Hoa sen trắng thơm.

Hoa trên cây thơm.

Quả trên cây thơm.⁽¹⁾

“Nhờ công đức niệm bốn câu lệch lạc ấy mà được vãng sanh Tịnh độ, huống chi người tụng đọc thông suốt trọn bộ kinh mà chẳng được vãng sanh hay sao?”

“Pháp sư Đàm Dục vốn đời trước làm thân chim trĩ, nhờ nghe một vị tăng tụng kinh Pháp Hoa, liền được chuyển kiếp làm người, xuất gia tu hành chứng đạo. Huống chi tự

⁽¹⁾ Là những điều trong kinh mô tả về cảnh giới Cực Lạc của đức Phật A-di-đà.

mình tụng kinh thuyết pháp lại chẳng thành Phật được sao?

“Xưa có một con vẹt và hai con sáo học nói, niệm câu Phật hiệu *A-di-đà*, nhờ đó mà được vãng sanh Tịnh độ. Loài vật còn như thế, huống chi con người niệm Phật lại chẳng được vãng sanh hay sao?”

Người kia lại hỏi rằng: “Ngài nói việc vãng sanh đó, có gì làm bằng cứ hay chẳng?”

Nhất Nguyên này đáp rằng: “Ông không biết sao, trong bài kệ phát nguyện của đức Phật *A-di-đà* có nói rằng:

*Vào khi ta thành Phật,
Danh vang khắp mười phương.
Người, trời vui được nghe,
Đều sanh về cõi ta.*

“Lại cũng nói rằng:

*Địa ngục, quỷ, súc sanh,
Đều sanh về cõi ta.*

“Lẽ nào đó lại là lời hư dối hay sao?

“Sách *Kim cang khoa nghi* dạy rằng: ‘Con chồn còn nghe pháp nơi ngài Bách Trượng,⁽¹⁾ loài ốc còn biết giữ gìn bảo vệ kinh Kim cang,⁽²⁾ mười ngàn con cá nghe danh

⁽¹⁾ Ngài Bách Trượng thường khi giảng pháp có một ông già đến nghe. Một hôm nghe thuyết pháp xong không về. Ngài hỏi, ông già nói: Tôi không phải người, là một con chồn ở sau núi. Trước đây làm người tu hành thuyết pháp tại núi này, vì nói sai một câu, bác lý nhân quả nên đọa làm thân chồn đã 500 năm nay. Xin ngài một câu chuyển ngữ để tôi thoát kiếp chồn hoang. Ngài Bách Trượng nói: “Người tu hành cũng không che mờ nhân quả.” Ông già bái tạ, dặn lại rằng: “Nay tôi được thoát kiếp, bỏ thân chồn sau núi, xin mai táng theo lễ dành cho người tu.”

⁽²⁾ Vương Thị Chế đời Đường trì kinh Kim cang, đi đâu cũng mang theo để trì tụng. Ngày kia, đi thuyền đến sông Hán, bị sóng to nguy cấp, bèn ném

hiệu Phật sanh về cõi trời;⁽¹⁾ năm trăm con dơi được nghe pháp đều thành bậc thánh hiền,⁽²⁾ con trăn nghe bài sám được sanh về cõi trời,⁽³⁾ con rồng nghe pháp mà ngộ đạo.⁽⁴⁾ Loài vật kia còn có thể nhận hiểu, giác ngộ, hướng chi con người sao chẳng biết hồi tâm?

“Có kẻ mê say việc ăn uống mà uống phí một đời; có người tu hành nhưng lầm lạc, không tỉnh ngộ ý đạo. Những người như vậy, há có thể cho rằng giảng kinh thuyết pháp là việc nhỏ, là vô ích hay sao? Chẳng thấy trong kinh Pháp Hoa có dạy rằng: ‘Những ai nghe được dù chỉ một

quyển kinh xuống nước, sóng gió liền yên. Sau tới sông Trấn, nhìn thấy dưới bánh lái thuyền có vật sáng chói, dường như hạt châu, sai người lặn xuống mang lên, hóa ra đó là quyển kinh Kim Cang đã ném xuống nước, có một bầy ốc cùng nhau vây kín chung quanh. Mở ra thì ngoài ướt mà trong khô, không hư mất chữ nào.

⁽¹⁾ Mười ngàn cá lội... hóa làm Thiên tử: Trong Kim quang minh Kinh có tích: Hồi đời quá khứ, ông Lưu Thủy Trưởng giả đi chơi với hai người con. Thuở ấy trời khô hạn, ông thấy dưới một ao to, có hàng muôn con cá bị nước cạn sắp chết. Ông tháo nước cứu sống, bèn thuyết pháp cốt yếu cho chúng cá nghe, xưng tên bảy vị Phật Như Lai đặng cho chúng nó thọ Tam qui y. Sau bảy ngày, chúng cá xả mạng, sanh lên làm các vị Thiên tử trên cảnh trời Đạo-ly. Xét ra biết đời trước của mình, chúng cá bèn đeo mười ngàn xâu chuỗi ngọc, xuống cõi nhân gian tạ ơn ông Lưu Thủy. Ông Trưởng giả ấy là tiền thân của đức Phật Thích-ca; còn hai người con của ông là tiền thân của La-hầu-la và A-nan vậy.

⁽²⁾ Xưa có một nhóm thương nhân dừng nghỉ dưới một cội cây. Trong bông cây ấy có năm trăm con dơi. Khoảng nửa đêm có một người trong nhóm tụng đức kinh chú. Đến gần sáng, các thương nhân nhóm lửa nấu cơm, khói xông vào bông cây, cả bầy dơi 500 con đều chết. Nhờ trước đó vừa được nghe kinh nên tất cả đều sanh về cõi trời.

⁽³⁾ Hoàng hậu của vua Lương Võ đế (sống vào thế kỷ 6) là người hung dữ, ghen tuông, giết hại cung nữ. Sau khi chết, đọa làm một con trăn. Bà báo mộng khẩn cầu với vua, xin soạn một bài văn sám. Lương Võ đế liền thỉnh thiền sư Chí Công làm Sám chủ, đọc sám văn. Con trăn được nghe rồi thoát xác, sanh lên cõi trời Đạo-ly.

⁽⁴⁾ Kinh Pháp Hoa có kể chuyện Bồ Tát Văn-thù xuống long cung thuyết pháp độ loài rồng. Trong số rồng nghe pháp, có Long nữ con Long vương vừa được 8 tuổi, đốn ngộ pháp Đại thừa, dâng hạt bảo châu cho Phật, liền hiện qua thế giới Vô Cấu mà thành Phật.

bài kệ trong kinh này, đều chắc chắn sẽ được thành Phật. Những ai được nghe Chánh pháp, đều đã thành tựu đạo Phật. Không có một người nào được nghe Chánh pháp mà không thành Phật.’ Lẽ nào đó lại là lời hư dối hay sao?

“Ôi! Loài vật nghe pháp còn được chứng quả, hưởng chi loài người lễ Phật, tụng kinh, giảng pháp, rộng tu các việc lành mà chẳng thành Phật hay sao?

“Nay tôi xin đơn cử một số trường hợp để trừ dứt sự nghi ngờ của các ông. Ngài Phổ Am xem kinh Hoa Nghiêm mà ngộ đạo, ngài Vĩnh Gia đọc kinh *Niết-bàn* được sáng rõ tâm ý; ngài Khuê Phong xem kinh Viên Giác được khai thông tâm ý; ngài Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa thấy hội Linh Sơn chưa dứt! Lợi ích như thế, há có thể khinh chê giáo pháp được sao?

“Kinh Pháp Hoa dạy rằng: ‘Như người bố thí cúng dường cho tất cả chúng sanh trong bốn trăm ngàn *a-tăng-kỳ* thế giới, mãi cho đến khi những chúng sanh ấy đều được chứng đắc quả *A-la-hán*, dứt hết phiền não, vào sâu trong thiên định, thấy đều được thần thông tự tại, đầy đủ tám môn giải thoát. Như thế cũng không bằng công đức của người thứ năm mươi được nghe lặp lại một bài kệ trong kinh Pháp Hoa mà khởi lòng vui theo. Công đức của người này nhiều hơn gấp trăm ngàn vạn ức lần. Được nghe một câu kệ, khởi lòng vui theo mà công đức còn không thể nghĩ bàn, hưởng chi là trì tụng trọn bộ kinh?’

“Trong bài phú *Hoa nghiêm cảm ứng* có đoạn: ‘Người nào được nghe bảy tiếng *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* thì không còn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và *a-tu-la*.’ Hưởng chi là công đức trì niệm kinh?

“Thuở xưa, có một vị tăng chuyên trì kinh Hoa Nghiêm. Một hôm, Thiên đế đặc biệt tìm đến thỉnh trai. Pháp sư được mời lên Thiên cung, ngồi nhập định. Giây lát, có năm trăm vị *La-hán* từ trên không bay đến, tụ tập trước điện. Sư muốn xuống tòa nghênh tiếp, nhưng Thiên đế thưa rằng: Dụng ý trai tăng hôm nay chỉ một mình ngài thôi, chỉ là tiện dịp nên thỉnh cả năm trăm vị *La-hán*. Ngài trì kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới của Phật, lẽ đâu vì hàng tiểu thánh mà xuống tòa hay sao? Vị tăng ấy thọ trai xong liền bay được lên không trung, ngay lúc ấy được thoát phàm, chứng thánh.

“Lại có một vị tăng khác cũng thọ trì kinh Hoa Nghiêm. Thiên đế đang đánh nhau với *A-tu-la*,⁽¹⁾ đặc biệt thỉnh ngài lên tòa tụng kinh. Ngài bay lên không trung mà đến, liền khiến cho Thiên đế chiến thắng, *A-tu-la* hoảng sợ chạy trốn vào một lỗ trống bên trong ngó sen. Thiên đế mừng vui, muốn dâng lên ngài món thuốc trường sanh. Sư quả trách rằng: ‘Phật đạo vô thượng chẳng chịu tu, dùng thuốc trường sanh há lại khỏi chết hay sao?’

“Như vậy, lẽ nào có thể cho rằng tụng kinh là việc nhỏ nhặt hay sao?

“Sách *Tây vực ký* có chép rằng: ‘Một vị tăng người Thiên Trúc⁽²⁾ cầm quyển kinh Hoa Nghiêm trên tay, sau đó xối nước rửa tay, nước ấy chảy trôi một con kiến. Con kiến chết, liền được sanh lên cõi trời.’

“Vào thời đức Phật còn tại thế, trong ao *Ca-la* có một con hến, nghe Phật thuyết pháp rồi cũng được sanh lên cõi trời.

(1) Tức A-tu-la vương, vua của loài a-tu-la.

(2) Thiên Trúc: tên khác của Ấn Độ.

“Như vậy, lẽ nào có thể cho rằng đọc kinh giảng pháp là vô ích hay sao? Niệm Phật lại chẳng sanh về Tịnh độ hay sao?”

“Nay xin dẫn thêm mấy câu để làm bằng chứng, dứt hẳn sự nghi ngờ. Kinh dạy rằng chư Phật nhiều như số cát sông Hằng ở khắp các cõi trong mười phương, mỗi vị đều ở nơi thế giới của mình, hiện tướng lưới rộng dài⁽¹⁾ bao trùm cả thế giới Tam thiên Đại thiên, nói ra lời chân thật, cùng nhau xưng tán đức công đức không thể nghĩ bàn của đức Phật *A-di-đà*, cũng như cõi nước trang nghiêm thù thắng của ngài.

“Các vị Đại Bồ Tát trong mười phương còn niệm danh hiệu đức Phật *A-di-đà*, nguyện được sanh về thế giới của ngài, huống chi là hạng phàm phu ngu muội như chúng ta?”

“Vào thời đức Phật còn tại thế, có các ngài *Văn-thù*, *Phổ Hiền*. Sau khi Phật diệt độ, có các ngài *Mã Minh*, *Long Thọ*. Trên hội Hoa Nghiêm có *Tỳ-kheo* Đức Vân, trên hội Lăng Nghiêm có *Bồ Tát Thế Chí*. Tại Đông độ này⁽²⁾ có các vị tổ sư như *Viễn Công*, *Pháp Trí*... các vị pháp sư như *Từ Ân*, *Thiếu Khương*, *Hoài Cảm*, *Thảo Đường*, *Cô Sơn*, *Tông Thán*, *Nghĩa Uyên*, *Viên Biện Thâm*... các vị đại sư như *Tĩnh Thường*, *Trung Quốc*... các vị thiền sư như *Hoài Ngọc*, *Đạo Xước*, *Nguyên Tín*, *Vạn Niên Nhất*, *Trương Lô Trạch*, *Thiên Y Hoài*, *Viên Chiếu Bản*, *Vĩnh Minh Thọ*...

⁽¹⁾ Tướng lưới rộng dài: một trong các tướng tốt của đức Phật, do sự chân thật trong vô số kiếp mà thành tựu. Vì thế, tướng này chứng minh cho sự chân thật, rằng chư Phật không bao giờ nói ra lời hư dối, sai lệch. Chư Phật hiện tướng này để xác quyết rằng lời sắp nói ra là tuyệt đối chân thật.

⁽²⁾ Đông độ: chỉ Trung Hoa, vì so với Ấn Độ thì Trung Hoa nằm về phía đông.

các vị hòa thượng như *Đạo An*, *Thiên Như Duy Tắc*, *Thiện Đạo*... các vị luật sư như *Đại Trí*, *Trung Phong*... Lại còn có *Quốc sư Phổ Ứng*, *Tông chủ Phổ Độ Ưu Đàm*, *Sám chủ Từ Vân* và mười tám vị đại hiền núi *Lư Sơn*.

“Các vị Phật, Tổ và tri thức kể trên đều tu hành pháp môn này, lại còn đem ra giáo hóa muôn người. Chúng ta sao chẳng học theo cách tu trì ấy, nguyện sanh về Thế giới Cực Lạc? Các vị Phật, Tổ và tri thức ấy lẽ nào chẳng thấu rõ pháp môn thiền định hay sao? Lẽ nào là hạng phàm phu căn tánh chậm lụt hay sao? Lẽ nào là hạng vương chấp nơi hình tướng mà tìm cầu hay sao?”

“Xưa nay có biết bao bậc tôn túc, bao nhiêu vị danh hiền, thấy đều niệm danh hiệu đức Phật *A-di-đà*, cầu sanh Tịnh độ! Huống chi chúng ta chỉ là hạng phàm ngu thấp kém?”

“Than ôi! Nay sanh vào thời xấu ác có đủ năm sự ứế trước, tu học các pháp môn khác đều khó thành tựu, duy có pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh là con đường thẳng tắt nhất mà thôi! Những kẻ không biết đến pháp môn này, thật đáng thương thay! Nếu đã biết mà chẳng tu theo, lại càng đáng thương hơn nữa!”

“Ôi! Tôi nay nhọc lòng nói mãi, chẳng mong gì khác hơn là cầu cho mọi người đều biết đau đớn xét nghĩ đến cuộc sanh tử, mau mau niệm Phật cầu sanh Tịnh độ.”

“Nếu có thể tu tập cả pháp môn thiền định kèm theo, khai ngộ về bốn tánh, khác nào như gắm thêm hoa, cũng không đi ngoài mục đích. Còn như không đủ sức sáng tỏ, hãy nương theo nguyện lực của Phật, cũng được vãng sanh. Đã vãng sanh về cõi Phật rồi, còn lo gì không ngộ đạo?”

“Sau khi được gặp Phật A-di-đà, mới biết rằng cả ba pháp tu thiên, niệm Phật và tu tâm đều giống như nhau; các pháp quán về lẽ không, về sự hư dối và pháp trung quán đều dung thông không ngăn ngại.

“Đã đạt thấu lý viên dung, mới biết rằng niệm mà không niệm, sanh mà không sanh, tu mà không tu, chứng mà không chứng, thuyết mà không thuyết, không thuyết mà

三大聖人決疑文

唐洛陽罔極寺，釋慧日，俗姓辛氏。東萊人也。中宗朝得度。及登具足，後遇義淨三藏造一乘之極奧。躬詣竺乾。

心恒羨慕。日遂誓遊西域。始者泛舶渡海。自經三載。東南海中諸國，崑崙佛誓師子洲等。經過略遍，乃達天竺。禮謁聖迹。尋求梵本。訪善知識，一十三年。咨稟法訓思欲利人。

振錫還鄉獨影孤征。雪嶺胡鄉又涉四載。既經多苦。深厭閻浮，自歎曰。何國何方有樂無苦。何法何行能速見佛。遍問天竺。學者

thuyết, sự tức lý, lý tức sự, tướng là không tướng, không tướng là tướng, vô lượng là một, một là vô lượng, Phật tức là ta, ta tức là Phật, Phật thuyết pháp tức là ta thuyết pháp, ta thuyết pháp tức là Phật thuyết pháp.

“Như vậy, mũi ta cũng là mũi Phật, mặc tình thở ra hít vào. Quả như đạt đến cảnh giới ấy, mới tin rằng lời của Nhất Nguyên này hôm nay chẳng phải là dối trá.”

Tam đại Thánh nhân quyết nghi văn

Ñöông, Laê Dông, Vông Cờ tõi Thích HueãNhaã tuừ tành Tân thò, Ñông Lai nhân đao Trung Tông triều ñaé ñoã cạp ñang củi tuừ, haũ ngoãNghóa Tành Tam Tãng, tão nhaã thõa chi cõr aũ, cung ngheãtruũ cam.

Tãm hàng tiẽn moã nhaã toãi theãdu Tây võr. Thuý giãũ phiẽn bãr ñoãhaũ. Tõikinh tam taũ. Ñông nam haũ trung chõ quoaũ, Côn Lôãn Phaã TheãSõ TõũChãũ ñang. Kinh quaũlõũr bieãn, naũ ñãã Thiẽn Truũ. Leãyeãũ thành tích, tãm caũ Phãm bãm, phõng thiẽn tri thõũ. Nhaã thãp tam nieãn tõ bãm phãp huaũ, tõ dưũ lõũ nhaũ.

Chãũ tích hoãm hõng, ñoũ aũh coãchinh, tuyẽ laũh hoã hõng. Hõũ thiẽp tõũtaũ kyũkinh ñã khoã thãm yeãn Dieãn-phuũ Tõũthãm vieã: Haũquoaũ haũphõng ñang laũ voãkhoã Haũ phãp haũhãnh, ñang toã kieãn Phaã? Bieãn vaũ Thiẽn Truũ.

所說皆讚淨土。復合金口。其於速疾是一生路。盡此報身，必得往生極樂世界。親得奉事阿彌陀佛。

聞已頂受。漸至北印度，健馱羅國。王城東北有一大山。山有觀音像。有至誠祈請，多得現身。日遂七日叩頭。又斷食畢命為期。至七日夜且未央。觀音空中現紫金色相。長一丈餘。坐寶蓮華，垂右手，摩日頂曰。

汝欲傳法自利利他。西方淨土極樂世界彌陀佛國。勸令念佛誦經迴願往生到彼國已見佛及我得大利益。汝自當知淨土法門勝過諸行。

說已忽滅。日斷食既困。聞此強壯。及登嶺東歸。計行七十餘國。總一十八年。開元七年方達長安。進帝佛真容梵夾等開悟帝心。賜號曰慈愍三藏生法師。

生常勤修淨土之業。著往生淨土集行于世。其道與善導少康異時而同化也。

又唐大曆二年，法照大師，棲止衡州雲峯寺。勤修不懈，唯以勸人念佛為急務。

Hoặc giađisôuthuyệđ giai tam Tònh ãoã Phũc hiệđ kim khai, kyõ ò toá táđ. Thò nháđ sanh loã táđ thõubàđ thađ, táđ ãáe vaõng sanh Cõc lađ theágiõđ, thađ ãáe phũng sõiA-di-dà Pháđ.

Vađ dó ãánh thõie Tieđ chí Baé Áđ Ñõã Kiệđ-dà-la quốđ. Võõng thađh ãõng baé hõđ nháđ ãáe sõn. Sõn hõđ Quãđ Áđ tõõng, hõđ chí thađh kyõthađh, ãáe ãáe hiệđ thađh. Nháđ toáđ thađ nháđ khai ãáe. Hõđ ãõã thõie táđ mãng vi kyõ Chí thađ nháđ đái thađvò õõng, Quãđ Áđ khoãng trung hiệđ tõũkim saé tõõng, trõõng nháđ trõõng đõ, toá bađ lieđ hoa, thuy hõđ thuđ ma nháđ ãánh vieđ:

Nhõõđũc truyeđn pháđ, tõilõie lõie tha, duy hõđ Taý phõõng Di-dà Pháđ quốđ. Khuyệđ linh nieđn Pháđ tũng kinh, hoã nguyệđ vaõng sanh. Ñãđ bæquốđ dó kieđ Pháđ cãđ ngãđ ãáe ãáe lõie ích. Nhõõtõie ãõõng tri Tònh ãõãpháđ mođ thađng quãđ chõ hãđh.

Thuyệđ dó hoã dieđ. Nháđ ãõã thõie kyõkhoãđ, vađ thõie cõõng traõng. Cãđ ãáe ãõng laõh ãõng quy. Keãhãđ thađ thađ đõ quốđ. Toãng nháđ thađ bađ nieđn. Khai Nguyệđ thađ nieđn, phõõng ãáe Trõõng An. Táđ ãáePháđ chađ dung phãđ hiệđ ãáe. Khai ngoã ãáe táđ, tõũhieđ vieđ Tõõ Mãđ Tam Tãng Sanh Pháđ sõi.

Sanh thõõng cãđ tu Tònh ãõãchi nghiệđ. Trõõ ãõng Vãng sanh Tĩnh đõ tãp hãđh vu theá Kyõ ãáe đõ Thieđ Ñãõ, Thieđ Khõõng đõ thõie ãõ ãõng hoã đãõ

Hõđ Ñõõng Ñãe Lõch nhõ nieđn, Pháđ Chieđ Ñãe sõi teãchã Hoãđh Chađ Vađ Phong tõie cãđ tu bađ giađ, duy dó khuyệđ nhãđ nieđn Pháđ vi cãđ vui

於僧堂內粥鉢中兩次現五臺勝境。勝境中復現有寺。金榜題云。大聖竹林寺。

於是法照心渴仰，欲禮五臺。遂在衡州湖東寺，豈五會念佛道場，願見大聖。

至四年，八月，十三日發行，於五年，四月，五日到五臺縣。遙見佛光寺南，數道白光。六日到佛光寺。果如鉢中所見，畧無差脫。

其夜四更，見一道光，從北山下來射照。照忙入堂內，乃問衆云。此何祥光，吉凶焉在。有僧答言。此大聖不思議光。常答有緣。

照聞已即具威儀尋光至寺。東北五十里間果有山。山下有澗。澗北有一石門。見二青衣可年八九歲。顏貌端正立于門首。一稱善財，二曰難陀。

相見歡喜問訊設禮。引照入門。向北行五里已來。見一金門樓。漸至門所乃是一寺。寺前有大金榜。題曰。大聖竹林寺。如鉢中所見者。

Ö taeng ñöông noā chuē baù trung, löông thöühiēn Nguõ Nāi thaeng cañh. Thaeng cañh trung, phuē hiēn höü töi kim baung ñeávaan: Nāi Thañh Truē Lañ töi

Ö thò Phap Chieá tañ hoá khàü ngöông. Duē leñ Nguõ Nāi. Toāi tañ Hoamh Chañ Hoà Nöang töi khöü nguõhoā nieñ Phañ ñaü trang, nguyēñ kieñ ñaï thañh.

Chí töünieñ, baü nguyēñ, thap tam nhañ phat hañh, ö nguõ nieñ, töünguyēñ, nguõnhañ ñaü Nguõ Nāi huyēñ. Dieñ kieñ Phañ Quang töinam, soañäü bañh quang. Luē nhañ ñaü Phañ Quang töi Quañhö baü trung söükieñ, lööc voásai thoät.

Kyüdaï töücanh, kieñ nhañ ñaü quang, tung Baé sön hai lai xañ chieá. Chieá mang nhap ñöông noā, naü vañ chueng vañ: Thöühastöông quang, kieñ hung dieñ tai? Höü taeng ñap ngoñ: Thöü Nāi thañh bañ tö nghò quang, thöông giaü höü duyēñ.

Chieá vañ dó, töü cuñ sai nghi tañ quang chí töi Nöang baé nguõthap lyügian, quañhöü sön, sön hañhöü giam, giam baé höü nhañ thañh moñ, kieñ nhò thanh y, khañnieñ baü cöü tueá nhan maü ñoan chañh, lap vu moñ thuñ Nhañ söng Thieñ Tañ, nhò vieñ Nan-đà.

Töông kieñ hoan hyü vañ tañ thieñ leñ dañ Chieá nhap moñ, höông baé hañh nguõlyüdü lai, kieñ nhañ kim moñ lañ, tieñ chí moñ söü naü thò nhañ töi töi tieñ höü nhañ ñaï kim baung, ñeävieñ: Nāi Thañh Truē Lañ töi nhö baü trung söü kieñ giaü

方圓可二十里。一百二十院皆有寶塔莊嚴。其地純是黃金。流渠華樹，充滿其中。照入寺至講堂中。見文殊在西，普賢在東，各據師子之座。說法之音，歷歷可聽。文殊左右菩薩萬餘。普賢亦無數菩薩圍繞。

照至二賢前作禮問云。末代凡夫去聖時遙知識轉劣垢障尤深。佛性無由顯現，佛法浩澣。未審修行於何法門，最為其要。唯願大聖斷我疑網。

文殊報言。汝今念佛。今正是時。諸修行門，無過念佛。供養三寶福慧雙修。此之二門最為徑要。所以者何。我於過去劫中因觀佛故。因念佛故。因供養故。今得一切種智。是故一切諸法般若波羅蜜甚深禪定。乃至諸佛皆從念佛而生。故知念佛是諸法之王。汝當常念無上法王令無休息。

照又問。當云何念。

文殊言。此世界西有阿彌陀佛。彼佛願力

Phông viên khaùnhò thạp lýu nhạ bảh nhò thạp việ, giai hõu bả thạp trang nghiê, kyõnà thuàn thò hoang kim, lờu cõs hoa thõ sung maõn kyõtrung. Chieá nhạp tõi chí giaâng ñõõng trung, kieá Vãn-thù tai taý, PhoáHiệ tai ñoâng, caù cõsõ tõi chi toá. Thuyeá phạp chi âm, lờch lờch khaùthính. Vãn-thù tũhõu BoàTũ vãn dõ. PhoáHiệ dieá voásoáBoàTũ vi nhieá.

Chieá chí nhò BoàTũ tiệ tũ leáva vãn: Mã ñai pham phu, khõuthành thõ dieá, tri thõu chuyeá lieá, caá chõõng võu thãm, Phạ táh voádo hiệ hiệ. Phạ phạp hã hã, vò thãm tu hãm õ hãphạp moãn, toá vi kyõyeá. Duy nguyệ Ñai Thành ñoãn ngaõghi võng.

Vãn-thù bả ngoãn: Nhõõkim nieãn Phạ, kim chãm thò thõ. Chõ tu hãm moãn, voáquañnieãn Phạ. Cũng dõõng Tam bả, phõõ hueásong tu. Thõu chi nhò moãn toá vi kinh yeá. Sõudó giaũhã Ngaõõ quakhõũkiep trung, nhãm quãm Phạ coá nhãm nieãn Phạ coá nhãm cũng dõõng coá kim ñae nhạ thieá chũng trí. Thò coánhạ thieá chõ phạp Bát nhã Ba-la-mậ, thãm thãm thieá ñõnh. Nã chí chõ Phạ giai tung nieãn Phạ nhi sanh. Coátri nieãn Phạ, thò chõ phạp chi võõng. Nhõõñõõng thõõng nieãn voáthõõng phạp võõng, linh voáhõu tõi.

Chieá hõu vãn: Ñõõng vãn hãmieãn?

Vãn-thù ngoãn. Thõũtheágiõũ taý hõũ A-di-đà Phạ. Bã Phạ nguyệ lờc bả khaũtõ nghò. Nhõõñõõng keánieãn, linh

不可思議。汝當繼念，令無間斷。命終之後決定往生，永不退轉。

說是語已。時二大聖各舒金手摩照頂為授記別。

汝已念佛故，不久證無上正等菩提。若善男女等，願疾成佛者，無過念佛，則能速證無上菩提。

語已，時二大聖互說伽陀。照聞已歡喜踊躍，疑網悉除。又更作禮。禮謝而退。

已上二則載於有宋高僧傳。俱在藏內富字函。前後事由，文煩不錄。

26. Ba vị Đại Thánh dứt lòng nghi cho người⁽¹⁾

Đề đời nhà Đường, ở thành Lạc Dương, chùa Võng Cực, có một vị tăng hiệu Thích Huệ Nhật, vốn người họ Tân quê ở Đông Lai. Ngài xuất gia và thọ giới Cụ túc vào khoảng triều vua Đường Trung Tông (705-707),

⁽¹⁾ Ba vị Đại Thánh được nêu trong bài này là Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Văn-thù và Bồ Tát Phổ Hiền. Trong hai câu chuyện được kể sau đây, ba vị Đại Thánh này đã hiển linh để dứt sạch lòng nghi ngờ cho 2 vị cao tăng, đồng thời cũng lưu lại một tấm gương cho người đời soi vào để thấy được chỗ thù thắng của pháp môn Tịnh độ.

voàgiai ñoan. Mañg chung chi hañ quyeñ ñoñh vañg sanh, vónh bañ thoá chuyeñ.

Thuyeñ thò ngöodó, thòñ nhò ñaì thanh caù thò kim thuì ma Chieñ ñañh vi thoikyùbieñ:

Nhöödó nieñ Phañ coá bañ cöñ chöñg Voáthöñg chañh ñañg Bô-đê. Nhöõr thieñ nam nöññañg, nguyeñ tañ thanh Phañ giañ voàquañnieñ Phañ, taé nañg toá chöñg Voáthöñg Bô-đê.

Ngöüdó, thòñ nhò ñaì thanh hoáthuyeñ Già-đà. Chieñ vañ dó hoan hyüduñg döör, nghi voñg tañ tröñ Höü cañh taù leã Leãtaiñhi thoá.

Dó thöñg nhò taé, tañ ö höñ Toáñ Cao tañg truyeñ, cañ tai tañg noñ phuütöi ham. Tieñ hañ söi do, vañ phieñ bañ luñ.

sau gặp ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng, tiếp nhận được giáo pháp Nhất thừa sâu xa nhất.

Ngài Huệ Nhật trong lòng thường tưởng mộ, quyết đi đến Thiên Trúc. Ngày kia đối trước tượng Phật phát lời thệ nguyện, lên đường sang Tây Vực.⁽¹⁾ Ban đầu nương thuyền vượt biển, trong khoảng ba năm đã trải qua hầu hết các nước miền Đông Nam hải như Côn Lôn, Phật Thệ, Sư Tử Châu... Vượt qua nhiều nước, cuối cùng mới đến được Thiên Trúc, ngài đến lễ bái các thánh tích và tìm

⁽¹⁾ Thiên Trúc, Tây Vực đều là những tên khác để chỉ Ấn Độ.

kiếm thu thập các bản kinh văn tiếng Phạn. Ngài cũng đi khắp nơi tham bái các bậc thiện tri thức. Trong suốt 13 năm tìm cầu học hỏi giáo pháp, chỉ mong muốn được làm lợi ích cho muôn người!

Rồi ngài chống gậy lên đường về. Đường xa thăm thẳm một bóng một mình, vượt qua bao núi tuyết, bao xóm làng hẻo lánh. Đi được 4 năm dài, trải qua không biết bao nhiêu sự khổ nhọc, đau đớn, sanh ra chán ngán cõi *Diêm-phù* này, bèn tự than rằng: “Có đất nước nào, thế giới nào chỉ có vui mà không có khổ? Có pháp môn nào, hạnh nguyện nào có thể mau chóng được gặp Phật?” Ngài lại đem việc ấy đi hỏi khắp các vị học giả trên toàn cõi Thiên Trúc. Ai nấy đều ngợi khen pháp môn Tịnh độ, vừa phù hợp với lời Phật dạy, vừa mau chóng đạt đến kết quả, chính là con đường có thể tu tập chỉ trong một đời, dứt bỏ thân này ắt được vãng sanh về Thế giới Cực Lạc, tự mình được phụng sự đức Phật *A-di-đà*.

Nghe được những lời ấy rồi, ngài Huệ Nhật cúi đầu vâng lãn. Rồi ngài liền đi dần lên phía bắc Ấn Độ, đến nước *Kiên-đà-la* (*Gandhāra*). Về phía đông bắc kinh đô nước này có một ngọn núi lớn. Trên núi có tượng đức Bồ Tát Quán Âm, đã có nhiều người chí thành cầu thỉnh được thấy Bồ Tát hiện thân. Ngài Huệ Nhật bèn khấn đầu làm lễ trước tượng Bồ Tát trọn bảy ngày, lại phát nguyện tuyệt thực đến chết nếu không được thấy Bồ Tát hiện thân. Đến ngày thứ bảy, khi trời còn chưa sáng, đức Quán Âm bỗng hiện ra thân hình màu vàng rực giữa không trung, chiều cao hơn một trượng, ngồi trên tòa sen báu, đưa tay phải xuống xoa đầu Huệ Nhật dạy rằng:

“Ông muốn truyền pháp lợi mình lợi người, chỉ có một pháp hướng về cõi Phật *A-di-đà* ở phương Tây mà thôi. Nên khuyên người niệm Phật, tụng kinh, hồi hướng phát nguyện vãng sanh. Khi được về cõi ấy, được gặp ta và đức Phật *A-di-đà*, được lợi ích lớn. Ông nên tự biết rằng pháp môn Tịnh độ vượt hơn tất cả các hạnh nguyện khác.”

Dạy như thế rồi, bỗng dưng biến mất. Ngài Huệ Nhật tuyệt thực đã đến lúc sắp bỏ mạng, nhưng vừa nghe xong những lời ấy bỗng trở nên khỏe mạnh, liền thẳng đường leo qua núi ấy, nhắm hướng đông mà đi.⁽¹⁾ Đường ngài đi trải qua hơn 70 nước, tính thời gian từ khi đi cho đến lúc về tới Trung Hoa là 18 năm (701-719). Niên hiệu Khai Nguyên thứ 7 đời vua Đường Huyền Tông (719), ngài về tới Trường An. Ngài dâng lên hoàng đế những kinh tượng mang về được từ Ấn Độ. Sau, ngài cũng khai ngộ cho hoàng đế, được ban tứ hiệu là Từ Mẫn Tam Tạng Sanh Pháp sư.

Suốt đời ngài tinh cần tu tập pháp môn Tịnh độ, có soạn bộ sách *Vãng sanh Tịnh độ tập* lưu truyền ở đời. Lời dạy của ngài cùng với các vị Thiện Đạo và Thiếu Khương, tuy khác thời đại nhưng chỗ giáo hóa đều như nhau.

*

Niên hiệu Đại Lịch thứ 2 đời Đường Đại Tông (767), có Đại sư Pháp Chiếu trụ trì chùa Vân Phong tại Hoàn Châu. Ngài siêng cần tu học không hề giải đãi, luôn lấy sự khuyên người niệm Phật làm việc gấp rút, khẩn thiết.

⁽¹⁾ Từ Ấn Độ nhắm hướng đông mà đi tức là hướng về Trung Hoa. Trước đó ngài đã lên đường về, nhưng vì chưa quyết định theo pháp môn Tịnh độ nên còn dấn dâ trên đất Ấn. Kể từ lúc này mới quyết lòng tin tưởng vào pháp môn Tịnh độ.

Đã hai lần trong Tăng đường, ngài nhìn vào bát cháo thấy hiện ra thắng cảnh ở Ngũ Đài. Trong thắng cảnh ấy lại hiện ra một ngôi chùa, có bảng vàng đề mấy chữ “Chùa Đại Thánh Trúc Lâm”.

Từ đó, ngài Pháp Chiếu đem lòng khát ngưỡng, muốn đến Ngũ Đài chiêm bái. Tại chùa Hồ Đông ở Hoàn Châu, ngài 5 lần lập đạo tràng niệm Phật, phát nguyện được thấy Đại Thánh.

Ngày 13 tháng 8, niên hiệu Đại Lịch thứ 4 (769), ngài khởi hành. Đến ngày mồng 5 tháng 4 năm sau thì vừa tới huyện Ngũ Đài. Từ xa, ngài nhìn về phương nam thấy nơi chùa Phật Quang có mấy đạo hào quang trắng sáng tỏa lên. Qua hôm sau thì đến chùa Phật Quang, thấy quang cảnh y hệt như trước đây nhìn thấy trong bát cháo, không khác chút nào!

Đêm hôm ấy, vừa qua canh tư, ngài Pháp Chiếu nhìn thấy một đạo hào quang từ trên ngọn núi phía bắc bay xuống chiếu vào trong chùa. Ngài vội vào chùa thưa hỏi chúng tăng: “Hào quang ấy là điềm gì, lành hay dữ?” Có một vị tăng đáp rằng: “Đó là hào quang không thể nghĩ bàn của đức Đại Thánh, thường giác ngộ cho những ai có duyên lành.”

Ngài Pháp Chiếu nghe như vậy rồi liền chĩnh đốn oai nghi, theo hướng hào quang mà thẳng đường lên chùa. Đi về hướng đông bắc chừng 50 dặm, quả nhiên gặp một ngọn núi. Dưới núi có khe nước, phía bắc khe nước có một cửa đá. Có hai đồng tử mặc áo xanh, khoảng tám, chín tuổi, dung mạo đoan chánh, đang đứng trước cửa. Một người xưng tên là Thiện Tài, một người là Nan-đà.

Đôi bên gặp nhau bày tỏ sự vui mừng, cùng theo lễ hỏi han nhau. Rồi hai người ấy dẫn Pháp Chiếu vào cửa, cùng đi về hướng bắc khoảng 5 dặm thì tới. Nơi đây có một tòa lầu cửa vàng, khi đến tận cửa thì mới biết đó là một ngôi chùa. Trước chùa có một bảng vàng lớn đề mấy chữ: “Chùa Đại Thánh Trúc Lâm”. Quang cảnh nơi ấy vuông vức mỗi bề chừng 20 dặm, có 120 viện, thấy đều có bảo tháp trang nghiêm. Mặt đất toàn là vàng ròng, lại có ao nước chảy, có hoa trái, cây cối mọc đầy bên trong.

Pháp Chiếu vào chùa, bước vào trong giảng đường nhìn thấy đức Văn-thù bên phía tây, đức Phổ Hiền bên phía đông. Hai vị Bồ Tát ấy đều ngự trên tòa sư tử, tiếng thuyết pháp nghe rất rõ ràng, vang dội. Hai bên đức Văn-thù có hơn muôn vị Bồ Tát theo hầu, còn chung quanh đức Phổ Hiền cũng có vô số vị Bồ Tát.

Pháp Chiếu tiến tới trước hai vị Bồ Tát, lễ lạy rồi thưa hỏi rằng: “Con là phàm phu sanh nhằm đời mạt pháp, cách Phật đã xa, tri thức hèn kém, nghiệp chướng như nếp lếp sâu nên tánh Phật không do đâu mà hiển bày! Phật pháp mênh mông, con thật không biết phải tu tập pháp môn nào là cốt yếu. Cúi xin hai vị Đại Thánh vì con phá sạch chỗ nghi ngờ.”

Đức Văn-thù đáp rằng: “Nay chính là lúc ông nên tu pháp môn niệm Phật. Trong tất cả các môn tu hành, không có pháp môn nào vượt hơn pháp niệm Phật và cúng dường Tam bảo. Đó là đồng thời tu *phước* lẫn tu *huệ*. Chỉ có hai pháp tu đó là con đường thẳng tắt nhất, cốt yếu nhất. Vì sao vậy? Như ta đây trong đời quá khứ chính nhờ quán tưởng Phật, niệm Phật và cúng dường mà nay đạt được trí tuệ giải thoát hiểu biết tất cả. Cho nên, tất cả các

pháp *Bát-nhã Ba-la-mật*, thiền định thâm sâu, cho đến hết thầy chư Phật đều là sanh ra từ pháp môn niệm Phật. Nên phải biết rằng, pháp môn niệm Phật là vua trong tất cả các pháp. Ông nên thường xuyên niệm tưởng đấng *Vô thượng Pháp vương*,⁽¹⁾ không lúc nào gián đoạn.”

Pháp Chiếu lại hỏi: “Nên niệm như thế nào?”

Đức *Văn-thù* dạy: “Về hướng tây của thế giới này có đức Phật *A-di-đà*. Nguyên lực của đức Phật ấy không thể nghĩ bàn. Ông nên thường niệm danh hiệu ngài, đừng cho gián đoạn. Sau khi mạng chung chắc chắn sẽ được vãng sanh, mãi mãi không còn thối chuyển.”

Nói xong, hai vị Đại Thánh cùng đưa tay vàng xoa lên

⁽¹⁾ Vô thượng Pháp vương: danh hiệu tôn xưng đức Phật, vì ngài là vị vua trong tất cả các pháp và không còn ai vượt hơn được nữa.

đỉnh đầu Pháp Chiếu, ban lời thọ ký rằng: “Ông nhờ tu tập pháp môn niệm Phật mà không bao lâu nữa sẽ được chứng quả *Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng*. Nếu có những thiện nam, tín nữ nào muốn mau thành Phật thì không gì bằng tu pháp môn niệm Phật, chắc chắn sẽ được nhanh chóng thành tựu quả *Bồ-đề Vô thượng*.”

Dứt lời, hai vị Đại Thánh lại thay nhau đọc kệ. Pháp Chiếu được nghe rồi lấy làm vui mừng phấn chấn, lòng nghi dứt sạch, bèn lễ lạy rồi lui ra.

Hai câu chuyện trên đều có ghi chép trong *Tống Cao tăng truyện*, được đưa vào *Đại tạng kinh*, bản *Đại Chánh tân tu*, thuộc quyển 50, số hiệu 2061. Đây chỉ nêu việc chính, còn những chi tiết nhỏ không quan trọng xin lược bớt.

Vạn Tông thiền sư trực chỉ thiên

Phu^onie^m Phaⁱ Tam-mu^oi gi^au danh Nha^t haⁿh Tam-mu^oi da^o Cai b^aehaⁿh nhaⁿ, ky^ulie^u thaⁿ ch^a Naⁿg trì nha^t taⁿ, ba^t thie^p do^h haⁿh. Duy nie^m ba^ono^a duy o^u ba^oPhaⁱ. Tri thaⁿ no^avo^anho^o, lie^u o^u nie^m die^u nha^t. Na^o na^e nhi tho^ong so^ula^p chi danh, vi nha^t haⁿh da^o

Tuy danh nha^t haⁿh, ky^o haⁿh nhaⁿ, die^u no^ong do^o ba^o nha^t thie^t xua^t the^a the^agian vo^alo^ong pha^p mo^an, ch^o co^ong no^o haⁿh, do^o vi troⁱna^o, ta^e va^ong saⁿh haⁿh taⁱ. Tho^o co^anha^t

萬宗禪師直指篇

夫念佛三昧者，名一行三昧也。蓋彼行人既了深旨。能持一心，不涉餘行。唯念彼土，唯憶彼佛。知身土無二，了憶念亦一。乃得如上所立之名，為一行也。

雖名一行，其於行人，亦當以彼一切出世，世間無量法門，諸功德行，以為助道，則往

生行疾。是故一切諸行悉爲淨土而修，無別岐路。名一行耳，譬如衆流入海，同得海名。萬善同歸得名一行。

以是義故。則一切念處，正勤，根，力，覺，道，四弘，六度，皆淨土行。乃至人中染指之善。及散心念佛。或一稱名。或一舉手，一禮一讚。或一瞻仰。乃至或奉一香一水，一華一燈一供養，一供養具。或一念修習至于十念。或發一行一施，一戒一忍，禪定，智慧，一切善根，回向極樂。

願力持故。雖有遲疾。皆得往生。如經所說。喻昔有人。以小滴水寄於大海。願不壞不失，不異不竭。雖經多劫。要還元水。其人經多劫已。如寄所取果得元水。不壞不竭。此亦如是。以小善根回向極樂。如寄滴水。雖經異生。善根不失亦不壞竭。生彼無疑。

何況正見邪見，大乘小乘，有漏無漏，散心定善，事想觀慧。皆名一行。悉得往生。惟除外道種性。

thiêi chõ hãnh, taí vi Tõnh ñoãnh tu, voãbiêi kì loã Danh nhaí hãnh nhó, thí nhõ chuõng lõu nhaíp haũ, ñoãng ñãe haũ danh. Vañ thiẽn ñoãng quy, ñãe danh nhaí hãnh.

Dó thờ nghóa coạ taé nhaí thiêi nieãm xõu chãmh cañ, cañ, lõc, giaũ, ñãb, tõuhoãng, luĩ ñoã giai Tõnh ñoãhãnh. Naõ chí nhañ trung nieãm chã chi thiẽn, caíp tañ tañ nieãm Phaĩ, hoãe nhaí xõng danh, hoãe nhaí cõuthuĩ nhaí leñhã tañ, hoãe nhaí chieãm ngõõng. Naõ chí hoãe phũng nhaí hõng nhaí thuỹ, nhaí hoa nhaí ñãng, nhaí cuõng dõõng, nhaí cuõng dõõng cũ hoãe nhaí nieãm tu taíp, chí vu thaíp nieãm, hoãe phaũ nhaí hãmh nhaí thí, nhaí giõu nhaí nhañ, thiẽn ñõnh, trí hueã nhaí thiêi thiẽn cañ, hoã hõõng Cõc Laĩ.

Nguyeñ lõc trì coạ tuy hõu trì taĩ, giai ñãe vaõng sanh, nhõ kinh sõuthueĩ. Duĩtích hõu nhañ, dó tieũ trích thuỹ kyũ õ ñãi haũ, nguyeñ baĩ toã baĩ thaĩ, baĩ dò baĩ kieĩ. Tuy kinh ñã kieĩp, yeũ hoãm nguyeñ thuỹ. Kyõnhañ kinh ñã kieĩp dó, nhõ kyũsõuthuũ Quaũñãe nguyeñ thuỹ, baĩ hoã baĩ kieĩ, thõu dieũ nhõ thờ. Dó thiẽu thiẽn cañ, hoã hõõng Cõc Laĩ nhõ kyũ trích thuỹ, tuy kinh dò sanh thiẽn cañ baĩ thaĩ, dieũ baĩ hoã kieĩ, sanh bævoãnghi.

Haõhuoãng chãmh kieĩn, taõkieĩn, Ñãi thõa, Tieũ thõa, hõu laũ, voãlaũ, tañ tañ ñõnh thiẽn, sõi tõõng quãm hueã giai danh nhaí hãnh, taĩ ñãe vaõng sanh, duy trõõ ngoã ñãb chuõng tañh.

故云。但辨肯心。必不相賺。又經所謂一稱南無佛。皆已成佛道。良可深信。其有因心未起，善行未立，身心未屈。先期感應者。不可與其同語也。

是故釋迦聖主一代至談。有無量三昧，無量解脫，無量行願，總持相應，無量法門，惟念佛一門圓攝無外，悉皆具足。如彼大海吞納眾流，性無增減。如如意珠，置高幢上，能滿一切眾生願求，體無虧損。此三昧寶王能攝能具，亦復如是。

由是義故。始我世尊以此念佛三昧遍告眾會，非不再三。彼會所有承聽大根之士。若文殊等，及三乘聖賢，天龍八部，無不傾心而歸信也。逮我法流東土。有大至人。於彼廬山，闡揚遺化。彼信奉者如風行草上。極天下之望，無不美其教焉。

自佛至今，將二千數百餘載。中有聖賢之人，高僧巨儒，農商仕賈，匹夫，匹婦，奴婢，黃門。或自行勸人，或著文作誓。重法如寶，輕

Coávaan: Nãñ bieñ khañg tañ, taí baí töông trañ. Höü kinh sôuvò. Nhaí xöng Nam-mô Phaí, giai dó thanh Phaí ñaõ. Löông khaùthañ tin, kyøhöü nhañ tañ và khöü, thieñ hanh và laïp, thañ tañ và khaí, tieñ kyøcañ öng giai baí khaù döökýñoàng ngöödaõ

Thò coá *Thích-ca* Thañh chuü nhaí ñaí chí ñaam, höü voälöông tam-muôi, voälöông giai thoat, voälöông hanh nguyëñ, toàng trì töông öng, voälöông phap mön, duy nieñ Phaí nhaí mön vieñ nhiep vôngoai, taí giai cuítuè. Nhö bæ ñaí hai thoñ nap chùng löu, tañh voátang giam. Nhö nhö yùchaü trí cao trang thöông, nañg mañ nhaí thieí chùng sanh nguyëñ caü, theavoákhung toñ. Coáthöü *Tam-muôi* bañ vöông, nañg nhiep nañg cuí dieñ phuñ nhö thö.

Do thö nghóa coá thuý ngaõ *TheáToñ* dó thöünieñ Phaí *Tam-muôi*, bieñ caü chùng hoá, phi baí tañ tam. Bæhoá sôu höü thöa thính ñaí cañ chí só. Nhöõc *Vãn-thù* ñaóng, cap Tam thöa thañh hieñ, thieñ long baü boá vôbaí khuyñh tañ nhi quy tín daõ Nãñ ngaõphap löu ñoàng ñoá höü ñaí chí nhañ, ö bæLö sôn, kieñ döông di hoá, batin phuñg giai nhö phong hanh thaü thöông. Cöc thieñ hañchi vöng, voábaí myö kyøgiaü yeñ.

Töi Phaí chí kim, töông nhö thieñ soábath dö tañ, trung höü thañh hieñ chí nhañ. Cao tañg, cöi nho, nañg thöông só coá thaí phu, thaí phuñ noatyø huynh mön. Hoaë töi hanh khuyëñ nhañ, hoaë trööt vãn taü theá tröng phap nhö baü,

身若塵。臨難不懼，臨死不顧。挺身立行，力修此道者，何知其幾。

或修隨喜。或信歸依。乃至隨德盡己之誠，而行者。其數益眾，誠所謂列宿塵沙，尤莫况其多也。

或有半信不信，猶豫不決之人，尚生彼國，疑城，邊地。何況正信，正行，正願者，有何惑焉。傳記所載，萬不及一。自古及今，咸受其賜。豈筆舌所能盡述者乎。

縱欲別修道品。但假自心之力。或有退轉著魔之患。唯此念佛法門，因仗佛力，修則必成。無復魔業，永不退轉，決定往生矣。

27. Thiên sư Vạn Tông chỉ thẳng đường tu

Nháp môn Niệm Phật Tam-muội cũng gọi là Nhất hạnh Tam-muội. Có nghĩa là, người tu tập pháp môn này khi đã hiểu được ý chỉ sâu xa và có thể gìn giữ sự nhất tâm thì chẳng còn noi theo một hạnh nguyện nào khác, chỉ một lòng nhớ nghĩ đến cõi thế giới Cực Lạc, một lòng niệm tưởng đến đức Phật A-di-đà mà thôi. Người ấy biết rằng, thân mình với Tịnh độ không phải là hai, lòng

khinh thân nhөөт trаn, lаn nаn bаt cuj lаn tоtbaт coа nоnh thаn lаp hаnh, lоc tu thоuнаb giаu hаtri kyokyu

Hoаc tu tuy hyu hoаc tin quy y, nаo chі tuy nоu taп kyu chi thаnh, nhi hаnh giаu Kyosoаich chung, thаnh sоuvо lieа tuutraп sa, vоu mаc huоng kyоna dаo

Hoаc hоu bаn tin bаt tin, do dоi bаt quyеt chi nаn, thоng sanh bаquoаt, nghi thаnh, bieп nоa. Hаhuоng chаnh tin chаnh hаnh, chаnh nguyeп giаu hоu hаhoаc yeп. Truyeп kyusоutau, vaп bаt caп nаt. Tоicoacaп kim, hаn thоi kyotou khоi bui thieа sоunaгng taп thuaа giаuho?

Tuंग duc bieа tu naб phаm, naп giаutоi taп chi lоc. Hoаc hоu thоa chuyeп troou ma chi hoаn, duy thоunieп Phаi phаp moаn, nаn troong Phаi lоc, tu taс taт thаnh. Vo phuc ma nghiep, vоnh bаt thоa chuyeп, quyеt nоnh vaгng sanh hyo

nhớ nghĩ và niệm tưởng cũng chỉ là một. Được như vậy mới gọi là *Nhất hạnh* như vừa nói trên.

Tuy gọi là một hạnh duy nhất, nhưng người tu hành cũng phải nhờ vào vô số các pháp thế gian và xuất thế gian, tu tập hết thấy các công đức để hỗ trợ cho đường tu thì hạnh nguyện vãng sanh mới mau chóng được thành tựu. Vì thế, tất cả các hạnh nguyện đều là chỗ tu tập của pháp môn Tịnh độ, không có đường hướng nào khác. Gọi

là *Nhất hạnh*, cũng ví như muôn dòng nước chảy vào biển, đều gọi tên chung là biển. Cũng vậy, vì muôn điều thiện cùng quy về một mối nên gọi là *Nhất hạnh*.

Vì nghĩa ấy nên các pháp như *niệm xứ*,⁽¹⁾ *chánh căn*,⁽²⁾ *căn*,⁽³⁾ *lực*,⁽⁴⁾ *giác*,⁽⁵⁾ *đạo*,⁽⁶⁾ *tứ hoằng*,⁽⁷⁾ *lục độ*,⁽⁸⁾ hết thủy đều là hạnh Tịnh độ. Cho đến những việc lành hết sức nhỏ nhặt, hoặc là niệm Phật với tâm tán loạn, thậm chí chỉ một lần xưng danh hiệu Phật, một lần chấp tay cung kính, một lần lễ bái, một lần tán thán, một lần chiêm ngưỡng,

(1) Tức Tứ niệm xứ: bốn chỗ quán niệm của người tu tập, bao gồm: 1. Thân niệm xứ: thường quán tưởng thân này là như nhớp, không thanh tịnh. 2. Thọ niệm xứ: thường quán tưởng bản chất của mọi cảm thọ, xúc chạm đều là khổ. 3. Tâm niệm xứ: thường quán tưởng tâm ý là vô thường, biến đổi, sanh diệt trong từng giây phút. 4. Pháp niệm xứ: thường quán tưởng tất cả các pháp không hề có cái gọi là “bản ngã” thường tồn độc lập, bản chất thật sự của các pháp chỉ là sự hội tụ và tan rã của các nhân duyên.

(2) Tức Tứ chánh căn: , hay bốn sự chuyên cần chân chánh, bao gồm: 1. Đối với việc ác đã sanh khởi, phải chuyên cần trừ bỏ. 2. Đối với việc ác chưa sanh khởi, phải chuyên cần chế phục, không để cho sanh khởi. 3. Đối với việc thiện chưa sanh khởi, phải chuyên cần làm cho sanh khởi. 4. Đối với việc thiện đã sanh khởi, phải chuyên cần nuôi dưỡng cho thêm lớn mạnh.

(3) Tức Ngũ căn, chỉ năm pháp căn bản của người tu tập, bao gồm: 1. Tín căn, hay đức tin vào Tam bảo, chánh tín. 2. Tinh tấn căn, hay sự tinh tấn, chuyên cần tu tập thiện pháp. 3. Niệm căn, hay sự nhớ nghĩ, niệm tưởng Chánh pháp. 4. Định căn, hay năng lực tập trung tư tưởng, ý niệm, không buông thả, tán loạn. 5. Huệ căn, hay trí huệ sáng suốt thấu rõ chân lý.

(4) Tức Ngũ lực, chỉ sự phát triển mạnh mẽ Ngũ căn vừa nói trên. Như vậy bao gồm: Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, và Huệ lực.

(5) Tức Thất giác ý, cũng gọi là Thất Bồ-đề phần, bao gồm: 1. Trạch pháp, 2. Tinh tấn, 3. Hỷ, 4. Khinh an, 5. Niệm, 6. Định, 7. Xả.

(6) Tức Bát chánh đạo hay Bát thánh đạo, bao gồm: 1. Chánh tri kiến, 2. Chánh tư duy, 3. Chánh ngữ, 4. Chánh nghiệp, 5. Chánh mạng, 6. Chánh tinh tấn, 7. Chánh niệm, 8. Chánh định.

(7) Tức Tứ hoằng thệ nguyện, bốn sự phát nguyện rộng lớn của người tu hành. Đó là: 1. Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. 2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. 3. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. 4. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

(8) Lục độ, tức Lục ba-la-mật, sáu pháp tu tập của hàng Bồ Tát, giúp đạt đến quả vị giải thoát, gồm có: 1. Bố thí, 2. Trì giới, 3. Nhẫn nhục, 4. Tinh tấn, 5. Thiền định, 6. Trí huệ.

cho đến dâng cúng một nén nhang, một chén nước, một cành hoa, một ngọn đèn, hoặc chỉ một lần cúng dường, dùng một món cúng dường, hoặc chỉ khởi một niệm tu tập, cho đến mười niệm, hoặc chỉ phát tâm làm được một việc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ... hết thủy những căn lành ấy đều hồi hướng về Cực Lạc.

Nhờ duy trì được nguyện lực nên sớm muộn gì cũng đều được vãng sanh đúng như trong kinh đã dạy. Ví như thuở xưa, có người đem một giọt nước nhỏ gửi vào biển lớn, nguyện cho giọt nước ấy chẳng hoại, chẳng mất, chẳng biến đổi, chẳng khô cạn. Tuy trải qua nhiều đời mà giọt nước ấy vẫn còn nguyên. Người ấy sau khi trải qua nhiều kiếp vẫn nhận lại được giọt nước nguyên vẹn như khi gửi vào, không hề hoại mất, không hề khô cạn. Người đã đem một chút căn lành nhỏ nhoi hồi hướng về Cực Lạc, cũng giống như người kia gửi giọt nước vào biển lớn, tuy trải qua nhiều đời nhiều kiếp nhưng căn lành ấy không hề hoại mất, không hề khô kiệt, chắc chắn thế nào cũng sanh về Cực Lạc.

Hướng chi những việc như chánh kiến, tà kiến, Đại thừa, Tiểu thừa, hữu lậu, vô lậu, loạn tâm hay định tâm làm việc thiện, các pháp quán tưởng, trí huệ... thủy đều gọi là *Nhất hạnh*, thủy đều sẽ được vãng sanh, chỉ trừ những kẻ tin nhận ngoại đạo mà thôi.

Cho nên nói rằng: “Chỉ cần có lòng tin chắc, quyết không bị đối gạt.” Trong kinh lại dạy rằng: “Những ai xưng niệm một lần *Nam-mô* Phật, đều sẽ thành Phật đạo.” Rất đáng tin sâu lời ấy. Nhưng đối với những ai chưa khởi lòng nhân, chưa làm các việc lành, thân tâm chưa điều phục, chưa có sự cảm ứng thì chớ vội nói ra như vậy.

Bởi vậy, trong suốt một đời đức Phật *Thích-ca* đã nói ra vô lượng *tam-muội*, vô lượng pháp giải thoát, vô lượng hạnh nguyện và các pháp tổng trì tương ứng nhau, cùng vô lượng pháp môn, nhưng chỉ riêng có pháp niệm Phật là thâm gồm tất cả vào trong, hết thủy đều đầy đủ. Như biển lớn kia dung chứa tất cả các dòng nước chảy vào mà tánh biển vẫn không thêm, không bớt; như hạt ngọc như ý đặt trên tòa cao làm thỏa mãn tất cả ước nguyện của chúng sanh mà thể chất của ngọc vẫn không hao tổn. Phép Niệm Phật *Tam-muội* này cũng vậy, có thể thâm nhiếp tất cả, bao gồm đầy đủ tất cả.

Vì nghĩa ấy nên khi xưa đức Thế Tôn đã rất nhiều lần đem phép Niệm Phật *Tam-muội* này mà dạy cho tất cả chúng hội. Trong chúng hội ấy có rất nhiều người lắng nghe rồi vãng theo, đều thuộc hàng đại căn như Bồ Tát *Văn-thù*, hoặc các vị thánh hiền trong Ba thừa và Tám bộ thiên long,⁽¹⁾ thủy đều hết lòng tin theo. Đến khi pháp Phật truyền sang Đông độ, có vị đại nhân ở núi Lô sơn hiển dương giáo hóa, người người tin tưởng làm theo, àoạt như gió lướt trên ngọn cỏ! Khắp thiên hạ đều hưởng về, ai ai cũng ngợi khen pháp ấy.

Từ Phật đến nay đã hơn hai ngàn mấy trăm năm, có biết bao bậc thánh hiền, những vị cao tăng, những bậc danh nho cự phách, cùng những giới sĩ, nông, công, thương, những hạng đàn ông, đàn bà hèn kém, cho đến những kẻ nô tỳ, quan hoạn... hoặc tự mình tu tập, khuyên người tu tập, hoặc soạn văn, hoặc phát thệ nguyện, trân

⁽¹⁾ Tám bộ thiên long: (Thiên long bát bộ): cách nói tắt để chỉ chung 8 loài chúng sanh thường đến nghe Phật thuyết pháp, gồm chư thiên, loài rồng, loài dạ-xoa, loài càn-thát-bà, loài a-tu-la, loài khẩn-na-la, loài ca-lâu-la và loài ma-hầu-la-già.

trọng chánh pháp như vật báu, coi khinh thân mạng như hạt bụi, gặp nạn chẳng sợ, gặp chết chẳng lo, xả thân lập hạnh, đem hết sức mình tu tập pháp môn niệm Phật. Những người như thế thật nhiều không kể xiết!

Lại có những người thấy kẻ khác tu tập mà hoan hỷ vui theo, hoặc tin tưởng nương theo, cho đến những người noi theo đức độ người tu mà đem hết lòng thành của mình ra niệm Phật, số ấy lại càng đông đảo, quả thật là nhiều như sao đêm, như cát bụi, số nhiều lại càng nhiều hơn.

Lại có những người niệm Phật mà nửa tin nửa ngờ, do dự chẳng quyết. Thế mà họ cũng được sanh về Cực Lạc, nơi những vùng biên địa *Nghi thành*,⁽¹⁾ hướng chi đối với những người có lòng tin chân chánh, tu hành chân chánh, phát nguyện chân chánh, lẽ nào còn có chỗ nghi hay sao? Những người vãng sanh được ghi lại trong sách truyện chỉ là một phần nhỏ trong muôn vạn trường hợp. Từ xưa tới nay, số người đã nương nhờ ơn Phật mà được vãng sanh thật không có giấy bút nào, không miệng lưỡi nào có thể kể ra cho xiết!

Nếu như muốn tu tập các pháp môn khác, chỉ là nhờ vào sức lực của tự tâm mình, nhưng nếu có sự thoái chuyển, ắt vướng phải nạn ách của chúng ma. Chỉ duy nhất một pháp môn niệm Phật này, nương nhờ sức Phật, tu tập ắt được thành tựu, không còn trở lại vướng vào nghiệp ma, mãi mãi không thoái chuyển, chắc chắn được vãng sanh!

⁽¹⁾ Vùng biên địa Nghi thành: nơi dành cho những người tu Tịnh độ nhưng chưa đủ lòng tin, còn có sự nghi ngờ (nên gọi là Nghi thành). Khi vãng sanh về đó, họ không được tự thân gặp Phật, phải trải qua một thời gian rất lâu, khi sự nghi ngờ đã trừ hết mới được gặp Phật.

龍華三會畧要說

一元掩關默然。有衆居士，扣關而問曰。
龍華三會因緣，願師開示。

答曰。云何而致問斯耶。

居士曰。吾等自幼以來，齋戒念佛，願求龍
華勝會證取菩提，是以故問。

一元笑曰。汝等求生淨土，此問太遲。求
生龍華，此問太早。

居士曰。何謂遲，早乎。

一元曰。即便今朝成佛去，樂邦化主又嫌
遲，那堪更欲之乎者。管取輪迴沒了期，豈不
是太遲也。

彌勒佛過五十六億萬歲，方能降生龍華。
豈不是太早也。

汝等既持齋戒，念佛，只合今生，就求淨
土，速證菩提。何待未來龍華。

吾等隨類而言，亦發此願。

Long Hoa tam hội lược yếu thuyết

Nhất Nguyên yếm quan maê nhiên, hõu chung cõ só
khaú quan nhi vaán vieát: Long Hoa tam hoã nhân duyên,
nguyên sô khai thờ?

Ñạp vieát: Vaán haonhi trí vaán tồ da?

Cõ só vieát: Ngoãnaúng tõi aái dó lai, trai giõu nieãm Phaã,
nguyên caù Long Hoa thaúng hoã chõng thuũBồ-đề, thờ dó
coávaán.

Nhất Nguyên tieáu vieát: Nhõõnaúng caù sanh Tõnh ñoã
thõuvaán thaù trì? Caù sanh Long Hoa, thõuvaán thaù taõ?

Cõ só vieát: Haovò trì, taõ hoã?

Nhất Nguyên vieát: Tõu tieãn kim trieäu thanh Phaã khõu
Lã bang hoã chuũhõu hieãn trì, na kham caùm dưc chi hoã
giaũ Quan thuũluaãn hoã moã lieũ kyø khõu baát thờ thaù trì
daõ?

Di-lặc Phaã quànguõthaþ lữc õu vaãn tueá phõng naêng
giaêng sanh Long Hoa. Khõu baát thờ thaù taõ daõ?

Nhõõnaúng kyùtrì trai giõu nieãm Phaã, chæhieþ kim sanh,
tõu caù Tõnh ñoã toá chõng Bồ-đề, haõnaõ vò lai Long Hoa.

Ngoãnaúng tuy loai nhi ngoãn, dieã phaù thõunguyên.

一元曰。不求淨土而求龍華，不知受了多少輪轉之苦。此願甚不相應。

居士曰。吾等蒙師決疑，今後徑求淨土。

一元曰。但辦肯心必不相賺。

居士曰。求生淨土之法，幸得聞乎。龍華三會之事，亦欲願聞。

一元曰。備說則文繁，畧之又義闕。今特取羅什法師之譯經，而告衆人焉。

自釋迦牟尼佛降生之時，人壽百歲爲始。過百年減一歲。減至三十歲時，人長三尺。饑饉災起。

減至二十歲時，人長二尺，疾疫災起。減至十歲之時，人長一尺，刀兵災起。此乃謂之小三災之變相也。

祇畱男女萬人，逃入山中爲種。彼時女子配人，五歲卽嫁，方爲減劫之極數也。

復過百年增一歲，增至八萬四千歲時，名爲增劫之極數也。又過百年減一歲，減至八萬歲

Nhaá Nguyêñ vieá: Baá caù Tònh ñoã nhi caù Long Hoa, baá tri thoï lieã ña thieã luañ chuyeã chi khoá thòunguyeã thaã baá töông öng.

Cö só vieá: Ngoãñaung möng sö quyeá nghi, kim haã kinh caù Tònh ñoã

Nhaá Nguyêñ vieá: Ñãñ bieã khaung taãn, taá baá töông traãn.

Cö só vieá: Caù sanh Tònh ñoãchi phap hañh ñaé vañ hoã Long Hoa tam hoã chi söi dieã duç nguyêñ vañ.

Nhaá Nguyêñ vieá: Bò thuyeá taé vañ phieãn, lööc chi höu nghóa khuyeá, kim ñaé thuãLa-thap Phap sö chi dòch kinh, nhi caù chung nhañ yeã.

TöiThích-ca Mãñ Ni Phaã giaung sanh chi thòü, nhañ thoï baùh tueávi thuy, quaubaùh nieãn giañ nhaá tueá Giañ chí tam thap tueáthòü, nhañ tröông tam xích, cô cañ tai khòü.

Giañ chí nhò thap tueáthòü, nhañ tröông nhò xích, taá dòch tai khòü. Giañ chí thap tueáchi thòü, nhañ tröông nhaá xích, ñao binh tai khòü.

Thöünaõ vò chi tieã tam tai chi bieã töông daõ

Chalöu nam nöövañ nhañ, ñao nhap sòn trung vi chung. Bèthòü nöötöüphoá nhañ, nguøtueátöü giaù phöông vi giañ kiep chi cöc soádaõ

Phuç quaubaùh nieãn taung nhaá tueá taung chí baù vañ töü thieã tueáthòü, danh vi taung kiep chi cöc soádaõ Höü quai

時，彌勒佛方乃降生於翅頭末國城中。大婆羅門家託胎。

父名修梵摩，母名梵摩跋提。彌勒雖處胞胎，如在天宮無異。塵垢不障，自然化生。身長三十二丈，臂廣十丈，面長五丈。具八萬四千相好光明，眾生見之無有厭足。

其國有轉輪王，名曰穰佉，廣行十善，教導人民。人民感化無不欽崇。壽年皆八萬歲，身長一十六丈。相貌端嚴無復醜陋。女子配人，五百歲方嫁。

彼時無有災患，亦無寒暑。門戶不關，亦無盜賊。衣服化生不須勞苦。金銀七寶滿藏，無人視之。其地平正無有丘坑。地上有樹，形如金龍。龍上開華，故曰龍華勝會。

人民受用境界，猶如自在天宮，忉利天上。只有三病不得純受快樂。一者飲食。二者便利。三者衰老。

baùh nieân giâm nhá t ueá giâm chí baù vañ tueáthô, Di-lặc Phaỉ phồông nã giàng sanh ở Si-đầu-mạt quốc thanh trung, ñaỉ bà-la-môn gia thàù thai.

Phuỉ danh Tu-phạm-ma, maũ danh Phạm-ma Bạt-đề. Di-lặc tuy xõubaoù thai, nhõ tai thiền cung voàdò. Trañ caũ baỉ chõoông, tõi nhieân hoà sanh, thañ trõoông tam thaỷ nhõ trõoông, hung quẩng thaỷ trõoông, dieñ trõoông nguõtrõoông, cuỉ baù vañ tồthieñ tõoông haù quang minh, chùng sanh thõ chi voàhõũ yeán tuừ.

Kyõquốc hõũ Chuyền luañ võoông danh vieá Nhuong-khư, quẩng hanh thaỷ thiềñ, giàù ñaõ nhấñ dañ. Nhấñ dañ caũm hoà voàbaỉ khañ sung, thoỉnieñ giai baù vañ tueá thañ trõoông nhá thaỷ lữ trõoông, tõoông maõ ñoan nghiềñ voà phuế xuũlaũ. Nõotõuphoá nhấñ, nguõbaùh tueáphồông giàù

Bãthõũ voàhõũ tai hoảñ, dieã voàhan thõũ moả hoảbaỉ quan, dieã voàñã taẽ, y phuế hoà sanh, baỉ tu lao khoá kim ngañ thaỉ baũ maũ taĩng, voànhấñ thõ chi. Kyõõa bình chành, voàhõũ khõu khanh, ñõa thõoông hõũ thoỉ hình nhõ kim long, long thõoông khai hoa, coávieá Long Hoa thaĩng hoả.

Nhấñ dañ thoỉduĩng caũh giõũ, du nhõ Tõitai thiềñ cung, Dao-lợi thiềñ thõoông. Chãhõũ tam beñh, baỉ ñaẽ thuañ thoỉ khoảũ laũ. Nhá giaũaũm thõũ, nhõ giaũtieñ lõũ, tam giaũsuy laũ.

若便利時，其地自然裂開，過已還合，生赤蓮華蔽其穢氣。

人命將終，自詣塚間而死。神識生天，不墮惡趣。何以故。彼土人民皆修十善，是故多生天上。

彌勒佛初會說法，九十六億人得阿羅漢，三十六萬天人八部，發無上菩提心。復有多衆得三乘四果。

第二大會說法。九十四億人得阿羅漢。六十四億天人八部，發菩提心。復有多衆得二乘四果。

第三大會說法。九十二億人得阿羅漢。三十四億天人八部，發菩提心。復有多衆得二乘四果。

彌勒住世六萬歲，說法度生。般涅槃後，正法住世亦復如是。像法住世亦復如是。

龍華三會之事，畧說如斯。其餘妙義，備在經文，不及盡述。

居士曰。小三災灾，三會之事，固已聞乎。再勞尊師開示大小劫，大三災之事相也。

Nhөө̄c tieān lời thời, kyờnờa tời nhieān lieā khai, quauđó hoam hiep, sanh xich lieān hoa, teakyueakhi.

Nhān mǎng tōng chung, tời ngheā trưng gian nhi tờu Thān thờu sanh thieān, baí nờa àu thuù Hạođó coả Bẻnờnhaān daān, giai tu thaỷ thieān, thò coảna sanh thieān thờōng.

Di-lặc Phaā sỏ hoā thuyệt phạp, cồu thaỷ lữ ờu nhān nǎe A-la-hán, tam thaỷ lữ vān thieān nhān baừ boảphat vớ thờōng Bỏ-đề taān, phưc hờu nǎ chùng nǎe Tam thờa Tờu quau

Nẻnhỏ nǎi hoā thuyệt phạp, cồu thaỷ tờuờu nhān, nǎe A-la-hán, lữ thaỷ tờuờu thieān nhān baừ boảphat Bỏ-đề taān, phưc hờu nǎ chùng nǎe Nhỏ thờa Tờuquau

Nẻātam nǎi hoā thuyệt phạp, cồu thaỷ nhỏ ờu nhān, nǎe A-la-hán, tam thaỷ tờuờu thieān nhān baừ boảphat Bỏ-đề taān. Phưc hờu nǎ chùng nǎe nhỏ thờa tờuquau

Di-lặc trũi thealữ vān tuet thuyệt phạp nỏasanh. Baừ Niết-bàn haāi, chānh phạp trũitheat dieā phưc nhỏ thò. Tờōng phạp trũitheat dieā phưc nhỏ thò.

Long Hoa tam hoā chi sỏ lờc thuyệt nhỏ tỏ. Kyờđỏ dieāi nghóa bỏ tǎi kinh vān, baí cạp taān thuaā.

Cỏ só vieā: Tieāi tam tai, tam hoā chi sỏ coảđỏ vān hoà Tai lao toān sỏ khai thò, nǎi tieāi kiep, nǎi tam tai chi sỏ tờōng daō

一元曰。然吾語汝。汝等諦聽焉。夫小劫也，前已言矣。今復詳明。人從十歲而起。過百年增一歲，增至八萬四千歲時，名為增劫之極。

復過百年減一歲，減至十歲之時，名為減劫之極。如是一增一減為一小劫。如是二十番增減為一中劫。成住壞空，各具二十番增減為一大劫。

一大劫盡，有一火災，壞至初禪。如是七火，有一水災壞至二禪。起七七，四十九番大火，則有七番大水，又七番大火，乃有風災壞至三禪。

九五十六番大火壞初禪，七番大水壞二禪，一番大風壞三禪。總有六十四大劫為大三災始終之事相也。

古德云。

六欲諸天具五衰，
三禪尚自有風災。
直饒修到非非想，
也則不如歸去來。

Nhất Nguyên viết: Nhiếp, ngũngũnhộ nhữđăng nêá thính yeân. Phưđiêu kiệp giađiêu đó ngoân hyô Kim phưđiêu tồông minh. Nhân tung thạp tueánhi khôđi. Quađiêu niêân taêng nhất tueá taêng chí bađi vãn tồthiêân tueáthôđi, danh vi taêng kiệp chí cõr.

Phưđiêu quađiêu niêân giađiêu nhất tueá giađiêu chí thạp tueá chí thôđi, danh vi giađiêu kiệp chí cõr. Nhữ thò nhất taêng nhất giađiêu, vi nhất tiêđi kiệp. Nhữ thò nhữ thạp phiêân taêng giađiêu, vi nhất trung kiệp. Thanh trũ hoái khôđi, cầđi củ nhữ thạp phiêân taêng giađiêu, vi nhất nãđi kiệp.

Nhất nãđi kiệp tađi, hõđi nhất hoái tai, hoái chí sô thiêân. Nhữ thò tháđi hoái, hõđi nhất thuyê tai hoái chí nhữ thiêân. Khôđi tháđi tháđi, tồthạp cõđi phiêân nãđi hoái, táđi hõđi tháđi phiêân nãđi thuyê, hõđi tháđi phiêân nãđi hoái, nãđi hõđi phong tai, hoái chí tam thiêân.

Phạm ngũthạp lữ phiêân nãđi hoái hoái sô thiêân, tháđi phiêân nãđi thuyê hoái nhữ thiêân, nhất phiêân nãđi phong hoái tam thiêân. Tôđi hõđi lữ thạp tồđi nãđi kiệp, vi nãđi tam tai, thuyê chung chí sõđi tồđi đảđi

Coãđi vãn:

Lục dục chư thiên cụ ngũ suy.
Tam thiên thượng tự hữu phong tai.
Trực nhiều tu đạo phi phi tưởng.
Đã tất bất như quy khứ lai.

歸去來者，乃西方淨土之謂也。人若不修淨土，橫豎沉在四生，六道之中。大小三災之內，頭出頭沒，受苦無窮。

居士曰。聞師之說，實用早修淨土，出離苦輪。

一元曰。我今開示汝等，汝等當以遞相勸化，同生淨土焉。

居士曰。唯。謹遵師命，化導流行。吾等拜辭，致謝而去。

28. Lược nói về ba hội Long Hoa

Nhật hôm, Nhất Nguyên đang đóng cửa ngôi yên tịnh, bỗng có mấy người cư sĩ đến gõ cửa hỏi rằng: “Nhân duyên ba hội Long Hoa như thế nào, xin thầy chỉ bày cho.”

Nhất Nguyên hỏi lại: “Vì sao các ông đến hỏi tôi việc này?”

Cư sĩ nói: “Chúng tôi từ nhỏ đã thường ăn chay niệm Phật, nguyện đến thặng hội Long Hoa sẽ chứng quả Bồ-đề. Vì thế mới hỏi về việc này.”

Nhất Nguyên cười đáp rằng: “Nếu các ông cầu sanh

Quy khöulai giaü naö Taý phöông Tònh ñoächi vò daö Nhaân nhöôõr baü tu Tònh ñoä hoanh thuütraàn tai töüsinh lüç ñaö chi trung. Ñaü tieü tam tai chi noä, ñaü xuaü ñaü moä, thoü khoävöacung.

Cö só vieät: Vañ sö chi thuyeaü, thaü düng taü tu Tònh ñoä xuaü ly khoäluañ.

Nhaü Nguyeañ vieät: Ngaökim khai thö nhöö ñaüng, nhöö ñaüng ñöông dó ñeätöông khuyeañ hoä, ñöông sanh Tònh ñoä yeñ.

Cö só vieät: Duy. Cañ tuañ sö mäng, hoä ñaö löu hanh. Ngoäñaüng baü töü trí taiñhi khöu

Tịnh độ thì hỏi như vậy muộn quá, còn như cầu sanh vào hội Long Hoa thì hỏi câu ấy sớm quá.”

Cư sĩ hỏi: “Thế nào gọi là sớm với muộn?”

Nhất Nguyên đáp: “Ví như ngay hôm nay thành Phật, muốn làm hóa chủ cõi Lạc bang cũng đã là muộn rồi,⁽¹⁾ sao còn mong muốn điều ấy? Hướng chi còn phải đợi cho hết kiếp luân hồi, há chẳng phải muộn quá hay sao?”

“Còn đức Phật *Di-lặc*, phải đợi năm mươi sáu ức vạn năm mới giảng sanh tại hội Long Hoa, há chẳng là hỏi việc ấy sớm quá hay sao?”

⁽¹⁾ Ngay hôm nay thành Phật cũng không kịp làm hóa chủ cõi Lạc bang, vì từ lâu đã có đức Phật A-di-đà giáo hóa tại cõi ấy.

“Các ông đã biết ăn chay niệm Phật, chỉ nên ngay trong đời này cầu sanh Tịnh độ, mau chóng chứng quả Bồ-đề, vì sao phải đợi cho đến hội Long Hoa sau này?”

Cư sĩ thưa rằng: “Chúng tôi thường nghe nhiều người nói về hội Long Hoa, nên mới theo đó mà phát nguyện như vậy.”

Nhất Nguyên nói: “Chẳng cầu Tịnh độ mà cầu Long Hoa, cũng chẳng biết còn phải chịu bao nhiêu nỗi khổ xoay vần nữa, phát nguyện như thế thật không phù hợp.”

Cư sĩ nói: “Chúng tôi nhờ ơn thầy trừ dứt chỗ nghi ngờ, từ nay xin theo con đường tắt cầu sanh Tịnh độ.”

Nhất Nguyên nói: “Chỉ cần có lòng tin chắc, quyết không bị dối gạt.”

Cư sĩ thưa: “Không biết chúng tôi có thể may mắn được nghe thầy chỉ dạy về pháp cầu sanh Tịnh độ hay chăng? Hơn nữa, chúng tôi cũng mong được nghe về ba hội Long Hoa.”

Nhất Nguyên đáp: “Nếu nói thật đủ thì nhiều việc rườm rà, còn lược bớt đi thì thiếu phần nghĩa lý. Nay tôi sẽ dựa theo một bản kinh do Pháp sư *La-thập dịch*⁽¹⁾ để trình bày với mọi người.

“Kể từ khi đức Phật *Thích-ca Mâu-ni* đản sanh, con người có tuổi thọ trung bình là 100 tuổi. Lấy đó làm mốc để tính tới, cứ qua 100 năm thì giảm bớt 1 tuổi, giảm dần như vậy cho đến khi tuổi thọ trung bình của con người chỉ

⁽¹⁾ Đây chỉ kinh Phật thuyết *Di-lặc* đại thành Phật (佛說彌勒大成佛經) do ngài Cửu-ma-la-thập dịch, được đưa vào Đại chánh tạng, quyển 14, kinh số 456.

còn 30 tuổi. Khi ấy con người chỉ cao chừng 3 thước.⁽¹⁾ Bấy giờ sẽ có nạn đói khởi lên.

“Lại tiếp tục giảm dần cho đến khi đời sống con người chỉ còn 20 tuổi, cao khoảng 2 thước. Bấy giờ sẽ có dịch bệnh khởi lên.

“Lại tiếp tục giảm mãi cho đến khi đời sống con người chỉ còn 10 tuổi, cao khoảng 1 thước. Bấy giờ sẽ có nạn binh đao khởi lên.

“Như trên vừa kể là biến tướng của ba tai kiếp nhỏ. Sau ba tai kiếp này, chỉ còn lưu lại được 10.000 người, gồm cả nam lẫn nữ, cùng trốn vào trong núi sâu để lưu lại giống nòi. Vào lúc ấy, con gái chỉ 5 tuổi thì lấy chồng.⁽²⁾ Đó là thời kỳ kiếp giảm đạt đến mức thấp nhất.

“Rồi bắt đầu kể từ đó, cứ qua 100 năm thì tuổi thọ trung bình của con người lại tăng thêm 1 tuổi. Tăng dần như vậy, cho đến lúc đời sống con người là 84.000 tuổi. Đó là thời kỳ kiếp tăng đạt đến mức cao nhất.

“Sau khi đạt đến mức cao nhất rồi, lại cứ qua 100 năm thì giảm bớt 1 tuổi. Giảm dần như vậy cho đến lúc đời sống con người còn 80.000 tuổi, đức Phật *Di-lặc* mới đản sanh tại kinh thành nước *Sí-đâu-mạt*, trong một gia đình đại *bà-la-môn*. Người cha tên là *Tu-phạm-ma* (Thiên Tịnh), người mẹ tên là *Phạm-ma Bạt-đề* (Tịnh Diệu). Đức *Di-lặc* tuy ở trong bào thai nhưng chẳng khác gì giữa chốn Thiên cung, không bị trần cấu che lấp, tự nhiên hóa sanh, thân cao 32 trượng, ngực rộng 10 trượng, mặt dài 5 trượng, có

⁽¹⁾ Thước cổ của Trung Quốc, mỗi thước bằng khoảng 0,33 mét. Như vậy, 3 thước là khoảng 1 mét. Những chỗ tiếp sau đây dùng đơn vị “thước” cũng đều chỉ loại thước cổ này.

⁽²⁾ Vì khi ấy tuổi thọ con người chỉ có 10 tuổi.

đủ 84.000 tướng tốt và vẻ đẹp chói sáng rực rỡ. Chúng sanh được nhìn chẳng bao giờ thấy chán.

“Tại nước ấy có vị vua Chuyển luân tên là *Nhuong-khu*, rộng làm *Mười nghiệp lành*, dạy dỗ nhân dân, mọi người đều được cảm hóa, ai ai cũng khâm phục. Tuổi thọ của người dân thấy đều được 80.000 tuổi, thân cao 16 trượng, tướng mạo đoan nghiêm, không có ai xấu xa thô kệch. Con gái đến 500 tuổi mới lấy chồng.

“Vào thời ấy, đời sống không có mọi tai nạn, không có những nỗi khổ vì nóng, lạnh. Nhà không cần đóng cửa, không có nạn trộm cướp. Y phục tự nhiên hóa hiện, chẳng cần phải khó nhọc làm ra. Vàng bạc, bầy báu chứa đầy kho, chẳng ai thèm ngó đến. Đất đai bằng phẳng, không có gò nổng, hầm hố. Trên đất mọc lên những cây cối hình như con rồng vàng, trên hình rồng ấy trở ra hoa, vì vậy nên gọi thời ấy là thắng hội Long Hoa.

“Cảnh giới mà nhân dân được thọ hưởng khi ấy giống như ở Thiên cung Tự tại hoặc như trên cảnh trời *Đao-ly*. Chỉ có ba điều làm cho người ta không được hưởng trọn vẹn khoái lạc: một là sự ăn uống, hai là sự bài tiết tiêu hóa, ba là sự già yếu.

“Mỗi khi cần đi tiêu thì tự nhiên mặt đất sẽ nứt ra, đi tiêu xong thì đất khép lại, và có hoa sen màu đỏ mọc lên làm tiêu mất sự hôi hám.

“Khi con người sắp mạng chung thì tự đi đến nơi nghĩa địa. Sau khi chết, thần thức liền sanh lên cõi trời, không đọa vào các đường ác. Vì sao vậy? Vì nhân dân cõi ấy đều tu *Mười nghiệp lành*, nên đều được sanh lên cõi trời.

“Tại pháp hội đầu tiên của đức Phật *Di-lặc*, có 96 ức người chứng quả *A-la-hán*, 36 vạn chư thiên, loài người và các loài khác trong *Tám bộ chúng* phát tâm Vô thượng *Bồ-đề*, lại có nhiều vị chứng được bốn thánh quả của Ba thừa.

“Tại pháp hội thứ nhì, có 94 ức người chứng quả *A-la-hán*, 64 ức chư thiên, loài người và các loài khác trong *Tám bộ chúng* phát tâm Vô thượng *Bồ-đề*, lại có nhiều vị chứng được bốn thánh quả của hàng *Nhị thừa*.

“Tại pháp hội thứ ba, có 92 ức người chứng quả *A-la-hán*, 34 ức chư thiên, loài người và các loài khác trong *Tám bộ chúng* phát tâm Vô thượng *Bồ-đề*, lại có nhiều vị chứng được bốn thánh quả của hàng *Nhị thừa*.

“Đức Phật *Di-lặc* trụ thế 60.000 năm, thuyết pháp cứu độ chúng sanh. Sau khi ngài nhập *Niết-bàn*, Chánh pháp cũng trụ thế trong thời gian 60.000 năm. Rồi đến thời Tượng pháp cũng kéo dài trong thời gian 60.000 năm.

“Về ba hội Long Hoa, chỉ nói sơ lược như trên. Còn những nghĩa lý mâu nhiệm khác thì ghi chép đầy đủ trong kinh, ở đây không thể nói hết.”

Những người cư sĩ lại thưa hỏi: “Việc ba tai kiếp nhỏ và ba hội Long Hoa đã được nghe rồi. Xin phiền tôn sư chỉ bày cho biết về sự tướng *đại kiếp*, *tiểu kiếp* cùng với ba tai kiếp lớn.”

Nhất Nguyên nói: “Được, tôi sẽ nói đây, các ông nên lắng nghe cho rõ. Về *tiểu kiếp* thì khi nãy đã có nói sơ qua. Giờ sẽ nói thêm cho tường tận, rõ ràng hơn.

“Kể từ khi tuổi thọ con người là 10 tuổi mà tính tới, cứ qua 100 năm lại tăng thêm 1 tuổi, tăng dần mãi cho đến khi tuổi thọ con người được 84.000 tuổi là mốc cuối cùng của *kiếp tăng*. Từ đó, cứ qua 100 năm lại giảm bớt 1 tuổi, giảm dần mãi cho đến khi tuổi thọ con người chỉ còn 10 tuổi là mốc cuối cùng của *kiếp giảm*. Trọn một chu kỳ tăng và giảm như vậy gọi là một *tiểu kiếp*. Hai tiểu kiếp như vậy gọi là một *trung kiếp*. Trải qua đủ 4 giai đoạn *thành, trụ, hoại, không*, mỗi giai đoạn đều kéo dài 1 *trung kiếp*, gọi là một *đại kiếp*.

“Khi mỗi một *đại kiếp* sắp dứt thì khởi lên nạn lửa cháy, làm hư hoại đến tận cảnh trời *Sơ thiên*. Sau 7 lần xảy ra nạn lửa cháy thì có 1 lần xảy ra nạn nước lụt, làm hư hoại đến tận cảnh trời *Nhị thiên*. Như vậy, sau 49 lần xảy ra nạn lửa cháy tức là đã có 7 lần xảy ra nạn nước lụt. Lại tiếp tục có 7 lần xảy ra nạn lửa cháy nữa, mới có 1 lần xảy ra nạn gió bão, làm hư hoại đến tận cảnh trời *Tam thiên*.

“Hết thấy có 56 lần xảy ra nạn lửa cháy làm hư hoại đến cảnh trời *Sơ thiên*, 7 lần xảy ra nạn nước lụt làm hư hoại đến cảnh trời *Nhị thiên*, và 1 lần xảy ra nạn gió bão làm hư hoại đến cảnh trời *Tam thiên*. Tổng cộng quãng thời gian này là 64 *đại kiếp*, trong đó xảy ra đủ ba tai kiếp lớn. Sự tương trước sau là như vậy.

“Nên người xưa có nói rằng:

Chư thiên chẳng khỏi năm tướng suy.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Năm tướng suy: Chư thiên khi sắp hết phước thì hiện ra năm tướng suy là: 1. Quần áo thường dơ nhớp, 2. Đầu tóc thường rối bù, hoa cài trên đầu mau héo, 3. Thân thể có mùi hôi hám, 4. Dưới nách thường ra mồ hôi, 5. Không thích chỗ ngồi của mình nữa.

*Tam thiên còn nạn gió bão lay.
Dầu tu đến cảnh Phi phi tướng.
Chẳng bằng về được chốn xưa nay.*

“Về *chốn xưa nay*, đó là nói đến cảnh giới Tịnh độ phương Tây. Nếu người không tu Tịnh độ thì sẽ phải xoay vần ngang dọc trong chốn *Tứ sanh*,⁽¹⁾ *Lục đạo*,⁽²⁾ không thoát ra khỏi ba tai kiếp lớn và ba tai kiếp nhỏ, thác ở nơi này lại sanh ra nơi kia, mãi mãi luân chuyển chịu khổ vô cùng!”

Cư sĩ thưa rằng: “Nghe lời thầy giảng giải, thật nên sớm tu Tịnh độ để ra khỏi vòng khổ não.”

Nhất Nguyên nói: “Nay tôi đã chỉ rõ cho các ông, các ông cũng nên đem những điều đã nghe mà khuyên bảo, chỉ bày cho người khác, để cho tất cả đều được sanh về Tịnh độ.”

Cư sĩ thưa: “Xin kính cẩn vâng theo lời thầy dạy, sẽ truyền bá pháp môn này ra khắp nơi.” Rồi cùng nhau lễ bái tạ ơn và lui về.

⁽¹⁾ Tứ sanh: tức bốn cách sanh ra của chúng sanh, gồm có: sanh ra từ bào thai (thai sanh), sanh ra từ trứng (noãn sanh), sanh ra từ chỗ ẩm thấp (thấp sanh) và do biến hóa mà sanh ra (hóa sanh). Tất cả chúng sanh trong cõi luân hồi sanh tử đều thuộc về một trong bốn cách sanh này.

⁽²⁾ Lục đạo (Sáu đường): tức 6 cảnh giới bao trùm tất cả chúng sanh, gồm cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, cõi địa ngục, cõi nạ quỷ và cõi súc sanh.

宗鏡要語

永明宗鏡云。心能作佛，心作眾生，心作天堂，心作地獄。心異則千差競起。心平則法界坦然。心凡則三毒縈纏。心聖則六通自在。心空則一道清淨。心有則萬境縱橫。正所謂。心生法生，心滅法滅。

如谷應聲。語雄而響厲。似鏡鑒像。形曲而影斜。如人說酢梅，口中自然水出。說峻嶺，足下似有痠疼。夜繩不動疑之為蛇。闇室本空，怖之有鬼。

以知萬行由心。一切在我。內虛外終不實。外細內終不麤。善因終值善緣。惡行難逃惡境。祇在最初一念，致此昇沉。

諸仁者。欲外安和，但內寧靜。心虛境寂。念起法生。水濁波昏。潭清水朗。修行之要。靡出於斯。正是欲斷其流但塞其源。欲免其生，但斷其根。不用多功，最為省要。

故通心論云。縛從心縛，解從心解。解縛

Tông kính yếu ngữ

Vĩnh Minh Tông kính văn: Tâm năng tác Phật, tâm tác chúng sanh, tâm tác thiên đàng, tâm tác địa ngục; tâm dị tác pháp giới tam niết bàn, tâm bình tác pháp giới thanh tịnh; tâm thường tác tam độc phiền não, tâm thánh tác lục thông tự tại; tâm không tác nhất pháp thanh tịnh, tâm hữu tác vạn cảnh tung hoành. Châm sâu vờ: Tâm sanh pháp sanh, tâm diệt pháp diệt.

Như cốc ứng thanh, ngữ hùng nhi hưởng lệ tỳ kính giàm tống, hình khuê nhi ảnh tà. Như nhân thuyết acet mai, khẩu trung tự nhiên thủy xuất. Thuyết tuấn lĩnh, túc hạ hữu cố tật. Dạ xích bất động nghi chi vi xà. Ám thất bản không, bố chi hữu quỷ.

Có tri văn pháp do tâm, nhất thiết tại ngã. Nội hư ngoại chung bất thực, ngoại tế nội chung bất thô. Thiện nhân chung trò thiện duyên, ác hạnh nan nào ác cảnh, chạt tại toái sơ nhất niệm, trí thâu thắng trầm.

Chớ nhân giaû dứt ngoài an hoà, nào nào ninh tịnh, tâm hồ cảnh tịch. Niệm khởi pháp sanh, thủy trởốt ba hoà, nào thanh thủy lang. Tu hạnh chi yếu, mi xuất ố tồ. Châm thò dứt nào kyôlôu, nào tác kyonguyên. Dứt miến kyôsanh, nào nào kyôcân, bất dưỡng ã công, toái vi tinh yếu.

Có Thông tâm luận văn: Phôốt tung tâm phôốt, giaû tung tâm giaû, giaû phôốt tung tâm, bất quan đồ xôu Xuất

從心。不關餘處。出要之術。唯有觀心。觀心得悟一切俱了。

且夫不離一真之境，化儀百變。是以箭穿石虎，非功力之所能。醉告三軍。豈麴蘖之所造。筍抽寒谷。非陽和之所生。魚躍冰河。豈網羅之所致。悉為心感。顯此靈通。應知動作施為。皆自心之力。若或信受。具此力能。則廣闢障門。盡枯業海矣。

又云。因心立法，隨法得名。處聖稱真。居凡號俗。似金作器。隨器得名。在指曰鑲。飾臂名釧。則一心不動。執別號而萬法成差。真金匪移。認異名而千器不等。

若知法法全心作。器器盡金成。名相不相干。是非焉能惑。又如圓器與方器。名字不同。若生金與熟金。言說有異。均原究體。萬法皆空。得旨忘緣，觸途無寄。

夫名因體立，體逐名生。體空而名無所施。名虛而體無所起。名體互寂。萬法無生。唯一真心。更無所有。

yeâu chi thuaĩ, duy hõu quan tâm, quan tâm ñaé ngoã nhaĩ thieĩ caũ lieũ.

Thaũphuø baĩ ly nhaĩ chaũ chi caũh, hoã nghi baũh bieũ, thò dó tieũ xuyeũ thaũh hoã phi coãng löc chi sôũnaũg. Tuy caũ tam quaũ, khôũ khuẽ baũh chi sôũtaũ, duaũ trõm haũ coã, phi döõng hoã chi sôũsanh. Ngõ döõc baũg haø khôũ voũng la chi sôũtrĩ. Taĩ vi taũm caũm, hieũ thõũlinh thoũg. Öng tri ñoũg taũ thi vi, giai töĩtaũm chi löc. Nhõõc hoãc tín thoĩ cũ thõũlöc naũg, taé quaũg töc chõõng moãn, taũ khoã nghieũ haũ hyõ

Hõu vaũ: Nhaũ taũm laũ phap, tuy phap ñaé danh, xõu thaũh xõng chaũ, cõ phaũ hieũ tuẽ, töĩkim taũ khí, tuy khí ñaé danh, taĩ chã vieĩ hoã, sõũ tyũdanh xuyeũ, taé nhaĩ taũm baĩ ñoũg, chaũ bieũ hieũ, nhi vaũ phap thaũh sai. Chaũ kim phãdi, nhaũ dò danh, nhi thieũ khí baĩ ñaũg.

Nhõõc tri phap phap toã taũm taũ, khí khí taũ kim thaũh, danh töõng baĩ töõng can, thò phi yeũ naũg hoãc? Hõu nhõ vieũ khí döõphõng khí, danh töĩbaĩ ñoũg, nhõõc sanh kim döõthuẽ kim, ngoãn thuyeĩ hõũ dò. Quaũ nguyẽn cõũ theã vaũ phap giai khoãg; ñaé chãvong duyeũ, xuũ ñoã voãkyũ

Phuødanh nhaũ theãlaũ, theãtrũc danh sanh, theãkhoãg nhi danh voãsoũthi, danh hõ nhi theãvoãsoũkhõũ, danh theã hoãtõc, vaũ phap voãsanh, duy nhaĩ chaũ taũm, caũh voãsoũ hõũ.

因凡立聖，聖本無名。從俗顯真。真元不立。並依世俗文字。對待而生。文字又空。空亦無寄。若是上機大士。胡假名相發揚。對境而念念知宗。遇緣而心心契道。是為第一義。是名最上乘。世之甚希有。

先德云。圓宗罕遇猶芥子投於針鋒。正法難逢。似盲龜值於浮木。若非夙熏乘種。久積善根。焉偶斯文。親得傳受。

所以古人重教輕財。則輸金若市。或忘身為法。則輸金若市。忘為法，則立雪幽庭。且金是身外之浮財，豈齊至教。命是一期之業報。曷等真詮。

故知訓格之言，不得暫捨。可以鏤於骨，書於紳，染于神。熏于識。所以楚莊。輕千乘之國。而重申叔一言。范獻賤萬畝之田。以貴舟人片說。此乃成家立國。尚輕珍重言。況宗鏡中。言下契無生。聞之成大道。寧容輕慢乎。

Nhân phạm lạc thành, thành boãn vô danh, tung từ hiên chân, chân nguyên bất lạc. Tánh y thế từ danh tở nĩa nĩa nhi sanh. Vôn tở dieã không, không dieã vô kỳ vô nhữ thò thõng cô nĩa số, hoã gia u danh tở mng phã dõng? Nĩa camh nhi niãn niãn tri tởng, ngoã du yãn nhi tãm tãm kheã nĩa. Thò vi nĩa nhã nghóa, thò danh tở thõng thõ. Quaũ nĩa thõ tởng nhãn, theã chi thãm hy hõũ.

Tiên nử vân: Viãn tởng hãn ngoã do giũ tũ nĩa ò chân phong. Chãm phãp nan phung, tở mnh quy trõ ò phu mõ. Nhữ phi từ hũa thõ chũng, cõu tích thiãn cam, yãn ngaũ tở vân, thãm nĩa truyeãn thõ?

Sõu dỏ coãn hãn trõng gia ò khinh tở, tở thũ kim nhữ thò. Vong thãm vô phãp, tở lạc tuyeã u nĩnh. Thũ kim thò thãm ngoã chi phu tở, khũ teã chi gia? Mãng thò nhã kyø chi nghiãp bõ, hã nĩang chân thuyeãn?

Cỏatri hũa cũh chi ngoãn, bả nĩa tãm xũ khũ dỏ lũ ò cỏ, thõ ò thãm, nhiãn vu thãm, hũa vu thõ. Sõu dỏ Sõu Trang khinh thiãn thõng chi quỏ, nhi trõng Thãm thũ nhã ngoãn. Phãm Hiãn tiãn vãn mãũ nĩn, dỏ quyũ chũ nhãn phiãn thuyeã. Thõ nĩa thanh gia lạc quỏ, thõng khinh trãn trõng ngoãn. Huỏng Tởng kính trung, ngoãn hã kheã vớ sanh, vãn chi thanh nĩa nĩa, nĩnh dung khinh mãnh hõ?

29. Những lời cốt yếu trong sách Tông kính⁽¹⁾

Sách *Tông kính* của ngài Vĩnh Minh⁽²⁾ dạy rằng: Tâm có thể làm Phật, có thể làm chúng sanh; tâm tạo ra thiên đường, tạo ra địa ngục. Tâm phân biệt thì muôn điều sai lệch đua nhau sanh khởi, tâm phẳng lặng thì toàn cõi pháp giới lặng yên. Tâm *phàm* thì *ba độc*⁽³⁾ buộc trói, tâm *thánh* ắt có đủ thần thông tự tại. Tâm rộng không thì một bề thanh tịnh, tâm chấp có ắt muôn cảnh rối tung. Quả thật là: Tâm sanh thì muôn pháp sanh, tâm diệt thì muôn pháp diệt.

Như âm thanh vang dội trong hang, âm càng lớn thì tiếng dội càng to; như soi hình trong gương sáng, hình cong thì ảnh chiếu trong gương cũng lệch. Cũng giống như nghe nhắc đến me chua thì trong miệng tự nhiên chảy nước miếng; nghe tả cảnh vách núi cao sừng sững thì dưới lòng bàn chân tự nhiên có cảm giác rờn rợn. Lại như sợi dây trong đêm tối nằm yên không động đậy mà lòng sanh nghi liền thấy hệt như con rắn; trong căn nhà tối vốn trống không mà lòng sợ sệt liền nghĩ là có ma.

Thế nên phải biết rằng: “Muôn pháp tại tâm, hết thấy đều do nơi chính mình.” Trong lòng hư dối thì cảnh ngoài

⁽¹⁾ Sách *Tông kính*, tức *Tông kính lục*, do ngài Vĩnh Minh Diên Thọ trước tác, gồm 100 quyển, được đưa vào Đại chánh tạng, thuộc quyển 46, số hiệu 2016.

⁽²⁾ Túc thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ (延壽), sanh năm 904, viên tịch năm 975.

⁽³⁾ Ba độc: chỉ tham lam, sân hận và si mê. Ba yếu tố này là cội nguồn của mọi tội lỗi, đẩy chúng sanh vào muôn việc ác, xa lánh căn lành, nên gọi là ba độc.

không thật; cảnh ngoài tinh tế là nhờ trong tâm không thô thiển. Gieo nhân lành ắt sẽ gặp duyên lành, làm việc dữ khó thoát khỏi cảnh dữ. Chỉ do nơi một niệm ban đầu mà đẩy ta vào cảnh thăng trầm như hôm nay.

Này các vị! Nếu muốn cảnh ngoài được an hòa, chỉ cần giữ cho trong lòng yên tĩnh. Tâm rộng không thì cảnh vắng lặng, niệm vừa khởi thì pháp liền sanh. Nước đục thì sóng đậm màu, hồ trong veo thì màu nước sáng. Chỗ cốt yếu của việc tu hành chỉ do nơi ý nghĩa này. Muốn dứt hẳn dòng nước chảy, phải lấp ở đầu nguồn; muốn trừ tuyệt mầm chồi, phải đốn tận gốc rễ. Đó là phương cách giản lược cốt yếu nhất, không cần phải mất nhiều công sức.

Vì vậy, trong *Thông tâm luận* có nói: “Buộc trói là do tâm nên tháo gỡ phải từ nơi tâm. Việc tháo mối trói buộc là ở nơi tâm, chẳng liên quan đến nơi nào khác. Điểm cốt yếu của pháp giải thoát chỉ riêng có một việc quán tâm. Quán tâm được tỏ ngộ thì hết thấy mọi việc đều sáng rõ.”

Nếu không lia cảnh giới chân thật duy nhất, tâm chân thành thì biến hóa ra trăm cảnh tượng. Vì vậy mà bắn tên xuyên cọp đá,⁽¹⁾ đâu phải do sức thường làm được? Một hũ rượu đãi ba quân say khướt,⁽²⁾ đâu phải do men rượu

⁽¹⁾ Bắn tên xuyên cọp đá: Sách *Thê thân ký* kể chuyện Hùng Cừ nước Sở, đi đêm thấy hòn đá ngộ là con cọp phục, bèn giương cung bắn. Chùng đến xem rõ mới biết là hòn đá, nhưng mũi tên bắn đã xuyên vào, vì khi bắn trong lòng ông chỉ nghĩ đó là con cọp chứ không phải hòn đá.

⁽²⁾ Truyện Ngô Việt Xuân Thu kể việc vua nước Việt là Câu Tiễn trong khi chinh chiến, có người dâng lên một hũ rượu. Lòng vua muốn chia đều cho ba quân tướng sĩ, bèn đổ hũ rượu xuống sông cho ba quân cùng uống. Tất cả uống rồi đều say khướt, là do lòng vua chân thành nghĩ đến việc đãi rượu cho ba quân.

gây ra? Măng tre mọc nơi hang lạnh,⁽¹⁾ đâu phải nhờ khí trời ấm áp?... Những việc ấy đều là do tâm chân thành cảm ứng mà có. Nên biết rằng, hết thấy mọi hành vi lớn nhỏ đều là do năng lực của tự tâm. Nếu người tu hành tin nhận mình có đầy đủ năng lực ấy thì cửa chướng ngại tự mở thông, biển nghiệp báo phải khô kiệt.

Lại nói rằng: Do nơi tâm mà lập các pháp, tùy theo pháp mà đặt thành tên. Cũng là tâm ấy mà ở nơi bậc thánh thì gọi là *chân*, ở nơi phàm phu thì gọi là *tục*. Khác nào như dùng vàng làm ra đủ món, rồi tùy món mà đặt tên: món đeo ở ngón tay thì gọi là *nhẫn*, món đeo ở cổ tay thì gọi là *xuyến*... Như thế, vẫn là một tâm chẳng động, chỉ do vướng chấp vào tên gọi khác nhau mà muôn pháp thành sai biệt; vẫn là một thứ vàng ròng không thay đổi, chỉ do nhận lấy tên gọi riêng mà thành nhiều món khác nhau!

Nếu biết rằng hết thấy muôn pháp đều do tâm tạo, cũng như hết thấy những món trang sức kia đều do vàng làm ra, thì tên gọi với thể tướng thật chẳng can hệ gì với nhau, những chuyện phải quấy làm sao có thể khiến ta lầm lạc? Cũng như món đồ chứa tròn hay vuông thì tên gọi chẳng giống nhau, loại vàng thô hay vàng luyện thì danh xưng cũng khác biệt. Nhưng nếu cứ xét đến tận cùng thể tánh thì muôn pháp đều không. Nắm được ý chỉ mà buông bỏ các duyên thì gặp việc không vướng mắc!

Tên gọi là do nơi thể tánh mà đặt; thể tánh lại tùy

⁽¹⁾ Sách Nhị thập tứ hiếu có chuyện Ngô Mạnh Tông thờ mẹ chí hiếu. Mẹ già bệnh nặng, muốn ăn canh măng nhằm giữa mùa đông, trời lạnh tre không có măng. Mạnh Tông không biết làm sao, bèn vào rừng ôm cây tre mà khóc. Tự nhiên đất nứt, mọc lên mấy mụt măng. Mạnh Tông bẻ đem về nấu cho mẹ ăn mà hết bệnh. Đó là do lòng chân thành mà có việc ấy.

theo tên gọi mà sanh.⁽¹⁾ Nếu thể tánh rỗng không thì tên gọi không do đâu mà có; tên gọi đã không có thì thể tánh chẳng tùy nơi đâu mà sanh. Chỉ có một tâm chân thật duy nhất, ngoài ra không có gì nữa.

Nhân có *phàm* mới đặt tên gọi *thánh*, thật ra *thánh* không có tên gọi; theo nơi *tục* mà hiển lộ *chân*, thật ra *chân* cũng vốn là không có. Hết thấy đều do nơi tên gọi của thể tục, đối đãi mà sanh ra. Tên gọi cũng là không thì nghĩa không cũng chẳng có chỗ nương vào. Nếu thật là bậc đại sĩ căn cơ vượt trội, lẽ nào dựa vào danh tự và thể tướng để phát triển tuyên dương? Khi tiếp xúc với trần cảnh, lúc nào cũng nắm được tông chỉ; gặp duyên đến thì trong tâm vẫn luôn phù hợp với đạo. Đó gọi là *Đệ nhất nghĩa*, là *Tối thượng thừa*. Người đạt được tông chỉ ấy trong đời rất hiếm!

Người xưa dạy rằng: Tông chỉ trọn vẹn rất ít gặp, như hạt cải nơi đầu kim;⁽²⁾ chánh pháp khó tìm, như rùa mù gặp bông cây nổi.⁽³⁾ Nếu chẳng nhờ hạt giống huân tập từ nhiều đời trước, căn lành tích lũy đã lâu, làm sao có thể gặp được văn này, lại tự mình nhận được sự truyền thọ?

⁽¹⁾ Đây nói về mối tương quan qua lại giữa thể tánh và tên gọi. Chúng ta đặt tên một sự vật là dựa vào thể tánh của nó, như ngựa có màu đen nên gọi là ngựa ô, ngựa có màu trắng nên gọi là ngựa bạch... Khi có tên gọi rồi, thì thể tánh của sự vật lại tùy theo tên gọi mà hình thành, chẳng hạn như ngựa ô thì kéo khỏe, ngựa bạch thì chạy nhanh... Nhưng trong thực tế có khi ngựa ô không khỏe bằng ngựa bạch, ngựa bạch không nhanh bằng ngựa ô... Đây gọi là định kiến, hay những khái niệm do chúng ta gán ghép cho sự vật, mà sự gán ghép đó thường khởi đầu từ tên gọi.

⁽²⁾ Hạt cải nơi đầu kim: chuyện rất khó xảy ra, như gieo một số hạt cải lên cây kim dựng đứng, có được một hạt nằm lại ngay trên đầu cây kim là chuyện hiếm có.

⁽³⁾ Rùa mù gặp bông cây nổi: Điển tích rút từ kinh truyện: Có con rùa mù dưới biển sâu, 100 năm mới nổi lên một lần, lại có một cây khô có bông, 100 năm mới trôi qua chỗ con rùa một lần, sự trùng hợp để con rùa nổi lên và chui được vào bông cây là điều rất hiếm có.

Chính vì thế mà người xưa trân trọng Chánh pháp, xem nhẹ tài vật, mang vàng cho không giữa chợ; vì pháp quên thân, đứng giữa sân tuyết phủ. Vàng bạc chỉ là vật chất hư dối bên ngoài, sao bằng giáo pháp tốt cùng? Thân mạng là nghiệp báo một đời, sao sánh được với chân lý rốt ráo?

Nên biết rằng, đối với những lời dạy dỗ uốn nắn chân thật không lúc nào được xao lãng, phải ghi tạc vào xương cốt, khắc sâu trong tâm thức. Chính vì vậy mà xưa kia Trang vương nước Sở xem nhẹ nước lớn ngàn cỗ xe,⁽¹⁾ chỉ

⁽¹⁾ Thời Chiến quốc dựa vào số lượng chiến xa mỗi nước có được để đánh giá nước ấy là lớn hay nhỏ. Nước có được ngàn cỗ xe được xem là nước lớn.

禮佛發願文

歸依十方盡虛空徧法界，不可說，不可說佛刹微塵數世界，過，現，未來佛法僧三寶。

現坐道場，千華臺上百寶光中，萬德世尊，說經教主本師釋迦牟尼佛。

西方極樂世界，大慈，大悲，大願，大力，大聖，世尊，本師阿彌陀佛。

當來下生慈氏如來本師彌勒尊佛。

trọng một lời của Thân Thúc;⁽¹⁾ Phạm Hiến khinh thường muôn mẫu ruộng tốt mà quý nửa câu của người lái thuyền. Đó chỉ là việc thế gian, người ta còn xem nhẹ vật chất, trân trọng lời hay, hướng chi đối với sách *Tông kính* này, lời lời hợp lẽ *vô sanh*, nghĩa lý giúp chứng thành đạo quả, há nên xem nhẹ hay sao?

⁽¹⁾ Sách *Tả tuyện* chép việc Sở Trang vương sau khi diệt nước Trần, Thân Thúc từ nước Tề về, chỉ nói chuyện nước Tề mà không nhắc đến nước Trần. Vua hỏi: 'Ta lấy được nước lớn ngàn cỗ xe, sao nhà người không có một lời mừng?' Thân Thúc tâu: 'Nước Tề thuở xưa có vụ kiện này, thần không xử được, xin vua xử cho.' Vua hỏi: 'Vụ kiện gì?' Thân Thúc nói: 'Có con trâu đạp ruộng lúa, người chủ ruộng bắt lấy con trâu mà không bắt thường lúa.' Vua nói: 'Con trâu đạp lúa có chỗ mà thôi, không phải hư cả ruộng lúa, vậy nên xử cho thường theo giá lúa, không được bắt trâu.' Thân Thúc tâu: 'Vậy vua nước Trần có lỗi chi thì nhà vua đem binh mà trách phạt lỗi ấy thôi, sao lại lấy cả nước và phá hủy tông miếu của người ta?' Sở Trang vương bèn trả nước Trần và lập trả tông miếu như cũ.

Lễ Phật phát nguyện văn

Quy y thập phương tam hõ không biến pháp giới, bát khâuthuyet, bát khâuthuyet Phaï sat vi tran soatheágiõu, quau hieñ, vò lai, Phaï Pháp Tông Tam baõ.

Hieñ toa ñaõ trang, thieñ hoa ñaõ thõõng baõbaõ quang trung, vañ ñõu TheáToañ, thuyet kinh giaõ chuü Boñ sõ Thich-ca Mañ Ni Phaï.

Tay phõõng Cõc læ theágiõu ñaõ tõõ ñaõ bi, ñaõ quyeyñ, ñaõ lõc, ñaõ thanh TheáToañ, Boñ sõ A-di-đà Phaï.

Ñõõng lai hã sanh, Tõõthõ Nhõ Lai, Boñ sõ Di-lặc Toañ Phaï.

大智文殊師利菩薩。大行願王普賢菩薩。
大慈悲父觀世音菩薩。大勢至菩薩。諸尊菩
薩摩訶薩。西天此土一切祖師菩薩。護法列
席諸天菩薩。

復願。不違本誓，不捨慈悲，乞賜天眼遙
觀，天耳遙聞，他心速鑑，爲作證明。

弟子某甲等，從我今身，盡未來際身，誓依
普賢菩薩摩訶薩，不可說無邊行願，及我此四
十八種不可說廣行願，我當生生修學，世世
無違。

信解堅固不可說。
決定無疑不可說。
發菩提心不可說。
持清淨戒不可說。
見佛聞法不可說。
禮敬稱讚不可說。
乘事供養不可說。
懺悔隨喜不可說。
勇猛精進不可說。
慈悲喜捨不可說。

Ñāi trí Văn-thù-sư-lợi Bồ-đà-đạt. Ñāi hành nguyện vô-ông
Phoá-Hiền Bồ-đà-đạt. Ñāi tồ-bi phui-Quan Thế-Án Bồ-đà-đạt. Ñāi
Thế-Chí Bồ-đà-đạt. Chỗ toàn Bồ-đà-đạt ma-ha-tát. Tây thiên thối
niên-ha-thiệt Toasô Bồ-đà-đạt. Hoá-pháp liệt-tịch chỗ thiên Bồ-
đạt.

Phục nguyện, bất vi bản thế-bất xảitồ-bi, khát tồ-thiên
nhiên dieâu quan, thiên nhó dieâu văn, tha tâm toá-giảm, và
tài chồ-minh.

Ñeätôú(moã-giáp) ñámng, tung ngaõkim thaân, taân vô lai téa
thaân, theây Phoá-Hiền Bồ-đà-đạt ma-ha-tát, bất khai-thuyệ vô
biên hành nguyện cập ngaõthôütôutháp bát chùng bát khai
thuyệ quámng ñāi hành nguyện, ngaõñông sanh sanh tu
hồ, theátheávoávi.

Tín giải kiên cố bất khả thuyết.

Quyết định vô nghi bất khả thuyết.

Phát Bồ-đề tâm bất khả thuyết.

Trì thanh tịnh giới bất khả thuyết.

Kiến Phật văn pháp bất khả thuyết.

Lễ kính xưng tán bất khả thuyết.

Thù sự cúng dường bất khả thuyết.

Sám hối tùy hỷ bất khả thuyết.

Dũng mãnh tinh tấn bất khả thuyết.

Từ bi hỷ xả bất khả thuyết.

行無邊行不可說。
 發廣大願不可說。
 修學回向不可說。
 智慧明了不可說。
 法身無量不可說。
 功德莊嚴不可說。
 淨土化身不可說。
 蒙佛授記不可說。
 相好光明不可說。
 圓音善巧不可說。
 總持辦才不可說。
 秘密三昧不可說。
 壽量名號不可說。
 微細甚深不可說。
 真如平等不可說。
 妙用甚深不可說。
 方便知見不可說。
 示成正覺不可說。
 那伽大定不可說。
 師子震吼不可說。

Hành vô biên hạnh bất khả thuyết.
 Phát quảng đại nguyện bất khả thuyết.
 Tu học hồi hướng bất khả thuyết.
 Trí huệ minh liễu bất khả thuyết.
 Pháp thân vô lượng bất khả thuyết.
 Công đức trang nghiêm bất khả thuyết.
 Tịnh độ hóa thân bất khả thuyết.
 Mông Phật thọ ký bất khả thuyết.
 Tướng hảo quang minh bất khả thuyết.
 Viên âm thiện xảo bất khả thuyết.
 Tổng trì biện tài bất khả thuyết.
 Bí mật Tam-muội bất khả thuyết.
 Thọ lượng danh hiệu bất khả thuyết.
 Vi tế thậm thâm bất khả thuyết.
 Chân như bình đẳng bất khả thuyết.
 Diệu dụng thậm thâm bất khả thuyết.
 Phương tiện tri kiến bất khả thuyết.
 Thị thành chánh giác bất khả thuyết.
 Na-già đại định bất khả thuyết.
 Sư tử chấn hống bất khả thuyết.

神通無礙不可說。
 神力無畏不可說。
 降伏衆魔不可說。
 摧破外道不可說。
 分身變化不可說。
 隨類示現不可說。
 轉大法輪不可說。
 普度衆生不可說。
 隨順饒益不可說。
 代衆生苦不可說。
 究竟成熟不可說。
 悉令解脫不可說。
 往生佛國不可說。
 證悟佛乘不可說。
 具諸佛法不可說。
 作諸佛事不可說。
 入佛衆會不可說。
 同佛受樂不可說。

如上所發四十八種廣大行願爲首。誓期滿
 足百萬阿僧祇大願。惟冀，三寶世尊，觀世音

Thần thông vô ngại bất khả thuyết.
 Thần lực vô úy bất khả thuyết.
 Hàng phục chúng ma bất khả thuyết.
 Tồi phá ngoại đạo bất khả thuyết.
 Phân thân biến hóa bất khả thuyết.
 Tùy loại thị hiện bất khả thuyết.
 Chuyển đại pháp luân bất khả thuyết.
 Phổ độ chúng sanh bất khả thuyết.
 Tùy thuận nhiều ích bất khả thuyết.
 Đại chúng sanh khổ bất khả thuyết.
 Cứu cánh thành thực bất khả thuyết.
 Tất linh giải thoát bất khả thuyết.
 Vãng sanh Phật quốc bất khả thuyết.
 Chứng ngộ Phật thừa bất khả thuyết.
 Cụ chư Phật pháp bất khả thuyết.
 Tác chư Phật sự bất khả thuyết.
 Nhập Phật chúng hội bất khả thuyết.
 Đồng Phật thọ lạc bất khả thuyết.

Nhờ thông suốt thấu đạt bài tụng quang âm hành
 nguyện vì thuở Thế kỳ mãn tuở ban muôn a-tăng-kỳ
 nguyện. Duy kỳ Tam bảo Thế Tôn, Quán Thế Âm Bồ Tát,

菩薩，同體慈悲，證明攝受。弟子某等若違一願者，不取正覺。

何以故。阿彌陀佛發願如是，十方諸佛發願亦如是。普賢菩薩發願如是，諸大菩薩發願亦如是。中峰祖師發願如是，歷代祖師發願亦如是。大善知識發願如是，弟子發願亦如是。

今為同學大眾，發願如是，普為法界眾生發願亦如是。如是，如是，無不如是。願同如是恆沙眾，盡入如來願海中。

所有禮讚供養福，
請佛住世轉法輪。
隨喜懺悔諸善根，
回向眾生及佛道。
我昔所造諸惡業，
皆由無始貪瞋癡。
從身語意之所生，
一切我今皆懺悔。
願我臨欲命終時，
盡除一切諸障礙。
面見彼佛阿彌陀，

ñòàng theätöøbi, chöng minh niep thoi ñeätöü(moà ñàng nhöøc vi nhài guyeän giaü baü thuüchành giaü.

Hasó coã A-di-dà Phai phatü guyeän nhö thö. Thap phöông chö Phai phatü guyeän dieü nhö thö, PhoàHieän Boà Tatü phatü guyeän nhö thö. Chö ñai BoàTatü phatü guyeän dieü nhö thö. Trung phong Toäsö, phatü guyeän nhö thö. Lich ñai Toäsö phatü guyeän dieü nhö thö. Niai thieän tri thöü phatü guyeän nhö thö, ñeätöüphatü guyeän dieü nhö thö.

Kim vô ñòàng hoü ñai chümg, phatü guyeän nhö thö, phoà vô phap giöü chümg sanh phatü guyeän dieü nhö thö. Nhö thö nhö thö, voäbaü nhö thö, guyeän ñòàng nhö thö hàng sa chümg, taän nhapü Nhö Lai guyeän haü trung.

Sở hữu lễ tán cúng dường phước.

Thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp luân.

Tùy hỷ sám hối chư thiện căn.

Hồi hướng chúng sanh cập Phật đạo.

Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp.

Giai do vô thỉ tham sân si.

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh.

Nhất thiết ngã kim giai sám hối.

Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời.

Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại.

Diện kiến bỉ Phật A-di-dà.

卽得往生安樂刹。
 我既往生彼國已，
 現前成就此大願。
 一切圓滿盡無餘，
 利樂一切眾生界。
 彼佛衆會咸清淨，
 我時於勝蓮華生。
 親覩如來無量光，
 現前受我菩提記。
 蒙彼如來授記已，
 化身無數百俱胝。
 智力廣大徧十方，
 普利一切眾生界。
 乃至虛空世界盡，
 眾生及業煩惱盡。
 如是一切無盡時，
 我願究竟恒無盡。
 我此普賢殊勝行，
 無邊勝福皆回向。
 普願沈溺諸眾生，
 速往無量光佛刹。

Túc đắc vãng sanh An Lạc sát.
 Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ.
 Hiện tiền thành tựu thủ đại nguyện.
 Nhất thiết viên mãn tận vô dư.
 Lợi lạc nhất thiết chúng sanh giới.
 Bỉ Phật chúng hội hàm thanh tịnh.
 Ngã thời ư thắng liên hoa sanh.
 Thân đở Như Lai vô lượng quang.
 Hiện tiền thọ ngã Bồ-đề ký.
 Mông bỉ Như Lai thọ ký dĩ.
 Hóa thân vô số bách câu chi.
 Trí lực quảng đại biến thập phương.
 Phổ lợi nhất thiết chúng sanh giới.
 Nãi chí hư không thế giới tận.
 Chúng sanh cập nghiệp phiền não tận.
 Như thị nhất thiết vô tận thời.
 Ngã nguyện cứu kính hằng vô tận.
 Ngã thủ Phổ Hiền thù thắng hạnh.
 Vô biên thắng phước giai hồi hướng.
 Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh.
 Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.

願以此功德，
 普及於一切，
 我等與眾生，
 皆共成佛道。
 上報四重恩，
 下濟三塗苦。
 若有見聞者，
 悉發菩提心。
 盡此一報身，
 同生極樂國。
 盡此一報身，
 同生極樂國。
 十方三世一切佛。
 一切菩薩摩訶薩。
 摩訶般若波羅密。

(弟子佛之人，須發此願。不依此願者，不名發菩提心也。)

如上發願文，與諸人作箇樣子。凡有修福念佛禮讚，誦經，乃至毫芒之善，悉皆回向西方。有所歸趣，臨終定生淨土也。

Nguyện dĩ thử công đức.
 Phổ cập ư nhất thiết.
 Ngã đẳng dữ chúng sanh.
 Giai cộng thành Phật đạo.
 Thượng báo tứ trọng ân.
 Hạ tế tam đồ khổ.
 Nhược hữu kiến văn giả,
 Tất phát Bồ-đề tâm.
 Tận thử nhất báo thân.
 Đồng sanh Cực lạc quốc.
 Tận thử nhất báo thân.
 Đồng sanh Cực lạc quốc.
 Thập phương tam thế nhất thiết Phật.
 Nhất thiết Bồ Tát ma-ha-tát.
 Ma-ha-bát-nhã ba-la-mật.

(Ñeätöu Phaï chi nhaân tu phaù thöünguyeän. Baá y thöü
 nguyeän giaü baá danh phaù Bồ-đề tâm daõ)

Nhõ thöüng phaù nguyeän vaân, döõchö nhaân taù caüdaäng
 töü Phaam höü tu phöõü, nieäm Phaï, leätam, tüng kinh, naõ
 chí hao mang chi thieän, taá giai hoà höõng Taý phöông.
 Höü söüquý thuü laâm chung ñình sanh Tành ñoädaõ

諸仁者。果能持此戒，發此願，行此行，非但往生淨土，亦不落於緣覺，聲聞之地。親證普賢境界，直至成佛矣。

30. Bài văn lễ Phật và phát nguyện

Quy y Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai ở các cõi Phật khắp mười phương, cùng khắp hư không pháp giới, không thể nói hết, không thể nói hết các cõi Phật nhiều như số hạt bụi nhỏ.

Hiện ngồi nơi đạo tràng, trên tòa sen ngàn cánh, giữa trăm đạo hào quang là đức Thế Tôn đủ muôn đức hạnh, bậc Giáo chủ thuyết giảng kinh điển, Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Tây phương Cực Lạc thế giới, đại từ, đại bi, đại nguyện, đại lực, Đại Thánh Thế Tôn, Bốn sư A-di-đà Phật.

Đương lai hạ sanh, Từ thị Như Lai, Bốn sư Di-lặc Tôn Phật

Đại Trí Văn-thù-sư-ly Bồ Tát

Đại Hạnh Nguyên Vương Phổ Hiền Bồ Tát

Đại Từ Bi Phụ Quán Thế Âm Bồ Tát

Đại Thế Chí Bồ Tát

Chư tôn Bồ Tát ma-ha-tát

Chồ nhân giaû quaûnaêng trì thồugiôù, phat thồunguyeñ, hanh thồuhanh, phi ñaõ vaõng sanh Tồnh ñoạ dieã baã laõ ö Duyeñ giaû, Thanh vaõ chi ñoà, thañ chòmng PhoáHieñ camh giôù, trồe chí thanh Phaã hyõ

Chư vị Tổ sư Tây thiên⁽¹⁾ Bồ Tát

Hộ Pháp liệt tịch chư thiên Bồ Tát

Ngưỡng nguyện chư vị chẳng trái lời thề xưa, không bỏ đức từ bi, mở lòng dùng sức thiên nhãn thấy xa, thiên nhĩ nghe xa, tha tâm chiếu rõ, chứng minh cho đệ tử.

Đệ tử chúng con từ đời này cho đến mãi mãi các đời sau, nguyện y theo hạnh nguyện vô biên không thể nói hết của đức Đại Bồ Tát Phổ Hiền và y theo bốn mươi tám hạnh nguyện sâu rộng không thể nói hết dưới đây của chính bản thân mình. Chúng con nguyện sẽ đời đời tu học, kiếp kiếp không sai lời đã nguyện. Bốn mươi tám lời nguyện sau đây đều không thể nghĩ bàn, không thể nói hết:

1. Nguyện có niềm tin và sự hiểu biết.
2. Nguyện có sự quyết định chắc chắn không nghi ngờ.
3. Nguyện phát tâm Vô thượng Bồ-đề.
4. Nguyện trì giới thanh tịnh.
5. Nguyện được gặp Phật, nghe Pháp.
6. Nhược thực hành lễ kính, ngợi khen, xưng tụng.

⁽¹⁾ Tây thiên: chỉ Ấn Độ. Các vị Tổ sư ở đây là 28 đời Tổ sư, từ ngài Ca-diếp cho đến Tổ Bồ-đề Đạt-ma, người đầu tiên sang Trung Hoa truyền bá Thiên tông.

7. *Nguyện phụng sự cúng dường.*
8. *Nguyện sám hối tùy hỷ.*
9. *Nguyện dưỡng mãnh tinh tấn.*
10. *Nguyện tu tập từ, bi, hỷ, xả.*
11. *Nguyện thực hành vô biên hạnh nguyện.*
12. *Nguyện phát khởi thế nguyện sâu rộng.*
13. *Nguyện tu học hồi hướng.*
14. *Nguyện được trí huệ sáng suốt rõ ràng.*
15. *Nguyện được Pháp thân vô lượng.*
16. *Nguyện được công đức trang nghiêm.*
17. *Nguyện được hóa thân Tịnh độ.*
18. *Nguyện được Phật thọ ký.*
19. *Nguyện được thân tướng tốt đẹp tỏa sáng.*
20. *Nguyện nói ra âm thanh trọn vẹn, khéo léo.*
21. *Nguyện được đủ các pháp tổng trì, tài biện thuyết.*
22. *Nguyện được các tam-muội bí mật.*
23. *Nguyện được tuổi thọ và danh hiệu vô lượng.*
24. *Nguyện đạt đến sự tinh tế thâm sâu.*
25. *Nguyện đạt được chân như bình đẳng.*
26. *Nguyện được chỗ dùng mẫu nhiệm thâm sâu.*
27. *Nguyện được đủ phương tiện, tri kiến.*
28. *Nguyện thị hiện thi hành đạo Chánh giác.*
29. *Nguyện đạt được Đại định Na-già.*
30. *Nguyện thuyết pháp như tiếng sư tử rống.*
31. *Nguyện được thần thông vô ngại.*
32. *Nguyện được sức thần không sợ sệt.*
33. *Nguyện hàng phục chúng ma.*
34. *Nguyện phá trừ ngoại đạo.*

35. *Nguyện phân thân biến hóa.*
36. *Nguyện tùy chủng loại chúng sanh thị hiện.*
37. *Nguyện chuyển Đại Pháp luân.*
38. *Nguyện cứu độ khắp thấy chúng sanh.*
39. *Nguyện tùy thuận làm lợi ích chúng sanh.*
40. *Nguyện thay chúng sanh chịu mọi khổ não.*
41. *Nguyện đạt đến cứu cánh rốt ráo.*
42. *Nguyện độ thoát hết thấy chúng sanh.*
43. *Nguyện được vãng sanh về cõi Phật.*
44. *Nguyện chứng ngộ Phật thừa.*
45. *Nguyện được đầy đủ pháp Phật.*
46. *Nguyện làm các Phật sự.*
47. *Nguyện được vào hội chúng nơi có Phật.*
48. *Nguyện được hưởng sự an vui như Phật.*

Chúng con nguyện lấy bốn mươi tám hạnh nguyện sâu rộng như trên làm căn bản để thực hành trọn vẹn trăm vạn *a-tăng-kỳ* đại nguyện khác nữa. Ngưỡng nguyện Tam bảo, Thế Tôn, Bồ Tát Quán Thế Âm, cùng một lòng từ bi chứng minh và nhiếp thọ. Nếu chúng con có trái với một lời nguyện nào, thì sẽ không thành Chánh giác.

Vì sao vậy? Vì đức Phật *A-di-đà* phát nguyện như vậy, chư Phật mười phương cũng phát nguyện như vậy. Ngài Bồ Tát Phổ Hiền phát nguyện như vậy, chư đại Bồ Tát cũng phát nguyện như vậy. Đại sư Trung Phong phát nguyện như vậy, chư vị Tổ sư nhiều đời cũng phát nguyện như vậy. Các vị đại thiện tri thức phát nguyện như vậy, đệ tử cũng phát nguyện như vậy.

Nay chúng con vì đại chúng cùng tu học mà phát nguyện như vậy, lại cũng vì chúng sanh trong khắp pháp giới mà phát nguyện như vậy. Như vậy, như vậy, lúc nào cũng như vậy, nguyện cùng với đại chúng số nhiều như cát sông Hằng như vậy, đều vào trong biển hạnh nguyện của Như Lai.

Lễ tán, cúng dường nhờ phước ấy,
Thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp luân.
Tùy hỷ sám hối mọi thiện căn,
Hồi hướng chúng sanh thành Phật đạo.
Xưa kia vốn tạo bao nghiệp ác,
Đều do muôn kiếp tham, sân, si,
Từ thân, miệng, ý tội sanh ra,
Hết thấy, nay con xin sám hối.
Nguyện sao đến lúc con mạng chung,
Bao nhiêu chướng ngại đều dứt hết,
Mắt nhìn thấy Phật A-di-đà,
Liên được vãng sanh cõi An Lạc.
Khi vãng sanh về cõi Phật rồi,
Tức thời thành tựu các đại nguyện,
Trọn vẹn, đầy đủ không khiếm khuyết,
Lợi lạc hết thấy mọi chúng sanh.
Chúng hội cõi Phật đều thanh tịnh,
Con từ hoa sen vượt trội sanh,
Mắt thấy hào quang Phật vô lượng.
Tức thời được thọ ký Bồ-đề.
Nhờ ơn Như Lai thọ ký rồi,
Liên tự hóa thân nhiều vô số,

Trí lực rộng lớn khắp mười phương,
Rộng làm lợi ích mọi chúng sanh.
Cho dù hư không, thế giới tận,
Chúng sanh cùng nghiệp, phiền não tận,
Như vậy hết thấy thời gian tận,
Đại nguyện rốt ráo vẫn không cùng.
Con theo hạnh Phổ Hiền thù thắng,
Thắng phước vô biên đều hồi hướng.
Nguyện khắp bao chúng sanh mê đắm,
Đều nhanh đến cõi Vô Lượng Quang.⁽¹⁾

Nguyện đem công đức này,
Hướng về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật đạo.
Trên báo bốn ân sâu,⁽²⁾
Dưới cứu ba đường khổ.⁽³⁾
Những ai được thấy, nghe,
Đều phát tâm Bồ-đề,
Vừa dứt một báo thân,
Cùng sanh về Cực Lạc.

⁽¹⁾ Vô Lượng Quang, tức Vô Lượng Quang Phật, là danh hiệu khác của đức Phật A-di-đà. Ngoài ra ngài còn được tôn xưng là Vô Lượng Thọ Phật.

⁽²⁾ Bốn ơn sâu (Tứ trọng ân): 1. Ôn cha mẹ, 2. Ôn chúng sanh, 3. Ôn tổ quốc, 4. Ôn Tam bảo.

⁽³⁾ Ba đường khổ (Tam đồ hay Tam ác đạo): gồm có hỏa đồ, huyết đồ và đao đồ, chỉ các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Do nghiệp ác mà chúng sanh phải thọ sanh vào 3 cảnh giới này, chịu nhiều khổ não, nên gọi là Ba đường khổ.

Kính ngưỡng,
Hết thấy chư Phật ba đời trong mười phương.
Hết thấy chư vị Đại Bồ Tát.
Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật!

(Người đệ tử Phật nên phát nguyện như thế này. Những ai không noi theo sự phát nguyện này chưa thể gọi là phát tâm Bồ-đề.)

Bài văn phát nguyện này có thể xem là khuôn mẫu cho mọi người. Phàm những ai có tu phước, niệm Phật, tán lễ,

淨土成佛

蓮宗寶鑑云。金剛定後，菩薩因圓。解脫道中，如來果滿。具四無量心，得四無礙辯。十八種法，不共三乘。十力現前，說法無畏。塵沙或盡，萬行功成。十號俱彰，三身圓顯。

具九十七種大人相。放八萬四千大光明。悲智雙融，福慧兩足。現居十重報土，能垂萬類化身。布大慈雲，雨大法雨。滂沱法界，潤澤群生。咸悟本心，同成正覺。

tụng kinh, cho đến chỉ làm chút ít việc lành, hết thấy đều nên hồi hướng về cảnh giới Tây phương. Đã có chỗ quy hướng như vậy thì khi lâm chung chắc chắn sẽ được vãng sanh về Tịnh độ.

Này các vị! Nếu quả thật có thể trì giới như thế, phát nguyện như thế, thực hành công hạnh như thế, thì không chỉ là được vãng sanh Tịnh độ, mà còn khỏi rơi vào cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác, tự mình chứng nghiệm được cảnh giới Phổ Hiền, thẳng một đường đi tới quả Phật.

Tịnh độ thành Phật

Liên tông bảo giám văn: Kim cang nòng hải, Bồ Tát nhân viên. Giải thoát nòng trung, Nhổ Lai quả mãn. Cui Tòu vô lôông tâm, năc Tòu vô angai biền. Thập bát chúng pháp bát công Tam thừa. Thập lực hiện tiền, thuyết pháp vô uyù Trai sa hoăc tâm, văn hành công thanh. Thập hiệu cui chông, Tam thân viên hiện.

Cui côi thập bát chúng nãi nhân tồông, phông bát văn tồ thiên nãi quang minh. Bi trí song dung, phồu hue lôông tu. Hiện cở thập trông bát nĩa năng thụ văn loại hoà thân. Bồ nãi tồ văn, vuõ nãi pháp vuõ Bang nă pháp giới, nhuân trách quàn sanh. Ham ngoả báo tâm, nòng thanh Chành gia.

選佛若無如是眼，
宗風那得到如今。
願以此功德，
普及於一切，
我等與眾生，
皆共成佛道。

31. Tu Tịnh độ thành Phật

Sách *Liên tông bảo giám* dạy rằng: “Sau khi đạt đại định Kim cang thì nhân Bồ Tát trọn vẹn, vào đạo giải thoát rồi thì quả Như Lai thành tựu. Khi ấy có đủ *Bốn tâm vô lượng*,⁽¹⁾ được *Bốn biện tài không ngăn ngại*,⁽²⁾ Mười tám pháp chẳng cùng với Ba thừa;⁽³⁾ ngay tức thời

⁽¹⁾ Bốn tâm vô lượng: gồm có từ tâm, bi tâm, hỷ tâm và xả tâm.

⁽²⁾ Bốn biện tài không ngăn ngại: Tứ vô ngại biện, cũng gọi là Tứ vô ngại trí hay Tứ vô ngại giải, chỉ bốn khả năng biện luận, thuyết pháp vô ngại biên, Nghĩa vô ngại biện, Từ (lời nói) vô ngại biện, Lạc thuyết vô ngại biện. Đó là bốn tài biện thuyết của hàng Bồ Tát lớn

⁽³⁾ Túc Thập bát bất cộng pháp: Mười tám pháp vượt cao hơn các quả vị Thanh văn, Duyên giác và Bồ Tát thừa, chỉ có bậc giải thoát rốt ráo mới đạt đến, cũng gọi là Thập bát bất cụ pháp, bao gồm: 1. Thân vô thất (Thân không lỗi); 2. Khẩu vô thất (Miệng không lỗi); 3. Niệm vô thất (Ý tưởng không lỗi); 4. Vô dị tưởng (Không có ý tưởng xen tạp); 5. Vô bất định tâm (Không có tâm xao động); 6. Vô bất tri dĩ xả (Chẳng phải không biết chuyện đã bỏ); 7. Dục vô diệt (Sự dục không diệt); 8. Tinh tấn vô diệt (Sự tinh tấn không diệt); 9. Niệm vô diệt (Ý tưởng không diệt); 10. Huệ vô diệt (Trí huệ không diệt); 11. Giải vô diệt (Giải thoát không diệt); 12. Giải thoát tri kiến vô diệt (Giải thoát tri kiến không diệt); 13. Nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành (Hết thấy nghiệp của thân tùy theo trí huệ mà thi hành); 14. Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành (Hết thấy nghiệp của miệng tùy theo trí huệ mà thi hành); 15. Nhất thiết ý nghiệp tùy trí huệ hành (Hết thấy

Tuyển Phật nhược vô như thị nhãn.
Tông phong na đắc đáo như kim.
Nguyện dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thiết
Ngã đẳng dữ chúng sanh
Giai cộng thành Phật đạo.

được *Mười sức*,⁽¹⁾ thuyết pháp không sợ sệt; hết thấy mọi sự sai lầm nghi hoặc nhiều như cát bụi đều dứt sạch, tất cả công hạnh đều thành tựu; *Mười hiệu*⁽²⁾ đầy đủ sáng rõ,

nghiệp của ý tùy theo trí huệ mà thi hành); 16. Trí huệ trí quá khứ thế vô ngại (Trí huệ biết đời quá khứ không ngăn ngại); 17. Trí huệ trí vị lai thế vô ngại (Trí huệ biết đời vị lai không ngăn ngại); 18. Trí huệ trí hiện tại thế vô ngại (Trí huệ biết đời hiện tại không ngăn ngại).

⁽¹⁾ Túc Thập lực hay Thập trí lực, gồm có: 1. Trí thị xứ phi xứ trí lực (知是處非處智力): Biết rõ tính khả thi và tính bất khả thi trong mọi trường hợp; 2. Trí tam thế nghiệp báo trí lực (知三世業報智力): Biết rõ luật nhân quả, tức là nhân nào tạo thành quả nào; 3. Trí nhất thiết sở đạo trí lực (知一切所道智力): Biết rõ các nguyên nhân dẫn đến tái sinh về các cảnh giới khác nhau; 4. Trí chủng chủng giới trí lực (智種種界智力): Biết rõ các thế giới với những yếu tố hình thành; 5. Trí chủng chủng giải trí lực (知種種解智力): Biết rõ cá tính của mỗi chúng sanh; 6. Trí nhất thiết chúng sanh tâm tính trí lực (知一切眾生心性智力): Biết rõ căn cơ học đạo cao thấp của mỗi chúng sanh; 7. Trí chư thiên giải thoát tam-muội trí lực (知諸禪解脫三昧智力): Biết rõ tất cả các phương thức thiền định; 8. Trí túc mệnh vô lậu trí lực (知宿命無漏智力): Biết rõ các tiền kiếp của chính mình; 9. Trí thiên nhãn vô ngại trí lực (知天眼無礙智力): Biết rõ sự hoại diệt và tái sinh của chúng sanh; 10. Trí vĩnh đoạn tập khí trí lực (知永斷習氣智力): Biết các pháp ô nhiễm sẽ chấm dứt như thế nào. (Các trí lực thứ 8, thứ 9 và thứ 10 cũng chính là Tam minh của Phật.)

⁽²⁾ Do thành tựu sự giải thoát rốt ráo nên các đức Phật đều có đủ 10 danh hiệu tôn xưng, mỗi danh hiệu nói lên một khía cạnh siêu việt của đức Phật. Mười hiệu bao gồm: 1. Như Lai, 2. Ứng cúng, 3. Chánh biến tri, 4. Minh

Ba thân⁽¹⁾ hiển bày trọn vẹn; có đủ 97 tướng tốt của bậc đại nhân, phóng ra 84.000 đạo hào quang sáng rực; bi và trí cùng hòa hợp, phước và huệ cùng đầy đủ; thị hiện sống nơi cảnh giới nghiệp báo của *Mười trọng cấm*,⁽²⁾ thường

hạnh phúc, 5. Thiện thế, 6. Thế gian giải, 7. Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, 8. Thiên nhân sư, 9. Phật, 10. Thế Tôn.

⁽¹⁾ Ba thân (Tam thân): mỗi đức Phật đều có đủ ba thân là Pháp thân, Báo thân và Hóa thân.

⁽²⁾ Mười trọng cấm (Thập trọng cấm hay Thập trọng cấm giới), gồm có: 1. Sát giới: không giết hại bất cứ sanh mạng nào, 2. Đạo giới: không trộm cắp, lường gạt tài vật của người khác, 3. Dâm giới: giữ theo đúng lễ nghi phép tắc trong giao tiếp nam nữ, không làm việc dâm dục, 4. Vọng ngữ giới: thường nói ra lời chân thật, không lừa dối người khác, 5. Cô tửu giới: rượu có thể làm cho tâm trí mê loạn, không tỉnh táo, nên không uống rượu, cũng không mua bán rượu, 6. Thuyết tử chúng quá giới: không nói lỗi của hàng tứ chúng, tức là hàng tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc (cư sĩ nam) và ưu-bà-di (cư sĩ nữ), 7. Tự tán huỷ tha giới: không tự cho mình là hay giỏi mà chê bai, khinh mạn người khác, 8. Xan tích gia huỷ giới: không tham lam tích lũy tài vật, thường buông xả những vật sở hữu, 9. Sân tâm bất thọ hối giới: không khởi tâm sân hận, hờn giận người khác, sẵn lòng tha thứ, chấp nhận sự ăn năn hối lỗi của kẻ khác, 10. Báng Tam bảo giới: thường cung kính, tôn trọng Tam bảo, không chê bai huỷ báng. Mười trọng cấm này thường áp dụng đối với người xuất gia, còn đối với hàng cư sĩ thì là Thập ác hay Thập bất thiện nghiệp, gồm có: 1. Sát sanh, 2. Trộm cắp, 3. Tà dâm, 4. Vọng ngữ, 5. Ý ngữ, 6. Lưỡng thiệt, 7. Ác khẩu, 8. Tham dục, 9. Sân nhuế, 10. Tà kiến. Những điều kể trên đều là những ác nghiệp dẫn đến thọ sanh vào những cảnh giới xấu ác.



thương xót muôn loài mà hóa thân, làm đám mây lành đại từ che mát, tưới cơn mưa lớn Chánh pháp thấm nhuần pháp giới, tưới mát cả quần sanh, khiến cho tất cả đều tự thấy bản tâm, cùng thành Chánh giác.

*Học Phật nếu không nhìn chân thật,
Tông phong sao đến được chỗ này?*

*Nguyện đem công đức này,
Hương về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật đạo.*



歸元直指

卷下

辨明異端

太原，王先生，名中，字克平，問空谷禪師曰。論語云。攻乎異端斯害也已。晦菴指佛老爲異端。此說何如。

空谷曰。異端者，雜學也。孔子謂習於雜學，則害於正道之學。直言而已，且無蘊奧。朱子何以拘直爲曲乎。孔子存時，佛法未至中國。孔子惟聞佛之道德，故稱西方有大聖人。

漢明帝時，佛法纔至中國，孔子已沒六百年矣。是故孔子不見佛法也。既不見佛法，指佛何法爲異端乎。佛法既爲異端，孔子何以指佛爲聖人乎。

老死既爲異端，孔子何以言曰。老聃博古知今，則吾師也。是以博問老子之後，傳誦其

QUY NGUYÊN TRỰC CHỈ

QUYỂN HẠ

Biện minh dị đoan

Thầy Nguyễn, Vương tiên sinh, danh Trung, tời Khắc Bình, vấn Không Cô thiên sơ viết: *Luyện ngữ vấn: Công hoà độ ãoan, tở hải dã dĩ. Hoá Am chæPhái, Lão vi độ ãoan, thõuthuyệ hãnhõ?*

Không Cô viết: Độ ãoan giãu tập hồ dã Không tõi vò tập ỗ tập hồ, táe hải ỗ chãnh ããb chi hồ. Trõx ngoãn nhi độ, thãuvoãuãn ãõ. Chãu tõihaødó caũ trõx vi khuõ ho? Không tõi tõi thõũ, Phã phãp vò chí Trung Quốc, Không tõi duy vãn Phã chi ããb ãõũ, coãxõng tãũ phõõng hõũ ããi thãnh nhãn.

Hãm Minh ãẽãthõũ, Phã phãp tãũ chí Trung Quốc, Không tõi độ mõi lữc bãũh ãẽã hyõ Thõ coã Không tõi bãũ kiẽã Phã phãp dã Kyũ bãũ kiẽã Phã phãp, chæ Phã hã phãp vi độ ãoan ho? Phã phãp kyũ vi độ ãoan, Không tõi haødó chæ Phã vi thãnh nhãn ho?

Lão tõi kyũ vi độ ãoan, Không tõi haødó ngoãn viết: Lão ãũ bãũ coã tĩ kim, táe ngoã sũ dã Thõ độ bãũ vãn Lão tõi

語，以示門弟子焉。晦菴非惟曲排佛老，亦悖孔子崇尚佛老也。

後世指佛老為異端者，圖掩其德，設此逢蒙之計也。後學自無所燭者，未免隨人指呼，效而言之，喚鐘作甕也。一朝學到李屏山，林希逸，而至景濂，大章諸公之地，自能識破矣。

夫佛老者，道學也。指道學為異端者，其為智乎，不智乎。其為善心乎，謾人乎。汝亦學理者，猶未識破也。今識破之後，不可死於一人，半人之語乎。韓子未知佛法之前，所以排佛。及見大顛禪師之後，深敬佛法。

晦菴潛心佛學，可謂博矣。其排佛者，心病也。苟不排佛，則後學多看佛書。凡看佛書，則見其心病矣。晦菴密設牆壑，關住後學，令後學欲歸於己，是以力排佛也。要顯自己之功，圖掩他人之德。是何心乎。

詩曰。

采苓采苓，
首陽之巔。

chi haai, truyen tuing kyongoo do tho moan neatouyea? Hoá Am phi duy khuu baó Phaí, Laó, dieá boá Khoáng tötsung thöông Phaí, Laó daó

Haai theachæ Phaí, Laó vi dò ñoan giaü ñoàyeam kyõñöü, thieá thöü Bang Moäng chi keádaó Haai hoé töivoásöüchuü giaü vô mieñ tuy nhañ chæhoá hieü nhi ngoan chi, hoam chung taü uing daó Nhaí trieü hoé ñaü Lyü Bình Sơn, Lañ Hy Daí, nhi chí Camh Lieñ, Ñaí Chöông chö công chi ñöa, töinaäng thöü phauhyö

Phuó Phaí, Laó giaü ñaü hoé daó Chæ ñaü hoé vi dò ñoan giaü kyövi trí hoá baí trí hoá Kyövi thieñ tañ hoá mañ nhañ hoá Nhöödieá hoé lyü giaü du vô thöü phaüdaó Kim thöü phaü chi haai, baí khaütöüö nhaí nhañ bañ nhañ chi ngöóhoá Ham töüvö tri Phaí phaü chi tieñ, söü dó baó Phaí. Caü kieñ Ñaí Ñieñ Thieñ sö chi haai, thañ kính Phaí phaü.

Hoá Am tieñ tañ Phaí hoé, khaüvö baü hyö Kyöbaó Phaí giaü tañ beñh daó Caü baí baó Phaí, taé haai hoé ña khañ Phaí thö. Pham khañ Phaí thö, taé kieñ kyötañ beñh hyö Hoá Am maí thuyé tööng tieñ, quan truñhaai hoé, linh haai hoé dư ö kyü thö dó löc baó Phaí daó Yeü hieñ töi kyüchi công, ñoàyeam tha nhañ chi ñöü, thö hañtañ hoé

Thi vieá:

Thái linh thái linh.

Thủ dương chi điền.

人之爲言，
苟亦無信。
舍旃舍旃，
苟亦無然。
人之爲言，
胡得焉。

此之謂也。

曰。師言明矣。孔子崇尚佛老，諸書具載。晦菴排之，實悖孔子也。吾儕未之思耳。余雖未常排佛，然亦因其排，故余亦惑之，未克篤敬於佛。

今也反而思之，余害至德甚矣。是爲大謬。痛心疾首，悔而追之，不可得已。自今而後，受佛明教，歸依禮敬，庶爲補過之萬一矣。

Nhân chi vi ngôn.

Cẩu diệc vô tín.

Xả chiên xả chiên.

Cẩu diệc vô nhiên.

Nhân chi vi ngôn.

Hồ đắc yên?

Thôuchi và đả

Vieá: Sô ngoân minh hyô Khoâng töusung thöông Phaã, Laõ, chö thö cũtaũ. Hoá Am baó chi, thaã boã Khoâng töüdaõ Ngoãsaó và chi tö nhó. Dö tuy và thöông baó Phaã, nhieãn dieã nhaãn kyóbaó, coá dö dieã hoacé chi, và khaé ñoá kính ö Phaã.

Kim daõphaũ nhi tö chi, dö haĩ chí ñöü thaãm hyô Thò vi ñaĩ maũ. Thöng taãn taũ thuũ hoá nhi truy chi, baó khaũñaé dö. Töikim nhi haũ, thoiPhaã minh giaõ, quy y leãkính, thöü vi boáquaüchi vàn nhaã hyô

1. Biện minh lẽ dị đoan

Tiên sanh Vương Trung, tự Khắc Bình, người Thái Nguyên, thưa hỏi thiền sư Không Cốc rằng: “Sách *Luận ngữ* nói: ‘Để tâm nghiên cứu những thuyết dị đoan tà lệch là có hại.’ Hối Am⁽¹⁾ lại cho rằng đạo Phật và đạo Lão đều là dị đoan tà lệch, lời ấy thế nào?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Nói dị đoan tà lệch là để chỉ những học thuyết hỗn tạp, không chính đáng. Khổng tử nói: ‘Nếu theo cái học hỗn tạp ắt phải có hại cho đường học chân chánh.’ Đó là lời nói thẳng thắn, rõ ràng, không có gì uẩn khúc, ẩn ý, vì sao *Chu tử*⁽²⁾ lại uốn ngay thành cong? Vào thời Khổng tử, đạo Phật chưa truyền tới Trung Hoa. Khổng tử chỉ được nghe nói về đạo đức của Phật, đã ngợi khen rằng: ‘Phương tây⁽³⁾ có bậc đại thánh nhân.’

“Đời *Hán Minh đế*,⁽⁴⁾ pháp Phật mới chính thức truyền

⁽¹⁾ Hối Am là hiệu của Chu tử, chính tên là Chu Hy. Hối Am là gọi theo tên ngôi nhà mà Chu tử từng giảng dạy học trò vào đời Tống (960-1279), nay thuộc huyện Kiến Dương, tỉnh Phúc Kiến, nằm về phía tây bắc núi Vân Cốc. Học thuyết của Chu Hy được một số nhà Nho tin theo. Ông cũng có hiệu là Tháo Đường, nhờ có kiến thức rộng nên được vua Lý Tông đời Tống phong chức Thái sử, tước Huy quốc công. Ông ban đầu theo học Phật, về sau làm việc biên tập và chú giải các sách Nho như Tứ thư, Ngũ kinh...

⁽²⁾ Tức Hối Am.

⁽³⁾ Phương tây: chỉ Ấn Độ, vì nằm về phía tây Trung Hoa.

⁽⁴⁾ Tức vào đời Hậu Hán, sau loạn Vương Mãng, thuộc thế kỷ thứ nhất. Hán Minh đế ở ngôi từ năm 58 đến năm 75. Vào năm Ất Sửu (65), vị vua này đã phái một sứ bộ do Sái Âm dẫn đầu sang Ấn Độ để cầu thỉnh kinh tượng và mời chư tăng sang truyền bá đạo Phật. Thật ra thì đạo Phật đã bắt đầu được truyền đến Trung Hoa từ đời Hán Bình đế, vào khoảng năm đầu tiên của Công nguyên.

đến Trung Hoa. Lúc ấy, Khổng tử đã mất hơn 600 năm rồi. Như vậy, Khổng tử thật không được biết đến pháp Phật. Đã không biết đến pháp Phật thì chỉ vào pháp nào của Phật mà cho là dị đoan tà lệch? Hơn nữa, nếu pháp Phật đã là dị đoan tà lệch, vì sao Khổng tử lại ngợi khen Phật là bậc đại thánh nhân?

“Còn như nói Lão tử là dị đoan tà lệch, vì sao Khổng tử lại có lời khen rằng: ‘Lão Đan là người hiểu thấu việc xưa nay, thật đáng làm thầy ta.’ Vì thế, sau khi thưa hỏi nhiều việc với Lão tử, Khổng tử đã đem lời của Lão tử truyền dạy lại cho các đệ tử của mình.

“Hối Am như vậy không chỉ dùng lời sai lệch bài bác đạo Phật và đạo Lão, mà còn phản bội sự tôn kính của Khổng tử⁽¹⁾ đối với đạo Phật và đạo Lão.

“Người đời sau có kẻ cho rằng pháp Phật với đạo Lão là dị đoan, tà lệch, làm che lấp đức sáng của Phật Lão, đều do ở cái mưu kế Bàng Mông phản thầy của Hối Am.⁽²⁾ Vì kẻ hậu học không tự mình sáng tỏ mới rơi vào chỗ chỉ biết nói theo người khác, nhìn thấy chuông đồng lại gọi là cái lu! Đến khi sự học đạt đến mức như các ông Lý Bình

⁽¹⁾ Hối Am bài xích Phật Lão, tự nhận mình là người đạo Nho nhưng lại nói ngược lời Khổng tử, nên nói là phản bội.

⁽²⁾ Mưu kế Bàng Mông phản thầy của Hối Am: Vào đời nhà Hạ, khoảng 2.000 năm trước Công nguyên, Bàng Mông học bắn cung với Hậu Nghệ. Học xong, suy nghĩ rằng: ‘Trong thiên hạ chỉ có Nghệ là hơn ta mà thôi.’ Bàng Mông liền mưu việc giết thầy để thành người bắn giỏi nhất. Trường hợp của Hối Am cũng vậy, ông theo học pháp Phật để rồi trở lại tìm cách bài bác đạo Phật, cũng có thể gọi là phản thầy.

Sơn, Lâm Hy Dật... hoặc được như các vị Cảnh Liêm, Đại Chương... thì tự nhiên sẽ có thể thấu hiểu mà nhận biết được.

“Học thuyết của Phật với Lão đều là theo đạo lý. Thử hỏi, nếu bảo học theo đạo lý là dị đoan thì ấy là người sáng suốt hay là kẻ ngu si? Là người có lòng tốt hay là kẻ dối trá? Ông cũng là người học theo đạo lý nhưng chưa nhận biết được lẽ ấy. Nay sau khi đã nhận biết được rồi, đừng nên rơi vào chỗ sai lầm chỉ vì lời nói của kẻ khác.

“Hàn tử⁽¹⁾ khi chưa học biết pháp Phật thì bài bác, đến sau khi được gặp thiền sư Đại Điền thì hết lòng tôn kính pháp Phật. Hối Am ngấm ngấm học Phật, cũng có thể gọi là biết nhiều hiểu rộng, nhưng quay sang bài bác đạo Phật là vì trong lòng còn có chỗ sai lệch, khiếm khuyết. Nếu không bài bác thì e rằng những kẻ hậu học ắt sẽ có nhiều người đọc kinh sách Phật. Khi đọc kinh sách Phật ắt sẽ thấy rõ chỗ sai lệch, khiếm khuyết của mình. Vì thế mà Hối Am mới âm thầm rào chắn, ngăn cản hàng hậu học, khiến cho họ tin tưởng theo ông. Đó là lý do ông cố sức bài bác đạo Phật. Vì muốn khoe bày công trạng của mình mà cố sức che giấu đức độ của người khác, lòng dạ như vậy là thế nào?

⁽¹⁾ Tức Hàn Dũ, một bậc danh nho sống vào đời nhà Đường, có làm bài văn tế cá sấu rất nổi tiếng. Về sau, ở nước ta có Nguyễn Thuyên cũng có văn tãi, làm bài văn tế cá sấu bằng văn Nôm rất hay, được vua đổi họ thành Hàn Thuyên là do liên hệ với câu chuyện của Hàn Dũ.

“Kinh Thi có đoạn:

*Hái rau linh, hái rau linh,
Núi Thủ Dương phải lên tận đỉnh.⁽¹⁾
Chỉ là chuyện bịa đặt thôi,
Chớ nên nhẹ dạ cả tin lời người.
Nghe rồi để lọt qua tai,
Thì lời bịa đặt gạt ai được nào?*

“Cũng chính là nói lên ý nghĩa này.”

Vương Trung thưa: “Lời thầy dạy rất rõ. Việc đức Khổng tử tôn kính Phật và Lão, trong các sách đều có nói. Hối Am chê bai, thật trái ngược với ý của Khổng tử. Chúng tôi thật chưa suy xét chỗ đó. Tuy tôi chưa từng bài bác đạo Phật, nhưng nghe theo lời chê bai của Hối Am cũng là lầm lạc. Vì thế mà chưa hết lòng kính ngưỡng pháp Phật. Nay xét lại rất có hại cho đức hạnh của chính mình, đó thật là lỗi lầm rất lớn. Nay tôi lấy làm đau xót, ăn năn hối hận, nhưng việc đã lỡ rồi! Từ nay xin nhận lãnh giáo pháp sáng suốt của đức Phật, qui y lễ kính, mong sửa đổi được lỗi lầm trong muôn một!”

⁽¹⁾ Rau linh, có nơi hiểu là rau đắng, là loại rau mọc nơi ẩm thấp, nên dùng trong bài này để nói rõ lời bịa đặt vô lý chẳng nên tin theo, vì làm sao lên đỉnh núi mà có thể hái được rau linh?

辯明楊墨

太原曰。或謂佛學爲九流之數，又類楊墨之流。此事實然不。

空谷曰。甚矣。子胡不知也。九流載於史記。漢武帝時，司馬相如之所述也。此時未有佛法，何以知佛爲九流也。夫楊墨一行之士也。佛是弘道大聖人也。豈可類於楊墨耶。

楊墨以行事爲教，無大道之法言。孟子非之。公非也。佛以大道爲教，統天地三教之極祖也。惜相如之不遇乎。遇則推尊而尚之。必有可觀也。

曰。佛有兼愛，近乎墨也。

曰。慈悲喜捨，佛之德也。豈是溺情汨志之愛乎。慈悲之愛也，德也。溺情之愛者，私也。韓昌黎曰。博愛之謂仁。此流於情而混淆也。

孔子曰。博施於民而能濟衆，必也聖乎。孟子曰。惻隱之心，仁之端也。孔孟非溺情汨志，亦非真妄混淆。故可與慈悲之愛相表裏。

Biện minh Dương, Mặc

Thần Nguyên viết: Hoaë vò Phái hoặ vi cõu lờu chi soá hõu loaï Dõng, Mã chi lờu, thõisõithaï nhiên phuđ

Khoàng cóá viết: Thãm hyộ tũuhoàbaá tri dađ Cõu lờu taú ö Sõukyü Hãm Voõneáthõá, Tõ MãTõng Nhõ chi sõuthuaá dađ Thõuthõá vò hõu Phái phạp, hađó tri Phái vi cõu lờu dađ PhuoDõng, Mã nhaá hãm chi số dađ Phái thò hoàng ñađ ñaï thañh nhañ dađ khõu khauloaï ö Dõng, Mã da?

Dõng, Mã dó hãm sõi vi giađ, voãñaï ñađ chi phạp ngoãn. Mãnh tũphi chi, coång phi dađ Phái dó ñaï ñađ vi giađ, thõng thieñ ñõa tam giađ chi cõr toádađ Tích Tõng Nhõ chi baá ngoãhoặ ngoãtaé suy toãn nhi thõõng chi, taá hõu khaûquan dađ

Viết: Phái hõu kieñ aù, cañ hoặMã dađ

Viết: Tõõbi hyûxaùPhái chi ñõu dađ khõu thò nòch tình mừch chí chi aù hoặ Tõõbi chi aù giaü ñõu dađ Nòch tình chi aù giaü tõ dađ Hãm Xõng Leáviết: Baù aù chi vò nhañ. Thõulõu ö tình nhi hoã hađ dađ

Khoàng tũuviết: Baù thí ö dañ nhi naõng teáchuõng, taá dađ thañh hoặ Mãnh tũuviết: Traé añ chi tañ, nhañ chi ñõan dađ Khoàng Mãnh phi nòch tình cóá chí, dieã phi chañ voõng hoã hađ, cóakhaüdõõtõõbi chi aù tõõng bieñ lyù

嗚呼。儒宗以綱常爲先，明道兼之。釋宗以明道爲先，綱常兼之。衆人觀之似乎不同。達人觀之而實同也。

法華經云。是法住法位，世間相常住。若說俗間經書，治世語言，貲資生業等皆順正法。

華嚴經云。佛法不異世間法，世間法不異佛法。若如是，豈無綱常之道耶。

老子曰。愛民治國能無爲乎。凡如是者，佛老皆有綱常也。既有綱常之道，豈不忠於君，不孝於親，不修道德，不弘仁義。由此觀之，佛老豈違綱常乎。

三教聖人鼎立天下，司大道之化權也。既不識佛老之道，是不智也。曲排佛老，是無仁也。

孔孟之學教人學仁義也。讀其書而遺其仁義，輒攻於文藝乎。恃彼文藝肆於己意，而至曲排佛老，誤之甚矣。喪其心德，亦誤後學。諸人當自省察而已矣。

Oảhoá Nho toàng dó cang thөөng vi tieân, minh ñaõ kieân chi. Thích toàng dó minh ñaõ vi tieân, cang thөөng kieân chi. Chuùng nhaân quan chi töi hoàbaá ñoàng, ñaã nhaân quan chi nhi thaã ñoàng daõ

Phaật Hoa kinh vaãn: Thò phaật trúi phaật vò, theágian tööng thөөng trúi Nhөөt thuyéa túc gian kinh thөө, trò theá ngööngoân, tö sanh nghiệp ñaúng, giai thuaãn chañh phaật.

Hoa Nghiêân kinh vaãn: Phaã phaật baá dò theágian phaật, theágian phaật baá dò Phaã phaật. Nhөөt nhөө thөө, khөө vi cang thөөng chi ñaõ da?

Laõ töüvieã: Aũ daãn trò quoaác naêng voãvi hoã? Phaãm nhөө thөө giaũ Phaã, Laõ giai höũ cang thөөng daõ Kyühöũ cang thөөng chi ñaõ, khөө baá trung ö quaân, baá hieã ö thaãn, baá tu ñaõ ñөө, baá hoàng nhaân nghóa? Do thөөquan chi, Phaã, Laõ khөө vi cang thөөng hoã?

Tam giaõ thanh nhaân ñanh læp thieãn haã tö ñaã ñaõ chi hoã quyèa daõ Kyùbaá thөө Phaã, Laõ chi ñaõ, thөө baá trí daõ Khuè baá Phaã, Laõ, thөө voãhaãn daõ

Khoàng, Mãnh chi hoã, giaõ nhaãn hoã nhaãn nghóa daõ Ñөө kyøthөө nhi di kyønhhaãn nghóa, triệp coàng ö vaãn ngheã hoã Thөө bævaãn ngheätөө kyüyü nhi chí khuè baá Phaã, Laõ, ngoãchi thaãn hyõ Tàng kyøtaãn ñөө, dieã ngoãhaãn hoã, chөө nhaãn ñөөng töitanh saũ nhi dó hyõ

2. Biện minh về học thuyết Dương, Mặc⁽¹⁾

Ông Vương Trung người ở Thái Nguyên thưa hỏi: “Có người nói đạo Phật là một trong chín học phái,⁽²⁾ lại có người xem đạo Phật cũng tương tự như các học phái của họ Dương, họ Mặc. Việc ấy có đúng chăng?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Thật là sai lầm quá lắm, sao ông lại không biết? Chín học phái mà ông nói đó, có chép trong sách *Sử ký* do Tư Mã Thiên⁽³⁾ trước thuật vào

⁽¹⁾ Dương Châu và Mặc Dịch là hai người đã đề xướng hai chủ thuyết khác nhau. Dương Châu người đời Chiến quốc (403-256 trước Tây lịch), đề xướng thuyết Vị ngã, hay Tự lợi. Theo thuyết này, dù nhỏ bỏ một sợi lông của mình mà có lợi cho cả thiên hạ cũng chẳng làm, vì nhấn mạnh đến lợi ích của tự thân. Mạnh tử từng chê bỏ thuyết này, cho rằng những kẻ theo thuyết ấy thì không biết liều thân vì nước. Mặc Dịch cũng người đời Chiến quốc, sanh ra sau Lão tử và Khổng tử nhưng trước Liệt tử, Trang tử và Mạnh tử. Ông học theo thuyết Lão, sau đề xướng thuyết Kiêm ái, hay Bác ái. Theo thuyết này, người ta phải thương yêu tất cả mọi người như nhau, chẳng phân biệt kẻ thân người sơ. Mạnh tử chê bỏ thuyết Mặc Dịch, bảo là thuyết của hạng không có cha, vì không thương cha mình hơn kẻ xa lạ. Tuy vậy, cả hai thuyết này đều đã từng giành được sự ủng hộ của một số người.

⁽²⁾ Chín học phái (Cửu lưu): Chỉ các phái 1. Nho học: xuất phát từ đời vua Nghiêu nhà Đường, vua Thuấn nhà Ngu, đến đời nhà Châu được Khổng tử san định và phát huy, lưu truyền mãi về sau. 2. Đạo học: Xuất phát từ học thuyết của Lão tử, nhưng lại thiên về việc tu dưỡng tinh thần, luyện thuật trường sanh. 3. Âm dương học: dựa theo kinh Dịch của Nho giáo, nhưng thiên về việc xem thiên tượng, thời vận. 4. Pháp học: chuyên sâu về việc sử dụng hình pháp, thể chế để cai trị thiên hạ. 5. Danh học: chuyên sâu về việc phân biệt các khái niệm, tên gọi. 6. Mặc học: tức học thuyết của Mặc Dịch. 7. Tung hoành học: học phái thiên về giới chính trị, cầm quyền. 8. Tạp học: học phái lẫn lộn giữa các phái Nho, Mặc... 9. Nông học: học phái chuyên sâu về các vấn đề nông học.

⁽³⁾ Nguyên tác ghi là Tư Mã Tương Như, chắc có sự nhầm lẫn, vì người trước thuật sách *Sử ký* là Tư Mã Thiên, tự là Tử Trường. Sách này có nhắc đến chín học phái trong các phần Thế gia, Liệt truyện. Tư Mã Tương Như là một nhân vật khác đồng thời, nhưng không phải tác giả sách *Sử ký*.

đời vua Hán Võ đế.⁽¹⁾ Thời ấy ở Trung Hoa chưa có Phật pháp, làm sao nói rằng đạo Phật là một trong chín học phái? Hai ông Dương, Mặc chỉ là những người đề xướng một cách sống riêng, còn đức Phật là bậc Đại Thánh khai mở một đạo lớn, há có thể xem là tương tự như Dương, Mặc hay sao?

“Họ Dương, họ Mặc lấy việc làm mà dạy người, không có giáo pháp, đạo lý. Mạnh tử đã từng chê bỏ hai phái ấy, thiên hạ cũng đều chê. Còn Phật theo đạo lớn mà dạy dỗ, bao gồm hết cả Tam giáo trong trời đất. Chỉ tiếc là Tư Mã Thiên chẳng được gặp Phật. Nếu gặp ắt phải suy tôn, kính chuộng và nhận ra được chỗ tốt đẹp đáng học hỏi.”

Vương Trung lại hỏi: “Đạo Phật có nói đến tình thương bình đẳng bao trùm, chẳng phải cũng gần gũi với học thuyết của họ Mặc đó sao?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Các đức tánh từ, bi, hỷ, xả của đạo Phật không phải là thứ tình duyên ái mê đắm. Lòng yêu thương của từ bi gọi là đạo đức, còn sự duyên ái mê đắm chỉ là thứ tình cảm riêng tư mà thôi.

“Hàn Xương Lê⁽²⁾ có nói: ‘Tình thương rộng khắp là đức nhân, nếu vướng vào tình riêng thì thành ra hỗn tạp, rối loạn.’”

⁽¹⁾ Khoảng 140-85 trước Dương lịch.

⁽²⁾ Hàn Xương Lê tức là Hàn Dũ, cũng gọi là Hàn tử, có nhắc đến ở bài trước. Hàn Dũ là người có văn tài vào đời nhà Đường, đỗ tiến sĩ và ra làm quan ở triều đình. Đời vua Hiến Tông (806-820), Hàn Dũ dâng biểu ngăn cản việc vua và triều đình sùng thượng đạo Phật. Trong tờ biểu, ông dùng văn chương rất hay, đưa ra đủ lý lẽ công kích, bài bác đạo Phật. Vua không vừa lòng, bãi chức ông và đày đi xa. Về sau, Hàn Dũ gặp được thiền sư Đại Diên, nghe giảng giải Chánh pháp và thấu hiểu, trở thành người sùng mộ đạo Phật. Qua đầu nhà Tống (thế kỷ 10), triều đình xét ông là bậc văn tài lỗi lạc bèn truy phong cho ông. Vì trước ông từng ở xứ Xương Lê nên vua Tống truy phong cho ông tước Xương Lê bá. Vì vậy cho nên đời sau thường gọi ông là Hàn Xương Lê.

“Khổng tử dạy rằng: ‘Người nào mang tài vật thí khắp muôn dân, lại hay cứu giúp tất cả mọi người, ắt phải xưng đó là bậc thánh.’ Mạnh tử nói: ‘Lòng trắc ẩn là đầu mối của đức nhân.’

“Lời dạy của hai vị Khổng, Mạnh không theo tình riêng mê đắm, cũng không lẫn lộn giữa chân thật và giả dối, nên có thể so với lòng từ bi của nhà Phật, trong ngoài đều có chỗ tương hợp.

“Ôi! Đạo Nho dạy trước phải giữ theo cang thường, nhờ đó tự nhiên sáng rõ đạo lý. Đạo Phật dạy trước phải sáng rõ đạo lý, sau đó tự nhiên thuận theo cang thường. Người đời xem qua có vẻ như khác biệt, nhưng kẻ thông đạt thì thấy thật ra là giống nhau.

“Kinh *Pháp hoa* dạy: ‘Pháp trụ ở ngôi pháp, tướng thế gian vẫn còn.’ Nên dù có giảng thuyết kinh sách thế gian, nói ra những lẽ an dân trị nước, hay chỉ dạy các nghề nghiệp mưu sanh, hết thảy đều là thuận theo Chánh pháp.

“Kinh *Hoa nghiêm* dạy: ‘Pháp Phật không khác với pháp thế gian, pháp thế gian không khác với pháp Phật.’ Như vậy, lẽ nào lại là đạo không có cang thường hay sao?⁽¹⁾

⁽¹⁾ Những người công kích đạo Phật cho rằng “đạo Phật là đạo không có lẽ cang thường”, vì họ nghĩ chỉ có Nho giáo mới dạy lẽ cang thường mà thôi.

“Lão tử nói: ‘Yêu dân, trị nước, há có thể không làm được sao?’⁽¹⁾ Như vậy thì đạo Phật và đạo Lão cũng đều thuận theo cang thường. Đã thuận theo cang thường, lẽ nào lại không có lòng trung với đất nước, không hiếu thảo với cha mẹ, không tu dưỡng đạo đức, không rộng làm việc nhân nghĩa hay sao? Xét theo đó thì đạo Phật và đạo Lão lẽ nào lại trái với cang thường hay sao?

“Ba vị Thánh nhân của Tam giáo ví như ba chân vạc đứng vững trong thiên hạ, giữ quyền giáo hóa đại đạo. Nếu không biết đến hai đạo Phật, Lão là người không có trí, còn bài bác Phật, Lão là thiếu mất đức nhân.

“Học thuyết Khổng, Mạnh dạy người ta những điều nhân nghĩa. Kẻ đọc sách Nho mà bỏ mất điều nhân nghĩa, lẽ nào chỉ chú trọng ở phần văn chương khéo léo thôi sao? Bởi chỉ dựa vào chỗ văn chương bóng bẩy nên mới theo ý riêng của mình mà sai lệch bài bác Phật, Lão, thật là sai lầm biết bao! Đã tự mình đánh mất tinh thần đạo đức, còn làm cho những người hậu học phải lầm lạc, các ông phải tự mình tỉnh táo mà xét kỹ lẽ ấy.”

⁽¹⁾ Câu này trích từ chương thứ 10 trong quyển Đạo đức kinh, khác với bản thông dụng do Vương Bật chú giải, vì bản này ghi là “yêu nước, trị dân”; nhưng lại giống với cổ bản Mã Vương Đồi vừa tìm được gần đây. Phải chăng vào thời ngài Tống Bồn thì bản Mã Vương Đồi vẫn còn được lưu hành?

辨明虛無寂滅

太原曰。晦菴所惡，虛無寂滅之教。新安陳氏曰。老氏虛無，佛氏寂滅。此說如何。

空谷曰。虛無寂滅有權實二義。

以權言之，則虛無寂滅是空幻之語。凡夫執有，小乘執空，中乘執不有不空。大乘當體卽空，不墮衆數。妙有非有，真空不空。不立一塵，不捨一法。縱橫逆順，法法全真。

是故大覺世尊爲破凡夫之有故，乃曰此身虛幻，令心寂滅。爲破小乘之空故，乃責其陷於解脫深坑，令求出離。爲破中乘之不有不空故，乃責其縛於幻有，令求大乘。此皆善權方便之術也。

以實言之，則虛無寂滅是萬有之母，出生天地人物，動植飛潛，而至萬法者也。佛教曰。從無住本，立一切法。乃至無有少法可得，然燈佛爲我授記。

Biện minh hư vô tịch diệt

Thái Nguyên viết: Hoá Am sôuôahô vôâtôch dieã chi giaò. Tân An Trần thò viết: Lão thò hồ vôã Phã thò tồch dieã. Thòu thuyế nhö hã

Khoàng Coát viết: Hồ vôâtôch dieã hõu quyền thaã nhò nghóa.

Dó quyền ngoãn chi, táe hồ vôâtôch dieã, thò khoáng huyền chi ngõo Phạm phu chấp hõu, Tiểu thõa chấp khoáng, Trung thõa chấp bá hõu bá khoáng. Nãi thõa ãông theã tồ khoáng, bá ãoã chùng soã dieã hõu phi hõu, chãn khoáng bá khoáng, bá lãp nhã trãn, bá xũnhã phãp, tung hoanh nghòch thuaã, phãp phãp toãn chãn.

Thò coã Nãi giãt Theã Toãn vô phãu phãm phu chi hõu coã não viết thõu thãn hồ huyền, linh tãn tồch dieã; vô phãu Tiểu thõa chi khoáng coã não trãh kyõ hãm ô giãt thoã thãn khanh, linh cãu xuã ly; vô phãu Trung thõa chi bá hõu bá khoáng coã não trãh kyõ phõõr ô huyền hõu, linh cãu Nãi thõa. Thõu giãi thiế quyền phõng tiế chi thuaã dã

Dó thaã ngoãn chi, táe hồ vôâtôch dieã thò vã hõu chi mãi, xuã sanh thiế ão nhãn vã, ãõng thõr phi tiế, nhĩ chí vã phãp giãu dã Phã giãt viết: 'Tung vôã trũ boãn, lãp nhã thiế phãp', não chí 'võ hõu thiế phãp khãũ ãe, Nhiề Nãng Phã vô ngã thõ kyũ

老子曰。道可道非常道，名可名非常名。無名天地之始，有名萬物之母。常無欲以觀其妙，常有欲以觀其徼。

孔子曰。易無思也，無爲也，寂然不動也。寂然不動卽是虛無寂滅。

虛無寂滅之中含藏一切萬物。感而遂通之時，出生一切萬法。如斯至妙之理，非天下之至神其孰能與此焉。

禮曰。無爲而物成，是天道也。

子思子曰。上天之載，無臭無聲。三教聖賢之旨，皆是眞常寂滅，眞空不空，初無少異。

佛說生滅滅已，寂滅爲樂者，蓋令空其妄情也。正所謂。人欲一分消，天理一分長。豈教人絕滅天理而入枯木死灰矣。

要知天地人物，以及萬類，皆具眞常寂滅之理，初無間然。自是愚夫不覺，喚作遊魂，實可悲也。

晦菴讀佛書，可只見得破凡夫方便語乎。可是不識虛無寂滅是萬有之母乎。可是不識

Laõ töüvieá: 'Ñãb khaiñãb phi thõõng ñãb, danh khaiñãb phi thõõng danh. Vôãdanh thieãn ñõa chi thuyê, hõũ danh vãñ vãñ chi mãũ. Thõõng vôãduã dó quan kyõdieã, thõõng hõũ duã dó quan kyõyeã.''

Khoãg töüvieá: Dõch vôãtõ dãõ vôãvi dãõ tõch nhieãn bãã ñõãg dãõ Tõch nhieãn bãã ñõãg, tõũ thõ hõ vôãtõch dieã.

Hõ vôãtõch dieã chi trung, hãm tãng nhãã thieã vãñ vãñ. Cãm nhi toãi thõãng chi thõũ, xuaã sanh nhãã thieã vãñ phãp. Nhõ tõ chí dieã chi lýũ phi thieãn hãĩ chi chí thããn, kyõthũc nããg dãõthõũyeãn?

Leãvieá: Vôãvi nhi vãñ thãmh, thõ thieãn ñãb dãõ

TõũTõ töüvieá: Thõõng thieãn chi tãũ, vôãxuũvõãthanh, Tam giãũ thãmh hieãn chi chã giãũ thõ chãã thõõng tõch dieã, chãã khoãg bãã khoãg, sõ vôãthieãũ dãõ

Phãã thuyẽã sanh dieã dieã dó, tõch dieã vi lãũ giãũ cãm linh khoãg kyõvõng tình dãõ Chããnh sõũvõ: Nhããn duã nhãã phããn tieã, thieãn lýũnhãã phããn trõõng. Khõũ giãũ nhããn tuyẽã dieã thieãn lýũnhãã nhããp khoãmoã töũhoã hyõ

Yeãũ tri thieãn ñõa nhããn vãñ dó cãũ vãñ loãũ giãũ cũ chãã thõõng tõch dieã chi lýũ sõ vôãgiãũ nhieãn. Tõũ thõ ngu phu bãã giãũ, hoãm tãũ du hoãn, thãã khaũbi dãõ

Hoã Am ñõã Phãã thõ, khaiçãkieãn ñãã phãũphãm phu phõõng tieãn ngõõhoã? Khaũthõ bãã thõũ hõ vôãtõch dieã thõ vãñ hõũ chi mãũ hoã? Khaũthõ bãã thõũ Tam giãũ thãmh hieãn

三教聖賢之旨皆是眞常寂滅之理乎。可是自欺其心特爾曲說，疑誤後學乎。所以惡佛老爲虛無寂滅之教，其脫於大理，豈小小哉。

佛法自漢明永平十年而來，明主名賢莫不推尚爲大道之學。至於後世之下，晦菴惡之爲虛無寂滅之教。且夫晦菴所惡果當乎，不當乎。晦菴識見，可逾東漢三國之人物否乎。可逾隨唐五大之人物否乎。可逾盛宋遼金之人物否乎。

太誓曰。天視自我民視。天聽自我民聽。故孔子曰。吾從衆，未聞從於一己之偏意也。

晦菴偏意排佛，是何見乎。我今唯提大意，發覺人心。請自裁度，悟之而已矣。

曰。中也不敏，聞師之言，曾中有若豁然矣。

chi chæ giai thò chôn thõông tòch diei chi lyùho? Khaùthò tõi khi kyõtaân ñaë nhó khuù thuyé, nghi ngoãhaü hoë ho? Sôu dó oáPhaï, Laõ vi hõ voátòch diei chi giaù, kyõthoat ò ñaï lyù khõu tieu tieu tai?

Phaï phap tõi Ham minh, Vónh bình thap nieân nhi lai, minh chuüdanh hieân mãc baí suy thõõng vi ñaï ñaõ chi hoë. Chí ò haü theächi haj Hoá Am óachi vi hõ voátòch diei chi giaù, thaüphuõHoá Am sôuóaquãñõõng hoà baí ñõõng ho? Hoá Am thõu kieân, khaüdu Ñõõng Ham, Tam quóa chi nhaân vaï phuüho? Khaüdu Taân, Toáng, Teà Löõng, Traân, Nam Baé trieäu chi nhaân vaï phuüho? Khaüdu Tuy, Ñõõng, NguõÑaï chi nhaân vaï phuüho? Khaüdu Thaïnh Toáng, Lieäu, Kim chi nhaân vaï phuüho?

Thaü theävieä: Thieân thò tõi ngaõdaân thò, thieân thính tõi ngaõdaân thính. CoáKhoàng töüvieä: Ngoätung chung, vò vaân tung ò nhaï kyüchi thieân yüdaõ

Hoá Am thieân yübaï Phaï, thò haõkieân ho? Ngaõkim duy ñeãñaï yü phatü giaü nhaân taân, thanh töi taü ñoã ngoächi nhi dó hyõ

Vieä: Trung daõbaï mãn, vaân sö chi ngoân, hung trung hõu nhõõr khoatü nhieân hyõ

3. Biện minh ý nghĩa hư vô tịch diệt

Ông Vương Trung người ở Thái Nguyên thưa hỏi: “Hồi Am vốn ghét giáo lý hư vô tịch diệt. Họ Trần ở Tân An cho đạo Lão là hư vô, đạo Phật là tịch diệt. Lẽ ấy thế nào?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Hư vô tịch diệt có hai nghĩa. Đó là nghĩa phương tiện và nghĩa chân thật.

“Hiểu theo nghĩa phương tiện thì hư vô tịch diệt chỉ là lời trống không, huyền hoặc. Kẻ phàm phu *chấp có*, hạng Tiểu thừa *chấp không*, hàng Trung thừa lại *chấp chẳng có chẳng không*. Bậc Đại thừa ngay nơi thể tánh của các pháp rõ biết là không, chẳng rơi vào những kiến chấp như trên; thấu đạt sự hiện hữu nhiệm mầu chẳng phải là có, nhận biết sự trống không chân thật chẳng phải là không; nên dù một chút bụi trần cũng chẳng tạo ra, cũng không trừ bỏ bất cứ pháp nào; dù ngang hay dọc, dù ngược hay xuôi, hết thảy các pháp đều là chân thật.

“Cho nên, bậc Đại giác Thế Tôn vì muốn phá trừ sự *chấp có* cho kẻ phàm phu mới dạy rằng: Thân này không thật có, như ảo hóa, khiến cho tâm họ hướng về tịch diệt; vì muốn phá trừ sự *chấp không* cho hạng Tiểu thừa, mới quả trách họ là chôn mình trong hố sâu của sự giải thoát, khiến cho họ phải mong cầu thoát ra; vì muốn phá trừ sự *chấp chẳng có chẳng không* cho hàng Trung thừa, mới quả trách họ là trói buộc trong cái có không chân thật, khiến họ phải cầu được Đại thừa. Hết thảy đều là những phương tiện khéo léo, tùy theo từng trường hợp mà sử dụng.

“Hiểu theo nghĩa chân thật thì hư vô tịch diệt là gốc của muôn vật, từ đó sanh ra trời đất, con người, các loài động vật, thực vật cho đến tất cả các pháp. Đạo Phật dạy rằng: ‘*Do nơi gốc là không có chỗ trụ mà tạo ra tất cả các pháp*’⁽¹⁾ cho đến ‘*không một chút pháp nào có thể được... cho nên đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta*’.⁽²⁾

“Lão tử nói: ‘Đạo mà có thể giảng nói được thì chẳng phải cái đạo thường tôn; tên mà có thể đặt ra được thì chẳng cái tên chân thật. Không tên là cội nguồn ban sơ của trời đất; có tên là chỗ sanh ra muôn vật. Thường không ham muốn là để xem rõ chỗ huyền diệu. Thường có ham muốn là để thấy biết chỗ ngăn che.’

“Khổng tử dạy: ‘Lẽ biến dịch không có chỗ lo lắng, không có chỗ tác động, vắng lặng an nhiên chẳng động.’ Vắng lặng an nhiên chẳng động, đó chính là hư vô tịch diệt.

“Trong chỗ hư vô tịch diệt ấy hàm chứa hết thảy muôn vật. Do sự cảm ứng thông suốt mà sanh ra tất cả các pháp. Nguyên lý nhiệm mầu huyền diệu như thế, nếu không phải là bậc chí thần trong thiên hạ thì ai có thể nhận biết được?

“Kinh Lễ nói: ‘Không làm gì cả mà muôn vật thành tựu, đó là đạo của trời.’ Tử Tư nói: ‘Chỗ làm của trời vốn không có tiếng xấu, không có tiếng tốt.’

“Mục đích của các vị thánh hiền trong Tam giáo đều hướng đến chỗ tịch diệt chân thật thường còn, đến chỗ

⁽¹⁾ Câu này trích từ kinh Duy-ma-cật, phẩm Quán chúng sanh, là lời Bồ Tát Duy-ma-cật nói với Bồ Tát Văn-thù-sư-ly.

⁽²⁾ Câu này lấy ý từ kinh Kim Cang. Ở đây nhắc việc đức Phật Nhiên Đăng đã từng thọ ký cho đức Phật Thích-ca về sau sẽ thành Phật.

trống không chân thật chẳng phải là không, xưa nay chẳng có gì khác nhau.

“Phật dạy: ‘*Sanh diệt dứt rồi, tịch diệt là vui.*’⁽¹⁾ Đó là muốn dạy người tu dứt hết mọi tình thức hư vọng. Quả thật là: ‘Bớt được một phần tham muốn thì lẽ trời lại thêm một phần sáng rõ.’ Như thế nào phải dạy người dứt tuyệt lẽ trời mà rơi vào chỗ như cây khô, như bếp lạnh hay sao?⁽²⁾”

“Nên biết rằng, từ trời đất, con người cho đến muôn loài đều sẵn có lẽ tịch diệt chân thật thường còn, chưa từng dứt mất. Chỉ vì người ngu tự không rõ biết, cho đó là linh hồn vất vưởng, thật đáng thương thay!

“Hối Am đọc kinh sách Phật chỉ thấy được nghĩa phương tiện phá trừ kiến chấp của phàm phu thôi sao? Hay là không rõ biết được nghĩa hư vô tịch diệt là gốc sanh ra muôn vật? Hay là không rõ biết được mục đích của các vị thánh hiền trong Tam giáo đều là lẽ chân thường tịch diệt? Hay là tự dối lòng mình, cố tình bịa đặt những lời sai lệch để khiến kẻ hậu học phải nghi ngờ, lầm lạc? Vì ghét bỏ giáo pháp hư vô tịch diệt của Phật, Lão mà bỏ sót đi phần nghĩa lý quan trọng, há có phải là việc nhỏ nhoi sao?

“Đạo Phật truyền đến Trung Hoa từ niên hiệu Vĩnh Bình thứ 10 đời Hán Minh đế.⁽³⁾ Từ đó, các bậc vua chúa,

⁽¹⁾ Câu này trích từ một bài kệ trong kinh Đại Bát Niết-bàn, phẩm Thánh hạnh.

⁽²⁾ Như cây khô, như bếp lạnh: Lấy ý từ câu nói của Trang Châu: ‘Hình thể như cây khô, lòng dạ như tro lạnh.’ Chỉ những người muốn dứt tuyệt mọi tình trần nhưng không hiểu được lẽ sanh tồn của vạn vật.

⁽³⁾ Tức năm Đinh Mão, Tây lịch là năm 67. Vào năm này, phái đoàn do vua Hán Minh đế cử sang Ấn Độ trước đó 2 năm (65) đã trở về, mang theo một số kinh, tượng và thỉnh được các vị cao tăng Ấn Độ sang truyền pháp. Ngay năm sau đó, vua cho xây dựng ngôi chùa đầu tiên tại kinh đô.

danh hiền, không ai không suy tôn là một đạo lớn đáng học hỏi. Mãi đến đời sau mới có Hối Am là người ghét mà cho đó là giáo pháp hư vô tịch diệt. Chỗ ghét bỏ của Hối Am như vậy là nên hay không nên? Kiến thức của Hối Am có so được với kiến thức của các nhân vật đời Đông Hán,⁽¹⁾ đời Tam quốc⁽²⁾ hay chẳng? Có sánh bằng kiến thức của các nhân vật đời Tấn,⁽³⁾ đời Tống,⁽⁴⁾ đời Tề,⁽⁵⁾ đời Lương,⁽⁶⁾ đời Trần⁽⁷⁾ trong suốt thời Nam Bắc triều⁽⁸⁾ hay chẳng? Lại có hơn kiến thức của các nhân vật đời Tùy,⁽⁹⁾ đời Đường,⁽¹⁰⁾ và thời Ngũ đại⁽¹¹⁾ hay chẳng? Lại có hơn kiến thức của các nhân vật đời Thịnh Tống, đời Liêu cho đến đời Kim⁽¹²⁾ hay chẳng?⁽¹³⁾

⁽¹⁾ Đời Đông Hán: trong khoảng từ năm 25 đến năm 219.

⁽²⁾ Đời Tam quốc: trong khoảng từ năm 220 đến năm 264.

⁽³⁾ Đời Tấn: trong khoảng từ năm 265 đến năm 420.

⁽⁴⁾ Đời Tống: trong khoảng từ năm 420 đến năm 478.

⁽⁵⁾ Đời Tề: trong khoảng từ năm 479 đến năm 501.

⁽⁶⁾ Đời Lương: trong khoảng từ năm 502 đến năm 566.

⁽⁷⁾ Đời Trần: trong khoảng từ năm 557 đến năm 588.

⁽⁸⁾ Thời Nam Bắc triều: Từ năm 420 đến năm 588, nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương, nhà Trần đều đóng đô ở Kim Lăng, gọi là Nam triều, còn nhà Ngụy, nhà Châu, nhà Tề nối nhau mà giữ thiên hạ phía bắc, đóng đô tại Kiến Nghiệp, gọi là Bắc triều. Vì thế, sử Trung Hoa gọi giai đoạn này là giai đoạn Nam Bắc triều.

⁽⁹⁾ Đời Tùy: trong khoảng từ năm 589 đến năm 617.

⁽¹⁰⁾ Đời Đường: trong khoảng từ năm 618 đến năm 905.

⁽¹¹⁾ Thời Ngũ đại gồm các triều đại: 1. Hậu Lương (907–926), 2. Hậu Đường (927–940), 3. Hậu Tấn (940–947), 4. Hậu Hán (947–950), 5. Hậu Châu (951–959).

⁽¹²⁾ Triệu Khuông Dẫn lên ngôi năm 960, mở đầu nhà Tống, xưng hiệu là Thái Tổ. Từ đó đến cuối đời vua thứ chín là Khâm Tông (1127) được gọi là đời Thịnh Tống. Sang đời vua thứ mười là Cao Tông, dời đô qua Nam Kinh ở phía bắc thì họ Gia-luật là người rợ Hồ chiếm cứ, xưng hiệu là Liêu, truyền được chín đời, 210 năm. Tiếp đến họ Hoàn-nhan đánh diệt triều Liêu, xưng hiệu là triều Kim, truyền được 10 đời, 117 năm.

⁽¹³⁾ Đoạn này kể rõ từ đời Đông Hán cho tới cuối đời Tống, trải qua nhiều triều đại, kéo dài đến 1300 năm, đã có không biết bao nhiêu nhân vật tài cao trí rộng, thế mà chẳng ai chê bai đạo Phật và đạo Lão. Chỉ có kẻ kiến thức nông cạn, hẹp hòi, cố chấp là Hối Am mới bài bác mà thôi.

“Thiên Thái thế có câu: ‘Đạo trời nhìn nhận thì tự nhiên dân nhìn nhận, đạo trời lắng nghe thì tự nhiên dân lắng nghe.’⁽¹⁾ Cho nên, đức Khổng tử nói rằng: ‘Ta nghe theo số đông, chưa từng nghe theo ý riêng của một người.’

⁽¹⁾ Thái thế (lời thề nguyện lớn) là tên một thiên trong sách đời nhà Châu. Câu này thấy trích trong sách Mạnh tử, quyển 5, phần nói về Vạn Chương.

辯明鬼神情狀

太原曰。橫渠謂鬼神二氣之良能。程子謂鬼神造化之迹。晦菴謂鬼神氣之屈伸。三人之說皆是一氣之造化也。此言實否。

空谷曰。夫此一氣包羅天地，初無缺少。充塞天地只此一氣，更無兩箇。一氣曰陽曰陰者。只是此一氣展縮而得名也。

鬼神既只一氣，則盡天地間只是一氣故也。然則，何故有天神乎，地祇乎，五嶽之神乎，四瀆神乎，山川之神乎，社稷之神乎，無祀鬼神乎，歷代封禪乎，古今祭祀乎。鬼神如是之多也，較夫三人之說則不侔矣。

“Hối Am lấy ý riêng mà bài bác đạo Phật thì quan điểm ấy là thế nào? Nay tôi chỉ nêu ra cái ý chính để làm sáng rõ lòng người, xin các vị tự mình suy xét sẽ rõ.”

Vương Trung thưa: “Trung này vốn không được sáng suốt, nay nhờ nghe lời giảng của thầy mà trong lòng bỗng nhiên tỏ rõ.”

Biện minh quỷ thần tình trạng

Thái Nguyên viết: Hoành Cốc và quy nguyên nhò khí chi löông năng. Trình Tử và quy nguyên tả hoà chi tích. Hối Am và quy nguyên khí chi khuếch thân. Tam nhân chi thuyết, giai thò nhất khí chi tả hoà đạo Thôn giáo thần phủ

Không Cổ viết: Phu thân nhất khí bao la thiên nhiên, sô vô ảnh hưởng thiên. Sung tác thiên nhiên, chạ thân nhất khí, càn vô ảnh hưởng của Nhất khí viết đồng viết âm giáo Chạ thò thò nhất khí triển sự nhi nhiên danh đạo

Quy nguyên ký chạ thân nhất khí, tác tả thiên nhiên gian chạ thò nhất khí có đạo

Nhiên tác, hạo hoá hữu thiên nhiên hoà nhiên ký hoá nguồn nhất chi thần hoà tö nhiên chi thần hoà sơn xuyên chi thần hoà xã tác chi thần hoà vô ảnh hưởng quy nguyên hoà lịch nhiên phong thần hoà có kim tác töi hoá Quy nguyên nhò thò chi nhiên đạo giáo phu tam nhân chi thuyết tác bất mâu hy

禮記曰。太皞爲春帝，勾芒爲神。炎帝爲夏帝，祝融爲神。少皞爲秋帝，蓐收爲神。顓頊爲冬帝，玄冥爲神。若據三人所謂二氣良能，造化之迹，氣之屈伸。然則何必太皞等爲四時之帝乎。何必勾芒等爲四時之神乎。

關尹子曰。鬼者，人死曰變。中庸，子曰。鬼神之爲德，其盛矣乎。楊子曰。天地神明不測者也。皆以三人之說大不侔矣。

晦菴謂死者，形朽滅，神飄散，泯然無跡。然則太皞等以何爲四時之帝乎。勾芒等以何爲四時之神乎。此又侔之極也。

理學類編，有問人死魂魄便散否。晦菴答曰。散矣。又問，子孫祭祀卻有感格，如何。晦菴答曰。子孫是祖先之氣，所以感格。若據晦菴之說，則祭五嶽，四瀆，山川，社稷無祀鬼神者。旣非其子孫，皆無感格耶。

嗚呼。姜源踏人跡而生后稷。簡狄吞鳥卵而生殷契。伊尹生於空桑。誌公生於鷹巢。是誰之氣耶。以誰爲祖先耶。

Leãkyùvieá: Thaù Haõ vi Xuaân ñeá Caâu Mang vi thaàn; Vieân ñeávi Haĩ ñeá Chuừ Dung vi thaàn; Thieáú Haõ vi Thu ñeá Nhuừ Thaâu vi thaàn; Chuyeân Huừ vi Ñoàng ñeá Huyeân Minh vi thaàn. Nhöör cöütam nhaân sôùvò nhò khí löông naàng, taõ hoà chi tích, khí chi khuaá thaàn. Nhieân taé, haõtaá Thaù Haõ ñaàng vi töùthôú chi ñeáhoá? Haõtaá Caâu Mang ñaàng vi töùthôú chi thaàn hoá?

Quan Doaân töüvieá: Quyúgiaûnhaân töüvieá bieân. Trung Dung, Töüvieá: Quyúthaàn chi vi ñöü, kyøthañh hyõhoá Döông töüvieá: Thieân ñöa thaàn minh baá traé giaûdaõ Giai döötam nhaân chi thuyeá ñai baá maû hyõ

Hoá Am vò töügiaû hình huüdieá, thaàn phieû taû, mañ nhieân voátích. Nhieân taé, Thaù Haõ ñaàng dó haõvi töùthôú chi ñeáhoá? Caâu Mang ñaàng dó haõvi töùthôú chi thaàn hoá? Thöü höü maû chi cöü daõ

Lyùhoü loaí bieân, höü vaân: Nhaân töühoàn phaùh tieân taû phuü Hoá Am ñaõp vieá: Taû hyõ Höü vaân: Töütoân teátöi khöüü höü caûm caùh, nhö haõ Hoá Am ñaõp vieá: Töütoân thò toátieân chi khí, sôüdü caûm caùh. Nhöör cöüHoá Am chi thuyeá, taé teáNguõnhaë, Töüñoë sôn xuyeân xaõtaé voátöi quyü thaàn giaû kyùphi kyøtöütoân giai voâcaûm caùh da?

Oãhoá Khöông Nguyeân ñaõp nhaân tích nhi sanh Haü Taé, Giaûm Ñöch thoân ñieá noaûn nhi sanh Añ Kheá Y Doaûn sanh ö khoàng tang, Chí Coàng sanh ö öng saõ, thò thuy chi khí da? Dó thuy vi toátieân da?

晦菴又曰。死則氣散，泯然無跡。有托生者，是偶然聚得不散。又去湊著那生氣，亦能再生。

既謂形朽滅，神飄散，泯然無跡，何物湊著生氣而再生乎。此等語言，晦菴自相矛盾，莫能解釋也。

禮記曰。鷹化爲鳩，雀化爲蛤。至於蒙求等書，鮑靚記井，羊怙識環等事。皆與晦菴極相違戾。從文正公與諸經史，則悖晦菴。從晦菴則悖文正公與諸經史。令人疑惑，從何而得定理。

於戲。此事洞明，始得抵當。安可世間之心，猜疑而說也。

爭如孔子曰。未能事人，焉能事鬼。未知生，焉知死。一句推開，卻無過咎。

理學類編，張，程，晦菴等，皆屑屑然以孔子原始反終。推而廣之，以論鬼神，此又事極計生也。大凡事務，不知則已，何苦欲沽虛譽，強而言之，縛住後學，迷塞其心，不復求明也。悲哉。

Hoá Am hõu vieá: Tõutaé khí tàim, mãn nhiên voátích, Hõu thaù sanh giaùthò ngaũ nhiên tui ñaé baá tàim, hõu khõu thaáù trõõu na sanh khí, dieä naêng tàù sanh.

Kyùvò hình huúdieä, thaàn phiêu tàim, mãn nhiên voátích, haovaá thaáù trõõu sanh khí nhi tàù sanh ho? Thõũñaúng ngôõ ngoân, Hoá Am tõi tõong mãu thuañ, mãc naêng giaù thích daõ

Leäkyùvieá: Öng hoà vi cõu, tõõu hoà ci cap. Chí õ moàng caù ñaúng thõ, Bao Tành kyùtanh, Dõng Hoáthõu hoan ñaúng sõi giai dõõHoá Am cõc tõong vi læ Tung Vañ Chành Công dõõchõ kinh sõu taé boá Hoá Am. Tung Hoá Am, taé boá Vañ Chành Công dõõchõ kinh sõu Linh nhañ nghi hoaë, tung hao nhi ñaé ñõnh lý

Oãhoá Thõüsõ ñõng minh, thuý ñaé ñeãñõng, an khai theagian chi tàim, sai nghi nhi thuyéä daõ

Tranh nhõ Khoàng tõúvieá: Vò naêng sõi nhañ, yeñ naêng sõi quyũ Vò tri sanh, yeñ tri tõũ Nhaá cuìsuy khai, khõõu vô quaücõũ.

Lyùhoä loaï bieñ, Trõong, Trìn, Hoá Am ñaúng, giai tieá tieá nhiên dó Khoàng tõungyeñ thuý phãm chung, suy nhi quaúng chi, dó luañ quyũthañ, thõũhõu sõi cõc keásanh daõ Ñai phãm sõi vũi baá tri taé dó, haõkhoäduä coähõ dõĩ cõõng nhi ngoân chi, phõõc trũ haũ hoä, meätaé kyùtañ, baá phuä caù minh daõ Bi tai!

4. Biện minh về quỷ thần

Ông Vương Trung người ở Thái nguyên thưa hỏi: “Hoành Cừ⁽¹⁾ nói: ‘Quỷ thần là cái công năng tốt đẹp của hai chất khí.’ Trình tử⁽²⁾ bảo: ‘Quỷ thần là dấu tích của tạo hóa. Hối Am cho rằng: ‘Quỷ thần là sự co duỗi của khí.’ Cả ba thuyết ấy đều cho là quỷ thần do nơi một chất khí tạo ra. Như vậy có đúng chăng?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Nói một chất khí ấy là cái bao trùm khắp trời đất, xưa nay chưa từng khuyết thiếu. Đầy kín trong trời đất cũng chỉ một khí ấy thôi, thật không có hai. Chỉ một khí ấy, nhưng gọi là dương, lại gọi là âm, là theo nơi sự mở ra hoặc thu lại mà gọi tên khác nhau.

“Nếu quỷ thần chỉ là một chất khí, thì khắp trong trời đất lẽ ra chỉ có một khí ấy mà thôi. Nhưng vì sao lại có những thần trên trời, thần dưới đất, thần núi Ngũ nhạc,⁽³⁾ thần sông Tứ độc,⁽⁴⁾ thần núi sông, thần xã tắc?⁽⁵⁾ Vì sao

⁽¹⁾ Hoành Cừ: Một học giả đời Tống, vào triều vua Thần tông (1070–1087). Ông tên là Trương Tải, tự Tử Hậu, nổi danh về việc sùng tu văn chương, khảo xét kinh sách. Chỗ học của ông lấy Kinh Dịch làm gốc, lấy sách Trung Dung làm chỗ ứng dụng. Sau khi mất ông được triều đình ban thụy hiệu là Minh Công, người đời sau thường gọi là Hoành Cừ Tiên sanh.

⁽²⁾ Trình tử: chỉ chung hai anh em họ Trình sanh vào đời nhà Tống. Người anh là Trình Hạo (1032–1085), người em là Trình Di (1033–1107). Cả hai đều có công nghiên cứu, soạn tập, chú giải các sách thánh hiền, người đời sau gọi chung là Trình tử.

⁽³⁾ Ngũ nhạc: Năm ngọn núi cao nhất ở Trung Hoa, nằm về 5 hướng. Ở giữa là Tung sơn (Trung nhạc), hướng đông là Thái sơn (Đông nhạc), hướng tây là Hoa sơn (Tây nhạc), hướng nam là Hoành sơn (Nam nhạc), hướng bắc là Hằng sơn (Bắc nhạc).

⁽⁴⁾ Tứ độc: bốn con sông lớn: sông Giang, sông Hoài, sông Hà, sông Tế.

⁽⁵⁾ Thần xã tắc: Thần đất đai và Thần lúa thóc. Vì xã hội Trung Hoa xưa là

lại có những quỷ thần không người cúng tế, lại có những quỷ thần qua các triều đại đều phong tặng, lại có những quỷ thần xưa nay người ta đều cúng tế? Có rất nhiều loại quỷ thần như thế, nếu so với ba thuyết trên thì ắt là không tương hợp.

“Sách Lễ ký có chép: Thái Hạo làm Chúa Xuân, Câu Mang làm thần; Viêm đế làm Chúa Hạ, Chúc Dung làm thần; Thiệu Hạo làm Chúa Thu, Nhục Thâu làm thần; Chuyên Húc làm Chúa Đông, Huyền Ninh làm thần. Nếu cứ theo ba thuyết trên, người thì nói là công năng tốt đẹp của hai chất khí, người thì bảo là dấu tích của tạo hóa, người thì cho là sự co duỗi của khí, vậy tại sao có Thái Hạo và các vị kia làm Chúa tế bốn mùa? Tại sao có Câu Mang và các vị khác làm thần bốn mùa?

“Sách *Quan Doãn tử*⁽¹⁾ có chép rằng: ‘Quỷ là người chết biến thành.’ Trong sách Trung dung, đức Khổng tử nói: ‘Những việc do quỷ thần làm ra mạnh mẽ biết bao!’ Dương tử⁽²⁾ nói: ‘Việc của trời đất, thần minh, chẳng ai suy lường nổi.’ Những lời ấy so với ba thuyết nói trên thật chẳng hợp nhau chút nào!

“Hối Am có nói: ‘Khi người chết rồi, hình thể hư nát, thần hồn tản lạc, không còn dấu tích gì cả.’ Như vậy, Thái

một xã hội nông nghiệp, nên thần xã tắc là biểu tượng quan trọng nhất, được xem là các vị thần giữ gìn đất nước.

⁽¹⁾ Quan Doãn tử: Sách từ đời nhà Châu, thấy ghi tên người soạn là “Châu Doãn Hỷ” (ông Doãn Hỷ đời Châu). Sách chỉ có 1 quyển, chia làm 9 thiên, đã thất lạc rất lâu. Đến đời Tống có người ghi chép lại, có phần thêm vào. Tương truyền người soạn sách này là một vị quan giữ cửa ải, đời Châu gọi là quan Doãn. Khi Lão tử bỏ nhà Châu đi ở ẩn có gặp ông này, lúc đó trấn giữ cửa ải Hàm Cốc, và truyền cho ông quyển Đạo Đức Kinh.

⁽²⁾ Túc Dương Châu, người chủ trương thuyết vị kỷ, đối nghịch với thuyết kiêm ái của Mặc Dịch. Thật ra không thấy có sách của Dương Châu để lại, chỉ thấy trong sách Liệt tử có ghi chép lại chủ thuyết của ông mà thôi.

Hạo và các vị kia làm sao làm Chúa tể bốn mùa? Câu Mang và các ông khác làm sao làm thần bốn mùa? Như thế lại càng hết sức khác biệt nhau!

“Trong sách *Lý học loại biên*⁽¹⁾ chép việc có người hỏi rằng: ‘Khi người ta chết rồi, hồn phách có tan đi chăng?’ Hối Am đáp: “Có, đều tan biến hết.” Người ấy lại hỏi: ‘Nếu vậy, khi con cháu cúng giỗ, tổ tiên có cảm ứng nhận hưởng, đó là vì sao?’ Hối Am đáp: ‘Con cháu là khí huyết của tổ tiên, cho nên có chỗ cảm ứng nhận biết.’

“Theo lời Hối Am thì việc cúng tế các thần Ngũ nhạc, thần Tứ độc, thần núi sông, thần xã tắc cùng các quỷ thần không con nối dõi, vì lẽ chẳng phải là con cháu nên chẳng có sự cảm ứng nhận biết hay sao?

“Than ôi! Bà Khương Nguyên đạp dấu chân người mà sanh ra Hậu Tắc,⁽²⁾ bà Giản Địch nuốt trứng chim yến mà

⁽¹⁾ Sách do Trương Cửu Thiệu soạn, ban đầu có tên là “Cách vật biên”, về sau Ngô Đương Vi đổi lại là *Lý học loại biên*. Cả thấy có 8 quyển, nội dung chia làm 7 phần: thiên địa, thiên văn, địa lý, quỷ thần, nhân vật, tánh mạng và dị đoan.

⁽²⁾ Tắc là chức quan lo việc canh nông vào đời vua Nghiêu, vua Thuấn (khoảng 2350 năm trước Tây lịch). Ông Hậu Tắc tên thật là Khí (bỏ đi). Tương truyền, mẹ ông là bà Khương Nguyên, vợ chính của vua Đế Cốc, vì không con nên tế trời cầu được sanh con. Khi đi cúng tế về, bà nhìn thấy một dấu chân người rất lớn, vì hiếu kỳ nên đến lấy bàn chân trần của mình ướm vào đó để so sánh. Không ngờ từ đó trở về liền thụ thai, sanh ra Hậu Tắc. Sau khi sanh ra có nhiều điều kỳ dị khó hiểu, bà cho là việc chẳng lành, muốn bỏ không nuôi, nên đặt tên là Khí. Bà mang đứa con này lên bỏ trên núi, ngờ đâu cầm thú cùng thay nhau nuôi dưỡng bảo vệ, nên ông không chết. Lại mang về vắt xuống nước, thì các loài cá cùng nhau tụ lại nâng đỡ, bảo vệ ông. Thấy vậy, bà mới đem về nuôi. Tính ông ưa thích việc trồng tía, sau được vua Nghiêu phong làm Tắc quan, là chức quan lo việc nông nghiệp. Ông có công lớn trong việc giúp dân phát triển nghề nông, được kính trọng gọi là Hậu Tắc.

sanh ra Ân Khế.⁽¹⁾ Y Doãn sanh nơi đất Không Tang,⁽²⁾ hòa thượng Chí Công sanh trong tổ chim ưng.⁽³⁾ Những trường hợp ấy là do khí huyết của ai? Lấy ai làm tổ tiên của những người ấy?

“Hối Am lại nói: ‘Người ta chết rồi thì khí tan hết, chẳng còn dấu tích chi cả. Nếu có sanh vào nơi đâu, là do lúc tình cờ tụ lại không tan. Thêm nữa, khi chất khí tụ vừa thoát ra, nếu gặp phải một thứ sanh khí nào đó thì cũng có thể tái sanh.’

“Đã nói rằng hình thể hư nát, thần hồn tản lạc, không còn dấu tích chi cả, vậy thì cái gì gặp phải sanh khí mà

⁽¹⁾ Ân Khế: người đồng thời với ông Hậu Tắc. Mẹ ông là Giản Địch, vợ thứ của vua Đế Cốc. Tương truyền vì không con nên bà đi cúng tế cầu con. Sau buổi lễ cúng thấy có trứng chim yến từ trên trời rơi xuống, bà nuốt lấy nuốt vào bụng. Từ đó thụ thai, sau sanh ra Ân Khế. Về sau Ân Khế được phong chức Tư đồ.

⁽²⁾ Không Tang, địa danh xưa, nay thuộc tỉnh Hà nam, phía tây huyện Kỳ. Tương truyền ngày xưa ông Y Doãn sanh ra ở đất này. Mẹ ông là người sống bên sông Y, một hôm nằm mộng thấy có vị thần bảo rằng: Khi nào thấy nước sông Thạch Cửu chảy ra thì phải chạy nhanh về hướng đông. Sau đó ít lâu quả nhiên thấy nước sông Thạch Cửu chảy ra, bà liền báo cho tất cả mọi người trong xóm cùng chạy nhanh về hướng đông. Chạy được khoảng 10 dặm thì ngoảnh lại thấy cả vùng đất cũ đều chìm trong biển nước mênh mông. Ngay lúc ấy bà hóa thân mà mất. Nơi ấy trở thành một bãi dâu tươi tốt. Có người con gái hái dâu bỗng nhặt được một đứa bé nằm giữa đám dâu, liền mang về dâng lên vua. Vua cho người nuôi dưỡng, đặt tên là Y Doãn. Về sau, Y Doãn là một vị khai quốc công thần đời nhà Thương, có công giúp vua Thành Thang (1783–1754 trước Tây lịch) gồm thâu thiên hạ.

⁽³⁾ Hòa thượng Chí Công sanh trong tổ chim ưng: vào đời nhà Lương (thế kỷ 6), trong tổ chim ưng bỗng có đứa trẻ nằm khóc lớn tiếng, bà Châu thị nghe thấy, đem về nuôi dưỡng. Đứa trẻ lớn lên căn tánh khác thường, hâm mộ Phật pháp. Khi Châu thị qua đời, liền xuất gia tại chùa Đạo Lâm, Chung Sơn, được bốn sư là Tịnh Trường Lão đặt pháp hiệu là Chí Công. Ông tu hành tinh tấn, sau có soạn bộ *Lương hoàng sám pháp*, 10 tập, lưu truyền ở đời. Ngài khai ngộ cho Lương Võ đế, được nhà vua hết lòng kính trọng. Sau trở về chùa Đạo Lâm ngồi kết già thị tịch.

tái sanh? Với những lời lẽ ấy, Hối Am chỉ tự mình mâu thuẫn với mình mà thôi, không thể giải thích được.

“Sách *Lễ ký* nói: ‘Chim ưng hóa làm chim cưu, chim sẻ hóa làm con sò.’⁽¹⁾ Cho đến trong nhiều sách khác ghi chép những chuyện Bào Tịnh nhớ được cái giếng thuở xưa,⁽²⁾ Dương Hộ biết được vòng vàng đời trước.⁽³⁾ Những việc ấy đều hoàn toàn trái ngược với lời lẽ của Hối Am.

“Nếu theo Văn Chánh Công⁽⁴⁾ và các kinh sử, ắt phải ngược với Hối Am, còn theo Hối Am thì ngược với Văn

⁽¹⁾ Sách *Lễ ký*, thiên Nguyệt lệnh chép rằng: “Tiết xuân phân, chim ưng hoá làm chim cưu; tiết thu phân, chim cưu hoá làm chim ưng. Tiết hàn lộ, chim sẻ tự vùi mình vào bãi cái biển mà hoá làm con sò...”

⁽²⁾ Bào Tịnh tên tự là Thái Huyền, người quận Đông Hải, lúc mới 5 tuổi nói với cha mẹ rằng: “Con vốn con nhà họ Lý ở Khúc Dương, lúc lên 9 tuổi sơ sẩy té xuống giếng mà chết.” Cha mẹ tìm đến tận nhà họ Lý để hỏi, quả nhiên đúng như lời ông kể.

⁽³⁾ Dương Hộ trước là con bà Lý thị. Lúc lên năm tuổi, bà nữ mẫu bỗng đi chơi có đeo một chiếc vòng vàng, đánh rơi nơi gốc cây dâu. Hôm ấy về nhà bị chết một cách thình lình. Về sau, sanh làm con bà Dương thị. Đến lúc được 5 tuổi, đòi mẹ đi kiếm chiếc vòng vàng của mình. Bà mẹ nói: “Con đâu có vòng vàng.” Dương Hộ nói: “Có, chiếc vòng vàng ấy con đánh rơi ở gốc cây dâu, nơi nhà họ Lý.” Bà mẹ không tin, giểu cột rằng: “Thật con biết vậy thì đến đó lấy đi.” Dương Hộ liền chạy thẳng đến chỗ gốc cây dâu, tìm được chiếc vòng vàng. Khi ấy, Lý thị nhận ra chiếc vòng, nói rằng: “Đây là vật của đứa con ta đã chết.” Rồi đòi lại, nhưng Dương Hộ không trả. Người mẹ đem những lời Dương Hộ đã nói mà thuật lại, Lý thị mới tin rằng đó là đứa con mình tái sanh. Từ đó, hai bà đều yêu thương và cùng nuôi dưỡng đứa trẻ. Về sau, Dương Hộ trở thành một bậc danh thần đời Tấn.

⁽⁴⁾ Văn Chánh Công tên thật là Vương Đán, tự Tử Minh, đỗ tiến sĩ, là người nổi danh vào đời Tống Chân Tông, giữ chức Khu Mật Viện, tước Thái Bảo. Ông là người cương trực, thẳng thắn, bất chấp mọi sự gièm pha, chỉ trích. Bình sanh mọi việc quan trọng của triều chính đều có ông tham gia giải quyết. Ông mất năm Đinh Tỵ (1017), được ban tên thụy là Văn Chánh Công. Lúc sắp mất ông có dặn lại người nhà rằng: “Ta rất chán kiếp luân hồi sanh tử, đời sau nguyện làm người tu hành, được ngồi yên nơi rừng vắng để quán xét tự tâm. Sau khi ta chết, xin vì ta mời chư tăng đến truyền giới, cạo tóc, ban cho ba tấm pháp y và theo lễ hỏa táng, chớ để vật quý báu trong quan tài.”

Chánh Công và các kinh sử, khiến cho người ta phải nghi hoặc, biết do đâu mà xác định được lẽ thật?

“Ôi! Việc này phải tự xét thật rõ ràng, xác đáng, sao có thể dựa theo cách nghĩ của người đời mà phỏng đoán rồi nói ra như vậy?

“Đức Khổng tử dạy: ‘Chưa phục vụ được con người, sao thờ cúng được quỷ thần? Chưa biết về sự sống, sao biết được sự chết?’⁽¹⁾ Chỉ một lời ấy suy rộng ra thì có thể tránh được sự lầm lạc.

“Trong sách *Lý học loại biên*, các ông Trương Hoàn Cừ, Trình tử và Hối Am thường dẫn lời đức Khổng tử, nhưng từ chỗ trước lại đưa về chỗ sau, lại suy rộng ra mà luận việc quỷ thần, đến chỗ bế tắc thì bày ra mưu kế. Phàm việc gì đã không biết thì thôi, cần chi phải khổ nhọc cầu lấy chút hư danh, gắng gượng mà nói, làm trói buộc kẻ hậu học, khiến cho họ phải mê muội trong lòng, chẳng được sáng tỏ. Thật đáng thương thay!”

⁽¹⁾ Trong sách *Luận ngữ*, chương 11, Tiên Tấn, tiết 11, thầy Quý Lộ (tức Tử Lộ) hỏi đức Khổng tử về đạo thờ quỷ thần. Ngài đáp rằng: “Chưa phục vụ được con người, sao thờ cúng được quỷ thần?” Tử Lộ hỏi tiếp: “Xin hỏi về sự chết.” Ngài đáp: “Chưa biết được sự sống, sao biết được sự chết.” Qua những lời này, đức Khổng tử không có ý phủ nhận việc quỷ thần, nhưng khuyên người ta hãy chuyên tâm vào việc thi hành Nhân đạo, hơn là chạy theo những sự huyền bí uẩn áo mà mình thật ra không hiểu biết gì cả.

辯明天誅雷擊

太原曰。宋人謂雷擊者，陰陽相激，偶爾觸死，非特然也。此說何如。

空谷曰。驚蟄之後，二陰在上，四陽在下。芒種之後，五陽在上，一陰在下。既陰陽相激，雷雨交作，則合時時相激，雷雨不停。何故晴雨間然耶。

當知二氣交運，如轆轤之輪，互為高下，若相激。則安能發育萬物乎。日月星辰，風雲雷雨皆天地體用，各有天神主之應時不忒。故有祭天亨地之理。風雨均調，蒼生善業所感。不調時，惡業所感。非上天無慈心也。

言雷擊者。永樂二十二年，台州，天封寺，維那士弘為雷打死，頃焉復蘇之。自言死去見諸天神教誡曰。汝先世為巡檢，曲罪一夫，枉罹極刑。汝能奉佛，故未償其命。後世為住持僧，將常住銅錢，潛埋三窖，死後遂湮沒之。二世罪，故今誅。唯今世奉觀音大士至誠，姑存之。後至宣德二年溺水而死。

Biện minh thiên tru lôi kích

Thái Nguyên viết: Táng nhân vô lôi kích giai âm đồng tông kích, ngã nhó xư tội phi ãe nhiên đả Thôuthuyet haonhõ?

Không Có viết: Kinh trập chi haũ, nhò âm tai thõõng, tồ dõõng tai haĩ Mang chuõng chi haũ, nguõdõõng tai thõõng, nhaĩ âm tai haĩ Kyuain dõõng tõõng kích, loĩ vuõgiao taũ, taẽ hieĩp thõũ thõũ tõõng kích, loĩ vuõbaĩ ãnh, haõcoatĩnh vuõ giaũn nhieũn da?

Nõõng tri, nhò khí giao vaũ, nhõ loĩ loĩchi luaũ, hoãvi cao haĩ Nhõõĩ tõõng kích taẽ an naõng phaũ duĩ vaũ vaũ ho? Nhaĩ nguyet tinh thaũ, phong vaũ loĩ vuõ giai thieũn ãõ theãduõng, caũ hõũ thieũn thaũ chuũchi, õõng thõũ baĩ thaẽ. Coũ hõũ teãthieũn hõõõng ãõ chi lýũ Phong vuõquaũ ãieũ, thõõng sanh thieũn nghiẽp sõũcaũn. Baĩ ãieũ thõũ, àũ nghiẽp sõũcaũn, phi thõõng thieũn voãtõõtaũn daõ

Ngoãn loĩ kích giai Võnh Lã nhò thaũp nhò nieũn, Thai Chaũ, Thieũn Phong tõi duy na Sõ Hoãng vi loĩ ãũtõũ khoaũh dieũn phuĩ toãchi, tõi ngoãn tõũkhõũ kieũn chõ thieũn thaũ giao giõũ viết: Nhõõtieũn theãvi tuaũ kieũn, khuũ toã nhaĩ phu, uõng li cõĩ hinh. Nhõõnaõng phuõng Phaĩ, coãvõ thõõng kyõmaõng. Haũ theãvi truõtrĩ taõng, tõõng thõõng truĩ ãõng tieũn, tieũn mai tam dieũ, tõihaũ toai nhaũ moã chi. Nhò theãtoã, coãkim tru. Duy kim theãphuõng Quaũn Aũ ãũ sĩ chí thaũh, coãtoũn chi. Haũ chí Tuyeũn Nõũ nhò nieũn, nhõ thuyũnhi tõiũ

浙右有人印造佛天三界紙馬，開張店業。店屋楣間平鋪閣板，作臥室於閣上。一夜觸翻溺器淋漓汙馬，仍將此馬曬乾賣之。本年從店中提出此人雷打死於門前。

又一貧家夫婦二人，有絕糧忍饑之患。夫攜一鵝入市鬻之，得米二斗。饑苦迫甚，以二升沽酒飲。回至中途醉臥於地，被人竊去其米。及醒悵惶歸家，妻知之不勝哀苦。夫乃投水而死。妻曰。夫既死矣，我何存之。亦投水而死。明日天雷打死一男子，擲置於二屍之旁。書其背云。竊其米者，此人也。

松江，有人為雷打死。書其背云。十年前與一婦人入寺，登塔第二層行姪，故誅。

潮州，一女子雨中見諸官吏至門前，唯二人入其家，如世所畫天兵之狀。擒女之兄，雷打死於門前。始知官吏是天神也。

亦有雷打死者，家人以屍著衣，明日復雷剝去其衣。亦有以屍置於棺中，明日復雷揭去棺蓋。

Triết Hôi hôi nhân án tá Pha thiên tam giới chạmaõ Khai trõng niếm nghiệp, niếm óa mi gian bình phoacat baim, taù ngoã thát ò caù thõõng. Nhaù dai xuè phieñ nòch khí laim oamaõ nhõng tõõng thõumaõsaù caug maì chi. Boan niếm tung niếm trung ñeàxuaù thõunhañ, loá ñaütõüõ moãn tieñ.

Hôi nhaù bañ gia phu phuñ nhò nhañ, hõu tuyeá löõng nhañ cô chi hoañ. Phu hueànhá nga nhaù thò dưc chi, ñaé meñhò ñaáù, Cô khoabañh thañ, dó nhò thañg coátõu am, Hoá chí trung ñoátuý ngoã ò ñò, bò nhañ thieá khõukyõmeá caùp tanh chõõng hoang quy gia, theatri chi baù thañg ai khoa phu naõ ñaáù thuý nhi tõu Theávieá: Phu kyütõühyõ ngaõhaõtoãn chi, dieã ñaáù thuý nhi tõu Minh nhaá, thieñ loá ñaütõunhaá nam tõu trõch trí ò nhò thi chí bang, thõ kyõboá vañ: Thieá kyõ meágiaù thõunhañ daõ

Tung Giang hõu nhañ vi loá ñaütõü thõ kyõboá vañ: Thap niếm tieñ döõnhá phuñhañ nhaù tõi ñañg thap ñeñhò tañg hanh dañ, coátru.

Triêu Cháu, nhaù nõõtõuvõtrung kieñ chõ quan laì chí moãn tieñ, duy nhò nhañ nhaù kyõgia, nhò theásõuhoá thieñ binh chí trañg, cañ nõõchi huynh, loá ñaütõüõ moãn tieñ, thuý trí quan laì thò thieñ thañ daõ

Dieã hõu loá ñaütõügiaù gia nhañ dó thi trõõu y, minh nhaá phuñ loá baù khõukyõy. Dieã hõu dó thi trí ò quan trung, minh nhaá phuñ loá yeá khõuquan cañ.

如是顯驗者，往古來今每年有之，不復多引。此數端目擊耳聞者。恐辱其家人故不言其姓名。

夫是爲天誅也，亦有蜈蚣，狐狸，蛇鼠精恠。木與氣物父附托爲妖者，雷必打之。豈是陰陽相激，偶爾觸死乎。

易曰。震雷虩虩。象曰。洊雷震，君子以恐懼修省。蓋言爲天譴，故修省補過也。宋人教人不信雷誅，深悖易經，不懼天地未進其善，先喪其德。惜乎後人不肯展開大見識，照明事法之理，唯拘拘然，死於宋人之言爾。宋人非唯臆說其雷，其悖佛過患極深。

文中子用孔孟之學著書，卻敬佛法。宋人用佛法著書，卻排佛法。欲令後學不看佛書，庶不識其用佛法著書，所以然也。

宋人於佛法中所得者如以一毫蘸海。所得極少，以此極少之水令後學取足受用，不復入海，教壞人心，違悖佛法，失於大善，過莫大焉。

Nhò thò hieñ nghiẽñ giaù vaõng coàlai kim mỗ ñieñ hõu chi, baá phuẽ ña dañ. Thõusoãnoan, muĩ kích nhó vañ giaù khuõng nhuĩ kyõgia nhañ coábaá ngoñ kyõtành danh.

Phuõthò vi thieñ tru daõ dieã hõu ngoãcoàng, hoàly, xaõ thõùtinh quai, mỗ döõkhí vaá phuithaù vi yeñ giaù loá taá ñai chi, khõu thò aãm döõng töõng kích, ngañ nhó xuè töùhoã

Dõch vieá: Chañ loá kích kích. Tõõng vieá: Tieñ loá chañ, quañ töüdüõ khuõng cuítu tanh. Cañ ngoñ vi thieñ khieñ, coátu tanh boáquaüdaõ

Toáng nhañ giaù nhañ baá tín loá tru, thañ boã Dõch kinh, baá củ thieñ ñò vò tañ kyõthieñ, tieñ tañg kyõñõu. Tích hoà hañ nhañ, baá khañg trieñ khai ñai kieñ thõu, chieñ minh söi phap chi lý Duy cañ cañ nhieñ, töüõ Toáng nhañ chi ngoñ nhó. Toáng nhañ phi duy õu thuyẽ kyõloá, kyõboã Phaã quaùhoañ cõr thañ.

Vañ Trung töüdüõng Khoãng mañh chi hoẽ trõõu thõ, khõõu kình Phaã phap. Toáng nhañ düõng Phaã phap trõõu thõ, khõõu baá Phaã phap. Düẽ linh hañ hoẽ baá khañ Phaã thõ, thõubaá thõu kyõdüõng Phaã phap trõõu thõ, söüdüõ nhieñ daõ

Toáng nhañ õ Phaã phap trung, söüñaẽ giañhõ dó nhañ haõ trañ hañ, söüñaẽ cõr thieñ. Dó thõücõr thieñ chi thuyẽ, linh hañ hoẽ thuütüõ thõi düõng, baá phuẽ nhaõ hañ. Giaù hoã nhañ tañ, vi boã Phaã phap, thaá õ ñai thieñ, quañmaẽ ñai yeñ!

5. Biện minh việc trời đánh

Ông Vương Trung người ở Thái Nguyên thưa hỏi: “Ông Hối Am đời Tống cho rằng việc trời đánh là do khí âm và khí dương gặp nhau, tình cờ chạm nhau người nên chết, chẳng phải có ý đánh họ. Lời ấy thế nào?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Sau tiết *Kinh trập* thì hai hào âm ở trên, bốn hào dương ở dưới. Sau tiết *Mang chủng* thì năm hào dương ở trên, một hào âm ở dưới. Nếu nói rằng do âm và dương chạm nhau nên có sấm, có mưa, ắt là thường phải đụng nhau nên có sấm, có mưa mãi mãi! Sao lại lúc tạnh, lúc mưa cách nhau xa vậy?”

“Nên biết rằng, khí âm dương qua lại, vận chuyển, giống như cái vành bánh xe quay nước, luân phiên nhau mà lên cao, xuống thấp. Nếu chạm vào nhau thì làm sao phát sanh vạn vật? Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, gió, mây, sấm, mưa đều là thể dụng của trời đất, mỗi thứ đều có thiên thần làm chủ, ứng theo thời tiết không sai trật, cho nên mới có lý do cúng tế trời đất. Khi mưa gió điều hòa là cảm ứng theo nghiệp lành của người đời; còn như chẳng điều hòa, đó là chiêu cảm bởi nghiệp dữ của thiên hạ, chẳng phải do trời không có lòng thương.

“Nói về việc trời đánh, vào khoảng niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 22 đời Minh,⁽¹⁾ tại chùa Thiên Phong ở Thai Châu có thầy *Duy-na* tên là Sĩ Hoàng bị sét đánh chết. Giây lát bỗng tỉnh lại, nói rằng: “Trong khi tôi chết, có thấy các vị

⁽¹⁾ Tức năm Giáp Thìn – 1424, triều Minh Thành Tổ.

thiên thần quở trách rằng: Đời trước ông làm chức tuần kiểm, buộc tội oan cho một người, khiến người ấy phải chịu cực hình. Nhờ người biết thờ Phật, cho nên chưa thường mạng. Đến một đời sau nữa, ông làm vị tăng trụ trì, lấy tiền đồng của chùa mà chôn giấu ba hầm. Sau khi chết rồi, tiền ấy hư nát hết. Ông đã phạm tội trong hai đời, cho nên nay bị sét đánh chết. Tuy nhiên, trong đời này ông chí thành thờ phụng đức Bồ Tát Quán Âm nên tạm để cho ông được sống lại.’ Về sau, đến niên hiệu Tuyên Đức thứ hai,⁽¹⁾ Sĩ Hoàng bị chết đuối.

“Ở xứ Triết Hữu, có một người in tượng Phật giấy ngũ sắc. Sau đó, người ấy khai trương hiệu buôn, lót ván bằng thangka trên gác và làm phòng ngủ trên ấy. Một đêm nọ, ông ta lỡ đụng làm đổ bồn đựng nước tiểu tiện, nước tiểu chảy xuống thấm ướt cả bức tượng. Sáng ra ông lại đem phơi khô rồi bán bức tượng ấy. Ngay trong năm ấy, ông ta đang ở trong nhà bỗng như bị ai lôi đi, rồi bị sét đánh chết ngay trước cửa tiệm.

“Lại có hai vợ chồng nhà nghèo kia, nhà hết gạo phải nhịn đói. Người chồng liền đem một con ngỗng ra chợ bán, mua được hai đấu gạo. Đang lúc thèm khát, anh ta lấy bột ra hai thăng gạo⁽²⁾ đổi lấy rượu mà uống. Về được giữa đường thì say rượu, nằm ngay ra đất. Có người trộm lấy hết gạo. Khi tỉnh lại, anh ta sợ sệt về nhà. Người vợ biết chuyện, buồn khổ khôn xiết. Người chồng không chịu nổi, trầm mình xuống nước mà chết. Người vợ than rằng: ‘Chồng tôi đã chết, tôi còn sống làm gì?’ Rồi cô cũng

⁽¹⁾ Tức năm Đinh Mùi – 1427, triều vua Tuyên Tông.

⁽²⁾ Đấu và thăng là các đơn vị cân lường thời xưa của Trung Hoa. Mỗi đấu có 10 thăng.

nhảy xuống nước mà chết. Qua rạng sáng hôm sau, có một người con trai bị sét đánh chết, xác văng đến nằm bên cạnh xác hai vợ chồng kia. Trên lưng kẻ bị sét đánh chết ấy hiện ra mấy chữ: ‘Thằng này ăn cắp gạo.’

“Ở Tùng Giang⁽¹⁾ có một người bị sét đánh chết, trên lưng hiện ra mấy dòng chữ này: ‘Cách đây mười năm, tên này cùng với một người đàn bà vào chùa, lên tầng tháp thứ hai mà làm chuyện dâm dục, cho nên nay bị giết.’

“Tại Hồ Châu⁽²⁾ có một cô gái kia, đang trong cơn mưa bỗng thấy có nhiều vị quan binh kéo đến trước cửa nhà mình. Trong số ấy có hai vị vào nhà, hình dáng giống như những thiên binh mà người đời thường họa. Hai người ấy bắt anh trai của cô đi, liền đó anh bị sét đánh chết ngay trước cửa. Khi ấy cô mới biết rằng những vị quan binh nhìn thấy đó là các thiên thần.

“Lại có một người kia bị sét đánh chết, người nhà lấy quần áo mặc vào cho tử thi. Qua ngày sau, lại bị sét đánh lần nữa, quần áo văng mất cả. Lại có một người bị sét đánh chết, người ta đã liệm vào quan tài. Hôm sau lại bị sét đánh nữa, làm văng mất nắp hòm!

“Những chuyện hiển hiện rõ ràng như vậy, xưa nay mỗi năm đều có, chẳng cần phải kể nhiều. Những việc tai nghe, mắt thấy nhiều lắm, chỉ e người nhà lấy đó làm điều nhục nhã nên không kể ra tên họ của người bị chết.

“Hơn nữa, bị sét đánh chết còn có những loài vật như: rắn rết, chồn cáo, chuột, tinh quái, cây cối cùng với những đồ vật có yêu ma nương dựa vào ấy bị sét đánh. Như vậy há phải là khí âm và khí dương gặp nhau một cách tình cờ gây chết hay sao?

(1) Huyện Tùng Giang nay thuộc tỉnh Giang Tô.

(2) Phủ Hồ Châu, nay thuộc huyện Ngô Hưng, tỉnh Triết Giang.

“Kinh Dịch có câu: ‘Nghe tiếng sấm sét phải phải phòng lo sợ.’ Trong lời *tượng* quẻ ấy giải rằng: ‘Nghe lại tiếng sấm vang, người quân tử lấy đó làm điều lo sợ, phải gắng tu tỉnh.’ Như vậy có ý nói đó là sự quở trách của trời, cho nên phải cố gắng tu tỉnh, sửa lỗi. Hối Am dạy người ta không tin việc trời quở trách, đó là trái với lẽ trong kinh Dịch. Nếu không biết sợ trời đất mà hướng đến việc lành thì trước hết là đánh mất đức độ của chính mình.

“Tiếc thay cho người đời sau, không biết mở rộng kiến thức để soi xét rõ ý nghĩa trong sự việc, vì cố chấp mà mắc phải sai lầm nghiêm trọng theo lời Hối Am. Hối Am không chỉ sai vì dựa vào sự phỏng đoán, mà còn mắc lỗi rất lớn đi ngược lời Phật dạy.

“Văn Trung tử⁽¹⁾ dùng đạo học Khổng, Mạnh viết sách nhưng vẫn kính trọng Phật pháp. Hối Am dùng chỗ học trong Phật pháp để viết sách, lại bài bác Phật pháp, muốn cho kẻ hậu học chẳng xem kinh sách Phật, để không biết được việc ông dùng chỗ học trong Phật pháp mà viết sách. Bởi ý đồ như thế nên mới làm như thế.

“Hối Am đối với Phật pháp chỉ học biết được đôi chút, khác nào như dùng một cái lông mà thấm nước biển, chỗ biết như vậy thật quá ít. Ông lại mang cái biết quá ít như chút nước thấm nơi cái lông ấy mà muốn cho kẻ hậu học dùng lấy, cho đó là đủ, chẳng cần phải ra biển làm gì! Lời dạy của ông ấy làm hư hoại lòng người, trái nghịch Phật pháp, đánh mất chỗ tốt đẹp lớn lao, thật sai lầm lắm thay!

(1) Văn Trung tử họ Vương, tên Thông, người ở Long Môn, sống vào đời Tùy (khoảng cuối thế kỷ 6 sang đầu thế kỷ 7), là người có trước tác nhiều bộ sách được lưu truyền.

君臣名儒學佛

太原曰。師謂佛法利益世人，不知有何利益。

空谷曰。參禪悟道者得明心見性之益。窮究經教者得明通玄旨之益。依法修行者得漸入菩提之益。持戒念佛者得生淨土之益。持戒禪定者得生天上之益。歸依信受者得善根福慧之益。善心敬佛者得善因福果之益。依信不作惡者得不煩刑法之益。佛法行於世間，得陰翊皇度之益。

曰。雖然如是利益，吾儒有誰學之。

曰。不但儒者所學，聖主明君亦學之。

太原曰。乞師明矣。

空谷曰。若說古今學佛者，不可勝數。今以簡略言之。

唐太宗篤志尚佛，迨無加矣。玄奘法師沒世之日，高宗顧左右曰。朕失國寶矣。輟朝

Quân thân danh nho học Phật

Thái Nguyên viết: Sở và Phái pháp lợi ích thế nhân, bất tri hữu hà lợi ích?

Không Có viết: Tham thiền ngoài nhà giáo nhà mình tâm kiến thành chi ích. Cung cầu kinh giáo giáo nhà mình thông huyền chặc chi ích. Y pháp tu hành giáo nhà mình tiến nhập Bồ-đề chi ích. Trì giới niệm Pháp giáo nhà mình sanh Tịnh độ chi ích. Trì giới thiền định giáo nhà mình sanh thiên thông chi ích. Quy y tín thọ giáo nhà mình thiên căn phôi huệ chi ích. Thiền tâm kính Pháp giáo nhà mình thiên nhân phôi qua chi ích. Y tín bất tác ác giáo nhà mình bất phiền hình pháp chi ích. Pháp pháp hành ở thế gian, nhà tâm đạo hoàng độ chi ích.

Viết: Tuy nhiên nhờ thờ lợi ích, ngoài Nho hữu thụ học chi?

Viết: Bất nhà Nho giáo sư học, thành chùa mình quan diễm học chi.

Thái Nguyên viết: Khá sở mình học

Không Có viết: Nhờ học thuyết cổ kim học Pháp giáo bất khâu thừa số kim đó giảm lỗi ngoài chi.

Nông Thái Tông nói chí thông Pháp, nhà vô gia học Huyền Trang pháp sở mỗi thế chi nhà, Cao Tông có thái hậu viết: Trẫm thất quốc bảo học Chuyết triêu tam nhà. Nhờ học vô nhà nhà Pháp pháp, nhiên tác Phong Huyền

三日。若謂二帝泥於佛法，然則房玄齡，杜如晦，魏徵，虞世南，褚遂良，李靖，董常諸公何不力諫。蓋為君聖臣賢，咸知佛法正大之道，其有補於政化，善利於人，所以同遵尚也。

凡造寺譯經所有記序，若非御製，則係房，杜，魏，虞，褚作其文章之謹嚴，敬佛之誠篤，可謂至矣。

玄宗，肅宗，代宗，宣宗，尚佛尤甚。代宗指南陽忠國師曰。國中無寶，此僧乃國寶也。

宋朝太祖，太宗，真宗，仁宗諸聖，尚佛其尤甚焉。

上古歷代明君敬佛尤甚於此。隋文稽顙曇延。梁武投誠寶誌。姚秦拜首羅什。齊主師崇上統。符堅禮敬道安。晉主虔恭慧遠。

嗚呼。古今聖主尚乃誠信歸佛，况吾輩乎。

相國韓公琦，侍郎歐陽修，張端明，祕書關彥長，章表民，員外郎陳舜俞等未讀佛書，未知敬佛，逮乎明教嵩禪師并鐔津集一出，無不

Linh, ÑõãNhö Hoá, Nguyĩ Tröng, Ngu TheáNam, ChöúToai Löông, LyùTónh, Ñoàng Thöông chö coâng haõbaá löc giãm? Cai vô quaân thanh thàn hieân, haõn tri Phaã pháp chành ñaĩ chi ñaõ, kyõhöõu baõõ chành hoà, thieãn löi õ nhaân, söúdo ñoàng tuaân thöông daõ

Phaõn taõ töidöch kinh söúhöõu kyütöi nhöõc phi ngöicheá taé heãPhoàng, Ñoã Nguyĩ, Ngu, Chöútaõ kyõvaãn chöông chi cañ nghiãn. Kính Phaã chi thanh ñoã, khaõvò chí hyõ

Huyeãn Toàng, Tuõ Toàng, Ñaĩ Toàng, Tuyeãn Toàng, thöông Phaã vöu thaãn. Ñaĩ Toàng chæNam Döông Trung Quoaõ sö vieã: Quoaõ trung voãbaõ, thöútaõng naõ quoaõ baõ daõ

Toàng trieäu Thaũ Toạ Thaũ Toàng, Chaãn Toàng, Nhaãn Toàng chö thanh, thöông Phaã kyõvöu thaãn yeãn.

Thöông coãlöch ñaĩ minh quaân kình Phaã vöu thaãn õ thöu Tuy Vaãn, kheãtaõng Ñaõn Dieãn, Löông Voõñaũ thanh Baõ Chí, Dao Taãn baũ thuũLa-thaõp, Teãchuõsõ sung Thöông Thoàng, PhuõKieãn leãkính Ñaõ An, Taãn chuã kieãn cung Hueã Vieãn.

Oãhoã coãkim thanh chuã, thöông naõ thanh tín quy Phaã, huoaõng ngoãboã hoã

Töõmng quoaõ Haõ Coâng Kyõ Thò lang Aũ Döông Tu, Tröông Ñoan Minh, Bí thö Quan Ngaãn Tröõmng, Chöông Bieäu Daãn, Vieãn ngoaĩ lang Traãn Thuaãn Du ñaõng, vô ñoã Phaã thö, vô tri kình Phaã, ñaõ hoãMinh Giaõ Tung thieãn sö, tinh Ñaõn taãn tap nhaã xuaã, voãbaã lieãn nhaãn toàng xöng

斂衽送稱讚曰。不意僧中有此郎，非唯空宗通，亦乃文格之甚者。

禮云。雖有嘉穀，弗食不知其旨，雖有至道，弗學不知其善。是故學然後知不足，教然後知困。知不足，然後能自反也。知困然後能自強也。豈不其然乎。

自晉以來，謝安石才德之量，經綸之手，孰能加焉。王羲之識量高古，才思逸羣，孰能加焉。陶淵明，性情之正，去就之高，孰能加焉。謝靈運，風規瀟灑，文章之精，孰能加焉。崔公羣相天下而天下賢之，孰能加焉。衡陽龐蘊識見之高，道學之勝，孰能加焉。

裴晉公，樹大勳業著於盛唐，孰能加焉。顏魯公，具大節義，文章書法，孰能加焉。相國裴公，文章之古，道學之至，孰能加焉。二蘇子，黃山谷，儒學之至，禪學之勝，孰能加焉。陳忠肅公，道學致事高識美德，孰能加焉。學士王日休，博學智識高明正大，孰能加焉。

未暇廣而論之。略言此諸名賢，篤志尚

tâm việ: Baá yùtàng trung hõu thõulang, phi vi không toàng thông, dieä naó vañ cañh chi thañ giaú

Leãvañ: Tuy hõu gia haø, phá thõr baá tri kyøchæ Tuy hõu chí ñãø, phá hoë baá tri kyøthieñ. Thò coáhoë nhieñ hañ tri baá tuè, giaø nhieñ hañ tri khoán. Tri baá tuè, nhieñ hañ tri töiphãm dã Tri khoán, nhieñ hañ nañg töicõong dã Khõu baá kyønhieñ ho?

TõiTañ dó lai, TaiAn Thach taí ñõu chi löõng, kinh luañ chi thuệ thuë nañg gia yeñ? Võong Hy Chi thõu löõng cao coạ taí tö dã quañ thuë nañg gia yeñ? Ñãø Uyeñ Minh tañh tình chi chañh khõütõu chi cao thuë nañg gia yeñ? TaiLinh Vañ phong quy tieä sañ vañ chõong chi tinh thuë nañg gia yeñ? Thoá Công quañ töong thieñ hañhi thieñ hañhieñ chi thuë nañg gia yeñ? Hoanh Dõong Bang Uañ thõu kieñ chi cao, ñãø hoë chi thañg, thuë nañg gia yeñ?

Buá Tañ Công thoññã huañ nghiệp trõõu ở Thanh Nõong thuë nañg gia yeñ? Nhan Loã Công củ ñãä tieä nghóa, vañ chõong thõ pháñ thuë nañg gia yeñ? Tõõng quoaé Buá Công vañ chõong chi coạ ñãø hoë chi chí thuë nañg gia yeñ? Nhò Toätõu Hoang Sơn Coá, nho hoë chi chí, thieñ hoë chi thañg, thuë nañg gia yeñ? Trañ Trung Tuè coñg ñãø hoë trí söicao thõu myõñõu thuë nañg gia yeñ? Hoë só Võong Nhañ Höu, baù hoë tri thõu cao minh chañh ñãä thuë nañg gia yeñ?

Vò hañquañg nhi luañ chi, löõr ngoñ thõüchõ danh hieñ, ñõä chí thõõng Phañ, thieñ hañ thuë baá tri chi? Thõüchõ

佛,天下孰不知之。此諸名賢道德明敏,豈不逮於晦菴乎,豈不逮於後世排佛之人乎。蓋為意誠心正,公而無私,重於佛聖人之至道也。晦菴多註書,故後學敬之。矧不識其心病,故不擇其言,皆從其說也。

6. Các vị vua quan và danh nho học Phật

Ông Vương Trung người Thái Nguyên thưa hỏi: “Thầy dạy rằng Phật pháp có lợi ích cho người đời, không biết là có những lợi ích gì?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Người tham thiền ngộ đạo thì có cái lợi thấy suốt nguồn tâm, rõ biết tự tánh. Kẻ nghiên cứu kinh điển, giáo pháp thì có cái lợi sáng tỏ, thông suốt ý chỉ nhiệm mầu. Người tu hành theo đúng pháp thì có cái lợi dần dần chứng đắc quả vị *Bồ-đề*. Kẻ trì giới, niệm Phật thì có cái lợi sanh về Tịnh độ. Người trì giới tu thiền định thì có cái lợi sanh lên cõi trời. Người quy y, tin nhận thì có cái lợi gieo trồng căn lành, tăng trưởng phước đức, trí huệ. Những ai có lòng lành kính Phật thì có cái lợi gieo nhân lành, được quả phước. Những ai có lòng tin không làm việc ác thì có cái lợi ích không vướng vào pháp luật. Cho nên Phật pháp lưu hành ở thế gian cũng là gián tiếp có lợi cho công cuộc trị an.”

danh hiền nào nổi minh mẫn, không bao nào ở Hoá Am hoá
 Không bao nào ở hậu thế ba Phái chi nhân hoá Càn và yú thành
 tâm chánh, công nhi vô tư, trọng ở Phái thành nhân chi
 chí nào đạo Hoá Am nã chuithö, cóahai hơ kính chi, than
 bao thời kyotâm beinh, cóabai träch kyongöan, giai tung kyö
 thuyéa dõ

Vương Trung lại hỏi: “Tuy có những lợi ích như vậy, nhưng trong đạo Nho có ai theo học Phật chăng?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Không chỉ có các nhà Nho học Phật, cho đến các vị thánh chúa, vua hiền cũng đều theo học.”

Vương Trung thưa: “Xin thầy dạy rõ hơn.”

Không Cốc nói: “Nếu nói hết những người học Phật từ xưa nay thì thật không kể xiết. Nay chỉ đơn cử sơ lược một số trường hợp mà thôi.

“Vào đời Đường, sự sùng mộ đạo Phật của vua Thái Tông⁽¹⁾ thật chẳng ai bằng. Sau khi vua mất, con là Cao Tông⁽²⁾ nối ngôi. Khi nghe tin pháp sư Huyền Trang⁽³⁾ viên

(1) Đường Thái Tông cầm quyền cai trị từ năm 627 đến năm 649.

(2) Đường Cao Tông lên ngôi năm 650, cầm quyền đến năm 683.

(3) Pháp sư Huyền Trang là bậc cao tăng được vua Đường Thái Tông kính trọng như bậc thầy. Ngài có sang Ấn Độ thỉnh kinh sách về Trung Hoa và dành rất nhiều thời gian để phiên dịch sang Hán ngữ. Hầu hết những bộ kinh do ngài dịch đều được vua Đường Thái Tông ngự chế để tựa, hết lòng cung kính. Sau khi Thái Tông băng hà, Cao Tông nối ngôi vẫn tiếp tục tôn kính ngài Huyền Trang hết mực.

tịch, vua Cao Tông thốt lời than với triều thần rằng: “Trẫm đã mất quốc bảo rồi!” Vua liền miễn thiết triều trong ba ngày để tỏ lòng thương tiếc. Nếu bảo hai vị hoàng đế ấy mê đắm Phật pháp, vì sao các đại hiền thần như Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Ngụy Trưng, Ngu Thế Nam, Chủ Toại Lương, Lý Tĩnh, Đổng Thường đều không ra sức can gián? Vì các vị vua thánh, tôi hiền ấy đều biết rằng Phật pháp là đạo lớn chân chánh, có ích lợi cho cuộc trị an và giáo hóa, mang lại sự tốt lành cho người đời, nên tất cả đều cung kính vâng theo.

“Thuở ấy, mỗi khi xây chùa xong cần đề bia ký, hay dịch kinh xong cần đề tựa, nếu chẳng phải chính tay vua ngự chế thì cũng chỉ định một trong các vị đại thần như Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Ngụy Trưng, Ngu Thế Nam, Chủ Toại Lương... thay vua mà viết ra những áng văn kính cẩn, nghiêm túc. Lòng kính mộ của vua Thái Tông và vua Cao Tông đối với Phật pháp, thật đáng gọi là hết mực chí thành!

“Tiếp đó, cũng trong đời Đường, có những vị vua như Huyền Tông,⁽¹⁾ Túc Tông,⁽²⁾ Đại Tông,⁽³⁾ Tuyên Tông⁽⁴⁾ càng kính mộ đạo Phật hơn nữa. Vua Đại Tông có lần chỉ vị Quốc sư là Nam Dương Trung mà nói: “Trong nước không có gì quý báu, chỉ có vị tăng này là quốc bảo mà thôi.”

“Sang đời Tống, những vị thánh đế như Thái Tổ,⁽⁵⁾ Thái

(1) Đường Huyền Tông lên ngôi năm 713, trị vì đến năm 755.

(2) Đường Túc Tông lên ngôi năm 756, trị vì đến năm 762.

(3) Đường Đại Tông lên ngôi năm 763, trị vì đến năm 779.

(4) Đường Tuyên Tông lên ngôi năm 847, trị vì đến năm 859.

(5) Tống Thái Tổ (Triệu Khuông Dẫn) lên ngôi năm 960, trị vì đến năm 976.

Tông,⁽¹⁾ Chân Tông,⁽²⁾ Nhân Tông⁽³⁾ lại càng trọng mộ đạo Phật hơn nữa.

“Những triều đại xưa kia còn có nhiều bậc minh quân kính mộ đạo Phật hơn thế nữa. Tùy Văn đế⁽⁴⁾ cúi lạy pháp sư Đàm Diên, Lương Võ đế⁽⁵⁾ đem trọn lòng thành cung kính hòa thượng Bảo Chí,⁽⁶⁾ Diêu Tần⁽⁷⁾ cúi đầu bái thỉnh ngài *Cưu-ma-la-thập*. Vua Tề thờ ngài Thượng Thống làm thầy.⁽⁸⁾ Vua Phù Kiên lễ kính pháp sư Đạo An.⁽⁹⁾ Vua nước

(1) Tống Thái Tông (Triệu Quang Nghĩa, em Triệu Khuông Dẫn) lên ngôi năm 977, trị vì đến năm 998.

(2) Tống Chân Tông, lên ngôi năm 999, trị vì đến năm 1023.

(3) Tống Nhân Tông, lên ngôi năm 1024, trị vì đến năm 1064.

(4) Tùy Văn đế (Dương Kiên), vua khởi đầu nhà Tùy, lên ngôi năm 589, cầm quyền đến năm 604.

(5) Lương Võ đế, vua khởi đầu nhà Lương, lên ngôi năm 502, cầm quyền đến năm 549.

(6) Bảo Chí: tức Hòa thượng Chí Công, người đất Kim Thành, họ Châu. Ngài tu thiền định, đến kinh đô hoàng pháp có hơn năm mươi năm. Tề Võ đế có lần nghe lời sàm tấu rằng ngài mê hoặc đồ chúng, nổi giận bắt giam vào trong ngục. Sang ra thấy ngài ung dung đi dạo trên đường phố. Vua thất kinh cho người đi xem, lại vẫn thấy ngài trong ngục. Võ đế kính phục, sau thỉnh ngài vào cung giáo hóa. Đời Lương, khoảng niên hiệu Thiên Giám, ngài không bệnh thị tịch. Người đời bấy giờ tôn xưng là Bảo Công, cũng xưng là Chí Công. Chuyện về ngài được ghi chép tường tận trong sách Lương cao tăng truyện, quyển 10.

(7) Túc Diêu Hưng, vua nhà Hậu Tần. Triều Hậu Tần bắt đầu từ năm 384, đóng đô tại Trường An, kéo dài đến năm 417, chỉ có 2 đời vua là Diêu Trành và Diêu Hưng. Diêu Hưng chính là người cất quân đánh nhà Hậu Lương để đón ngài Cưu-ma-la-thập về làm Quốc sư, lo việc dịch kinh tại kinh đô Trường An.

(8) Túc Võ Thành đế của triều Bắc Tề. Năm 560, Võ Thành đế lên ngôi, đặt niên hiệu là Thái Ninh. Hai năm sau, vua được pháp sư Thượng Thống truyền thọ Bồ Tát giới. Vua tự trải tóc mình trên đất, thỉnh pháp sư bước trên đó mà lên tòa. Võ Thành đế tôn ngài Thượng Thống làm Quốc sư, lập ra chùa Báo Đức, thỉnh Quốc sư trụ trì chùa ấy. Vua rất kính mộ Phật giáo, cũng đã từng thỉnh pháp sư Huệ Tạng lên điện Thái Cực giảng thuyết kinh Hoa nghiêm.

(9) Vào năm 378, vua Phù Kiên của nhà Tiền Tần đánh chiếm Tương Dương, gặp được pháp sư Đạo An. Phù Kiên thỉnh ngài Đạo An lên ngôi chung xe với mình mà về triều, tôn làm bậc thầy, đối đãi như với bậc thánh nhân.

Tấn hết sức cung kính ngài Huệ Viễn.⁽¹⁾ Ôi! Từ xưa đến nay, các vị thánh chúa còn thành tín theo Phật, hưởng chi những kẻ tầm thường như chúng ta!

“Đời Tống, triều vua Nhân Tông,⁽²⁾ có quan tướng quốc Hàn Công Kỳ, quan thị lang Âu Dương Tu, Trương Đao Minh, chức Bí thư Quan Ngạn Trường, Chương Biểu Dân, Viên ngoại lang Trần Thuấn Du, đều là những người khi chưa đọc kinh Phật thì chưa biết kính Phật, nhưng sau khi gặp được thiền sư Minh Giáo Tung, được xem qua sách *Dàm tân tập* thì ai nấy đều bái phục, ngợi khen rằng: Chúng tôi không ngờ trong hàng chư tăng có người như vậy! Chẳng những thông suốt lẽ *không*, lại còn là bậc văn chương cao tốt.

“Kinh Lễ nói rằng: ‘Tuy có món ăn ngon, nhưng nếu không ăn thì cũng chẳng biết được mùi vị; tuy có đạo cao tốt, nhưng nếu không học thì cũng chẳng biết được chỗ hay.’ Cho nên, có học rồi sau mới biết mình còn thiếu sót; có dạy rồi sau mới biết mình còn có chỗ chưa thông. Biết mình còn thiếu sót mới có thể tự phản tỉnh; biết mình chưa thông suốt mới có thể tự mình gắng sức mạnh mẽ. Há chẳng phải như vậy hay sao?

“Từ đời Tấn đến nay, có ai tài đức, kinh luân hơn được Tạ An Thạch⁽³⁾ chẳng? Có ai kiến thức cao rộng, tài trí

⁽¹⁾ Niên hiệu Thái Nguyên thứ ba (378), vua Đông Tấn là Hiếu Vũ Đế nghe danh đức ngài Huệ Viễn (334–416) ở núi Khuông Lư, thân hành vào tận trong núi, lễ bái pháp sư và thỉnh ngài về ở chùa Đông Lâm.

⁽²⁾ Tống Nhân Tông lên ngôi năm 1023, niên hiệu Thiên Thánh, cầm quyền đến năm 1064.

⁽³⁾ Tạ An Thạch sống vào đời Đông Tấn, triều vua Hiếu vũ (373–396). Ông người đất Dương Hạ, làm quan đến chức Lục thượng thư sự, gia phong tước Thái Bảo, sau khi mất được ban thụy hiệu là Văn Tĩnh Công. Bình sanh ông rất kính trọng Phật pháp, khi sống ở Đông sơn thường cùng hoà thượng Chi Độn luận đàm giáo pháp. Về sau cũng thường thỉnh vị hoà thượng này

siêu quần hơn được Vương Hy Chi⁽¹⁾ chẳng? Có ai tinh tình chính trực, thanh cao hơn được Đào Uyên Minh⁽²⁾ chẳng? Có ai được nền nếp quy củ, văn chương trác tuyệt hơn được Tạ Linh Vận⁽³⁾ chẳng? Có ai làm Tể tướng trong thiên hạ mà được cả thiên hạ tôn xưng là người hiền như Thôi Công Quần⁽⁴⁾ chẳng? Có ai kiến thức cao xa, đạo học vượt trội được như Bàn Uẩn ở đất Hoàn Dương⁽⁵⁾

vào kinh đô giáng đạo.

⁽¹⁾ Vương Hy Chi tự là Thiệu Dật, là cháu của Vương Đạo, làm quan Bí Thư Lang, sau giữ chức Tả Tướng quân trong đời Tấn Minh đế (323–325) và Tấn Thành đế (326–342). Ông lập chùa Qui Tông tại Lư sơn, thỉnh vị tăng người Ấn Độ là Đạt-ma-cát-la về trụ trì. Nghe danh đức của hoà thượng Chi Độn, ông thân hành đến lễ bái hỏi đạo. Hoà thượng Chi Độn giảng pháp, ông hết lòng cung kính lắng nghe. Rồi sau thỉnh hoà thượng về ở chùa Linh Gia để thường xuyên đến thưa hỏi đạo pháp.

⁽²⁾ Tức Đào Tiềm, một nhà thơ nổi tiếng đời Tấn, tên tự là Uyên Minh. Có lần ông được bổ làm quan huyện lệnh Bành Trạch, được khoảng hơn 80 ngày, có viên quan Đốc bưu đến, nha lại trong huyện đường bảo ông mũ áo cần đai ra nghênh đón. Ông than rằng: “Lẽ nào chỉ vì mỗi tháng được ăn 5 đấu gạo mà phải khom lưng uốn gối trước người khác?” Liền treo ấn lệnh tại huyện đường rồi bỏ đi, về ở ẩn. Ông có làm bài phú “Quy khứ lai từ” nói lên tâm sự này, rất nổi tiếng. Ngoài ra cũng có soạn các tập *Sưu thần lục*, *Hội dung*... ghi lại những việc linh nghiệm trong Phật pháp. Ông thường giao du với các vị danh tăng, trong số đó có cả ngài Huệ Viễn, người sáng lập Bạch Liên Xã.

⁽³⁾ Tạ Linh Vận là con của Tạ Mô, người xứ Dương Hạ, giữ chức An Tây Tướng quân đời Tấn, được phong tước Khang Lạc Công. Thuở nhỏ nổi tiếng ham học, lớn lên học rộng kinh sách, văn chương hay tuyệt. Vì có tài văn chương nên tánh tính cao ngạo, thích dạo chơi những cảnh sông núi. Một hôm đến chơi Lư sơn, gặp ngài Huệ Viễn, trong lòng hết sức tán phục, bèn đắp một cái đài ở lại bên chùa, nhận chính sửa lời văn cho bộ kinh Niết-bàn 36 quyển. Ông lại cho đào ao trồng sen, xin gia nhập Bạch Liên Xã là Hội niệm Phật do ngài Huệ Viễn chủ xướng. Ngài Huệ Viễn biết lòng ông chưa thật yên lắng nên ngăn không cho. Ông có trước tác một số bài tán tụng như Phật tán, Tam thừa tán, Duy-ma kinh tán, được lưu truyền ở đời.

⁽⁴⁾ Thôi Công Quần, cũng thường được gọi là Thôi Công hay Thôi Tiệp Công.

⁽⁵⁾ Cư sĩ Bàn Uẩn tự là Đạo Huyền, người huyện Hoàn Dương, nay thuộc tỉnh Hồ Nam, thuộc dòng dõi theo Nho học. Ông từ nhỏ đã có ý muốn thoát trần, năm Trinh Quán thứ nhất đời Đường Thái Tông (627), ông tìm học với thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên; sau đến tham học với ngài Mã Tổ Đạo Nhất,

chăng? Có ai dựng nên nghiệp cả, danh tiếng rực rỡ đời Thạnh Đường như Bùi Tấn Công⁽¹⁾ chăng? Có ai tiết tháo đại nghĩa, văn chương thư pháp vượt trội như Nhan Lỗ Công chăng? Có ai văn chương trác tuyệt, đạo học cao thâm như Tướng quốc Bùi Công⁽²⁾ chăng? Có ai uyên thâm Nho học và Thiền học như hai ông họ Tô⁽³⁾ và Hoàng Sơn Cốc⁽⁴⁾ chăng? Có ai đạo học cao vời, kiến thức rộng khắp,

có chỗ lãnh hội. Từ đó được nối pháp Mã Tổ. Gia đình cư sĩ có 3 người đều thể nhập đạo pháp. Vợ là Bàng bà, con là Bàng Linh Chiếu. Khi sắp nhập diệt, cư sĩ nói trước với Linh Chiếu và dặn rằng khi mặt trời đứng ngọ thì cho ông hay. Linh Chiếu nói: “Đang có nhật thực.” Cư sĩ bước ra xem. Linh Chiếu liền lên tòa ngồi, chấp tay mà hóa. Cư sĩ trở vào thấy thế, cười rằng: “Con thật là lanh lẹ quá.” Liền thôi không thị tịch. Đến 7 ngày sau, có Châu Mục Công đến thăm, cư sĩ trò chuyện rồi gói đầu trên bập vế của Châu Mục Công mà tịch.

⁽¹⁾ Bùi Tấn Công, tức Bùi Độ, tự là Trung Lập, người huyện Văn Hỷ, tỉnh Hà Đông (nay thuộc tỉnh Sơn Tây). Ông làm quan trải qua bốn triều nhà Đường. Đường Văn Tông (835-840) phong làm Tiết độ sứ tỉnh Hà Đông, sau phong làm Trung Thư Lĩnh, tức Tấn Quốc Công. Sau khi mất được ban thụy hiệu là Văn Trung. Ông bình sanh ngưỡng mộ Phật pháp, đã từng đến học đạo nơi thiền sư Quốc Nhất Khâm, cung kính tôn làm bậc thầy.

⁽²⁾ Tức cư sĩ Bùi Hữu, tự Công Mỹ, người huyện Văn Hỷ, tỉnh Hà Đông, làm quan đến chức Tướng quốc, là đệ tử nối pháp của Tổ Hoàng Bá Hy Vận. Cư sĩ rất hâm mộ Phật pháp, thường làm việc giảng truyền và ghi chép kinh sách.

⁽³⁾ Hai ông họ Tô: tức hai anh em Tô Thức và Tô Triệt, là hai bậc văn tài đời Tống. Tô Thức hiệu là Đông Pha Cư sĩ, tự Tử Chiêm, làm quan đến chức Nội hàn, sau khi mất được ban thụy hiệu là Văn Công. Tô Triệt là em Tô Thức, tự Tử Do, hiệu là Loan Thành Tiên sanh, lấy hiệu là Đông Hiên Trưởng lão. Ông làm quan đến chức Trung Thư, Hàn lâm Học sĩ. Cả hai anh em đều ngưỡng mộ Phật pháp, thường đến tham học với các vị danh tăng đương thời. Hai ông còn có một người em gái là Tô Tiểu Muội cũng là bậc văn tài xuất chúng. Đương thời gọi cả ba người là Tam Tô, được xem là những bậc văn nhân kiệt xuất. Riêng Tô Đông Pha là một trong các nhà thơ lớn để lại nhiều thi phẩm rất giá trị.

⁽⁴⁾ Tức Hoàng Đình Kiên, tự Lỗ Trực, hiệu Sơn Cốc Đạo nhân. Đời Tống, ông làm quan Biệt giá, đến năm 1086, triều vua Tống Triết Tông, ông được phong chức Thái sử. Ông học đạo với thiền sư Hoàng Long Tử Tâm, là đệ tử đắc pháp của ngài.

đức độ hơn người như Trần Trung Túc⁽¹⁾ chăng? Có ai học rộng biết nhiều, tri thức cao minh chân chánh như học sĩ Vương Nhật Hữu⁽²⁾ chăng?

“Thật không đủ thời gian để nói rộng ra cho hết, chỉ lược kể ra đây những bậc danh hiền hết lòng ngưỡng mộ Phật pháp mà thiên hạ đều biết. Những bậc danh hiền ấy đều là người thông minh trí tuệ, đạo đức cao vời, há chẳng bằng Hối Am hay sao? Há chẳng bằng những kẻ đời sau chê bai đạo Phật hay sao? Các vị ấy thầy đều lấy tâm chân chánh, ý chí thành, công bằng mà suy xét chẳng có chút định kiến riêng tư, nên mới kính trọng đạo Phật là đạo cao tột của bậc thánh nhân. Hối Am nhờ chú giải nhiều sách vở nên được hậu thế kính trọng. Cũng vì người sau không biết được chỗ tâm bệnh của Hối Am nên không phân biệt được lời lẽ của ông, chỉ mê muội mà tin theo như vậy.”

⁽¹⁾ Tức Trần Quán, tự Huỳnh Trung, hiệu Liễu Ông, cũng có hiệu là Hoa Nghiêm Cư sĩ. Sau khi mất được ban thụy hiệu là Trung Túc Công. Ông làm quan Tư gián, thường tham học Phật pháp với thiền sư Linh Nguyên.

⁽²⁾ Vương Nhật Hữu, tự Hư Trung, giữ chức Quốc Học Sĩ đời Tống. Ông có trước tác Ngũ kinh huấn truyện, hơn mấy mươi vạn lời. Sau học Phật pháp, liền hủy bỏ tập sách ấy vì cho lắm lạc. Từ đó chuyên tu Tịnh độ. Mỗi ngày lay Phật A-di-đà cả ngàn lay. Ông cũng sao chép các kinh Tịnh độ, khảo đính kinh Đại A-di-đà, trước tác văn khuyến tu Tịnh độ đến 10 quyển, còn lưu truyền. Khi sắp lâm chung, ông đứng ngay ngẩn niệm Phật, hồi lâu nói rằng đã thấy Phật đến rước, rồi đứng vững như thế mà tịch, thân thể không hề nghiêng ngã.

儒宗參究禪宗

太原曰。吾儒得道學者，有幾人乎。

空谷曰。真儒學禪得道者，不可知計。略人數人向子乎。

國一禪師以道學傳於壽涯禪師。涯傳麻衣。衣傳陳搏。搏傳种放。放傳穆修。修傳李挺之。李傳康節邵子也。

穆修又以所傳太極圖授於濂溪周子。已而周子扣問東林總禪師。太極圖之深旨，東林爲之委曲剖論。周子廣東林之語，而爲太極圖說。周子長於禪學工夫。是以工夫之道過於邵子。邵子長於天時曆數，是以數理之道過於周子。至於道學則一也，初無二致。

曰。禪宗既有大道傳授吾儒，晦菴何以排之。

曰。晦菴排佛者，心病也。

曰。所有心病，乞師言之。

Nho tông tham cứu Thiên tông

Thầy Nguyễn viết: Ngô Nho nào nào học giáo hữu kỳ nhân hoá?

Không Có viết: Chấn Nho học thiên nào nào giáo bá khaûtri kẻ lơõc ngoạn soánhân hõõng tũuhoá

Quốc Nhất thiên số đó nào học truyền ở Thôi Nhai thiên số, Nhai truyền Ma Y, Y truyền Trần Nhoam, Nhoam truyền Chung Phòng, Phòng truyền Muõ Tu, Tu truyền Lyũ Nónh Chi, Lyũ truyền Khõõng Tiế Thiếũ Tũũdaõ

Muõ Tu hữu đó sũũtruyền thầy cõr nõathõĩ ở Liẽm Kheá Chu tũũ Dó nhi Chu tũũkhaũ vaãn Nõõng Laãn Toãng thiên số, thầy cõr nõáchĩ thân chã Nõõng Laãn vò chi uỹ khuẽ pháũ luaãn. Chu tũũquaũg Nõõng Laãn chi ngõõ nhi vi thầy cõr nõathuế. Chu tũũtrõõng ở thiên học công phu, thõ dó công phu chi nào quauõ Thiếũ tũũ Thiếũ tũũtrõõng ở thiên thõũ lờch soá thõ dó soályũchĩ nào, quauõ Chu tũũ Chí ở nào học táe nhấ daõ số vòanhò trí.

Viết: Thiên toãng kỳũhũũ nãi nào truyền thũĩ ngô Nho, Hoá Am haõ dó báũ chí?

Viết: Hoá Am báũ Phấ giáo tâm beãn h daõ

Viết: Sũũhũũ tâm beãn h, khaũ số ngoạn chí.

曰。汝但深於佛學，汎及百氏之書，汝當自見。亦見濂溪，二程，以及諸子所得道學之源流矣。

曰。諸子所得未暇問之。濂溪，程子所得之自，乞師言之。

曰。備說則煩姑爲略說。濂溪性周，諱敦頤，字茂叔，舂陵人也。初扣黃龍南禪師，教外別傳之旨。南諭濂其略曰。只消向爾自家屋裏打點。孔子謂。朝聞道，夕死可矣。畢竟以何爲道夕死可耶。顏子不改其樂。所樂者何事。但於此究竟，久久自然有箇契合處。

濂一日扣問佛印元禪師曰。畢竟以何爲道。

元曰。滿目青山一任看。

濂擬議。元呵呵笑而已。濂脫然有省。濂聞東林總禪師，得竹林壽涯禪師，麻衣道者。二師心傳易學，窮神極性，由是扣之。

總諭濂其略曰。吾佛謂實際理地，卽真實無妄。真而無妄卽誠也。大哉乾元，萬物資始。資始實理，乾道變化，各正性命，正此實

Viet: Nhööñãñ thaân ö Phaï hoë, phieán cap bành thò chi thö, nhööñông töikieán. Dieë kieán Lieâm Kheä nhò Trình, dó cap chö töü söüñaé ñãñ hoë chi nguyêñ löu hyö

Viet: Chö töüsöüñaé, vò häi vaán chi. Lieâm Kheä Trình töü söüñaé chi töi kháí sö ngoân chi.

Viet: Bò thuyé táé phieñ, coávò lööc thuyé. Lieâm Kheä tành Chu, huý Ñoân Di, töiMañ Thuë, Thung Laêng nhañ daö Sô kháú Hoang Long Nam thieñ sö, giäv ngoai bieñ truyeñ chi chæ Nam dui Lieâm kyölöc viet: Chætieñ hööng neätöi gia óá lyüñaññieñ. Khoäng töüvò: Trieñ vañ ñãñ, tòch töükhaü hyö Tá cànñ dó haövi ñãñ tòch töükhaüda? Nhan töübaá cáñ kyöläc, söüläc giaühaösö? Ñãñ ö thöücöñ cànñ, cöñ cöñ töi nhieñ höü cáñkheähieþ xöü

Lieâm nhañ nhañ kháú vañ Phaï Añ Nguyêñ thieñ sö viet: Tá cànñ dó haövi ñãñ?

Nguyêñ viet: Mañ muë thanh sôn nhañ nhañ khám.

Lieâm nghó nghò, Nguyêñ ha ha tieñ nhi dó. Lieâm thoatñ nhieñ höü tanh. Lieâm vañ Ñoäng Lañ Toäng thieñ sö ñãc Truë Lañ Thoñ Nhai thieñ sö, Ma Y ñãñ giaü nhò sö tàñ truyeñ dèch hoë, cung thàn cöc tàññ, do thö kháú chi.

Toäng dui Lieâm kyölöc viet: NgoãPhaï vò thaï teályüñöa, töü chàñ thaï voävöng. Chànñ nhi voävöng, töü thanh daö Ñãñ tai canñ nguyêñ, vañ vaï tö thuyë. Tö thuyë thaï lyü canñ ñãñ bieñ hoä, càñ chàññ tàññ mãñg, chàññ thöüthaï lyü Thieñ

理。天地聖人之道，至誠而已。必要著一路實地工夫，直至于一旦豁然悟入。不可在言語上會。

濂一日與張子厚等，同詣東林論性。

總曰。吾教中多言性，故曰性宗。所謂真如性，法性。性即理也。有理化界，事法界。理事交徹，理外無事，事必有理。

諸子沈吟未決，濂毅然出曰。性體冲漠，唯理而已，何疑耶。

橫渠曰。東林性理之論，唯我茂叔能之。

濂問太極。總曰。易在先天，無形有理。蓋太極即易也。無形之理，即無極也。天地間只是一氣，進退而為四時。以一氣言之皆元之為也。

五峯胡先生字通書謂濂得太極圖於穆修。修得於种放。放得於陳搏，此其學一師也。明說太極圖非濂所作。陳搏之學得於麻衣，得於壽涯禪師。

濂問太極圖之所由。總曰。竹林壽涯禪師，得國一禪師之心傳，其來遠矣。非言事物

hòa thành nhân chi dã, chí thành nhi dó. Tất yếu trồu nhấ loãthấ hòa công phu, trồc chí vu nhấ ãm khoãu nhiền ngoã nhấp, bá khaũtai ngoãn ngồthồõng hoã.

Lieãn nhấ nhấ dồ Trồõng TôuHãu ãmng, ãoàng ngheã Ñoàng Laãn luaãn tãnh.

Toàng vieã: Ngoãgiaõ trung ãa ngoãn tãnh, coãvieã Tãnh toàng, Sôuvò chaãn nhõ tãnh, phãp tãnh, Tãnh tồu lyũdaõ Hõũ lyũphãp giõũ, sõiphãp giõũ, lyũsõigiao trieã. Lyũngoãi voãsõi sõitã hõũ lyũ

Chõ tồutraãn ngaãn vò quyẽã, Lieãn nghò nhiền xuaã vieã: Tãnh theãxung mãc, duy lyũnhĩ dó, haõnghi da?

Hoãnh Cõovieã: Ñoàng Laãn tãnh lyũchi luaãn, duy ngoã Mãũ Thuũ ãmng chi.

Lieãn vaãn thaũ cõc, Toàng vieã: Dừch tãi tieãn thieãn, voã hình hõũ lyũ Caũ thaũ cõc, tồu dừch daõ Voãhình chi lyũ tồu voãcõc daõ Thieãn hòa gian chãthõ nhấ khí, tãũ thoã nhi vi tồu thõũ. Dó nhấ khí ngoãn chi giai nguyẽãn chi vi daõ

NguõPhong, Hoãtieãn sanh tồithoàng thõ vò Lieãn ããc thaũ cõc ãoã Muĩ Tu, Tu ããc õ Chuõng Phõng, Phõng ããc õ Traãn Ñoãm, thõũkyõhoũ chi nhấ sõ daõ Minh thuyẽã thaũ cõc ãoã phi Lieãn sõũtaũ. Traãn Ñoãm chi hoũ ããc õ Mã Y, ããc õ ThoĩNhai thieãn sõ.

Lieãn vaãn Thaũ cõc ãoãchi sõũdo, Toàng vieã: Truũ Laãn ThoĩNhai thieãn sõ, ããc Quoã Nhấ thieãn sõ chi tãũn truyẽn,

而言至理。當時見圖之理，據吾教中，依空立世界，以無為萬有之祖。以無為因，以有為果。以真為體，以假為用。故云。無極之真，妙合而凝。

濂復造佛印之室，叙及悟由。印曰。吾多教人孔孟之大義。今公所負，可以起之，宜力行無滯。

東林亦有諭濂唱儒為道學之語。濂諭學者曰。吾此妙心實得啟迪於南老，發明於佛印。易道義理，廓達之說，若不得東林開遮拂拭，斷不能表裏洞然，該貫弘博矣。

濂往朝州靈山寺，訪大顛禪師遺迹。見韓子上大顛書，累幅猶存，及畱衣亭肅然無恙。故題詩曰。

退之自謂如夫子，
原道深排釋老非。
不識大顛何似者，
數書珍重更畱衣。

濂作愛蓮詩曰。

kyolai vieñ hyō Phi ngoân söivañ, nhi ngoân chí lyù Nōông thōi kieñ ñoachi lyù cōungoàngiañ trung, y khoáng lap theágiōi, dó voavi vañ hōi chi toà Dó voavi nhañ, dó hōi vi quaù Dó chañ vi theà dó giañvi đung. Coávañ, voacōr chi chañ, dieñu hieñ nhi ngōng.

Lieñ phuñ tab Phañ Añ chi thañ, töicañ ngoado. Añ vieñ: Ngoaña giañ nhañ Khoàng, Mañh chi ñañ nghóa, kim công sōuphuñ khañdó khōi chi, nghi löc hahh voatreã

Nōng Lañ dieñ hōi dui Lieñ xōōng Nho vi ñañ hōi chi ngōo Lieñ dui hōi giañvieñ: Ngoathōdieñ tañ, thañ ñaè khañ ñoèch ò Nam Lañ, phañ minh ò Phañ Añ. Dōch ñañ nghóa lyù khueñh ñañ chi thuyeañ, nhōōr bañ ñaè Nōng Lañ khai giañphañ thōi, ñoañ bañ nañg bieñ lyùñoàng nhieñ, cai quañ hoàng bañ hyō

Lieñ vañg Trieñ Chau Linh Sơn töi phōng Ñaì Ñieñ thieñ sö di tích. Kieñ Ham töithōōng Ñaì Ñieñ thō lyñ phuñ du toñ, cañ löu y ñinh tuè nhieñ voàng. Coañeathi vieñ:

Thối chi tự vị như Phu tử.

Nguyện đạo thâm bài Thích, Lão phi.

Bất thức Đại diện hà tự giả.

Sở thư trân trọng cánh lưu y.

Lieñ tañ Añ lieñ thi vieñ:

佛愛我亦愛，
清香蝶不偷。
一般奇絕處，
不上婦人頭。

廉性簡約，平居澹如也。晚年悉屏文字，唯務靜勝，而卒得道學之傳。

東林教人唯務靜勝。濂溪之久不事筆硯。終日端坐，窻前草色同一生意。蓋是靜中有得。

道學性理之始實倡於涯師，而至于總師。總以授周子。

陳忠肅公曰。性理之說，東林授之濂溪。濂溪廣之，其言徧於佛書。

後村劉先生詩云。

濂溪學得自高僧。

又云。

始知周孔外，
別自有英豪。

*Phật ái ngã diệc ái.
Thanh hương điệp bất thâu.
Nhất ban kỳ tuyệt xứ.
Bất thượng phụ nhân đầu.*

Liên thành gia^h o^o, bình c^o n^ham nh^o đ^oo V^oan ni^han t^hat^h bình v^han t^oi duy c^ui t^on^h th^ong, nhi th^oat^h n^hac^h n^hao^h h^oic^h chi truye^han.

N^oang La^han gia^ho^h n^han^h duy vui t^on^h th^ong, Li^han khe^hachi c^ou^h ba^h s^oi^hbu^h nghie^han. Chung n^hat^h n^hoan t^oah, song tie^han th^ou sa^hc^h n^oang n^hat^h sanh y^u ca^hi th^o t^on^h trung h^ou^h n^hac^h.

N^hao^h h^oic^h t^han^h ly^uchi thuy^h, th^hat^h x^oo^hng^o o^h Nhai s^o, nhi chí vu To^hng s^o, To^hng dó th^oi Chu t^ou

Tra^hn Trung Tu^h co^hng vie^ht: T^han^h ly^uchi thuy^h, N^oang La^han th^oi chi Li^han Khe^h Li^han Khe^hqua^hng chi, ky^ongo^han bie^han o^h Pha^h th^o.

Ha^hi^h th^oan L^ou tie^han sanh thi v^han:

Li^hem Kh^he học đ^hac t^u cao t^hng.

H^ou^h v^han:

Th^uy tri Ch^hau Kh^hng ngo^hi.

Bie^ht t^u h^uu anh ha^o.

程子，洛中人，諱顥，字伯淳，號明道。第諱頤，字正叔，號伊川。

子野曾先生曰。程氏顥，頤同受學於濂溪。濂溪首令尋仲尼，顏子所樂何事。學成各以斯文爲己任。

程子以太極圖授之后山先生。后山曰。余觀周程推己教人之所以，及反觀孔孟以來，實未嘗有此寂然危坐做工夫尋樂處，以爲斯文之窮究。信乎周程體道之源，固有所別流矣。

明道深味於華嚴合論，自謂有所心融意會爲喜。以其所由，書於雲蓋寺。

明道以亡母壽安院君忌時，往西京長慶寺，修冥福，躬預齋席。見衆僧入堂，周旋步武，威儀濟濟，代鼓敲敲鐘，內外整肅，一坐一起竝準清規。乃歎曰。三代禮樂盡在是矣。

靈源清禪師答伊川書曰。妄承過聽，以知道者見期。雖未一奉目擊之歡聞公畱心此道甚久。天下大宗師，歷扣迨徧。乃猶以鄙人未

Trình tộ Lã Trung nhân, huý Hã, tời BãThuần, hiê Minh Nã. Nêahuý Di, tời Chãnh Thuừ, hiê Y Xuyê.

TồuĐãTãng tiê sinh viê: Trình thò Hã, Di ñoàng thoi hoừ ò Liê Khe Lie Kheathuulinh tãn Trõng Ni, Nhan tồu sôulã haosõi Hoừ thanh cãu dó tồ vãn vi kyínhã.

Trình tồudó Thã cõ ñoà thõichi Hã Sõn tiê sinh, Hã Sõn viê: Dõ quan Chu, Trình suy kyúgiã nhãn chi sôudõ, cãp phãm quan Khoãng Mãnh dó lai, thã vò thõong hõu thõu tồch nhieñ nguy toã toãcõng phu tãn lã xõu dó vi tồ vãn chi cung cõu, tín hoãChu trình theãñã chi nguyêñ, coãhõu sôubieã lõu hyõ

Minh Nã thãñ vò ò Hoa Nghieñ hiêp luãñ tồ vò hõu sôutañ dung yũhoã vi hyũ Dõ kyõsõudo, thõ ò Vãn Cãu tồ

Minh Nã dó vong mãu Thõ An Viê Quan kớ thõu, vãng Tãy Kinh Trõong Khãnh tõi tu minh phõõu, cung dõi trai tồch. Kiêñ chũng tãng nhãp ñõõng, chãu triêñ boãvõ oai nghi teáteã ñã coãxao chung, noã ngoã chãnh tuừ, nhã toã nhã khõu, tồnh chuan thanh quy. Nã thãñ viê: Tam ñã leãnhãc, tãñ tai thõ hyõ

Linh Nguyêñ Thanh thiêñ sõ ñãp Y Xuyêñ thõ viê: Vong thõa quãthính, dó tri ñã giaũkiêñ kyõ Tuy vò nhã phũng mũc kich chi hoan, vãn cõng lõu tãñ thõũñã thãñ cõu, thiêñ hã ñã toãng sõ, lõch khãu ñã bieñ, nã du dó bãnãñ vò kiêñ, vi bã tuừ. Khoãnh niêñ gian, vãn tiêñ sõ

見爲不足。頃年間，聞先師言公見處。今覽公所作法要後序，深觀信入真實不虛也。

已而伊川多入靈源之室。嘉泰普燈錄云。程伊川，徐師川，朱世英，洪駒父，咸問道於靈源禪師。故伊川之作文註書，多取佛祖辭意。信源流之有從也。

石塘胡汲仲先生曰。孟子沒一千五百餘年，道潛統絕。子周子出，然後潛者復光，絕者復續。河南程氏二子，得周子之傳。周子之傳出於北固竹林寺，壽涯禪師而爲首唱。

程子四傳而得朱氏文公。文公復得張敬夫，講究此道，方得然處。

乃云。昔日所聞竹林遺語。未之契者，皆不我欺。元來此事與禪學十分相似。學不知禪，禪不知學，互相排擊，都不曾割著病處，亦可笑也。

歐陽玄曰。程子平生愛讀佛書，但不及朱氏之博覽。

伊川曰。明道先生出入釋老幾十年。

ngoân công kiến xòu kim laãn công sôitai phap yeai haai toi
thân quan tín nhap chãn thã baĩ hõ daõ

Dó nhi Y Xueân ña nhap Linh Nguyêân chi thã, Gia thã
Phoãñaêng lưc vaãn: Trình Y Xueân, TôSô Xueân, Chu Theá
Anh, Hoàng Caũ Phuũ ham vaãn ñãõ ö Linh Nguyêân thieãn sô.
CoáY Xueân chi taũ vaãn chuũthõ, ña thuũPhãĩ toátõyũ Tín
nguyêân löu chi hõũ tung daõ

Thãch Nõõng HoàCãp Trõng tieãn sanh vieã: Mãnh töũ
moã nhã thieãn nguõbaũh dö nieãn, ñãõ tieãn thõng tuyeã. Tôũ
Chu töũxuaã, nhieãn haũ tieãn giaũphuũ quang, tuyeã giaũphuũ
tuũ. HaõNam Trình thõ nhõ töũ ñãe Chu töũchi truyeãn, Chu
töũchi truyeãn xuaã ö Baẽ CoáTruũ Laãn töĩ ThoĩNhai thieãn
sõ nhi vi thuũxõõng.

Trình töũtõũtruyeãn nhi ñãe Chu thõ Vaãn Coãng. Vaãn Coãng
phuũ ñãe Trõõng Kĩnh Phu, giaãng cõũ thõũñaõ, phõõng ñãe
thoãũ nhieãn xõũ

Naõ vaãn: Tĩch nhãĩ sõũvaãn Truũ Laãn di ngõõ Vò chi kheá
giaũ giai baĩ ngaõkhi. Nguyêân lai thõũsõĩ döõthieãn hõũ thãp
phaãn tõõng töĩ Hõũ baĩ tri thieãn, thieãn baĩ tri hõũ, hoãtõõng
baũ kĩch, ñõõbaũ taẽng traũ trõõũ beãn h xõũ dieũ khãũtieãĩ daõ

Ấũ Dõõng Huyêãn vieã: Trình töũbĩnh sanh aũ ñõũ Phãĩ
thõ, ñãõ baũ cãp Chu thõ chi baũ laãn.

Y Xueân vieã: Mãnh Nãõ tieãn sanh xuaã nhap Thĩch, Laõ
kyũthãp nieãn.

東林諭濂。有一中散爲萬事，末復合爲一理。及天理之性，人欲之私。天地萬物本吾一體。元包四德，誠通誠復，等辭。二程傳其學。故伊川著書立言皆本其意，或全用其語。如易傳序。體用一源，顯微無間。

濂溪太極圖說。無極之真妙合而凝。無極而太極等語，全是東林口訣。周子通書，濂洛集等，皆根於此周程取佛語，多類此也。

晦菴深諱周程明露佛語。故云。周子之學莫知其師傳之所自。又云。周子之學得之於天。

且夫，周子通書，師友章云。至難得者道德。有於身而已矣。求人至難得者，有於身非師友則不可得也。

晦菴之言悖於周子之語矣。意在絕其所得之自，殊不知昧於天理，愈令節病彰焉。

有若韓子見大顛後，所有敬佛之辭。後人刪而去之。晦菴校韓文，尚畱韓子上大顛三通書。後人再刊，又將此三通書，一併刪去。故

Ñoàng Laãn dui Lieãn: Hõu nhaá trung tam vi vãn sõi mãi phuê hiệp vi nhaá lý Caáp thiêñ lyùchi tamh, nhaãn duê chí tõi. Thiêñ ñòa vãn vãi boãn ngoãnhaá theá Nguyêñ bao tõiñõu, thanh thoâng thanh phuê, ñaúng tõi Nhò Trình truyeãn kyhoê, CoáY Xuyêñ trõõu thõ læp ngoãn, giai boãn kyoyù Hoaê toãn duýng kyngõp Nhõ Dìch truyeãn tõi Theáduýng nhaá nguyêñ, hiêñ vi voãgiaãm.

Lieãn kheáthai cõr ñoathuyê: Voácõr chi chaãn, dieâu hiệp nhi ngõng. Voácõr nhi thai cõr ñaúng ngõp toãn thõ Ñoàng Laãn khai quyê. Chu tõiThoâng thõ, Lieãn læ tap ñaúng, giai cañ õ thõChu Trình thuũduýng Phaá ngõp ña loaĩ thõũdaõ

Hoá Am thaãn huý Chu Trình minh loãPhaá ngõp coávaãn: Chu tõi chi hoê, mãi tri kyosõ truyeãn chi sõi tõi Hõu vaãn: Chu tõi chi hoê ñaé chi õ thiêñ.

Thaũphuø Chu tõiThoâng thõ, Sõ hõu chõõng vaãn: Chí nan ñaé giaũñaõ ñõu, hõu õ thaãn nhi dó hyõ Caũ nhaãn chí nan ñaé giaũ hõu õ thaãn phi sõ hõu taé baá khaiñaé daõ

Hoá Am chi ngoãn, boã õ Chu tõi chi ngõõhyõ Yũtai tuyê kyosõũñaé chi tõi thuøbaá tri muoã õ thiêñ lyùduõlinh tieá beãn chõõng yeãn.

Hõu nhõõr Ham tõi kieãn Ñai Ñiêñ haũ, sõi hõu kính Phaá chi tõi Haũ nhaãn san nhi khõuchi, Hoá Am hiêũ Ham vaãn, thõõng lõu Ham tõi thõõng Ñai Ñiêñ tam Thoâng thõ, Haũ nhaãn tai san, hõu tõiõng thõũtam Thoâng thõ, nhaá tinh san khõu coátri haũ nhaãn kyùphuê Hoá Am chi dõõr, chap meãõ

知後人既服晦菴之藥，執迷於排佛尤甚於晦菴。爭知晦菴設此關竅，曲排之也。

後人不識其所以然，將謂是實，從實而排之。所謂。一人傳虛，萬人傳實也。

嗟乎。晦菴設箇關竅在此。後人尚識不破，爭得如薛簡，張拙，白居易，杜鴻漸，李習之，韓昌黎，陳操，陸亘，李附馬，楊大年，富鄭公，楊次公郭功輔，趙清獻公，周濂溪，張無盡，馮濟川，張九成，吳居仁，諸大儒等能參吾宗之禪關乎。

敬佛發明佛理，唯未透禪關者，有若許玄度，習鑿齒，宗炳，劉遺民，雷次宗，王導，周顛，沈休文，張設，李太白，王抹摩詰，柳子厚，王勃，李源，呂蒙正，范仲淹，范蜀公，文潞公，張約齋，呂東萊等，是也。

以佛學為通家之好者，有若曹子建，王珣，王珉，文中子，杜子美，杜牧之，孟浩然，劉禹錫，劉長卿，司空曙，司空圖，李羣，玉皮，日休，許渾，賈島，項斯，鄭谷等，是也。

baó Phaí, vòu thaän ö Hoá Am. Tranh tri Hoá Am thieá thòu quan khieá, khuù baó chi daó

Haü nhaän baá thòu kyøsoüdo nhieän, töông vò thò thaá, tung thaá nhi baó chi. Sôüvò: Nhaá nhaän truyeän hö, vaän nhaän truyeän thaá daó

Ta hoá Hoá Am thieá caùquan khieá taí thòu Haü nhaän thòông thòu baá phaü tranh ñáe nhö Tieá Giäm, Tröông Chuyeá, Bäch Cö Dò, Ñoá Hoäng Tieän, LyùTap Chi, Ham Xöông Lê Trañ Thaù, Luë Caóng, LyùPhuï Mã Döông Ñäi Nieän, PhuïTrình Coâng, Döông ThòuCoâng, Quaùh Coâng Phuï Trieäu Thanh Hieán Coâng, Chu Lieän Kheá Tröông VoáTaän, Phung TeáXuyeän, Tröông Cöu Thanh, NgôCö Nhaän, chö ñäi nho ñámng naêng tham ngoátöng chi thieän quan hoá

Kính Phaá phaü minh Phaá lyù duy vò thaá thieän quan daó höü nhöör Höü Huyeän Ñoá Tap Taë Xæ Toäng Bính, Löu Duy Daän, Loá ThòuToäng, Vöông Ñäö, Chu Yü Trañ Höü Vaän, Tröông Thieá, LyùThaü Bäch, Vöông Ma Caá, Lieäu TöüHaü, Vöông Boá, LyùNguyeän, LööMoäng Chành, Phaím Tröng Yeän, Phaím Thuë Coâng, Vaän LoáCoâng, Tröông Ööü Trai, LööÑoäng Lai ñámng, thò daó

Dó Phaá hõr vi thoäng gia chi haü giaü höü nhöör Tao Töü Kieán, Vöông Tuaän, Vöông Maän, Vaän Trung Töü ÑoáTöüMyö ÑoáMuë Chi, Mañh Haë Nhieän, Löu VuóTích, Löu Tröông Khanh, Tö Khoäng Thöi Tö Khoäng Ñoá LyùQuän, Ngoë Bì, Nhaá Höü, Höü Hoän, CoáÑäü, Hañg Tö, Trình Coá ñámng, thò daó

佛法苟非大道，曷能感諸名賢如是崇尚者也。諸賢才德明敏，豈不逮於後世排佛之人乎。苟不取諸賢之大公，甘屈於一人半人之己意者，實未思之誤也。

太原曰。中也，亦知周程道學得於禪宗，傳至晦菴不越其教，不知晦菴何以昧佛之德，反而排之，所以問也。獲聆斯語，已知其心矣。

空谷曰。濂溪窮究道學於黃龍，佛印，東林，三禪師也。夫三師者，端人也，其取友必端矣。濂溪取友亦必端矣。况程子多遊禪室，多讀佛書，固知程子必是慎德君子，不肯叛佛。

晦菴立言，汎用佛理，反而排之者，俾人不識也。是故遮掩周程學佛之根，然亦遮掩不盡。

中庸或問。謂楊氏等，受學於程門，其言皆佛老之餘緒。多說游楊謝氏等言，出於佛老。晦菴明知周程楊等道學出於禪宗，適之所謂其所排者，設牆壑也。

Phaĩ pháp caũ phi ñai ñaõ, haĩ naõng caũm chõ danh hieãn nhõ thõ sung thõõng giaũdaĩ Chõ hieãn taũ ñõu minh maãn, khõu baũ ñaõ õ haũ theábaũ Phaĩ chi nhaãn hoĩ Caũ baũ thuũ chõ hieãn chi ñai coãng, cam khaũ õ nhaũ nhaãn baũ nhaãn chi kyũyũgiaũ thaũ vò tõ chi ngoãdaũ

Thaũ Nguyeãn vieĩ: Trung daõ dieũ tri Chu Trình ñaõ hoĩ ñaẽ õ Thieãn toãng, truyeãn chí Hoá Am baũ vieũ kyõgiaũ, baũ tri Hoá Am haõdõ muoã Phaĩ chi ñõu, phaũ nhi baũ chi, sõũdõ vaũ daũ Hoãch linh tõ ngõõ dõ tri kyõtaãn hyõ

Khoãng Coá vieĩ: Lieãn Kheácung cõũ ñaõ hoĩ õ Huyõnh Long, Phaĩ Aũ, Ñõng Laãn, tam thieãn sõ daũ Phuõtam sõ giaũ ñõan nhaãn daũ kyõthuũhõũ taũ ñõan hyõ Lieãn Kheãthuũ hõũ, dieũ taũ ñõan hyõ Huoãng Trình tõũña du thieãn thaũ, ña ñõã Phaĩ thõ, coãtri Trình tõũtaũ thõ thaãn ñõu quaãn tõũ baũ khaũg baũ Phaĩ.

Hoá Am laõ ngoãn, taũ duõng Phaĩ lýu phaũ nhi baũ chi giaũ tãnhãn baũ thõu daũ Thõ coãgiaũyeãn Chu Trình hoĩ Phaĩ chi caũ, nhieãn dieũ giaũyeãn baũ taũ.

Trung dung hoã vaũ: Vò Dõõng thõ ñaũg, thõ hoĩ õ Trình moãn, kyõngoãn giai Phaĩ, Laõ chi dõ tõĩ Ña thuyẽ Du, Dõõng, Taĩthõ ñaũg ngoãn xuaũ õ Phaĩ Laõ. Hoá Am minh tri Chu, Trình, Dõõng ñaũg ñaõ hoĩ xuaũ õ Thieãn toãng, ñich chi sõũvõ kyõsõũbaũ giaũ thieũ tõõõng tieãn daũ

7. Các nhà Nho học Phật

Ông Vương Trung người ở Thái Nguyên thưa hỏi: “Các nhà Nho học Phật có mấy ai được chứng đạo chăng?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Những nhà Nho chân thật học Phật được chứng đạo nhiều không kể xiết. Nay chỉ lược nói ra một số người để ông được biết thôi.

“Thiền sư Quốc Nhất⁽¹⁾ truyền đạo cho thiền sư Thọ Nhai; Thọ Nhai truyền cho Ma Y; Ma Y truyền cho Trần Đoàn; Trần Đoàn truyền cho Chung Phóng; Chung Phóng truyền cho Mục Tu; Mục Tu truyền cho Lý Đĩnh Chi; Lý Đĩnh Chi truyền cho Khang Tiết Thiệu Tử.

“Mục Tu lại đem chỗ được truyền về *Thái cực đồ* mà dạy lại cho Chu tử ở Liêm Khê. Chu tử tìm đến thiền sư Thường Tổng⁽²⁾ ở Đông Lâm về ý chỉ thâm áo của *Thái cực đồ*. Thiền sư Thường Tổng liền vì ông giảng rõ những chỗ uẩn áo khó hiểu. Chu tử đem những lời dạy của Thường Tổng truyền rộng ra, cho đó là thuyết *Thái cực đồ*. Chu tử sở trường về công phu thiền học, nên so về công phu tu tập thì vượt hơn Khang Tiết Thiệu Tử. Thiệu Tử lại sở trường về lịch số thời tiết, nên so về môn lý số thì vượt hơn Chu tử. Nhưng xét về đạo học thì chỉ có một, xưa nay chưa từng có hai đường.”

⁽¹⁾ Thiền sư sống vào khoảng hậu bán thế kỷ 8, triều vua Đường Đại Tông (lên ngôi năm 763).

⁽²⁾ Tức thiền sư Thường Tổng Chiếu Giác, ở chùa Hưng Long, thuộc Đông Lâm, Giang Châu. Ngài theo học rất lâu với thiền sư Hoàng Long, được mật truyền tâm pháp, sau mới về trụ ở Đông Lâm. Chùa Hưng Long sau đổi tên thành chùa Đông Lâm.

Vương Trung lại hỏi: “Thiền tông đã có đại đạo truyền cho đạo Nho, vậy tại sao Hối Am lại bài bác?”

Đáp: “Hối Am chê bai đạo Phật là do nơi tâm bệnh của ông ta.”

Lại hỏi: “Xin thầy nói rõ chỗ tâm bệnh của Hối Am.”

Thiền sư Không Cốc dạy: “Ông chỉ cần học hiểu cho sâu pháp Phật, đọc rộng sách vở trong thiên hạ, ắt sẽ tự thấy được chỗ tâm bệnh của Hối Am, và cũng thấy được cả cội nguồn chứng đắc đạo học của Liêm Khê, hai vị họ Trình,⁽¹⁾ cũng như hết thảy những người học đạo.”

Vương Trung hỏi: “Về chỗ chứng đắc của hết thảy những người học đạo hãy khoan hỏi đến. Riêng chỗ chứng đắc của các ông Liêm Khê và Trình tử, dám xin thầy nói rõ cho biết.”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Nói ra cho đủ e phải nhiều lời. Hãy tạm nói sơ qua cho ông rõ.

“Liêm Khê họ Chu, tên húy là Đôn Di, tự Mậu Thúc, người xứ Thung Lăng.⁽²⁾ Ban đầu, ông đến chỗ thiền sư Huệ Nam⁽³⁾ núi Hoàng Long thưa hỏi về yếu chỉ truyền riêng ngoài giáo điển. Về chỗ thiền sư Huệ Nam chỉ dạy cho Liêm Khê, nay chỉ kể lại tóm lược thế này: ‘Ông chỉ

⁽¹⁾ Tức hai anh em Trình Hạo và Trình Di đã có nhắc đến trong một bài trước. Người đời sau thường gọi cả hai vị là Trình tử.

⁽²⁾ Chu Đôn Di sinh năm 1017, mất năm 1073, quê ông nay thuộc tỉnh Hồ Nam. Ông có làm quan qua các chức Chủ bạ, Đại lý thừa, Tri quân... Về sau viện cố có bệnh, ông từ quan về ở ẩn nơi chân núi Liên Hoa. Ở đó có khe nước rất trong chảy ra, ông thường đến giặt giải mũ. Ông đặt tên khe nước ấy là Liêm Khê, nhân đó lấy hai chữ Liêm Khê làm hiệu. Những người theo học thuyết của ông về sau được gọi là Liêm phái.

⁽³⁾ Tức vị thiền sư khai sáng phái Hoàng Long, có lưu lại các tập Hoàng Long Nam Thiền sư ngữ lục, Hoàng Long Nam Thiền sư ngữ yếu và Hoàng Long Nam Thiền sư thư xích tập. Thiền sư sinh năm 1002, viên tịch năm 1069.

cần tự quay về xem xét, sắp xếp trong nhà mình đi thôi. Khổng tử dạy rằng: Buổi sáng được nghe đạo, buổi chiều chết cũng vui. Vậy rốt cuộc cái gì là đạo mà đến nỗi buổi chiều chết cũng vui? Nhan Hôi chẳng đổi chỗ vui, vậy chỗ vui đó là gì? Chỉ suy xét cho thật kỹ những chỗ đó thì lâu ngày tự nhiên sẽ có chỗ khế hợp.⁽¹⁾

“Ngày kia, Liêm Khê lại đến hỏi đạo với thiền sư Liễu Nguyên Phật Ấn⁽²⁾ rằng: ‘Rốt cuộc thì cái gì là đạo?’ Thiền sư Liễu Nguyên đáp: ‘Núi xanh trước mắt, mặc sức mà nhìn.’ Liêm Khê còn đang suy nghĩ thì thiền sư bật cười ha hả bỏ đi. Đột nhiên, Liêm Khê như có chỗ tỉnh ngộ.⁽³⁾

“Liêm Khê nghe danh thiền sư Thường Tông ở Đông Lâm được chỗ tâm truyền của hai vị thiền sư Thọ Nhai và Ma Y về Dịch học, thấu suốt thân tánh, liền tìm đến bái kiến. Thiền sư Thường Tông dạy Liêm Khê đại lược là: ‘Đạo Phật dạy người đạt đến chỗ chân lý đúng thật, tức hoàn toàn chân thật không có hư vọng. Chân thật không hư vọng tức là lòng thành vậy. Đức căn nguyên lớn thay! Là chỗ phát khởi ban đầu của vạn vật. Phát khởi ban đầu từ nơi lý chân thật ấy. Đạo trời biến hóa, thủy đều là tánh mạng, đều đồng một lý chân thật. Đạo của bậc thánh nhân trong trời đất chỉ một lòng chí thành là đủ. Điều tất yếu là phải chọn lấy một pháp môn để thực sự công phu, kiên trì mãi cho đến ngày đột nhiên sáng rõ, không thể dựa vào lời nói mà thấu hiểu được...’

Một hôm, Liêm Khê với bọn ông Trương Tử Hậu⁽⁴⁾ cùng

(1) Đoạn này trích ở phần phụ sách Chương thị gia phổ.

(2) Tức thiền sư Liễu Nguyên, sanh năm 1032, viên tịch năm 1098, được vua Tống Thần Tông kính ngưỡng tôn xưng là Phật Ấn Thiền sư.

(3) Đoạn này trích ở sách Tư giám và lời bạt trong Phật Ấn ngữ lục.

(4) Tức Trương Hoàn Cừ.

đến Đông Lâm bàn luận về lẽ *tánh*. Thiền sư Thường Tông nói: ‘Đạo ta thường nói nhiều về *tánh*, nên gọi là *Tánh tông*. Như nói tánh chân như, tánh pháp, thì *tánh* đó tức là *lý* vậy. Có pháp giới của *lý* và pháp giới của *sự*. *Lý* và *sự* hoàn toàn thông suốt lẫn nhau; ngoài *lý* không có *sự*, có *sự* ắt có *lý*.’

“Mọi người còn trầm ngâm chưa hiểu rõ, bỗng Liêm Khê thốt lên rằng: ‘Thế của *tánh* hòa vào vắng lặng, chỉ rõ *lý* là được, cần chi phải nghi ngờ?’

“Trương Tử Hậu nói: ‘Chỉ có Liêm Khê mới đủ sức luận về tánh lý với sư phụ chùa Đông Lâm mà thôi!’⁽¹⁾

“Liêm Khê thưa hỏi về nghĩa thái cực. Thiền sư Thường Tông nói: ‘Dịch có trước trời đất, không hình tích nhưng có nguyên lý. Cho nên nói thái cực là dịch đó. Không hình tích mà có nguyên lý, tức là vô cực. Trong khắp trời đất chỉ có một khí ấy, chuyển vận tới lui mà thành bốn mùa. Vì chỉ có một khí, nên nói đó là cội nguồn của tất cả.’⁽²⁾

“Hồ tiên sanh ở Ngũ Phong khi đề tựa bộ Thông thư có chép rằng: ‘Liêm Khê học được thuyết *Thái cực đồ* do Mục Tu truyền. Mục Tu được Chủng Phóng truyền. Chủng Phóng được Trần Đoàn truyền. Nên học thuyết này là do một thầy mà ra. Như vậy xét rõ là thuyết *Thái cực đồ* chẳng phải do Liêm Khê sáng tạo. Trần Đoàn cũng là học thuyết ấy ở ngài Ma Y. Ngài Ma Y lại học ở thiền sư Thọ Nhai.’⁽³⁾

(1) Đoạn này trích từ sách Hoàng ích kỹ văn.

(2) Đoạn trích này được thiền sư Thường Tông đưa vào một bài luận về đạo Dịch, ông Lưu Thời Trung có ghi chép lại. Ngoài ra, trong sách Doãn thị gia thực và sách Tô Quý Minh bút ký cũng có ghi chép.

(3) Đoạn này trích ở Tánh học chỉ yếu và Chánh Dịch tâm pháp.

“Liêm Khê hỏi thiền sư Thường Tổng về nguyên ủy của thuyết *Thái cực đồ*, thiền sư nói: “Thiền sư Thọ Nhai được tâm truyền thuyết *Thái cực đồ* từ thiền sư Quốc Nhất⁽¹⁾ cách nay đã lâu rồi. Thuyết ấy không nói về sự vật mà chỉ nói cái lý rất ráo. Sự hình thành ban đầu của thuyết Thái cực đồ là dựa vào giáo lý đạo Phật, theo nơi chỗ không mà lập thành thế giới, lấy vô vi làm cội nguồn của vạn hữu. Vì vậy nên lấy cái *không* làm nhân, lấy cái *có* làm quả; lấy chân thật làm *thể*, lấy giả tạm làm *dụng*. Cho nên nói rằng: Cái chân thật của vô cực, hòa hiệp một cách mâu nhiệm rồi ngưng tụ.”⁽²⁾

“Liêm Khê lại đến tịnh thất của thiền sư Liễu Nguyên Phật Ấn, tự trình bày nguyên do chỗ thấy biết của mình. Thiền sư Liễu Nguyên nói rằng: “Tôi thường đem đạo nghĩa của Khổng Mạnh mà dạy người. Nay chỗ gánh vác

⁽¹⁾ Thiền sư Quốc Nhất là một vị cao tăng đời Đường, sanh năm 714, viên tịch năm 792. Ngài họ Chu, người Côn Sơn, Tô Châu (Giang Tô). Năm 28 tuổi mới phát tâm vào đạo, bái Thiền sư Huyền Tố làm thầy, tu tập pháp thiền Ngưu Đầu nơi chùa Hạc Lâm. Về sau đến Kính Sơn lập am ở một mình, đạo hạnh vang xa nên người học đạo tụ hội rất đông. Niên hiệu Đại Lịch thứ 3 (768) vua Đường Đại Tông thỉnh vào kinh để hỏi pháp yếu, ban hiệu là Quốc Nhất. Các ông Thôi Hoán, Bùi Độ... đều là đệ tử của ngài. Sau đó sư trở về Kính Sơn thuyết pháp rồi tịch. Sau khi tịch được ban thụy hiệu là Đại Giác Thiền sư. Đệ tử ngài có các vị nổi tiếng như Đạo Lâm, Sùng Huệ, Quảng Phu... Ngài còn có các pháp hiệu là Pháp Khâm, Đạo Khâm. Như vậy, thiền sư Quốc Nhất sống cách Liêm Khê khoảng 300 năm.

⁽²⁾ Theo đây mà nói thì thuyết Thái cực đồ là do thiền sư Quốc Nhất truyền qua nhiều đời mới đến Liêm Khê. Liêm Khê soạn thuyết này thành sách, nhan đề là Thái cực đồ, lưu truyền ở đời. Thuyết này nói về nguyên ủy sự vật từ khi trời đất chưa sanh ra. Trong kinh Dịch vốn đã sẵn có khái niệm này, cho rằng “Thái cực sanh lưỡng nghi, lưỡng nghi sanh tứ tượng, tứ tượng sanh bát quái...” Nhưng thuyết Thái cực đồ của Liêm Khê lại suy chỗ bản nguyên của đạo thể, nói rằng “vô cực nhi thái cực”. Chỗ phát kiến trong thuyết này có thể nói là sự dung hợp những nguyên lý trong kinh Dịch và giải thích theo giáo lý nhà Phật, nên trở thành tương hợp với cách hiểu của Thiền tông.

của ông đã có thể bắt đầu được rồi. Nên gắng sức mà làm ngay, chớ nên trễ nãi.’

“Thiền sư Thường Tổng ở Đông Lâm cũng có dạy ông Liêm Khê rằng Nho là ngôn ngữ của đạo.”⁽¹⁾

“Liêm Khê thường nói với học trò rằng: ‘Cái tâm mâu nhiệm của ta được khai mở nhờ ngài Huệ Nam,⁽²⁾ được sáng tỏ nhờ ngài Phật Ấn.⁽³⁾ Còn về sự phát triển mở rộng thông suốt nghĩa lý đạo Dịch, nếu không gặp ngài Đông Lâm⁽⁴⁾ chỉ bảo mở mang, trừ bỏ chướng ngại, hẳn đã không thể trở nên sáng suốt thông đạt như ngày nay.’⁽⁵⁾

“Liêm Khê có lần đến Triều Châu, vào chùa Linh Sơn tìm lại những di tích của thiền sư Đại Điền. Tại đây, ông tìm thấy những lá thư Hàn Dũ⁽⁶⁾ dâng lên ngài Đại Điền vẫn còn được lưu giữ, cùng với đình *Lưu y* vẫn còn nguyên vẹn chưa hư hỏng, liền đề thơ rằng:

*Thối Chi tự ví cùng Phu tử,
Xưa từng chê bai cả Phật, Lão.*

⁽¹⁾ Việc này chép ở Tùng song tạp ký. Ở đây nói đạo là chỉ đạo Phật, ý nói có thể mượn những cách nói của Nho học để diễn dương Phật pháp.

⁽²⁾ Túc Nam Thiền sư ở chùa Hoàng Long.

⁽³⁾ Túc thiền sư Liễu Nguyên ở chùa Phật Ấn.

⁽⁴⁾ Túc thiền sư Thường Tổng ở chùa Đông Lâm.

⁽⁵⁾ Đoạn này trích ở Doãn trị gia thực và Tánh học chỉ yếu.

⁽⁶⁾ Hàn Dũ tự là Thối Chi, người Hà Dương (nay thuộc phía tây huyện Mạnh, tỉnh Hà Nam) sanh năm 768, mất năm 824, là người có tài văn chương trong đời nhà Đường. Niên hiệu Nguyên Hoà thứ 14 (819) ông dâng biểu can gián vua Hiến Tông cung nghinh xá-lợi Phật nên bị biếm chức làm Thứ sử ở Triều Châu. Ông từng thỉnh Thiền sư Đại Điền đến Châu Nha đàm đạo hơn mười ngày. Có lần ngủ lại tại chùa Linh Sơn. Khi phụng mệnh vua nhận chức Thứ sử Viên Châu, ông để lại chiếc áo tặng cho thiền sư Đại Điền. Người đời sau xây cất đình Lưu Y trong chùa Linh Sơn để kỉ niệm việc này.

*Chẳng biết Đại Diên người thế nào,
Dâng thư, tặng áo, kính cẩn thay!⁽¹⁾*

“Liêm Khê còn để lại bài thơ *Yêu thích hoa sen* dưới đây:

*Phật chuông hoa này, ta cũng thích,
Hương thơm trong trẻo, bướm chẳng theo.
Chẳng giống lẽ thường bao hoa khác,
Không cài trên tóc hạng nữ nhi.⁽²⁾*

“Liêm Khê có tánh giản dị, kiệm ước, thường ngày sống đạm bạc, yên tĩnh. Lúc tuổi già, ông từ bỏ văn chương, chuyên việc thiền tĩnh, cuối cùng đạt được chân truyền về đạo học.⁽³⁾

“Thiền sư Thường Tổng chùa Đông Lâm dạy người lấy sự an tĩnh làm chính. Liêm Khê trong một thời gian rất lâu chẳng động tới bút nghiên, trọn ngày ngồi yên ngay ngắn, thấy được màu xanh của cỏ mọc tốt tươi bên ngoài song cửa sổ cũng hiển bày ý nghĩa sự sống. Đó chính là trong sự an tịnh có chỗ chứng đắc vậy.

“Cho nên, thuyết tánh lý trong đạo học là khởi xướng từ thiền sư Thọ Nhai, truyền mãi cho đến thiền sư Thường Tổng, rồi mới truyền lại cho Chu Liêm Khê.⁽⁴⁾

“Trần Trung Túc công có nói: “Thiền sư Thường Tổng ở Đông Lâm truyền thụ học thuyết tánh lý cho Liêm Khê. Liêm Khê mang thuyết ấy truyền rộng ra, nên lời lẽ đều

(1) Phần này trích ở Tánh lý quân thư và ở những tích thuật tại chùa Linh Sơn, đình Lưu y.

(2) Bài này trích ở Trịnh cốc tập.

(3) Đoạn này trích ở Liêm Khê hành trạng.

(4) Cả 2 đoạn trên trích ở Hoàng ích kỷ văn.

xuất phát từ kinh sách của đạo Phật.⁽¹⁾

“Trong tập thơ Hậu thân của Lưu tiên sanh có câu:

Liêm Khê học đạo từ cao tăng...

“Lại có câu:

*Mới biết ngoài Châu, Khổng.
Riêng có bậc anh hào.⁽²⁾*

“Còn về Trình tử, là tên gọi chung hai anh em nhà họ Trình, người đất Lạc Dương.⁽³⁾ Người anh là Trình Hạo, tự Bá Thuần, hiệu là Minh Đạo. Người em là Trình Di, tự Chánh Thúc, hiệu là Y Xuyên.

“Tiên sanh Tử Dã Tăng nói rằng: “Trình Hạo và Trình Di cùng đến học với Liêm Khê. Trước hết, Liêm Khê dạy hai ông suy xét chỗ vui thích của Khổng tử và Nhan Hôi là gì.⁽⁴⁾ Khi chỗ học đã thành tựu, mỗi người đều dùng cái học của Nho gia mà làm trách nhiệm của mình.⁽⁵⁾

“Hai ông họ Trình đem học thuyết Thái cực đồ mà truyền cho tiên sanh Hậu Sơn.

“Tiên sanh Hậu Sơn có nói: “Tôi thấy cái học của Chu Liêm Khê và Trình tử là xét mình để dạy người, nhưng nhìn lại trong đạo Khổng, Mạnh từ xưa nay chưa từng thấy có công phu ngồi lặng yên để suy xét chỗ vui, lấy đó làm chỗ cùng tột của đạo học. Vậy có thể tin rằng cái học của Châu tử và Trình tử thật có nguồn gốc khác.⁽⁶⁾

(1) Đoạn này trích ở Dinh trung lục và ở Tánh học chỉ yếu.

(2) Đoạn này trích từ Hậu thân tập.

(3) Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(4) Đây ý muốn nhắc đến lời Khổng tử nói: ‘Sáng được nghe đạo, chiều chết cũng vui.’ Và lời Khổng tử nói về Nhan Hôi là “không đổi chỗ vui”.

(5) Trích từ các sử liệu.

(6) Trích từ sách Tâm học uyên nguyên.

“Trình Minh Đạo thấu hiểu sâu xa bộ Hoa nghiêm hiệp luận, tự cho rằng rất vui vì có chỗ dung hợp tâm ý, nên đem chỗ nguyên do ấy chép thành văn khắc bia lưu lại tại chùa Vân Cái.

“Ông Minh Đạo nhân ngày giỗ mẹ là bà Thọ An Viên quân, có đến Tây Kinh, vào chùa Trường Khánh mở tiệc chay cầu phước cho mẹ. Nhìn thấy chúng tăng vào trai đường, đi lại nghiêm trang, cử chỉ đàng hoàng; đánh trống động chuông, trong ngoài đều nghiêm chỉnh; khi ngồi khi đứng, thấy đều đúng phép tắc. Ông buột miệng khen rằng: “Lễ nhạc từ xưa nay đều đủ cả nơi đây!”⁽¹⁾

“Thiền sư Linh Nguyên trong thư hồi đáp ông Trình Y Xuyên có viết: “Trộm nghe biết nên muốn được gặp gỡ với người học đạo. Tuy chưa có hân hạnh gặp mặt nhưng nghe ông lưu tâm đến đạo Phật đã lâu, từng học hỏi với khắp các bậc đại tôn sư trong thiên hạ, vậy mà chưa gặp kẻ hèn này ông vẫn lấy đó cho là chưa được thỏa mãn. Năm rồi, nghe thầy tôi⁽²⁾ nói về chỗ kiến thức của ông, nay lại được xem bài tựa ông đề cho bộ Pháp yếu, quả là ông đã suy xét sâu xa và tin nhập vào chỗ chân thật không hư dối.”⁽³⁾

“Từ đó, Trình Y Xuyên thường đến chùa thiền sư Linh Nguyên. Trong Gia thái phổ đăng lục chép rằng: “Trình Y Xuyên, Từ Sư Uyên, Châu Thế Anh, Hồng Câu Phủ đều có đến học đạo lý nơi thiền sư Linh Nguyên.” Chính vì thế mà trong khi trước tác và chú giải kinh sách, Trình Y Xuyên thường dùng đến những lời lẽ và ý tứ của Phật,

⁽¹⁾ Trích ở Hoàng ích kỹ văn. Lễ nhạc là một trong các yếu tố quan trọng của đạo Nho. Nhận xét của Trình Hạo ở đây cho thấy ông đã nhìn thấy sự tương hợp giữa Nho gia và đạo Phật.

⁽²⁾ Tức thiền sư Hối Đường, thầy truyền pháp cho thiền sư Linh Nguyên.

⁽³⁾ Đoạn này trích ở trích ở Linh nguyên nữ lục.

Tổ. Có thể tin rằng cái học của ông rõ ràng xuất phát từ đạo Phật vậy.

“Tiên sanh Hồ Cấp Trọng ở Thạch Đường nói rằng: “Từ khi Mạnh tử thác đến nay, trải qua một ngàn năm trăm năm, đạo Nho dần suy tàn. Nhờ có Châu Liêm Khê xuất hiện, Nho giáo mới xán lạn, nối lại chỗ đứt đoạn. Tiếp đó, ở Hà Nam có hai anh em họ Trình được Châu Liêm Khê truyền đạo. Cái học mà Châu Liêm Khê truyền dạy là phát khởi từ thiền sư Thọ Nhai ở chùa Trúc Lâm, Bắc Cốc. Trình tử truyền xuống bốn đời⁽¹⁾ thì tới Chu thị Văn công.⁽²⁾ Văn công lại truyền cho Trương Kính Phu, nghiên cứu giảng rộng học thuyết này, đạt đến chỗ rộng không khoáng đạt, mới có lời rằng: “Trước đây tôi có nghe truyền lại lời dạy của ngài Thọ Nhai, nhưng vì tôi chưa đủ sức hiểu rõ chứ không phải học thuyết ấy hư dối. Xét tận nguồn cội thì quả thật chỗ học xưa nay của nhà Nho với Thiền tông thấy đều tương tự như nhau. Chỉ vì Nho chẳng hiểu Thiền, Thiền chẳng hiểu Nho, nên hai bên mới chê bai, công kích lẫn nhau, nhưng chưa từng chỉ ra được chỗ khiếm khuyết của nhau, thật đáng nực cười thay!”⁽³⁾

“Âu Dương Huyền có nói: “Trình tử bình sanh ưa đọc kinh Phật, nhưng chỗ học rộng thì không bằng Chu thị.”⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Truyền xuống bốn đời: Dương Thời (đời thứ nhất) là học trò của Trình Minh Đạo, sau cũng theo học với Trình Y Xuyên, rồi truyền lại cho La Tông Ngạn, tự Trọng Tổ, hiệu Dự Chương (đời thứ hai); La Tông Ngạn truyền lại cho Lý Đồng, tự Nguyên Trung, hiệu Diên Bình (đời thứ ba); Lý Đồng truyền cho Chu Hy (đời thứ tư).

⁽²⁾ Chu thị Văn công: tức Chu Hy (1130-1200), tự Nguyên Hối, về sau đổi là Trọng Hối, hiệu Hối Am, người huyện Vụ Nguyên, tỉnh An Huy. Vì ông họ Chu, được vua Ninh Tông ban thụ hiệu là Văn công nên đời sau gọi ông là Chu thị Văn công.

⁽³⁾ Trích ở Hồ thị Đại đồng luận.

⁽⁴⁾ Trích ở Âu Dương ký lục.

“Trình Y Xuyên cũng tự nhận: ‘Tiên sanh Trình Minh Đạo học đạo Phật, Lão đã mấy mươi năm.’

“Thiền sư Thường Tổng chùa Đông Lâm dạy Liêm Khê rằng: ‘Trong cái một phân ra thành muôn sự vật, cuối cùng hợp lại thành một lý. Cho đến cái tánh của thiên lý, cái lòng riêng ham muốn của con người, trời đất, vạn vật với ta đều là một thể. Đúc *nguyên* gồm cả bốn đức,⁽¹⁾ chỉ một tâm thành thông suốt bên ngoài, thấu vào bên trong.’

“Hai ông họ Trình đem chỗ học đó truyền lại cho môn đệ. Cho nên Trình Y Xuyên trong khi trước tác văn chương đều dựa theo ý tứ trong kinh Phật, hoặc cũng có khi dùng lại nguyên vẹn, như trong bài tựa Dịch truyện, ông viết: ‘Thể và dụng vốn chỉ một nguồn, hiển bày hay ẩn giấu vẫn không xa cách.’⁽²⁾

“Trong thuyết *Thái cực đồ* của Liêm Khê có nói: ‘Chỗ chân thật của vô cực là hợp lại một cách nhiệm mầu mà ngưng tụ.’⁽³⁾ Những danh từ như vô cực, thái cực... đều là khẩu quyết thường dùng của thiền sư Thường Tổng ở Đông Lâm. Những sách *Thông thư*, *Liêm Lạc tập*... của Chu Liêm Khê đều căn cứ theo đó cả. Việc sử dụng các danh từ Phật học của họ Chu, họ Trình đa phần đều như thế.

“Hối Am hết sức tránh né việc họ Chu, họ Trình rõ ràng sử dụng những cách nói của đạo Phật, nên mới nói rằng:

⁽¹⁾ Bốn đức: là nguyên, hanh, lợi, trinh. Theo kinh Dịch, đó là bốn đức của *càn*, tượng trưng cho trời.

⁽²⁾ Câu này được trích ở từ Hoa Nghiêm kinh số.

⁽³⁾ Hai câu này lại được trích từ Hoa nghiêm Kinh pháp giới quán.

‘Cái học của Chu tử thật không biết do thầy nào truyền dạy.’ Rồi lại nói rằng: ‘Cái học của Chu tử là từ nơi trời.’

“Nhưng chính trong sách *Thông thư* của Chu tử, ở chương *Su hữu* lại nói rằng: ‘Điều khó được nhất là đạo đức, chỉ do tự thân có được mà thôi, cầu nơi người khác thì khó lắm. Tuy là do nơi tự thân, nhưng nếu không có thầy và bạn tốt thì cũng không thể được.’ Như thế, lời của Hối Am trái ngược với lời của Chu tử. Đó là Hối Am có ý muốn làm mất đi chỗ nguồn gốc cái học của Chu tử, thật không biết rằng việc che mờ thiên lý lại càng bày rõ hơn chỗ tâm bệnh của ông!

“Lại còn việc Hàn Dũ sau khi gặp thiền sư Đại Điền có để lại những lời cung kính ca ngợi Phật pháp, nhưng người đời sau đã lược bỏ cả đi. Khi Hối Am hiệu đính văn chương Hàn Dũ, vẫn còn lưu lại ba cuốn *Thông thư* mà Hàn Dũ đã dâng lên ngài Đại Điền. Nhưng người đời sau lại lược bỏ luôn cả ba cuốn *Thông thư* ấy. Nên biết rằng, người đời sau mê muội vì chỗ bài bác của Hối Am, lại càng mê chấp mà bài bác đạo Phật hơn cả Hối Am nữa, nào biết rằng chính Hối Am là người đã bày ra những lẽ bài bác không thật ấy! Vì không biết chỗ đó, cứ ngỡ rằng lời của Hối Am là thật, nên lại dựa vào đó mà chê bai đạo Phật. Quả thật là: ‘Một người nói ra lời dối, muôn người nói theo thành thật.’

“Than ôi! Hối Am đã bịa đặt điều không thật, người đời sau lại lắm người chẳng biết khám phá chỗ ấy. Nào được như những ông Tiết Giản, Trương Chuyết, Bạch Cư Dị, Đỗ Hồng Tiệm, Lý Tập Chi, Hàn Xương Lê, Trần Tháo, Lục Cẩng, Lý Phụ Mã, Dương Đại Niên, Phú Trịnh Công, Dương Thứ Công, Quách Công Phụ, Triệu Thanh Hiến

Công, Chu Liêm Khê, Trương Vô Tận, Phùng Tế Xuyên, Trương Cửu Thành, Ngô Cư Nhân... Các vị đại nho này đều có sức tham cứu tông chỉ Thiền môn, biết tôn kính Phật pháp, rõ thông Phật lý.

“Lại có những người tuy chưa thấu qua cửa Thiền nhưng đã rõ thông giáo lý nhà Phật, như những ông Hứa Huyền Độ, Tập Tạc Xi, Tông Bính, Lưu Duy Dân, Lôi Thứ Tông, Vương Đạo, Chu Ý, Trầm Hưu Văn, Trương Thiết, Lý Thái Bạch, Vương Ma Cật, Liễu Tử Hậu, Vương Bột, Lý Nguyên, Lữ Mông Chánh, Phạm Trọng Yên, Phạm Thục Công, Văn Lộ Công, Trương Ước Trai, Lữ Đông Lai...”

“Lại có những nhà Nho luôn xem trọng đạo Phật, thường có mối quan hệ tốt như những ông Tào Tử Kiến, Vương Tuân, Vương Mân, Văn Trung Tử, Đỗ Tử Mỹ, Đỗ Mục Chi, Mạnh Hạo Nhiên, Lưu Vũ Tích, Lưu Trường Khanh, Tư Không Thự, Tư Không Đồ, Lý Quân, Ngọc Bi, Nhật Hưu, Hứa Hồn, Cổ Đảo, Hạng Tư, Trịnh Cốc...”

“Nếu Phật pháp chẳng phải là đạo chân chánh lớn lao, làm sao cảm hóa được các bậc danh hiền ấy, khiến họ trở nên người sùng mộ, tôn kính? Các vị danh hiền ấy đều là những người tài đức minh mẫn, há không bằng những kẻ đời sau thường chê bai đạo Phật hay sao? Những kẻ ấy chẳng giữ được sự công bằng khách quan như các vị danh hiền kia, lại cam chịu nghe theo ý riêng của một người! Đó là sự lầm lẫn vì thiếu suy xét vậy.”

Vương Trung thưa rằng: “Tôi cũng biết việc Chu Liêm Khê và hai vị họ Trình học đạo lý nơi Thiền tông. Đạo lý ấy truyền xuống đến Hối Am chẳng hề sai lạc chánh giáo. Nhưng tôi thật không rõ tại sao Hối Am lại hôn muội đối

với ân đức của Phật, trở lại chê bai đạo Phật? Nay được nghe thầy giảng rõ, tôi mới biết được chỗ tâm bệnh của Hối Am.”

Thiền sư Không Cốc nói: “Liêm Khê thấu tột đạo Thiền là nhờ sức chỉ dẫn của ba vị thiền sư ở Hoàng Long, Phật Ấn và Đông Lâm. Ba vị thầy ấy đều người đoan chánh, thì người mà ba vị ấy kết giao cũng là đoan chánh, nên những người mà Liêm Khê kết giao cũng là đoan chánh. Huống chi Trình tử thường vào ra cửa Thiền, thường xem kinh Phật, cho nên biết rằng Trình tử hẳn là bậc quân tử đức độ, nghiêm cẩn, không thể phản nghịch lại đạo Phật.

“Lời nói của Hối Am thường vận dụng lý lẽ trong đạo Phật, nhưng lại trở ngược chê bai đạo Phật, là muốn cho người ta không biết. Vậy nên mới cố che giấu chỗ cội nguồn học Phật của Chu tử và Trình tử, nhưng chẳng thể nào giấu hết được. Khi chú giải sách Trung Dung,⁽¹⁾ ông nghi ngờ rằng: ‘Bọn họ Dương đã học với Trình tử thì nói ra lời nào ắt đều ảnh hưởng từ Phật, Lão.’ Lại có rất nhiều chỗ ông cho rằng những lời của họ Du, họ Dương, họ Tạ⁽²⁾ đều xuất phát từ đạo Phật, đạo Lão.

“Hối Am vốn biết rõ rằng chỗ học của Chu Liêm Khê, Trình Tử, Dương Thời... đều xuất phát từ Thiền tông, nên chỗ bài bác của ông ta chắc chắn chỉ là vì muốn ngăn trở người hậu học.”

⁽¹⁾ Chu Hối Am có làm sách Tứ thư tập chú, chú giải bốn bộ sách quan trọng của Nho giáo (Tứ thư) là Đại học, Mạnh tử, Luận ngữ và Trung dung.

⁽²⁾ Họ Dương, họ Tạ: tức Dương Thời và Tạ Lương Tả, hai học trò nổi danh nhất của Trình Tử. Dương Thời, tự Trung Lập, hiệu Quy Sơn, theo học với cả Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên; Tạ Lương Tả, tự Hiến Đạo, hiệu Thượng Thái, theo học với Trình Minh Đạo. Riêng họ Du chúng tôi chưa biết là người nào, nhưng theo văn cảnh này thì có thể đoán cũng là một học trò của họ Trình.

學佛謗佛

太原曰。朱子註書多引佛語，不知何書佛語註之。

空谷曰。晦菴所用佛語若虛靈不昧，不可限量，似是而非，大學補闕。

始言一理，中散為萬事，末復合為一理。真實無妄，真實之理。有是理而復有是事。天地之理至實無妄。聖人之心至實無妄。能知覺，所知覺，千聖相傳心法，脫然有悟處，又非見聞思慮之可及也。

物我一理，固有之性，心之體用。吾心正而天地之心亦正。萬物之本源，一心之妙用。活潑潑地，徹頭徹尾做工夫。到這裡，咬菜根，無縫塔。三句語割著病處。一刀兩段，一棒一條痕，一搥一掌血。

註復卦引楞嚴經語為證據云。非唯年有變，月亦有之。

Học phật báng Phật

Thái Nguyên viết: Chu tồ chuithồ, ã dañ Phaĩ ngỗ baĩ tri haøthồ Phaĩ ngỗ chuichi?

Khoàng Coát viết: Hoá Am sôudung Phaĩ ngỗ nhööt *hư linh bất muội, bất khả hạn lượng, tự thị nhi phi, ãĩ hoc boákhuyet.*

Thuỷ ngoan nhất lý trung tâm vi văn sõi mã phũc hiệp vi nhất lý Chân thái vôvõng, chân thái chi lý Hõu thò lýnhí phũc hõu thò sõi Thiên ãa chi lýchí thái vôvõng, Thành nhân chi tâm chí thái vôvõng. Năng tri giới, sôutri giới, thiên thành tồng truyeñ tâm pháp, thoát nhiên hõu ngoãxõu hõu phi kiến văn tồ lữichi khaicạp daõ

Vã ngãonhất lý cóahõu chi tâm, tâm chi thểdung, Ngoãtâm chãm, nhi thiên ãa chi tâm dieũ chãm. Văn vã chi boãn nguyẽn, nhất tâm chi dieũ dung. Hoã baũ baũ ãa, trieĩ ãaũ trieĩ vó toácoãng phu. Ñaõ giãũlý giãũ thãm caũ, vôphung thãm, tam cùngõotratrũ trõũ beĩnh xõu Nhất ão löõng ãoã, nhất boãng nhất ãiẽu ngãũ, nhất quãũ nhất chõõng huyet.

Chuiphũc quãũ, dañ Laõng Nghiẽn kinh ngõõvi chõõng cõũ vaũ. Phi duy niẽn hõu bieũ, nguyet dieũ hõu chi.

晦菴註書，唯毛詩一經，乃是學力註成，簡用佛法。自餘四書等註，并諸製作，皆用佛法。況以佛經禪語，改頭換面，翻變其語而取其意。如是用者，徧於羣書。晦菴如是所用佛語，又諱周程明露佛語，不識晦菴是何心哉。

晦菴早從學於延平李先生，久之恨不發明。及詢長者咸指之禪學。已而徧學禪老，與呂東萊，張南軒，同問道於大慧禪師。

晦菴十八歲從劉屏山游。屏山意其必畱心舉業，遂搜其篋，唯有大慧禪師語錄一帙。次年登科。

晦菴致書於開善謙禪師曰。熹向蒙大慧禪師開示狗子佛性話頭，未有悟入。願授一言，警所不逮。

謙答書曰。把這一念提撕狗子話，不要商量。勇猛直前，一刀兩段。晦菴覽之有省。

晦菴於竹林小軒誦佛經，作詩曰。

端居獨無事，
聊披釋氏書。

Hoá Am chuithö, duy Mao thi nhất kinh, nã thò hoic löc chuithanh, giam dung Phái pháp. Tõidõ Tõuthö ñang chuithinh chõ cheatai, giam dung Phái pháp. Phieán dó Phái kinh thieñ ngõõ cañ ñaai hoam dieñ, phieñ bieñ kyongõõ nhi thuikyoyù Nhõ thò dung giâu bieñ õ quañ thõ. Hoá Am nhõ thò sôudung Phái ngõõ hõu huỳ Chu Trình minh loãPhái ngõõ bañ thõu Hoá Am thò hañtañ tai?

Hoá Am tañ tung hoic õ Dieñ Bình Lyùtieñ sanh, cõu chi hañ bañ phañ minh, cap tuañ trõõng giâu ham chæchi thieñ hoic, dó nhi bieñ hoic Thieñ laõ, döLöõÑõang Lai, Trõõng Nam Hieñ, ñõang vañ ñaõ õ Ñai Hueäthieñ sõ.

Hoá Am thañ bañ tueátung Löu Bình Sơn du. Bình Sơn yù kyotai löu tañ cõunghieñ, toai sõu kyõkhieñ, duy hõu Ñai Hueäthieñ sõ ngõõluic nhất trañ, thõunieñ ñang khoa.

Hoá Am trí thõ õ Khai Thieñ Khiẽñ thieñ sõ vieñ: Hy hõõng moang Ñai Hueäthieñ sõ, khai thõ cañ tõuPhái tamh thoai ñaai, vò hõu ngoãnhap, nguyẽñ thõ nhất ngoãn, camh sôubañ ñaõ.

Khieñ ñap thõ vieñ: Baugiaunhãñ nieñ ñeatecañ tõu thoai, bañ yeai thõõng löõng. Dung mañh trõc tieñ, nhất ñao löõng ñoãn. Hoá Am lañ chi hõu tanh.

Hoá Am õ Truõ Lañ tieñ hieñ tung Phái kinh, tañ thi vieñ:

Đoan cư độc vô sự.

Liêu phi Thích thị thư.

暫息塵累牽，
超然與道俱。
門掩竹林幽，
禽鳴山雨餘。
了此無爲法，
身心同晏如。

晦菴有書啟國清禪師曰。寒山子詩刻成日幸見早寄。

晦菴寄山居僧詩曰。

方丈翛然屋數椽，
檻前流水自清漣。
蒲團竹几通宵坐，
掃地焚香白晝眠。
地窄不容揮麈客，
室空那許散花天。
箇中有句無人薦，
不是諸方五味禪。

陸文安，公九淵每與晦菴爭論太極圖說。蓋知晦菴有禪學，故謂晦菴有悟，人譏之。有問。今士大夫，都入禪家去者。何也。

Tạm tức trần lụy khiên.
Siêu nhiên dữ đạo câu.
Môn yếm trúc lâm u.
Cầm minh sơn vũ dư.
Liễu thử vô vi pháp.
Thân tâm đồng yển như.

Hoá Am hõu thõ khai Quốc Thanh thiền sớ viết: Hãm Sơn Tôuthi khai thanh nhả hành kiến taò kyù

Hoá Am kyùsôn cõ tãng thi viết:

Phương trượng tiêu nhiên ốc số chuyên.
Hãm tiền lưu thủy tự thanh liên.
Bồ đoàn trúc kỷ thông tiêu tọa.
Tảo địa phần hương bạch trú miên.
Địa trách bất dung huy chủ khách.
Thất không na hứa tán hoa thiên.
Cá trung hữu cú vô nhân tiến.
Bất thị chư phương ngữ vị thiên.

Lũc Văn An, Công Cửu Uyên mỗi dõõ Hoá Am tranh luận Thái cực đồ thuyết, câu tri Hoá Am thiền hõ, có và Hoá Am hõu ngoạ nhân cô chi.

Hõu văn: Kim số nãi phu, nãnhập thiền gia khòugiaù hãda?

晦菴答曰。是他高似爾，爾平生讀許多書，記誦文章，所藉以取功名利祿之計者。到這裏都靠不得，所以被他降下了。

王介甫，平生學許多道理，臨了捨宅爲寺。本朝李文靖公，王文正公，劉元城，呂申公，都是甚麼人也，都去入他禪學。

佛所說六根，六識，四大，十二緣生之論，皆極精妙。故吾儒謂孔子所不及也。

四大卽是魂魄。十二緣生出華嚴合論。佛說本言盡去世間萬事，後卻說出實際理地不受一塵，萬事門頭不捨一法。

達磨盡翻窠臼，倡爲禪學。與義學尤爲高妙。金剛經大意只在須菩提問云何應住，云何降伏其心兩句上。故說不應住法生心，不應住色生心。

禪宗有云。

有物先天地，
無形本寂寥，
能爲萬象主，
不逐四時凋。

Hoá Am ñạp vieát: Thò tha cao töi neã neã bình sanh ñoã höõ ñã thõ, kyütung vañ chõng, sòutòch dó thuicoàng danh löi löe chi keágiaù Ñaõ giaùyüñoákhaõ baát ñaé, sòudó bò tha giàng haì lieã.

Võng Giõu Phuúbình sanh hoã höõ ñã ñã lyù laãm lieã xaùträch vi töi Boãn triêu Lyù Vañ Tónh Coàng, Võng Vañ Chành Coàng, Lõu Nguyêñ Thanh, Lõõ Thañ Coàng, ñoãthò thañ ma nhañ daõ ñoãkhõunhap tha thieñ hoã?

Phaít sòuthuyéát lữ cañ, lữ thõ, töiñã, thap nhò duyeñ sanh chi luañ, giai cõc tinh dieã. CoàngoãNho, vò Khoàng töi sòubaát cap daõ

Tõiñã töi thò hoãn phaùh. Thap nhò duyeñ sanh xuaít Hoa Nghieãm hiép luañ. Phaít thuyéát boãn ngoãn tañ khõutheá gian vañ söi hañ khõõu thuyéát xuaít thaít teályñõa baát thoi nhaít trañ, vañ söimoãn ñaù baát xaùnhá phap.

Ñaít Ma tañ phieñ khoa cõu, xõõng vi thieñ hoã, döõ nghóa hoã vöu vi cao dieã. Kim cang kinh ñã yùchã taít Tu-bõ-đê vañ: Vañ haõng truít vañ haõng phuít kyõtañ, löõng cuithõõng. Coáthuyéát baát õng truítphap sanh tañ, baát õng truít saé sanh tañ.

Thieñ toàng höõ vañ:

Hữu vật tiên thiên địa.
Vô hình bản tịch liêu,
Năng vi vạn tượng chủ.
Bất trụ tứ thời diêu.

撲落非他物，
縱橫不是塵。
山河及大地，
全露法王身。

若人識得心，大地無寸土。看他是甚麼見識，今區區小儒，怎生出得他手，宜其爲他揮下也。

晦菴如是博於佛學，又教人棄於佛學，此亦不識晦菴是何心哉。

有言晦菴自用佛語，又諱周程明露佛語。自博於佛學，又教人棄於佛學。此二章微露晦菴心病也。

汝若浹洽貫通，全體皆見，始知周，程，張，謝，游，楊，晦菴等，著書立言。凡於說道理處，寸寸節節，皆是佛經禪語之意。豈不見陳忠肅公謂。性理之說東林授之濂溪，其言徧於佛書也。

近有一箇半箇指禪語曰。此一篇與宋儒言語相合，這幾句亦與宋儒相合。

Phác lạc phi tha vật.

Tung hoành bất thị trần.

Sơn hà cập đại địa.

Toàn lộ Pháp vương thân.

Nhöö̃c nhaân thòu ñaé taâm, ñaï ñà voáthoá thoá Kham tha thò thaâm ma kieán thòu, kim khu khu tieâu nho, chaâm sanh xuaá ñaé tha thuû nghi kyøvò tha huy haï daõ

Hoá Am nhõ thò baù ö Phaï hoë, höu giaø nhaân khí ö Phaï hoë, thòu dieä baá thòu Hoá Am thò haøtaâm tai!

Höu ngoân Hoá Am töi dung Phaï ngöõ höu huy Chu Trình minh loäPhaï ngöõ Töibaù ö Phaï hoë, höu giaø nhaân khí ö Phaï hoë. Thòunhò chöông vi loäHoá Am taâm beäh daõ

Nhöõnhöõc tiep hiep quañ thoâng, toañ theàgiai kieán. Thuý tri Chu, Trình, Tröông, Tã Du, Döông, Hoá Am ñaäng, tröòu thò lap ngoân, phañ ö thuyé ñaõ lyüxöu thoán thoán tieá tieá, giai thò Phaï kinh thieän ngöõchi yù Khöu baá kieán Trañ Trung Tuû Coång vò: Tamh lyüchi thuyé Ñöông Laâm thöi chi Lieâm Kheä kyøngoân bieän ö Phaï thò daõ

Cañ höu nhaá caùbam caùchã thieän ngöõvieá, thòunhaá thieän döõToáng Nho ngoân ngöötöông hiep, giaükýücüdieä döõ Toáng Nho töông hiep.

嗚呼。曾不知宋儒言語是禪宗流將出去者也。

太原曰。師之所言，皆出吾儒之書，非存私也，非不公也。且言世之排佛者，可是學力之未博乎，可是理學之未通乎，可是學佛未至而反排乎，可是紀昌之用心乎，可是局於此量不能化之而大通乎。

於戲。尚亦不敢輕於常人，安忍欲沽自己之幻名，曲排三界大聖人度人之大法。吾爲之憂，憂彼排者。虧損陰德，至於至也。

8. Học Phật bài bác Phật

Ông Thái Nguyên⁽¹⁾ thưa hỏi rằng: “Chu tử⁽²⁾ chú giải sách thường dẫn nhiều lời trong kinh Phật, không biết có những sách nào, ông ấy dùng từ ngữ nào của Phật để chú giải?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Những từ ngữ của đạo Phật mà Hối Am thường dùng như là *“hư linh bất muội”*,⁽³⁾ *“bất*

⁽¹⁾ Túc Vương Trung, người xứ Thái Nguyên, là người đã thưa hỏi Thiền sư Không Cốc trong những bài trước.

⁽²⁾ Túc ông Hối Am.

⁽³⁾ Hư linh bất muội: tánh rỗng rang mầu nhiệm không thể che mờ. Từ ngữ này được trích từ luận Đại Trí độ dịch vào đời nhà Đường và nhiều kinh sách của Thiên tông.

Oãhoạ tàng baá tri Toáng Nho ngoãn ngỗ tãn thò Thieàn toàng lêu tồong xuaá khòugiaũdaõ

Thaũ Nguyeãn vieá: Sô chi sôũngoãn, giai xuaá ngoãnNho chi thõ, phi toãn tồ daõ phi baá coâng daõ Thaũngoãn theáchi baõ Phaã giaũ khaũthò hoẽ lờc chi vò baũ hoạ khaũthò lyũhoẽ chi vò thoâng hoạ khaũthò hoẽ Phaã vò chí nhi phaũ baõ hoạ khaũthò KyũXõong chi dũng taãn hoạ khaũthò cuoẽ õ thõũlõõng baá naõng hoạ chi nhi ñaĩ thoâng hoẽ

Oãhoạ Thõõng dieã baá cam khinh õ thõõng nhaãn, an nhaãn dưc coátõikyũchi huyeãn danh, khuẽ baõ Tam giõũ ñaĩ thaũh nhaãn ñoãnhaãn chi ñaĩ phaũ? Ngoãvò chi õu, õu bæbaõ giaũ khuy toãn aãn ñõũ, chí õ chí daõ

khả hạn lượng”,⁽¹⁾ *“tự thị nhi phi”*.⁽²⁾ Trong sách *Đại học bổ khuyết* thì dùng những câu như là *“thủy ngôn nhất lý, trung tán vi vạn sự, mạt phục hiệp vi nhất lý”*,⁽³⁾ hoặc nói *“chân thật vô vọng, chân thật chi lý”*,⁽⁴⁾ hoặc nói *“hữu thị*

⁽¹⁾ Bất khả hạn lượng: không thể giới hạn hay đo lường được. Từ ngữ này được trích từ kinh Hoa Nghiêm, kinh Bảo Tích, kinh Đại tập.

⁽²⁾ Tự thị nhi phi: dường như là như thế nhưng thật ra không phải như thế. Từ ngữ này được trích từ Đàm tân tập. Tất cả những từ ngữ vừa dẫn đều là cách dùng riêng trong đạo Phật, tuy ngắn gọn mà hàm ý sâu sắc, lại đòi hỏi chỗ trí kiến thực nghiệm của người nghe mới có thể nắm bắt được trọn vẹn ý nghĩa.

⁽³⁾ Thủy ngôn nhất lý, trung tán vi vạn sự, mạt phục hiệp vi nhất lý: Ban đầu chỉ nói một lẽ, sau phân ra thành muôn sự vật, đến cuối cùng hợp lại thành một lẽ.

⁽⁴⁾ Chân thật vô vọng, chân thật chi lý: Chỗ chân thật không hư vọng, đó là lẽ chân thật.

lý nhi phục hữu thị sự”,⁽¹⁾ hoặc nói “thiên địa chi lý, chí thật vô vọng”,⁽²⁾ hoặc nói “thánh nhân chi tâm chí thật vô vọng”,⁽³⁾ hoặc nói “năng tri giác, sở tri giác”,⁽⁴⁾ hoặc nói “thiên thánh tương truyền tâm pháp”,⁽⁵⁾ hoặc nói “thoát nhiên hữu ngộ xứ, hựu phi kiến văn tư lự chi khả cập dã”,⁽⁶⁾ hoặc nói “vật ngã nhất lý, cố hữu chi tánh, tâm chi thể dụng”,⁽⁷⁾ hoặc nói “ngô tâm chánh, nhi thiên địa chi tâm diệp chánh”,⁽⁸⁾ hoặc nói “vạn vật chi bản nguyên, nhất tâm chi diệu dụng”⁽⁹⁾ hoặc nói “hoạt bát bát địa, triệt đầu triệt vĩ tổ công phu”,⁽¹⁰⁾ hoặc nói “đáo giá lý”,⁽¹¹⁾ “giáo thái

(1) Hữu thị lý nhi phục hữu thị sự: Có cái lý như vậy, lại cũng có cái sự như vậy.

(2) Thiên địa chi lý chí thật vô vọng: Cái lẽ của trời đất là hết sức chân thật, không hề hư dối.

(3) Thánh nhân chi tâm chí thật vô vọng: Cái tâm của bậc thánh nhân hết sức chân thật, không hề hư dối. Những từ ngữ, cách nói vừa dẫn đều là do ngài Tổng Thiền sư ở chùa Đông Lâm truyền dạy cho Chu Liêm Khê.

(4) Năng tri giác, sở tri giác: chỉ chủ thể có năng lực nhận biết và đối tượng khách quan được nhận biết. Khái niệm và cách nói này được thấy trong kinh Lăng Nghiêm và nhiều kinh điển khác nữa.

(5) Thiên thánh tương truyền tâm pháp: Ngàn vị thánh nối tiếp nhau đều chỉ truyền riêng một pháp tâm.

(6) Thoát nhiên hữu ngộ xứ, hựu phi kiến văn tư lự chi khả cập dã: Bỗng nhiên có chỗ chứng ngộ, lại không do chỗ thấy nghe suy nghĩ mà hiểu được đến chỗ ấy.

(7) Vật ngã nhất lý, cố hữu chi tánh, tâm chi thể dụng: Loài vật với ta cũng đồng một lý, nên cũng có bản thể và chỗ hoạt dụng của tâm tánh.

(8) Ngô tâm chánh, nhi thiên địa chi tâm diệp chánh: Tâm ta được chân chánh thì cái tâm của trời đất cũng chân chánh.

(9) Vạn vật chi bản nguyên, nhất tâm chi diệu dụng: Cội nguồn của trời đất chính là chỗ diệu dụng của một tâm này.

(10) Hoạt bát bát địa, triệt đầu triệt vĩ tổ công phu: Đạt đến chỗ dụng tâm linh hoạt, dứt sạch cả đầu đuôi mà thực hành công phu.

(11) Đáo giá lý: đến trong ấy, đến chỗ ấy... Cách nói của Thiền tông để chỉ đến chỗ đối mặt với sanh tử, quyết định ý nghĩa cuộc đời mình. Người tu tập phải lấy điều thiết yếu nhất là tỏ ngộ được trong chỗ này, vượt qua được mọi nỗi lo sợ về sống chết.

căn”,⁽¹⁾ “vô phùng tháp”.⁽²⁾ Hoặc dùng ba câu để phá trừ bệnh chấp trước là: “một đao chặt đứt làm đôi”, “đánh một gậy để lại một lần” và “một cái tát in dấu bàn tay máu”.⁽³⁾

“Khi chú giải quẻ phục,⁽⁴⁾ Hối Am dẫn lời trong kinh Lăng Nghiêm làm chứng cứ rằng: Không chỉ là năm có sự biến đổi, mà tháng cũng có biến đổi.

“Những sách mà Hối Am chú giải, chỉ riêng có một quyển Mao thi⁽⁵⁾ là do sức học của ông làm thành mà thôi, ít dùng đến Phật pháp. Ngoài ra, trong sự chú giải các sách Tứ thư⁽⁶⁾ cũng như trước tác, Hối Am đều dùng đến Phật pháp. Ông dùng rất nhiều lời trong kinh Phật và các Thiên ngữ, chỉ thay đổi hình thức, biến đổi câu văn, nhưng vẫn giữ lấy ý tứ. Cách dùng như vậy phổ biến trong khắp các sách của ông. Hối Am đã sử dụng những từ ngữ

(1) Giáo thái căn: ăn rễ rau. Cách nói để chỉ người không còn bị trói buộc vào sự tham muốn, có thể tùy duyên mà sống, không bị lôi cuốn theo sự tham dục.

(2) Vô phùng tháp: cái tháp nguyên khối, không có chỗ chấp nối. Cách nói để chỉ sự việc cực kỳ siêu việt, khó khăn, hầu như không thể dùng năng lực của người bình thường mà làm được. Thường nói “tạo nhất cá vô phùng tháp” (造箇無縫塔), nghĩa là “làm ra một cái tháp nguyên khối”. Còn có cách nói tương tự là vô phùng y (無縫衣): chiếc áo không có đường khâu.

(3) Những cách nói dẫn trong đoạn này đều được rút ra từ kinh điển và các sách ngữ lục của Thiền tông.

(4) Quẻ phục: tên một quẻ trong kinh Dịch, vị trí ở dưới quẻ chấn, trên quẻ khôn, chỉ sự trở lại, trở về.

(5) Mao thi: tức là bản kinh Thi do hai nhà họ Mao là Mao Hanh (毛亨) tức Đại Mao và Mao Trường (毛長) tức Tiểu Mao sưu tập, chú giải và truyền lại. Tương truyền vào đời Hán vẫn còn đến 4 bản kinh Thi, ngoài bản của họ Mao ra còn có Lỗ thi do Thân Bôi (người nước Lỗ) chú giải, Tề thi do Viên Cổ Sanh (người nước Tề) chú giải, và Hàn thi do Hàn Anh (người nước Yên) chú giải. Về sau, bản Tề thi truyền đến đời Ngụy thì tuyệt bản; bản Lỗ thi truyền đến đời Tấn rồi mất; bản Hàn Thi cũng chỉ truyền đến đời Ngũ đại. Cho đến nay chỉ còn lại duy nhất bản Mao thi mà thôi.

(6) Tứ thư: bốn bộ sách được xem như kinh điển giáo khoa của Nho giáo, gồm có: Đại học, Luận ngữ, Trung dung và Mạnh tử.

trong đạo Phật như vậy, lại sợ các ông *Chu tử*⁽¹⁾ và *Trình tử*⁽²⁾ làm sáng rõ lời Phật, thật chẳng biết lòng dạ của ông ta như thế nào?

“Hối Am trước theo học với *Lý tiên sanh* ở *Diên Bình*.⁽³⁾ Sau giận vì học lâu mà không có chỗ sáng rõ, lại tìm hỏi các bậc trưởng thượng, ai nấy đều hướng về Thiền học. Do đó ông mới tìm học khắp các bậc tiền bối trong nhà Thiền. Ông có cùng với *Lữ Đông Lai* và *Trương Nam Hiên* đến hỏi đạo nơi ngài thiền sư *Đại Huệ*.⁽⁴⁾

“Năm 18 tuổi, Hối Am cùng với *Lưu Bình Sơn* dạo chơi. *Bình Sơn* có ý cho rằng Hối Am lưu tâm về đường khoa cử, bèn lục tìm trong rương của Hối Am, nhưng chỉ thấy có một bộ ngữ lục của thiền sư *Đại Huệ* mà thôi. Qua năm sau, Hối Am thi đỗ.⁽⁵⁾

“Hối Am gửi thư cho thiền sư *Khiêm* ở chùa *Khai Thiện* nói rằng: ‘*Chu Hy* này nhờ ơn thiền sư *Đại Huệ* chỉ bày cho câu thoại đầu⁽⁶⁾ *tánh Phật của con chó*,⁽⁷⁾ nhưng chưa

(1) Tức *Chu Liêm Khê*.

(2) Tức *Trình Minh Đạo* và *Trình Y Xuyên*.

(3) Hối Am đỗ tiến sĩ năm 18 tuổi, được bổ làm *Chủ bạ huyện Đông An* tỉnh *Phúc Kiến*, chỉ được ít lâu thì từ quan về quê. Ông nghe tiếng tiên sanh *Lý Đông* ở *Diên Bình* thuộc huyện *Nam Bình* là người đạo cao đức trọng liền tìm đến tham học.

(4) Đoạn này trích từ sách *Đại Huệ niên phổ*.

(5) Trích ở lời tựa cuốn *Đại Huệ Ngữ lục*. Về năm tháng hẳn có phần sai biệt đôi chút, vì các tư liệu chính thức chép rằng Hối Am đỗ tiến sĩ năm 18 tuổi. Cũng có thể do cách tính tuổi theo âm lịch, tròn 18 tuổi được tính là 19 tuổi.

(6) Thoại đầu: câu nói hoặc câu chuyện kể được các bậc thầy nêu ra làm đầu mối tham cứu cho các thiền sanh, giúp họ qua quá trình tham cứu có thể đạt đến chỗ liễu ngộ. Thông thường thì thoại đầu hay các công án không mang ý nghĩa suy luận mà ngược lại còn nhằm đến việc dứt sạch mọi sự suy luận, phán xét của thiền giả.

(7) *Tánh Phật của con chó* (câu tử Phật tánh): Đây chỉ công án thứ nhất trong *Vô môn quan*, tức công án *Triệu Châu câu tử* (Con chó của ngài *Triệu Châu*). Trong công án này kể rằng, có người hỏi ngài *Triệu Châu*: “Con

có chỗ ngộ nhập. Xin ngài ban cho một lời để gợi mở chỗ mà *Chu Hy* chưa hiểu được.’ Thiền sư *Khiêm* viết thư đáp rằng: ‘Cứ nắm chặt lấy một niệm nêu lên cái thoại đầu con chó ấy, không cần so đo tính toán, mạnh mẽ xông về phía trước, một đao chặt đứt làm đôi.’ Hối Am xem thư có chỗ thức tỉnh.⁽¹⁾

“Hối Am tụng kinh Phật nơi mái hiên chùa *Trúc Lâm*, có làm bài thơ rằng:

*Nghiêm cẩn sống riêng, lòng rộng không,
Lần dở Phật kinh, lướt đôi dòng.
Bụi trần tạm phủi trong thoáng chốc,
Vượt lên cùng Đạo bỗng tương thông.*

*Cửa chùa khép lại chiều buông tối,
Núi vắng mưa xong tiếng chim rên.
Pháp vô vi ấy vừa thấu suốt,
Thân tâm cùng tĩnh lặng như như.⁽²⁾*

“Hối Am có thư nói với thiền sư *Quốc Thanh* rằng: ‘*Khi* nào thơ của *Hàn Sơn Tử* khắc xong, xin thầy sớm gửi cho tôi.’⁽³⁾

“Hối Am lại có gửi cho một vị tăng ẩn cư trên núi bài thơ rằng:

chó có tánh Phật hay không?” Ngài *Triệu Châu* đáp: “Không.” Kinh Phật dạy rằng: “Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.” Nhưng ngài *Triệu Châu* lại là một bậc chân tu thực chứng nên lời dạy của Ngài cũng không thể nói là sai. Vì thế, công án này nêu lên một điều hầu như hoàn toàn mâu thuẫn, trái ngược, không thể lý giải, buộc người tham cứu phải toàn tâm toàn ý dứt sạch mọi sự suy xét phân biệt mới có thể hội nhập được.

(1) Những chi tiết này được trích ở các sách *Tứ giám*, *Củng thần tập* và *Tánh lý quần thư*.

(2) Đoạn này trích ở *Chu tử đại toàn tập* và *Đạo dư lục*.

(3) Đoạn này trích ở bản in cũ tập *Hàn Sơn thi*.

Mái thiền thanh thảo mấy thanh ngang,
 Nước trong êm chảy trước lan can.
 Đệm cỏ, ghế tre, ngồi suốt sáng,
 Quét đất, xông hương, ngày ngủ cần.
 Đất hẹp không đón người khách lớn,⁽¹⁾
 Nhà trống sao trời chẳng rải hoa?⁽²⁾
 Trong ấy có lời không ai biết,
 Đâu phải chuyện thiền khắp muôn phương?⁽³⁾

“Các ông Lục Văn An, Công Cửu Uyên đều đã cùng tranh luận với Hối Am về thuyết Thái cực đồ, đều biết chỗ học thiền của Hối Am, nên nói rằng Hối Am có chỗ chứng ngộ thì người đời đều chê cười việc ấy.⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Không đón người khách lớn: nguyên văn dùng “bất dung huy chủ khách”, tức là vị khách cầm cây phát chủ, chỉ các bậc đại tăng lúc nào cũng cầm cây phát chủ (phát trần), khi thuyết pháp trên tòa thì vung cây phát chủ này để làm điệu bộ. Ý nói không phải nơi đây chẳng có các bậc cao tăng đại giá quang lâm, chỉ vì chật hẹp nên không thể đón tiếp các vị. Câu này còn hàm ý chủ nhân không hề quan tâm đến danh tiếng cao trọng, chỉ vui sống thanh thảo trong thiền thất chật hẹp của mình.

⁽²⁾ Nhà trống sao trời chẳng rải hoa: Câu này liên hệ đến cảnh nhà trống không của vị Bồ Tát Duy-ma-cật trong kinh Duy-ma-cật sở thuyết, thường được chú thiên đến rải hoa cúng dường tán thán. Ý nói thiền thất trống không này cũng xứng đáng được chú thiên rải hoa cúng dường. Các bản trước đây đều dịch là “hoa trời”, nhưng theo cấu trúc Hán ngữ, nếu muốn nói “hoa trời” thì phải là “thiên hoa” chứ không phải “hoa thiên”. Nguyên tác dùng “tán hoa thiên” là để chỉ “vị trời rải hoa” chứ không thể hiểu là “rải hoa trời”.

⁽³⁾ Nguyên bản dùng “chư phương ngữ vị thiền”, chỉ 5 loại thiền định mà người học thiền trong khắp thiên hạ thường noi theo, bao gồm: 1. Ngoại đạo thiền, pháp thiền không thuộc về đạo Phật. 2. Phạm phu thiền, pháp thiền của kẻ phạm phu. 3. Tiểu thừa thiền, pháp thiền của hàng Tiểu thừa, tức Thanh văn, Duyên giác. 4. Đại thừa thiền, pháp thiền của hàng Bồ Tát Đại thừa. 5. Như Lai thanh tịnh thiền, pháp thiền cao trổi nhất, thấu suốt tự tánh, thẳng tới quả Phật. Đoạn này trích ở Sự văn loại tập.

⁽⁴⁾ Đoạn này trích ở sách Sử lược.

“Có người hỏi: ‘Hiện nay kẻ sĩ đều lần hồi bỏ đạo Nho vào cả trong nhà Thiền, việc ấy thế nào?’

“Hối Am đáp: ‘Những người ấy thấy biết hơn ông đó. Bình sanh ông đọc biết bao nhiêu sách vở, học thuộc bao nhiêu áng văn chương, chỉ là để mưu cầu được công danh lợi lộc mà thôi. Đến chỗ thiết yếu nhất trong đời⁽¹⁾ thì những việc ấy đều chẳng cậy nhờ được gì cả. Vì thế nên bị những người kia vượt qua cả rồi.

“Vương Giới Phủ⁽²⁾ bình sanh học rộng đạo lý, đến khi được tỏ ngộ rồi thì biến nhà mình thành cảnh chùa.⁽³⁾ Cũng trong đời Tống này, hãy xem các ông Lý Văn Tĩnh Công, Vương Văn Chánh Công, Lưu Nguyên Thành, Lữ Thân Công... là người như thế nào mà đều theo vào Thiền học cả?

“Những điều Phật dạy về Sáu căn, Sáu trần, Sáu thức, Bốn đại, Mười hai duyên sanh... đều hết sức tinh vi mầu nhiệm, nên người theo đạo Nho nói rằng Đức Khổng tử không thể theo kịp. Mười hai duyên sanh được giảng rõ trong bộ *Hoa nghiêm hiệp luận*. Phật dạy căn bản là phải buông bỏ hết muôn việc nơi thế gian, sau lại dạy rằng chỗ chân thật nhất là không hề vướng một mảy may bụi trần, nhưng đối với muôn việc diễn ra trước mắt không bỏ qua việc nào! Tổ Đạt-ma phá sạch mọi khuôn mẫu cứng nhắc,

⁽¹⁾ Đến chỗ thiết yếu nhất trong đời: chỗ đối mặt với chuyện sống chết, quyết định ý nghĩa cuộc đời. Nguyên tác dùng “đáo giá lý”, là cách nói của Thiền tông để chỉ đến chỗ đối mặt sanh tử, chỗ xét cùng ý nghĩa đời sống.

⁽²⁾ Vương Giới Phủ: tức Vương An Thạch, làm quan đến chức Tể tướng đứng đầu trong triều. Ông nắm quyền chính từ năm 1069, vào đời Tống Thần Tông, thi hành chính sách mới gọi là Tân pháp với rất nhiều cải cách táo bạo.

⁽³⁾ Biến nhà mình thành cảnh chùa (xả trạch vị tự): tự mình quyết tâm tu học nên sửa đổi ngôi nhà đang ở thành cảnh chùa để tu tập.

khởi xương Thiền học, so với cái học ngữ nghĩa rất khác xa, thật cao siêu mầu nhiệm.

“Đại ý kinh Kim cang chỉ ở nơi hai câu hỏi của ông *Tu-bồ-đề*: Nên trụ tâm vào đâu? Làm thế nào để hàng phục tâm? Vậy nên Phật dạy rằng: Không nên trụ nơi pháp mà sanh tâm. Không nên trụ vào sắc mà sanh tâm...”

“Thiền tông có lời rằng:

*Có vật sanh trước trời đất,
Không hình tướng, vốn lặng yên;
Chi phối khắp thấy hiện tượng,
Chẳng theo bốn mùa tàn suy.*

*Đánh rụng không là vật khác
Dọc ngang chẳng phải bụi trần;
Khắp cả núi sông, cõi đất,
Hiện bày toàn thân Pháp vương.*

“Nếu ai nhận biết được tâm thì khắp cõi đất này cũng chẳng có lấy một tác đất. Hãy xem kiến thức của người ta là thế nào, nay cứ bo bo giữ lấy kiến thức của hạng tiểu nho thì làm sao ra khỏi tay người, tránh sao khỏi bị người đánh ngã?”⁽¹⁾

Hối Am đã học biết rộng về Phật học như vậy, nhưng lại dạy người từ bỏ Phật học, thật chẳng biết tâm ý của ông ấy là thế nào?”

(Trước đây có nói rằng Hối Am tự mình sử dụng từ ngữ của đạo Phật, nhưng lại sợ các ông Chu tử và Trình tử

⁽¹⁾ Đoạn vấn đáp này trích ở Chu tử ngữ lục và các sách Dịch giải, Âu Dương Huyền tạp ký, Tánh lý quần thư.

giảng rõ lời Phật; tự mình học rộng về đạo Phật, nhưng lại dạy người ta từ bỏ Phật học. Hai điểm này đều làm lộ rõ chỗ tâm bệnh của Hối Am.)

Thiền sư Không Cốc lại nói với Vương Trung rằng: “Nếu ông có thể thâm nhập hòa hợp, quán chiếu thấu suốt, thấy được một cách toàn diện, thì mới biết rằng các ông Chu, Trình, Trương, Tạ, Du, Dương⁽¹⁾ và Hối Am thấy đều làm như vậy. Trong khi viết sách, đặt câu, những chỗ thuyết dạy đạo lý thì mỗi việc đều lấy ý tứ trong kinh Phật, lời Thiền. Há chẳng nghe Trung Túc Công có nói rằng: ‘Học thuyết tánh lý do thầy Đông Lâm truyền cho Liêm Khê, những lời dạy ấy đều thấy có trong khắp các kinh Phật.’

“Gần đây, thẳng hoặc có đôi kẻ chỉ vào Thiền ngữ mà nói rằng: ‘Chương sách này sao giống với lời lẽ của Tống nho! Những câu này cũng giống với văn chương Tống nho!’

“Than ôi! Họ chưa từng biết rằng ngôn ngữ của Tống nho đều từ nơi Thiền tông mà ra vậy!”

Thái Nguyên thưa rằng: “Những lời thầy vừa nói đó đều lấy từ sách Nho, nên chẳng phải theo ý riêng, mà quả thật là công bằng. Vả lại, những người đời bài bác đạo Phật, có thể là do sức học chưa được sâu rộng hay chăng? Có thể là do lý lẽ chưa được thông suốt hay chăng? Có thể là do công phu học Phật chẳng đến nơi đến chốn nên trở lại bài bác hay chăng? Có thể là do sự dụng tâm như Kỷ

⁽¹⁾ Chu, Trình, Trương, Tạ, Du, Dương: chỉ các ông Chu Liêm Khê, Trình Di và Trình Hạo, Trương Hoành Cừ, Tạ Lương Tả, Dương Thời. Riêng họ Du có nhắc đến trong bài trước, có thể là một học trò của Trình tử nhưng chúng tôi chưa biết chính xác là người nào.

Xương ngày xưa hay chẳng?⁽¹⁾ Cũng có thể là do trời buộc nơi tâm lượng hẹp hòi, không thể giáo hóa làm cho lớn rộng, thông suốt được hay chẳng?”

⁽¹⁾ Dụng tâm như Kỳ Xương: Kỳ Xương theo học nghề bắn cung với Phi Vệ với dụng ý khi học thành nghề sẽ phản lại thầy. Đây ý nói kẻ theo học Phật để nắm hiểu những đạo lý trong nhà Phật rồi dùng đó mà bài bác đạo Phật.

從人謗佛，附已見謗佛

太原曰。除晦菴外，亦有排佛者，此復何如。

空谷曰。自無主見，不能識其道之深淺。唯溯晦菴之說，從而排之。是為隨人腳跟轉也。亦如水母以蝦為目，凡得蝦則能行，或失蝦則茫然罔措。鱗結以螿為足，凡倚螿則能行，或失螿則茫然罔措。後人從晦菴而排之，猶二者之倚他物乎。

曰。亦有不因晦菴之說，自欲排者，此復何如。

Thiền sư Không Cốc nói: “Than ôi! Với người tầm thường còn chẳng dám coi khinh, huống chi lại chỉ vì muốn chuốc lấy chút hư danh mà cố tình thiên lệch để bài bác nền Đại pháp cứu độ nhân sanh của bậc Đại thánh nhân trong Ba cõi? Tôi thật lấy làm lo lắng cho những kẻ bài bác kia phải suy tổn âm đức cho đến mức cùng cực vậy.

Tùng nhân báng Phật, phụ kỷ kiến báng Phật

Thiền Nguyên viết: Trờ Hoá Am ngoài, die hõu bá Phái giaù thõuphuư haønhõ?

Không Có viết: Tõivoachuũkieãn, bá naøng thõu kyõnãõ chi thaãn thieãn, duy baøng Hoá Am chi thuyeã, tung nhi báõ chi, thõ vi tuy nhaãn cõõu caãn chuyeãn daõ Die hõ nhõ thuy maũ dó haøvi muư, phaøn ñaé haøtaé naøng haønh, hoæ thaã haøtaé mang nhieãn voøng thoá Toũ keã dó giaù vi tuư, phaøn yũgiaũ taé naøng haønh, hoæ thaã giaù taé mang nhieãn voøng thoá Haũ nhaãn tung Hoá Am nhi báõ chi, do nhõ giaùchi yũ tha vaũ hoã

Viết: Die hõu bá nhaãn Hoá Am chi thuyeã, tõi dưc báõ giaù thõuphuư haønhõ?

曰。譬如世人唯識常見之物，不識難見之物，忽遇明月之珠，夜光之璧，光華璀璨，流輝奪目，不識是寶，疑之為怪，尋握利劍，猛力而拒之。爭知此物能使貧者富，賤者貴，有如是功與德也。

亦猶瞽者，不見日月之光，欲令盡天下人皆瞽其目，同說日月無光也。

嗚呼。此等愚夫譬如蚯蚓唯知一尺地中食泥之樂，不知蒼龍深躍海淵飛騰在天。

尺鷃唯知竹籬寸竅左之右之之樂。不知大鵬一舉則九萬里扶搖風斯在下。然亦不足怪也，囿於器量不能化耳。

9. Nghe theo người khác bài bác Phật, thêm ý kiến mình để bài bác Phật

Ông Thái Nguyên thưa hỏi rằng: “Trừ ông Hối Am ra còn có những người khác bài bác Phật, việc ấy thế nào?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Tự mình không có chủ kiến, chẳng biết được đạo Phật sâu cạn thế nào, chỉ dựa vào thuyết của Hối Am, nghe theo đó mà bài bác, như vậy

Viết: Thí nhô theánhân duy thòt thòông kiến chi vaĩ, baĩ thòt nan kiến chi vaĩ. Hoá ngoãminh nguyẽ chi chaũ, đảiquang chi bích, quang hoa thoả sãm, lờu huy ãoãt mữc, baĩ thòt thò baũ, nghi chi vi quãũ, tãm ãũ lờĩ kiến, mãm h lờc nhi cõichi. Tranh tri thõũvaĩ ãng sõũbaũ giãũphũ tiẽ giãũquũ hõũ nhõ thò công dõũnõũ đãũ

Dieũ do coãgiãũ baĩ kiến nhaĩ nguyẽ chi quang, dưc linh tãm thiẽ hãĩnhãĩ giai coãkyõmũc, ãoãng thuyẽ nhaĩ nguyẽ vòãquang đãũ

Oãhoã Thõũããng ngu phu thí nhõ khõũ đãũ, duy tri nhaĩ xích ãũ trung thõc ãũchi lãc, baĩ tri thõõng long thãm dõũc hãũ yẽũ phi ããng tãĩ thiẽũ.

Xích yẽũ duy tri trũc ly thoã khieũ tãũchi hõũ chi chi lãc, baĩ tri ãũ ãũng nhaĩ cõũtãc cõũ vãũ lyũphõũdieũ phong tũ tãĩ hãĩ Nhieũ dieũ baĩ tuũ quãũ đãũ hõũ õ khí lõõng baĩ ããng hoã nhũ

khác nào kẻ bước đi theo dấu chân người khác. Lại cũng ví như con sứa dùng con tôm làm mắt, khi có con tôm thì di chuyển được, còn không có con tôm thì phải hoang mang, ngơ ngáo. Lại ví như con ngao dùng con cua làm chân, nhờ có con cua mới đi được, còn không có con cua liền trở nên hoang mang, ngơ ngáo. Người đời sau dựa theo Hối Am mà bài bác đạo Phật, khác nào như hai con vật kia chỉ dựa theo vật khác mà thôi!”

Lại hỏi: “Cũng có người không do nơi thuyết của Hối Am mà tự có ý muốn bài bác đạo Phật thì thế nào?”

Thiền sư Không Cốc đáp: “Ví như người đời chỉ biết được những sự vật thường thấy mà thôi, chẳng biết được những vật khó thấy. Bỗng nhiên gặp được hạt châu minh nguyệt hoặc viên ngọc bích dạ quang, ánh sáng rực rỡ, chói lòa, không biết là vật quý, nghi là đồ quái lạ, bèn cầm lấy gươm bén, dùng hết sức mà chống giữ. Họ đâu biết rằng vật ấy có thể làm cho người nghèo khổ trở nên giàu có, kẻ hèn hạ hóa thành sang cả, thật không biết được giá trị như thế của vật ấy.

“Lại ví như kẻ mù không thấy được ánh sáng mặt trời, mặt trăng, lại muốn cho khắp thiên hạ ai ai cũng đều mù cả, để cùng nói rằng mặt trời và mặt trăng không có ánh sáng!

“Than ôi! Hạng người ngu ấy chẳng khác chi con giun đất, chỉ biết cái vui ăn bùn trong khoảng một thước đất

破不信因果

或曰。修善作福，念佛往生，不足信也。

一元曰。子何爲而不信乎。

彼曰。且以目前言之。清廉行善之士，應得福壽俱全，而反貧促多疾。作惡屠殺之

mà thôi, đâu biết tới sự vui thích của con rồng xanh mặc tình xuống tận biển sâu hay bay lên trời cao! Họ ví như con chim sâu nhỏ bé chỉ biết cái vui được chuyền qua lại trong khoảng một tấc vuông nơi rào tre, nào biết tới sự thích thú của chim bằng to lớn cất cánh bay cao đến chín muôn dặm, gió lộng dưới chân!

“Nhưng những việc ấy cũng chẳng lấy gì làm lạ, chỉ là do nơi tâm lượng hẹp hòi, không thể giáo hóa được mà thôi.”⁽¹⁾

⁽¹⁾ Trong quyển hạ này, từ bài 1 đến bài 9 thuật lại những nội dung vấn đáp giữa ông Vương Trung người xứ Thái Nguyên với thiền sư Không Cốc. Có những nhân vật và sự kiện được nhắc đến thuộc về triều Minh, hoặc các niên hiệu như Vĩnh Lạc (1403), Tuyên Đức (1426), đều là muộn hơn so với thời đại của ngài Tông Bồn (triều Nam Tống, khoảng đời Tống Thần Tông 1068 - 1086). Như vậy, có thể đoán chắc là trong lần khắc bản về sau, những bài này đã được thêm vào chứ không có trong bản do ngài Tông Bồn soạn ra ban đầu. Người thêm vào rất có thể là bà Hải Hiền, người đã lo việc khắc bản in lại. Tuy không xác định được bà Hải Hiền sống vào niên đại nào, nhưng có thể đoán là vào khoảng cuối đời Minh hoặc muộn hơn.

Phá bất tín nhân quả

Hoặc việ: Tu thiệ tậ phồồ, niệm Phậ vãng sanh, bấ tuệ tín đả

Nhạ Nguyên việ: Tôủhavi nhi bấ tín ho?

Baviệ: Thậđó mừ tiệ ngoi chi, thanh liệm hậh thiệ chi số, ồng ñaệ phồồ thoicâu toam, nhi phậm bậ xuệ ñi ta. Tậ ã ñoasậ chi nhậ, ồng chệu xuệ linh bậ beñh,

人，應招促齡貧病，而更延壽豐饒。吾以二者觀之，是以不信修善作福，念佛往生。

餘曰。甚矣子之不達也。子之所說如管窺天。非天之小也，是人見之小也。

不見寶鑑云。

善有善報，
惡有惡報。
莫言不報，
時節未到。

湛湛青天不可欺，
未曾舉意早先知。
善惡到頭終有報，
只爭來早與來遲。

又云。

人間私語，
天聞若雷。
暗室虧心，
神目如電。

nhi càn̄h diēn thōiphong n̄hiēn. Ngōadó nhò giāuquan chi, thò dó bāi tín tu thiēn, tāu phồ̄oừ, niēm Phāi vāng sanh.

Dö viēt: Thām hyô̄tôuchi bāi ñāi dāo Tôuchi sô̄uthuyēa, nhò quām khuy thiēn, phi thiēn chi tiēu dāo thò nhān kiēn chi tiēu dāo

Bāi kiēn Bāo giām vān:

Thiện hữu thiện báo.

Ác hữu ác báo.

Mạc ngôn bất báo.

Thời tiết vị đáo.

Trạm trạm thanh thiên bất khả khi.

Vị tăng cử ý tảo tiên tri.

Thiện ác đáo đầu chung hữu báo.

Chỉ tranh lai tảo dữ lai trì.

Höu vān:

Nhân gian tư ngữ.

Thiên văn nhưc lôi.

Ám thất khuy tâm.

Thần mục như diển.

又云。

善惡若無報，
乾坤必有私。

真武垂訓曰。

造作善善惡惡，
報應如影隨形。
莫道造惡不報，
直待惡貫滿盈。
莫道修善無應，
直待善果圓成。

因果錄云。

要知前世因，
今生受者是。
要知後世果，
今生作者是。

又云。

假使經百劫，
所作業不亡。
因緣會遇時，
果報還自受。

Höu vaân:

*Thiện ác nhực vô báo.
Càn khôn tất hữu tư.*

Chaân Voõthuy huaân vieát:

*Tạo tác thiện thiện ác ác.
Báo ứng như ảnh tùy hình.
Mạc đạo tạo ác bất báo.
Trực đãi ác quán mãn doanh.
Mạc đạo tu thiện vô ứng.
Trực đãi thiện quả viên thành.*

Nhaân quaũlũc vaân:

*Yếu tri tiền thế nhân.
Kim sanh thọ giả thị.
Yếu tri hậu thế quả.
Kim sanh tác giả thị.*

Höu vaân:

*Giả sử bách thiên kiếp.
Sở tác nghiệp bất vong.
Nhân duyên hội ngộ thời.
Quả báo hoàn tự thọ.*

涅槃經云。業有三報。一現報。現作善惡之業，現受苦樂之報。二生報。或前生作業，今生受報，或今生作業，來生受果。三速報。眼前作業，目下受報。

易曰。積善之家，必有餘慶。積不善之家，必有餘殃。

又曰。鬼神害盈而福謙。

孝經云。天地明察，神明章矣。

曾子曰。戒之戒之。出乎爾者，反乎爾者也。

書云。天道福善禍淫。

老子曰。天網恢恢，疎而不漏。

又云。陽網疎而易漏，陰網密以難逃。

佛嘗謂阿難曰。人有今世為善，死墮地獄者。今世為惡，死生天堂者。

阿難問。何故。佛言。今世為善，死墮地獄者，今世之善未熟，前世之惡已熟也。今世為惡，死生天堂者，今世之惡未熟，前世之善已熟也。熟處先受報。譬如欠債急處先還。

Niết-bàn kinh văn: Nghiệp hữu tam báo. Nhất hiện báo, hiện tác thiện ác chi nghiệp, hiện thọ khổ lạc chi báo, Nhò sanh báo, hoặc tiền sanh tác nghiệp, kim sanh thọ báo, hoặc kim sanh tác nghiệp, lai sanh thọ báo. Tam tốc báo, nhất hiện tác nghiệp, mục hạ thọ báo.

Dịch viết: Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương.

Hữu viết: Quỷ thần hại盈而福謙.

Hiếu kinh văn: Thiên nhãn minh sát, thần minh chứng hyô

Taêng töüviết: Giôu chi, giôu chi! Xuat hoàn hó giaû phạm hoàn hó giaû đả

Thô văn: Thiên nã phồu thiện hoả dân.

Laõ töüviết: Thiên võng khoá khoá, sô nhi bát lậu.

Hữu văn: Dông võng sô nhi dò lậu, âm võng mã đó nan nã.

Phaï thôông và A-nan viết: Nhân hữu kim theávi thiện, töüñoã ñòa ngưi giaû kim theávi ác, töüsinh thiện ñôông giaû

A-nan văn: Hãoco? Phaï ngoân: Kim theávi thiện, töüñoã ñòa ngưi giaû kim theáchi thiện và thuĩ, tiền theáchi ác đó thuĩ đả Kim theávi ác, töüsinh thiện dôông giaû kim theáchi ác và thuĩ, tiền theáchi thiện đó thuĩ đả Thuĩ xöütiên thoi báo, thí nhô khiếm trái, cấp xöütiên hoàn.

由此推之，三教皆言此理，但有遲速耳。豈可以目前未見果報而遂不信因果，因以不信淨土乎。

彼曰。富貧壽夭皆從天命，焉有輪迴之報乎。

餘曰。觀子之理實不明也。世人雖曰天命，天豈私於人哉。蓋人前世所為不同，故今生受報亦不同。豈是天之所主耳。

是以此身謂之報身。報我前世之所為，故生此身也。天何容心哉。

譬如人有功罪於外，當受賞罰於官府。官府豈私於人哉。唯以有功當賞，有罪當罰。豈以賞罰無故而加於人乎。

世間官府猶不以當賞無故而加於人，况天地造化豈以禍福無故而加於人也。

是知前世所為有善惡，故今生禍福以報之。

所以不能純乎善，故不得純受其福也。乃有富貴而苦夭者，有貧賤而壽樂者，有榮寵而悴辱者，有卑困而安閒者，有少年登高科者，有

Do thõusuy chi, Tam giai giai ngoân thõulyù ñaõn hõu trì toá nhó. Khõu khaudó muc tiẽn vò kieán quaubaõ nhi toái baá tín nhaân quaù nhaân dó baá tín Tõnh ñoãho?

Bavieát: Phuubaõn thoïyeá, giai tung thieán maõg, yeân hõu luaân hoá chi baõ ho?

Dõ vieát: Quan tõuchi lyù thaá baá minh daõ Theánhaân tuy vieát thieán maõg, thieán khõu tö ö nhaân tai? Caù nhaân tieán theá sõuvi baá ñoàng, coákim sanh thoïbaõ dieá baá ñoàng, khõu thò thieán chi sõuchuínhó?

Thò dó thõuthaân vò chi baõ thaân, baõ ngaõtieán theáchi sõuvi, coásanh thõuthaân daõ Thieán haõdung taâm tai?

Thí nhõ nhaân hõu công toá ö ngoái, ñõõng thoïthõõmg pháí ö quan phuû Quan phuúkhõu tö ö nhaân tai? Duy dó hõu công ñõõng thõõmg, hõu toá ñõõng pháí. Khõu dó thõõmg pháí voácoánhi gia ö nhaân ho?

Theágian quan phuû du baá dó thõõmg pháí voácoánhi gia ö nhaân, huóng thieán ñoã taõ hoá, khõu dó hoã phõõu voácoá nhi gia ö nhaân daõ

Thò tri tieán theásõuvi hõu thieán aù, coákim sanh hoã phõõu dó baõ chi.

Sõudó baá naõg thuaân hoáthieán, coábaá ñaé thuaân thoïkyõ phõõu daõ Naõ hõu phuûquýnhi khoáyeá giaù hõu baõn tieán nhi thoï læ giaù hõu vinh sung nhi tuyñ nhưc giaù hõu ty khoá nhi an nhaõn giaù hõu thieá nieán ñaõg cao khoa giaù

終身不得第者，有財穀豐盈而無兒女者，有逼迫艱難而兒女多者，有夫在而妻死者，有妻在而夫死者，有子在父前而死者，有孫在公前而死者，有先樂而後苦者，有先苦而後樂者，有前後樂而中苦者，有前後苦而中樂者，有一生而受苦者，有一生而受樂者。

我今問子。斯等何故而致然耶。

彼則曰。實不明矣。

餘曰。子既不明，云何不信。若人撥無因果，必墮阿鼻地獄。地獄罪畢，復墮餓鬼。餓鬼罪畢，復墮畜生。畜生道中，償他宿債。殺他一命，還他一命。喫他八兩，還他半斤。

畜生罪畢，劣得人身。雖得人身，貧窮下賤，盲聾瘖啞，腳跛手折，惡病所纏，饑寒所逼，不得見佛，不聞正法，不遇聖賢，不逢知識，展轉輪迴，受苦不息。

古德云。

欲得不招無間業，
莫謗如來正法輪。

hồi chung thân bất đắc đệ giả, hữu tài cốc thịnh dư nhi vô tử nữ giả, hữu bức bách gian nan nhi nhi nhi nhi nhi giả, hữu phu tại nhi thiếp tử giả, hữu thiếp tại nhi phu tử giả, hữu tử tại phụ tiền nhi tử tử giả, hữu tôn tại công tiền nhi tôn tử giả, hữu tiên lạc nhi hậu khổ giả, hữu tiên khổ nhi hậu lạc giả, hữu tiền lạc nhi trung khổ giả, hữu tiền khổ nhi trung lạc giả, hữu nhất sinh nhi thụ khổ giả, hữu nhất sinh nhi thụ lạc giả.

Ngaokim vân: Tôi nãi hạo côanhi trí nhien da?

Baetac viet: Thai bat minh thoi

Dõ viet: Tôikyubai minh, vân hạo bati tin? Nhõõc nhai bat voanhai quai tai nõi A-tỳ nõi ngưi. Nõi ngưi toai tai, phuõc nõi ngai quyû Ngai quyû toai tai, phuõc nõi suõc sanh, Suõc sanh nõi trung, thõõng tha tuõc trai. Sai tha nhai mang hoan tha nhai mang. Khiõc tha bat lõõng, hoan tha bat can.

Suõc sanh toai tai, liei nai nhai than. Tuy nai nhai than, bat cung hai tien, manh lung am au cõõu baõthuõchiec, au beõnh sõõtrieõn, cõ ham sõõbõõ, bat nai kien Phai, bat van chaih phap, bat ngoõthanh hien, bat phung tri thõõ, trien chuyõn loan hoai, thõõkhoõbati tõi.

Coõõõõu vân:

Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp.

Mạc báng Như Lai Chánh pháp luân.

要知善惡昭彰，因果不昧。佛誠言於因果，必不妄言於淨土也。

且夫為人者，須要知是非，識廉恥，信因果，懼罪福，察善惡，辦邪正，上不怨天，下不尤人。榮枯不能動其心，得失莫能移其志。處富貴而不歡，居貧賤而無戚。進退知時，量力任事。用之則行，舍之則藏。忠孝仁慈，始終不二。

如斯而不為君子，則吾不信也。如斯而不為大賢，則吾不信也。如斯念佛而不生淨土者，則吾不信也。

我今殷勤解說，決子之疑。子當敬受，勿輕忽焉。

10. Phá trừ ý kiến không tin nhân quả

☪ ó người nói rằng: “Làm lành, tạo phước, niệm Phật vãng sanh, những điều ấy không đủ để tin theo.”

Nhất Nguyên⁽¹⁾ này hỏi rằng: “Tại sao ông lại không tin?”

Người kia đáp: “Cứ lấy việc trước mắt mà nói, có người trong sạch, ngay thẳng, làm lành, lẽ ra phải được đầy đủ

⁽¹⁾ Tức thiền sư Tông Bản, người biên soạn sách này.

Yeáu tri thiến àu chieâu chōông, nhân quauá bá muoá. Phaá thanh ngoân ò nhân quauá tá bá voing ngoân ò Tònh ñoádaõ

Thaùphuøvi nhân giaù tu yeáu tri thò phi, thòu lieán sạ tín nhân quauá cuítòá phồôừ, sàù thiến àu, bieán taøchaùh, thồông bá oam thiến, haí bá vòu nhân, vinh khoá bá naing ñoing kyø taán, ñáe thaá mãc naing di kyøchí, xòùphuù quyìnhi bá hoan, cõ baán tieán nhi voáthích, taán thoá tri thòá, lồông lờ nhân sõi dung chi táe hanh, xaùchi táe tang, trung hieá nhân tồø thuyệ chung bá nhò.

Nhò tồ nhi bá vi quauá tồu táe ngoá bá tín daõ Nhò tồ nhi bá vi ñai hieán, táe ngoá bá tín daõ Nhò tồ nieán Phaá nhi bá sanh Tònh ñoá giaù táe ngoá bá tín daõ

Ngaòkim an càñ giaù thuyé, quyé tồuchi nghi. Tồũ ñoong kính càñ tín thòj vaá khinh hoá yeán.

phước thọ, trái lại phải chịu nghèo khó, yếu mạng, nhiều bệnh tật; lại có những kẻ độc ác, giết người hại vật, lẽ ra phải chịu yếu mạng, nghèo hèn, bệnh tật, nhưng lại được trường thọ, giàu sang. Tôi lấy theo hai điều ấy mà xét ra, nên không tin việc làm lành, tạo phước, niệm Phật vãng sanh.”

Nhất Nguyên đáp rằng: “Ông quả thật là không thông đạt! Lời ông nói đó, ví như kẻ nhìn trời qua cái ống nhỏ. Chẳng phải bầu trời nhỏ, chỉ do người ấy thấy nhỏ mà

thôi. Chẳng thấy trong sách *Minh tâm bảo giám* có nói rằng:

Làm lành hưởng quả lành,
Làm ác chịu quả ác.
Chớ nói không quả báo.
Chỉ sớm muộn sai khác.

Trời cao thăm thăm, chớ dễ duôi;
Mảy may chớm ý, động lòng trời.
Lành, dữ thấy đều có quả báo,
Chẳng qua sớm, muộn khác nhau thôi.

“Lại có câu:

Người đời nói việc riêng,
Trời nghe như tiếng sấm.
Ý xấu trong phòng tối,
Thần nhìn rõ như chớp.⁽¹⁾

“Lại có câu:

Lành, dữ nếu không quả báo,
Trời, Đất ắt có lòng riêng.

“Ngài *Chân Võ* có lời thương xót dạy rằng:

Làm ra các việc lành, dữ,
Báo ứng như bóng theo hình.
Chớ nói làm ác không báo,

⁽¹⁾ Bốn câu này ý nói, những việc người đời muốn che giấu, chỉ thì thầm không cho người khác biết, thì trời nghe rõ như tiếng sấm; những ý tưởng xấu xa khởi lên trong phòng tối, tưởng như không ai có thể biết được, thì chư thần có thể nhìn thấy rõ ràng như ánh điện chớp.

Chỉ đợi quả ác chín mùi.
Chớ nói làm thiện không ứng,
Chỉ đợi quả thiện tròn đầy.

“Sách *Nhân quả lục* chép rằng:

Muốn biết nhân đời trước,
Xem nơi quả đời này.
Muốn biết quả đời sau,
Xem việc làm hiện tại.

“Lại dạy rằng:

Dù trải trăm ngàn kiếp,
Nghệp đã tạo không mất.
Chỉ đợi đủ nhân duyên,
Ắt phải chịu quả báo.

“Trong kinh dạy rằng:⁽¹⁾ ‘Nghệp có ba loại quả báo. Thứ nhất là *hiện báo*, nghĩa là hiện nay làm các việc lành hay dữ, thì ngay trong đời này nhận chịu quả báo vui hoặc báo khổ. Thứ hai là *sanh báo*, nghĩa là đời trước đã tạo nghiệp, đời này phải thọ báo, hoặc đời này tạo nghiệp, đời sau sẽ thọ báo. Thứ ba là *tốc báo*, nghĩa là vừa tạo nghiệp liền chịu lấy quả báo ngay trước mắt.’

“*Kinh Dịch* nói: ‘Nhà chứa điều lành thì có phước lành về sau; nhà chứa điều chẳng lành ắt có tai ương về sau.’

“Lại có câu: ‘Quỷ thần hại kẻ tự mãn mà tạo phước cho người khiêm tốn.’

⁽¹⁾ Nguyên bản nói là kinh Niết-bàn, nhưng chúng tôi xét thấy ý tưởng ở đây được rút ra từ nhiều nguồn kinh lục khác nhau chứ không phải trích dẫn nguyên văn từ kinh Niết-bàn.

“Hiếu kinh có câu: ‘Trời đất xét rõ, thần minh sáng suốt.’

“Tăng tử nói: ‘Hãy cẩn thận, cẩn thận! Tự mình làm ra thì phải tự mình chịu lấy đó.’

“Kinh Thư nói: ‘Đạo trời là ban phước cho người lành, gieo họa cho kẻ tà ác.’

“Lão tử nói: ‘Lưới trời lộng lộng, tuy thưa mà chẳng sót.’

“Lại nói: ‘Lưới cõi dương thưa nên dễ sót; lưới cõi âm dày nên khó thoát.’⁽¹⁾

“Đức Phật thường vì ông *A-nan* mà dạy rằng: ‘Có người trong đời này làm lành nhưng sau khi chết đọa vào địa ngục. Có người trong đời này làm ác nhưng sau khi chết sanh lên cõi trời.’

“*A-nan* thưa hỏi: ‘Vì sao vậy?’ Phật dạy: ‘Những người trong đời này làm lành nhưng sau khi chết đọa vào địa ngục là vì điều lành trong đời này chưa chín muồi mà nghiệp ác trong đời trước đã chín muồi. Những người trong đời này làm ác nhưng sau khi chết sanh lên cõi trời là vì nghiệp ác trong đời này chưa chín muồi mà nghiệp lành trong đời trước đã chín muồi. Nghiệp nào chín muồi trước thì phải thọ báo trước. Ví như người thiếu nợ, món nợ nào gấp hơn thì phải hoàn trả trước.’

“Do những điều trên mà suy ra thì Tam giáo đều dạy cùng một lý ấy, chỉ có sự nhanh hay chậm mà thôi. Lẽ

⁽¹⁾ Ý nói luật pháp của dương gian không thể tránh khỏi sự sai sót, để lọt lưới kẻ có tội, nhưng luật pháp cõi âm chỉ dựa vào việc tự làm tự chịu, không thể có chuyện sai sót.

nào vì trước mắt chưa thấy quả báo rồi không tin nhân quả, lại do đó mà không tin Tịnh độ hay sao?”

Người kia thưa rằng: “Sự giàu sang hay nghèo khó, sống lâu hay yếu mạng đều do nơi mệnh trời, há có việc quả báo luân hồi hay sao?”

Nhất Nguyên này đáp rằng: “Xét cái lý của ông thật không rõ ràng. Người đời tuy nói là mệnh trời, nhưng lẽ đâu trời lại có sự thiên vị với người hay sao? Thấy đều do việc làm của người ta đời trước chẳng giống nhau, nên đời này nhận lãnh quả báo khác nhau, lẽ nào lại là do trời làm ra như thế? Cho nên gọi thân này là *báo thân*, nghĩa là vì nhận lãnh quả báo những việc đã làm đời trước nên mới sanh ra thân này. Trời nào có lòng bao che được sao?

“Ví như một người bên ngoài có công hoặc có tội thì nhận chịu sự thưởng phạt nơi phủ quan. Quan phủ lẽ nào lại có lòng thiên vị đối với người ấy hay sao? Chỉ theo nơi việc có công thì thưởng, có tội thì phạt, lẽ nào lại vô cớ mà dùng sự thưởng phạt với người ta hay sao? Quan phủ thế gian còn không vô cớ dùng sự thưởng phạt với người, huống chi trời đất lại vô cớ mang sự họa phước giáng xuống con người hay sao?

“Vì thế mà biết rằng, do việc làm trong đời trước có thiện, ác, nên đời này mới nhận lấy những sự họa, phước. Vì không thể làm toàn việc thiện, nên không thể được hưởng toàn phước báo, vậy mới có những người giàu sang mà khổ nhọc hoặc yếu mạng; lại có kẻ nghèo hèn mà được sống lâu, vui sướng; có người vinh hiển, được tin dùng mà phải lo buồn, tủi nhục; có kẻ hèn kém khốn khó mà vẫn

được an nhàn; có người tuổi trẻ sớm đỗ đạt thành danh; có người trọn đời vẫn không đỗ đạt; có người tiền gạo đầy nhà mà không con cái; có kẻ cùng khốn khó khăn mà con cái thật nhiều; có trường hợp chồng còn mà vợ chết, lại có trường hợp chồng chết mà vợ còn; có kẻ làm con phải chết trước cha mẹ; có người làm cháu phải chết trước ông bà; có người trước được vui mà sau chịu khổ; có kẻ trước chịu khổ mà sau được vui; có người trước sau đều được vui nhưng giữa đời chịu khổ; có kẻ trước sau đều khổ nhưng giữa đời được vui; lại có người trọn đời chịu khổ; lại có kẻ suốt đời sung sướng.

“Nay tôi hỏi ông: Tại sao có những việc như thế?”

Người kia đáp: “Thật tôi không rõ điều ấy.”

Nhất Nguyên mới nói rằng: “Ông đã chẳng rõ, vì sao lại không tin? Nếu ai bác bỏ nhân quả ắt sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ. Chịu tội ở địa ngục xong, lại đọa làm *ngạ quỷ*.⁽¹⁾ Chịu thân *ngạ quỷ* xong, lại chuyển sanh làm *súc sanh*,⁽²⁾ mang thân súc sanh ấy mà đền trả những khoản nợ đã gây ra từ trước, nếu giết hại một mạng sống, phải trả lại một mạng; nếu ăn của người khác 8 lượng, phải trả đủ nửa cân.⁽³⁾”

“Chịu thân súc sanh rồi, mới được thân người hèn kém. Tuy được thân người nhưng phải chịu cảnh nghèo khó hèn hạ, đui điếc, câm ngọng, chân què, tay cụt, bệnh tật đeo bám, đói lạnh bức bách, chẳng được thấy Phật, chẳng

⁽¹⁾ Ngạ quỷ: loài quỷ đói, hình thù xấu xí, miệng to, cổ nhỏ nên không thể ăn uống đầy đủ, lúc nào cũng sống trong sự đói khát, thèm muốn.

⁽²⁾ Súc sanh: chỉ chung các loài thú vật.

⁽³⁾ Nửa cân tức là 8 lượng, vì theo đơn vị đo lường xưa thì mỗi cân có 16 lượng. Vì thế mới có thành ngữ “bên nửa cân, bên 8 lượng” để chỉ sự nagng tài, cân sức.

nghe Chánh pháp, chẳng gặp bậc thánh hiền, chẳng gặp được người hiểu biết, xoay vần trong cõi luân hồi, chịu khổ không dứt.

“Người xưa dạy rằng:

Muốn khởi mang lấy tội Vô gián,⁽¹⁾

Chớ nên bài bác pháp Như Lai.

“Cần phải biết rằng, việc thiện ác rất rõ ràng, nhân quả không thể che mờ. Phật đã nói ra lời chân thật về nhân quả, ắt không thể dối gạt về chuyện Tịnh độ.

“Vả lại, làm người phải rõ việc đúng sai phải quấy, biết liêm sỉ, tin nhân quả, sợ tội phước, xét rõ thiện ác, phân biệt chánh tà, trên chẳng oán trời, dưới chẳng giận người, dù thịnh dù suy cũng chẳng động tâm, dù được dù mất cũng không đổi chí, trong cảnh giàu sang chẳng lấy làm vui, gặp lúc nghèo hèn chẳng cho là buồn, khi tiến khi lùi đều biết thời cơ, tự lượng sức mình mà gánh vác nhiệm vụ, được dùng đến thì hành sự, không được dùng đến thì lui về ẩn dật, trung, hiếu, nhân, từ, trước sau không thay đổi. Người như vậy mà bảo không phải bậc quân tử thì tôi chẳng tin! Người như vậy mà bảo không phải bậc đại hiền thì tôi chẳng tin. Người như vậy niệm Phật mà không sanh về Tịnh độ thì tôi chẳng tin!

“Nay tôi ân cần giảng giải để dứt lòng nghi cho ông, vậy ông nên kính cẩn mà tin nhận, chớ nên khinh thường!”

⁽¹⁾ Tội Vô gián: tội đọa vào địa ngục A-tỳ. Chữ A-tỳ nguyên là phiên âm từ Phạn ngữ Avīci, dịch nghĩa là Vô gián. Sở dĩ có tên gọi như thế là vì những tội nhân trong địa ngục ấy phải liên tục chịu khổ, không có lúc nào gián đoạn.

破不信地獄

或曰。地獄之說，不足信也。

一元曰。牢獄之說，亦不足信也。

牢獄現存，焉可不信。

曰。牢獄雖存，吾即無也。

或曰。師雖不受牢獄之苦，亦不可斷其無。

曰。如是，如是。地獄亦現在，子何不信乎。

或曰。朱子所言人死之後形既朽滅，神亦飄散。雖有剉燒舂磨，且無所施。是以冥府十王不足信也。明矣。

一元曰。朱子之說謬之甚矣。反越夫子之大理，又失自己之妄言。我以審問。朱子既以神亦飄散，如何卻有鬼神。

孔子曰。敬鬼神而遠之，非其鬼而祭之⁽¹⁾。又曰。爲之宗廟，以鬼饗之。春秋祭祀以時思之。

⁽¹⁾ Nguyên văn những câu này trong Luận ngữ là: 敬鬼神而遠之，可謂知矣。非其鬼而祭之，諂也。(Kính quỷ thần nhi viễn chi, khả vị trí hỷ. Phi kỳ quỷ nhi tế chi, siểm dã.)

Phá bất tín địa ngục

Hoặc viết: Nào người chỉ thuyết, bả tu từ tín đảo

Nhà Nguyễn viết: Lao người chỉ thuyết, die bả tu từ tín đảo

Viết: Lao người hiện toàn, yên khâu bả tín?

Viết: Lao người tuy toàn, ngoặt ở vô đạo

Hoặc viết: Sờ tuy bả thôi lao người chỉ khoả die bả khâu ão kyo

Viết: Nhỏ thờ, nhỏ thờ. Nào người die hiện tại, tởu khâu bả tín ho?

Hoặc viết: Chu tởu sô ugoan, nhân tởu chi ha, hình ky hu die, than die phiêu tam, Tuy hõu toa thieu thung ma, tha uoas o thi. Thò đó Minh phu Thap vông bả tu từ tín đảo Minh hõ

Nhà Nguyễn viết: Chu tởu chi thuyet, ma chi than hõ Pha viết phu tởu chi ãi lyu hõu tha tởu kyuchi vông goan. Nga đó than van, Chu tởu kyudo than die phiêu tam, nhõ hõ khõu hõ quy than?

Khoảng tởu viết: Kính quy than nhi viết chi, phi ky quy nhi teachi. Hõu viết: Vi chi tong mieu, đó quy hõ o ng chi. Xuan thu teatõi đó thõ tở chi.

又曰。生則親安之，祭則鬼饗之。

又曰。宗廟致敬，鬼神著矣。孝悌之致通於神明。

又曰。禹吾無間然矣。菲飲食而致孝乎鬼神。

禮記，孔子曰。人死曰鬼，此五代之所不變也。

由此觀之，不唯夫子所說鬼神，乃至百家諸子皆共說之。不見聖經賢傳中，盡載鬼神之事，豈無朱子之言乎。

朱子又言。范文正公曰。若獨享富貴而不恤宗族，異日何以見祖宗於地下，將何顏以入家廟乎。

既謂形朽滅，神飄散，泯然無迹，何人在於地下，家廟乎。何人去見祖宗乎。如此者，朱子之欺心妄語，斯可見矣。

昔日唐太宗，早聞武后欲壞其成法，故欲殺之。袁天罡曰。殺之則再生人世，怨怒愈深。太宗然之，故令爲尼，建立感業寺處之。出劉三吳細鑑，唯通鑑略之。

Höü vieá: Sanh taé thaân an chi, teátaé quyûhööng chi.

Höü vieá: Tông mieáú trí kính, quyûthaân trôôü hyô Hieáú ñeáchi trí, thoâng ö thaân minh.

Höü vieá: Vuôngoávoágiaâm nhieân hyô phæám thöc nhi trí hieáú hoà quyûthaân.

Leákyü Khoáng töüvieá: Nhaân töüvieá quyû thöünguõñaí chi sôübaá bieán daó

Do thöüquan chi, baá duy Phu töúsôüthuyeá quyûthaân, naó chí baùh gia chö töügiai coâng thuyeá chi. Baá kieán thaâm kinh hieân truyeân trung, taân taü quyûthaân chi söi khöü voá Chu töüchi ngoân hoá

Chu töühöü ngoân: Phaím Vaân Chaâm Coâng vieá, nhöôc ñoá hööng phuè quyû nhi baá tuaá toâng toá, dò nhaá haó dó kieán toátông ö ñoá háj töông haonhan dó nhaó gia mieáú hoá

Kyüvò hình huúdieá, thaân phieáú taâm, mañ nhieân voátích, haonhaân taí ö ñoá háj gia mieáú hoá Haonhaân khöükieán toátông hoá Nhö thöügiaü Chu töüchi khi taâm voäng ngöô tö khai kieán hyô

Tích nhaá Ñöông Thaü Tông, taü vaân Voóhaü dué hoái kyóthanh pháp, cóadüc saü chi. Vieân Thieân Cang vieá: Saü chi taé taü sanh nhaân theá oaâm noáduóthaân. Thaü Tông nhieân chi, cóalinh vi ni, kieán laó Caâm Nghieó töixöüchi. Xuaá Löu tam ngoáteágiaâm, duy Thoâng giaâm lööc chi.

天罡謂再生人世，怨怒愈深。朱子謂形朽滅，神飄散。兩家之言，天地懸隔，孰是孰非。夫天罡明理之人也，豈衆人可同日而語哉。

又司馬溫公與元城劉先生曰。佛家言天堂地獄，且夫實有此不。元城曰。佛之設此，有理有迹。推其理，俾人易惡向善耳。論其迹，則實有地獄也。

且鄒衍謂天地之外如神州，赤縣者八九。莊子謂六合之外，聖人存而弗論。凡人耳目所不及，安知其無。

溫公動容而服應，自此敬佛。

復引古德云。天堂無則已，有則君子登。地獄無則已，有則小人入。誠哉是言也。

今將一喻以破多惑。諸仁者。汝等有夢不。

曰。有夢。

曰。夢中曾受苦樂不。

曰。曾受苦樂。

餘曰。受苦樂之時，要見是身受耶，神受耶。

Thiên Cang và tài sanh nhân thế oàn noãduõthã. Chu töuvò hình huõdieã, thãn phiẽu tãm. Lõõng gia chi ngoãn, thiẽn ñĩa huyẽn cãũh, thũc thò thũc phi. PhuõThiẽn Cang minh lýuchi nhãn dãõ khõũ chũng nhãn khãũñõang nhã ñhi ngõõchi.

Hõu Tõ MãOãn Công döõNguyẽn Thanh Lõu tiẽn sanh viẽt: Phãĩ gia ngoãn thiẽn ñõõng ñĩa ngư, thãũphuõthãĩ hõũ thõũphuũ Nguyẽn Thanh viẽt: Phãĩ chi thiẽt thõũhõũ lýũhõũ tích. Suy kyõlyũ tãnhãn dõch àũ hõõng thiẽn nhõ. Luãũ kyõ tích, tãc thãĩ hõũ ñĩa ngư dãõ ThãũTraũ Dieãn và thiẽn ñĩa chi ngoãĩ, nhõ Thãũ chãũ, Xích huyẽn giãũbãũ cõũ, Trang töũ và lũc hiẽp chi ngoãĩ, thãũnh nhãn toãn ñhi phãũ luãũ. Phãm nhãn nhõ mũc sõũbãũ cãp, an tri kyõvoã?

Oãn Công ñõõng dung ñhi phuõ õng, töĩ thõũkĩnh Phãĩ.

Fuõ dãũ coãñõũ vaãn: Thiẽn ñõõng voãtãc dó, hõũ tãc quãũ töũñãõng; ñĩa ngư voãtãc dó, hõũ tãc tiẽũ nhãn nhãp. Thanh tai thõ ngoãn dãõ

Kim töõng nhãũ dĩ dó phãũñã hoaẽ. Chõ nhãũ giãũ nhõõ ñãũg hõũ mõũg phuũ

Vieĩt: Hõũ mõũg.

Vieĩt: Mõũg trung tãũg thõũkhoãlãc phuũ

Vieĩt: Tãũg thõũkhoãlãc.

Dõ vieĩt: Thõũkhoãlãc chi thõũ, yeũ kiẽũ thõũ thãũ thõũda, thãũ thõũda?

或曰。身臥於牀，豈是身也。

曰。元來是神受耶。地獄之苦皆是魂神受之，實非形體也。在生夢中尚有苦樂，況死去而無地獄乎。

若聽朱子之言，反累後人入地獄也。何則。若有不信罪福之徒，使其放縱造惡，而墮地獄。卻不是反被朱子之害也。

朱子故排佛氏，謬出此言而惑其衆。是以不足信也。明矣。

噫。胡子不懼地獄，偽造崇正之辯，誹謗大聖，誑惑迷人。令自他同入地獄，可悲也哉。

嗚呼。牢獄有，作者去受。地獄有，亦是作者去受。我不作牢獄之罪，不受牢獄之形。不造地獄之業，不受地獄之苦。豈可執其己見，斷其無也。

或曰。如是，如是。何以修持不墮地獄。

一元曰。汝等堅持齋戒，念佛，參禪，果證菩提，高超極樂。依此而行，非但地獄不去受，天堂亦不去受也。

Hoac̣ vieaṭ: Thān ngoā ò sang, khôû thò thān daõ

Vieaṭ: Nguyeân lai thò thàn thoịda. Nõa nguõ chi khoà giai thò hoān thàn thoịchi, thāi phi hình theadaõ Tai sanh moāng trung thõõng hõu khoalaõ, huóng tõiũkhõunhi voānõa nguõ hoã

Nhõõr thính Chu tõiũchi ngoān, phām luỵ haũ nhān nhāp nõa nguõ daõ Haõtae? Nhõõr hõu baĩ tín toā phõõr chi nõa sõiũkyõphõng tũng taõ aũ, nhi nõa nõa nguõ, khõõr baĩ thò phām bò Chu tõiũchi haĩ daõ

Chu tõiũcoábaõ Phaĩ thò, maũ xuaĩ thõũngõn nhi hoac̣ kyõ chuõng. Thò dó baĩ tuõ tín daõ Minh hyõ

Y, hoatõũbaĩ cui nõa nguõ, nguỵ taõ sung chānh chi bieān, phābaõng ñai thānh, cuoāng hoac̣ meānhaān, linh tõiũtha ñoāng nhāp nõa nguõ, khaũbi daõtai!

Oāhoạ lao nguõ hõu, taũ giaũkhõũthõĩ Nõa nguõ hõu dieũ thò taũ giaũkhõũthõĩ Ngaõbaĩ taũ lao nguõ chi toā, baĩ thoĩlao nguõ chi hình; baĩ taõ nõa nguõ nghiẽp, baĩ thoĩnõa nguõ chi khoà Khõũ khaũchāp kyõkyũkieān, ñoām kyõvoādaõ

Hoac̣ vieaṭ: Nhõ thò, nhõ thò. Haõdó tu trĩ, baĩ nõa nõa nguõ?

Nhaĩ Nguyeân vieaṭ: Nhõõñāng kieān trĩ trai giõũ, nieān Phaĩ, tham thieān, quaũchõõng Bõ-đẽ, cao sieũ cõr laõ. Y thõũ nhi hānh, phi ñaũ nõa nguõ baĩ khõũthõĩ thieān ñõõng dieũ baĩ khõũthõĩ daõ

11. Phá trừ ý kiến không tin địa ngục

Ó người nói: “Thuyết về địa ngục không đủ để tin nhận.”

Nhất Nguyên này hỏi: “Thuyết về lao ngục thế gian cũng không đủ để tin.”

Người kia hỏi: “Lao ngục thế gian hiện có, sao có thể không tin?”

Đáp: “Lao ngục tuy có, nhưng với tôi là không.”

Người kia nói: “Tuy thầy không phải chịu cái khổ ở lao ngục, nhưng cũng không nên nói chắc là không có.”

Nhất Nguyên đáp: “Đúng vậy, đúng vậy! Địa ngục cũng là hiện có, sao ông lại không tin?”

Người kia nói: “Theo lời Chu tử⁽¹⁾ thì người ta sau khi chết hình hài rữa nát, hồn phách tan rã, cho dù có những việc chặt, đốt, xay, giã... cũng chẳng nhằm vào đâu! Như vậy, chuyện Mười điện Diêm-la ở âm phủ thật chẳng đủ để tin! Vậy là rõ lẽ rồi!”

Nhất Nguyên đáp: “Thuyết ấy của Chu tử thật sai lầm lắm, chẳng những trái nghịch với lý chính của đức Phu tử,⁽²⁾ lại còn trái với những lời của chính Chu tử đã từng nói ra. Tôi hỏi lại ông, Chu tử đã cho rằng thần hồn tan rã, vậy sao lại có quỷ thần?”

“Đức Khổng tử nói: *‘Nên kính quỷ thần mà tránh xa*

(1) Tức Chu Hối Am.

(2) Phu tử: tức Khổng tử, cũng gọi là Khổng phu tử.

(*vậy có thể gọi là người có trí*), hoặc nói: *‘Chẳng phải vong linh tổ tiên của mình mà cúng tế (là siểm nịnh)⁽¹⁾...*

“Lại nói rằng: *‘Lập ra nhà tông miếu là để vong linh tổ tiên nhận sự cúng tế, hai mùa xuân thu tế tự là tùy theo mùa mà tưởng nhớ.’*

“Lại nói: *‘Lo việc phụng dưỡng thì cha mẹ được yên ổn; lo việc tế tự thì vong linh tổ tiên nhận hưởng.’*

“Lại nói: *‘Đối với tông miếu hết sức tôn kính thì quỷ thần ghi nhận; lòng hiếu để hết mức thì cảm động thần minh.’*

“Lại nói: *‘Đối với vua Vũ,⁽²⁾ ta chẳng có chỗ nào chê được. Ngài ăn uống đạm bạc nhưng cúng kính quỷ thần trọng hậu.’*

“Trong sách *Lễ ký*, đức Khổng tử nói: *‘Người thác rôi gọi là vong linh. Lễ ấy từ thời Ngũ đại⁽³⁾ không hề thay đổi.’*

“Từ đó suy ra thì chẳng những đức Phu tử nói về quỷ thần, cho đến các bậc hiền giả, triết gia trong khắp thiên hạ cũng đều nói đến. Ông chẳng thấy trong các kinh truyện thánh hiền đều có ghi chép chuyện quỷ thần, lẽ nào lại là không có như Chu tử nói hay sao?”

“Vả lại, chính Chu tử có dẫn lời Phạm Văn Chánh Công nói rằng: *‘Nếu hưởng sự giàu sang một mình không biết giúp đỡ người trong tộc họ, thì ngày sau làm sao nhìn mặt*

(1) Những phần trong ngoặc đơn do chúng tôi căn cứ nguyên văn trong *Luận ngữ* mà thêm vào cho rõ nghĩa.

(2) Vua Vũ: ở đây chỉ vua Hậu Vũ nhà Hạ, lên ngôi vào khoảng năm 2205 trước Công nguyên.

(3) Ngũ đại: chỉ năm đời vua cổ của Trung Hoa, gồm các triều đại Đường, Ngu, Hạ, Thương và Chu.

tổ tông dưới suối vàng? Còn mặt mũi nào bước vào nơi thờ phụng ông bà tiên tổ?

“Chu tử đã nói là hình hài rửa nát, hồn phách tan rã, không còn dấu tích gì, vậy người nào ở dưới suối vàng, ở nơi thờ phụng tổ tiên? Lại người nào đến gặp mặt tổ tông? Như thế thì việc Chu tử đem lòng dối trá nói ra lời sai trái là có thể thấy được!

“Ngày xưa, vua Đường Thái tông⁽¹⁾ sớm nghe được việc Võ hậu⁽²⁾ muốn phá hoại cơ nghiệp nhà Đường.⁽³⁾ Vua toan giết bà, Viên Thiên Cang can gián rằng: ‘Nếu bệ hạ làm việc giết hại, ắt phải tái sinh trong chốn nhân gian, oán thù càng thêm sâu nặng.’ Vua Thái tông cho là phải, bèn ép bà xuống tóc làm ni cô, xây chùa Cảm Nghiệp cho bà ở đó tu hành. Chuyện này có chép trong *Lưu tam ngô tế giám*, nhưng sách *Thông giám* đã lược bỏ đi.

“Viên Thiên Cang nói rằng tái sinh ở nhân gian thì oán thù thêm sâu nặng, còn Chu tử lại nói rằng hình hài rửa nát, hồn phách tan rã. Lời nói của hai người ấy cách xa nhau như trời với đất, vậy ai đúng, ai sai? Xét như ông Thiên Cang là người đưa ra lý lẽ sáng suốt, đâu phải là lời nói với hạng dân thường hằng ngày?⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Đường Thái tông, tức Lý Thế Dân, vị vua thứ 2 của nhà Đường lên ngôi năm 627, cầm quyền đến năm 649.

⁽²⁾ Võ hậu, sau khi Đường Cao Tông nối ngôi Thái tông lập Vương thị làm hoàng hậu, rồi lại phế Vương hậu mà lập Võ hậu làm hoàng hậu. Năm 683, Đường Cao tông mất, Võ hậu bắt đầu thâm tóm quyền hành. Năm 688 bà tàn sát tông thất nhà Đường để củng cố quyền lực. Năm 689 đổi quốc hiệu là Đại Chu, sang năm 690 chính thức lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiên Thọ, ở ngôi trong 21 năm.

⁽³⁾ Tương truyền khi Võ hậu vừa mới vào cung, Viên Thiên Cang đã có lời tiên đoán về việc sau này bà sẽ giết hại tông thất nhà Đường, chiếm lấy thiên hạ.

⁽⁴⁾ Đoạn này nhấn mạnh ở điểm Viên Thiên Cang đưa ra lý lẽ này với vua Đường Thái tông, nên phải thận trọng sáng suốt, không thể tùy tiện như nói với người thường.

“Lại nữa, Tư Mã Ôn Công có hỏi Nguyên Thành Lưu tiên sanh rằng: ‘Nhà Phật nói thiên đường, địa ngục, quả thật có hay chăng?’ Ông Nguyên Thành đáp rằng: ‘Phật nói ra như vậy là có lý, có tích. Xét về lý thì khiến cho người ta bỏ ác làm lành. Luận về tích thì địa ngục hẳn là thật có. Như Trâu Diễn có nói về những cảnh ở ngoài trời đất, có đến 8, 9 nơi như những xứ Thần Châu, Xích Huyện...⁽¹⁾ Trang tử⁽²⁾ có nói tới những chỗ ngoài cả sáu phương,⁽³⁾ khi Thánh nhân⁽⁴⁾ còn cũng không bàn đến, huống chi tai mắt của kẻ phàm phu không thấu tới, sao biết là không có?’

“Ôn Công nghe rồi thay đổi thái độ mà chịu phục, từ đó cung kính Phật pháp.”

Nhất Nguyên lại dẫn lời người xưa dạy rằng: “Thiên đường chẳng có thì thôi, nếu có ắt người quân tử phải được lên. Địa ngục chẳng có thì thôi, nếu có ắt kẻ tiểu nhân phải dọa vào.’ Lời ấy đúng lắm thay!

“Nay tôi xin đưa ra một thí dụ để phá trừ nhiều chỗ nghi ngờ. Nay các vị, đã có bao giờ nằm mộng hay chăng?”

Đáp: “Có nằm mộng.”

⁽¹⁾ Thần Châu và Xích Huyện là những cảnh giới huyền vi được mô tả theo Lão giáo. Tương truyền Thần Châu ở cách Côn Lôn 50 dặm về hướng đông nam, ở đó có cảnh Hòa Mỹ Đò, vuông vức ba ngàn dặm, là thành của chư thần Ngũ nhạc, chỗ ngự của đức Đế vương, là chỗ các bậc Thánh nhân sanh ra. Còn Xích Huyện nằm về hướng nam Côn Lôn, nơi ấy mưa gió đúng thời, nóng lạnh đúng tiết, đời sống dễ chịu.

⁽²⁾ Trang tử, tức Trang Châu, người đời Đông châu, ở xứ Mông Thành, nước Sở. Ông có trước tác bộ sách Trang tử, truyền đến đời nhà Đường, niên hiệu Thiên Bảo, vua Đường Huyền tông (713-755) xuống chiếu ban tên cho bộ sách của ông là Nam Hoa chân kinh (thường gọi tắt là Nam Hoa Kinh) và phong cho ông là Nam Hoa Chân nhân. Ông cùng với Lão tử được tôn xưng là hai vị Tổ của Đạo gia.

⁽³⁾ Sáu phương: chỉ trên trời, dưới đất và bốn phương đông, tây, nam, bắc.

⁽⁴⁾ Thánh nhân: chỉ đức Khổng tử.

Hỏi: “Khi nằm mộng, các vị có từng thấy vui sướng hay bị buồn khổ chẳng?”

Đáp: “Thật đã có những lúc vui sướng hay buồn khổ.”

Lại hỏi: “Trong lúc vui sướng hay buồn khổ đó, xét thấy là thân thể mình thọ nhận hay là tinh thần thọ nhận?”

Đáp: “Thân thể đang nằm trên giường, làm sao thọ nhận được?”

Nhất Nguyên nói: “Như vậy tức là tinh thần thọ nhận. Sự khổ ở địa ngục cũng vậy, là do hôn phách tinh thần lãnh chịu, chẳng phải thân thể này. Trong giấc mộng lúc sống còn có sự sướng khổ, hướng chi sau khi chết lại chẳng có địa ngục hay sao?”

“Nếu nghe theo lời của Chu tử, ắt phải khiến cho người đời sau vào địa ngục cả. Vì sao vậy? Nếu có hạng người không tin việc tội phước, ắt sẽ buông thả phóng túng làm các việc ác, phải đọa vào địa ngục, chẳng phải là bị Chu tử làm hại hay sao?”

“Chu tử cố ý bài bác đạo Phật mà nói càn ra những lời như vậy để mê hoặc lòng người, nên chẳng đáng tin theo. Lẽ ấy đã rõ ràng rồi vậy.”

“Than ôi! Sao chẳng biết sợ địa ngục, lại ngụy tạo cách biện luận như nêu cao chánh đạo mà thật ra là phỉ báng

bậc Đại thánh, lừa dối kẻ mê muội, khiến cho cả mình và người đều phải vào địa ngục? Thật đáng thương thay!

“Ôi! Có chốn lao ngục, kẻ phạm hình pháp phải chịu giam cầm; có cảnh địa ngục, những kẻ làm ác cũng phải đọa vào đó. Ta không phạm hình pháp nên không phải chịu vào lao ngục, không làm các điều ác nên không phải chịu cảnh khổ địa ngục, nhưng lẽ nào cứ chấp chặt theo ý riêng của mình mà nói quyết rằng không có địa ngục hay sao?”

Người kia thưa rằng: “Đúng vậy, đúng vậy! Nhưng biết phải tu sửa, vâng theo những gì để khỏi đọa vào địa ngục?”

Nhất Nguyên nói: “Các ông nên giữ bền sự trai giới, niệm Phật, tham thiền, ắt sẽ chứng quả *Bồ-đề*, siêu thăng Cực lạc. Nếu làm theo như thế, chẳng những khỏi rơi vào địa ngục, mà cũng không còn phải thọ nghiệp nơi cõi trời nữa!⁽¹⁾”

⁽¹⁾ Nguyên tác sử dụng chữ “thiên đường” trong bối cảnh giao thoa giữa 3 nền đạo lý Phật, Lão và Khổng, nhưng thật ra ở đây hiểu theo ý nghĩa trong kinh Phật là chỉ những cõi trời trong Tam giới, là những cảnh giới mà chúng sanh tu Thập thiện được sanh về, hưởng mọi sự khoái lạc, nhưng vẫn chưa thoát khỏi luân hồi sinh tử. Kỳ thật, trong Phật giáo không có khái niệm “thiên đường” giống như một số tôn giáo khác. Theo lời thiền sư Tông Bồn ở đây, người tu hành chân chính chẳng những không phải đọa vào địa ngục mà còn vượt thoát cả luân hồi sanh tử, nên không còn phải tái sanh dù là nơi các cõi trời.

地獄輪迴異類說

出儒典

隋，開皇中，太府寺丞，趙文昌，死而復活，云。有人引至閻羅王所。王問。一生以來，作何福業。

答曰。家貧無力可營功德，唯持金剛般若。

王聞合掌讚言。善哉。功德甚大。即放還生。

使人引至南門首，見周武帝在門側房中，三重鉗鎖。喚昌云。卿既還家，為吾向隋皇帝說。吾諸罪竝以辯了。唯滅佛法罪重，未可得竟。為營功德，俾出地獄。

及出門外，見大糞坑，有人頭髮上出。問引人云。何人也。引人答曰。此是秦將白起，罪猶未了。

昌歸得活，遂奏其事。敕天下僧尼，為周武帝誦金剛經，設大供，仍入隋史。

Địa ngục luân hồi dị loại thuyết

(Xuất Nho điển)

Tuy, Khai Hoang trung, Thái Phuấtđi thóa, Triêu Văn Xông tồnh phuế hoat vân: Hôũ nhân đả chí Diêm-la Vôông sôũ Vôông vân: Nhađ sanh dó lai, tậ hạphồũ nghiệp?

Ñậ việđ: Gia bậ volôĩ khađdoanh công ñhữ, duy trì Kim cang Bậ-nhữ

Vôông vân hiệđ chồông tậ ngoãn: Thiệđ tai! Công ñhữ thậ ñhữ. Tồ phồng hoat sanh.

Sôũnhân đả chí nam mônh thuệkieđ Chậ VôĩÑeđtai mônh trậ phong trung, tam trung kieđ toa, hoat Xông vân: Khanh kyđhoat gia, vò ngoahồông Tuy Hoang Ñeđthuyệđ, ngoachồ toa tồnh dó bieđ lieđ, duy diệđ Phậ phậ toa trồng, vò khađñeđ cậh, vò doanh công ñhữ, tậxuađ ñhữ nguĩ.

Cậ xuađ mônh ngoaĩ, kieđ ñhữ phậ khanh, hôũ nhân ñhữ phậ thồông xuađ, vân đảnh nhân vân: Hậnhân đậ Đảnh nhân ñậ việđ: Thồũthồ Tậ tồông Bậh Khồũ, toa do vò lieđ.

Xông quy ñeđ hoat, toa tậ kyđsôĩ Sađ thiệđ hậtađng ñi vò Chậ VôĩÑeđtưng Kim cang kinh, thiệđ ñhữ cậng, ñhông nhậ Tuy sôũ

感應賦載庾信墮地獄爲九頭龜也。緣庾信在世爲人故將浮詞誑語，排斥佛氏，以致感應如斯。悔之晚矣。

名臣言行錄載王荊公，子名雱，所爲不善。凡荊公悖理傷道之事，多出於雱。及雱死後，荊公彷彿見雱，荷鐵枷立于門側。由是捨宅建寺，爲雱追冥福，脫其苦難。

以是證之則儒家之書固有地獄之說矣。乃謂釋氏地獄之說爲無有，何其未之思也。

南史載梁武帝夢眇目僧，執手爐入宮內，欲託生王宮。覺而後宮生子，幼卽病目，醫療不効。竟眇一目，是爲元帝。

名臣言行錄載范祖禹將生，其母夢一偉丈夫立于側曰。我漢將軍鄧禹也。覺而產兒，遂名祖禹。以鄧禹內行淳備，遂字之曰淳夫。

又不見事文類聚，蒙求等書。羊怙識環。鮑靚記井。向靖女亡而再育，問父母以求刀。文澹幻質以還生，說香囊而驗父。

Caâm òng phuàtá Döü Tín ñoã ñòa nguõ vi cõu ñàù quy daõ Duyeân Döü Tín taï theávi nhaân, coátõng phuõõicuoáng ngõõ baõ xích Phaã thò, dó trí caâm òng nhõ tö, hoá chi vaõ hyõ

Danh thaân ngoân hành lữ taï Võông Kinh Coâng, töüdanh Bang, sôüvi baá thieãn. Phạm Kinh Coâng baõ lyùthõng ñaõ chi sõi ña xuaá ö Bang. Cap Bang töühaü, Kinh Coâng phãm pháá kieán Bang, haõthieá gia lap vu moãn traé. Do thò xaü trãch kieán töi vô Bang truy minh phõõü, thoat kyõkhoanañ.

Dó thò chõng chi, taé Nho gia thõ, coáhöü ñòa nguõ chi thuyéá hyõ Naõ vô Thích thõ ñòa nguõ chi thuyéá vi voãhöü, haõkyõvõ chi tö daõ

Nam söütaü Löông VoõÑeá möng mieäu müc taüg, chap thuõloãnhap cung noã, dưc thaü sanh võông cung. Giãu nhi haü cung sanh töü aü töü beñh müc, y lieäu baá hieäu, cãm mieäu nhaá müc, thõ vi Ngyeân ñeá

Danh thaân ngoân hành lữ taï Phaãm ToáVoõtõng sanh, kyõmaü möng nhaá vó trõõng phu lap vu traé vieá: NgaõHam töõng quañ Ñeãng Voõdaõ Giãu nhi sañ nhi, toai danh Toá Voõ Dó Ñeãng Voõnoã hanh thuañ bõ, toai töi chi vieá Thuañ phu.

Hõü baá kieán söüvañ loaï tuï möng caü ñaüg thõ, Dõng Hoãthõu hoãm, Baõ Tõnh kyütanh, Höõng Tõnh nõõvong nhi taü dưc, vañ phuï maü dó caü ñao, Vañ Ñaïm huyeãn chaá dó hoãm sanh, thuyéá höõng nang nhi nghiẽm phuï

以是證之則儒家之書固有輪迴之說。乃以釋氏輪迴之說爲非，何其不察之也。

地獄輪迴之說，前旣言之矣。至於死而變爲畜生，見於儒家之所紀者非一。

隋書，李士謙云。鯨化爲能，杜宇爲鷓鴣，褒君爲龍，牛哀爲虎，彭生爲豕，如意爲犬，黃母爲龜，宜武爲鼈，鄧艾爲牛，徐伯爲魚，鈴下爲鳥，書生爲蛇。

嗚呼。紀載於儒書者如此，非釋氏勸爲此說也。

洪邁云。親見殺猪羊者，臨終臥地作猪羊鳴。

古人謂至暴化爲虎。程子謂親見村民化爲虎，自引虎入其家食其猪。古今此類甚多，世人猶不信矣。

莊周曰。萬物出於機入於機。賈誼曰。化爲異類兮，亦可足患。

孔子曰。原始反終。故知生死之說。信斯言也，則知人有此身，不可以常保，背善趨惡不免爲異類也。

Dó thò chöng chi, taé Nho gia chi thö, coáhöü luaân hoà chi thuyeaí. Naí dó Thích thò luaân hoà chi thuyeaí vi phi, hao kyöbaí saü chi daø

Nhà nguõ luaân hoà chi thuyeaí, tieñ kyüngoñ chi hyö Chí ö töñhi bieñ vi suè sanh, kieñ ö Nho gia chi söüka giaüphi nhaí.

Tuý thö, LyüSó Khieñ vañ: Coñ hoà vi nañg, NõãVuõvi ñeàquyeá, Bao Quan vi long, Ngöu Ai vi hoà Bang Sanh vi thæ Nhö Yüvi khuyeñ, Huynh Mãñ vi ngoan, Nghi Voõvi mieá, Nãñg Ngañ vi ngöu, TöøBaüvi ngö, Linh Hãñ vi ñieñ, Thö Sanh vi xaø

Oãhoá Kætañ ö Nho thö giaüñhö thöü phi Thích thö sañg vi thöüthuyeaí daø

Hoàng Mãñ vañ: Thañ kieñ saü trö döng giaü lañ chung ngoã ñhà taü trö döng minh.

Coñhañ vò chí baø hoà vi hoà Trình töüvò thañ kieñ thoñ dañ hoà vi hoà töidañ hoñhañ kyögia, thöë kyötrö. Coákim thöüloaí thañ ñhà, theañhañ du baí tín hyø

Trang Chu vieá: Vañ vañ xuaá ö cô nhañ ö cô. CoñNghò vieá: Hoà vi dò loaí heá dieü khaütüè hoañ.

Khoàng töüvieá: Nguyeñ thuý phañ chung, coátri sanh töü chi thuyeaí. Tín tö ngoñ daø taé tri nhañ höü thöüthañ baí khaüdó thöông baü, boá thieñ xu aü baí mieñ vi dò loaí daø

玄宗直指云。人用禽獸心，死必爲禽獸。生用人天心，死必歸人天。此乃不易之理也，何謂無輪迴。

靜齋學士云。聰明不能敵業，富貴豈免輪迴。

由是推之則三教皆言此事。豈可以目前未見而不信也。

故佛慈悲廣大之心，示五乘之教。人乘者，教人持五戒而常獲人身，不墮於異類也。天乘者，教人修十善而報得天身，不止於爲人也。

後之三乘者教人由聲聞，緣覺，以至於佛道。永斷生死輪迴，歸于淨土，常住不滅，證無上覺，還度眾生也。

吁。天下之大道遠理，孰有過於此哉。

Huyề̀n Tông trồ̀c chạ̀vaân: Nhaân duõng caàn thuùtaâm, tồ̀i taí vi caàn thuùSanh duõng nhaân thieân taâm, tồ̀utaí quy nhaân thieân. Thồ̀unaõ baí dòch chi lyùdaõ haovò voáluân hoả?

Tónh Trai hoř só vaân: Thoõng minh baí naõng ñòch nghiệ̃p, phuỳquyỳkhôũ mieñ luañ hoả.

Do thò suy chi, taé Tam giaõ giai ngoãn thồ̀sõĩ khôũ khai dó muĩ tieñ vò kieñ nhi baí tín daĩ

CoáPhaĩ dó tồ̀bi quañg ñaĩ chi taâm, thò nguõthồa chi giaõ. Nhaân thồa giaũ giaõ nhaân trì nguõgiõũ nhi thồõng hoảch nhaân thañ, baí ñoã ò dò loai daõ Thieân thồa giaũ giaõ nhaân tu thaĩp thieñ nhi baũ ñaé thieñ thañ, baí chạõ vi nhañ daõ

Haũ chi tam thồa giaũ giaõ nhañ do Thanh vañ, Duyeñ giaũ, dó chí ò Phaĩ ñaũ, vónh ñoãñ sanh tồ̀luañ hoả, quy vu Tòn ñoã thồõng trui baí dieĩ, chòmng Voãthồõng giaũ, hoan ñoãchùng sanh daõ

Hu! Thieñ haĩ chi ñaĩ ñaũ vieñ lyù thuĩ hõũ quauõ thồ̀ tai!

12. Nói về địa ngục, luân hồi và súc sanh

(Trích từ các sách của Nho gia)

Đời nhà Tùy, khoảng niên hiệu Khai Hoàng (589-604), có ông Triệu Văn Xương giúp việc cho chùa Thái Phủ, chết rồi sống lại kể rằng: “Có người dẫn tôi đến chỗ vua *Diêm-la*, vua hỏi: ‘Trọn một đời qua có làm được phước nghiệp gì không?’ Tôi đáp: ‘Nhà nghèo không thể làm được công đức gì, chỉ biết trì tụng kinh *Kim cang Bát-nhã*⁽¹⁾ mà thôi.’ Vua nghe xong chấp tay khen rằng: ‘Lành thay! Công đức rất lớn!’ Liên tha cho sống lại. Vua lại sai người dẫn đến trước cửa phía nam, nhìn thấy Chu Võ đế⁽²⁾ ở trong một căn phòng, chỗ gần cửa ra vào, xiềng xích vây quanh đến ba lớp. Võ đế gọi tôi nói rằng: ‘Ông về nhà nhớ đến nói với Tùy Hoàng đế⁽³⁾ rằng: Các tội của ta đều xử xong rồi, chỉ còn tội diệt Phật pháp rất nặng nên chưa dứt được. Xin vua hãy vì ta tạo nhiều công đức, giúp ta được ra khỏi địa ngục.’

⁽¹⁾ Kinh Kim cang Bát nhã: tức kinh Kim cang, tên đầy đủ là Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật kinh.

⁽²⁾ Chu Võ đế: một trong Tam Võ Nhất tông phá Phật. Tam võ là Thái Vũ đế (Bắc Ngụy), Chu Võ đế (Bắc Chu) và Đường Võ đế. Nhất tông là Thế tông của nhà Hậu Chu. Chu Võ đế khởi nghiệp từ năm 559, có Vũ Văn Hộ giúp sức. Đến năm 572 thì giết Vũ Văn Hộ, tự nắm quyền chính, đặt niên hiệu là Kiến Đức. Hai năm sau (574) thì bắt đầu phá hoại Phật pháp. Pháp nạn này kéo dài cho đến năm 577. Bắc Chu diệt vong năm 581, như vậy cho đến thời điểm xảy ra câu chuyện Triệu Văn Xương ít nhất cũng khoảng 10 năm rồi.

⁽³⁾ Tùy Hoàng đế: tức Tùy Văn đế, tên Dương Kiên, trước làm quan nhà Bắc Chu, được phong tước Tùy công, đến năm 589 thì diệt nhà Bắc Chu, tự xưng làm Hoàng đế, đặt niên hiệu là Khai Hoàng. Câu chuyện này xảy ra khi Tùy Văn đế còn tại vị, như vậy là trong khoảng từ năm 589 đến năm 604, vì vào năm này thì Tùy Văn đế bị Thái tử Quảng giết chết.

“Khi tôi ra ngoài cửa thành, thấy một hầm phần lớn, từ bên dưới thấy có một cái đầu tóc nhô lên, liền hỏi người dẫn đường: ‘Ai đó vậy?’ Người ấy đáp rằng: ‘Đó là tướng nước Tần tên Bạch Khởi,⁽¹⁾ chịu tội đến nay chưa dứt.’”

Triệu Văn Xương được sống lại trở về rồi, liền đem chuyện ấy tâu lên Tùy Văn đế. Vua liền sắc chư tăng ni trong thiên hạ vì Chu Võ đế mà trì tụng kinh Kim cang, lập trai đàn cúng thí rất lớn. Nhân đó sai chép chuyện này vào sử nhà Tùy.

Trong *Cảm ứng phú* có chép việc Sư Tín⁽²⁾ đọa xuống địa ngục làm con rùa chín đầu. Là vì Sư Tín khi sống thường dùng lời phù phiếm, láo xược mà bài xích đạo Phật, nên phải chịu báo ứng như vậy. Đến khi hối lỗi thì đã muộn rồi!

Sách *Danh thần ngôn hạnh lục*⁽³⁾ có chép việc Vương Kinh Công có đứa con tên Bàng, làm nhiều việc chẳng lành. Phạm những việc xấu trái với đạo lý mà ông Kinh Công phạm vào, phần lớn đều do nơi Bàng. Sau khi Bàng chết, Vương Kinh Công mơ hồ nhìn thấy con mang gông sắt đứng bên cửa. Do đó mới sửa sang căn nhà đang ở thành một ngôi chùa, vì con mà cầu phước đức hướng về cõi âm, mong cho con thoát khỏi khổ nạn.

⁽¹⁾ Bạch Khởi: tướng nước Tần thời Chiến quốc (403-221 trước Công nguyên). Bạch Khởi có tài dùng binh, đánh dẹp trên bảy mươi thành, giết không biết bao nhiêu mạng người.

⁽²⁾ Sư Tín tên tự là Tử Sơn, người xứ Tân Dã, sống vào đời Nam Bắc triều, làm chức Hữu vệ tướng quân vào đời Nguyên đế nhà Lương (552-554). Ông là người học rộng, có tài văn chương, nhưng thường lạm dụng để viết ra nhiều điều xảo mị, lừa gạt người khác.

⁽³⁾ *Danh thần ngôn hạnh lục*: bộ sách gồm Tiên tập 10 cuốn, Hậu tập 14 cuốn, do Châu tử đời Tống soạn; lại có Tục tập 8 cuốn, Biệt tập 26 cuốn, Ngoại tập 17 cuốn do Lý Ấu Võ soạn.

Lấy đó làm bằng chứng thì thấy trong sách của nhà Nho vốn đã có nói về địa ngục rồi. Vậy mà lại nói thuyết địa ngục của đạo Phật là không có, vì sao không chịu suy xét?

Nam sử⁽¹⁾ có chép việc Lương Võ đế⁽²⁾ nằm mộng thấy vị tăng chột mắt cầm cái lư hương nhỏ đi vào trong nội cung, dường như có ý thác sanh vào cung vua. Sau khi vua tỉnh giấc thì trong hậu cung vừa sanh được một hoàng tử. Hoàng tử ấy từ nhỏ đã đau mắt, chữa trị không dứt được, cuối cùng cũng mù một mắt, sau là Nguyên đế.⁽³⁾

Sách *Danh thân ngôn hạnh lục* lại có chép việc ông Phạm Tổ Vũ khi sắp sanh ra thì người mẹ nằm mộng thấy một người đàn ông cao lớn đứng bên cạnh nói rằng: “Tôi là tướng nhà Hán, tên Đặng Vũ.” Sau khi bà tỉnh giấc liền sanh ra đứa con trai, mới đặt tên là Tổ Vũ. Vì trước kia ông Đặng Vũ là người có đủ các nét tốt, nên sau đó bà mới đặt tên tự cho con là Thuận Phu.

Lại như trong các sách sưu tập truyện tích, tạp sự, còn ghi chép những chuyện như Bào Tịnh nhớ cái giếng đời trước, Dương Hồ biết được chiếc vòng đời trước, đứa con gái của Hương Tĩnh⁽⁴⁾ chết rồi tái sanh, hỏi cha mẹ tìm

(1) *Nam sử*: bộ sách đời Đường, do Lý Diên Thọ soạn, gồm 80 cuốn, chép việc từ nhà Tống đến hết nhà Trần, cộng là 170 năm. Ngoài ra còn có bộ *Bắc sử* 100 cuốn, chép việc từ nhà Tùy, cộng là 242 năm.

(2) Lương Võ đế: một vị vua rất sùng tín đạo Phật, trị vì từ năm 502 đến năm 549. Chính ông là người đã sai sứ tiếp đón Tổ Bồ-đề Đạt-ma vào năm 520 khi ngài vừa mới đến Trung Hoa.

(3) Nguyên đế: lên ngôi năm 552 và cầm quyền đến năm 554. Sau khi Võ đế gặp loạn Hậu Cảnh thì Giản Văn đế lên nối ngôi, trị vì trong 2 năm rồi mới đến Nguyên đế kế vị.

(4) Hương Tĩnh người đời Tấn, có đứa con gái nhỏ bị bệnh. Khi ấy đứa bé cầm một con dao nhỏ mà chơi. Người mẹ giật dao lại chẳng cho nàng cầm, nàng giữ lại làm mẹ bị đứt tay. Sau bệnh không khỏi, bé gái chết. Được một năm sau, người mẹ lại sanh ra một đứa con gái nữa. Đến năm bốn tuổi, bé gái ấy hỏi mẹ rằng: “Con dao hồi trước của con, nay ở đâu?” Người mẹ đáp rằng không biết. Đứa bé nhắc: “Ngày trước, vì giành con dao mà mẹ đứt

lại con dao, và Văn Đạm thác rồi sống lại, nói chuyện bao hương để chứng minh cho cha biết.

Lấy đó làm bằng chứng, trong sách sử của Nho gia vốn đã có nói đến việc luân hồi. Vậy mà lại nói thuyết luân hồi của đạo Phật là sai trái, vì sao không chịu suy xét?

Các thuyết về địa ngục, luân hồi đã nói qua như vậy, còn như việc chết rồi mà hóa thành súc sanh cũng được ghi chép không ít trong các sách của Nho gia.

Trong *Tùy thư*, Lý Sĩ Khiêm⁽¹⁾ có ghi lại những việc ông Cồn hóa làm con nãng,⁽²⁾ Đỗ Vũ hóa làm con đề quyết,⁽³⁾ Bao Quần hóa rồng, Ngưu Ai làm cạp,⁽⁴⁾ Bành Sanh hóa thành heo,⁽⁵⁾ Như Ý làm chó,⁽⁶⁾ Hoàng mẫu làm trạnh,⁽⁷⁾

tay, sao lại nói rằng không biết?” Bà mẹ lấy làm kinh ngạc, bèn đưa ra một lúc nhiều con dao để thử. Đứa bé chọn đúng ngay con dao ngày trước nó cầm chơi. Như vậy, rõ ràng đứa bé đã tái sanh.

(1) Lý Sĩ Khiêm tên tự là Nhượng Chi, làm chức Tham quân ở phủ Khai Phong vào đời Tùy (589-617), nhà rất giàu có, thường ra sức cứu giúp người khốn khó. Một hôm, nằm mộng thấy có người mặc áo đỏ bảo rằng: ‘Trời xét ông là người có đức, sau này sẽ được báo đáp.’ Nói xong, biến mất. Về sau, Lý Sĩ Khiêm thọ đến trăm tuổi, con cháu đều được làm quan.

(2) Sách *Tả truyện* chép việc ông Cồn làm quan trị thủy vào đời vua Nghiêu (2367-2256 trước Công nguyên), do việc trị thủy không thành bèn tự gieo mình xuống núi mà chết, hồn phách hóa làm con nãng vàng (có hình dáng tương tự như con rồng), đi xuống dưới vực sâu.

(3) Đề quyết: tên khác của chim đỗ quyên, một loài chim ăn đêm có tiếng kêu nghe buồn thảm, thường gọi là chim cuốc.

(4) Sách *Hoàn nam tử* có chép việc Ngưu Ai mang bệnh bảy ngày, sau hóa làm cạp. Người anh của ông bước vào cửa phòng bị ông vô ý chết.

(5) Đời Chiến quốc, Trang công trong khi vào yết kiến Tề hầu có qua một vùng đồi núi. Người hầu bỗng nhìn thấy công tử Bành Sanh là người đã bị ông hại chết trước đó, liền kêu lớn: ‘Công tử Bành Sanh kia!’ Trang công nhìn về phía trước, thấy một con heo rất lớn, bèn nổi giận quát to rằng: ‘Bành Sanh dám hiện ra đi!’ Tức thì con heo hiện ra hình người, đứng dậy kêu lớn. Trang công sợ quá, té xuống xe, bị thương nơi chân.

(6) Triệu vương tên Như Ý, là con thứ của vua Hán Cao tổ (206-195 trước Công nguyên) với Thích phu nhân. Bà Lữ Hậu vợ vua Hán Cao tổ sai người đầu độc giết ông Như Ý, hồn phách ông hóa làm con chó xanh.

(7) Sách *Tục Hán thư* có chép việc Hoàng mẫu là người xứ Giang Hạ, sống vào đời vua Linh đế (168-189). Một hôm bà đi tắm, lặn xuống rất sâu mà

mẹ ông Tuyên Võ làm con ba ba,⁽¹⁾ Đặng Ngãi làm bò, Từ Bá làm cá, Linh Hạ làm chim, Thư Sanh làm rắn...

Ôi! Những chuyện ấy vốn chép ở sách Nho, chẳng phải do đạo Phật nói ra.

Ông Hồng Mại⁽²⁾ có nói: “Chính tôi từng thấy những kẻ giết heo, dê, tới lúc lâm chung nằm lăn dưới đất cất tiếng kêu la giống như heo, dê...”

Người xưa nói: “Những kẻ hung bạo hết sức thì hóa làm cọp.” Trình tử nói: “Chính tôi từng thấy một người dân làng hóa làm cọp, lại dẫn con cọp khác về nhà bắt lợn ăn.”

Những chuyện như vậy, xưa nay từng có rất nhiều, sao người đời chẳng chịu tin?

Trang Châu⁽³⁾ nói: “Vạn vật sanh ra do lẽ trời, cũng trở về theo lẽ trời.” Cổ Nghi nói: “Người hóa thành loài khác cũng không đáng lo.” Khổng tử dạy rằng: “Xét từ chỗ cội nguồn cho đến tận cùng, nên biết được thuyết sanh tử.” Tin được lời ấy thì biết rằng người ta không thể giữ mãi cái thân này. Nếu ngược với điều lành, thuận theo điều ác thì không thể tránh khỏi phải làm súc sanh!

Sách *Huyền tông trực chỉ* nói: “Người có lòng dạ như thú vật, khi chết ắt phải làm thú vật. Kẻ sống có tình người, thuận đạo trời, khi chết ắt sanh trong hai cõi trời,

không thấy trở lên, hóa làm con trạch.

⁽¹⁾ Vào đời nhà Hán, mẹ ông Tuyên Võ ở xứ Đan Dương, được tám mươi tuổi. Một hôm, bà xuống ao tắm rồi hóa thành con ba ba. Bốn anh em ông Tuyên Võ mới đóng cửa đào một cái ao trong nhà, thả ba ba xuống đó nuôi. Mấy ngày sau, con ba ba ló đầu lên, ngó bốn hướng, thấy gần cửa có một khoảng trống nhỏ, liền chui qua đó mà đi ra, rồi đi luôn không trở lại nữa.

⁽²⁾ Hồng Mại tự là Cảnh Lự, giữ chức Hàn Lâm học sĩ vào đời vua Tống Cao tông (1161), Ông là người có học lực tinh thông, soạn sách *Dung trai tùy bút*.

⁽³⁾ Trang Châu: tức Trang tử, tác giả *Nam hoa kinh*.

người.” Đó là lẽ thật không thay đổi, sao nói rằng chẳng có luân hồi?

Tĩnh Trai học sĩ nói: “Dù thông minh cũng không thể chống lại nghiệp lực, dù giàu sang cũng không thể thoát khỏi luân hồi.”

Theo như trên mà suy ra thì Tam giáo đều có nói về việc này, lẽ nào chỉ vì chưa thấy tận mắt mà không tin hay sao?

Cho nên, đức Phật mở lòng từ bi rộng lớn, chỉ bày giáo pháp năm thừa. *Nhân thừa* dạy người giữ theo *Năm giới*,⁽¹⁾ nhờ đó thường được sanh làm người, không phải đọa làm thân súc sanh. *Thiên thừa* dạy người tu tập *Mười điều lành*,⁽²⁾ nhờ đó được sanh lên các cõi trời, không ở mãi trong cõi người. Ba thừa sau nữa là *Thanh văn thừa*, *Duyên giác thừa* cho đến *Phật thừa*, nhờ tu tập theo đó mà dứt trừ vĩnh viễn sanh tử luân hồi, sanh về Tịnh độ, được thường còn không diệt mất, chứng đắc trí huệ Vô thượng, trở lại cứu độ chúng sanh.

Ôi! Chân lý cao xa của đạo lớn trong thiên hạ cũng không ngoài những điều này!

⁽¹⁾ Năm giới: tức Ngũ giới, bao gồm: không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

⁽²⁾ Mười điều lành, tức Thập thiện đạo, bao gồm: 1. Không sát sanh, thường làm việc tha thứ và phóng sanh; 2. Không trộm cắp, thường tu hạnh bố thí, giúp đỡ, san sẻ với mọi người; 3. Không tà dâm, luôn giữ lòng chung thủy một vợ một chồng; 4. Không nói dối, luôn nói lời chân thật; 5. Không nói trau chuốt, thô tục, thường nói những lời có ý nghĩa, có ích lợi; 6. Không nói đâm thọc, gây chia rẽ, thường nói những lời tạo ra sự đoàn kết, thương yêu nhau; 7. Không nói lời độc ác, gây tổn hại, thường nói những lời ôn hòa, nhu thuận; 8. Không tham lam, luôn quán xét rằng mọi thứ của cải vật chất đều chỉ là giả tạm, không thường tồn; 9. Không sân nhuế, thường tu tập hạnh từ bi, nhẫn nhục; 10. Không ngu mê, tà kiến, thường sáng suốt tu tập theo chánh kiến.

辯明升降托胎

或曰。釋氏言投胎托生者，言升降輪轉者，此等之言，誠為可惡，詎可信之。世間愚夫愚婦被他所惑。讀書智者不被其惑哉。

一元曰。子是博覽智人耶。

或曰。然。

一元曰。子是智人，則能窮通萬物之理。乞將二事剖斷之。

或曰。懷胎生產之事，必從夫妻交感而生，焉有外來投胎者。縱然有之，要見從何處來，從何處入。所言投胎托生者，決不可信矣。

所言升降輪轉者，實無此事。設事有之，何不人生其畜，畜生其人。只見人生人，畜生畜焉。斷此二事必不可信。

一元笑曰。子既稱為智者，不應自昧其心。山僧雖是愚陋，不被子之所瞞。

或曰。師若達理，何不為我詳說之。

Biện minh thăng giáng thác thai

Hoặc viết: Thích thờ ngôan ãnài thai thàù sanh giâu ngôan thaêng giàng luaân chuyêñ giâu thôũñaêng chi ngôan thanh vi khaôoạ cõi khaùtín chi, Theagian ngu phu ngu phũibò tha sôu hoặ, ãoã thõ trí giaũbaá bò kyøhoặ tai.

Nhấ Nguyêñ viết: Tôũthò bàù laõn trí nhaân da?

Hoặ viết: Nhieñ.

Nhấ Nguyêñ viết: Tôũthò trí nhaân, táe naêng cung thaêng vañ vaá chi lýù khaá töông nhò sõi phaũ ãoam chi.

Hoặ viết: Hoặ thai sanh sañ chi sõi tá tưng phu theá giao cañ nhi sanh, yeñ hõũ ngoã lai ãnài thai giãũ Tưng nheñ hõũ chi, yeá kieñ tưng haõxõulai, tưng haõxõunhaõp. Sõungoan ãnài thai thàù sanh giâu quyêá baá khaùtín hyõ

Sõungoan thaêng giàng luaân chuyêñ giâu thã voáthõusõi Thiế sõi hõũ chi, haõbaá nhaân sanh kyøsuè, suè sanh kyø nhaân, chàkieñ nhaân sanh nhaân, suè sanh suè yeñ? Ñoam thõu nhò sõi tá baá khaùtín.

Nhấ Nguyêñ tiế viết: Tôũkyùxõng vi trí giâu baá õng tõi muoã kyøtañ. Sõn taêng tuy thò ngu laũ, baá bò tõi chi sõi man.

Hoặ viết: Sõ nhõõc ãat lýù haõbaá vò ngaõttõõng thuyêá chi?

一元曰。然。吾語汝，汝當諦聽焉。子言投胎托生皆從交感而有。世間無子之人，多取妻妾以交感，而終身竟無一箇兒女者。何耶。

要知投胎托生必假內外因緣，方得成就。云何內外因緣。本人宿業為內因，父母遺體為外緣。內外因緣和合而有。若無宿業自因，終不托胎。何以故。父母猶如水土，神識猶如種子。若無種子決定不生。

子不信有外來投胎之事，設使有之，要見從何處來，從何處入。我今再將喻法，為子決疑。譬如人在深房閨閣之內，有花香從外而來。其人聞之，宛然可見，且花香亦無形相，亦無隔礙，時風送來為自然耳。

神識投胎亦復如是。况神識亦無形相，亦不隔礙，業風吹來亦自然耳。

猶如人之妄想，有甚隔礙亦如夢中之事，與覺時則同。况夢亦無形相，亦不隔礙皆為自然耳。

Nhà Nguyễn viết: Nhiên, ngoài hồn họ hồn ông nên tính yên. Tồn hồn này thai thai sanh, giai tung giao cảm nhi hữu. Thế gian vô tử chi nhân, nã thuê thể tiếp đó giao cảm, nhi chung thân cảm vô nhữ chi nhi tử? Hả?

Yếu trí này thai thai sanh, tại giả nội ngoại nhân duyên, phòng nã thanh tồn. Vô nhân ngoại nhân duyên? Bản nhân từ nghiệp, vì nội nhân. Phu mẫu di thể vì ngoại duyên. Nội ngoại nhân duyên hòa hiệp nhi hữu. Nếu vô tử nghiệp tồn nhân, chung bất thai. Hả có? Phu mẫu do nhờ thuyết thọ thân thọ do nhờ chung tồn Nếu vô chúng tồn quyết nên bất sanh.

Tồn bất tin hữu ngoại lai này thai chi sở thể sở hữu chi, yếu kiến tung hạo lai, tung hạo nhập. Ngoài kim tại tông đối pháp, vô tồn quyết nghi. Thí nhờ nhân tại thân phong hương chi nội, hữu hoa hồng tung ngoại nhi lai. Kỳ nhân văn chi, duyên nhiên khai kiến, thái hoa hồng diệt vô hình tồn, diệt vô cảnh ngại, thọ phong thọ lai, vì tồn nhiên nhữ.

Thân thọ này thai, diệt phu nhờ thọ Hạo thân thọ diệt vô hình tồn, diệt bất cảnh ngại, nghiệp phong xuy lai, diệt tồn nhiên nhữ.

Do nhờ nhân chi vọng tồn, hữu thân cảnh ngại. Diệt nhờ mộng trung chi sở đối giả thọ thọ nã. Hạo mộng diệt vô hình tồn, diệt bất cảnh ngại, giai vì tồn nhiên nhữ.

神識投胎亦復如是。要知胎腹與屋舍不別。神識投胎如人進屋，乃自然耳。

或曰。屋舍甚大，胎腹極小，奚能藏得身乎。

一元曰。神識，乃是無相之靈性。靈性能大能小。大則無邊際，小則看不見。入胎腹不以爲小，入屋舍不以爲大。此乃自然之理，何必懷疑。

子又言。人生人，畜生畜，焉有升降輪轉之事乎。設使有之，何不人生其畜，畜生其人。此之無知之言，愚癡極甚。

譬如士之求官，必從官求。離官而得者，無有是處。且夫人形是一，欲爲三教百家之業，必須各從其類而得之。離類而得之，無有是處。

亦如神識是一，皆由造作不同，遂使投胎有異。投人胎則爲人。投畜胎則爲畜。豈可言其人生畜，畜生人哉。

亦如水性是一，落在諸處，因處得名。又如金性是一，造作衆器，因器類相。神識升降托胎亦復如是。

Thần thòu ñàù thai, dieä phuä nhö thò. Yeäu tri thai phuä döõoä xaùbaä bieä. Thần thòu ñàù thai nhö nhân taän óä, naõ töi nhieän nhö.

Hoäc vieä: Oä xaùthaän ñäi, thai phuä cöc tieäu, heänäng tang ñäc thaän hoä?

Nhaä Nguyêän vieä: Thần thòu naõ thò voätöông chi linh tành. Linh tành näng ñäi näng tieäu. Ñäi taé voäbieän teä tieäu taé khäm baä kieän. Nhaõp thai phuä baä dö vi tieäu, nhaõp óä xaù baä dö vi ñäi. Thöünaõ töi nhieän chi lý haøtaä hoä nghi.

Töühöü ngoän: Nhân sanh nhân, suä sanh suä, yeän höü thaäng giäng luaän chuyeän chi söi hoä? Thieä söühöü chi, haø baä nhân sanh kyøsuä, suä sanh kyønhaän? Thöüchi voättri chi ngoän, ngu si cöc thaän.

Thí nhö só chi caäu quan, taä tung quan caäu. Ly quan nhi ñäc giaü voähöü thò xöü Thaüphuønhaän hình thò nhaä, duä vi Tam giaü baüh gia chi nghiäp, taä tu caäu tung kyøloäi nhi ñäc chi. Ly loaï nhi ñäc chi, voähöü thò xöü

Dieä nhö thaän thòu thò nhaä, giai do taä taä baä ñoäng, toai söüñaù thai höü dö. Ñàù nhân thai taé vi nhân, ñàù suä thai taé vi suä. Khöü khaüngoän kyønhaän sanh suä, suä sanh nhân tai?

Dieä nhö thuyä tành thò nhaä, läc taä chö xöü nhân xöüñaé danh. Höü nhö kim tành thò nhaä, taä taä chüng khí, nhân khí loaï töông. Thần thòu thaäng giäng thaü thai, dieä phuä nhö thò.

或曰。師言明矣。

一元曰。復有多種受胎，不及盡述。二事之義，略說如斯。所言成形之事，非止胎生，亦有卵生者，濕生者，化生者。子讀儒書，人倫一界之事尚識未盡，焉能識十界之事乎。

或曰。何為十界。

一元曰。佛界，菩薩界，緣覺界，聲聞界，天界，人界，修羅界，餓鬼界，畜生界，地獄界。總名四聖六凡，共成十界。

若神識作佛業，生佛界，作菩薩業生菩薩界，作緣覺業，生緣覺界，作聲聞業，生聲聞界，作天業生天界，作人業生人界，作修羅業生修羅界，作餓鬼業生餓鬼界，作畜生業生畜生界，作地獄業生地獄界。

所謂神識無定，隨業受報。一見華嚴經云。

若人欲了知，
三世一切佛，
應觀法界性，
一切唯心造。

豈不然乎。

Hoặc viết: Sở ngôn minh hỹ

Nhất Nguyên viết: Phuật hõu ña chung thoithai, baá cạp tañ thuaá. Nhò söi chi nghóa, lööc thuyét nhö tö. Sôungoñ thanh hình chi söphi chæthai sanh, dieä hõu noañ sanh giaù thaþ sanh giaù hoà sanh giaù Tôũñoä Nho thö, nhañ luañ nhaá giöü chi söithöông thöü vò tañ, yeñ nañg thöü thaþ giöü chi söihoá

Hoặc viết: Hævi thaþ giöü?

Nhất Nguyên viết: Phaá giöü, BoàTat giöü, Duyeñ giaù giöü, Thanh vañ giöü, thieñ giöü, nhañ giöü, tu-la giöü, ngai quyúgiöü, suè sanh giöü, ñòu nguè giöü. Tông danh töüthanh, lüè pham, coñg thanh thaþ giöü.

Nhööc thañ thöü taù Phaá nghiëp, sanh Phaá giöü; taù BoàTat nghiëp, sanh BoàTat giöü; taù Duyeñ giaù nghiëp, sanh Duyeñ giaù giöü; taù Thanh vañ nghiëp, sanh Thanh vañ giöü; taù thieñ nghiëp, sanh thieñ giöü; taù nhañ nghiëp, sanh nhañ giöü; taù tu-la nghiëp, sanh tu-la giöü; taù ngai quyúnghiëp, sanh ngai quyúgiöü; taù suè sanh nghiëp, sanh suè sanh giöü; taù ñòu nguè nghiëp, sanh ñòu nguè giöü.

Söüvò thañ thöü voañònh, tuy nghiëp thoi baò. Baá kieñ Hoa Nghiëñ kinh vañ:

Nhược nhân dục liễu tri.
Tam thế nhất thiết Phật.
Ứng quán pháp giới tánh.
Nhất thiết duy tâm tạo.

Khöü baá nhieñ hoá

子欲明大理，必須閱藏經，究本性，方可稱爲博學有智之人，慎勿以管見窺天，反謗吾家大法。

或曰。餘雖讀書，實未能達此之理。今幸尊師開示，如闇得燈，如貧得寶。

一元曰。切不可執著小知小見，悞卻儻生死大事，還要修持淨業，願出苦輪。

先德云。

世有才人文僭絕，
可憐不遇空王說，
幾多枉負聰明心，
到底生死打不徹。

誠哉是言也。

嗚呼。吾以復引因果，勸子回頭。昔有僧明琛，通內外學，能畫蛇，作常山蛇勢，并作蛇論。生身變爲蛇。

李伯時，畫馬，作打鞦馬勢，活現馬形。

驗此二事，顯明念佛定成佛，求生淨土，定生淨土。子何不以念佛爲心，求生淨土哉。

或曰。謹遵師命，當以修持。禮敬殷勤，辭謝而退。

Tồuduē minh ñāi lỵ tu đuyē tãng kinh, cồu bôn tành, phồông khaũxông vi bàu hơc hõu trí chi nhān. Thān vāi dó quān kiến khuy thieñ, phān bāng ngoāgia ñāi phāp.

Hoāc việc: Dồ tuy ñoā thõ, thāi vi naēng ñāi thõuchi lỵ Kim hành toān sớ khai thò, nhõ àm ñāc ñāng, nhõ bān ñāc bāu.

Nhāi Nguyēn việc: Thiệc bāi khaũchāp trồu tiēu trí tiēu kiến, ngoākhõuē neāsanh tồñāi sớ Hoām yeā tu trì tành nghiēp, nguyēn xuāi khoāluān.

Tieñ ñõu vān:

Thế hữu tài nhân văn tiếm tuyệt.

Khả lân bất ngộ không vương thuyệt.

Kỷ đa uổng phụ thông minh tâm.

Đáo để sanh tử đã bất triệt.

Thanh tai thò ngoān đāo

Oāhoā ngoā dó phũc đān nhān quāi khuyēn tồuhoā ñāu. Tịch hõu tãng Minh Sām, thōng noā ngoāi hơc, naēng hoā xāo tào thõōng sôn xāothēi tành tào xāoluān, sanh thān biến vi xāo

LỵBàuThõi hoā mǎo tào ñāucoān mǎothēi hoāi hiēn mǎo hình.

Nghiēn thõnhò sớ hiēn minh niēn Phāi ñõnh thanh Phāi; cāu sanh Tành ñoā ñõnh sanh Tành ñoā Tõuhaōbāi dó niēn Phāi vi tâm, cāu sanh Tành ñoātāi?

Hoāc việc: Cān tuān sớ mǎng, ñõōng dó tu trì. Leākính ān cān, tồtānhi thōi.

13. Nói về việc đầu thai thác sanh luân chuyển

Có người bảo: “Đạo Phật nói việc đầu thai thác sanh luân chuyển lên xuống, lời ấy thật đáng ghét, sao có thể tin được? Chỉ những kẻ ngu muội ở thế gian mới bị mê hoặc, hàng trí giả đọc sách ắt không thể bị dối gạt.”

Nhất Nguyên hỏi: “Thế ông có phải thuộc hàng trí giả đọc sách biết rộng đó chăng?”

Đáp: “Phải.”

Nhất Nguyên nói: “Ông là trí giả, ắt có thể thông suốt đến tột cùng cái lý của vạn vật. Xin ông phân tích rõ hai việc ấy.”

Người kia nói: “Việc mang thai và sanh sản ắt là do nơi vợ chồng giao cảm mà có, làm sao lại có cái chi ở bên ngoài đầu thai vào? Ví như có đi nữa, thì cũng phải thấy được là từ đâu mà đến, từ đâu mà vào? Nên nói rằng có việc đầu thai thác sanh thì quyết không thể tin được.”

“Còn nói rằng có việc luân chuyển lên xuống, việc ấy thật không có. Ví như có việc ấy, tại sao người chẳng sanh ra thú vật, thú vật chẳng sanh ra người, chỉ thấy người sanh người, thú sanh thú mà thôi? Xét hai việc ấy ắt là không thể tin được.”

Nhất Nguyên cười mà nói rằng: “Ông đã nhận là hàng trí giả thì chẳng nên tự làm mê muội lòng mình. Lão tăng ở núi này tuy là quê mùa ngu dốt, nhưng chẳng thể bị ông lừa dối.”

Người kia nói: “Nếu thầy thông suốt lý ấy, sao không giảng rõ cho tôi nghe?”

Nhất Nguyên đáp: “Được, tôi sẽ nói, ông hãy lắng nghe cho kỹ. Ông vừa nói rằng việc đầu thai thác sanh đều là do nơi sự giao cảm mà có, nhưng ở đời có những kẻ không con, dù đã lấy rất nhiều vợ, đều có giao cảm, mà trọn đời cũng không có con cái. Tại sao vậy?”

“Nên biết rằng, trong việc đầu thai thác sanh, ắt phải do đủ nhân duyên trong ngoài mới được thành tựu. Thế nào là nhân duyên trong ngoài? Nghiệp lực của mỗi người, đó là nhân bên trong. Hình thể cha mẹ ban cho, đó là duyên bên ngoài. Nhân duyên trong ngoài hòa hợp mà có. Nếu không có nghiệp đời trước làm nhân, thì không thể có việc thác sanh. Vì sao vậy? Cha mẹ ví như nước và đất, thần thức ví như hạt giống. Nếu không có hạt giống, chắc chắn không thể có sự nảy sanh.”

“Ông không tin có cái chi ở ngoài vào mà đầu thai và thác sanh; và ví như có thì cũng phải thấy được từ đâu mà đến và từ đâu mà vào. Nay tôi lại đưa ra một ví dụ để dứt lòng nghi cho ông. Ví như có người đang ở trong phòng kín, có mùi hoa thơm từ ngoài bay vào. Người ấy nghe mùi hương, dường như thấy được vậy. Nhưng hương hoa vốn không hình tướng, cũng không bị ngăn ngại, gió thoảng đưa nó đến là tự nhiên vậy thôi.”

“Thần thức đầu thai cũng giống như vậy, cũng không có hình tướng, cũng không bị ngăn ngại, cũng do ngọn gió nghiệp thổi đến, cũng là tự nhiên vậy thôi. Lại như những ý tưởng lan man trong tâm người, chúng có ngăn ngại gì đâu? Lại như những việc xảy ra trong mộng, so với lúc

tĩnh thức thì cảm nhận cũng giống nhau, mà mộng cũng không có hình tướng, cũng không bị ngăn ngại, cũng đều là tự nhiên vậy thôi.

“Thần thức đầu thai cũng giống như vậy. Nên biết rằng, bào thai với nhà ở chẳng khác gì nhau. Thần thức đầu thai ví như người ta đi vào nhà, cũng là tự nhiên vậy thôi.”

Người kia hỏi: “Nhà thì rất lớn, bào thai thì rất nhỏ, làm sao dung chứa được cái thân?”

Nhất Nguyên đáp: “Thần thức là tánh linh không hình tướng. Linh tánh ấy có thể lớn lên hay nhỏ lại. Khi lớn thì không có bờ bến, khi nhỏ thì nhìn không thấy được. Thế nên khi vào bào thai không thấy là nhỏ, khi vào nhà ở cũng chẳng cho là lớn. Đó là lẽ tự nhiên, sao phải hoài nghi?”

“Ông lại nói rằng, người sanh ra người, thú sanh ra thú, làm gì có việc luân chuyển lên xuống? Ví như có, thì tại sao người chẳng sanh ra thú vật, thú vật chẳng sanh ra người? Đó là lời nói của kẻ không biết, hết sức ngu si! Ví như kẻ sĩ muốn làm quan, ắt phải tìm cầu nơi cửa quan. Nếu rời bỏ cửa quan mà được làm quan, thật là vô lý! Và lại, như con người tuy hình thể giống nhau, nhưng muốn theo các nghề nghiệp khác nhau đều phải tùy theo từng chỗ thích hợp mới được. Như tìm cầu không đúng nơi mà được thì thật là vô lý!”

“Thần thức cũng vậy, đều là giống nhau, do chỗ tạo nghiệp khác nhau nên có sự đầu thai khác nhau. Vào thai người thì làm người, vào thai thú thì làm thú, sao có thể nói rằng người sanh ra thú, thú sanh ra người?”

“Cũng như tính chất của nước vốn là như nhau, nhưng tùy theo chỗ chảy vào mà gọi tên khác nhau (như sông,

hồ, suối...). Lại như tính chất của vàng đều như nhau, làm ra các món đồ khác nhau thì có hình dáng khác nhau. Thần thức đầu thai lên xuống trong các cảnh giới cũng giống như vậy.”

Người kia thưa: “Lời thầy nói thật đã rõ ràng.”

Nhất Nguyên nói: “Lại còn rất nhiều cách thọ thai, không thể nói hết. Ý nghĩa của hai việc trên chỉ nói sơ qua như vậy.”

“Còn nói về việc thành hình, không chỉ có một cách sanh từ bào thai, còn có những loài sanh ra từ trứng, từ nơi ẩm ướt, hoặc do biến hóa mà sanh ra.⁽¹⁾ Ông đọc sách của Nho gia, chỉ riêng trong một cõi người này còn chưa biết hết, làm sao biết được việc trong Mười cảnh giới?”

Người kia hỏi: “Những gì là mười cảnh giới?”

Nhất Nguyên đáp: “Đó là cảnh giới chư Phật, cảnh giới chư Bồ Tát, cảnh giới Duyên giác, cảnh giới Thanh văn, cảnh giới chư thiên, cảnh giới nhân loại, cảnh giới *A-tu-la*, cảnh giới ngạ quỷ, cảnh giới súc sanh và cảnh giới địa ngục. Trong Mười cảnh giới này, bốn cảnh giới đầu là thuộc về bậc thánh, sáu cảnh sau là thuộc về bậc phàm.”

“Nếu thần thức làm những việc tương ứng với cảnh giới chư Phật thì sanh về cảnh giới chư Phật. Nếu làm những việc tương ứng với cảnh giới Bồ Tát ắt sanh về cảnh giới Bồ Tát. Nếu làm những việc tương ứng với cảnh giới Duyên giác, sẽ sanh về cảnh giới Duyên giác. Nếu làm những việc tương ứng với cảnh giới Thanh văn, ắt sanh về cảnh giới Thanh văn.”

⁽¹⁾ Trong kinh điển có nói đến bốn cách sanh ra này bao gồm: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hóa sanh.

“Nếu tạo nghiệp cõi trời thì sanh lên cảnh giới chư thiên. Nếu tạo nghiệp cõi người ắt sanh vào cảnh giới loài người. Nếu tạo nghiệp *a-tu-la*, sẽ sanh vào cảnh giới *a-tu-la*. Nếu tạo nghiệp ngạ quỷ, ắt sanh vào cảnh giới ngạ quỷ. Nếu tạo nghiệp súc sanh thì sanh vào cảnh giới súc sanh. Nếu tạo nghiệp địa ngục, ắt phải sanh vào cảnh giới địa ngục. Cho nên nói rằng thần thức vốn không xác định, chỉ tùy theo nghiệp mà thọ báo. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói:

*Nếu ai muốn rõ biết,
Ba đời, mười phương Phật.
Nên quán tánh Pháp giới,
Hết thấy đều do tâm.*

“Chẳng phải đúng vậy sao?”

“Nếu ông muốn thấu rõ chân lý, phải đọc qua kinh Phật, tự suy xét bản tánh, mới có thể được xem là người có trí, học rộng. Phải thận trọng chớ nên nhìn trời qua ống nhỏ⁽¹⁾ rồi chê bai Chánh pháp của đạo Phật!”

Người kia thưa: “Tôi tuy có đọc sách nhưng thật chưa đạt tới lý lẽ này. Nay may gặp được thầy mở bày chỉ bảo, khác nào như trong đêm tối có được ngọn đèn, như kẻ nghèo khổ bắt được của báu.”

Nhất Nguyên nói: “Ông chẳng nên chấp chặt lấy chỗ thấy biết hẹp hòi mà bỏ qua việc lớn sanh tử. Nên trở về

⁽¹⁾ Nhìn trời qua ống nhỏ: như người nhìn lên trời qua cái ống nhỏ, rồi cho rằng bầu trời chỉ nhỏ hẹp như những gì mình thấy, cũng tương tự như thành ngữ “ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung”. Cách nói này để chỉ những người kiến thức hẹp hòi nhưng cố chấp vào đó cho là chân lý, không thể nhận biết được những gì cao xa hơn chỗ biết của mình.

tu tập các nghiệp lành, phát nguyện được thoát ra khỏi vòng khổ não.

“Người xưa có dạy rằng:

*Những bậc tài nhân giỏi văn chương,
Thương vì chẳng gặp đấng Pháp vương.
Uổng phí thông minh không lợi ích,
Chẳng thoát khỏi tay quỷ Vô thường.*

“Lời ấy đúng lắm thay!

“Than ôi! Nay tôi sẽ dẫn vài tích xưa nhân quả để khuyên ông thức tỉnh! Xưa có một vị tăng tên Minh Sâm, học thông cả Phật pháp và các môn học thế tục. Ông thường vẽ hình rắn, chế tác ra trận thế *Thường sơn* dựa theo hình rắn⁽¹⁾ và bàn luận việc rắn. Rồi ngay khi đang sống bỗng hoá hình thành rắn!

“Lại có Lý Bá Thời thường vẽ hình ngựa, chế tác trận thế ngựa đá bánh xe. Rồi ngay khi đang sống bỗng hóa ra hình ngựa.

“Dựa vào hai việc ấy thì thấy rõ rằng: niệm Phật nhất định sẽ thành Phật, cầu sanh Tịnh độ thì nhất định được về Tịnh độ. Sao ông lại không phát tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ?”

Người kia thưa: “Xin kính cẩn vâng lời thầy dạy, sẽ lo việc tu trì.”

Rồi ân cần lễ kính, từ tạ ra về.

⁽¹⁾ Trận thế Thường sơn dựa theo hình rắn (Thường sơn xà thế): núi Thường sơn, quận Cối Kê có loài rắn rất tinh quái, bị đánh ở đầu thì dùng đuôi quật đến, bị chặn ở đuôi thì dùng đầu tấn công kẻ địch chứ không tháo chạy. Binh pháp Tôn Vũ cũng có nói đến loại trận thế dựa theo tích cách của loại rắn này, gọi là “đánh đầu thì đuôi ứng”.

辯明梁武定業

梁武一生奉佛，後至亡國喪身，何也。

無盡曰。不明定業之人，誠為可愍。昔日嵩嶽珪禪師云。佛有三能，三不能。

佛能空一切相，成萬法智而不能即滅定業。

佛能知羣有性，窮億劫事，而不能化導無緣。

佛能度一切有情而不能盡眾生界。

是謂三能三不能也。

今有心憤憤，口悻悻，聞佛似冤讐，見僧如蛇虺者，吾末如之何也。以矣。且佛尚不能化導無緣，吾如彼何哉。

議者皆謂梁武奉佛而亡國，蓋不探佛理者，未足與議也。國祚之短長，世數之治亂。吾不知其然矣。

堯舜大聖而國止一身。其禪位者，以其子之不肖，而後禪也。其子之不肖，豈天罪

Biện minh Lương Võ định nghiệp

Lông Võnhá sanh phũng Phá, háu chí vong quốc táng thân, háo đả?

Voá Tánh viét: Bá minh ñình nghiệp chi nhân, thanh vi khâu mánh. Tích háu Tung Nhá Khueá thiến số vaán: Phá hõu tam năng tam bá năng.

Phá năng không háu thiến töông, thanh văn pháp trí, nhi bá năng töu diến ñình nghiệp.

Phá năng tri quán hõu tánh, cung òu kiếp số, nhi bá năng hoà ñã vôduyên.

Phá năng ñoá háu thiến hõu tình, nhi bá năng tánh chung sanh giõu.

Thò vò tam năng tam bá năng đả

Kim hõu tánh phánh phánh, khai pháphá vaén Phá töoám thõu kién táng nhõ xáhuý giáú ngoámá nhõ chi háo đả dó hyó Thá Phá thõông bá năng hoà ñã vôduyên, ngoánhõ bá háo tá!

Nghò giáugiai vò Lông Võphũng Phá nhi vong quốc, cáu bá tham Phá lýgiáú vò tuè döônghò đả Quốc töáchí ñoám trõông, theá sóáchí trò loán, ngoá bá trí kyõnhieán hyó

Nghieáu Thúa ñã tánh, nhi quốc chá háu thân. Kyõ thiến vò giáú dó kyõ töuchi bá tieú, nhi háu thiến đả Kyõ

之歟。自開闢志至漢明帝以前，佛法未至於此，而國有遇難者，何也。

唐，張燕公所記，梁朝四公者能知天地鬼神變化之事，了如指掌，而昭明太子亦聖人之徒也。且聖人以治國治天下為緒餘耳。豈無先覺之明而慎擇可行之事以告武帝哉。蓋定業不可逃矣。

嗚呼。定業之不可作也，猶水火之不可入也。其報之來，若四時之無爽也。如西土師子尊者，此土二祖大師，皆不免也。又豈真師子，二祖哉，釋迦如來尚且不免金鏘馬麥之報，况初學凡夫哉。

蓋修也者，改往修來矣。且宿業既還已，則將來之善，豈捨我哉。今夫為女形者，實劣於男矣。遽欲奉佛而可函變為男乎。必將盡此報身而願力有待於後世乎。

梁武壽高八十有六，不為不多。以病而卒，不至大惡。但捨身之謬，以其先見禍兆，筮得乾卦上九之變。取其貴而無位，高而無民。以此自卑，欲圖弭災召禍者。梁武自謬耳，於佛何有哉。

tôuchi baá tieá, khôû thieân toā chi dö. Töikhai tòch chí Ham Minh Ñeádó tieân, Phaá phap vò chí ò thöü nhi quoa höü ngoa nãñ giaü haoda?

Ñöông, Trông Yeán Coâng sôukyüLöông trieü töücoâng giaü nañg tri thieân ñöa quyúthañ bieán hoà chí söi lieü nhö chàchöông, nhi Chieü Minh Thaü töü dieä thañh nhañ chí ñöadaö Thaüthañh giaü dó trò quoa trò thieân hai vi töi dö nhö, khôû voätieân giaü chí minh, nhi thañ traçh khaihañh chí söi dó caö Voñeátai? Caü ñöñh nghiëp baá khaüñhaö hyö

Oãhoá Ñöñh nghiëp chí baá khaütai daö do thuy hoà chí baá khaüñhap daö Kyöbaö chí lai, nhöõx töüthöü chí voäsang daö Nhö Taý ñöäSö Tôütöñ giaü thöüñöäNhö toáÑai sö, giai baá mieñ daö Höü khôû chañ Sö Tôü Nhö toátai? Thích-ca Nhö Lai thöông thaubaá mieñ kim thöông maömaçh chí baö, huóng sö hoç phañ phu tai!

Caü tu giaüdaö caü vañg tu lai hyö Thaütüñ nghiëp kyü hoam dó, taé töông lai chí thieân, khôû xaüngaötai. Kim phuo vi nööhinh giaü thaá lieä ö nam hyö Cöidüç phuñg Phaá, nhi khaüham bieán vi nam töühoä Tá töông tañ thöübaö thañ, nhi nguyëñ löç höü ñaö ö haü theáhoà

Löông Voöthöi cao baü thaü höü lüç, baá vi baá ña; dó beñh nhi toá, baá chí ñai aü. Ñañ xaüthañ chí maü, dó kyötieñ kieñ hoä trieü, pheññeäc cam quaü thöông cöü chí bieán. Thuü kyöquí nhi voävö, cao nhi voädañ. Dó thöütöity, düç ñöànöhö tai trieü hoä giaü Löông voötöi maü nhö, ö Phaá haöhöü tai.

梁武小乘根器，專信有爲之果。茲其所以不遇達磨之大法也。過信泥迹，執中無權者，亦其定業使之然乎。但聖人創法，本爲天下後世，豈爲一人設也。

孔子曰。仁者壽。而力稱回之爲仁。而回且夭矣。豈孔子之言無驗歟。蓋非爲一人而言也。梁武之奉佛其類回之爲仁乎。

侯景兵至而集沙門念摩訶般若波羅蜜者，過信泥迹而不能權宜適變也。

亦猶後漢向詡。張角作亂，詡上便宜，頗多譏刺左右。不欲國家興兵，但追將兵於河上北向讀孝經，賊則當自退滅。

又如後漢蓋勳傳，中平元年，北地羌胡與邊章等，寇亂隴右，扶風。宋梟爲守，患多寇叛，謂勳曰。涼州寡於學術，故屢多反暴。今欲多寫孝經令家家習之，庶或使人知義。

此亦用之者不善也，豈孝經之罪歟。

Lông Voõtiêu thòa cân khí, chuyêu tín hõu vi chi quau Tõ kyõsôudó baí ngoãĐạt-ma chi ñai phap đả Quaùtín neätích, chap trung voâuquyên giâu dieã kyõñõnh nghiêp sôuchi nhieân hoã Ñaõn thàn nhai saùng phap, boãn vô thieân hai haũ theá khõu vô nhai nhai thieá đả

Khoàng töuviê: Nhai giâuthoĩ nhi löc xõng Hoã chi vi nhai, nhi Hoã thaũyêu hyõ Khõu Khoàng töuchi ngoãn vô nghiêp dö? Cai phi vô nhai nhai nhi ngoãn đả Lông Voõ chi phung Phaĩ, kyõloãi Hoã chi vi nhai hoã

Haũ Caũh binh chí, nhi tap sa-moãn nieãm Ma-ha Baũ-nhaõba-la-mã giâu quaùtín neätích, nhi baí naõng quyên nghi thich bieán đả

Dieã do Haũ Ham Hõõng Huũ Trõõng Giâu taũ loãn, Huũ thõõng tieãn nghi, phaũña ky thõũtaũhõũ. Baí dưc quoa gia hõng binh, ñaõn truy töõng binh õ haõthõõng, baé hõõng ñoã Hieũ kinh, taé taé ñõõng töithoá dieã.

Hõu nhõ Haũ Ham, Cai Huaũ truyêãn, Trung Binh nguyên nieãn, baé ñõa Khõõng hoã döõBieãn Chõõng ñaõng, khai loãn Luõng Hõũ, PhoõPhong, Toãng Kieũ vi thuũ hoãn ña khai baũ, vô Huaũ viê: Lõõng chaũ quauõ hoũ thuaũ, coáluõña phaũ baõ, kim dưc ña taũHieũ kinh, linh gia gia tap chi, thõu hoã sõũnhai tri nghiã.

Thõudieã dung chi giâubaĩ thieãn đả khõu Hieũ kinh chi toã dö?

抑又安知梁武前定之業，禍不止此。由作善以損之，故能使若是之壽也。

帝嘗以社稷存亡久近問於誌公。公自指其咽示之，蓋讖侯景也。公臨滅時，武帝又復詢詰前事。誌公曰。貧僧塔壞，陛下社稷隨壞。

公滅後，奉敕造塔已畢。武帝忽思曰。木塔其能久乎。遂命撤去，改創以石塔。貴圖不朽以應其記。折塔纔畢，侯景兵已入矣。至人豈不前知耶。

如安世高，帛法祖之徒，故來畢前世之對，不遠千里自投死地者。以其定業不可逃也。如晉郭璞，亦自知其不免，況識破虛幻，視死如歸者乎。豈有明知宿有所負而欲使之避拒苟免哉。

Ồi hõu an tri Lõng Voõtiền ñõnh chi nghiệp, hoã baá chàthõu Do taù thieãn dó toãn chi, coánaõng sõnhõõc thò chi thoĩ daõ

Ñeãthõõng dó xaõtaé toãn vong cõu caãn, vaãn õ Chí công. Công töichækyõeyá thò chi, caũ saãn Haũ Caũh daõ Công laãn dieã thõu, Voõneãhõu phuõ tuaãn caũ tieãn sõi Chí Công vieã: Baãn taẽng thaõp hoã, beãhaĩ xaõtaé tuy hoã.

Công dieã haũ, phuõng saé taõ thaõp dó taá, Voõneãhoá tö vieã: Moã thaõp kyõnaõng cõu hoã Toã meãh trieã khõu caũ saõng dó thaõch thaõp. Quyũñoabaã huũ dó õng kyõkyũ Chieã thaõp taõ taá, Haũ Caũh binh dó nhaõp hyõ Chí nhaãn khõu baã tieãn tri da?

Nhõ An TheãCao, Baõch Phaõp Toãchi ñõa coãlai taá tieãn theãchi ñõa, baã vieãn thieãn lyùtõĩ ñõaũ töũõa giaũ dó kyõñõnh nghiệp baã khaũñaõ daõ Nhõ Taãn Quaũh Phaũ, dieã töi tri kyõbaã mieãn, huõng thõu phauõ huyẽn, thò töũnhõ quy giaũ hoã Khõu hõu minh tri tuè hõu sõuphuĩ nhi duõ sõuchi tĩ cõi caũ mieãn tai.

14. Biện minh định nghiệp của Lương Võ đế⁽¹⁾

Có người hỏi: “Lương Võ đế⁽²⁾ trọn đời thờ Phật, sau phải mất nước tán thân. Tại sao có việc như vậy?”

Vô Tận đáp: “Đáng thương thay cho những người không rõ định nghiệp.⁽³⁾ Thuở xưa, Khuê Thiên sư ở núi Tung Nhạc nói rằng: ‘Có ba việc Phật làm được và ba việc không thể làm được.

“Phật có thể xem tất cả hình tướng đều là không, thành tựu trí tuệ biết hết tất cả, nhưng không thể diệt trừ định nghiệp.

“Phật có thể rõ biết tâm tánh chúng sanh cùng mọi sự việc trong muôn ngàn kiếp, nhưng không thể giáo hóa những kẻ không có duyên.

“Phật có thể cứu độ hết thảy hữu tình, nhưng không thể cứu độ hết các cõi chúng sanh.⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Trích trong Hộ pháp luận của Thừa tướng Trương Thương Anh, đời Tống. Trương Thương Anh tên tự là Thiên Giác, hiệu là Vô Tận cư sĩ, người đất Thục châu. Vào đời Tống Anh Tông (1064-1085), ông thi đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Thừa tướng. Ông trước có ý muốn bài xích đạo Phật để xiển dương đạo Nho, đến khi đọc hiểu kinh Phật mới thấy được nghĩa lý sâu xa mầu nhiệm. Từ đó thường nghiên tâm Phật học, từng tham bái nhiều vị danh tăng để học đạo. Ông có soạn bộ Hộ pháp luận lưu hành ở đời. Bài này được trích ra từ Hộ pháp luận của ông.

⁽²⁾ Lương Võ đế tên là Tiêu Diễn, thuộc hoàng tộc nước Tề, cầm quân có công lớn được vua Tề phong làm Lương vương. Năm 502, ông phế vua Tề, tự lên ngôi, xưng là Lương Võ đế, mở đầu triều đại nhà Lương. Ông ở ngôi đến năm 549, được 48 năm.

⁽³⁾ Định nghiệp: nghiệp đã tạo từ trước, nay đến lúc phải thọ nhận. Vì không thể tránh né hay thay đổi nên gọi là định nghiệp.

⁽⁴⁾ Về việc thứ ba này, có nghĩa là mỗi một hữu tình đều có thể được Phật cứu độ, nhưng Phật không thể cứu độ tất cả chúng sanh trong pháp giới. Đây là sự thật, vì cho dù đã có vô số đức Phật ra đời nhưng vẫn còn có những chúng sanh chìm trong biển khổ. Các bản cũ dịch ý câu này là:

“Đó là ba việc mà Phật làm được và không thể làm được.”

“Nay có những kẻ trong lòng hừng hực, miệng ấm ức, nghe đến tiếng Phật dường như oán thù, nhìn thấy chư tăng dường như rắn rết. Đối với hạng người ấy, tôi thật chẳng biết làm sao! Cho đến Phật còn không giáo hóa được những kẻ vô duyên, thì tôi biết làm gì giúp họ?

“Những kẻ nghị luận đều cho rằng vua Lương Võ đế thờ Phật mà mất nước. Những người nói như vậy thảy đều là chưa học hiểu lẽ Phật, chưa đủ sức để cùng nghị luận.

“Vận nước dài hay ngắn, việc đời được an ổn hay loạn lạc, ta nào biết được là do đâu? Như vua Nghiêu, vua Thuấn là bậc đại thánh, mà ở ngôi chỉ có một đời.⁽¹⁾ Về sự truyền ngôi đó, do nơi con của hai ngài không tốt nên mới truyền ngôi cho người khác. Con cái không tốt, lẽ nào là lỗi của trời hay sao? Từ thuở mở nước⁽²⁾ cho đến đời Hán Minh đế,⁽³⁾ đạo Phật chưa đến Trung Hoa, thế mà đất nước vẫn gặp nhiều ách nạn, đó là tại sao vậy?

“Phật không thể làm cho dứt hết các cõi chúng sanh” hay “đẹp hết cái thế giới của chúng sanh”. Chúng tôi thấy không hợp văn cảnh ở đây, đang nói đến những điều “muốn làm nhưng không thể làm được”, như việc diệt trừ định nghiệp hay giáo hóa kẻ vô duyên đều là những chuyện mà đức Phật dù “muốn làm cũng không làm được”. Trong ý nghĩa này, nếu nói đức Phật muốn “dứt hết” hay “đẹp hết” các cõi chúng sanh thì không đúng, mà chỉ có thể là muốn “cứu độ hết các cõi chúng sanh” mới hợp lý. Với tâm nguyện đại bi, chắc chắn chư Phật đều muốn cứu độ hết chúng sanh trong pháp giới, nhưng vì điều này là không thể làm được cho nên đến nay vẫn còn có vô số chúng sanh chìm trong biển khổ.

⁽¹⁾ Vua Nghiêu, vua Thuấn đều không truyền ngôi cho con cháu. Vua Nghiêu trị nước đến cuối đời thì truyền cho vua Thuấn là người hiền. Vua Thuấn sau lại truyền cho vua Vũ cũng không phải con cháu. Từ vua Vũ về sau mới bắt đầu lệ cha truyền con nối.

⁽²⁾ Từ thuở mở nước: ở đây nói nước Trung Hoa.

⁽³⁾ Hán Minh đế, niên hiệu Vĩnh Bình, từ năm 58 đến năm 75, tức thế kỷ 1.

“Theo ghi chép của Trương Yến Công đời Đường thì triều Lương có bốn vị đại thần rõ biết hết mọi việc biến hóa của trời đất, quỷ thần, như nhìn trong lòng bàn tay. Thái tử Chiêu Minh⁽¹⁾ cũng được tôn xưng là bậc thánh. Đối với các bậc thánh nhân như thế thì việc trị nước, giữ thiên hạ chẳng qua chỉ là chút kiến thức dư thừa, lẽ nào không đủ sáng suốt để thấy biết trước mà thận trọng chọn lấy những việc nên làm để bảo cho Võ đế biết hay sao? Chỉ vì định nghiệp không thể tránh khỏi đó thôi.

“Than ôi! Với định nghiệp thì không thể làm gì được, cũng như không thể nhảy vào chỗ nước lửa! Nghiệp báo đúng kỳ thì đến, cũng như bốn mùa không hề sai chạy. Như ngài Sư Tử Tôn giả⁽²⁾ ở Ấn Độ, ngài Nhị tổ Đại sư⁽³⁾ ở xứ này, đều không tránh được quả báo. Lại nữa, chẳng

⁽¹⁾ Thái tử Chiêu Minh: con lớn của Lương Võ đế, tên là Nhuệ. Từ nhỏ đã đọc thông kinh sách, mộ đạo Phật. Ngài có cho xây dựng điện Huệ Nghĩa để tiếp đón các bậc danh tăng trong thiên hạ. Tất cả kinh luận của đạo Phật hiện có đương thời đều được ngài xem qua. Năm hai mươi tuổi, ngài rời bỏ cung điện, chuyên tâm tu tập và có chú thuật nhiều kinh luận.

⁽²⁾ Sư Tử Tôn giả, cũng gọi là Sư Tử Bồ-đề, là Tổ sư đời thứ 24 của Ấn Độ. Tổ sư đời thứ 23 là Hạc Lặc Tôn giả khi truyền pháp cho ngài có nói trước rằng: “Ta qua đời được 50 năm sẽ có nạn đến với con.” Về sau, quả nhiên có kẻ ngoại đạo giả dạng tăng sĩ đến thích khách nhà vua nhưng không thành. Vua giận dữ nói rằng: “Từ trước tới nay ta kính tin Tam bảo mà nay lại bị tăng sĩ làm hại.” Liền ra lệnh huỷ phá chùa chiền, giết hại tăng chúng. Đích thân vua mang gươm đến chém đầu Sư Tử Tôn giả. Tổ sư điếm nhiên chấp nhận. Đầu ngài rơi xuống, máu chảy ra chỉ thấy màu trắng như sữa, và một cách tay của vua cũng tự nhiên rụng theo. Bảy ngày sau vua chết. Tuy Tôn giả chứng đắc thân thông tự tại, nhưng do định nghiệp cũng không tránh được bị vua sát thương.

⁽³⁾ Nhị tổ Đại sư: tức ngài Huệ Khả, được Tổ Bồ-đề Đạt-ma truyền pháp, làm Tổ thứ hai của Thiền tông Trung Hoa. Tương truyền ngài thọ đến 107 tuổi. Bấy giờ có Hòa Pháp sư đang giảng kinh Niết-bàn, nhưng thỉnh chúng rủ nhau đến nghe pháp nơi ngài Huệ Khả, chẳng còn ai nghe ông giảng. Vị pháp sư này sanh lòng sân hận, liền bày chuyện gièm pha với quan Áp Tế là Dịch Trọng Khả. Khả nghe lời gièm pha mà làm hại Nhị tổ. Nhị tổ tuy trí huệ sáng suốt cũng không tránh được nạn này, chỉ vì nghiệp trước đã tạo nên đến nay phải thọ nhận.

những ngài Sư Tử và ngài Nhị tổ, cho đến Phật Thích-ca cũng không tránh khỏi nghiệp báo phải ăn lúa ngựa,⁽¹⁾ hưởng chi những kẻ phàm phu sơ học!

“Cho nên, người tu tập là thay đổi lỗi lầm ngày trước, tu sửa việc ngày sau. Nếu nghiệp xưa đã phải trả, thì điều lành trong tương lai lẽ nào lại không đến với ta? Như người hiện nay mang thân nữ, quả thật có nhiều điều kém hơn nam giới.⁽²⁾ Dù có gắng sức theo Phật tu trì, lẽ nào có thể biến hình thành nam giới được sao? Tất nhiên phải chịu trải qua cho hết thân nữ trong hiện tại, nguyện lực dù có cũng phải đợi đến đời sau vậy.

“Lương Võ đế thọ 86 tuổi, không phải yếu mạng. Ông chết vì bệnh, không đến mức đại ác. Chỗ sai lầm đến nỗi bỏ mạng là khi thấy trước có họa sắp đến, bói được quẻ Càn, nơi thượng cửu có biến, lấy theo ý là “sang quý mà không có ngôi vị, ở trên cao mà không có dân” nên vua tự

⁽¹⁾ Nghiệp báo ăn lúa ngựa: Kinh Lăng Nghiêm, quyển 6 và Thiện kiến luật Tỳ-bà-sa đều có chép việc đức Phật Thích-ca có lần nhận lời thỉnh cầu của vua xứ Tỳ-la-nhiên là A-kỳ-đạt, cùng đại chúng đến nước ấy an cư trong ba tháng. Khi Phật và đại chúng đã đến mùa an cư, đức vua quên hẳn việc hứa cúng dường, nên Phật và đại chúng không có gì để ăn. Tình cờ có một người khách buôn ở xứ Ba-la-nại đi ngang qua, phát tâm muốn cúng dường nhưng lại chẳng có gì khác ngoài số lúa mang theo cho ngựa ăn. Thế là trong suốt 3 tháng an cư năm đó, đức Phật và đại chúng gồm 500 vị A-la-hán đều phải ăn toàn loại lúa của ngựa ăn. Qua việc ấy, đức Phật kể lại cho đại chúng nghe về nguyên nhân đã dẫn đến nghiệp báo này. Trong quá khứ, khi Phật còn là một vị thầy Bà-la-môn, cùng với 500 người đệ tử của mình đã buông lời hủy báng chư tăng, bảo rằng họ chỉ đáng ăn lúa ngựa mà thôi. Do tâm địa xấu ấy mà nay phải cùng với 500 vị A-la-hán (trước đây chính là đệ tử của thầy Bà-la-môn) cùng chịu quả báo phải ăn toàn lúa ngựa.

⁽²⁾ Ở đây nói kém hơn chỉ là có ý so sánh những sự thuận lợi trong việc tu tập mà thôi. Nam giới có rất nhiều điểm thuận lợi hơn so với nữ giới trong việc tu tập, dù là xuất gia hay tại gia. Chẳng hạn, nữ giới khi phải chịu đựng những sự khắc khổ trong môi trường tu tập thì yếu ớt hơn nam giới, sanh hoạt hằng ngày cũng có nhiều bất tiện hơn.v.v...

cho mình kém cỏi, muốn mưu việc ngăn họa cầu phúc. Lương Võ đế tự mình hiểu sai như vậy, nào có liên quan gì đến Phật pháp?

“Lương Võ đế vốn căn khí Tiểu thừa, chỉ tin nơi nhân quả hữu vi, nên không nhận hiểu được đại pháp của ngài *Đạt-ma*. Vua lại quá câu nệ theo lối cũ, làm theo không chút quyền biến, cũng có thể là do định nghiệp xui khiến như vậy chăng? Hơn nữa, bậc thánh nhân lập nên Chánh pháp là vì cả thiên hạ đời sau, nào phải chỉ riêng vì một người?

“Khổng tử nói: ‘Người nhân được sống thọ.’ Ngài cũng hết lời khen ngợi Nhan Hồi là người nhân. Thế mà Nhan Hồi lại chết yểu! Lẽ nào cho rằng lời của Khổng tử không đúng sao? Chẳng qua lời ấy không phải chỉ nói riêng cho một người. Việc Lương Võ đế thờ Phật cũng giống như đức nhân của Nhan Hồi đó thôi!

“Quân loạn Hâu Cảnh tới mà chỉ tập họp các vị *sa-môn* tụng kinh *Đại Bát-nhã Ba-la-mật*, đó là quá tin vào tích xưa mà không có sự quyền biến thích hợp. Thật giống như Hướng Hủ đời Hậu Hán, khi Trương Giác làm loạn lại dâng tờ biểu tạ tội, phần nhiều chê trách các quan tả hữu. Ông cho rằng không cần hưng binh chống cự, chỉ dẫn binh tướng đến Hà Thượng, quay mặt về hướng bắc mà đọc Hiếu Kinh, giặc sẽ tự nhiên lui mất.

“Lại như truyện Cái Huân đời Hậu Hán kể rằng, niên hiệu Trung Bình thứ nhất,⁽¹⁾ người Khương ở phía bắc và bọn Biên Chương nổi loạn ở Lũng Hữu, Phù Phong. Quan thái thú là Tống Kiêu lo sợ vì có nhiều kẻ phản loạn liền

⁽¹⁾ Trung Bình nguyên niên: tức năm 184, đời vua Hán Linh đế.

bảo Cái Huân: ‘Dân Lương Châu ít học nên người phản loạn rất nhiều. Nay phải cho chép thật nhiều Hiếu kinh, buộc mỗi nhà đều phải học tập, may ra sẽ làm cho họ biết việc nghĩa.’ Đó cũng là người dùng không đúng cách, lẽ nào lại đổ lỗi cho Hiếu kinh hay sao?

“Lại biết đâu rằng nghiệp trước của Lương Võ đế lẽ ra phải chịu tai họa không chỉ chừng ấy, nhưng nhờ ngài làm việc lành nên đã giảm bớt đi mới sống thọ được như thế.

“Vua thường hỏi thiên sư Chí Công về vận nước dài hay ngắn. Thiên sư chỉ đưa tay chỉ vào nơi cổ họng. Đó là lời đoán trước cái nạn Hâu Cảnh.⁽¹⁾ Khi ngài Chí Công sắp viên tịch, Lương Võ đế lại gạn hỏi việc sắp tới. Chí Công nói: ‘Khi nào ngôi tháp của bần tăng hư hoại, xã tắc của bộ hạ cũng mất theo.’

“Sau khi ngài Chí Công viên tịch, người vâng lệnh vua làm tháp vừa xong, Võ đế bỗng nghĩ rằng: ‘Tháp bằng cây gỗ làm sao được lâu bền?’ Liền ra lệnh phá bỏ để xây tháp bằng đá, có ý muốn cho không bị hư hoại, mong được ứng với lời của Chí Công. Ngờ đâu việc phá tháp vừa xong thì quân loạn Hâu Cảnh cũng vừa vào thành! Bậc chí nhân há chẳng biết trước đó sao? Lại như các vị An Thế Cao,⁽²⁾

⁽¹⁾ Hâu Cảnh (侯景) là tên viên tướng làm phản, chữ hâu 侯 cùng âm với chữ 喉 là cổ họng, chữ cảnh 景 đồng âm với chữ 頸 là cái cổ. Vì thế, thiên sư Chí Công chỉ vào cổ họng để ngụ ý báo trước cái loạn Hâu Cảnh.

⁽²⁾ An Thế Cao: một trong các vị cao tăng đến truyền bá đạo Phật từ rất sớm (khoảng năm 148 đến 176). Ngài vốn là hoàng tử xứ An Tức (安息), họ An, tên thế tục là An Thanh (安清), nhưng đã bỏ ngôi vua xuất gia, hiệu là Thế Cao (世高). Ngài là một trong các vị tăng tham gia sớm nhất trong việc dịch kinh tạng sang Hán ngữ và truyền bá Phật giáo ra khắp nơi. Ngài đến Trung Quốc năm 148, vào đời Hậu Hán, và ở lại đây trong khoảng hơn 20 năm. Những kinh sách do ngài dịch được ghi nhận trong khoảng thời gian từ năm 34 đến năm 176, hiện còn để lại trong Đại Tạng Kinh được 55 bộ.

Bạch Pháp Tổ,⁽¹⁾ cố ý trả nghiệp đời trước nên không chịu

Tuy nhiên, số lượng thật sự mà ngài đã dịch được tin là lớn hơn con số này rất nhiều. Cuối đời, ngài biết nghiệp xưa đã đến nhưng vẫn an nhiên đi vào chợ Cối Kê trong lúc loạn lạc. Quả nhiên bị giặc loạn giết lầm.

⁽¹⁾ Bạch Pháp Tổ: cao tăng người Hà Nội (Hà Nam, Thẩm Châu), sống vào thời Tây Tấn (265-317). Ngài từ thuở nhỏ đã có đạo tâm, thỉnh cầu với cha xin được xuất gia. Ngài thông minh kiệt xuất, học rộng biết nhiều, chuyên cần đọc tụng kinh điển, bác thông văn từ nghĩa lý, đối với các học thuyết thế tục cũng am hiểu tinh tường. Sau ngài đến Trường An kiến lập tinh xá, hết lòng giáo hóa đồ chúng, môn đệ có đến ngàn người. Những năm cuối đời Huệ Đế, thanh danh của ngài lan truyền khắp nơi, các bậc thức giả đương thời đều kính phục. Đến khi loạn lạc nổi lên, ngài phải lánh mình về đất Lũng Thạch, tình cờ trên đường cùng đi với quan thứ sử Tấn Châu là Trương Phụ. Trương Phụ từng nghe danh đức của ngài được nhiều người quy kính, nên có ý đồ bảo ngài hoàn tục nhận quan chức trợ giúp ông ta. Ngài không bằng lòng. Trương Phụ đem lòng hiểm hận, sau tìm người đến tranh luận với ngài. Lời cùng ý tận không bắt bẻ gì được mà luôn bị ngài khuất phục, hết thầy đều xấu hổ mà ra về. Ngày kia, ngài cùng với Trương Phụ đàm luận, nói lời không hợp ý. Trương Phụ sai người tìm bắt. Ngài biết oan nghiệp đời trước nay đã đến nên không lẫn tránh, cùng đồ chúng bái biệt, mang hết y cụ tài vật phân phát cho mọi người, rồi tự mình tìm đến cửa quan chịu phạt. Ngài trước niệm danh hiệu mười phương chư Phật, sau phát nguyện xem Trương Phụ là thiện tri thức, không muốn cho ông này chịu tội sát nhân. Phát nguyện rồi chịu đánh 50 roi. Sau đó mới an nhiên ngồi thị tịch.

tránh né, tự đi vào chỗ chết, vì biết rằng định nghiệp không thể trốn tránh. Hoặc như Quách Phác⁽¹⁾ đời Tấn (265-420) cũng biết mình chẳng khỏi định nghiệp. Hướng chi người biết rõ lẽ hư huyền, xem cái chết như chỗ đi về! Lẽ nào biết rõ có nợ đời trước mà đời này lại muốn tránh né hay chống cự để khỏi trả hay sao?”

⁽¹⁾ Quách Phác tinh thông Lý dịch, từ lúc trẻ đã biết trước mình không thoát họa sát thân. Khi Vương Đôn phản Tấn, mộng thấy một cái cây cao vút tận trời, bèn vời Quách Phác đến hỏi. Trước khi đi, Phác nói với người nhà rằng: “Hôm nay ta chết.” Khi Phác đến nơi, Vương Đôn đem việc chiêm bao ra hỏi, Quách Phác nói thật rằng: “Đó là điềm báo việc chẳng thành.” Đôn nổi giận, hỏi rằng: “Người biết việc sống chết được sao?” Phác đáp: “Tôi đã biết việc chết hôm nay.” Đôn liền giết Quách Phác, rồi cử binh đánh Tấn. Quả nhiên việc chẳng thành.

辯明東西界域

客問妙明禪師曰。佛教是夷狄之法，我中國不宜法之。孔死曰。夷狄之有君不如諸夏之亡也。孟子曰。吾聞以夏變夷者，未聞變於夷者也。且吾子曩時學二帝三王之法，習六經諸子之書。今更捨之，反學西域之言，不亦陋乎。

妙明曰。吾昔未見大聖微妙之旨，亦嘗出此語，與子之見不相遠也。今則不然。

若子只知禮樂之華，而聞道德之實。窺爝火之照而未睹日月之明也。孔子所語，疾時君之廢禮。孟子譏陳相之專農，意有所主，理非決然。

且舜生於東夷，文王生於西夷，大禹生於石佃，日磾生於蕃，由余出於戎，季札出於蠻。此三聖三賢皆生於夷狄。豈可以夷狄而不法之也。

且太康，周幽，君之荒者也。石趙，嬴秦，君之暴者也。趙高，李斯，臣之佞者也。侯景，宇

Biện minh đông tây giới vực

Khánh văn Diêm Minh thiên sở viết: Phải giáo thò di ñòch chi pháp, ngăotrung quốc bá nghi pháp chi. Khoàng tồivieát: Di ñòch chi hõu quăn, bá nhõ chõ hãichì vong đảo Mãnh tồivieát: Ngoavăn đố hãibieán di giaũ vò vãn bieán ò di giaũdaõ Thaũngoátõunaĩng thõũ hõr nhõ ñeátam vôông chi pháp, tạp lữ kinh chõ tồuchi thõ, kim cãnh xaũchi, phãm hõr Tây vớ chi ngoãn, bá dieũ laũ ho?

Diêm Minh viết: Ngoátích vò kieán ñaĩ thành vi dieũ chi chạ dieũ thõõng xuấ thõũngõ Dõõtõuchi kieán, bá tõng vieãn đảo Kim tác bá nhieãn.

Nhõõr tồuchạtri leãnhaũ chi hoa, nhi aũm ñaõ ñõũ chi thaũ, khuy tồũr hoũ chi chieũ, nhi vò ñoãnhãĩ nguyẽ chi minh đảo Khoàng tồũsõũngõ táũ thõũ quăn chi pheáleã Mãnh tồũky Traũ Tõõng chi chuyẽn noãng, yũhõũ sõũchũũ lyũphi quyẽ nhieãn.

ThaũThuaãn sanh ò Ñoãng di, Vãn vôông sanh ò Tây di, Ñaĩ võũsanh ò Thaũch Ñieãn, Nhaũ Ñaĩn sanh ò Phieãn, Do Dõ xuấ ò Nhung, QuyũTraũ xuấ ò Man, thõũtam thaũh tam hieãn giai sanh ò di ñòch, khõũ khaũđố di ñòch nhi bá pháp chi đảũ

ThaũThaũ Khang, Chu U quãn chi hoang giaũdaõ Thaũh Trieũ, Doanh Taũ quãn chi bãũ giaũdaõ Trieũ Cao, LyũTõ

文，臣之悖者也。此四君四臣皆生於中夏。豈可以中夏而法之也。

昔孔子欲居九夷。或曰。陋，如之何。子曰。君子居之，何陋之有。

夫如是非聖賢拘於夷夏，而人自夷夏耳。

且北辰之星在天之中，在齊之北。以此觀之，齊魯漢魏之地未必為中也。

若此以彼為西戎，彼必以此為東夷矣。而又且孰為其中耶。

自高天之所覆，厚地之所載，山川之廣，邦域之多，不可以億兆而記。又焉知此為中乎，彼為邊乎。

佛以百億日月世界如一芥子，况一日月之小世界乎。

語云。多聞擇其善者而從之。吾是以尊其大而學之。譬如大海一滴，味具百川。出世之道頗知，則世間之道不勞自得矣。

thàn chi nònh giaũdaõ Haũ Camh, VuõVaũn thàn chi boã giaũ daõ thõitõuquaũn tõuthàn giai sanh õ trung haĩ khõũ khaũdõ trung haĩnhi phạp chi daõ

Tích Khoảng tõuduĩ cõ cõũ di, hoac̃ vieĩ: Laũ, nhõ chi haõ Tõũvieĩ: Quaũn tõũcõ chi, haõlaũ chi hõũ?

Phuõnhõ thõ, phi thànũh hieũ caũ õ Di, Haĩ nhi nhaũ tõĩ Di, Haĩnhõ.

Thaũbaẽ thàn chi tinh taĩ thieũ chi trung, taĩ Teũchi baẽ. Dõ thõũquan chi, Teũ Loũ Haũn, Ngũy chi ñõa vò taĩ vi trung daõ

Nhõõĩ thõũdõ bævi taỹ nhung, bætaĩ dõ thõũvi ñõang di hyõ Nhi hõũ thaũthũĩ vi kyõtrung da?

Tõĩ cao thieũ chi sõũphuũ haũ ñõa chi sõũtaũ, sõn xuyeũ chi quaũg, bang võĩ chi ña, baĩ khaũdõ õũ trieũ nhi kyũ hõũ yeũ tri thõũvi trung hoặ bævi bieũ hoặ

Phaũ dõ baũh õũ nhaũ nguyẽ theágiõũ nhõ nhaũ giõũ tõũ huõng nhaũ nhaũ nhaũ nguyẽ chi tieũ theágiõũ hoặ

Ngõõvaũn: Ña vaũn, trạch kyõthieũ giaũnhi tung chi. Ngoũ thõ dõ toũ kyõñaĩ nhi hõĩ chi. Thĩ nhõ ñaĩ haũ nhaũ tích, vò cuĩbaũxuyeũ. Xuaĩ theũchi ñaũ phạũtri, taẽ theũgian chi ñaũ baũ lao tõĩñaẽ hyõ

15. Biện minh ranh giới các cõi đông tây

Ó người khách hỏi thiền sư Diệu Minh rằng: “Phật giáo là pháp của người di địch,⁽¹⁾ người *trung quốc* chúng ta không nên theo. Đức Khổng tử nói: ‘Dân di địch lúc có vua cũng không bằng dân Trung Hoa⁽²⁾ lúc biến loạn.’⁽³⁾ Mạnh tử nói: ‘Ta từng nghe nhờ người Trung Hoa cải hóa dân man di, chưa từng nghe việc thay đổi theo man di.’ Vả lại, như thầy từ lâu cũng đã học theo phép tắc của Nhị đế, Tam vương,⁽⁴⁾ từng trau dồi *Lục kinh* và các sách thánh hiền,⁽⁵⁾ nay lại bỏ hết đi để theo học những lời của người Tây Vực,⁽⁶⁾ chẳng phải là thiếu suy nghĩ lắm sao?”

⁽¹⁾ Di địch (夷狄): mọi rợ, người Trung Hoa xưa dùng với ý khinh miệt, chỉ các dân tộc thiểu số, vì họ cho là kém văn minh, không học đạo lý. Người Trung Hoa xưa tự cho rằng chỉ mình là văn minh và ở giữa trời đất (*trung quốc*), còn các dân tộc ở chung quanh đều là mọi rợ (di, địch, nhung, man). Do định kiến sai lầm này mà họ vẫn thường gọi người Ấn Độ là rợ Hồ.

⁽²⁾ Nguyên tác dùng chữ Hạ (夏) để chỉ dân Trung Hoa, cũng có khi gọi là Hoa Hạ.

⁽³⁾ Ý nói dân *trung quốc* có lễ nghĩa, nên dùng khi biến loạn không có vua cũng vẫn còn hơn dân di địch, vì họ chẳng có lễ nghĩa.

⁽⁴⁾ Nhị đế, Tam vương: chỉ 5 đời đế vương từ thời cổ đại, được xem là những bậc thánh nhân đã đặt nền móng cho văn minh Trung Hoa. Nhị đế, Tam vương chỉ hai đời đế, ba đời vương. Nhị đế là Đế Nghiêu (2357-2256 trước Công nguyên) và Đế Thuấn (2255-2206 trước Công nguyên), cũng thường gọi là Nghiêu, Thuấn, là hai đời vua được xem là thái bình thịnh trị nhất trong lịch sử Trung Hoa. Tam vương là vua Đại Vũ (2205-2198 trước Công nguyên) nhà Hạ, vua Thành Thang (1783-1754 trước Công nguyên) nhà Thương và Văn vương (1134-1116 trước Công nguyên) nhà Chu.

⁽⁵⁾ Nguyên tác dùng Lục kinh, chú tử. Lục kinh chỉ sáu bộ sách quan trọng nhất trong Nho học thời xưa, gồm kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Nhạc, kinh Dịch và kinh Xuân thu. Chú tử chỉ chung trước tác của tất cả các vị học giả, triết nhân trong khắp nước.

⁽⁶⁾ Tây Vực: chỉ Ấn Độ, vì nằm về phía tây Trung Hoa, cũng có khi gọi là Tây Trúc, Tây Thổ.

Thiền sư Diệu Minh đáp: “Ngày trước, khi chưa thấy được ý chỉ sâu xa mầu nhiệm của bậc Đại Thánh,⁽¹⁾ tôi cũng thường nói ra lời ấy. So với chỗ hiểu biết của ông bây giờ cũng không khác nhau mấy. Nhưng nay thì không phải như vậy.

“Nếu như ông chỉ biết đến cái vẻ đẹp bên ngoài của lễ nhạc mà không thấy rõ được cái chân thật của đạo đức, thì có khác nào chỉ thoáng thấy ánh lửa của ngọn đuốc mà chưa nhìn được ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Lời đức Khổng tử nói ra đó là vì ghét giận các vua chư hầu thời bấy giờ bỏ mất lễ giáo. Còn Mạnh Tử nói như vậy là có ý chê trách thuyết chuyên nông của Trần Tương.⁽²⁾ Đề là những lời nói ra có chủ đích, chẳng phải lý lẽ tuyệt đối.⁽³⁾

“Vả lại, như vua Thuấn sanh ở Đông di, vua Văn vương sanh ở Tây di, vua Đại Vũ sanh ở xứ Thạch Điền, ông Nhật Đạn,⁽⁴⁾ sanh ở đất Phan, ông Do Dư⁽⁵⁾ sanh ở đất Nhung,

⁽¹⁾ Đại Thánh: chỉ đức Phật.

⁽²⁾ Thuyết chuyên nông của Trần Tương: Trong sách Mạnh tử, quyển 3 có chép việc Trần Tương nói rằng tất cả mọi người đều nên tự mình cày ruộng mà ăn, cho đến vua chúa cũng vậy. Mạnh tử bác bỏ thuyết ấy, cho rằng xã hội có sự phân công hợp lý, không thể ai cũng như ai. Có những việc mà hạng quân tử phải làm, cũng có những việc mà hạng tiểu nhân phải làm.

⁽³⁾ Ở đây biện luận rõ về lời nói của Khổng tử và Mạnh tử vừa dẫn trên. Khổng tử nói “Dân di địch lúc có vua cũng không bằng dân Trung Hoa lúc biến loạn” là để cổ xúy cho việc duy trì lễ nghĩa, vì dân Trung Hoa sở dĩ hơn di địch là nhờ có lễ nghĩa. Mạnh tử nói “từng nghe người Trung Hoa cải hóa dân man di, chưa từng nghe việc thay đổi theo man di” là để chê trách thuyết chuyên nông của Trần Tương khác nào như theo nếp sanh hoạt man di, từ bỏ hết các nền tảng văn minh như hành chánh, đạo đức, lễ nhạc...

⁽⁴⁾ Nhật Đạn: một vị quan hiền đức đời vua Hán Văn đế (179-157 trước Công nguyên).

⁽⁵⁾ Do Dư: một bậc hiền sĩ vào đời vua Tần Thủy Hoàng (246-210 trước Công nguyên).

ông Quý Trát⁽¹⁾ sanh ở đất Man. Ba vị thánh vương và ba vị tôi hiền ấy đều là người di địch, lẽ nào cho rằng vì họ là di địch mà chẳng nên noi theo hay sao?

“Lại như Thái Khương⁽²⁾ và Châu U⁽³⁾ là những ông vua hoang dâm; Doanh Tần⁽⁴⁾ với Thạch Triệu⁽⁵⁾ là những ông vua bạo ngược; Lý Tư⁽⁶⁾ và Triệu Cao⁽⁷⁾ là những bề tôi siểm nịnh; Hầu Cảnh⁽⁸⁾ với Vũ Văn⁽⁹⁾ là những bề tôi phản nghịch. Bốn ông vua và bốn người bề tôi ấy đều sanh ở *trung quốc*,⁽¹⁰⁾ lẽ nào vì họ là người *trung quốc* mà lại noi theo hay sao?

⁽¹⁾ Quý Trát: một bậc hiền sĩ đời nhà Chu, là cháu đời thứ 19 của vua Thái Bá.

⁽²⁾ Thái Khương: vua nhà Hạ, ở ngôi 29 năm, từ năm 2188 đến 2160 trước Công nguyên, là một ông vua đam mê tửu sắc cho nên bị phế.

⁽³⁾ Chu U, tức U vương nhà Chu, ở ngôi 11 năm (781-770 trước Công nguyên). Vua say mê nàng Bao Tự, phế bà Thân hậu. Vì nghe lời Bao Tự mà đốt lửa hiệu giả làm có biến, giấu cột chử hầu. Sau quân Khuyển Nhung đến đánh thật, vua đốt lửa hiệu nhưng chử hầu chẳng ai tiếp cứu. Quân Khuyển Nhung giết U vương, lập con của bà Thân hậu lên ngôi hiệu là Chu Bình vương (770-720 trước Công nguyên).

⁽⁴⁾ Doanh Tần, tức Tần Thủy Hoàng, tên là Lữ Chánh, con của Lữ Bất Vi, diệt nhà Chu và sáu nước chư hầu rồi lên ngôi Thiên tử, trị nước 37 năm (246-210 trước Công nguyên). Tần Thủy Hoàng làm nhiều việc vô đạo, tàn ác, đốt sách chôn học trò, người người đều oán giận.

⁽⁵⁾ Thạch Triệu, tức Triệu Thạch Lạc, người đời Đông Tấn (317-420). Thạch Triệu mạo xưng đế hiệu, làm nhiều việc tàn bạo, sau bị em là Thạch Hồ giết chết.

⁽⁶⁾ Lý Tư: gian thần đời Tần Thủy Hoàng, hùa theo với Thủy Hoàng làm nhiều điều bạo ngược, sau bị Triệu Cao đầu cáo, nhân đó bị tội tru diệt.

⁽⁷⁾ Triệu Cao: gian thần đồng thời với Lý Tư. Triệu Cao giết vua Nhị Thế là con của Tần Thủy Hoàng, lập con thứ của Thủy Hoàng là Tử Anh lên ngôi. Tử Anh lên ngôi xong liền xử Triệu Cao tội tru di ba họ.

⁽⁸⁾ Hầu Cảnh: loạn thần đời vua Lương Võ Đế (502-540), khởi binh làm phản, bắt nhốt Lương Võ Đế cho đến chết. Sau bị Trần Bá Tiên giết chết.

⁽⁹⁾ Vũ Văn, tức Vũ Văn Hóa Cập, bề tôi của Tùy Dương Đế (589-604), sau phản nghịch giết vua, cuối cùng bị nghĩa thần của Tùy Dương Đế là Bộc Xạ giết chết.

⁽¹⁰⁾ Chữ “*trung quốc*” ở đây được dùng với ý nghĩa là đất nước ở giữa, phân biệt với các xứ “man di” bao quanh. Cũng xuất phát từ đây mà về sau có tên nước Trung Quốc như hiện nay.

“Ngày trước, có lần đức Khổng tử muốn đến sống nơi miền *Cửu di*.⁽¹⁾ Có người hỏi: ‘Dân ấy thô lỗ, biết làm sao?’ Khổng tử đáp: ‘Người quân tử đã ở đó thì làm sao còn có sự thô lỗ?’ Như vậy, chẳng phải bậc thánh hiền câu nệ phân biệt di địch với *trung quốc*, chỉ tại người đời tự phân biệt như vậy mà thôi.

“Hơn nữa, như sao Bắc thần ở giữa trời mà ở nước Tề thấy là phương bắc. Theo đó mà xét ra thì các xứ Tề, Lỗ, Hán, Ngụy chắc gì đã là ở giữa? Như ở nơi đây gọi đó là giống rợ miền tây, thì nơi đó lại gọi đây là lũ mọi phía đông. Như vậy biết đâu là ở giữa?

“Dưới vòm trời cao, trên mặt đất rộng, sông núi mênh mông có biết bao nhiêu là xứ sở, lấy số triệu ức mà ghi chẳng xiết, biết nơi nào là ở giữa, nơi nào là bờ mé?

“Đức Phật nhìn khắp vũ trụ bao la này, thấy một thế giới có trăm ức mặt trời mặt trăng chẳng qua chỉ như một hạt cải, hướng chi cái thế giới nhỏ chỉ có một mặt trời và một mặt trăng này!

“Sách *Luận ngữ* nói: ‘*Nghe nhiều, chọn lấy điều tốt mà làm theo.*’⁽²⁾ Vì thế tôi tôn trọng cái học rộng lớn của đạo Phật mà làm theo. Ví như một giọt nước biển chứa đủ mùi vị trăm dòng sông, nếu rõ biết được đạo pháp xuất thế thì cái học của thế gian không cần nhọc sức cũng tự nhiên nắm được.”

⁽¹⁾ Sách Hán thư chép rằng, di địch ở phương đông có 9 giống: Khuyển di, U di, Phương di, Huỳnh di, Bạch di, Xích di, Huyền di, Phong di và Dương di. Miền *Cửu di* là chỉ xứ sở của 9 giống dân di địch này, tức nằm về biên giới phía đông của Trung Hoa.

⁽²⁾ Trích từ sách *Luận ngữ*, chương VII, tiết 27.

辯明三教經典

客又問妙明曰。至寶光而不華。至辭慤而不飾。言約而至者麗，事寡而達者明。故珠玉少而貴，瓦礫多而賤。聖人製六經，不過數萬餘言。老子說道德經，不過五千餘言。今見佛經卷以萬計，言以億數。自非一人力所堪能，蓋繁而不要也。

妙明曰。牟子云。江東異於行潦者，深廣也。泰山別於丘陵者，高大也。若夫深不異於行潦，則孺子浴其淵。高不出於丘陵，則跛羊陵其巔。

摩天之翼不居萑葦之莖。吞舟之魚不處溪塘之水。剖蚌蛤之腹求明月之珠，探枳棘之巢求鸞鳳之卵，必難獲者。何也。蓋小不容於大，而大不處乎小也。

故萬斛之鼎不可滿以盂水。一鈞之鐘不可容於流泉。合抱之木，豈適用以茅茨。尋尺之棘安能負於廣廈。

Biện minh Tam giáo kinh điển

Khảh hõu vãn Diễu Minh việ: Chí baõ quang nhi baá hoa, chí töøxàù nhi baá söù, ngôân ööù nhi chí giauleặ söiquaù nhi ñaít giaùminh. Coáchaù ngoặ thieàu nhi quyù ngoã lờch ña nhi tieñ. Thànñ nhañ cheáluợ kinh, baá quaisuóvãn dõ ngôân. Laõ töùthuyeặ Ñaõ ñöù kinh, baá quànguõthieñ dõ ngôân. Kim kieán Phaá kinh, quyềñ dó vãn keá ngôân dó öù soá töiphì nhaá nhañ löc söùkham nañg, caù phieñ nhi baá yeáu daõ

Diễu Minh việ: Maàu töuvañ: Giang ñoàng dò ö hanh laõ giaù thàn quàng daõ Thàn sòn bieá ö khõu lañg giaù cao ñaí daõ Nhõõr phuõthàn baá dò ö hanh laõ, táe nhuí töùduợ kyõuyeñ; cao baá xuaá ö khõu lañg, táe baúdõong lañg kyõñieñ.

Ma thieñ chi döë, baá cõ hoan vi chí hanh. Thoñ chầu chi ngõ, baá xõùkheãñõõng chi thuy. Phaù bañg caù chí phuợ caù minh nguyề chí chầu, thàn chæcõù chí saõ caù loan phuñg chí noañ, táe nan hoặh giaù Haõdaõ Caù tieàu baá dung ö ñaí, nhi ñaí baá xõùhoàtieàu daõ

Coávãn hoặ chí ñanh baá khaurmañ dó vu thuy. Nhaá quañ chí chung, baá khaurdung ö löu tuyềñ. Hieặ baõ chí moá, khõù thích duñg dó mao tyợ Tàn xích chí cõù, an nañg phuí ö quàng ha?

故器有寬隘，量有巨細，材有勝劣，物有輕重，德有厚薄，道有淺深，法有權實，機有大小，所處之分未有乖也。

且佛之經也，前說億劫之事，後道萬世之要。至於無始未萌之前，二儀肇形之際，其遠不可推，其事不可紀，其微不可握，其纖不可入。佛悉彌綸於廣大之外，剖析其窈渺之內。以至高天無極之上，厚地無極之下。莫不示諸斯乎，如指其掌也。

所明既博，文奚爲繁。卷萬言億亦未足爲多。何不要之有耶。豈特以一人力所堪能，然後以爲得矣。譬如渴人飲海，飽而自足，焉知其餘哉。

今人皮膚之學，偏要排佛，纔讀數十卷書，心忿忿然，遽以排佛爲急務。

嗚呼。世人力排佛教，猶側一掌而翳日光，抱一石而塞巨浸。其於功也，不亦勞乎。

Coákhí höũ khoan aũ, lööng höũ cõi teá taũ thaeng lieã, vaã höũ khinh trong, nõũ höũ haũ bãc, ñãb höũ thieãn thaãn, phap höũ quyên thaã, cô höũ ñai tieũ, sôuxöüchi phañ vò höũ quai daõ

ThaũPhaã chi kinh daõ tieãn thuyéa öũ kiep chi söi haũ ñãb vaãn theáchi yeũ, chí ö voãthuy vò manh chi tieãn, nhò nghi trieũ hình chi teá kyövieãn baã khaũsuy, kyösöi baã khaũ kyũ kyövi baã khaũũ, kyötieãn baã khaũnhap, Phaã taã di luaãn ö quaung ñaĩ chi ngoaĩ, phaũ tích kyöyeũ mieũ chi noã, dó chí cao thieãn voácöc chi thööng, haũ ñõa voácöc chi hạ mãc baã thò chõ tö hoặ nhõ chækýschööng daõ

Sôuminh kyübaũ, vaẽ heãvi phieãn, quyên vaãn ngoãn öũ, dieã vò tuũ vi ña, haõbaã yeũ chi höũ da? Khôũ ñaẽ dó nhaũ nhaãn löc sôũkham naung, nhieãn haũ dó vi ñaẽ hyõ Thĩ nhõ khaũ nhaãn aãn haũ, baõ nhi töituu, yeãn tri kyödö tai?

Kim nhaãn bì phu chi hoẽ, thieãn yeũ baõ Phaã, taũ ñõã soã thaõ quyên thõ, taãn phaãn phaãn nhieãn, cõi dó baõ Phaã vi cap vũi

Oãhoặ theãnhaãn löc baõ Phaã giaũ, do traẽ nhaũ chööng nhi eãnhaũ quang, baõ nhaũ thaõch nhi taẽ cõitain. Kyöö công döõ baã dieã lao hoã

16. Biện minh kinh điển của Tam giáo

Khách lại hỏi⁽¹⁾ thiền sư Diệu Minh rằng: “Ngọc cực quý thì sáng chói mà không có vẻ đẹp tầm thường, lời thấu lý thì không trau chuốt hoa mỹ; nói giản lược mà thấu lý mới là lời hay, việc làm ít mà đạt kết quả mới là sáng suốt. Cho nên châu ngọc ít mà được quý trọng, ngói gạch nhiều mà bị xem rẻ. Thánh nhân làm ra Lục kinh không quá mấy vạn lời, Lão tử nói Đạo đức kinh không hơn năm ngàn chữ. Nay thấy kinh Phật có đến hàng vạn quyển, hàng trăm ngàn lời, sức một người không thể tiếp nhận nổi, là bởi quá rườm rà mà không thiết yếu.”

Thiền sư Diệu Minh đáp: “Mâu tử⁽²⁾ nói rằng: ‘Biển Đông sâu rộng nên khác với vũng nước đọng bên đường, Thái sơn cao lớn nên khác với đồi gò.’ Nếu chẳng sâu hơn vũng nước đọng thì đứa trẻ con cũng tắm được tận đáy; nếu chẳng cao hơn đồi gò thì con dê què cũng lên được tới đỉnh.

“Loài chim bay tận trời xanh chẳng nấu mình trong đám lau sậy; loài cá lớn nuốt cả con thuyền không sống trong nước suối, nước ao. Như mổ bụng con trai để tìm hạt

⁽¹⁾ Bài này nối tiếp cuộc đối thoại trong bài trước.

⁽²⁾ Mâu tử, học giả Phật giáo sống vào đời Hiến Đế (190-219), cuối triều Hán. Ông là người có tài, học lực uyên bác nhưng không ra làm quan mà chỉ chuyên nghiên cứu Phật học. Ông có trước tác sách Lý hoặc luận gồm 37 thiên, bày tỏ những điểm chí lý, chân chánh của đạo Phật để phá trừ những sự nghi hoặc, tà kiến.

châu minh nguyệt, mò tổ chim trên cây quýt hôi⁽¹⁾ để tìm trứng chim loan chim phụng, ắt là khó được! Vì sao vậy? Vì chỗ nhỏ hẹp không chứa nổi vật lớn lao, mà vật lớn lao chẳng ở nơi nhỏ hẹp. Cho nên, không thể dùng nước trong chén làm đầy cái vạc⁽²⁾ muôn hộc,⁽³⁾ cái thùng một quân⁽⁴⁾ không thể chứa cả dòng nước suối. Cây to một ôm lẽ nào dùng làm cột chống lều tranh? Cây táo gai nhỏ bé sao có thể chống đỡ ngôi nhà to rộng?

“Cho nên đồ vật có rộng hẹp, sức chứa có lớn nhỏ, tài có cao thấp, vật có đất rẻ, đức có dày mỏng, đạo có sâu cạn, pháp có quyền thật, cơ có lớn nhỏ, tùy chỗ mà phân bố chưa từng có sự trái lẽ.

“Lại nói về kinh Phật, trước thì nói việc xảy ra trong trăm ngàn kiếp, sau thì nói chuyện thiết yếu của muôn đời, cho đến thuở ban sơ chưa có muôn vật, trời đất vừa mới tượng hình, thật là xa xôi không thể suy lường, việc nhiều không thể ghi chép, nhỏ nhiệm không thể nắm bắt, kín hẹp không thể bước vào. Đức Phật thông hiểu mọi việc rộng lớn bên ngoài, phân tích chỗ sâu xa nhỏ nhiệm nhất bên trong, cho đến cõi trời vô tận về phía trên, cõi đất vô tận về phía dưới, không gì mà không chỉ rõ như trong lòng bàn tay.

“Chỗ sáng tỏ đã bao trùm đến thế thì văn từ đâu phải rườm rà, dù đến hàng vạn quyển, hàng trăm ngàn lời cũng

⁽¹⁾ Quýt hôi, còn gọi là cây câu quất, cây chanh gai, là loại cây tương tự như cây cam nhưng quả rất đắng, thân có nhiều gai nhọn, quả dùng làm thuốc. Quả hái non bào chế thành chỉ thật, quả hái vào mùa thu bào chế thành chỉ xác, đều là các vị thuốc bắc.

⁽²⁾ Vạc: dụng cụ thời xưa dùng để nấu, giống như cái chảo lớn nhưng có 3 chân để tự đứng vững, như ngày nay vẫn còn nghe nói đến vạc dầu.

⁽³⁾ Hộc: tên một dụng cụ đo lường thời cổ, mỗi hộc bằng 10 đấu, mỗi đấu lại có 10 thăng.

⁽⁴⁾ Quân: đơn vị đo lường thời xưa, mỗi quân có ba mươi cân.

chưa đủ gọi là nhiều, có chỗ nào là không thiết yếu đâu? Lẽ nào chỉ xét ở chỗ sức một người tiếp nhận được hết mới cho là được hay sao? Ví như người khát uống nước, đã cơn khát thì thôi, cần chi biết đến chỗ nước còn thừa?

“Cái học cạn cợt của người đời nay, chỉ theo định kiến mà bài bác đạo Phật, vừa đọc qua vài mươi quyển sách đã

辯明三教至道

如是我聞。諸佛蓋為一大事因緣，入山修道，證果度生。後之學者必效先覺之所為，乃可以明此一大事也，亦以深隱山居，思惟此事。有客至而問曰。師居於此為何事乎。

一元曰。學佛道也。

曰。佛道之理可得聞乎。

曰。恣汝所問，吾即答之。

客曰。釋道二家之法，本是異端，師何以學之。

曰。先生何為出此言也。

客曰。道之虛無。釋之寂滅。豈不是異端也。

khởi tâm hưng hực như lửa đốt, gấp rút xem việc bài bác đạo Phật là cấp bách!

“Than ôi! Sức của người đời mà bài bác đạo Phật, khác nào như nghiêng bàn tay để che ánh mặt trời, như ôm một hòn đá mà ngăn con sông lớn! Ra công như thế, chẳng phải cũng là một nhọc lăm đó sao?”

Biện minh Tam giáo chí đạo

Nhồ thò ngaõ vaân: Chõ Phaã caũ vò nhaã ñãi sõi nhaãn duyeãn, nhaõp sôn tu ñãõ, chõmng quauõnoãsanh. Haũ chi hoẽ giaũ taã hieũ tieãn giaũ chi sôuvi, naõ khaũdó minh thõũnhaã ñãi sõiđãđ dieũ dó thaãn an sôn cõ tõ duy thõũsõĩ Hõũ khaũh chí nhi vaãn vieũ: Sõ cõ õ thõũ vi haõsõĩhoã

Nhaã Nguyeãn vieũ: Hoẽ Phaã ñãõ đãõ

Vieũ: Phaã ñãõ chi lýũ khaũñaẽ vaãn hoã

Vieũ: Tõũnhõõsõũvaãn, ngoãtõũ ñãõp chi.

Khaũh vieũ: Thích Ñãõ nhò gia chi phaõp, boãn thò dò ñoan, sõ haõdó hoẽ chi?

Vieũ: Tieãn sanh haõvi xuaã thõũngoãn đãõ

Khaũh vieũ: Ñãõ chi hõ voãp Thích chi tồch dieũ, khaũ baã thò dò ñoan đãõ

餘笑而反問曰。子曾讀虛無寂滅之書不。

答曰。異端之教不足觀也。

曰。彼書尚未能讀，焉識異端之道乎。非是教之異端，自是仁者執異端也。使仁者若知孔子則知佛老。因不知孔子，則反謗釋道矣。不聞張無盡曰。吾學佛然後能知儒。此言實爲至當。

客拜而再問曰。三教至道俱可聞乎。

答曰。聞可聞，唯恐不能行也。若能行持，可以爲孔子，可以爲老子，可以成佛矣。若聞而不信，信而不行，猶畫餅之不充饑也。

客曰。師今說之，我當行也。

一元曰。三教至道但是一心。心者，人之本源也。釋云。心是法中王。道云。心是衆之王。儒云。心是人之主。一切諸法皆不出於心也。

王不動，萬性自安。心不亂，諸邪不起。正所謂。心有主則不能動矣。

Dö tieá nhi phâm vaán vieá: Töútaàng ñoá hö voátòch dieá chi thö phuá

Ñáp vieá: Dò ñoan chi giaù baá tuù quan daó

Vieá: Bæthö thöông vò naêng ñoá, yeân thöù dò ñoan chi ñaó hoá Phi thò giaù chi dò ñoan, töi thò nhaân giaùcháp dò ñoan daó Söünhaân giaùnhöör tri Khoàng töü taé tri Phaá Laó. Nhaân baá tri Khoàng töü taé phâm baùng Thích, Ñaó hyó Baá vaán Tröông VoáTaán vieá: Ngoáhoá Phaá nhieân haá naêng tri Nho. Thöüngoán thaá vi chí ñaàng.

Khaùh baù nhi taù vaán vieá: Tam giaù chí ñaó, caù khai vaán hoá

Ñáp vieá: Vaán khaiuvaán, duy khuông baá naêng hanh daó Nhöör naêng hanh trì, khaúó vi Khoàng töü khaúó vi Laó töü khaúó thamh Phaá hyó Nhöör vaán nhi baá tín, tín nhi baá hanh, du hoá bình chi baá sung cô daó

Khaùh vieá: Sö kim thuyéá chi, ngaónöông hanh daó

Nhaá Nguyéân vieá: Tam giaù chí ñaó, ñaón thò nhaá taán. Taán giaù nhaân chi boán nguyéân daó Thích vaán: Taán thò pháp trung vöông. Ñaó vaán: Taán thò chung chi vöông. Nho vaán: Taán thò nhaân chi chuú Nhaá thieá chö pháp, giai baá xuáá ö taán daó

Vöông baá ñoäng, vaán taán töian. Taán baá loán, chö taá baá khôú. Chánh söuvò: taán höü chuú taé baá naêng ñoäng hyó

釋云。心地法門，非在舌辯。道云。心地下功，全拋世事。儒云。說不如行，行不如到。俱要終窮至實，畢到斯源。了義還宗隨機赴感。

故孔子以寂然不動為體，感而遂通為用。佛以定為體，慧為用也。老子以虛無為體，妙有為用。亦此意也。

嗟乎。非讀今之學者不見夫子之道，不識夫子之心。當時聖門顏子，號為具體，盡平生力量只道得箇瞻之在前，忽焉在後。如有所立卓爾，竟捉摸未著。

而聖人分明八字打開，向諸弟子曰。二三子，以我為隱乎，吾無隱乎爾。以此觀之，聖人未嘗迴避諸弟子，而諸弟子自蹉過了。

亦如佛說法華經曰。此經開方便門，示真實相。是法華經藏深固幽遠。無人能到。何以故。是法非思量分別之所能解。一切聲聞，緣覺所不能知。一切諸大菩薩亦不能知。唯佛與佛乃能究盡。

嗚呼。三乘賢聖尚不能測其佛智，況凡夫

Thích vaân: Tâm nũa pháp môn, phi tại thiệ biệ. Nũa vaân: Tâm nũa hải công, toan phao theasoi Nho vaân: Thuyệ bá nhõ hành, hành bá nhõ nũa. Caâu yeâu chung cung chí thaï, tại nũa tở nguyê. Liệi nghúa hoan toang, tuy cô phôi cam.

CoáKhoang tởudó tởch n히려n bá nỡng vi theạ cam nhi toai thông vi dưng. Phai dó nỡnh vi theạ hueavi dưng daõ Laõ tởu dó hõ voavi theạ dieu hõu vi dưng, dieu thõuyudaõ

Ta hoạ phi nỡi kim chi hõr giâu bá kieán Phu tởuchi nũa, bá thõu Phu tởuchi tâm. Nỡng thõu Thành môn Nhan tởu hieü vi cuithệ tâm bình sanh lữ lữing chệ nũa: nũa cau chieán chi tại tieán, hoạ yeán tại haü. Nhõ hõu sõulaõ traü nhõ, kình trõu mãc vò trõu.

Nhi thành nhân phân minh bát tởi nũakhai, hõng chõ nẽatõuviệ: Nhõ tam tởu dó ngaõvi an hoạ ngoavoân hoànhõ. Dó thõuquan chi, thành nhân vò thõng hoạ tở chõ nẽatõu nhi chõ nẽatõutõitha quaülieü.

Dieu nhõ Phai thuyệ Pháp Hoa kinh việ: Thõukinh khai phõng tieán môn, thõ chãn thaï tởõng. Thõ Pháp Hoa kinh tãng, tâm coau việ, vãnhaân nỡng nũa. Hãdó co? Thõ pháp phi tở lữing phân biệ chi sõunaõng giâu. Nhai thiệ Thanh vaân, Dyeán giâu sõubá nỡng tri. Nhai thiệ chõ nũa Boátat, dieu bá nỡng tri. Duy Phai dõPhai, nũa nỡng cõm tâm.

Oãhoạ Tam thõ hieán thành, thõng bá nỡng traé kyø Phai trí, huóng phõn phu nhi nỡng traé nũa tại? Phõn tình

是人行邪道，
不能見如來。

又云。無法可說，是名說法。云何為人演說。不取於相，如如不動。

道云。視不得見，聽不得聞，離種種邊名，名曰妙道。又云。道難說，須當自悟。法可傳，道不可傳也。

儒云。視不用目，聽不用耳。離耳目之用，自然得性。又云。道本無言，言生理喪。若將聲色化民，是為末也。

深推三教至道皆不在乎傳受文字也。

莊子云。使道之可傳，人莫不傳之子孫。道之可獻，人莫不獻之君親。其不可傳獻者，無他。中無主而外無其證也。

又云。夫子欲見溫伯雪子久矣。及見，寂無一言。及出，子路怪而問曰。夫子欲見溫伯雪子久矣，緣何無一言乎。孔子曰。此人目擊而道存，不可以容言音矣。

Thị nhân hành tà đạo.

Bất năng kiến Như Lai.

Höü vaân: Voâphap̄p̄ khaũthuyêá, thò danh thuyêá phap̄p̄, Vaân haõvò nhaân dieñ thuyêá? Baá thuõ töõng, nhõ nhõ baá ñoãg.

Ñãb vaân: Thò baá ñãé kieán, thính baá ñãé vaân, ly chũng chũng bieñ danh, danh vieá dieñ ñãb. Höü vaân: Ñãb nan thuyêá tu ñõõng töi ngoã Phap̄p̄ khaũtruyêñ, ñãb baá khaũtruyêñ daõ

Nho vaân: Thò baá dũng mũc, thính baá dũng nhó. Ly nhó mũc chi dũng, töi nhieñ ñãé tamh. Höü vaân: Ñãb boãn voã ngoãn, ngoãn sanh lyũtamg. Nhõõc töõng thanh saé hoã dañ, thò vi mã daõ

Thaãn suy tam giaõ chí ñãb, giai baá taĩ hoãtruyêñ thoi vañ töi daõ

Trang töuvaân: Sõũñãb chi khaũtruyêñ, nhañ mãc baá truyêñ chi töũtoãn? Ñãb chi khaũhieñ, nhañ mãc baá hieñ chi quañ thañ? Kyõbaá khaũtruyêñ hieñ giaũ voãtha. Trung voã chũñ nhi ngoãĩ voãkyõchõng daõ

Höü vaân: Phu töũduĩ kieán Oñ BaũTuyêá töücõũ hyõ Cap̄p̄ kieán, tòch voãnhaá ngoãn. Cap̄p̄ xuaá, TõũLoãquañ nhi vañ vieá: Phu töũduĩ kieán Oñ BaũTuyêá töücõũ hyõ duyêñ haõvoãnhaá ngoãn hoã? Khoãg töũvieá: Thõũnhañ mũc kich nhi ñãb toãn, baá khaũdó dung ngoãn aãm hyõ

要知夫子之道實是超出語言。非類今之世人，只工文字而不修道德。但要人爵而不修天爵。

不見論語云。天何言哉。四時行焉，百物生焉，天何言哉。

又云。夫子之文章，可得而聞也。夫子之言性與天道不可得而聞也。又云。德行本也，文藝末也。

周子通書曰。不知務道德，而以文辭為能者，藝焉而已矣。昔者齊桓公讀書於堂上，有斲輪者告曰。公所讀書者，古人糟粕也，不得真醇之味。

亦如達磨西來，不立文字，教外別傳，直指人心，見性成佛。奚拘於文字語言乎。

從上三教聖人本是無言無說。只為後人迷失真智，不得已而開箇門戶與後人也。惜乎後人不行，是誰之咎歟。

佛眼遠和尚曰。學者不可泥於文字語言。蓋文字語言依他作解，障自悟門，不能出言象之表。

Yeá tri Phu tōuchi ñăb, thaá thò sieá xuaá ngōōngôn, phi loaí kim chi theánhân, chàcoâng vaân tōi nhi baá tu ñăb ñōù. Ñăñ yeá nhaân tōōù nhi baá tu thieán tōōù.

Baá kieán Luậñ ngữ vaân: Thieán haōngôn tai! Tōùthōá hánh yeá, baùh vaá sanh yeá. Thieán haōngôn tai!

Hōi vaân: Phu tōuchi vaân chōōng, khaũñaé nhi vaân dađ Phu tōuchi ngoân tành, dōthieán ñăb, baá khaũñaé nhi vaân dađ Hōi vaân: Ñōù hánh boán dađ vaân ngheãmađ dađ

Chu tōuthoàng thō vieá: Baá tri vui ñăb ñōù, nhi dó vaân tōōvi naōng giaù ngheãyeá nhi dó hyó Tích giaùTeàHoam coâng ñoá thō ò ñōōng thōōng, hōi traù luañ giaùcaò vieá: Coâng sōũnoá thō giaù coánhân tao phaùh dađ baá ñăé chañ thuañ chi và.

Dieã nhō Đạt-ma taý lai, baá lađ vaân tōi giaù ngoaí bieá truyeán, trōc chànhân tành, kieán tành thanh Phaá, heàcañ ò vaân tōi ngōōngôn hoá

Tung thōōng Tam giaù thanh nhaân, boán thò voāngôn voá thuyeá, chàvò haũ nhaân meáthaá chañ trí, baá ñăé dó nhi khai caùmoán hoädōohaũ nhaân dađ Tích hoáhaũ nhaân baá hánh, thò thuy chi cōi dō.

Phaá Nhañ Vieñ hoa thōōng vieá: Hoé giaùbaá khaũneá ò vaân tōi ngōōngôn. Cañ vaân tōi ngōōngôn, y tha taù giaù, chōōng tōi ngoāmoán, baá naōng xuaá ngoân tōōng chi bieá.

昔達觀穎初見石門聰和尚，室中馳騁口舌之辯。聰曰。子之所說，乃紙上語，則未極其奧。須用真參實悟。悟則超然卓立，不乘言，不滯句。如師子王哮吼百獸震駭。回觀文字之學，何啻以十較百，以千較萬也。

諸仁者。况以道源不遠，性海非遙。但向己求，莫從他覓。覓即不得，得亦不真。人能弘道，非道弘人。易云。百姓日用而不知，深可痛也。

於戲。今生不了，永入輪迴。朝若得聞，夕死可矣。

仲尼言。欲學至道，須當絕念於未萌，治心於未起。莫見乎隱，莫顯乎微。所謂誠其意者，毋自欺也。

老子言。欲得至道，須離見聞覺知，忘心忘境，直要忘忘。忘無可忘，斯為真忘。

能人言。谷入至道，須離作止任滅。若說有覺，猶未離幻。離遠離幻，亦復遠離。一而三，三而一，皆此道也。

儒曰。毋意，毋心，毋固，毋我。道曰。無

Tích Nãi Quan Đính sô kiến Thach Moan Thong hoa thöông, tháí trung trì sinh khai thieí chi bieñ. Thong vieá: Tôuchi sôuthuyéí, naó chàthöông ngöõ táé vô cöc kyöaò. Tu düng chañ tham tháí ngoã ngoãtaé sieñ nheñ traù læp, báí thöa ngoñ, báí treäcuù Nhö sö töüvöông hao hoáng, báñ thuù chañ haó. Hoá quan vañ töichi hoë, hañeádó thaþ giàù báñ, dó thieñ giàù vañ daó

Chö nhañ giàù Huóng dó ñaó nguyêñ báí vieñ, tàñh hañ phi dieñ. Nãñ höông kyücaù, mãc tung tha möch, Möch töü báí ñaé, ñaé dieë báí chañ. Nhañ nañg hoàng ñaó, phi ñaó hoàng nhañ. Dìch vañ: Báñ tàñh nhañ düng nhi báí trì, thañ khai thong daó

Oãhoá Kim sanh báí lieñ, vónh nhäp luañ hoá. Trieñ nhöõc ñaé vañ, tòch töükhañhyó

Troñg Ni ngoñ: Düc hoë chí ñaó, tu ñöông tuyéí nieñ ö vô manh, trò tañ ö vô khöü. Mãc kieñ hoàañ, mãc hieñ hoà vi, sôüvò thañh kyöyügiaù voätöikhi daó

Laó töüngoñ: Düc ñaé chí ñaó, tu ly kieñ vañ giàù trì. Vong tañ vong camh, tröc yeñ vong vong. Vong voàkhañ vong, tö vi chañ vong.

Nañg Nhañ ngoñ: Düc nhäp chí ñaó, tu ly taù chàñhañ dieñ. Nhöõc thuyéí höü giàù, do vô ly huyéñ, ly vieñ ly huyéñ dieë phuë vieñ ly. Nhañ nhi tam, tam nhi nhañ, giai thöüñaó daó

Nho vieá: Voâyü voàtañ, voàcoá voàngaó Nãñ vieá: Voà töông, voà danh, voà nañg, voàsô Thích vieá: Voàngaó voà

相，無名，無能，無所。釋曰。無我，無人，無
 憎，無愛。是故三教聖人皆不越這箇道理也。

孔子曰。吾有知乎哉。無知也。

楞嚴經云。知見立知，即無明本。知見無
 見。斯即涅槃。

般若偈云。般若無知，無事不知。般若無
 見，無事不見。空生以無說而說。天帝以無聞
 而聞。斯乃真般若之妙道也。

列子云。是以聖人功高二儀，而不仁。明
 逾日月，而常昏。不仁者，施恩不望報。常昏
 者，照而無心也。無為而治者，亦如是也。

孔子教人，在明明德，在新民，在止於至
 善。能推此理而行可以為孔子也。

老子教人，以誠而入，以默而守，以柔而
 用。能推此理而行，則可以為老子也。

佛氏教人，廣行慈悲願力之道。大慈者，與
 一切眾生之樂。大悲者，拔一切眾生之苦。大
 願者。願眾生成正覺也。大力者，度眾生出三
 界也。能推此理而行，可以成佛也。

nhaân, vôatãng, vôaũ. Thò cóTam giaò thanh nhaân giai baá
 vieã giaùcaũñaõ lyùdaõ

Khoãng töüvieã: Ngoãhõũ tri hoàtai! Voãtri daõ

Laông Nghieãn kinh vaãn: Tri kieãn laõp tri, töü vôaminh
 boãn. Tri kieãn vôãkieãn, tö töü Niết-bàn.

Bát-nhã keävã: *Bát-nhã* vôãtri, vôãsõibaá tri. *Bát-nhã*
 vôãkieãn, vôãsõibaá kieãn. Khoãng sanh dó vôãthuyeã nhi thuyeã.
 Thieãn ñeádó vôãvaãn nhi vaãn, tö naõ chaãn *Bát-nhã* chi dieũ
 ñãõ daõ

Lieã töüvaãn: Thò dó thanh nhaân công cao nhò nghi, nhi
 baá nhaân. Minh du nhaã nguyẽ, nhi thõông hoãn. Baá nhaân
 giaũ thi ân baá võng baõ. Thõông hoãn giaũ chieũ nhi vôãtaãn
 daõ Voãvi nhi trò giaũ dieũ nhõ thò daõ

Khoãng töügiaò nhaân, taĩ minh minh ñõũ, taĩ taãn daãn, taĩ
 chæõ chí thieãn. Naông suy thõũlyũnhĩ haanh, khaũdó vi Khoãng
 töüdaõ

Laõ töügiaò nhaân, dó thanh nhi nhaõp, dó mãc nhi thuũ
 dó nhu nhi dũng. Naông suy thõũlyũnhĩ haanh, taé khaũdó vi
 Laõ töüdaõ

Phã thò giaò nhaân, quãng haanh töõbi nguyẽn lõc chi
 ñãõ. Ñãĩ töõgiaũ döõnhaá thieã chũng sanh chi laẽ. Ñãĩ bi
 giaũ baá nhaá thieã chũng sanh chi khoã Ñãĩ nguyẽn giaũ
 nguyẽn chũng sanh thanh chãnh giaũ daõ Ñãĩ lõc giaũ ñõã
 chũng sanh xuaá tam giõũ daõ Naông suy thõũlyũnhĩ haanh,
 khaũdó thanh Phã daõ

夫至道者，如秋月之流空，若閑雲之出岫。赤洒洒，活鱗鱗，圓陀陀，光燦燦。玄之又玄，妙之又妙者也。

今以略說三教至道與汝知之。若談妙理，窮劫說不可盡也。

吁。聖人空費老婆心，知音不用頻頻舉。吾勸仁者，同發佛心，同修佛道，同生佛國，同成佛果也。

客稽首而退，謝曰。信受奉行。

17. Biện minh chỗ chỉ đạo trong Tam giáo

Tôi có nghe rằng:⁽¹⁾ Chư Phật vì một việc nhân duyên lớn nên vào núi tu hành, chứng thành đạo quả cứu độ chúng sanh. Những người hậu học ắt phải noi theo chỗ làm của bậc đã giác ngộ mới có thể thấu rõ việc đại sự ấy, nên cũng phải ẩn mình trong rừng núi mà suy xét việc này. Có người tìm đến hỏi rằng: “Thầy ở đây làm gì?”

Nhất Nguyên đáp: “Học đạo Phật.”

Lại hỏi: “Có thể nói cho tôi nghe cái lý của đạo Phật được chăng?”

Đáp: “Ông cứ tùy ý hỏi, tôi sẽ đáp.”

⁽¹⁾ Lời ngài Nhất Nguyên Tông Bổn tự xưng.

Phước chí nào giaû nhô thu nguyêñ chí lờu không. Nhôõc nham vañ chí xuañ tuỷ xích sañ sañ, hoải bañ bañ, vieñ ñaõñaõ quang thôõu thôõu, huyeñ chí hõu huyeñ, dieñ chí hõu dieñ giaũdaõ

Kim dó lờõc thuyeñ tam giaõ chí ñaõ, dõõnhõõtri chí. Nhõõc ñaõm dieñ lự cung kieñ thuyeñ bañ tañ daõ

Hu! Thành nham không phí lão bảtâm, tri âm bañ dùng tañ tañ cõu Ngôakhueñ nham giaũñoàng phañ Phañ tañ, ñoàng tu Phañ ñaõ, ñoàng sanh Phañ quoañ, ñoàng thanh Phañ quaũdaõ

Khảh kheathuñhi thoả, tạivieñ: Tín thõiphùng hañh.

Khách nói: “Giáo pháp của hai đạo Thích, Lão vốn đều là những sự dị đoan, thầy theo học làm gì?”

Nhất Nguyên hỏi: “Vì sao ông lại nói như vậy?”

Khách đáp: “Cái hư vô của đạo Lão, sự tịch diệt của đạo Phật, chẳng phải đều là dị đoan đó sao?”

Nhất Nguyên cười hỏi lại rằng: “Ông đã từng đọc những sách nói về hư vô, tịch diệt hay chưa?”

Đáp: “Đó là giáo pháp dị đoan, chẳng cần xem đến.”

Nhất Nguyên nói: “Kinh sách của họ ông còn chưa đọc, sao biết được là đạo dị đoan? Như vậy chẳng phải giáo pháp các đạo ấy là dị đoan, mà chính là tự ông chấp lấy sự dị đoan. Nếu ông hiểu được Khổng tử, ắt sẽ hiểu được

Phật, Lão. Vì không hiểu Khổng tử nên mới chống báng với Phật, Lão đó thôi. Trương Vô Tận nói rằng: ‘Ta nhờ học Phật rồi sau mới rõ được đạo Nho.’ Lời ấy thật đúng lý thay!”

Khách chấp tay vái, hỏi tiếp rằng: “Thầy có thể nói cho tôi nghe lý rất ráo của cả Tam giáo được chăng?”

Đáp: “Nghe thì có thể được, chỉ sợ ông không thể làm theo. Nếu như thường làm theo thì có thể trở thành như Khổng tử, như Lão tử, cũng có thể thành Phật. Còn như nghe mà chẳng tin, hoặc tin mà chẳng làm, thì có khác chi cái bánh vẽ, không thể no lòng.”

Khách thưa rằng: “Xin thầy giảng giải, tôi nguyện sẽ làm theo.”

Nhất Nguyên nói: “Chỗ rất ráo trong cả Tam giáo chỉ một sự nhất tâm mà thôi. Tâm là nguồn cội của con người. Đạo Phật nói: ‘*Tâm là vua các pháp.*’ Đạo Lão nói: ‘*Tâm là vua của chúng.*’ Đạo Nho nói: ‘*Tâm là chủ của người.*’

“Tất cả pháp đều không ra ngoài tâm. Nếu vua chẳng động ắt muôn dân đều yên ổn, tâm không rối loạn thì những điều tà vạy không sanh khởi. Đó thật là: Tâm có chủ định ắt không thể rối loạn.

“Đạo Phật dạy: ‘*Pháp môn tâm địa không phải ở nơi sự biện luận.*’ Đạo Lão nói: ‘*Tâm địa ra công, việc đời dứt sạch.*’ Đạo Nho nói: ‘*Nói không bằng làm, làm không bằng đạt tới.*’ Thấy đều nói sự thiết yếu là chỗ rất cùng chân thật, đạt tới nguồn cội này, thấu rõ thật nghĩa, quay về cội gốc, tùy cơ duyên mà có sự cảm ứng.

“Cho nên, đức Khổng tử lấy sự vắng lặng chẳng động làm *thể*, chỗ *dụng* là cảm ứng mà thông suốt; đức Phật

lấy tâm an định làm *thể*, chỗ *dụng* là trí huệ. Lão tử lấy hư vô làm *thể*, chỗ *dụng* là hiện hữu nhiệm mầu. Đều là cùng một ý như thế.

“Than ôi! Không chỉ là học giả đời nay không thấy được đạo Phu tử, không hiểu được lòng Phu tử, cho đến trong số môn đệ đương thời có Nhan tử⁽¹⁾ được xem là đầy đủ đức hạnh của bậc thánh,⁽²⁾ nhưng dùng hết sức bình sanh cũng chỉ nói được rằng: ‘*Mới nhìn thấy trước mặt, bỗng hiện lại sau lưng...*’⁽³⁾ như đứng sừng sững đó nhưng rốt cùng chẳng thể nắm bắt, sờ mó được.

“Tuy vậy, đức Khổng tử đã mở bày chỉ bảo rất rõ ràng. Ngài dạy các môn đệ rằng: ‘*Các ông cho rằng ta có chỗ che giấu ư? Ta không che giấu điều chi cả.*’⁽⁴⁾ Theo đó mà xét ra, thánh nhân chưa hề có sự che giấu, tránh né các đệ tử, chỉ do hàng đệ tử tự có chỗ sai lệch, hiểu lầm đó thôi.

“Lại như trong kinh Pháp hoa, Phật dạy: ‘*Kinh này mở cánh cửa phương tiện, chỉ rõ tướng chân thật.*’ Kinh Pháp

⁽¹⁾ Nhan tử: tức Nhan Hôi, cũng gọi là Nhan Uyên.

⁽²⁾ Sách Mạnh tử, quyển 2, chương Công Tôn Sửu (thượng) nói: “... Các ông Tử Du, Tử Hạ, Tử Trương đều có một phần đức hạnh của bậc thánh; các ông Nhiễm Ngưu, Mẫn Tử, Nhan Uyên có đủ các đức hạnh của bậc thánh, chỉ là kém hơn.” (子夏, 子游, 子張皆有聖人之一體。冉牛, 閔子, 顏淵則具體而微。- Tử Hạ, Tử Du, Tử Trương giai hữu hữ thánh nhân chi nhất thể, Nhiễm Ngưu, Mẫn Tử, Nhan Uyên tắc cụ thể nhi vi.) Nguyên bản Hán văn chỉ nói Nhan tử “hiệu vi cụ thể” (號為具體), chính là chỉ đến ý nghĩa đoạn này.

⁽³⁾ Trong sách *Luận ngữ*, quyển 5, chương 9, tiết 10, ông Nhan Uyên khen rằng: “Đạo của thầy ta càng trông lên thì thấy càng cao, càng cúi vào thì càng biết là kiên cố, mới nhìn thấy trước mặt, bỗng hiện lại sau lưng...”

⁽⁴⁾ Sách *Luận ngữ*, chương 7, tiết 23: “Nhị tam tử, dĩ ngã vi ẩn hồ? Ngô vô ẩn hồ nhĩ! Ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử giả. Thị Khâu dã. (二三子以我為隱乎? 吾無隱乎爾! 吾無行而不與二三子者, 是丘也。)” “Các ông cho rằng ta có chỗ che giấu ư? Ta không che giấu điều chi cả. Ta không làm điều gì mà không cho các ông biết. Khâu này là như vậy.”

hoa này hàm chứa sự sâu xa, kiên cố và ẩn mật, huyền nhiệm, không ai có thể thấu triệt nổi. Vì sao vậy? Pháp này không thể dùng sự suy lường phân biệt mà hiểu được. Hết thấy Thanh văn, Duyên giác đều không hiểu nổi, cho đến tất cả các vị đại Bồ Tát cũng không hiểu nổi. Chỉ riêng Phật với Phật mới có thể cứu xét đến cùng pháp ấy.

“Than ôi! Các vị hiền thánh trong ba thừa⁽¹⁾ còn không thể suy lường trí Phật, huống chi phàm phu lại có thể xét lường được sao? Lấy cái tình thức của người phàm mà suy lường trí Phật, khác nào dùng chút lửa đom đóm mà đốt núi *Tu-di*! Thật không chút ảnh hưởng gì, chỉ uổng công khó nhọc. Nào biết rằng Pháp thân chân thật của Phật dường như hư không, ứng theo vật mà hiện ra hình như trăng dưới nước, khi rộng thì bao trùm cả pháp giới, khi hẹp thì nhỏ như hạt cải cũng khó lọt vào, khi dùng đến thì cả pháp giới đều hiện rõ, khi buông bỏ thì một hạt bụi cũng chẳng thành, cho đến nổi hư không nát nghiền, cõi đất san bằng, chìm mất, chúng ma ngoại đạo kinh hồn, khắp hàng trời người khiếp sợ. Chỗ rốt ráo của đạo là như thế, có thể dùng văn tự, ngôn ngữ mà suy lường được sao?

“Kinh Hoa nghiêm có ý chính rằng: ‘Chỗ rộng lớn của pháp giới, hư không chẳng sánh bằng. Chỗ mầu nhiệm chân thật duy nhất, dù ngàn vị thánh ra công cũng không theo kịp. Chính là chỗ dùng, cũng là khỏi chỗ dùng,⁽²⁾

⁽¹⁾ Ba thừa: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ Tát thừa. Các vị tu tập theo Thanh văn thừa chứng từ sơ quả (quả vị thấp nhất) Tu-đà-hoàn trở lên đều được tôn xưng là bậc thánh.

⁽²⁾ Ngài Bách Trượng đến tham học với Mã Tổ. Tổ đưa tay chỉ cây phát trần dựng cạnh giường. Bách Trượng nói: ‘Chính là chỗ dùng, cũng là khỏi chỗ dùng.’ Tổ nói: ‘Ông ngày sau bóc mở vải miếng da, lấy ai là người?’ Bách

phấn chấn như cọp ra oai;⁽¹⁾ chỗ sáng đến, chỗ tối đến,⁽²⁾ mạnh mẽ như uy thế con trâu sắt;⁽³⁾ ném cả thế giới Đại thiên ra ngoài tám hướng cũng không ngay không lệch; ép núi *Tu-di* vào trong một hạt cải cũng không chèn ép, chật hẹp.

“Bảo đó là không, sao riêng có sự chân thật hiển bày; còn bảo là có, thì dù một dấu tích nhỏ nhiệm cũng không tồn tại. Hàng Thanh văn, Duyên giác không thể thấy được bờ bến; cho đến hàng Bồ Tát từ Sơ địa trở lên⁽⁴⁾ cũng chưa hiểu rõ hết chỗ viên dung. Chỉ có bậc căn cơ cao tột mới đốn ngộ tức thời, còn hạng căn khí nhỏ nhoi ắt phải tu tập trải qua nhiều đời nhiều kiếp.

“Như vậy, kẻ phàm tục ngu si, thấy biết nông cạn, lẽ nào có thể xét lường được sao?

Trượng cầm cây phát trần dựng lên. Tổ nói: “Chính là chỗ dùng, cũng là khỏi chỗ dùng.” Bách Trượng treo cây phát trần lên chỗ cũ. Mã Tổ liền hét lớn. Bách Trượng nhân đó đại ngộ, nhưng vì tiếng hét lớn quá nên tai điếc đến ba ngày.

⁽¹⁾ Hoàng Bá đến tham vấn Bách Trượng, Tổ hỏi: “Ở đâu đến đây?” Hoàng Bá đáp: “Từ núi Đại Hùng.” Bách Trượng hỏi: “Ở núi Đại Hùng, có thấy con cọp lớn không?” Hoàng Bá bèn giả làm tư thế con cọp. Bách Trượng cầm cây búa, giả thế như chém cọp. Hoàng Bá liền tát trúng Bách Trượng một cái. Bách Trượng cười ha hả, hôm sau thăng đường nói với đại chúng: “Núi Đại Hùng có một con cọp lớn, lão tăng vừa bị nó vả một phát.”

⁽²⁾ Sách Ngũ tạng hội nguyên, quyển 4, kể chuyện hòa thượng Phổ Hóa thường rung một cái chuông nhỏ rồi nói: “Sáng đến thì đánh chỗ sáng, tối đến thì đánh chỗ tối, bốn phương tám hướng đến thì đánh như gió xoáy, hư không đến thì đánh không dùng nghĩ.” (明頭來, 明頭打。暗頭來, 暗頭打。四方八面來, 旋風打。虛空來, 連架打。- Minh đầu lai, minh đầu đá. Âm đầu lai, âm đầu đá. Tứ phương bát diện lai, toàn phong đá. Hư không lai, liên giá đá.)

⁽³⁾ Uy thế con trâu sắt (thiết ngư chi thế): dựa theo ý trong một bài kệ của cư sĩ Bàn Uẩn, nói rằng chỉ có con trâu bằng sắt là không sợ tiếng gâm của loài sư tử. Ý nói sự dũng mãnh không còn biết sợ là gì.

⁽⁴⁾ Nguyên bản Hán văn dùng “đăng địa Bồ Tát”. Hàng Bồ Tát tu tập lần lượt trải qua 52 địa vị, từ thấp đến cao gồm có: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. Từ khi chứng đắc Sơ địa trong Thập địa thì gọi là Bồ Tát đăng địa.

“Kinh Kim Cang dạy rằng:

*Nếu dùng sắc thấy Ta,
Dùng âm thanh cầu Ta.
Là người hành tà đạo,
Chẳng thể thấy Như Lai.*

“Lại nói: ‘Không một pháp nào có thể thuyết, đó gọi là thuyết pháp... Chẳng chấp giữ nơi tướng, như như chẳng động.’

“Lão giáo nói: ‘Nhìn không thể thấy, nghe chẳng thể nghe, lìa khỏi mọi giới hạn, đó gọi là diệu đạo.’ Lại nói: ‘Đạo khó giảng nói, phải tự chứng ngộ. Pháp có thể truyền, nhưng đạo không thể truyền.’

“Nho giáo nói: ‘Thấy không dùng mắt, nghe chẳng dùng tai, lìa bỏ chỗ dùng của mắt và tai tự nhiên đạt được tánh.’ Lại nói: ‘Đạo vốn không lời. Khởi nên lời nói thì chân lý tiêu mất. Nếu dùng âm thanh, hình sắc để giáo hóa dân thì đó chỉ là việc ở ngọn mà thôi.’

“Xét thật sâu xa chỗ rốt ráo của đạo trong Tam giáo, đều không do nơi sự truyền dạy bằng văn tự. Trang tử nói: ‘*Ví như đạo có thể truyền được, sao người ta lại không truyền cho con cháu? Ví như đạo mà dưng hiến được, sao người ta lại không dưng hiến cho những người mình tôn kính?*’ Sở dĩ đạo không thể truyền, không thể dưng hiến, chỉ là vì khi bên trong chưa làm chủ được tâm thì bên ngoài thật không có gì để chứng đắc.

“Lại kể chuyện rằng: ‘Phu tử⁽¹⁾ muốn gặp Ôn Bá Tuyết tử đã lâu. Đến khi gặp rồi, lặng thinh không nói lời nào.

⁽¹⁾ Phu tử: tức Khổng tử.

Khi ra về, Tử Lộ lấy làm lạ hỏi rằng: ‘*Thầy muốn gặp Ôn Bá Tuyết tử đã lâu, nay sao lại không nói lời nào?*’ Khổng tử đáp: ‘*Người ấy chỉ cần được tận mắt nhìn thấy thì còn có đạo, không thể chấp nhận lời nói, ngôn ngữ.*’

“Nên biết rằng đạo của Phu tử thật là vượt khỏi ngôn ngữ, không giống như người đời nay chỉ giỏi văn tự mà không tu đạo đức, chỉ đặt nặng danh vị với con người mà không tu lấy sự cao quý theo đạo trời.

“Sách *Luận ngữ* viết: ‘*Trời nói gì đâu? Bốn mùa chuyển vận, trăm vật sanh sôi. Trời có nói gì đâu?*’⁽¹⁾ Lại nói: ‘*Văn chương của đức Phu tử có thể được nghe, còn lời Phu tử nói về bản tánh cùng với thiên đạo thì không thể được nghe.*’⁽²⁾ Lại nói: ‘*Đức hạnh là cội gốc, văn nghệ là ngọn.*’

“Trong sách *Thông thư* của Chu tử⁽³⁾ có nói: ‘*Không chuyên đạo đức mà giỏi văn từ, đó chỉ là cái nghề mà thôi.*’ Thuở xưa, Tề Hoàn Công đọc sách nơi thư phòng, có người thợ làm bánh xe bảo rằng: ‘*Ngài đọc sách đó chỉ là cặn bã của cỏ nhân, không thể có được cái mùi vị chân thật thuần khiết.*’

“Ngài Đạt-ma từ Ấn Độ sang đây, không lập thành văn tự, riêng truyền ngoài giáo điển, chỉ thẳng nơi tâm người,

⁽¹⁾ Đây dẫn lời đức Khổng tử ghi trong *Luận ngữ*, chương Dương hóa thứ 17. Nguyên văn của tiết 18 này là như sau: 子曰：予欲無言！子貢曰：子如不言，則小子何述焉？子曰：天何言哉？四時行焉，百物生焉，天何言哉？ (Tử viết: Dư dục vô ngôn! Tử Cống viết: Tử như bất ngôn, tiểu tử hà thuật yên? Tử viết: Thiên hà ngôn tai? Tứ thời hành yên, bách vật sanh yên. Thiên hà ngôn tai? – Khổng tử nói: Ta muốn không nói. Tử Cống thưa: Nếu Thầy không nói, chúng con biết học theo như thế nào? Khổng tử nói: Trời nói gì đâu? Bốn mùa chuyển vận, trăm vật sanh sôi. Trời có nói gì đâu?)

⁽²⁾ Đây dẫn lời Tử Cống trong *Luận ngữ*, chương 5, tiết 12.

⁽³⁾ Chu tử: tức Chu Liêm Khê.

thấy tánh thành Phật, nào có câu nệ nơi văn tự, ngôn ngữ?

“Từ trước các bậc thánh trong Tam giáo vốn là không nói, không thuyết, chỉ vì người đời sau mê mờ chân trí nên bắt đắ dĩ mới khai mở ra giáo môn để dạy người hậu thế. Tiếc thay, người đời sau lại chẳng làm theo, như vậy là lỗi của ai?

“Hòa thượng Phật Nhãn Viễn nói: *‘Người học không nên câu nệ ở văn tự, ngôn ngữ. Hết thầy văn tự, ngôn ngữ đều là dựa theo người khác mà hiểu nên làm chướng ngại sự tỏ ngộ của chính mình, khiến cho không thể thoát ra khỏi cái giới hạn biểu đạt của ngôn từ.’*

“Ngày trước, lần đầu ông Đạt Quan Húc gặp hòa thượng Thạch Môn Thông, chỉ muốn tranh tài biện luận. Hòa thượng nói: *‘Những điều ông nói đều chỉ là lời ghi chép trên giấy, đều chưa đạt tới chỗ uyên áo rốt cùng, cần phải có sự tham cứu cho đến chỗ chân thật chứng ngộ. Đạt ngộ rồi thì siêu việt sừng sững giữa trời, chẳng dựa theo lời nói, chẳng trói buộc nơi câu chữ, như sư tử chúa gầm rống, các loài thú đều khiếp sợ, quay nhìn lại cái học văn tự khác nào như lấy hàng chục so với hàng trăm, lấy hàng ngàn so với hàng vạn.’*

“Này các vị! Huống chi, nguồn đạo vốn chẳng xa, biển tánh thật không ngăn cách, chỉ cần quay lại cầu nơi chính mình, đừng chạy theo người khác mà tìm; dù tìm cũng không có được, dù được cũng không phải chân thật. Người có thể làm cho đạo rộng truyền, đạo không thể làm cho người phát triển. Kinh Dịch nói: *‘Trăm họ thường dùng hàng ngày mà không biết, thật đáng thương thay!’*

“Than ôi! Ngay trong đời này nếu không liễu ngộ, ắt phải mãi mãi chìm trong luân hồi. *‘Sáng được nghe đạo, chiều chết cũng vui.’*⁽¹⁾

“Khổng tử dạy rằng: *‘Muốn học chỗ rốt ráo của đạo, phải dứt mọi niệm tưởng từ khi còn chưa chớm, trị tâm ý khi chưa sanh khởi... Đừng cho rằng giấu kín thì không thấy, việc nhỏ thì không bày rõ.’* Đó chính là làm cho tâm ý chân thành, không tự dối mình.

“Lão tử nói: *‘Muốn được chỗ rốt ráo của đạo, phải liả bỏ sự thấy, nghe, nhận biết; quên tâm, quên cảnh, cho đến quên cả cái quên. Quên được điều không thể quên mới thật là quên.’*

“Đức Phật Thích-ca dạy rằng: *‘Muốn vào được chỗ rốt ráo của đạo, phải liả bỏ hết mọi sự tạo tác, dừng nghỉ, nhận lấy, diệt bỏ. Nếu nói có chỗ giác ngộ tức là chưa liả khỏi huyễn ảo. Ngay cả sự liả khỏi huyễn ảo cũng liả bỏ đi. Một mà ba, ba mà một, đó là đạo vậy.’*

“Đạo Nho dạy: *‘Không giữ ý riêng, không định thời hạn, không cố chấp điều đã biết, không lo cho riêng mình.’* Đạo Lão dạy: *‘Không hình tướng, không tên gọi, không có người làm, không có việc được làm.’* Nhà Phật nói: *‘Không có tự ngã, không có người khác, không oán ghét, không luyến ái.’* Cho nên, thánh nhân trong Tam giáo đều không vượt qua một lý đạo ấy.

“Khổng tử nói: *‘Ta biết được gì chăng? Ta không biết chi cả.’*

Kinh Lăng Nghiêm nói: *‘Thấy biết mà cho là biết, tức là gốc của vô minh. Thấy biết mà không thấy biết, đó tức là Niết-bàn.’*

⁽¹⁾ Đây trích lời đức Khổng tử: “Triều văn đạo tịch tử khả hỷ.”

“Kệ *Bát-nhã* rằng: ‘*Bát-nhã* không biết nhưng không việc gì không biết; *Bát-nhã* không thấy nhưng không việc gì không thấy.

“Ngài *Không Sanh*⁽¹⁾ lấy sự không nói để nói, Thiên đế⁽²⁾ lấy sự không nghe để nghe. Đó là đạo nhiệm mầu của *Bát-nhã* chân thật.

“Liệt tử nói: ‘Cho nên, bậc thánh nhân công cao như trời đất mà chẳng nhân; sáng tỏ như mặt trời, mặt trăng mà thường tối. *Chẳng nhân* là thi ân mà không mong sự báo đáp; *thường tối* là chiếu sáng một cách vô tâm. Không làm mà trị yên cũng là nghĩa ấy.’

“Khổng tử dạy người ‘*làm tỏ rạng đức tánh sẵn có, làm cho dân ngày càng mới mẻ, đạt đến mức chí thiện*’. Nếu xét theo lẽ ấy mà làm thì có thể được như Khổng tử.

“Lão tử dạy người ‘*lấy đức chân thành mà vào, lấy sự lặng lẽ mà giữ, lấy sự nhu thuận mà dùng*’. Nếu xét theo lẽ ấy mà làm thì có thể được như Lão tử.

“Đạo Phật dạy người ‘*thi hành rộng rãi từ, bi, nguyện, lực*.’ *Đại từ* là mang điều vui đến cho tất cả chúng sanh.

⁽¹⁾ Không Sanh: tức ngài Tu-bồ-đề (Subhūti), dịch nghĩa là Thiện Hiện, Thiện Cát, Thiện Nghiệp... Ngài là một trong 10 vị đại đệ tử của Phật, được Phật khen ngợi là *Giải không đệ nhất* (người hiểu rõ nhất về nghĩa *không*) trong các đệ tử hàng Thanh văn.

⁽²⁾ Thiên đế (Sanskrit: Indra), hay Thiên Đế thích, tên là Thích-đề-hoàn-nhân (釋提桓因), dịch nghĩa là Năng thiên chủ, là vị vua ở cõi trời Đao-ly, gồm 33 cảnh trời (Tam thập tam thiên 三十三天; Sanskrit: trāyas-trimśa).

Đại bi là cứu vớt khổ đau cho tất cả chúng sanh. *Đại nguyện* là nguyện cho tất cả chúng sanh đều thành Chánh giác. *Đại lực* là độ cho hết thảy chúng sanh đều ra khỏi *Ba cõi*.⁽¹⁾ Nếu xét theo lẽ ấy mà làm thì có thể thành Phật.

“Chỗ rớt ráo của đạo ví như vàng trắng thu lướt giữa trời cao rộng, như đám mây bông bành vừa thoát khỏi khe núi, hoát nhiên tự tại, linh hoạt sanh động, tròn vành vạnh, sáng rõ rờ, đã nhiệm mầu lại càng thêm mầu nhiệm.

“Nay tôi đã nói sơ qua chỗ rớt ráo của đạo trong Tam giáo để ông được biết. Nếu nói về lý nhiệm mầu thì dù trọn kiếp cũng không nói hết.

“Ôi! Thánh nhân lưỡng phí tâm từ bi, kẻ hiểu nhau đâu cần phải nói nhiều. Tôi khuyên mọi người hãy cùng nhau phát khởi tâm *Bồ-đề*, cùng tu theo đạo Phật, cùng sanh về cõi Phật, cùng thành tựu quả Phật.”

Khách cúi đầu bái biệt, thưa rằng: “Tôi xin tin nhận và kính cẩn làm theo.”

⁽¹⁾ Ba cõi (Tam giới): tức Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tất cả chúng sanh trong vòng luân hồi không ra ngoài ba cõi này, nên nói ‘ra khỏi ba cõi’ cũng đồng nghĩa như nói ‘thoát khỏi luân hồi’.

辯明三教優劣，勸修淨土論

或問曰。儒釋道三教，有同異不，有優劣不。

一元曰。亦同亦不同，亦優亦不優。

或曰。師言何謂也。

曰。大量者用之，即同即優。小機者執之，即異即劣。總從一性上起用，只是機見差別，有同異優劣也。

或曰。同異優劣之理，可得聞乎。

曰。張無盡問大慧禪師云。堯舜禹湯皆聖人也，佛竟不言之，何耶。師曰。堯舜禹湯比梵王帝釋有優劣不。

無盡曰。堯舜禹湯豈可比梵王帝釋何論優劣。師曰。佛以梵釋為凡夫也。餘可知矣。

公乃擊節而歎曰。堯舜禹湯不及梵王帝釋遠矣。佛以梵釋猶為凡夫，始知佛是聖中之聖，天中之天，無上法王，正等正覺。

Biện minh Tam giáo ưu liệt, khuyến tu Tịnh độ luận

Hoặc vấn viêt: Nho, Thích, Nã tam giáo, hữu ãoàng dò phuï höu öu lieä phuï

Nhã Nguyêñ viêt: Dieä ãoàng dieä bá ãoàng, dieä öu dieä bá öu.

Hoặc viêt: Sö ngoãn haovò da?

Viêt: Nã lööng giaüduïng chi, töu ãoàng töu öu. Tieü cô giaüchap chi, töu dò töu lieä. Toång tung nhã tãnh thöông khöü düng, chãthò cô kieän sai bieä, höu ãoàng dò öu lieä da?

Hoặc viêt: Ñoàng dò öu lieä chi lýü khaüñac væñ ho?

Viêt: Tröông VoãTaãn væñ Nã Hueäthieñ sö væñ: Nghieäu, Thuaãn, Vô Thang giai thãm nhãn da? Phaï cãm bá ngoãn chi, haoda? Sö viêt: Nghieäu, Thuaãn, Vô Thang tyüPhãm vöông Ñeáthích höu öu lieä phuï

VoãTaãn viêt: Nghieäu, Thuaãn, Vô Thang khöü khaütyü Phãm vöông Ñeáthích, haöluañ öu lieä.

Sö viêt: Phaï dó Phãm Thích vi phãm phu da? dö khaü tri hyö

Cöng naö kich tieä nhi thãm viêt: Nghieäu, Thuaãn, Vô Thang bá cap Phãm vöông Ñeáthích vieñ hyö Phaï dó Phãm Thích dö vi phãm phu, thuyü tri Phaï thò thãm trung chi thãm, thieñ trung chi thieñ, voãthöông Phãm vöông, chãm ñaúng chãm giãu.

昔時吳主孫權問尚書令闕澤曰。仲尼，老子，得與佛比對不。闕澤曰。若將孔老二家比較佛法，遠之遠矣。所以然者。孔老設教法天制用，不敢違天。佛之設教，諸天奉行，不敢違佛。以此言之，實非比對，明矣。

豈不見書云。士希賢，賢希聖，聖希天。天中至尊無非玉帝。玉帝比羅漢猶吏比進士，况佛乎。佛是菩薩，緣覺，聲聞之師，是為聖師也。

又問。仙道比佛道何如。

答。神仙尚受玉帝所轄，豈可比於佛也。况以仙道難修，又有墜落之日。佛道易學，永無退轉之時。

楞嚴經云。世有十種神仙，俱不曾修正覺，報盡還墮諸趣。若要出生死，超凡聖，唯佛道爾。

昔日釋迦讚弗沙佛云。

天上天下無如佛，
十方世界亦無比，

Tích thời Ngô-chuà Toãn Quyên vãn Thōōng thō leānh Hām Trāch vieā: Trōng Ni, Lāo tōū ñāc dōōPhāā tyūñōā phūū Hām Trāch vieā: Nhōōr tōōng Khoāng, Lāo nhō gia tyūgiaō Phāā phāp, vieā chi vieā hyō Sōūdō nhieān giaū Khoāng, Lāo thieā giaō, phāp thieān cheādūng, baā caām vi thieān. Phāā chi thieā giaō, chō thieān phūng hām, baā caām vi Phāā. Dó thōū ngoān chi thāā phi tyūñōā, minh hyō

Khōū baā kieān Thō vān: Sō hy hieān, hieān hy thām, thām hy thieān, thieān trung chí toān, vōphi Ngoōr ñeā Ngoōr ñeātyū La-hām, do lāi tyūtieān sō, huóng Phāā hoā Phāā thō BōāTāū, Duyeān giaū, Thanh vān chi sō, thō vi thām sō daō

Hōū vān: Tieān ñāb tyūPhāā ñāb hāmhō?

Ñāp: Thām tieān thōōng thōi Ngoōr ñeāsōūhā, khōū khaūtyū ō Phāā daī Huóng dó tieān ñāb nan tu, hōū hōū truyū lāi chi nhaā; Phāā ñāb dò hōr, vōnh vōthōā chuyeān chi thōā.

Lāng Nghieān kinh vān: Theāhōū thāp chūng thām tieān, caām baā tēng tu chām giaū, bāo tām hoām ñōā chō thuū Nhōōr yeāi xuaā sanh tōū sieāi phām thām, duy Phāā ñāb nhō.

Tích nhāā Thich-ca tām Phāt-sa Phāā vān:

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật.
Thập phương thế giới diệc vô tỷ.

世間所有我盡見，
一切無有如佛者。

是也。

又不見列子云。商太宰問於孔子曰。夫子
聖者歟。

答曰。丘也，博聞強記，非聖也。

問曰。三王聖者歟。

答曰。三王乃任智勇也，聖則丘不知。

然則五帝聖者歟。

答曰。五帝乃任仁義也，聖則丘不知。

上古三皇聖者歟。

答曰。上古三皇乃任因時也，聖則丘不知。

太宰又問曰。然則孰為聖者歟。

時孔子動容有間曰。西方有大聖人，不治
而不亂，不言而自信，不化而自行，蕩蕩乎民無
能名焉。

正所謂。森羅萬象至空而極。百川衆流至
海而極。一切賢聖至佛而極。一切教法至心

Thế gian sở hữu ngã tận kiến.

Nhất thiết vô hữu như Phật giả.

Thò daõ

Höü baá kieán Lieã töüvaân: Thöông Thau teávaán ö Khoäng töüvieát: Phu töüthành giaüdü?

Ñap vieát: Khaâu daõ baü vaân cöông kyü phi thành daõ

Vaân vieát: Tam vöông thành giaüdü?

Ñap vieát: Tam vöông naõ nhaân trí düng giaü thành táé Khaâu baá tri.

Nhieân táé Nguõñeáthành giaüdü?

Ñap vieát: Nguõñeánaõ nhaân nhaân nghóa giaü thành táé Khaâu baá tri.

Thöông coátam hoäng thành giaüdü?

Ñap vieát: Thöông có Tam hoäng, naõ nhaân nhaân thöü giaü thành táé Khaâu baá tri.

Thau teáhöü vaân vieát: Nieân táé thuë vi thành giaüdü?

Thöü Khoäng töüñoäng dung höü giam vieát: Taý phöông höü ñai thành nhaân, baá trò nhi baá loãn, baá ngoãn nhi töi tín, baá hoà nhi töi hanh, ñaõng ñaõng hoadaân voánaõng danh yeân.

Chamh söüvò saâm la vaân töông chí khoäng nhi cöc, baüch xuyêân chüng löu chí hau nhi cöc, nhaát thieát hieân thành chí Phaã nhi cöc, nhaát thieát giaü pháp chí taân nhi cöc. Taân daõ

而極。心也者，是總持之妙本，萬法之洪源。亦名大智慧藏，無住涅槃。百千萬名盡是心之異號耳。

孟子曰。人皆可以為堯舜。荀子曰。塗之人可以為禹。常不輕菩薩云。我不敢輕於汝等，汝等皆當作佛。是人人可以為聖賢，人人可以作佛。

西方淨土，乃要捷門庭，無人不可以修，不拘僧俗，而只要辦心。本無男女而何須著相。未明人，妄分三教。了得底，同悟一心。

且夫聖人之心，正而已矣。聖人之教，善而已矣。不必僧，不必儒，不必彼，不必此。彼此者，情也。僧儒者，迹也。聖人垂迹，所以存本也。聖人行情，所以順性也。存本而不滯迹，可以語權也。順性而不溺情，可以語實也。

夫大道者，唯心之謂道。闡道之謂教。教也者，聖人之垂迹也。道也者，生靈之大本也。是故學者只宜背塵而合覺，不可認假而迷真也。

giaiù thò toàng trì chi dieâu boàn, vãn pháp chi hoàng nguyên, dieâu danh ãai trí hueätàng, vôtruiNiết-bàn. Bành thiên vãn danh, taãn thò taãn chi dò hieâu nhó

Mañh töüvieät: Nhaãn giai khaüdó vi Nghieâu, Thuaãn. Tuaãn töüvieät: Ñòachi nhaãn khaüdó vi Vuõ Thöông Baát Kinh Boát Taù vaãn: Ngaõbaát caãn kinh ö nhöõ ñaúng, nhöõ ñaúng giai ñöông taù Phaät. Thò nhaãn nhaãn khaüdó vi thaãn hieãn, nhaãn nhaãn khaüdó taù Phaät.

Taây phöông Tònh ñoã naõ yeäu tiep moãn ñinh, vôanhaãn baát khaüdó tu, baát caãn taàng tuç, nhi chàyeäu bieãn taãn. Boãn vôanam nõõ nhi haøtu tröôù tööùng? Vô minh nhaãn, vôing phaãn tam giaù. Lieâu ñaé ñeä ñoàng ngoãnhaät taãn.

Thaũphuøthaãn nhaãn chi taãn, chàmh nhi dó hyõ Thaãn nhaãn chi giaù, thiên nhi dó hyõ Baát taát taàng, baát taát nho, baát taát bạ baát taát thöü Bæthöügiaù tình daõ Taàng nho giaù tích daõ Thaãn nhaãn thuy tích, sôüdó toãn boãn daõ Thaãn nhaãn haãn tình, sôüdó thuaãn taãn daõ Toãn boãn nhi baát treätích, khaüdó ngöõquyeãn daõ Thuaãn taãn nhi baát ñoèh tình, khaüdó ngöõ thaät daõ

Phuøñai ñaõ giaù duy taãn chi vô ñaõ. Xieãn ñaõ chi vô giaù. Giaù daõgiaù thaãn nhaãn chi thuy tích daõ Ñaõ daõgiaù sanh linh chi ñaõ boãn daõ Thò coáhoè giaùchænghi boát traãn nhi hieüp giaù, baát khaũhaãn giaũnhì meächaaãn daõ

諸仁者。儒非定儒，道非定道，故知皆可成佛。非唯三教可成，乃百家諸子盡可以成也。人何爲而不修乎。輕淨土而不生乎。

或曰。但了自己生死，何須苦惱勸人。

餘曰。不然。豈不聞如來應世無一法不是利生。菩薩修行，肯纖毫而爲自己。此法門，人若知之，如己知之，豈不快哉。人若不知，如己不知，豈不痛哉。

華嚴經云。非諸眾生請我發心，我自爲眾生作不請之友。

語云。己欲立而立人，己欲達而達人。推己及人，仁者之心也。

若止於自修，則是聲聞之徒，名爲小乘。猶如車乘之小者，僅能自濟而已。蓋佛所謂斷佛種者也。能廣勸人者，名爲大乘菩薩。猶如車乘之大者，人我兼濟之謂。此獲無量福報，所以能至佛地也。

十方恆河沙數諸佛皆共讚歎阿彌陀佛功德不可思議，謂不可以心思，不可以言議也。其功德如此，可謂至矣。故大慈菩薩勸修偈云。

Chö nhân giới Nho phi ãnh Nho, Ñãb phi ãnh Ñãb, có tri giai khaũthanh Phaĩ. Phi duy Tam giáo khaũthanh, naõ baũh gia chõ töü taũ khaũdó thanh dã Nhân haõvi nhi baũ tu hoặ khinh Tôn ãõnhi baũ sanh ho?

Hoặ vieĩ: Ñãũ lieũ töikyũsinh töü haõtu khoãnaõ khuyeãn nhân?

Dõ vieĩ: Baũ nhieãn. Khõũ baũ vaũ Nhõ Lai õng theạ voã nhaũ phạp baũ thõ lõi sanh; BoãTạũ tu haũh, khaũg tieãn haõ nhi vi töikyũ Thõũphạp moãn nhân nhõõĩ tri chi nhõ kyũtri chi, khõũ baũ khoaũ tai? Nhân nhõõĩ baũ tri nhõ kyũbaũ tri, khõũ baũ thoãg tai?

Hoa Nghieãn kinh vaũ: Phi chõ chung sanh thanh ngaõ phạ taũn, ngaõtõĩ vò chung sanh taũ baũ thanh chi hõũ.

Ngõõvaũ: Kyũduĩ læp nhi læp nhân, kyũduĩ ãĩt nhi ãĩt nhân; suy kyũcạp nhân, nhân giaũchi taũn dã

Nhõõĩ chæ õ töi tu, taẽ thõ Thanh vaũ chi ãõạ danh vi Tieũ thõã. Do nhõ xa thõã chi tieũ giaũ caũn naõg töĩ teãnhi dó. Caũ Phaĩ sõũvò ãõãn Phaĩ chung giaũ dã Naõg quaũg khuyeãn nhân giaũ danh vi Ñãĩ thõã BoãTạũ, do nhõ xa thõã chi ãĩ giaũ nhân ngaõkieãn teãchi vò. Thõũhoãch voãlõõng phõõũ baũ, sõũdó naõg chí Phaĩ ãõa dã

Thạp phõõng haõg haõsa soãchõ Phaĩ, giai coũg taũn thãm A-di-dã Phaĩ coũg ãõũ baũ khaũtõ nghõ, vò baũ khaũdó taũn tö, baũ khaũdó ngoãn nghõ dã Kyõcoũg ãõũ nhõ thõũ khaũvò chí hyõ CoãÑãĩ TõõBoãTạũ khuyeãn tu keãvaũ:

能勸二人修，
比自己精進。
勸至十餘人，
福德已無量。
如勸百與千，
名為真菩薩。
又能過萬數，
卽是阿彌陀。

由此觀之，則西方之說可徧天下，苦海眾生可盡生淨土矣。

若見一人退墮，則協力提携。一人捨凡則遞相照顧。雖不能弘教利物，亦可以溫故知新。

豈不見施人一錢人稱受惠。益人一語彼豈無知。財施則濟人之貧。食施則濟人之命。法施則令人出世，功德詎可比倫。

財施如燈，止明小室。法施如日，徧照大千。悞法而不勸修，累劫沈於黑獄。推己而行化導，現生則是阿彌。

敢冀運慈，遞相勸發。以斯悲願，結此淨緣。拔滯溺之沈流，拯昏迷之失性。齊登樂土，圓報佛恩。可謂未度者令度矣。

Năng khuyến nhị nhân tu,
Tỷ tự kỷ tinh tấn.
Khuyến chí thập dư nhân.
Phước đức dĩ vô lượng.
Như khuyến bách dữ thiên,
Danh vi chân Bồ Tát.
Hựu năng quá vạn số.
Tức thị A-di-đà.

Do thòuquan chi, taé Taý phöông chi thuyet khaùbieán
thieán haï khoàhaï chung sanh khaùtaán sanh Tònh ñoàhyô

Nhòõr kieán nhaá nhaán thoá ñoã, tòu hieáp löc ñeàhueà
Nhaá nhaán xaùphaon taé ñeätöông chieáu cóa Tuy baá naeng
hoàng giao löi vaá, dieä khaùdó ôn cóatri taán.

Khòu baá kieán thí nhaán nhaá tieán, nhaán xöng thoìhueä Ích
nhaán nhaá ngöõ bækhòu voátri? Taó thí taé teánhaán chi baán.
Thòr thí taé teánhaán chi mãng. Phap thí taé linh nhaán xuaá
theá công ñòu cõikhaùtyùluaán.

Taó thí nhö ñaeng, chàminh tieäu thaá. Phap thí nhö nhaá,
bieán chieáu ñaï thieán. Laán phap nhi baá khuyeán tu, löy kieáp
traám ö haé nguõ. Suy kyünhi haanh hoà ñaó, hieán sanh taé
thò A-di.

Caán kyüvaán tòp ñeätöông khuyeán phaú. Dó tò bi nguyeán,
keá thòütònh duyean. Bãt treánòch chi traám löu, chöng hoán
meáchi thaá tamh. Teàñaeng laë ñoã vieán baó Phaá an, khaùvò
vò ñoãgiaùlinh ñoàhyô

18. Biện minh chỗ hơn kém trong Tam giáo, khuyến tu Tịnh độ

Có người hỏi rằng: “Trong ba đạo là Nho, Thích và Lão, có chỗ nào giống nhau hoặc khác nhau chẳng? Có điểm nào hơn kém nhau chẳng?”

Nhất Nguyên đáp: “Ba đạo ấy giống nhau, lại cũng khác nhau; có hơn nhau, lại cũng không hơn nhau.”

Người kia hỏi: “Thầy nói vậy là ý thế nào?”

Đáp: “Người có tâm lượng rộng lớn biết vận dụng thì là giống nhau, hơn nhau. Kẻ căn cơ thấp kém cố chấp vào đạo mình chỉ thấy là những điều khác nhau, kém nhau.⁽¹⁾ Cả ba đạo đều từ nơi một bản tánh mà khởi dùng, chỉ do căn cơ và sự thấy biết khác nhau nên mới có chỗ giống nhau, khác nhau, hoặc hơn hoặc kém.”

Lại hỏi: “Tôi có thể được nghe cái lý giống nhau, khác nhau, hoặc hơn hoặc kém đó hay chẳng?”

Đáp: “Trương Vô Tận có lần hỏi thiền sư Đại Huệ: ‘Các vua Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ đều là thánh nhân, sao đạo Phật chẳng bao giờ nói đến?’ Thiền sư hỏi lại: ‘Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ so với Phạm vương, Đế Thích có hơn kém gì chẳng?’ Trương Vô Tận đáp: ‘Nghiêu, Thuấn, Thang,

⁽¹⁾ Câu hỏi đặt ra trong quan hệ so sánh, hàm ý muốn biết xem đạo nào hơn, đạo nào kém. Câu trả lời trong nguyên tác đã khéo léo chuyển sang quan hệ chọn lọc bằng cách dùng “bất ưu” (không hơn) thay vì “liệt” (thua kém). Trên cơ sở đó, thiền sư Nhất Nguyên biện giải vấn đề bằng cách nhấn mạnh tầm quan trọng của nhận thức chủ quan, và chỉ ra một khuynh hướng thực tế là: Đối với những kẻ hẹp hòi, nông cạn thì chỉ luôn nhìn thấy sự khác biệt và những điểm xấu của người khác (chứ không phải những điểm tốt của mình); ngược lại, người có tâm lượng rộng lớn thì luôn nhìn thấy những điểm tương đồng, những điều tốt đẹp của mình cũng như của người khác.

Vũ vốn không thể sánh với Phạm vương, Đế Thích, nói chi đến chuyện hơn kém?’ Thiền sư nói: ‘Phật xem Phạm vương, Đế Thích cũng là phàm phu. Theo đó có thể biết về những hạng khác.’ Trương Vô Tận vỗ tay ngợi khen rằng: ‘Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ đều kém xa Phạm vương, Đế Thích. Phật xem Phạm, Thích chỉ là phàm phu, đủ biết rằng Phật là bậc thánh cao nhất trong các thánh, vị thiên chủ cao nhất trong chư thiên, là bậc Pháp vương cao trổi nhất, bậc Chánh đẳng Chánh giác!’

“Ngày trước, chúa Ngô là Tôn Quyền⁽¹⁾ hỏi quan Thượng thư là Hám Trạch rằng: ‘Khổng tử và Lão tử có thể đem so sánh với Phật chẳng?’ Hám Trạch đáp: ‘Nếu đem cả hai nhà Khổng, Lão ra mà so sánh với pháp Phật thì càng so sánh lại càng cách xa thêm.’ Lẽ tất nhiên là như vậy. Đạo Khổng và đạo Lão được lập ra dựa theo phép trời để chế định rồi vận dụng, chẳng dám trái với trời. Đức Phật lập ra giáo pháp, chư thiên đều kính cẩn làm theo, chẳng dám trái lời Phật. Dựa theo đó mà nói thì quả thật không thể so sánh được, rõ ràng là như vậy.

“Kinh Thư nói: ‘Kẻ sĩ kính ngưỡng người hiền, người hiền kính ngưỡng bậc thánh, bậc thánh kính ngưỡng trời.’ Cao quý nhất trời không ngoài Ngọc đế. Ngọc đế đem so với vị *A-la-hán* cũng như người thợ lại⁽²⁾ đem so với vị tiến sĩ, huống chi là Phật? Phật là thầy của hàng Bồ Tát Duyên giác, Thanh văn, nên chính là thầy của các vị thánh.

⁽¹⁾ Tôn Quyền: chúa nước Ngô, một trong ba nước thời Tam quốc (Ngô, Thục và Ngụy). Tôn Quyền lên ngôi năm 200, đến năm 249 thì mất.

⁽²⁾ Thợ lại: người làm công việc ghi chép (tương tự như thư ký), sức học chỉ đủ làm công việc này, nên so với sức học của người đỗ tiến sĩ thì cách biệt rất xa.

Người kia lại hỏi: “Thế đạo Tiên⁽¹⁾ so với đạo Phật thì thế nào?”

Nhất Nguyên đáp: “Thần tiên nằm trong sự cai quản của Ngọc đế, lẽ nào có thể đem so với Phật? Huống chi, đạo Tiên khó tu, lại vẫn có ngày phải rơi xuống những cảnh giới thấp kém hơn; đạo Phật dễ học, đã tu theo thì mãi mãi không bao giờ thối chuyển.

“Kinh Lăng Nghiêm nói: ‘Trong đời có mười loại tiên, thấy đều chưa từng tu đạo Chánh giác. Khi phước báo hết phải rơi vào các cảnh giới thấp kém hơn.’ Như muốn thoát vòng sanh tử, vượt trên cả hai bậc thánh phàm, chỉ duy nhất có một đường tu Phật mà thôi.

“Thuở trước, đức Thích-ca ngợi khen Phật Phất-sa⁽²⁾ rằng:

*Khắp đất trời không ai như Phật,
Trong cả mười phương cũng chẳng bằng,
Từng xem khắp thấy thế gian này,
Không ai tôn quý như đức Phật!*

“Quả là như vậy!

“Sách *Liệt tử* chép việc Thái tử Thương hỏi đức Khổng tử rằng: “Thầy có phải bậc thánh chăng?”

⁽¹⁾ Đạo Tiên: Trong tín ngưỡng Ấn Độ thời cổ thì việc tu tiên được xem là phổ biến, nhưng trong bối cảnh tín ngưỡng Trung Hoa vào thế kỷ 11-12 thì đạo Tiên thật ra chỉ là một biến thể của đạo Lão, khi những người theo tín ngưỡng này ngày càng nghiêng về các thuật luyện đan, tu tiên kèm với việc sử dụng phù chú, pháp thuật.

⁽²⁾ Phật Phất-sa (Tisya): một đức Phật đời quá khứ. Khi đức Phật Thích-ca còn trong giai đoạn tu tập, đã từng đem thân lễ Phật Phất-sa, miệng ngợi khen Phật Phất-sa, liên tiếp như vậy bảy ngày bảy đêm, liền được công đức tức thời vượt qua chín kiếp tu tập.

“Khổng tử đáp: ‘Ta nghe nhiều nhớ giỏi, nhưng chẳng phải bậc thánh.’

“Lại hỏi: ‘*Tam vương*⁽¹⁾ có phải là thánh chăng?’

“Đáp: ‘Tam vương dựa vào trí dũng, còn thánh hay không thì Khâu này không biết.’

“Lại hỏi: ‘Như vậy, hẳn *Ngũ đế*⁽²⁾ phải là bậc thánh?’

“Đáp: ‘*Ngũ đế* gánh vác được nhân nghĩa, còn thánh hay không thì Khâu này không biết.’

“Lại hỏi: ‘Thế *Tam hoàng*⁽³⁾ đời thượng cổ có phải thánh chăng?’

“Đáp: ‘Tam hoàng đời thượng cổ giỏi vận dụng theo thời cơ, còn như thánh hay không thì Khâu này chẳng biết.’

“Thái tử hỏi: ‘Vậy ai là thánh?’

“Bấy giờ, đức Khổng tử đổi hẳn sắc mặt, đáp: ‘Bên phương tây⁽⁴⁾ có vị đại thánh nhân, không trị mà dân chẳng loạn, không nói mà dân tin cậy, không giáo hóa mà dân thi hành, dường mệnh mệnh rộng lớn thay, dân không thể nào nói ra hết được!’

“Quả thật là: ‘Muôn hình vạn tượng đến chỗ không là rốt cùng; trăm sông cùng chảy đến biển cả là rốt cùng; hết thấy hiền thánh đến quả Phật là rốt cùng; hết thấy giáo pháp đến tâm là rốt cùng.’ Tâm là cội gốc nhiệm mầu

⁽¹⁾ Tam vương: chỉ Vũ vương nhà Hạ, Thành Thang nhà Thương và Văn vương nhà Chu, thường được người đời tôn xưng là ba vị Thánh vương.

⁽²⁾ Ngũ đế: chỉ các vị Thiệu Hiệu (2597–2514), Chuyên Húc (2513–2436), Đế Cốc (2435–2366), Đế Nghiêu (2357–2256) và Đế Thuấn (2255–2206).

⁽³⁾ Tam Hoàng: Ba vị vua Trung Hoa thuở ban sơ, từ khoảng 2598 trước Công nguyên trở về trước, gồm có Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế.

⁽⁴⁾ Chỉ Ấn Độ, vì nằm về phía tây Trung Hoa, nhiều nơi cũng gọi là Tây Trúc, Tây Vực.

của sự thâm tóm, giữ gìn; là cội nguồn lớn lao của muôn pháp; cũng gọi là kho chứa đại trí huệ, là *Niết-bàn Vô trụ*, cho đến trăm ngàn muôn tên gọi cũng đều chỉ là những hiệu khác nhau của tâm mà thôi.

“Sách *Mạnh tử* nói: ‘Ai cũng có thể làm vua Nghiêu, vua Thuấn.’ Sách *Tuân tử* nói: ‘Người đi trên đường đó, ai cũng có thể làm vua Vũ.’ Bồ Tát *Thường Bất Khinh*⁽¹⁾ nói: ‘Tôi không dám xem thường các ông, các ông đều sẽ thành Phật.’

“Đó là ý nghĩa: ai ai cũng có thể là thánh hiền, người người đều có thể thành Phật.

“Tây phương Tịnh độ là pháp môn thiết yếu, thẳng tắt mau chóng, ai ai cũng tu được, cho dù là xuất gia hay tại gia, chỉ cần phân rõ lẽ tâm. Vốn thật không có nam nữ, vì sao phải vướng mắc nơi hình tướng? Kẻ mê mờ mới sai lầm phân biệt Tam giáo, người đã thấu rõ rồi thấy đều ngộ ở một tâm.

“Vả lại, tâm của thánh nhân là chân chánh, lời dạy của thánh nhân là tốt lành, chẳng cần phải là tăng sĩ hay nho sĩ, đạo này hay đạo kia. Có đạo này, đạo kia là do *tình thức*; phân biệt tăng sĩ, nho sĩ là do *hình tích*. Thánh nhân truyền lại hình tích vì giữ lấy gốc; thánh nhân làm theo tình thức vì thuận theo tánh. Giữ lấy gốc mà không trói buộc nơi hình tích, nên có thể nói pháp quyền biến; thuận theo tánh mà không đắm mê nơi tình thức, nên có thể nói pháp chân thật.

“Nói về đạo lớn, chỉ một tâm này gọi là đạo; rộng truyền

⁽¹⁾ Bồ Tát Thường Bất Khinh: vị Bồ Tát được nói đến ở phẩm kinh cùng tên trong kinh Pháp Hoa.

đạo ấy gọi là giáo pháp. Giáo pháp là hình tích để lại của thánh nhân; đạo là cội gốc lớn lao của muôn loài. Vì thế, người học chỉ nên liả bỏ tình trần mà hợp theo linh giác, không thể nhận lấy sự giả dối mà mê lấp sự chân thật.

“Này các vị! Đạo Nho, không nhất định là Nho; đạo Lão, không nhất định là Lão; cho nên biết rằng tất cả đều có thể thành Phật. Không chỉ riêng người trong Tam giáo, mà cho đến người trong tất cả các học phái cũng đều có thể thành Phật. Như vậy sao người còn không tu hành? Sao lại xem thường Tịnh độ mà chẳng sanh về?”

Người kia hỏi: “Chỉ cần tự mình rõ biết việc sanh tử, cần chi phải khổ nhọc khuyên dạy người khác?”

Đáp rằng: “Chẳng phải vậy. Ông há chẳng nghe rằng: Đức Như Lai ra đời, không một pháp nào không vì lợi ích chúng sanh; Bồ Tát tu hành, không một mảy may lo cho riêng mình. Pháp môn này, nếu người khác được biết, cũng như ta biết, chẳng vui sướng lắm sao? Nếu người khác không biết, như ta không biết, chẳng đau xót lắm sao?”

“Kinh Hoa Nghiêm dạy: ‘Không phải chúng sanh thỉnh cầu ta phát tâm, tự ta vì chúng sanh làm người bạn không đợi cầu thỉnh.’

“Sách *Luận ngữ* nói: ‘Tự mình muốn dựng lập, hãy giúp người dựng lập; tự mình muốn thành đạt, hãy giúp người thành đạt.’⁽¹⁾ Suy lòng mình, hiểu được lòng người, đó là tâm địa của người có đức nhân.

“Nếu dừng ở chỗ tự tu cho riêng mình, đó là hàng Thanh văn, gọi là *Tiểu thừa*. Tiểu thừa ví như cỗ xe nhỏ, chẳng

⁽¹⁾ Câu này trích ở sách *Luận ngữ*, chương VI, tiết 28.

qua chỉ chở được riêng mình mà thôi, nên Phật nói là dứt mất hạt giống Phật. Nếu có thể rộng khuyên nhiều người thì gọi là hàng Bồ Tát Đại thừa. Đại thừa ví như cỗ xe lớn, chở được cả mình và người khác. Như vậy đạt được vô lượng phước báo, nhờ đó có thể tiến lên quả Phật.

“Chư Phật mười phương nhiều như số cát sông Hằng đều ngợi khen công đức của Phật A-di-đà là không thể nghĩ bàn, nghĩa là không thể đem tâm trí mà xét, không thể dùng lời nói mà luận. Công đức như vậy có thể gọi là đến mức cùng cực. Cho nên Bồ Tát Đại Từ có kệ khuyên tu rằng:

*Khuyên được vài người tu,
Ví như tự tinh tấn.
Khuyên được hơn mười người,
Phước đức thật vô lượng.
Khuyên được trăm, ngàn người,
Đó thật là Bồ Tát.
Khuyên được hàng vạn người,
Chính thật A-di-đà!*

“Do đó mà suy ra, thuyết Tây phương có thể phổ biến khắp thiên hạ, hết thủy chúng sanh trong biển khổ đều có thể sanh về Tịnh độ. Nếu thấy một người lui bước, chúng ta nên cùng nhau hợp sức mà nâng đỡ, dẫn dắt; nếu có kẻ qua đời rời bỏ cõi phàm này, chúng ta nên thay nhau chiếu cố.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Thay nhau chiếu cố: nghĩa là lo việc trợ niệm danh hiệu A-di-đà và tổ chức

“Dù không đủ sức rộng truyền giáo pháp lợi ích muôn loài, nhưng ta cũng có thể nghĩ nhớ lại việc xưa để biết việc ngày nay.

“Thí cho người một chút tiền bạc, người liền nói lời biết ơn; vậy giúp cho người một lời nói có ích, lẽ nào người lại không biết hay sao?

“Bố thí tiền bạc hẳn cứu giúp được sự nghèo khó cho người. Bố thí thức ăn hẳn cứu giúp được mạng sống cho người. Bố thí Chánh pháp ắt có thể khiến cho người vượt ra khỏi thế tục, công đức có gì sánh bằng?

“Bố thí tài vật ví như ngọn đèn, chỉ sáng trong căn nhà nhỏ. Bố thí Chánh pháp ví như mặt trời, soi chiếu khắp cõi thế giới. Tham tiếc Chánh pháp mà chẳng rộng khuyên người tu tập thì phải nhiều kiếp đọa vào địa ngục đen tối. Tự xét lòng mình mà đem Chánh pháp giáo hóa người khác, ngay trong đời này đã là Phật Di-đà.

“Rất mong ai nấy đều khởi lòng từ, thay nhau khuyên người phát tâm tu tập, do bi nguyện này mà kết mối duyên lành thanh tịnh, vớt lấy kẻ chơi vui chìm đắm; cứu lấy người mê muội quên tánh giác, cùng nhau sanh về Cực Lạc, trọn báo đền ơn Phật. Đó gọi là: Với hết thủy chúng mê, nguyện đưa về bến giác!”

tang lễ cho phù hợp với ý nguyện vãng sanh của người quá cố.

辯明三教聖人前後降生頌

三教法數云。

周昭,甲寅第四帝,
釋迦降生迦維衛。
穆王,壬申五十三,
如來八十歸真際。
滅度一千八十年,
教流漢明,永平世。
佛先四百二十二,
老子方生,定王世。
佛先四百七十七,
孔子靈王時誕質。
爲報勞生稚子知,
鼎分三足還歸一。

Biện minh Tam giáo thánh nhân tiền hậu giáng sanh tụng

Tam giáo pháp số vân:

*Châu Chiêu, Giáp Dần đệ tứ đế,
Thích-ca giáng sanh Ca-duy-vệ.
Mục Vương, Nhâm Thân ngũ thập tam,
Như Lai bát thập quy chân tế.
Diệt độ nhất thiên bát thập niên,
Giáo lưu Hán minh, Vĩnh Bình thế.
Phật tiên tứ bách nhị thập nhị,
Lão tử phương sanh, Định vương thế.
Phật tiên tứ bách thất thập thất,
Khổng tử Linh vương thời đản chất.
Vị báo lao sanh trĩ tử tri,
Đảnh phân tam túc hoàn quy nhất.*

19. Biện minh việc dẫn sanh trước sau của ba vị Thánh nhân Tam giáo

Sách *Tam giáo pháp số* nói rằng: “Đời vua thứ tư của nhà Chu là Chu Chiêu Vương,⁽¹⁾ vào năm Giáp Dần, đức Phật Thích-ca dẫn sanh tại thành Ca-duy-vệ.

“Đời Chu Mục Vương,⁽²⁾ năm thứ năm mươi ba, Nhâm Thân,⁽³⁾ đức Như Lai nhập Niết-bàn, thọ 80 tuổi.

“Sau khi Phật diệt độ 1080 năm, Phật pháp truyền đến Trung Hoa vào đời Hán Minh đế, niên hiệu Vĩnh Bình.⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Chu Chiêu Vương tên Hà, con của Chu Khang Vương, lên ngôi năm 1052 trước Công nguyên, cai trị 51 năm, đến năm 1002 trước Công Nguyên đi tuần thú ở phương nam rồi mất ở đất Hán. Trong đời Chiêu Vương chỉ có một năm Giáp Dần là năm 1027 trước Công nguyên. Nhưng theo những tư liệu hiện được công nhận rộng rãi thì đức Phật Thích-ca dẫn sanh vào năm 624 trước Công nguyên.

⁽²⁾ Chu Mục Vương lên ngôi năm 1001 trước Công nguyên, sau khi Chiêu Vương mất. Vua này tại vị 55 năm, mất năm 946 trước Công nguyên.

⁽³⁾ Nhâm Thân: tức năm 949 trước Công nguyên.

⁽⁴⁾ Hán Minh đế lên ngôi năm 58, đặt niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ nhất, kéo dài đến năm 75, là niên hiệu Vĩnh Bình thứ 18. Sái Âm đi sứ Ấn Độ về vào năm Vĩnh Bình thứ 10 (tức năm 67), mang theo nhiều kinh tượng và thỉnh một số cao tăng đến truyền pháp, đánh dấu mốc đầu tiên trong việc truyền Phật pháp đến Trung Hoa. Như vậy, căn cứ các sử liệu chính thức đến nay được công nhận thì các niên biểu nêu ra trong bài này đều sai lệch. Hơn nữa, từ năm Mục Vương thứ 53 (949 trước Công nguyên) đến năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) chỉ có 1016 năm chứ không đến 1080 năm.

“Phật dẫn sanh trước, đến 422 năm sau đức Lão tử mới ra đời, vào đời Chu Định Vương.⁽¹⁾

“Phật dẫn sanh trước, đến 477 năm sau đức Khổng tử mới ra đời, vào đời Chu Linh Vương.⁽²⁾

“Nay thuật văn này để người đời sau đều được biết,⁽³⁾ như cái vạc kia tuy phân ra có ba chân nhưng vẫn cùng chung một mục đích.”⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Chu Định Vương lên ngôi năm 606 trước Công nguyên, tại vị đến năm 585 trước Công nguyên (21 năm). Theo bài này, Lão tử sanh trong giai đoạn này, và phải tính từ năm Phật dẫn sanh đã nói ở trước (1027), sau 422 năm tức là năm 605 trước Công nguyên, tức Chu Định Vương năm thứ hai; vì nếu tính từ năm Phật nhập Niết-bàn (muộn hơn khoảng 80 năm) thì không rơi vào đời Chu Định Vương.

⁽²⁾ Chu Linh Vương lên ngôi năm 571 trước Công nguyên, tại vị 27 năm, tức là đến năm 544 trước Công nguyên. Theo bài này thì Khổng tử sanh vào năm 550 trước Công nguyên, khá chính xác so với niên đại hiện nay được biết là năm 551 trước Công nguyên.

⁽³⁾ Theo nội dung bài này, tuy năm dẫn sanh của đức Phật Thích-ca không phù hợp với những gì chúng ta hiện biết, nhưng năm sanh của Khổng tử có thể xem là chính xác, lại nói chắc về năm sanh của Lão tử, là điều mà các nhà nghiên cứu hiện nay vẫn còn chưa quyết định. Chúng tôi dịch lại nguyên văn với các chú giải thích đáng về niên đại là để tiện so sánh, hy vọng có thể là nguồn tham khảo thêm cho vấn đề này. Dù sao cũng là cách nhìn của một bậc tiền bối từ khá sớm (thế kỷ 11), và câu hỏi cần đặt ra là: Soạn giả đã có trong tay những cứ liệu nào để viết ra những niên đại có tính xác quyết trong bài này?

⁽⁴⁾ Cái vạc ngày xưa dùng để nấu, tương tự như cái chảo lớn nhưng có 3 chân để tự đứng vững chứ không cần đặt trên bếp lò. Câu này có ý nói việc phân ra Tam giáo vẫn có cùng một mục đích giáo hóa những điều tốt đẹp cho chúng sanh mà thôi.

辯明精氣神

玄宗直指云。戒以養精。定以養氣。慧以養神。

一元曰。悟人自識元精，元氣，元神。迷人妄認色身上精氣神。大愚大錯，恠哉，苦哉。

豈不見張紫陽說。精氣神者，先天地之元精，元氣，元神也。

元精，非婬泆之精。元氣，非呼吸之氣。元神，非念慮之神。癡人不曉此意，喚甕作鐘。

眼既不明，理亦不達。矯誘他清信之士。一向在臭皮袋上造作，昧卻一真佛性，展轉輪迴。妄言此是修行，實可悲也。

吾以忝為佛子，豈可懷寶迷邦。宜當開示未來，共入菩提正路。

精者，本來元精也。戒也，純一無雜，具足清白梵行之相。此乃清淨法身也。清淨法身者，即是汝之性也。

Biện minh tinh khí thần

Huyền tông trực chỉ vân: Giới, định dưỡng tinh, tuệ dưỡng khí, huệ dưỡng thần.

Nhất Nguyên viết: Ngọa nhân tối thối nguyên tinh nguyên khí nguyên thần. Mê nhân vọng nhận sắc thân thông tinh khí thần. Nãi ngu nãi thọ quả tai hại.

Không biết Trông Tội Đông thuyết: Tinh khí thần giai tiên thiên nũa chi nguyên tinh nguyên khí nguyên thần dã

Nguyên tinh, phi dâm dã chi tinh. Nguyên khí, phi hô hấp chi khí. Nguyên thần, phi niệm lữ chi thần. Sĩ nhân bất hiểu thông hoạn ưng tại chung.

Nhân kỳ bất minh, lý diệt bất nãi. Kiến dữ tha thanh tín chi số, nhất hồng tại xu bì nãi thông tại tại. Muoã khôu nhất chân Phái tâm, triền chuyên luân hoã. Vong ngoãn thũ thò tu hành, thã khai dĩ dã

Ngoáo thiên vi Phái tội không khai hoã bâu me bang, Nghi nông khai thò vò lai, công nhậ Bồ-đề chân lộ

Tinh giai bản lai nguyên tinh dã Giới đạo thuận nhất vô tạp, củ tại thanh bạch phẩm hạnh chi tông. Thũnao thò thanh tông pháp thân dã Thanh tông pháp thân giai từ thò nhũ chi tâm dã

氣者，本來元氣也。定也，寂然不動，具足無量妙義。此乃是圓滿報身也。圓滿報身者，即是汝之智也。

神者，本來元神也。慧也，感而遂通，具足恆河沙用。此乃是千百億化身也。千百億化身者，即是汝之行也。

又謂之法身，般若，解脫。又謂之戒，定，慧。又謂之一體三寶。

邪迷之人將姪洪之精喚作佛寶。將呼吸之氣喚作法寶。將念慮之神喚作僧寶。此等迷流，謾人謾己，悞自悞他。非但賺度後人，是亦輕誣先聖也。

切戒諸人不可錯解。古人錯一不落字，猶作野狐五百劫。豈可將如來正法作為魔家毒藥，其罪可恕否。此等邪師，入地獄如箭。

奉勸後之學者，記取，記取。珍重，珍重。

Khí giaũ boãn lai nguyêñ khí đả Ñònħ đả tồch nhiêñ baá ñoãng, cuĩtuừ voãlõõng dieũ nghóa. Thõũnaõ thò vieñ mañ baũ thañ đả Vieñ mañ baũ thañ giaũ tồừ thò nhõõchi trí đả

Thañ giaũ boãn lai nguyêñ thañ đả Hueãđả cam nhi toaĩ thoãng, cuĩtuừ haõng sa dieũ đũng, Thõũnaõ thò thieñ baũh õừ hoà thañ đả Thieñ baũh õừ hoà thañ giaũ tồừ thò nhõõchi hañh đả

Hõũ vò chi phạp thañ, Baũ-nhaõ giaũ thoãt. Hõũ vò chi giõũ, ñònħ, hueã Hõũ vò chi nhaá theãTam baũ.

Taõmeãchi nhañ, tõõng đãm đả chi tinh, hoãm tàt Phaĩ baũ. Tõõng hoãhạp chi khí, hoãm tàt Phạp baũ. Tõõng nieñ löi chi thañ, hoãm tàt Taõng baũ. Thõũñaõng meãlõu, mañ nhañ mañ kyũ ngoãtõĩ ngoãtha, phi ñaũ trañ ñoãhaũ nhañ, thò dieũ khinh vu tieñ thañh đả

Thieã giõũ chõ nhañ, baá khaũthoãgiaũ. Coãnhañ thoãnháá baá laĩ tõi do tàt đảhoãnguõbaũh kiep. Khõũ khaũtõõng Nhõ Lai Chañh phạp, tàt vi ma gia ñoã döõc, kyõtoã khaũthõũ phuũ Thõũñaõng taõsõ, nhạp ñoã nguõ nhõ tieñ.

Phũng khuyeñ haũ chi hoẽ giaũ kyũthuũ kyũthuũ Trañ troĩng, trañ troĩng!

20. Biện minh về tinh, khí, thần

Sách *Huyền tông trực chỉ* ghi: “Giới dùng để dưỡng tinh, định dùng để dưỡng khí, huệ dùng để dưỡng thần.”

Nhất Nguyên nói: “Người ngộ thì tự biết đó là nguồn tinh, nguồn khí, nguồn thần. Người ngu mê muội sai lầm nhận lấy nơi xác thân này là tinh khí thần. Thật ngu muội sai lầm thay! Kỳ lạ thay, đau đớn thay!

“Trương Tử Dương nói rằng: ‘Tinh, khí, thần đó là nguồn tinh, nguồn khí, nguồn thần, vốn có từ trước cả trời đất.’

“Nguồn tinh không phải cái tinh của sự dâm dật. Nguồn khí không phải cái khí của sự hô hấp. Nguồn thần không phải cái thần nhớ tưởng lo nghĩ. Kẻ ngu si không hiểu ý này, trông gà hóa cuốc!⁽¹⁾ Mắt nhìn đã chẳng rõ ràng, lý lẽ không thông suốt, lại đối gạt những người có lòng tin trong sạch. Khư khư giữ lấy cái túi da hôi thối này⁽²⁾ mà làm công kia việc nọ, mê lấp tánh Phật thuần chân, xoay vần trong chốn luân hồi, lại nói bậy rằng đó là tu hành. Thật đáng thương thay!

“Tôi lấy làm hổ thẹn đứng trong hàng Phật tử, lẽ nào ôm của báu mà để cho nước nhà rối loạn?⁽³⁾ Nên phải mở

⁽¹⁾ Nguyên bản dùng “hoán ứng tác chung”, dịch sát nghĩa là “gọi cái vò là cái chuông”, chỉ sự nhầm lẫn giữa những thứ giống nhau.

⁽²⁾ Cái túi da hôi thối này: ví sắc thân tứ đại như cái túi da đựng những xương thịt, máu mủ... và biết bao thứ hôi hám, bất tịnh.

⁽³⁾ Nguyên tác là “hoài bảo mê bang”, lấy ý từ sách Luận ngữ, quyển 9, chương 17, tiết 1, là lời Dương Hóa nói với Khổng tử: “Hoài kỳ bảo nhi mê kỳ bang, khả vị nhân hồ?” (懷其寶而迷其邦，可謂仁乎。) (Ôm của báu mà để cho nước nhà rối loạn, có thể gọi là người có đức nhân hay chăng?)

bày chỉ bảo cho người đời sau, để cùng bước vào đạo Bồ-đề chân chánh.

“*Tinh* là cái nguồn tinh vốn có xưa nay. *Giới* là sự thuần nhất không hỗn tạp, đầy đủ các tướng trong sạch thanh tịnh. Đó chính là *Pháp thân thanh tịnh*. Pháp thân thanh tịnh tức là *tự tánh* của các ông đó.

“*Khí* là cái nguồn khí vốn có xưa nay. *Định* là sự vắng lặng an nhiên chẳng động, đầy đủ vô số ý nghĩa nhiệm mầu. Đó chính là *Báo thân viên mãn*. Báo thân viên mãn tức là *tri tuệ* của các ông đó.

“*Thần* là cái nguồn thần vốn có xưa nay. *Huệ* là sự cảm ứng mà thông suốt, đầy đủ vô số công dụng nhiệm mầu. Đó chính là *Hóa thân thiên bách ức*. Hóa thân thiên bách ức tức là *đức hạnh* của các ông đó.

“Lại cũng gọi là *Pháp thân*, là *Bát-nhã*, là *Giải thoát*; cũng gọi là *Giới*, *Định*, *Huệ*; cũng gọi là *Nhất thể Tam bảo*.

“Kẻ tà mê lấy cái tinh của sự dâm dật mà gọi là Phật bảo; lấy cái khí của sự hô hấp mà gọi là Pháp bảo; lấy cái thần nhớ tưởng lo nghĩ mà gọi là Tăng bảo.

“Những kẻ mê lầm như thế là dối mình dối người, tự mình sai lầm cũng làm cho người khác sai lầm theo, không chỉ gạt găm người đời sau mà cũng là khinh chê bậc thánh đời trước.

“Xin hết lòng khuyên răn các ông, chớ nên hiểu biết sai lầm. Người xưa chỉ sai lầm một chữ “*không*” mà phải đọa

làm chồn 500 kiếp!⁽¹⁾ Lẽ nào lại đem Chánh pháp của Như

⁽¹⁾ Lấy ý từ Vô môn quan, tác thứ 2: Con chồn hoang của Bách trượng. Nội dung như sau: Hòa thượng Bách Trượng mỗi khi giảng pháp đều có một ông già đến nghe. Khi tăng chúng lui ra, ông già cũng đi mất. Một hôm, nghe pháp xong ông già vẫn không đi. Hòa thượng hỏi: “Ông là ai vậy?” Ông già nói: “Tôi thật không phải người. Vào thời Phật Ca-diếp trong quá khứ tôi đã từng ở núi này tu tập. Nhân có người đến học, hỏi rằng: Bạc tu hành lớn có rơi vào nhân quả hay chăng?” Tôi đáp: Không. Liền phải đọa làm thân chồn hoang 500 kiếp. Nay thỉnh hòa thượng ban cho một câu chuyển ngữ, may ra được thoát kiếp chồn.” Nói xong liền hỏi: “Bạc tu hành lớn có rơi vào nhân quả hay chăng?” Hòa thượng đáp: “Không che mờ nhân quả.” Ông già nghe xong đại ngộ, lễ bái rồi nói rằng: “Nay tôi đã thoát kiếp chồn, bỏ xác sau núi, xin thầy chôn cất theo lễ của người tu.”

離相顯性往生淨土說

或問曰。女人念佛，得生淨土否。

一元曰。是何言歟。鸚鵡鳩鵲念佛尚得往生，況於人乎。

或曰。女有十惡，云何便得往生。

一初生父母不喜。二舉養視無滋味。三心常畏人。四父母憂嫁。五父母生離。六畏夫喜怒。七懷產甚難。八小爲父母檢錄。九中爲夫主制禁。十老爲兒孫所訶。從生至終不得自在。

Lai mà hóa làm thuốc độc của ma? Tội ấy thật không thể tha thứ.

“Bọn thầy tà như vậy, ắt phải vào địa ngục nhanh như tên bắn!

“Kính khuyên những người hậu học phải nhớ lấy, nhớ lấy! Trân trọng, trân trọng!”

Ly tướng hiển tánh, vãng sanh Tịnh độ thuyết

Hoặc vấn viêt: Nỗn nhân niếm Phật, ãnã sanh Tành ãnã phu?

Nhã Nguyên viêt: Thò hãngõn đõ? Anh vũ cõ dư niếm Phật thõng ãnã vãng sanh, huóng õ nhân ho?

Hoặc viêt: Nõ hõu thãp àu, vãn hã tiếm ãnã vãng sanh?

Nhã sõ sanh phu mãu bã hyù Nhò cõudõõng thò voätõ và. Tam tâm thõng uy nhân. Tôiphuimãu õu giãu Nguõphuimãu sanh ly. Lũc uy phu hyùnoã Thã hoã sãm thãm nan. Bã tiếm vi phu mãu kiếm lũc. Cõu trung vi phu chuõchẽ cáu. Thãp lã vi nhi toãn sõuha. Tung sanh chí chung, bã ãnã tõi tã.

又有五障。一者不得作梵天王。二者帝釋。三者魔王。四者轉輪聖王。五者佛身。云何女身速得成佛。

答曰。若論相說，果乃有之。若言性宗，即無此事。當時龍女年始八歲，智慧利根，剎那成佛，豈在男女老幼之相乎。

禪宗會下許多女人，現世明心見性成佛作祖者，何況身後往生乎。

汝定執女相為實者，甚矣不達性理也。不達性理，卻是女人。會得性宗，非男非女。

大般泥洹經云。若有男子，不知自身有如來性，世間雖名男子，佛說此輩是女人也。若有女人能知自身有如來性，世間雖曰女人，佛說此等是男子也。

不見宗鏡云。四大之身，見有生滅男女之相，而靈覺之性實無生滅男女之相。汝今悟此性，名為長壽，亦名如來壽量，亦名涅槃妙心。

又云。凡有心者，悉皆成佛。如今行是佛行，坐是佛坐。故云。阿鼻依正，全處極聖之自心。諸佛法身不離下凡之一念。

Höü höü nguõchöông. Nhaá giaübaá ñáe taü Phaím thieän vöông, nhö giaüÑeáthích, tam giaüMa vöông, töügiaüChuyeän luañ Thaành vöông, nguõgiaüPhaá thañ. Vañ hañöõthañ toá ñáe thañh Phaá?

Ñap vieá: Nhöõr luañ töông thuyeá, quaünaõ höü chi. Nhöõr ngoñ tañh toäng, töü voáthöüsü Ñöông thöü Long nöñ nieñ thuyü baü tueá trí hueälöi cañ, sát-na thañh Phaá, khôü tai nam nöõlaõ aü chi töông ho?

Thieän toäng hoá hañhöü ña nöñhañ, hieñ theáminh tañ kieñ tañh thañh Phaá taü Toágiaü hañhuóng thañ hañ vañg sanh ho?

Nhöõñöh chap nöütöông vi thaá giaü thañ hyöbaá ñaü tañh lyüdaõ Baá ñaü tañh lyü khöõr thö nöñhañ. Hoá ñáe tañh toäng, phi nam phi nöõ

Ñaü Baü Neáhoan kinh vañ: Nhöõr höü nam töü baü tri töüthañ höü Nhö Lai tañh, theágian tuy danh nam töü Phaá thuyeá thöüboá thö nöñhañ daõ Nhöõr höü nöñhañ, nañg tri töüthañ höü Nhö Lai tañh, theágian tuy vieá nöñhañ, Phaá thuyeá thöüñañg thö nam töüdaõ

Baá kieñ Toäng kinh vañ: Töüñaü chi thañ, kieñ höü sanh dieä nam nöõchi töông, nhi linh giaü chi tañh thaá voásanh dieä töông. Nhó kim ngoáthöütañh, danh vi tröông thoü dieä danh Nhö Lai thoilöông, dieä danh Niét-bàn dieü tañ.

Höü vañ: Phañ höü tañ giaü taá giai thañh Phaá. Nhö kim hañh thö Phaá hañh, toá thö Phaá toá. Coávañ, A-työy chañh, toañ xöücör thañh chi töütañ. Chö Phaá phaü thañ, baü ly hañphañ chi nhaá nieñ.

裴相國云。血氣之屬必有知。凡有知者必同體。正所謂。蠢動含靈皆具佛性，况女人乎。

問。既具佛性，蠢動含靈何不成佛，却在輪迴受苦乎。

答。只為當時著相迷性，輩覺合塵，造作種種惡業，今墮異類受苦。蠢動含靈且置而弗論，今時得箇人身者，尚不肯齋戒念佛求生淨土，反教異類成佛乎。

或曰。多有善知識見女人齋戒念佛者，皆願他女轉男身，來世修道。此說何如。

一元曰。此等善知識，濫叨知識之名，而不達知識之理，實乃癡迷。

不知維摩經云。舍利弗與一天女曰。何以不轉女身。

天曰。我從十二年來，求女人相了不可得，當何所轉。譬如幻師化作幻女，若有人問何以不轉女身，是人為正問不。

舍利弗言。不也。幻無定相，當何所轉。

Buồ Tôông quoạ vaân: Huyeá khí chi thuoạ, taá hõu tri. Phaom hõu tri giaũ taá ñoàng theá Chanh sôuvò: Xuaân ñoàng haom linh, giai củ Phaá tành, huóng nõnhaân hoà

Vaân: KyùcuiPhaá tành, xuaân ñoàng haom linh, haobaá thanh Phaá khõu khõu tai luaân hoà thõikhoáho?

Ñap: Chævi ñoàng thõu trõu töông meätành, boá giâu hiép traân, taá taú chumg chumg aù nghiép, kim ñoã dò loaĩ thõikhoá Xuaân ñoàng haom linh thaútrí nhi pháá luaân, kim thõu ñaé caunhaân thaân giaũ thõông baá khang trai giõu nieân Phaá, caù sanh Tõnh ñoã pham giâu dò loaĩ thanh Phaá ho?

Hoæ vieá: Ña hõu thieân tri thõu, kieán nõnhaân trai giõu nieân Phaá giaũ giai nguyeân tha nõochuyeân nam thaân, lai theá tu ñaã, thõuthuyeá haonhõ?

Nhaá Nguyeân vieá: Thõuñang thieân tri thõu, laim thao tri thõu chi danh nhi baá ñaã tri thõu chi lýu Thaá naõ si meá

Baá tri Duy-ma kinh vaân: Xá-ly-phát döonhaá thieân nõo vieá: Haódo baá chuyeân nõothaân?

Thieân vieá: Ngaótung thaþ nhò nieân lai, caù nõnhaân töông lieäu baá khaiñæ, ñoàng haosõuchuyeân? Thí nhõ huyeân sô hoã taú huyeân nõo nhõõc hõu nhaân vaân: Haódo baá chuyeân nõothaân? Thò nhaân vi chanh vaân phu?

Xá-ly-phát ngoân: Baá daõ huyeân voãñõnh töông, ñoàng haosõuchuyeân.

天曰。一切諸法亦復如是，無有定相。云何乃問不轉女身。卽時天女以神通力。變舍利弗令如天女。天自化身如舍利弗，而問言。何以不轉女身。

舍利弗以天女像而答言。我今不知何轉而變為女身。

天曰。舍利弗若能轉此女身。則一切女人亦當能轉。如舍利弗非女而現女身。一切女人亦復如是。雖現女身而非女也。是故佛說一切諸法非男非女。

卽時天女還攝神力。舍利弗身還復如故。

如此者。眞如性中豈有男女之相耶。況法華經中專記女人生極樂世界，豈不其然乎。

又往生傳載女人生西方者，不勝其數。知識何不知識焉。

Thiên việ: Nhaá thieá chõ phạp dieã phuẽ nhõ thõ, voã hõu ñõnh töõng. Vaãn haõnaõ vaãn baá chuyeãn nõõthaãn? Tõu thõ thieãn nõõdõ thaãn thoãng lõr, bieãn Xá-ly-phát linh nhõ thieãn nõõ thieãn tõi hoã thaãn nhõ Xá-ly-phát nhi vaãn ngoãn: Haõdõ baá chuyeãn nõõthaãn?

Xá-ly-phát dõ thieãn nõõtõõng nhi ñạp ngoãn: Ngaõkim baá tri haõchuyeãn nhi bieãn vi nõõthaãn?

Thiên việ: Xá-ly-phát nhõõc naõng chuyeãn thõm nõõthaãn, taẽ nhaá thieá nõõnhaãn dieã ñõõng naõng chuyeãn, Nhõ Xá-ly-phát phi nõõnhi hieãn nõõthaãn, nhaá thieá nõõnhaãn dieã phuẽ nhõ thõ, tuy hieãn nõõthaãn nhi phi nõõdã Thõ coáPhaã thuyeá nhaá thieá chõ phạp, phi nam phi nõõ

Tõu thõ thieãn nõõhoãm nhieáp thaãn lõr, Xá-ly-phát thaãn hoãm phuẽ nhõ coá

Nhõ thõgiaũ chaãn nhõ taãn trung khõu hõu nam nõõchi töõng da? Huoãng Phạp Hoa kinh trung chuyeãn kyõnõõnhaãn sanh Cõr Laẽ theãgiõu, khõu baá kyõnhieãn ho?

Hõu Vaõng sanh truyeãn taũ nõõnhaãn sanh Taỹ phõõng giaũ baá thaõng kyõsoá tri thõu haõbaá tri thõu yeãn?

21. Lìa hình tướng, rõ chân tánh, vãng sanh Tịnh độ

Có người hỏi: “Nữ giới niệm Phật có được sanh về Tịnh độ chăng?”

Nhất nguyên đáp: “Sao ông nói vậy? Chim vẹt, chim sáo niệm Phật còn được vãng sanh, huống chi con người?”

Lại hỏi: “Nữ giới có mười điều thua kém, làm sao có thể được vãng sanh? Một là lúc sanh ra cha mẹ không vui mừng.⁽¹⁾ Hai là khi nuôi nấng không dành cho những món ngon quý. Ba là trong lòng thường sợ sệt người khác. Bốn là khiến cha mẹ phải lo lắng việc cưới gả. Năm là phải xa lìa khi cha mẹ còn sống. Sáu là phải sợ sệt tánh khí chồng thay đổi. Bảy là phải mang thai và sanh nở, là việc rất khó khăn. Tám là lúc nhỏ phải chịu sự quản chế khắc khe của cha mẹ. Chín là khi đã trưởng thành phải chịu sự cấm chế của chồng. Mười là đến tuổi già phải chịu sự nặng lời của con cháu.⁽²⁾ Từ khi sanh ra cho đến cuối đời, nữ giới luôn thiếu sự tự do.

⁽¹⁾ Văn này viết từ thế kỷ 11, trong bối cảnh xã hội Nho giáo Trung Hoa xưa vốn trọng nam khinh nữ, khi sanh con chỉ muốn sanh con trai nối dòng mà thôi. Quan điểm này ngày nay tất nhiên không còn được chấp nhận nữa vì đã trở thành bất hợp lý. Nhưng trong thực tế vẫn còn có không ít người chịu ảnh hưởng nhất định của quan điểm xa xưa này.

⁽²⁾ Cả 10 điều thua kém của nữ giới được kể ra ở đây đều xuất phát từ quan điểm trọng nam khinh nữ xưa kia, không còn phù hợp với thực trạng xã hội ngày nay. Tuy nhiên, ngay trong xã hội hiện đại thì nữ giới vẫn có những điều thua kém nam giới, xét theo ý nghĩa phải chịu đựng nhiều khó khăn, bất tiện hơn. Chẳng hạn, thể chất phụ nữ nói chung yếu ớt hơn nên phải gắn bó với công việc trong nhà nhiều hơn, phụ nữ phải đảm nhận thiên chức làm mẹ, có rất nhiều khó khăn mà nam giới không thể chia sẻ tất cả, hoặc phụ nữ không được gắn gũi cha mẹ sau khi lấy chồng...

“Nữ giới lại có năm điều chướng ngại. Một là không thể làm Phạm Thiên vương, hai là không thể làm Đế Thích, ba là không thể làm Ma Vương, bốn là không thể làm Chuyển luân Thánh vương, năm là không thể làm Phật. Như vậy thân nữ sao có thể mau chóng thành Phật được?”

Nhất Nguyên đáp: “Nếu luận về hình tướng, quả thật có những điều như vậy. Nhưng luận về sự cốt yếu của bản tánh thì không có những việc ấy. Thời Phật tại thế có vị Long nữ⁽¹⁾ mới 8 tuổi nhưng trí huệ đầy đủ, căn cơ nhanh nhạy, thành Phật chỉ trong chốc lát.⁽²⁾ Vậy lẽ nào việc thành Phật lại do nơi hình tướng nam, nữ, già, trẻ hay sao?”

“Trong Thiên tông có rất nhiều người thuộc nữ giới mà ngay trong đời này cũng rõ được tâm, thấy được tánh, làm thầy làm tổ, huống chi là việc vãng sanh sau khi đã bỏ thân này?”

“Nếu ông cố chấp cho cái hình tướng nữ giới là thật, quả là rất không thông đạt lý tánh. Người không thông đạt lý tánh mới chính là nữ nhân; như nắm hiểu được chỗ cốt yếu của bản tánh thì thật là không có nam nữ.

“Kinh Đại Bát Nê-hoàn⁽³⁾ dạy rằng: ‘Như có người nam không biết rằng thân mình tự có tánh Như Lai, dù thế gian gọi người ấy là nam nhưng Phật nói rằng hạng người

⁽¹⁾ Long nữ: con gái của Long vương.

⁽²⁾ Chuyện này được nói đến trong kinh Diệu pháp liên hoa (tức kinh Pháp Hoa), phẩm Đề-bà-đạt-đa thứ 12.

⁽³⁾ Kinh Đại Bát Nê-hoàn, 6 quyển, bản dịch Hán văn của ngài Pháp Hiển đời Đông Tấn, thuộc Đại chánh tạng, quyển 12, kinh số 376. Rất nhiều người nhầm lẫn bản kinh này với kinh Đại Bát Niết-bàn, bản dịch Hán văn của ngài Đàm-vô-sám, 40 quyển, thuộc Đại chánh tạng, quyển 12, kinh số 374.

ấy là nữ. Như có người nữ biết được rằng thân mình tự có tánh Như Lai, dù thế gian gọi người ấy là nữ nhưng Phật nói rằng người ấy là nam.’

“Sách *Tông kính lục* nói: ‘Thân tứ đại này nhìn vào có những hình tướng sanh, diệt, nam, nữ; nhưng tánh linh giác thật không có những hình tướng sanh, diệt, nam, nữ.’

“Như nay ông nhận hiểu tánh ấy thì gọi là được tuổi thọ lâu dài, cũng gọi là tuổi thọ đồng với Như Lai, cũng gọi là đạt được tâm *Niết-bàn* mâu nhiệm.

“Lại nói: ‘Nếu có tâm thức thì hết thảy đều thành Phật.’ Cho nên, hiện nay đang đi đó là Phật đi, đang ngồi đó chính là Phật ngồi. Nên nói rằng: ‘Y báo và chánh báo địa ngục *A-tỳ* đều sẵn có trong tự tâm bậc thánh, pháp thân chư Phật chưa từng lìa khỏi một niệm phạm phu.’

“Bùi Tường quốc nói: ‘Những loài có khí huyết khí ất có nhận biết. Nếu có nhận biết ất là đồng thể.’ Đó chính là: ‘Hết thảy những loài có linh tánh biết cử động đều sẵn đủ tánh Phật. Huống chi là nữ giới?’

Người kia lại hỏi: “Đã sẵn có tánh Phật, sao những loài có linh tánh biết cử động không thành Phật, lại ở mãi trong luân hồi chịu khổ?”

Nhất Nguyên đáp: “Chỉ vì lúc trước làm người vương chấp hình tướng, mê lấp chân tánh, ngược với chánh giác mà hợp theo sáu trần, tạo ra mọi thứ ác nghiệp, nên nay phải đọa vào loài vật mà chịu khổ.

“Hãy tạm gác lại việc của những loài có linh tánh biết cử động, đến như những kẻ hiện nay được mang thân người còn chẳng chịu ăn chay giữ giới, niệm Phật cầu

sanh Tịnh độ, lại có thể giáo hóa loài khác thành Phật được sao?”

Người kia lại hỏi: “Có những bậc thiện tri thức thấy nữ giới ăn chay, giữ giới, niệm Phật liền nguyện cho người nữ ấy qua đời sau được chuyển làm nam thân để tu hành. Việc ấy thế nào?”

Nhất Nguyên đáp: “Những người như thế chỉ lạm xưng là tri thức, vì họ thật không hiểu biết lý lẽ, quả là rất si mê.

“*Kinh Duy-ma* có đoạn: ‘*Xá-ly-phất* hỏi một vị thiên nữ rằng: Sao không chuyển đổi thân nữ?’

“Thiên nữ đáp: Từ mười hai năm qua tôi vẫn cầu cái tướng nữ nhân mà không được, lấy gì mà chuyển đổi? Ví như có một nhà ảo thuật tạo ra một cô gái ảo. Nếu có người hỏi: Sao không chuyển đổi thân nữ? Vậy câu hỏi của người ấy có chính đáng chăng?”

“*Xá-ly-phất* đáp: Không, sự ảo hóa không có hình tướng nhất định, lấy gì mà chuyển đổi?”

“Thiên nữ nói: Tất cả các pháp cũng đều như vậy, vốn không có hình tướng nhất định. Sao lại hỏi việc không chuyển đổi thân nữ?”

“Liền đó, thiên nữ dùng sức thần thông khiến cho *Xá-ly-phất* hóa thành hình thiên nữ, còn thiên nữ lại hóa thành *Xá-ly-phất*, rồi hỏi: Sao không chuyển đổi thân nữ?”

“*Xá-ly-phất* trong hình tướng thiên nữ đáp rằng: Nay tôi chẳng biết vì sao lại hóa làm thân nữ.

“Thiên nữ nói: Như *Xá-ly-phất* có thể chuyển đổi thân nữ ấy thì tất cả nữ nhân cũng đều có thể chuyển đổi thân

nữ. Như *Xá-ly-phát* vốn chẳng phải là nữ mà hiện ra thân nữ, tất cả nữ nhân cũng đều như vậy, tuy hiện ra thân nữ nhưng chẳng phải là nữ. Cho nên Phật dạy rằng tất cả các pháp vốn thật không có nam nữ.

“Dứt lời, thiên nữ lại thâu lại sức thần thông, *Xá-ly-phát* hiện thân trở lại như cũ.

“Như vậy, trong tánh chân như lẽ nào lại có tướng nam, tướng nữ hay sao? Huống chi trong kinh *Pháp Hoa* có

身雖出家不求淨土說

天如和尚云。近世有等出家，雖云離俗，俗習不除。盡曰出塵，塵緣不斷。經教固不知，參禪又不會。心猿亂走，意馬奔馳。作隊成羣，打闕過日。非但虛消信施，亦乃埋沒己靈。眼光落地之時，路頭向甚處去。

正是青天白日爺娘不識。未證謂證，未得謂得。實乃徒入空門，虛生浪死。

噫。問君出家因甚麼事。為衣食故。貪富貴故。求安樂故。父母捨汝出家，指望超度父母，報答四恩。如今自己尚無靠託，況能拔濟他人乎。

chép việc nữ nhân được sanh về thế giới Cực Lạc, lẽ nào không phải vậy sao?

“Lại như trong *Vãng sanh truyện* có chép việc nữ nhân vãng sanh Tây phương, số nhiều không kể xiết!

“Bậc trí thức vì sao lại không hiểu biết?”

Thân tuy xuất gia, bất cầu Tịnh độ thuyết

Thiên Nhô hoa thōng vān: Cān theāhōu nāng xuāi gia, tuy vān ly tūc, tūc tập bāi trōg tām viē xuāi trān, trān dūyēn bāi nōān. Kinh giān cōabāi tri, tham thiēn hōu bāi hōi. Tām viēn loān tāt, yūmāōbōn trī. Tāt nōi thanh quān, nāuhōng quānhāi. Phi nān hō tieū tín thī, dieē nāi mai mōi kyūlinh. Nān quan lāi nōa chi thōi, loānāi hōmng thām xōi khōi

Chām thō thanh thiēn bāch nhāi gia nōng bāi thōi, Vō chōmng vō chōmng, vō nāc vō nāc. Thāi nāi nōanhāp khōng mōi, hō sanh lāng tōi

Y! Vān quān xuāi gia nhān thām ma sō? Vō y thōi cō? Tham phūquyūcō? Cāi an lāi cō? Phūi māi xānhōixuāi gia, chāvōng sieū nōaphūi māi, bāi nāp tōuān. Nhi kim tōi kyūthōng vōkhāi thāi, huōng nāng bāi teātha nhān hō?

有日閻羅老子與爾打算飯錢，將甚抵敵。不落地獄餓鬼，定是載角披毛。如是出家，可悲可痛。

諸仁者。趁此未老無病之前，急早作箇活計。堅持齋戒，念佛誦經，禮讚發願，求生淨土。得見彌陀之後，可以超度父母，可以報答四恩，可以拔濟羣生，可以永受快樂。如此出家，方為佛子。

嗟乎。又有一等為僧為道者，教他求生淨土只說功行全無，工夫未到。且求來世再為男子，重復出家展轉修行，方可生彼。此等退屈下流，愚癡極甚。自迷猶且可，又要賺他人。我且問汝，現今男子出家不求淨土，更待何生。

先德云。今生不得生，一蹉是百蹉。此身不向今生度，更向何生度此身。誠哉是言也。

諸仁者。若論功行工夫要成佛者，且待彌勒下生，千佛出世。若言九品法門求生淨土，一念信心彈指可到。何以故。仗佛力故。

不見蓮宗寶鑑云。信餘門學道，如蟻子上

Höü nhaï Dieâm-la laõ töüdüöneññaütoam phañ tieàn, töông thañ ñeañöch. Baï laï ñòa ngưi ngai quyü ñònh thò tai giâu phi mao. Nhö thò xuaï gia khaübi khaüthoäng.

Chö nhañ giâu Tô thöüvò laõ voäbeñh chi tieàn, cap taõ taü caühoat keá Kieñ trì trai giöü, nieñ Phaï tung kinh, leä tañ phañ nguyeñ, caü sanh Tònh ñoä Ñäc kieñ Di ñaõchi haü, khaüdó sieü ñoäphui maü, khaüdó baü ñap töüañ, khaüdó baï teáquan sanh, khaüdó vónh thoi khoaï laï. Nhö thöüxuaï gia phöông vi Phaï töü

Ta hoá Höü höü nhaï ñaung vi taung vi ñaõ giâu giâu tha caü sanh Tònh ñoä chathuyeá công hañh toam voä công phu vò ñaõ, thaücaü lai theataü vi nam töü trung phuï xuaï gia trieñ chuyeñ tu hañh, phöông khaüsanh bæ Thöüñaung thoá khaüaï haïlöu, ngu si cöë thañ. Töimeädo thaükhaü höü yeü trañ tha nhañ. Ngaõthaüvañ nhöë hieñ kim nam töüxuaï gia baï caü Tònh ñoä cañh ñaõ hañsanh?

Tieñ ñöü vañ: Kim sanh baï ñäc sanh, nhaï tha thò bañh tha. Thöüthañ baï hööüng kim sanh ñoä cañh hööüng hañsanh ñoäthöüthañ? Thanh tai thò ngoñ daõ

Chö nhañ giâu Nhöõr luañ công hañh công phu yeü thanh Phaï giâu thaüñaõ Di-läc hañsanh, thieñ Phaï xuaï theá Nhöõr ngoñ cöü phañ phap möñ caü sanh Tònh ñoä nhaï nieñ tín tañ ñañ chàkhaüñ. Haüdó co? Trööng Phaï löc coá

Baï kieñ Liën töng bảo giám vañ: Tín dö möñ ñaõ, nhö

於高山。淨土往生，似風帆行於順水。彌陀接引，直趣菩提。眾聖提攜，高超三界。上品即登佛果，下生猶勝天宮。普信勿疑，同修不退。

又不見決疑論云。人身難得，淨土易生。何以故。五戒不持，人天路絕。五戒清淨，方得為人。況以五戒難持，亦無願力攝受。此所謂人身難得也。修淨土者，未必持戒全與不全，但念阿彌陀佛名號，縱有罪業亦許懺悔。臨命終時，阿彌陀佛，觀音，勢至，清淨海眾各有願力，共來接引攝受。此所謂淨土易生也。

十六觀經云。至心念南無阿彌陀佛一聲，滅八十億劫生死重罪。上至一心不亂，下至十念成功。五逆十惡罪人，臨終十聲阿彌陀佛亦得往生淨土。況出家齋戒念佛而不生乎。

嗚呼。如此捷徑法門，只是無人信受。若不信受奉行，出家有何益矣。

nghe tồithồing ơ cao sơn. Tồnh ãoãvaõng sanh, tồiphong hãng hãnh ồ thuaã thuý. Di-đà tiếp dẫn, trồc thuùBồ-đề. Chùng thãnh ãehueà cao sieãu tam giồu. Thồõng phãn tồu ããng Phã quãu hãisanh do thãng thiãn cung. Phồathãnh vãã nghi, ãõng tu báã thốã.

Hồu báã kieãn Quyết nghi luận vãn: Nhaãn thãn nan ããc, Tồnh ãoãdồ sanh. Hãodồ cồ? Nguồgiồu báã trì, nhaãn thiãn loã tuyẽ; nguồgiồu thãnh tồnh, phồõng ããc vi nhaãn. Huống dồ nguồgiồu nan trì, dieã voãnguyẽ lữ nhieãp thồ Thồũsồuvồ nhaãn thãn nan ããc dã Tu Tồnh ãõgiaũ vồ táã trì giồu toã dồbãã toã, ããn ãiãn A-di-đà Phã danh hieãu, tồng hồu toã nhieãp dieã hồã sãm hoã. Lãn mãng chung thồu, A-di-đà Phã, Quãn Aãn, TheãChí, thãnh tồnh hãu chùng cãu hồu nguyẽ lữ, cõng lãi tiếp dẫn nhieãp thồ Thồũsồuvồ Tồnh ãõ dồ sanh dã

Thập lục quán kinh vãn: Chí tâm ãiãn Nam-mồ A-di-đà Phã nhãã thãnh, dieã báã thãp ồu kieãp sanh tồutrong toã. Thồõng chí nhãã tâm báã loãn, hãichí thãp ãiãn thãnh cõng, nguồghồch thãp àu toã nhaãn, lãn chung thãp thãnh A-di-đà Phã, dieã ããc vãõng sanh Tồnh ãõ Huống xuat gia trã giồu ãiãn Phã nhi báã sanh hoã

Ồhồ nhồ thồutiep kính phãp mãn, chãthồ voãnhaãn tìn thồ Nhồũc báã tìn thồ phũng hãnh, xuat gia hồu hãich hyũ

22. Thân tuy xuất gia, chẳng cầu Tịnh độ

Hà thượng Thiên Như nói: “Gần đây có những người xuất gia, tuy nói lìa tục nhưng thói tục chẳng bỏ, xung là xuất trần nhưng duyên trần chẳng dứt. Kinh sách giáo điển đã không biết đến, việc tham thiền lại không chỗ hội nhập. Tâm như con vượn lảng xăng, ý như con ngựa hối hả. Những kẻ ấy kết thành bè đảng, suốt ngày quát tháo, đánh nhau. Chẳng những uống cơm tén thí mà còn làm mai một linh tánh của chính mình. Một mai khi dứt bỏ thân này, biết đi về đâu?”

“Thật rõ ràng như giữa ban ngày, đã không biết đến cha mẹ,⁽¹⁾ mà việc tu hành chưa chứng lại nói rằng chứng, chưa được lại nói rằng được, thật uống thay cho việc bước vào cửa *Không*,⁽²⁾ phí cả một đời!

“Xin hỏi các vị rằng: Vì điều chi mà xuất gia? Vì cơm áo chẳng? Vì tham phú quý chẳng? Vì cầu được an vui chẳng? Cha mẹ cho con xuất gia chỉ mong có một ngày sẽ siêu độ cha mẹ, báo đáp bốn ơn,⁽³⁾ nhưng hiện nay các vị tự thân còn không đáng nương dựa vào, huống chi lại có thể cứu vớt người khác hay sao? Một mai Diêm vương sẽ cùng các

(1) Không biết đến cha mẹ: người xuất gia dứt hẳn việc gia đình, dù cha mẹ còn sống cũng không thể lo việc phụng dưỡng. Văn Quy sơn cảnh sách nói: “Làm người xuất gia, chẳng thể dâng cho cha mẹ miếng ăn ngon ngọt, cho đến quyển thuốc cũng đều dứt bỏ.”

(2) Bước vào cửa Không: chỉ việc xuất gia, vì người xuất gia quan trọng nhất là tu tập để thấu triệt được tánh Không của vạn pháp.

(3) Bốn ơn (tứ ân): Bốn ơn nặng mà chúng ta thọ nhận. Một là ơn cha mẹ (cha mẹ sanh dưỡng mình), hai là ơn chúng sanh (mọi nhu cầu của mình chỉ được đáp ứng nhờ có những chúng sanh khác), ba là ơn quốc gia (đã cho mình một môi trường sống tốt đẹp, an lành), bốn là ơn Tam bảo (đã chỉ ra cho mình con đường chân chánh tu tập để thoát mọi nỗi khổ).

vị tính số cơm tiền,⁽¹⁾ các vị lấy gì mà đền trả? Nếu không đọa vào các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, ác cũng phải sanh làm các loài súc sanh. Người xuất gia như thế thật đáng thương thay! Thật đau xót thay!

“Này các vị! Ngay trong lúc tuổi già chưa đến, thân này không có bệnh, hãy sớm thực hành nếp sống tốt đẹp, bền lòng ăn chay giữ giới, niệm Phật tụng kinh, lễ tán phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Sau khi được gặp đức Phật *A-di-đà*, mới có thể siêu độ cha mẹ, mới có thể báo đáp bốn ơn, mới có thể cứu vớt muôn loài, mới có thể được an vui mãi mãi. Người xuất gia như vậy mới xứng đáng là đệ tử Phật.

“Than ôi! Lại có một hạng người làm tăng, tu đạo, khi dạy người khác việc cầu sanh Tịnh độ luôn nói rằng: Các người hiện nay công hạnh không có, công phu chưa đủ, chỉ nên cầu cho đời sau được sanh làm nam giới, rồi lại xuất gia, tu hành từng bước tiến tới mới có thể sanh về Tịnh độ. Đó là hạng người hèn kém thối chí,⁽²⁾ ngu si thái quá. Tự mình mê lầm còn có thể tha thứ, lại còn muốn đối gạt người khác!

“Xin hỏi các vị, nay được làm thân nam tử xuất gia, không cầu sanh Tịnh độ thì đợi đến bao giờ?”

(1) Tính số cơm tiền: tức món nợ cơm áo bình sanh đã nhận của thập phương tín thí. Thiền môn có dạy: “Tín thí nan tiêu.” (Sự cúng dường của tín thí rất khó bỏ phí.) Nếu đã nhận sự cúng dường của tín thí thì phải đáp trả xứng đáng bằng việc chuyên tâm tu tập, lợi ích muôn loài. Bằng ngược lại thì cũng không khác gì vay nợ kẻ khác, ắt có ngày phải trả đủ cả vốn lẫn lãi.

(2) Về sự thối chí của người tu hành, có 3 điều. Một là Bồ-đề quảng đại khuất, nghĩa là thấy quả Phật quá cao xa, đạo Bồ-đề quá rộng lớn mà sanh ra thối chí. Hai là Vạn hạnh nan tu khuất, nghĩa là thấy những công hạnh tu tập quá khó khăn mà sanh ra thối chí. Ba là Chuyển y nan chứng khuất, nghĩa là thấy các đạo quả chuyển y mẫu nhiệm rất khó chứng đắc mà sanh ra thối chí.

“Người xưa dạy rằng: ‘Kiếp này chẳng được vãng sanh, thì trăm kiếp sau cũng sẽ lặp lại sai lầm ấy. Thân này không cầu giải thoát trong kiếp này, lại chờ đến kiếp nào mới được giải thoát?’ Lời nói đúng lắm thay!

“Này các vị, nếu luận về việc tu tập công hạnh, công phu để mong thành Phật, ắt phải chờ mãi đến Phật *Di-lặc* dẫn sanh, ngàn đức Phật ra đời. Còn nói về pháp môn *Chín phẩm*⁽¹⁾ cầu sanh Tịnh độ thì chỉ cần một niệm khởi lòng tin, trong thời gian khảy móng tay đã có thể sanh về cõi Phật! Vì sao vậy? Đó là nhờ nương vào sức Phật.

“Sách *Liên tông bảo giám* nói rằng: ‘Tu tập những pháp môn khác, ví như con kiến bò lên núi cao, còn tu pháp môn vãng sanh Tịnh độ, ví như thuyền buồm thuận gió xuôi dòng. Phật *A-di-đà* tiếp dẫn, thẳng tới quả *Bồ-đề*; các vị thánh diu dắt, vượt thoát ngay Ba cõi. Bậc *Thượng phẩm*⁽²⁾ liền đạt quả Phật; bậc *Hạ sanh*⁽³⁾ vẫn còn hơn cung điện các cõi trời. Khuyến tất cả các vị đừng nghi ngờ nữa, hãy cùng nhau tu tập không lùi bước.

“Trong *Quyết nghị luận* có dạy rằng: ‘*Thân người thật khó được, Tịnh độ dễ sanh về.*’ Vì sao vậy? Nếu không giữ trọn Năm giới thì không thể sanh trong hai cõi trời, người. Năm giới giữ trong sạch thì mới được làm người.

⁽¹⁾ Chín phẩm: Kinh Đại A-di-đà dạy rằng chúng sanh được vãng sanh Tịnh độ có 9 hạng, chia làm 3 phẩm, từ thấp lên cao là: Hạ phẩm hạ sanh, Hạ phẩm trung sanh, Hạ phẩm thượng sanh; Trung phẩm hạ sanh, Trung phẩm trung sanh, Trung phẩm thượng sanh; Thượng phẩm hạ sanh, Thượng phẩm trung sanh và Thượng phẩm thượng sanh. Vì thế, chín hạng này thường gọi là chín phẩm, bao gồm tất cả các mức độ tu tập khác nhau, từ những người mang nhiều ác nghiệp nhưng chí thành niệm Phật được vãng sanh (đối nghiệp vãng sanh) cho đến những bậc công hạnh viên mãn, ngay khi còn sống đã thể hiện đầy đủ sự giác ngộ (hiện thế A-di-đà).

⁽²⁾ Thượng phẩm: tức hàng Thượng phẩm thượng sanh như vừa nói trên, tức là bậc cao nhất trong Chín phẩm.

⁽³⁾ Hạ sanh: tức hàng Hạ phẩm hạ sanh như vừa nói trên, tức là bậc thấp nhất trong Chín phẩm.

Hướng chi, Năm giới đã khó giữ theo, lại không có nguyện lực hỗ trợ. Vì vậy nên nói rằng: *Thân người thật khó được.* Còn người tu Tịnh độ thì không nhất thiết việc giữ giới có được trọn vẹn hay không, chỉ thường nhớ niệm danh hiệu Phật *A-di-đà*, dù có tội nghiệp cũng có thể sám hối. Đến khi lâm chung thì đức Phật *A-di-đà*, các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí và đại chúng thanh tịnh nhiều như biển lớn cùng hiện đến, tất cả các vị ấy đều có nguyện lực tiếp dẫn, đón nhận mình. Vì vậy cho nên nói rằng: *Tịnh độ dễ sanh về.*

“Kinh *Thập lục quán*⁽¹⁾ dạy rằng: ‘Chí tâm niệm một tiếng *A-di-đà* Phật thì dứt được các tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Đó là nói từ những bậc đạt được *nhất tâm bất loạn*,⁽²⁾ cho đến kẻ chỉ trọn đủ mười niệm. Cho dù đã phạm vào *Năm tội nghịch*,⁽³⁾ *Mười điều ác*,⁽⁴⁾ nhưng khi lâm chung niệm Phật *A-di-đà* mười tiếng cũng được vãng sanh Tịnh độ, hướng chi người xuất gia ăn chay, giữ giới, niệm Phật lại chẳng được vãng sanh hay sao?

“Than ôi! Đối với pháp môn mau chóng thẳng tắt này, chỉ sợ người không chịu tin nhận mà thôi. Nhưng nếu không tin nhận và kính cẩn làm theo thì việc xuất gia liệu có ích gì?”

⁽¹⁾ Kinh Thập lục quán (Thập lục quán kinh): tức kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, cũng thường gọi tắt là Quán kinh.

⁽²⁾ Nhất tâm bất loạn: yếu chỉ của kinh A-di-đà, nghĩa là người niệm Phật đạt đến mức không còn bất cứ vọng niệm nào trong tâm, chỉ duy nhất có danh hiệu Phật mà thôi, không hề có sự tán loạn.

⁽³⁾ Năm tội nghịch (Ngũ nghịch tội): là các tội giết cha, giết mẹ, giết *A-la-hán*, phá hòa hiệp Tăng, làm thân Phật chảy máu.

⁽⁴⁾ Mười điều ác (Thập ác, hay Thập bất thiện đạo): gồm có: 1. Giết hại, 2. Trộm cắp, 3. Tà dâm, 4. Nói dối, 5. Nói thêu dệt, nói lời vô nghĩa, 6. Nói hai lưỡi, nói đâm thọc, gây chia rẽ người khác, 7. Nói lời độc ác, 8. Tham lam, 9. Sân hận, 10. Si mê.

裴相國身心虛偽說

唐，相國裴休曰。大衆從無始來，常認爲我身者，是地水火風假合之身。旋聚旋散，屬無常法，非我身也。

大衆從無始來，常認爲我心者，是緣慮客塵虛妄之心。乍起乍滅，屬無常法，非我心也。

我有真身，圓滿空寂者是也。我有真心，廣大靈知者是也。空寂靈知，神用自在。性含萬德，體絕百非。如淨月輪，圓滿無缺。惑雲所覆，不自覺知。妄惑既除，真心本淨。

十方諸佛，一切眾生，與我此心，三無差別，此卽菩提心體也。捨此不認，而認臭身妄念，隨死隨生，與禽獸雜類，比肩受苦，爲丈夫者豈不羞哉。

Bùi Tướng quốc thân tâm hư ngụy thuyết

Ñōông, Tōông quốc Bui Hōu viét: Ñai chùng tung vôa thuy lai, thōông nham vi ngaothan giâu thò nōa thuy hoā phong giāuhiep chi than. Toan tuitoan tam, thuoa voathōong phap, phi ngaothan daō

Ñai chùng tung vôathuy lai, thōông nham vi ngaothan giâu thò duyeā lōi khauh tran hō vōng chi tam. Sai khōu sai dieā, thuoa voathōong phap, phi ngaothan daō

Ngaōhōu chan than, vieā maā khoāng tōch giāuthō daō Khoāng tōch linh tri, than dung tōitai. Tam ham van nōu, theatuyēā baūh phi. Nhō tōnh nguyēā luaā, vieā maā voākhuyēā. Hoāē vaā sōuphuē baā tōi giāu tri. Vōng hoāē kyūtrōō chan tam boā tōnh.

Thap phōng chō Phaā, nhat thieā chùng sanh dōngāō thōūtam, tam voā sai bieā. Thōūtōū Bō-dē tam theādaō Xaūthōū baā nham, nhi nham xuūthan vōng nieān, tuy tōūtuy sanh, dō cām thuūtap loāi, tyūkieān thōi khoā Vi trōōng phu giāu khōū baā tu tai?

23. Bùi Tướng quốc luận việc thân tâm là hư giả

Đời Đường, tướng quốc Bùi Hưu nói rằng: “Từ vô thủy đến nay, cái thân mà các ông nhận là thân của mình, chính là cái thân tạm hợp bởi đất, nước, lửa, gió.⁽¹⁾ Nhưng cái thân đó lúc hợp lúc tan, thuộc về pháp vô thường, thật chẳng phải thân của mình.

“Từ vô thủy đến nay, cái tâm mà các ông nhận là tâm của mình, chính là cái tâm hư vọng chạy trần cảnh bên ngoài.⁽²⁾ Nhưng cái tâm đó chợt khởi chợt mất, thuộc về pháp vô thường, thật chẳng phải tâm của mình.

“Chúng ta có cái thân chân thật, tròn đầy rộng lặng, chính là thân của mình. Chúng ta có cái tâm chân thật, rộng lớn thường nhận biết, chính là tâm của mình. Rõng

⁽¹⁾ Đất, nước, lửa, gió: tức Tứ đại, bốn yếu tố cấu thành vật chất. Đất tượng trưng cho các độ rắn, nước tượng trưng cho sự ẩm ướt, lửa tượng trưng cho năng lượng, và gió tượng trưng cho sự chuyển động.

⁽²⁾ Trần cảnh bên ngoài: chỉ Lục trần, tức âm thanh, hình sắc, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp.

lặng thường nhận biết, công dụng khôn lường, tự do tự tại; tánh ấy hàm chứa muôn đức hạnh, thể ấy dứt sạch mọi sự phân biệt có không.⁽¹⁾

“Như vàng trắng sáng tròn vành vạnh, do đám mây mê lầm che lấp nên không tự rõ biết. Khi trừ được sự mê lầm rồi, mới biết chân tâm xưa nay vốn thường thanh tịnh. Tâm của chư Phật mười phương, tâm của tất cả chúng sanh và Tâm của ta đây, cả ba đều không khác gì nhau. Đó chính là tâm thể Bồ-đề.

“Nay bỏ cái tâm ấy mà không nhìn nhận, lại nhận lấy cái tâm vọng niệm trong thân xác như nhớp phụ thuộc vào sự sống chết, cùng với các loài cầm thú chen nhau chịu khổ. Bạc trượng phu như vậy lẽ nào không thấy hổ thẹn lắm sao?”

⁽¹⁾ Nguyên bản Hán văn dùng “tuyệt bách phi”. Từ điển Phật học Đinh Phúc Bảo giải thích hai chữ “bách phi” là: 百者，舉大數也。非者，非有非無等。(Bách giả, cử đại số dã. Phi giả, phi hữu phi vô đẳng. – Nói một trăm tức là con số tượng trưng, nói không tức là không hữu cũng không vô.)

龍舒居士姪殺說

飲食男女，人之大欲存焉。制之若無，斯為聖人。節而不縱，可為賢人。縱而不節，是為下愚。

蓋此二者，皆造業之所。殺生以資口腹，非造罪而何。姪慾以喪天真，非造罪而何。

况二者更相助發。因美飲食則血氣盛。血氣盛則姪慾多。姪慾多則反損血氣。血氣損，則又賴飲食以滋補。是二者更相造罪者。

若欲省口腹，必先節姪慾。若能節姪慾，即可省口腹。此乃安身延年之道。

若能節而絕之，則麤糲亦自美矣。若縱之，則人生受用之數有限，限盡則早終也。

慈覺禪師云。

飲食於人日月長，
精麤隨分塞饑瘡。
纔過三寸成何物，
不用將心細校量。

Long Thư cư sĩ dâm sát thuyết

Ăn thối, nam nữ nhân chi nãi dư toàn yên. Cheáchi nhôôc vôạ tồ vi thành nhân. Tiế ní bá tưng, khaúvi hiệ nhân. Tưng ní bá tiế, thò vi hángu.

Cái thônho giậ giai tả nghiệp chi sôu Saú sanh dó tồ khaú phuừ, phi tả toả ní há Đâm dư dó tưng thiế chấ, phi tả toả ní há

Huóng nhò giậcañh tồng trôi phá. Nhân myõaăn thối táe huyế khí thành. Huyế khí thành táe đâm dư ña. Đâm dư ña táe phâm toản huyế khí. Huyế khí toản táe hõu lai aăn thối dó tồ boả Thò nhò giậcañh tồng tả toả đả

Nhôôc dư tánh khaú phuừ, tá tiế tiế đâm dư. Nhôôc nạng tiế đâm dư, tồ khaútánh khaú phuừ. Thõunaõ an thân điề nĩn chi ña.

Nhôôc nạng tiế ní tuyế chí, táe thoáleädie tồmyõhyõ Nhôôc tưng chí táe nhân sanh thối đưng chí soá hõu háñ, háñ táñ táe táu chung đả

TồGiậ thiế sô vañ:

Ẩm thực ư nhân nhật nguyệt trường.
Tinh thô tùy phận tắc cơ sang.
Tài quá tam thốn thành hà vật?
Bất dụng tương tâm tế hiệu lương.

若能如是思省，自可省口腹矣。

務實野夫云。

皮包骨肉并膿血，
強作嬌嬈誑惑人。
千古英雄皆坐此，
百年同作一坑塵。

若能如是思省，自可省姪慾矣。

果了得此二者，在生何由有疾病夭折。身後何由有地獄畜生。修淨土者，實當謹戒於此。

24. Cư sĩ Long Thư bàn về sự dâm dục và giết hại

Việc ăn uống và tình dục giữa nam nữ là hai sự ham muốn lớn nhất của con người. Có thể kiềm chế cho đến mức không còn nữa là bậc thánh. Hạn chế không phóng túng là người hiền. Phóng túng không hạn chế là hạng ngu si hèn kém.

Cả hai việc ấy đều là chỗ khiến cho người tạo nghiệp. Giết hại sanh mạng để được ăn ngon miệng, no bụng, chẳng phải là gây tội hay sao? Dâm dục làm mất đi tánh chân thật trời ban, chẳng phải là gây tội hay sao? Hướng

Nhөөт наңг нө тө тәң, төйкәүтәң кәәй пууһ һыө

VũThaĩ DaõPhu vaãn:

Bì bao cốt nhục tình nùng huyết.

Cưỡng tác kiêu nhiều cưỡng hoặc nhân.

Thiên cổ anh hùng giai tọa thử.

Bách niên đồng tác nhất khanh trần.

Nhөөт наңг нө тө тәң, төйкәүтәң даәм дүр һыө

Quaũlieũ ñaé thөөnhө giaũ taĩ sanh haөdo hөөũ taĩ beñh
yeũ chieũ? Thaãn haũ haөdo hөөũ ñөa nguĩ suũ sanh? Tu Tөnh
ñөa giaũ thaĩ ñөөng caãn giөũ ö thөөũ

chi hai việc ấy đều nương theo nhau mà phát triển. Ăn nhiều món ngon nên khí huyết sung thịnh; khí huyết sung thịnh thì dâm dục nhiều; dâm dục nhiều ắt trở lại hao tổn khí huyết; khí huyết hao tổn lại phải dựa vào việc ăn uống để tự tẩm bổ. Vậy là hai việc ấy đều thay nhau tạo nghiệp.

Muốn giảm bớt cái tội do việc ăn uống, trước hết phải hạn chế sự dâm dục. Nếu có thể hạn chế sự dâm dục, tự nhiên cái tội do việc ăn uống sẽ giảm bớt. Đó là phương cách để được yên thân và sống lâu. Nếu hạn chế được sự dâm dục cho đến dứt bỏ đi, thì dù ăn uống đạm bạc cũng thấy ngon lành. Còn như buông thả phóng túng, số phần

được hưởng vốn có giới hạn, khi dùng hết ắt phải dứt sớm.

Thiền sư Từ Giác nói rằng:

Mỗi ngày hai bữa nuôi thân mạng,
Dở ngon tùy phận, món thuốc thường;⁽¹⁾
Nuốt vào trong bụng thành gì thế?
Sao chẳng lưu tâm khéo xét lường!

Nếu thường suy xét như vậy thì có thể tự mình giảm bớt được tội lỗi gây ra do việc ăn uống.

Vụ Thật Dã Phu có bài thơ rằng:

⁽¹⁾ Kinh Phật dạy nên xem món ăn như vị thuốc để chữa bệnh, chỉ vì nuôi sống thân này nên phải dùng đến, không có sự đắm mê, ham thích.

理事圓頓說

天真佛不從外來，一切眾生各各具有。但由虛妄流轉，二障覆蔽不能了知。

故菩薩修六度萬行，證大圓覺。於無分別智照真如理，於金剛道中斷盡煩惱所知二障。於解脫道中顯出清淨法身，如用藥磨鏡也。

Một bao da chứa thịt, máu, xương...
Gọi là xinh đẹp, ấy dối lường.
Xưa nay quân tử đều ôm ấp,
Trăm tuổi nào ai thoát mộ đường?

Nếu thường suy xét như vậy thì có thể tự mình giảm bớt sự đắm dục.

Nếu quả thật thấu hiểu được cả hai điều này, thì đời sống không do đâu mà phải chịu tật bệnh, chết yểu. Đến sau khi bỏ thân này, cũng không do đâu mà rơi vào những cảnh giới địa ngục, súc sanh.

Người tu Tịnh độ phải hết sức cẩn thận giữ gìn đối với hai việc này.

Lý sự viên đốn thuyết

Thiền chân Pháp bát tung ngoài lai, nhất thiết chúng sanh cầu cầu củi hổi, năn do hồ vọng lậu chuyên, nhò chồômng phuítéabá náng lieū tri.

CoáBoàTà tu lữ ñoāvān hành, chồômng ñāi viēn giāu. Õ voāphaān biē trī, chieāi chān nhõ lỳ Õ kim cang ñāb trung, ñoān taān phieān naō sôūtri nhi chồômng. Õ giāu thoāt ñāb trung, hieān xuāi thanh tồnh pháp thân, nhõ đưēng dồēt ma kính đā

永明壽禪師云。心爲法界之宗。一切諸法心爲上首。若知於心，則能得知一切諸法。

大灌頂經云。禪思比丘無他想念，唯守一法然後見心。

桐江瑛法師云。心焉，心焉。本自天然。卓爾獨立，湛寂孤堅。妙中至妙，玄中又玄。無來無去，不變不遷。由體明覺，遂生諸緣。鏡含萬象，海納百川。收之兮，神潛方寸。舒之兮，光充大千。變化自在，作用無邊。乃生乃佛，爲實爲權。迷之則浩浩不返，悟之則了了相傳。

釋云。一法爲宗，諸法無寄。他緣自絕，妙性顯然。志當歸一，而何智不明。尋流得源，而何疑不釋。撮要之旨，斯莫大焉。

書云。精一無二，唯精唯一。先治身心，後治家國。

經云。常正其心，不事餘學。

孟子曰。學問之道無他，求其放心而已矣。

古人云。覺得心放，便是工夫。不怕念

Vớnh Minh Thoithiền sô vaân: Tâm vi pháp giới chi tông, nhất thiết chỗ pháp tâm vi thông thú Nhôôt tri ô tâm, tác năng nãe tri nhất thiết chỗ pháp.

Nãi Quan Nãm kinh vaân: Thiền Tô tỳ-kheo vôtha tồông niêm, duy thuênhá pháp niêh haũ kiến tâm.

Nông Giang Anh pháp sô vaân: Tâm yên tâm yên, bản tồ thiền niêh. Trau nhô ão læp, trãm tồch coákiên. Diêu trung chí diêu, huyên trung hõu huyên. Vôlai vôkhôu bá biên bá thiền. Do theáminh giâu, toái sanh chỗ duyên. Kính hãm vañ tồông, haũ nãp bành xuyên. Thaũ chi hệ thãm tiêm phông thoán. Thô chi hệ quang sung nãi thiền. Biên hoũ tồtaĩ, tâu dung vôbiên. Não sanh não Phã, vi thaũ vi quyên. Mêchi tác haũ haũ bá phãm, ngoächi tác liêu liêu tồông truyên.

Thích viê: Nhất pháp vi tông, chỗ pháp vôkyù Tha duyên tồituyê, diêu tãm hiên niêh. Chí ãông quy nhất, nhi haũtrí bá minh? Tâm lờu nãe nguyên, nhi haũngi bá thích? Toái yên chi chặ tồ mãc nãi yên.

Thô vaân: Tinh nhất vônhò, duy tinh duy nhất. Tiêm trò thãm tâm, haũ trò gia quố.

Kinh vaân: Thông chãm kyotâm, bá sõi dô hõ.

Mãnh tồuviê: Hõ vañ chi ão vôtha, caũ kyøphông tâm nhi dó hõ

Coánhaũ vaân: Giâu nãe tâm phông, tiêm thò công phu,

起，唯恐覺遲。覺速止速，二妙相宜。知非改過，遽顏可師。

楞嚴經云。佛語心為宗。降心成道，萬行俱成。唯心之理，不可忘也。始知得地，萬物皆生。得理，萬行皆成。

裴相國云。心者，萬物之總也。分而為戒定慧，開而為六度，散而為萬行。萬行未嘗離一心。一心未嘗違萬行。故曰萬行顯真宗也。

宗鏡云。理行相資，闕一不可。有為雖偽，棄之則佛道難成。無為雖真，執之則慧性不朗。

是故文殊以理印行，差別之道無虧。普賢以行會理，根本之門不廢。

若違事而推理，墮聲聞之愚。若離理而行事，同凡夫之執。理事兼行，是為大乘菩薩也。

又云。若人欲成大覺，必須行乎中道。中道者，不偏不倚也。不偏於空，不倚於有。有亦不著，無亦不空。斯乃謂之中道也。

Baá pháinieän khôû, duy khuông giaù trì. Giaù toá chætoá, nhò dieäi töông nghi. Tri phi caü quaü CöoNhan khaüsö.

Laông Nghieän kinh vaän: Phaä ngöõtaän vi toäng. Hang taän thanh ñaä, vaän hañh caü thanh. Duy taän chi lyù baá khaüvong daä Thuý tri ñaé ñòa vaän vaä giai sanh, ñaé lyüvaän hañh giai thanh.

Buá töông quoa vaän: Taän giaü vaän vaä chi toäng daä Phaän nhi vi giöü, ñönh, hueä khai nhi vi lüç ñoä taän nhi vi vaän hañh. Vaän hañh vô thöông ly nhaä taän, nhaä taän vô thöông vi vaän hañh. Coávieä vaän hañh hieän chaän toäng daä

Toäng kính vaän: Lyühañh töông tö, khuyeä nhaä baá khaü Höü vi tuy nguy, khí chi taé Phaä ñaä nan thanh. Voävi tuy chaän, chaü chi taé hueätành baá laäng.

Thò coáVän-thù dó lyüaän hañh, sai bieä chi ñaä voäkhuy. PhoäHieän dó hañh hoä lyü caü boän chi moän baá pheä

Nhööç vi söi nhi suy lyü ñoä Thanh vaän chi ngu. Nhööç ly lyünhi hañh söi ñoäng phaon phu chi chaü. Lyüsöi kieän hañh, thò vi Ñaä thöä BoäTaä daä

Höü vaän: Nhööç nhaän dưc thanh ñaä giaù taä tu hañh hoättrung ñaä. Trung ñaä giaü baá thieän baá yüdaä Baá thieän ö khaüng, baá yüö höü. Höü dieä baá tröüç, voädieä baá khaüng. Tö naä vô chi trung ñaä daä

心賦云。有人安到清涼池，須用目足更資也。清涼池者，圓頓一乘之性海也。有目無足不得到清涼池。目者，何也。窮其理也。理者，何也。一心也。足者，何也。行其事也。事者，何也。萬行也。

正所謂。實際理地不受一塵。佛事門中不捨一法。何哉。要知萬法本於一心。一心具乎萬法。法即全心之法。心乃全法之心。心即是法，法即是心。是為體用不二，理事齊彰。三觀圓修直入如來地矣。

25. Lý và sự tức thời trọn vẹn

Hạt Thiên chân chẳng từ bên ngoài đến, hết thấy chúng sanh đều sẵn có đầy đủ, chỉ vì vọng niệm hư dối trôi lăn, hai điều chướng ngại⁽¹⁾ che lấp nên không thể rõ biết.

Cho nên, Bồ Tát tu Sáu *ba-la-mật*⁽²⁾ và muôn công

⁽¹⁾ Hai điều chướng ngại: Có 2 nghĩa. Một là phiền não chướng (những cảm xúc buồn, giận, yêu, ghét... làm che lấp chân tánh) và sở tri chướng (những sự hiểu biết không chân thật làm che lấp trí huệ). Hai là lý chướng (cố chấp vào lý) và sự chướng (cố chấp vào sự).

⁽²⁾ Sáu ba-la-mật (Lục ba-la-mật, hay Lục độ), gồm bố thí ba-la-mật, trì giới ba-la-mật, tinh tấn ba-la-mật, nhẫn nhục ba-la-mật, ba-la-mật thiên định và trí huệ ba-la-mật.

Tâm phuùvân: Hôũ nhân an ãnh thanh löông trì, tu düng mũc tuồ cãmh tồ daõ Thanh löông trì giãũ viêñ ñoãn nhãt thõm chi tãmh hãm daõ Hôũ mũc voãtuồ, bãt ãnh ãnh thanh löông trì. Mũc giãũ hãdaõ Cung kyõlyũdaõ Lyũgiãũ hãdaõ Nhãt tâm daõ Tuồ giãũ hãdaõ Hãm kyõsõĩ daõ Sõĩ giãũ hãdaõ Vãn hãmh daõ

Chãmh sôũvò, thã teãlyũñõa bãt thõi nhãt trãm, Phãm sõĩ moãn trung, bãt xãmnhãt phãp. Hãtai? Yeũ tri vãn phãp boãn õ nhãt tâm, nhãt tâm cũ hoãvãn phãp. Phãp tồ toãn tâm chi phãp, tâm ãõ toãn phãp chi tâm. Tâm tồ thõ phãp, phãp tồ thõ tâm. Thõ vi theãdüng bãt nhõ, lyũsõĩ teãchõõng. Tam quãm viêñ tu, trõc nhãp Nhõ Lai ñõa hỹõ

hạnh,⁽¹⁾ chứng được sự giác ngộ sáng suốt tròn đầy, với trí huệ không phân biệt, soi tỏ lý chân như; ở trong đạo kim cương dứt sạch hai điều chướng ngại phiền não và sở tri; ở trong đạo giải thoát hiển bày pháp thân trong sạch, như dùng thuốc mà lau kính.

Thiền sư Vĩnh Minh Thọ nói rằng: “Tâm là nguồn cội của pháp giới; đối với các pháp, tâm là quan trọng nhất. Nếu rõ biết được tâm ắt có thể rõ biết tất cả các pháp.”

Kinh Đại quán đĩnh nói: “*Tỳ-kheo* Thiền Tư không tưởng niệm điều chi khác, chỉ giữ lấy một pháp, rồi sau thấy được tâm.”

⁽¹⁾ Muôn công hạnh (vạn hạnh): chỉ chung tất cả mọi công hạnh tu tập.

Pháp sư Anh ở Đồng Giang⁽¹⁾ nói: “Này tâm, này tâm! Vốn là tự nhiên, sừng sững đứng riêng, vắng lặng thanh tịnh vững chắc, mầu nhiệm nhất trong các sự mầu nhiệm, huyền diệu hơn cả trong các sự huyền diệu; không đến không đi, không đổi không dời, do thể minh giác mà sanh ra các duyên, như gương soi hàm chứa muôn hình tượng, như biển lớn dung nạp trăm dòng sông. Thân tóm lại, thần khí ẩn trong gang tấc; trải rộng ra, soi chiếu khắp thế giới Đại thiên; tự do biến hóa, tác dụng vô cùng; là chúng sanh, mà cũng là Phật; là chân thật, mà cũng là quyền biến; khi mê trôi lăn mãi trong chốn mê mông; lúc ngộ thường rõ biết trong từng giây phút.”

Đạo Phật dạy: “Chỉ một pháp là chính yếu, các pháp không nương vào; duyên bên ngoài tự dứt, tánh mầu nhiệm hiển bày; tâm ý quay về một mối thì trí tuệ nào lại không sáng rõ? Theo dòng tìm được nguồn cội thì chỗ nghi nào lại không thấu suốt? Về ý nghĩa cốt yếu, không còn gì hơn điểm này.”

Kinh Thư nói: “Chỉ một chỗ tinh chuyên, không có hai. Tinh chuyên là quan trọng nhất. Trước phải sửa trị thân tâm, sau mới sửa trị được việc nhà, việc nước.”

Kinh Phật dạy rằng: “Thường giữ tâm chân chánh, chẳng học điều gì khác.”

Mạnh tử nói: “Cái đạo của sự học hỏi không phải gì khác, chỉ tìm lại được cái tâm lạc lối của mình là xong.”⁽²⁾

⁽¹⁾ Pháp sư Anh ở Đồng Giang, tức pháp sư Đức Tạng Trạch Anh (德藏擇瑛), người Hàng Châu, chùa Tường Phù, có soạn Quán tâm lục, được đưa vào sách Truy môn cảnh huấn (緇門警訓 – Đại chánh tạng, quyển 48, số hiệu 2023). Đoạn trích ở đây lấy từ Quán tâm lục.

⁽²⁾ Trong sách Mạnh tử, quyển 6, Cáo tử chương cú thượng, tiết 11, Mạnh tử than rằng: “Người ta có con gà, con chó chạy lạc thì lo đi tìm lại, nhưng tâm

Người xưa nói: “Biết được tâm mình đang lạc lối, đó chính là chỗ công phu. Không sợ niệm tưởng sanh khởi, chỉ sợ chậm rõ biết. Rõ biết sớm thì dừng lại sớm, hai việc ấy tương quan khéo léo với nhau; biết sai liền sửa lỗi, có thể học theo Cừ, Nhan.”⁽¹⁾

Kinh Lăng-già dạy rằng: “Phật dạy tâm là chính yếu. Hàng phục được tâm là thành đạo, muôn hạnh đều thành tựu. Lý duy tâm ấy không thể quên được. Mới biết rằng, từ nơi đất mà muôn vật đều sanh sôi; từ nơi lý mà muôn hạnh đều thành tựu.”

Bùi Tượng quốc nói: “Cái tâm bao gồm hết thấy muôn vật, phân chia ra thành giới, định, huệ; mở thông thành sáu *ba-la-mật*; chia nhỏ ra thành muôn công hạnh. Muôn hạnh chưa từng lìa khỏi tâm chuyên nhất; tâm chuyên nhất chưa từng trái với muôn hạnh. Cho nên nói rằng muôn hạnh hiển bày tông chỉ chân thật.”

Sách *Tông kính lục* nói rằng: “Lý thuyết và thực hành hỗ trợ cho nhau, không thể thiếu đi một. Pháp hữu vi tuy là hư dối, nhưng nếu bỏ đi thì đạo Phật khó thành; pháp vô vi tuy là chân thật, nhưng nếu vướng chấp vào đó thì tánh trí huệ không thể sáng.

“Cho nên đức *Văn-thù* y theo lý mà thực hành các hạnh, nhờ đó đạo sai biệt không thiếu; đức *Phổ Hiền* y theo

ý lạc lối thì lại không biết tìm về. Cái đạo của sự học hỏi không phải gì khác, chỉ tìm lại được cái tâm lạc lối của mình là xong.” (人有難犬放，則知求之，有放心，而不知求。學問之道無他，求其放心而已矣。– Nhân hữu kê khuyến phóng tác tri cầu chi, hữu phóng tâm nhi bất tri cầu. Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ.)

⁽¹⁾ Cừ, Nhan: tức Cừ Bá Ngọc và Nhan Hối, đều là bậc hiền sĩ. Cừ Bá Ngọc là quan đại phu hiền đức ở nước Vệ, khi đức Khổng tử lưu lạc từng ở trọ nơi nhà ông. Nhan Hối (tức Nhan Uyên) là vị đệ tử nổi tiếng hiền hậu nhất của Khổng tử. Ông mất năm 31 tuổi.

hạnh mà hiểu được lý, nhờ đó pháp môn căn bản chẳng mất.

“Nếu trái với sự mà suy ra lý, ắt rơi vào chỗ thiếu trí của hàng Thanh văn. Nếu lìa khỏi lý mà thực hành sự việc, tức đồng với sự vương chấp của phàm phu. Việc làm có đủ cả lý và sự, chính là hàng Bồ Tát Đại thừa.”

Lại nói rằng: “Nếu muốn thành bậc *Đại giác*, ắt phải làm theo *Trung đạo*. *Trung đạo* nghĩa là không thiên lệch, không dựa vào. Không thiên lệch về chỗ *không*, không dựa vào chỗ *có*; đối với chỗ *có* không vương mắc; đối với chỗ *không* cũng không cho là *không*. Như thế gọi là *Trung đạo*.”

Trong bài *Tâm phú*⁽¹⁾ có câu:

*Có ai muốn viếng ao trong mát,
Mắt nhìn, chân bước mới đến nơi.*

⁽¹⁾ Tâm phú (心賦), trích từ sách Thiền quan sách tấn (禪關策進), Đại chánh tạng quyển 48, số hiệu 2024.

為君子說

龍舒曰。人皆可以為君子，而不肯為君子。不須為小人，而必欲為小人。

若誠信恭敬，若溫和方正，若推賢揚善，若隨宜利物，凡此之類皆君子之事也。為之亦不難者，人不肯為。何哉。

“Ao trong mát, đó là chỉ biển tánh Nhất thừa tức thời trọn đủ. *Mắt* nhìn mà *chân* không bước thì không đến được ao trong mát ấy. *Mắt* là gì? Là sự thấu hiểu được lý. Lý ấy là gì? Là tâm chuyên nhất. *Chân* là gì? Là thực hành sự việc. Sự việc đó là gì? Là muôn công hạnh.”

Quả thật là: “Đạt thấu lý chân thật thì dù một mảy bụi trần cũng không nhận lấy, nhưng trong các pháp môn Phật sự thì dù một pháp cũng không buông bỏ.”

Vì sao vậy? Phải biết rằng tâm chuyên nhất là gốc của muôn pháp; trong tâm chuyên nhất có đủ cả muôn pháp. Pháp là pháp của cái tâm trọn vẹn; tâm là tâm của tất cả các pháp. Tâm là pháp; pháp là tâm. Đó chính là *thể* với *dụng* chẳng phải hai; *lý* với *sự* đều sáng rõ. Tu tập trọn vẹn ba phép quán⁽¹⁾ liền thẳng vào cảnh giới Như Lai.

⁽¹⁾ Ba phép quán (Tam quán): tức Không quán, Giả quán và Trung quán. Không quán là quán xét nghĩa không của muôn pháp. Giả quán là quán xét tính chất giả hợp, vô thường. Trung quán là quán xét lý Trung đạo, thấy rõ ý nghĩa rốt ráo muôn pháp chẳng phải không, chẳng phải giả.

Vi quân tử thuyết

Long Thở viết: Nhân khauđó vi quaân tōunhi baá khaung vi quaân tōuBaá tu vi tieau nhaân nhi taá dưc vi tieau nhaân,

Nhōōt thanh tín cung kính, nhōōt oân hoa phōông chahh, nhōōt thoâ hiên dōông thieân, nhōōt tuy nghi lōi vaá, pham thōuchi loaĩ, giai quaân tōuchi sōidaō Vi chi dieã baá nan giaũ nhaân baá khaung vi, haotai?


若欺詐傲慢，若麤暴諂曲，若說短揚惡，若縱意害物，凡此之類皆小人之事也。爲之有何利益，人必爲之。何哉。

爲君子，則人喜之，神佑之，禍患不生，福鹿可永，所得多矣。雖有時而失，命也。非因君子而失。使不爲君子亦失矣，命有定分故也。

爲小人則人怨之，神怒之，禍患將至，福壽以促，所失多矣。雖有時而得，命也。非因小人而失。使不爲小人亦得矣，命有定分故也。

孔子謂。不知命，無以爲君子。能審此理，所謂君子贏得爲君子，小人枉了爲小人。如是以修淨土，必不在下品生矣。

26. Làm người quân tử

ng Long Thư nói rằng: “Ở đời, ai cũng có thể làm người quân tử nhưng lại chẳng chịu làm; thật không nên làm kẻ tiểu nhân nhưng lại cố ý làm.

“Như những đức thành tín và cung kính, ôn hòa và ngay thẳng, khuyến khích điều lành, xiển dương điều thiện, tùy lúc thích hợp mà làm lợi ích cho người khác... đều là việc

Nhөөт khi траугаа маӓ, nhөөт тоабаа сиаӓ khuу, nhөөт thuyeӓ ӓoаӓ dоӓng аӓ, nhөөт туӓng yuһаӓ vaӓ, phaӓn thөөchi loӓi, giai tieӓu nhaӓn chi sөө daӓp Vi chi hөөu haӓlоӓi ich, nhaӓn taӓ vi chi, haӓtai?

Vi quaӓn tөөu taӓc nhaӓn hyӓuchi, thaӓn hөөu chi, hoӓa hoӓn baӓa sanh, phөөuӓ loӓi khaӓu vоӓnh, sөөuӓnaӓc ӓa hyӓ Tuy hөөu thөөu nhi thaӓ, maӓng daӓp phi nhaӓn quaӓn tөөu nhi thaӓ. Sөөubaӓ vi quaӓn tөөudieӓ thaӓ hyӓ maӓng hөөu ӓiӓnh phaӓn coӓdaӓ

Vi tieӓu nhaӓn taӓc nhaӓn oаӓn chi, thaӓn noӓchi, hoӓa hoӓn tөөng chi, phөөuӓ thөөi dоӓ xuӓu, sөөuthaӓ ӓa hyӓ Tuy hөөu thөөu nhi ӓaӓc, maӓng daӓp phi nhaӓn tieӓu nhaӓn nhi ӓaӓc. Sөөubaӓ vi tieӓu nhaӓn dieӓ ӓaӓc hyӓ maӓng hөөu ӓiӓnh phaӓn coӓdaӓ

Khoӓng tөөuvӓ: Baӓa tri maӓng, voӓdоӓ vi quaӓn tөөu Naӓng thaӓn thөөulyӓ sөөuvӓ quaӓn tөөudoanh ӓaӓc vi quaӓn tөөu tieӓu nhaӓn uoӓng lieӓu vi tieӓu nhaӓn. Nhөө thөө dоӓ tu Tоӓnh ӓiӓa taӓ baӓa taӓi haӓphaӓn sanh hyӓ

của người quân tử. Làm những việc ấy nào có khó khăn gì, nhưng người ta lại chẳng chịu làm. Vì sao vậy?

“Như những thói dối trá và ngạo mạn, thô bạo và dua bợ, nói điều lỗi, phát triển việc xấu, phóng túng làm hại người khác... đều là việc của kẻ tiểu nhân. Làm những việc ấy nào có lợi ích gì, nhưng người ta lại cố ý làm. Vì sao vậy?

“Làm người quân tử thì người khác vui mừng, thần minh phù hộ, tai họa chẳng sanh ra, phước lộc lâu dài, chỗ đạt

được rất nhiều. Tuy cũng có lúc thất bại, nhưng đó là do số mạng, chẳng phải do làm quân tử mà bị thất bại. Giá như không làm người quân tử cũng vẫn thất bại, là vì số mạng đã có phần sẵn định.⁽¹⁾

“Làm kẻ tiểu nhân thì người khác oán ghét, thần minh tức giận, tai họa kéo đến, phước thọ ngắn ngủi, chỗ mất mát rất nhiều. Tuy cũng có lúc thành tựu, nhưng đó là do

⁽¹⁾ Nói số mạng là theo Nho học. Theo Phật học, ở đây nên hiểu là định nghiệp.

情說

龍舒曰。喜怒好惡嗜欲，皆情也。養情爲惡，縱情爲賊。折情爲善，滅情爲聖。

甘其飲食，美其衣服，大其居處，若此之類是爲養情。

飲食若流，衣服盡飾，居處無厭，若此之類皆是縱情。

犯之不校，觸之不怒，傷之不怨，是謂折情。

犯之，觸之，傷之如空，反生憐愍愚癡之心，是謂滅情。

悟此理，則心地常淨，如在淨土矣。

số mạng, chẳng phải do làm tiểu nhân mà được thành tựu. Giá như không làm kẻ tiểu nhân cũng vẫn được thành tựu vậy, là vì số mạng đã có phần sẵn định.

“Đức Khổng tử dạy rằng: ‘*Không hiểu được số mạng, chẳng lấy gì để gọi là quân tử.*’

“Nếu ai xét kỹ được lẽ này thật đáng gọi là quân tử, như gọi là tiểu nhân thì thật oan uổng. Được như vậy rồi tu Tịnh độ, ắt không chỉ vãng sanh vào hàng Hạ phẩm.”

Tình thuyết

Long Thō vieā: Hyū noā haō, oá thō duē, giai tình daō Dōōng tình vi aū, tuōng tình vi taē, chieā tình vi thieā, dieā tình vi thaāh.

Cam kyōām thōē, myōkyōy phuē, nāi kyōcō xōū nhōōē thōūchi loāi thō vi dōōng tình.

Aān thōē nhōōē lōu, y phuē taā sōū, cō xōūvoāyeān, nhōōē thōūchi loāi giai thō tuōng tình.

Phāim chi baā hieāi, xuē chi baā noā thōōng chi baā oām, thō vō chieā tình.

Phāim chi, xuē chi, thōōng chi nhō khoāng, phāim sanh laān mān ngu si chi taām, thō vō dieā tình.

Ngōāthōūlyū taē taām nōa thōōng tōnh, nhō taī Tōnh nōā hyō

27. Luận về cái tình thường

Ông Long Thư nói rằng: “Mừng, giận, ưa, ghét, tham muốn... đều là những tình thường. Đối với những tình thường ấy, nuôi lớn chúng thì xấu ác, buông thả chúng thì hư hỏng, làm chủ được chúng thì hiền thiện, dứt bỏ được chúng là bậc thánh.

“Ăn uống chuộng thức ngon lạ, y phục chuộng loại quý đẹp, cư xử khoa trương... những việc như vậy gọi là nuôi lớn tình thường.

小因果說

龍舒曰。有修橋人，有毀橋人。此天堂地獄之小因也。

有坐轎人，有荷轎人。此天堂地獄之小果也。

觸類長之皆可見矣。常如是省察其心，以修淨土，上品上生，復何疑哉。

“Ăn uống tham cho được nhiều, y phục cố trang sức cho đẹp hơn, cư xử không biết chán... những việc như vậy gọi là buông thả tình thường.

“Bị xâm phạm mà không tranh giành, bị xúc phạm mà không nổi giận, bị thương tổn mà không oán hận... đó gọi là làm chủ được tình thường.

“Bị xâm phạm, bị xúc phạm, bị thương tổn mà xem như không có gì, lại đem lòng thương xót kẻ ngu si đã làm những việc ấy, đó gọi là dứt bỏ được tình thường.

“Hiểu rõ được lẽ ấy thì tâm địa thường trong sạch, cũng như đang ở nơi Tịnh độ.”

Tiểu nhân quả thuyết

Long Thö viet: Höu tu kieäu nhaân, höu huý kieäu nhaân.
Thöüthieän ñöông ñòa ngư chi tieäu nhaân daõ

Höu toã kieäu nhaân, höu haõkieäu nhaân. Thöüthieän ñöông ñòa ngư chi tieäu quaüdaõ

Xuê loai tröông chi, giai khaikieäu hyö Thöông nhö thö
tanh sai kyötaân, dó tu Tònh ñöä Thöông phạm vaõng sanh
phuê haõngghi tai!

28. Bàn về nhân, quả nhỏ nhặt

Ông Long Thư nói rằng: “Có người sửa cầu, có kẻ làm hỏng cầu. Đó là những cái nhân nhỏ của thiên đường, địa ngục.

“Có người ngồi trên kiệu, có kẻ đi khiêng kiệu. Đó là những cái quả nhỏ của thiên đường, địa ngục.

二天人說

龍舒曰。華嚴經云。人生有二天人隨人。一名同生，二曰同名。天人常見人，人不見天人。

此二天人，豈非善惡二部童子之徒歟。人之舉意發言動步，常念此二天人見人，而能無愧。如此修淨土，則必上品上生。

或曰。一人尚有二天人，何天人之多也。

曰。一月普現一切水，豈必月之多哉。

“Mọi cảm xúc phát triển trong lòng đều có thể thấy được. Nếu thường soi xét tự tâm như vậy để tu pháp Tịnh độ thì có thể vãng sanh vào hàng Thượng phẩm, không còn nghi ngờ gì nữa.”

Nhị thiên nhân thuyết

Long Thở viết: Hoa Nghiêm kinh vân: Nhân sanh hữu nhò thiên nhân tuy nhân, nhất danh Ñoàng Sanh, nhò viết Ñoàng Danh. Thiên nhân thông kiến nhân, nhân bất kiến thiên nhân.

Thôn nhò thiên nhân, khô phi thiên àu nhò bả ñoàng tồu chi ñoà ño? Nhân chi cồu yù phat ngoan ñoàng bả thông niãn thôn nhò thiên nhân kiến nhân nhi naeng voaquy Ñhò thồu tồnh ñoạ taé taé Thồông phain thồông sanh.

Hoặ viết: Nhất nhân thồông hõu nhò thiên nhân, ha thiên nhân chi ña da?

Viết: Nhất nguyẽ phoá hiẽ nhất thiế thuy, khô taé nguyẽ chi ña tai?

29. Hai vị thiên nhân

Đng Long Thư nói: “Trong kinh dạy rằng,⁽¹⁾ người đời khi còn sống luôn có hai vị thiên nhân theo sát, một vị tên là Đồng Sanh, một vị tên là Đồng Danh. Thiên nhân thường thấy được người, nhưng người không thấy thiên nhân.

“Hai vị thiên nhân ấy, lẽ nào không phải đồng tử của hai bộ thiện, ác đó sao? Người ta mỗi khi khởi ý, mở lời,

⁽¹⁾Nguyên tác Hán văn nói là kinh Hoa Nghiêm, nhưng chúng tôi chỉ tìm thấy một đoạn có ý nghĩa tương tự trong Vô Lượng Thọ Kinh nghĩa số (無量壽經義疏), không thấy nội dung này trong kinh Hoa Nghiêm.

勸修備說

龍舒曰。晝必有夜，必為夜備。暑必有寒，必為寒備。存必有去，必為去備。

何謂夜備。燈燭牀褥。何謂寒備。衾裘炭薪。何謂去備。福慧淨土。

cất bước... như thường nghĩ đến hai vị thiên nhân luôn nhìn thấy mình, sao có thể không tự thẹn với lòng (mà làm việc xấu)? Cứ như thế mà tu Tịnh độ, chắc chắn phải được sanh vào hàng Thượng phẩm thượng sanh.”

Có người hỏi rằng: “Nếu mỗi người đều có hai vị thiên nhân, chẳng phải quá nhiều thiên nhân hay sao?”

Đáp: “Một vầng trăng chiếu hiện khắp những nơi có nước, lẽ nào lại có quá nhiều trăng hay sao?”

Khuyến tu bị thuyết

Long Thō vieá: Truítá hōū dāi tá vi dāibù. Thōútá hōū hān, tá vi hān bù. Toān tá hōū khōù tá vi khōùbù.

Hāvò dāi bō? Nāng, chū, sang, nhu. Hāvò hān bō? Khañ, cōm, thām, tām. Hāvò khōùbō? Phōō, hueä Tành ñoã

30. Bàn về sự chuẩn bị trước

Ông Long Thư nói: “Có ngày thì có đêm, nên phải chuẩn bị cho lúc đêm về. Có nóng thì có lạnh, cho nên phải chuẩn bị cho lúc rét lạnh. Có sống thì có chết, cho nên phải chuẩn bị cho khi chết.

寄庫功德說

龍舒曰。餘徧覽藏經，卽無陰府寄庫之說。奉勸世人以寄庫所費之貲請僧爲西方之供。

一心西方則必得往生。若不爲淨土功德，而爲陰府寄庫，則是志在陰府，死必入陰府矣。

譬如有人，不爲君子之行，以交結賢人君子，乃寄錢於司理院獄子處，待其下獄則用錢免罪。豈不謬哉。

“Chuẩn bị những gì cho đêm? Ấy là đèn đuốc, giường ngủ. Chuẩn bị những gì cho khi rét lạnh? Ấy là chăn, áo ấm, than, củi. Chuẩn bị những gì cho khi chết? Ấy là lo tu phước, huệ và Tịnh độ.”

Ký khố công đức thuyết

Long Thô viết: Dở biếm laãn tạng kinh, tồ voaân phuũ kyùkhoáchì thuyệ. Phũng khuyệãn theánhân dó kyùkhoásôu phí chi ti, thanh tạng vi Tây phông chi cùg.

Nhạ tâm Tây phông, táe táe ãe vaõg sanh. Nhõõx baá vi Tờnh ãoãoõg ãõõ, nhi vi aân phuũkyùkhoá táe thò chí táe aân phuũ tồũtaá nhậ aân phuũhyõ

Thí nhõ hõũ nhân, baá vi quaân tồũchì hãnh, dó giao keá hiệãn nhân quaân tồũ ãõ kyùtiệãn ồ ty lyũviệãn nguĩ tồũxõũ ãõ kyõhãnguĩ táe dũng tiệãn miệãn toã, khõũ baá mãũ tai?

31. Bàn về việc gửi kho công đức

Ông Long Thư nói rằng: “Tôi đã xem khắp tạng kinh, không có chỗ nào nói việc gửi kho âm phủ.⁽¹⁾ Xin khuyên người đời dùng tiền của xài phí trong việc ấy mà thỉnh chư tăng thiết lễ cúng hương về Tây phương.

“Một lòng hướng về Tây phương, ắt được vãng sanh. Nếu không làm những công đức Tịnh độ, chỉ tin việc gửi

⁽¹⁾ Đây nói việc người đời thường đốt tiền giấy vàng mã cùng với quần áo, vật dụng để gửi xuống âm phủ cho người chết.

過現未來三大劫說

藏經云。莊嚴劫謂之過去。仁賢劫謂之現在。星宿劫謂之未來。三劫之中各具成住壞空四劫。四劫共之為一大劫。

過去，未來且置而弗論。今言現在仁賢劫數。成劫二十小劫。住劫二十小劫。壞劫二十小劫。空劫二十小劫。

小劫之數，一增一減。從八萬四千歲，增劫之極為始。

kho âm phủ, tức là lòng hướng về âm phủ, khi chết ắt phải xuống âm phủ.

“Ví như có người không học theo đức hạnh bậc quân tử, tuy giao kết với hiền nhân quân tử nhưng lại lo gửi tiền cho quan cai ngục, đợi khi nào mình vào ngục thì dùng tiền ấy mà chuộc tội, chẳng phải là sai lầm lắm sao?”

Quá, hiện, vị lai tam đại kiếp thuyết

Tăng kinh vân: Trang nghiêm kiếp, vô chi quá khứ. Nhân hiện kiếp, vô chi hiện tại. Tinh tu kiếp, vô chi vị lai. Tam kiếp chi trung, cửu thanh, trụ hoại, không tồn. Tồn kiếp công chi, vị nhất nãi kiếp.

Quá khứ vô lai thái trí nhi phá luận. Kim ngô hiện tại nhân hiện kiếp số Thanh kiếp nhò thập tiểu kiếp, trụ kiếp nhò thập tiểu kiếp, hoại kiếp nhò thập tiểu kiếp, không kiếp nhò thập tiểu kiếp.

Tiểu kiếp chi số nhất tăng nhất giảm, tung bát vạn tòng thiên tuệ tăng kiếp chi cửu vị thuyết.

過百年減一歲，減至三十歲時，饑饉災起。減至二十歲時，疾疫災起。減至十歲減劫之極爲終，刀兵災起。

刀兵災後，復過百年增一歲，增至八萬四千歲時，爲一小劫。

成住壞空劫內，各具二十小劫。二十小劫爲一中劫。四中劫共之爲一大劫。

再言現在住劫之中二十小劫。八小劫中無佛出世。至第九小劫，八萬歲時減至六萬歲，拘留孫佛出世。

六萬歲減至四萬歲，拘那含牟尼佛出世。

四萬歲減至二萬歲，迦葉佛出世。

二萬歲減至百歲，釋迦牟尼佛出世。

自第十小劫中，八萬四千歲減至八萬歲時，彌勒佛出世。

彌勒佛後，四小劫無佛出世。至十五小劫中，九百九十四佛相續出興。

Quaùbaùh niên giaùm nhá tueb giaùm chí tam thap tueb thôù, cô cañ tai khôù. Giaùm chí nhò thap tuebthôù, tañ dèch tai khôù. Giaùm chí thap tueb giaùm kiep chí cõc vi chung, ñao binh tai khôù.

Ñao binh tai hañ, phuñ quaùbaùh niên tañg nhá tueb tañg chí baù vañ töùthieñ tuebthôù, vi nhá tieu kiep.

Thanh truï hoai không kiep noñ, caù cuï nhò thap tieu kiep. Nhò thap tieu kiep vi nhá trung kiep. Töùtrung kiep công chí vi nhá ñaï kiep.

Taù ngoñ hieñ taï truïkiep chí trung nhò thap tieu kiep, Baù tieu kiep trung voãPhaï xuaá theá chí ñeãcõù tieu kiep baù vañ tuebthôù, giaùm chí luñ vañ tueb *Câu-lưu-tôn* Phaï xuaá theá

Luñ vañ tueb giaùm chí töuvañ tueb *Câu-na-hàm Mâu-ni* Phaï xuaá theá

Töuvañ tueb giaùm chí nhò vañ tueb *Ca-diếp* Phaï xuaá theá

Nhò vañ tueb giaùm chí nhá baùh tueb *Thích-ca Mâu-ni* Phaï xuaá theá

Töi ñeãthap tieu kiep trung, baù vañ töùthieñ tueb giaùm chí baù vañ tuebthôù, *Di-lặc* Phaï xuaá theá

Di-lặc Phaï hañ, töùtieu kiep voãPhaï xuaá theá chí thap nguõtieu kiep trung, cõù baùh cõù thap töùPhaï, töông tuñ xuaá hõng.

出興之後，又四小劫無佛出世。至第二十二小劫，從十歲增至八萬四千歲住劫滿，樓至佛出世，本願出增劫故。

壞劫時至，大三災豈。大小三災事相盡載中卷，龍華三會，覽者宜悉。

32. Bàn về ba đại kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai

Trong tạng Kinh chép rằng: Kiếp quá khứ tên là *Trang nghiêm*, kiếp hiện tại tên là *Nhân hiền*, kiếp tương lai tên là *Tịnh tú*. Trong ba kiếp ấy, mỗi kiếp đều có đủ bốn giai đoạn là *thành, trụ, hoại, không*. Bốn giai đoạn này hợp lại thành một *Đại kiếp*.

Nay tạm gác lại không bàn đến kiếp quá khứ và kiếp vị lai, chỉ nói về kiếp hiện tại là *Nhân hiền*.

Giai đoạn *thành* có 20 tiểu kiếp, giai đoạn *trụ* có 20 tiểu kiếp, giai đoạn *hoại* có 20 tiểu kiếp, giai đoạn *không* có 20 tiểu kiếp.

Khoảng thời gian của một *tiểu kiếp* là một lần tăng và một lần giảm. Khởi đầu từ lúc tuổi thọ con người được 84.000 tuổi, là lúc kiếp tăng hết mức.

Trải qua 100 năm thì tuổi thọ con người giảm đi 1 tuổi,

Xuất hồng chi hải, hữu tồtiểu kiếp vôãPhã xuất theã Chí ñeãnhò thaãp cõũ kiếp, tung thaãp tueãtaãg chí baũ vãn tồũ thieãn tueãtruũ kiếp maũ, *Lâu-chí Phã xuất theã boãn nguyẽn xuất taãg kiếp coã*

Hoãi kiếp thõũ chí, ñãĩ tam tai khõũ. Ñãĩ tieũ tam tai sõĩ tõõng, taũ taũ trung quyẽn, Long Hoa tam hoã, laũ giaũng hi taũ.

giảm dần cho tới khi tuổi thọ con người còn 30 tuổi thì nạn đói khởi lên; giảm đến còn 20 tuổi thì bệnh dịch khởi lên; giảm đến còn 10 tuổi là hết mức, nạn đao binh khởi lên.

Sau nạn đao binh rồi thì cứ qua 100 năm tuổi thọ con người lại tăng lên 1 tuổi. Tăng mãi cho đến 84.000 tuổi là đủ một *tiểu kiếp*.

Mỗi giai đoạn *thành, trụ, hoại, không* đều có đủ 20 tiểu kiếp; 20 tiểu kiếp hợp thành 1 *trung kiếp*; 4 *trung kiếp* hợp thành một *đại kiếp*.

Lại nói về giai đoạn *trụ* hiện nay có 20 tiểu kiếp. Trong 8 tiểu kiếp không có Phật ra đời, đến tiểu kiếp thứ chín, từ khi tuổi thọ con người là 84.000 tuổi giảm dần cho đến còn 60.000 tuổi thì đức Phật *Câu-lưu-tôn* ra đời.

Từ lúc tuổi thọ con người là 60.000 tuổi giảm dần cho đến còn 40.000 tuổi thì đức Phật *Câu-na-hàm Mâu-ni* ra đời.

Từ lúc tuổi thọ con người là 40.000 tuổi giảm dần cho đến còn 20.000 tuổi thì đức Phật *Ca-diếp* ra đời.

Từ lúc tuổi thọ con người là 20.000 tuổi giảm dần cho đến còn 100 tuổi thì đức Phật *Thích-ca Mâu-ni* ra đời.

Sang tiểu kiếp thứ mười, từ khi tuổi thọ con người là 84.000 tuổi giảm dần cho đến còn 80.000 tuổi thì đức Phật *Di-lặc* ra đời. Từ sau Phật *Di-lặc*, trong suốt 4 tiểu kiếp không có Phật ra đời.

Đến tiểu kiếp thứ mười lăm sẽ có 994 đức Phật lần lượt ra đời. Tiếp theo sau đó, lại trong suốt 4 tiểu kiếp không có Phật ra đời.

尸迦羅越六方禮經

佛在王舍城，晨朝乞食，遙見雞足山中有長者子名尸迦羅越。嚴頭洗漱，著潔淨衣，東向四拜，南向四拜，西向四拜，北向四拜，向天四拜，向地四拜。

佛到其家問之，何為。

尸迦羅越言。在此六向拜。

佛言。六向拜此是何法。

尸迦羅越言。父母在時教我，早起六向拜。不知何為。今父喪亡，不敢違命。

Đến tiểu kiếp thứ hai mươi, từ lúc tuổi thọ con người là 10 tuổi tăng dần cho đến 84.000 tuổi thì giai đoạn *kiếp trụ* vừa dứt, bấy giờ đức Phật *Lâu-chí* sẽ ra đời, do bốn nguyện của ngài là ra đời vào lúc kiếp tăng.

Khi giai đoạn *kiếp hoại* đến, sẽ có ba tai kiếp lớn xảy ra. Về sự tướng của ba tai kiếp lớn và ba tai kiếp nhỏ, đã có nói đầy đủ ở quyển trung,⁽¹⁾ trong bài *Long hoa tam hội*.

⁽¹⁾ Xem bài Lược nói về Long Hoa tam hội, trang 770.

Thi-ca-la-việt lục phương lễ kinh

Phaĩ tai Võông Xaùthanh, than triêu khai thờ, dieu kien Keatuu sôn trung hõu trõõng giaütõudanh *Thi-ca-la-việt*, nghiãn ñaùu tay thaù, trõõu khiet tòn y, ñõng hõõng tõubai, nam hõõng tõubai, tây hõõng tõubai, baé hõõng tõubai, hõõng thieãn tõubai, hõõng ñõa tõubai.

Phaĩ ñaù kyøgia vaãn chi: Haøvi?

Thi-ca-la-việt ngoãn: Tai thõulũ hõõng bai.

Phaĩ ngoãn: Lũ hõõng bai thõuthò haøphaø?

Thi-ca-la-việt ngoãn: Phuĩmaũ tai thõu giaø ngã taũ khõũ lũ hõõng bai, baé tri haøvi. Kim phuĩtaøng vong, baé cam vi maøng.

佛言。父教汝六向拜，不以身拜之。汝錯會其父意也。

尸迦羅越便長跪言。願佛為我解此六向拜義。

佛言。諦聽。內著心中，為汝詳解。其有長者智人能斷六惡法，便是拜六方。

何為六惡法。一者喜飲酒。二者喜博弈。三者喜早臥晚起。四者喜請客。五者喜與惡知識結交。六者喜殺生，謾騙，貪愛他人婦女。若能除此六事，即是禮拜六方。

汝若不除，禮拜何益。復使惡名流布，家園不治，錢財耗減，己身羸憊，善行日廢，遐邇不敬。

長者子。當用擇其善者而從之，其不善者而遠之。我無量劫來常親近善知識，今得成佛。

佛復告尸迦羅越。言東向拜者，謂子事父母當有五事。一者孝敬定省，常令父母歡喜。二者早起勅令奴婢，作其飯食，勤儉治家。三

Phaĩ ngoãn: Phũ giaò nhöölũc höông baũ, baĩ dó thaũ baũ chi, nhöõthoáhoã kyøphũyũdaõ

Thi-ca-la-việt tiẽn tröông quyøngoãn: Nguyẽn Phaĩ và ngaõgiaũ thöölũc höông baũ nghóa.

Phaĩ ngoãn: Nẽathính! Noã tröõu taũn trung, và nhöõtöông giaũ. Kyøhöũ tröông giaũtrĩ nhãn, naeng ñoãn lũc àu phap, tiẽn thò baũ lũc phöông.

Haovò lũc àu phap? Nhaĩ giaũhyũaũn töũ, nhò giaũhyũbaũ dòch, tam giaũhyũtaũ ngoã vaũ khöũ, töũgiaũhyũthanh khaih, nguõgiaũhyũdöõaũ tri thöũ keĩ giao, lũc giaũhyũsaũ sanh, mãn phieãn, tham aũ tha nhãn phũ nõõ Nhöõc naeng tröõthöülũc söĩ töũ thò leãbaũ lũc phöông.

Nhöõnhöõc baĩ tröõ leãbaũ haõich? Phũc söũaũ danh löũ boá gia vieãn baĩ trò, tiẽn taũ hao giaũn, kyũthaũ luy bai, thieãn hanh nhaĩ pheá haõnhó baĩ kính?

Tröông giaũtöũ Nöông dũng trãch kyøthieãn giaũnhi tung chi, kyøbaĩ thieãn giaũnhi vieãn chi. Ngaõvoãlööõng kiep lai, thöông thaũn caũn thieãn tri thöũ, kim ñãc thanh Phaĩ.

Phaĩ phũc caũ *Thi-ca-la-việt*: Ngoãn ñoãng höông baũ giaũ và töũsöĩ phũ mãũ, ñöõng höũ nguõsöĩ Nhaĩ giaũhieũ kính ñöõnh tanh, thöông linh phũ mãũ hoan hyũ Nhò giaũtaũ khöũ saẽ linh noãtyø taũ kyøaũn thöũ, caũn kieãn trò gia. Tam giaũ ñãĩ kyøphũ mãũ cuõlao. Töũgiaũñöõng nieãn phũ mãũ aũ

者代其父母劬勞。四者當念父母恩德。五者父母疾病，當懷憂感，求醫治之。

父母視子亦有五事。一者當念令去惡就善。二者當教親近智人。三者當教勤謹學問。四者當令及時娶婦。五者家中所有財產悉當與之。

南向拜者，謂弟子事師，當有五事。一者當敬畏之。二者當依其訓導。三者所以浣濯修治當力為之。四者勤學不厭。五者過後當以仰望讚德，切勿談其過失。

師教弟子亦有五事。一者誨人不倦，當令疾知。二者要勝他人弟子。三者欲令知見不忘。四者有疑難處當為說明。五者欲令弟子智慧超過於師。

西向拜者，謂婦事夫當有五事。一者夫從外來，當起迎之。二者夫出不在，當炊蒸掃除，敬心相待。三者不得婬心于外，當用堅守閨門。四者若罵言，不得應口作其怒色，所有教誡當承奉之，所有什物不得藏匿自用。五者待夫先寢，然後照管方睡。

ñòù. Nguõgiaûphui maũ taĩ beñh, ñõông hoañ òu thích, caũ y trò chi.

Phui maũ thò tõiđieĩ hõũ nguõsõi Nhaĩ giaũñõông linh khõuaũ tõi thieñ. Nhò giaũñõông giaũ thañ cañ trí nhañ. Tam giaũñõông giaũ cañ cañ hoĩ vañ. Tõugiaũñõông linh caũ thõũ thuũphui Nguõgiaũgia trung sõiũhõũ taũ saũ taũ ñõông dõõchi.

Nam hõõng baũ giaũ vò ñeätõusõi sõi hõũ nguõsõi Nhaĩ giaũñõông kính uyũ chi. Nhò giaũñõông y kyõhuañ ñaũ. Tam giaũsõudó hoañ traũ tu trò ñõông lõũ vi chi. Tõugiaũcañ hoĩ baũ yeñ. Nguõgiaũquaũhaũ ñõông dó ngõõng voĩng taũ ñòũ, thieĩ vaũ ñam kyõquaũthaĩ.

Sõi giaũ ñeätõuđieĩ hõũ nguõsõi Nhaĩ giaũhoĩ nhañ baũ quyeñ, ñõông linh taũ trí. Nhò giaũyeũ thaũg tha nhañ ñeã tõiũ Tam giaũduĩ linh trí kieñ baũ vong, Tõugiaũhõũ nghi nan xõũ ñõông vò thuyeĩ minh. Nguõgiaũduĩ linh ñeätõũtrĩ tueã sieũ quaũ sõi.

Taũ hõõng baũ giaũ vò phui sõi phu ñõông hõũ nguõsõi Nhaĩ giaũphu tung ngoaĩ lai ñõông khõũ nghinh chi. Nhò giaũ phu xuaĩ baũ taĩ ñõông xuy chõng taũ trõũ kính taũn tõõng ñaũ. Tam giaũbaũ ñaẽ daũn taũn vu ngoaĩ, ñõông duĩng kieñ thuũkhueãmoñ. Tõugiaũnhõũ mãĩ ngoañ, baũ ñaẽ õng khai taũ kyõnoãsaẽ, sõiũhõũ giaũ giõũ ñõông thõũ phuĩng chi, sõi hõũ thaũp vaũ baũ ñaẽ tang mãẽ tõi duĩng. Nguõgiaũñaũ phu tieñ taũn, nhieñ haũ chieũ quaũ phõõng thuỹ.

夫視婦亦有五事。一者出入當用遞相恭敬。二者飯食當令稱時，勿令妻惱。三者妻欲衣服首飾，勿違其意。富者盡辦，貧者隨分。四者家中所有，悉用付之。五者不得外犯邪色令妻生疑異心。

北向拜者，謂人相處親屬朋友，彼此皆有五事。一者彼此若作惡事，當用遞相勸化，呵諫止之。二者彼此有難有疾，當用看顧調和治之。三者彼此有家懷語，不得為外人說。四者當用各相敬歎，不斷往來，或時觸突不得惱恨。五者彼此貧富不等，當用扶持賑濟，所有美物當用分之。

向地拜者，謂家主視奴僕客使婢，當有五事。一者先用知其饑渴寒暑，然後驅使。二者有病當為呼醫治之。三者不得妄鞭撻之，當用審問虛實然後責治。可恕者恕，恕不得者訓治之。四者若有纖小私財，不得奪之。五者給與物件當令平等，勿得仟偏心。

奴僕使婢事主亦有五事。一者當用早起，勿令主呼。二者所應作者當自上心，勿勞

Phu thò phuđieä höũ nguõsõĩ Nhaá giaũxuaá nhạp ñõng đũng ñeãtõng cung kính. Nhò giaũaãm thõr ñõng linh xõmng thõũ, vaã linh theãnaõ. Tam giaũtheãduũ y phuũ thuũ sũũ, vaã vi kyõyũ phuũgiaũtaãm bieãn, baũ giaũtuũy phaãn. Tõũgiaũ gia trung sũũhöũ taá đũng phõũchi. Nguõgiaũbaá ñeã ngoaĩ phaãm taõsaẽ, linh theãsanh nghi dõ taãm.

Baẽ höõmng baũ giaũ vò nhaãn tõõng xõũthaãn thuõũ baũng höũ, bæthõũgiai höũ nguõsõĩ Nhaá giaũbæthõũnhõõr taũ àũ sõĩ ñõõng đũng ñeãtõõng khuyeãn hoã, ha giaũm chæchi. Nhò giaũbæthõũhöũ naãn höũ taã, ñõõng đũng khãm coãñieũ hoã trõ chi. Tam giaũbæthõũhöũ gia hoãũ ngõõ baá ñeã vò ngoaĩ nhaãn thuyeã. Tõũgiaũñõõng đũng caũ tõõng kính thaãm baá ñoãũ vaũng lai, hoãẽ thõũ xuũ ñoã baá ñeã naõ haãn. Nguõgiaũ bæthõũbaũ phuũbaá ñeãng, ñõõng đũng phõũtrũ chaãn teã sũũ höũ myõvaã ñõõng đũng phaãn chi.

Hõõmng ñeã baũ giaũ vò gia chuũthõ nõãboã sũũtyõ ñõõng höũ nguõsõĩ Nhaá giaũtieãn đũng tri kyõcõ khaũ haũ thõũ nhieãn haũ khu sũũ Nhò giaũhöũ beãn ñõõng vò hoãy trõ chi. Tam giaũbaá ñeã võõng tieãn thaũ chi, ñõõng đũng thaãm vaũ hõ thaã, nhieãn haũ traũh trõ. Khaũthõũgiaũthõũ thõũbaá ñeã giaũhuaãn trõ chi. Tõũgiaũnhõõr höũ tieãn tieũ tõ taũ baá ñeã ñoãũ chi. Nguõgiaũcãp chævaã kieãn ñõõng linh bình ñeãng, vaã ñeã thieãn taãm.

Noãboã sũũtyõsõĩ chuũđieä höũ nguõsõĩ Nhaá giaũñõõng đũng taũ khõũ, vaã linh chuũhoã Nhò giaũsõũõng taũ giaũ ñõõng tõũthõõng taãm, vaã lao chuũsõũ Tam giaũñõõng àũ tích

主使。三者當愛惜主物，不得棄捐作賤。四者主翁出入當用小心迎送。五者只宜稱譽主翁，不得說其過惡。

向天拜者，謂人供養沙門善知識，當用五事。一者以真實心向之。二者恭敬承事不以爲勞。三者數問道理。四者應聞思修。五者請決念佛參禪之旨，晝夜當勤。

沙門善知識亦以五事開示其人。一者教之布施，持戒，忍辱，精進，定心，智慧。二者教之威儀禮節，勿令放肆。三者教之言行相顧，寧使少言多行，不可少行多言。四者教之勤禮三寶，悲愍大小生靈。五者教之回向，發願求生淨土，得菩提道，復度羣情。

如是行之，名為敬順父命禮拜六方。若不如斯，縱拜無益。

爾時尸迦羅越卽受五戒，慇懃禮佛。佛以重說偈言。

鷄鳴當早起，
被衣徐下牀。
澡漱令嚴潔，
兩手捧香花。

chúu vaĩ, baĩ ñaé khí quyên tại tiên. Tòugiaũchuoâng xuaĩ
nhaĩ ñông dùng tiếu tâm nghinh toáng. Nguõgiaũchænghi
xõng dõichuoâng, baĩ ñaé thuyet kyøquaũũ.

Hõõng thiên baĩ giaũvò nhaĩ cùng dõõng sa-môn, thiên
tri thõũ ñông dùng nguõsõĩ Nhaĩ giaũdó chaĩ thaĩ tâm
hõõng chi. Nhõ giaũcung kính thõũ sõĩbaĩ dó vi lao. Tam giaũ
soávaĩ ñaũ lyũ Tòugiaũõng vaĩ tũ tu. Nguõgiaũthanh quyet
nieĩn Phaĩ tham thiên chi chæ trũũdaĩ ñông caĩn.

Sa-môn, thiên tri thõũ dieũ dó nguõsõĩ khai thõ kyõnhaĩ.
Nhaĩ giaũgiaũ chi boáthĩ, trĩ giõũ, nhaĩ nhưĩ, tinh taĩn, ñõnh
taĩn, trí hueã Nhõ giaũgiaũ chi oai nghi leãtiẽt, vaĩ linh phõng
tõũ Tam giaũgiaũ chi ngoĩn hanh tõõng coá ninh sõũthieũ
ngoĩn ña hanh, baĩ khaũthieũ hanh ña ngoĩn. Tõũgiaũgiaũ chi
caĩn leãTam baũ, bi maĩn ñaĩ tiếu sanh linh. Nguõgiaũgiaũ chi
hoã hõõng phaũ quyẽn caũ sanh Tõnh ñõã ñaé Bõ-đẽ ñaũ
phuĩ ñõãquaĩn tình.

Nhõ thõ hanh chi, danh vi kính thuaĩn phuĩ maĩng leãbaũ
lũc phõõng. Nhõõĩ baĩ nhõ tũ, tũng baũ voáich.

Nhõ thõ Thi-ca-la-viẽt tũũ thoĩnguõgiõũ, aĩn caĩn leãPhaĩ.
Phaĩ dó trung thuyet keãngõn:

Kê minh đương tảo khởi,
Bị y từ hạ sàng.
Tháo thấu linh nghiêm khiết,
Lưỡng thủ phủng hương hoa.

剔燈換淨水，
 供養佛法僧。
 合掌恭敬禮，
 發願報四恩。
 六度法門中，
 一一當修學。
 布施度慳貪，
 持戒度毀犯。
 忍辱度瞋恚，
 精進度昏沈。
 定心度散亂，
 智慧度愚癡。
 光陰不待人，
 勤行莫放逸。
 生老病死苦，
 人命不久停。
 况復臨終時，
 無親可恃怙。
 無處可隱藏，
 無藥可救治。
 天福尚有盡，
 人福有幾長。

Dịch đấng hoán tịnh thủy,
 Cúng dường Phật, Pháp, Tăng.
 Hiệp chưởng cung kính lễ,
 Phát nguyện báo tứ ân.
 Lục độ pháp môn trung,
 Nhất nhất đương tu học.
 Bố thí độ xan tham,
 Trì giới độ hủy phạm,
 Nhẫn nhục độ sân nhuế,
 Tinh tấn độ hôn trầm,
 Định tâm độ tán loạn,
 Trí huệ độ ngu si.
 Quang âm bất đãi nhân,
 Cần hành mạc phóng dật.
 Sanh lão bệnh tử khổ,
 Nhân mạng bất cứu đình.
 Huống phục lâm chung thời,
 Vô thân khả恃 hỷ.
 Vô xứ khả ẩn tàng,
 Vô dược khả cứu trị.
 Thiên phúc thượng hữu tận,
 Nhân phúc hữu kỳ trường.

父母妻子居，
 盡如寄宿客。
 夜裏共安身，
 天明各消散。
 無常亦如是，
 預辦佛資糧。
 况以六道中，
 輪迴無暫已。
 今幸得人身，
 復聞深妙法。
 自行當化他，
 彼此俱利益。
 六度爲舟船，
 能超生死海。
 極樂阿彌陀，
 願力不思議。
 接引上金塔，
 親受菩提記。
 四衆當奉行，
 應求生彼國。
 尸迦羅越子，
 聞佛所說言，
 踊躍甚歡忻，
 作禮而信受。

Phụ mẫu thê tử cư,
 Tận như ký túc khách.
 Dạ lý cộng an thân,
 Thiên minh các tiêu tán.
 Vô thường diệc như thị,
 Dự biện Phật tư lương.
 Huống dĩ lục đạo trung,
 Luân hồi vô tạm dĩ.
 Kim hạnh đắc nhân thân,
 Phục văn thâm diệu pháp,
 Tự hành đương hóa tha,
 Bĩ thử câu lợi ích.
 Lục độ vi chu thuyền,
 Năng siêu sanh tử hải.
 Cực Lạc A-di-đà,
 Nguyên lực bất tư nghị.
 Tiếp dẫn thượng kim giai,
 Thân thọ Bồ-đề ký.
 Tứ chúng đương phụng hành,
 Ứng cầu sanh bỉ quốc.
 Thi-ca-la-việt tử,
 Văn Phật sở thuyết ngôn,
 Dũng dục thậm hoan hân,
 Tác lễ nhi tín thọ.

PHỤ BẢN 1: Thi-ca-la-việt lục phương lễ kinh - Đại tạng
kinh bản chữ Vạn, quyển 54, số 551, trang 418 - 422

伴故與嗜酒人相隨三者教之自守益更多
 事四者教之與賢者為友故與博掩子為厚
 善知識亦有四輩一者見人貧窮憐之令治
 生二者不與人諍計校三者日往消息之四
 者坐起常相念善知識復有四輩一者為吏
 所捕將歸藏匿之於後解決之二者有病瘦
 將歸養視之三者知識死亡棺殮視之四者
 知識已死復念其家善知識復有四輩一者
 欲聞止之二者欲隨惡知識諫止之三者不
 欲治生勸令治生四者不喜經道教令信喜
 之惡知識復有四輩一者小侵之便大怒二
 者有急倩使之不肯行三者見人有急時避
 人走四者見人死亡棄不視佛言擇其善者
 從之惡者速離之我與善知識相隨自致成
 佛佛言東向拜者謂子事父母當有五事一

第五四冊 佛說尸迦羅越六方禮經 八五五

者當念治生二者早起勸令奴婢時作飯食
 三者不益父母憂四者當念父母恩五者父
 母疾病當恐懼求醫師治之父母視子亦有
 五事一者當念令去惡就善二者當教計書
 疏三者當教持經戒四者當早與娶婦五者
 家中所有當給與之南向拜者諸弟子事師
 當有五事一者當敬歡之二者當念其恩三
 者所教隨之四者思念不歇五者當從後稱
 譽之師教弟子亦有五事一者當令疾知二
 者當令勝他人弟子三者欲令知不忘四者
 諸疑難悉為解說之五者欲令弟子智慧勝
 師西向拜者謂婦事夫有五事一者夫從外
 來當起迎之二者夫出不在當炊蒸掃除待
 之三者不得有姪心於外夫罵言不得還罵
 作色四者當用夫教誡所有什物不得藏匿

四一九 龍藏

佛說尸迦羅越六方禮經

佛說尸迦羅越六方禮經

長阿含經 生經別譯

後漢沙門安世高譯

佛在王舍國鷄山中時有長者子名尸迦羅
 越早起嚴頭洗浴著文衣東向四拜南向四
 拜西向四拜北向四拜仰向四拜向地四拜
 佛入國分衛遙見之往到其家問之何為六
 向拜此應何法尸迦羅越言父在時教我六
 向拜不知何應今父喪亡不敢於後違之佛
 言父教汝使六向拜不以身拜尸迦羅越便
 長跪言願佛為我解此六向拜意佛言聽之
 內著心中其有長者黠人能持四戒不犯者
 今世為人所敬後世生天上一者不殺諸群
 生二者不盜三者不愛他人婦女四者不妄
 言兩舌心欲貪姪恚惡癡自制勿聽不能
 制此四意者惡名日聞如月盡時光明稍冥

四一八 龍藏

能自制惡意者如月初生其光稍明至十五
 日盛滿時也佛言復有六事錢財日耗減一
 者喜飲酒二者喜博掩三者喜早卧晚起四
 者喜請客亦欲令人請之五者喜與惡知識
 相隨六者憍慢輕人犯上頭四惡復行是六
 事妨其善行亦不得憂治生錢財日耗減六
 向拜當何益乎佛言惡知識有四輩一者內
 有怨心外強為知識二者於人前好言語背
 後說言惡三者有急時於人前愁苦背後歡
 喜四者外如親厚內與怨謀善知識亦有四
 輩一者外如怨家內有厚意二者於人前直
 諫於外說人善三者病瘦縣官為甚恚怙憂
 解之四者見人貧賤不棄捐常念求方便欲
 富之惡知識復有四輩一者難諫曉教之作
 善故與惡者相隨二者教之莫與喜酒人為

低頭遶塔寺 又手禮十方 賢者不精進
 譬如樹無根 根斷枝葉落 何時當復連
 採華者日中 能有幾時鮮 放心自縱意
 命過復何言 人當慮非常 對來無有期
 犯過不有覺 命過為自欺 今當入泥犁
 何時有出期 賢者受佛語 持戒慎勿疑
 佛如好華樹 無不愛樂者 處處人民聞
 一切皆歡喜 令我得佛時 願使如法王
 過度諸生死 無不辭脫者 戒德可恃怙
 福報常隨已 現法為人長 終遠三惡道
 戒慎除恐懼 福德三界尊 鬼神邪毒害
 不犯有戒人 墮俗生世苦 今速如電光
 老病死時至 對來無豪強 無親可恃怙
 無處可隱藏 天福尚有盡 人命豈久長
 父母家室居 譬如寄客人 宿命壽以盡

第五四冊 佛說尸迦羅越六方禮經

八·五五一

四二一

龍藏

捨故當受新 各追所作行 無際如車輪
 起滅從罪福 生死十二因 現身遊免亂
 濟育一切人 慈傷墜眾邪 流没于深淵
 勉進以六度 修行致自然 是故誓首禮
 歸命天中天 人身既難得 得人復嗜欲
 貪婬於意識 痛想無厭足 豫種後世栽
 歡喜詣地獄 六情幸完具 何為自困辱
 一切能正心 三世神吉祥 不與八難貪
 隨行生十方 所生輒精進 六度為橋梁
 廣勸無極慧 一切蒙神光

佛說尸迦羅越六方禮經

佛說乾陀大藏經

四二〇

龍藏

五者夫休息善藏乃得卧夫視婦亦有五事
 一者出入當敬於婦二者飯食之以時節與
 衣被三者當給與金銀珠璣四者家中所有
 多少悉用付之五者不得於外邪畜傳御北
 向拜者謂人親屬朋友當有五事一者見之
 作罪惡私往於屏處諫曉呵止之二者小有
 急當奔趣救護之三者有私語不得為他人
 說四者當相敬歎五者所有好物當多少分
 與之向地拜者謂大夫視奴客婢使亦有五
 事一者當以時飯食與衣被二者病瘦當為
 呼醫治之三者不得妄撻捶之四者有私財
 物不得奪之五者分付之物當使平等奴客
 婢使事大夫亦有五事一者當早起勿令大
 夫呼二者所當作自用心為之三者當愛惜
 大夫物不得棄捐乞匄人四者大夫出入當

送迎之五者當稱譽大夫善不得說其惡向
 天拜者謂人事沙門道士當用五事一者以
 善心向之二者擇好言與語三者以身敬之
 四者當戀慕之五者沙門道士人中之雄當
 恭敬承事問度世之事沙門道士當以六憶
 視凡民一者教之布施不得自慳貪二者教
 之持戒不得自犯三者教之忍辱不得自恚
 怒四者教之精進不得自懈慢五者教人一
 心不得自放意六者教人黠慧不得自愚癡
 沙門道士教人去惡為善開示正道恩大於
 父母如是行之為如汝父在時六向拜之教
 也何憂不富乎尸迦羅越即受五戒作禮而
 去佛說偈
 鷄鳴當早起 被衣來下牀 澡漱令心淨
 兩手奉華香 佛尊過諸天 鬼神不能當

補十

三七

新編 乾隆 大藏經

六八八

龍藏

若以成美利 斯有猶可忍 或畫如奉戒
 昏夜盜為姦 常依于酒廬 如此慎勿親
 夫自寒至暑 如草不貴已 精進修事業
 爾利是用損 若能忍寒暑 如草不貴已
 精進修事業 則安且益矣 狎下為漸消
 習上未曾損 進善超然尊 以善必得善
 大善則違善 誠善能兼習 親戚之所尚
 奉戒以滅惡 是以當為習 已有行復行
 其為親戚上 如帝莅於眾
 又居士子有四友非友像當識知何謂四一
 為取異物二為言佞三為面愛四為邪教頌
 其義曰
 取異物之友 言美以順耳 面談為媚愛
 邪教相危殆 斯以非友像 智者則不友
 已識當遠離 譬猶出盟道

取異物之友當以四事知何謂四貪取彼物
 與少望多為畏故習為利故習頌其義曰
 夫以取非物 少與而多欲 畏習與利習
 貪人友璨然 斯以非友像 智者所不友
 已識當遠離 譬猶出盟道
 言佞之友當以四事知何謂四宣人之私自
 隱其私面偽稱善退則與誹頌其義曰
 好行宣人私 有私而自隱 面從褒揚善
 退則議其惡 斯以非友像 智者所不友
 已識當遠離 譬猶出盟道
 面愛之友當以四事知何謂四說人往短陰
 求來過與而不實欲人有厄頌其義曰
 為於不可為 不利造佞語 與而不為實
 願人厄請已 斯以非友像 智者所不友
 已識當遠離 譬猶出盟道

第五四冊 佛說善生子經

六五九一

六八七

龍藏

頌其義曰

飲酒入他房 博戲好妓倡 惡友與怠墮
 聖哲所不稱
 夫酒有六變當知何謂六為消財為致病為
 興爭為多怒為失譽為損智已有斯惡則廢
 事業未致之財不獲既獲者消宿儲耗盡
 姪邪有六變當知何謂六不自護身不護妻
 子不護家屬以疑生惡怨家得便眾苦所圍
 已有斯惡則廢事業未致之財不獲既獲者
 消宿儲耗盡
 博戲有六變當知何謂六勝則生怨負則熱
 中朋友感之怨家快之有獄凶憂人眾疑之
 已有斯惡則廢事業未致之財不獲既獲者
 消宿儲耗盡
 好樂有六變當知何謂六志在儻志在歌志

在絃志在節志在鼓志在彼已有斯惡則廢
 事業未致之財不獲既獲者消宿儲耗盡
 惡友有六變當知何謂六習醉習悞亂習
 縱盜習酒舍習小人習鄙語已有斯惡則廢
 事業未致之財不獲既獲者消宿儲耗盡
 怠墮有六變當知何謂六飽不作飢不作寒
 不作熱不作晨不作昏不作已有斯惡則廢
 事業未致之財不獲既獲者消宿儲耗盡頌
 其義曰
 好色樂歌舞 晝息夜從彼 惡友與怠墮
 士為斯大損 博戲酒慌壞 志在彼婦人
 遠賢而近愚 其損猶月數 行身自憍大
 毀機沙門道 邪見而行慳 是謂慢盛士
 夫酒妨財用 少利飲大渴 病水與債負
 作亂危身疾 或以酒結友 或以酒犯法

續編 乾隆大藏經

信戒聞施道 恒以勸化人 如斯為友像
 智者所習親 當與此從事 必益不為惡
 又居士子夫東面者猶子之見父母也是以
 子當以五事正敬正養正安父母何謂五念
 思惟報家事唯修債負唯解勅戒唯從供養
 唯歡父母又當以五事愛哀其子何謂五與
 造基業與謀利事與娉婦教學經道經則以
 所有付授與子是為東方二分所欲者得古
 聖制法為子必孝為父母慈愛士丈夫望益
 而善法不衰夫南面者猶弟子之見師也是
 以弟子當以五事正敬正養正安於師何謂
 五必審於聞必愛於學必敏於事必無過行
 必供養師又當以五事哀教弟子何謂五
 以學學之極藝教之使敏於學導以善道示
 屬賢友是為南方二分所欲者得古聖制法

為弟子謙師以仁教士丈夫望益而善法不
 衰夫西面者猶夫之見婦也是以夫當以五
 事正敬正養正安其婦何謂五正心敬之不
 恨其意不有他情時與衣食時與寶飾婦又
 當以十四事事於夫何謂十四善作為善為
 成受付審晨起夜息事必學聞門侍君子君
 子歸問訊辭氣和言語順正几席潔飲食念
 布施供養夫是為西方二分所欲者得古聖
 制法夫婦之宜士丈夫望益而善法不衰夫
 北面者猶友見其朋也是以友當以五事正
 敬正養正安朋類何謂五正心敬之不恨其
 意不有他情時分味恩厚不置朋類又當
 以五事攝取其友何謂五有畏使歸我我邀
 逸則數喪私事則為隱供養又益勝言忠為
 忍言是為北方二分所欲者得古聖制法朋

六九〇

龍藏

邪教之友當以四事知何謂四以殺生之事
 勸化人以盜竊以姪邪欺詐之事勸化人頌
 其義曰
 殺生與盜竊 欺詐為妄語 趣向他人婦
 以此勸立人 斯以非友像 智者所不友
 已識當遠離 譬猶出盟道
 又居士子有四友為仁明欲利人當識知何
 謂四一為同苦樂二為利相攝三為與本業
 四為仁愍傷頌其義曰
 與人同安危 攝之以善利 為厚能業人
 哀愍導正道 如斯為友像 智者所習親
 當與此從事 必益不為惡
 同苦樂之友當以四事知何謂四施之以已
 所寶施之以妻子利施之家所有言忠為忍
 言頌其義曰

與其利已者 有財利亦與 與以家之利
 言忠為忍言 如斯為友像 智者所習親
 當與此從事 必益不為惡
 利相攝之友當以四事知何謂四彼私不宣
 已私不隱面說善言還為弭謗頌其義曰
 以不宣彼私 已私不為隱 相見語講善
 還則弭謗 如斯為友像 智者所習親
 當與此從事 必益不為惡
 與本業之友當以四事知何謂四以利業之
 以力業之縱恣諫之以善養之頌其義曰
 業之以財利 以力助安之 切磋其縱恣
 將養其善志 如斯為友像 智者所習親
 當與此從事 必益不為惡
 仁愍傷之友當以四事知何謂四教勸豎立
 以成其信成其戒成其聞成其施頌其義曰

第五四冊 佛說善生子經

八五九一

六八九

龍藏

佛說善生子經

若索以得財 當常作四分 一分供衣食
 二為本求利 藏一為備待 厄時可救之
 為農商養牛 畜羊業有四 次五嚴治室
 第六可娉娶 如是貨乃積 日日尋益增
 夫財日夜聚 如流歸于海 治產求以漸
 喻若蜂作蜜 有財無與富 又無與邊方
 慳吝及惡業 有力無與友 事中用則學
 不用勿自妨 觀夫用事者 朋好猶熾火
 其於族親中 乃兼為兩好 與親眾座安
 如釋處天宮

於是善生子聞眾祐說已即稽首佛足下起
 繞三匝欣然自歸從佛受戒

佛說善生子經

六九二 龍藏

友之交士丈夫望益而善法不衰夫下面者
 猶長子之見奴客執事也是以長子當以五
 事正敬正養正安奴客執事何謂五適力使
 之用時衣食時時分味時時教齊疾病息之
 奴客執事又當以十事供養長子何謂十善
 作為善為成受付審夜卧早作六凡事必學作
 務勤力家貧不慢空乏不離出門稱曰我家
 長子聰而有慧是為下方二分所欲者得古
 聖制法長子執事之宜士丈夫望益而善法
 不衰夫上面者猶居家布施之人之見沙門
 梵志也是以居之來當以五事正敬正養正
 安沙門梵志何謂五開門待之來迎問訊與
 設几席經法藏護施食潔淨以是供養沙門
 梵志又當五事答布施家何謂五教誨以成
 其正信教誨以成其戒行教誨以成其多聞

教誨以成其布施教誨以成其智慧是為上
 方二分所欲者得古聖制法居家及沙門梵
 志之宜士丈夫望益而善法不衰頌其義曰
 東面為父母 師教宜南面 西面為子婦
 朋友位北面 奴客執事下 沙門梵志上
 如此應為禮 亦為居家宜 凡人富有財
 當念以利人 與人同財利 布施者昇天
 得利與人共 在在獲所安 義攝世間者
 斯為近樂本 夫以恩攝人 如母之為子
 善攝護天下 其福數數及 上得處眾會
 能益利與安 成人之信戒 必使得名聞
 意與常不墜 捨棄慳吝行 攝人以友事
 飲食相惠施 往來而又往 如是名不虧
 夫能修慎身 斯居家為賢 居積實貨者
 當興為仁義 先學學為最 次乃為治產

第五四冊 佛說善生子經

八·五九一

六九一

龍藏

33. Kinh Thi-ca-la-việt lễ bái sáu phương⁽¹⁾

Khi Phật ở tại thành Vương Xá,⁽²⁾ vào buổi sáng sớm đi khất thực, nhìn xa xa về phía núi Kê Túc⁽³⁾ thấy có một chàng con nhà trưởng giả tên *Thi-ca-la-việt*⁽⁴⁾ đang chải đầu, súc miệng, rửa mặt, thay y phục sạch sẽ, rồi hướng về phương đông lạy 4 lạy, hướng về phương nam, phương tây, phương bắc cũng lạy mỗi phương 4 lạy, lại hướng lên trời lạy 4 lạy, hướng xuống đất lạy 4 lạy.

⁽¹⁾ Kinh này có tên Phạn ngữ là *Sīgalovāda-sūtra*, được tìm thấy trong Đại chánh tạng, quyển 1, số hiệu 16, với nội dung khác biệt so với bản được khắc trong sách này. Tên Hán văn là Phật thuyết Thi-ca-la-việt lục phương lễ kinh (佛說尸迦羅越六方禮經), do ngài An Thế Cao dịch sang Hán văn vào khoảng năm 148 đến 176, thuộc đời Hậu Hán. Trong bản chữ Vạn (Càn Long), kinh này còn có thêm tên khác là Trường A-hàm Thiện Sanh kinh (gọi tắt là kinh Thiện Sanh), được xếp vào quyển 54, kinh số 551, từ trang 418 đến trang 422. Ngoài ra, kinh này còn được ngài Chi Pháp Độ dịch vào đời Tây Tấn (khoảng năm 301) với tên là Phật thuyết Thiện Sanh tử kinh, được xếp vào Đại chánh tạng, quyển 1, kinh số 17. Trong bản chữ Vạn, kinh này thuộc quyển 54, kinh số 591, từ trang 686 đến trang 692. Chúng tôi vẫn chưa thể xác định được ngài Tông Bồn khi soạn sách này đã dựa vào bản dịch nào, vì có đôi chỗ rất giống với bản của ngài An Thế Cao nhưng phần lớn lại có cấu trúc khác biệt khá xa. Phải chăng vào thế kỷ 11 vẫn còn lưu hành một bản dịch khác của kinh này mà đến nay không còn nữa? Để tạo điều kiện tham khảo đối chiếu, chúng tôi đã cho in kèm 2 phụ bản là hình chụp bản khắc gỗ của 2 bản kinh vừa nói trên.

⁽²⁾ Thành Vương Xá, tên Phạn ngữ là *Rājagṛha*, dịch âm là La-duyệt.

⁽³⁾ Núi Kê Túc (Kê Túc sơn), tên Phạn ngữ là *Kukkūṭapada*, dịch âm là Khuất-khuất-trá-bá-đà (屈屈吒播陀). Núi này thuộc địa phận nước Ma-kiệt-đà (Magadha), cũng có tên là núi Gurupada (Cử-lô-bá-đà -婁盧播陀), dịch nghĩa là Tôn Túc, là nơi Tôn giả Ca-diếp từng nhập định.

⁽⁴⁾ Thi-ca-la-việt, phiên âm từ Phạn ngữ là *Sīgalaka*, dịch nghĩa là Thiện Sanh. Có nơi gọi ông này là *Sujāta*, dịch âm là Tu-xà-đà (須闍陀). Về nhân vật trong kinh này, có lẽ là con trai của ông Thi-ca-la-việt thì đúng hơn, mặc dù trong hầu hết các đoạn đều chỉ gọi là Thi-ca-la-việt. Chúng tôi ngờ như thế là vì: thứ nhất, trong tên kinh gọi là “Thiện Sanh tử” (con trai ông Thiện Sanh); thứ hai, phần cuối có một câu kệ cũng gọi nhân vật này là Thi-ca-la-việt tử; thứ ba, trong bản Phật thuyết Thiện Sanh tử kinh do ngài Chi Pháp Độ dịch có kể rõ trong đoạn khởi đầu rằng: “Ông cư sĩ Thiện Sanh bị bệnh nặng không qua khỏi, gọi con trai đến dặn dò việc lễ lạy sáu phương.”

Đức Phật liền đến nhà người ấy, hỏi: “Con đang làm gì vậy?”

Thi-ca-la-việt đáp: “Con ở đây lễ lạy sáu phương.”

Đức Phật hỏi: “Lễ lạy sáu phương như vậy là theo pháp gì?”

Thi-ca-la-việt đáp: “Khi cha mẹ còn sống có dạy con mỗi buổi sáng sớm phải lễ lạy sáu phương, con cũng không hiểu để làm gì. Nay cha mẹ đã qua đời, con không dám trái lời dạy.”

Phật nói: “Cha con dạy việc lễ lạy sáu phương không phải dùng thân lễ lạy như thế. Con đã hiểu sai ý của cha con rồi.”

Thi-ca-la-việt liền quỳ xuống thưa: “Xin Phật từ bi vì con giảng giải ý nghĩa việc lễ lạy sáu phương.”

Phật dạy: “Được, con hãy lắng nghe cho kỹ! Hãy để tâm vào lời dạy, ta sẽ vì con giảng rõ.

“Hàng trưởng giả, những người trí thức, nếu như có thể trừ dứt sáu pháp xấu ác, đó chính là lễ lạy sáu phương.

“Những gì là sáu pháp xấu ác? Một là tham uống rượu, hai là mê cờ bạc, ba là thích ngủ sớm dậy trễ, bốn là ưa mời thỉnh khách khứa, năm là thích kết giao cùng kẻ xấu, sáu là ham thích việc giết hại, lừa gạt, dan díu vợ người. Nếu có thể trừ dứt sáu việc ấy, đó là lễ lạy sáu phương.

“Nếu con không trừ được sáu việc ấy thì sự lễ lạy nào có ích gì? Lại còn lan tràn tiếng xấu, việc nhà rối loạn, tiền của tiêu tốn, thân thể yếu đuối, gây còm, việc lành ngày càng mai một, kẻ xa người gần không còn ai kính trọng.

“Này chàng trai! Nên biết chọn người tốt để giao tiếp, học hỏi theo; tránh xa những người xấu ác. Như ta từ vô số kiếp trước vẫn thường gần gũi những bậc thiện tri thức, nay mới được thành quả Phật.”

Phật lại bảo *Thi-ca-la-việt*: “Bảo con lễ lạy phương đông là có ý nghĩa phụng dưỡng cha mẹ phải nhớ 5 điều. Một là hết lòng hiếu kính, chăm nom thăm viếng, thường khiến cha mẹ vui lòng. Hai là mỗi ngày dậy sớm, sắp xếp việc nhà, việc cơm nước, luôn giữ theo nếp nhà cần kiệm. Ba là thay cha mẹ làm mọi việc nặng nhọc. Bốn là luôn nhớ nghĩ đến ơn đức của cha mẹ. Năm là khi cha mẹ có bệnh tật hết lòng lo lắng, tìm thầy thuốc chữa trị.

“Cha mẹ đối với con cũng có 5 điều. Một là dạy con bỏ điều ác, làm điều lành. Hai là dạy con thường gần gũi những người hiểu biết. Ba là dạy con chuyên cần, chú trọng việc học hỏi. Bốn là khi đến tuổi thì lo việc dựng vợ gả chồng. Năm là chia phần tài sản trong gia đình cho con.

“Lễ lạy phương nam là có ý nghĩa người học trò phụng sự thầy phải nhớ 5 điều. Một là giữ lòng cung kính, sợ sệt. Hai là y theo lời thầy dạy bảo. Ba là có những việc giặt giũ, sửa sang phải gắng sức làm. Bốn là chuyên cần học hỏi không chán nản. Năm là sau khi thầy qua đời phải giữ lòng kính ngưỡng, nhớ tưởng, ngợi khen những đức độ của thầy, nhất thiết không được luận bàn đến những điều sai trái, lầm lỗi trước đây của thầy.

“Thầy dạy đệ tử cũng có 5 điều. Một là hết lòng dạy bảo không mỏi mệt, khiến cho học trò mau được hiểu biết. Hai là mong muốn học trò của mình vượt hơn học trò người

khác. Ba là muốn cho học trò không quên những kiến thức đã học. Bốn là khi học trò có những chỗ khó khăn, không hiểu, phải tận tình giảng rõ. Năm là mong muốn dạy dỗ sao cho học trò có được trí tuệ vượt hơn cả thầy.

“Lễ lạy phương tây là có ý nghĩa người vợ đối với chồng phải nhớ 5 điều. Một là khi chồng từ bên ngoài đi vào phải đứng lên chào đón. Hai là khi chồng vắng nhà phải lo việc bếp núc, quét dọn, giữ lòng kính trọng mà chờ đợi. Ba là không được khởi lòng dâm dục với người ngoài, phải giữ chặt cửa khuê phòng. Bốn là khi chồng có nặng lời, không được tùy tiện đối đáp, lộ vẻ giận tức; chồng có dạy răn điều gì phải cung kính nghe theo; có sở hữu món gì cũng không được cất giấu để dùng riêng. Năm là phải đợi chồng nghỉ ngơi trước, tự mình xem xét cẩn thận việc nhà rồi mới đi nghỉ sau.

“Chồng đối với vợ cũng có 5 điều. Một là mỗi khi ra vào đều giữ lòng tương kính. Hai là việc ăn uống có giờ giấc thích hợp, không để vợ phải khó nhọc, buồn bực. Ba là khi vợ muốn mua sắm quần áo, đồ trang sức... chớ nên trái ý; nhà giàu có thì sắm đủ, nghèo khó thì tùy sức. Bốn là giao phó tài sản trong nhà cho vợ coi sóc, gìn giữ. Năm là không được dâm dục tư tình với người khác, khiến vợ phải sanh lòng nghi ngờ.

“Lễ lạy phương bắc là có ý nghĩa trong sự giao tiếp cư xử với thân thuộc, bạn bè, đôi bên đều phải nhớ 5 việc. Một là khi có người làm việc xấu ác, lỗi lầm, những người khác phải thay nhau khuyên bảo, can gián, ngăn chặn. Hai là khi có người gặp tai nạn rủi ro, ốm đau tật bệnh, những người khác phải quan tâm chia sẻ giúp đỡ, chữa trị bệnh

tật. Ba là khi một ai đó có lời nói riêng trong nhà, những người khác không được mang ra nói với người ngoài. Bốn là phải giữ lòng kính trọng, ngợi khen điều tốt của nhau; duy trì quan hệ tới lui thăm viếng; nếu như có lúc đụng chạm, xung đột nhau cũng không được sanh lòng buồn giận, oán hờn. Năm là trong quan hệ có sự khác biệt giàu nghèo chẳng giống nhau, nên giúp đỡ, hỗ trợ, cứu vớt lẫn nhau; khi có món ngon vật quý nên chia sẻ cho nhau.

“Lễ lạy phương dưới là có ý nghĩa người chủ đối với những kẻ giúp việc phải biết 5 điều. Một là trước hết phải lưu tâm đến các nhu cầu đói no, lạnh nóng của họ, rồi sau mới sai khiến công việc. Hai là khi họ có bệnh phải lo mời thầy thuốc chữa trị. Ba là không được sai lầm dùng đến đòn roi, đánh đập, cần phải tra xét sự việc rõ ràng rồi sau mới trách phạt. Việc có thể tha thứ thì nên tha thứ; không thể tha được mới phải trách phạt để dạy dỗ. Bốn là khi họ có đôi chút tiền riêng không được tìm cách đoạt lấy. Năm là khi cung cấp, phân chia món gì cho họ đều phải công bằng, bình đẳng như nhau, không được có ý thiên vị.

“Người giúp việc đối với chủ cũng có 5 việc. Một là phải lo dậy sớm, không đợi chủ gọi. Hai là phải biết những việc nên làm thì tự lưu tâm làm, không để nhọc lòng chủ sai khiến. Ba là phải biết thương tiếc quý trọng tài sản của chủ, không được coi rẻ mà vất bỏ, làm hư hỏng. Bốn là mỗi khi chủ nhà có việc ra vào, phải lưu tâm đưa đón. Năm là chỉ nên ngợi khen những điểm tốt đẹp của chủ, không được bàn nói những việc xấu lỗi.

“Lễ lạy phương trên là có ý nghĩa người cúng dường các bậc *sa-môn*, thiện tri thức phải nhớ 5 điều. Một là

phải dùng tâm chân thật hướng về. Hai là phải cung kính làm việc phụng sự, không cho là khó nhọc. Ba là phải thường nhiều lần thưa hỏi đạo lý. Bốn là phải lắng nghe, suy ngẫm rồi tu tập làm theo. Năm là phải thưa hỏi rõ về tông chỉ của việc niệm Phật, tham thiền, ngày đêm chuyên cần tu tập.

“Hàng *sa-môn*, thiện tri thức khi chỉ bày cho người cũng phải nhớ 5 điều. Một là dạy người tu tập các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, định tâm,⁽¹⁾ trí huệ. Hai là dạy người những điều thuộc về oai nghi, lễ tiết, không để buông thả, phóng túng. Ba là dạy người giữ cho lời nói với việc làm luôn tương xứng, hoặc thà nói ít làm nhiều chứ không được nói nhiều làm ít. Bốn là dạy người chuyên cần lễ bái Tam bảo, khởi lòng thương xót hết thảy mọi loài chúng sanh. Năm là dạy người hồi hướng công đức, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, chúng đắc đạo *Bồ-đề* rồi sẽ trở lại hóa độ chúng sanh.

“Làm theo đúng như những điều trên gọi là cung kính vâng theo lời cha lễ lạy sáu phương. Nếu không làm được như vậy, dù lễ lạy cũng là vô ích.”

Bấy giờ, *Thi-ca-la-việt* liền xin thọ trì Năm giới, ân cần lễ bái Phật.

Đức Phật liền nói kệ tóm lại rằng:

Gà gáy sớm thức dậy,

Mặc áo, bước xuống giường,

(1) Về pháp thứ năm trong sáu ba-la-mật, hầu hết các kinh điển được dịch về sau đều dịch là “thiền định”. Riêng ở đây ta thấy dịch là “định tâm”, còn trong bản dịch của ngài An Thế Cao là “nhất tâm”. Chúng tôi thấy những cách dịch này có vẻ thích hợp hơn trong bối cảnh chung của sáu phẩm chất đang được đề cập. Cách dịch là thiền định dường như do ảnh hưởng sự phát triển mạnh của Thiền tông trong giai đoạn sau này.

Rửa mặt, súc miệng sạch,
 Hai tay dâng hương hoa.
 Khêu đèn, thay nước sạch
 Cúng dường Phật, Pháp, Tăng.
 Chắp tay cung kính lễ,
 Phát nguyện đền Bốn ơn.
 Sáu pháp ba-la-mật,
 Thấy thấy đều tu học.

Bố thí trừ tham lam,
 Trì giới không hủy phạm,
 Nhẫn nhục hết nóng giận,
 Tinh tấn khỏi mê trầm,
 Định tâm không tán loạn,
 Trí huệ dứt ngu si.

Ngày tháng chẳng đợi người,
 Chuyên cần không lười nhác.
 Khổ sanh, già bệnh, chết,
 Mạng người nào được lâu!

Hướng chi lúc lâm chung,
 Thân thuộc không thể giúp,
 Lại không nơi trốn tránh,
 Không thuốc nào cứu được.

Phước trời còn phải hết,
 Phước người được bao lâu?

Cha mẹ cùng vợ, con...
 Như khách cùng quán trọ,
 Cùng ngủ nghỉ qua đêm,
 Sáng ra, người một nẻo.
 Vô thường cũng như vậy,
 Sớm lo hưởng cõi Phật.
 Huống chi trong sáu đường,
 Luân hồi không tạm nghỉ.
 Nay may được làm người,
 Lại nghe pháp sâu mâu.
 Tự tu, dạy người tu,
 Ta, người đều lợi ích.

Ba-la-mật là thuyền,
 Vượt qua biển sanh tử.
 Cực Lạc A-di-đà,
 Nguyện lực khó nghĩ bàn.
 Dẫn bước lên thêm vàng,
 Được thọ ký quả Phật.
 Bốn chúng⁽¹⁾ vâng làm theo,
 Cầu sanh về Cực Lạc.

Con trai ông Thiện Sanh,⁽²⁾
 Nghe Phật thuyết pháp rồi,
 Lòng hân hoan phấn khởi,
 Lễ bái tin nhận lời.

(1) Bốn chúng: chỉ chung hàng Phật tử xuất gia và tại gia, gồm tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc (cư sĩ nam) và ưu-bà-di (cư sĩ nữ).

(2) Thiện Sanh: tức Thi-ca-la-việt. Tên gọi Thiện Sanh là dịch theo nghĩa.

太上，東嶽垂訓文

太上感應篇曰。禍福無門，唯人自召。善惡之報如影隨形。

所以人心起於善，善雖未為而吉神以隨之。

或心起惡，惡雖未露而凶神以隨之。

其有曾行惡事，後自改悔，久久必獲吉慶，所以轉禍為福也。

東嶽聖帝云。天地無私，神明暗察。不為享祭而降福，不為失禮而降禍。

凡人有勢不可盡倚，有福不可盡用，貧困不可盡欺。此三者，乃天地循環，周而復始。

故一日行善，福雖未至，禍自遠矣。一日行惡，禍雖未至，福自遠矣。

行善之人如春園之草，不見其長，日有所增。行惡之人如磨刀之石，不見其損，日有所虧。損人安己，切宜戒之。

又云。一毫之善，與人方便。一毫之惡，勸人莫作。衣食隨緣，自然快樂。

算甚麼命，聞甚麼卜。欺人是禍，饒人是福。天網恢恢，報應甚速。諦聽吾言，神欽鬼伏。

Thái Thượng, Đông Nhạc thùy huấn văn

Thài thōōng Caām òng thiēn việ: Hoā phōōu vōamōn, duy nhân tōi triệ. Thiēn àu chi bàu, nhō amh tuy hình.

Sōudō nhân tâm khōi ò thiēn, thiēn tuy vò vi nhi kiệ thần dó tuy chi.

Hoāe tâm khōi ò àu, àu tuy vò loānhì hung thần dó tuy chi.

Kyōhōu tàng hánh àu sōi hāu tōi caū hoā, cōu cōu taū hoāch kiệ khām, sōudō chuyēn hoā vi phōōu đā

Ńōng Nhai Thām ñeávaan: Thiēn ñōa vōatō, thām minh àm sāt, bāt vò hōōng teānhì giāmng phōōu, bāt vò thāt leānhì giāmng hoā.

Phām nhân hōu theabāt khaūtañ yū hōu phōōu bāt khaū tañ dūng, bām khoā bāt khaūtañ khi. Thōūtām giāu nāo thiēn ñōa tuān hoām, chāu nhi phưc thuy.

Coānhāt nhai hánh thiēn, phōōu tuy vò chí hoā tōi việ hyō Nhai nhai hánh àu, hoā tuy vò chí phōōu tōi việ hyō

Hánh thiēn chi nhân nhō xuān việ chi thāu, bāt kiệ kyōtrōōng, nhai hōu sōūtañg. Hánh àu chi nhân nhō ma ñāo chi thāch, bāt kiệ kyōtoān, nhai hōu sōūkhuy. Toān nhân an kyū thiệ nghi giōu chi.

Hōu vān: Nhai hāo chi thiēn dōo nhân phōōng tiēn. Nhai hāo chi àu khuyēn nhân māt tāt. Y thōt tuy duyēn tōi nhieān khoāi lāt.

Toām thām ma mǎng vān thām ma boát? Khi nhân thō hoā, nhieāu nhân thō phōōu. Thiēn vōōng khoā khoā, bām òng thām toát. Ńeāthính ngoāngōn thām khañ quyūphưc.

34. Lời dạy của các vị Thái Thượng, Đông Nhạc

Ngài Thái Thượng, trong thiên *Cảm ứng* có dạy: “Họa phước không có cửa vào, chỉ do người tự chuốc lấy.

“Việc báo ứng thiện ác cũng như bóng theo hình. Mỗi khi trong lòng khởi lên điều thiện, tuy chưa làm nhưng vị thần ban phước lộc đã theo rồi. Mỗi khi trong lòng khởi lên điều ác, tuy chưa lộ ra bên ngoài nhưng vị thần gieo tai họa đã theo rồi.

“Như có người đã từng làm việc ác, rồi sau tự mình hối cải, lâu ngày ắt được phước lành. Đó là chuyển họa thành phước vậy.”

Ngài Đông Nhạc Thánh đế có dạy rằng: “Trời đất không thiên vị, thần minh ngấm ngấm soi xét; không vì hưởng sự cúng tế mà ban phước, không vì thiếu lễ cúng mà giáng họa.

“Người đời khi được thế lực cũng đừng hết sức dựa vào, được phước lộc cũng đừng bo bo hưởng trọn, với kẻ nghèo cùng khốn khổ cũng đừng ra sức chèn ép. Ba việc ấy là sự xoay vần của trời đất, trải qua đủ rồi thì trở lại như xưa.

“Cho nên, làm thiện một ngày thì phước tuy chưa đến mà họa đã tránh xa; làm ác một ngày thì họa dù chưa đến mà phước đã rời xa.

“Người làm thiện như cỏ trong mùa xuân, không thấy cỏ tăng trưởng, nhưng mỗi ngày mỗi lớn lên. Kẻ làm ác như hòn đá mài dao, không thấy đá hao tổn, nhưng mỗi ngày mỗi nhỏ lại. Nên những việc hại người để có lợi cho mình phải tự răn giữ chớ phạm vào.”

Lại dạy rằng: “Thấy việc lành dù nhỏ, cũng nên tạo điều kiện để người thực hiện; thấy việc ác dù nhỏ, cũng nên khuyên người đừng làm. Việc ăn mặc biết tùy theo phận mình⁽¹⁾ thì tự nhiên được vui vẻ, khoan khoái.

“Cần chi đến những việc bói toán, xem vận mạng? Hại người là gây họa, giúp người là tạo phước. Lưới trời lồng lộng, báo ứng rất nhanh.

“Lắng nghe, xét kỹ những lời này ắt quý thần đều khâm phục.”

⁽¹⁾ Ăn mặc tùy theo phận mình (y thực tùy phận): nghĩa là không đua đòi theo người khác, chỉ dựa theo khả năng thu nhập của chính mình, thích hợp với hoàn cảnh của mình.

紫虛元君戒論文

福生於清儉，德生於卑退，道生於安靜，命生於和暢，患生於多慾，禍生於多貪，過生於輕慢，罪生於不仁。

戒眼莫視他非。戒口莫談他短。戒心莫恣貪瞋。戒身莫隨惡伴。

無益之言莫妄說，不干之事莫妄為。

默默默。無限神仙從此得。

饒饒饒。千災萬禍一齊消。

忍忍忍。債主冤家從此盡。

休休休。蓋世功名不自由。

忠君王，孝父母，敬尊長，奉有德，別賢愚，恕無識。物順來而勿拒，物既放而勿追。身未遇而勿望，事已過而勿思。

聰明多暗昧，算計失便宜。損人終自失，倚勢禍相隨。戒之在心，守之在志。為不節而亡家，因不廉而失位。

勸君自警於平生，可嘆，可驚而可畏。上臨之以天神，下察之以地祇。明有王法相繼，暗有鬼神相隨。唯正可守，心不可欺。戒之，戒之。

Tử Hư Nguyên Quân giới luận văn

Phồôu sinh ở thanh kiểm, nồu sinh ở ty thoá, nầo sinh ở an tồnh, mắng sinh ở hoả sồông, hoản sinh ở ãa dưc, hoả sinh ở ãa tham, quầnsinh ở khinh mắn, toả sinh ở bá nhân.

Giồu nhắn mắ thồ tha phi. Giồu khắu mắ ãam tha ãoam. Giồu tánn mắ tồutham saán. Giồu thắn mắ tuy àu bắn.

Voách chi ngoán mắ vớng thuyể. Bá can dó sồ mắ vớng vi.

Mặc mặc mặc, vô hạn thần tiên từng thử đắc.

Nhiều nhiều nhiều, thiên tai vạn họa nhất tề tiêu.

Nhẫn nhẫn nhẫn, trái chủ oan gia từng thử tận.

Hừ hừ hừ, cái thế công danh bất tự do.

Trung quầnn vớng, hiểu phườ mắ, kỉnh toầnn trồông, phường hỏu nồu, biể hiểnn ngu, thồuvoáthồu. Vắ thuaँn lai nhi vắ cồi vắ kỳnhồing nhi vắ truy. Thắnn vồ ngoánhi vắ vớng, sồ dó quầnnhi vắ tồ.

Thồng minh ãa àm muoả, toầnn kéthắ tieँn nghi. Toầnn nhắnn chung tồi thắ, yútheáhoả tồông tuy. Giồu chi tai tánn, thuúchi tai chí. Vô bá tieँn nhi vong gia, nhắnn bá lieँnn nhi thắ vồ.

Khuyểnn quầnn tồicắnh ở bình sanh. Khắuthắnn, khắukinh nhi khắuuy. Thồông laँnn chi dó thieँnn thắnn, hắ saúnn chi dó ão kỳnhồ Minh hỏu vớng phắp tồông ké ám hỏu quyúthắnn tồông tuy. Duy chànnh khắuthú tánn bá khắukhi. Giồu chi, giồu chí!

35. Luận răn đời của Tử Hư Nguyên Quân

Hước sinh ra từ sự trong sạch, kiệm ước; đức sinh ra từ sự khiêm nhượng; đạo sinh ra từ sự an ổn, vắng lặng; mạng sinh ra từ sự hòa hợp, vui sướng; bệnh tật sinh ra vì quá dâm dục; tai vạ sinh ra vì quá tham lam; làm lỗi sinh ra vì kiêu mạn, khinh người; tội ác sinh ra vì thiếu lòng nhân ái.

Răn giữ đôi mắt đừng nhìn chỗ sai quấy của người; răn giữ lời nói đừng bàn luận chỗ kém khuyết của người; răn giữ tâm ý đừng buông thả theo lòng tham và sự nóng giận; răn giữ tự thân đừng học theo bạn bè xấu ác.

Lời không có ích đừng nói bậy; việc không liên can chớ làm can.

Vắng lặng an nhiên, các bậc thần tiên từ đó được.

Khoan dung tha thứ, bao nhiêu tai họa thấy đều tiêu.

Kham nhẫn nhận chịu, oán thù muôn kiếp nhờ đó dứt.

Buông bỏ việc đời, công danh buộc trói có là chi!

康節先生勸善文

上品之人，不教而善。中品之人，教而後善。下品之人，教亦不善。

不教而善，非聖而何。教後而善，非賢而何。教而不善，非愚而何。

Giữ lòng trung với chủ, hiếu với cha mẹ, tôn kính bậc trưởng thượng, cúng dường bậc đức độ, phân biệt hiền ngu, khoan thứ người không biết. Vật thuận đến thì không chống lại, vật đã rời đi chớ tìm theo. Thân chưa gặp thời đừng mong mỏi, việc đã qua rồi chớ nghĩ nhớ.

Kẻ thông minh lắm càng mắc phải nhiều tối tăm, mờ mịt; kẻ tính toán nhiều thì mất đi sự thuận lợi dễ dàng; gây tổn hại cho người, rốt cùng là tự mình mất mát; dựa vào thế lực, tai họa liền theo ngay.

Răn nhắc tự trong lòng, giữ gìn nơi chí hướng. Vì không tiết chế mà tan nát cửa nhà; vì thiếu sự thanh liêm mà mất cả địa vị.

Khuyên người hãy luôn cảnh tỉnh trong đời sống, có thể đáng khen đó, đáng kinh ngạc đó, mà cũng đáng sợ lắm đó. Trên có thiên thần soi xuống, dưới có địa thần xét lên. Nơi sáng rõ có phép nước thường nghiêm; chỗ khuất lấp có quỷ thần luôn theo dõi. Chỉ nên giữ theo điều chân chánh, lòng không dối trá. Nhớ lấy, nhớ lấy!

Kháng Tiết Tiên sanh khuyến thiện văn

Thөөng phẩn chi nhẩn, bẩ giẩn nhi thiển. Trung phẩn chi nhẩn, giẩn nhi hẩn thiển. Hẩ phẩn chi nhẩn, giẩn dieũ bẩ thiển.

Bẩ giẩn nhi thiển, phi thẩn nhi hẩ Giẩn nhi hẩn thiển, phi hiển nhi hẩ Giẩn nhi bẩ thiển, phi ngu nhi hẩ

是知善者也，吉之謂也。不善者也，凶之謂也。吉也者，目不觀非禮之色，耳不聽非禮之聲，口不道非禮之言，足不踐非禮之地。人非善不交，物非義不取。

親賢如就芝蘭，避惡如畏蛇蝎。或曰不謂之吉人，則吾不信也。

凶也者，語言詭譎，動止陰險，好利飾非，貪婬樂禍，疾良善如讐隙，犯刑憲如飲食。小則殞身滅性，大則覆宗絕嗣。或曰不謂之凶人，則吾不信也。

傳有之曰。吉人為善，惟日不足。凶人為不善，亦惟日不足。汝等欲為吉人乎。欲為凶人乎。

36. Văn khuyến thiện của tiên sanh Khang Tiết

Hạng người cao cả nhất, không cần dạy bảo đã tự là người tốt. Hạng người trung bình, nhờ được dạy bảo rồi sau thành người tốt. Hạng người kém cõi nhất, dù được dạy bảo vẫn không thành người tốt.

Không cần dạy bảo đã tự là người tốt, chẳng phải bậc thánh đó sao? Nhờ được dạy bảo rồi sau thành người tốt, chẳng phải người hiền đó sao? Dù được dạy bảo vẫn

Thò tri thiến giaũdaõ kieá chi vò daõ Baá thiến giaũdaõ hung chi vò daõ Kieá daõgiaũ mũc baá quan phi leáchi saé, nó baá thính phi leáchi thanh, khai baá ñaõ phi leáchi ngoãn, tuù baá tiến phi leáchi ñòa, nhân phi thiến baá giao, vaá phi nghóa baá thuù

Thaân hiến nhõ töü chi lan, tì àù nhõ uyý xaoyeá. Hoaë vieá baá vò chi kieá nhân, taé ngoábaá tín daõ

Hung daõgiaũ ngõõngoãn quyúquyeá, ñoãng chæaân hiến, haõ löi sòü phi, tham daãn nhaõ hoã, taá löông thiến nhõ thuõkích, phãm hình hiến nhõ aãm thõc. Tieá taé vaãn thaân dieá tành, ñaí taé phuutoãng tuyeá töi Hoaë vieá, baá vò chi hung nhân, taé ngoábaá tín daõ

Truyeã hõü chi vieá: Kieá nhân vi thiến, duy nhaá baá tuù. Hung nhân vi baá thiến, dieá duy nhaá baá tuù. Nhõ ñaúng duõ vi kieá nhân hoá Duõ vi hung nhân hoá

không thành người tốt, chẳng phải người ngu đó sao? Vậy nên biết rằng, do nơi việc làm lành mà gọi là người tốt, do nơi việc làm dữ mà gọi là kẻ xấu.

Người tốt thì mắt chẳng nhìn những cảnh không hợp lễ nghĩa; tai chẳng nghe những tiếng không hợp lễ nghĩa; miệng chẳng nói những lời không hợp lễ nghĩa; chân chẳng bước đến những chỗ không hợp lễ nghĩa; chẳng giao du với người không tốt, chẳng nhận những vật phi

nghĩa;⁽¹⁾ gần gũi người hiền như cỏ chi, cỏ lan;⁽²⁾ tránh xa kẻ ác như sợ loài rắn rết. Nếu ai bảo đó chẳng phải người tốt thì ta không tin được.

Kẻ xấu thì nói lời quỷ quyệt, làm việc thâm hiểm, tham điều lợi, trau chuốt che đậy điều sai quấy, tham dâm dục, thích hại người; ghét người lương thiện như kẻ thù; phạm

⁽¹⁾ Vật phi nghĩa: vật có được bằng những cách bất nghĩa như trộm cắp, lường gạt, cướp đoạt...

⁽²⁾ Cỏ chi, cỏ lan: hai loại cỏ thơm, thường được ví với người đức hạnh, cao quý. Việc gần gũi người hiền được ví như ở nơi có cỏ chi, cỏ lan, vì dù mình không tự biết nhưng cũng có được ảnh hưởng tốt, như quỳện lấy hương thơm của cỏ.

無際大師心藥方

大師諭世人曰。凡欲齊家治國，學道修身，先須服我十味妙藥，方可成就。

何名十味。好肚腸一條。慈悲心一片。溫柔半量。道理三分。信行要緊。中直一塊。孝順十分。老實一箇。陰隲全用。方便不拘多少。

此藥用寬心鍋內炒，不要焦，不要躁，去火性三分。於平等盆內研碎。三思爲末，六波羅密爲丸，如菩提子大。

vào luật pháp như cơm bữa; tội nhỏ thì hại thân mất mạng, tội lớn thì hại cả dòng họ, khiến cho không còn người nối dõi. Nếu ai bảo đó chẳng phải kẻ xấu thì ta không tin được.

Có lời dạy rằng: “Người tốt làm việc lành, không chỉ một ngày mà đủ; kẻ xấu làm việc ác, cũng không chỉ một ngày mà đủ.”⁽¹⁾ Các ông muốn làm người tốt hay kẻ xấu?

⁽¹⁾ Câu này có ý: không chỉ một ngày mà thành người tốt hay kẻ xấu, đều là sự tu dưỡng hay tập nhiễm lâu ngày mới thành. Vì thế cần phải thận trọng việc cảnh tỉnh lấy mình trong cuộc sống.

Vô Tế Đại sư tâm dược phương

Nãi sô dĩ theánhân việ: Phạm dĩ teàgia trò quốá, hời ãã tu thãn, tiẽn tu phũc ngaõthãp vò dieũ dõõc, phõng khãũthãnh tõũ.

Hãrdanh thãp vờ? Hãũ ãõãtrõõng nhãũ ãiẽũ, tõõbi tãn nhãũ phieãn, ôn nhu bãm lõõng, ãã lyũtam phãn, tín hãnh yeũ khãn, trung trõc nhãũ khoã, hieũ thũãn thãp phãn, lãõ thãũ nhãũ cãũ ãn chãũ toãn dũng, phõng tiẽn bãũ cãũ ã thieũ.

Thõũdõõc dũng khoan tãn oa nõã sao, bãũ yeũ tieũ, bãũ yeũ tãũ, khõũhoã tãnh tam phãn. Ô bình ããng bãũ nõã nghiẽn toãn, Tam tõ vi mãũ, Lũc bã-la-mãũ vi hoãn, nhõ Bõ-dẽ tõũnã.

每日進三服不拘時候，用和氣湯送下。果能依此服之，無病不瘥。

切忌言清行濁，利己損人，暗中箭，肚中毒，笑裏刀，兩頭蛇，平地起風波。已上七件速須戒之。

此前十味，若能全用，可以致上福上壽，成佛作祖。若用其四五味者，亦可以滅罪延年，消災免患。

各方俱不用，後悔無所補。雖有扁鵲，盧醫，所謂病在膏肓亦難療矣。縱禱天地，祝神明，悉徒然哉。况此方不悞主顧，不費藥金，不勞煎煮，何不服之。

偈曰。

此方絕妙合天機，
不用盧師，扁鵲醫。
普勸善男并信女，
急須對治莫狐疑。

Moá nhaá taán tam phuế, baá caâu thòh haàu, đuợng hoá khí thang toáng haá Quaúnaàng y thòùphuế chí, voábeñh baá sai.

Thieá kí ngoán thanh hañh trồôc, lôí kyútoán nhaán, àm trung tieñ, ñoátrung ñoá, tieá lyúñaò, lồông ñaàu xaø bình ñoá khôñ phong ba, dó thồng thaá kieñ toá tu giồñ chí.

Thòutieñ thaþ vò, nhồôc naêng toám đuợng, khaú dó trí thồng phồù thồng thoi thanh Phaá taù Toá Nhồôc đuợng kyotòu nguóvò giaú dieá khaú dó dieá toá dieñ nieñ, tieá tai mieñ hoáñ.

Caù phồông caâu baá đuợng, haàu hoá voásôuboá Tuy hồñ Bieñ Thồôc, Lö Y, sôúvò beñh tai cao hoang dieá nan lieá hyó Tuợng ñaù thieñ ñoá, chuè thañ minh, taá ñoánhieñ tai. Huóng thòùphồông baá ngoáchuóá baá phí döôc kim, baá lao tieñ chòù haøbaá phuế chí?

Keávieá:

*Thử phương tuyệt diệu hiệp thiên cơ,
Bất dụng Lư sư, Biển thuốc y.
Phổ khuyến thiện nam tinh tín nữ.
Cấp tu đối trị mạc hồ nghi.*

37. Phương thuốc trị tâm của Đại sư Vô Tế

Đại sư⁽¹⁾ khi giảng dụ người đời có dạy rằng: “Những ai muốn sửa sang việc nhà, trị yên việc nước, học theo chánh đạo, tu dưỡng thân mình thì trước hết nên dùng phương thuốc hay mười vị của ta, sau mới có thể thành tựu.

“Mười vị là gì? Đó là:

1. Lòng tốt một đoạn
2. Tâm từ bi một tấm
3. Ôn hòa nhu thuận nửa lượng
4. Đạo lý ba phân
5. Tín hạnh rất cần thiết
6. Lòng trung trực một khối
7. Hiếu thuận mười phân
8. Chân thật một tấm
9. Phước nghiệp dùng trọn
10. Phương tiện gia giảm tùy ý

⁽¹⁾ Đại sư Vô Tế: cao tăng đời Đường, hiệu Thạch Đầu Hy Thiên, người đất Việt, họ Trần. Đại sư nghe danh Lục tổ ở Tào Khê nên tìm đến theo học. Sau khi Lục tổ viên tịch vẫn chưa chứng ngộ, ngài đến núi La Phù thọ giới, tình cờ nghe tiếng thiền sư Hành Tư ở núi Thanh Nguyên (cũng là đệ tử của Lục tổ), liền tìm đến theo học, sau được truyền pháp. Niên hiệu Thiên Bảo năm đầu (720), ngài đến núi Nam Nhạc, dựng am nhỏ trên một tảng đá lớn để tu trì. Người bấy giờ tôn kính gọi ngài là Hòa thượng Thạch Đầu. Năm 785, niên hiệu Trinh Nguyên thứ 16, ngài viên tịch, thọ 91 tuổi. Vua ban sắc phong là Vô Tế Đại sư.

“Cho mười vị ấy chung vào loại nôi *khoan dung* mà sao, không được *nôn nao*, không được *gấp rút*, khử bớt ba phần *tánh nóng*, rồi để vào loại chậu *bình đẳng* mà nghiền cho thật nhỏ, dùng loại bột *cân nhắc thận trọng*⁽¹⁾ trộn đều với sáu *ba-la-mật*⁽²⁾ mà vò thành hoàn cỡ hạt *Bô-đề*.

“Mỗi ngày dùng ba lần, lúc nào cũng được. Dùng chất nước dẫn thuốc là *hòa khí* để đưa xuống.

“Nếu dùng đúng như vậy, không bệnh nào không khỏi.

“Thuốc này kiêng kỵ nhất là nói lời thanh bai mà hành động xấu xa, mưu lợi cho mình mà tổn hại người khác, lén lút hại người, lòng dạ độc ác, ngoài miệng cười đùa trong lòng mưu hại, cư xử như rắn hai đầu, vô cớ gây ra xung đột. Cho nên, bảy việc vừa kể trên phải mau mau ngăn giữ.

“Mười vị thuốc này nếu dùng trọn vẹn thì có thể được phước lớn, tuổi thọ dài lâu, cho đến thành Phật, làm Tổ. Nếu chỉ dùng trong ấy chừng bốn, năm vị cũng được dứt tội, sống lâu, tai qua nạn khỏi.

“Như không dùng bất cứ vị nào trong phương thuốc này,

⁽¹⁾ Nguyên tác dùng “tam tư”, nghĩa là ba lần suy nghĩ. Mọi hành vi của con người, nếu cân nhắc kỹ đều có ba lần suy nghĩ. Một là khi sắp nói hay làm điều gì có sự suy nghĩ phán xét, thẩm định trước về lời nói hay việc làm ấy, gọi là *Thẩm lự tư*. Hai là sự suy nghĩ quyết định sẽ nói ra hay sẽ làm, gọi là *Quyết định tư*. Ba là sự suy nghĩ mạnh mẽ nhất về hành động thiện hay ác chính thức được thực hiện, gọi là *Động phát thắng tư*. Hai sự suy nghĩ trước thuộc về ý nghiệp, vì chưa phát khởi ra lời nói hay việc làm. Sự suy nghĩ thứ ba thuộc về thân nghiệp, khẩu nghiệp, vì chính nó xác định tính chất thiện ác của lời nói hay việc làm.

⁽²⁾ Sáu ba-la-mật: gồm các pháp tu bố thí ba-la-mật, trì giới ba-la-mật, nhẫn nhục ba-la-mật, tinh tấn ba-la-mật, định tâm ba-la-mật và trí huệ ba-la-mật.

thì về sau có hối hận cũng chẳng ích gì. Khi ấy dù có thần y như Biển Thước, Lư Y, chỉ e bệnh đã quá trầm trọng nên khó lòng liệu trị. Dù có cầu đảo trời đất, khẩn vái thần minh cũng chẳng được gì.

“Huống chi, phương thuốc ấy người uống chẳng sợ lắm, chẳng tốn tiền mua, chẳng nhọc công sắc nấu! Vì sao lại không chịu uống?”

勸行忍辱撮要

孟子⁽¹⁾云。是故君子有終身之憂，無一朝之患。論語云。一朝之忿，亡其身以及其親，非⁽²⁾惑歟。小不忍則亂大謀。

景行錄云。人性如水，水一傾則不可復。性一縱則不可反。制水者必以隄防。制性者必以禮法。忍一時之氣，免百日之憂。得忍且忍，得戒且戒。不忍不戒小事成大。

一切諸煩惱，
皆從不忍生。

⁽¹⁾ Nguyên câu này trong Luận ngữ là: 非其鬼而祭之，諂也。

⁽²⁾ Trong bản gỗ khắc chữ 是 là nhâm, chúng tôi theo sách Luận ngữ để điều chỉnh lại.

Kệ rằng:

*Thuốc này tuyệt diệu, hợp cơ mâu,
Thần y tái thế cũng chẳng cầu.
Khuyên khắp thiện nam cùng tín nữ,
Mau mau dùng lấy, chớ ngờ lâu.*

Khuyến hành nhẫn nhục toát yếu

Luận ngữ vân: Thò có qua ân tồ hõu chung thân chi ous, voân hã triêu chi hoãn. Nha triêu chi phã, vong kyõ thân dó cãp kyõ thân phi hoã dö? Tieü bá nhã, táe loãn ñã möu.

Cãnh hành lữ vân: Nhân tâm nhõ thuy, thuy nhã khuy nh táe bá khã phũ, tâm nhã tùng táe bá khã phã. Cheá thuy gia táe dó ñe phong. Cheá tâm gia táe dó leã phã. Nha nhã thõ chi khí, miẽn bành nhã chi ous. Ñãe nhã thân nhã, ñãe giõu thã giõu. Bá nhã bá giõu tieü sö thãnh ñã.

Nhất thiết chư phiền não,

Giai từng bất nhẫn sanh.

忍是快活路，
 世上少人行。
 忍是身之寶，
 不忍身之殃。
 舌柔常在口，
 齒折只爲剛。
 思量這忍字，
 好箇快活方。
 片時不能忍，
 煩惱日月長。
 愚濁生瞋怒，
 皆因理不通。
 休添心上燄，
 只作耳邊風。
 長短家家有，
 炎涼處處同。
 是非無實相，
 究竟總成空。

張敬夫曰。小勇者，血氣之勇也。大勇者，禮義之勇也。血氣之勇不可有，禮義之勇

Nhẫn thị khoái hoạt lộ,
 Thế thượng thiếu nhân hành.
 Nhẫn thị thân chi bảo,
 Bất nhẫn thân chi ương.
 Thiệt nhu thường tại khẩu,
 Xỉ chiết chỉ vi cương.
 Tư lương giá nhẫn tự,
 Hảo cá khoái hoạt phương.
 Phiến thời bất năng nhẫn,
 Phiền não nhật nguyệt trường.
 Ngu trước sanh sân nộ,
 Giai nhân lý bất thông.
 Hữu thêm tâm thượng diễm,
 Chỉ tác nhĩ biên phong.
 Trường đoản gia gia hữu,
 Viêm lương xứ xứ đồng.
 Thị phi vô thật tướng,
 Cứu cánh tổng thành không.

Trông Kính Phu viết: Tiểu dưỡng gia huyệ khí chi dưỡng dã Nại dưỡng gia lãnghóa chi dưỡng dã Huyệ khí chi

不可無。知此則可以見情性之正，而識天理人欲之分矣。

惡人罵善人，
善人總不對。
善人若還罵，
彼此無智慧。
不對心清涼，
罵者口熱沸。
正如人唾天，
還從己身墜。
我若被人罵，
佯聾不分說。
譬如火燒空，
不救自然滅。
瞋火亦如是，
有物遭他熱。
我心等虛空，
聽爾翻脣舌。

先德云。凡事畱人情，後來好相見。誠哉是言也。

duõng baá khaũhöõu, leãnghóa chi duõng baá khaũvoá Tri thõu
taé khaũdó kieán tình taàm chi chaàm, nhi thõu thieãn lyùnhãn
duõ chi phaãn hyõ

Ác nhân mạ thiện nhân,
Thiện nhân tổng bất đối.
Thiện nhân nhược hoàn mạ,
Bỉ thử vô trí huệ.
Bất đối tâm thanh lương,
Mạ giả khẩu nhiệt phí.
Chánh như nhân thóa thiên,
Hoàn tùng kỷ thân trụ.
Ngã nhược bị nhân mạ,
Dương lung bất phân thuyết.
Thí như hỏa thiêu không,
Bất cứu tự nhiên diệt.
Sân hỏa diệt như thị,
Hữu vật tao tha nhiệt.
Ngã tâm đẵng hư không.
Thính nễ phiên thân thiệt.

Tieãn ñõu vaãn: Phãm sõi lõu nhaãn tình, haũ lai haũ tõng
kieán. Thanh tai thò ngoãn daõ

又云。子張欲行辭於夫子，願賜一言爲終身之美。夫子曰。百行之本，忍之爲上。

子張曰。何爲忍之。

夫死曰。

天子忍之國無害。
 諸侯忍之成其大。
 官吏忍之進其位。
 兄弟忍之家富貴。
 夫妻忍之終其世。
 朋有忍之名不廢。
 自身忍之無禍患。

子張曰。不忍何如。

夫死曰。

天子不忍國空虛。
 諸侯不忍喪其軀。
 官吏不忍刑法誅。
 兄弟不忍各分居。
 夫妻不忍令子孤。
 朋有不忍情意疎。
 自身不忍患不除。

Höu vañ: TöüTröông duñ hañh tööø Phu töü nyueñ töü nhañ ngoñ vi chung thañ chi myö Phu töüvieñ: Bañh hañh chi boñ, nhañ chi vi thöông.

TöüTröông vieñ: Haövi nhañ chi?

Phu töüvieñ:

*Thiên tử nhñn chi quöc vô hại.
 Chư hầu nhñn chi thành kỳ đại.
 Quan lại nhñn chi tấn kỳ vị.
 Huynh đệ nhñn chi gia phú quý.
 Phu thê nhñn chi chung kỳ thế.
 Bằng hữu nhñn chi danh bất phế.
 Tự thân nhñn chi vô họa hoạn.*

TöüTröông vieñ: Bañ nhañ hañnhö?

Phu töüvieñ:

*Thiên tử bất nhñn quöc không hư.
 Chư hầu bất nhñn táng kỳ khu.
 Quan lại bất nhñn hình pháp tru.
 Huynh đệ bất nhñn các phân cư.
 Phu thê bất nhñn linh tử cô.
 Bằng hữu bất nhñn tình ý sơ.
 Tự thân bất nhñn hoạn bất trừ.*

子張曰。善哉，善哉。難忍，難忍。不忍非人，非人不忍。

釋迦遺教經云。汝等比丘。若有人來節節支解，當自攝心無令瞋恨，亦當護口，勿出惡言。若縱恚心，則自妨道失功德利。

忍之為德，持戒苦行所不能及。能行忍者，乃可名為有力大人。若其不能歡喜忍受惡罵之毒如飲甘露者。不名入道智慧人也。

所以者何。瞋恚之害則破諸善法，壞好名聞。今世後世人不喜見。

當知瞋恚甚於猛火，常當防護無令得入。劫功德賊，無過瞋恚。甚不可也。

華嚴經云。一念瞋心起，百萬障門開。可不忍乎。既然如此，僧俗男女悉當忍之。

TồưTrồông vieá: Thieãn tai, thieãn tai! Nan nhaãn, nan nhaãn!
Baá nhaãn phi nhaãn, phi nhaãn baá nhaãn.

Thích-ca Di giaù kinh vaãn: Nhööñang tý-kheo, nhööc hõu nhaãn lai tieá tieá chi giaù, ñõông töñhieáp taãn voálinh saãn haãn, dieü ñõông hoákhaü vaá xuaá àù ngoãn. Nhööc tuùng nhueátaãn taé töiphõông ñaõ, thaá coâng ñõu löi.

Nhaãn chi vi ñõu, trì giõu khoáhaãn sôubaá naeng cap. Naeng hanh nhaãn giaü naõ khaüdanh vi hõu löc ñaĩ nhaãn, Nhööc kyóbaá naeng hoan hyũnhaãn thõi àù mãi chi ñõc nhõ aãn cam loàgiaü baá danh nhaáp ñaõ trí hueãnhaãn daõ

Sôúdó giaühaá Saãn nhueáchi haĩ, taé phaüchõ thieãn phap, hoai haõ danh vaõ, kim theáhaü theãnhaãn baá hyúkieãn.

Ñõông tri saãn nhueá thaãn õ maõh hoã, thõông ñõông phong hoã vaá linh ñaé nhaáp. Kieáp coâng ñõu taé voãquausaãn nhueá Thaãn baá khaüdaõ

Hoa Nghieãn kinh vaãn: Nhaá nieãn saãn taãn khõu, baũh vaãn chõõng moãn khai. Khaübaá nhaãn hoá Kyũnhieãn nhõ thõu taeng tuẽ nam nõõtaá ñõông nhaãn chi.

38. Bài toát yếu khuyên thực hành nhẫn nhục

Mạnh tử⁽¹⁾ nói: “Người quân tử có mối lo một đời nên không có cái họa trong một ngày.”⁽²⁾

Sách Luận ngữ viết: “Trong một cơn giận nhất thời mà làm hại thân mình, còn hại đến cả thân thuộc, chẳng phải là sai lầm lắm sao?”⁽³⁾

Lại viết: “Không nhẫn chịu được việc nhỏ ắt làm rối loạn việc lớn.”⁽⁴⁾

Sách Cảnh hành lục nói rằng: “Tánh người ví như nước. Nước một khi chảy đi rồi thì không kéo lại được; tánh người một khi buông thả phóng túng thì không thể trở lại như trước. Ngăn giữ nước ắt phải dùng bờ đê bảo vệ; ngăn giữ tánh người ắt phải dùng lễ nghi phép tắc. Nhẫn chịu được cơn giận nhất thời, tránh được mối lo dài lâu. Việc nhẫn chịu được thì nên nhẫn chịu, việc răn giữ được thì nên răn giữ. Nếu không nhẫn chịu, không răn giữ, ắt việc nhỏ nhặt cũng hóa thành nghiêm trọng.”

Hết thủy mọi phiền não,
Do không nhẫn mà sanh.
Nhẫn: con đường vui sống,
Nhưng đời ít người đi.

⁽¹⁾ Nguyên tác Hán văn ghi là sách Luận ngữ, nhưng thật ra câu này trích trong sách Mạnh tử, phần Ly lâu chương cú hạ, tiết 28, nguyên văn là: 是故君子有終身之憂，無一朝之患也。(Thị cố quân tử hữu chung thân chi ưu, vô nhất triều chi hoạn dã.)

⁽²⁾ Mối lo một đời của người quân tử là luôn tu sửa thân tâm, thực hành điều thiện, giữ theo đạo thánh hiền; nhờ đó mà không có ngày xảy ra tai họa.

⁽³⁾ Luận ngữ, chương 12 Nhan Uyên, tiết 20.

⁽⁴⁾ Luận ngữ, chương 15 Vệ Linh Công, tiết 16.

Nhẫn: vật báu của thân,
Không nhẫn: họa đến gần.
Lưỡi mềm thường tồn tại,
Răng cứng phải rụng dần.
Xét suy một chữ nhẫn,
Là cách sống thường vui.
Không nhẫn trong phút chốc,
Phiền não hoài tháng năm.
Kẻ ngu hèn giận tức,
Đều vì chẳng rõ thông.
Lửa tâm đừng thêm nữa,
Xem như gió ngoài tai.
Tốt, xấu đâu cũng có,
Nóng, lạnh chón chón đồng.
Thị phi không thật tướng,
Rốt ráo đều là không.

Trương Kính Phu nói: “Kẻ được cái dưng nhỏ, đó là cái dưng của khí huyết; người được cái dưng lớn, đó là cái dưng của lễ nghĩa.” Cái dưng huyết khí đó, không nên có; cái dưng lễ nghĩa đó, không nên thiếu. Nếu biết được lẽ này thì thấy được chỗ chân chánh của tánh tình, biết được chỗ phân chia giữa lẽ trời với lòng dục của người.

Kẻ ác mắng người lành,
Người lành không mắng trả.
Nếu người lành mắng trả,
Hóa ra đều ngu si.
Không mắng, lòng an nhiên,

Kẻ mắng, miệng như lửa.
 Giữa mặt phun nước bọt,
 Nước bọt rơi trở về.
 Nếu bị người mắng chửi,
 Giả điếc, không phân bua.
 Như lửa cháy khoảng không,
 Không chữa, tự nhiên tắt.
 Lửa giận cũng không khác,
 Gặp vật mới cháy bùng.
 Lòng ta như hư không,
 Mặc tình người mắng chửi.

Người xưa dạy rằng: “Xử sự ở đời nên lưu lại chút tình cảm thì về sau có gặp lại nhau mới tốt đẹp.” Lời ấy đúng lắm thay!

Lại có chuyện rằng: Tử Trương sắp đi xa, đến cáo từ đức Khổng tử, xin ngài dạy cho một lời hay để làm theo suốt đời. Khổng tử dạy rằng: “Trong chỗ căn bản của trăm đức hạnh, đức nhẫn là trên hết.”

Tử Trương hỏi: “Nhẫn để làm gì?”

Phu tử đáp:

Bậc thiên tử biết nhẫn,
 Đất nước được yên bình.
 Hàng chư hầu biết nhẫn,
 Nước càng thêm lớn mạnh.
 Hàng quan lại biết nhẫn,
 Địa vị được thăng tiến.
 Anh em nhà biết nhẫn,

Gia thế được giàu sang.
 Vợ chồng cùng biết nhẫn,
 Sống với nhau trọn đời.
 Bạn bè cùng biết nhẫn,
 Danh tiếng chẳng mất đi.
 Tự thân nếu biết nhẫn,
 Tai họa thấy tiêu trừ.

Tử Trương lại hỏi: “Nếu không biết nhẫn thì sao?”

Phu tử đáp:

Thiên tử không biết nhẫn,
 Đất nước ắt tiêu tan.
 Chư hầu không biết nhẫn,
 Thân mạng ắt không còn.
 Quan lại không biết nhẫn,
 Lưới pháp luật mắc vào.
 Anh em không biết nhẫn,
 Phải cô độc sống riêng.
 Vợ chồng không biết nhẫn,
 Con trẻ phải mồ côi.
 Bạn bè không biết nhẫn,
 Giao tình phải nhạt nhẽo.
 Tự thân không biết nhẫn,
 Tai họa ắt liền theo.

Tử Trương khen rằng: “Hay thay, hay thay! Đức nhẫn ấy khó thay, khó thay! Không biết nhẫn chẳng xứng làm người; chẳng phải người thì không biết nhẫn!”

Trong kinh Di giáo, đức Phật Thích-ca dạy rằng: “Tỳ-kheo các con! Nếu có người đến cắt xẻo thân thể ra từng mảnh, hãy tự nhiếp tâm không nên nóng giận; cũng phòng hộ nơi miệng, chớ nói lời ác độc. Nếu buông thả tâm nóng giận là tự mình làm hại đạo, mất hết lợi ích công đức.

“Nhẫn nhục là đức tính mà trì giới với khổ hạnh cũng chẳng bì kịp. Người có thể nhẫn nhục mới đáng gọi là bậc đại nhân có sức mạnh. Như người chẳng thể vui lòng nhận lời mắng chửi độc ác như uống nước cam lộ, thì chẳng thể gọi là bậc trí huệ đã nhập đạo. Tại sao vậy? Cái hại của sự nóng giận là phá hoại các pháp lành, làm

勸人敬惜字紙文

大明勸善書云。士之隸吾籍者，皆須敬重字紙。

且如宋朝王沂公，其父見字紙遺地者，必撮拾以香湯洗過焚之。

一席夢先聖撫其背曰。荷汝敬重吾字紙之勤也。恨汝老矣，無可成就。他日當令曾參來生汝家，顯大門戶。

mất danh tiếng tốt, khiến cho đời này và đời sau chẳng ai muốn gặp gỡ mình.

“Nên biết rằng tâm nóng giận còn hơn cả lửa dữ, phải thường phòng hộ, không để cho nhập vào. Giặc cướp công đức thì không gì hơn tâm nóng giận.”

Thật không nên nóng giận vậy.

Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Khởi một niệm sân hận, tạo trăm ngàn chướng ngại.”

Có thể không nhẫn được sao? Đã hiển nhiên như vậy, nên hàng xuất gia và tại gia, dù nam hay nữ cũng đều nên thực hành đức nhẫn!

Khuyến nhân kính tích tự chỉ văn

Nãi Minh, Khuyến thiến thö vaân: Sô chi lêngôatôch giâu giai tu kính tröng töichæ

Thaũnhö Toáng triêu, Vöông Nghi Coâng, kyøphui kieån töi chæ di ñöa giâu táu toaũ thaþ dó höông thang tay quaùphan chi.

Nhaũ töch möng tieån thaanh phuũkyøboá vieå: Haanhöökính tröng ngoatöichæchi cañ daõ Hañ nhöõlaõ hyõ voåkhauthaanh töü. Tha nhaũ ñöông linh Taång Saãm lai sanh nhöõgia, hieån ñaĩ möån hoå

未幾果生一男，遂名王叅，讀書聰明，及狀元第。

以此推之，切不可拋撒踐蹋。能依先訓之言，敬惜字紙，世世生生得大辯才。不如是者，得大罪報。

偈曰。

世間字紙藏經同，
見者須將付火中。
或送長流，埋淨處，
賜君福壽永無窮。

儒門立五典，
釋道啟三宗。
一切閑文字，
皆與藏經同。
愚癡無見識，
多拋糞穢中。
墮身千萬劫，
永作廁中蟲。

Vô kyûquaûsinh nhất nam, toại danh Vôông Saôn, nôi
thô thông minh, cập traing nguyêñ nêã

Dó thôisuy chi, thieát baát khaûphao taù tieñ ñaùp. Naing y
tieñ huañ chi ngoñ, kính tích töi chæ theáttheásanh sanh ñaé
ñai bieñ taát. Baát nhö thò giaù ñaé ñai toái baò.

Keãviet:

Thế gian tự chỉ tạng kinh đồng,
Kiến giả tu tương phó hỏa trung,
Hoặc tống trường lưu mai tịnh xứ,
Tứ quân phước thọ vĩnh vô cùng.

Nho môn lập ngũ điển.
Thích đạo khai tam tông.
Nhất thiết nhàn văn tự.
Giai dữ tạng kinh đồng.
Ngu si vô kiến thức.
Đa phao phẩn uế trung.
Đọa thân thiên vạn kiếp.
Vĩnh tác xí trung trùng.

惜字萬千，
延壽一紀。
子貴孫賢，
綿綿不已。

諸仁者。再能行善戒殺，持齋念佛，決定往生淨土，面見阿彌陀佛。此事真實不虛，唯要信受奉行矣。

39. Khuyên người tôn trọng giữ gìn giấy có chữ viết

Khoảng niên hiệu Đại Minh,⁽¹⁾ sách *Khuyến thiện* dạy rằng: “Kẻ sĩ trong đạo Nho đều nên kính trọng giấy có chữ viết.”

Lại như vào triều Tống, người cha của Vương Nghi Công mỗi khi thấy giấy có chữ viết rơi dưới đất thì nhặt lên, dùng nước thơm rửa sạch chỗ dơ, rồi sau mới đốt đi.

Một đêm kia ông nằm mộng thấy Tiên Thánh⁽²⁾ vỗ vai bảo rằng: “Ta cảm cái công khó của ông kính trọng giấy có chữ viết của ta, nhưng tiếc vì ông đã lớn tuổi không còn thành tựu được nữa. Ngày sau sẽ cho Tăng Sâm⁽³⁾ sanh vào nhà ông, làm hiển vinh gia thế.”

⁽¹⁾ Niên hiệu Đại Minh, vào đời Tống Vũ Đế, từ năm 457 đến năm 464.

⁽²⁾ Tiên Thánh: chỉ đức Khổng tử.

⁽³⁾ Tăng Sâm: tức Tăng tử, đệ tử của đức Khổng tử, là người biên thuật sách Đại học trong bộ Tứ thư và trước thuật sách Hiếu kinh.

Tích tự vạn thiên.

Diên thọ nhất kỷ.

Tử quý tôn hiền.

Miên miên bất dĩ.

Chỗ nhân giới Tài năng hạnh thiện giới sát, trì trai niệm Phật, quyết nòng vãng sanh Tịnh độ diệt kiến A-di-đà Phật. Thối sỡ chân thối bại hờ, duy yếu tín thọ phụng hạnh hyō

Quả nhiên, chẳng bao lâu sanh được một con trai, liền đặt tên là Vương Sâm, thông minh, ham đọc sách, về sau thi đỗ Trạng nguyên.”

Theo đó mà suy ra, đối với giấy có chữ viết thật không nên vất bỏ bừa bãi và giày đạp lên. Nếu biết y theo lời dạy của người xưa mà kính trọng giữ gìn giấy có chữ viết, thì đời đời sanh ra đều được tài biện luận. Nếu không làm như vậy ắt phải chịu tội báo lớn.

Kệ rằng:

*Giấy mang chữ viết cũng như kinh,
Rơi vãi, nhặt cho vào lửa hồng,
Hoặc thả trôi sông, chôn đất sạch,
Mai sau được phước thọ khôn cùng.*

Ngũ kinh của nhà Nho,
 Cùng kinh Phật, sách Lão,
 Giấy chữ không dùng nữa,
 Như kinh điển, khác nào.
 Kẻ ngu không hiểu biết,
 Dùng vào chỗ nhớp nhơ.
 Thân đọa muôn ngàn kiếp,
 Làm giời trong phần dơ.

Tiếc nhật muôn ngàn chữ,
 Tuổi thọ thêm một kỷ,⁽¹⁾

⁽¹⁾ Một kỷ: tức 12 năm.

勸修西方淨土

龍舒曰。人生時，父母妻子，屋宅田園，牛羊車馬，以至臺凳器皿，衣服帶索等物，不問大小，或祖父以傳於己，或自己營造而得，或子孫，或他人爲己緝累而得。色色無非己物。

且如窻紙雖微，被人扯破猶有怒心。一鍼雖微，被人將去猶有吝心。倉庫旣盈，心猶未足。金帛已多，營猶未止。舉眼動步無非愛

Sanh con thảo, cháu hiền,
 Phước dài lâu chẳng dứt.⁽¹⁾

⁽¹⁾Tình cờ trong khi chuyển dịch bài này, chúng tôi lại đọc thấy trong sách “Pháp tu Tây Tạng” do đức Đạt-lai Lạt-ma thuyết giảng (Pháp tu Tây Tạng - bản dịch tiếng Việt của Hồng Như) có một đoạn nói về việc kính trọng giữ gìn kinh sách với nội dung tương tự như lời ngài Tông Bồn ở đây. Xin lược trích như sau: “Kinh sách Phật Pháp chứa đựng lời dạy của Phật; có năng lực chở che chúng sinh không rơi vào ác đạo, lại có khả năng khai mở con đường giác ngộ. Vì vậy chúng ta cần thận trọng giữ gìn kinh sách, không nên để dưới đất, hay đặt nơi người khác có thể giẫm đạp lên, bước ngang qua hay ngồi lên trên. Khi mang theo bên mình nên bao bọc cẩn thận; khi cất giữ nên để nơi cao ráo sạch sẽ, không để chung với các loại đồ dùng thế tục khác. Tránh không đặt vật dụng thế tục lên trên kinh sách, không thấm nước miếng lật sách, vì làm như vậy là tự tạo ác nghiệp. Bao giờ cần tiêu hủy tài liệu có nội dung Phật pháp, nên đốt, không nên vất bỏ...”

Khuyến tu Tây phương Tịnh Độ

Long Thô viết: Nhân sanh thời, phuī maūi theā tōū oá trāh ñiēn viēn, ngōu dōng xa maō dó chí ñāi ñāng khí maōh, y phuī ñāi saūh ñāng vaī, baī vaā ñāi tiēi, hoāē toā phuī dó truyēn ò kyū hoāē tōikyūdoanh taō ñhi ñāē, hoāē tōū toān, hoāē tha ñhān vò kyūtaō luỹ ñhi ñāē, saē saē vōāphi kyū vaī.

Thāūnhō song chā tuy vi, bō ñhān xaūphaūdo hōū ñā tān. Nhāī chān tuy vi, bō ñhān tōng khōūdo hōū laā tān. Thōng khoākyūdoanh tān do vò tuē, kim bách dó ñā doanh do vò chā Cōūnhāñ ñōng bōvōāphi aū trōū, nhāī tuē tāi

著，一足在外已念其家。一僕未歸已憂其失。
種種事務無非挂懷。

一旦大限到來盡皆拋去。雖我此身猶是棄物，况身外者乎。

靜心思之，恍如一夢。故莊子云。且有大覺然後知此其大夢也。

古人有言。

一日無常到，
方知夢裡人。
萬般將一去，
唯有業隨身。

妙哉此言也。餘故用此後兩句，添以兩句而成一偈云。

萬般將一去，
唯有業隨身。
但念阿彌陀，
定生極樂國。

蓋業者，謂善業惡業。此皆將得去者。豈可不以淨土為業乎。

有了明長老，為眾普說，指此身而言曰。此

ngoại đó niệm kyōgia. Nhất bồ và quy đó ous kyōthai. Chúng chúng sōi vui vôphi quải hoai.

Nhất niệm nãi hân nài lai tain giai phao khōu Tuy ngāo thōuthan do thò khí vai, huóng thān ngoai giaũho?

Tính tain tō chi, hoàng nhō nhất mōng. CoáTrang tōu vañ: Thāũhōũ nāi giai nhieñ haũ tri thōũkyōñāi mōng đāo

Coanhañ hōũ ngoñ:

Nhất nhật vô thường đāo.

Phương tri mộng lý nhân.

Vạn ban tương bất khí.

Duy hữu nghiệp tùy thân.

Dieñ tai thōũngoñ đāo Dō coadũng thōũhaũ lōōng cuì thieñ đó lōōng cùnhi thānh nhất keāvāñ:

Vạn ban tương bất khí.

Duy hữu nghiệp tùy thân.

Đān niệm A-di-đà.

Định sanh Cực Lạc quốc.

Caũ nghiệp giai và thieñ nghiệp àũ nghiệp, thōũgiai tōng ñāc khōũgiaũ Khōũ khaibañ đó tành ñoavi nghiệp ho?

Hōũ lieñ minh trōōng laũ, và chúng phoathuyet, chathōũ

爲死物，其內鱗鱗地者爲活物。莫於死物上作活計，宜於活物上作活計。餘深愛此語，故常爲人言之。

凡貪種種外物以奉其身者，皆是死物上作活計也。

世人雖未能免此，當於營生奉身之中，那頃刻之下，回光自照以畱心於淨土，乃活物上作活計也。

且如汲汲營生，雖致富如石崇，貴極一品，終有數盡之期。豈若淨土之無盡也。

40. Khuyên tu Tây phương Tịnh độ

Đng Long Thư nói rằng: “Người ta khi còn sống có đủ mọi vật, như cha mẹ, vợ con, nhà cửa, ruộng vườn, bò dê, xe ngựa... cho đến bàn ghế, chén bát, y phục... Những vật ấy, dù lớn dù nhỏ, hoặc do cha ông để lại, hoặc tự mình làm ra, hoặc do con cháu hay người khác giúp cho mà có. Hết thấy những vật ấy đều là của mình.

“Đến như một tờ giấy mỏng là nhỏ nhất, bị người khác xé rách cũng sanh lòng giận; một cây kim chẳng đáng là bao, bị người lấy mất cũng sinh lòng tiếc! Kho lẫm chứa đầy, lòng vẫn không thấy đủ; vàng lụa đã nhiều, vẫn sắm

thần nhi ngoan viê: Thôuvi tōuvaĩ, kyonoā baũ baũ ñà giaũvi hoaĩ vaĩ. Mãc ồ tōuvaĩ thōông taũ hoaĩ keá nghi ồ hoaĩ vaĩ thōông taũ hoaĩ keá Dō thaãn ài thōônggồ coáthōông vò nhaãn ngoan chi.

Phaãm tham chuũg chuũg ngoai vaĩ dó phũng kyøthaãn giaũ giai thò tōuvaĩ thōông taũ hoaĩ keádaõ

Theánhaãn tuy vò naẽng mieãn thōũ ñông ồ doanh sanh phũng thaãn chi trung, naũkhoamh khoe chi haĩ hoả quang tōi chieá dó lōu taãn ồ Tồh ñoã naõ hoaĩ vaĩ thōông taũ hoaĩ keádaõ

Thaũnhõ cap cap doanh sanh, tuy trí phuũnhõ Thach Sung, quyucõc nhaĩ phaãm, chung hõũ soátaãn chi kyø khõũ nhõõ: Tồh ñoãchi voátaãn daõ

mãi không thôi. Mỗi một hành vi trong đời sống đều nặng lòng ái luyến, vương chấp. Vắng nhà một đêm mà lòng đã canh cánh nỗi nhớ nhà. Người giúp việc chưa kịp về đã lo rằng đi mất. Không một công việc nào không ôm lòng lo lắng.

“Một mai khi cái hạn kỳ lớn nhất trong đời⁽¹⁾ đã đến, mọi thứ đều phải vất bỏ hết. Đến như thân xác này cũng là vật bỏ đi, huống chi những vật ngoài thân?

⁽¹⁾ Hạn kỳ lớn nhất trong đời: chỉ cái chết. Vì cái chết như một hạn kỳ được đặt ra từ lúc mới sanh, không ai trong đời có thể tránh khỏi, sớm muộn gì cũng phải đối mặt. Đây là hạn kỳ dài nhất, lớn nhất, vì khi nó đến rồi thì không còn bất cứ hạn kỳ nào khác nữa.

“Lắng lòng mà suy xét, thấy cuộc đời này thật mơ hồ như giấc mộng!

“Cho nên Trang tử nói rằng: “Phải có sự tỉnh giác lớn rồi sau mới rõ biết được giấc mộng lớn lao này.”⁽¹⁾

“Người xưa nói:

*Một mai vô thường đến,
Mới hay mộng đời dài.
Muôn vật đều vất bỏ,
Chỉ còn nghiệp mang theo.*

“Lời ấy thật rất hay! Vì thế tôi mượn hai câu sau, thêm vào hai câu thành bài kệ rằng:

*Muôn vật đều vất bỏ,
Chỉ còn nghiệp mang theo.
A-di-đà thường niệm,
Cõi Phật ắt sanh về.*

“Nói nghiệp đó là chỉ cả nghiệp lành và nghiệp dữ. Cả hai loại nghiệp ấy sau khi chết đều mang theo. Vậy lẽ nào không thể dùng phép tu Tịnh độ làm nghiệp của mình hay sao?

⁽¹⁾ Giấc mộng lớn lao này: ý so sánh cả cuộc đời này không khác chi một giấc mộng lớn.

“Có vị trưởng lão đã thấu triệt sáng suốt, rộng vì mọi người mà giảng giải. Ngài chỉ vào thân này mà nói: ‘Thân này là vật chết, nhưng bên trong có chỗ linh hoạt, đó là vật sống. Đừng dựa trên vật chết mà thực hành phương thức sống, nên dựa trên vật sống mà thực hành phương thức sống.’ Tôi rất thích lời dạy ấy nên thường đem ra nói với người khác.

“Nói chung mọi sự tham muốn những vật bên ngoài để cung phụng cho cái thân này đều là dựa trên vật chết mà thực hành phương thức sống. Người đời cho dù chưa ai thoát được việc ấy, nhưng trong cuộc mưu sinh để nuôi sống cái thân này, nếu có được một khoảnh khắc nào đó quay về soi rọi tự tâm, đem lòng hướng về *Tịnh độ*, thì đó chính là dựa trên vật sống mà thực hành phương thức sống.

“Bằng như cứ mãi hối hả gấp rút trong công việc làm ăn, thì cho dù giàu có đến như *Thạch Sùng*,⁽¹⁾ sang quý đến bậc nhất phẩm,⁽²⁾ cuối cùng rồi cũng có hạn kỳ chấm dứt, lẽ nào sánh được với cõi *Tịnh độ* an vui mãi mãi hay sao?”

⁽¹⁾ Thạch Sùng: nhân vật trong truyện kể tượng trưng cho sự giàu có tột bậc nhưng cuối cùng vẫn không có đủ những gì mình muốn.

⁽²⁾ Nhất phẩm: phẩm bậc cao nhất trong hàng quan lại thời xưa, đứng đầu trong 9 phẩm.

普勸修持淨土

龍舒曰。凡受師友之訓誨，恩地之提挈，交遊之禮遇，悉皆告以淨土而爲之報。

以至於一切人，或有一飯，一茶之恩，或一言一坐之接，下至僕隸有事我之勞。凡吾受用處，一切致力者，皆以此告之，使脫離苦海。

非唯此耳。凡一切知與不知，識與不識，皆欲以化之，使共生淨土。

又非唯此耳。釋迦佛在世時，有一國難化，佛言與目連有緣使往化之。其國人皆從化。衆問佛云。與目連有何因緣。佛言。往昔世，目連曾爲樵人，於山間驚起一羣蜂子。目連乃發善言云。我得道後，盡度汝等。今此一城人者乃當時蜂子也。目連發此善言故爲有緣。

由此觀之，非徒於一切人當勸修淨土。一切飛禽走獸，下至蝸飛蠕動之類，凡有形相可見者，吾因見之皆當爲念阿彌陀佛數聲，發善

Phổ khuyến tu trì Tịnh độ

Long Thô viết: Phạm thời sở hữu chi huan hoá, ân nĩa chi ãekhiết, giao du chi lãngọa táđ giai caò dó Tành ãoãnhĩ vi chi baò.

Dó chí ồ nhắ thiế nhắ, hoặ hõu nhắ phắ nhắ tra chi ân, hoặ nhắ ngoãn nhắ toã chi tiế, hắ chí boã lãhõu sõingãochi lao, phạm ngoãthõidũng xõunhắ thiế trí lờ giaũ giai dó thõucaò chi, sõuthoã ly khoãhũ.

Phi duy thõũnhó, phạm nhắ thiế trí dõbắ trí, thõũ dõ bắ thõũ giai đũ dó hoã chi, sõucoãng sanh Tành ãoã

Hõu phi duy thõũnhó, Thích-ca Phắ tá theáthõũ, hõu nhắ quố nan hoã, Phắ ngoãn dõMục-liên hõu dũyên sõũ vaõng hoã chi, kyõquố nhắ giai tung hoã. Chuõng vaãn Phắ vaãn: DõõMục-liên hõu hãnhắnhắ dũyên? Phắ ngoãn: Vaõng tích theá Mục-liên taõng vi tiế nhắ, ồ sôn gian kinh khõũ nhắ quãn phong tõũ Mục-liên nã phắ thiế ngoãn vaãn: Ngãõñãc ãã hãũ táũ ããnhõõñãng. Kim thõũnhắ thanh nhắ giai nã ãõõng thõũ phong tõũdãõ Mục-liên phắ thõũ thiế ngoãn, cóavi hõũ dũyên.

Do thõũquãn chi, phi ãõõ nhắ thiế nhắ ãõõng khũyên tu Tành ãoã Nhắ thiế phi caãn táũ thũũ hắ chí quyên phi nhũyãn ãõõng chi loã, phạm hõũ hình tõõõng khãũkiãn giaũ ngoãn nhắ kiãn chi, giai ãõõng vò niãn A-di-dã Phắ sóã

願云。願汝等盡生極樂世界。我得道後盡度汝等。

非徒於有形相可見者如是，其形相不可見者，吾亦當作是念，作是言。如此則吾善念甚熟，於一切眾生皆為有緣。吾上品上生必矣。他時化度無不樂從者也。

宗本曰。要知龍舒之心即是普賢之意。盡合金文，皆有所據。

略引梵網經云。若佛子常起大悲心。乃至若見牛馬猪羊，一切畜生，應心念口言。汝是畜生，歸依三寶，發菩提心。而菩薩入一切處，山林川野，皆使一切眾生發菩提心。若菩薩不發是心者，犯輕垢罪。

諸仁者。當依佛祖之言，不失龍舒之勸，斯為美矣。

thanh, phat̄ thiēn̄ nguyēn̄ vān̄: Nguyēn̄ nhōōn̄āng tān̄ sanh Cōr̄ Lāc̄ theágiōi, ngaōn̄aē n̄āb̄ hāi tān̄ n̄oānhōōn̄āng.

Phi n̄oāo hōū hình tōōnḡ khaūkiēn̄ giaūnhō thò, kyōhinh tōōnḡ bā khaūkiēn̄ giaū ngoādiē n̄ōōng taū thò niēn̄, taū thò ngoān̄. Nhō thōūtaē ngoāthiēn̄ niēn̄ thān̄ thūc̄, ò nhā thiē̄ chunḡ sanh giai vi hōū dūyēn̄. Ngoāthōōnḡ phām̄ thōōnḡ sanh tā hyō Tha thōī hoā n̄oāvōābā nhā tunḡ giaūdaō

Toānḡ Boān̄ viēt̄: Yēū tri Long Thō chi tān̄, tōū thò Phoā Hiēn̄ chi yū Tān̄ hiēp̄ kim vān̄, giai hōū sōūcōū

Lōōc̄ dān̄ Phām̄ Voōnḡ kinh vān̄: Nhōōc̄ Phā tōūthōōnḡ khōū n̄āi bi tān̄... nāō chí nhōōc̄ kiēn̄ ngōu mātrō dōōng, nhā thiē̄ suē̄ sanh, ōnḡ tān̄ niēn̄ khaū ngoān̄: Nhōōthò suē̄ sanh quy y Tam bāu phat̄ Bō-dē̄ tān̄. Nhi BoāTaū nhāp̄ nhā thiē̄ xōūsōn̄ lām̄ xūyēn̄ daō̄ giai sōūnhā thiē̄ chunḡ sanh phat̄ Bō-dē̄ tān̄. Nhōōc̄ BoāTaū bā phat̄ thò tān̄ giaū phām̄ khinh caū tōi.

Chō nhān̄ giaū N̄ōōnḡ y Phā Toāchi ngoān̄, bā thā Long Thō chi khūyēn̄, tō vi myōhyō

41. Rộng khuyên việc tu trì Tịnh độ

Ông Long Thư nói rằng: “Ở đời, đã nhận sự khuyên dạy của thầy hay bạn tốt, nhận sự dìu dắt của người ơn, nhận sự đãi ngộ của những kẻ mình giao du, ắt nên đem pháp tu Tịnh độ nói cho họ biết để báo đáp.

“Cho đến đối với hết thảy mọi người, dù mình đã chịu ơn một bữa cơm, một tách trà, hoặc chỉ là một lời chào đón, một chỗ mời ngồi, thậm chí với những kẻ giúp việc đã có công phục vụ mình... nói chung là đối với tất cả những ai từng đem công sức, trí tuệ ra phục vụ cho mình, đều nên đem pháp tu Tịnh độ này nói cho họ biết, giúp họ được thoát khỏi biển khổ.

“Không chỉ là như thế, mà đối với hết thảy mọi người, dù có quen biết hay không, mình đều muốn đem pháp tu Tịnh độ mà giáo hóa, khiến cho tất cả đều được cùng nhau sanh về Tịnh độ.

“Lại không chỉ là như thế, vào thời đức Phật Thích-ca còn tại thế, dân chúng trong một thành kia rất khó giáo hóa. Phật nói: ‘Dân trong thành ấy có nhân duyên với *Mục-kiền-liên*.’ Liên bảo *Mục-kiền-liên* đến thành ấy giáo hóa, dân trong thành đều nghe theo lời dạy của ông.

“Đại chúng thưa hỏi Phật: ‘Dân trong thành ấy có nhân duyên gì với *Mục-kiền-liên*?’ Phật dạy: ‘Vào đời quá khứ, *Mục-kiền-liên* từng làm một tiểu phu, một hôm ở trong núi làm kinh động cả đàn ong. *Mục-kiền-liên* khi ấy nói với đàn ong rằng: Sau khi ta đắc đạo sẽ hóa độ tất cả các người. Ngày nay, dân trong thành ấy chính là đàn ong

ngày xưa. Vì *Mục-kiền-liên* có nói ra một lời lành với họ, nên có nhân duyên.’

“Theo đó mà suy ra, không những đối với hết thảy mọi người nên khuyên tu Tịnh độ, cho đến đối với tất cả các loài chim, thú, cho đến các loài côn trùng động vật, nói chung hết thảy các loài có hình tướng nhìn thấy được, nhân khi nhìn thấy ta liền vì chúng mà niệm mấy câu *A-di-đà* Phật, phát nguyện lành rằng: ‘Nguyện cho các người đều được sanh về thế giới Cực Lạc.’ Hoặc là: ‘Sau khi ta đắc đạo sẽ hóa độ tất cả các người.’

“Cũng không chỉ là đối với các loài có hình tướng nhìn thấy được như vậy, mà ngay cả đối với các loài không thấy được hình tướng, ta cũng nên niệm Phật như vậy, phát nguyện lành như vậy.

“Cứ như vậy thì cái tâm niệm lành của ta sẽ rất thuần thực, đối với hết thảy chúng sanh đều là có nhân duyên, việc vãng sanh vào hàng Thượng phẩm thượng sanh ắt là chắc chắn, mà ngày sau hóa độ chúng sanh ai ai cũng sẽ vui lòng tin theo.”

Tông Bổn này⁽¹⁾ nói: “Nên biết rằng tâm niệm của ông Long Thư chính là ý nguyện của đức Phổ Hiền, tất cả đều phù hợp với lời vàng,⁽²⁾ đều có chỗ căn cứ. Xin lược dẫn một đoạn trong kinh *Phạm võng*: ‘Như người Phật tử thường khởi lòng đại bi... nếu thấy những loài bò ngựa, dê lợn, hết thảy súc sanh, nên khởi tâm niệm, miệng nói rằng: ‘Các người là súc sanh, hãy qui y Tam bảo, phát *Bồ-đề* tâm.’ Khi Bồ Tát đi vào hết thảy các nơi như núi rừng,

⁽¹⁾ Đây là lời ngài Tông Bổn đưa thêm vào khi soạn lại bài này.

⁽²⁾ Lời vàng (kim văn): chỉ những điều được ghi chép trong kinh điển.

sông suối, đồng ruộng, đều khiến cho hết thảy chúng sanh phát tâm Bồ-đề. Nếu Bồ Tát không phát tâm như vậy thì phạm vào *khinh giới*.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Nguyên bản Hán văn dùng “khinh cấu tội”, chỉ việc phạm vào một trong các khinh cấu giới hay khinh giới, tiếng Phạn là *duṣkṛta*, dịch âm là *độc-kiết-la*. Các khinh giới được thiết lập trong mỗi quan hệ so sánh với 10 trọng giới, vì thế mà gọi là khinh giới, có nghĩa là nhẹ hơn so với các trọng giới, chứ hoàn toàn không có nghĩa là đáng xem thường. Các kinh luận nói về

預辦淨土資糧

龍舒曰。譬如人入大城中，則先覓安下處，卻出幹事，抵暮昏黑，則有投宿之地。

先覓安下處者，修淨土之謂也。抵暮昏黑者，大限到來之謂也。有投宿之地者，生蓮華中不落惡趣之謂也。

又如春月遠行，先須備雨具，驟雨忽至，則無淋漓狼狽之患。

先備雨具者，修淨土之謂也。驟雨忽至者，大命將盡之謂也。無淋漓狼狽之患者，不至沈輪惡趣受諸苦惱之謂也。

且先覓安下處者，不害其幹事。先備雨具

“Này các vị! Nên y theo lời dạy của Phật Tổ, đừng trái với lời khuyên của ông Long Thư. Được như vậy thì tốt đẹp biết bao!”

khinh giới có phần khác biệt nhau, nhưng theo kinh Phạm Võng thì có 48 khinh giới thuộc Bồ Tát giới, và giới đang nói đây là giới thứ 45, có tên là *bất hóa chúng sanh giới* (不化眾生戒), cũng gọi là *bất hóa hữu tình giới* (不化有情戒).

Dự biện Tịnh độ tư lương

Long Thở viết: Thí nhõ nhân nhạp nãi thanh trung, tác tiễn mịch an hải xõu khõõu xuãi cam sõi ñẽamoãhoãn hãc, tác hõõu ñãu tũ chi ñõa.

Tiễn mịch an ñõa xõũgiaũ tu Tõnh ñõachi vò daõ Ñẽamoã hoãn hãc giaũ ñãi hãn ñão lai chi vi daõ Hõõu ñãu tũ chi ñõa giaũ sanh lieãn hoa trung bãi lãc aũ thuũchi vò daõ

Hõõu nhõ xuãn nguyẽ̃a viẽ̃n hãnh, tiễn tu bò vuõcũ saũ vuõhoã chí, tác voãlaãn ly lang baũ chi hoãn.

Tiễn bò vuõcũ giaũ tu Tõnh ñõachi vò daõ Saũ vuõhoã chí giaũ ñãi mãng tõõng tãn chi vò daõ Voãlaãn ly lang baũ chi hoãn giaũ bãi chí traãm luaãn aũ thuũthõi chõ khoãnaõ chi vò daõ

Thaũtiễn mịch an hải xõũgiaũ bãi hải kyõcam sõi Tiễn bò

者，不害其遠行。是修淨土者。是修淨土者皆不妨一切世務，人何爲而不修乎。

雖罪惡人皆可以修。何則。譬如鐵石雖重，賴舟船力可以渡江。一鍼雖輕，不賴舟船，江不可渡。

蓋謂人有重罪，仗佛力者可生淨土。罪惡雖輕，不仗佛力亦不得生。

又如蟻蟲，萬死萬生不能一里。若附人身，千里可至。仗佛力而生淨土者，亦復如是。

強健之時若不預辦。閉眼之後，將奈之何。必須火急修持，求生淨土。

世間晝必有夜，寒必有暑。人所共知不可隱者。若曰生必有死，人乃諱之不肯說出，何太蔽乎。

諸仁者。此時不修，可痛惜哉。可痛惜哉。

vuôcũgiai bả hai kyovieñ hanh. Thò tu Tònħ ñoãgiai giai bả
phông nhat thieấ theavũ nhàn haovi nhi bả tu hoấ

Tuy toấ àu nhàn, giai khaũdó tu. Hảstac? Thí nhò thieấ
thạch tuy trõng, laỉ chầu thuyền lờc khaũdó ñoãgiang. Nhat
chần tuy khinh, bả laỉ chầu thuyền giang bả khaũnoã

Caũ vò nhàn hõũ trõng toấ, trõõng Phả lờc giaiũkhaũsinh
Tònħ ñoã Toấ àu tuy khinh, bả trõõng Phả lờc dieấ bả ñac
sinh.

Hõũ nhò nghò trung, vẫ tũvẫ sinh bả naõng nhat lyũ
Nhõõc phũ nhàn thàn, thieấn lyũkhaũchỉ. Trõõng Phả lờc
nhi sinh Tònħ ñoãgiai dieấ phũ nhò thò.

Cõõng kieấn chi thõấ, nhõõc bả dõi bieấn. Beánhẫ chi
hẫũ, tõõng nẫ chi haấ Tá tu hoấ cap tu trỉ, caũ sinh Tònħ
ñoã

Theágian trũitấ hõũ dai ham tá hõũ thõũ Nhat sũcõng
tri bả khaũan giaiũ Nhõõc vieấ sinh tá hõũ tũ nhàn naõ
huy chi bả khang thuyề xuaấ, haõthũ teãhoấ

Chò nhàn giaiũ thõũthõũ bả tu, khaũthõng tích tai! Khai
thõng tích tai!

42. Chuẩn bị hành trang trên đường về Tịnh độ

Đồng Long Thư nói rằng: “Ví như người vừa đến một thành phố lớn, trước hết phải tìm một nơi trú ngụ, rồi sau mới đi lo công việc. Đến khi chiều tối mới có chỗ nghỉ ngơi.

“Trước hết phải tìm một nơi trú ngụ, đó là nói phải lo tu tập pháp môn Tịnh độ. Đến khi chiều tối, đó là nói khi cái hạn kỳ lớn nhất trong đời đã đến. Có chỗ nghỉ ngơi, đó là nói được hóa sanh từ hoa sen, không đọa vào các cảnh giới xấu ác.

“Lại ví như người đi xa vào mùa mưa,⁽¹⁾ trước hết phải chuẩn bị áo đi mưa. Khi trời thành linh đổ mưa mới không bị cái nạn ướt dầm khốn khổ.

“Trước hết phải chuẩn bị áo đi mưa, đó là nói phải lo tu tập pháp môn Tịnh độ. Khi trời thành linh đổ mưa, đó là nói khi mạng sống sắp dứt. Không bị cái nạn ướt dầm khốn khổ, đó là nói không phải chìm đắm vào các nẻo dữ mà nhận chịu khổ não.

“Vả lại, việc trước hết tìm nơi trú ngụ cũng không hại gì đến công việc phải làm; việc chuẩn bị áo đi mưa cũng không hại gì cho việc đi xa. Cũng vậy, việc tu tập pháp môn Tịnh độ không hại gì cho hết thảy mọi công việc trong đời sống. Vậy mọi người vì sao lại không tu?

⁽¹⁾ Dịch sát theo nguyên tác là mùa xuân, chỉ mùa có nhiều mưa. Chúng tôi theo ý mà dịch.

“Dù là người đã phạm tội ác cũng có thể tu. Vì sao vậy? Ví như sắt đá rất nặng, nhưng nhờ có ghe thuyền nên có thể chở qua sông. Như cây kim tuy là nhẹ, nhưng nếu không nhờ vào ghe thuyền cũng không thể đưa qua sông.⁽¹⁾

“Cho nên nói rằng, người dù có tội nặng nhưng nương nhờ sức Phật vẫn có thể sanh về Tịnh độ. Dù tạo tội nhẹ mà không nương nhờ sức Phật cũng không thể được vãng sanh.

“Lại như loài kiến, dù có trải qua muôn kiếp sống cũng không đi được đến một dặm, nhưng nếu bám trên thân người thì có thể đến được nơi xa ngàn dặm! Người nương nhờ sức Phật được vãng sanh Tịnh độ cũng giống như vậy.

“Trong lúc còn đang khỏe mạnh nếu không chuẩn bị, đến khi nhắm mắt biết làm thế nào? Cho nên phải gấp rút tu trì, cầu sanh Tịnh độ.

“Sự đời có ngày ắt phải có đêm, có lạnh ắt phải có nóng, ai ai cũng rõ biết không thể che giấu được. Cũng như nói có sống ắt phải có chết, nhưng người ta lại sợ chẳng dám nói ra! Sao lại che giấu quá đáng vậy?

“Này các vị! Nếu ngay bây giờ không lo tu thì đáng tiếc lắm thay! Thật đáng tiếc lắm thay!”

⁽¹⁾ Ví dụ này lấy ý từ kinh Tỳ-kheo Na-tiên, đoạn đối thoại thứ 6 trong phần 3 (Tu tập và giải thoát) của quyển hạ. Ngài Na-tiên so sánh hàng trăm hòn đá vẫn có thể nổi trên mặt nước nhờ xếp lên một chiếc thuyền, trong khi chỉ một hòn đá nhỏ vừa ném xuống nước đã phải chìm ngay.

臨終正念往生

知歸子問善導和尚曰。世事之大莫越生死。一息不來便屬後世。一念差錯便墮輪迴。小子累蒙開誨念佛往生之法，其理甚明。又恐病來死之時，心識散亂，仍慮他人惑動正念，忘失淨因。伏望重示歸徑之方，俾脫沈淪之苦。

善哉問也。凡一切人命終欲生淨土須是不得怕死。常念此身多苦不淨，惡業種種交纏。若得捨此穢形，超生淨土，受無量快樂，解脫生死苦趣。乃是稱意之事，如脫弊衣得換珍服。但當放下身心，莫生戀著。

凡遇有病之時，便念無常一心待死。叮囑家人及看病人，往來問後人，凡來我前為我念佛，不得說眼前閑雜之話。家中長短之事亦不須輒言安慰，祝願安樂，此皆虛花無益之語。

若病重將終之際，親屬不得垂淚哭泣，及發

Lâm chung chánh niệm vãng sanh

Tri Quy tồuvaán Thiệñ Nãõ hoa thồõng vieá: Theásõi chi ñãi, mãc vieá sanh tồu Nhaá tồu baá lai, tieñ thuoã haũ theá Nhaá nieã sai thoá tieñ ñoã luañ hoã. Tieñ tồuluỹ moãng khai hoã nieã Phaá vaõng sanh chi phaùp, kyõlyùthañ minh, hõu khuõng beãnh lai tồuchi thõõ, tañ thõõ tañ loañ, nhõng lõi tha nhañ hoã ñoãg chañh nieã, vong thaá tồnh nhañ, Phuế võng trung thò quy kính chi phõõng, tã thoã trañ luañ chi khoã

Sõ vieá: Thiệñ tai vañ daõ Phaõn nhaá thieá nhañ, mãng chung duế sanh Tồnh ñoã tu thò baá ñãc phaá tồu thõõng nieã thõõthañ ñã khoã baá tồnh, àu nghiẽp chuõng chuõng giao trieñ. Nhõõr ñãc xaũthõõueãhinh, sieũ sanh tồnh ñoã thõi voãlõõng khoã laũ, giaũ thoã sanh tồũkhoãthuũ naõ thò xõõng yũchi sõi nhõ thoã teã ñãc hoã trañ phuế. Nãõ ñõõng phõõng haũthañ tañ, mãc sanh luyẽn trõõu.

Phaõn ngoãhõũ beãnh chi thõõ, tieñ nieã voãthõõng nhaá tañ ñãõ tồu Ñĩnh chuũ gia nhañ, caùp khañ beãnh nhañ, vaõng lai vañ haũ nhañ, phaõn lai ngaõtieñ vò ngaõnieã Phaá, baá ñãc thuyế nhañ tieñ nhañ tap chi thoã. Gia trung trõõng ñõõm chi sõi dieã baá tu nhuyẽn ngoã an uyũ, chuũ nguyẽn an laũ, thõõgiai hõ hoa voãich chi ngõõ

Nhõõr beãnh trõõng tõõng chung chi teá thañ thuoã baá ñãc thuy leãkhoã khaùp, caùp phaù ta thañ àu naõ chi thanh,

嗟嘆懊惱之聲惑亂心神失其正念。但當同聲念佛助其往生，待氣盡了多時，方可哀泣。

纔有絲毫戀世間心，便成罣礙，不得解脫。若得明曉淨土之人，頻來策勵極為大幸。

若依此者，決定超生即無疑也。

又問曰。求醫服藥還可用否。

答。求醫服藥初不相妨。然藥者只能醫病不能醫命。命若盡時，藥豈奈何。若殺物命為藥，切不可也。

又問曰。求神祈福如何。

答曰。人命長短生時以定，何假鬼神延之耶。若迷惑信邪，殺害眾生祭祀鬼神，但增罪業，反損壽矣。大命若盡，小鬼奈何。空自悻惶，俱無所濟，切宜謹之。當以抄寫此文貼向目前令時時見之，免致臨危忘失。

又問曰。平生未曾念佛人，還用得否。

答曰。此法僧，俗，男，女，未念佛人，用之皆得往生，決無疑矣。

hoac̣e loañ tañ thàn thá kyøchành nieñ. Nãñ ñõông ñoàng thanh nieñ Phaï, trôikyøvañg sanh. Nãñ khi tañ lieñ ña thôñ, phõông khaiai kháp.

Taï höñ ty hañ luyéñ theágian tañ, tieñ thanh quañ ngai, baï ñac̣e giañ thoat. Nhõõc̣ ñac̣e minh hieñ Tònh ñoächì nhàn tañ lai sañh læcõc̣ vi ñaï hañh.

Nhõõc̣ y thõugiañ quyéñ ñõnh sieñ sanh tõt voànghi dañ

Hõñ vañ vieñ: Cañ y phuñ döõc̣ hoaṇ khañduñg phuñ

Ñap: Cañ y phuñ döõc̣ sô baï töông phõông. Nhieñ döõc̣ giañ chànañg y beñh baï nañg y mañg. Mañg nhõõc̣ tañ thõñ, döõc̣ khõñ naï hañ Nhõõc̣ sañ vañ mañg vi döõc̣, thieñ baï khañdañ

Hõñ vañ vieñ: Cañ thàn kyøphõõñ nhõ hañ

Ñap vieñ: Nhañ mañg trõõng ñoaṃ, sanh thõñ dó ñõnh, hañgiañquyñthàn dieñ chi da? Nhõõc̣ meñhoac̣ tín tañ sañ hai chuṃg sanh teátõñ quyñthàn, ñañ tañg toñ nghièp phaṃ toñ thõñ hyñ Nãñ mañg nhõõc̣ tañ, tieñ quyñnaï hañ Khoñg tõi chõõng hoang̣ cañ voàsõuteá thieñ nghi cañ chi. Nõõng dó sao tañthõñvañ thieñp hõõng muñ tieñ linh thõñ thõñ kieñ chi, mieñ trí lañ nguy vong thañ.

Hõñ vañ vieñ: Bình sanh vò tañg nieñ Phaï nhañ, hoaṇ ñung ñac̣e phuñ

Ñap vieñ: Thõñphap̣ tañg, tuñ, nam, nõñ vò nieñ Phaï nhañ, ñung chi giai ñac̣e vañg sanh, quyéñ voànghi hyñ

餘多見世人於平常念佛禮讚發願求生西方，及致病來卻又怕死，都不說著往生解脫之事。直待氣消命盡識投冥界，方始十念鳴鐘。恰如賊去關門，齊何事也。

死門事大，須是自家著力始得。若一念差錯，歷劫受苦，誰人相代。思之，思之。

若無事時，當以精進念佛，竭力受持是為臨終大事。可謂。

一條蕩蕩西方路，
徑直歸家莫問津。

43. Lâm chung chánh niệm được vãng sanh

Ông Tri Qui tử thư hỏi hoà thượng Thiện Đạo⁽¹⁾ rằng: “Việc lớn ở thế gian không gì hơn chuyện sống chết. Một

⁽¹⁾ Hòa thượng Thiện Đạo (613–681): cao tăng đời Đường, hoằng truyền giáo pháp Tịnh độ, được người đời tôn xưng là Tổ thứ hai của Bạch liên xã (Tịnh độ tông). Ngài họ Châu, người đất Lâm Chuy (nay là huyện Lâm Chuy ở Sơn Đông), nhưng cũng có tài liệu nói ngài là người Tứ châu. Năm Trinh Quán thứ 19, ngài đến Trường An hoằng truyền pháp môn niệm Phật. Ngoài việc giáo hóa đồ chúng theo pháp môn Tịnh độ, Ngài còn sao chép kinh A-di-đà đến mấy vạn quyển, lại vẽ tranh Tịnh độ biến tướng đến hơn 300 bức. Niên hiệu Vĩnh Long thứ hai (681), ngày 14 tháng 3, ngài có chút bệnh nhẹ, an nhiên viên tịch, thọ 69 tuổi. Đệ tử lớn của ngài là Hoài Uẩn cùng các môn đệ khác an táng di thể tại núi Chung Nam, Trường An, xây chùa lập tháp tại đây để kỷ niệm, nay chính là chùa Hương Tích, tháp Sùng Linh. Ảnh hưởng sự giáo hóa của ngài vẫn còn cho đến tận ngày nay. Ngày 14 tháng 5 năm 1980, Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc cùng với Tịnh độ tông Nhật Bản đã quy tụ rất đông tín đồ Phật giáo cả 2 nước, cử hành đại lễ kỷ niệm 1300 năm Đại sư Thiện Đạo viên tịch.

Dö ña kien theánhañ ö bình thöông niệñ Phaï leätam phat nguyệñ caù sanh Tay phöông, cap trí beñh lai khöù hõu phai töü ñoabaá thuyéä tröùu vaõng sanh, giaù thoat chi söi Tröc ñaõ khi tieäu maõng tañ thöü ñaù minh giöü, phöông thuyéä thap niệñ minh chung, khai nhö taë khöùquan moñ, teahaasöidaõ

Töumoñ söi ñaï, tu thö töigia tröùu löc thuyéä ñaë. Nhöõc nhaï niệñ sai thoá löch kiep thoi khoá thuyéä nhañ töõng ñaï? Tõ chi, tö chi!

Nhöõc voasöithöü, ñöõng dó tinh tañ niệñ Phaï, kieï löc thöitri, thö vi lañ chung ñaï söi Khaüvõ:

*Nhất điều dăng dăng Tây phương lộ,
Kính trực quy gia mạc vấn tân.*

hơi thở ra không trở vào đã chuyển sang đời khác; một niệm tưởng sai lầm liền đọa ngay trong chốn luân hồi. Con từng được Thầy chỉ dạy pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh, việc ấy đã sáng rõ. Chỉ sợ đến khi lâm bệnh, cái chết gần kề, tâm thức tán loạn, lại bị người khác làm cho rối loạn chánh niệm, mất đi cái nhân lành thanh tịnh. Vậy cúi xin Thầy chỉ dạy cho một lần nữa pháp môn nhanh chóng thẳng tắt này, để con thoát khỏi nỗi khổ trầm luân.”

Hòa thượng Thiện Đạo nói: “Thật khéo hỏi thay! Nói chung tất cả mọi người, khi lâm chung muốn vãng sanh về Tịnh độ thì không nên sợ chết. Nên quán tưởng rằng

thân xác này là nơi tụ họp, vấn vít lẫn nhau của nhiều nỗi khổ, của những thứ bất tịnh cùng đủ mọi nghiệp ác. Nếu được buông bỏ xác thân như nhớp này mà siêu sanh Tịnh độ, hưởng vô số những điều khoái lạc, giải thoát khỏi chốn sanh tử khổ não, đó mới điều thỏa lòng hợp ý, cũng như cởi bỏ cái áo xấu mà mặc vào y phục quý giá. Chỉ nên buông xả thân tâm, đừng sinh lòng luyến ái, vướng mắc.

“Mỗi khi có bệnh, nên quán niệm lẽ vô thường, sẵn sàng chờ đợi cái chết. Phải căn dặn kỹ những người nhà, người nuôi bệnh cũng như những kẻ tới lui thăm viếng, rằng mỗi khi gặp mặt chỉ nên vì mình niệm Phật, đừng nhắc đến những chuyện thế sự hỗn tạp, những việc tốt xấu trong nhà... cũng không nên dùng những lời mềm yếu mà an ủi, hay cầu chúc được yên vui. Đó đều là những lời sáo rỗng, chẳng có ích gì.

“Nếu gặp cơn bệnh nặng sắp qua đời, những người thân thuộc không được rơi lệ khóc than, cũng không được nói những lời ai oán, khóc kể buồn thảm, làm cho người sắp chết phải rối loạn tâm thần, để mất chánh niệm. Chỉ nên cùng nhau cất tiếng niệm Phật để giúp thêm cho việc vãng sanh. Đợi khi đã tắt hơi hồi lâu mới được than khóc.

“Nếu chỉ còn một mảy may tâm luyến ái thế gian cũng là chướng ngại, không được giải thoát. Nếu được những người hiểu rõ pháp môn Tịnh độ thường đến khích lệ thì đó là điều may mắn rất lớn.

“Nếu y theo như trên mà làm, chắc chắn sẽ vãng sanh, không còn nghi ngờ gì nữa.”

Lại hỏi rằng: “Có nên mời thầy đến dùng thuốc điều trị chẳng?”

Hòa thượng Thiện Đạo đáp: “Việc mời thầy đến dùng thuốc điều trị với việc cầu sanh Tịnh độ hoàn toàn không có gì trở ngại cho nhau. Nhưng dùng thuốc chỉ có thể trị được bệnh, không cứu được mạng. Nếu mạng đã dứt, thuốc có làm gì được? Còn như việc giết hại vật mạng để làm thuốc thì dứt khoát không nên làm.”

Lại hỏi: “Còn như việc cầu khẩn, cúng vái thần linh thì thế nào?”

Hòa thượng Thiện Đạo nói: “Mạng người dài ngắn đã định sẵn từ lúc sanh ra,⁽¹⁾ làm sao nhờ quỷ thần kéo dài thêm được? Nếu mê lầm tin theo tà my, giết hại chúng sanh cúng tế quỷ thần, chỉ tăng thêm tội nghiệp, sẽ tác dụng ngược lại làm giảm bớt tuổi thọ. Mạng lớn nếu đã dứt thì đám quỷ nhỏ có làm gì được? Bỗng không sinh lòng sợ sệt thật chẳng có ích gì, cho nên phải hết sức thận trọng. Nên chép lại văn này treo ở nơi dễ thấy để thường xem lại, tránh trường hợp đến lúc khẩn thiết lại quên mất.

Lại hỏi: “Như người cả đời chưa từng niệm Phật, có thể theo pháp này được chẳng?”

Hòa thượng Thiện Đạo đáp rằng: “Pháp tu này dù là người xuất gia hay tại gia, nam hay nữ, người chưa từng niệm Phật, nếu làm theo đều được vãng sanh, chắc chắn không phải nghi ngờ.

“Tôi từng thấy nhiều người lúc bình thường niệm Phật, lễ bái, phát nguyện cầu sanh Tây phương, nhưng khi mắc bệnh lại sợ chết, không còn nói gì đến việc giải thoát vãng sanh. Chờ đến lúc người chết thần khí tiêu tan,

⁽¹⁾ Ở đây nên hiểu là do định nghiệp.

mạng sống đã đứt, thân thức sa vào cảnh giới tối tăm, bấy giờ mới đánh chuông niệm mười tiếng Phật, khác nào như đợi kẻ cướp đi rồi mới đóng cửa, có ích gì đâu?

“Cửa chết là việc lớn, nên tự mình gắng sức mới được. Chỉ một niệm sai lầm phải chịu khổ trong nhiều kiếp, có ai chịu thay cho mình được? Hãy suy xét kỹ, suy xét kỹ!

臨終三疑

慈照宗主，淨土十門告誡云。念佛人，臨終三疑不生淨土。

一者，疑我生來作業極重，修行日淺，恐不得生。

二者，疑我欠人債負，或有心願未了，及貪瞋癡未息，恐不得生。

三者，疑我雖念彌陀，臨命終時，恐佛不來迎接。

有此三疑，因疑成障，失其正念，不得往生。

故念佛之人，切要諦信佛經明旨，勿生疑心。

“Trong khi còn được bình an vô sự, nên tinh tấn niệm Phật, hết sức thọ trì, đó là lo cho việc lớn lúc lâm chung.

“Đó gọi là:

*Một đường lòng lộng đến Tây phương,
Thẳng tắt về nhà không vấn vương.*

Lâm chung tam nghi

Tổ Chiếu Tông chuỳ Tônh ãoãthạp moãn cao giôũ vaãn:
Nieãm Phaĩ nhaãn, laãn chung tam nghi baĩ sanh Tônh ãoã

Nhaĩ giaũ nghi ngaõsanh lai taũ nghiẽp cõũ trõng, tu
haanh nhaĩ thieãn, khuẽng baĩ ãaẽ sanh.

Nhò giaũ nghi ngaõkhiẽm nhaãn traũ phũ hoãẽ hõũ taãn
nguyeãn vò lieũ, caũ tham saãn si vò tũũ, khuẽng baĩ ãaẽ
sanh.

Tam giaũ nghi ngaõtuy nieãm Di-đà, laãn maẽng chung
thõũ, khuẽng Phaĩ baĩ lai nghiẽnh tieũp.

Hõũ thõũtam nghi, nhaãn nghi thaanh chõõng, thaĩ kyũ
chaãn nieãm baĩ ãaẽ vaõng sanh.

Coãnien Phaĩ chi nhaãn, thieũ yeũ ãeãtĩn Phaĩ kinh minh
chạ vaĩ sanh nghi taãn.

十六觀經云。至心念南無阿彌陀佛一聲，滅八十億劫生死重罪。上至一心不亂。下至十念成功。接向九蓮，令辭五濁。

苟能心心不昧，念念無差，則疑情永斷，決定往生。

可謂。

十萬億程彈指到，
絲毫擬議隔千山。

44. Ba điều nghi lúc lâm chung

Trong sách *Tịnh độ thập môn cáo giới*,⁽¹⁾ ngài Từ Chiếu Tông chủ có dạy rằng: “Những người niệm Phật, nếu lúc lâm chung có ba điều nghi thì không vãng sanh Tịnh độ.

“Thứ nhất là nghi mình suốt đời tạo nhiều nghiệp nặng, việc tu hành chưa được bao lâu, có lẽ không được vãng sanh.

“Thứ hai là nghi mình còn thiếu nợ người, hoặc có điều tâm nguyện chưa làm xong, lòng tham lam, sân hận, si mê chưa dứt, có lẽ không được vãng sanh.

⁽¹⁾ Sách Lô sơn Liên tông bảo giám niệm Phật chánh hạnh gọi tên tác phẩm này là *Tịnh độ thập môn giáo giới*.

Thập lục quán kinh văn: Chí tâm niệm Nam mô A-di-đà Phật nhất thanh, diệt ba kiếp sinh tử trong cõi. Thông chí nhất tâm bất loạn, hai chí thập niệm thanh công, tiếp hồng cầu liên, linh tông vượt trở.

Câu này tâm tâm bất loạn, niệm niệm vô sai, tác nghi tình vãng sinh, quyết định vượt sanh.

Khai vè:

*Thập vạn ức trình đàn chỉ đạo,
Ty hào nghi nghị cách thiên san.*

“Ba là nghi mình tuy có niệm Phật A-di-đà, nhưng sợ vào lúc lâm chung Phật không đến tiếp dẫn.

“Do nơi ba mối nghi này mà thành chướng ngại, để mất chánh niệm, không được vãng sanh.”

Cho nên, người niệm Phật cần phải hết lòng tin tưởng vào những gì đã nói rõ trong kinh Phật, chớ sinh lòng nghi.

Trong kinh *Thập lục quán* có dạy: “Chí tâm niệm một tiếng Nam mô A-di-đà Phật có thể diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Trên từ hàng thượng căn nhất tâm bất loạn, dưới cho đến kẻ hạ căn niệm tròn

mười tiếng, thấy đều được sinh về chín phẩm hoa sen,⁽¹⁾ khiến cho lìa bỏ năm sự uế trước.”⁽²⁾

⁽¹⁾ Chín phẩm hoa sen: tức chín bậc vãng sanh, từ Hạ phẩm hạ sanh cho đến Thượng phẩm thượng sanh.

⁽²⁾ Năm sự uế trước (Ngũ trước): là năm tính chất bất tịnh vốn có ở thế giới Ta-bà này, bao gồm: Kiếp trước, Kiến trước, Phiền não trước, Chúng sanh trước và Mạng trước.

臨終四關

四關者，慈照宗主，淨土十門告誡云。凡夫雖有信心念佛，緣為宿業障重合墮地獄，乘佛力故於牀枕間將輕換重。若也因病苦故悔悟身心，當生淨土也。

無智之人不了此事，卻言我今念佛又有病苦，反謗彌陀。因此一念惡心徑入地獄。此是一關也。

二者，雖則持戒念佛，緣為口談淨土，意戀娑婆，不求出世善根，為愛家園長旺。以致臨終遭病，怕死貪生，信受童兒呼神喚鬼，燒錢化馬，殺戮眾生。緣此心邪無佛攝護。因此流浪，墮落三塗，是二關也。

“Nếu có thể giữ tâm thường sáng suốt, niệm thường không thay đổi, ắt lòng nghi phải dứt sạch, chắc chắn được vãng sanh.

“Có thể nói là:

*Vượt đường vạn dặm trong thoáng chốc,
Một chút lòng nghi, cách muôn trùng.*

Lâm chung tứ quan

Tòuquan giaũ Tôo Chieũ Toãng chuũ Tònh ãoãthaũ moãn caũ giõũ vaũ: Phãm phu tuy hõũ tín taãn niẽm Phaũ, dbyeãn vò tuũ nghiẽp chõõng trõng, hieũ ãõa ãõa nguũ, thõõ Phaũ lõũ coãõ sang chaũm gian tõõng khinh hoãm trõng. Nhõõũ daõnhaũ beũh khoãcoãhoã ngoãthaũ taãn, ãõõng sanh Tõnh ãõõdaõ

Voãtrĩ chi nhaũ baũ lieũ thõõsõĩ khõõũ ngoãn ngoãkim niẽm Phaũ hõũ hõũ beũh khoã phaũ baũng Di-đã. Nhaũ thõũ nhaũ niẽm àũ taãn kình nhaũ ãõõ ãõõ nguũ. Thõũthõ nhaũ quan daõ

Nhõ giaũ tuy taẽ trĩ giõũ niẽm Phaũ, dbyeãn vò khai ãõõ Tõnh ãõõ yũluyeãn Ta-bã, baũ caũ xuaũ theãthieãn caũ, vò àũ gia vieãn trõõng võõng. Dó trĩ laũ chung tao beũh, phaũtõũtham sanh, tín thõũ ãõõng nhi hoãthaũ hoãm quyũ thieũ tiẽn hoã maũ saũ lữũ chuũng sanh. Dbyeãn thõũtaãn tao voãPhaũ nghiẽp hoã Nhaũ thõũlõũ laũg, ãõõ laũ tam ãõõ thõ nhõ quan daõ

三者，或因服藥須用酒鯨，或被親情遞相逼勸。此人無決定信，喪失善根，臨終追赴王前，任王判斷，是第三關也。

四者，臨終之際，思惟活業，繫綴資財，愛戀眷屬，心放不下，失卻正念。故於家舍墮鬼趣中，以為禍崇，或為慳犬，或作蛇身，守護家庭，宛如在日，是為四關也。

是以楊提刑言。

愛不重不生娑婆，
念不一不生淨土。

誠哉是言。

凡修淨土者，要當酌實，蠲淨思，專想寂，念念彌陀，全身放下。但能堅此一念，便可碎彼四關，則淨土蓮臺的非遙矣。

可謂。

一句彌陀無別念，
不勞彈指到西方。

Tam giaû hoặ nhân phưc dōōt tu đưng tōu tinh, hoặ bō thaân tinh ñeätōng bōu khuyeân. Thōunhaân vōaquyeá ñhnh tín, taêng thaá thieân caân, laâm chung truy phoũvōng tiêân, nhaân vōông phàm ñoam, thò ñeätam quan đăo

Tōugiaû laâm chung chi teạ tō duy hoặ nghiệp, heächueá tō taá, aũ luyeân quyeân thuoá, taân phōng baá haĩ thaá khōōu chành ñieân, coáō gia xaũñoã quyũthuũtrung, dó vi hoặ sung, hoặ vi xan khuyeân, hoặ taũ xaothaân, thuũhoặgia ñhnh, uyeân nhō taĩ nhaĩ, thò vi tōuquan đăo

Thò dó Dōōng ÑeãHinh ngoân:

Ái bất trọng bất sanh Ta-bà,
Niệm bất nhất bất sanh Tịnh độ.

Thanh tai thò ngoân!

Pham tu Tōnh ñoặgiaũyeá ñhōng chōōu thaá, quyeân phuo tō, chuyeân tōōng tōch, ñieân ñieâm Di-đà, toam thaân phōng haĩ Ñaũ naêng kieân thōunhaá ñieân, tiêân khaũtoam bætōuquan, taé Tōnh ñoặlieân ñhnh ñích phi dieâu hyō

Khaũvò:

Nhất cú Di-đà vô biệt niệm.
Bất lao đàn chỉ đăo Tây phương.

45. Bốn cửa ải lúc lâm chung

Hề bốn cửa ải, trong sách *Tịnh độ thập môn giáo giới* ngài Từ Chiếu Tông chủ có dạy rằng:

“Kẻ phàm phu tuy có lòng tin niệm Phật nhưng do nghiệp chướng ngày trước còn nặng, lẽ ra phải đọa vào địa ngục, nhờ nương sức Phật nên chỉ phải chịu bệnh tật nằm liệt giường, đó là chuyển nặng thành nhẹ. Nếu nhân sự bệnh khổ đó mà sinh lòng hối lỗi, tỉnh ngộ thân tâm, ắt sẽ được vãng sanh Tịnh độ.

“Những kẻ ngu si không hiểu rõ việc ấy nên nói rằng: ‘Nay mình niệm Phật lại phải chịu bệnh khổ!’ Liên trở lại báng bỏ đức *A-di-đà*. Do nơi một niệm tưởng xấu ác đó phải đọa ngay vào địa ngục. Đó là cửa ải thứ nhất.

“Thứ hai là tuy có trì giới niệm Phật nhưng chỉ nói Tịnh độ ngoài miệng mà trong lòng thường tham luyến chốn *Ta-bà*, không có sự mong cầu căn lành xuất thế, vì tham muốn cảnh nhà to vườn rộng. Đến khi lâm chung có bệnh, tham sống sợ chết, tin theo những việc đồng bóng, cầu thần khấn quỷ, đốt giấy vàng bạc, giết hại chúng sanh. Do tâm tà my đó nên không có Phật đến tiếp dẫn, nhân đó phải trôi nổi, đọa vào ba đường ác.⁽¹⁾ Đó là cửa ải thứ nhì.

“Thứ ba là nhân khi có bệnh dùng thuốc phải có rượu, các món tanh, hoặc do người thân, anh em nhà nài ép, khuyên lơn, tự mình lại không có ý chí quyết định nên căn

lành phải tiêu mất. Đến khi lâm chung bị lôi đến trước Diêm vương, mặc tình phán xử. Đó là cửa ải thứ ba.

“Thứ tư là đến phút lâm chung lại nhớ tưởng đến công việc làm ăn sinh sống, bị trói buộc vào tiền bạc của cải, luyến ái quyến thuộc, tâm buông thả không dừng được nên mất cả chánh niệm. Vì vậy mà ở ngay nơi chốn nhà cửa của mình đọa vào cảnh giới của loài quỷ, loài thú, chuốc mối họa lớn, hoặc sinh làm con chó tiếc của, hoặc làm thân rắn, quanh quẩn gìn giữ cửa nhà, dường như ngày trước còn sống. Đó là cửa ải thứ tư.”

Cho nên, ông Dương Đề Hình có nói rằng:

*Không vì nặng luyến ái,
Chẳng sinh nơi Ta-bà.
Tâm niệm không chuyên nhất,
Chẳng sinh về Tịnh độ.*

Lời ấy thật đúng thay!

Người tu Tịnh độ cần phải chọn lấy điều chân thật, trừ bỏ những ý tưởng vu vơ không thật, một lòng vắng lặng, thường niệm đức Phật *A-di-đà*, toàn thân đều buông bỏ. Chỉ cần kiên trì giữ mãi một niệm như thế, liền phá tan được bốn cửa ải kia, ắt tòa sen nơi Tịnh độ cũng không còn xa nữa.

Có thể gọi là:

*Một niệm Di-đà không xen tạp,
Khả tay chẳng nhọc đến Tây phương.*

⁽¹⁾ Ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

山居百詠

山居古鏡久埋塵，
今日重磨氣象新。
痕垢淨除光始現，
分明面見本來人。

山居力學悟禪宗，
日用先須達苦空。
不識本來真面目，
拈花微笑喪家風。

山居幽隱白雲深，
學道先當要識心。
大則放之周法界，
卷之則退不容鍼。

山居學道只求心，
何必區區向外尋。

Sơn cư bách vịnh

1.

Sơn cư cổ kính cũu mai trần,
Kim nhật tùng ma khí tượng tân.
Ngấn cấu tịnh trừ quang thủy hiện,
Phân minh diện kiến bản lai nhân.

2.

Sơn cư lực học ngộ thiền tông,
Nhật dụng tiên tu đạt khổ không.
Bất thức bản lai chân diện mục,
Niêm hoa vi tiếu, táng gia phong.

3.

Sơn cư u ẩn bạch vân thâm,
Học đạo tiên đương yếu thức tâm.
Đại tắc phóng chi châu pháp giới,
Quyển chi tắc thối bất dung châm.

4.

Sơn cư học đạo chỉ cầu tâm,
Hà tất khu khu hướng ngoại tầm.

舉步便應登寶所，
莫將黃葉當真金。

山居返照看心田，
退步原來是上前。
密密工夫無間斷，
必然叅透祖師禪。

山居寂寂養良知，
唯在當人自保持。
情念易來為道念，
果然成佛已多時。

山居赤洒淨無埃，
終日如愚養聖胎。
本分生涯誰識得，
世人咸笑我癡猷。

山居茅瓦竹為椽，
守道安貧樂自然。

Cử bộ tiện ứng đăng bảo sở,
Mạc tương hoàng diệp đáng chân kim.

5.

Sơn cư phản chiếu khán tâm điền,
Thối bộ nguyên lai, thị thượng tiền.
Mật mật công phu vô gián đoạn,
Tất nhiên tham thấu Tổ sư thiền.

6.

Sơn cư tịch tịch dưỡng lương tri,
Duy tại đương nhân tự bảo trì.
Tình niệm dịch lai vi đạo niệm,
Quả nhiên thành Phật dĩ đa thì.

7.

Sơn cư xích sai tịnh vô ai,
Chung nhật như ngu, dưỡng thánh thai.
Bổn phận sanh nhai, thùi thức đắc?
Thế nhân hàm tiếu ngã si ngai.

8.

Sơn cư mao ngõa trúc vi chuyên,
Thủ đạo an bần lạc tự nhiên.

盡日閉關無別事，
長伸兩腳枕雲眠。

山居風景異人間，
雲鳥飛行自往還。
物我一如忘彼此，
柴門雖設未嘗關。

山居自古遠囂塵，
絕學無爲閑道人。
風月滿懷窮快活，
高歌一曲和陽春。

山居老衲百無能，
供佛常然一盞燈。
不假添油光燦爛，
十方世界悉圓明。

山居日日是良朝，
糲飯充腸水一瓢。

Tận nhật bế quan vô biệt sự,
Trường thân lưỡng cước, chẩm vân miên.

9.

Sơn cư phong cảnh dị nhân gian,
Vân điểu phi hành tự vãng hoàn.
Vật ngã nhất như vong bỉ thử,
Sài môn tuy thiết vị thường quan.

10.

Sơn cư tự cổ viễn hiêu trần,
Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân.
Phong nguyệt mãn hoài cùng khoái hoạt,
Cao ca nhất khúc hòa dương xuân.

11.

Sơn cư lão nạp bách vô năng,
Cúng Phật thường nhiên nhất trản đăng.
Bất giả thêm du, quang xán lạn,
Thập phương thế giới tất viên minh.

12.

Sơn cư nhật nhật thị lương triều,
Lê phạn sung trường, thủy nhất biên.

誰識老僧窮到底，
庭前栢樹當香燒。

山居枯淡果然窮，
掀倒禪牀懶下功。
聖解凡情俱不立，
一輪明月照虛空。

山居門掩竹林幽，
雲自非兮水自流。
守己安貧隨分過，
有人問我只低頭。

山居出入放頭低，
不理人間是與非。
收拾身心歸故里，
免教帶水又拖泥。

山居卜築隱巖阿，
免得隨流逐世波。

*Thùy thức lão tăng cùng đáo để,
Đình tiền bách thụ đáng hương thiêu.*

13.

*Sơn cư khô đạm quả nhiên cùng,
Hiên đảo thiền sàng lãn há công.
Thánh giải phàm tình câu bất lập,
Nhất luân minh nguyệt chiếu hư không!*

14.

*Sơn cư môn yểm trúc lâm u,
Vân tự phi hề thủy tự lưu.
Thủ kỷ an bần tùy phận quá,
Hữu nhân vấn ngã, chỉ đê đầu.*

15.

*Sơn cư xuất nhập phóng đầu đê,
Bất lý nhân gian thị dữ phi.
Thâu thập thân tâm quy cố lý,
Miễn giao đái thủy hựu đà nê!*

16.

*Sơn cư bích trúc ẩn nham a,
Miễn đắc tùy lưu trục thế ba.*

知足安貧常快樂，
木人齊唱太平歌。

山居景致樂天成，
堪嘆閻浮世不平。
逆順是非多利害，
莫如緘口過平生。

山居養拙度餘年，
榮辱分明在目前。
實乃世情朝暮改，
必然滄海變桑田。

山居縮首得便宜，
寂滅身心那個知。
不是偷安唯避禍，
名疆利鎖盡拋離。

山居無物作生涯，
淡飯黃齏逐日挨。

*Tri túc an bần, thường khoái lạc,
Mộc nhân tề xướng thái bình ca!*

17.

*Sơn cư cảnh trí lạc thiên thành,
Kham thán Diêm-phù thế bất bình!
Nghịch thuận, thị phi, đa lợi hại,
Mạc như giam khẩu quá bình sanh.*

18.

*Sơn cư dưỡng chuyết độ dư niên.
Vinh nhục phân minh tại mục tiền.
Thật nãi thế tình triều mộ cải,
Tất nhiên thương hải biến tang điền.*

19.

*Sơn cư súc thủ đắc tiện nghi,
Tịch diệt thân tâm ná cá tri?
Bất thị du an duy ty họa,
Danh cương lợi tỏa tận phao ly.*

20.

*Sơn cư vô vật tác sanh nhai,
Đạm phạn hoàng tễ trực nhật ai.*

富貴功名非我事，
得寬懷處且寬懷。

山居一味菜根香，
物外閑人歲月長。
逐日挨來牽補過，
明朝何必預思量。

山居觸處體安然，
亦可方兮亦可圓。
只有兩般除不得，
饑來契飯困來眠。

山居無事可評論，
日未斜時便掩門。
富貴輸他千萬倍，
清閑還我二三分。

山居茅屋兩三間，
樂道忘情不掩關。

*Phú quý công danh phi ngã sự,
Đắc khoan hoài xứ thả khoan hoài.*

21.

*Sơn cư nhất vị thái căn hương,
Vật ngoại nhàn nhân tuế nguyệt trường.
Trục nhật ai lai khiên bổ quá,
Minh triều hà tất dự tư lương?*

22.

*Sơn cư xúc xúc thể an nhiên,
Diệc khả phương hề, diệc khả viên.
Chỉ hữu lưỡng ban trừ bất đắc,
Cơ lai khiết phạn khốn lai miên.*

23.

*Sơn cư vô sự khả bình luận,
Nhật vị tà thời tiện yếm môn.
Phú quý thâm tha thiên vạn bội,
Thanh nhàn hoàn ngã nhị tam phân.*

24.

*Sơn cư mao ốc lưỡng tam gian.
Lạc đạo vong tình bất yếm quan.*

鵲噪鴉鳴談般若，
清風明月伴僧閑。

山居一佛一爐香，
靜裏乾坤日月長。
渴飲饑飡無別事，
寒來向火煖乘涼。

山居灑落任吟哦，
飯後茶來遣睡魔。
世上黃金何足貴，
一身安樂值錢多。

山居遁迹萬緣休，
失落鞭繩懶看牛。
散誕無拘由我樂，
諸人何不早回頭。

山居老衲念成灰，
倚杖閑觀松竹梅。

*Thước táo nha minh đàm Bát-nhã,
Thanh phong minh nguyệt bạn tăng nhàn.*

25.

*Sơn cư nhất Phật nhất lư hương,
Tĩnh lý càn khôn nhật nguyệt trường.
Khát ẩm, cơ xan vô biệt sự,
Hàn lai hưỡng hỏa noãn thừa lương.*

26.

*Sơn cư sái lạc nhiệm ngâm nga.
Phạn hậu trà lai khiển thụy ma.
Thế thượng hoàng kim hà túc quý?
Nhất thân an lạc trị tiền đa.*

27.

*Sơn cư độn tích vạn duyên hưu,
Thất lạc tiên thằng lại khán ngưu.
Tán dẫn vô câu do ngã lạc,
Chư nhân hà bất tảo hồi đầu?*

28.

*Sơn cư lão nạp niệm thành hôi.
Ỗ trượng nhàn quan tông trúc mai.*

佛祖尚然猶懶做，
客來只得強相陪。

山居處事出尋常，
莫使身心分外忙。
昔日趙州酬應懶，
王來猶不下禪牀。

山居深隱閉禪關，
喜得浮生日日閑。
坐聽松風談妙法，
大王嘉饌孰能飡。

山居歸隱樂先天，
默契真如教外傳。
大道本來無所染，
莫萌妄念汙心田。

山居默坐是真修，
學道無如歇念頭。

*Phật tổ thượng nhiên do lãn tố,
Khách lai chỉ đắc cường tương bồi.*

29.

*Sơn cư xử sự xuất tâm thường,
Mạc sử thân tâm phân ngoại mang.
Tích nhật Triệu Châu thù ứng lại,
Vương lai do bất há thiền sàng.*

30.

*Sơn cư thâm ẩn bế thiền quan,
Hy đắc phù sanh nhật nhật nhàn.
Tọa thính tùng phong đàm diệu pháp,
Đại vương gia soạn, thực năng xan?*

31.

*Sơn cư qui ẩn lạc tiên thiên,
Mặc khế chân như giáo ngoại truyền.
Đại đạo bản lai vô sở nhiễm.
Mạc manh vọng niệm ổ tâm điền.*

32.

*Sơn cư mặc tọa thị chân tu,
Học đạo vô như yết niệm đầu.*

衣裏明珠原不失，
何須辛苦外邊求。

山居晦迹養真心，
多少狂迷逐外尋。
始信古人言不託，
無絃琴上孰知音。

山居回首自沈吟，
丈鐵焉能博寸金。
海有枯時終見底，
世人至死不知心。

山居兀坐恰如癡，
心地分明了了知。
風作松濤來聒耳，
昂然不顧且歌詩。

山居遣興偶成詩，
人若耽詩亦是癡。

Y lý minh châu nguyên bất thất,
Hà tu tâm khổ ngoại biên cầu.

33.

Sơn cư hối tích dưỡng chân tâm,
Đa thiếu cuồng mê trục ngoại tầm.
Thủy tín cổ nhân ngôn bất thác,
Vô huyền cầm thương thực tri âm?

34.

Sơn cư hồi thủ tự trầm ngâm,
Trượng thiết yên năng bác thốn tâm?
Hải hữu khô thì, chung kiến để,
Thế nhân chí tử bất tri tâm.

35.

Sơn cư ngọt tọa khắp như si,
Tâm địa phân minh liễu liễu tri.
Phong tác tùng đào lai quát nhĩ,
Ngang nhiên bất cố thả ca thi.

36.

Sơn cư khiển hứng ngẫu thành thi,
Nhân nhược đam thi diệc thị si.

生死命根如未斷，
莫存知見把心欺。

山居峻險少人登，
竹榻跏趺一個僧。
媿我寂寥無伴侶，
自知方寸冷如冰。

山居冷淡佛家風，
實是身窮道不窮。
無價摩尼人罕識，
可憐對面不相逢。

山居寂寞正相宜，
好把良心養片時。
月照寒松明祖意，
箇中能有幾人知。

山居風物自天然，
大道昭昭在目前。

*Sanh tử mạng căn như vị đoạn,
Mạc tồn tri kiến bả tâm khi.*

37.

*Sơn cư tuấn hiểm thiếu nhân đăng,
Trúc tháp già phu nhất cá tăng.
Quý ngã tịch liêu vô bạn lữ,
Tự tri phương thốn lãnh như băng.*

38.

*Sơn cư lãnh đạm Phật gia phong,
Thật thị thân cùng đạo bất cùng.
Vô giá ma-ni nhân hãn thức,
Khả lân đối diện bất tương phùng!*

39.

*Sơn cư tịch mịch chánh tương nghi,
Hảo bả lương tâm dưỡng phiền thì.
Nguyệt chiếu hàn tùng minh tổ ý,
Cá trung năng hữu kỷ nhân tri?*

40.

*Sơn cư phong vật tự thiên nhiên,
Đại đạo chiêu chiêu tại mục tiền.*

不識祖宗深密旨，
徒勞念佛與參禪。

山居包納太虛空，
萬象森羅盡在中。
左右逢原皆佛事，
不消棒喝不施功。

山居默坐悟真空，
一法通來萬法通。
非但我今能達了，
恒沙諸佛體皆同。

山居隨分即修行，
無慮無憂過此生。
本有真空非悟得，
聖人亦是強安名。

山居常撫不絃琴，
一曲無生悅我心。

Bất thức tổ tông thâm mật chỉ,
Đồ lao niệm Phật dữ tham thiền!

41.

Sơn cư bao nạp thái hư không,
Vạn tượng sum la tận tại trung.
Tả hữu phùng nguyên giai Phật sự,
Bất tiêu bổng hát, bất thi công.

42.

Sơn cư mặc tọa ngộ chân không,
Nhất pháp thông lai vạn pháp thông.
Phi dã ngã kim năng đạt liễu,
Hằng sa chư Phật thể giai đồng.

43.

Sơn cư tùy phận tức tu hành,
Vô lự vô ưu quá thử sanh.
Bổn hữu chân không phi ngộ đắc,
Thánh nhân diệc thị cường an danh.

44.

Sơn cư thường phủ bất huyền cầm,
Nhất khúc vô sanh duyệt ngã tâm.

直下反聞，聞自性，
誰家屋裏沒觀音。

山居獨坐大雄峰，
面面軒窗處處通。
雲去雲來遮不住，
一乘高顯太虛空。

山居空寂臥禪僧，
晝夜常持般若經。
始識眾生原是佛，
從來熱水即寒冰。

山居遙窈自無塵，
不假修持見本真。
真佛何曾離左右，
今人便是舊時人。

山居如意任東西，
大道何曾有悟迷。

*Trực hạ phản văn, văn tự tánh,
Thùy gia ốc lý một Quán Âm?*

45.

*Sơn cư độc tọa đại hùng phong,
Diện diện hiên song xú xú thông.
Vân khứ vân lai già bất trụ,
Nhất thừa cao hiển thái hư không.*

46.

*Sơn cư không tịch ngộ thiền tăng.
Trú dạ thường trì Bát-nhã kinh.
Thủy thức chúng sanh nguyên thị Phật,
Tùng lai nhiệt thủy tức hàn băng.*

47.

*Sơn cư dao yểu tự vô trần.
Bất giả tu trì kiến bốn chân.
Chân Phật hà tăng ly tả hữu?
Kim nhân tiện thị cứu thời nhân.*

48.

*Sơn cư như ý nhiệm đông tây,
Đại đạo hà tăng hữu ngộ mê?*

好肉剜瘡難下手，
鉢盂添柄亦成非。

山居高臥守清虛，
飲啄隨緣樂有餘。
不用將心除妄念，
要知忘念即真如。

山居雖是小茅庵，
大道當陽直指南。
莫住化城忘寶所，
重加精進急須參。

山居高隱白雲中，
多少盲迷不見蹤。
向外尋真真轉遠，
刻舟求劍枉施功。

山居平地有深坑，
只貴當人具眼明。

Hảo nhục oan sang nan hạ thủ,
Bát vu thêm bính diệc thành phi.

49.

Sơn cư cao ngọa thủ thanh hư,
Ẩm trác tùy duyên lạc hữu dư.
Bất dụng tương tâm trừ vọng niệm,
Yếu tri vong niệm tức chân như.

50.

Sơn cư tuy thị tiểu mao am,
Đại đạo đương dương trực chỉ nam.
Mạc trụ hóa thành vong bảo sở,
Trùng gia tinh tấn cấp tu tham.

51.

Sơn cư cao ẩn bạch vân trung,
Đa thiếu manh mê bất kiến tung.
Hướng ngoại tầm chân chân chuyển viễn,
Khắc chu cầu kiếm uổng thi công.

52.

Sơn cư bình địa hữu thâm khanh,
Chỉ quý đương nhân cụ nhãn minh.

伏虎降龍皆末事，
法身不動悟無生。

山居獨出衆高峰，
四壁無依徹骨窮。
說與世人渾不信，
區區只得自消融。

山居寥落道人家，
一種平懷度歲華。
饑喫金牛無米飯，
渴來便飲趙州茶。

山居叅學志孤高，
爲道忘軀不顧勞。
坐到五更天欲曉，
青松滴露濕禪袍。

山居寄迹暫依棲，
生死何曾有定期。

Phục hổ hàng long giai mạt sự,
Pháp thân bất động ngộ vô sanh.

53.

Sơn cư độc xuất chúng cao phong,
Tứ bích vô y triệt cốt cùng.
Thuyết dữ thế nhân hèn bất tín,
Khu khu chỉ đắc tự tiêu dung.

54.

Sơn cư liêu lạc đạo nhân gia,
Nhất chủng bình hoài độ tuế hoa.
Cơ kiệt Kim Ngưu vô mễ phạn,
Khát lai tiện ẩm Triệu Châu trà.

55.

Sơn cư tham học chí cô cao,
Vị đạo vong khu bất cố lao.
Tọa đáo ngũ canh thiên dục hiểu,
Thanh tùng trích lộ thấp thiên bào.

56.

Sơn cư ký tích tạm y kê,
Sanh tử hà tăng hữu định kỳ?

分付當人高著眼，
急修打點出頭時。

山居結草在重巖，
喜得翻身出鬧籃。
知足便為安樂國，
莫教過分太無慚。

山居苦行一頭陀，
廢寢忘食自琢磨。
了得唯心真淨土，
方知極樂在娑婆。

山居勝境異尋常，
普示諸人不覆藏。
水鳥樹林宣妙法，
高山平地總西方。

山居趺坐一蒲團，
日用工夫在反觀。

*Phân phó đương nhân cao trước nhãn,
Cấp tu đả điểm xuất đầu thì.*

57.

*Sơn cư kết thảo tại trùng nham,
Hy đắc phiên thân xuất náo lam.
Tri túc tiện vi An Lạc quốc,
Mạc giáo quá phận thái vô tàm.*

58.

*Sơn cư khổ hạnh nhất đầu đà,
Phế tẩm vong xan tự trắc ma.
Liễu đắc duy tâm chân Tịnh độ,
Phương tri Cực Lạc tại Ta-bà.*

59.

*Sơn cư thắng cảnh dị tầm thường,
Phổ thị chư nhân bất phú tàng.
Thủy diểu thọ lâm tuyên diệu pháp,
Cao sơn bình địa tổng Tây phương.*

60.

*Sơn cư phu tọa nhất bồ đoàn,
Nhật dụng công phu tại phản quan.*

本命元辰知落處，
舌頭不被別人謾。

山居客到問工夫，
寂照雙忘一字無。
莫恠老僧無法說，
從來懶得起規模。

山居唯置一禪牀，
定裏心忘法亦忘。
臨濟德山施棒喝，
老僧不動見空王。

山居自在可藏身，
天下知心有幾人。
除卻我家親的子，
世間宜假不宜真。

山居塵垢不相侵，
自在逍遙樂道心。

Bổn mạng nguyên thần tri lạc xứ,
Thiệt đầu bất bị biệt nhân man.

61.

Sơn cư khách đáo vấn công phu,
Tịch chiếu song vong nhất tự vô,
Mạc quái lão tăng vô pháp thuyết,
Tùng lai lại đắc khởi qui mô.

62.

Sơn cư duy trí nhất thiền sàng
Định lý tâm vong pháp diệt vong.
Lâm Tế, Đức Sơn thi bổng hát,
Lão tăng bất động kiến Không vương.

63.

Sơn cư tự tại khả tàng thân,
Thiên hạ tri tâm hữu kỷ nhân?
Trừ khước ngã gia thân đích tử,
Thế gian nghi giả bất nghi chân.

64.

Sơn cư trần cấu bất tương xâm,
Tự tại tiêu điều lạc đạo tâm.

此事人人皆可學，
本來非古亦非今。

山居窮理自歡娛，
不被虛名幻相拘。
三教本來同一體，
非僧非道亦非儒。

山居靜地暗嗟吁，
紅紫紛紛反亂朱。
要識先天皆此理，
谷神太極卽真如。

山居閑處樂清幽，
散慮逍遙得自由。
沈默寂寥情念盡，
晝眠夜寐萬緣休。

山居空寂學無爲，
過去因緣莫要追。

*Thử sự nhân nhân giai khả học,
Bổn lai phi cổ diệc phi kim.*

65.

*Sơn cư cùng lý tự hoan ngâu,
Bất bị hư danh ảo tướng câu.
Tam giáo bổn lai đồng nhất thể,
Phi tăng phi đạo diệc phi nho!*

66.

*Sơn cư tĩnh địa ám ta hu,
Hồng tử phân phân phản loạn châu.
Yếu thức tiên thiên giai thử lý,
Cốc thần, thái cực tức chân như.*

67.

*Sơn cư nhàn xứ nhạo thanh u,
Tán lự tiêu diêu đắc tự do.
Trầm mặc tịch liêu tình niệm tận,
Trú miên dạ my vạn duyên hưu.*

68.

*Sơn cư không tịch học vô vi,
Quá khứ nhân duyên mạc yếu truy.*

現在尚應無所住，
未來豈可預前思。

山居默坐養希夷，
額下藏珠要寶持。
開口向人言不得，
點頭唯許自家知。

山居獨樂自家知，
左右逢原任所之。
心地若能無罣礙，
何妨說偈與吟詩。

山居孤迥在高崖，
嘯月吟風稱我懷。
堪嘆世人全不省，
一輪真性永沈埋。

山居無事不開門，
獨坐窮心泯見聞。

*Hiện tại thượng ứng vô sở trụ,
Vị lai khởi khả dự tiền tư?*

69.

*Sơn cư mặc tọa dưỡng hy di,
Ngạch hạ tàng châu yếu bảo trì.
Khai khẩu hướng nhân ngôn bất đắc,
Điểm đầu duy hứa tự gia tri.*

70.

*Sơn cư độc lạc tự gia tri,
Tả hữu phùng nguyên nhậm sở chi.
Tâm địa nhược năng vô quá ngại,
Hà phương thuyết kệ dữ ngâm thi?*

71.

*Sơn cư cô huyễn tại cao nhai,
Khiếu nguyệt ngâm phong xứng ngã hoài.
Kham thán thế nhân toàn bất tỉnh,
Nhất luân chân tánh vĩnh trầm mai.*

72.

*Sơn cư vô sự bất khai môn,
Độc tọa cùng tâm mẫn kiến văn.*

紙帳梅花松月照，
人閒別是一乾坤。

山居深遠路迢迢，
大道無形本寂寥。
日裏清風頻掃地，
夜來明月掛松梢。

山居獨立勢巉岵，
明月清風一擔擔。
問我西來何此意，
前三三與後三三。

山居常把正門開，
大道當機任客來。
若得老僧親勘過，
人人可作棟梁材。

山居欲入覓天真，
先讀開蒙上大人。

Chỉ trường mai hoa tòng nguyệt chiếu,
Nhân gian biệt thị nhất càn khôn.

73.

Sơn cư thâm viễn lộ điều điều,
Đại đạo vô hình bản tịch liêu.
Nhật lý thanh phong tần tảo địa,
Dạ lai minh nguyệt quả tùng sao.

74.

Sơn cư độc lập thế sàm nham,
Minh nguyệt thanh phong nhất đảm đảm.
Vấn ngã Tây lai hà tổ ý?
Tiền tam tam dữ hậu tam tam.

75.

Sơn cư thường bả chánh môn khai,
Đại đạo đương cơ nhậm khách lai.
Nhuộc đắc lão tăng thân khám quá,
Nhân nhân khả tác đống lương tài.

76.

Sơn cư dục nhập mịch thiên chân,
Tiên độc khai môn thượng đại nhân.

讀到牢關知禮處，
十方世界現全身。

山居深隱白雲隈，
風入松林震法雷。
驚動世間昏睡漢，
速開兩眼莫徘徊。

山居高照日先來，
直下承當眼便開。
明了一乘圓教旨，
何勞又去訪天台。

山居四畔起烟霞，
石鼎焚香誦法華。
三界無安如火宅，
老僧長駕白牛車。

山居夜半子規啼，
瀑布巖前瀉碧溪。

Độc đáo lao quan tri lễ xứ,
Thập phương thế giới hiện toàn thân.

77.

Sơn cư thâm ẩn bạch vân ôi,
Phong nhập tùng lâm chấn pháp lôi.
Kinh động thế gian hôn thụy hán,
Tốc khai lưỡng nhãn mạc bồi hồi.

78.

Sơn cư cao chiếu nhật tiên lai,
Trực hạ thừa đương nhãn tiện khai.
Minh liễu nhất thừa viên giáo chỉ,
Hà lao hựu khứ phỏng Thiên thai.

79.

Sơn cư tứ bạng khởi yên hà,
Thạch đỉnh phần hương tụng Pháp hoa.
Tam giới vô an như hỏa trạch,
Lão tăng trường giá bạch ngưu xa.

80.

Sơn cư dạ bán tử qui đề,
Bộc bố nham tiền tả bích Khê.

未到盡驚山險峻，
曾來方識路高低。

山居休把自心瞞，
始識登高眼界寬。
放去大千遮不住，
收來祇在一毫端。

山居知識異常倫，
明鏡當臺辨驗人。
妍醜難瞞都照出，
本來明鏡絕疎親。

山居峭壁凜然寒，
寶劍當軒孰敢看。
外道邪魔俱腦裂，
老僧禪定正輕安。

山居別是一家風，
不與人閒趣味同。

Vị đạo tận kinh sơn hiểm tuấn,
Tằng lai phương thức lộ cao đê.

81.

Sơn cư hưu bả tự tâm man,
Thủy thức đặng cao nhãn giới khoan.
Phóng khứ đại thiên già bất trụ,
Thâu lai chi tại nhất hào đoan.

82.

Sơn cư tri thức dị thường luân,
Minh kính đương đài biện nghiệm nhân.
Nghiên xú nan man đô chiếu xuất,
Bổn lai minh kính tuyệt sơ thân.

83.

Sơn cư tiểu bích lẫm nhiên hàn,
Bảo kiếm đương hiên thực cảm khan?
Ngoại đạo tà ma câu não liệt,
Lão tăng thiền định chánh khinh an.

84.

Sơn cư biệt thị nhất gia phong,
Bất dữ nhân gian thú vị đồng.

木馬奔嘶天外去，
杳無音信絕行蹤。

山居路險信難通，
瞎漢焉能達此宗。
只許作家施手段，
相逢盡在不言中。

山居客到問禪宗，
始覺從前錯用功。
開口以知來歷處，
可憐不識悟真心。

山居悟得一真空，
那問南宗與北宗。
如意寶珠持在手，
光明何處不圓通。

山居學道未為艱，
唯有安心守道難。

*Mộc mã bồn tê thiên ngoại khứ,
Đạp vô âm tín tuyệt hành tung.*

85.

*Sơn cư lộ hiểm tín nan thông,
Hạt hán yên năng đạt thủ tông?
Chỉ hứa tác gia thi thủ đoạn,
Tương phùng tận tại bất ngôn trung.*

86.

*Sơn cư khách đáo vấn thiền tông,
Thủy giác từng tiền thác dụng công.
Khai khẩu dĩ tri lai lịch xứ,
Khả lân bất thức ngộ chân không.*

87.

*Sơn cư ngộ đắc nhất chân không,
Ná vấn Nam tông dữ Bắc tông?
Như ý bảo châu trì tại thủ,
Quang minh hà xứ bất viên thông?*

88.

*Sơn cư học đạo vị vi gian,
Duy hữu an tâm thủ đạo nan.*

百尺竿頭重進步，
一槌打碎祖師關。

山居回首歎歸歟，
識破元來總是虛。
莫去沿門窮乞食，
自家衣裏有明珠。

山居清苦不奢華，
客到蒿湯便當茶。
具眼舌頭知味好，
通身灑落早歸家。

山居常隱白雲間，
道在其中意自閑。
公案現成人不識，
外循枝葉強追攀。

山居黃葉逐風飄，
手握空拳亦不消。

*Bách xích can đầu trùng tấn bộ,
Nhất chùy đả toái Tổ sư quan.*

89.

*Sơn cư hồi thủ thán quy dư,
Thức phá nguyên lai tổng thị hư.
Mạc khứ duyên môn cùng khát thực,
Tự gia y lý hữu minh châu.*

90.

*Sơn cư thanh khổ bất xa hoa,
Khách đáo hao thang tiện đáng trà.
Cụ nhãn thiệt đầu tri vị hảo,
Thông thân sái lạc tảo quy gia.*

91.

*Sơn cư thường ẩn bạch vân gian,
Đạo tại kỳ trung ý tự nhiên.
Công án hiện thành nhân bất thức,
Ngoại tuần chi diệp cưỡng truy phan!*

92.

*Sơn cư hoàng diệp trục phong phiêu,
Thủ ác không quyền diệp bất tiêu.*

佛祖只傳家裏事，
逢人懶得口嘮叨。

山居葉落悉歸根，
獨露真常顯法身。
此事不明多費力，
百城烟水渺無垠。

山居道者有何能，
法法全彰最上乘。
瞬目揚眉皆祖意，
拈椎豎拂亦真情。

山居覆屋只苦茅，
冷淡清虛絕世交。
一片白雲橫谷口，
幾多歸鳥盡迷巢。

山居渾不厭居山，
就樹誅茅縛半間。

*Phật tổ chỉ truyền gia lý sự,
Phùng nhân lãn đắc khẩu lao thao.*

93.

*Sơn cư diệp lạc tất qui căn,
Độc lộ chân thường hiển pháp thân.
Thử sự bất minh đa phí lực,
Bá thành yên thủy miểu vô ngân.*

94.

*Sơn cư đạo giả hữu hà năng?
Pháp pháp toàn chương tối thượng tăng.
Thuấn mục dương my giai Tổ ý,
Niêm chùy thụ phát diệc chân tình.*

95.

*Sơn cư phủ ốc chỉ thêm mao,
Lãnh đạm thanh hư tuyệt thế giao.
Nhất phiến bạch vân hoành cốc khẩu,
Kỷ đa qui điểu tận mê sào!*

96.

*Sơn cư hôn bất yếm cư sơn,
Tựu thụ tru mao phược bán gian.*

一個老僧猶是窄，
豈容俗客到禪關。

山居見道已忘山，
萬法由來本自閑。
南北東西渾不辨，
此身常寂太虛閒。

山居滿目是青山，
峻壘崎嶇行路難。
行到水窮山盡處，
自然得寶不空還。

山居亦在苦娑婆，
百歲光陰一刹那。
盡此報身生極樂，
前頭險路已無多。

山居獨處樂天真，
明月清風轉法輪。

*Nhất cá lão tăng du thị trách,
Khởi dung tục khách đáo thiền quan?*

97.

*Sơn cư kiến đạo dĩ vong sơn,
Vạn pháp do lai bản tự nhiên.
Nam bắc đông tây hỗn bất biện,
Thử thân thường tịch thái hư gian.*

98.

*Sơn cư mãn mục thị thanh sơn,
Tuấn điệp kỳ khu hành lộ nan.
Hành đáo thủy cùng sơn tận xứ,
Tự nhiên đắc bảo bất không hoàn.*

99.

*Sơn cư diệc tại khổ Ta-bà,
Bá tuế quang âm nhất sát-na.
Tận thử báo thân sanh Cực Lạc,
Tiền đầu hiểm lộ dĩ vô đa.*

100.

*Sơn cư độc xử lạc thiên chân,
Minh nguyệt thanh phong chuyển pháp luân.*

一大藏經都說盡，
不知誰是箇中人。

宗本隱居偈

山居靜裏悟真空，
普勸人間淨土功。
一顆髻珠親受得，
雲林隱者遠相從。

PHỤ LỤC

Trăm bài thơ vịnh đời sống nơi núi sâu

Ngài Tông Bản trong khi ẩn cư nơi núi sâu có ngẫu hứng trước tác 100 bài thơ vịnh đời sống ẩn cư tu tập, mỗi bài đều bắt đầu bằng hai chữ *Sơn cư*, nên gọi là *Sơn cư bách vịnh*, được đưa vào làm phụ lục của quyển hạ. Nguyên tác còn có phần lời tụng theo sau các bài thơ,⁽¹⁾ nhưng chúng tôi cho rằng tự thân các bài thơ đã hàm chứa ý muốn diễn đạt của tác giả, nên đã lược đưa các bài tụng vào chung với các chú giải. Hy vọng như vậy sẽ giúp cho việc tiếp nhận ý thơ khách quan hơn, tránh được ảnh hưởng của các lời tụng.

⁽¹⁾ Phần lời tụng này không phải do ngài Tông Bản trước tác, mà được thêm vào sau này.

Nhất đại tạng kinh đô thuyết tận,
Bất tri thù thị cá trung nhân!

Tông Bản ẩn cư kệ

Sơn cư tĩnh lý ngộ chân không,
Phổ khuyến nhân gian Tịnh độ công.
Nhất khóa kế châu thân thọ đắc,
Vân lâm ẩn giả viễn tương tùng.

1.

Núi cao, gương cũ lấm bụi trần,
Nay thường lau rửa, sắc trong ngần.
Bụi trần đã sạch, vầng sáng hiện,
Mặt mũi xưa nay thấy rõ dần.⁽¹⁾

2.

Núi cao, gắng học rõ thiền tông,
Ngày ngày suốt thấu lẽ khổ, không.

⁽¹⁾ Chỗ sáng suốt tỏ ngộ của người tu tập trong núi sâu không phải từ ngoài có được hay ngày nay mới có, chính thật là sự sáng suốt vốn có từ xưa nay, chỉ vì bụi trần che lấp mà không hiển bày, nay nhờ sự tu tập “lau rửa” thường xuyên mà mặt gương trở lại sáng rõ như xưa.

Mặt thật xưa nay nếu không biết,
Nhìn hoa cười mỉm, đạo chẳng đồng.⁽¹⁾

3.

Núi cao, mây trắng mấy tầng sâu,
Rõ biết chân tâm ấy đạo mầu.
Mở ra phủ trọn toàn cõi pháp,
Thâu về kim nhỏ chẳng lọt đầu.⁽²⁾

4.

Núi cao, học đạo chỉ cầu tâm,
Ngoài tâm đừng nhọc sức truy tìm.
Cất bước thẳng lên tòa Chánh giác,
Vàng ròng, lá úa chớ so nhâm!⁽³⁾

5.

Núi cao, quay lại xét tự tâm,
Một bước lui về, đường trước thông.
Công phu miên mật đừng gián đoạn,
Thiền ý Tổ sư ắt rõ thông.⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Lê cốt yếu của người tu tập là thấu suốt lẽ khổ, không; nhận biết được chân tâm thanh tịnh thường tồn. Nếu không được như vậy, dù có bày ra cái tướng “nhìn hoa mỉm cười” như ngài Ca-diếp thuở xưa cũng chẳng có ý nghĩa gì.

⁽²⁾ Rõ biết chân tâm là yêu cầu trước tiên của người học đạo. Chân tâm ấy chẳng những thường thanh tịnh sáng suốt (thể) mà còn có công năng biến thông khắp pháp giới, cho đến sâu kín nhỏ nhiệm không gì bằng (dụng).

⁽³⁾ Nhận biết chân tâm là yếu chỉ của người học đạo, nên đừng chạy theo những tri kiến bên ngoài mà mong rõ biết được tâm. Người tu phải một đường thẳng tới sự giác ngộ chân thật là quả vị Phật, đừng nhầm lẫn với những quả vị phương tiện của hàng nhị thừa, vốn cũng giống như chiếc lá vàng được người ta dùng khi dỗ trẻ con mà bảo đó là vàng.

⁽⁴⁾ Trong việc tu tập thì hồi quang phản chiếu là điều hết sức quan trọng. Tuy nói lui về quán sát tự tâm mà thật ra chính là vượt lên phía trước trên con đường tu tập. Nếu có thể công phu miên mật không gián đoạn như vậy thì chắc chắn sẽ rõ thông được yếu chỉ của chư Tổ.

6.

Núi cao, vắng lặng dưỡng tánh trời,
Chỉ nên gìn giữ chẳng buông lời.
Khéo chuyển niệm tình thành niệm đạo,
Lẽ ra thành Phật đã bao đời.⁽¹⁾

7.

Núi cao, phủi sạch hết bụi trần,
Ngày tháng ngu ngơ, dưỡng tánh chân.
Ai biết đó thật là nghiệp sống,
Kẻ thế cười chê bảo ngu đần.⁽²⁾

8.

Núi cao, am nhỏ lợp cỏ tranh,
Giữ đạo, an nhiên vui tự thành.
Suốt ngày cửa đóng, không việc khác,
Gối mây nằm ngủ, đuổi thẳng chân.⁽³⁾

9.

Núi cao, phong cảnh khác cõi trần,
Mây bay, chim hót, tự xoay vần.

⁽¹⁾ Việc tu tập là nuôi dưỡng tánh chân thật sáng suốt, không phút buông thả theo trần cảnh, nhờ đó mà mỗi niệm chạy theo phàm tình đều được chuyển thành niệm tưởng đạo pháp. Nếu quả thuần thực như thế thì đã thành Phật từ lâu rồi!

⁽²⁾ Người tu tập nhận biết được chân tánh sáng suốt cũng giống như người cầm nằm mộng, tuy rõ biết mà không thể nói cho ai biết, nên mọi người đều cho là ngu đần.

⁽³⁾ Cuộc sống thanh bần tuy không có những tiện nghi thế tục nhưng lòng giữ theo chánh đạo nên tự nhiên vui vẻ, thoải mái. Cửa sáu căn đã đóng, trần cảnh không lối vào, nên mặc tình nghỉ ngơi thanh thân mà lòng vẫn không thiếu sự tinh tấn tu tập.

Ta, người một lẽ, quên phân biệt,
Cửa sài⁽¹⁾ tuy có, thường mở toang.⁽²⁾

10.

Núi cao, huyền não vắng từ lâu,
Tặng nhàn, dứt học, làm chi đâu?
Một bụng gió trăng, vui thỏa thích,
Hòa ánh xuân nồng, hát mấy câu.⁽³⁾

11.

Núi cao, lão nạp chẳng tài tình,
Cúng Phật ngọn đèn, thấp lung linh.
Không đợi thêm dầu, đèn vẫn sáng,
Mười phương thế giới thấy quang minh.⁽⁴⁾

12.

Núi cao, mỗi ngày đều ngày tốt,
Cơm lúc bụng no, nước một vốc.
Ai biết lão tăng nghèo đói,
Cây bách trước sân làm hương đốt.⁽⁵⁾

⁽¹⁾ Cửa sài, nghĩa là cửa đan kết bằng cỏ, nhưng thường dùng để chỉ cánh cửa gỗ đơn sơ của nhà nghèo. Truyện Kiều câu 529-530: “Cửa sài vừa ngõ then hoa, gia đồng vào gửi thư nhà mới sang.”

⁽²⁾ Trần cảnh qua lại tùy duyên bên ngoài không mấy may ảnh hưởng đến người tu, vì chẳng còn phân biệt giữa ta với người hay ta với cảnh. Cuộc sống trở nên an nhiên tự tại, cũng chẳng có chi để phòng bị, giữ gìn, nên cửa thường để ngõ chẳng cài then.

⁽³⁾ Người tu tập trong núi sâu xa trần cảnh, dứt cái học tri kiến, không còn việc chi phải làm nên ra về an nhàn tự tại, sống hòa điệu với thiên nhiên, tự lấy làm vui thích.

⁽⁴⁾ Thắp lên một ngọn đèn nhỏ noi cúng Phật, dù chẳng có tài cán gì nhưng do nơi tâm thức đã sạch mọi trần cấu nên ngọn đèn không cần dầu vẫn tự chiếu sáng, lại chiếu ánh sáng ra khắp cả mười phương thế giới.

⁽⁵⁾ Cuộc sống giữa núi sâu tuy không có gì khác hơn cơm lúc nước trong, nhưng ngày nào cũng là ngày tốt, dù không có hương đốt cúng Phật thì đã sẵn có cây bách trước sân thay vào.

13.

Núi cao, nghèo kiệt sống khô khan,
Giường thiền nghiêng ngả lười sửa sang,
Thánh phàm hai cõi đều quên sạch,
Một vầng trăng sáng giữa rỗng rang.⁽¹⁾

14.

Núi cao, cửa khép, rừng tre tối,⁽²⁾
Mặc tình nước chảy với mây trôi.
Vui sống phận nghèo, thường an ổn,
Có ai đến hỏi, cúi đầu thôi.⁽³⁾

15.

Núi cao, lưng thẳng bước ra vào,
Việc đời phải quấy, khoát tay chào.
Thân tâm một mối về quê cũ,
Chẳng ai sai khiến chuyện tầm phào.⁽⁴⁾

16.

Núi cao, hang đá ẩn bên trời,
Khởi cuốn trôi theo ngọn sóng đời.

⁽¹⁾ Trong tâm thức không còn dựng lập những cõi phàm, cõi thánh phân biệt nhau, chỉ có một vầng trăng tuệ giác soi chiếu giữa hư không rỗng rang, nên những việc tầm thường của thế tục không còn làm mình quan tâm đến.

⁽²⁾ Câu này lấy ý từ một câu thơ của Hối Am: “Môn yếm trúc lâm u.”

⁽³⁾ Cuộc sống dù nhìn dưới mắt thế nhân là nghèo túng chẳng có chi, nhưng người tu tập luôn vui thích và an ổn. Nước chảy mây trôi đều thuận theo thời tiết nhân duyên tan hợp, vậy khi có người hỏi đạo còn biết nói thêm điều gì nữa? Nên chỉ cúi đầu thôi!

⁽⁴⁾ Những việc thị phi của nhân gian đều không còn vướng bận nên chẳng có gì trói buộc, chẳng có gì khiến mình phải khom lưng uốn gối, chỉ đem hết cả thân tâm hướng về cội nguồn quê cũ để đạt đến sự giải thoát chân thật rất ráo.

*Biết đủ, thường vui, nghèo an ổn,
Người gỗ cùng ta hát nên lời.⁽¹⁾*

17.

*Núi cao, vui đẹp tự cảnh trời,
Thương thay cõi thế rối bời bời.
Phải, quấy, ngược, xuôi... nhiều lợi hại,
Sao bằng ngậm miệng sống hết đời.⁽²⁾*

18.

*Núi cao, tài vụng sống qua ngày,
Vinh, nhục bày ra trước mắt đây.
Việc đời sớm tối đà xoay chuyển,
Lạ chi biến hóa ruộng dâu đây.⁽³⁾*

19.

*Núi cao, sống ẩn thanh thản thay,
Thân tâm vắng lặng, mấy ai hay?
Chẳng phải cầu an, chỉ tránh họa,
Lợi danh trói buộc dứt từ nay.⁽⁴⁾*

⁽¹⁾ Sống giữa thiên nhiên, hòa quyện cùng đất trời, ra khỏi sự cuốn hút của thế tục nên có được niềm vui thường tồn, biết đủ và an ổn trong cảnh đạm bạc thanh nhàn. Sống được như thế thì người gỗ cũng hát lên được khúc ca bình an vô sự.

⁽²⁾ Vui cảnh thiên nhiên tạo hóa sẵn dành cho mà thương kẻ xuôi ngược bon chen nơi thế tục, nhưng dù vậy cũng không bằng ngậm miệng sống yên vị trong chỗ thị phi ấy nói ra lại có ích gì?

⁽³⁾ Cuộc sống ẩn cư trên núi cao không cần phải bày ra chỗ khéo léo cho người biết, nên thường nuôi dưỡng cái "tài vụng" của chính mình. Việc đời vinh, nhục, được, thua đều sẵn bày trước mắt, chỉ tại người đời không chịu thấy đó thôi, như lẽ thường xưa nay, đến biển cả lâu ngày còn hóa thành ruộng dâu xanh tốt!

⁽⁴⁾ Nhờ thu mình sống nơi vắng vẻ mà được sự thanh thản không trói buộc. Giữ thân tâm vắng lặng, chưa nói đến việc được an ổn, chỉ cần không mắc phải bao nhiêu tai họa của cuộc thị phi, cũng đã đủ để cuộc sống này có ý nghĩa hơn nhiều rồi.

20.

*Núi cao, chẳng lấy gì sinh nhai,
Cơm nhạt, muối dưa tạm qua ngày.
Phú quý công danh không màng đến,
Được lúc khoan thai cứ khoan thai.⁽¹⁾*

21.

*Núi cao, ăn củ với rau hoài,
Người nhàn thoát vật tháng năm dài.
Ngày qua cứ sửa dần lỗi cũ,
Lo trước làm chi việc sáng mai?⁽²⁾*

22.

*Núi cao, đâu cũng tự thích nghi,
Tròn, vuông đều được chẳng ngại chi.
Chỉ còn hai việc không sao dứt:
Lúc đói phải ăn, mệt ngủ khi.⁽³⁾*

23.

*Núi cao, chẳng có việc chi bàn,
Mặt trời chưa khuất, cửa khép ngang.
Phú quý thua người muôn vạn điểm,
Hơn được vài phân cái sự nhàn!⁽⁴⁾*

24.

*Núi cao, lều cỏ vài ba gian,
Vui đạo quên tình, cửa mở toang.*

⁽¹⁾ Lục tổ dạy: "Xưa nay không một vật, chỗ nào bám bụi trần." Có thể nói như vậy là được chỗ khoan thai không lo nghĩ.

⁽²⁾ Chỉ cần mỗi ngày đều xét mình để tự sửa lỗi. Được vậy thì việc sáng ngày mai đâu cần lo liệu trước?

⁽³⁾ Gặp việc tiếp cảnh thấy đều an nhiên vô ngại, vì sao còn có hai việc không thể dứt?

⁽⁴⁾ Phú quý chẳng hơn được người khác, nhưng cũng hơn được đôi chút thanh nhàn. Bình tâm xét kỹ, còn có gì hơn được sự thanh nhàn ấy chăng?

Quạ kêu, chim hót, lời Bát-nhã,
Trăng trong gió mát bạn tặng nhàn.⁽¹⁾

25.

Núi cao, mỗi Phật một lò hương,
Đất trời yên tịnh thánng ngày nương.
Đói ăn, khát uống, không việc khác,
Lạnh sưởi, nóng chờ gió bốn phương.⁽²⁾

26.

Núi cao, rảnh rỗi tùy ngâm nga,
Cơm xong, muốn tỉnh nhấp ngụm trà.
Cõi thế vàng ròng đâu đủ quý,
Được sống an vui ấy mới là...⁽³⁾

27.

Núi cao, sống ẩn dứt muôn câu,
Roi mất, thêm lười việc giữ trâu.
Thả ra không buộc càng vui thú,
Ai ơi sao chẳng sớm quay đầu?⁽⁴⁾

28.

Núi cao, tâm niệm chút tro tàn,
Chống gậy xem quanh trúc, mai vàng...
Dẫu làm Phật Tổ, lười không muốn,
Khách đến gượng ngồi tiếp xuềnh xoàng.⁽⁵⁾

(1) Gió mát thổi theo dòng nước chảy, trăng sáng vô tình với mây bay.

(2) Quả thật như thế cũng đã là nhiều việc lắm, đâu chỉ là hai việc?

(3) Thế sự chẳng bận lòng thì ngâm nga những câu gì? Cuộc sống an vui đó đáng giá bao nhiêu?

(4) Giữ trâu giữa núi, cỏ và nước đều sẵn có, sao gọi chẳng quay đầu?

(5) Sao phải gượng ngồi mà tiếp nhau? Nếu ta thật chẳng mua, người làm sao bán được?

29.

Núi cao, đời sống vượt lẽ thường,
Thân tâm chớ để việc ngoài vương.
Ngày trước Triệu Châu lười đối đáp,
Vua đến còn không xuống khỏi giường.⁽¹⁾

30.

Núi cao, ẩn kín, cửa khép ngang,
Mừng được ngày qua chẳng rộn ràng.
Gió thoảng rừng thông, lời diệu pháp,
Mấy ai được hưởng tiệc vua ban?⁽²⁾

31.

Núi cao, về ẩn vui tánh trời,
Vắng lặng chân như kế hợp rồi.
Đạo lớn xưa nay không chỗ nhiễm,
Chỉ đừng vọng niệm, sáng tâm thôi.⁽³⁾

32.

Núi cao, ngồi lặng thật tu thiền,
Học đạo gì hơn dứt niệm triền.
Ngọc quý trong áo⁽⁴⁾ chưa từng mất,
Cớ sao mãi khó nhọc đi tìm?⁽⁵⁾

(1) Đó chẳng phải lười nhác, mà thật ra là chẳng có lời nào để đối đáp, cũng chẳng có giường nào để bước xuống!

(2) A-di-đà Phật! Thỉnh quý thầy dùng bữa, rồi thỉnh quý thầy lên giảng đường thuyết pháp!

(3) Việc tu chứng thật chẳng phải không, nhiễm ô thật không thể được. Chính cái “không thể được” đó là chỗ chu Phật xưa nay đều hộ niệm.

(4) Ngọc quý trong áo: lấy ý từ câu chuyện người có viên ngọc quý giấu trong ché áo mà quên mất, phải lang thang đi tìm mãi.

(5) Ngọc quý giấu trong ché áo là hình tượng được nêu ra trong kinh Pháp Hoa để ví với chân tâm xưa nay chưa từng mất. Nhưng thử hỏi, ngọc sáng ấy nay đang ở chỗ nào?

33.

Núi cao, sống lặng dưỡng chân tâm,
 Kẻ mê tìm kiếm, mãi sai lầm.
 Mới biết người xưa lời chẳng dối,
 Đàn không dây, mấy kẻ tri âm?⁽¹⁾

34.

Núi cao, quay về tự suy ngẫm,
 Sắt cây sao đổi được vàng trầm?
 Biển có lúc khô còn thấy đáy,
 Người đời đến chết chẳng biết tâm.⁽²⁾

35.

Núi cao, ngồi mãi tựa ngu si,
 Mà tâm sáng rõ, chẳng sót chi.
 Gió giật rừng thông, tai rộn tiếng,
 Mặc kệ, thơ còn, ngâm tiếp đi.⁽³⁾

36.

Núi cao, ngẫu hứng mấy vần thơ,
 Người nếu mê thơ, ấy đại khờ.
 Luân hồi sinh tử còn chưa dứt,
 Đừng ôm tri kiến đối tâm cơ.⁽⁴⁾

37.

Núi cao, đường hiểm ít người lên,
 Giường tre yên tĩnh lặng ngồi quên.

⁽¹⁾ Người không nói thì ta không nghe. Không nói, không nghe, đó mới thật là Bát-nhã.

⁽²⁾ Thấy tăng ở núi suy ngẫm chuyện gì? Ấy thật là: trăm ngàn muôn ức kiếp khó gặp.

⁽³⁾ Gặp người chơi kiếm cho xem kiếm; không gặp bạn thơ chớ bàn thơ.

⁽⁴⁾ Đêm vắng chớ để thơ tuyệt cú, e rằng sao sáng lạc sông băng.

Phận hèn vắng vẻ không bè bạn,
 Tự biết lòng ta đã nhẹ tênh.⁽¹⁾

38.

Núi cao, nếp sống thường nhạt nhẽo,
 Thân nghèo nhưng thật đạo chẳng nghèo.
 Hạt châu như ý mấy ai biết,
 Thương thay đổi mặt cách núi đèo!⁽²⁾

39.

Núi cao, vắng lặng thích hợp thay,
 Khéo giữ tâm lành qua tháng ngày.
 Trăng chiếu rừng thông, sáng ý Tổ,
 Hỏi ra trong đó mấy ai hay?⁽³⁾

40.

Núi cao, phong cảnh vốn tự nhiên,
 Đạo lớn bày ra trước mắt liền.
 Chẳng rõ ý sâu màu của Tổ,
 Uống công niệm Phật với tham thiền.⁽⁴⁾

41.

Núi cao, trùm khắp cả hư không,
 Muôn hình vạn tượng thấy vào trong.

⁽¹⁾ Đường hiểm giữ chặt, thành phàm đều không qua lại. Như người uống nước, nóng lạnh chỉ tự mình biết lấy.

⁽²⁾ Ngày trước Tào Tháo chạy qua đường Hoa Dung, từng gặp Quan Công nơi ngô hẹp.

⁽³⁾ Trong núi vắng vẻ không người biết, chỉ có người ở núi biết được tâm tình ấy thôi.

⁽⁴⁾ Không rõ biết yếu chỉ sâu xa mẫu nhiệm, uống công giữ niệm thanh tịnh. Thấy đạo quên núi mới có chỗ lợi ích rộng khắp.

*Xoay quanh bốn phía đều Phật sự,
Không hết, không dùng gậy nhọn công.⁽¹⁾*

42.

*Núi cao, ngòi lặng rõ tánh không,
Một pháp suốt thông, vạn pháp thông.
Nào chỉ riêng mình ta thấu biết,
Hằng sa chư Phật thể chung đồng.⁽²⁾*

43.

*Núi cao, tùy phận ấy tu hành,
Không lo, không nghĩ, đời qua nhanh.
Chân không vốn có, nào ngộ được,
Thánh nhân cũng chỉ gượng giả danh.⁽³⁾*

44.

*Núi cao, thường khảy đàn không dây,
Một khúc vô sinh, lòng vui thay!
Quay lại lắng nghe, nghe tự tánh,
Nhà nào chẳng có Quán Âm bày!⁽⁴⁾*

45.

*Núi cao, ngòi giữa chót vót cao,
Bốn phía cửa song đều thông nhau.
Mây trôi qua lại, ngăn chẳng được,*

(1) Chuyển thức thành trí, nơi chỗ chuyển ấy cũng chẳng lưu tâm thì dù rộng ràng trăm việc vẫn ở trong đại định.

(2) Di-lặc, quả thật là Di-lặc! Hóa thân trăm ngàn vị, thường hiện ra trước người đời mà không ai tự biết.

(3) Ngày trước ngài Bách Trượng chỉ vào cái bình mà nói: "Gọi tên là dụng chạp, không gọi thì trái ngược." Quy Sơn liền hát ngả cái bình, Bách Trượng nhận cho là được.

(4) Tìm tâm, tâm nhóm về một mối; quay về một mối cố tìm tâm. Biết đâu là chỗ tìm cầu nữa, lại niệm Nam-mô Quán Thế Âm.

Cưỡi mây trời rộng rõ tầng cao.⁽¹⁾

46.

*Núi cao, vắng lặng nằm cũng thiền,
Lời kinh Bát-nhã tụng triền miên.
Mới biết chúng sinh vốn là Phật,
Nước nóng, băng lạnh thể tương liên.⁽²⁾*

47.

*Núi cao, xa tít vắng bụi trần,
Chẳng đợi tu trì, thấy nguồn chân.
Xưa nay tánh Phật chưa từng mất,
Người trước, người nay chẳng khác phần.⁽³⁾*

48.

*Núi cao, bốn hướng mặc đi về,
Đạo lớn chưa từng có ngộ, mê.
Thịt da lành lặn khó cắt xẻo,
Bình bát thêm quai rõ thật mê.⁽⁴⁾*

49.

*Núi cao, nằm đó giữ sạch trong,
Ăn uống tùy duyên đủ vui lòng.
Nào phải cố công trừ vọng niệm,
Vọng niệm, chân như, một thể đồng.⁽⁵⁾*

(1) Trên đỉnh cao chót vót có một con trùng lớn chễm chệ ngồi trên, bao nhiêu người đến đó đều táng thân mất mạng.

(2) Dám hỏi lão tăng: Thế nào là kinh Bát-nhã? Đáp rằng: Sắc tức là không. Lại hỏi: Thọ tri như thế nào? Đáp: Không chẳng khác sắc.

(3) Chỉ đối chỗ đã làm ngày trước, không đối người đã làm khi xưa.

(4) Người tốt thật khó làm, việc tốt chẳng bằng không có.

(5) Đêm khuya người vắng, chợt có tiếng la báo trộm; thấp đèn đuốc lên tìm, hóa ra là người trong nhà.

50.

Núi cao, tuy ở giữa am tranh,
Đường lớn đưa tay chỉ đến nhanh.
Chớ dưng quán trọ, quên nhà cũ,
Càng thêm tinh tấn, đạo mau thành.⁽¹⁾

51.

Núi cao, ẩn giữa mây muôn trùng,
Kẻ mê nào thấy được hành tung.
Hướng ngoài tìm đạo, đạo xa tít,
Vạch thuyền nhớ kiếm⁽²⁾ chỉ uống công.⁽³⁾

52.

Núi cao, hầm hố giữa đất bình,
Nên người phải đủ mắt sáng tinh.
Dẹp rộng, bắt hổ đều chuyện nhỏ,
Pháp thân chẳng động, chứng vô sinh.⁽⁴⁾

53.

Núi cao, chót vót trời một phương,
Bốn bề trơ trọi lạnh buốt xương.
Nói ra người khác không tin được,
Khư khư riêng được chỗ không lường.⁽⁵⁾

(1) Chưa rời mặt biển, núi đôi u ám; đến giữa trời cao, nước non đều sáng rõ.

(2) Vạch thuyền nhớ kiếm: chỉ việc làm vô lý, vì thế dẫn đến sự vô ích, dựa theo điển tích: Xưa có người đi thuyền làm rơi thanh kiếm báu xuống sông, liền vạch nơi mạn thuyền để làm dấu ghi nhớ chỗ rơi kiếm, hy vọng sau này dựa vào đó để lặn xuống tìm thanh kiếm ấy.

(3) Tìm kiếm khắp đông tây đều không thấy, bất chợt có sao lại gặp nhau?

(4) Thấy đạo quên núi, núi có chủ; thấy núi quên đạo, đạo không người.

(5) Bốn núi vút cao lớp lớp dày, ngộ ra bản thể đều là không.

54.

Núi cao, vắng vẻ một am tranh,
Một lòng bình thản lặng ngắm cảnh.
Đói dùng cơm Kim Ngưu⁽¹⁾ không gạo,
Khát uống trà Triệu Châu⁽²⁾ mát lành.⁽³⁾

55.

Núi cao, học đạo quyết phải xong,
Trải bao khó nhọc chẳng nao lòng.
Ngồi đến canh năm, trời sắp sáng,
Sương rơi thấm đẫm áo nâu sòng.⁽⁴⁾

56.

Núi cao, chỉ ẩn tạm đôi khi,
Sống chết nào đâu có định kỳ.
Việc lớn đời người cần rõ biết,
Phải mau chuẩn bị giờ ra đi.⁽⁵⁾

57.

Núi cao, am cỏ đá chênh vênh,
Mừng được thoát thân khỏi thị thành.
Biết đủ, đây là cõi An Lạc,
Chẳng nên quá phận không tự trách.⁽⁶⁾

(1) Cơm Kim Ngưu: Hòa thượng Kim Ngưu thường tự làm cơm để cúng dường chúng tăng.

(2) Trà Triệu Châu: Hòa thượng Triệu Châu mỗi khi có học nhân đến tham vấn thường bảo: “Uống trà đi!”

(3) Tánh lặng chẳng phiền vị trà nhạt, tâm sạch tự biết mùi cơm thơm.

(4) Sinh ra ngồi chẳng nằm, lúc chết nằm chẳng ngồi; cũng là nắm xương hôi, làm sao được công quả?

(5) Trời tạnh phải mau mau bước tới, chớ đợi khi mưa phải ướt đầu.

(6) Người biết đủ, nghèo mà giàu; kẻ không biết, giàu mà nghèo.

58.

Núi cao, giữ hạnh khổ đầu đà,
 Quên ăn bỏ ngủ tự giới mài.
 Rõ biết tâm này là Tịnh độ,
 Mới hay Cực Lạc tại Ta-bà.⁽¹⁾

59.

Núi cao, cảnh đẹp khác cõi thường,
 Bày rõ với người khắp bốn phương.
 Nước chảy, chim kêu, cây nói pháp,
 Đất bằng, đồi núi thấy Tây phương.⁽²⁾

60.

Núi cao, một gối tròn ngồi tịnh,
 Ngày đêm gắng sức tự xét mình.
 Biết chỗ tánh chân thường tồn tại,
 Đầu lưỡi còn ai đối được mình?⁽³⁾

61.

Núi cao, khách hỏi sự dụng công,
 Vắng, soi đều mất, một chữ không.
 Chớ lạ, lão tăng không pháp thuyết,
 Xưa nay lưỡi nhác, chẳng ra công.⁽⁴⁾

62.

Núi cao, am trống một giường thiền,
 Trong định quên tâm, pháp cũng quên.
 Lâm Tế vung gậy, Đức Sơn hét,

(1) Thân tuy chưa đến giữa ao sen, trước hãy hướng tâm về Cực Lạc.

(2) Tiếng suối nghe ra lời chân thật, sắc núi đều là thân sạch trong.

(3) Ngồi trên bồ đoàn nhường mây nhường mắt, quay lại nhìn hấn, mà hấn là ai vậy?

(4) Chớ bảo vô tâm thật là đạo, vô tâm còn cách mấy quan san.

Lão tăng chẳng động thấu cơ thiền.⁽¹⁾

63.

Núi cao, chẳng trói buộc, ẩn thân,
 Người đời mấy kẻ biết được tâm?
 Chỉ trừ con nói dòng chính thống,
 Thế gian đều giả, chớ nên nhầm.⁽²⁾

64.

Núi cao, bụi bấn chẳng nhiễm vào,
 Tự tại, ung dung vui đạo mầu.
 Việc ấy người người đều học được,
 Chẳng xưa, cũng chẳng phải nay đâu!⁽³⁾

65.

Núi cao, thấu lý, vui xên xang,
 Tướng hảo, danh hư chẳng buộc ràng.
 Tam giáo xưa nay cùng một thể,
 Chẳng tăng, chẳng đạo, chẳng nho quan.⁽⁴⁾

66.

Núi cao, đất vắng, thương người tối,
 Hồng hồng, tí tí, đở thêm rồi.
 Nên biết nguyên sơ một lẽ này:
 Cốc thần, thái cực, chân như đối.⁽⁵⁾

(1) Bốn đại vốn là không, chẳng phải ngã, ngã sở; lão tăng đặt giường thiền ở nơi đâu?

(2) Chẳng sợ gió tây, bày hình thể; ngại chi sao bắc phải ẩn thân?

(3) Quên tâm, nhìn lại lửa rực sáng; vui đạo, ruột kêu như dây đàn chín khúc.

(4) Một tăng, một đạo, một nho gia; bàn luận cùng nhau mấy năm rồi?

(5) Đây đủ cái tâm ấy, đồng một cái lý ấy, nên quyết mang đạo này dạy cho dân chúng.

67.

Núi cao, ủa chỗ vắng sống nhàn,
 Quên lo, được tự tại, thanh thản.
 Vắng vẻ lặng yên niệm tình dứt,
 Đêm ngày say ngủ, muôn duyên dừng.⁽¹⁾

68.

Núi cao, không tịch, học pháp không,
 Nhân duyên quá khứ chớ bận lòng.
 Hiện tại còn không nên bám víu,
 Tương lai sao phải bận trông mong?⁽²⁾

69.

Núi cao, ngồi lặng dưỡng lòng vui,
 Hạt châu dưới trán giữ chắc thôi.
 Mở miệng nói ra người chẳng hiểu,
 Gật đầu chỉ nhận tự biết rồi!⁽³⁾

70.

Núi cao, vui thú tự mình hay,
 Bốn bề chân thật tự tại thay!
 Trong lòng nếu được không ngăn ngại,
 Ngâm thơ, thuyết kệ cũng là hay.⁽⁴⁾

71.

Núi cao, chót vót sườn núi cao,
 Ngắm trăng cười gió thỏa xiết bao!

(1) Núi cao nước chảy bao điều thích; tự có tri âm cười hả hê.

(2) Hoa sen bày lá báo người biết, ra khỏi nước đầu còn như lúc chưa ra?

(3) Có mắt không nhìn thấy, nơi tai cũng chẳng nghe, có miệng khó nói ra, rõ biết tâm rồi không cần phân biện.

(4) Không không, sắc sắc vốn đồng nhau, sinh tử làm sao nhấn chìm một bên?

Thương xót người đời không ai biết,
 Lấp vùi chân tánh mãi thế sao!⁽¹⁾

72.

Núi cao, không việc, cửa khép ngăn,
 Ngồi lặng, tâm cùng, dứt kiến văn.
 Rèm buông trăng chiếu, từng, mai sáng,
 Riêng đây trời đất khác nhân gian.⁽²⁾

73.

Núi cao, hun hút đường xa xôi,
 Đạo vốn vô hình, vắng lặng thôi.
 Ngày thường quét đất trong gió mát,
 Đêm về trăng sáng, ngọn từng trôi.⁽³⁾

74.

Núi cao, riêng đứng vút tầng xa,
 Một vai gánh cả gió, trăng ngà.
 Hỏi xem ý Tổ từ tây đến,
 Trước ba ba sau lại ba ba.⁽⁴⁾

75.

Núi cao, cửa mở thường canh giữ,
 Đạo lớn tùy cơ, khách đến thử.
 Nếu được lão tăng tự nghiệm xét,
 Ai ai cũng đáng bậc hán tử.⁽⁵⁾

(1) Muôn dặm nước dài trôi về biển, một vắng trăng rụng giữa trời xanh.

(2) Hoa nơi cửa động sao còn mãi; nước chảy đường xuôi chẳng trở về.

(3) Có một vật trước cả trời đất, vốn vô hình, vắng lặng; thường chi phối muôn hiện tượng, không theo bốn mùa mà tàn đi.

(4) Rõ biết một là nhiều, ít ai quên đi một; mê ba cho là nhiều, hiếm người biết được ba.

(5) Giữ ải phải dùng quan tinh nghiêm, không phân biệt rõ chẳng cho qua.

76.

Núi cao, muốn đến tìm tánh chân,
Trước học vỡ lòng, kính người trên,
Đến cửa tử sinh rõ phép tắc,
Mười phương thế giới hiện toàn thân.⁽¹⁾

77.

Núi cao, ẩn kín, mây cuộn lên,
Gió thổi rùng rờ, sấm pháp rền.
Người mê cõi thế đều kinh động,
Mau mau tỉnh thức chớ chần chừ.⁽²⁾

78.

Núi cao, gần trời, ngày đến trước,
Cơ duyên trực nhận, nhìn rõ bước.
Yếu chỉ nhất thừa tròn sáng rõ,
Thiên thai đâu phải nhọc công tìm.⁽³⁾

79.

Núi cao, bốn bề ánh mây xa,
Lò đá xông hương, tụng Pháp Hoa.
Ba cõi không yên, như nhà cháy,
Xe trâu trắng đẹp, ngòi thoát ra.⁽⁴⁾

80.

Núi cao, tiếng cuốc vọng khuya nghe,
Thác bạc đầu non dội nước khe.

Chưa đến sợ núi cao hiểm trở,
Tìm qua mới biết đường thấp cao.

81.

Núi cao, thôi chẳng tự dối lòng,
Mới biết tầm cao, nhìn suốt thông.
Buông ra trời rộng không ngăn ngại,
Thâu về chỉ ở một mảy lông.

82.

Núi cao, bề bạn chẳng tầm thường,
Gương sáng thường soi xét mọi đường.
Đẹp, xấu, dối lừa đều soi thấu,
Xưa nay gương sáng thường vô tư.

83.

Núi cao, chót vót lạnh kinh hồn,
Kiếm báu vung cao, ai nhìn lên?
Ngoại đạo tà ma đều nát óc,
Lão tăng thiên định lòng nhẹ tên.

84.

Núi cao, riêng một nếp gia phong,
Thú vị nhân gian, thật chẳng đồng.
Ngựa gỗ hí vang ngoài trời rộng,
Không còn tin tức, dứt hành tung.

85.

Núi cao, đường hiểm khó tin truyền,
Kẻ mù sao đạt tông uyên nguyên?
Chỉ thuận cho người bày mảnh khoe,
Biết nhau chẳng ở lời huyền thuyên.

⁽¹⁾ Nói thì trẻ thơ cũng nói được; làm thì đến già làm chẳng xong.

⁽²⁾ Vũ môn chợt thấy ba tầng sóng, đất bằng bỗng nghe sấm nổ vang.

⁽³⁾ Khe sáng vắng trắng núi tây rưng, ấy lúc mộng tàn giữa dâm tiên.

⁽⁴⁾ Cùng tử tự mê theo hươu nai, chẳng biết đang ngồi xe trâu trắng.

86. Núi cao, khách đến hỏi thiền tông,
Mới biết từ xưa nhâm dụng công.
Mở miệng biết ngay từ đâu đến,
Thường thay chẳng rõ biết lẽ không.
87. Núi cao, thấu rõ một lẽ không,
Chẳng cần phân biệt nam, bắc tông.
Hạt châu như ý cầm tay chiếu,
Sáng khắp muôn nơi, chốn chốn thông.
88. Núi cao, học đạo chưa là khó,
Tâm bình giữ đạo mới cam go.
Đầu sào trăm thước còn tiến bước,
Vung chùy đập cửa Tổ ra tro.
89. Núi cao, nghĩ lại về đi thôi,
Rõ biết xưa nay toàn hư dối.
Chớ gõ cửa người xin cơm nũa,
Nhà ta, trong áo có minh châu.
90. Núi cao, đạm bạc chẳng xa hoa,
Khách đến, nước cỏ hao thay trà.
Đạt đạo, đầu lưỡi biết vị ngon,
Toàn thân thanh thoát, sớm về nhà.
91. Núi cao, khuất giữa tầng mây trắng,
Đạo nằm trong ấy, lòng yên lắng.

- Công án hiện bày, người chẳng biết,
Chỉ nương cành lá gượng níu phăng.
92. Núi cao, lá rụng gió cuốn bay,
Một nắm tay không, không chưa bày.
Phật Tổ chỉ dạy người trong cuộc,
Gặp người lười nhác miệng thầy lay.
93. Núi cao, lá rụng về cội nguồn,
Bày rõ pháp thân, lộ chân thường.
Chẳng rõ việc này, thêm phí sức,
Trăm thành mây nước phủ mênh mông.
94. Núi cao, người tu không tài cán,
Một đạo tối thượng, muôn pháp sáng,
Chớp mắt, nhượng mảy đều ý Tổ,
Nắm chày, dựng chổi thấy tình chân.
95. Núi cao, am nhỏ mái tranh che,
Thanh đạm, dứt việc đời chẳng nghe.
Một cụm mây trôi, che cửa động,
Ngơ ngẩn tìm đâu tổ chim về!
96. Núi cao, sống mãi hồn không chán,
Gom cây, phát cỏ, vừa nửa gian.
Chỉ một lão tăng còn chật hẹp,
Làm sao đón khách tục ghé sang?

97.

Núi cao, thấy đạo quên núi sông,
 Muôn pháp xưa nay tự rỗng thông.
 Nam bắc đông tây, chẳng phân biệt,
 Thân này thường lặng giữa hư không.

98.

Núi cao, bốn hướng núi xanh rì,
 Chập chùng, hiểm trở đường khó đi.
 Đi đến nơi nước dừng, núi tận,
 Tự nhiên được báu vật mang về.

99.

Núi cao, vẫn cảnh khổ Ta-bà,
 Trăm năm thoáng chốc đã vèo qua.
 Chờ dứt thân này sinh Cực Lạc,
 Đường trước không còn hiểm trở xa.

100.

Núi cao, riêng sống vui tánh linh,
 Gió mát trăng thanh nói pháp lành.
 Mang cả tạng kinh ra nói hết,
 Chẳng biết ai là người trong kinh?

Kệ ẩn cư của ngài Tông Bản

Núi cao, vắng lặng rõ tánh không,
 Khuyên người niệm Phật cố gắng công.
 Bảo châu thiên ý tự rõ biết,
 Quan san cách trở đạo vẫn đồng.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
歸元直指序	6
Quy nguyên trực chỉ tự.....	7
Lời tựa sách Quy nguyên trực chỉ.....	8

QUYỂN THƯỢNG

念佛正信往生文	10
Niệm Phật chánh tín vãng sanh văn.....	11
1. Chánh tín niệm Phật sẽ được vãng sanh.....	16
尊崇三寶教法篇	22
Tôn sùng Tam bảo giáo pháp thiên	23
2. Tôn sùng Tam bảo và giáo pháp	36
孝養父母報恩文	48
Hiếu dưỡng phụ mẫu báo ân văn.....	49
3. Hiếu dưỡng và báo ơn cha mẹ.....	52
行腳求師開示字	58
Hành cước cầu sư khai thị tự.....	59
4. Trên đường cầu thầy học đạo.....	82
開示叅禪龜鏡文	100
Khai thị tham thiền quy kính văn	101
5. Bài văn qui kính chỉ rõ phép tham thiền	114

禪宗淨土難易說.....	122
Thiền tông Tịnh độ nan dị thuyết.....	123
6. Chỗ khó dễ của phép tu thiền và Tịnh độ	132
辯明邪正決疑文.....	138
Biện minh tà chánh quyết nghi văn	139
7. Phân biệt lẽ chánh tà để dứt lòng nghi	154
勸發真正大願決定往生說	164
Khuyến phát chân chánh đại nguyện	165
8. Khuyến người phát nguyện, quyết định vãng sanh	174
慈照宗主示念佛人發願偈	180
Từ chiếu Tông Chủ phát nguyện kệ.....	181
9. Bài kệ dạy người niệm Phật, phát nguyện	196
天台智者大師勸人專修淨土	202
Trí Giả Đại sư khuyến nhân chuyên tu Tịnh độ	203
10. Đại sư Trí Giả khuyến người chuyên tu tịnh độ	208
永明壽禪師戒無證悟人勿輕淨土	210
Vĩnh Minh Thọ Thiền sư giới vật khinh Tịnh độ.....	211
11. Thiền sư Vĩnh Minh Thọ răn người đừng khinh Tịnh độ ...	216
長蘆蹟禪師勸叅禪人兼修淨土	220
Trương Lô Trạch Thiền sư khuyến kiêm tu Tịnh độ.....	221
12. Thiền sư Trương Lô Trạch khuyến tu Tịnh độ	230
龍舒王居士勸人徑修淨土文	234
Long Thư Vương cư sĩ khuyến nhân kính tu Tịnh độ.....	235
13. Long Thư Vương cư sĩ khuyến người tu Tịnh độ	244

丞相鄭清之勸修淨土聞	248
Thừa tướng Trịnh Thanh Chi khuyến tu Tịnh độ văn	249
14. Thừa tướng Trịnh Thanh Chi khuyên tu Tịnh độ	252
辯明六祖大師西方淨土說	254
Biện minh Lục Tổ Đại sư Tây phương Tịnh độ thuyết	255
15. Biện minh thuyết Tịnh độ của Lục tổ đại sư	260
諸祖指歸淨土文.....	262
Chư Tổ chỉ quy Tịnh độ văn	263
16. Các vị Tổ sư hướng về Tịnh độ	284
諸經指歸淨土文	296
Chư kinh chỉ quy Tịnh độ văn.....	297
17. Các kinh hướng về Tịnh độ	312
阿彌陀佛因地事理說	322
A-di-đà Phật nhân địa sự lý thuyết	323
18. Luận về nguyên nhân, sự, lý của việc niệm Phật	334
龍舒居士口業勸戒文	340
Long Thư Cư sĩ khẩu nghiệp khuyến giới văn.....	341
19. Bài văn khuyến giữ gìn khẩu nghiệp.....	342

PHỤ LỤC

西方百詠	346
Tây phương bách vịnh.....	347
Trăm bài thơ vịnh Tây phương	396

QUYỂN TRUNG

辯明三教大理贊翊治化論	424
Biện minh Tam giáo đại lý, tán dục trị hóa luận	425
1. Tam giáo hướng đến giáo hóa cuộc sống tốt đẹp	436
毒峰善禪師三教一理述	444
Độc Phong Thiện Thiên sư: Tam giáo nhất lý thuật	445
2. Độc Phong Thiện Thiên sư: Tam giáo đồng một lý	456
姚少師佛法不可滅論	464
Diêu Thiếu sư: Phật pháp bất khả diệt luận	465
3. Diêu thiếu sư: Phật pháp không thể diệt mất	470
靜齋劉學士三教平心論	472
Tĩnh Trai Lưu học sĩ: Tam giáo bình tâm luận	473
4. Luận về Tam giáo một cách công bằng	490
北齊黃門侍郎歸心辯惑篇	502
Bắc Tê Huỳnh môn Thị lang: Quy tâm biện hoặc thiên....	503
5. Luận trừ những chỗ sai lầm.....	520
三教真如本性說.....	530
Tam giáo chân như bản tánh thuyết.....	531
6. Tam giáo dạy về chân như bản tánh	536
東坡學士飲食說.....	538
Đông pha học sĩ ẩm thực thuyết	539
7. Đông Pha Học sĩ thuyết về việc ăn uống.....	542
優曇祖師戒殺文	544

Ưu đàm Tổ sư giới sát văn	545
8. Bài văn giới sát của Tổ sư Ưu Đàm.....	548
佛印禪師戒殺文	550
Phật Ấn Thiên sư giới sát văn	551
9. Văn giới sát của Thiên sư Phật Ấn.....	552
真歇禪師戒殺文	554
Chân Yết Thiên sư giới sát văn	555
10. Văn giới sát của Thiên sư Chân Yết	558
普菴祖師戒殺文	558
Phổ Am Tổ sư giới sát văn	559
11. Văn giới sát của Tổ sư Phổ Am.....	562
天地神明戒殺文	564
Thiên địa thần minh giới sát văn	565
12. Răn việc sát sanh để cúng tế trời đất.....	570
事親大孝戒殺文	572
Sự thân đại hiếu giới sát văn	573
13. Con hiếu thờ cha mẹ không sát sanh.....	578
待客解嘲戒殺文	580
Đãi khách giải trào giới sát văn	581
14. Răn việc giết thịt đãi khách.....	584
分產解冤戒殺文	586
Phân sản giải oan giới sát văn.....	587
15. Răn việc giết hại để sanh nở được an ổn.....	590

慶生報本戒殺文	592
Khánh sanh báo bốn giới sát vắn	593
16. Răn sát sanh trong việc mừng sanh nhật	596
許願保安戒殺文	598
Hứa nguyện bảo an giới sát vắn.....	599
17. Răn việc sát sanh để cầu được thỏa nguyện	604
救患諂祭戒殺文	608
Cứu hoạn siểm tế giới sát vắn.....	609
18. Răn việc sát sanh cầu quỷ thần cứu nạn	612
利益亡人戒殺文	614
Lợi ích vong nhân giới sát vắn.....	615
19. Răn việc giết hại vì người chết.....	618
預修超薦戒殺文	622
Dự tu siêu tiến giới sát vắn	623
20. Răn việc giết hại trước khi cầu siêu, trai giới.....	628
慈心不殺放生文	632
Từ tâm bắt sát phóng sanh vắn	633
21. Lòng từ bi không giết hại, thường phóng sanh	636
普勸戒殺決疑文	640
Phổ khuyến giới sát quyết nghi vắn	641
22. Rộng khuyên tất cả mọi người đừng giết hại	644
身為苦本, 覺悟早修	648
Thân vi khổ bản, giác ngộ tảo tu	649
23. Thân là cội khổ, giác ngộ sớm tu	658

永明壽禪師警世文	664
Vĩnh Minh Thọ thiên sư cảnh thế vắn	665
24. Văn cảnh tỉnh của Thiên sư Vĩnh Minh Thọ	668
圓修淨土決疑論	672
Viên tu Tịnh độ, quyết nghi luận	673
25. Dứt sạch lòng nghi, tu theo Tịnh độ	710
三大聖人決疑文	734
Tam đại Thánh nhân quyết nghi vắn	735
26. Ba vị Đại Thánh dứt lòng nghi cho người	742
萬宗禪師直指篇	748
Vạn Tông thiên sư trực chỉ thiên	749
27. Thiên sư Vạn Tông chỉ thẳng đường tu	754
龍華三會畧要說	760
Long Hoa tam hội lược yếu thuyết	761
28. Lược nói về ba hội Long Hoa	770
宗鏡要語	778
Tông kính yếu ngữ	779
29. Những lời cốt yếu trong sách Tông kính	784
禮佛發願文	788
Lễ Phật phát nguyện vắn	789
30. Bài văn lễ Phật và phát nguyện	802
淨土成佛	808
Tịnh độ thành Phật	809
31. Tu Tịnh độ thành Phật	810

QUYỂN HẠ

辯明異端	814
Biện minh dị đoan.....	815
1. Biện minh lễ dị đoan	820
辯明楊墨	824
Biện minh Dương, Mặc	825
2. Biện minh về học thuyết Dương, Mặc	828
辯明虛無寂滅	832
Biện minh hư vô tịch diệt.....	833
3. Biện minh ý nghĩa hư vô tịch diệt	838
辯明鬼神情狀	842
Biện minh quỷ thần tình trạng.....	843
4. Biện minh về quỷ thần	848
辯明天誅雷擊	854
Biện minh thiên tru lôi kích.....	855
5. Biện minh việc trời đánh	860
君臣名儒學佛	864
Quân thần danh nho học Phật	865
6. Các vị vua quan và danh nho học Phật.....	870
儒宗參究禪宗	878
Nho tông tham cứu Thiền tông	879
7. Các nhà Nho học Phật	898
學佛謗佛	912

Học phật báng Phật.....	913
8. Học Phật bài bác Phật.....	922
從人謗佛, 附己見謗佛	932
Tùng nhân báng Phật, phụ kỷ kiến báng Phật.....	933
9. Nghe theo người khác bài bác Phật.....	934
破不信因果	936
Phá bất tín nhân quả	937
10. Phá trừ ý kiến không tin nhân quả	948
破不信地獄	956
Phá bất tín địa ngục.....	957
11. Phá trừ ý kiến không tin địa ngục	964
地獄輪迴異類說	970
Địa ngục luân hồi dị loại thuyết.....	971
12. Nói về địa ngục, luân hồi và súc sanh	978
辯明升降托胎	984
Biện minh thăng giáng thác thai.....	985
13. Nói về việc đầu thai thác sanh luân chuyển.....	994
辯明梁武定業	1000
Biện minh Lương Võ định nghiệp.....	1001
14. Biện minh định nghiệp của Lương Võ đế	1008
辯明東西界域	1016
Biện minh đông tây giới vực	1017
15. Biện minh ranh giới các cõi đông tây.....	1020

辯明三教經典	1024
Biện minh Tam giáo kinh điển	1025
16. Biện minh kinh điển của Tam giáo.....	1028
辯明三教至道	1030
Biện minh Tam giáo chí đạo	1031
17. Biện minh chỗ chí đạo trong Tam giáo.....	1046
辯明三教優劣, 勸修淨土論	1058
Biện minh Tam giáo ưu liệt, khuyến tu Tịnh độ luận.....	1059
18. Biện minh chỗ hơn kém trong Tam giáo.....	1070
辯明三教聖人前後降生頌	1078
Biện minh Tam giáo thánh nhân tiền hậu giáng sanh ...	1079
19. Biện minh việc dẫn sanh của ba vị Thánh nhân	1080
辯明精氣神	1082
Biện minh tinh khí thần.....	1083
20. Biện minh về tinh, khí, thân	1086
離相顯性往生淨土說	1088
Ly tướng hiển tánh, vãng sanh Tịnh độ thuyết	1089
21. Lià hình tướng, rõ chân tánh, vãng sanh Tịnh độ.....	1096
身雖出家不求淨土說	1100
Thân tuy xuất gia, bất cầu Tịnh độ thuyết	1101
22. Thân tuy xuất gia, chẳng cầu Tịnh độ.....	1106
裴相國身心虛偽說	1110
Bùi Tướng quốc thân tâm hư ngụy thuyết	1111
23. Bùi Tướng quốc luận việc thân tâm là hư giả.....	1112

龍舒居士婬殺說	1114
Long Thư cư sĩ dâm sát thuyết.....	1115
24. Cư sĩ Long Thư bàn về sự dâm dục và giết hại.....	1116
理事圓頓說	1118
Lý sự viên đốn thuyết.....	1119
25. Lý và sự tức thời trọn vẹn	1124
為君子說	1128
Vi quân tử thuyết	1129
26. Làm người quân tử.....	1130
情說	1132
Tình thuyết.....	1133
27. Luận về cái tình thường	1134
小因果說	1134
Tiểu nhân quả thuyết.....	1135
28. Bàn về nhân, quả nhỏ nhặt.....	1136
二天人說	1136
Nhị thiên nhân thuyết.....	1137
29. Hai vị thiên nhân.....	1138
勸修備說	1138
Khuyến tu bị thuyết	1139
30. Bàn về sự chuẩn bị trước	1140
寄庫功德說	1140
Ký khố công đức thuyết	1141
31. Bàn về việc gửi kho công đức.....	1142

過現未來三大劫說	1142
Quá, hiện, vị lai tam đại kiếp thuyết.....	1143
32. Bàn về ba đại kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai.....	1146
尸迦羅越六方禮經	1148
Thi-ca-la-việt lục phương lễ kinh.....	1149
PHỤ BẢN 1: Thi-ca-la-việt lục phương lễ kinh	1162
PHỤ BẢN 2: Phật thuyết Thiện Sanh tử kinh.....	1167
33. Kinh Thi-ca-la-việt lễ bái sáu phương	1174
太上, 東嶽垂訓文	1182
Thái Thượng, Đông Nhạc thùy huấn văn	1183
34. Lời dạy của các vị Thái Thượng, Đông Nhạc	1184
紫虛元君戒論文	1186
Tử Hư Nguyên Quân giới luận văn.....	1187
35. Luận răn đời của Tử Hư Nguyên Quân	1188
康節先生勸善文	1188
Khang Tiết Tiên sanh khuyến thiện văn	1189
36. Văn khuyến thiện của tiên sanh Khang Tiết	1190
無際大師心藥方	1192
Vô Tế Đại sư tâm dược phương.....	1193
37. Phương thuốc trị tâm của Đại sư Vô Tế	1196
勸行忍辱撮要	1198
Khuyến hành nhẫn nhục toát yếu.....	1199
38. Bài toát yếu khuyến thực hành nhẫn nhục	1208
勸人敬惜字紙文	1212

Khuyến nhân kính tích tự chỉ văn	1213
39. Khuyến người tôn trọng giữ gìn giấy có chữ viết.....	1216
勸修西方淨土	1218
Khuyến tu Tây phương Tịnh Độ	1219
40. Khuyến tu Tây phương Tịnh độ.....	1222
普勸修持淨土	1226
Phổ khuyến tu trì Tịnh độ	1227
41. Rộng khuyến việc tu trì Tịnh độ	1230
預辦淨土資糧	1232
Dự biện Tịnh độ tư lương.....	1233
42. Chuẩn bị hành trang trên đường về Tịnh độ.....	1236
臨終正念往生	1238
Lâm chung chánh niệm vãng sanh	1239
43. Lâm chung chánh niệm được vãng sanh.....	1242
臨終三疑	1246
Lâm chung tam nghi	1247
44. Ba điều nghi lúc lâm chung.....	1248
臨終四關	1250
Lâm chung tứ quan.....	1251
45. Bốn cửa ải lúc lâm chung	1254
PHỤ LỤC	
山居百詠	1256
Sơn cư bách vịnh	1257
Trăm bài thơ vịnh đời sống nơi núi sâu.....	1306